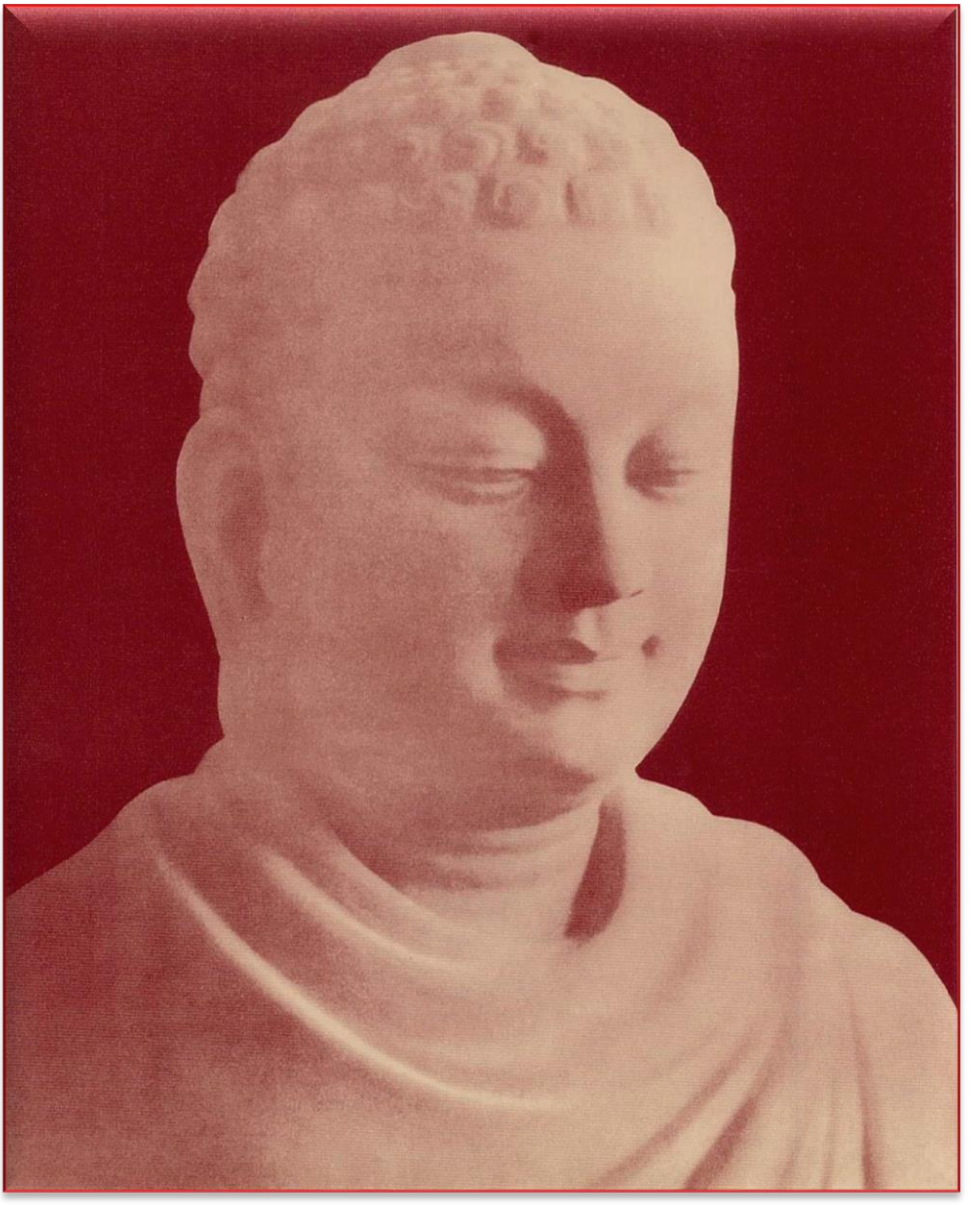

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 77

BỘ LUẬT TẠNG

VII

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 77

BỘ LUẬT
VII

SỐ 1442

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ LUẬT 7 – T077

SỐ 1442 3
CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA 3
QUYỂN 1 3
TỰA TỲ NẠI DA 3
I. BỐN PHÁP BA-LA-THỊ-CA: 7
Học Xứ Thứ Nhất: HẠNH BẤT TỊNH 7
QUYỂN 2 20
Học Xứ Thứ Nhất: HẠNH BẤT TỊNH (Tiếp Theo) 20
Học Xứ Thứ Hai: KHÔNG CHO MÀ LẤY 27
QUYỂN 3 34
Học Xứ Thứ Hai: KHÔNG CHO MÀ LẤY (Tiếp Theo) 34
QUYỂN 4 45
Học Xứ Thứ Hai: KHÔNG CHO MÀ LẤY (Tiếp Theo) 45
QUYỂN 5 57
Học Xứ Thứ Hai: KHÔNG CHO MÀ LẤY (Tiếp Theo) 57
QUYỂN 6 70
Học Xứ Thứ Ba: ĐOẠN MẠNG NGƯỜI 70
QUYỂN 7 85
Học Xứ Thứ Ba: ĐOẠN MẠNG NGƯỜI (Tiếp Theo) 85
QUYỂN 8 99
Học Xứ Thứ Ba: ĐOẠN MẠNG NGƯỜI (tiếp theo) 99
QUYỂN 9 113
Học Xứ Thứ Tư: VỌNG NÓI ĐẮC PHÁP THƯỢNG NHƠN 113
QUYỂN 10 130
Học Xứ Thứ Tư: VỌNG NÓI ĐẮC PHÁP THƯỢNG NHƠN (Tiếp Theo) 130
QUYỂN 11 144
II. MƯỜI BA PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA 144
Học Xứ Thứ Nhất: CỐ Ý LÀM TIẾT TINH 144
Học Xứ Thứ Hai: XÚC CHẠM NGƯỜI NỮ 147
Học Xứ Thứ Ba: NÓI LỜI THÔ BỈ 153
Học Xứ Thứ Tư: ĐÒI HỎI CÚNG DƯỜNG 156
QUYỂN 12 159
Học Xứ Thứ Năm: LÀM MAI MỐI 159
Học Xứ Thứ Sáu: LÀM PHÒNG NHỎ 166

Học Xứ Thứ Bảy: XÂY CẤT CHÙA LỚN 168
QUYỂN 13 175
Học Xứ Thứ Tám: VU BÁNG KHÔNG CĂN CỨ 175
QUYỂN 14 191
Học Xứ Thứ Tám: KHÔNG CĂN CỨ VU BÁNG (Tiếp Theo) 191
Học Xứ Thứ Chín: MƯỢN CĂN CỨ VU BÁNG (tiếp theo) 198
QUYỂN 15 205
Học Xứ Thứ Mười: PHÁ TĂNG TRÁI CAN (Tiếp Theo) 205
Học Xứ Thứ Mười Một: TÙY THUẬN PHÁ TĂNG TRÁI CAN 210
Học Xứ Thứ Mười Hai: LÀM NHƠ NHÀ NGƯỜI 211
QUYỂN 16 217
Học Xứ Thứ Mười Ba: TÁNH ÁC TRÁI CAN 217
III. HAI PHÁP BẤT ĐỊNH 224
IV. BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ CA 227
Học Xứ Thứ Nhất: CHỨA Y DƯ KHÔNG PHÂN BIỆT 227
QUYỂN 17 231
Học Xứ Thứ Hai: LÌA BA Y 231
Học Xứ Thứ Ba: CHỨA Y MỘT THÁNG 238
Học Xứ Thứ Tư: NHỜ NI KHÔNG PHẢI THÂN TỘC GIẶT Y CŨ 241
QUYỂN 18 246
Học Xứ Thứ Tư: NHỜ NI KHÔNG PHẢI BÀ CON GIẶT Y CŨ (Tiếp Theo) 246
Học Xứ Thứ Năm: NHẬN Y TỪ NI KHÔNG PHẢI THÂN TỘC 258
QUYỂN 19 261
Học Xứ Thứ Năm: XIN Y TỪ NI KHÔNG PHẢI THÂN TỘC (Tiếp Theo) 261
Học Xứ Thứ Sáu: XIN Y TỪ CƯ SĨ KHÔNG PHẢI LÀ THÂN TỘC 272
QUYỂN 20 278
Học Xứ Thứ Bảy: XIN Y QUÁ LƯỢNG 278
Học Xứ Thứ Tám: BIẾT NGƯỜI TỤC CÙNG HỨA CÚNG Y LIỀN ĐẾN XIN 282
Học Xứ Thứ Chín: BIẾT NGƯỜI TỤC RIÊNG BIỆT HỨA CÚNG Y ĐẾN XIN 286
Học Xứ Thứ Mười: QUÁ HẠN ĐỜI Y 286
Học Xứ Thứ Mười Một: DÙNG TƠ TẰM LÀM PHU CỤ 292
QUYỂN 21 294
Học Xứ Thứ Mười Hai: DÙNG LÔNG DÊ TOÀN ĐEN LÀM PHU CỤ 294
Học Xứ Thứ Mười Ba: QUÁ PHẦN SỐ LÀM PHU CỤ 294
Học Xứ Thứ Mười Bốn: DÙNG PHU CỤ DƯỚI SÁU NĂM 295

Học Xứ Thứ Mười Lăm: LÀM PHU CỤ MỚI KHÔNG CHO HOẠI SẮC296
Học Xứ Thứ Mười Sáu: TỰ GÁNH LÔNG DÊ ĐI 298
Học Xứ Thứ Mười Bảy: NHỜ NI KHÔNG PHẢI THÂN TỘC LIỆU LÝ LÔNG DÊ 301
Học Xứ Thứ Mười Tám: CẦM GIỮ VÀNG BẠC 303
QUYỂN 22 308
Học Xứ Thứ Mười Chín: XUẤT THU CẦU LỢI 308
Học Xứ Thứ Hai Mươi: MUA BÁN 312
Học Xứ Thứ Hai Mốt: CHỨA BÁT DƯ QUÁ MƯỜI NGÀY KHÔNG PHÂN BIỆT 313
Học Xứ Thứ Hai Mươi Hai: XIN BÁT 314
Học Xứ Thứ Hai Mươi Ba: TỰ XIN TƠ SỢI BẢO THỢ DỆT KHÔNG PHẢI HỌ HÀNG DỆT THÀNH Y 318
QUYỂN 23 323
Học Xứ Thứ Hai Mươi Bốn: KHUYÊN THỢ DỆT 323
Học Xứ Thứ Hai Mươi Lăm: ĐOẠT Y 325
Học Xứ Thứ Hai Mươi Sáu: NẠN GẤP CÚNG Y 327
QUYỂN 24 337
Học Xứ Thứ Hai Mươi Bảy: Ở A LAN NHÃ SÁU ĐÊM 337
Học Xứ Thứ Hai Mươi Tám: XIN ÁO TẮM MƯA TRƯỚC ĐỂ SAU MỚI DÙNG 341
Học Xứ Thứ Hai mươi Chín: HỒI CHUYỂN VẬT CỦA TĂNG VỀ CHO RIÊNG MÌNH 341
Học Xứ Thứ Ba Mươi: DÙNG LOẠI THỰC PHẨM QUÁ BẢY NGÀY . 345
QUYỂN 25 349
V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỀ CA 349
Học Xứ Thứ Nhất: CỐ Ý VỌNG NGỮ 349
Học Xứ Thứ Hai: CHÊ BAI MAI MỈA 357
QUYỂN 26 363
Học Xứ Thứ Hai: CHÊ BAI MAI MỈA (Tiếp Theo) 363
Học Xứ Thứ Ba: NÓI LY GIÁN 367
Học Xứ Thứ Tư: NƠI YẾT MA PHÁT KHỞI LẠI 372
Học Xứ Thứ Năm: MỘT MÌNH NÓI PHÁP CHO NGƯỜI NỮ QUÁ NĂM, SÁU LỜI 374
Học Xứ Thứ Sáu: CÙNG NGƯỜI CHƯA THỌ VIÊN CỤ ĐỌC TỤNG .. 376
QUYỂN 27 378
Học Xứ Thứ Bảy: NÓI TỘI THÔ CHO NGƯỜI CHƯA THỌ VIÊN CỤ BIẾT 378
Học Xứ Thứ Tám: NÓI CHO NGƯỜI CHƯA THỌ VIÊN CỤ BIẾT MÌNH

THẬT CHỨNG PHÁP THƯỢNG NHƠN 381
Học Xứ Thứ Chín: VU BÁNG HỒI CHUYỂN LỢI VẬT CỦA TĂNG.... 382
Học Xứ Thứ Mười: KHINH CHÊ GIỚI 383
Học Xứ Thứ Mười Một: HOẠI SANH CHỦNG..... 385
QUYỂN 28 388
Học Xứ Thứ Mười Hai: HIỀM TRÁCH KHINH RẺ 388
Học Xứ Thứ Mười Ba: TRÁI LỜI DẠY GÂY XÚC NÃO..... 390
Học Xứ Thứ Mười Bốn: ĐỂ PHU CỤ CỦA TĂNG NƠI ĐẤT TRỐNG... 393
QUYỂN 29 402
Học Xứ Thứ Mười Bốn: KHÔNG THU CẤT PHU CỤ (Tiếp Theo)..... 402
Học Xứ Thứ Mười Lăm: KHÔNG CẤT PHU CỤ BẰNG CỎ 403
Học xứ thứ mười sáu: GẮNG GƯỢNG KÉO BÍ SÔ RA KHỎI TĂNG PHÒNG..... 408
Học Xứ Thứ Mười Bảy: GẮNG GƯỢNG XÚC NÃO NGƯỜI KHÁC..... 410
QUYỂN 30 415
Học Xứ Thứ Mười Tám: CỐ Ý NGỒI NẰM TRÊN GIƯỜNG SÚT CHÂN 415
Học Xứ Thứ Mười Chín: DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG 416
Học Xứ Thứ Hai Mươi: XÂY CẤT CHÙA LỚN QUÁ HẠN LƯỢNG 417
Học Xứ Thứ Hai Mươi Mốt: CHỨNG KHÔNG SAI GIÁO THỌ BÍ SÔ NI 421
QUYỂN 31 425
Học Xứ Thứ Hai Mươi Mốt: TĂNG KHÔNG SAI VỘI GIÁO THỌ BÍ SÔ NI (Tiếp Theo) 425
QUYỂN 32 439
Học Xứ Thứ Hai Mươi Mốt: TĂNG KHÔNG SAI VỘI GIÁO THỌ BÍ SÔ NI (Tiếp Theo) 439
Học Xứ Thứ Hai Mươi Hai: GIÁO THỌ BÍ SÔ NI ĐẾN CHIỀU TỐI..... 448
Học Xứ Thứ Hai Mươi Ba: HỦY BÁNG NGƯỜI KHÁC VÌ THỨC ĂN NÊN GIÁO THỌ BÍ SÔ NI 450
Học Xứ Thứ Hai Mươi Bốn: ĐEM Y CHO BÍ SÔ NI KHÔNG PHẢI BÀ CON 451
QUYỂN 33 453
Học Xứ Thứ Hai Mươi Lăm: MAY Y CHO BI SÔ NI KHÔNG PHẢI BÀ CON..... 453
Học Xứ Thứ Hai Mươi Sáu: CÙNG ĐI VỚI BÍ SÔ NI CHUNG MỘT ĐƯỜNG 454
Học Xứ Thứ Hai Mươi Bảy: CÙNG BÍ SÔ NI ĐI CHUNG TRÊN MỘT THUYỀN..... 455

Học Xứ Thứ Hai Mươi Tám: MỘT MÌNH NGỒI Ở CHỖ KHUẤT VỚI NGƯỜI NỮ 456
Học Xứ Thứ Hai Mươi Chín: NGỒI Ở CHỖ KHUẤT KÍN CÙNG VỚI BÍ SÔ NI 457
Học Xứ Thứ Ba Mươi: BIẾT BÍ SÔ NI KHEN NGỢI MÀ ĐƯỢC THỨC ĂN 458
QUYỂN 34 463
Học Xứ Thứ Ba Mươi Mốt: ĂN NHIỀU LẦN 463
QUYỂN 35 475
Học Xứ Thứ Ba Mươi Hai: NƠI CÚNG MỘT BỮA ĂN MÀ THỌ QUÁ 475
Học Xứ Thứ Ba Mươi Ba: THỌ THỰC QUÁ BA BÁT 482
QUYỂN 36 487
Học Xứ Thứ Ba Mươi Bốn: ĂN NO ĐỦ 487
Học Xứ Thứ Ba Mươi Lăm: KHUYÊN NGƯỜI KHÁC ĐÃ ĂN ĐỦ 490
Học Xứ Thứ Ba Mươi Sáu: ĂN BIỆT CHÚNG 491
Học Xứ Thứ Ba Mươi Bảy: ĂN PHI THỜI 494
Học Xứ Thứ Ba Mươi Tám: ĂN THỨC ĂN TỪNG XÚC CHẠM 495
Học Xứ Thứ Ba Mươi Chín: KHÔNG THỌ MÀ ĂN 496
QUYỂN 37 502
Học Xứ Thứ Bốn Mươi : ĐÒI HỎI THỨC ĂN NGON 502
Học Xứ Thứ Bốn Mươi Mốt : DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG 504
Học Xứ Thứ Bốn Mươi Hai: BIẾT NHÀ CÓ THỨC ĂN MÀ GƯỢNG NGỒI 504
Học Xứ Thứ Bốn Mươi Ba: BIẾT NHÀ CÓ THỨC ĂN MÀ GƯỢNG ĐỨNG 505
Học Xứ Thứ Bốn Mươi Bốn: CHO NAM NỮ NGOẠI ĐẠO KHÔNG Y THỨC ĂN 506
Học Xứ Thứ Bốn Mươi Lăm: XEM QUÂN TRẬN 509
Học Xứ Thứ Bốn Mươi Sáu: Ở TRONG QUÂN TRẬN QUÁ HAI ĐÊM 511
Học Xứ Thứ Bốn Mươi Bảy: NHIỄU LOẠN QUÂN BINH 512
Học Xứ Thứ Bốn Mươi Tám: ĐÁNH BÍ SÔ 513
QUYỂN 38 514
Học Xứ Thứ Bốn Mươi Chín: DÙNG TAY DỌA ĐÁNH BÍ SÔ 514
Học Xứ Thứ Năm Mươi: CHE DẤU TỘI CHO NGƯỜI KHÁC 514
Học Xứ Thứ Năm Mươi Mốt: CÙNG ĐẾN NHÀ THẾ TỤC KHÔNG CHO ĂN 515
Học Xứ Thứ Năm Mươi Hai: ĐỐT LỬA 517
Học Xứ Thứ Năm Mươi Ba: GỞI DỤC RỒI LẠI NGĂN 522
QUYỂN 39 525

Học Xứ Thứ Năm Mươi Bốn: CÙNG NGƯỜI CHƯA THỌ CẬN VIÊN ĐỒNG NHÀ NGỦ QUÁ HAI ĐÊM 525
Học Xứ Thứ Năm Mươi Lăm: KHÔNG BỎ ÁC KIẾN, TRÁI CAN 529
Học Xứ Thứ Năm Mươi Sáu: THEO NGƯỜI BỊ XẢ TRÍ 530
Học Xứ Thứ Năm Mươi Bảy: NHIẾP THỌ CẦU TỊCH KHÔNG XẢ ÁC KIẾN 531
Học Xứ Thứ Năm Mươi Tám: MẶC Y KHÔNG HOẠI SẮC 534
QUYỂN 40 539
Học Xứ Thứ Năm Mươi Chín: CẦM VẬT BÁU 539
Học Xứ Thứ Sáu Mươi: TẮM PHI THỜI 543
Học Xứ Thứ Sáu Mươi Mốt: GIẾT BÀNG SANH 545
Học Xứ Thứ Sáu Mươi Hai: CỐ Ý XÚC NÃO BÍ SÔ 545
Học Xứ Thứ Sáu Mươi Ba: DÙNG NGÓN TAY CHỌC LÉT 547
Học Xứ Thứ Sáu Mươi Bốn: ĐÙA GIỠN TRONG NƯỚC 547
Học Xứ Thứ Sáu Mươi Lăm: CÙNG NGƯỜI NỮ ĐỒNG NHÀ NGỦ 548
QUYỂN 41 551
Học xứ thứ sáu mươi sáu: KHỦNG BỐ BÍ SÔ 551
Học Xứ Thứ Sáu Mươi Bảy: GIẤU Y BÁT CỦA BÍ SÔ KHÁC 551
Học Xứ Thứ Sáu Mươi Tám: NHẬN Y CỦA NGƯỜI KHÁC GỞI, KHÔNG HỎI CHỦ LIỀN LẤY MẶC 552
Học Xứ Thứ Sáu Mươi Chín: DÙNG TỘI CHÚNG GIÁO VU BÁNG BÍ SÔ THANH TỊNH 553
Học Xứ Thứ Bảy Mươi: CÙNG NGƯỜI NỮ ĐI CHUNG ĐƯỜNG 554
Học Xứ Thứ Bảy Mươi Mốt: CÙNG ĐI CHUNG VỚI GIẶC 555
Học Xứ Thứ Bảy Mươi Hai: CHO NGƯỜI CHƯA ĐỦ TUỔI THỌ CẬN VIÊN 556
Học Xứ Thứ Bảy Mươi Ba: PHÁ HOẠI ĐẤT SỐNG 558
Học Xứ Thứ Bảy Mươi Bốn: QUÁ BỐN THÁNG ĐÒI HỎI THỨC ĂN 559
Học Xứ Thứ Bảy Mươi Lăm: NGĂN TRUYỀN LỜI PHẬT DẠY 561
Học Xứ Thứ Bảy Mươi Sáu: NGHE LÉN VIỆC NGƯỜI 562
QUYỂN 42 564
Học Xứ Thứ Bảy Mươi Bảy: KHÔNG GỞI DỤC LÀM THINH BỎ ĐI 564
Học Xứ Thứ Bảy Mươi Tám: KHÔNG CUNG KÍNH 565
Học Xứ Thứ Bảy Mươi Chín: UỐNG RƯỢU 565
Học Xứ Thứ Tám Mươi: VÀO THÔN XÓM PHI THỜI KHÔNG DẶN LẠI BÍ SÔ 572
QUYỂN 43 574
Học xứ thứ tám mươi: VÀO THÔN XÓM PHI THỜI KHÔNG DẶN LẠI BÍ SÔ (Tiếp Theo) 574

Học Xứ Thứ Tám Mươi Mốt: TRƯỚC VÀ SAU BỮA ĂN ĐẾN NHÀ NGƯỜI KHÁC KHÔNG DẶN LẠI 586
QUYỂN 44 588
Học Xứ Thứ Tám Mươi Hai: VÀO CỬA CUNG VUA 588
QUYỂN 45 598
Học Xứ Thứ Tám Mươi Hai: VÀO CỬA VƯƠNG CUNG (Tiếp theo) 598
QUYỂN 46 613
Học Xứ Thứ Tám Mươi Hai: VÀO CỬA CUNG VUA (Tiếp theo) 613
QUYỂN 47 626
Học Xứ Thứ Tám Mươi Hai: VÀO CỬA CUNG VUA (Tiếp Theo) 626
QUYỂN 48 640
Học Xứ Thứ Tám Mươi Hai: VÀO CỬA CUNG VUA (Tiếp Theo) 640
QUYỂN 49 650
Học Xứ Thứ Tám Mươi Ba: DỐI NÓI KHÔNG BIẾT 650
Học Xứ Thứ Tám Mươi Bốn: LÀM ỐNG ĐỰNG KIM 651
Học Xứ Thứ Tám Mươi Lăm: LÀM GIƯỜNG QUÁ LƯỢNG 651
Học Xứ Thứ Tám Mươi Sáu: DÙNG CỎ, BÔNG GÒN DỒN LÀM NỆM GIƯỜNG 654
Học Xứ Thứ Tám Mươi Bảy: MAY NI SƯ ĐẢN NA QUÁ LƯỢNG 655
Học Xứ Thứ Tám Mươi Tám: MAY Y CHE GHẺ 656
Học Xứ Thứ Tám Mươi Chín: MAY Y TẮM MƯA 656
Học Xứ Thứ Chín Mươi: MAY Y ĐỒNG VỚI KÍCH THƯỚC Y CỦA PHẬT 658
VI. BỐN PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI 658
Học Xứ Thứ Nhất: THỌ THỨC ĂN TỪ NI KHÔNG THÂN THÍCH 659
Học Xứ Thứ Hai: THỌ THỨC ĂN DO BÍ SÔ NI CHỈ TRAO 665
QUYỂN 50 667
Học Xứ Thứ Ba: THỌ THỨC ĂN TỪ HỌC GIA 667
Học Xứ Thứ Tư: THỌ THỰC NGOÀI TRÚ XỨ A-LAN-NHÃ 669
VII. CHÚNG HỌC PHÁP 670
VIII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH 678

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 77

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

SỐ 1442

(QUYỂN 1 → 50)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1442

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 1

TỰA TỲ NẠI DA

Kính lạy đấng Đại bi
Thương xót khắp tất cả
Khuôn mặt Phật đầy đặn
Mắt trong như sen xanh
Phật sanh nhà điều phục
Chúng đệ tử điều phục
Điều phục trừ các lỗi
Kính lạy Pháp trung tôn
Phật nói ba tạng giáo
Tỳ-nại-da đứng đầu
Con ở trong giáo này
Xin lược bày khen tụng
Như cây, rễ là trọng
Cành nhánh từ đây sanh
Phật nói Luật là gốc
Sanh ra các pháp lành
Ví như bờ đê lớn
Nước lũ không tràn qua
Giới pháp cũng như vậy
Chế ngăn sự hủy giới
Chư Phật chứng Bồ đề
Độc giác thân tâm tịnh
Cho đến A-la-hán
Đều nhờ Luật hạnh thành
Ba đời các Hiền Thánh

Xa lìa phược Hữu vi
Đều lấy luật làm gốc
Đến được chỗ an ổn
Giáo pháp điều phục này
trụ nơi thế gian
Tức là Như lai trụ
Tạng chánh pháp không diệt
Giới an lập chánh pháp
Đèn chánh pháp Như lai
Lìa giới thì không còn
Đường Niết-bàn an ổn
Phật du hóa thế gian
Tùy nơi nói kinh pháp
Luật giáo không như vậy
Nên biết khó được gặp
Như đất chở muôn loài
Nuôi lớn các cây cỏ
Luật giáo cũng như vậy
Hay sanh các phước trí
Phật nói nhờ Luật giáo
Các công đức phát sanh
Phụng trì được giải thoát
Hủy phá sanh cõi ác
Voi ngực không thuần phục
Chế ngự bằng roi móc
Luật giáo cũng như vậy
Không thuần khiến thuần phục
Như thành có hào ao
Ngăn được các oán địch
Luật giáo cũng như vậy
phòng được phá giới
Ví như nước biển cả
Trôi giạt được thây chết
Luật giáo cũng như vậy
Tẩn xuất kẻ phá giới
Luật là vua trong pháp
Dẫn đầu của chư Phật
Bí-sô ví thương buôn

Giới là ngọc vô giá
Phá giới như độc rắn
Luật như thuốc trị độc
Ý mạnh mẽ khó điều
Lấy luật làm hàm thiếc
Luật ở nơi đường lành
Thường làm cầu phương tiện
Ở nơi biển ác thú
Luật cũng làm thuyền bè
Nếu đi nơi đường hiểm
Giới là người dẫn đường
Nếu lên thành vô úy
Giới là cầu thang vững
Đại sư bậc tối thắng
Đích thân nói luật giáo
Cả hai không sai biệt
Đều nên quy kính lễ
Phật và Thánh đệ tử
Đều trụ trong luật giáo
Nơi giới sanh cung kính
Vì thế con kính lễ
Con nương Luật tán thán
Lời này nên tôn trọng
Vừa cúi đầu quy y
Việc lành đã thành tựu
Biển cả Tỳ-nại-da
Bờ mênh mông khó biết
Tướng sai biệt vô cùng
Con sao tường tận hết
Biển Luật giáo của Phật
Thâm diệu thật khó lường
Con nay theo sức mình
Khen ngợi chỉ ít phần
Khi Thế Tôn Niết-bàn
Bảo khắp cả đại chúng:
"Sau khi Ta diệt độ
Đều nên tôn kính giới"
Cho nên con tán tụng

Sắp nói Tỳ-nại-da
Các vị nên chí tâm
Khéo nghe giáo điều phục.
Biệt giải thoát kinh khó được nghe
Trải qua vô lượng trăm ngàn kiếp
Đọc tụng thọ trì cũng như vậy
Bậc như thuyết hành trì khó gặp
Phật thị hiện ở đời là vui
Diễn nói pháp vi diệu là vui
Tăng nhất tâm đồng kiến là vui
Hòa hợp cùng tu tiến là vui
Gặp Thánh nhơn hiện hữu là vui
Được cùng ở chúng cũng là vui
Nếu không gặp những người ngu si
Đó mới gọi là thường thọ lạc
Gặp người trì giới đủ là vui
Nếu gặp Đa văn cũng là vui
Gặp A-la-hán chân thật vui
Vì đời sau không còn tái sanh
Nơi bến bờ sông-thềm diệu lạc
Dùng pháp hàng địch-chiến thắng vui
Khi chứng đắc sanh chánh huệ quả
Tận trừ được ngã mạn là vui
Nếu có thể làm quyết định ý
Khéo điều căn-dục đủ đa văn
Từ trẻ đến già ở trong rừng
Lan-nhã nhàn cư, tịch tĩnh vui.
Chắp hai tay cung kính
Kính lạy Phật Thích Ca
Biệt giải thoát điều phục
Tôi nói các vị nghe
Nghe rồi phải chánh hành
Như lời Như Lai dạy
Ở trong các tội nhỏ
Dõng mãnh siêng phòng hộ
Tâm như ngựa khó kìm
Liên tục quyết chí trừ
Hàm thiết Biệt giải thoát

Có trăm kim cực bén
Nếu người nào trái pháp
Nghe dạy phải dừng ngay
Đại sĩ như ngựa giỏi
Xông ra trận phiền não
Người thiếu hàm thiếc này
Chưa từng có hỉ lạc
Chết trong trận phiền não
Mê chuyển trong sanh tử.

I. BỐN PHÁP BA-LA-THỊ-CA:

Tổng Nhiếp Tụng:
Nếu làm hạnh bất tịnh,
Trộm lấy cắp, giết người,
Vọng nói pháp Thượng nhơn,
Đều không cùng ở chung.

Học Xứ Thứ Nhất: HẠNH BẤT TỊNH

Biệt Nhiếp Tụng:

Tô Trận Na không phạm
Bí-sô ở trong rừng
Nhược Yêu và Trường căn
Diệu Hỉ cả ba phạm
Ban ngày ngủ trong phòng
Người lìa dục trong rừng
Khéo cùng nhơn duyên xưa
Nên biết tụng tổng nhiếp.

Trường hợp Tô Trận Na không phạm:

Từ lúc đức Bạc-già-Phạm mới chứng được chánh giác cho đến trong suốt mười hai năm, chúng đệ tử Thanh văn không có lỗi lầm, chưa phát sanh ung nhọt tội lỗi, Thế Tôn nói kinh Biệt giải thoát giới cho các đệ tử như sau:

Tất cả ác chớ làm
Tất cả thiện nên tu
Điều phục nơi tự tâm
Đó là lời Phật dạy

Hộ thân nghiệp lành thay!
Hộ khẩu nghiệp lành thay!
Hộ ý nghiệp lành thay!
Hộ ba nghiệp tốt nhất
Bí-sô hộ ba nghiệp
Giải thoát được các khổ
Khéo giữ nơi miệng nói
Cũng khéo hộ nơi ý
Thân không làm các ác
Ba nghiệp hườn trong sạch
Đây gọi là tùy thuận
Đạo Đại tiên đã hành.

Đến cuối năm thứ mười ba, nơi thôn Yết-lan-đạc-ca nước Phật Lật Thị, con ông Yết-lan-đạc-ca tên là Tô Trận Na giàu có, nhiều của cải, đông tôi tớ, vàng bạc châu báu, lúa thóc đầy kho lẫm, có thể sánh bằng Thiên vương Tỳ Sa Môn. Tô Trận Na cưới người con gái cùng dòng tộc làm vợ sống rất hạnh phúc. Thời gian sau ông sanh lòng tín kính phật pháp tăng, quy y Tam bảo, thọ năm học xứ: không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống các thứ rượu, tất cả đều xa lìa. Do lòng tín kính ngày một tăng trưởng, Tô Trận Na từ bỏ nếp sống gia đình tìm đến nếp sống không gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y. Đã xuất gia rồi, nếu ở chung xen tạp với thân thuộc thì đâu khác gì tại gia. Lúc đó Cụ thọ Tô Trận Na suy nghĩ: "Vào trong pháp luật khéo giảng nói xuất gia, há cho Ta chứng đắc quả chưa chứng đắc, nếu Ta còn ở chung xen tạp với thân thuộc. Ta nay nên rời bỏ thân thuộc, chấp trì y bát du hành trong nhân gian". Suy nghĩ rồi, Cụ thọ bèn rời bỏ thân thuộc du hành đến phương khác, chẳng may gặp lúc mất mùa đói kém khất thực khó được, cha mẹ đối với con cái còn không giúp nhau được huống chi cho người khất thực khác. Lúc đó Tô Trận Na suy nghĩ: "Hiện nay thân thuộc của ta giàu có, Ta nên trở về thôn Yết-lan-đạc-ca khuyên thân thuộc cúng dường Tăng điền cơm cháo, thức ăn thường thí hoặc thỉnh mời ăn hoặc cúng vào những ngày mồng tám, mười bốn rằm. Ta dạy bảo thân thuộc của ta khởi chút nghiệp phước, làm việc Lợi-ích". Suy nghĩ rồi Tô Trận Na liền chấp trì y bát tuần tự du hành trở về thôn Yết-lan-đạc-ca, ở trong một phòng nhỏ nơi A-lan-nhã cách thôn không xa. Sau đó đến chỗ thân quyến khen ngợi Phật pháp tăng, khuyên mọi người thi thiết cúng dường làm việc Lợi-ích. Còn Tô Trận Na ở A-lan-nhã, hành hạnh đầu đà, mặc ba y phấn tảo, đi khất thực theo thứ lớp từng nhà; đợi các thân tộc cúng dường cho chúng tăng rồi Tô Trận Na mới đắp

y mang bát vào thôn khất thực, thứ lớp đến trước nhà của mình. Lúc đó mẹ của Tô Trận Na vắng nhà nên Tô Trận Na không nhận được sự bố thí gì đành phải ra đi; người tớ già từ xa trông thấy nhận ra Tô Trận Na, biết là vì không được bố thí gì nên ra đi, liền nói cho mẹ Tô Trận Na biết: "Đại gia biết chăng, trưởng tử Tô Trận Na lìa quê nhà đã lâu, nay đã trở về, do khất thực không được gì nên đã ra đi". Bà mẹ nghe rồi suy nghĩ: "Phải chăng con ta quyến luyến nhớ thương gia đình, do tình sanh không vui nên muốn trở về thế tục, không còn mến mộ nếp sống khổ hạnh của sa môn, xấu hổ nhàm chán muốn bỏ hạnh sa môn?". Nghĩ rồi bà liền đi đến chỗ Tô Trận Na nói: "Này Tô Trận Na, phải chăng con đã quyến luyến nhớ thương gia đình… muốn bỏ hạnh sa môn? Con có nghe nói tài sản nhà ta không? Mẹ sở hữu một tài sản khổng lồ có đến trăm ngàn vạn ức vàng bạc châu báu, huống chi các tạp loại khác. Con nên trở về nhà tùy tình thọ hưởng và làm phước thí". Tô Trận Na nói: "Con không luyến nhớ gia đình, không phải vì tình sanh không vui mà trở về đây, cũng không phải không còn mến mộ nếp sống khổ hạnh của sa môn, hổ thẹn nhàm chán muốn bỏ hạnh sa môn như Mẹ đã nghĩ". Bà mẹ nghe con nói như vậy liền suy nghĩ: "Chẳng phải ta nên làm điều gì đó sao, muốn con ta trở lại phục tùng thì ta phải lập bày kế khác". Bà liền trở về nhà nói với con dâu (vợ của Tô Trận Na trước kia): "Nguyệt kỳ của con chừng nào đến thì hãy báo cho mẹ biết". Thời gian sau khi nguyệt kỳ đến, người con dâu đến nói: "Đại gia, nay nguyệt kỳ của con đã đến, mẹ muốn con làm gì?". Bà mẹ nói: "Đợi khi nguyệt kỳ qua, con hãy tắm rửa sạch sẽ, cài lên tóc các loại hoa đẹp, đeo các chuỗi anh lạc, thoa lên người bằng danh hương, trang điểm thật lộng lẫy giống như hồi chồng con ở nhà, Tô Trận Na yêu thích điều gì con đều phải làm hết". Người con dâu vâng lời làm y như lời mẹ chồng dặn bảo, sau đó đến chỗ mẹ chồng nói: "Những gì mẹ dặn con đều đã làm xong, nếu có làm gì thì hôm nay là đúng lúc". Bà mẹ dẫn con dâu đến chỗ Tô Trận Na, lúc đó Tô Trận Na đang kinh hành bên ngoài, bà mẹ đến bảo: "Này Tô Trận Na, con nói con không quyến luyến nhớ thương gia đình…. Nay vợ con thân sạch đẹp, con nên lưu lại chủng tử để nối dòng, nếu không toàn bộ tài sản nhà ta sẽ vào cửa nhà quan".

Lúc đó Phật chưa kiết giới nên Tô Trận Na không thấy tội lỗi do dục sanh, vừa nhìn thấy người vợ trẻ đẹp tình sanh nhiễm đắm, lửa dục bừng cháy hỏi Mẹ: "Con có nên cùng vợ kết hợp chăng?". Bà mẹ nói: "Muốn lưu lại chủng tử nối dòng thì pháp phải như vậy". Tô Trận Na liền cùng người vợ cũ đến chỗ vắng hai, ba lần làm hạnh bất tịnh. Lúc đó có một hữu tình cầu thắng hạnh, có tánh giải thoát hướng tới Niết-bàn, từ bỏ sanh tử trong

ba cõi năm đường, không có tâm đắm trước, dùng thân sau cùng từ cõi trời Thắng diệu xuống đầu thai nơi vợ của Tô Trận Na. Nếu nhập thai là người nữ minh huệ thì có năm loại trí đặc biệt khác với người nữ bình thường, đó là biết người nam có tâm dục, biết thời tiết, biết từ người nào để được thọ thai, biết là nam và biết là nữ. Nếu nhập thai là con trai thì nương ở hông bên phải, nếu là con gái thì nương ở hông bên trái. Lúc đó người con dâu biết mình có thai, tâm sanh hoan hỉ nói với bà mẹ: "Đại gia biết chăng, con nay đã có thai, thai nằm hông bên phải nhất định là con trai, sẽ làm rạng rỡ dòng họ nhà ta". Bà mẹ vui mừng nói: "Từ lâu Mẹ mong có được một cháu trai khôn ngoan để nối thạnh gia phong, hy vọng khi nó lớn khôn sẽ ôm lòng báo đức, thường tu phước huệ làm Lợi-ích cho gia đình ta". Sau đó bà mẹ đưa con dâu lên ở trên lầu cao tùy thời cung cấp, có nữ lương y trông coi về thức ăn thức uống không để xảy ra chút sơ sót nào. Trên thân trang sức chuỗi anh lạc như thể nữ cõi trời đi đứng khoan thai đủ oai nghi, thường ngồi trên giường ghế, chân không dính đất, mắt không nhìn sắc xấu, tai không nghe tiếng ác…. chín tháng trôi qua, hài nhi ra đời dung mạo đoan nghiêm, trán rộng, mi dài, mũi cao, sống mũi thẳng, tay dài quá gối… khiến ai cũng yêu mến. Trải qua hai mươi mốt ngày mở hội ăn mừng, bà nội bồng cháu đến hỏi thân tộc nên đặt tên cho cháu là gì. Mọi người cùng nghị bàn rồi nói: "Đứa bé này nhờ pháp "chủng tử" mà cầu được, vậy nên đặt tên là Chủng tử". Bà nội trao Chủng tử cho tám bà vú nuôi: Hai bà lo việc bú mớm, hai bà lo việc bồng giữ, hai bà lo việc tắm rửa, hai bà cùng vui đùa. Chủng tử mau lớn như bông sen lên khỏi mặt nước, đến tuổi trưởng thành học thông các môn học thuật, giỏi về xem tướng như tướng vật báu, tướng trâu bò, tướng nam nữ… Thời gian sau, Chủng tử khởi lòng chánh tín sâu, quy hướng Tam bảo, thọ trì năm học xứ, do lòng tin ngày một tăng trưởng nên Chủng tử từ bỏ gia đình tìm đến nếp sống không gia đình, cầu hạnh xuất ly. Ở trong pháp luật khéo giảng nói cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, một mình ở nơi tỉnh lặng, tâm không phóng dật siêng năng chuyên niệm, không bao lâu sau ở trong hiện pháp chứng ngộ rốt ráo, phá tan lưới vô minh, đoạn sạch hoặc nghiệp trong ba cõi, chứng quả A-la-hán, được ba minh sáu thông, đầy đủ tám giải thoát, hiểu rõ "Sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau". Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi vị, thương ghét không khởi lên, xem vàng như đất không có khác biệt, từ bỏ mọi danh lợi, chư thiên thảy đều cung kính. Khi Chủng tử chứng quả A-la-hán, được giải thoát lạc liền nói kệ tụng:

"Hạnh Thánh đã tròn đầy

Tài sản cha, không lụy
Thân này, thân sau cùng
Đã trừ hết tội lỗi."

Lúc đó Thế Tôn đang ở trong đại chúng thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn Bí-sô Thanh văn về pháp lìa tham, sân, si được tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Tô Trận Na sau khi làm hạnh bất tịnh rồi, ở trong chúng hội nghe Phật thuyết pháp trong lòng sầu não, hối hận và xấu hổ lặng lẽ trở về phòng với tâm ưu sầu. Thời gian sau có các Bí-sô đi xem xét các phòng, tuần tự tới phòng của Tô Trận Na thấy Tô Trận Na sầu não liền hỏi: "Trước đây mỗi khi thấy khách đến, thầy niềm nở đón tiếp chào hỏi bằng hai chữ "Thiện lai", rồi cầm lấy y bát và các đồ dùng, tai sao hôm nay lại sầu não lặng lẽ không nói gì? Thầy bị thân bịnh hay là tâm bịnh?". Tô Trận Na nói: "Các cụ thọ, Tôi chẳng phải thân bịnh mà tâm bị thiêu đốt".

Hỏi: "Vì sao tâm thầy bị thiêu đốt?".

Tô Trận Na kể lại sự việc đã xảy ra, các Bí-sô nghe xong không vui, cũng không chê trách đứng dậy ra về, đến chỗ Phật đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Tô Trận Na này ở trong pháp hữu lậu là người đầu tiên làm hạnh phi pháp là hạnh bất tịnh". Thế Tôn do nhân duyên này nhóm các Bí-sô lại, Phật biết và thấy rõ sự việc mà vẫn hỏi, không phải biết mà không hỏi; hỏi đúng lúc, không đúng lúc thì không hỏi; có Lợi-ích mới hỏi, không Lợi-ích thì không hỏi để phá trừ nghi hoặc, có lợi nên hỏi. Phật hỏi Tô Trận Na: "Thầy thật đã làm việc không đoan nghiêm ấy phải không?". Tô Trận Na đáp: "Thật vậy thưa Thế Tôn". Phật quở: "Thầy chẳng là sa môn, chẳng phải hạnh tùy thuận, không thanh tịnh, chẳng phải oai nghi, chẳng phải việc nên làm của người xuất gia. Tô Trận Na, Thầy đã ở trong pháp vi diệu mà Ta đã dạy là lìa tham sân si để được tâm và tuệ giải thoát mà xuất gia, tại sao lại làm việc phi pháp đáng xấu hổ này. Thầy là người ngu si, thà đem nam căn để vào miệng rắn độc chứ không nên để vào nữ căn". Thế Tôn dùng mọi lời lẽ nói rõ việc nhơ nhớp để quở trách Tô Trận Na rồi bảo các Bí-sô: Do nhơn duyên này Ta quán thấy mười điều Lợi-ích, vì các đệ tử Thanh văn nơi Tỳ-nại-da chế định học xứ này. Mười điều đó là:

1. Nhiếp giữ nơi Tăng
2. Khiến Tăng hoan hỉ
3. Khiến Tăng an lạc
4. Điều phục kẻ phá giới
5. Khiến người biết hổ thẹn được an lạc

6. Khiến người không tin được tin

7. Khiến người đã tin được tăng trưởng

8. Đoạn hữu lậu hiện tại

9. Đoạn hữu lậu vị lai

10. Khiến chánh pháp được trụ lâu.

Để hiển dương chánh pháp và làm Lợi-ích rộng lớn cho trời người ở nơi Tỳ-nại-da chế định học xứ này như sau: ***"Nếu lại có Bí-sô cùng với các Bí-sô đồng được học xứ, không xả học xứ, học xứ bị suy kém không tự nói ra, làm hạnh bất tịnh hai thân giao hội thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca, không cùng ở chung".***

Trường hợp Bí-sô ở trong rừng phạm.

Thế Tôn vì các Bí-sô chế học xứ này rồi, lúc đó có một Bí-sô ở trong một thất nhỏ trong vườn Trúc lâm nơi A-lan-nhã cách không xa ao Yết-lan-đạc-ca. Trong rừng này có một con khỉ cái vì muốn được thức ăn nên đến chỗ của Bí-sô, Bí-sô thường đem thức ăn dư cho nó rồi cùng nó làm hạnh bất tịnh. Vào lúc đó có các Bí-sô tuần du kiểm tra đến chỗ của Bí-sô này, đang cùng ngồi nói chuyện thì con khỉ cái đó đến. Nó đưa mắt nhìn Bí-sô này và tới gần bên, Bí-sô này cảm thấy xấu hổ với khách Bí-sô nên đưa tay cản ngăn và xua đuổi nó như thế đến hai, ba lần. Con khỉ cái bị xua đuổi nhiều lần như vậy nên tức giận đưa tay cào vào đầu, mặt và y của Bí-sô này khiến bị rách xước rồi chạy qua một bên nhảy nhót kêu la. Các Bí-sô thấy vậy liền hỏi: "Này cụ thọ, vì sao con khỉ này vừa đến liền đưa mắt nhìn thầy và tới gần bên, thầy đưa tay cản ngăn xua đuổi nó liền cào vào đầu mặt của thầy khiến bị rách xước rồi nhảy nhót kêu la như thế?". Bí-sô này đành kể lại sự việc đã xảy ra, các Bí-sô nghe xong nói: "Này cụ thọ, há chẳng phải Thế Tôn đã chế ngăn các Bí-sô làm hạnh bất tịnh hay sao?". Bí-sô này nói: "Thế Tôn chế giới chỉ ngăn cấm loài người, không chế ngăn với loài bàng sanh". Các Bí-sô nghe rồi không vui cũng không chê trách đứng dậy ra về, đi đến chỗ Phật đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Loài người còn cấm ngăn huống chi là loài bàng sanh". Lúc đó Thế Tôn do nhơn duyên này nhóm các Bí-sô lại, biết mà vẫn hỏi Bí-sô này: "Thầy thật đã làm việc không đoan nghiêm này phải không?". Đáp: "Thật vậy thưa Thế Tôn". Phật quở trách như trên rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai. Ta nay vì các Bí-sô nơi Tỳ-nại-da chế lại học xứ này như sau: ***"Nếu lại có Bí-sô cùng với các Bí-sô đồng được học xứ, không xả học xứ, học xứ bị suy kém mà không tự nói ra, làm hạnh bất tịnh hai thân giao hội cho đến với loài bàng sanh. Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca không cùng ở***

chung".

- Câu nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Tô Trận Na…

Có năm hạng Bí-sô:

Một là, danh tự Bí-sô.

Hai là, tự xưng Bí-sô.

Ba là, khất cầu Bí-sô.

Bốn là, phá phiền não Bí-sô.

Năm là, bạch tứ yết ma viên cụ Bí-sô.

Sao gọi là danh tự Bí-sô? nghĩa là tên Bí-sô do người đặt được người đời chấp nhận hoặc chủng tộc là Bí-sô. Sao gọi là tự xưng Bí-sô? nghĩa là người ấy thật không phải Bí-sô, chỉ tự nói mình là Bí-sô, hoặc là tặc trụ tự xưng Bí-sô. Sao gọi là khất cầu Bí-sô? là chỉ cho người thế tục đi xin ăn để tự nuôi sống. Sao gọi là phá phiền não Bí-sô? là chỉ cho người có thể đoạn hết các lậu hoặc phiền não, đốt cháy hết các khổ dị thục về sanh già bịnh chết ở đời vị lai, khéo biết rõ là đã trừ hết gốc rễ như chặt ngọn cây Đa-la, chứng pháp bất sanh. Sao gọi là bạch tứ yết ma viên cụ Bí-sô? nghĩa là bản thân người này không có các chướng nạn, Tăng như pháp tác pháp thành tựu viên mãn. Nghĩa của Bí-sô nói ở trong đây là chỉ cho hạng Bí-sô thứ năm.

- Nói lại có là nói còn có Bí-sô khác thuộc loại như vậy. Nói cùng với các Bí-sô là nói cùng các Bí-sô khác.

- Nói đồng được học xứ là nói nếu có người thọ giới trước một trăm năm, những việc cần phải học cũng giống như người mới thọ giới không khác. Việc cần học của người mới thọ viên cụ cùng với việc nên học của người thọ viên cụ trước một trăm năm không khác nhau, nghĩa là nghi quỷ trì phạm của học xứ thi la khi đắc giới đều giống như nhau.

- Nói không xả học xứ là đối với người điên cuồng tâm loạn bị khổ não ràng buộc hay người câm, điếc ngu si mà xả học xứ thì không gọi là xả. Nếu ở chỗ vắng vẻ một mình khởi ý tưởng là vắng lặng một mình, hoặc ở chỗ vắng lặng một mình khởi ý tưởng là không vắng lặng một mình, hoặc ở chỗ không vắng lặng một mình mà khởi tưởng là vắng lặng một mình thì chẳng phải là xả học xứ. Nếu người ở Trung phương đối với người ở Biên phương sử dụng ngôn ngữ của Trung phương thì xả không thành xả, nhưng nếu họ hiểu thì thành xả. Nếu người ở Biên phương đối với người ở Trung phương sử dụng ngôn ngữ của Biên phương, hoặc người ở Trung phương đối với người ở Trung phương sử dụng ngôn ngữ của Biên phương thì xả

không thành xả, nhưng nếu họ hiểu thì thành xả. Nếu người ở Biên phương đối với người ở Biên phương sử dụng ngôn ngữ Trung phương như trên có thể biết. Nếu đối với người ngủ, người nhập định, phi nhơn, trời, loài bàng sanh biến hóa, hoặc trong lúc ồn ào náo động hoặc người tâm tánh mất thăng bằng… đều không thành xả học xứ.

- Nói học xứ bị suy kém mà không tự nói ra phân biệt có bốn trường hợp: Một là xả học xứ không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả. Hai là học xứ bị suy kém mà nói là xả, không phải xả học xứ. Ba là xả học xứ, học xứ bị suy kém mà nói là xả. Bốn là không xả học xứ, không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả. Sao gọi là xả học xứ, không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả? như có Bí-sô quyến luyến nhớ thương gia đình muốn trở về thế tục, đối với đạo sa môn không còn tâm yêu thích nữa, cảm thấy khổ sở nhàm chán rồi đến chỗ một Bí-sô khác nói rằng: "Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi là Bí-sô nay xả học xứ", đây gọi là xả học xứ. Hoặc nói: "Tôi xả Phật đà, Đạt-ma, Tăng già", hoặc nói: "Tôi xả Tố-đát-la, Tỳ-nại-da, Ma-sất-lý-ca", hoặc nói: "Tôi xả Ô-ba-đa-da, A-lan-nhã giá lợi gia", hoặc nói: "Biết Tôi là người tục, biết Tôi là Cầu tịch, là Phiến-tra-bán-trạch-ca, làm ô nhục Bí-sô ni, giết cha, hại mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng, tâm ác làm Phật bị thương chảy máu, là ngoại đạo, là người hướng về ngoại đạo, là tặc trụ, là người biệt trụ, bất cọng trụ", cho đến nói: "Tôi với người đồng pháp, đồng phạm hạnh như các vị không phải là bạn bè". Đây gọi là xả học xứ không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả.

- Sao gọi là học xứ bị suy kém mà nói là xả, không phải là xả học xứ? Như có Bí-sô quyến luyến nhớ thương gia đình muốn trở về thế tục… như văn trên, đến chỗ một Bí-sô nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, phạm hạnh khó lập, chỗ vắng lặng khó nương ở, không thể sống trong rừng, thọ ngọa cụ xấu. Tôi nhớ cha mẹ, anh em, tôi phải kế thừa sự nghiệp của ông cha. Tôi muốn học các nghề công xảo, kinh doanh và nghề nông". Bí-sô này nói đủ lời hối tiếc như vậy mà không nói Tôi xả học xứ, đây gọi là học xứ bị suy kém mà nói là xả, không phải là xả học xứ.

- Sao gọi là xả học xứ, học xứ bị suy kém mà nói là xả? như có Bí-sô quyến luyến nhớ thương gia đình… như văn trên, đến chỗ Bí-sô khác nói rõ ràng Tôi xả học xứ… như văn trên, cho đến nói những người đồng phạm hạnh như các vị không phải là bạn bè, đây gọi là xả học xứ, học xứ bị suy kém mà nói là xả.

- Sao gọi là không xả học xứ, không phải học xứ bị suy kém mà nói là xả? là trừ ba trường hợp nêu trên thì gọi là không xả học xứ, không phải

học xứ bị suy kém mà nói là xả.

- Nói làm hạnh bất tịnh là hành dâm dục, dâm dục là hai thân giao hợp, nơi thân nghiệp làm việc phi pháp.

- Nói cho đến cùng với loài bàng sanh là chỉ cho con khỉ cái; chữ thử là chỉ cho người phạm; Bí-sô là người được tánh Bí-sô. Sao gọi là được tánh Bí-sô? tức là người thọ viên cụ, viên cụ là Tăng bạch tứ yết ma như pháp thành tựu viên mãn; người tấn thọ cụ tâm chí thành mong cầu giới pháp, tâm không sân hận thệ nguyện thọ giới, dùng lời nói biểu bạch, ngữ nghiệp thể hiện rõ ràng nên gọi là Viên cụ.

- Nói Ba-la-thị-Ca-là tội cực trọng, cực ác, đáng loại bỏ không nên yêu thích. Bí-sô vừa phạm tội này liền chẳng còn là sa môn, chẳng phải là Thích ca tử, mất tánh Bí-sô, trái tánh Niết-bàn, bị đọa lạc sụp ngã, bị người khác vượt trội hơn, không thể cứu vớt được như cây Đa-la bị chặt ngọn không thể sống lại được nên gọi là Ba-la-thị-ca.

- Nói không cùng ở chung là nói người phạm tội này không được cùng ở chung với các Bí-sô khác. Tăng bố tát, tự tứ hoặc đơn bạch, bạch nhị, bạch tứ yết ma; hoặc trong chúng có việc Tăng sai mười hai hạng người thì người phạm giới này không được sai. Dù pháp hay thực đều không cùng thọ dụng, người này nên đuổi ra khỏi chúng nên gọi là không cùng ở chung.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Hành dâm nơi ba chỗ
Ba chỗ cách không cách
(có y phục hay không có y phục)
Sống, chết, hoại không hoại
Nam, Nữ, bán-trạch-ca
Thấy người ngủ hành dâm
Hoặc trao cho thuốc, rượu…
Cưỡng bức thích không thích
Phạm không phạm nên biết.

Nếu Bí-sô nơi ba chỗ làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục phạm Ba-la-thị-ca. Nói ba chỗ là chỗ đại tiểu tiện và miệng, vừa vào ba chỗ này cùng giao hội liền phạm Ba-la-thị-ca. Nếu Bí-sô cùng ba hạng người làm hạnh bất tịnh phạm Ba-la-thị-ca, đó là nam, nữ và bán-trạch-ca. Bí-sô nơi ba chỗ chưa hư hoại của người nữ còn sống làm việc dâm dục, có y phục hành dâm với người có y phục hay không có y phục, hoặc không có y phục hành dâm với người không có y phục, vừa vào ba chỗ hành dâm này cùng

giao hội liền phạm Ba-la-thị-ca. Bí-sô nơi ba chỗ tổn hoại của người nữ còn sống làm việc dâm dục , có y phục hay không có y phục như trên, vừa vào ba chỗ hành dâm này liền phạm Tốt-thổ-la-đề. Bí-sô nơi ba chỗ không hư hoại của người nữ đã chết làm việc dâm dục, có y phục hay không có y phục như trên, vừa vào ba chỗ hành dâm này liền phạm Ba-la-thị-ca; nếu nơi ba chỗ tổn hoại của người nữ đã chết làm việc dâm có y phục hay không có y phục như trên, vừa vào ba chỗ hành dâm này liền phạm Tốt-thổ-la-đề. Đối với phi nhơn nữ hay bàng sanh cái sống hay chết, ba chỗ tổn hoại hay không tổn hoại, có cách hay không cách, phạm tội nặng nhẹ như trên có thể biết.

Bí-sô đối với Bí-sô đang ngủ làm hạnh bất tịnh, nếu Bí-sô ni đang ngủ trong ba thời đều không hay biết thì không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu Bí-sô đang ngủ lúc đầu biết, giữa và sau không biết thì không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu ban đầu và giữa biết, sau lại không biết cũng không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu cả ba thời đều biết mà tâm không thọ lạc cũng không phạm, nhưng người hành dâm phạm tội căn bản; nếu cả ba thời tâm đều biết với tâm thọ lạc thì cả hai đều phạm tội căn bản. Nếu Bí-sô đến chỗ Bí-sô ni, Thức-xoa-ma-na, Cầu tịch, cầu tịch nữ phạm tội nặng nhẹ như trên có thể biết. Nếu Bí-sô dùng rượu làm từ gạo, nếp, hoa quả hay rễ… cho Bí-sô khác uống say để làm việc bất tịnh, Bí-sô say này trong ba thời biết hay không biết, thọ lạc hay không thọ lạc phạm tội hay không phạm tội như trên nên biết; đối với ba chúng khác cũng giống như trường hợp trên ngủ ở trên.

Nếu Bí-sô dùng thuốc hay chú thuật khiến cho người kia mê loạn để làm việc bất tịnh, cho đến đối với ba chúng khác phạm hay không phạm cũng giống như trên.

Nếu Bí-sô cưỡng bức Bí-sô khác, người bị cưỡng bức lúc mới vào ba chỗ hành dâm mà khởi thọ lạc thì cả hai đều bị tẩn; nếu lúc mới vào và khoảng giữa không thọ lạc nhưng sau lại thọ lạc thì cả hai cũng đều bị tẩn; nếu người bị cưỡng bức cả ba thời không thọ lạc thì không phạm, nhưng người cưỡng bức bị tẩn. Cưỡng bức ba chúng khác cũng giống như trên mà định tội.

Trường hợp Nhược Yêu phạm:

Lúc đó trong thành Thất-la-Phiệt có một trưởng giả cưới người con gái cùng dòng tộc làm vợ sống rất hạnh phúc, không bao lâu sau sanh một con trai, xương mềm như mèo thỏ. Trải qua hai mươi mốt ngày tông thân

mở hội ăn mừng, người cha bồng con đến hỏi ý tông thân nên đặt tên cho cháu là gì, mọi người bàn bạc rồi nói:" Xương sống của cháu mềm mại nên đặt tên là Nhược Yêu". Nhược Yêu khôn lớn ở nơi chánh pháp luật khéo giảng nói dốc cầu xuất gia, sau khi xuất gia vào thôn khất thực nhiếp giữ oai nghi, các căn không loạn, khéo phòng hộ tâm ý. Khất thực xong trở về chỗ ở thọ thực rồi dọn dẹp y bát rửa chân vào phòng nghỉ, khi vào trong phòng tâm dục bổng khởi, không kìm chế được bèn đưa sanh chi vào miệng để cảm thọ dục lạc. Thời gian sau, các Bí-sô đi tuần tra lần lượt đến phòng của Nhược yêu bắt gặp Nhược Yêu đang làm việc này bèn hỏi: "Cụ thọ đang làm gì vậy?", đáp: "Tôi đang cảm thọ dục lạc".

Hỏi: "Há chẳng phải Thế Tôn đã cấm ngăn làm việc dâm dục rồi sao?"

Đáp: "Phật chỉ câm đối với người khác chứ không cấm đối với chính mình". Các Bí-sô nghe rồi không vui cũng không chê trách bỏ đi, đến chỗ Phật đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Đối với người khác còn cấm huống là đối với chính mình, người ngu si này phạm Ba-la-thị-ca. Nếu có Bí-sô khởi tâm dâm dục, khởi ý thọ lạc đưa sanh chi vào miệng của chính mình, hoặc đưa căn của người khác vào miệng mình thì phạm tội căn bản.

Trường hợp Trường Căn phạm:

Lúc tại thành Thất-la-phiệt có con ông trưởng giả, nam căn rất dài nên được đặt tên là Trường Căn, Trường Căn xuất gia trong Phật pháp được thọ viên cụ, sau khi về phòng tâm dục bổng khởi không thể kìm chế liền đưa sanh chi vào đường đại tiện của mình để cảm thọ dục lạc. Sau có các Bí-sô đi tuần tra bắt gặp hỏi đáp giống như trên, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Đối với người khác còn cấm huống chi đối với chính mình, người ngu si này phạm Ba-la-thị-ca".

Trường hợp Tôn-đà-la-nan-đà phạm:

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó trong thành Ốt-thệ-ny (Tây Ấn Độ) có một đại thương chủ tên Nan-đà giàu có thọ dụng đầy đủ, tài sản cất chứa như Thiên vương Tỳ sa môn. Thương chủ cưới người con gái trong dòng tộc làm vợ sống rất hạnh phúc nhưng đã lâu vẫn chưa có con. Ông thường đến miếu đền cầu khẩn nhưng vẫn không được như sở nguyện, tuy nhiên có ba nguyên nhân hội hợp thì có thể có con: Một là cha mẹ giao hợp, hai là thân người mẹ sạch ứng hợp với có thai và ba là thân trung ấm hiện tiền. Lúc đó do nghiệp duyên của thương chủ hội họp nên có thần thức của một vị trời từ trời Thắng diệu xuống nhập thai nơi vợ của thương chủ. Người vợ vui mừng nói cho chồng biết, người chồng liền

đưa vợ lên lầu cao tùy thời cung cấp săn sóc cho đến khi hài nhi ra đời. Người cha bồng con đến hỏi ý của tông thân nên đặt tên cho cháu là gì, mọi người nói: "Theo phép nước, đứa con sinh ra dung mạo đoan nghiêm ai nấy đều yêu mến thì nên đặt tên là Tôn-đà-la-nan-đà". Tôn-đà-la-nan-đà lớn khôn học thông cả bốn minh và tám môn học thuật, người cha vì thương con nên lúc nào cũng lo toan mọi việc không hề ngơi nghỉ. Tôn-đà-la-nan-đà nói: "Vì sao cha phải khổ sở lo toan suốt ngày?", người cha nói: "Con vui chơi suốt ngày thì có thể cai quản gia nghiệp được chăng, cho nên cha phải lo toan". Tôn-đà-la-nan-đà nghe cha nói rồi suy nghĩ: "Cha nói lời này là để cảnh giác mình", liền quỳ xuống thưa: "Nếu như vậy, xin cha cho con đi du phương để kinh doanh sản nghiệp", người cha nói: "Con cứ ở nhà, nhà ta giàu có, con cần gì phải đi xa cầu lợi". Tôn-đà-la-nan-đà nói: "Cha tuy giàu có nhưng con nhất định phải đi", người cha suy nghĩ: "Ta phải làm cho nó dứt tâm đi xa cầu lợi". Nghĩ rồi ông liền mở cửa kho chỉ cho con thấy vàng bạc châu báu đầy ắp trong kho rồi nói: "Nhà ta giàu có châu báu đầy kho, con cứ an vui hưởng thọ, tùy ý bố thí tu tạo phước điền, còn việc đi xa cầu lợi thì nên dứt tâm". Tôn-đà-la-nan-đà nói: "Cha có của cải chỉ cho con, nhưng con lấy gì để chỉ cho con của con". Người cha khen con nói chí lý rồi suy nghĩ: "Sau khi ta chết, con ta phải coi ngó gia nghiệp, nay ta nên dạy nó dần dần, cho nó đi đến phương khác kinh doanh cầu lợi, một là học kinh doanh, hai là được đi khắp đó dây để tâm không mê muội". Nghĩ rồi, ông liền nói cho vợ biết, người vợ nói: "Mình nghĩ đúng, hãy làm theo ý nghĩ của mình". Sau đó ông nói cho con biết ý nghĩ của mình và khuyến khích con đi xa kinh doanh cầu lợi. Lúc đó thương chủ Nan-đà liền cho người thông báo khắp trong thành ấp: "Thương chủ Tôn-đà-la-nan-đà nay muốn đem hàng hóa của cải đến phương khác kinh doanh cấu lợi, thương buôn nào muốn cùng đi thì qua cửa ải, bến sông, bến đò không phải đóng thuế, nếu có hàng hóa gì thì chuẩn bị để cùng đi". Có năm trăm thương buôn nghe được thông báo này liền chuẩn bị hàng hóa tiền bạc đợi ngày cùng đi. Trước khi đi, người cha làm tiệc đãi các thương buôn rồi nói: "Tôn-đà-la-nan-đà là con tôi, tôi đối với các vị cũng không có tâm riêng khác. Các vị đi đến phương xa kinh doanh cấu lợi phải tránh xa ba điều, đó la cờ bạc, rượu chè và nữ sắc. Nếu các vị thấy con tôi vấp trong ba điều này thì nên kịp thời can ngăn giùm, việc có Lợi-ích thì khuyến khích nó làm. các vị cùng nhau can ngăn làm điều ác, khuyến khích làm điều lành, nếu con tôi nghe theo thì tốt, nếu khôn nghe theo thì các vị cứ mua bán hàng hóa của mình rồi quay về báo cho tôi hay". Ông quay sang nói với Tôn-đà-la-nan-đà: "Con là con của cha, cha xem các vị thương buôn này cũng như

con không khác, vì vậy họ có khuyên nhắc điều gì con hãy nghe theo". Sau đó vào ngày giờ tốt thương chủ cùng đoàn thương buôn năm trăm người lên đường với nhiều hàng hóa, đoàn người ngựa dừng lại nghỉ ngơi trong một lữ quán cách thành Thất-la-phiệt một khoảng xa. Lúc đó tại thành Thất-la-phiệt có một dâm nữ tên là Hiền Thủ chuyên nghề bán sắc, nhan sắc mỹ miều khiến người say đắm, muốn qua đêm với cô phải mất năm trăm tiền vàng. Dâm nữ này nghe được tin có đoàn thương buôn năm trăm người từ thành Ốt-thệ-ny đến, thương chủ là Tôn-đà-la-nan-đà dung mạo đoan nghiêm đang dừng nghỉ tại một lữ quán, cô liền suy nghĩ: "Nếu ta không đoạt được hết tiền bạc của thương chủ này thì sao xứng danh là Hiền Thủ". Nghĩ rồi cô liền bảo thị nữ: "Tại lữ quán có một thương chủ tên là Tôn-đà-la-nan-đà giàu có, em hãy mang tràng hoa, hương thoa và y phục thượng hạng này đến cho thương chủ ấy, nói đây là tặng vật của đại gia Hiền Thủ sai tôi mang đến. Em hỏi ý của thương chủ như thế nào mà lại ở tại lữ quán ấy, hãy nên đến chỗ của đại gia tôi". Thị nữ vâng lời đến chỗ Tôn-đà-la-nan-đà nói y như lời chủ dặn, Tôn-đà-la-nan-đà nghe rồi nói: "Cô hãy về trước, tôi sửa soạn rồi sẽ đến sau". Thị nữ trở về báo lại, Hiền Thủ nghe rồi vui mừng cho người quét dọn trong nhà, rải hoa đẹp, xông hương thơm, sửa soạn giường ngồi giăng màn trương ngồi đợi thương chủ đến. Lúc đó Tôn-đà-la-nan-đà sau khi sửa soạn xong cùng tùy tùng lên xe ngựa đến nhà của Hiền Thủ, Từ xa Hiền Thủ đã trông thấy thương chủ dung mạo khác với người thường, hỏi thị nữ biết đúng là thương chủ Tôn-đà-la-nan-đà liền vui mừng nói kệ:

"Không luận giàu hay nghèo
Lương thiện hay thấp hèn
Chỉ cần dung mạo đẹp
Khiến tâm người nữ loạn".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 2

Học Xứ Thứ Nhất: ***HẠNH BẤT TỊNH*** *(Tiếp Theo)*

Lúc đó Tôn-đà-la-nan-đà xuống xe định vào nhà thì Hiền Thủ đã vội xuống lầu ra cửa đón tiếp, niềm nở đưa thương chủ vào nhà mời ngồi rồi hỏi tên thương chủ. Đáp: "Tôi tên Tôn-đà-la-nan-đà", Hiền Thủ nói: "Hay thay, tên với người thật tương xứng. Nếu cha mẹ chàng không đặt tên này thì em cũng dựa vào dung mạo, oai nghi của chàng mà gọi chàng là Tôn-đà-la-nan-đà". Thương chủ hỏi lại: "Nàng tên gì?", đáp: "Em tên Hiền Thủ". Thương chủ nói: "Hay thay tên thật tương xứng với người. Nếu cha mẹ nàng không đặt tên này thì tôi cũng dựa vào dung nhan của nàng mà gọi nàng là Hiền Thủ. Tôi mạn phép hỏi một đêm cùng nàng phải trả giá bao nhiêu?". Hiền Thủ nói: "Câu hỏi của chàng, ý sao phàm tục còn lời lại tầm thường như thế!". Thị nữ liền đáp: "Ngủ qua một đêm phải trả năm trăm tiền vàng". Tôn-đà-la-nan-đà liền bảo tùy tùng mỗi ngày mang đến đây năm trăm tiền vàng rồi ở lại hoan lạc cùng dâm nữ. Đối với người tham dục khó có sự thỏa mãn hay nhàm chán, tuy đã nhiều ngày đắm chìm trong hoan lạc nhưng Tôn-đà-la-nan-đà vẫn không có tâm từ bỏ. Lúc đó các thương buôn bàn luận: "Thương chủ đi vắng đã lâu, hiện nay ở đâu chúng ta không biết. Chúng ta đã nhận lời ủy thác của lão gia, nay phải đi tìm". Họ bèn hỏi gia nhân mới biết thương chủ đến nhà dâm nữ, liền cho người đến kêu về. Thấy thương chủ muốn ra về, Hiền Thủ liền nắm áo lại nói rằng: "Chàng biết không, có hai hạng người trên thế gian này có thể hưởng thọ dục lạc: Một là người có dung nhan đẹp đẽ, hai là thiếu niên cường tráng. Nay chàng có đủ hai điều này hãy nên hưởng thọ dục lạc, chừng nào tuổi già tóc bạc hãy đi cầu lợi". Thương chủ xiêu lòng bảo gia nhân: "Ngươi về trước, ta sẽ về sau". Gia nhân trở về báo lại, các thương buôn chờ mãi không thấy thương chủ trở về bèn cùng nhau đến nhà dâm nữ nói với người giữ cửa: "Hãy vào trong báo cho thương chủ biết, các bạn của thương chủ đang chờ ngoài cửa đón thương chủ về". Lúc đó thương chủ muốn ra về thì

lại bị Hiền Thủ níu lại nói rằng: "Chàng khoan đi, các vị ấy đến đây là ý muốn tìm gặp em, em không tiếp họ thì chàng cũng đừng đi". Do tham dục trói buộc nên Tôn-đà-la-nan-đà bảo gia nhân ra nói: "Các vị cứ về đi, khi nào tôi muốn về tôi sẽ trở về". Các thương buôn thấy thương chủ khó thể hồi tâm chuyển ý nên cùng nhau bán hàng hóa đã mang theo và mua lại những thứ cần mua rồi lên đường trở về. Kể từ hôm ấy gia nhơn không còn mang tiền tới cho dâm nữ nữa, Hiền Thủ hỏi thị nữ: "Vì sao họ không mang tiền tới nữa?", Thị nữ nói: "Đoàn thương buôn đã trở về hết rồi", lại hỏi: "Tiền bạc của Tôn-đà-la-nan-đà cũng mang về hết sao?", đáp: "Họ mang về hết". Hiền Thủ nghe nói như vậy nhưng vẫn ở với Tôn-đà-la-nan-đà thêm hai, ba đêm nữa rồi nói: "Tôi không có ruộng đất cũng không có nghề nghiệp buôn bán gì, chỉ nhờ vào đồng tiền của khách chơi mà sống. Chàng phải tính ngày đã ở rồi đưa tiền cho tôi, nếu không có thì mau ra khỏi nhà để tôi đón khách". Tôn-đà-la-nan-đà nói: "Nàng thật không có chút quyến luyến gì sao?". Hiền Thủ nói Chàng há không nghe:

"Kỷ nữ vốn cầu tiền
Không tiền thì từ bỏ
Như cây kia không trái
Chim chóc không đậu chuyền".

Tôn-đà-la-nan-đà nói: "Nếu khách đưa tiền thì nàng thuận ý, hết tiền thì nàng từ bỏ hay sao?". Đáp: Chàng há không nghe:

"Nếu trời kia mưa xuống
Núi sông đều tươi nhuận
Nam tử đưa tiền của
Kỷ nữ chuyển tình theo".

Tôn-đà-la-nan-đà nói: "Quả kỷ nữ là người không thể tin được", Hiền Thủ nói:

"Dâm nữ mỗi chiều đến
Xem người như thân mình
Về khuya lòng nhạt dần
Sáng ra vất như cỏ".

Tôn-đà-la-nan-đà nói: "Hễ khách có tiền thì nàng tha thiết mặn nồng, hết tiền thì nàng xua đuổi".

Đáp:

"Nếu người có tiền của
Dâm nữ vội yêu thương
Như bò thích cỏ mềm

Tiền cạn hết kẻ thương".

Tôn-đà-la-nan-đà biết tình kia đã đổi thay nên định ra đi, Hiền Thủ liền suy nghĩ: "Tôn-đà-la-nan-đà dung mạo đoan nghiêm, khó tìm được người như vậy. Nay hãy còn vắng khách, ta nên lưu giữ lại". Nghĩ rồi liền níu áo lai nói: "Người trong nhà có thể không nói đùa được sao, tôi nói đùa mà chàng cho là thật ư?". Tôn-đà-la-nan-đà vốn còn say đắm dâm nữ nên liền ở lại không đi nữa. Sau đó có khách đưa năm trăm tiền vàng đến, dâm nữ liền cùng khách hành dâm trước mặt Tôn-đà-la-nan-đà, Tôn-đà-la-nan-đà bèn suy nghĩ: "Khổ thay, dâm nữ thật vô tình, ở trước mặt ta mà vẫn làm như thế", nghĩ rồi liền từ bỏ ra đi, vì không hiểu rành đường sá nên lạc hướng không biết phải đi đâu. Lúc đó có một Bí-sô khất thực từ trong thành đi ra, Tôn-đà-la-nan-đà liền đi theo sau, Bí-sô về đến chùa đặt bát xuống, lấy đãy lượt nước ra, dập giũ y Tăng-kỳ-chi rồi rửa tay chân, sau đó ngồi thọ thực, thấy Tôn-đà-la-nan-đà đứng trước mặt liền hỏi: "Có thể ăn thức ăn dư này không?". Tôn-đà-la-nan-đà suy nghĩ: "Nếu ta không ăn, ta sẽ khốn đốn vì đói", nghĩ rồi liền nói muốn ăn. Bí-sô liền đưa thức ăn dư cho ăn rồi hỏi: "Hiền giả từ đâu đến?", đáp: "Thánh giả, con tên là Tôn-đà-la-nan-đà, con của thương chủ Nan-đà ở thành Ốt-thệ-ny. Con cùng với năm trăm thương buôn và nhiều hàng hóa đến phương khác kinh doanh cầu lợi, khi đến nơi đây con vì mê say tình dục cùng với dâm nữ nên tất cả tiền bạc đều không còn, bây giờ một thân đơn độc chịu nhiều gian khổ". Bí-sô nói: "Nếu vậy sao không xuất gia?", Tôn-đà-la-nan-đà suy nghĩ: "Nếu ta trở về nhà ắt sẽ bị chê cười, chỉ còn cách ở đâu yên thân thì ta ở đó". Nghĩ rồi Tôn-đà-la-nan-đà nói muốn được xuất gia, Bí-sô liền như pháp như luật cho xuất gia thọ cụ giới rồi dạy hành pháp Bí-sô, dạy xong nói rằng: "Này cụ thọ, Nai không nuôi Nai, thành Thất-la-phiệt rất rộng, thầy nên đến đó khất thực tự sống". Tôn-đà-la-nan-đà vâng lời sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, lúc đó dâm nữ hối tiếc vì đã để Tôn-đà-la-nan-đà ra đi bèn bảo thị nữ: "Nếu ngươi gặp Tôn-đà-la-nan-đà thì mời về đây cho ta". Tôn-đà-la-nan-đà do đường quen lối cũ nên đi một vòng lại đi đến nhà dâm nữ, thị nữ vừa trông thấy liền chạy vào báo, dâm nữ liền bảo mời vào, thị nữ nói: "Tôn-đà-la-nan-đà nay đã xuất gia", dâm nữ nói: "Dù đã xuất gia cũng vẫn mời vào". Tôn-đà-la-nan-đà vừa vào trong nhà, dâm nữ liền đấm ngực nói: "Vì sao chàng lại bỏ em mà đi xuất gia?", đáp: "Nàng đã bạc tình lại tham tiền của khinh khi tôi, làm sao tôi không vứt bỏ tục lụy cho được?". Dâm nữ nói: "Thánh giả, dâm nữ vốn nhiều tội lỗi, nay em mới phạm một tội xin Thánh giả dung thứ, thân em và của cải này đều thuộc về Thánh giả, xin thánh giả cùng em chung sống vui vẻ như trước". Đáp: "Nàng là người

vô trí, trước kia tôi có tiền đều bị nàng làm cho tiêu tán hết, nay nàng lại muốn làm cho tôi phá giới nữa hay sao?". Dâm nữ nói: "Dù xúc chạm bên trong, tinh tiết ra ngoài hoặc xúc chạm bên ngoài, bên trong tinh tiết ra thì cũng chưa thành phá giới". Tôn-đà-la-nan-đà nghe rồi suy nghĩ: "Há chẳng phải Bí-sô lúc đi khất thực cũng đã làm việc ấy, nếu không thì làm sao biết được việc này". Tôn-đà-la-nan-đà là người tham dục, nghe nói như vậy liền cùng dâm nữ làm việc phi pháp. Sau khi thỏa mãn rồi, dâm nữ đem thức ăn ngon sớt vào đầy bát đưa cho Tôn-đà-la-nan-đà rồi nói: "Thánh giả nếu cần gì thì cứ đến đây". Tôn-đà-la-nan-đà thọ thực rồi trở về chùa, lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng về pháp lìa tham sân si được tâm và tuệ giải thoát. Tôn-đà-la-nan-đà nghe pháp xong trong lòng sầu muộn, hối hận vì đã làm việc phi pháp, dáng vẻ xấu hổ, hình dung héo rũ như cỏ lau phơi dưới nắng hè. Các Bí-sô hỏi: "Này cụ thọ, thầy bị thân bịnh hay là tâm bịnh?". Tôn-đà-la-nan-đà hổ thẹn không trả lời, lúc đó có thầy thuốc đi ngang qua, các Bí-sô mời vào xem bịnh cho Tôn-đà-la-nan-đà, thầy thuốc xem bịnh xong liền nói: "Cụ thọ này thân không có bịnh hoạn chi, chỉ là tâm bị thiêu đốt". Các Bí-sô hỏi: "Tâm bị thiêu đốt chữa như thế nào?", đáp: "Thánh giả, tôi chỉ chữa được thân bịnh, không chữa được tâm bịnh, các Bí-sô mới chữa được tâm bịnh". Các Bí-sô hỏi: "Này cụ thọ, thầy không có cha me thân thích, chỉ có chúng tôi là người đồng phạm hạnh, là chỗ quen biết thân thiết với thầy, thầy nên thật giải bày cho chúng tôi được rõ". Tôn-đà-la-nan-đà liền kể lại sự việc đã xảy ra cho các Bí-sô nghe, các Bí-sô nói: "Ai ngờ hoa mùa xuân lại gặp phải mưa đá, thầy vừa thọ viên cụ thì ghẻ lở lại sanh". Các Bí-sô không vui bỏ đi, đến chỗ Phật đem sự việc này bạch Phật, Phật nói: "Người ngu si này phạm Ba-la-thị-ca".

Trường hợp Bí-sô đang ngủ:

Lúc đó Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, trong thành có một trưởng giả vừa cưới vợ xong, người vợ liền qua đời, cho đến người vợ thứ bảy đều lần lượt qua đời, cho nên người đương thời gọi ông là người giết vợ, từ đó trở đi ông không thể cưới ai làm vợ được nữa, không ai còn muốn gả con cho ông nữa, thậm chí đàn bà góa cũng không muốn làm vợ ông. Ông phải một mình lo liệu hết mọi việc trong nhà. Thời gian sau có người bạn đến thăm, sau khi hỏi biết rõ mọi việc người bạn này giới thiệu cho ông một dâm nữ đã bỏ nghề, ông bất mãn nói: "Tôi đâu thể cưới phường dâm nữ", người bạn nói: "Bà ta bỏ nghề đã lâu rồi, ông đến tìm hiểu thử xem". Ông trưởng giả nghe lời đến nhà bà dâm nữ, sau khi xả giao vài ba câu, ông hỏi: "Trước kia bà hành hạnh đầu đà nghề không tốt nay đã thay đổi chưa?", đáp: "Tôi đã bỏ pháp ác ấy từ lâu rồi". Ông trưởng giả

nghe rồi liền đề nghị: "Nếu thật như vậy thì bà hãy cùng tôi chung sống, tôi sẽ cung cấp cho bà cơm áo còn việc nhà sẽ giao phó cho bà lo liệu". Bà dâm nữ này nghe rồi bằng lòng về chung sống với ông trưởng giả, lo liệu hết mọi việc trong nhà, nhờ cơm áo đầy đủ không bao lâu sau bà trở nên phì nộn. Trước cửa nhà ông trưởng giả có các cô đào hát, họ muốn cùng nhau đến rừng Thệ-đa, bà nói đợi bà đi cùng nhưng trong khi bà đang sửa soạn thì họ bỏ đi trước. Các cô đào này vào trong chùa đi khắp nơi tham quan, đến trước phòng của một Bí-sô không có đóng cửa, thấy Bí-sô này đang ngủ, áo quần xốc xếch, thân hình lộ bày sanh chi khởi lên. Thấy vậy các cô đào này bụm miệng cười rồi đi ra, lúc đó bà dâm nữ vừa đến thấy các cô này vừa đi ra vừa cười bèn quở: "Tại sao lại cười, các cô không biết vào trong chùa cười mắc quả báo súng răng hay sao?". Các cô đào này lặng thinh bỏ đi, bà dâm nữ thầm nghĩ: "Không biết các cô này vào bên trong chùa thấy gì mà cười như vậy, ta hãy vào trong xem thử". Khi bà đi đến trước phòng của Bí-sô không có đóng cửa, thấy Bí-sô này đang ngủ áo quần xốc xếch, thân hình lộ bày sanh chi khởi lên. Thấy rồi dâm tình tác động, bà liền ở trên thân Bí-sô làm việc phi pháp, Bí-sô này ngủ say không hay biết. Lúc đó dâm nữ thầm nghĩ: "Dâm nữ chúng ta xưa nay biết sáu mươi bốn cách hành hạnh đầu đà dâm, nay nhờ người xuất gia này biết thêm cách sáu mươi lăm là ngủ say không biết mà vẫn thọ dục lạc". Sau khi thỏa mãn dục tình rồi, bà đánh thức Bí-sô dậy rồi nói: "Thánh giả, nhà tôi ở tại , nếu Thánh giả cần gì thì cứ đến đó". Bí-sô này đáp: "Bà là người ngu si đã là nhơ nhớp trú xứ của Tăng, nay tôi vô tâm thọ việc xấu xa này, há lặp lại việc này ở nhà của bà hay sao?". Dâm nữ nghe xong lặng thinh bỏ đi. Lúc đó Bí-sô trong lòng hổ thẹn không biết mình có phạm tội Tha thắng hay không, bèn đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi Bí-sô này: "Tâm thầy có thọ lạc không?", đáp: "Lúc đó con ngủ say nên không có tâm thọ lạc". Phật nói: "Bí-sô này không phạm do không có tâm thọ lạc, nhưng ta vì các Bí-sô ở gần thôn xóm mà chế pháp hành này: Nếu Bí-sô ở chùa gần thôn xóm, ban ngày ngủ phải đóng cửa, hoặc bảo Bí-sô trông coi hoặc cột chặt quần dưới, ai không y theo thì hông vừa dính chiếu liền phạm Ác-tác".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc trong thành có một Bí-sô ở nơi A-lan-nhã tu thiền được bốn tỉnh lự, thường đến đảnh lễ Thế Tôn và các Bí-sô kỳ túc. Bí-sô này mắc bịnh ghẻ lở, Bí-sô quen biết thấy thế liền hỏi sao không tìm thầy thuốc chữa trị, Bí-sô Lan-nhã nói: "Có một sự thật chắc chắn sẽ đến mà người thế gian đều không ưa thích, nhưng không một ai tránh khỏi đó là cái chết. Ghẻ lở này đến trên thân tôi sẽ cùng

tôi đi đến cái chết thì cần gì chữa trị". Bí-sô quen biết nói: "Như Thế Tôn nói người trì giới sống lâu có nhiều phước nghiệp được tăng trưởng, phước nghiệp tăng trưởng thì thọ phước lạc cõi trời lâu dài, cho nên thầy cần tìm thầy thuốc chữa trị". Bí-sô Lan-nhã nghe lời tìm đến thầy thuốc hỏi phương thuốc trị ghẻ lở, thầy thuốc nói: "Thánh giả, sau bữa ăn trưa lấy dầu mè thoa khắp người rồi ngồi dưới ánh mặt trời sẽ được thuyên giảm". Bí-sô nói: "Xin ông cho tôi loại dầu đó", thầy thuốc nói: "Thánh giả, tôi chỉ cho phương thuốc chứ không thể cho thuốc, nếu ai đến hỏi tôi cũng cho thuốc thì tôi ắt sẽ bần cùng. Tuy nhiên có ông trưởng giả ở tại , trước đây cũng mắc bịnh ghẻ lở này, tôi có chỉ ông ấy nấu dầu mè chữa trị, Thánh giả đến đó xin ắt sẽ được". Bí-sô nói sợ ông ấy không cho, thầy thuốc nói: "Ông ấy chánh tín Tam bảo ắt sẽ cho". Bí-sô cám ơn rồi cáo từ tìm đến nhà ông trưởng giả, trưởng giả vừa thấy liền hỏi: "Thánh giả mắc bịnh ghẻ lở sao?", đáp phải, trưởng giả liền chỉ cách trị giống như thầy thuốc đã chỉ, Bí-sô nói: "Thầy thuốc chỉ tôi đến đây, nếu ông còn dầu đó cho tôi một ít, ông sẽ được phước quả". Trưởng giả nói: "Nếu Thánh giả trưa nay thọ tôi cúng dường, tôi sẽ dâng dầu mè cho Thánh giả". Bí-sô nhận lời, trưởng giả thiết bày thức ăn ngon cúng dường rồi lấy bát nhỏ đựng đầy dầu mè đưa cho Bí-sô, Bí-sô thọ và chú nguyện cho trưởng giả rồi cáo từ ra về. Về đến A-lan-nhã, Bí-sô mặc áo xấu rách, thoa dầu khắp người rồi ngồi dưới nắng, do cảm thấy dễ chịu nên ngủ thiếp đi. Lúc đó có loài trùng Ốt-chỉ-trưng-già cắn trong nam căn nên sanh chi khởi lên, thân hình lộ bày, một người nữ mập khỏe đi tìm hốt phân bò gần đó trông thấy dục tình khởi lên, liền ở trên thân của Bí-sô này làm việc phi pháp, Bí-sô thức giấc nhưng sức yếu chống cự không lại, người nữ ấy sau khi thỏa mãn dục vọng rồi nói: "Thánh giả, nhà tôi ở tại ,Thánh giả cần gì thì cứ đến đó". Bí-sô nói: "Bà là người ngu si đã làm nhơ nhớp chốn A-lan-nhã, tôi vô tâm thọ việc xấu xa này, há có thể lặp lại việc này ở nhà của bà hay sao?". Người nữ lặng thinh bỏ đi, Bí-sô trong lòng hổ thẹn không biết mình có phạm tội Tha thắng không, bèn đem sự việc này bạch các Bí-sô , các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi Bí-sô Lan-nhã: "Thầy có tâm thọ lạc không?", đáp: "Bạch Thế Tôn, con đã lìa dục nên không có tâm thọ lạc". Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô này không phạm vì không có tâm dục, nhưng ta vì các Bí-sô ở nơi A-lan-nhã mà chế hành hạnh đầu đà pháp này: Bí-sô ở A-lan-nhã, chung quanh chỗ ở phải làm hàng rào ngăn cách, khi ngủ nên bảo Bí-sô khác trông coi hoặc cột chặt quần dưới, ai không hành theo thì phạm Ác-tác". Lúc đó các Bí-sô có nghi bạch Phật: "Vì sao Bí-sô Lan-nhã này đã đắc tứ thiền, xa lìa dục nhiễm mà sanh chi còn khởi?". Phật nói: "Có năm nhơn duyên khiến người chưa lìa dục, sanh

chi khởi: Một và hai là khi đại tiểu tiện bức bách, ba là thế lực của gió bức bách, bốn là bị trùng Ốt-chỉ-trưng-già cắn, năm là dục nhiễm hiện tiền. Có bốn nhơn duyên khiến người lìa dục, sanh chi khởi: Một và hai là khi đại tiểu tiện bức bách, ba là thế lực của gió kích thích, bốn là bị trùng Ốt-chỉ-trưng-già cắn. Bí-sô Lan-nhã này bị trùng Ốt-chỉ-trưng-già cắn nên sanh chi khởi chưa không phải do dục nhiễm". Lúc đó các Bí-sô lại có nghi bạch Phật: "Bí-sô Tô Trận Na con của Yết-lan-đạc-ca trong lúc trong Tăng chưa phát sanh tội lỗi, chưa có hoen ố, nhơn duyên gì lại là người đầu tiên làm cho hoen ố làm hạnh bất tịnh?". Phật nói: "Các thầy nên biết, Bí-sô ấy không phải ngày nay mới là người đầu tiên phát sanh tội lỗi, làm cho hoen ố; mà trong thời quá khứ cũng là người đầu tiên phát sanh tội lỗi làm cho hoen ố. Các thầy lắng nghe: Lúc thế giới gần bị hủy hoại có nhiều hữu tình sanh lên cõi trời Quang Âm, diệu sắc ý thành, chi thể viên mãn, các căn không khiếm khuyết, thân có ánh sáng, bay tự tại trong hư không, lấy hỉ lạc làm thức ăn được trường thọ. Thuở đó đại địa là một biển nước, biển nước này do gió kích động hòa hợp thành một loại như sữa nấu chín, khi lạnh thì đông lại, sắc hương mỹ vị đều đầy đủ. Khi thế giới này thành, do phước mạng hết nên loài hữu tình từ cõi trời Quang Âm chết sanh xuống thế giới này làm người, diệu sắc ý thành, các căn đầy đủ, thân có ánh sáng, bay tự tại trong hư không, lấy hỉ lạc làm thức ăn và được trường thọ. Lúc đó trong thế giới này không có mặt trời, mặt trăng và tinh tú, không có thời gian vận hành nên không phân biệt ngày đêm năm tháng và nam nữ, chỉ biết kêu nhau là "Tát đỏa" mà thôi. Lúc đó có một hữu tình tò mò dùng tay nếm thử vị đất liền sanh đắm nhiễm, từ đó đưa đến đoàn thực. Các hữu tình khác lần lượt bắt chước ăn vị đất, do ăn vị đất thân hình nặng dần, ánh sáng nơi thân cũng nhạt dần rồi mất hẳn, thế giới rơi vào cảnh tối tăm. Khi thế giới tối tăm, bổng nhiên phát sanh mặt trời, mặt trăng và tinh tú, tự nhiên thời gian vận hành và phân biệt được ngày đêm năm tháng. Các hữu tình tuy ăn vị đất nhưng vẫn được trường thọ, hữu tình nào ăn ít thì thân còn có ánh sáng, hữu tình nào ăn nhiều thì không còn nên sanh có đẹp xấu. Do có đẹp xấu nên sanh so sánh phân biệt, người đẹp coi thường người xấu nên pháp ác liền sanh, pháp ác sanh thì vị đất cũng mất. Khi vị đất mất, các hữu tinh tụ họp lại một chỗ ưu sầu kêu lên 'kỳ lạ thay mỹ vị', tiếng kêu mang đầy sự nuối tiếc. Tuy vị đất mất nhưng các hữu tình này còn phước lực nên bánh đất xuất hiện đầy đủ sắc hương vị, nhờ đó được trường thọ. Hữu tình nào ăn ít thì thân còn có ánh sáng… như trên đưa đến pháp ác sanh khiến bánh đất biến mất. Khi bánh đất mất các hữu tình tập họp lại một chỗ kêu lên "Khổ thay", tiếng kêu mang đầy sự tiếc nuối. Tuy bánh đất mất nhưng các

hữu tình này con phước lực nên có rừng cây xuất hiện đây đủ sắc hương vị, nhờ đó được trường thọ. Hữu tình nào ăn ít thì thân còn có ánh sáng… như trên đưa đến pháp ác sanh khiến rừng cây biến mất. Khi rừng cây biến mất, các hữu tình tập họp lại một chỗ kêu lên "Người đã lìa bỏ tôi", tiếng kêu mang đầy sự tiếc nuối. Tuy rừng cây mất nhưng các hữu tình này còn phước lực nên lúa diệu hương xuất hiện, không trồng mà tự mọc, sáng chiều liền thu hoạch, thu hoạch xong lúa lại tự sanh, nhờ vậy nên các hữu tình được trường thọ. Vì thức ăn lúc bấy giờ là đoàn thực nên ăn xong sau đó phải thải căn bả ra ngoài, nên hai đường đại tiểu liền liền sanh, do đây phát sanh nam nữ sai khác và đắm nhiễm nhau, do đắm nhiễm nên thân gần làm điều phi pháp. Các hữu tình khác trông thấy liền lấy đá gạch quăng ném quở mắng và đuổi ra ngoài chúng hữu tình. Xưa kia là như vậy nhưng nay thì khác, vào ngày cưới họ dùng hương hoa tung ném chúc mừng nhau. Xưa cho là phi pháp nay thành hợp pháp; xưa chê trách khinh tiện, nay cho là hỉ sự. Thuở đó những hữu tinh làm điều phi pháp bị đuổi ra ngoài liền tụ tập nhau lại xây dựng phòng xá, đây là khởi nguyên của xây dựng nhà cửa gọi là gia thất; hữu tình nào không làm pháp ác đó, điều phục được sáu căn thì gọi là Thắng nhơn. Người đầu tiên làm điều phi pháp, làm ô uế hữu tình thuở đó không ai khác, chính là Tô Trận Na. Ở trong giáo pháp ta, trước không có hoen ố, nay sanh hoen ố cũng chính là Tô Trận Na. Vì vậy các Bí-sô phải hàng phục tâm tham nhiễm sân si, chớ có buông lung".

Học Xứ Thứ Hai: ***KHÔNG CHO MÀ LẤY***

Trường hợp Đàn-ni-ca:

Phật ở trong Trúc lâm bên ao Yết lan đác ca thành Vương xá, lúc đó có Bí-sô Đàn-ni-ca trước kia là con của ông thợ gốm, đang ở tại một thảo am nơi A-lan-nhã. Khi Đàn-ni-ca vào thành Vương Xá khất thực, đám chăn trâu, chăn dê, kiếm củi đến thảo am của Đàn-ni-ca đập phá và gở lấy hết cây gỗ mang đi. Đàn-ni-ca trở về thấy thảo am đã bị đập phá liền tìm lấy cây gỗ làm lại thảo am khác để ở, như vậy đến ba lần đều bị đám người đó đến đập phá. Đàn-ni-ca suy nghĩ: "Sao mà quá khổ, quá cực nhọc như vậy, ta vừa đi khất thực liền bị đám người xấu đến đập phá thảo am của ta đến ba lần. Ta đã học hiểu nghề gốm tinh xảo của cha ông ta, tại sao ta không làm một cái thất bằng đất gạch nung". Nghĩ rồi Đàn-ni-ca liền tự đào đất, dùng nước không có trùng trộn với đất làm thành bùn nhuyễn bắt đầu xây nền móng trước, sau đó xây tường vách, bên trong lợp trần, bên trên lợp mái, trổ cửa cái và cửa sổ. Đợi bùn khô Đàn-ni-ca-lấy màu sắc tô vẽ rồi dùng củi, cỏ và phân bò nung, sau khi nung xong ngôi nhà có màu sắc đỏ

như bông kim tiền. Đàn-ni-ca vui mừng vì thấy ngôi nhà do chính mình xây dựng được thành công tốt đẹp, sau đó Đàn-ni-ca nhờ Bí-sô ở gần trông coi giùm ngôi nhà khi ra ngoài đi du hóa. Lúc đó Thế Tôn muốn đi tuần tra trú xứ nên bảo A-nan-đà: "Thầy đi báo cho các Bí-sô biết Như Lai nay muốn đi tuần tra trú xứ, các Bí-sô nào muốn cùng đi thì nên mang theo y bát". A-nan-đà vâng lời đi thông báo, các Bí-sô liền mang y bát đi đến chỗ Thế Tôn, Thế Tôn cùng các Bí-sô tuần tự đi đến thất của Đàn-ni-ca , thấy ngôi nhà này được xây bằng đất nung có màu sắc đỏ như bông kim tiền, Thế Tôn liền hỏi là nhà của ai, các Bí-sô bạch Phật: "Đây là nhà của Đàn-ni-ca con ông thợ gốm đã tự xây cất". Phật bảo các Bí-sô: "Hãy phá bỏ ngôi nhà này vì các ngoại đạo sẽ phỉ báng Như lai rằng: Sa môn Kiều-đáp-ma còn ở đời mà trong chúng Thanh văn đã có người làm pháp hữu lậu như vậy, huống chi là diệt độ". Các Bí-sô vâng lời đập bỏ, đợi ngôi nhà đập bỏ rồi Thế Tôn mới bỏ đi, không bao lâu sau Đàn-ni-ca trở về thấy ngôi nhà bị đập phá liền hỏi Bí-sô ở gần là ai đã đập. Bí-sô nói: "Chính là đức Đại sư bảo các Bí-sô phá bỏ", Đàn-ni-ca tự nói: "Nếu là pháp chủ Thế Tôn bảo các Bí-sô phá bỏ thì đây là việc làm đúng pháp". Trong thành Vương Xá có vị Đại thần trông coi cây gỗ là bạn thân quen với Đàn-ni-ca trước kia, lúc đó Đàn-ni-ca chợt nghĩ đến vị Đại thần này, muốn đến chỗ ông ta tìm gỗ để xây lại ngôi nhà. Nghĩ rồi liền đến chỗ Đại thần này nói: "Quan có biết không, vua Vị-sanh-oán nước Ma-kiệt-đà trước có hứa cho tôi gỗ, nay muốn lấy dùng Quan có thể đưa cho tôi được không?", đáp: "Thánh giả, nếu Đại vương đã hứa cho thầy gỗ thì tốt rồi, Thánh giả tùy ý lấy". Thật tế các loại gỗ đã có trong thành đều do vua Vị-sanh-oán coi giữ, được cất giữ chắc chắn để danh tu bổ những chỗ bị sụp đổ trong thành Vương Xá, phải khó khăn lắm mới dự trữ được số gỗ này nên vua không hứa cho một ai khác. Lúc đó Đàn-ni-ca chọn lấy một cây cưa chặt rồi chở đi, vị Đại thần canh giữ cửa thành trông thấy liền kinh hoàng suy nghĩ: "Phải chăng nước Ma-kiệt-đà của vua Vị-sanh-oán có oán tặc xâm nhập thành? Cây gỗ này do vua coi giữ không hứa cho ai, tại sao có người lấy cưa chặt mang đi?". Nghĩ rồi ông vội đến chỗ quan trông coi cây gỗ nói điều vừa mình trông thấy và ý nghĩ của mình rồi hỏi: "Quan có đem cây gỗ đó cho ai không?", đáp: "Tôi không dám đem cây gỗ cho ai, nhưng Bí-sô Đàn-ni-ca đến nói với tôi là vua Vị-sanh-oán đã hứa cho gỗ nên nay muốn lấy, tôi nói nếu vua đã hứa cho thì Thánh giả tùy ý lấy, chắc cây gỗ đó là do Bí-sô Đàn-ni-ca mang đi". Đại thần canh giữ thành liền đem sự việc này đến tâu với vua rồi nói: "Xin Đại vương nhớ lại là đã có hứa cho ai gỗ không?", vua nói: "Trẫm nhớ là chưa bao giờ hứa cho ai gỗ". Vua liền cho gọi quan trông coi gỗ đến,

vị quan này vội vã đến chỗ vua, lúc đó Đàn-ni-ca có việc vào thành Vương Xá , quan trông coi gỗ từ xa trông thấy liền đến than phiền rằng: "Thánh giả biết chăng, vì thầy lấy cây gỗ đó mà vua cho gọi tôi". Đàn-ni-ca nói: "Quan đi đến trước tôi sẽ tới sau". Dù đến trước hay sau cả hai đều phải đứng ngoài cửa chờ, sứ giả vào tâu vua: "Đại vương, quan trông coi gỗ hiện ở ngoài cửa, còn có Bí-sô tuy vua không gọi cũng đến hiện ở ngoài cửa". Vua bảo: "Quan trông coi gỗ khoan bảo vào, hãy gọi người xuất gia vào trước". Sứ giả lui ra truyền Bí-sô vào đến trước vua, vua hỏi: "Thánh giả, người khác không cho gỗ có được tự tiện lấy đi không?", đáp không được, vua nói: "Nếu thế sao thầy dám lấy gỗ của tôi mang đi?", đáp là vua trước đã cho, vua nói: "Tôi không nhớ là đã cho". Đàn-ni-ca nói: "Lẽ nào vua không nhớ, khi vua mới lên ngôi đứng trước quần chúng, cất tiếng như sư tử nói rằng: Trong nước ta nếu sa môn, Bà-la-môn, người giữ giới tu thiện không trộm cắp thì trong xứ sở ta bất cứ chỗ nào có cỏ cây và nước đều được tùy ý lấy dùng". Vua nói: "Tôi căn cứ vào vật vô chủ mà nói lời nói đó, còn cây gỗ là vật có người coi giữ, vì sao thầy lại lấy?". Đàn-ni-ca nói: "Vua đã dựa vào vật vô chủ để nói thì việc này đâu có can hệ gì". Vua nghe xong liền nổi giận, lông mi dựng ngược, trợn mắt nói: "Sa môn đáng chết, nhưng ta không thể giết, thầy hãy đi ngay, từ nay về sau không được làm như vậy nữa". Lúc đó mọi người đều xôn xao bàn tán: "Thật kỳ lạ hiếm thấy, vua Vị-sanh-oán nước Ma-kiệt-đà tánh vốn bạo ngược nóng nảy, sa môn tội đáng chết mà vua chỉ quở trách rồi thả đi". Trở về đến trú xứ Đàn-ni-ca nói với các Bí-sô: "Vừa rồi tôi suýt bị vua Vị-sanh-oán giết", các Bí-sô hỏi nguyên do, Đàn-ni-ca bèn kể lại sự việc đã xảy ra, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo cụ thọ A-nan-đà: "Thầy đắp y Tăng-kỳ-chi cùng một Bí-sô vào thành Vương Xá đến chỗ đông người tụ tập hoặc Bà-la-môn, cư sĩ, thương chủ, người có lòng tin hay không có lòng tin đều hỏi họ rằng: Lấy cắp vật đáng giá bao nhiêu thì pháp vua xử tội chết". A-nan-đà vâng lời Phật vào thành hỏi, mọi người đều nói: "Lấy cắp vật đáng giá năm ma sái hoặc hơn năm ma sái thì vua xử tội chết". Hỏi xong A-nan-đà trở về bạch Phật: "Như lời Phật dạy con vào thành hỏi, mọi người đều nói nếu lấy cắp vật đáng giá năm ma sái hay hơn năm ma sái thì pháp vua sẽ xử tội chết". Lúc đó Phật do nhân duyên này nhóm các Bí-sô lại, biết mà vẫn hỏi không phải không biết mà hỏi; đúng thời mới hỏi, không đúng thời không hỏi; có Lợi-ích mới hỏi, không Lợi-ích không hỏi, hỏi để phá trừ nghi hoặc, vì Lợi-ích nên hỏi: "Này Đàn-ni-ca con ông thọ gốm, thầy thật đã làm việc không đúng đắn là lấy cây gỗ của vua phải không?", đáp: "Thật vậy, bạch Thế Tôn". Phật quở: "Việc thầy đã làm không phải sa môn, không

phải hạnh thanh tịnh, không phải hạnh tùy thuận, không phải là điều người xuất gia nên làm". Phật đủ lời quở trách rồi bảo các Bí-sô: "Ta quán thấy mười điều lợi cho đến điều thứ mười là khiến chánh pháp trụ lâu, nay vì các đệ tử Thanh văn nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô ở trong tụ lạc hay ở chỗ nhàn tỉnh vắng lặng lấy vật mà người khác không cho với tâm trộm cắp, khi lấy như vậy nếu vua hay đại thần bắt hoặc giết hoặc trói hoặc đuổi ra khỏi nước, mắng rằng: Này sa môn, thầy chính là giặc, ngu si không biết chi nên mới lấy cắp như vậy. Khi lấy cắp như thế thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca không cùng ở chung."

-nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Đàn-ni-ca và có ai khác giống như vậy.

- Chỗ nhàn tĩnh vắng lặng là ngoài phạm vi tường thành, hàng rào.

- Chữ Tha là chỉ cho Nam, nữ và huỳnh môn.

- Không cho mà lấy là không có người đưa cho, khởi tâm trộm cắp mà lấy.

- Khi lấy cắp như vậy là lấy năm ma sái hay hơn năm ma sái.

- Chữ vua là dòng Sát-đế-lợi hoặc Bà-la-môn, Phệ xá, Thủ-đà-la khi thọ nhận ngôi vị được quán đảnh, hoặc người nữ thọ ngôi vị được quán đảnh đều gọi là vua.

- Chữ đại thần là quan phụ tướng của vua, giúp vua trông coi việc nước.

- Chữ bắt là bắt giữ dẫn đến, giết là đoạn mạng sống, trói có ba

là gông cùm và xiềng xích, nói đuổi ra khỏi nước là không cho ở trong nước, mắng ngươi chính là giặc, ngu si không biết chi là lời khinh khi nhục mạ,

- Bí-sô là người được tánh Bí-sô, tức là người thọ viên cụ. Sao gọi là viên cụ? tức là bạch tứ yết ma như pháp thành tựu viên mãn, người tấn thọ cụ giới với tâm mong cầu thọ giới, tâm không sân hận, dùng lời nói biểu bạch, ngữ nghiệp hiển bày rõ ràng nên gọi là viên cụ.

- Nói phạm Ba-la-thị-Ca-là tội cực trọng, cực ác, nếu người nào vừa phạm tội này liền chẳng phải là sa môn, chẳng phải Thích ca tử, mất tánh Bí-sô. Trái tánh Niết-bàn, bị đọa lạc sụp ngã, người khác vượt trội lên trên, không thể cứu vớt, như cây Đa-la bị chặt ngọn không thể sống được.

- Nói không cùng ở chung là người này không được ở chung với các Bí-sô khác, khi Tăng yết ma bố tát, tự tứ, đơn bạch, bạch nhị, bạch tứ hoặc mười hai hạng người Tăng sai, người này không được dự phần.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Tổng Nhiếp Tụng:

Tự lấy ở trên đất
Hoặc trên không rơi xuống
Lụa, xe và dinh điền
Trốn thuế, loài không chân
Đàn đồ la, Thế-la
Tổng cộng là mười việc.
Biệt Nhiếp Tụng:
Tự lấy, không cho lấy,
Tâm trộm vật của người
Nghĩ là vật có chủ
Có ba, năm không đồng
Lại có bốn, bốn khác
Và hai, năm sai biệt
Đều thuộc vật quý trọng
Việc tùy xứ nên biết.

- Có ba tướng phạm nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Tự mình lấy, trông chừng cho người lấy và sai bảo người lấy. Sao gọi là tự mình lấy? tức là tự tay lấy cắp hoặc tự dẫn người đến lấy vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là trông chừng cho người lấy? tức là mình trông chừng cho người lấy hoặc trông chừng cho người dẫn họ đến lấy vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là sai bảo người lấy? tức là mình sai người đến lấy hoặc sai người dẫn họ đến lấy vật rời khỏi chỗ cũ.

- Lại có ba duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Người khác không cho, thể vật là quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là người khác không cho? Tức là vật của nam, nữ, huỳnh môn chưa được chính họ đưa cho. Sao gọi là thể vật quý trọng? Tức là đủ năm ma sái hay hơn năm ma sái. Sao gọi là vật rời khỏi chỗ cũ? Tức là dời từ chỗ này qua chỗ khác.

- Lại có ba duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: khởi tâm lấy cắp, khởi phương tiện lấy cắp và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là khởi tâm lấy cắp? Tức là khởi tặc tâm, có tặc tâm lấy cắp vật của người khác. Sao gọi là khởi phương tiện lấy cắp? Tức là dùng tay, chân hoặc bày mưu tính kế để lấy cắp.

- Lại có ba duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: vật có sở hữu chủ, thể vật quý

trong và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là vật có sở hữu chủ? Tức là vật quý trọng này thuộc sở hữu của nam, nữ hay huỳnh môn.

- Lại có ba duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: khởi tưởng có sở hữu chủ, thể vật quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là khởi tưởng có sở hữu chủ? Tức là Bí-sô tưởng vật này là của người khác hoặc của nam hay nữ… gìn giữ.

- Lại có bốn duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: vật sở hữu của người khác, khởi tưởng vật của người khác, thể vật quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ.

- Lại có bốn duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Có tâm lấy cắp, khởi phương tiện lấy cắp, thể vật quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ.

- Lại có bốn duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Người khác giữ gìn, tưởng là của mình, thể vật quý trọng, nhấc rời khỏi chỗ. Sao gọi là người khác giữ gìn? tức là người có vật quý trọng cất giữ hoặc tự giữ hoặc người hay binh lính canh giữ. Sao gọi là tưởng của mình? tức là người có vật quý trọng cất trong rương tủ, tưởng là của mình nói đây là vật của mình.

- Lại có bốn duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: vật có người gìn giữ tưởng không thuộc của mình, hoặc không có người gìn giữ tưởng thuộc của mình, thể vật quý trọng và nhấc rời khỏi chỗ. Sao gọi là có người giữ tưởng không thuộc của mình? như có kẻ cướp, cướp phá thành ấp, người giữ làng đoạt lại được gom lại một chỗ để coi giữ mà không nghĩ vật ấy là của mình. Sao gọi là không có người giữ tưởng thuộc của mình? Như có vật quý trọng cất trong rương tủ không có người coi giữ, tưởng của mình nên lấy.

- Lại có năm duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là không tưởng thuộc của mình, không tưởng thuộc của thân hữu, không tưởng chỉ dùng tạm, khi lấy không nói với người, có tâm lấy cắp.

- Lại có năm duyên Bí-sô không phạm, đó là khởi tưởng thuộc của mình, tưởng của thân hữu, tưởng chỉ dùng tạm, khi lấy nói cho người biết và không có tâm lấy cắp.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 3

Học Xứ Thứ Hai: ***KHÔNG CHO MÀ LẤY*** *(Tiếp Theo)*

Tướng phạm (Tiếp Theo):

Nhiếp tụng:

Hoặc ở trên mặt đất
Hoặc ở trong rương tủ
Hoặc ở nơi bãi trống
Đồng ruộng các cây thuốc.

Nếu Bí-sô biết vật quý trong của người để trên mặt đất như kiềng xuyến, chuỗi anh lạc… các thứ trang sức, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến lấy, khi chưa chạm đến đồ vật thì phạm Ác-tác; nếu chạm đến mà chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu nhấc rời khỏi chỗ gọi là trộm cắp, tính theo thời giá thành tội, đủ năm ma sái thì phạm Ba-la-thị-ca, không đủ thì phạm Tốt-thổ-la-để. Nếu mặt đất bằng phẳng trơn tru thì gọi là một chỗ, nếu gồ ghề hay có sụp lở, đắp vá hoặc có ghi chữ hay tô vẽ thì gọi là khác chỗ. Nếu trên bàn hay mâm bằng phẳng thì gọi là một chỗ, nếu có bể móp hay tô vẽ thì gọi là khác chỗ. Nếu vật quý trọng của người để trong sân như kiềng xuyến, anh lạc…, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện cho đến chưa chạm đồ vật thì phạm Ác-tác ; nếu xúc chạm nhưng chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu nhấc rời khỏi chỗ gọi là trộm cắp, tính theo thời giá thành tội như trên. Nếu lúa bắp… phơi trên sân bằng phẳng một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu đùn thành đống cao thấp không bằng nhau nhiều màu sắc thì gọi là khác chỗ. Nếu vật quý trọng của người khác cất trong hang, hầm như vật báu, anh lạc…, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện cho đến chưa chạm đồ vật thì phạm Ác-tác, nếu xúc chạm mà chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu đã nhấc rời khỏi chỗ theo thời giá định tội như trên. Nếu lúa bắp… cất chứa trong hang, hầm ngang bằng với cửa một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu không ngang bằng và chất cao thấp không bằng hoặc

có vách ngăn thì gọi là khác chỗ.

- Nếu trong đồng ruộng của người có các loại cây thuốc như Hương phụ tử, Hoàng khương, Bạch khương và các loại thuốc như Ô đầu…, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện cho đến chưa chạm đồ vật thì phạm Ác-tác, nếu đã xúc chạm nhưng chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu đã nhấc rời khỏi chỗ tính theo thời giá định tội như trên.

Nhiếp Tụng:

Nhà cửa có ba chỗ
Vật của chim ba loại
Tụng chú lấy đem giấu
Ba việc này không đồng.

- Nếu cái áo tạp sắc của người treo trên nhà, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện bắc thang leo lên hay dùng vật móc lấy, khi chưa chạm đến áo thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến áo nhưng chưa lấy rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu đã lấy rời khỏi chỗ tính theo thời giá định tội như trên.

- Nếu người giặt y đem phơi trên lầu, gió thổi rơi xuống chỗ Bí-sô kinh hành hoặc rớt xuống bên cửa, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện khi chưa chạm đến áo thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến áo nhưng chưa nhấc lên thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu đã nhấc lên định tội như trên.

- Nếu vật quý trọng của người cất trên lầu cao như vật báu các loại trang sức, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện dùng thang leo lên hay dùng vật móc lấy, khi chưa chạm đến vật thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến nhưng chưa nhấc lên cho đến đã nhấc lên khỏi chỗ cũ định tội như trên.

- Nếu có người ở trong nhà bên vườn ao trồng hoa và cây ăn trái, vào ngày lễ hội treo giăng các vật thượng diệu để trang nghiêm. Lúc đó có chim bay qua ngậm lấy hạt châu mang đi, nếu Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện bắt chim, khi chưa chạm đến hạt châu thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến nhưng chưa lấy rời khỏi chim, tưởng là vật của chim thì phạm Ác-tác, nếu lấy hạt châu rời khỏi chim tính giá đủ năm ma sái thì phạm Tốt-thổ-la-đề, không đủ thì phạm Ác-tác; nếu tưởng hạt châu này là của người, khi chạm đến hạt châu chưa lấy rời khỏi chim liền phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu lấy rời khỏi chim tính giá đủ năm ma sái thì phạm bổn tội, không đủ thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu trong vườn ao có nuôi các loại chim Anh vũ, Xá-lợi, Câu-la-chỉ, Mạng mạng… rồi dùng chuỗi anh lạc trang sức cho chúng, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện bắt chim, khi chưa chạm đến anh lạc thì phạm

Ác-tác; khi chạm đến vật nghĩ tưởng là vật của chim thì phạm Ác-tác, nếu lấy rời khỏi chim tính giá đủ năm ma sái thì phạm Tốt-thổ-la-đề, không đủ thì phạm Ác-tác; nếu nghĩ tưởng đây là vật của người khi vừa chạm đến anh lạc chưa lấy rời khỏi chim liền phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu lấy rời khỏi chim tính giá đủ năm ma sái thì phạm bổn tội, không đủ thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu có Bí-sô đối với hai loại phục tàng, một loại có chủ một loại không chủ; Bí-sô có ý muốn lấy phục tàng có chủ, từ chỗ ngồi đứng dậy làm Mạn-đồ-la ở bốn phương đóng địa la mộc, dùng chỉ năm màu cột lại, trong lò đốt các loại cây tạp, miệng tụng chú kêu gọi phục tàng có chủ đến, phục tàng không chủ đừng đến; lúc đó phục tàng có chủ theo lời chú gọi mà đến dù mắt chưa thấy đến vẫn phạm Tốt-thổ-la-đề , khi mắt thấy đến gọi là trộm cắp tính theo thời giá đủ năm ma sái thì phạm Bổn tội, không đủ thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu khi tụng chú kêu gọi phục tàng không chủ đến, phục tàng có chủ đừng đến; lúc đó phục tàng không chủ theo lời chú gọi mà đến, mắt chưa thấy đến thì phạm Ác-tác, khi mắt trông thấy đến tính theo thời giá đủ năm ma sái thì phạm Tốt-thổ-la-đề, không đủ thì phạm Ác-tác. Nếu đối với phục tàng có chủ hay không chủ vào thời gian khác nhau, tác pháp riêng lẻ để trộm lấy định tội cũng giống như trên.

Nhiếp tụng:

Nếu vật trên chiếu gia Hoặc ở trên tảng đá Cây hoa trái kỳ diệu Tùy chỗ việc nên biết.

- Nếu vật quý trọng của người để trên chiếu gia hay trên thảm như vật báu, các đồ trang sức, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy cắp, khi chưa chạm đến vật thì phạm Ác-tác; nếu đã chạm đến nhưng chưa nhấc rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu nhấc rời khỏi chỗ thì gọi là trộm cắp định tội như trên. Nếu chiếu thảm kia đồng một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu nhiều màu sắc khác nhau thì gọi là khác chỗ.

- Nếu vật quý trọng của người để trên tảng đá cho đến lấy không đủ năm ma sái thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu tảng đá trơn nhẵn một khối thì gọi là một chỗ, nếu có đục khoét hay trên có chữ hoặc tô vẽ với nhiều màu sắc thì gọi là khác chỗ. Có ba loại cây: Cây có hoa, cây có trái và cây kỳ diệu, nếu Bí-sô chặt với tâm lấy trộm hoa trái… tính giá định tội như trên.

Nhiếp Tụng:

Nếu vật trên yên ngựa
Và voi, ngựa, kiệu xe
Tùy mập ốm nên biết

Trộm thuyền việc sai khác.

- Nếu vật quý trọng của người để trên yên ngựa như vật báu…, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy, khi chưa chạm đến vật thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến nhưng chưa lấy rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-đề, cho đến lấy rời khỏi chỗ định tội như trên. Nếu trên yên ngựa dùng tấm trải một màu sắc thì gọi là một chỗ, nếu là tạp sắc thì gọi là khác chỗ.

- Nếu vật quý trọng của người để trên thớt voi như các vật báu… Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy, khi chưa chạm đến vật thì phạm Ác-tác, cho đến lấy rời khỏi chỗ định tội như trên. Con voi mập mạp da thịt tròn đầy thì gọi là một chỗ, nếu ốm gầy thấy xương sườn xương sống… thì tùy mỗi chỗ gọi là khác chỗ. Nếu trên mình voi có trang sức chuỗi anh lạc…, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy, khi chưa chạn đến anh lạc thì phạm Ác-tác, cho đến lấy rời khỏi chỗ định tội như trên. Nếu trên mình voi phủ tấm trải một màu sắc thì gọi là chỗ, nếu là tạp sắc thì gọi là khác chỗ. Cho đến xe ngựa, xe bò, kiệu… định tội cũng giống như trên.

- Nếu Bí-sô thấy thuyền đã cột neo, khởi tâm lấy cắp đi đến làm thuyền dao động thì phạm Ác-tác; nếu mở dây neo làm cho thuyền trôi theo dòng nước, mắt vẫn còn trông thấy thuyền thì phạm Tốt-thổ-la-đề khi thuyền khuất khỏi tầm mắt thấy tính theo thời giá đủ năm ma sái thì phạm bổn tội, nếu không đủ thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu chèo thuyền đi ngược dòng nước ở trong phạm vi tương tợ bề rộng của con sông thì phạm tội Căn bản, phạm vi chưa tới bề rộng con sông thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu chèo thuyền từ bờ này đến bờ kia cũng tính theo trong phạm vi tầm mắt thấy mà định tội như trên. Nếu kéo thuyền lên bờ trộm lấy mang đi cũng tính theo trong phạm vi tầm mắt thấy mà định tội như trên. Nếu trộm thuyền bằng cách nhận chìm dấu dưới bùn rồi sau đó tìm cách mang đi, khi thuyền vừa chìm xuống bùn liền thành tội trộm, định tội như trên. Nếu Bí-sô trộm vật rồi chôn hoặc đốt hoặc phá nghĩ rằng làm như vậy để vật thuộc về ta, không thuộc về người khác thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

Nhiếp Tụng:

Có ba loại ruộng đất,
Thuyền có ba loại khác
Ngỗng nhạn và ao hoa
Trộm nước, đồ săn lưới
Đệ tử chỉ bày giặc
Ba loại, việc không đồng.

Vào mùa thu có người làm ruộng và trồng trọt như lúa, bắp, mía…

nếu Bí-sô thấy trong ruộng của mình thiếu nước bèn ở nơi đồng nội có kênh nước chung, lấp không cho nước chảy vào ruộng của người và khơi cho nước chảy vào ruộng của mình, ý muốn cho ruộng mình được tốt còn ruộng người không được tốt. Kết quả ruộng mình tốt, ruộng người bị thiệt hại, tùy thiệt hại bao nhiêu tính theo thời giá định tội như trên. Ngược lại nếu thấy nước nhiều ở nơi kênh nước chung, khơi cho nước chảy vào ruộng người cho ngập úng và lấp không cho nước chảy vào ruộng mình, ý muốn cho ruộng mình được tốt còn ruộng người thì không. Kết quả ruộng mình tốt, ruộng người bị thiệt hại, tùy thiệt hại bao nhiêu tính theo thời giá định tội như trên.

Vật phân biệt có bốn loại: Một là thể vật và giá đều trọng như ma ni, chơn châu, lưu ly, kha bối…; hai là thể vật khinh nhưng giá trọng như tơ lụa, nhung gấm, uất kim hương…; ba là thể vật trọng nhưng giá khinh như chì, thiết, sắt…; bốn là thể vật và giá đều khinh như gai, bông gòn, kiếp bối… Nếu đem loại vật có thể và giá đều trọng cùng loại vật có thể và giá đều khinh chất chung trong một con thuyền, khi thuyền bị đắm chủ của đồ vật tuyên bố: "Vật nào nổi trên mặt nước thì tùy ý lấy, vật nào chìm dưới nước thì thuộc về tôi". Nếu Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện lặn xuống sông lấy, khi chưa chạm đến đồ vật thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến nhưng chưa lấy rời khỏi chỗ thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu đã lấy rời khỏi chỗ tính theo thời giá định tội như trên. Nếu vật chìm dưới nước khởi tâm ý vớt lấy, nghĩ rằng vật này không phải của mình cũng không phải của người, nhưng muốn không thuộc về người nên vớt lấy, định tội cũng giống như trên.

Nếu đem loại vật có thể khinh giá trọng và loại vật có thể trọng giá khinh chất chung trong một con thuyền, khi thuyền bị đắm chủ thuyền tuyên bố: "Vật nào chìm dưới nước thì tùy ý lấy, vật nào nổi trên mặt nước thì thuộc về tôi". Nếu Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy vật nổi trên mặt nước, khi chưa chạm đến vật thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến nhưng chưa lấy rời khỏi chỗ và đã lấy rời khỏi chỗ, định tội đều giống như trên.

Nếu có người nuôi ngỗng… trong ao hồ và trang sức cho chúng bằng chuỗi anh lạc, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện lội vào trong ao hồ bắt ngỗng, khi chưa chạm đến chuỗi anh lạc thì phạm Ác-tác; nếu khi chạm đến nghĩ rằng tôi lấy vật của ngỗng thì phạm Ác-tác, nếu lấy rời khỏi mình ngỗng tính theo thời giá định tội như trên. Nếu khi lấy nghĩ là tôi lấy vật của người thì khi chạm đến anh lạc chưa lấy rời khỏi mình ngỗng liền phạm

Tốt-thổ-la-để, nếu lấy rời khỏi mình ngỗng tính theo thời giá định tội như trên.

Nếu trong ao hồ có trồng hoa như hoa Thanh liên, Bạch liên, Phân đà lợi…, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện vào trong ao hái trộm hoa, khi chưa chạm đến hoa thì phạm Ác-tác, nếu đã chạm đến cho đến khi lấy rời khỏi chỗ, định tội đều giống như trên. Nếu trên bờ ao có trồng các loại cây như A-địa-mộc-đa-ca, Chiêm-bác-ca, Ba-tra-la, Bà-lợi-sư-ca…, Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện hái trộm, khi leo lên cây chưa chạm đến hoa trái thì phạm Ác-tác, nếu đã hái lấy cho đến leo xuống cây, định tội đều giống như trên.

Nếu có nhóm thợ săn trong rừng cài bẫy săn để bắt các loài thú làm nghiệp giết hại, Bí-sô khởi tâm trộm lấy các bẫy săn này tính theo giá định tội như trên; nếu khi lấy với tâm từ bi muốn phá hủy nghĩ rằng: "Chớ để những bẫy săn này sát hại nhiều sanh mạng, khiến cho bọn thợ săn chuốc lấy vô lượng tội nghiệp", thì Bí-sô chỉ phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô thấy Nai bị bắt, nếu khởi tâm trộm lấy đến mở dây cho nó tính giá định tội như trên, nếu khởi tâm từ bi mà thả thì chỉ phạm Ác-tác. Nếu nhóm người đánh cá quăng lưới đặt nơm để bắt cá, Bí-sô khởi tâm trộm gỡ lấy lưới và nơm này, tính giá định tội như trên; nếu khởi lòng từ bi cũng định tội như trên. Nếu lấy cá trong lưới và trong nơm cũng định tội giống như trên.

Nếu có đoàn thương buôn mang nhiều hàng hóa đi trong đường hiểm khó tìm được nước, nước đựng trong bình, vò hay dãy nước bằng da mang theo của mỗi người có giới hạn; Bí-sô có tâm lấy cắp khởi phương tiện lấy phần nước dành cho người, định tội như trên, nếu lấy phần nước dành cho súc vật tính giá đủ năm ma sái thì phạm Tốt-thổ-la-để, không đủ thì phạm Ác-tác. Đối với đoàn thương buôn đi trên thuyền ra biển, nước khan hiếm nếu Bí-sô có tâm lấy cắp, định tội cũng giống như trên.

Trường hợp đệ tử đi theo hai thầy trên đường, thầy giao y vật cho đệ tử mang, nếu đệ tử có tâm lấy cắp đi tụt phía sau cách xa hai thầy, nếu còn trong tầm mắt thấy thì phạm Tốt-thổ-la-để, nếu mất hút ngoài tầm mắt thấy tính giá đủ năm ma sái thì phạm bổn tội, không đủ thi phạm Tốt-thổ-la-để. Nếu đi nhanh về phía trước cũng định tội như trên; nếu lấy y từ trong phòng lên lầu hoặc xuống lầu, cũng dựa trong phạm vi tầm mắt thấy mà định tội như trên.

Trường hợp Bí-sô sống nơi A-lan-nhã, có kẻ cướp muốn cướp phá thôn đến hỏi Bí-sô: "Thầy có biết nhà trong thôn đó không?", đáp biết, kẻ cướp hỏi: "Nhà đó nhiều người nữ ít người nam, không có chó dữ cũng

không có nhiều bụi gai, dễ vào dễ ra, đối với tôi không có thiệt hại gì mà còn cướp được tài vật phải không? Nếu cướp được tôi sẽ chia cho thầy một phần". Nếu Bí-sô trả lời: "Tôi biết nhà đó nhiều nữ ít nam, không có chó dữ cũng không có nhiều bụi gai, dễ vào dễ ra, đối với ông không có thiệt hại gì mà còn cướp được tài vật", kẻ cướp nghe Bí-sô nói thế liền vào nhà đó cướp được tài vật, trở về đưa cho Bí-sô một phần, dù chưa chạm đến vật Bí-sô vẫn phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu đã nhận lấy thì tính theo thời giá định tội như trên. Nếu Bí-sô sau khi nói với kẻ cướp như vậy rồi liền hối hận, vội đến chỗ kẻ cướp nói lại như sau: "lúc nãy tôi chưa suy xét kỹ nên vội nói như thế, thật sự thì nhà đó nhiều nam ít nữ, có chó dữ và nhiều bụi gai, khó vào khó ra, dù lấy được tài vật cũng không tránh khỏi bị thương tổn", dù kẻ cướp có đi cướp hay không, Bí-sô vẫn phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu Bí-sô không đến chỗ kẻ cướp nói lại như vậy mà đến nhà đó nói rằng: "Các vị nên cảnh giác, cẩn thận đề phòng kẻ cướp tối nay sẽ đến cướp, đừng để tài sản bị cướp hoặc thân mạng bị thương tổn", dù cho kẻ cướp có đến hay không, Bí-sô vẫn phạm Tốt-thổ-la-đề.

Về phương tiện lấy cắp liên quan tới ba việc: Một là việc ruộng đất, hai là việc nhà cửa, ba là việc quán xá. Về việc ruộng đất có hai cách lấy: Một là kiện tụng lấy, hai là bao vây lấy. Sao gọi là kiện tụng lấy? nếu Bí-sô tranh chấp ruộng đất với người tục kiện lên quan, không thắng kiện thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu thắng kiện cho đến người tục tâm chưa dứt bỏ thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu người tục tâm dút bỏ thì tính theo thời giá định tội như trên. Sao gọi là bao vây lấy? nếu Bí-sô ở trên ruộng đất của người khác dùng cây trồng hay trụ cột che ngăn chung quanh, hoặc đào hào, xây tường vách chung quanh, xây chưa giáp khắp thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu đã giáp khắp tính giá định tội như trên. Về việc nhà cửa và quán xá theo như việc ruộng đất mà định tội.

Nhiếp Tụng:

Vật đóng thuế gởi người
Mang giúp vật cho người
Không nhận bèn cưỡng ép
Mang đi cho cha mẹ
Lại vì Tam bảo mang
Cho giá sau chia đều
Chủ y mang đi giùm
Khiến người nhiễm không nhiễm
Trốn thuế đi cửa sau

Đoạt hết vật thương buôn.

- Lúc Thế Tôn mới chứng được trí vô thượng, việc giáo hóa chưa rộng khắp nên các Bí-sô qua cửa ải quan thuế rất khó, còn ngược tục lại qua rất dễ dàng. Lúc đó có nhiều Bí-sô tháp tùng với đoàn thương buôn đi qua nước khác, khi qua mỗi chặng quan thuế Bí-sô nói với các thương buôn: "Hiền giả, chúng tôi có chút ít vật phải đóng thuế, xin mang giúp chúng tôi qua cửa ải quan thuế rồi đưa lại". Các thương buôn nhận lời mang giùm qua cửa ải quan thuế rồi đưa lại, khi các Bí-sô này tới một trú xứ có các Bí-sô đến trước hỏi thăm: "Thiện lai cụ thọ, đi đường có an ổn không? qua cửa ải quan thuế có bị làm khó dễ không?", đáp: "Chúng tôi qua cửa ải quan thuế không bị làm khó dễ". Hỏi: "Các cụ thọ không có mang vật gì phải đóng thuế sao?". Đáp: "Chúng tôi nhờ các thương buôn mang giùm qua ải quan thuế rồi đưa lại", hỏi: "hợp tác với nhau để mang vật qua ải quan thuế sao?", đáp: "Dù sao chúng tôi cũng đã qua được ải quan thuế rồi". Các Bí-sô nói rồi cảm thấy hối hận không biết mình làm như vậy có phạm Ba-la-thị-ca không, bèn đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô này không phạm, nhưng các Bí-sô không nên gởi vật cho người để lén qua ải quan thuế, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

- Khi Thế Tôn ở Trượng Lâm đã làm cho vua Ảnh-thắng nước Ma-kiệt-đà được Kiến đế, khi đến thành Thất-la-phiệt nói kinh Thiếu Niên cho vua Thắng Quang nước Kiều-tát-la được điều phục. Lúc đó cả hai vua đều tuyên bố miễn thuế cho các Bí-sô trong nước của hai vua, cho nên các Bí-sô qua cửa ải quan thuế rất dễ còn người tục lại qua rất khó, vì sự giáo hóa của Thế Tôn đã rộng khắp. Lúc đó có các Bí-sô tháp tùng theo đoàn thương buôn đi du hóa, khi đến gần ải quan thuế các thương buôn làm lễ bạch các Bí-sô: "Thánh giả, chúng tôi từ lâu đã bị lạnh nóng bức bách, bị gió, độc trùng làm hại, vì sinh kế tìm cầu tài vật rất khó khăn, những lợi lộc đã kiếm được sẽ cúng dường Tam bảo. Nay chúng tôi có một số tài vật phải đóng thuế gởi các thầy mang giúp, qua ải quan thuế rồi đưa lại". Các Bí-sô nhận lời mang giúp giùm qua ải quan thuế rồi đưa lại, khi các Bí-sô này đến thành Thất-la-phiệt , các Bí-sô trú xứ hỏi thăm giống như văn trên, cho đến các Bí-sô này đáp: "Chúng tôi đâu có cực khổ gì, lại còn làm Lợi-ích cho người khác nữa", hỏi: "Làm Lợi-ích như thế nào?". Các Bí-sô này kể lại sự việc, các Bí-sô trú xứ nói: "Hợp tác như vậy để qua cửa ải quan thuế hay sao?", đáp: "Dù sao chúng tôi cũng đã mang giúp qua ải quan thuế rồi". Các Bí-sô nói rồi cảm thấy hối hận không biết mình có phạm Ba-la-thị-ca không, bèn đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô này không phạm, nhưng các Bí-sô không nên mang giúp vật

phải đóng thuế cho người lén qua ải quan thuế, nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

- Lúc đó có các Bí-sô tháp tùng theo đoàn thương buôn du hành, khi tới gần ải quan thuế các thương buôn làm lễ các Bí-sô bạch như trên, các Bí-sô nói: "Phật đã chế ngăn Bí-sô không được mang giúp vật phải đóng thuế của người để lén qua ải quan thuế, chúng tôi không dám làm trái". Các thương buôn nghe rồi liền suy nghĩ: "Các Bí-sô không chịu mang giúp thì chúng ta phải lập bày phương tiện khác". Sang hôm sau họ nói với các Bí-sô: "Thánh giả, sáng nay chúng tôi trong lòng phiền muộn không thể lo liệu cơm nước, các thầy hãy vào thôn tùy duyên khất thực". Khi các Bí-sô vào thôn khất thực, các thương buôn liền đem vật phải đóng thuế của mình nhét vào trong hành lý của các Bí-sô, các Bí-sô khất thực xong trở về, thọ thực xong liền mang hành lý của mình tiếp tục lên đường, vừa qua khỏi ải quan thuế các thương buôn chạy tới mở hành lý của các Bí-sô để lấy lại tài vật của mình nói rằng: "Thánh giả, chúng tôi đã lén để tài vật phải đóng thuế của chúng tôi vào trong hành lý của các thầy, nay xin được lấy lại". Các Bí-sô nói: "Các vị đã cố tâm làm cho chúng tôi phạm tội", các thương buôn nói: "Các thầy đối với việc này, ba nghiệp không khởi thì đâu có tội gì". Khi các Bí-sô đến thành Thất-la-phiệt , các Bí-sô trú xứ hỏi thăm giống như văn trên, các Bí-sô đáp: "Chúng tôi không có cực khổ gì, nhưng khi chúng tôi vào thôn khất thực các thương buôn đã lén nhét những vật phải đóng thuế vào trong hành lý của chúng tôi, qua ải quan thuế rồi chúng tôi mới biết nên trong lòng cứ áy náy không biết có phạm Ba-la-thị-ca không". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô này không phạm, nhưng y bát sở hữu của Bí-sô phải xem xét lại trước khi đi, muốn đi đâu phải cử một người ở lại trông coi, nếu không xem xét và không cử người ở lại trông coi thì phạm tội Việt pháp".

- Thời gian sau có các Bí-sô tháp tùng theo đoàn thương buôn du hành, khi vào thôn khất thực cử một người ở lại trông coi. Các thương buôn đợi lúc Bí-sô này đi tiện lợi hay đi lấy nước liền lén nhét những vật phải đóng thuế vào trong hành lý của các Bí-sô, đợi qua ải quan thuế rồi chạy đến lấy lại… (sự việc xảy ra giống như trên). Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô này không phạm, nhưng nên cử hai Bí-sô ở lại trông coi". Thời gian sau, các Bí-sô khi đi khất thực cử hai người ở lại trông coi hành lý, các thương buôn đợi một trong hai người đi tiện lợi liền chạy đến chỗ Bí-sô còn lại, người nắm tay người kéo chân Bí-sô để cho người khác nhét những vật phải đóng thế vào trong hành lý của các Bí-sô, Bí-sô này nghĩ: "Đợi các Bí-sô trở về sẽ nói cho họ biết". Khi các Bí-sô trở về,

các thương buôn dối bày phương tiện làm cho huyên náo lên khiến Bí-sô này không thể nói gì được. Sau khi qua ải quan thuế các thương buôn chạy đến mở hành lý của các Bí-sô lấy lại vật nói rằng: "Chúng tôi đã lén nhét những vật phải đóng thuế vào trong đãy của các thầy, nay xin được lấy lại". Các Bí-sô hỏi hai vị giữ hành lý: "Hai thầy ở lại trông coi sai lại để chúng ta cùng phạm tội như thế?", hai Bí-sô này kể lại mọi việc, các Bí-sô phân vân không biết mình có phạm tội không liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, nhưng người coi hành lý thấy người nhét vật gì vào phải bảo người tục hay Cầu tịch lấy ra, nếu không có ai thì phải tự lấy rồi giao trả lại cho chủ vật đó, nếu ai làm khác phạm tội Việt pháp".

- Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, trong thành có một trưởng giả cho con xuất gia, người con này nhân đến phương khác được cúng hai trương điệp, nghĩ rằng: "Thế Tôn có dạy tuy đã xuất gia nhưng đối với cha mẹ cũng nên cung cấp, hai trương điệp này một xấp dành cho cha, một xấp dành cho mẹ". Trên đường trở về thành Thất-la-phiệt tới cửa ải quan thuế, quan hỏi: "Thánh giả, có vật gì phải đóng thuế không?", đáp không có, quan thuế nói: "Xin Thánh giả mở hành lý cho tôi khám xét một chút". Khi vừa mở ra trông thấy có hai trương điệp, quan thuế nói: "Thánh giả là người xuất gia sao lại vì hai trương điệp mà vọng ngữ như thế?". Bí-sô nói: "Hiền thủ, đây không phải là vật của tôi", hỏi: "Vậy thì của ai?", đáp: "Một xấp của cha tôi, một xấp của mẹ tôi". Quan thuế nói: "Của ai tôi không biết, tôi chỉ biết Thầy phải đóng thuế rồi mới được đi". Sau khi đóng thuế rồi trong lòng cảm thấy xấu hổ bèn đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này không phạm nhưng không nên nói là của cha mẹ, nên nói với quan thuế như sau: Hiền thủ, Thế Tôn có dạy công lao cha mẹ đối với con cái rất lớn, trong châu Thiệm bộ này nếu có người con nào một bên vai cõng cha, một bên vai cõng mẹ trải qua một trăm năm cũng không thấy mỏi mệt; hoặc dùng ma ni, chơn châu… cung phụng cho cha mẹ được sung sướng cũng chưa thể gọi là báo được ân. Nếu cha mẹ không có tín tâm khiến sanh chánh tín, nếu cha mẹ không có giới thì khiến cha mẹ thọ giới, nếu cha mẹ có tánh xan tham thì khiến che mẹ làm việc huệ thí, cha mẹ không có trí huệ thì khiến phát sanh trí huệ… người con nào có thể khuyến dụ cha mẹ được an trụ như thế mới gọi là báo được ân. Hiền giả công đức cha mẹ sâu này như thế nên tôi muốn mang phẩm vật này dâng cho cha mẹ để báo đáp chút ân kia. Khi tán thán ân đức của cha mẹ như thế, quan miễn thu thuế thì tốt, nếu không thì phải đóng thuế rồi đi, nếu ai làm trái thì phạm Tốt-thổ-la-đề."

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 4

Học Xứ Thứ Hai: ***KHÔNG CHO MÀ LẤY*** *(Tiếp Theo)*

Tướng phạm (Tiếp Theo):

-lúc đó đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thành Thất-la-phiệt nói kệ tụng Pháp môn cúng dường cho các Bí-sô:

"Người nào không làm phước Thường thọ các báo khổ Người nào hay tu phước

Đời này, đời sau vui".

Các Bí-sô nghe pháp rồi làm nhiều hạnh bố thí, đối với Phật pháp tăng hưng khởi cúng dường khiến cho giáo pháp của Phật càng thêm mở rộng. Trong thành có một trưởng giả cưới vợ không bao lâu liền sanh một đứa con, đến khi lớn khôn lại xin xuất gia. Lúc đó Bí-sô này suy nghĩ: "Nay trong thành này có nhiều Bí-sô, khất cầu khó được, ta nên đến phương khác vì Phật pháp tăng hưng khởi cúng dường". Nghĩ rồi liền đến phương khác khất cầu được nhiều lụa là phẩm vật, trên đường trở về thành Thất-la-phiệt đến ải quan thuế, quan hỏi: "Thánh giả có vật gì phải đóng thuế không?", đáp không có, quan thuế nói: "Xin Thánh giả hãy mở hành lý cho tôi khám xét". Vừa mở ra trông thấy rất nhiều lụa là phẩm vật, quan thuế nói: "Đụng đầy ắp như vậy mà không chịu đóng thuế, bộ đợi chở đầy trên con lạc đà mới chịu đóng hay sao?". Bí-sô nói: "Đây không phải là vật của tôi",

Hỏi: "Vậy thì của ai?"

Đáp: "Là của Phật pháp tăng".

Quan thuế nói: "Tôi không biết là của Phật, pháp hay tăng, tôi chỉ biết phải đóng thuế rồi mới được đi". Sau khi đóng thuế rồi trong lòng xấu hổ đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này không phạm, nhưng không nên nói là của Phật pháp tăng mà phải ở trước quan thuế khen ngợi Phật pháp tăng. Khen ngợi Phật như sau: Phật có đủ mười hiệu Như lai, Bạc-già-phạm, Ứng-chánh-đẳng-giác, Minh-hạnh-túc,

Thiện-thệ, Thế-gian-giải, Vô-thượng-sĩ, Điều-ngự-trượng-phu, Thiên-nhơn-sư, Phật, Thế Tôn. Khen ngợi Pháp như sau: pháp do Thế Tôn khéo giảng nói ở trong hiện pháp được an lạc trụ, Phật tùy cơ nói pháp khiến người nghe hướng tới Niết-bàn, chứng ba minh, trí huệ viên mãn. Khen ngợi Tăng như sau: Hàng đệ tử Thanh văn của Thế Tôn an trụ nơi chánh lý, trực tâm cung kính tùy thuận theo thắng pháp. Trong chúng tăng có vị được hướng Dự lưu, quả Dự lưu; có vị được hướng Nhất lai, quả Nhất lai; có vị được hướng Bất hoàn, quả bất hoàn; có vị được hướng A-la-hán, quả A-la-hán. tám bậc đại nhân này đều viên mãn Thi la, viên mãn Tam-ma-địa, viên mãn bát-nhã, viên mãn giải thoát, viên mãn giải thoát tri kiến. Những vị này là chỗ nên quy y, đáng được cung kính là phước điền thắng thượng của nhân gian. Khi khen ngợi Tam bảo như vậy được miễn thuế thì tốt, nếu không thì phải đóng thuế rồi đi, nếu ai làm trái thì phạm Tốt-thổ-la-đề. "Lúc đó có các Bí-sô cúng dường Tam bảo mang các tạp vật qua ải quan thuế, tuy ở trước quan thuế khen ngợi Tam bảo nhưng không được miễn thuế, Bí-sô tùy lấy một phần đưa cho quan thuế. Phật bảo nên lấy đều ở các phần không nên riêng lấy một phần, sau đó Bí-sô lấy đều ở các phần làm kéo dài thời gian bị đoàn thương buôn bỏ rơi nên bị giặc cướp hổ lang làm hại. Phật bảo: "Không nên ngay trong lúc đó lấy đều ở các phần mà tùy lấy một phần trong số đó đưa cho quan thuế, sau khi đến trú xứ mới chia đều vật đã đóng thuế, nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, trong thành có một Bí-sô hiểu thông ba tạng, khéo thuyết pháp, biện tài vô ngại mọi người đều nghe biết. Bí-sô này du hành đến thành Vương Xá, ở đây an cư ba tháng xong muốn đến thành Thất-la-phiệt đảnh lễ Thế Tôn nên tìm đoàn thương buôn để tháp tùng. Lúc đó có một thương chủ mang nhiều hàng hóa đến thành Thất-la-phiệt, Bí-sô nghe tin tìm đến nói pháp cho thương chủ nghe về ba phước nghiệp thù thắng là thí, giới và tu. Thương chủ nghe pháp xong sanh lòng tín kính, thỉnh Bí-sô vào nhà cúng dường rồi dâng cúng một xấp lụa bạch điệp. Bí-sô nói: "Hiền thủ, nay tôi muốn đến thành Thất-la-phiệt đảnh lễ Thế Tôn, thương chủ có thể giúp tôi không?". Thương chủ nhận lời, vì tu phước nên trên đường đi cung cấp cho Bí-sô mọi thứ cần dùng. Tới ải quan thuế, tất cả hàng hóa của thương chủ đều đã đóng thuế xong, thương chủ nghĩ đến xấp bạch điệp của Bí-sô chưa đóng thuế muốn để vào trong hàng hóa của mình để khỏi phải đóng thuế nữa, bèn nói với Bí-sô: "Thánh giả hãy đưa xấp bạch điệp cho con".

Hỏi: "Hiền thủ hối tiếc sự cúng dường này chăng?".

Đáp: "Con không có hối tiếc, chỉ là hàng hóa của con đã đóng thuế xong còn xấp bạch điệp này chưa đóng, con muốn để nó vào trong hàng hóa của con để khỏi phải đóng thuế nữa". Bí-sô nói: "Hiền thủ, Thế Tôn đã chế học xứ, Bí-sô có mang vật phải đóng thuế khi qua ải quan thuế phải đóng thuế". Thương chủ thấy Bí-sô không chịu đưa xấp bạch điệp bèn lập bày phương tiện, sáng hôm sau nói với Bí-sô: "Thánh giả, sáng nay con trong lòng phiền não nên không kịp lo cơm nước, thầy hãy vào thôn tùy duyên khất thực". Khi Bí-sô vào thôn khất thực, thương chủ bèn soạn lấy xấp bạch điệp để vào trong hàng hóa của mình, Bí-sô không hề hay biết nên khi tới ải quan thuế, quan thuế hỏi: "Thánh giả có vật gì phải đóng thuế không?", đáp: "Tôi có một xấp bạch điệp". Khi quan thuế bảo đưa ra xem thì lại không thấy xấp bạch điệp đâu bèn nói: "Xấp bạch điệp bị trộm lấy mất rồi", quan thuế nói: "Thánh giả bị trộm tôi cũng bị trộm, vì mất xấp bạch điệp này tôi cũng mất khoản thuế thu được". Sau khi qua khỏi ải quan thuế thương chủ hỏi: "Vì sao Thánh giả ưu sầu không vui?", đáp: "Hiền thủ có phước bố thí nhưng không có phước thọ dụng", hỏi: "Thánh giả nói Thế-là nghĩa gì?", đáp: "Xấp bạch điệp mà Hiền thủ cho đã bị trộm lấy mất rồi". Lúc đó thương chủ mới nói rõ sự việc rồi đưa lại xấp bạch điệp cho Bí-sô, Bí-sô nói: "Thà bị trộm lấy mất chứ không nên vì việc này mà tôi phạm tội", thương chủ nói: "Thánh giả đối với việc này không khởi ba nghiệp thì đâu có tội gì". Bí-sô trong lòng hối hận, khi đến thành Thất-la-phiệt liền đem sự việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này không phạm nhưng Bí-sô khi đi đường, khi vào thôn khất thực trong hành lý có mang theo vật gì phải làm dấu, khi trở về nên xem lại, nếu ai làm trái phạm tội Việt pháp".

Phật ở vườn Cấp-cô-độc, lúc đó có hai Bí-sô một già một trẻ cùng du hành trong nhân gian, Bí-sô già mang theo nhiều tư cụ còn Bí-sô trẻ mang ít hơn. Khi gần tới ải quan thuế Bí-sô già suy nghĩ: "Ta có vật phải đóng thuế, khi họ hỏi nếu ta nói không thì phạm tội vọng ngữ, nếu ta nói có thì phải đóng thuế, ta nên làm phương tiện gì để tránh được hai điều trên, ta nên đưa hành lý của ta cho Bí-sô trẻ mang giùm, qua khỏi ải quan thuế rồi lấy lại". Nghĩ rồi bèn nhờ Bí-sô trẻ mang giúp hành lý, Bí-sô trẻ tưởng Bí-sô già mỏi mệt nên nhận lời mang giúp, khi tới ải quan thuế, quan thuế hỏi: "Thánh giả có vật gì phải đóng thuế không?", đáp không có, quan thuế cho đi qua. Lúc đó Bí-sô già đi hai tay không tới sau nên quan thuế không hỏi gì, qua khỏi ải quan thuế Bí-sô đòi lại hành lý, Bí-sô trẻ hỏi: "Thượng tọa bớt mệt rồi sao?", đáp: "Tôi đâu có mệt nhọc gì, chỉ là trong hành lý của tôi có vật phải đóng thuế, tôi nghĩ nếu quan thuế hỏi mà tôi nói không có thì

phạm tội vọng ngữ, nếu nói có thì phải đóng thuế nên mới nhờ cụ thọ mang giùm, nay qua khỏi ải quan thuế rồi cụ thọ hãy đưa lại cho tôi". Bí-sô trẻ nói: "Thượng tọa muốn khỏi đóng thuế mà khiến tôi phạm tội", đáp: "Cụ thọ không hay biết gì thì đâu có phạm tội". Bí-sô trẻ trong lòng hối hận, khi đến thành Thất-la-phiệt liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này không phạm, nhưng Bí-sô khi đi đường nếu không hỏi rõ thì không nên mang giúp hành lý của người khác qua ải quan thuế, nếu mang giùm thì nên hỏi rõ trong đó có vật phải đóng thuế không, hỏi để biết rõ như vậy thì tốt, nếu không hỏi để biết rõ thì phạm tội Việt pháp".

Phật dạy không nên mang vật phải đóng thuế qua ải quan thuế, nếu mang giùm phạm tội Việt pháp. Lúc đó có sáu mươi Bí-sô du hành đến một thôn, ở đây có một trưởng giả giàu có, do có lòng chánh tín sâu nên khi gặp các Bí-sô này liền mời về nhà cúng dường, sau đó cúng cho mỗi Bí-sô một cặp bạch điệp. Bí-sô nói: "Trưởng giả, Phật cấm Bí-sô không được mang vật phải đóng thuế qua ải quan thuế nên chúng tôi không dám nhận". Trưởng giả nghe rồi không cúng nữa, các Bí-sô chú nguyện cho trưởng giả rồi đi đến thành Thất-la-phiệt kể lại sự việc cho các Bí-sô nghe rồi nói: "Do Phật chế ngăn nên chúng tôi mất lợi dưỡng này". Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nên thọ, thọ rồi nên nhuộm". Sau đó các Bí-sô được vật muốn nhuộm, do tìm dụng cụ nhuộm nên kéo dài thời gian bị đoàn thương buôn bỏ rơi và bị hổ lang làm hại. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nên dùng nước rảy làm cho hoen ố rồi tùy ý mang đi". Các Bí-sô làm theo lời Phật dạy, khi đến ải quan thuế vẫn bị đóng thuế, Phật nói: "Nên dùng nước, phân bò làm cho hoại sắc". Các Bí-sô làm theo, vẫn bị đóng thuế, Phật nói: "Nên cắt rọc, nếu có nạn duyên mới làm như vậy, nếu không có nạn duyên thì không nên làm, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó trong thành Vương Xá có Bí-sô hạ an cư ba tháng xong, không đợi chia y liền muốn đến thành Thất-la-phiệt đảnh lễ Thế Tôn, các Bí-sô nói: "Sao gấp gáp vậy, đợi chia y rồi hãy đi", nhưng Bí-sô này vẫn không ở lại. Có một Bí-sô đem xấp bạch điệp tặng cho Bí-sô kia, vị này nhận rồi suy nghĩ: "Nếu ta nhuộm cho hoại sắc thì không có thì giờ đến chào tạm biệt các đồng phạm hạnh của ta, ta nên nhờ Bí-sô quen biết nhuộm giùm". Nghĩ rồi Bí-sô này liền đến nhờ Bí-sô quen biết nhuộm giùm và dặn nhuộm xong thì bỏ giùm vào trong hành lý. Vị Bí-sô quen biết kia lười biếng không nhuộm giùm mà để nguyên như vậy cho vào trong hành lý, Bí-sô này chào tạm biệt rồi trở lại, không xem xét gì liền lên đường. Khi tới ải quan thuế, quan thuế hỏi:

"Thánh giả có vật gì phải đóng thuế không?", đáp không có, quan thuế bảo mở hành lý ra xem thì thấy có một xấp bạch điệp liền nói: "Thánh giả đã xuất gia đâu nên vì một xấp bạch điệp mà vọng ngữ". Bí-sô nói: "Tôi thật không biết Bí-sô quen biết đó đã không nhuộm cho hoại sắc mà để nguyên như vậy cho vào hành lý của tôi". Quan thuế nói: "Người đó không quen biết với thầy mà quen biết với tôi vì nhờ vậy tối mới thu được thuế này, thầy hãy đóng thuế rồi mới được đi". Bí-sô đóng thuế rồi trong lòng hối hận, khi đến thành Thất-la-phiệt kể lại sự việc cho các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này không phạm, nhưng Bí-sô nên hỏi lại Bí-sô kia là đã nhuộm giùm chưa, nếu không hỏi lại mà vội mang hành lý đi thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, trong lục chúng Bí-sô Nan-đà đến chỗ Ô Ba-nan-đà nói rằng: "Các Hắc-bát đều dùng mở khỉ bôi nơi chân của họ, khi đi đến đâu đều được nhiều lợi dưỡng, được nhiều người yêu mến kính trọng. Chúng ta như ếch ngồi đáy giếng không bước ra khỏi cửa, chúng ta làm sao có được nhiều lợi dưỡng và được mọi người kính ngưỡng. Nay chúng ta nên đi như các Bí-sô đó". Ô Ba-nan-đà hỏi: "Muốn đi đâu?", đáp: "Chúng ta đi tìm thương buôn nào muốn đến phương Bắc, chúng ta sẽ tháp tùng theo". Lúc đó các thương buôn nói: "Phương Bắc đất đai khô cằn, có nhiều chó dữ, người phương đó thô sơ mộc mạc, các thầy khó yêu thích nơi đó", đáp: "Đất đai nơi đó tuy xấu nhưng vui vì được tham quan", thương buôn nói: "nếu nói như vậy thì hãy cùng đi". Lục chúng bèn tháp tùng đoàn thương buôn đến phương Bắc, khi vừa đến lòng đã không vui thích, các thương buôn nói: "Chúng tôi đã nói trước với các thầy rồi, nay các thầy không vui thích, vậy có muốn trở về hay không?". Lục chúng nói muốn trở về, các thương buôn nói: "Chúng tôi mới đến hàng hóa chưa bán xong nên không thể trở về liền được. Có mấy thương buôn khác đã bán xong sắp trở về, tôi sẽ gởi gắm các vị cho họ". Lục chúng liền cùng đoàn thương buôn đó lên đường trở về, giữa đường gặp một đoàn thương buôn khác đi ngược lại liền hỏi thăm: "Ở trong thành phố mua bán thu lợi có nhiều không, các quan thuế có làm khó dễ không?", đáp: "Trong thành phố mua bán tuy được nhiều lợi nhưng các ải quan thuế thu thuế tối đa giống như giặc cướp vì hàng hóa đã có đều bị họ đoạt lấy hết". Đoàn thương buôn phương Bắc nghe nói như vậy trong lòng sầu não, lục chúng vừa đi tới thấy vậy liền hỏi vì sao, thương buôn nói: "Thánh giả, chúng tôi vì lạnh nóng bức bách, bị gió mưa độc trùng làm hại, vất vả cầu lợi chỉ là muốn được an nhàn thọ dụng. Chúng tôi từ phương Bắc xa xôi đến trong thành này mua bán, nghe các thương buôn khác nói quan thuế

thu thuế thẳng tay giống như giặc cướp, hàng hóa đã có đều bị đoạt hết, vì thế nên chúng tôi lo buồn". Lục chúng nói: "Các vị là tri thức của chúng tôi có gì phải lo buồn". Các thương buôn nói: "Thánh giả có thể xin vua miễn thuế cho chúng tôi sao?", đáp: "Chúng tôi không thể xin vua miễn thuế cho các vị, nhưng vua thành Thất-la-phiệt có chế lịnh là ai không biết thì không thu thuế. Trong thành có mười tám cửa thành lớn và ba mươi sáu cửa thành nhỏ, chúng ta hãy đi vào cửa thành nhỏ". Các thương buôn nghe nói vui mừng cùng đi, đến dừng nghỉ tại một xóm làng cách thành không xa, đợi đến tối mới vào cửa thành nhỏ. Lúc đó tại thành Thất-la-phiệt, quan thuế nghe có đoàn thương buôn từ phương Bắc tới sắp đến cửa thành nhưng chờ hoài không thấy, không biết họ đã lén đi vào cửa thành nhỏ. Sáng hôm sau liền thấy trong chợ bày bán la liệt sản phẩm của phương Bắc. Lúc đó có một người không theo kịp đoàn thương buôn nên phải vào cửa thành lớn, quan thuế hỏi: "Tôi nghe nói có đoàn thương buôn từ phương Bắc đến đang ở tại xóm làng phải không?". Đáp: "Đoàn thương buôn đó là bạn đồng hành của tôi, nhưng họ đã vào thành trước rồi, tôi vì đi không kịp nên lọt lại ở sau". Quan thuế nói: Tôi ở cửa thành đợi nhưng không thấy ai đi qua, vậy họ đã đi đường nào". Đáp: "Nếu quan không tin thì đi với tôi vào trong trấn sẽ biết hư thật thế nào". Quan thuế liền theo người này vào trong trấn, tận mắt trông thấy các thương buôn bày hàng hóa phương Bắc ra bán bèn hỏi: "Ai đã dẫn các người vào thành", đáp: "Chân tôi dẫn tôi vào", hỏi: "Ý tôi muốn hỏi là ai dẫn các người vào và vào bằng đường nào?", đáp: "Chúng tôi lén đi vào cửa thành nhỏ", hỏi: Hãy nói thật cho tôi biết, ai dẫn đường cho các người?", đáp: "Là lục chúng Thánh giả". Quan thuế nghe rồi cơ hiềm quở mắng: "Những Thích ca tử này là kẻ giặc đại ác, chẳng phải sa môn chơn thật, biết là của cải của người khác mà vẫn trộm cắp". Các Bí-sô nghe rồi bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không nên chỉ dạy người khác lén đi đường nhỏ để khỏi đóng thuế, ai làm trái phạm tội Việt pháp". Lúc đó quan thuế suy nghĩ: "Ta nên thân gần lục chúng sa môn để biết được tâm hỉ lạc của họ". Sáng hôm sau quan thuế thấy Ô Ba-nan-đà đắp y vào thành khất thực liền đến chào hỏi: "Trong bát khất thực được gì, tôi muốn xem", hỏi: "Ông muốn xem trong bát tôi có vật gì phải đóng thuế không chứ gì?". Quan thuế nói: "Thánh giả, tôi thề là không có tâm này, tôi muốn xem coi có thức ăn ngon thì cho tôi xin chút ít", đáp: "Ông nên cho tôi chứ đâu có chuyện tôi cho ông". Quan thuế nói: "Tôi chỉ nói đùa mà thôi, tôi muốn mời thánh giả đến nhà tôi". Ô-ba-nan-đà liền đến nhà của quan thuế, quan thuế sớt đầy thức ăn ngon vào bát đưa cho Ô-ba-nan-đà rồi nói: "Từ nay Thánh giả cần gì cứ cho biết, tôi sẽ cung phụng tất cả", Ô-ba-nan-đà chú

nguyện cho quan thuế rồi từ tạ ra về. Lúc đó lục chúng đi đến trú xứ nào đều tuyên thuyết pháp yếu cho các sa môn, Bà-la-môn qua lại, nếu có ai luận nghị liền bị chiết phục ngay nên tiếng tăm vang khắp và lợi dưỡng được tăng thêm. Lúc đó phòng của Ô-ba-nan-đà ở cạnh một con đường, ban đêm có người trốn thuế đi ngang qua. Ô-ba-nan-đà hiểu rõ thinh tướng liền hỏi xuống là ai, các thương buôn nín thinh, Ô-ba-nan-đà xuống lầu đến gần người đó hỏi: "Các người là ai mà ban đêm đi qua đây?", đáp: "Thánh giả, chúng tôi là những thương buôn trốn thuế". Ô-ba-nan-đà nói: "Các người ngu si, đại vương Thắng Quang thường đến chùa này cúng dường chúng tăng đầy đủ, thượng tọa Kiều-trần-như đích thân làm lễ chú nguyện cho vua, nguyện cho vua thọ dụng nhiều của cải châu báu, vật gì chưa có khiến được có, vật đã có rồi sẽ được nhiều hơn. Các người có hàng hóa gì hãy đi theo đường lớn mà vào thành, nay lại đi ban đêm là muốn trốn thuế, tôi đâu có thể để các người đi mà không nói chứ". Thương buôn nói: "Thánh giả đại bi khoan thứ, tôi không dám quên ơn Thánh giả". Đáp: "Các người báo ơn như thế nào?", thương buôn nói: "Chúng tôi sẽ mang thức ăn đến cúng dường", đáp: "Nếu thật như vậy thì các người cứ đi". Các thương buôn đi được một khoảng xa nói với nhau: "Vua Thắng Quang thu thuế ta còn không đóng huống chi ông thầy trọc đầu kia, hơi đâu đem thức ăn cúng dường cho ông ta chứ". Ngay trong đêm đó họ vào thành, sáng hôm sau vào trong trấn trao đổi hàng hóa rồi đi luôn. Lúc đó Ô-ba-nan-đà ăn sáng xong ra cửa đứng trông chờ, một Bí-sô trông thấy hỏi cớ sao, Ô-ba-nan-đà nói: "Có một thương buôn quen biết đã mang hàng hóa vào thành nên tôi trông chờ họ". Bí-sô nói: "Khi thượng tọa ăn sáng, các thương buôn đó đã đi rồi".

Ô-ba-nan-đà nghe rồi nổi giận nói: "Thế-là ta bị họ dối gạt rồi, kẻ vô tri kia dám lấy tay đấm vào dao bén, lấy kim châm vào đá, đối với việc chúng đã làm hôm nay ta sẽ cho chúng biết". Thời gian không lâu sau, các thương buôn trở lại, như lần trước Ô-ba-nan-đà chận đường họ đi trốn thuế nói rằng: "Lần trước các người đã dối gạt ta", đáp: "Thánh giả, lần trước vì có chút việc gấp nên không đến trả lễ cho Thánh giả, xin Thánh giả khoan dung một lần nữa, lần trước và lần này chúng tôi sẽ đáp tạ đủ". Ô-ba-nan-đà nói: Nếu thật như vậy thì các người cứ đi". Đi được một đỗi xa, các thương buôn nói với nhau cũng giống như lần trước. Lúc đó Ô-ba-nan-đà suy nghĩ: "Lần trước đã dối gạt ta, không lẽ lần này lại dám dối gạt nữa", nghĩ như vậy nên sáng hôm sau Ô-ba-nan-đà đắp y mang bát vào trong trấn đến chỗ các thương buôn đang trao đổi hàng hóa, các thương buôn nói: "Thánh giả hàng hóa chưa trao đổi xong, đợi xong sẽ mang đến cho Thánh

giả". Tuy nói thế nhưng khi việc mua bán đã xong họ liền bỏ đi luôn, Ô-ba-nan-đà trở về sau khi ăn xong ra cửa trông chờ như lần trước, cho đến khi biết đước các thương buôn đã bỏ đi hết giận dữ nói: "Bọn tiểu nhơn dám đùa cợt ta, lần sau bắt gặp ta sẽ bắt trói chúng cho chúng trọn đời không làm thương buôn". Thời gian không lâu sau, các thương buôn trở lại và sự việc tái diễn như lần trước, Ô-ba-nan-đà nói: "Các người dám quỷ quyệt dối gạt ta, nay ta sẽ cho các người biết tay", thương buôn nói: "Thánh giả, chúng tôi buôn bán nhiều việc bận rộn nên đã thất hứa nhưng lần này sẽ không dám như thế nữa". Ô-ba-nan-đà chợt nghĩ: "Nếu ta nặng lời chúng nó sẽ tự giác", nghĩ rồi liền nói: "Có thật lần này các người không dám như thế nữa chứ?", đáp: "nhất đinh không dám như thế nữa". Ô-ba-nan-đà nói: "nếu thật như vậy thì các người hãy tạm ở đây, ta đi xem xét trước cho các người, đùng để các người gặp họa rồi sẽ trách ta xấu "Các thương buôn nghe lời đứng ở đó chờ, lúc đó Ô-ba-nan-đà vội đến chỗ quan thuế thấy họ đang ngồi bàn luận: "Chúng ta làm sao không lo rầu vì có nhiều thương buôn thường thường trốn thuế, họ lén vào cửa thành nhỏ nên không thể thu thuế được, thời hạn kế toán sắp đến, nhà vua vốn tánh nóng nảy bạo ngược quyết sẽ không dung thứ cho sự thất thu này". Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền nói: "Các ông là người ngu si, ai bảo các ông làm quan thu thuế mà chỉ hợp với kẻ sĩ vác cây vác gậy, tại sao đối với kẻ trốn thuế lại không đoạt hết tài vật của họ chứ?". Quan thuế nói: "Thánh giả, vua thành Thất-la-phiệt xưa kia có lịnh: Biết thì thu thuế, không biết thì không thu, không thu thuế nặng thì làm sao đoạt hết tài vật của họ được". Ô-ba-nan-đà nói: "Các ông là người vô trí, thành Thất-la-phiệt có luật thu thuế nặng mà biết mới thu", hỏi: Chúng tôi làm quan thu thuế đã lâu chỉ nghe nói biết mới thu thuế, chứ không nghe nói có thu thuế nặng mà biết mới thu, chúng tôi làm sao thu thuế nặng cho được?". Ô-ba-nan-đà nói: "Các ông ở đây chờ, khi tôi quay trở lại tha cho những người trốn thuế thì các ông phải bắt họ ngay rồi đoạt hết tài vật, nếu họ nói thành Thất-la-phiệt xưa nay biết mới thu thuế, không có thu thuế nặng, các ông nên nói với họ là có thu thuế nặng mà biết mới thu. Nếu họ nói chúng tôi buôn bán đã lâu không nghe nói có thu thuế nặng mà biết mới thu, tại sao hôm nay lại có, các ông hãy cùng chúng tôi đến quan đoán sự trong trấn để giải quyết. Nếu họ nói như vậy thì các ông không nên thuận theo lời họ mà nên đưa họ tới chỗ nhà vua, nếu lúc đó vua nói Trẫm làm vua đã lâu không nghe nói thành Thất-la-phiệt có thu thuế nặng nay sao lại có. Các ông nên tâu vua rằng xưa kia vua Phạm Ma Đạt Đa ra chế lịnh cho các thương buôn và người trong tụ lạc: Nếu từ vườn , từ miễu Thiên tự hoặc từ chỗ nhiều người tụ họp mà vào thành thì biết mới thu thuế,

không biết không thu thuế. Nếu không từ những nơi này mà vào thành thì phải thu thuế nặng, đoạt hết tài vật. Nếu vua hỏi điều luật này hiện nay ở đâu thì các ông nên tâu vua là hiện ở tại kho , trong rương , trên tấm thiếp đồng đỏ có ghi chép rõ ràng, vua hãy ra lịnh đem tới để kiểm tra". Lúc đó quan thuế nghe theo lời chỉ bảo của Ô-ba-nan-đà đoạt hết tài vật của các thương buôn, các thương buôn nói: "Tại sao các ông cưỡng đoạt hết tài vật của chúng tôi, thành Thất-la-phiệt có luật biết mới thu thuế, không có thu thuế nặng", quan thuế nói: "thành Thất-la-phiệt có luật đối với thương buôn trốn thuế thì thu thuế nặng". Thương buôn nói: "Chúng tôi buôn bán đã lâu chỉ nghe nói có luật biết mới thu thuế, không có thu thuế năng, tại sao ngày nay lại có luật này. Các ông hãy đưa chúng tôi tới quan bình đoán", quan thuế nói: "Chúng tôi sẽ đưa các vị đến chỗ nhà vua". Lúc đó quan bình đoán cùng đoàn người đến chỗ nhà vua tâu với vua rằng: "Có các thương buôn đến thành này đều bị quan thuế đoạt hết tài vật, nay dẫn đến chỗ vua, mong vua chiếu theo luật pháp cứu giúp họ". Vua liền ra lịnh kêu quan thuế đến hỏi: "Vì sao các ngươi đoạt hết tài vật của họ?", quan thuế tâu: "Thành Thất-la-phiệt có luật thu thuế nặng đối với các thương buôn trốn thuế, cho nên chúng tôi mới đoạt hết tài vật của họ". Vua nói: "Trẫm làm vua đã lâu không nghe nói thành này có luật thu thuế nặng, tại sao ngày nay lại có luật này?". Quan thuế tâu: "Xưa kia đại vương Phạm ma Đạt cùng các thương buôn và người trong tụ lạc ra chế lịnh… giống như văn trên". Vua liền bảo quan giữ kho đem sắc lịnh ghi trên tấm thiếp đồng đỏ đến, quan giữ kho vâng lịnh mang đến và đọc lên, vua vừa nghe sắc lịnh của cha không kìm được lòng thương nhớ rơi lệ nói: "Nếu là giáo lịnh của tiên vương, tức là giáo lịnh của Đế Thích, là lịnh của Phạm vương, đoạt hết tài vật là đúng luật". Lúc đó các thương buôn tuyệt vọng ra về, sau đó hỏi quan thuế: "Ai đã báo cho các ông biết chúng tôi lén đi con đường đó?", quan thuế nói: "Chúng tôi tìm hiểu tự biết, không có ai báo cả. Chẳng phải chúng tôi không biết điều luật này, chỉ vì lòng từ bi nên không nở đoạt hết mà thôi, nay vì các người làm quá nên chúng tôi mới đoạt hết". Các thương buôn nói: "Các ông làm gì có lòng từ bi nhưng chúng tôi cảm thông với các ông, chúng tôi sẽ không phụ lòng các ông nếu các ông cho chúng tôi biết ai đã báo và chỉ vẽ các ông như thế". Quan thuế nói: "Chính là lục chúng Thánh giả báo và chỉ vẽ cho chúng tôi như thế". Các thương buôn hiểu rõ sự thật liền cơ hiềm: "Thích ca tử là kẻ giặc đại ác, không phải chơn sa môn nên mới chỉ vẽ quan thuế đoạt hết tài vật của chúng tôi". Các Bí-sô nghe rồi bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không nên chỉ vẽ cho người khác đoạt hết tài vật của thương buôn, nếu ai làm trái phạm tội Việt pháp".

Nhiếp Tụng:

Không chân và hai chân Bốn chân cùng nhiều chân Trộm của các loài ấy Phạm nhẹ nặng nên biết.

- Nói không chân là chỉ cho loài rắn, lươn, đỉa. Ba loài này được người chơi rắn, thầy thuốc của vương gia và người sơn dã nuôi. Người chơi rắn thường bắt rắn làm trò chơi để kiếm sống. Thầy thuốc của vương gia thường dùng đỉa trị bịnh để kiếm sống. Người sơn dã nuôi loài không chân này để làm thuốc ói mửa hoặc nướng để nhắm rượu. Nếu Bí-sô trộm lấy những loài trùng này tính theo thời giá định tội như trên.

- Nói hai chân là chỉ cho người và chim, khi trộm người có ba phương tiện: Hẹn chỗ, định thời gian và hiện tướng. Hẹn chỗ là nói với người kia rằng nếu ông thấy tôi ở trong vườn hay chỗ tập họp hay ở miếu Thiên tự thì ông biết là việc thành tựu. Định thời gian là nói rằng vào buổi sáng, trưa hay chiều nếu ông thấy tôi từ đằng xa thì ông biết là việc thành tựu. Hiện tướng là nói rằng nếu ông thấy tôi mới cạo râu tóc, đắp y đỏ, tay cầm tích trượng, bưng bát đựng đầy thức ăn thì ông biết là việc thành tựu. Khi trộm cắp như thế tính theo thời giá định tội như trên. Khi trộm chim có hai phương tiện: Từ dưới đất bắt được hay từ trên không rơi xuống. Từ dưới đất bắt được là bắt trộm chim từ trân mặt đất, tính giá định tội như trên. Từ trên không rơi xuống là người bắt chim đốt đồng cỏ khô khiến chim bị khói lửa bức hại rơi xuống. Khi rớt xuống chỗ kinh hành hạnh đầu đà của Bí-sô hay ở trước cửa nhà, nếu Bí-sô có tâm trộm cắp nhặt lấy, tính theo thời giá định tội như trên.

- Nói bốn chân là chỉ cho voi, ngựa, lừa, lạc đà, trâu, bò, dê… Khi trộm cắp có hai phương tiện: Từ chỗ nhốt từng bầy hay là chỗ cột riêng từng con. Khi Bí-sô từ trong ngựa trộm ngựa dẫn đi, trong phạm vi tầm mắt thấy thì phạm Tốt-thổ-la-đề, ngoài phạm vi tấm mắt thấy thì phạm bổn tội. Khi Bí-sô trộm ngựa cột nơi trụ cột hay gốc cây dắt đi, định tội giống như trên. Các loài bốn chân khác chuẩn theo đó nên biết.

- Nói nhiều chân là chỉ cho loài sâu bọ, ong bướm, rít… Đối với loài nhiều chân có ba hạng người cần dùng là quan đoán sự, người giữ thành và thương buôn ra biển. Quan đoán sự nuôi ong hoặc rít, bò cạp… trong một cái vò, khi kẻ tội phạm không chịu khai liền bắt họ đưa tay chân vào trong vò cho ong chích hay rít cắn để họ khai ra. Người giữ thành nuôi ong trong vò, nếu có kẻ địch đến khiêu chiến không thể đánh lui được thì mở vò thả ong ra chích quân địch, bị chích đau quân địch bỏ chạy. Thương buôn ra biển tìm châu báu nuôi ong trong vò để phòng lúc gặp hải tặc, nếu địch

không lại thì mở vò thả ong ra chích giặc cướp, bị chích đau giặc cướp bỏ chạy.

Nhiếp tụng:

Chiên-đồ La và Tô-đà-di
Lấy y đo thử không tâm trộm
Sư Mâu không nói Bà Tô Đa
Tưởng là phần mình bưng bát nhỏ
Nguyệt Hộ biết người muốn lấy y
Nan Thắng mang đi phạm tội thô
Nam quốc, Trung phương không hiểu nhau
Lượm được vật rơi mau trả lại.

-phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hai Bí-sô quen thân nhau một vị tên là Chiên-đồ La, một vị tên là Tô-đà-di. Chiên-đồ La được nhiều người quen biết, có đại phước đức mà thân hình nhỏ thó, có nhiều y và tư cụ. Còn Tô-đà-di lại ít người quen biết, thân hình to lớn mà chỉ có ba y xấu rách khiến thân không che kín hết. Các Bí-sô thấy vậy nói: "Này cụ thọ, thầy sống thiểu dục chỉ có ba y xấu rách là vì có lợi dưỡng hay không có lợi dưỡng?", đáp: "Là vì không có lợi dưỡng". Các Bí-sô hỏi: "Sao thầy không khất cầu?", đáp: "Ai chịu bỏ ruộng phước Phật Pháp Tăng của mình để bố thí cho tôi". Các Bí-sô nói: Bí-sô Chiên-đồ La là thân hữu của thầy có đại phước đức, nhiều y và tư cụ sao thầy không hỏi xin?", đáp: "Thầy ấy không cho đâu", các Bí-sô nói: "Thầy đã đến xin chưa mà biết không cho", đáp: "Tôi chưa xin", các Bí-sô nói: "Thầy nên xin, Chiên-đồ La sẽ cho thầy". Được khuyên nên Tô-đà-di bèn đến chỗ Chiên-đồ La nhưng Chiên-đồ La đi vắng, Tô-đà-di suy nghĩ: "Chiên-đồ La người nhỏ thó, ta lấy y Tăng-già-chi của thầy ấy đo thử, nếu vừa khổ người của ta thì ta sẽ hỏi xin, nếu không vừa thì xin làm chi". Nghĩ rồi Tô-đà-di bèn vào phòng của Chiên-đồ La xem y vật, thấy y Tăng-già-chi máng trên sào liền lấy xuống đo thử. Vừa lúc ấy Chiên-đồ La bước vào trông thấy liền nói: "Thầy dùng tặc tâm lấy y của tôi đắp phạm Ba-la-thị-ca". Đáp: "Cụ thọ, tôi không dùng tặc tâm lấy y của thầy đắp, tôi chỉ suy nghĩ rằng Chiên-đồ La người nhỏ thó, ta lấy y của thầy ấy đo thử, nếu vừa khổ người của ta thì ta sẽ hỏi xin, nếu không vừa thì thôi". Chiên-đồ La nói: "Cụ thọ đừng gượng dối quanh, thầy đã dùng tặc tâm lấy y của tôi đắp phạm Ba-la-thị-ca". Tô-đà-di nghe rồi hối hận không biết mình có phạm tội không liền bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy dùng tâm gì lấy y?", Tô-đà-di liền đem sự việc bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này lấy với tâm đo thử

nên không phạm, nhưng các Bí-sô không nên chẳng phải thân hữu mà tưởng là thân hữu. Có ba loại thân hữu thượng trung và hạ, đối với thân hữu bậc hạ khởi tâm tin cậy bậc hạ, thân hữu bậc trung khởi tâm tin cậy bậc trung, thân hữu bậc thượng khởi tâm tin cậy bậc thượng. Nếu Bí-sô đối với người chẳng phải thân hữu mà tưởng là thân hữu phạm tội Việt pháp".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 5

Học Xứ Thứ Hai: ***KHÔNG CHO MÀ LẤY*** *(Tiếp Theo)*

Tướng phạm (Tiếp Theo):

Lúc đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, có hai Bí-sô một tên là Tô Sư Mâu một tên là Bà Tô Đạt Đa kết bạn với nhau. Tô Sư Mâu có cái bát lớn tốt, Bà Tô Đạt Đa có cái bát nhỏ cũng tốt, lúc đó sau khi ăn xong hai người ngồi rửa bát, Tô Sư Mâu lấy cái nhỏ của Bà Tô Đạt Đa để vào trong bát lớn của mình rồi nói: "Này cụ thọ, nếu ai có được hai cái bát này ắt đủ tỉnh duyên tu phẩm thiện", đáp: "Nếu thầy muốn được như thế thì sao không lấy bát này". Một hôm có chút việc Bà Tô Đạt Đa nói với Tô Sư Mâu: "Cụ thọ, tôi có chút việc trong xóm đó, nếu thầy có thể lo liệu giúp tôi việc này thì tôi sẽ đem bát nhỏ cho thầy". Tô Sư Mâu hỏi: "Thầy nói thật chăng?", đáp là thật. Tô Sư Mâu nghe nói muốn đi liền nhưng lại chợt nghĩ: "Có phải do nhân duyên hôm trước mà nay đồng phạm hạnh của ta mới nói lời này". Lúc đó Tô Sư Mâu đang làm giúp việc cho người khác nên không đi nữa, sau đó lại có chút việc cần phải đi bèn suy nghĩ: "Ta đi lo liệu việc của ta thuận tiện lo luôn việc của Bà Tô Đạt Đa cũng tốt". Sau khi Tô Sư Mâu lo liệu xong cả hai việc liền trở về nói với Bà Tô Đạt Đa: "Hôm đó thầy nói có chút việc trong xóm đó nhờ tôi lo liệu giùm, nay tôi đã giúp thầy làm xong, thầy nên đưa bát nhỏ cho tôi". Bà Tô Đạt Đa nói: "Thầy đi lo việc riêng của thầy đâu phải lo liệu việc của tôi, tôi làm sao có thể cho thầy cái bát nhỏ", đáp: "Thầy không cho tôi sẽ tự lấy", Bà Tô Đạt Đa nói: "Nếu thầy lấy được thì cứ lấy". Sau đó Bà Tô Đạt Đa có việc ra đi, Tô Sư Mâu liền lấy cái bát nhỏ để vào bát lớn của mình. Bà Tô Đạt Đa trở về không thấy bát nhỏ liền hỏi Tô Sư Mâu: "Ai đã lấy cái bát nhỏ của tôi?", đáp: "Chính chủ của nó lấy", hỏi: "Đó là vật của ai?", đáp là của tôi, Bà Tô Đạt Đa giận nói: "Thầy với tâm trộm mà lấy bát phạm Ba-la-thị-ca. Tô Sư Mâu nghe rồi hối hận bèn đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi: "Thầy dùng tâm gì lấy bát nhỏ đó?".

Tô Sư Mâu kể lại sự việc, Phật nói: "Bí-sô này khởi tâm nghĩ là vật của mình mà lấy nên không phạm, nhưng các Bí-sô không nên nhận làm việc giúp cho người khác, nếu đổi việc làm và vì cầu phước mà làm thì không tội. Nếu Bí-sô nhận làm việc giúp cho người khác phạm tội Việt pháp".

-phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hai Bí-sô một tên là Nan Thắng một tên là Nguyệt Hộ kết làm bạn thân. Nguyệt Hộ nhiều người quen biết, có đại phước đức, có nhiều y và tư cụ; Nan Thắng ngược lại ít người quen biết, chỉ có ba y cũ rách. Các Bí-sô hỏi Nan Thắng: "Thầy do thiểu dục đắp y cũ rách không thể che thân này là có mà không đắp hay là không thể có được?", đáp: "Là do không thể có được y", hỏi: "Vì sao không khất cầu?", đáp: "Ai chịu bỏ Tam bảo Thánh chúng mà thí cho người phàm như tôi". Các Bí-sô nói: Nguyệt Hộ là thân hữu của thầy có nhiều y vật, sao thầy không đến xin?", đáp: "Thầy ấy không chịu cho đâu". Các Bí-sô khuyên Nan Thắng đến chỗ Nguyệt Hộ xin, Nan Thắng nghe theo lời khuyên đến chỗ Nguyệt Hộ nói: "Thầy cho tôi xin cái bát", đáp: "Tôi không cho đâu", lại nói: "Nếu không cho bát thì hãy cho cái y Tăng-già-chi", đáp: "Tôi đâu phải là kẻ giữ kho của thầy, xin bát không được lại xin y, thậm chí một sợi chỉ tôi cũng không cho". Nan Thắng nghe rồi nổi giận thầm nghĩ: "Thầy ấy cần làm việc gì mình đều làm giúp, nay đến xin liền nói thậm chí một sợi chỉ cũng không cho. Nếu ta không đoạt y của thầy ấy thì ta không gọi là Nan Thắng", từ đó Nan Thắng cố tâm lấy y vật của nguyệt Hộ. một hôm thấy Nguyệt Hộ đang nhuộm y, Nan Thắng liền nói: "Thầy có cần tôi giúp không?", đáp: "Hãy giúp tôi nhuộm". Nan Thắng trong lúc giúp nhuộm lật qua lật lại xem kỹ cái y, Nguyệt Hộ thấy vậy liền nghi Nan Thắng có ý định trộm y nên khi thấy y vừa khô liền xếp bỏ vào đãy y của mình rồi gối đầu nằm ngủ. Các Bí-sô đầu đêm cuối đêm tỉnh giác tư duy, lúc đó Nan Thắng rủ Nguyệt Hộ cùng tu phẩm thiện, Nguyệt Hộ nói: "Thầy đi trước, tôi hơi mệt sẽ đến sau". Nan Thắng đi rồi, Nguyệt Hộ suy nghĩ: "Nếu ta đi nhất định sẽ bị lấy trộm y, nếu không đi thì khuyết tu phẩm thiện. Ta phải làm sao để khỏi bị mất y mà lại được tu nghiệp thiện", nghĩ rồi Nguyệt Hộ liền đem đãy y của mình để qua bên đầu giường của nan Thắng, rồi lấy đãy y của Nan Thắng để qua đầu giường của mình. Lúc đó nan Thắng tu phẩm thiện xong trở về giường nghỉ, Nguyệt Hộ liền nói: "Chúng ta cùng tu phẩm thiện", đáp: "Thầy cứ đi, tôi đã tu xong nên tạm nghỉ". Nguyệt Hộ đi rồi, Nan Thắng suy nghĩ: "Ta nên xem xét đã đến lúc hành hạnh đầu đà động hay chưa", nghĩ rồi liền lấy đãy y bên đầu giường của nguyệt Hộ, vừa ra khỏi cửa liền suy nghĩ: "Ta hãy xem lại cái y", nghĩ rồi liền mở ra xem thì thấy là y cũ rách của mình. Trong

lòng hối hận lo lắng suy nghĩ: "Ta vì cái y của ta mà phạm tội, đây chẳng phải là việc làm của người xuất gia. Ta nên đến thỉnh hỏi Thế Tôn, nếu được thì ở chỗ Thế Tôn tu phạm hạnh, nếu không được thì làm bạch y". Nghĩ rồi liền đến chỗ Thế Tôn, lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho chúng Bí-sô, từ xa trông thấy nan Thắng đến liền bảo các Bí-sô: "Các thầy có thấy Bí-sô từ ngoài đi vô chăng?", đáp có thấy, Phật nói: "Đó là Nan Thắng, người ngu si với tâm trộm cắp mà lấy chính y của mình phạm Tốt-thổ-la-đề. Các thầy nên biết với tâm lấy cắp dù là y bát của mình cũng phạm Tốt-thổ-la-đề."

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hai Bí-sô ni một ở phòng phía Đông, một ở phòng phía Nam trước sau cùng đến đảnh lễ Thế Tôn, Phật vì hai vị nói pháp, nghe pháp xong cùng trở về. Vị ni phòng Đông đi trước, y Tăng-già-chi vắt trên vai sắp rớt, vị ni phòng Nam kêu nói: "Y của Thánh giả sắp rớt". Vị ni phòng Đông đang tư duy pháp và vì tiếng địa phương có khác nên không nghe hiểu, lúc đó y rớt xuống đất. Vị ni phòng Nam ở sau đi tới nhặt lấy nghĩ rằng: "Nếu ta đưa lại ngay sẽ trở ngại kia tư duy, đợi trở về trú xứ ta sẽ đưa lại". Khi về đến trú xứ vị ni phòng Đông rửa chân xong liền vào phòng tu phẩm thiện, vị ni phòng Nam suy nghĩ: "Nếu bây giờ ta đưa y thì sẽ trở ngại kia tu phẩm thiện, hãy đợi kia xuất định ta sẽ đưa lại", nghĩ rồi liền mang về phòng mình máng trên sào tre. Sáng hôm sau vị ni phòng Đông bảo đệ tử mang y đến để đi khất thực, đệ tử tìm khắp trong phòng không thấy liền trở lại thưa, vị ni này bảo đệ tử qua bên chỗ ni phòng Nam hỏi, đệ tử vâng lời qua đến chỗ ni phòng Nam liền thấy y của thầy mình máng trên sào tre liền hỏi: "Ai đã mang y của thầy tôi máng trên sào tre này?", đáp là tôi, liền hỏi cớ sao, vị ni này liền kể lại sự việc, nhưng vị đệ tử này vốn hiềm khích vị ni phòng Nam nên nói: "Cô dùng tâm trộm mang y của thầy tôi về phòng của mình, phạm Ba-la-thị-ca". Vị ni phòng Nam đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi vị ni phòng Nam: "Khi cô nhặt cái y đó sao không báo cho cô kia biết?", đáp: "Con có báo nhưng cô ni kia nghe không hiểu". Thế Tôn nói: "Tiếng địa phương có khác nên nghe không hiểu nhau thì không phạm, nhưng lỗi lầm này do lượm vật rơi của người lâu mà không đưa lại cho chủ, lại còn cất trong phòng mình. Nếu Bí-sô, Bí-sô ni lượm được y vật rơi của người không nên cất giữ lâu, ai cất giữ lâu phạm tội Việt pháp".

Sau đó có Bí-sô lượm được vật rơi của người, biết là của Bí-sô nên đem đến phòng của vị đó kêu để đưa lại. Nghe kêu vị này phải xuất định hỏi là ai, đáp: "Tôi lượm được y của thầy đánh rơi tại nên đem đến đưa lại".

Vị Bí-sô này nói: "Thà cái y của tôi bị kẻ trộm lấy đi, há vì cớ này mà thầy gõ cửa kêu làm kinh động thắng định của tôi". Bí-sô nghe rồi hối hận suy nghĩ: "Ta làm kinh động tỉnh lự của kia có phạm tội hay không", bèn đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô đó không phạm, nhưng các Bí-sô không nên vì việc nhỏ mà làm kinh động cảnh giới thắng định của người khác. Nếu lượm được y vật rơi nên đem đến chỗ người đó dùng dây cột để họ nhận sau, ai làm trái phạm tội Việt pháp".

Sau đó có Bí-sô lượm được vật rơi biết là của Bí-sô , bèn đem đến chỗ vị đó nói: "Đây là vật của thầy đánh rơi, tôi lượm được nên đem đến co thầy". Vị này vốn có hiềm khích với Bí-sô lượm vật rơi nên nói: "Chẳng phải thầy lượm được mà dùng tâm trộm lấy vật của tôi, thầy phải như pháp sám hối tội". Bí-sô nghe rồi hối hận bèn đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Không phạm, từ nay Bí-sô lượm được vật rơi nên đem giao cho Tri sự của tăng, vị Tri sự này trong vài ngày nên hai, ba lần bạch cho Tăng biết, nếu chủ của vật đến nhận thì nên đưa lại, nếu không ai đến nhận thì đưa vào Tăng tứ phương tùy chúng thọ dụng, ai làm trái phạm tội Việt pháp".

Nhiếp Tụng:

Đệ tử ni Thế-la
Thử người đến xin dầu
Mục Liên dùng thần thông
Bắt lại con trưởng giả
Tất Lân Già Bà Ta
Bắt trẻ và hộ vật
Rộng nói việc lấy trộm
Tùy chỗ nói nên biết.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có vị A-la-hán Bí-sô ni tên Thế-la đã đoạn các phiền não. Một đồng tử bán hương vừa trông thấy ni Thế-la hết lòng kính trọng, đến chỗ ni Thế-la bạch: "Thánh giả, nếu cần vật gì cứ đến nhà con tùy ý lấy dùng, Thánh giả dạy bảo gì con đều vâng theo", đáp lành thay. Thời gian sau ni Thế-la mắc bịnh nặng không thể đi khất thực, đồng tử bán hương trông thấy các Bí-sô ni thứ lớp khất thực liền đến lễ bái và hỏi thăm ni Thế-la vì sao không đi khất thực, một Bí-sô ni nói: "Hiền thủ, vị ni ấy mắc bịnh nặng". Đồng tử nói: "Thánh giả, trước đây tôi có bạch với ni Thế-la nếu cần vật gì cứ đến nhà tôi tùy ý lấy dùng, nhưng mãi không thấy vị ni ấy đến. Nếu ni Thế-la cần gì xin Thánh giả đến lấy mang về cho vị ấy", Bí-sô ni này nói: "Lành

thay Hiền thủ". Đồng tử bạch như vậy đến hai, ba lần khiến một Bí-sô ni trẻ suy nghĩ: "Đồng tử này ân cần thỉnh cho như vậy, ta nên thử xem hư thực thế nào", nghĩ rồi liền đưa cái bát nhỏ cho đồng tử nói: "Hiền thủ, Thánh giả Thế-la nay cần ít dầu". Đúng lúc đó dầu mới vừa ép xong, đồng tử liền múc dầu đổ đầy bát nhỏ rồi đưa cho vị ni trẻ nói rằng: "Nếu Thánh giả Thế-la có cần gì thêm cứ tùy ý đến lấy". Vị ni trẻ nhận dầu rồi về lấy dầu này thoa cho ni Thế-la, dầu thoa vừa hết thì bịnh của ni Thế-la cũng khỏi hẳn. Khi thấy ni Thế-la đi khất thực, đồng tử liền đến đảnh lễ nói rằng: "Đã lâu con không gặp được Thánh giả", đáp: "Lâu nay tôi mắc bịnh", đồng tử nói: "Trước đây con có thỉnh Thánh giả cần gì cứ đến nhà con tùy ý lấy dùng nhưng mãi không thấy Thánh giả đến, vừa rồi có một vị ni trẻ đến nói Thánh giả bịnh cần ít dầu, con đã lấy dầu mới ép múc đầy bát nhỏ đưa cho vị ấy". Ni Thế-la chú nguyện cho đồng tử rồi đi, khi trở về trú xứ liền hỏi các Bí-sô ni: "Ai đã đến chỗ đồng tử bán hương lấy dầu mang về?". Vị ni trẻ nói: "Thánh giả, khi tôi đi khất thực gặp đồng tử ấy hai, ba phen nói với tôi là ông có bạch với Thánh giả nếu cần gì cứ đến nhà ông ấy tùy ý lấy dùng nhưng mãi không thấy Thánh giả đến lấy, nay Thánh giả Thế-la bịnh nếu có cần gì tôi cứ đến lấy mang về. Tôi nghĩ nên thử xem hư thực thế nào nên đưa cái bát nhỏ cho đồng tử nói là Thánh giả Thế-la cần ít dầu. Đồng tử ấy liền múc dầu đầy bát nhỏ đưa cho tôi, tôi đem về thoa cho Thánh giả, vừa hết dầu thì bịnh Thánh giả cũng hết". Ni Thế-la hỏi: "Tôi có nhờ cô đến chỗ đồng tử xin dầu không?", đáp không có. một vị ni trẻ khác vốn có hiềm khích với vị ni trẻ này liền nói với ni Thế-la: "Thánh giả, vị ni này nhơn Thánh giả bịnh không phải chỉ đến chỗ đồng tử xin dầu, mà đã xin khắp thành Thất-la-phiệt này". Vị ni trẻ này nghe rồi hối hận không biết mình có phạm tội không bèn đem việc này bạch các Bí-sô ni, các Bí-sô ni bạch các Bí-sô , các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi vị ni trẻ: "Cô dùng tâm gì đến chỗ đồng tử kia xin dầu?", đáp: "Con khởi tâm muốn thử đồng tử kia". Phật nói: "Không phạm; nhưng Bí-sô, Bí-sô ni không hỏi người bịnh thì không nên xin giùm. Khi cần xin nên hỏi người bịnh là nên đến phòng thuốc của Tăng xin hay đến chỗ tín đồ, thân quyến xin. Tùy lời nói của người bịnh mà đến xin; nếu Bí-sô, Bí-sô ni không hỏi người bịnh mà đi xin thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó cụ thọ Đại Mục-kiền-liên sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực đến nhà trưởng giả Cấp-cô-độc thấy trưởng giả đang dạy con mình đọc tụng ngoại điển Thanh Minh tạp luận liền nói: "Trưởng giả, tất cả ngoại điển đều như sắt, như thạch lựu rốt ráo cũng không ăn được. Tập học ngoại điển

cũng như vậy, hao công tốn sức rốt cuộc cũng không nhờ đó mà được xuất ly, được nhập chánh định tụ và đoạn trừ các phiền não. Nhưng đối với Pháp do Phật nói ban dầu, chặng giữa và sau cùng đều thiện, nếu học hiểu tu được thì có thể đến Niết-bàn, vì sao trưởng giả không dạy cháu học tập Phật pháp?". Trưởng giả nói: "Thánh giả, vì không có ai dạy", đáp: "Nếu vậy tôi sẽ dạy cho", Trưởng giả nói: "Nếu được Thánh giả chỉ dạy thì thật là may mắn", nói rồi liền bảo con rằng: "Từ nay mỗi ngày con nên đến trong rừng Thệ-đa chỗ Tôn-đà-la-nan-đà giả ở để học Phật pháp", đáp xin vâng. Thế Tôn là mỗi ngày Trưởng giả trang sức cho đồng tử chuỗi anh lạc rồi cùng các thị tùng đến trong vườn Cấp-cô-độc, chỗ tôn giả Mục Liên ở để học Phật pháp. Lúc đó là vào đầu mùa thu có bọn giặc cướp Ca-lật để ca quấy nhiễu, chúng cùng nhau bàn luận: "Tất cả chúng ta nên làm gì để trọn năm chúng ta khỏi phải vất vả, mà lại được đầy đủ cơm ăn áo mặc, an lạc thọ dụng. Ta nghe nói trưởng giả Cấp-cô-độc mỗi ngày cho con đeo chuỗi anh lạc cùng các thị tùng đến trong vườn Cấp-cô-độc, nơi tôn giả Mục Liên ở để học Phật pháp. Chúng ta sẽ bắt cóc đứa bé này trên đường đi, tôn giả Mục liên cho là đứa bé ở nhà, còn trưởng giả lại cho là con mình ở chỗ tôn giả, hai bên đều không biết đứa bé bị bắt cóc thì chưa cần tìm, chúng ta giấu đứa trẻ làm con tin suốt đời. Trường hợp không bắt cóc được đứa bé thì ta sẽ cướp lấy đồ trang sức trên người nó, được những thứ trang sức này ta cũng an lạc thọ dụng". Bàn bạc xong chúng mai phục trên đường đi đợi đồng tử, vừa thấy đồng tử đi đến liền bắt cóc ngay. Các thị tùng trông thấy đồng tử bị giặc cướp bắt cóc vội chạy về nhà báo tin, trưởng giả vội vã đến chỗ vua Thắng Quang tâu: "Đại vương, con tôi bị giặc mùa thu bắt cóc, xin Đại vương cứu nạn con tôi". Vua nghe rồi liền ra lịnh cho Tỳ Lô Trạch Gia: "Ông phải nhanh chóng bao vây bọn giặc mùa thu để cứu con của trưởng giả". Tỳ Lô Trạch Gia vốn có hiềm khích với trưởng giả Cấp-cô-độc nên tuy phụng mệnh vua nhưng chưa vội đi cứu liền. Lúc đó có vị trời rất kính trọng tôn giả Mục Liên nên báo cho tôn giả biết tin này để tôn giả đi cứu. Sau khi biết được tin này, tôn giả Mục Liên suy nghĩ: "Nếu ta không cứu đứa bé thì giữa cha mẹ và con cái có khổ sanh ly, người không kính tín nghe liền vui mừng, người có kính tín thì sanh thối chuyển cho rằng vì lui tới nơi này nên mới bị giặc cướp bắt cóc, còn ai dám đến rừng Thệ-đa này nữa, ta phải dùng thần lực cứu đứa bé này". Nghĩ rồi tôn giả Mục Liên liền hiện đại thần thông hóa làm đông đảo quân lính của Tỳ Lô Trạch Gia bao vây bốn phía và đánh trống lớn khiến cho bọn giặc đều kinh sợ. Chúa giặc nói: "Các ngươi nên biết, Tỳ Lô Trạch Gia với các binh sĩ đã bao vây bốn phía, chúng ta nên thả đứa bé ra để tránh bị tù ngục". Bọn giặc bèn thả đứa

bé ra, tôn giả Mục Liên thấy đứa bé được thả liền thu hồi thần lực ngồi dưới gốc cây bên vệ đường chờ đứa bé chạy đến hỏi rằng: "Con từ đâu đến?", đáp: "Thánh giả, con bị giặc mùa thu bắt cóc", hỏi: "Ai đã cứu con thoát ra?", đáp: "Chính là Tỳ Lô Trạch Gia", tôn giả Mục Liên nói: "Con nên về nhà gấp, cha mẹ con đang rất lo lắng, sáng mai con đến học lại như thường lệ". Đồng tử vâng lời vội vã về nhà, lúc này Tỳ Lô Trạch Gia mới thống lĩnh bốn quân chủng: voi, ngựa, xe và bộ binh; vừa ra khỏi thành Thất-la-phiệt liền gặp đồng tử hỏi rằng: "Con từ đâu đến?", đáp: "Con đến rừng Thệ-đa giữa đường bị giặc mùa thu bắt cóc", hỏi: "Ai đã cứu thoát con ra?", đáp: "Chính tướng quân Tỳ Lô Trạch Gia". Tỳ Lô Trạch Gia nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta mới bắt đầu hành hạnh đầu đà quân sao nó nói là ta đã cứu nó, há chẳng phải có một đại đức thánh giả đầy đủ oai lực đã cứu đứa bé này". Nghĩ rồi liền hỏi đồng tử: "Lúc con chạy thoát ra có gặp ai ở gần chỗ đó không?", đáp: "Con gặp tôn giả Mục Liên ngồi bên vệ đường". Tỳ Lô Trạch Gia suy nghĩ: "Chính tôn giả Mục Liên đã dùng thần thông cứu thoát đứa bé chứ không ai khác". Nghĩ rồi vui mừng cao giọng nói to: "Chúng ta hôm nay sắp được thiện lợi, vì trong nước chúng ta có một Thánh giả đại trí như vậy, ở trong hiện pháp được đầy đủ oai lực và ở vị lai đoạn hết các lậu hoặc". Tỳ Lô Trạch Gia hết lời khen ngợi rồi kéo quân trở về, lúc đó lục chúng Bí-sô có việc ra ngoài thành nghe khen ngợi liền hỏi: "Ông khen ngợi ai?", đáp: "Khen ngợi Thánh chúng", hỏi: "Chúng tôi có gì mà ông khen ngợi?", đáp: "Con ông trưởng giả Cấp-cô-độc bị giặc mùa thu bắt cóc, tôn giả Mục Liên dùng thân thông cứu thoát đứa bé ra". Lục chúng nói: "Ông là người ngu si, chúng tôi cũng có thần lực như vậy mà không ai kính tín, còn kẻ ngoại đạo xuất gia kia lại tôn thờ ái kính. Kẻ ngoại đạo xuất gia kia có làm việc gì, chỉ là do giặc mùa thu thả cho nó thoát ra". Tỳ Lô Trạch Gia nghe rồi im lặng bỏ đi, lúc đó lục chúng nói với nhau: "Chúng ta tuy khéo nói như vậy nhưng kẻ thiểu dục đó hiện đang phạm tội, chúng ta đến bảo sám hối". Bàn bạc rồi lục chúng đắc chí trở về trú xứ sau đó tới chỗ tôn giả Mục Liên chào hỏi rồi bạch: "Thượng tọa cho phép chúng tôi gạn hỏi một việc", đáp cứ tự nhiên, hỏi: "Nghe nói con của trưởng giả Cấp-cô-độc bị giặc mùa thu bắt cóc, chính tôn giả đã cứu về, việc này hư thật thế nào?", đáp chính là tôi. Lục chúng nói: "Chúng tôi tuy biết Thượng tọa đã trụ trong tỉnh lự thọ vui giải thoát, nhưng không biết Thượng tọa có lòng từ bi. Tuy có từ bi nhưng không phổ cập, riêng đối với đệ tử thì thương xót cứu về, còn đối với giặc mùa thu thì làm cho sanh kinh sợ, Hơn nữa vật thuộc của người khác mà cưỡng đoạt về là phạm tội, Thượng tọa phải như pháp sám hối", đáp: "Tôi thấy không có tội". Lúc đó lục chúng luận tội: "Các vị nên

biết, như Thế Tôn dạy người nào không thấy tội thì làm pháp xả trí cho kẻ ấy". Nói rồi lục chúng đến chỗ vị Tri sự nói: "Cụ thọ, nên đánh kiền chùy, chúng tôi muốn làm pháp yết ma xả trí", hỏi: "Tác pháp yết ma xả trí cho ai?", đáp: "Có vị thiểu dục bản thân phạm tội mà không chịu sám hối, nên chúng tôi tác pháp yết ma xả trí cho vị ấy". Lúc đó cụ thọ Xá-lợi-tử là thủ lãnh trong chúng liền bảo Tri sự: "không nên để có người ở trong pháp tối thắng này làm cho suy tổn", nói rồi hỏi lục chúng: "Cụ thọ vì ai tác pháp Biến trụ, tác pháp Phú bổn biến trụ, tác pháp Ý hỉ hay là xuất tội?", đáp: "Không ai khác chính là tôn giả Mục Liên, bản thân phạm tội mà không thấy tội nên chúng tôi muốn tác pháp xả trí". Cụ thọ Xá-lợi-tử nói: "Cụ thọ chớ vì việc nhỏ mà xúc não vị kỳ đức, nhưng đức Bạc-già-phạm là bậc Nhất thiết tri kiến nơi cảnh trí vô thượng đã được tự tại, có thể đoạn nghi cho người khác. Cụ thọ nên đến hỏi, Phật dạy như thế nào tôi sẽ phụng hành theo". Các Bí-sô liền đem việc này bạch Phật, Phật hỏi tôn giả Mục Liên: "Thầy dùng tâm gì hiện thần lực để cứu đứa bé về?". Tôn giả liền kể lại sự việc, Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô Mục Liên với tâm như vậy mà hiện thần lực thì không phạm".

Phật ở trong vườn Trúc Lâm thành Vương Xá, tôn giả Tất Lân Già Bà Ta sáng sớm đắp y mang bát váo thành thứ lớp khất thực đến nhà người em rễ nghe thấy đứa cháu ngoại đang học tập ngoại điển, liền khuyên bảo cha mẹ của cháu cho cháu học Phật pháp hơn là học ngoại điển. Vì không có người dạy nên đích thân tôn giả dạy Phật pháp cho cháu, sự việc diễn tiến giống như trên. Đứa cháu ngoại này với chuỗi anh lạc trang sức trên người tới Trúc Lâm để học Phật pháp, giữa đường bị giặc mùa thu bắt cóc nhốt trong chiếc thuyền đậu ở ven sông. Tùy tùng thấy đứa trẻ bị giặc bắt liền chạy về nhà báo tin, người cha nghe rồi vội vã đến chỗ vua Ảnh-thắng tâu: "Đại vương, con tôi bị giặc mùa thu bắt cóc, xin vua cứu nạn cho con tôi". Vua nghe rồi ra lịnh cho Vị-sanh-oán đem quân bao vây giặc mùa thu để giải cứu con của Bà-la-môn này. Vị-sanh-oán vốn có hiềm khích với Bà-la-môn nên tuy phụng mạng vua nhưng không vội đem quân đi giải cứu. Lúc đó có một Thiên nữ rất kính trong tôn giả Tất Lân Già Bà Ta liền báo tin cho tôn giả biết, nghe rồi tôn giả suy nghĩ: "Nếu ta không cứu đứa cháu ngoại này thì giữa cha mẹ và con cái sẽ có khổ sanh ly. Người không tín kính thì vui mừng, còn người tín kính thì hối hận cho là vì lui tới nơi đây nên mới bị giặc bắt, như vậy còn ai chịu đến trong Trúc lâm này nữa. Ta nên hiện thần lực để cứu cháu". Nghĩ rồi tôn giả hiện thần lực làm cho thuyền giặc không thể di chuyển được, chúa giặc lo lắng không hiểu vì sao thuyền không tiến lên được, vừa nhìn lên bờ liền thấy tôn giả Tất Lân Già

Bà Ta đang đứng nhìn xuống. Chúa giặc hỏi: "Vì sao tôn giả não hại chúng tôi", đáp: "Các người dùng pháp ác não hại người khác chứ chẳng phải là ta não hại các ngươi. Nếu ta không hiện thần lực như thế thì con của Bà-la-môn sẽ bị bắt đi mất". Chúa giặc nói: "Nếu vậy tôi sẽ thả đứa bé này cho Thánh giả tùy ý bắt lại", nói rồi liền thả đứa bé lên bờ. Tôn giả thu hồi thần lực bảo cháu ngoại: "Cháu hãy mau về nhà, sáng mai sẽ học lại như thường lệ". Đứa bé trên đường về nhà gặp Vị-sanh-oán đang đưa quân ra khỏi thành, trông thấy đứa bé Vị-sanh-oán hỏi: "Ai đã cứu cháu về?", đáp: "Chính cậu của cháu là tôn giả Tất Lân Già Bà Ta đã cứu cháu về". Vị-sanh-oán nghe rồi vui mừng nói lớn: "Chúng ta ngày nay sẽ được thiện lợi, vì trong nước ta có một Thánh giả đại trí như vậy, ở trong hiện pháp oai lực đầy đủ và đời vị lai đoạn hết hữu lậu". Lúc đó lục chúng có nhân duyên ra thành nghe khen ngợi liền hỏi khen ngợi ai, đáp là khen ngợi Thánh chúng. Lục chúng hỏi: "Việc gì mà lại khen ngợi chúng tôi?", đáp: "Con của Bà-la-môn đến Trúc Lâm học Phật pháp bị giặc mùa thu bắt cóc, tôn giả Tất Lân Già Bà Ta đã dùng thần lực cứu thoát về". Lục chúng nói: "Ông là người ngu si, chúng tôi cũng có thần lực như vậy mà không kính tin, còn kẻ ngoại đạo xuất gia kia lại được kính tin, việc đó chỉ là do giặc thả lên bờ mà được thoát". Vị-sanh-oán nghe rồi làm thinh quay binh về, lúc đó lục chúng nói với nhau: "Tuy chúng ta khéo nói như vậy nhưng kẻ thiểu dục kia hiện đang phạm tội, chúng ta nên đến bảo sám hối". Bàn bạc rồi trở về trú xứ, sau đó đến chỗ tôn giả Tất Lân Già Bà Ta nói: "Thượng tọa cho phép tôi gạn hỏi một việc", đáp cứ hỏi, liền hỏi: "Nghe nói con của Bà-la-môn bị giặc mùa thu bắt cóc, chính Thượng tọa đã cứu về?", đáp phải, lục chúng nói: "Chúng tôi tuy biết Thượng tọa đã trụ trong tỉnh lự được giải thoát thắng lạc, nhưng không biết Thượng tọa có lòng từ bi. Tuy có lòng từ bi nhưng không cùng khắp, đối với thân tộc thì Thượng tọa thương xót cứu về, đối với giặc mùa thu thì sanh tâm bất nhẫn. Hơn nữa vật thuộc của người khác mà cưỡng đoạt lại, Thượng tọa đã phạm tội nên như pháp sám hối", đáp: "Tôi không thấy có tội". Lục chúng liền luận tội: "Các vị nên biết, như Thế Tôn dạy người không thấy tội nên làm yết ma xả trí", luận tội rồi liền đến chỗ vị Tri sự nói: "Cụ thọ nên đánh kiền chùy", hỏi: "Đánh kiền chùy làm gì?", đáp: "Có vị thiểu dục bản thân phạm tội mà không chịu sám hối nên chúng tôi muốn tác pháp xả trí". Cụ thọ Thân Tử là bậc thượng tọa trong chúng nghe rồi liền hỏi lục chúng: "Cụ thọ vì ai tác pháp Biến trụ hay pháp Phú bổn biến trụ, pháp Ý hỉ hay pháp xuất tội?", đáp: "Không ai khác, chính là tôn giả Tất Lân Già Bà Ta phạm tội mà không chịu sám hối nên muốn tác pháp Xả trí". Cụ thọ Thân Tử nói: "Cụ thọ không nên vì việc nhỏ

mà xúc não bậc kỳ đức, nhưng đức Bạc-già-phạm là bậc Nhất thiết tri kiến nơi cảnh trí vô thượng đã chứng được tự tại, có thể đoạn nghi cho người khác. Cụ thọ nên đến hỏi, Phật dạy thế nào tôi sẽ phụng hành hạnh đầu đà theo".

Phật ở trong Trúc Lâm gần ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương Xá, lúc đó vua Tần Tỳ Ta La theo thường pháp mỗi ngày đều đến lễ Phật và Tăng rồi nghe Phật nói pháp, Phật vì vua chỉ bày pháp yếu khiến vua được lợi hỉ. Vua nghe pháp xong lễ Phật lui về rồi đến chỗ ở của cụ thọ Tất Lân Già Bà Ta, lúc đó Tất Lân Già Bà Ta đang tự tu bổ phòng xá bị hư, từ xa thấy vua đến bèn rửa tay chân đón tiếp vua, vua lễ bái rồi bạch: "Thánh giả phải tự lao tác nhọc nhằn như vậy sao?", đáp: "Đại vương, phàm là người xuất gia phải tự làm việc, tôi đã xuất gia đâu thể bảo ai làm", vua nói: "Nếu như thế, tôi sẽ cung cấp người giúp việc cho Thánh giả". Vua thỉnh như thế đến năm lần, một đệ tử của tôn giả Tất Lân Già Bà Ta tánh tình chất trực bèn bạch vua: "Từ khi Đại vương hứa cung cấp người giúp việc cho thầy tôi, nếu thầy tôi nghe lời Đại vương chờ đợi người giúp việc đến mà không tự tu bổ phòng xá thì phòng xá đều bị hư hoại hết". Vua hỏi: "Thánh giả, ta đã từng hứa cung cấp người giúp việc sao?", đáp: "Không những một lần mà đến năm lần". Vì việc nước bận rộn nên vua không nhớ, nhưng pháp thường của vua là vua nói ra điều gì liền có quan ghi chép, vua hỏi quan ghi chép: "Ta đã từng hứa cung cấp người giúp việc sao?", đáp là thật, vua nói với người đệ tử của tôn giả: "Nếu đã trải qua năm lần thì nay ta cung cấp năm trăm tịnh nhơn để giúp việc". Nói rồi vua liền bảo đại thần cung cấp năm trăm người cho Thánh giả sai khiến, Tất Lân Già Bà Ta liền bạch vua: "Nay Đại vương cung cấp đến năm trăm người giúp việc thì tôi biết dùng vào việc gì?", vua nói: "Xin Thánh giả nhận để giúp việc cho Tăng chúng", đáp: "như lời vua nói thì xin đợi tôi đến bạch Phật", vua nói: "Thánh giả hãy đến bạch Phật". Tất Lân Già Bà Ta đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu vì chúng tăng thì có thể nhận". Tất Lân Già Bà Ta vâng lời Phật nhận số người giúp việc này, số người giúp việc này tuy được giao cho Tăng nhưng vẫn chưa thôi việc của vua, họ đến bạch với tôn giả: "Ban đầu nghe nói đến giúp việc cho Tăng, chúng con rất vui mừng, nhưng trên thực tế chúng con phải kiêm cả hai việc". Tôn giả nói: "Các vị chớ lo, tôi sẽ vì các vị tâu lại với vua". Thời gian sau nhà vua đến, tôn giả liền nói: "Hồi đó Đại vương cấp người giúp việc cho chúng tăng, Đại vương có sanh tâm hối tiếc không?", đáp là không có hối tiếc, tôn giả hỏi: "Nếu thật như vậy thì sao số người ấy chưa được miễn việc của vua?". Vua nghe rồi liền ra lịnh cho đại thần: "Số người giúp việc cho chúng tăng được miễn việc của vua". Đại

thần vâng lời liền cho miễn hết, thời gian sau trong cung cần người xây dựng, Đại thần gọi về giúp việc thì không ai đến, ngay cả những người không cấp cho chúng tăng cũng nói dối là đã cấp cho tăng, không chịu đến. Đại thần liền đem việc này tâu vua, vua nổi giận nói: "Nếu họ đã nói như vậy thì trở lại như cũ, từ nay những người đã cấp cho chúng tăng trở lại kiêm làm cả hai việc như trước kia". Số người giúp việc ấy nghe rồi liền đến bạch với tôn giả: "Chúng con từ nay phải kiêm làm cả việc trong cung, xin Thánh giả đến tâu vua giúp chúng con". Tôn giả nghe rồi liền đến chỗ vua tâu: "Vua cấp người giúp việc cho Tăng nay đã hối tiếc rồi sao?", vua nói: "Lời Thánh giả có ý gì?", đáp: "Vì số người ấy nay lại phải kiêm cả việc trong cung", vua nói: "Thánh giả, vì trong cung nay có việc cần người, đại thần kêu họ về làm, họ đều nói là đã làm cho Tăng, người không cấp cho Tăng cũng nói dối là đã làm cho tăng không chịu đến. Để khỏi phải xen tạp với người làm việc trong cung, mong Thánh giả lập riêng một phường cho tịnh nhơn". Tôn giả tâu: "Tôi sẽ về bạch Phật", vua nói: "Nên như thế". Tôn giả trở về bạch Phật, Phật nói: "Nay ta cho phép lập riêng một phường cho tịnh nhơn". Lúc đó các Bí-sô không biết nên xây cất nơi nào cho thích hợp, Phật nói: "Nên chọn ở giữa tinh xá và vương thành, nơi nghe được tiếng gọi nhau thì xây cất".

Các Bí-sô nghe rồi liền đến báo cho Đại thần biết, Đại thần bạch vua, vua nói: "Hãy làm theo lời Phật dạy". Đại thần liền loan báo cho các tịnh nhơn: "Nay Tăng lập riêng một phường cho những người giúp việc chúng tăng, các ngươi nên tập trung lại đến ở trong khu vực đó". Các tịnh nhơn nghe rồi liền cùng nhau đến ở trong phường riêng của mình, sau đó thường xuyên đến Trúc Lâm giúp việc, các Bí-sô nói: Nghiệp nào thanh tịnh thì nên làm, nghiệp không thanh tịnh thì không nên làm, do làm nghiệp thanh tịnh nên gọi là tịnh nhơn". Các tịnh nhơn này và người giữ vườn của tăng thường xuyên lui tới trong Trúc Lâm làm ồn ào gây náo động, trở ngại các Bí-sô thiền hành hạnh đầu đà. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Đừng kêu tập họp thường xuyên, chỉ kêu đến khi nào cần mà thôi". Lúc đó các tịnh nhơn cần cơm ăn áo mặc, các Bí-sô không biết cung cấp như thế nào, bạch Phật, Phật nói: "Người được tăng sai thì nên cung cấp y thực, người không được sai thì chớ nên cung cấp, có người già bịnh cũng nên cung cấp y thực và thuốc men". Thời gian sau tới phiên Ô-ba-nan-đà làm tri sự của Tăng liền bảo các tịnh nhơn mỗi sáng sớm phải đến giúp việc. Lúc đó trong thành Vương Xá, các Bí-sô hạ an cư vừa xong, trong thời gian này có bọn giặc mùa thu thường hay cướp phá, chúa giặc nói: "Chúng ta nên làm gì để trọn năm khỏi phải vất vả mà vẫn được an lạc thọ dụng?". Trong bọn giặc có

một người từng phục dịch cho Tăng nên rất am hiểu việc tăng, liền báo cho chúa giặc biết: "Trong Trúc Lâm có phường của tịnh nhơn chứa nhiều tài vật, nếu đến đó cướp ắt sẽ trọn năm no đủ". Một người trong bọn giặc nói: "Các Bí-sô là chủ của tịnh nhơn, hằng ngày phải đi khất thực còn chưa đủ nuôi thân, huống chi tịnh nhơn làm gì có nhiều tài vật?", tên giặc ấy liền nói: "Các ông không biết các Bí-sô tuy khất thực nhưng được huệ thí rất nhiều, lại còn tự tìm cầu. Tài vật của họ người trong thành Vương Xá còn không bằng, huống chi tịnh nhơn lại không có tài vật hay sao?". Sau khi bàn bạc xong, bọn giặc quyết định ngay trong đêm đó đến trong phường tịnh nhơn cướp tài vật. Lúc đó có một thiên nhơn rất tôn kính tôn giả Tất Lân Già Bà Ta liền đến báo cho tôn giả biết để cứu giúp họ. Nghe biết tin này tôn giả suy nghĩ: "Nếu ta không cứu thì các tịnh nhơn mất hết tài vật sẽ sầu khổ, ta nên hiện thần lực giúp họ", nghĩ rồi tôn giả Tất Lân Già Bà Ta liền hóa một bức tường đồng bao quanh phường tịnh nhơn. Lúc đó bọn giặc đã cướp được tài vật muốn mang ra khỏi phường tịnh nhơn thì thấy bức tường đồng bao quanh, không có lối ra. Tâm sanh kinh sợ liền bỏ tài vật xuống thì không còn thấy bức tường đồng bao quanh nữa, nhưng khi mang tài vật lên thì bức tường đồng lại hiện ra, như vậy đến bảy lần. Bọn giặc kinh sợ nói với nhau: "Các ngươi biết không, chắc có Thánh giả đầy đủ oai đức hiện thần lực giữ gìn những tài vật này, chúng ta nên bỏ tài vật lại rồi chạy ra khỏi chỗ này", nói xong bọn giặc liền gom tài vật lại một chỗ rồi bỏ chạy. Lúc đó các tịnh nhơn chợt thức giấc thấy tài vật đều bị trộm hết liền la lớn là giặc cướp rồi chạy khắp trong phường tìm kiếm, không ngờ thấy những tài vật bị trộm được chất đống một nơi. Họ vui mừng mang tài vật trở về rồi ngủ lại, trong giấc mộng vị thiên nhơn kia nói cho họ biết: "Tài vật của các ngươi bị giặc mùa thu trộm lấy đi đều do thánh giả Tất Lân Già Bà Ta dùng thần lực giữ lại". Sáng hôm sau họ nói với nhau: "Tài vật của chúng ta không bị mất đều là nhờ thần lực của tôn giả Tất Lân Già Bà Ta, chúng ta nên đóng góp tài vật để cúng dường Thánh giả". Bán bạc xong họ tắm rửa, mặc áo trắng mới, trang sức hương thơm mang tái vật cúng dường đến trong Trúc Lâm. Lúc đó Ô-ba-nan-đà đang cầm chìa khóa ra mở cổng chùa, quét dọn trong chùa tháp rồi lên gác chuông đánh kiền chùy. Nhìn ra xa trông thấy đám tịnh nhơn mặc áo trắng mới trang sức đẹp đẽ trên đường tới chùa, Ô-ba-nan-đà suy nghĩ: "Không biết những người đang đến kia là thương chủ, trưởng giả hay cu sĩ nào mà mới sáng sớm đã đến". Khi họ đến gần Ô-ba-nan-đà mới nhận ra là các tịnh nhơn liền nổi giận nói vọng xuống: "Ta chưa bảo đến, mới sáng sớm các ngươi đến làm gì?", các tịnh nhơn nói: "Thánh giả, đêm qua nếu không nhờ thần lực của tôn giả Tất

Lân Già Bà Ta cứu giúp thì tài vật của chúng tôi đã bị giặc mùa thu trộm lấy hết rồi, nên sáng sớm chúng tôi đến để cúng dường Thánh giả". Ô-ba-nan-đà nói: "Các ngươi dựa vào thần lực của kẻ ấy mà mới sáng sớm làm ồn ào như thế phải không? Ta sẽ tác pháp trị phạt kẻ ấy". Nói rồi liền kêu lục chúng cùng đến chỗ tôn giả Tất Lân Già Bà Ta nói: "Thượng tọa cho phép chúng tôi gạn hỏi một việc", đáp cứ hỏi, lục chúng hỏi: "Nghe nói trong phường tinh nhơn bị cướp, Thượng tọa đã dùng thần lực giữ lại những tài vật đã bị cướp là hư hay thật?", đáp là thật, lục chúng nói: "Chúng tôi biết Thượng tọa đã trụ trong tĩnh lự được giải thoát thắng lạc, nhưng không biết Thượng tọa có từ bi. Tuy có từ bi nhưng không phổ cập, đối với tịnh nhơn thì từ bi hộ niệm còn đối với bọn giặc thì bao vây khủng bố họ bằng tường đồng. Hơn nữa tài vật đã thuộc người khác cưỡng đoạt lại là phạm tội, Thượng tọa nên như pháp sám hối". Sự việc diễn tiến giống như trên cho đến các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật hỏi Tất Lân Già Bà Ta: "Thầy dùng tâm gì hiện thần lực để giữ lại tài vật của các tịnh nhơn?". Tất Lân Già Bà Ta liền kể lại sự việc trên, Phật nghe rồi bảo các Bí-sô: "Tất Lân Già Bà Ta dùng tâm này mà hiện thần lực để giữ lại tài vật cho các tịnh nhơn thì không phạm. Lại nữa những trường hợp sau đây đều không phạm, đó là ban đầu chưa chế giới, cuồng si tâm loạn, bị thống não bức bách".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 6

Học Xứ Thứ Ba: ***ĐOẠN MẠNG NGƯỜI***

Tổng Nhiếp Tụng:

Duyên đầu Đà-sách-ca
Nội thân v.v… hành sát
Độc hại khởi thây quỷ
Sau luận việc nhà tắm.

Biệt Nhiếp Tụng:

Đà Sách Ca, Ba Lạc
Thiện ngữ và Kiết tường
Bát, y và trục thai
Trưởng giả Lộc, phạm chí.

1. Trường hợp Đà Sách Ca:

Lúc đó đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt , có hai Bí-sô một tên là Đà-sách-ca, một tên là Ba-lạc-ca cùng nhau kết bạn. Thời gian sau Ba Lạc mắc bịnh, Đa-sách-ca làm người khán bịnh, một hôm vào lúc nửa đêm Ba-lạc-ca bổng khóc la lớn tiếng, khi Đà-sách-ca hỏi thì Ba-lạc-ca nói là bị đói khát bức bách, Đà-sách-ca liền nói: "Cụ thọ ở trong pháp xuất gia cần phải ức chế, nếu có thức ăn mà không có người trao cho thì cũng không được ăn, huống chi hiện giờ không có thức ăn". Ba-lạc-ca cứ khóc la như vậy cho đến sáng, Đà-sách-ca nói: "Cụ thọ dậy súc miệng đánh răng, tôi đến chỗ thầy thuốc hỏi thăm về chứng bịnh của cụ thọ". Đà-sách-ca liền đến chỗ thầy thuốc hỏi: "Hiền thủ, nay có Bí-sô khi bịnh cứ la khóc như con nít, có phương thuốc nào chữa được bịnh của thầy ấy", đáp: "Thánh giả, bịnh của Bí-sô đó nên uống thuốc ". Đà-sách-ca vừa đi khỏi, Ba-lạc-ca thức dậy súc miệng…, các Bí-sô hỏi: "Cụ thọ tại sao cứ khóc la suốt đêm như thế?", đáp: "Tôi bị đói khát bức bách". Có một Bí-sô hỏi: "Tôi có nước cháo, cụ thọ uống không?", đáp

uống, một Bí-sô khác lại hỏi: "Tôi có sữa, bánh, canh thịt… cụ thọ ăn không?", đáp ăn. Ăn uống no bụng rồi, Ba-lạc-ca vào phòng nằm trên giường, vừa lúc đó Đà-sách-ca trở về với những thứ thuốc mà thầy thuốc bảo nên uống. Đà-sách-ca bảo Ba-lạc-ca ngồi dậy rồi bảo người mang thức ăn tới cho Ba-lạc-ca, Ba-lạc-ca chỉ múc vài muỗng rồi lại nằm xuống, Đà-sách-ca hỏi cớ sao thì Ba-lạc-ca nói là không muốn ăn. Đà-sách-ca nói: "Cụ thọ suốt đêm la khóc đòi ăn, bây giờ có thức ăn mang đến lại nói không muốn ăn, nếu cứ như vậy e cụ thọ không qua khỏi". Lúc đó các Bí-sô liền kể lại sự việc và nói: "Ba-lạc-ca đã no nê rồi", Đà-sách-ca hỏi lại Ba-lạc-ca có thật như vậy không, Ba-lạc-ca xấu hổ nói là thật. Đà-sách-ca nổi giận nói: "Tôi vì lo lắng cho cụ họ mà y bát khánh tận, bỏ phế việc tu nghiệp thiện, trong khi đó cụ thọ lại không kiêng cữ, thà uống thuốc độc còn hơn là ăn những thức ăn kiêng cữ như thế". Nghe Đà-sách-ca quở trách, Ba-lạc-ca cảm thấy xấu hổ thầm nghĩ: "Lành thay lời trách móc của đồng phạm hạnh: Thà uống thuốc độc còn hơn ăn những thức ăn kiêng cữ như thế, ta nay nên uống thuốc độc". Suy nghĩ rồi liến ngồi dậy lục tìm trong tủ thuốc thấy có thuốc độc liền lấy uống, uống xong bị thuốc công phạt cả người choáng váng, đôi mắt nhắm nghiền, miệng sủi bọt khóc kêu: "Đà-sách-ca, tôi chết mất". Đà-sách-ca nghe kêu kinh hoàng chạy đến hỏi, Ba-lạc-ca nói: "Nghe cụ thọ nói đã vất vả vì tôi mà tôi lại không kiêng cữ, thà uống thuốc độc còn hơn ăn những thức ăn kiêng cữ như thế, tôi tự cảm thấy xấu hổ nên đã tìm thuốc độc để uống". Đà-sách-ca nghe xong bi cảm nói: "Tại sao cụ thọ làm việc ngu ngốc như vậy chứ!", nói xong liền chạy đi kêu thầy thuốc đến, nhưng vì thuốc độc quá mạnh không thể kéo dài mạng sống, khi Đà-sách-ca trở về thì Ba-lạc-ca đã qua đời. Đà-sách-ca hối hận suy nghĩ: "Há chẳng phải chính ta đã khuyên Ba-lạc-ca uống thuốc độc mà chết sao", bèn đem sự việc bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Đà-sách-ca không có tâm sát nên không phạm, nhưng các Bí-sô không nên nói với người bịnh những lời như vậy khiến người bịnh nghe rồi tự tìm đến cái chết, nếu ai nói lời như thế thì phạm tội Việt pháp". Đây là duyên khởi nhưng Thế Tôn chưa ở nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các đệ tử Thinh văn.

2. Trường hợp Thiện Ngữ:

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hai Bí-sô một tên là Thiện Ngữ, một tên là Kiết Tường cùng nhau kết bạn. Bí-sô Thiện Ngữ là bỏ nghề thợ săn mà xuất gia, còn Bí-sô Kiết Tường là bỏ nếp sống trưởng giả mà xuất gia. Lúc đó có hai đồng tử là cháu ngoại của Thiện Ngữ vì cha mẹ đã qua đời nên lưu lạc đến rừng Thệ-đa, đúng lúc Thiên

Ngữ vừa đi ra trông thấy biết là cháu ngoại liền hỏi thăm, mới biết cha mẹ chúng đã qua đời liền rơi nước mắt. Các Bí-sô thấy vậy bèn hỏi hai đồng tử là ai, Thiện Ngữ đáp là cháu ngoại, các Bí-sô nói: "Nếu là cháu kêu bằng cậu thì nên đem về nuôi dưỡng", Thiện Ngữ nói: "Tôi khất thực còn không đủ nuôi thân làm sao nuôi thêm hai đứa cháu này", các Bí-sô nói: "Hãy bảo hai cháu làm chút việc nhọc cho các Bí-sô, các Bí-sô sẽ sớ bớt cơm trong bát cho hai cháu được no đủ". Thiện Ngữ nghe lời đem hai cháu về nuôi, hai đứa cháu này bẩm tánh siêng năng tháo vát, khéo biết hầu hạ và cung kính các Bí-sô nên các Bí-sô rất thương mến cung cấp cho y thực đầy đủ nuôi dưỡng hai đồng tử này cho đến trưởng thành. một hôm hai đồng tử đứng chơi bên ngoài, có mấy người thợ săn quen biết đuổi theo một con nai chạy đến trông thấy chúng liền hỏi: "Tại sao chúng bây lại đứng ở đây?", đáp: "Cậu của cháu xuất gia ở trong đây, chúng cháu hiện đang ở với cậu", thợ săn nói: "Cậu của chúng bây không tự nuôi sông được nên mới xuất gia ở trong đây, chúng bây khỏe mạnh như thế há không tự nuôi sống được hay sao, phải lập chí học nghề nghiệp của cha ông", đáp: "Cậu của cháu có thâm ân, cháu phải về hỏi ý kiến của cậu rồi mới quyết định". Hai đồng tử trở về đến chỗ Thiện Ngữ nói: "Thánh giả, hai cháu phải lập chí học nghề nghiệp của cha ông nên đến cáo từ Thánh giả", Thiện Ngữ nói: "Chúng ta đã dùng của tín thí nuôi dưỡng hai cháu nên người, sao hai cháu lại quay về học theo hạnh ác", hai đồng tử nói: "Tuy đó là hạnh ác nhưng làm người ai lại bỏ nghề nghiệp của cha ông", nói xong cả hai đều bỏ về làm nghề săn bắn để tự nuôi sống. Thời gian sau Bí-sô Kiết Tường mắc bịnh nặng, Bí-sô Thiện Ngữ làm người nuôi bịnh, lúc đó Kiết Tường bị cơn bịnh hành hạ bèn suy nghĩ: "Trước nay ta trì giới không làm điều ác, thiên đường giải thoát như cách một bức màn mỏng. Nay ta nên từ bỏ thân đau khổ này để sanh về cõi thù thắng", lại nghĩ: "Nhưng ai sẽ hành sát để đoạn mạng sống giúp ta? À, hai đứa cháu của Bí-sô Thiện Ngữ, bẩm tánh thô bạo có thể đoạn mạng sống giúp ta, ta khỏi phải nhờ ai khác". Suy nghĩ rồi liền hỏi Thiện Ngữ: "Hai đứa cháu ngoại của cụ thọ hiện nay ở đâu?", đáp: "Tôi không muốn nghe đến tên của chúng nữa, tôi đã dùng của tín thí nuôi dưỡng chúng, nay chúng trở lại làm nghiệp ác như tổ phụ nó đã làm, đó là nghề săn bắn giết hại chúng sanh để tự nuôi sống". Kiết Tường nói: "Không nên hiềm hận hai cháu, dù sao khi hai cháu còn ở rừng Thệ-đa cho đến con trùng con kiến chúng cũng không giết hại. Do người ác khuyến dụ nên chúng mới trở về hành nghiệp ác, cụ thọ nên khuyên chúng lìa xa những người ác đó, nếu cụ thọ có gặp chúng nên gọi về đây giúp đỡ tôi lúc đang bịnh nặng, những lúc cụ thọ đi vắng tôi không biết nhờ ai". Một hôm Thiện

Ngữ đi khất thực trông thấy hai cháu đang bán thịt ở trong một cửa hàng thịt, hai đứa cháu từ xa trông thấy cậu liền chạy đến đảnh lễ, Thiện Ngữ giận nói: "Ta với hai cháu đâu có thân thuộc gì?", đáp: Thánh giả là cậu của hai cháu", lại hỏi: "Cụ thọ Kiết Tường có thân thuộc gì?", đáp: Cũng là cậu của hai cháu". Thiện Ngữ nói: "Cụ thọ Kiết Tường hiện đang bịnh nặng, hai cháu có lần nào ghé thăm chưa?", đáp: "Hai cháu quả thật không hay biết, bây giờ hai cháu sẽ đến thăm, cậu muốn cháu làm gì?, Thiện Ngữ nói: "Nếu thầy ấy bảo hai cháu làm gì, hai cháu cứ làm theo", nói rồi bỏ đi. Hai đồng tử này đến chỗ Bí-sô Kiết Tường đảnh lễ rồi ngồi một bên, Kiết Tường hỏi: Thánh giả Thiện Ngữ là gì của hai cháu?", đáp: "Là cậu của hai cháu", lại hỏi: "Ta là gì của hai cháu?", đáp: "Cũng là cậu của hai cháu", lại hỏi: "Ta mắc bịnh nặng sao hai cháu không đến thăm?", đáp: "Hai cháu quả thật không biết, hồi nảy nghe cậu cháu nói, hai cháu liền đến thăm Thánh giả". Kiết Tường nói: "Hai cháu có muốn ta sanh lên cõi trời không?", đáp: "Rất muốn", Kiết Tường nói: "Hiện giờ thiên đường giải thoát đối với ta như cách một bức màn mỏng, ta muốn bỏ thân đau khổ này để sanh về thắng xứ, ta nhờ hai cháu đoạn mạng căn này giúp ta", đáp: "Đâu thể được, nếu có kẻ nào đó đến hại cậu, cháu sẽ giết kẻ ấy chứ đâu có chuyện cháu đoạn mạng căn của cậu", Kiết Tường nói: "Chẳng lẽ Thiện Ngữ không nói với hai cháu ta bảo làm gì hai cháu cứ làm theo hay sao?", đáp: "Cậu có nói như vậy", Kiết Tường nói: "Nếu vậy thì nên nghe lời ta đoạn mạng căn này giúp ta". Hai đứa cháu nghe rồi cùng bàn bạc: "Há chẳng phải cậu của chúng ta đã trù lượng trước nên kêu chúng ta đến thăm bịnh để làm việc này hay sao". Bàn bạc xong một trong hai đứa cầm con dao bén chặt đứt yết hầu của Kiết Tường rồi lấy tấm bạch điệp phủ lên tử thi. Vừa lúc ấy Thiện Ngữ trở về nói: "Hai cháu trông coi người bịnh đâu nên để cho ngủ như thế?", đáp: "Người cậu này sẽ không dậy nữa đâu". Thiện Ngữ nghe nói kinh hãi bèn hỏi rõ sự việc, hai đứa cháu liền kể lại sự việc đã xảy ra, Thiện Ngữ kinh hoàng đến giở tấm bạch điệp ra xem, trông thấy Kiết Tường bị giết như vậy trong lòng hết sức hối hận tự nghĩ: "Há chẳng phải ta là người tìm người cầm dao giết chết kẻ khác hay sao?", liền đem sự việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này không có tâm sát nên không phạm, nhưng các Bí-sô không nên sai người vô trí chăm sóc người bịnh, nếu có duyên sự phải ra đi phải chỉ dạy cặn kẻ người nuôi bịnh không hiểu biết, chớ để người bịnh phi lý bị hại, hoặc té ngã trong nước lửa hoặc ăn thức ăn độc… Tất cả đều phải cẩn thận đề phòng, không để cho người bịnh bị tổn hại, nếu Bí-sô nào sai người vô trí chăm sóc người bịnh mà không khéo chỉ dạy mà ra đi thì phạm tội Việt pháp". Đây là duyên khởi

nhưng Phật chưa chế học xứ này.

3. Trường hợp vì y bát:

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt , lúc đó có một Bí-sô bát thường ngày thọ dụng bị mất màu và lủng chảy, các Bí-sô thấy vậy liền nói: "Bát thường thọ dụng của cụ thọ đã mất màu và lủng chảy, sao không nung trét lại?", đáp: "Nung trét lại phải cần nhiều vật dụng như ngói bể, phân bò, dầu mè…", các Bí-sô nói: "Nếu không có cái bát lành thì làm sao khất thực tự nuôi sống được?", đáp: "Không có cái bát lành tất nhiên không thể khất thực tự sống, nhưng có một Bí-sô ở tại , đang bịnh nặng không bao lâu nữa sẽ qua đời. Bí-sô đó có cái bát rất tốt có thể thọ dụng được, đợi vị ấy qua đời tôi sẽ lấy dùng". Các Bí-sô nghe rồi liền nói: "Cụ thọ chỉ vì cái bát mà sanh tâm Chiên-đà-la cực ác như vậy hay sao?". Bí-sô này nghe rồi cảm thấy xấu hổ hối hận tự nghĩ không biết mình có phạm tội hay không, liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này không có tâm nguyện cầu cho vị kia chết nên không phạm, nhưng các Bí-sô không nên vì cái bát mà sanh tâm Chiên-đà-la cực ác như vậy, nếu khởi tâm này thì phạm tội Việt pháp. Các Bí-sô phải hộ trì bát như giữ tròng mắt, chỗ cần trét thì trét, bát cần nung lại thì nên nung lại; nếu Bí-sô nào có bát cần phải nung trét lại mà không chịu làm thì phạm tội Việt pháp". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế học xứ.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt , lúc đó có một Bí-sô y Tăng-già-chi đã cũ rách và dơ bẩn, các Bí-sô thấy vậy nói: "Y Tăng-già-chi của cụ thọ đã cũ rách và dơ bẩn sao không giặt nhuộm và vá lại", đáp: "Nếu giặt nhuộm vá lại phải cần nhiều vật dụng như thuốc nhuộm, kim chỉ, củi nồi …", các Bí-sô nói: "Nếu không có y làm sao che thân?", đáp: "không có y tất nhiên không thể che thân, nhưng có một Bí-sô ở tại , đang mắc bịnh nặng không bao lâu sẽ qua đời, vị ấy có Tăng-già-chi còn mới có thể thọ dụng được, đợi chừng nào vị ấy qua đời tôi sẽ lấy dùng", các Bí-sô nghe rồi nói: "Cụ thọ vì y mà sanh tâm Chiên-đà-la cực ác như vậy sao?". Bí-sô nghe rồi cảm thấy xấu hổ hối hận tự nghĩ không biết mình có phạm tội hay không, liền đem việc này bạch các Bí-sô , các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này không có tâm nguyện cho vị kia chết nên không phạm, nhưng các Bí-sô không nên vì y mà sanh tâm Chiên-đà-la cực ác như vậy, ai khởi tâm như thấy phạm tội Việt pháp. Lại nữa các Bí-sô phải hộ trì y như da trên thân, cần giặt nhuộm vá lại thì nên tùy việc mà làm, nếu không làm phạm tội Việt pháp". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế học xứ này.

4. Trường hợp tùy hỉ làm đọa thai:

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả tên là Thắng Quân giàu có thọ dụng đầy đủ. Ông cưới một người con gái cùng dòng tộc làm vợ, không bao lâu sau người vợ có thai, sau chín tháng sanh một con trai tướng mạo đoan nghiêm khiến ai cũng yêu mến. Trải qua hai mươi mốt ngày gia tộc vui mừng mở hội, người cha bồng con ra hỏi tôn thân nên đặt tên cho cháu là gì, mọi người luận bàn rồi nói: "Con trai của Thắng Quân nên đặt tên là Đại Quân". Thời gian không lâu sau người vợ lại sanh thêm một con trai, dung mạo kỳ đặc hơn anh gấp bội phần, là em của Đại Quân nên đặt tên là Tiểu Quân. Thời gian sau vợ của Thắng Quân qua đời, thi hài được đưa vào rừng hỏa táng, Thắng Quân tự nghĩ: "Nếu ta lấy vợ nữa e sẽ xúc não hai con, ta nên cưới vợ cho Đại Quân". Cưới vợ cho Đại Quân xong, không bao lâu sau Thắng Quân đau yếu luôn, dù có thuốc thang đầy đủ nhưng sức khỏe ngày càng suy yếu, để khuyên nhắc hai con Thắng Quân nói kệ:

"Tích tụ đều tiêu tán, Lên cao ắt té nặng, Sum họp ắt biệt ly, Có sống rồi sẽ chết".

Nói kệ xong liền qua đời, nghi lễ hỏa táng tổ chức rất chu đáo. Đại Quân vì cha rộng tu nghiệp phước, tự nghĩ: "Cha ta lúc còn sống lo liệu mọi việc cho ta, nay người qua đời ta phải xoay sở thế nào để gia nghiệp không bị sa sút. Ta nên mang tiền bạc hàng hóa sang phương khác mua bán cầu lợi". Nghĩ rồi nói với Tiểu Quân: "Em có biết không, lúc cha còn sống lo liệu mọi việc cho chúng ta không có thiếu thốn, nay cha qua đời chúng ta phải tự kinh doanh cầu lợi. Em ở nhà trông coi gia nghiệp, anh sang phương khác kinh doanh cầu lợi một thời gian rồi sẽ trở về". Tiểu Quân tán thành ý kiến của anh, Đại Quân liền mang theo tiền bạc hàng hóa đến phương khác kinh doanh cầu lợi, tất cả đều thuận lợi như ý nên viết thư về cho em nói rằng: "Anh rất an ổn, việc mua bán thuận lợi như ý, em ở nhà coi ngó gia nghiệp". Vì ham cầu lợi nên càng đi xa hơn, thời gian sau gởi thư về cho em nói kệ:

"Do tham nên cầu lợi Được lợi lại sanh tham. Nên làm không nên làm, Vì tham nên mất hết".

Cứ đi như thế đến tận biên phương xa xôi, trải qua nhiều năm không còn tin tức nữa. Lúc đó người vợ của Đại Quân sống hưởng thụ đầy đủ nên dục tình phát sanh đối với người em chồng, nhưng Tiểu Quân không chấp nhận nói rằng: "Chị dâu lớn coi như mẹ". Vì không được thuận tình nên vợ Đại Quân buồn bã về nhà cha mẹ than thở: "Con bị dục tình bức bách, mẹ

nên tìm cho con một trượng phu khác", bà mẹ nói: "Tiểu Quân dung mạo đoan nghiêm sao con không cầu?", đáp: "Con đã cầu nhưng người ấy không chấp nhận". Bà mẹ nói: "Con há không thấy những người vợ khác, chồng họ đi xa vẫn giữ khí tiết sao con lại có ý khác để riêng mình chịu khổ?", đáp: "Chồng họ đi xa vẫn có tin tức nên còn có hy vọng gặp lại nhau, còn chồng của con thì bặt vô âm tín chắc là đã chết rồi". Bà mẹ đủ cách khuyên nhũ nhưng vợ Đại Quân vẫn buồn bả ưu sầu nằm mãi trên giường không chịu dậy, còn nói: "Mẹ nên tìm cho con một trượng phu khác, nếu không con sẽ bỏ trốn đi, khi đó cả hai họ đều mang tiếng xấu". Lúc đó cha mẹ bèn cùng họ hàng bàn bạc: "Chúng ta nên làm một bửa tiệc mời Tiểu Quân đến, tiệc xong chúng ta sẽ nói với Tiểu Quân là chuyện trong nhà nên uyển chuyển giải quyết, chị dâu của Tiểu Quân bị dục tình bức bách, Tiểu Quân nên bảo bọc chớ để bỏ nhà trốn đi khiến hai họ đều mang tiếng xấu". Tiểu Quân đến dự tiệc nghe mọi người nói như vậy liền suy nghĩ: "Chị dâu về nhà ta làm dâu từ nhỏ, ta không nên để chị ấy bỏ trốn đi khiến cho hai họ đều mang tiếng xấu". Nghĩ rồi liền chấp thuận rước vợ Đại Quân trở về, cùng nhau ăn ở chưa bao lâu thì người vợ này có thai, những người bạn gái trông thấy liền hỏi: "Thai trong bụng của chị từ đâu mà có?", đáp: "Từ khi chồng tôi đi xa, tôi ở nhà thủ tiết sao các bạn lại nói như vậy". Trong số đó có một người bạn thân nói: "Chị muốn dấu nhưng tướng bụng đã hiện rõ ra rồi", đáp: "Tôi có thai thì đã sao?", người bạn liền hỏi là của ai, đáp là của Tiểu Quân, người bạn nói: "Nếu là của Tiểu Quân thì đâu có lỗi gì". Thai trong bụng càng ngày lớn dần, bất ngờ Tiểu Quân nhận được thư của Đại Quân gởi về nói rằng: "Việc kinh doanh gần đây thuận lợi như ý, em chớ lo buồn, không bao lâu sau anh sẽ trở về". Đọc thư xong Tiểu Quân hối hận tự nghĩ: "Ta trông thư anh như nắng trông mưa, từ lâu không có tin tức cũng không thấy trở về, ta vô tâm lấy vợ của anh rồi thì anh mới trở về. Người đời có nói oan gia nặng nhất không gì hơn là xâm phạm vợ người khác. Anh ta về biết được chắc sẽ không tha thứ cho ta, ta nay nên trốn đi", lại nghĩ: "Quê nhà khó từ bỏ, nay vua Thắng Quang coi Thích Ca tử đồng như thái tử, tự tại vô ngại, ta nên đến đó cầu xuất gia, anh ta trở về cũng không làm gì ta được". Nghĩ rồi Tiểu Quân liền đến rừng Thệ-đa gặp một Bí-sô cầu xin xuất gia, Bí-sô nói: "Tài và mạng không lâu bền, có thể từ bỏ mà xuất gia là tốt". Nói rồi cho Tiểu Quân xuất gia và thọ viên cụ, dạy cho Tiểu Quân hành pháp của Bí-sô rồi nói: "Cụ thọ, nai không nuôi nai, thành Thất-la-phiệt rộng lớn thầy nên đi khất thực tự nuôi thân". Tiểu Quân vâng lời sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, thứ lớp đến nhà của mình, người vợ từ xa trông thấy đấm ngực hỏi vì sao, Tiểu Quân nói: "Nàng há

không biết tôi trông đợi anh tôi như nắng trông mưa mà anh tôi lại bặt vô âm tín cũng không thấy trở về. Tôi vô tâm lấy vợ của anh mình, anh tôi về biết được chắc sẽ không tha thứ cho tôi, cho nên tôi phải bỏ đi xuất gia". Người vợ nói: "Ông tự trốn tránh còn tôi làm sao?", đáp: "Tôi vốn vô tâm, chỉ vì chị bị dục tình nên bức bách tôi lấy thì ráng chịu lấy", nói xong liền bỏ đi. Lúc đó có người bạn thân của Tiểu Quân giỏi về y thuật tìm đến nhà hỏi thăm Tiểu Quân mới biết sự việc xảy ra và Tiểu Quân hiện đã xuất gia ở trong rừng Thệ-đa, liền tìm đến rừng Thệ-đa để thăm Tiểu Quân, thấy các Bí-sô hình tướng và y phục đều giống nhau nên không biết ai là Tiểu Quân. Lúc đó có một Bí-sô chỉ chỗ Tiểu Quân, khi gặp mặt người bạn hỏi vì sao đi xuất gia mà không nói cho biết, Tiểu Quân nói: "Vì vội vã nên không thể nói cho biết", nói rồi liền thuật lại đầy đủ sự việc đã xảy ra. Người bạn nói: "Tôi biết rành về y thuật và điều chế thuốc, đối với người mang thai cũng có thuốc làm cho tiêu thai". Tiểu Quân nghe nói im lặng, người bạn này liền trở về điều chế thuốc tiêu thai, bảo một người nữ đem đến đưa cho người vợ kia và dặn nói rằng: "Thuốc tán này do Bí-sô Tiểu Quân sai tôi mang đến, hòa với nước uống sẽ được bình an tốt đẹp". Người nữ đem thuốc đến và nói như lời đã dặn, người vợ này nghe rồi nhận thuốc và cũng y theo lời đã dặn hòa với nước uống, kết quả thai được trục ra ngoài. Khi những người bạn hỏi về cái thai thì người vợ này nói: "Trước đây tôi có nói chồng tôi đi xa tôi ở nhà thủ tiết, làm gì có cái thai nào". Một người bạn thân trong số đó lại hỏi: "Trước đây chị nói là thai của Tiểu Quân, sao bây giờ lại nói làm gì có cái thai nào?", đáp: "Nó từ kia đến nên giờ cũng đi theo kia", lại hỏi : "Đi theo kia là nghĩa như thế nào?", đáp: "Tiểu Quân đưa thuốc trục thai cho tôi uống nên cái thai đã tiêu rồi". Những người bạn này nghe rồi cùng nhau cơ hiềm: "Thích Ca tử có thể làm việc ác, không phải chơn sa môn đã cho người uống thuốc trục thai". Tiếng xấu này lan ra khắp thành ấp đồn rằng chính Tiểu Quân là thủ phạm, các Bí-sô nghe rồi liền bạch Phật, Phật hỏi Tiểu Quân: "Thầy thật đã làm việc này phải không?", đáp: "Con không có làm, con chỉ có tùy hỉ". Phật bảo các Bí-sô: "Tiểu Quân không có tâm sát nên không phạm, nhưng các Bí-sô không nên sanh tâm tùy hỉ với việc làm như vậy, nếu ai tùy hỉ thì phạm tội Việt pháp". Không bao lâu sau Đại Quân trở về dừng nghỉ tại một nơi cách thành không xa, theo thường tình hễ nghe ai làm điều tốt thì vui mừng theo, còn thấy làm điều xấu thì lo buồn giùm, cho nên thấy Đại Quân sắp về đến nhà liền có người báo cho người vợ biết. Người vợ này nghe tin trong lòng lo sợ, ưu sầu nằm trên giường, Đại Quân vào thành liền đưa hàng hóa đến các cửa hàng rồi mới về nhà. Về đến nhà thấy gia cảnh ảm đạm, bước vào trong

phòng thấy vợ nằm buồn bã trên giường liền hỏi: "Hiền thủ, vì sao thấy anh về mà không vui mừng ra đón?", đáp: "Anh về em rất vui, nhưng trong thời gian anh đi không có tin tức gì, Tiểu Quân đã xâm phạm em". Đại Quân nghe xong liền nổi giận nói: "Nó làm như thế không những khi em mà còn khi anh nữa, em hãy ngồi dậy anh sẽ trị tội nó, nó hiện giờ đâu rồi?". Người vợ nói: "Nghe anh sắp về, nó đã lén trốn đi xuất gia rồi", liền hỏi xuất gia ở đâu, người vợ đáp là ở trong rừng Thệ-đa, Đại Quân nói: "Nơi đó đâu phải là thành Thí Vô úy, anh sẽ đến đó trị phạt nó". Lúc đó có người đến báo cho Tiểu Quân biết Đại Quân sắp đến, Tiểu Quân hỏi: "Có nghe anh tôi nói gì không?", đáp: "Đại Quân nói rừng Thệ-đa đâu phải là thành Thí Vô úy, ta sẽ đến đó trị phạt nó". Tiểu Quân nghe rồi lo sợ thầm nghĩ: "Ta vì sợ anh mà đến đây xuất gia, tuy biết Bí-sô được vua xem đồng như Thái tử không có chướng ngại, nhưng ta có tội, nếu anh ta đến ắt sẽ làm hại ta, ta không nên ở đây, nên trốn đến nơi khác". Nghĩ rồi liến đến bạch thầy: "Ô-ba-đà-da, vì con sợ anh nên đến đây cầu xuất gia, nay nghe tin anh con sắp đến ắt sẽ làm hại con, anh nói rừng Thệ-đa đâu phải là thành Thí Vô úy, ta sẽ đến đó trị phạt nó. Tuy con biết Bí-sô được xem đồng như Thái tử an ổn vô ngại, nhưng con có tội, con muốn trốn đến nơi khác". Thầy hỏi: "Con muốn trốn đi đâu?", đáp: "Con muốn đến thành Vương Xá". Vị thầy nói: "Nơi đó có Bí-sô quen biết với thầy, thầy sẽ viết thư, con mang thư này đến chắc chắn thầy ấy sẽ ân từ hộ niệm cho con". Vị thầy nói rồi liền viết thư, trong thư nói: "Tiểu Quân là đệ tử của tôi, nay muốn đến nương tựa chỗ thầy, thầy hãy ân từ hộ niệm giúp dỡ cho Tiểu Quân được an lạc trụ". Tiểu Quân cầm thư rồi lễ tạ thầy lên đường, trong lòng lo sợ nên cứ nhìn ngó hai bên, dần dần đến được thành Vương Xá, hỏi thăm chỗ ở của Bí-sô thân hữu với thầy mình. Gặp mặt rồi dâng thư, vị Bí-sô này mở thư đọc xong nói rằng: "Thiện lai cụ thọ, nay ta như thầy cũ của con, con như đệ tử của ta, con cứ ở lại đây tu học Phật pháp, nếu có cần y bát… các vật cần dùng ta đều sẽ chu cấp, không để con thiếu thốn. Phật dạy Bí-sô có hai việc nên làm là thiền tư và đọc tụng, con nay thích tu theo pháp nào?", đáp: "Con thích thiền tư". Vị thầy nghe rồi liến y pháp dạy cho Tiểu Quân thiền tư, Tiểu Quân liền tìm đến một khu rừng lạnh vắng, nơi bỏ thây chết để tự sách tấn chuyên tu thiền tư, không bao lâu sao đoạn hết các lậu hoặc, chứng pháp Vô sanh, đắc quả A-la-hán, xa lìa dục nhiễm của ba cõi, xem vàng như đất bình đẳng không có hai tướng, có thể dùng đại trí phá vô minh. Được ba minh sáu thông và bốn biện tài vô ngại, các điều ái nhiễm lợi dưỡng cung kính thảy đều buông xả, nên chư thiên Đế Thích đều khen ngợi. Lúc đó Đại Quân đến rừng Thệ-đa hỏi thăm Tiểu Quân mới biết Tiểu Quân

đã đi đến thành Vương Xá, Đại Quân thầm nghĩ: "Nơi đó cũng đâu phải là thành Thí Vô úy, ta sẽ đến đó trị phạt". Thế-là Đại Quân chuẩn bị lương thực đi đường đến thành Vương Xá, vào trong Trúc Lâm hỏi thăm Tiểu Quân, có một Bí-sô cho biết Tiểu Quân thiền tư trong khu rừng lạnh vắng, nơi bỏ thây chết. Đại Quân nghe rồi liền tìm đến rừng lạnh vắng, thấy có nhiều Bí-sô cùng tu phạm hạnh, do thời gian cách biệt đã lâu nên Đại Quân không thể nhận ra Tiểu Quân trong số đông Bí-sô có hình tướng giống nhau. Phải cần thời gian quan sát kỹ lưỡng mới có thể nhận biết được, Đại Quân suy nghĩ: "Nếu nó biết mình sẽ hại mình trước, mình phải lánh mặt để bày mưu tính kế". Nghĩ rồi Đại Quân ra khỏi rừng nhìn khắp nơi, trông thấy một thợ săn mang cung tên đi đến gần liền hỏi: "Ông mang cung tên là muốn làm việc gì?", đáp là muốn săn bắn, Đại Quân hỏi: "Ông săn bắn như vậy thu được nhiều ít?", đáp: "Lúc có lúc không", lại hỏi: "Nếu có thì thường được bao nhiêu?", đáp: "Độ năm, sáu kim tiền". Đại Quân nói: "Nay tôi cho ông năm trăm kim tiền, ông có thể giết một Bí-sô oan gia giùm tôi được không?". Lúc đó người thợ săn vì tham lợi nên nhận tiền, nhận rồi liền suy nghĩ: "Các Bí-sô này được quốc vương quý trọng xem đồng như Thái tử, tự tại vô ngại. Sáng chiều ta thường tới đây, nếu ta giết Bí-sô thì vợ con ta chắc chắn bị giam vào ngục đến chết", lại nghĩ: "Ban ngày ta vào trong rừng này còn thấy ớn lạnh dựng cả lông tóc, nhưng các Bí-sô này không luận ngày đêm thường ở trong rừng này mà vẫn được an ổn, há chẳng phải họ đã thành tựu được hạnh thù thắng rồi hay sao. Còn người này là ai ta không biết, nếu đã lấy tiền của họ rồi mà không làm thì họ có thể trở lại giết ta". Nghĩ rồi liền nạp tên độc vào dây cung bắn thấu tim ngực của Đại Quân, thuốc độc ngấm sâu khiến Đại Quân khởi ác tâm: "Người thợ săn này trở lại giết hại ta, chắc là do Tiểu Quân lập mưu trước để hại ta. Nay ta chết, kiếp sau dù sanh vào cõi nào, loài nào ta thề sẽ cho kỳ được Tiểu Quân". Đại Quân phát lời thề độc rồi liền tắt thở, do thề độc nên Đại Quân đầu thai làm rắn độc nằm dưới trục cửa ra vào của Tiểu Quân. Dù chứng quả A-la-hán nếu không quán trước cũng không biết được việc sắp xảy ra, cho nên khi Tiểu Quân mở cửa, trục cửa liền kẹp chết con rắn ấy. Do tâm ác chưa dứt nên thân sau cũng thác sanh lại làm rắn, cũng nằm ở trục cửa ra vào và cũng bị kẹp chết như lần trước. Thân sau lại cũng thác sanh làm rắn nhưng nằm dưới chân giường ngủ của Tiểu Quân, lại bị Tiểu Quân đè chết, cứ như thế đến bốn lần thọ sanh trở lại đều bị Tiểu Quân làm chết. Do nhiều lần chết, nhiều lần thọ sanh trở lại nên thân con rắn nhỏ dần, thân càng nhỏ dần thì tâm ác càng tăng trưởng vì không thể cắn chết Tiểu Quân. Cuối cùng thọ sanh làm con rắn nhỏ bằng mút đũa nằm trên giá y của Tiểu

Quân. Lúc đó Tiểu Quân đang tọa thiền trong phòng, con rắn độc nhỏ xíu này với tâm oán hận nhiều đời thả mình xuống cắn và nhả nọc độc vào người của Tiểu Quân, Tiểu Quân bị rắn độc cắn liền hét lớn gọi các Bí-sô: "Các cụ thọ, có con rắn lạ nọc độc đáng sợ, nhỏ bằng mút đũa, dài chừng bốn tấc rơi xuống cắn nọc độc vào người tôi. Các vị mau đến khiêng tôi ra ngoài, chớ để thân này vỡ nứt ra, như bàn tay nắm cát sỏi mở ra liền rã rời". Lúc đó cụ thọ Xá-lợi-tử đang ngồi tư duy dưới một gốc cây cách đó không xa, nghe tiếng kêu của Tiểu Quân liền chạy tới hỏi: "Tôi không thấy sắc diện của cụ thọ có biến đổi, vì sao cụ thọ lại bảo là có con rắn lạ nọc độc đáng sợ, nhỏ bằng mút đũa dìa khoảng bốn tấc rơi xuống cắn nọc độc vào người của cụ thọ… như trên?". Tiểu Quân đáp: Đại đức, nếu đối với người mà mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý có ngã và ngã sở hữu; đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp có ngã và ngã sở; người như thế có thể khiến các căn và dung sắc có biến dị. Đại đức, nay tôi đã không như thế, tôi đối với các căn cảnh, sáu giới, năm uẩn đều không có ngã và ngã sở nên dung sắc không có biến dị. Đại đức, từ vô thỉ tôi có ngã, ngã sở, ngã mạn, chấp trước, tùy miên, phiền não; nhưng nay tôi đã biết, đã đoạn sạch gốc rễ các thứ ấy, như cây Đa-la bị chặt ngọn không thể tăng trưởng được nữa. Đời vị lai không còn tái sanh thì làm sao dung sắc có thể biến dị". Cụ thọ Xá-lợi-tử và các Bí-sô vừa khiêng Tiểu Quân ra khỏi phòng thì thân của Tiểu Quân liền tan rã thành trăm mảnh, như bàn tay nắm cát mở ra liền tan rã. Lúc đó cụ thọ Xá-lợi-tử nói kệ:

"Phạm hạnh đã thành lập, Thánh đạo đã khéo tu, Thọ mạng tận, vui mừng Cũng như xả các bịnh.

Phạm hạnh đã thành lập, Thánh đạo đã khéo tu, Thọ mạng tận, vui mừng Cũng như bỏ đồ độc.

Phạm hạnh đã thành lập, Thánh đạo đã khéo tu, Khi chết không sợ hãi, Như ra khỏi nhà lửa.

Phạm hạnh đã thành lập, Thánh đạo đã khéo tu, Dùng trí quán thế gian, Tợ hồ như cây cỏ.

Việc cần làm đã xong, Không trụ nơi sanh tử, Và trong các đời sau,

Thân này không tiếp nối".

Sau khi Tiểu Quân vào Niết-bàn, cụ thọ Xá-lợi-tử và các Bí-sô thu lấy cốt nhục hỏa thiêu cúng dường rồi cùng đến chỗ Phật, đảnh lễ phật rồi ngồi xuống một bên bạch Phật: "Thế Tôn, Bí-sô Tiểu Quân bị con rắn độc rơi xuống cắn nọc độc vào người, nọc độc đáng sợ, nhỏ bằng mút đũa, dài khoảng bốn tấc nhưng nọc độc đã gây tác hại khiến thân thể tan rã, như bàn

tay nắm cát mở ra liền tan rã, nay Tiểu Quân đã vào Niết-bàn". Phật nói: "Này Xá-lợi-tử, nếu Bí-sô Tiểu Quân lúc đó tụng kệ và cấm chú này thì nọc rắn độc không ngấm vào trong thân, thân sẽ không bị tan rã như cát bụi". Xá-lợi-tử bạch Phật: "Kệ và cấm chú như thế nào, xin Thế Tôn tuyên thuyết cho chúng con được nghe rồi cùng thọ trì". Lúc đó Phật nói kệ và cấm chú cho các Bí-sô nghe như sau:

"Ta với chủ giữ nước
Và Hạt La Mạt Nê
Tập bà kim Bạt La
Thảy đều sanh niệm từ
Kiều-đáp-ma xú mục,
Nan-đà, tiểu Nan-đà,
Không chân và hai chân
Cũng đều khởi niệm từ.
Đối với các loài rồng,
Nương trong nước để sống,
Cho đến loài hữu tình,
Ta đều khởi tâm từ.
Tất cả chúng trời người,
Thần, quỷ và bàng sanh,
Thảy đều được lợi an,
Không bịnh, thường hoan hỉ,
Thấy gì cũng hiền thiện,
Không gặp các oán ác,
Ta đều khởi niệm từ.
Độc hại chớ tương xâm,
Nơi ghềnh hang nguy hiểm,
Tất cả chớ du hành.
Độc cắn hay độc hại,
Chớ thường làm hại nhau.
Thế Tôn đấng cha lành,
Lời nói ra chơn thật.
Lời ta, lời Phật nói,
Các độc chớ hại ta.
Tham dục sân hận si,
Là độc nhất thế gian.
Lời Phật chơn thật ngữ,
Các độc tự tiêu vong.

Tham dục sân hận si,
Là độc nhất thế gian.
Lời Pháp chơn thật ngữ,
Các độc tự tiêu vong.
Tham dục sân hận si,
Là độc nhất thế gian.
Lời tăng chơn thật ngữ,
Các độc tự tiêu vong.
Diệt trừ các độc hại,
Ủng hộ và nhiếp thọ,
Phật trừ tất cả độc,
Độc rắn, ngươi tiêu vong.

Đát điệt tha án đôn tỷ lệ đôn tỷ lệ, đôn bệ, bát ly đôn bệ, nại đế, tô nại đế, kê nại đế, mâu nại duệ, tô mâu nại duệ, đờn đế ni la kê thế, giá lô kế bệ, ốt tỳ doanh cụ lệ sa ha.

Phật bảo cụ thọ Xá-lợi-tử: "Nếu Bí-sô Tiểu Quân lúc đó tự nói hoặc người khác nói kệ chú này, chắc chắn sẽ tránh khỏi rắn độc xâm hại, thân của thầy ấy cũng không tan rã như bàn tay nắm cát mở ra liền rã tan". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi bạch Phật: "Cúi xin Thế Tôn đoạn nghi niệm cho chúng con, chúng con không biết Bí-sô Tiểu Quân đã từng tạo nghiệp gì, do nghiệp lực đó mà đời này được sanh trong nhà đại phú, của báu đầy kho; lại tạo nghiệp gì, do nghiệp lực đó mà đời này được xuất gia trong chánh pháp của Như lai, đoạn sạch phiền não chứng quả A-la-hán; lại tạo nghiệp gì, do nghiệp lực đó mà đời này tuy đắc quả vẫn bị rắn độc cắn, bức não thân tâm phải nhập Niết-bàn?". Thế Tôn bảo các Bí-sô: "Bí-sô Tiểu Quân này đã tạo nghiệp nhơn ắt phải tự gánh chịu nghiệp quả, nghiệp nhơn đã tạo cứ tăng trưởng mãi cho đến lúc chín muồi, duyên biến hiện tiền như bóng theo hình, đời này nhất định chiêu cảm quả báo không thọ ở trong đời khác nữa. Này các Bí-sô, nếu một người đã tạo nghiệp thiện ác không phải địa thủy hỏa phong ở ngoài giới mới khiến người kia thọ báo, mà đều ở trong uẩn xứ giới của tự thân chiêu cảm quả dị thục". Thế Tôn liền nói kệ:

"Dầu trải qua trăm ngàn kiếp, Những nghiệp đã tạo không mất, Một khi nhân duyên hội ngộ, Quả báo trở lại tự chịu".

"Này các Bí-sô, thuở xưa lúc Phật chưa ra đời có một thánh giả Độc Giác hiện ra đời, vì thương xót người nghèo cùng nên thường tự thọ dụng y thực thô xấu, giống như Lân giác là phước điền độc nhất. Lúc đó có một thôn toàn là thợ săn cư trú, cách thôn không xa có một khu rừng và một ao

nước, nhiều loại cầm thú thường đến tụ tập bên ao nước này. Vì thế những người thợ săn đó cài đặt bẫy săn ở trong khu rừng này, hằng ngày săn bắt được rất nhiều chim muông cầm thú. một hôm vị Độc giác du hành đến thôn của những người thọ săn, trú trong miễu Thiên tự, sáng sớm đắp y mang bát vào thôn khất thực, nhận được thức ăn rồi vị Độc giác suy nghĩ: Trong miễu đông người ồn ào phức tạp…, ngoài thôn có một khu rừng yên tỉnh ta nên đến đó cư trú. Nghĩ rồi liền tìm đến khu rừng thấy nơi đây yên tỉnh có thể cư trú lâu dài nên vị Độc giác liền để y bát một bên, lượt nước xem trùng, dùng nước rửa chân, lượm lá rụng trải lót ngồi thọ thực, thọ thực xong rửa bát và tay, sau đó ngồi kiết già dưới một gốc cây, oai nghi tịch định như Long vương cuộn mình nằm yên. Hôm đó vì nghe có hơi ngươi nên cầm thú không tụ đến bên ao nước, cho nên sáng hôm sau thợ săn đến xem các bẫy săn không thấy có một con thú nào bị mắc bẫy. Ông ta suy nghĩ: Hằng ngày ta bẫy săn không bẫy nào là không có, vì sao hôm nay không có con hú nào bị mắc bẫy. Nghĩ rồi liền quan sát chung quanh bờ ao thấy có dấu chân người, lần theo dấu chân tìm đến chỗ vị Độc giác đang thiền tọa. Thấy rồi liền suy nghĩ: Ta xem dáng vẽ người xuất gia này chắc là thích nơi yên tỉnh này, nếu ta không giết người này thì sự sống của ta bị đoạn tuyệt. Do có ý độc hại nên bắn tên có tẩm thuốc độc vào chỗ ách yếu của vị Độc giác. Bị trúng tên độc vị Độc giác suy nghĩ: đâu nên để cho người thợ săn vô ý thức này phải chịu đại khổ não lâu dài trong đường ác, ta nên cứu vớt kia ra khỏi đường ác ấy. Nghĩ rồi liền bay lên hư không như Nga vương, hiện đại thần thông thân tuôn ra nước lửa, các loài dị sanh trông thấy thần thông như vậy liền hướng về quy y. Người thợ săn này từ xa quỵ người xuống đảnh lễ bạch rằng: Chơn thật phước điền cúi xin hiện thân xuống, con thật là kẻ ngu si vô trí chìm trong bùn tham dục, xin từ bi thương xót con. Lúc đó vị độc giác vì thương xót kia nên hiện thân xuống, người thợ săn cảm động rơi lệ, quỳ gối nhổ mũi tên độc rồi băng bó vết thương bạch rằng: xin Thánh giả đến nhà con để con dùng thuốc trị thương cho Thánh giả. Vị Độc giác liền suy nghĩ: Nay thân máu mũ nhơ nhớp này của ta, điều nên chứng đắc ta cũng đã chứng đắc rồi, nay ta nên nhập Vô dư Niết-bàn. Nghĩ rồi liền bay trở lên hư không hiện các thần thông mà nhập Niết-bàn. Người thợ săn này là người đại phú liền thu lấy nhục thân của vị Độc giác rồi dùng các loại cây thơm hỏa thiêu, thu lấy xá lời để trong bình vàng xây tháp thờ khắp bốn nẻo đường, dùng hoa hương kỹ nhạc phướn lọng… cúng dường bảo tháp và phát nguyện: Con là kẻ ngu si mê muội không phân biệt thiện ác, nên đối với bậc chơn thật phước điền đã tạo tội ác. Với căn lành cúng dường này nguyện đời sau của con đừng chiêu lấy

quả báo ác mà được sanh nhà đại phú thọ dụng đầy đủ, dung mạo đoan nghiêm ai thấy đều yêu mến. Với đầy đủ phước đức như vậy con nguyện được thừa sự bậc Đại sư tối thắng không sanh nhàm mỏi. Này các Bí-sô, người thợ săn đó chính là Tiểu Quân, do xưa kia bắn mũi tên độc vào chỗ ách yếu của vị Độc giác, do nghiệp lực này phải chịu một kiếp thiêu đốt khổ sở trong địa ngục Vô gián, còn nghiệp tàn dư thì phải thường bị độc hại trong năm trăm đời. Đời này tuy chứng quả La hán vẫn bị độc hại mà nhập Niết-bàn. Do kia nguyện sanh nhà đại phú thọ dụng đầy đủ dung mạo đoan nghiêm… cho đến được xuất gia trong chánh pháp của Như Lai, đoạn hết kiết sử chứng quả A-la-hán. Ta ở trong trăm ngàn câu chi vị Độc giác là bậc đại sư tối thắng nên kia thừa sự ta không có nhà mỏi. Các Bí-sô nên biết nếu nghiệp nhơn thuần trắng thì được quả Dị thục thuần trắng, nếu nghiệp nhơn thuần đen thì được quả Dị thục thuần đen, nếu nghiệp nhơn xen tạp trắng đen thì được quả Dị thục cũng xen tạp trắng đen. Các Bí-sô nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp trắng đen, đối với nghiệp thuần trắng phải siêng tu học". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế học xứ này.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 7

Học Xứ Thứ Ba: ***ĐOẠN MẠNG NGƯỜI*** *(Tiếp Theo)*

5. Trường hợp khen ngợi chết sanh thiên:

Lúc đó đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, trong thành có một trưởng giả cưới một người con gái trong cùng dòng tộc làm vợ, sống với nhau rất hạnh phúc, không bao lâu sanh một đứa con trai, người con vừa mới lớn thì người mẹ qua đời. Sau đó người cha cưới thêm người vợ kế và nói: "Nàng có thể đối với người con riêng của chồng đồng vui đồng khổ để nuôi dưỡng nó nên người không?", đáp: "Em có thể làm được". Không bao lâu sau người vợ kế có thai, bà liền khởi niệm ác đối với đứa con riêng của chồng: "Nếu ta sanh con, ta sẽ sai khiến nó như tôi tớ, không để nó sanh tâm kiêu mạn". Nghĩ rồi bà liền cho đứa bé này mặc áo xấu, ăn thức ăn dở lại thêm đánh đập khổ sở. Đứa bé này bèn nói với cha: "Cha có biết không, mẹ kế đã xử tệ với con, cho con mặc áo xấu, ăn thức ăn dở lại thêm đánh đập khổ sở phi thường", người cha nói: "Cha sẽ khuyên bảo bà ấy không xử tệ với con như vậy nữa". Nói rồi ông liền đến nói với người vợ kế: "Hiền thủ, trước đây tôi có hỏi nàng là nàng có thể cùng vui cùng khổ với đứa con riêng của chồng để nuôi dưỡng nó nên người không, thì nàng đáp là có thể. Tại sao nay nàng lại không làm đúng theo lời nàng đã nói, lại xử tệ với nó như vậy?", người vợ kế đáp: "Em chỉ là muốn dạy cho nó thắng tấn, chắc là người đời đàm tiếu chứ en thật không có ý khác". Người chồng nói: "Nàng không cần dạy lại càng không được cho nó mặc áo xấu, ăn thức ăn dở và đánh đập khổ sở khiến nó sanh oán là được rồi", người vợ kế nói: "Em sẽ không xử tệ với nó như vậy nữa". Không bao lâu sau người vợ kế sanh một đứa con trai, bà liền đối với đứa con riêng của chồng sanh tâm ác gấp bội phần và đánh đập nó khổ sở như trước. Đứa bé này suy nghĩ: "Cha ta không thể khuyên ngăn bà mẹ kế, bà vẫn đánh đập ta khổ sở như trước, Nay ta nên bỏ nhà xuất gia". Nghĩ rồi liền đến nói với cha: "Mẹ kế không có thương xót con, tuy cha có khuyên

ngăn nhưng bà vẫn không từ mẫn, nay con muốn xuất gia xin cha chấp thuận, nếu không con sẽ chịu khổ sở đến chết". Người cha nghe rồi suy nghĩ: "Người vợ kế này bất nhơn, dù ta có khuyên ngăn vẫn không sửa đổi. Nay ta cho con xuất gia hy vọng tánh mạng nó được bảo toàn", nghĩ rồi liền chấp thuận cho con xuất gia. Được cha cho phép, người con này liền đến rừng Thệ-đa ở chỗ một Bí-sô cầu xin xuất gia. Vị Bí-sô này liền cho xuất gia và cho thọ giới cụ túc rồi nói: "Phật dạy người xuất gia nên làm hai việc là thiền tư và đọc tụng. Ta chuyên về thiền tư, còn con thích tu pháp môn nào?", đáp: "Con thích đọc tụng", vị thầy nói: lành thay, vậy con nên học ba tạng". Vị đệ tử suy nghĩ: "ba tạng giáo văn nghĩa sâu rộng, thầy ta thích thiền tư tỉnh lự không thể dạy cho ta ba tạng giáo. Ta nên xin phép thầy đến nơi khác cầu học", nghĩ rồi liền đến chỗ thầy xin phép đi đến phương khác cầu học, vị thầy liền chấp thuận. Vị đệ tử này tạm biệt thầy lên đường, sau một thời gian tham cứu học hỏi liền đối với ba tạng thông suốt văn nghĩa trở thành vị đại pháp sư diễn thuyết vô ngại. Lúc đó pháp sư suy nghĩ: "Như lời Phật dạy cha mẹ đối với con cái có ân đúc cù lao là chăm sóc, nuôi nấng bú mớm…, cho nên công ơn cha mẹ là lớn nhất. Trong cõi Nam-thiệm-bộ-châu, nếu có người con nào vai trái cõng cha, vai phải cõng mẹ trải qua một trăm năm không sanh mỏi mệt nhàm chán; hoặc dùng Ma ni, chơn châu… bảy báu đầy đại địa để cung dưỡng cha mẹ cũng chưa gọi là báo được ân. Nếu cha mẹ chưa có lòng tin khiến cho trụ nơi chánh tín, chưa có Phật giới khiến thọ trì Phật giới; nếu tánh bỏn xẻn thì khiến làm huệ thí, không có trí huệ khiến phát sanh trí huệ. Người con nào làm được như vậy để khuyến dụ sách tấn cha mẹ được an trụ mới gọi là báo được ân. Cha ta đối với Tam bảo chưa sanh kính tín, ta nên về nói pháp yếu cho cha nghe". Suy nghĩ như vậy rồi, pháp sư liền mang y bát tuần tự du hành hạnh đầu đà trở về quê hương, trú trong rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt. Tiếng vang đồn khắp, mọi người đều khen ngợi dần dần đến tai của người cha, người cha nghe rồi hết sức vui mừng liền đi đến rừng Thệ-đa tìm gặp con nói rằng: "Lành thay Bí-sô, từ khi thầy rời xa tôi xuất gia học đạo đến nay thành đạt trở về, tôi hết sức vui mừng", nói rồi ngồi một bên nghe pháp sư thuyết pháp văn nghĩa nhiệm mầu, sau khi nghe pháp liền khởi lòng tín kính xin thọ tam quy và năm học xứ. Trước khi ra về người cha thỉnh mời pháp sư ngày mai đến nhà thọ thực, pháp sư yên lặng nhận lời. Trên đường về người cha suy nghĩ: "Hồi nảy ta vội vã không suy nghĩ kỹ nên thỉnh con ta ngày mai về nhà thọ thực, bà vợ kế này của ta tánh thô tháo nếu đối với con ta không có tâm kính trọng thì ta phải làm sao?", lại nghĩ: "Ta đã thỉnh mời rồi thì không thể rút lại lời mời, nay ta phải tìm lời

khéo léo khuyến dụ bà vợ kế này". Nghĩ rồi liền vội về nhà nói với bà vợ kế: "Hiền thủ, có một người con đi hoang hoặc chết hoặc xuất gia, ba trường hợp như vậy là giống nhau hay khác nhau?", đáp: "tất nhiên là khác nhau", liền nói: "Hiền thủ, đứa con riêng của tôi trước đây xuất gia làm thiện Bí-sô, tha phương học đạo thông suốt ba tạng trở thành vị đại pháp sư, nay đã trở về ở trong rừng Thệ-đa", người vợ kế liền nói: "Sao ông không tỉnh mời về nhà thọ thực?", người chồng nghe rồi vui mừng nói: "Tôi đã thỉnh mời rồi, nàng nên sửa soạn thức ăn thượng vị". Người vợ kế nghe rồi vui mừng liền sửa soạn đủ thức ăn thượng vị, sáng ngày liền sai sứ giả đến rừng Thệ-đa bạch với pháp sư là thời đến. Pháp sư nghe rồi liền đắp y mang bát đến nhà của cha mình, đến nơi rửa chân rồi ngồi vào chỗ ngồi, người cha và người vợ kế tự tay sớt thức ăn thượng vị cho pháp sư. Pháp sư thọ thực xong, sau đó thuyết pháp cho hai vợ chồng nghe, người vợ kế này sau khi nghe pháp xong liền sanh lòng tín kính xin thọ Tam quy và năm học xứ. Sau khi gia đình được giáo hóa, các Bí-sô và Bí-sô ni thường xuyên lui tới, hai vợ chồng này như người khát nước gặp được suối nước trong lành chỉ có xả thí và tu phước đối với cả hai bộ tăng. Thời gian sau người cha lâm trọng bịnh, pháp sư nghe cha bịnh nặng liền suy nghĩ: "Ta nên vì cha nói pháp và cầu nguyện cho bịnh cha thuyên giảm", nghĩ rồi thường xuyên tới thăm người cha nói rằng: "Lúc này cha đừng nên lo lắng gì nữa cả, vì sao? Vì cha có con là thiện tri thức, cha đã quy y Phật pháp tăng và thọ năm học xứ, tu bố thí trì giới và làm nhiều việc phước, khi xả báo thân này sẽ sanh vào đường lành, thiên đường giải thoát chỉ cách có một bức màn mỏng". Người cha nói: "Thật vậy, cha nhờ con mới phát lòng tín kính, xả báo thân này rồi hy vọng sẽ sanh vào cõi thù thắng". Pháp sư nói pháp cho cha nghe xong rồi trở về trú xứ, người cha suy nghĩ: "Con ta thông suốt ba tạng làm vị đại pháp sư, trí huệ đa văn biện tài vô ngại, những gì con ta nói ra đều là chơn thật ngữ. Nay ta bịnh nặng khổ não bức bách, ta nên phương tiện đoạn mạng sống này", lại nghĩ: "Ta bịnh nặng không thể tự làm, ai có thể đoạn mạng giúp ta". Lúc đó trong nhà có một tớ gái mập khỏe nhưng ngu độn tên là Ba-lợi-ca, người cha liền nghĩ đến việc nhờ đứa tớ gái ngu độn này đoạn mạng giùm ông.

Cách nhà ông không xa có con trai ông cư sĩ cưới vợ, người vợ kế của ông đi đến nhà đó dự lễ cưới, tớ gái Ba-lợi-ca theo hầu. Dự lễ cưới xong, người vợ kế này bảo Ba-lợi-ca: "Con đi về trước đánh thức ông dậy, đừng cho ông ngủ ngày, bà từ biệt mọi người xong sẽ về sau". Ba-lợi-ca vâng lời về trước đến chỗ ông chủ, ông chủ hỏi: "đi dự đám cưới có vui không?", đáp rất vui, ông chủ nói: "Sau này ông sẽ làm đám cưới cho con

giống như vậy, con có thích không?", đáp thích, ông chủ nói: "Vậy con hãy làm theo lời ông dặn bảo, ông mới biết là con có thích hay không", đáp: "Ông bảo gì con đều sẽ làm theo", ông chủ nói: "Nay có một phi nhơn vào ở trong bụng của ông, con hãy giúp ông đuổi nó ra", hỏi: "Con đuổi nó ra bằng cách nào?", ông chủ nói: "Trước hết con đè lên chân ông, kế tới đầu gối rồi tới ngực, cuối cùng bóp cổ thật mạnh, dù ông có vùng vẫy con cũng đừng buông ra". Ba-lợi-ca nghe lời làm theo, lúc ông chủ bị bóp cổ nghẹt thở liền sanh lòng hối hận tự nghĩ: "Nếu lúc này đứa tớ gái ngu độn này buông tay ra thì tốt biết bao", nhưng Ba-lợi-ca nhớ lời ông dặn là dù thấy ông vùng vẫy cũng đừng có buông tay, nên kết quả là ông chủ mạng chung. Lúc đó có thiên nhơn thấy việc này rồi từ trong hư không nói kệ:

"Bị kẻ ngu đè siết,
Hoặc bị ba ba cắn,
Ba-lợi-ca đè siết,
Làm sao toàn mạng sống".

Khi thấy ông chủ đã nằm yên, Ba-lợi-ca mới lấy tấm chăn phủ lên người của ông chủ, vừa lúc đó bà chủ trở về hỏi: "Bà bảo con về trước đánh thức ông dậy, sao con lại để cho ông ngủ ngày như vậy?". Nói rồi liền đưa tay định đánh thức người chồng dậy, Ba-lợi-ca nói: "Bà khỏi cần đánh thức, con vừa giúp đại gia đuổi con quỷ ở trong bụng của ông ra, nên giờ ông đang ngủ yên". Bà chủ nghe rồi suy nghĩ: "Ta phải xem thử tình trạng như thế nào?", nghĩ rồi liền giở tấm chăn ra xem thì thấy người chồng đã chết, bà liền suy nghĩ: "Đây há chẳng phải là ông tự đoạn mạng mình hay sao, chắc chắn là do con trai của người vợ trước thông suốt ba tạng đã nói pháp cho cha: Cha chớ nên lo lắng, vì cha có con là thiện tri thức, cha đã quy y Tam bảo, thọ trì năm học xứ, tu bố thí trì giới và làm nhiều việc phước, sau khi xả báo thân này rồi sẽ sanh về thắng xứ, thiên đường giải thoát chỉ cách có một bức màn mỏng. Nay ông chết chắc là sanh về cõi trời, nếu Bí-sô trở về ta sẽ cùng chung sống, tất cả việc nhà sẽ giao cho Bí-sô lo liệu". Càng nghĩ bà càng buồn khổ, đưa thi thể người chồng vào rừng làm lễ hỏa thiêu. Lúc đó vị pháp sư này nghe tin người cha qua đời liền suy nghĩ: "Tất cả các hành hạnh đầu đà thảy đều vô thường, ta nên về nói pháp yếu khuyên giải mẹ kế", nghĩ rồi trở về nhà, không ngờ vừa trông thấy Bí-sô bà mẹ kế này liền mắng: "Hỡi con trai của người vợ trước, do ông hiểu thông ba tạng nói pháp sanh thiên mà cha ông qua đời. Bây giờ ông hãy về nhà cùng tôi chung sống, tất cả việc nhà tôi đều giao lại cho ông lo liệu". Bí-sô nghe rồi cảm thấy xấu hổ hối hận bỏ đi, tự nghĩ không biết có phải do ta khuyên mà cha ta chết hay không, liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật,

Phật nói: "Bí-sô này không phạm, nhưng các Bí-sô không nên đối trước người bịnh nặng nói pháp như thế, vì có thể khiến người bịnh nghe rồi cầu chết. Nếu Bí-sô nào nói pháp như thế khiến cho người bịnh cầu chết thì phạm tội Việt pháp". Đấy là duyên khởi nhưng Phật vẫn chưa chế học xứ.

6. Trường hợp tự sát đồng loạt:

Phật ở trong rừng Sa-la-trĩ bên sông Thắng Huệ thành Quảng Nghiêm, lúc đó Phật nói về pháp quán bất tịnh cho các Bí-sô và khen ngợi tu pháp quán này như sau: "Các Bí-sô nên tu pháp quán bất tịnh, do tu tập pháp quán này càng nhiều càng được kết quả lợi ích rất lớn". Vâng lời Phật dạy nên các Bí-sô liền tu tập pháp quán bất tịnh, sau khi tu tập liền đối với thân máu mũ này sanh nhờm gớm, có người cầm dao tự giết, có người uống thuốc độc, có người thắt cổ, có người từ ghềnh núi cao nhảy xuống hoặc lần lượt hại nhau. Có một Bí-sô đối với thân máu mũ này sanh tâm nhàm lìa liền đến chỗ sa môn Phạm chí tên là Lộc Trượng nói rằng: "Tôi sẽ cho Hiền thủ y bát, Hiền thủ hãy đoạn mạng giúp tôi", Phạm chí này nghe lời liền giết Bí-sô, sau đó cầm con dao dính máu đến bên sông Thắng Huệ rửa dao. Lúc đó một thiên ma từ dưới nước vọt ra khen ngợi Phạm chí: "Lành thay Hiền thủ, việc ngươi vừa làm được nhiều phước đức, ngươi đối với sa môn đủ giới đức, ai chưa độ khiến được độ, ai chưa giải thoát khiến được giải thoát, ai chưa an khiến được an, ai chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn; ngoài ra ngươi còn được lợi khác là nhận được y bát của họ". Phạm chí nghe rồi càng tăng thêm tà kiến tội ác liền suy nghĩ: "Nay ta thật được nhiều phước đức như thế sao, có thể đối với sa môn đủ giới đức khiến họ được độ thoát, an lạc, đến Niết-bàn; lại còn được lợi khác là nhận được y bát của họ". Nghĩ rồi Phạm chí này liền cầm dao đi đến các phòng viện, nơi kinh hành và trú xứ của tăng nói rằng: "Nếu Bí-sô nào đủ giới đức muốn độ thoát đến Niết-bàn thì tôi sẽ giúp khiến được độ thoát đến Niết-bàn". Có một Bí-sô nghe rồi bèn ra khỏi phòng bảo Phạm chí: "Hiền thủ, tôi chưa được độ thoát đến Niết-bàn, ông hãy giúp tôi", Phạm chí liền giết chết Bí-sô, cứ như thế từ hai, ba cho đến sáu mươi Bí-sô đều bị giết, cho nên số Bí-sô trong chúng giảm bớt. Đến ngày thứ mười lăm Bố tát, Phật đến chỗ thường ngồi thấy chúng Bí-sô ít đi liền hỏi cụ thọ A-nan, A-nan bạch Phật: "Trước đây Phật khen ngợi pháp tu quán bất tịnh rằng tu tập pháp quán này càng nhiều thì càng được kết quả lợi ích rất lớn, cho nên các Bí-sô liền tu tập theo, quán thấy thân máu mũ này liền sanh tâm nhàm lìa, có người tự sát, có người nhờ người khác đoạn mạng, do bị ma khuyến dụ nên người ấy đã giết chết sáu mươi vị Bí-sô, vì thế chúng Bí-sô giảm ít". Phật hỏi các Bí-sô: "Việc này có thật như thế không?", đáp: "Thật vậy Thế Tôn". Phật

bảo các Bí-sô: "Việc các thầy làm là sái quấy, không phải sa môn, không phải hạnh tùy thuận, là không thanh tịnh, không phải là việc nên làm của người xuất gia", đủ lời quở trách rồi Phật bảo các Bí-sô: Ta quán mười điều lợi từ nhiếp thủ nơi tăng thứ nhất cho đến chánh pháp được trụ lâu thứ mười, lợi ích cho trời người nên nay ở nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các đệ tử Thinh văn như sau: "Nếu lại có Bí-sô đối với người hoặc thai người, cố ý tự tay mình giết chết, hoặc cầm dao đưa cho người, hoặc tự sát, hoặc tìm người cầm dao, hoặc khuyên chết hoặc khen ngợi chết rằng: Này nam tử, mang cái thân tội lụy bất tịnh ác này sống làm chi, thà chết còn hơn sống. Tùy tâm mình mà dùng những lời khuyên, khen khiến cho họ cầu chết thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca, không cùng ở chung".

Nghĩa của Bí-sô như trên đã giải thích, nói Người là chỉ cho thai trong bụng mẹ đã đủ sáu căn: Nhãn nhĩ tỉ thiệt thân và ý. Nói Thai người là lúc mới nhập thai chỉ có ba căn: Thân mạng và ý. Nói Cố ý là cố tâm không phải nhầm lẫn. Nói Tự tay là tự tay giết. Nói Đoạn mạng là giết chết, mạng căn không còn tiếp nối. Nói Cầm dao đưa cho người là biết người kia muốn chết, cầu chết nên cầm dao đưa cho hoặc để ở chỗ kia ngồi nằm muốn họ tự hại, tự sát. Nói Tìm người cầm dao là tìm nam, nữ, bán-trạch-ca nhờ họ giết. Nói Khuyên chết là khuyên ba hạng người chết, đó là người phá giới, người trì giới và người bịnh.

Sao gọi là khuyên người phá giới chết? Nếu Bí-sô đối với Bí-sô phá giới có mong cầu điều gì như y bát… hoặc nơi mạng sống của sa môn duyên tới các tư cụ, nghĩ rằng: "Nếu Bí-sô phá giới kia còn sống thì y bát… các tư cụ của vị ấy không lý do gì ta có thể có được. Ta nên đến khuyên khiến kia cầu chết". Nghĩ rồi liền đến chỗ Bí-sô phá giới kia nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, cụ thọ phá giới làm các tội nghiệp, thân ngữ ý thường tạo các ác. Cụ thọ kéo dài sự sống thì nghiệp ác kia càng tăng, do nghiệp ác càng tăng cụ thọ sẽ chịu khổ lâu dài trong địa ngục". Vị phá giới kia nghe rồi liền hỏi: "Nếu vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ nên xả thân, tự đoạn mạng mình". Nếu vị phá giới kia xả thân bằng cách tự sát thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca; nếu vị phá giới kia không nghe theo lời khuyên thì Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-để. Nếu Bí-sô sau khi khuyên vị kia chết rồi sanh lòng hối hận trở lại nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, lời khuyên trước đây của tôi cũng như lời của kẻ ngu si, không phân biệt kỹ, không suy xét kỹ nên nói năng bừa bãi. Cụ thọ nên gần gũi thiện tri thức để sám trừ tội thì ba nghiệp bất thiện đã làm trước kia nhờ lực sám hối sẽ trở lại thanh tịnh. Do thanh tịnh nên xả thân này rồi sẽ được sanh lên cõi trời". Vị phá giới kia nếu hỏi: "Như vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ chớ xả thân, chớ tự sát".

Nếu vị phá giới kia không tự sát thì Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu vị phá giới kia tuy nghe lời khuyên trước kia mà vẫn không tự sát thì Bí-sô này cũng phạm Tốt-thổ-la-đề.

Sao gọi là khuyên người trì giới chết? như có Bí-sô đối với Bí-sô trì giới có mong cầu gì như y bát các tư cụ… liền đến chỗ vị kia khuyên rằng: "Cụ thọ biết chăng, cụ thọ đã trì giới tu các pháp thiện, lại hay thường hằng thí, ái lạc thí, quảng đại thí, phân bố thí… cụ thọ có phước bố thí như thế chắc chắn sẽ sanh thiên". Vị trì giới kia nghe rồi liền hỏi: "Như vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ nên xả thân, nên tự sát". Nếu vị trì giới kia nghe lời khuyên bèn tự sát thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca; nếu không nghe theo lời khuyên thì Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu sau khi khuyên rồi hối hận trở lại chỗ vị trì giới kia nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, lời khuyên trước đây của tôi cũng như lời của kẻ ngu không phân biệt kỹ, không suy xét kỹ nên nói năng bừa bãi. Cụ thọ đã trì giới tu các pháp thiện… chắc chắn sanh cõi trời". Vị trì giới kia nếu hỏi: "Như vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ đừng xả thân, đừng tự sát". Nếu vị trì giới kia không tự sát thì Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu vị trì giới kia tuy nghe lời khuyên trước dây mà vẫn không tự sát thì Bí-sô này cũng phạm Tốt-thổ-la-đề.

Sao gọi là khuyên người bịnh chết? như có Bí-sô đối với Bí-sô bịnh có mong cầu gì như y bát, các tư cụ… nghĩ rằng: "Nếu người bịnh nặng này còn sống thì y bát… của vị này không có lý do gì ta có thể được, ta nên đến khuyên khiến cho chết", nghĩ rồi liền đến chỗ người bịnh nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, thầy bịnh nặng đã lâu, chịu đã nhiều đau khổ, nếu kéo dài sự sống thì bịnh khổ càng tăng thường chịu đau đớn". Người bịnh nghe rồi liền hỏi: "Như vậy tôi phải làm sao?", đáp:

"Cụ thọ nên xả thân, nên tự sát". Nếu người bịnh nghe theo lời khuyên liền tự sát thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca , nếu không nghe theo lời khuyên thì Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu sau khi khuyên rồi hối hận liền trở lại chỗ người bịnh nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, lời khuyên trước đây của tôi cũng như lời của kẻ ngu, không phân biệt kỹ, không suy xét kỹ nên nói năng bừa bãi. Cụ thọ nên gần gũi thiện tri thúc có thể tìm thuốc đúng bịnh và thức ăn không kiêng, như pháp nuôi bịnh thì không bao lâu sau cụ thọ sẽ lành bịnh, tùy ý du hành". Người bịnh nghe rồi nếu hỏi: "Như vậy tôi phải làm sao?", đáp: "Cụ thọ đừng xả thân, đừng tự sát". Nếu người bịnh nghe lời không tự sát thì Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu người bịnh tuy nghe lời khuyên trước kia mà vẫn không tự sát thì Bí-sô này cũng phạm Tốt-thổ-la-đề.

Nói khen chết là Bí-sô đối trước người muốn chết khen ngợi chết. Nói này nam tử là lời kêu gọi. Nói thầy mang cái thân tội lụy này làm chi… thà chết còn hơn sống là nói lời khinh chê. Nói tùy theo tâm niệm của mình là tâm mình sanh niệm khác. Nói dùng những lời lẽ khác là dùng nhiều phương tiện khuyên khiến chết. Nói khen khiến cho chết là ở trước người bịnh khéo léo khen ngợi cái chết khiến cho họ muốn chết. Nếu người đó do phương tiện này mà chết tức là do nghe theo lời khuyên, khen mà cầu chết, không phải vì việc gì khác. Nói Bí-sô là chỉ cho người có tánh Bí-sô, tánh Bí-sô là đã thọ viên cụ.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nhiếp Tụng:

Có lúc dùng nội thân
Hoặc dùng vật bên ngoài
Hoặc cả hai trong ngoài
Đây gọi là tướng sát.

Sao gọi là dùng nội thân giết? Nếu Bí-sô có tâm sát, dùng tay đánh đập nam, nữ, bán-trạch-ca… do đây liền mạng chung thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca. Nếu lúc đó không chết nhưng do duyên này sau lại chết thì Bí-sô này cũng phạm Ba-la-thị-ca. Nếu lúc đó không chết sau cũng không chết thì Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-đề. Tay đã như thế cho đến các thân phần khác như đầu, vai, chân… đánh đá muốn khiến kia phải chết; nếu chết thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca, nếu lúc đó không chết nhưng do duyên này sau lại chết thì Bí-sô này cũng phạm Ba-la-thị-ca; nếu trước sau đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

Sao gọi là dùng vật bên ngoài giết? nếu Bí-sô có tâm sát dùng tên bằng tre hay bằng sắt… bắn chết nam, nữ, bán-trạch-ca… do đây mà chết thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca; nếu lúc đó không chết nhưng do duyên này sau lại chết thì cũng phạm Ba-la-thị-ca; nếu trước sau đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Cho đến dùng các loại binh khí như mâu giáo… hoặc gạch đá… từ xa phóng ném tới với tâm sát hại muốn cho chết, do đây mà chết thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca, nếu không chết liền sau mới chết cũng phạm Ba-la-thị-ca, nếu trước sau đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

Sao gọi là dùng cả hai trong ngoài để giết? Nếu Bí-sô với tâm sát cầm dao giết nam, nữ, bán-trạch-ca, do phương tiện này mà mạng chung thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca. Nếu lúc đó không chết sau mới chết cũng phạm Ba-la-thị-ca; nếu lúc đó không chết sau cũng không chết thì phạm Tốt-thổ-

la-để. Cho đến các loại binh khí khác như kiếm, giáo mác… cây đá… đánh đâm hay đập người kia với tâm sát hại cho chết, do phương tiện này mà mạng chung thì phạm Ba-la-thị-ca, hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên.

Nhiếp Tụng:

Dùng thuốc độc, bột độc
Và ở hai chỗ nương
Hoặc cho uống rượu say
Đặt bẩy rập hại người.

Sao gọi là dùng thuốc độc giết? nếu Bí-sô với tâm sát hại dùng thuốc độc hòa vào trong thức ăn để giết nam, nữ bán-trạch-ca…, do phương tiện này mà người kia mạng chung thì phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên.

Sao gọi là dùng bột độc giết? nếu Bí-sô với tâm sát hại dùng bột độc thoa vào người hoặc hòa vào trong nước tắm, hoặc hòa vào trong hương thoa để giết nam, nữ, bán-trạch-ca…, do phương tiện này mà người kia mạng chung thì phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên.

Sao gọi là ở hai chỗ nương giết? Tức là ở hai chỗ nơi đất và nơi cây. Nơi đất là Bí-sô với tâm sát hại đào hầm hố rồi đặt bẩy dưới đó, khi nam, nữ, bán-trạch-ca… đi qua bị mắc phải mà chết; hoặc thả sư tử, hổ lang đến ăn thịt họ; hoặc để cho gió thổi nắng nung nóng đến chết khô, hoặc chết vì đói khát, do những phương tiện này mà mạng chung thì phạm Ba-la-thị-ca , nếu không chết thì phạm Tốt-thổ-la-để. Cho đền đầu gối, bắp chân, eo lưng, ngực, cổ… bị mắc dính đến chết… cho đến chết vì đói khát đều phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên. Nơi cây là nếu Bí-sô cố tâm muốn giết nam, nữ, bán-trạch-ca…ở nơi cây lớn hay cột trụ, cây cọc… dùng dây cột họ vào đó… cho đến chết vì đói khát đều phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên.

Sao gọi là cho uống rượu say giết? Nếu Bí-sô cố tâm muốn giết nam, nữ, bán-trạch-ca cho uống rượu say, nhơn đây mà chết cho đến chết vì đói khát, đều do rượu mà phải mạng chung thì phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên. Rượu nếp đã như thế cho đến các loại rượu cất bằng rễ, hoa quả… hoặc niệm chú vào trong rượu, hoặc pha thuốc vào trong rượu , uống vào tâm sanh cuồng loạn, ngu si không biết phải trái, do phương tiện này dẫn đến mạng chung. Hoặc cho uống rượu say cố tâm muốn cho vua quan, giặc hay oan gia giết họ thảy đề u phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên.

Sao gọi là đặt máy cung, bẩy rập giết? Nếu Bí-sô cố tâm muốn giết nam, nữ, bán-trạch-ca… bèn đặt máy cung để bắn tên sắt hoặc đặt bẩy rập có gươm dao bên đường, khi họ đi ngang qua sẽ bị bắn trúng hay bị chặt đứt chân tay hay thân phần khác, do phương tiện này mà mạng chung thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-để giống như trên. Cho đến các máy móc bẩy rập khác làm chết người, định tội giống như trên.

Nhiếp tụng:

Chú nguyện thây chết dậy
Đọa thai và bùa chú
Xô đẩy và nước lửa
Sai khiến và lạnh, nóng.

Sao gọi là chú nguyện thây chết dậy giết? Nếu Bí-sô cố tâm muốn giết nam, nữ, bán-trạch-ca… vào ngày thứ mười bốn không trăng đến chỗ bỏ thây chết, tìm thây nào mới chết chưa có tổn hoại, lấy đất màu vàng lau chùi rồi dùng nước thơm rửa thây chết đó, lấy một cặp bạch điệp mới phủ lên, dùng tô thoa chân rồi chú nguyện. Khi thấy thây chết muốn đứng dậy thì đặt thây trên xe hai bánh, lấy hai cái linh bằng đồng cột vào cổ, đặt hai cây dao nhọn vào tay. Lúc đó thây chết đứng dậy hỏi: "Thấy muốn tôi giết ai?", Bí-sô nói: "Ngươi có biết nam (nữ, bán-trạch-ca …) tên là hay không?", đáp biết, Bí-sô nói: "Ngươi có thể đến giết người đó hay không?". Nếu người đó bị giết thì Bí-sô phạm Ba-la-thị-ca; nếu ở nhà đó có kết các loại dược thảo thành tua cột ngang trên cửa và đặt trong bình nước, hoặc nơi cửa cột con trâu cái với con trâu nghé cùng màu, hoặc cột con dê cái với con dê con cùng màu, hoặc nhà có Ma-dược-thạch, Thạch-trục, hoặc ở cửa có cọc Nhơn-đà-la hay có lửa thường cháy, hoặc nhà có đặt hình tượng Phật, hoặc Chuyển luân vương, hoặc mẹ của Chuyển luân vương mang thai Chuyển luân vương, hoặc có hình tượng Bồ tát, hoặc mẹ của Bồ tát mang thai Bồ tát, hoặc sắp tụng giới, hoặc đang tụng giới; hoặc sắp tụng kinh hay đang tụng kinh như kinh Tiểu không, kinh Đại không… khi có những loại như vậy thủ hộ thì thây chết đứng dậy đó không thể vào nhà giết chết người được, lúc đó Bí-sô phạm Tốt-thổ-la-để. Nếu Bí-sô không thành thạo làm pháp khiến cho thây chết đứng dậy thì thây chết này sẽ đi thụt lùi đến giết Bí-sô, nếu Bí-sô chú nguyện để giết thây chết này thì phạm Tốt-thổ-la-để. Trên đây là nguyên thây chết đứng dậy, nếu là nửa thây chết đứng dậy thì sự việc cũng giống như trên , chỉ khác là xe một bánh, cột một cái linh vào cổ và đặt một con dao vào tay, định tội cũng giống như trên.

Sao gọi là đọa thai giết? Nếu Bí-sô muốn giết người mẹ mang thai

chứ không muốn giết cái thai, lấy chân đạp hay đá vào bụng, nếu chỉ có người mẹ chết thì Bí-sô phạm Ba-la-thị-ca; nếu cái thai chết, bà mẹ không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu cả hai đều chết thì đối với bà mẹ phạm Ba-la-thị-ca; nếu cả hai không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu Bí-sô muốn giết cái thai chứ không muốn giết bà mẹ, dùng chân đạp hay đá vào bụng, nếu chỉ có cái thai chết thì Bí-sô phạm Ba-la-thị-ca; nếu bà mẹ chết, cái thai không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu cả hai đều chết thì phạm Ba-la-thị-ca , nếu cả hai đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

Sao gọi là dùng bùa chú giết? nếu Bí-sô cố tâm muốn giết nam, nữ, bán-trạch-ca… nên thiết lập Mạn-đồ-la, đặt một lò lửa, đốt lửa lên, khi đút cây củi vào lò, miệng tụng cấm chú nghĩ rằng: "Khi nào cây củi cháy hết thì người kia liền chết". Nếu cây củi mới cháy được phân nữa thì người chết, Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu cây củi cháy hết người kia mới chết thì Bí-sô phạm Ba-la-thị-ca. Nếu Bí-sô cố tâm muốn giết nam, nữ, bán-trạch-ca… lấy hạt vừng, hạt cải mỗi thứ một thăng rồi cho vào cối giã, miệng tụng cấm chú nghĩ rằng: "Khi nào những hạt này giã thành bột thì người kia chết". Nếu giã chưa thành bột mà người kia chết thì Bí-sô phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu đã thành bột mới chết thì Bí-sô phạm Ba-la-thị-ca.

Nếu Bí-sô với tâm sát hại khởi phương tiện dùng một thăng sữa bò đựng trong một cái tô, dùng ngón tay quậy sữa, miệng tụng cấm chú nghĩ rằng: "Khi sữa đựng trong tô biến thành máu thì người kia chết". Nếu sữa trong tô chưa thành máu người kia liền chết thì Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu sữa trong tô đều biến thành máu người kia mới chết thì phạm Ba-la-thị-ca.

Nếu Bí-sô cố tâm muốn giết người, khởi phương tiện dùng chỉ năm sắc may Tăng-già-chi, miệng tụng cấm chú nghĩ rằng: "Nếu may y này xong thì người kia chết". Nếu may y chưa xong, người kia liền chết thì Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu may y xong mới chết thì phạm Ba-la-thị-ca.

Nếu Bí-sô cố tâm muốn giết người, khởi phương tiện dùng ngón tay vẽ trên mặt đất, miệng tụng cấm chú nghĩ rằng: "Vẽ đủ bảy số thì người kia chết". Nếu vẽ chưa đủ bảy số người đó liền chết thì Bí-sô này phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu vẽ xong bảy số mới chết thì phạm Ba-la-thị-ca.

Sao gọi là xô xuống giết? Nếu Bí-sô muốn giết người tìm cách xô người từ vách núi, sườn núi… các chỗ cao nguy hiểm xô xuống cho chết, nếu do đây mà chết thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca. Nếu lúc đó không chết sau mới chết cũng phạm Ba-la-thị-ca; nếu trước sau đều không chết thì

phạm Tốt-thổ-la-đề. Cho đến xô từ trên tường, trên cây, trên lưng voi, lưng ngựa… từ những chỗ cao xô xuống; hoặc dùng đầu, vai, đầu gối chân… các thân phần khác để xô xuống cho chết, nếu do đây mà chết thì phạm Ba-la-thị-ca. Lúc đó nếu không chết sau mới chết cũng phạm Ba-la-thị-ca; nếu trước sau đều không chết thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

Sao gọi là giết trong nước? Nếu Bí-sô muốn giết người xô người xuống nước, do đây mà chết thì phạm Ba-la-thị-ca hoặc phạm Tốt-thổ-la-đề giống như trên. Nước là chỉ chung sông, biển, ao, hồ, giếng… cho đến đổ nước vào miệng khiến cho chết, định tội như trên.

Sao gọi là giết trong lửa? Nếu Bí-sô muốn giết người xô vào trong lửa, do đây mà chết thì phạm Ba-la-thị-ca, hay phạm Tốt-thổ-la-đề, giống như trên. Lửa chỉ chung cho hỏa hoạn thiêu đốt nhà cửa, thôn xóm, thành ấp, rừng cây… cho đến dùng tro than bỏ vào miệng khiến cho chết, định tội như trên.

Sao gọi là sai khiến giết? Nếu Bí-sô muốn giết người bèn sai người đó đến chỗ nguy hiểm khiến cho chết, do đây mà chết thì phạm Ba-la-thị-ca hay phạm Tốt-thổ-la-đề giống như trên. Chỗ nguy hiểm là chỉ chung những nơi có giặc cướp, oan gia, thú dữ… đến đó nhất định phải chết.

Sao gọi là lạnh rét giết? Nếu Bí-sô muốn giết người, lúc trời lạnh rét ban ngày cho người đó ở trong nhà, nhưng ban đêm lại cho ở ngoài trời trên chỗ ẩm ướt, do duyên này mà chết thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca hay phạm Tốt-thổ-la-đề, định tội giống như trên.

Sao gọi là nóng bức giết? Nếu Bí-sô muốn giết người, lúc trời nóng bức ban ngày cho người đó ở ngoài trời, ban đêm cho ở trong nhà kín lại thêm dùng khói lửa xông vào… do duyên này mà chết thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca hay phạm Tốt-thổ-la-đề, định tội như trên.

Nhiếp Tụng:

Nhà tắm và nhà ấm,
Không xem, Ca Lưu ngồi
(Không xem kỹ liền ngồi)
Cho uống giấm hai duyên,
Chọc lét cười đến chết,
(Mười bảy chọc cười-chết)
Lão Bí-sô Lan-nhã
Phạm nặng nhẹ nên biết.

Việc xây nhà tắm như thế nào? Lúc đó Thế Tôn ở rừng khoáng dã, có một Bí-sô thường đến nhà một cư sĩ đắc ý giảng nói diệu pháp khiến cư

sĩ này sanh lòng tín kính, xin thọ tam quy và năm học xứ. Thời gian sau, Bí-sô giảng về bảy phước nghiệp hữu vi, cư sĩ này liền muốn làm phước nghiệp bạch rằng: "Thánh giả, nay con nên làm việc gì?", đáp: "Nay Tăng không có nhà tắm, cư sĩ nên làm", cư sĩ nói: "Thánh giả, con có tài vật nhưng không có người trông coi việc xây cất", đáp: "Tôi sẽ trông coi việc phước nghiệp này cho cư sĩ". Cư sĩ vui mừng liền đem vật tư tới chùa để xây cất nhà tắm, Bí-sô bắt tay vào việc trông coi xây cất. Lúc đó trong rừng khoáng dã có lễ hội lớn, những người làm thuê đều đến lễ hội vui chơi không đến chỗ làm việc, Bí-sô liền kêu họ đến hỏi: "Hiền thủ, vì sao hôm nay các vị không đến làm việc?", đáp: "Thánh giả, hôm nay chúng con đều đến lễ hội vui chơi nên không thể đến đây làm việc", Bí-sô nói: "Những người có phước có thể đến lễ hội vui chơi, còn các vị là những người làm thuê kiếm sống đến lễ hội vui chơi làm gì? Các vị hãy đến làm việc, tôi sẽ trả giá gấp đôi", đáp: "Thánh giả, những người có phước thường được dự lễ hội, còn những người làm thuê như chúng con dịp may đến lễ hội vui chơi chỉ có một lần, dù thầy trả giá gấp đôi chúng con cũng không thể đến làm", nói rồi cùng bỏ đi. Lúc đó cư sĩ cúng tài vật làm phước nghiệp suy nghĩ: "Ta nay nên đến xem việc phước nghiệp đã làm đến đâu", nghĩ rồi liền đến xem thì thấy chưa làm gì cả, liền đến chỗ vị Bí-sô hỏi vì sao , Bí-sô nói: "Những người làm thuê hôm nay không chịu đến làm", cư sĩ hỏi vì sao, Bí-sô nói: "Họ nói hôm nay đến lễ hội vui chơi nên không thể đến đây làm việc", cư sĩ nói: "Những người làm thuê mà dự lễ hội gì, chắc là Thánh giả không nói rõ giá cả nên họ mới không chịu đến làm". Bí-sô nói: "Tôi có nói trả giá gấp đôi nhưng họ vẫn không chịu làm, họ nói những người có phước thường dự lễ hội còn họ là những người làm thuê dịp may đến lễ hội vui chơi chỉ có một lần, cho nên dù trả giá gấp đôi họ cũng không chịu đến làm". Cư sĩ nói: "Thánh giả, con làm phước nghiệp này không vì tự thân cũng không vì thân thuộc. Lành thay Thánh giả hãy giúp con xúc tiến công việc cho mau thành, đừng để dở dang". Bí-sô liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu công việc chưa xong thì nên bảo các Bí-sô trợ giúp cho công việc mau thành". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy cùng nhau trợ giúp cho công việc mau thành, khi quăng chuyền gạch cho nhau, sẩy tay rớt gạch xuống trúng đầu của Bí-sô đứng ở dưới, do đây mà chết. Các Bí-sô trong lòng hối hận nói với nhau: "Các cụ thọ, vị Bí-sô này đa sự bày ra việc xây cất này tự chuốc khổ cho mình, lại làm cho vị đồng phạm hạnh mà chúng ta thương mến không may bị chết. Há chẳng phải chúng ta cùng phạm Ba-la-thị-ca hay sao?". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô đều không phạm, nhưng các Bí-sô không nên quăng chuyền gạch như

vậy, nên dùng tay trao đưa cho nhau, nếu viên gạch nào bể thì nói cho vị kia biết rồi mới trao đưa, nếu không làm như vậy thì phạm tội Việt pháp". Do Phật dạy nên trợ giúp công việc cho mau thành nên các Bí-sô làm việc suốt ngày, các Bà-la-môn, cư sĩ trông thấy liền cơ hiềm: "Tại sao các Bí-sô làm việc suốt ngày như kẻ làm thuê". Các Bí-sô nghe liền bạch Phật, Phật nói: "Không nên làm suốt ngày, chỉ nên làm nửa ngày mà thôi". Vào mùa hạ nắng nóng thì các Bí-sô lại làm việc sau giờ ngọ, vào mùa đông giá lạnh thì các Bí-sô lại làm việc trước giờ ngọ, Phật nói: "Không nên làm như vậy, vào mùa đông giá lạnh nên làm việc sau giờ ngọ, vào mùa hạ nắng nóng nên làm việc trước giờ ngọ". Các Bí-sô làm việc đến giờ ăn mới nghỉ, bùn đất dính đấy người liền đi khất thực, những người không tín kính thấy vậy chê cười: "Các thầy làm việc còn hơn những người làm thuê kiếm sống, những người làm thuê còn nghỉ trước giờ ăn, các thầy làm đến giờ ăn mới nghỉ". Các Bí-sô nghe rồi bạch Phật, Phật nói: "Nên lượng tính ngày giờ mà nghỉ sớm, khi đi khất thực phải sửa soạn y áo và dung nghi đàng hoàng mới được đi; nếu thọ thực trong Tăng cũng phải sửa soạn trước rồi mới đến nhà ăn". Lúc đó các Bí-sô không biết thời gian sửa soạn y áo và dung nghi là khoảng bao lâu, Phật nói: "Là khoảng thời gian đủ để rửa tay chân và rửa bát. Tất cả các Bí-sô trợ giúp việc xây cất nên có những hành pháp gì, ta nay vì nói: Nếu là người trông coi đôn đốc công việc xây cất biết những người trợ giúp công việc sáng sớm phải chấp tác thì nên lo liệu bửa cơm sáng cho họ, sau giờ ngọ nên lo liệu nước uống phi thời và dầu thoa chân tay. Nếu vị nào coi ngó đôn dốc công việc xây cất không y theo lời Phật dạy thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 8

Học Xứ Thứ Ba: ***ĐOẠN MẠNG NGƯỜI*** *(tiếp theo)*

Việc xây cất nhà ấm như thế nào? Lúc đó đức Bạc-già-phạm ở trong rừng khoáng dã, Bí-sô xây cất nhà ấm cũng giống như việc xây cất nhà tắm, chỉ khác là Thế Tôn dạy: "Việc chưa xong thì các Bí-sô nên tiếp tay để làm cho xong". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy tiếp tay để làm cho xong, cúng nhau khiêng một đòn cây đặt làm đòn dông, những người thọ mộc đứng ở dưới phụ đưa lên. Khi di chuyển cây sút tay rớt đòn cây xuống đầu người thợ mộc ở phía dưới, do đây mà chết, các Bí-sô trong lòng hối hận nói với nhau: "Các cụ thọ, Bí-sô khất thực này đa sự xây cất này nọ làm việc cực khổ, lại làm cho người thợ mộc bị chết, há chẳng phải chúng ta đều phạm Ba-la-thị-ca hay sao?". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: Các Bí-sô không phạm, nhưng các Bí-sô không nên vội nâng lên vật nặng quá sức của mình, khi cần di chuyển nên nhờ người tục phụ giúp nâng đỡ lên, khi đưa lên hay để xuống và lúc buông tay ra phải nói cho nhau biết, nếu Bí-sô nào không làm theo lời Phật dạy thì phạm tội Việt pháp". Các Bí-sô nghe Phật dạy, không biết ngang chừng mức nào là vừa sức của mình, Phật dạy: "Sức nặng ngang bằng một gánh của người tục thì Bí-sô nên phân làm hai người, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Trường hợp của Hắc-ca-lưu-đà-di như thế nào? Lúc đó Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, cụ thọ Ca-lưu-đà-di giáo hóa người con gái tên Chiên-đồ khiến sanh lòng tín kính, xin thọ Tam quy và năm học xứ. Lúc đó Chiên-đồ đảnh lễ bạch rằng: "Thánh giả, nếu cần ẩm thực thuốc thang và vật cần dùng gì, con đều cúng dường", Ca-lưu-đà-di không chịu thọ nhận nói rằng: "Đại muội, Thế Tôn có dạy lợi ích chung đứng đầu, ý muốn của tôi là nên làm lợi ích cho nhiều người", Chiên-đồ bạch: "Nếu Thánh giả không chấp nhận lời con thỉnh thì cho phép con thiết lập tòa ngồi tốt đẹp để mỗi khi khất thực xong, Thánh giả đến đó ngồi thọ thực rồi về". Ca-lưu-đà-di nhận lời, hằng ngày khất thực xong liền đến tòa đó ngồi thọ

thực xong rồi về, một hôm Ca-lưu-đà-di có nhân duyên muốn đi đến nơi khác liền suy nghĩ: "Ta nên nói cho thí chủ biết là ta muốn đi đến nơi khác", nghĩ rồi liền đến chỗ Chiên-đồ nói dự tính của mình, Chiên-đồ nói: "Thánh giả đi đường may mắn, mau sớm trở về, đừng ở lâu nơi đó để con mong chờ". Cáo từ xong, Ca-lưu-đà-di liền trở về rừng Thệ-đa chuẩn bị lên đường, lúc đó Thế Tôn muốn du hành trong nhơn gian liền bảo cụ thọ A-nan-đà thông báo cho các Bí-sô biết, A-nan-đà vâng lời đến chỗ các Bí-sô thông báo: "Nay Thế Tôn muốn du hành trong nhơn gian, vị nào muốn đi theo thì nên sửa soạn hành trang". Ca-lưu-đà-di nghe xong liền suy nghĩ: "Đi theo Thế Tôn có mười tám điều Lợi-ích:

- Một là không bị nhà vua khủng bố
- Hai là không bị giặc cướp khủng bố
- Ba là không bị nước làm cho sợ hãi
- Bốn là không bị lửa làm cho sợ hãi
- Năm là không bị nước cừu địch khủng bố
- Sáu là không bị sư tử, hổ lang… làm cho sợ hãi.
- Bảy là không có sợ hãi khi qua các cửa ải
- Tám là không bị thuế quan làm cho sợ hãi
- Chín là không có sợ hãi vì thiếu người bảo vệ
- Mười là không bị người khủng bố
- Mười một là không bị phi nhơn khủng bố
- Mười hai là thường được thấy chư thiên
- Mười ba là được nghe tiếng nói của chư thiên
- Mười bốn là được thấy đại quang minh
- Mười lăm là được nghe lời thọ ký
- Mười sáu là được lãnh thọ diệu pháp
- Mười bảy là được cùng thọ ẩm thực
- Mười tám là thân không bịnh khổ".

Đi theo Phật được nhiều lợi ích như thế nên Ca-lưu-đà-di quyết định đi theo Phật. Lúc đó tại nhà của Chiên-đồ có một người nữ sanh được một bé trai, Chiên-đồ nói: "Nàng hãy tắm rửa cho em bé, cho cháu mặc áo bạch điệp mới rồi để nằm trên tòa tiên nhơn cho em bé được trường thọ", người mẹ này nghe lời hằng ngày đặt con nằm trên tòa tiên nhơn. Thời gian sau Ca-lưu-đà-di trở về, sau khi khất thực xong như trước kia đến nhà của Chiên-đồ, một vị A-la-hán nếu không quán sát trước thì thánh trí không

hiện hành, khi Ca-lưu-đà-di vừa ngồi xuống tòa, người mẹ hoảng hốt kêu lên: "Thánh giả trên tòa có em bé", Ca-lưu-đà-di liền đứng dậy, nhưng đứa bé bất hạnh đã chết, người mẹ gào khóc thảm thiết, Ca-lưu-đà-di nói: "Đại muội chớ gào khóc nữa, đứa bé này mạng yểu, như Phật đã dạy: Chư hành vô thường là pháp sanh diệt. Đáng lẽ tôi mới là người nên gào khóc vì đã đắc quả La hán mà lại không quan sát kỹ, Thế Tôn sẽ vì nhơn duyên này mà chế học xứ". Ca-lưu-đà-di đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Ca-lưu-đà-di không phạm, nhưng các Bí-sô vào trong nhà thế tục chưa quan sát kỹ thì không nên vội ngồi liền, nếu không quán sát kỹ vội ngồi liền thì phạm tội Việt pháp".

Trường hợp cho uống giấm như thế nào? Lúc đó Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, trong thành có hai trưởng giả giàu có nhiều của cải và tôi tớ kết bạn với nhau. Thời gian sau cả hai dần dần nghèo khó nói với nhau: "Ngày xưa giàu có nay trở nên nghèo khó làm sao sinh sống, chúng ta nên cúng đi xuất gia", bàn xong cả hai bèn ở trong pháp luật khéo giảng nói xin xuất gia tu hạnh xuất ly. Thời gian sau một người mắc bịnh nặng, một người nuôi bịnh; người bịnh càng ngày càng nặng không thể ngồi dậy được, người nuôi bịnh hỏi: "Cụ thọ hồi tại gia có thường bị bịnh khổ không?", đáp có, hỏi: "Cụ thọ lúc đó thường dùng thuốc gì chửa trị?", đáp: "Tôi thường uống giấm mặn", hỏi: "Bây giờ cụ thọ có muốn uống không?", đáp muốn. Người nuôi bịnh liền đi tìm giấm mặn mang về cho uống, không ngờ uống xong liền chết. Bí-sô nuôi bịnh hối hận không biết mình có phạm tội Tha thắng không, liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này không phạm, nhưng các Bí-sô không hỏi thầy thuốc thì không nên vội cho người bịnh uống thuốc liền. Nếu không có thầy thuốc thì nên hỏi vị Bí-sô nào từng là thầy thuốc; nếu không có Bí-sô nào từng là thầy thuốc thì nên hỏi vị nào từng quen biết với thầy thuốc; nếu cũng không có thì nên hỏi người từng nuôi bịnh; nếu cũng không có thì nên hỏi Bí-sô kỳ cựu. Nếu Bí-sô không hỏi thầy thuốc cho đến không hỏi Bí-sô kỳ cựu, liền tự ý cho người bịnh uống thuốc thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó các Bí-sô cùng có nghi niệm bạch Phật: "Thế Tôn, vì nhơn duyên gì Bí-sô bịnh kia hồi tại gia mắc bịnh uống giấm liền lành bịnh, nay mắc bịnh uống giấm lại chết?". Phật nói: "Bí-sô ấy hồi tại gia mắc bịnh đàm ấm, còn nay mắc bịnh phong nhiệt; do nhơn duyên này nên trước kia giấm là thuốc, nay lại chẳng phải là thuốc".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó vua Ảnh-thắng nước Ma-kiệt-đà chứng được Kiến đế, cùng tám vạn chư thiên và các Bà-la-môn, cư sĩ nước Ma-kiệt-đà tất cả có đến vô lượng trăm ngàn chúng,

vua cho người ở trên thành Vương Xá đánh trống tuyên lịnh cho người trong Vương thành và những người từ ngoài thành đến như sau: "Mọi người nên biết, người trong nước ta không được làm giặc cướp, nếu làm giặc cướp bị bắt được sẽ bị đi đày và tẩn xuất. Tài vật của người bị mất ta sẽ xuất kho bồi thường". Cũng vào lúc đó Phật thuyết kinh Thiếu Niên cho vua Thắng Quang nước Kiều-tát-la khiến sanh lòng tín kính, vua cũng cho người đánh trống tuyên lịnh cho người trong thành và người ngoài thành đến như sau: "Mọi người nên biết, người trong nước ta không được làm giặc cướp, nếu làm giặc cướp bị bắt được sẽ giết chết. Tài vật của người bị mất ta sẽ xuất kho bồi thường". Lúc đó bọn giặc cướp của hai nước này nghe nhà vua tuyên lịnh như vậy liền tập trung lại ở ranh giới giữa hai nước để trốn tránh, người sống trong hai nước đều nghe biết ở ranh giới giữa hai nước có bọn giặc cướp thường đón đường các đoàn thương buôn cướp của giết người. Thời gian sau có một đoàn thương buôn muốn từ nước Ma-kiệt-đà đến nước Kiều-tát-la, nghe biết việc này nên tìm người bảo tiêu vận tải hàng hóa cho được an toàn. Khi qua khỏi ranh giới nước Ma-kiệt-đà vào ranh giới nước Kiều-tát-la, vị thương chủ nói với người bảo tiêu: "Ta nghe nói vua Thắng Quang nước Kiều-tát-la hùng dũng, tánh quyết đoán. Nếu ta bị giặc cướp cướp đoạt tài vật, nhà vua sẽ xuất kho bồi thường, cho nên các vị bảo tiêu đến đây thì có thể trở về". Những người bảo tiêu nghe thương chủ nói thế liền cáo biệt trở về, bọn giặc cướp cho người rình chờ nơi yếu lộ thầy những người bảo tiêu này đều đã trở về liền cho người chạy về báo cáo chúa giặc. Chúa giặc nghe rồi liền ra lịnh cướp phá đoàn thương buôn ở trong rừng hiểm, đoạt lấy hết tài vật, đoàn thương buôn người bị giết, kẻ bị thương, người bỏ chạy. Người bỏ chạy chạy thoát đến thành Thất-la-phiệt , thân đầy bùn đất đến chỗ nhà vua tâu rằng: "Đại vương, đoàn thương buôn của chúng tôi vào đến ranh giới nước của Đại vương liền bị giặc cướp cướp hết tài vật". Nhà vua nghe rồi liền ra lịnh thái tử Tỳ Lô Trạch Gia: "Ngươi đem quân bao vây bắt bọn giặc cướp và tịch thu toàn bộ tài vật chúng đã cướp được". Thái tử vâng lịnh nghiêm chỉnh bốn binh đến bao vây giặc cướp ở chỗ hiểm yếu. Lúc đó bọn giặc cướp đang cùng nhau phân chia tài vật đã cướp được nên không hay biết mình đã bị bao vây. Kết quả bọn giặc cướp người bị giết kẻ bị bắt, người bỏ chạy, số bị bắt tổng cộng là sáu mươi người, Thái tử liền áp giải sáu mươi tên cướp này với số tài vật đã cướp được đưa đến chỗ nhà vua. Vua hỏi bọn cướp: "Các ngươi há không nghe ta tuyên lịnh, người trong nước ta không được làm giặc cướp, nếu làm giặc cướp bị bắt được sẽ giết chết hay sao?", đáp: "Chúng tôi đều nghe biết", vua hỏi: "Nếu đã nghe biết tại sao còn làm giặc cướp cướp hết tài vật của

đoàn thương buôn?", đáp: "Nếu không làm giặc cướp thì không thể sinh sống được", vua hỏi: "Nếu như vậy thì chỉ nên lấy của, tại sao còn giết người?", đáp: "Vì muốn khủng bố họ nên mới giết". Vua nói: "Nếu như vậy ta cũng có cách xử tội làm cho các ngươi sợ sệt, cách xử tội này nếu trước nay chưa thấy thì nay các ngươi được thấy". Vua nói rồi liền ra lịnh Đại thần: "Hãy dẫn bọn chúng đến rừng thây chết chặt hết tay chân của chúng, còn tài vật của đoàn thương buôn đã bị cướp thì xuất kho bồi thường cho họ". Đại thần vâng lịnh dẫn bon cướp đến rừng thây chết chặt hết tay chân của chúng và xuất kho bồi thường lại cho đoàn thương buôn. Lúc đó Thế Tôn bảo các Bí-sô: "Các thầy nên biết, làm tổn não mình người hay làm an lạc cho mình và người nên khéo quán sát, vì sao?, vì làm tổn não mình người hay làm an lạc cho mình và người đều nên nhàm lìa". Các Bí-sô ghi nhớ lời Phật dạy, vì sanh nhàm lìa nên có nhiều vị đến rừng thây chết, các Bí-sô ni cũng theo đến. Khi đến nơi tất cả đều trông thấy sáu mươi tên cướp bị chặt hết tay chân đang sống trong khổ não, có một người trông thấy bon cướp khổ não như thế nói rằng: "Nếu ai có lòng tốt thương xót cảnh khổ này thì nên cho họ uống giấm mặn, họ chết rồi sẽ được thọ sanh trở lại, được uống sữa mẹ mới". Trong số Bí-sô ni có một vị tên là Viên mãn người khỏe mạnh nhưng ngu si, nghe lời nói đó rồi liền suy nghĩ: "Ta ở trong pháp luật khéo giảng nói xuất gia không nên bỏ qua phước tụ này, ta nên tìm giấm mặn cho họ uống". Nghĩ như vậy rồi nên ni Viên Mãn không theo các Bí-sô ni trở về trú xứ, mà vào thành tìm xin giấm mặn được một vò lớn với sáu mươi cái chén sành mang đến chỗ bọn cướp. Lúc đó bọn cướp đang bị khổ bức bách, không tìm được đường sống nên khi thấy vị ni này mang vò giấm đến liền cầu xin: "Thánh giả, con bị khát bức bách xin Thánh giả cứu tế chúng con". Lúc này Bí-sô ni khởi tâm cầu phước, trước trao cho họ cái chén sành rồi theo thứ tự rót giấm trong vò cho mỗi người đầy một chén, uống xong họ đều mạng chung. Đến chiều tối Bí-sô ni này mới về chùa thì cửa chùa đã đóng, cô bèn kêu cửa, các ni trong chùa hỏi là ai, đáp: "Tôi là Viên Mãn", hỏi: "Vì sao giờ này cô mới về?", ni Viên Mãn nói: "Xin tùy hỉ". Sau khi mở cửa cho vào các ni hỏi: "Cô đã làm việc gì, là đắc quả A-la-hán hay đắc quả Bất hoàn, Nhất lai, Dự lưu; hay là vì Tăng già tìm cầu được thức ăn ngon, y phục tốt?", đáp: "Các cô không có làm gì khác ngoài tìm cầu ẩm thực và y phục sao?", các ni hỏi: "Nếu không làm việc này thì cô đã làm việc gì?", ni Viên Mãn nói: "Trong rừng bỏ thây chết các cô há không thấy sáu mươi người bị chặt hết tay chân hay sao?", đáp: "Có thấy", ni Viên Mãn nói: "Tôi đã xin được cho họ nhiều giấm mặn, sau khi họ uống xong liền mạng chung, họ sẽ lại thọ sanh để được uống sữa mới của mẹ".

Các ni nghe rồi quở trách: "Cô là người ngu si, đem tội Tha thắng chất đầy bụng lại còn bảo chúng tôi tùy hỉ". Viên Mãn nghe rồi hối hận suy nghĩ không biết mình có phạm tội tha thắng hay không, liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: Bí-sô ni này không phạm, nếu cố tâm khiến cho những người kia chết mới phạm tội Tha thắng; nhưng các Bí-sô ni không nên đưa giấm cho người bịnh uống khiến cho họ chết, nếu coi giấm là thuốc đưa cho họ uống để được lành bịnh thì mới không phạm. Nếu Bí-sô, Bí-sô ni có ý nghĩ đưa giấm cho họ uống để họ mạng chung thì phạm tội Tha thắng".

4. Trường hợp mười bảy Bí-sô:

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt , lúc đó cụ thọ Đại Mục Liên thu nhận mười bảy đồng tử, cho xuất gia và cho thọ Viên cụ, Ô-ba-ly là thượng thủ. Trong số mười bảy người này, nếu người nào làm tri sự thì mười sáu người kia đều trợ giúp. Thời gian sau, có pháp sự cần tụng kinh suốt đêm, mười bảy người này đều đến cùng hành sự; một ngày khác Tăng già xây dựng nhà tắm, mười bảy người này cũng đến hổ trợ nhau; một ngày khác Tri sự lo coi ngó việc trang trí trong chùa thì cả nhóm mười bảy người cũng trợ giúp nhau, lúc Tri sự đang coi ngó mọi việc thì có một người nghĩ rằng: "Mình mệt quá cần phải ngủ một chút, chắc là mười mấy vị kia đều có trợ giúp". Không ngờ mười lăm người còn lại cũng cùng có một ý nghĩ như vậy, cho nên đồng loạt đều đi ngủ một chút, chỉ còn một mình Tri sự lo coi ngó công việc không thể ngủ được; đến gần sáng còn phải lo tắt đèn, mở cửa chùa và quét dọn khắp nơi rồi mới đánh kiền chùy báo thức. Nghe tiếng kiền chùy mười sáu người này mới thức giấc, mỗi người mang bát từ phòng mình đi ra nhìn nhau nói: "Không lẽ không có một người nào trợ giúp công việc với Tri sự hay sao?". Lúc đó một người nói: "Tôi mệt quá muốn đi ngủ một chút, nghĩ rằng các cụ thọ đều có đến trợ giúp, không ngờ các cụ thọ cũng như tôi". Mười sáu người hiểu rõ sự việc rồi liền nói với nhau: "Chúng ta đã không đến trợ giúp chắc là Tri sự buồn giận, chúng ta ăn sáng xong cùng đến xin lỗi mong thầy ấy hoan hỉ cho chúng ta". Ăn sáng xong, mười sáu người cùng đến chỗ Tri sự xin lỗi, vị nhỏ hơn thì lễ dưới chân, vị lớn hơn thì dùng tay vỗ trên vai Tri sự nói lời xin tha thứ nhưng Tri sự im lặng không trả lời. Trong số mười sáu vị có một người thân thiện nhất dùng ngón tay chọc lét Tri sự khiến Tri sự cười lên; mười lăm người kia thấy Tri sự cười nghĩ đây là cách hay nhất khiến Tri sự cười nên cùng xúm lại chọc lét khiến vị này cười đến đứt hơi mà mạng chung. Mười sáu người thấy kết cục như vậy liền kêu khóc bi thảm, các Bí-sô nghe kêu khóc liền hỏi: "Tại sao các thầy tụ tập ở đây kêu khóc?", đáp: "Chúng

con trước đây có mười bảy người được gọi là Thập thất quần, bây giờ chỉ còn có mười sáu người làm sao không buồn khóc. Người bạn đồng phạm hạnh đắc ý này chết, ngoài cái khổ ái biệt ly, chúng con còn phạm tội Tha thắng làm sao không buồn khóc". Các Bí-sô nghe rồi biết là do chọc lét cười đứt hơi mà chết nên quở trách: "Các thầy giống như lửa rơm vừa cháy đó liền tắt đó, lúc cười lúc khóc". Quở trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô trẻ tuổi kia không có tâm sát nên không phạm, nhưng các Bí-sô không nên chọc lét nhau, nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

5. Trường hợp sáu mươi Bí-sô:

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt. lúc đó trong một tụ lạc cách thành không xa có một trưởng giả giàu có. Nhiều của cải và tôi tớ. Vị này có lòng tin thanh tịnh ưa thích bậc hiền thiện nên xây cất một trú xứ rộng rãi khang trang cho Tăng, ai nấy đều hoan hỉ. Xây cất xong liền thỉnh sáu mươi vị Bí-sô đến hạ an cư, an cư xong làm lễ tùy ý rồi các Bí-sô đều tùy duyên ra đi, trú xứ trở lại trống không, trưởng giả sợ giặc cướp đến lấy trộm nên cử người ở đó coi giữ. Không bao lâu sau, có sáu mươi Bí-sô khác du hành đến tụ lạc tìm nơi tạm trú, người trong tụ lạc liền chỉ đến trú xứ mà vị trưởng giả xây cất cho Tăng. Người quản lý trú xứ này tiếp đón chỉ phòng xá và cung cấp những vật cần dùng rồi đến báo tin cho trưởng giả biết. Trưởng giả nghe xong vui mừng bảo các gia nhân mang nước phi thời đến cho các Bí-sô dùng trước, khi đến trú xứ thấy chư tăng tề tựu như rừng hoa sen nở, trưởng giả càng thêm tín kính liền nói kệ:

"Thôn ấp hay trong rừng
Chỗ cao hay chỗ thấp
Có chúng tăng cư trú
Khiến sanh lòng mến yêu".

Trưởng giả tự tay dâng nước phi thời cho chư tăng dùng, dùng xong Trưởng giả tay bưng lư hương cung thỉnh chư tăng nhiễu tháp, nhiễu tháp xong trở về trú xứ, vị Thượng tòa giảng nói pháp yếu cho trưởng giả nghe, nghe pháp xong trưởng giả cung thỉnh chư tăng ngày mai đến nhà thọ thực. Trở về nhà Trưởng giả lo sửa soạn đủ các món ăn ngon để cúng dường chư Tăng, sau khi thọ thực xong vị thượng tòa chú nguyện cho trưởng giả rồi trở lại trú xứ. Xế chiều trưởng giả lại sai người mang nước phi thời đến, đợi chư tăng dùng xong trưởng giả bưng lư hương đến trước vị thượng tòa bạch: "Thánh giả, con xây cất trú xứ này không vì bản thân cũng không vì thân thuộc, mà vì bốn phương tăng, con rất mong quý thầy về đây hạ an cư". Thượng tọa nói: "Pháp chủ Thế Tôn hiện đang ở thành Thất-la-phiệt,

hằng ngày giảng pháp thường hay thọ ký cho Bí-sô này chứng A-la-hán, Bí-sô kia thành tựu pháp quán bất tịnh… Đại vương Thắng Quang, phu nhơn Thắng man, Tiên thọ thế chúa, Tỳ-xá-khư-mẫu, các trưởng giả và các Bà-la-môn thảy đều kính tín. Chúng tôi muốn đến đó để được đồng thọ dụng pháp thực". Trưởng giả nói: "Lợi ích của sự lãnh thọ pháp nghĩa chỉ có các vị biết, về y thực con sẽ cung Cấp-đầy đủ, chỉ mong các thầy đừng trụ ở đây con sẽ tứ sự cúng dường không thiếu thốn". Thượng tọa nghe rồi nói với chư tăng: "Các cụ thọ, như Thế Tôn dạy nếu có thí chủ kính tin thì phải bi mẫn để họ tăng trưởng lòng tin. Tôi xem xét nơi đây thấy có đủ cây trái sum suê, ao nước trong, rừng cây rợp bóng, khung cảnh rất yên tĩnh thích hợp cho thiền tư. Tuy cây trái sum suê nhưng tiền an cư thì mùa trái chưa chín, chúng ta nên chọn hậu an cư". Thế-là các Bí-sô ở tại trú xứ này hậu an cư, vì chung quanh trú xứ trong tụ lạc này và trong các phường xóm khác đều không có chùa, chỉ có một trú xứ này trưởng giả xây cất cho Tăng nên phước nghiệp đã có đều tập trung về trú xứ này, các thiện tín đều quy tụ về đây tu phước nghiệp. Các Bí-sô an cư ở đây được rất nhiều lợi dưỡng nên làm lễ tùy ý xong liền trụ ở đây luôn. Lúc đó có giặc cướp Ca-lật-đế-ca. chúa giặc nói với bọn cướp: "Chúng ta nên làm việc để trọn năm khỏi vất vả mà y thực thọ dụng đầy đủ". Một người liền lên tiếng: "Chúng ta nên tìm cách trộm lấy tài vật của các Bí-sô". một người khác nói: "Bí-sô mỗi ngày trước giờ ngọ đi đến hàng trăm nhà khất thực, vất vả xin ăn chỉ nuôi được tấm thân làm gì có sở hữu để chúng ta trộm cắp". một người khác nói: "Các vị không biết, các Bí-sô có rất nhiều tài vật, ông trưởng giả giàu có kia với lòng tin thuần thiện xây cất cảnh chùa này, tất cả phước nghiệp đều tập trung về đây nên các Bí-sô an cư được rất nhiều lợi dưỡng, nếu các vị không tin thì hãy cùng tôi đến đó tìm hiểu sẽ rõ". Thế-là một số trong bọn cướp với y phục trang nghiêm đi đến chùa, nhiễu tháp xong rồi vào trong chùa gặp Bí-sô Mạc Hạ La đứng ở cửa liền đến đảnh lễ hỏi thăm: "Thánh giả, đây là chùa của ai?, phòng xá trang nghiêm khiến người yêu thích. Ai nguyện sanh Thiên thì chính nơi đây là thềm thang đi lên". Bí-sô nói: "Hiền thủ, chùa này do Trưởng giả xây cất", hỏi: "Thánh giả, chùa này thuộc loại Tỳ-ha-la hay Tỳ-già-đa?", Bí-sô hỏi lại: "Sao gọi là Tỳ-ha-la, sao gọi là Tỳ-già-đa?", đáp: "Tư cụ đầy đủ thì gọi là Tỳ-ha-la, còn vật dụng thiếu thốn thì gọi là Tỳ-già-đa", Bí-sô nghe rồi liền nói: "Như vậy thì chùa này thuộc loại Tỳ-ha-la không phải Tỳ-già-đa, vì tư cụ đầy đủ thọ dụng không có thiếu thốn". Bọn cướp nghe rồi liền nói: "Thánh giả, nếu ẩm thực đầy đủ thì không nên ăn cơm khô, y phục đầy đủ thì không nên mặc vỏ cây. Y phục của Thánh giả hiện có nhiều hay ít?". Bí-sô Mạc Ha La bản tánh chất

phác liền nắm tay bọn cướp giả dạng này vào phòng mình, chỉ trên cây sào máng y phục nói rằng: "Các vị nhìn xem y phục của tôi nhiều hay ít?", bọn cướp giả danh lại hỏi: "Y phục này là của riêng thầy hay là của chung chúng tăng?", Bí-sô nói: là của riêng tôi", lại hỏi: "Thầy là bậc Thượng tọa hay Pháp sư?", Bí-sô nói: "Tôi không phải Thượng tọa cũng không phải Pháp sư, tôi chỉ là Cầu tịch thấp nhất trong Tăng", lại hỏi: "Vật sở hữu của thầy tôi đã biết rồi, còn vật của chúng tăng có kho tích trữ không?", Bí-sô nói: "Tất nhiên là có", lại hỏi: "Trong nhà trù của chúng tăng có các vật dụng để nấu như nồi soong chão… hay không?", Bí-sô nói: "Tất nhiên là có", nói rồi liền dẫn bọn cướp giả dạng vào trong nhà trù xem. Sau khi biết rõ nơi này rồi, bọn cướp giả dạng muốn ra về nên nói với Bí-sô: "Thánh giả, nảy giờ làm thánh giả bỏ tu thiện phẩm cũng trở ngại đến sinh kế của chúng tôi, nay tạm từ biệt sau sẽ đến tạ lễ", nói rồi lễ bái ra về. Về đến trú xứ liền báo cáo với chúa giặc: "Chúng tôi đã vào tận trong chùa quan sát, tài vật phong phú như các thương khách giàu có, có thể cướp lấy". Trong số bọn cướp có người nói: "tôi từng nghe nói sáu mươi người xuất gia trong chùa này rất rành thuật bắn tên, chúng ta không nên vội vàng vào chùa cướp lấy, phải chờ lúc họ tụ họp tụng kinh chúng ta mới vào chùa". Có người hỏi: Có biết lúc nào họ tụng kinh không?", có người nói: "mồng tám đã qua rồi, ngày rằm tới họ sẽ tụng". Bọn cướp nghe nói rồi bấm đốt ngón tay tính ngày chờ đợi. Đến ngày rằm trong chùa chúng tăng tụng giới, Thượng tọa thăng tòa thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, bố tát xong rồi tụng kinh. Ngồi trên tòa sư tử, thượng tọa tụng kệ:

"Phật ở trong vườn Cấp (Cô Độc) Đoạn hết tất cả hoặc, Các căn đều tịch tịnh. Phật dạy chúng như sau: Ta ở trong Trời người, Tuyên nói pháp vi diệu, Nghe rồi hành trì theo, Mé khổ không còn nữa".

Lúc đó bọn cướp kêu cửa, Bí-sô hỏi là ai, liền đáp là thiện nam tử, Bí-sô nghe rồi suy nghĩ: "Có lẽ là người trong tụ lạc đến đây nghe pháp, ta nên mở cửa cho họ", nghĩ rồi liền mở cửa, cửa vừa mở bọn cướp liền tràn vào cướp lấy tài vật, Bí-sô nói: "Vừa rồi các vị tự xưng là thiện nam, tại sao vào trong chùa cướp lấy tài vật?", bọn cướp nói: Thánh giả, chúng tôi có hai tên, ở ngoài cửa thì gọi là thiện nam, vào trong chùa liền trở thành giặc cướp". Bí-sô nói: Các ngươi có hai tên như vậy thì không phải là người tốt". Bọn cướp cướp lấy hết tài vật rồi liền thoát ra khỏi chùa, lúc đó các Bí-sô nói với nhau: "Các cụ thọ, Thế Tôn dạy rằng vắt sữa không nên vắt đến khô cạn, Trưởng giả chủ chùa nếu nghe biết chúng ta bị cướp ắt sẽ xuất tiền của cúng lại cho chùa và cho chúng ta, như thế nhất định sẽ khánh tận. Chúng ta không nên cho Trưởng giả biết mà nên đến chỗ những vị đồng

phạm hạnh ở thành Thất-la-phiệt để tìm cầu y phục". Một Bí-sô nghe rồi nói: Chúng ta bị bọn cướp lột hết y phục, lộ hình thể như thế này làm sao đi đường?", một Bí-sô khác nói: "Ban ngày chúng ta ẩn trong rừng, ban đêm chúng ta mới đi". Bàn tính rồi, các Bí-sô lặng lẽ ra đi không nói cho Trưởng giả biết, lần lần đi đến thành Thất-la-phiệt. Các Bí-sô ở đây đầu đêm, cuối đêm tỉnh giác tư duy siêng tu phẩm thiện, trông thấy nhiều người lộ hình đứng ở trước cửa chùa liền hỏi vọng ra: "Các vị thuộc phái lộ hình cạo tóc, vì sao lại đến đây, ở đây là Tỳ-ha-la không phải trú xứ của các vị". Các Bí-sô đứng ngoài cửa nói: "Chúng tôi là Bí-sô không phải là ngoại đạo lộ hình", các Bí-sô bên trong chùa nói: "Bí-sô đâu có lộ hình như thế?", các Bí-sô đứng ngoài cửa nói: "Chúng tôi bị bọn cướp cướp hết y phục", các Bí-sô trong chùa lại hỏi: "Nếu là Bí-sô thì pháp hiệu của các vị là gì?", các Bí-sô đứng ngoài cửa liền đáp: "Chúng tôi tên là Phật Hộ, Pháp Hộ, Tăng Hộ…". Các Bí-sô bên trong chùa nghe rồi liền nói: "Thiện lai, thiện lai các cụ thọ!", nói rồi liền mở cửa cho vào. Các Bí-sô trong chùa người lấy y, người lấy quần , người lấy tăng khước kỳ, người lấy đãy lượt nước tùy có dư cái gì đều đem ra chu cấp cho các Bí-sô bị cướp. Sau đó đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Phàm vào nửa đêm nghe kêu cửa chưa biết rõ là ai thì không nên mở cửa cho vào, phải hỏi tên tuổi dòng họ, biết rõ gốc gác rồi mới mở cửa cho vào". Khi chúng Tăng tụng kinh nên sai một Bí-sô coi giữ, nếu thấy có giặc cướp đến nên hiện tướng khủng bố báo động cho nhau chứ đừng mở cửa. Nên nói lớn tiếng đem kiền chùy đến, đem cái chày đến, đem thời luân, Tăng-già-chi, y bảy điều, y năm điều… đến. Bọn cướp ở ngoài nghe những âm thanh này sẽ kinh sợ thối lui bỏ đi. Nếu là bậc Thượng tòa đứng đầu trong chúng thì có hành pháp gì, ta nay chế hành pháp như sau: Phàm khi nhóm chúng tụng kinh, vị Thượng tòa nên hỏi vị Tri sự là cửa đã đóng chưa, đi xem xét khắp hết trong chùa chưa, sai người coi giữ chưa…. "Nếu bậc Thượng tòa không hành theo hành pháp này thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó các Bí-sô cự trụ nói với các Bí-sô bị giặc cướp: "Các cụ tho, chúng tôi theo khả năng của mỗi người ít nhiều y bát và tư cụ đều đã đem ra chu cấp cho các cụ thọ hết rồi nhưng vẫn còn chưa đủ. Theo chúng tôi, Trưởng giả xây cất ngôi chùa đó có tín tâm nồng hậu, các cụ thọ nên trở lại nơi đó gặp Trưởng giả cho biết sự việc đã xảy ra, trưởng giả chắc chắn sẽ chu cấp thêm y phục và tư cụ cho các cụ thọ". Các Bí-sô bị giặc cướp nghe rồi liền nói với nhau: "Ý kiến của các cụ thọ đồng phạm hạnh rất hay, trước đây chúng ta lặng lẽ ra đi không báo cho trưởng giả biết, nay chúng ta nên trở lại nói rõ sự việc cho trưởng giả biết để trưởng giả chu cấp thêm y phục cho chúng ta". Bàn với nhau rồi các Bí-sô liền trở lại trú xứ để gặp Trưởng

giả, Trưởng giả vui mừng nói: "Vì sao các Thánh giả không nói gì hết lại bỏ ra đi", các Bí-sô nói: "Trưởng giả, như Thế Tôn dạy phàm vắt sữa không nên vắt đến khô cạn, lúc đó chúng tôi nghĩ rằng chùa bị giặc cướp nếu Trưởng giả biết được ắt sẽ xuất tiền của ra cúng lại cho chúng tôi và như vậy Trưởng giả sẽ khánh tận. Chúng tôi sợ xúc não cho nhau nên mới lặng lẽ ra đi, đến chỗ các đồng phạm hạnh của chúng tôi ở thành Thất-la-phiệt tìm cầu y phục". Trưởng giả nghe rồi liền nói: "Các Thánh giả, chùa bị cướp chứ nhà tôi không bị cướp, lành thay các Thánh giả đã trở lại". Lòng tín kính của Trưởng giả tăng gấp bội nên cúng cho mỗi Bí-sô mười ba vật dụng cần dùng của một Bí-sô. Bọn cướp lúc đó hay tin các Bí-sô đã trở lại liền nửa đêm đến kêu cửa muốn cướp phá lần nửa. Các Bí-sô biết giặc cướp đến liền báo tin cho nhau biết và cùng hiện tướng khủng bố như lời Phật dạy, các Bí-sô lớn tiếng kêu mau đem kiền chùy đến, đem cái chày đến… Bọn giặc nghe rồi kinh hoàng bỏ chạy, lúc đó trên hư không chư thiên nói kệ:

"Lưỡng túc Mâu Ni hay thuyết giáo,
Dạy các đệ tử khủng bố giặc,
Lớn tiếng kêu la để giữ mình,
Năm trăm giặc cướp đều bỏ chạy".

Lúc bọn cướp bỏ chạy, một người trong bọn hiểu biết về Bí-sô liền nói với đồng bọn: "Vì sao các bạn lại bỏ chạy hết như vậy?", đáp: "Ông không nghe nói sáu mươi người xuất gia đó có bắn cung rất thiện nghệ hay sao, huống chi nghe nói đem kiền chùy đến, đem cái chày đến… chúng ta sợ bị giết nên phải bỏ chạy", người đó nghe rồi liền nói: "Cái kiền chùy chỉ là tấm bảng gỗ dùng đánh để nhóm chúng, cái chày là dụng cụ dùng để đánh kiền chùy, thời luân là dụng cụ xem bóng mặt trời, Tăng-già-chi… đều là y phục vật dụng của các Bí-sô mà thôi. Chúng ta không nên hoảng sợ bỏ chạy, hãy quay trở lại cướp phá". Nghe nói rồi bọn giặc cùng nhau quay trở lại cướp phá chùa, tên chúa giặc leo lên cầu thang, lúc đó Bí-sô Ma-ha-la coi giữ chùa trông thấy giặc cướp leo lên cầu thang liền suy nghĩ: "Bọn giặc ngoan cố này đã cướp lấy y bát của chúng ta khiến chúng ta phải lõa hình, nếu lần này để cho chúng cướp nữa thì chúng ta phải lõa hình sao, ta phải hiện tướng khủng bố cho chúng biết". Nghĩ rồi Ma-ha-la liền đi từ từ lấy cái kiền chùy đập vào đầu giặc cướp này khiến nó rớt xuống cầu thang chết. Ma-ha-la đánh giặc cướp rồi kêu lớn là có giặc cướp, các Bí-sô liền bỏ tụng kinh chạy lên lầu hỏi: "Giặc cướp đâu?", đáp: "Có tên cướp leo lên cầu thang, tôi thị uy nên đã bỏ chạy rồi", các Bí-sô nói: "Bỏ chạy là tốt rồi". Sáng ngày mở cửa tới chỗ tên cướp leo lên hồi hôm thì thấy tên

cướp bị bể đầu chảy máu nằm chết dưới cầu thang, các Bí-sô thấy rồi trong lòng sợ hãi nói với nhau: "Lần trước không phải là gặp giặc cướp, lần này mới chính là gặp giặc cướp, do đánh người chết, chúng ta lại phạm tội tha thắng". Các Bí-sô hối hận đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy không phạm, nhưng các Bí-sô không nên đánh trên thân phần của họ, nếu dùng vật gì quăng ném thì nên quăng một bên hay sau lưng họ để khủng bố mà thôi. Nếu Bí-sô đánh vào thân phần của người khác để khủng bố thì phạm tội Việt pháp".

6. Trường hợp Bí-sô ở Lan-nhã:

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, trong thành có một trưởng giả cưới người con gái trong dòng tộc làm vợ, sau sanh được một trai. Theo thời gian gia cảnh của Trưởng giả sa sút dần, bà con ly tán, vợ ông cũng qua đời, Trưởng giả liền bảo con trai: "Nay cha già yếu không thể trông coi gia nghiệp, cha muốn từ biệt tình cha con mong cầu xuất gia", người con trai nói: "Nếu cha xuất gia, con cũng xuất gia theo", Trưởng giả nói: "Được như vậy thì càng tốt". Nói rồi hai cha con cùng đi đến vườn Cấp-cô-độc tới trước một Bí-sô đảnh lễ cầu xin xuất gia, Bí-sô hỏi: "Đồng tử này cũng muốn xuất gia sao?", người con trai đáp: "Con cũng muốn xuất gia". Bí-sô xét hỏi thấy không có giá nạn gì liền cho cả hai xuất gia. Theo lời Phật dạy thì người già được hưởng an nhàn hơn người trẻ, nhưng ở đây cả hai cha con đều bị sai làm việc vất vả, người con nói với cha: "Ở đây con thường bị sai làm việc không được học hành, nay cha con mình nên tìm đến nơi khác để được học kinh điển". Người cha nghe con nói thế liền cùng con ra đi tìm đến nơi khác ở, nhưng nói mới đến người con vẫn bị sai làm việc, người con liền nói với cha: "Ở thành Thất-la-phiệt tuy có làm việc nhưng pháp chủ Thế Tôn giáo hóa nơi này, hằng ngày có thể được nghe Phật thọ ký Bí-sô này chứng quả A-la-hán, Bí-sô kia thành tựu pháp quán Bất tịnh… Đại vương Thắng Quang, phu nhơn Thắng Man, Tiên thọ thế chúa, Tỳ-xá-khư mẫu, các Trưởng giả, Bà-la-môn… thảy đều tín kính. Cha con mình trở lại đó thì cả pháp và thực đều đồng thọ dụng". Nói rồi hai cha con cùng trở lại thành Thất-la-phiệt, gần đến trú xứ thì tới giờ thọ trai nên từ xa đã nghe tiếng kiền chùy, người con liền giục cha: "Kiền chùy đã vang lên rồi, cha hãy đi nhanh lên để kịp giờ thọ thực". Người cha vì già yếu nên không thể đi nhanh, người con đi ở sau đẩy người cha đi cho nhanh hơn, nghĩ rằng đẩy cha đi như vậy sẽ mau hơn, không ngờ khiến người cha té chúi nhủi xuống đất, bụi đất dính đầy mặt và miệng nên người cha mạng chung. Người con thấy cha đã chết liền khóc lớn, bồng người cha để bên đường rồi vội đi đến đừng Thệ-đa, các Bí-sô trông thấy liền hỏi: "Thiện lai

Ma-ha-la tử, thân phụ Bí-sô đâu?". Nghe hỏi Bí-sô này liền khóc lớn, các Bí-sô liền hỏi vì sao khóc, Bí-sô này nói: "Cha tôi đã chết", các Bí-sô nói: "Cụ thọ, các hành vô thường là pháp sanh diệt. Thầy đã xuất gia trong pháp luật khéo giảng nói thì phải tự kìm chế, chớ quá đau buồn". Bí-sô này liền đem sự việc vừa xảy ra bạch các Bí-sô rồi nói: "Tôi đã giết cha tôi", các Bí-sô nói: "Như vậy cụ thọ phạm phải hai tội, một là tội nghịch đọa địa ngục Vô gián, hai là tội Ba-la-thị-ca". Các Bí-sô liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô này không phạm, nhưng các Bí-sô không nên trên đường đi có người già yếu mệt mỏi mà lại xô đẩy thúc họ đi nhanh. Ta nay chế hành pháp cho các Bí-sô đi đương như sau: Khi đi đường thấy người già mệt mỏi nên xoa bóp cho họ bớt mệt và mang y bát tư cụ giúp họ. Nếu họ đi được thì tốt, nếu không thể đi được thì mình có thể đi trước đến trú xứ khất thực, nếu họ không đến nơi được thì nên mang thức ăn đến cho họ để họ khỏi bị đói, nếu là phi thời thì nên đem nước phi thời cho họ dùng. Bí-sô đi đường nên y theo hành pháp này, nếu không y theo thì phạm tội Việt pháp".

Lúc đó các Bí-sô có nghi bạch Phật: "Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Ma-ha-la tử giết cha không có tội Vô gián, cũng không phạm Ba-la-thị-ca?", Phật nói: "Này các Bí-sô, người này không phải ngày nay giết cha không có tội trọng mà quá khứ cũng đã giết cha không có phạm tội trọng. Các Bí-sô lắng nghe: quá khứ trong một xóm làng nọ có một người thợ giặt, người này có một con trai tuổi đã lớn khôn. Lúc đó trong xóm có tiết hội nên nhiều người cần giặt y phục, người cha nhận nhiều y phục dơ cần giặt sạch nên nói với con trai: "Cha giặt nhiều đồ nên không thể về nhà ăn cơm được, con hãy mang đến bờ ao cho cha ăn". Người con vâng lời mang cơm đến bờ ao cho cha ăn, người cha ăn xong nói với con trai: "Con hãy giặt giúp cha, cha mệt quá cần ngủ một chút". Nói xong người liền nằm xuống ngủ thiếp đi, vì đầu của người cha hói nên có nhiều muỗi bu đến cắn, người con giặt đồ xong đến bên chỗ cha thấy có nhiều muỗi bu lại cắn trên đầu cha nên xua đổi muỗi cho cha. Những con muỗi này dù bị xua đuổi vẫn cứ bay trở lại trên đầu người cha để hút máu, người con giận nói: "Ta ở đây đâu để chúng bây hút máu cha ta". Nói rồi bèn lấy cây chày đập giặt quần áo đập muỗi, muỗi bay tứ tán và đầu của người cha cũng bị đập bể mà chết. Lúc đó chư thiên trên hư không nói kệ:

Thà cùng oan trái với người trí, Còn hơn kết bạn với người ngu. Như con ngu si đuổi muỗi mòng, Chày đập đầu cha nên mạng chung.

Này các Bí-sô, ông già giặt đồ ngày xưa chính là Ma-ha-la, con của

ông ta nay chính là Bí-sô đẩy cha đi mau. Ngày xưa giết cha không bị tội Vô gián, ngày nay cũng vậy tuy giết cha nhưng không bị tội Vô gián cũng không phạm Ba-la-thị-ca. Trường hợp không phạm nữa là khi chưa chế giới hoặc bị cuồng si tâm loạn, thống não bức bách."

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 9

Học Xứ Thứ Tư: ***VỌNG NÓI ĐẮC PHÁP THƯỢNG NHƠN***

Nhiếp Tụng:

Đầu tiên Kiếp-tỷ-la
Năm trăm người đánh cá
Bí-sô ở Lan-nhã
Tự hiển chứng trái nhau
(Tưởng chứng mà chưa chứng)

1. Trường hợp Bí-sô Kiếp-tỷ-la:

Lúc đó đức Bạc-già-phạm ở thành Quảng Nghiêm trong giảng đường Cao Các bên bờ ao Di Hầu, trong thành có năm trăm người đánh cá ở bên sông Thắng Huệ kết bạn với nhau. Nhóm người đánh cá này có hai giàn lưới là Tiểu túc và Đại túc, khi người mua cá ít thì dùng giàn lưới Tiểu túc đánh bắt cá, khi người mua cá nhiều thì dùng giàn lưới Đại túc để đánh bắt cá, còn khi có lễ hội lớn thì dùng luôn cả hai giàn lưới. Thời gian sau trong thành Quảng nghiêm có lễ hội lớn, người mua cá nhiều nên dùng một lúc cả hai giàn lưới này để đánh bắt cá. Nhóm năm trăm người này chia làm hai nhóm, mỗi nhóm hai trăm năm mươi người để coi giữ một giàn lưới, nhóm người coi giữ giàn lưới Tiểu túc đánh bắt được nhiều cá trạch, tôm cua… đổ chất đống ở bên bờ sông như đống lúa. Lúc đó trong biển cả có một con cá lớn tên Ma Kiệt ngủ quên bị thủy triều đánh đưa vào trong sông Thắng Huệ, lọt vào trong giàn lưới Đại túc của nhóm hai trăm năm mươi người đang coi giữ và đang cùng kéo lưới. Thân cá to lớn bị lưới bức bách nên cá Ma Kiệt thức dậy quẫy mình kéo cả lưới và nhóm hai trăm năm mươi người cuốn theo dòng nước. Cả nhóm hai trăm năm mươi kinh hãi kêu cứu vang dậy, nhóm người coi giữ lưới Tiểu túc đều cùng chạy đến kéo lưới giúp, nhưng không thể kéo giúp nổi trước sức mạnh của cá Ma Kiệt nên cũng bị cá kéo cuốn theo dòng nước. Cả nhóm năm trăm người này kinh hãi kêu cứu vang dậy khiến mọi người ở hai bên bờ sông từ kẻ chăn

trâu, chăn dê, kiếm củi… có đến trăm ngàn người cùng chạy đến kéo lưới giúp. Tất cả mọi người thân thể đều bị thương, giàn lưới Đại túc cũng bị xé rách nhiều chỗ, vô cùng khó khăn cực nhọc mới kéo được cá Ma kiệt nằm trong lưới lên bờ. Con cá Ma Kiệt này rất kỳ lạ có đến mười tám cái đầu của đủ loài như đầu người, đầu voi, đầu ngựa, đầu lạc đà, đầu lừa, đầu bò, đầu khỉ, đầu sư tử, đầu cọp, đầu beo, đầu gấu, đầu chó, đầu heo… Vì cá kỳ lạ nên bốn phương xa gần loan tin nhau cùng kéo đến bờ sông Thắng Huệ xem có đến trăm ngàn câu chi người. Họ đứng nhìn cá chỉ trỏ rồi nói với nhau: "Các vị có thấy mười tám cái đầu của đủ loài hay không?".

Pháp thường của chư Phật khi quan sát thế gian, không gì là không nghe thấy, không hiểu biết để khởi lòng đại bi làm lợi ích cho tất cả là điều tối thắng trong tất cả sự cứu hộ. Phật nương nơi định, trụ nơi huệ, hiển phát ba minh, khéo tu ba học, khéo điều phục ba nghiệp, vượt qua bốn Bộc lưu, an trụ bốn Thần túc, ở trong đêm dài tăm tối tu bốn Nhiếp hạnh, xả trừ năm Cái, xa lìa năm Chi, vượt qua năm Đường, sáu căn đầy đủ, sáu Độ viên mãn, khắp thí bảy Tài khai bảy Giác hoa, lìa hẳn tám pháp thế gian, chỉ bày tám Chánh đạo, đoạn hẳn chín Kiết, thông suốt chín Định, đầy đủ mười Lực danh vang khắp bốn phương, là bậc thù thắng nhất trong các bậc Đại tự tại đã chứng đắc Vô úy và hàng phục ma oán, cất tiếng rống sư tử, pháp âm vang dội chấn động như sấm dậy, ngày đêm sáu thời thường dùng Phật nhãn quan sát thế gian: Ai tăng, ai giảm, ai gặp khổ nạn, ai hướng vào nẻo ác, ai chìm đắm trong bùn dục lạc, ai có thể được giáo hóa, dùng phương tiện gì để cứu vớt họ. Ai không có Thánh tài khiến cho có Thánh tài, đem trí an thiện na phá màn vô minh; ai không có căn lành khiến họ trồng căn lành; ai đã có căn lành khiến cho tăng trưởng, đặt họ vào cõi trời người, an ổn không trở ngại thẳng đến thành Niết-bàn, như có thuyết nói:

"Nếu thủy triều biển cả Có hạn kỳ mất đi

Phật đối với Hữu tình Tế độ không thời gian Như mẹ có con một Bảo hộ con đến cùng. Phật đối với Hữu tình, Mẫn niệm còn hơn kia. Phật đối với Hữu tình, Từ niệm không rời xa, Nghĩ cứu họ khổ nạn, Như trâu mẹ theo con".

Lúc đó Thế Tôn suy nghĩ: "Con cá Ma Kiệt này kiếp trước đã trồng căn lành đối với Phật, nay gặp khổ ách, ta nên đến bờ sông Thắng Huệ giăng lưới Đại giáo để hóa độ Hữu tình". Pháp thường của chư Phật khi còn ở đời, chưa nhập Niết-bàn, thương xót muốn giáo hóa Hữu tình, Phật đi đến các cõi Nại-lạc-ca, bàng sanh, ngạ quỷ, nhơn thiên… hoặc đến các nơi như rừng thây chết, chỗ sông nước… Vì thế Thế Tôn muốn đến bờ sông Thắng

Huệ, nơi cá Ma Kiệt đang gặp ách nạn. Lúc đó Phật mỉm cười, từ trong miệng phóng ra hào quang năm sắc chiếu xuống hay chiếu lên, nếu chiếu xuống thì chiếu đến ngục Vô gián và các ngục khác khiến cho chúng sanh trong đây đang bị đốt nóng liền được mát mẻ, đang bị lạnh cóng liền được ấm áp. Họ cảm thấy an lạc liền suy nghĩ: "Ta và mọi người từ cảnh khổ địa ngục chết đi, được sanh vào cõi khác chăng?". Thế Tôn sau khi làm cho các hữu tình kia sanh tín tâm liền hiện nhiều tướng khác nữa, thấy những tướng này họ liền suy nghĩ: "Chúng ta không phải chết ở đây sanh về cõi kia, mà là do sức oai thần của Đại thánh đã khiến thân tâm chúng ta hiện được an lạc". Đã sanh tín kính thì có thể diệt các khổ, ở cõi nhơn thiên được thọ thân thắng diệu, thành chơn pháp khí thấy được lý chơn đế. Nếu hào quang chiếu lên thì đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong hào quang diễn nói các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã… và nói kệ:

Dốc cầu đạo xuất ly
Phá được quân sanh tử
Như voi phá nhà tranh.
Ở trong pháp luật Phật
Dũng tiến thường tu học
Xa lìa đường sanh tử
Bờ mé khổ không còn".

"Người phải nghe Phật dạy

Hào quang này sau khi chiếu khắp ba ngàn Đại thiên thế giới liền trở về chỗ Phật, nếu Thế Tôn nói việc quá khứ thì hào quang trở vào phía sau lưng, nếu nói việc vị lai thì hào quang trở vào phía trước ngực, nếu nói việc địa ngục thì hào quang trở vào phía dưới chân, nếu nói việc bàng sanh thì hào quang trở vào phía gót chân, nếu nói việc ngạ quỷ thì hào quang trở vào phía ngón chân, nếu nói việc loài người thì hào quang trở vào đầu gối, nếu việc của Lực luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay trái, nếu nói việc của Chuyển luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay phải, nếu nói việc cõi trời thì hào quang trở vào rốn, nếu nói việc của Thanh văn thì hào quang trở vào miệng, nếu nói việc của Độc giác thì hào quang trở vào phía giữa hai chân mày, nếu nói việc của đạo quả Chánh đẳng chánh giác thì hào quang trở vào phía trên đảnh đầu. Lúc đó hào quang xoay quanh Phật ba vòng rồi trở vào rốn, cụ thọ A-nan-đà bạch Phật: "Thế Tôn Như Lai Ứng chánh đẳng giác vui vẻ mỉm cười chẳng phải là không có nhơn duyên", liền nói kệ thỉnh Phật:

"Từ miệng Phật phóng hào quang vi diệu, Chiếu khắp Đại thiên

không phải một tướng, Chiếu khắp cả mười phương các quốc độ, Như mặt trời chiếu sáng khắp hư không.

Phật là nhân tối thắng của chúng sanh, Có thể trừ kiêu mạn và lo buồn.

Không nhân duyên, kim khẩu không mở lời, Miệng mỉm cười ắt nói việc kỳ lạ.

Con lặng lẽ quan sát đấng Mâu Ni, Ai muốn nghe, Phật nói cho nghe, Như sư tử vương rống tiếng vi diệu,

Cúi xin Phật quyết nghi cho chúng con, Phật như Diệu sơn vương trong biển cả,

Nếu không nhân duyên, Phật không dao động, Tự tại từ bi, miệng Phật hiện mỉm cười,

Nói nhân duyên cho người đang khao khát".

Thế Tôn bảo A-nan-đà: "Đúng vậy A-nan-đà, không phải không có nhân duyên mà Như Lai Ứng chánh đẳng giác miệng hiện mỉm cười, thầy nên đi nói cho các Bí-sô biết Như Lai muốn đến bờ sông Thắng Huệ, cụ thọ nào muốn đi theo Như Lai thì mang theo y bát". Cụ thọ A-nan-đà vâng lời đi đến chỗ các Bí-sô thông báo, các Bí-sô nghe rồi liền mang y bát đi đến chỗ Phật, cùng theo Phật đến bờ sông Thắng Huệ. Do Phật đã tự điều phục nên điều phục vây quanh, do đã tự tịch tĩnh nên tịch tĩnh vây quanh, do đã tự giải thoát nên giải thoát vây quanh, do đã tự an ổn nên an ổn vây quanh, do đã tự thiện thuận nên thiện thuận vây quanh, do tự đã là A-la-hán nên A-la-hán vây quanh, do đã tự lìa dục nên lìa dục vây quanh, do đã tự đoan nghiêm nên đoan nghiêm vây quanh. Phật như rừng Chiên đàn nên Chiên đàn vây quanh, như Tượng vương nên bầy voi vây quanh, như Sư tử vương nên bầy sư tử vây quanh, như Đại ngưu vương nên bầy trâu vây quanh, như nga vương nên bầy ngỗng vây quanh, như diệu súy điểu nên các loài chim vây quanh. Như Bà-la-môn nên các học trò vây quanh, như thầy thuốc giỏi nên các bịnh nhơn vây quanh, như Đại tướng quân nên các binh chủng vây quanh, như người dẫn đường nên người đi đường vây quanh, như Thương chủ nên các thương khách vây quanh, như Đại trưởng giả nên mọi người vây quanh, như Đại quốc vương nên quần thần vây quanh, như Chuyển luân thánh vương nên ngàn người con vây quanh. Như vầng trăng sáng nên các ngôi sao vây quanh, như vầng mặt trời nên ngàn ánh sáng vây quanh. Như Trì Quốc thiên vương nên chúng Càn-thát-bà vây quanh, như Tăng Trưởng thiên vương nên chúng Câu-bàn-trà vây quanh, như Xú mục thiên vương nên loài rồng vây quanh, như Đa Văn thiên vương

nên chúng Dược xoa vây quanh, như Tịnh diệu vương nên chúng A-lan-nhã tô la vây quanh, như vua Đế Thích nên chư thiên cõi trời Tam thấp tam thiên vây quanh, như Phạm thiên vương nên Phạm chúng vây quanh. Như biển cả lắng sâu yên tĩnh, như đám mây lớn che phủ mù mịt, như Tượng vương qua khỏi cơn say, Phật đã điều phục các căn, oai đức tịch tĩnh, tự trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt, tự nghiêm thân bằng tám mươi vẻ đẹp; một tầm viên quang của Phật chiếu soi hơn ngàn mặt trời, thong thả bước đi như núi báu di chuyển, mười Lực, bốn vô sở úy, đại bi, tam niệm trụ… vô lượng công đức thảy đều đầy đủ. Các đại Thanh văn như tôn giả Kiều-trần-như, tôn giả Mã Thắng, tôn giả Bà Sắt Ba, tôn giả Đại danh, tôn giả Vô Diệt, tôn giả Xá-lợi-tử, tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp-ba, tôn giả A-nan-đà, tôn giả Hiệt Ly Phạt Để… cùng chúng Bồ Tát đều đến bờ sông. Tất cả mọi người đang đứng ở bờ sông thấy Thế Tôn và các Bí-sô từ xa đi đến, những người không tin cùng bàn luận với nhau: "Các người biết chăng, nghe nói sa môn Cù-đáp-ma đã đoạn hỉ lạc mà vẫn còn đến xem con cá kỳ lạ này"; những người có lòng tin thì nói với nhau: "Các người biết chăng, Thế Tôn đã xa lìa hỉ lạc nay đến đây ắt là vì lòng đại bi nói pháp vi diệu cho đại chúng nghe", nói rồi tán tụng Phật như sau:

"Đấng Mâu Ni đã lìa hỉ lạc,
Kẻ không tin mới sanh phỉ báng.
Nay bậc Tối thắng đến nơi này,
Ắt nói diệu pháp cho đại chúng".

Khi Phật đến nơi tâm mọi người đều rung động vì khi Phật còn làm Bồ tát đối với sư tăng cha mẹ đều tôn trọng, tâm thường cung kính. Lúc đó Phật bảo năm trăm ngư phủ: "Các hiền thủ, đời trước đã từng làm nghiệp ác, do nhân duyên này nên sanh vào hạng người thấp kém đánh bắt cá tôm kiếm sống, Nay các người quăng lưới đánh bắt cá làm nghiệp sát hại này, sau khi chết đi sẽ thọ sanh vào cõi nào?". Ngư phủ đáp: vậy chúng tôi nên làm gì?", Phật bảo: "Các người nên thả các loài thủy tộc trở lại sông nước". Các ngư phủ vâng lời Phật thả các loài thủy tộc trở lại sông nước, Thế Tôn dùng thần lực khiến chúng bơi lội trong sông Thắng Huệ, chỉ riêng có con cá Ma kiệt ở lại vì nó nhớ được việc đời trước, có thể nói tiếng người, muốn cùng Phật đàm thoại. Thế Tôn hỏi cá Ma Kiệt: "Ngươi tên là Kiếp-tỷ-la phải không?", Cá đáp: "Chính tôi là Kiếp-tỷ-la", Thế Tôn hỏi: "Ngươi từng làm thân ngữ ác hạnh phải không?", Cá đáp: "Tôi đã từng làm", Thế Tôn hỏi: "Ngươi có biết ba nghiệp ác đó sẽ đưa đến quả dị thục không?", Cá đáp: "Tôi có biết", Thế Tôn hỏi: "Ngươi có biết nghiệp hiện giờ là tự thân thọ báo không?", Cá đáp: "Có biết", Thế Tôn hỏi: "Ai là ác tri thức của

ngươi?", Cá đáp: "Là mẹ tôi", Thế Tôn hỏi: "Mẹ ngươi nay sanh vào đường nào?", Cá đáp: "Bà ấy sanh vào Nại-lạc-ca", Thế Tôn hỏi: "Còn ngươi sanh vào đường nào?", Cá đáp: "Tôi sanh vào loài bàng sanh", Thế Tôn hỏi: "Sau khi xả thân này ngươi sẽ sanh vào trong đường nào?", Cá đáp: "Xả thân này rồi tôi cũng sanh vào Nại-lạc-ca". Nói rồi cá Ma Kiệt liền khóc, Thế Tôn nói kệ:

"Ngươi đọa vào bàng sanh
Còn ta không sao cả
Ở trong chốn không rỗi
Kêu khóc có ích gì?
Ta nay thương xót ngươi
Ngươi nên phát tâm thiện
Nhàm chán thân bàng sanh
Sẽ được sanh cõi trời".

Cá Ma Kiệt nghe kệ rồi liền sanh lòng tín kính Thế Tôn, Thế Tôn nói tam cú pháp cho cá Ma Kiệt nghe: "Hiền thủ lắng nghe:

Các hành đều vô thường Các pháp đều vô ngã Tịch tĩnh tức Niết-bàn Đây là ba pháp ấn".

Lúc đó những người có mặt nghe thấy đều sanh lòng hi hữu nói với nhau: "Vì sao cá Ma Kiệt này lại được Thế Tôn đoái thương hỏi khiến nó nhớ lại đời trước? Vì sao nó lại nói được tiếng người để nói chuyện với Phật? Thế Tôn oai đức tôn trọng, chúng ta tầm thường không dám hỏi, chúng ta nên đến chỗ tôn giả A-nan hỏi, tôn giả nói thế nào chúng ta tín thọ thế ấy". Nói rồi cùng nhau đến chỗ tôn giả A-nan hỏi: "Thánh giả, vì sao cá Ma Kiệt lại nói được tiếng người? Vì sao cá này có thể nói với Thế Tôn về chuyện đời trước?", Tôn giả nói: "Các vị nên đến hỏi Thế Tôn", mọi người nói: "Thế Tôn oai đức tôn trọng chúng tôi tầm thường không dám hỏi", Tôn giả nói: "Tôi cũng sợ oai nghiêm của Phật, nhưng tôi sẽ đến hỏi Phật việc này giúp các vị". Nói rồi cụ thọ A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Phật đảnh lễ rồi hỏi: "Thế Tôn, cá Ma Kiệt này vì sao hiểu được tiếng người, lại cùng Phật nói về chuyện đời trước?", Thế Tôn nói: "Thầy có muốn nghe chuyện đời trước của cá Ma Kiệt này không?", cụ thọ A-nan bạch Phật: "Chúng con muốn nghe, nay là đúng thời xin Phật nói nhân duyên đời trước của cá Ma Kiệt này cho mọi người nghe". Thế Tôn nói: "thầy hãy lắng nghe và khéo tư duy: Trong Hiền kiếp của thời quá khứ lúc con người sống thọ đến hai vạn tuổi, có Phật ra đời hiệu là Như lai Ca-diếp-ba, Ứng chánh biến tri, Minh hạnh viên mãn, Thiện-thệ, Thế-gian-giải, Vô-

thượng-sĩ, Điều-ngự-trượng-phu, Thiên-nhơn-sư, Phật, Bạc-già-phạm ở thành Ba-la-nê-tư, tại Tiên nhơn đọa xứ trong rừng Thi Lộc cùng với hai vạn chúng đại Bí-sô. Vua ngự trị trong thành là Ngật Lật Chỉ, dân chúng an cư lạc nghiệp, lúa gạo được mùa sung túc, trong nước không có chiến tranh nên binh giáp được nghỉ ngơi. Không có bịnh khổ và giặc cướp, vua lấy chánh pháp trị nước làm Đại pháp vương. Lúc đó có đồng tử Bà-la-môn nói rằng ở tận phương nam xa xôi có một Bà-la-môn tinh thông kỹ nghệ, hiểu rành bốn minh, các phương xa gần đều đến quy phục. Đồng tử này tìm đến chỗ Bà-la-môn ấy đảnh lễ rồi ngồi một bên, vị Bà-la-môn hỏi: Thiện lai đồng tử, ngươi từ đâu đến, đến đây có việc gì?. Đồng tử đáp: "Con từ nước Trung phương đến muốn hầu hạ Đại sư để thọ học đạo nghiệp". Bà-la-môn hỏi: "Ngươi muốn học sách gì?", đồng tử đáp: "Con muốn học bốn minh", Bà-la-môn khen: "Lành thay ngươi nên học sách ấy". Đây là việc mà Bà-la-môn nên làm nên đồng tử được thu nhận thọ học. Những vị đến thọ học vào ngày nghỉ hoặc đến sông tắm hoặc đến thành thị dạo chơi hoặc đi tìm củi thơm để dùng cúng tế. Hôm ấy là ngày nghỉ, đồng tử rủ các học trò đi tìm củi thơm, trên đường đi cùng hỏi thăm nhau: "Chúng ta đều thuộc giai cấp Bà-la-môn, các bạn từ đâu đến?", một người đáp: "Tôi từ phương Đông đến"; một người đáp là từ phương Tây đến; một người khác đáp là từ phương Bắc đến; đồng tử đáp là từ Trung phương đến. Mọi người nói: "Các nước phương khác chúng tôi đều nghe biết sơ, như có thuyết nói:

Trí huệ từ phương Đông, Hai lưỡi ở phương Tây, Kính thuận ở phương Nam, Ác khẩu ở phương Bắc.

Còn phép tắc của nước ở Trung phương như thế nào?". Đồng tử nói: ở nước Trung phương mía ngọt, lúa thơm… cây trái đều sung túc; về nông nghiệp chăn nuôi củng đa dạng phong phú, dân chúng an cư lạc nghiệp, họ thông minh, trình độ kỹ thuật cao. Trong nước có con sông Căng Già trong mát, nước chảy êm đềm; lại có mười tám chỗ tiên nhơn trụ tu khổ hạnh nay đã lên cõi trời. Có người hỏi đồng tử: "Ở nước Trung phương có vị nào thông tuệ biện tài khéo hay đàm luận như thầy của ta chăng"?. Đồng tử nói: "Hiện nay có một vị luận sư như Sư tử vương, tự tại vô ngại, thầy ta nếu gặp ắt chuốc lấy thất bại". Nghe đồng tử ca ngợi những điều hay đẹp ở nước Trung phương, các học trò đều muốn đến đó, cho nên sau khi mang củi về họ liền đến chỗ thầy bạch rằng: "Chúng con nghe đồng tử ca ngợi nước Trung phương nên rất muốn đến nơi đó". Vị thầy nghe rồi nói rằng: "Nước Trung phương tuy được mọi người ca ngợi nhưng chỉ có thể tai nghe mà không nên đến". Các học trò nói: "Đồng tử nói hiện nay trong nước Trung phương có một luận sư như Sư tử vương, tự tại vô ngại, nếu thấy ta gặp ắt

chuốc lấy thất bại". Vị thầy nói: "Vùng đất sung túc trù phú như thế tất nhiên có người tài ba lỗi lạc, ta đâu có tự phụ cho rằng trong vòm trời này chỉ có một mình ta không có ai hơn". Các học trò nói: "Nếu như vậy chúng con càng muốn đến nước đó, một là tham quan cho biết, hai là đến tắm ở sông tiên tắm, ba là đến chỗ vị đại luận sư cầu học để hàng phục các luận đàm và để được vang danh". Vị thầy Bà-la-môn này tánh ít duyên sự việc lại yêu mến học trò, nghe các học trò nói như vậy liền bảo: "Thế thì các con hãy mang theo các tư cụ của ta như y phục da nai, quân trì…, ta sẽ cùng các con đến nước đó tìm thầy cầu học". Các thầy trò cùng nhau đến nước Trung phương, hễ đến thành ấp nào đều dựng tràng đại luận, những người đến luận thuyết đều bị khuất phục, cho nên khắp nơi xa gần dùng lọng lụa tràng phang đến nghinh đón và đi theo sau ca ngợi họ, đối với các thành ấp đã đi qua thầy trò Bà-la-môn này đều là thượng thủ. Khi đến thành Ba-la-nê-tư, vị thầy Bà-la-môn suy nghĩ: "Sao ta lại bỏ gốc tìm ngọn, tất cả người thông minh lỗi lạc đều tập trung ở sân vua, ta nên đến chỗ vua". Nghĩ rồi vị thầy Bà-la-môn này liền đến cung vua Ngật Lật Chỉ sau khi chú nguyện cho vua được sống lâu không bịnh và hàng phục được các oán địch liền tâu vua rằng: "Đại vương nên biết, tôi từ bổn quốc sang đây mục đích là tầm sư, tôi đã từng học chút ít về văn tự luận nghị, tôi muốn kiến lập luận trường dám cùng mọi người tranh luận vấn nạn để làm sáng tỏ nghĩa lý". Nhà vua nghe rồi liền hỏi Đại thần: "Trong nước ta có vị luận sư nào có thể tranh luận với vị này chăng?', Đại thần đáp có, vua hỏi: "Vị ấy hiện nay ở đâu?", Đại thần đáp: "Tại tụ lạc , hiện có một Bà-la-môn tên là Kiếp-tỷ-la Thiết Ma rất giỏi tứ minh và các luận thư khác, có thể lập luận nghĩa của mình để phá tông luận khác. Vị này đại trí như ngọn lửa sáng ngời là thượng thủ trong nước ta". Vua nghe rồi liền ra lệnh triệu vị đại luận sư ấy tới, vị đại luận sư sau khi đến chỗ vua chú nguyện cho vua rồi ngồi một bên, vua hỏi: "Đại sư có thể ở trước ta tranh luận với vị Bà-la-môn này không?", vị đại luận sư đáp là có thể. Vua nghe rồi liền ra lệnh lập luận trường và ngự giá đến để khai mạc, Đại thần tâu vua nên để bên nào lập tông trước, vua nói: "Vị Bà-la-môn từ nước phương Nam xa xôi đến, theo lễ chủ khách hãy mời vị ấy lập tông trước". Vị Bà-la-môn kia phụng mệnh vua liền lập tông trước, lời lẽ biện luận khúc chiết có tất cả năm trăm bài tụng. Tuy lập luận sắc bén ít người nghe hiểu được nhưng Kiếp-tỷ-la Kiếp Ma vừa nghe qua liền lập nghĩa biện bác chỗ đúng chỗ sai, đây là tương vi, đây là bất định, đây là không thành tựu… Bị Kiếp-tỷ-la Kiếp Ma phá, vị Bà-la-môn này đứng im không nói, khi luận nghị nếu đối phương không trả lời được tức là rơi vào chỗ thua. Nhà vua vui mừng khen ngợi rồi hỏi vị đại luận sư hiện đang ở

đâu và dùng tụ lạc đó phong ấp khen thưởng cho vị đại luận sư. Sau khi được phong ấp, Kiếp-tỷ-la Kiếp Ma trở nên giàu có, sau cưới vợ và sanh được một trai, trải qua hai mươi mốt ngày bèn mở tiệc ăn mừng, người cha này hỏi thân tộc nên đặt tên cho cháu bé là gì, thân tộc nói: "Hài nhi là con của Kiếp-tỷ-la Thiết Ma nên đặt tên là Kiếp-tỷ-la". Kiếp-tỷ-la được nuôi dưỡng toàn bằng thức ăn thượng diệu, tùy thời chăm sóc, theo thời gian lớn lên như hoa sen trồi lên mặt nước. Khi trưởng thành được học tập thư ấn, toán số, oai nghi phép tắc của Bà-la-môn và học các luận thư như Hư thanh, Bồng thanh, Tứ minh, Hiệt Lực minh luận, Da Thọ minh luận, Bà ta minh luận, A-lan-nhã Thát minh luận… Tự hiểu rõ cách thờ cúng và dạy cho người cách thờ cúng, tự đọc tụng và dạy người đọc tụng… trở thành vị đại Bà-la-môn thông suốt kinh sách và hiển phát tông luận của mình, có thể bài xích và phá tông luận của người khác, trí huệ sáng ngời như ngọn đuốc lớn. Thời gian sau Kiếp-tỷ-la Thiết Ma dạy cho năm trăm người con của Bà-la-môn đọc tụng kinh sách Bà-la-môn, trong số đó cũng có con của Kiếp-tỷ-la Thiết Ma. Một hôm đứa con hỏi cha: "Nghĩa của chữ Hiệt-lợi-già như thế nào?", người cha nói: "Nghĩa của chữ đó rất sâu xa, các bậc thầy trước đây tuy có truyền dạy nhưng rốt cuộc đều rất khó hiểu". Đứa con lại hỏi: "Không lẽ các bậc cổ đại sư không có nghĩa giải thích sao, con xét nghĩ nó có chút ít nghĩa Y hi". Người cha nghe rồi suy nghĩ: "Thế gian đều muốn con mình phải giỏi hơn mình, nay Kiếp-tỷ-la tài năng về đạo hơn ta, ta nên giao phó năm trăm đồng tử này cho con ta dạy". Nghĩ rồi liền nói với con: "Nay tài năng về đạo con hơn cha, vậy con nên thay cha dạy cho năm trăm đồng tử này". Kiếp-tỷ-la vâng lời cha dạy cho năm trăm đồng tử này, người cha rỗi rảnh nên du hành khắp nơi theo sở thích, một hôm ông đến chỗ ở của một Bí-sô trong rừng Thi Lộc hỏi: "Thánh giả, nghĩa của văn cú này như thế nào?", Bí-sô nói: "Hiền thủ không nên đặt câu hỏi như vậy, nếu hỏi như vậy nghĩa của nó sẽ không chu tất, nên hỏi như thế này nghĩa của nó mới trọn vẹn". Vị Bà-la-môn này vừa hỏi đã bị Bí-sô sửa sai liền suy nghĩ: "Câu hỏi mà ta vừa nêu ra còn không đúng cách làm sao có thể biện luận với Bí-sô". Nghĩ rồi sanh lòng tín kính Bí-sô ở trú xứ này nên từ đó trở đi vị Bà-la-môn này thường thỉnh Bí-sô về nhà thọ trai. Thời gian sau Bà-la-môn lâm trọng bịnh bảo con rằng: "Trong trời đất này không còn ai sánh kịp với con, sau khi cha mất ở tất cả luận trường con đều không e ngại, chỉ trừ đệ tử Thanh văn của Phật Ca-diếp-ba. Vì sao, vì tông thuyết của họ rộng sâu khó thể nghĩ bàn, lý luận thế gian không thể thu phục được họ, trí của thế tục cũng không hiểu tới được, vả lại tâm họ không cầu danh lợi, cho nên con không được tranh luận với họ". Người con nói: "Cha dạy rất phải,

con sẽ nghe theo". Do bịnh tình trầm trọng nên dù thuốc thang đầy đủ nhưng sức khỏe của Bà-la-môn ngày một yếu dần và cuối cùng mạng chung, như có thuyết nói:

"Tích tụ đều tiêu tán Cao ngất ắt rơi rớt Hiệp hội sẽ biệt ly Có sinh ắt có chết".

Người con cùng quyến thuộc dùng lụa năm màu tẩm liệm theo nghi thức của Bà-la-môn rồi chở vào rừng thây chết làm lễ hỏa táng. Các luận sư khác nghe Kiếp-tỷ-la Thiết Ma qua đời liền nói với nhau: "Các vị biết chăng, vị đại luận sư tài ba nhất đã qua đời, chúng ta nên đến chỗ vua Ngật Lật Chỉ xin lập luận trường tranh luận". Sau khi đến chỗ vua chú nguyện cho vua rồi tâu: "Chúng tôi đã từng gần gũi các vị luận sư bậc thầy học được chút ít văn tự, hôm nay đến đây dám mong ở chỗ vua kiến lập luận trường". Vua nghe rồi liền ra lịnh Đại thần triệu vời vị đại luận sư đến, vị đại thần nói: "Vị đại luận sư đã qua đời rồi". Vua nói: "Thì ra do duyên cớ này nên họ mới dám xin lập luận trường, vị đại luận sư đó có con trai hay anh em hay đệ tử nào kế thừa không?". Đại thần tâu vua: "Vị đại luận sư có con trai tên là Kiếp-tỷ-la kế thừa". Vua nghe rồi ra lịnh triệu vời Kiếp-tỷ-la, Kiếp-tỷ-la phụng mệnh đến chỗ vua chú nguyện cho vua rồi ngồi một bên, vua nói: "Thiện lai, nay có các Luận sư ở các phương xa gần đến đây muốn kiếp lập luận trường, ngươi có thể ở trước ta cùng họ tranh luận không?". Kiếp-tỷ-la đáp: "Tôi xin chấp nhận việc tranh luận khó khăn này". Vua liền ra lịnh kiến lập luận trường và ngự giá đến để xem được mất thắng thua, vua cũng ra lịnh những người ở xa đến tranh luận làm tông chủ, Kiếp-tỷ-la là đối tượng địch luận. Trong luận trường có cật vấn gì Kiếp-tỷ-la đều tùy việc phân tích lập luận tận tường khiến các tông chủ đều im lặng không thể đối đáp được nên rơi vào chỗ thua. Vua chứng kiến biện tài vô ngại của Kiếp-tỷ-la liền sanh tâm hi hữu hết lời khen ngợi: "Luận sư tuổi trẻ mà tài đức đứng đầu quần anh, Trẫm vui mừng sắc chỉ đặc biệt khen thưởng cho luận sư ngồi trên đại tượng làm lễ quán đảnh phong hiệu là Luận vương để mọi người được chiêm ngưỡng". Lúc đó mẹ của Kiếp-tỷ-la ở nhà cứ nơm nớp lo âu con bà tánh tình nóng vội tranh luận bị thua, bị đoạt lại phong ấp mất mặt trở về hay không. Sau khi Kiếp-tỷ-la được làm lễ quán đảnh phong hiệu Luận vương ngồi trên đại tương trở về nhà, bà mẹ vui mừng hỏi: "Con đã phá trừ được các luận sư rồi sao?". Kiếp-tỷ-la nói: "Con đã phá trừ được tất cả, chỉ trừ các đệ tử Thanh văn của Phật Ca-diếp-ba". Bà mẹ nghe rồi liền ngoảnh mặt, Kiếp-tỷ-la hỏi: "Vì sao mẹ lại như thế?". Bà mẹ nói: "Con biết chăng, việc phong ấp đã có mẹ còn chưa thể an tâm vì có thể bị Bí-sô đoạt, cho nên con cần phải phá trừ sa môn mới được". Kiếp-tỷ-la nói: "Lúc

sắp mất cha có di huấn rằng trong trời đất này không còn ai sánh kịp với con, sau khi cha mất ở trong các luận trường con thảy đều không nghi sợ, chỉ trừ đệ tử Thanh văn của Phật Ca-diếp-ba. Vì sao, vì tông thuyết của họ rộng sâu không thể nghĩ bàn, lý luận thế gian không thể thu phục họ, trí huệ thế gian cũng không lường biết được, tâm họ vốn không cầu danh lợi, cho nên không được tranh luận với họ". Bà mẹ nói: "Cha con lúc sanh tiền đã là nô bộc của sa môn, nay con cũng muốn làm tôi tớ của họ nữa hay sao, nhất định con phải phá trừ họ". Bản tánh của Kiếp-tỷ-la vốn nhơn từ hiếu thảo không dám trái lời mẹ, nên đi đến vườn Nai giữa đường gặp một Bí-sô liền hỏi: "Bí-sô từ đâu đến?", Bí-sô đáp: "Tôi từ rừng Thi Lộc chỗ Tiên nhơn đọa xứ". Kiếp-tỷ-la hỏi: "Chỗ Tiên nhơn đọa xứ có bao nhiêu Bí-sô?", Bí-sô đáp: "Khoảng hơn hai vạn", lại hỏi: "Chúng Bí-sô ở đó nhiều như vậy, không biết kinh điển đã có chừng bao nhiêu?", đáp: "Kinh điển có ba tạng", lại hỏi: "Số lượng mỗi tạng chừng bao nhiêu?", đáp: "Mỗi tạng có mười vạn bài tụng", lại hỏi: "Tại gia thế tục có được nghe không?", đáp: "Chỉ được nghe hai tạng là tạng kinh và tạng luận, còn tạng luật là phép tắc của người xuất gia, thế tục không được nghe". Kiếp-tỷ-la suy nghĩ: "Pháp khích luận là không cho người khác biết", nghĩ rồi liền nói với Bí-sô: "Thầy có thể tạm nói ít nhiều yếu nghĩa của nhà Phật cho tôi nghe được không?" Bí-sô suy nghĩ: "Vị Bà-la-môn này là người luận nạn, vì muốn xét lượng ta nên đặt câu hỏi này, ta há không hiểu mà liền nhận lời hay sao, ta nên nói kệ thử xem thế nào", nghĩ rồi liền nói kệ:

"Nơi nào nước sẽ ngừng Nơi nào đạo lưu hành Việc khổ vui thế gian Lúc nào sẽ cùng tận".

Nói kệ xong liền bảo Kiếp-tỷ-la giải thích nghĩa của bài kệ, Kiếp-tỷ-la với tất cả sự thông minh sẵn có và huệ giải cùng tột của mình cũng không thể lường được nghĩa của bài kệ này, liền xoay nhìn bốn phía thấy không có ai khác nghe thấy, tự nghĩ: "Nếu có ai nghe thấy thì sẽ cho rằng ta bị Bí-sô chiết phục", nghĩ rồi liền nói với Bí-sô: "Tôi xem kệ tụng ấy tôn chỉ sâu xa, văn nghĩa mạch lạc, nội dung phong phú. Hiện giờ thầy phải đi đến Ba-la-nê-tư, còn tôi đi đến vườn Nai có chút việc cho nên không thể vội nói nghĩa lý sâu xa của bài kệ này được, sau này có dịp chúng ta gặp lại giải thích cũng không khó". Nói xong Kiếp-tỷ-la cáo từ rồi đi đến vườn Nai, thấy các Bí-sô đang đọc tụng thiền tư siêng cầu đạo xuất ly nên sanh lòng tín kính, tự nghĩ: "Nếu người nào không thấy đời sau mới ôm lòng tham độc, đối với những người trí này sao lại khởi tâm tìm lỗi cùng nhau điên cuồng tranh luận". Nghĩ rồi liền trở về nhà, bà mẹ trông thấy liền hỏi: "Con đã phá trừ được đệ tử của Phật Ca-diếp-ba rồi phải không?", Kiếp-tỷ-la đáp:

"Ý của mẹ chỉ muốn được thắng mà quên phong ấp hiện đang ở". Bà mẹ nói: "Con nói như Thế-là ý gì?", Kiếp-tỷ-la nói: "Trên đường đến rừng Nai con gặp một Bí-sô (thuật lại như đoạn văn trên)". Bà mẹ nghe rồi liền nói: "Nếu như vậy thì con nên theo học Phật pháp", Kiếp-tỷ-la hỏi: "Mẹ muốn con học Phật pháp ư?", Bà mẹ nói: "Vì pháp nghĩa của tạng luận không cho thế tục nghe, nên con phải xuất gia để được học pháp nghĩa ấy". Kiếp-tỷ-la nói: "Pháp của Bà-la-môn đâu cho phép vì nhơn duyên nhỏ mà ở trong tạp loại xuất gia'. Bà mẹ nói: "Khi nào học xong con lại trở về thế tục, tóc xanh trên đầu há không mọc lại hay sao?". Bản tánh của Kiếp-tỷ-la vốn nhơn từ hiếu thảo, nghe bà mẹ thúc ép không dám trái liền xuất gia, Kiếp-tỷ-la đến rừng Nai ở chỗ một Bí-sô cầu xin xuất gia. Bí-sô này suy nghĩ: "Vị Bà-la-môn này vô địch về nghị luận, nếu xuất gia sẽ nối thạnh Phật pháp", nghĩ rồi liền nói với Kiếp-tỷ-la: "Lành thay tùy theo ý ông muốn, sự giàu sang vinh hiển đều là vô thường, ông đã từ bỏ được để xuất gia là rất tốt, ta chấp thuận cho con xuất gia'. Kiếp-tỷ-la nói: 'ở địa phương này ai cũng biết con, thầy có thể đưa con đến phương khác xuất gia được không?", Bí-sô nói: "Tất nhiên là được". Bí-sô này liền đưa Kiếp-tỷ-la đến một phương khác cho xuất gia và cho thọ viên cụ, Kiếp-tỷ-la học thông ba tạng làm vị đại pháp sư biện tài vô ngại, nếu cần xiển dương kinh pháp liền lên tòa sư tử đánh trống pháp, thổi loa pháp thì tất cả vua quan dân chúng thảy đều tụ tập đến nghe, nghe rồi tất cả đều hoan hỉ. Lúc đó Kiếp-tỷ-la suy nghĩ: "Do ta siêng học nên nay được thành tựu, ta nên đến thành Ba-la-nê-tư nơi Phật Ca-diếp-ba đang trú để thân cận phụng thờ thừa sự cúng dường". Sau khi đến thành Ba-la-nê-tư, bà mẹ nghe tin con trở về liền tìm đến rừng Nai để thăm, vừa gặp bà liền hỏi: "Con đã nhiếp phục được sa môn đệ tử của Phật Ca-diếp-ba rồi chăng?", Kiếp-tỷ-la nói: "Tuy con hiểu giáo lý nhưng con chưa chứng quả, còn các đệ tử của Phật vừa hiểu giáo lý lại vừa chứng quả nên con không thể nhiếp phục họ được". Bà mẹ nói: "Con nhất định phải nhiếp phục họ mới được". Bị Mẹ thúc ép Kiếp-tỷ-la đành phải nói với mẹ: "Khi nào mẹ nghe tiếng trống pháp đánh, loa pháp thổi, nơi bảo tọa trang nghiêm đại chúng tập họp thì mẹ đến để chứng kiến". Bà mẹ nói: "Tốt lắm, mẹ sẽ đến đúng lúc". Không bao lâu sau Kiếp-tỷ-la lên pháp tòa, bà mẹ nghe tiếng trống pháp liền đến rừng Nai đứng ở dưới pháp tòa. Ban đầu Kiếp-tỷ-la diễn nói chánh pháp, sau đó xen tạp tà ngôn, các Bí-sô nghe rồi liền ngăn lại nói rằng: "Cụ thọ chớ hủy báng Phật pháp, chớ dựng cờ ma mà hạ pháp tràng của phật, sau khi xả thân này sẽ đọa ba đường ác". Kiếp-tỷ-la nghe các Bí-sô nói như vậy liền xuống tòa nói với mẹ: "Việc vừa xảy ra mẹ có thấy chăng?", bà mẹ nói: "Mẹ có thấy". Kiếp-tỷ-la nói: "Con đã

nói con chỉ hiểu giáo lý, còn các vị ấy vừa hiểu giáo lý lại còn chứng quả, con không thể nhiếp phục họ được". Bà mẹ nói: "Mẹ sẽ dạy cho con phương tiện khích luận, khi con lên tòa thuyết pháp, ban đầu diễn nói chánh pháp sau xen nói tà tông, nếu các Bí-sô kia ngăn lại quở trách và đem việc thiện ác tội phước ra nói thì con đừng nghe. Con phải dùng lời đao kiếm bất nghĩa nói trả lại, các sa môn vốn sợ lời đao kiếm sẽ nín thinh. Bên nào nín thinh thế gian sẽ cho là thua cuộc". Kiếp-tỷ-la nói: "Đây là phương tiện tốt, khi thấy con thăng tòa mẹ hãy đến nữa nhé". Bà mẹ nói: "Mẹ sẽ đến đúng lúc". Thời gian sau khi nghe trống pháp đánh, đại chúng nhóm họp bà mẹ liền đến ngồi dưới pháp tòa. Kiếp-tỷ-la thăng tòa trước diễn nói chánh pháp, sau nói tà pháp, các Bí-sô nghe rồi liền ngăn và quở trách như trên cho đến câu sau khi xả thân này sẽ đọa trong ba đường ác. Kiếp-tỷ-la nhớ lời mẹ dặn liền dùng lời đao kiếm nói với các Bí-sô: "Miệng của thầy như miệng voi, làm sao biết được là pháp hay phi pháp, là luật hay phi luật; miệng thầy như miệng ngựa…; miệng thầy như miệng lạc đà…; miệng thầy như miệng lừa, miệng bò, miệng khỉ cái, miệng sư tử, miệng cọp, miệng beo, miệng gấu, miệng mèo, miệng nai, miệng trâu, miệng heo, miệng chó, miệng cá; miệng người ngu làm sao biết được là pháp hay phi pháp, là luật hay phi luật". Các Bí-sô nghe rồi liền nói với nhau: "Cụ thọ này đã dùng lời đao kiếm, chúng ta nên đi". Nói rồi bỏ đi, số người ở lại không đi suy nghĩ: "Nếu nói chánh pháp thì ta nghe, nếu nói tà tông thì kia trở lại thọ khổ". Lúc đó Kiếp-tỷ-la dùng lời đao kiếm gồm mười tám lời ác khẩu nhục mạ các vị Học và Vô học Thánh Tăng rồi xuống tòa hỏi mẹ: "Hôm nay mẹ có vui chăng?", Bà mẹ nói: "Mẹ rất vui, mẹ con ta cùng về". Kiếp-tỷ-la nói: "Con không thể về cùng với mẹ được, lòng con đối với giáo pháp chánh giác vô thượng của Phật Ca-diếp-ba vẫn còn kính mộ". Bà mẹ nói: "Con há không nghe kinh sách của Bà-la-môn nói cha mẹ dạy bảo con không được trái lời sao, con phải về với mẹ". Kiếp-tỷ-la nói: "Con không thể, mẹ biết không, nếu con lưu chuyển trong đường sanh tử thì con nguyện đừng gặp lại bà mẹ như mẹ nữa, chính do ác tri thức của mẹ đã khiến con nói lời thô ác với các bậc Thánh Học và Vô học, do duyên nghiệp ác này chắc chắn con sẽ chiêu lấy quả Dị thục". Bà mẹ nghe con nói với mình những lời như vậy bèn đứng ở ngã ba đường chỗ đông người lớn tiếng nói rằng: "Mọi người biết chăng, đệ tử của Phật Ca-diếp-ba cưỡng đoạt con trai tôi, mọi người hãy giúp tôi…". Mọi người nghe rồi người nào có tín tâm với Phật pháp thì nói lời an ủi, người nào không có tín tâm thì nói lời phỉ báng. Lúc đó bà mẹ cảm thấy bị sĩ nhục, trong lòng uất hận thổ huyết mà chết, sau khi chết thọ sanh vào Nại-lạc-ca. Bí-sô Kiếp-tỷ-la nói mười tám lời ác khẩu

nhục mạ các bậc Thánh Học và Vô học nên sau khi chết thọ sanh trong loài cá Ma Kiệt này có hình dạng kỳ dị như vầy. "Lúc đó đại chúng nghe Phật kể việc quá khứ của cá Ma Kiệt xong liền nói với nhau: "Kiếp trước Bí-sô Kiếp-tỷ-la là vị đại pháp sư biện tài vô ngại, thuyết pháp hay khiến cho trăm ngàn thính chúng đều hoan hỉ, chỉ vì ác khẩu mà phải đọa vào đường ác; chúng ta không biết sau khi mạng chung sẽ sanh vào đường nào". Mọi người nghe rồi đều sanh lòng lo lắng, Phật quán thấy tâm ý của đại chúng, tùy căn tánh sai khác mà diễn nói diệu pháp, đại chúng nghe pháp rồi có người được Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Tôn đệ nhất vị; có người chứng quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn; có người xuất gia đoạn hết hữu lậu chứng quả A-la-hán; có người đối với Thanh văn bồ đề hoặc Duyên giác bồ đề hoặc Vô thượng bồ đề phát nguyện hi hữu; có người đối với Tam bảo khởi lòng tin sâu. Thế Tôn sau khi làm cho số đông chúng sanh được đại Lợi-ích liền bỏ đi. Lúc đó cá Ma Kiệt khởi niệm: "Nay ta được nghe Thế Tôn nói về Tam pháp cú thì không nên ăn nữa". Nghĩ rồi liền đoạn thực mà chết, do lòng kính trọng sâu đối với Thế Tôn nên sau khi chết được sanh lên cõi trời Tứ đại vương. Bất cứ ai sanh lên cõi trời này dù nam hay nữ đều khởi ba ý niệm: Một là ta từ cõi nào chết đi, hai là nay được sanh vào cõi nào, ba là do tạo nghiệp gì. Thiên tử sau khi khởi ba ý niệm này liền nhớ lại tiền thân của mình là từ loài bàng sanh chết đi, nay được sanh lên cõi trời Tứ đại vương là do đối với Phật khởi lòng tín kính sâu. Thiên tử suy nghĩ: "Ta không nên để qua đêm mới đến yết kiến Thế Tôn", nghĩ rồi Thiên tử liên trang nghiêm thân bằng các chuỗi anh lạc ánh sáng thù diệu rồi dùng chéo áo đựng các thiên hoa như hoa Ốt-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi-ca, hoa Mạn-đà-la. Đầu đêm vừa trôi qua Thiên tử đến chỗ Phật ở rải thiên hoa cúng dường Phật xong, đảnh lễ phật rồi ngồi một bên. Ánh sáng của Thiên tử này chiếu soi khắp giảng đường Cao Các, Thế Tôn tùy căn tánh ưa thích của Thiên tử nói diệu pháp khiến tỏ ngộ Chơn đế lý, ngay tại tòa ngồi Thiên tử liền chứng quả Dự lưu. Được kiến đế chứng sơ quả rồi Thiên tử bạch Phật: "Nhờ Phật Thế Tôn con mới chứng quả giải thoát, điều này không phải do cha mẹ, nhơn vương, Thiên chúng, sa môn, Bà-la-môn, hay thân hữu quyến thuộc mà có được. Thế Tôn là bậc thiện tri thức đã đưa con thoát ra khỏi cảnh khổ địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ được sanh lên cõi trời thắng diệu, sẽ dứt sanh tử, chứng Niết-bàn, làm khô cạn biển máu, vượt qua núi xương; dùng chày trí Kim cang phá kiến Tát ca da tích tập từ vô thỉ chứng được quả Dự lưu. Nay con xin quy y Phật pháp tăng ba ngôi báu, cúi xin Thế Tôn chứng tri cho con là Ô-ba-sách-ca từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ không sát sanh cho đến

không uống rượu". Thiên tử bạch rồi liền nói kệ:

"Con nhờ thần lực Phật Đóng lại ba đường ác Sanh lên trời thắng diệu Thẳng tới đường Niết-bàn Nay con nương Thế Tôn Được pháp nhãn thanh tịnh Thấy được chơn đế lý

Bờ mé khổ không còn Phật siêu việt trời người Lìa sanh già bịnh chết. Trong biển khổ khó gặp, Nay gặp được chứng quả.

Con dùng thân trang nghiêm, Tâm tịnh đảnh lễ Phật,

Hữu nhiễu trừ oán kết, Xin trở về Thiên cung".

Thiên tử sau khi xứng hợp sở nguyện như thương chủ thu được tài lợi, như nông phu thu hoạch được mùa lúa tốt, như kẻ dũng mãnh hàng phục được oán địch, như người bịnh được khỏi bịnh, liền tạ từ Phật trở về Thiên cung. Sau đêm các Bí-sô tỉnh giác chuyên tâm tư duy, thấy chỗ ở của Phật có ánh sáng thù diệu liền sanh nghi niệm, sáng ngày liền đến chỗ Phật bạch Phật để giải nghi niệm: "Thế Tôn, trong đêm qua phải chăng có chư thiên Phạm thế, Thiên Đế Thích hoặc Tứ thiên vương hoặc Thiên chúng có oai đức đến kính lễ Thế Tôn?". Thế Tôn nói: "Này các Bí-sô, không phải Phạm thiên và các Thiên chúng khác mà là thiên tử Ma Kiệt, các Bí-sô há không thấy cá Ma Kiệt có mười tám cái đầu mà ta đã nói Tam pháp cú cho nó nghe ư?", các Bí-sô đáp: "Chúng con đều thấy", Thế Tôn nói: "Chính cá Ma Kiệt này trong đêm qua đã đến chỗ ta ở, ta đã thuyết pháp và thiên tử Ma Kiệt này đã được Kiến đế". Các Bí-sô bạch Phật: "Tiền thân của thiên tử Ma Kiệt này đã từng làm nghiệp gì mà được sanh lên cõi Tứ thiên vương, lại do nghiệp gì mà đích thân đến chỗ phật để dược nghe pháp và được Kiến đế?", Thế Tôn nói: "Này các Bí-sô, tiền thân của thiên tử Ma Kiệt tự đã tạo nghiệp rồi, theo thời gian nghiệp ấy tăng trưởng thuần thục, duyên biến hiện tiền như bộc lưu (thác nước) không thể chảy ngược lại, quyết định phải chiêu lấy quả báo không ai có thể thọ thay. Này các Bí-sô, tiền thân của thiên tử Ma Kiệt tất cả nghiệp ác đã tạo ra không phải đất nước gió lửa ở ngoài giới khiến cảm thọ quả báo, mà là Uẩn, Xứ, Giới ở trong tự thân cảm thọ quả Dị thục". Thế Tôn liền nói kệ:

"Dầu cho trăm ngàn kiếp, Nghiệp đã tạo không mất, Khi nhân duyên hội đủ, Tự thọ lấy quả báo".

"Này các Bí-sô, có sanh thọ nghiệp và hậu thọ nghiệp. Sao gọi là sanh thọ nghiệp? Tiền thân của thiên tử Ma Kiệt do đối với ta sanh lòng tín kính, dị thục của nghiệp tín kính này được sanh lên cõi trời Tứ Đại vương chúng, đó gọi là sanh thọ nghiệp. Sao gọi là hậu thọ nghiệp: Tức là Kiếp-tỷ-la xuất gia ở trong giáo pháp của Phật Ca-diếp-ba chánh đẳng chánh giác, đọc tụng

thọ trì, vì người thuyết pháp; đối với Uẩn Xứ giới, mười hai duyên sanh và xứ phi xứ tất cả đều thuyết giảng một cách thiện xảo, do tích tập căn lành này mà sau được sanh lên cõi trời, nay lại gặp ta nghe pháp được Kiến đế, đó gọi là hậu thọ nghiệp. Các Bí-sô nên biết, nếu nghiệp thuần đen thì được quả Dị thục thuần đen, nếu nghiệp thuần trắng thì được quả Dị thục thuần trắng, nếu nghiệp đen trắng xen lẫn thì được quả Dị thục đen trắng xen lẫn. Cho nên các Bí-sô nên xa lìa nghiệp thuần đen và nghiệp đen trắng xen lẫn, nên siêng năng tu học nghiệp thuần trắng". Các Bí-sô nghe Phật nói rồi hoan hỉ tín thọ phụng trì.

Lúc đó ở bên sông Thắng Huệ, năm trăm ngư phủ nói với nhau: "Chúng ta đích thân nghe thấy tiền thân cá Ma Kiệt là Bí-sô Kiếp-tỷ-la vốn là một đại pháp sư hiểu rõ ba tạng, biện tài vô ngại, giáo hóa cả trăm ngàn người khiến người nghe đều hoan hỉ, chỉ vì ác khẩu mà phải đọa trong loài bàng sanh. Chúng ta thường làm nghiệp ác, không có từ bi, đã giết nhiều chúng sanh để tự nuôi sống, sau khi chết không biết chúng ta sẽ sanh trong loài nào. Chúng ta hiện nay nếu không sanh trong nhà hạ tiện thì có thể xin xuất gia trong pháp luật khéo giảng nói của Như lai, phát tâm mạnh mẽ siêng năng không mỏi mệt để thoát khỏi bốn ách, vượt qua bốn Bộc lưu". Nói rồi mọi người đều ngồi chống cằm, dáng vẻ buồn bả. Pháp thường của chư Phật khi chưa vào Niết-bàn còn trụ ở đời, vì thương xót muốn hóa độ chúng hữu tình nên ngày đêm sáu thời thường dùng Phật nhãn xem xét thế gian…, các đại Thanh văn cũng giống như Phật. Lúc đó cụ thọ Xá-lợi-tử dùng huệ nhãn của Thanh văn xem xét thế gian, thấy năm trăm ngư phủ sanh tâm nhàm lìa, ngồi ưu tư bên bờ sông Thắng Huệ, liền đến chỗ họ hỏi rằng: "Này các hiền thủ, vì sao các vị ngồi chống cằm buồn bả?", các ngư phủ đáp: "Thánh giả, chúng tôi làm sao không ưu tư cho được, vì hôm nay chúng tôi đích thân nghe thấy tiền thân cá Ma Kiệt là Bí-sô Kiếp-tỷ-la, vốn là một đại pháp sư hiểu rõ ba tạng diễn thuyết vô ngại, giáo hóa hàng trăm ngàn người khiến người nghe đều hoan hỉ, chỉ vì ác khẩu mà phải đọa trong loài bàng sanh. Chúng tôi thường làm nghiệp ác, không có từ bi đã giết nhiều chúng sanh để tự nuôi sống, sau khi chết không biết sẽ sanh trong loài nào. Chúng tôi nếu không sanh trong nhà hạ tiện thì có thể xin xuất gia trong pháp luật khéo giảng nói của Như Lai, phát tâm dõng mảnh siêng năng không mỏi mệt để thoát khỏi bốn ách, vượt qua bốn Bộc lưu. Chúng tôi nay không có phước phận này, làm sao không sầu khổ". Cụ thọ Xá-lợi-tử nói: "Này các Hiền thủ, trong Thánh giáo của Mâu Ni pháp vương không có cho danh môn vọng tộc là thù thắng, chỉ lấy chánh hạnh làm đầu". Cụ thọ liền nói kệ:

"Trong giáo pháp Như Lai,
Không hỏi dòng họ nào,
Chỉ xem đời quá khứ
Đã làm thiện hay ác".

"Nếu các vị tha thiết mong cầu xuất gia trong giáo pháp của Phật để được thọ Cận viên làm Bí-sô thì các vị cứ đến chỗ Thế Tôn cầu xin, Thế Tôn sẽ làm cho các vị được mãn nguyện.". Năm trăm ngư phủ nghe rồi vui mừng nói: "Thánh giả, nếu được như vậy thì chúng tôi sẽ cầu xin Phật cho xuất gia". Cụ thọ Xá-lợi-tử dẫn năm trăm ngư phủ đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế Tôn, năm trăm thiện nam này với lòng tin tha thiết mong cầu được xuất gia trong pháp luật khéo giảng nói để được thọ Cận viên làm Bí-sô, cúi xin Thế Tôn rũ lòng thương tế độ họ". Thế Tôn bảo năm trăm ngư phủ: "Thiện lai Bí-sô, có thể tu phạm hạnh". Ngay sau đó râu tóc của năm trăm ngư phủ liền tự rụng, pháp y mặc trên thân, tay mang bát oai nghi đầy đủ như Bí-sô một trăm tuổi. Kệ tụng rằng:

"Thế Tôn xướng thiện lai,
Tóc rụng, y bát đủ.
Các căn đều tịch tịnh,
Thành tựu theo ý nguyện".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 10

Học Xứ Thứ Tư: ***VỌNG NÓI ĐẮC PHÁP THƯỢNG NHƠN***
(Tiếp Theo)

2. Trường Hợp Năm Trăm Ngư Phủ:

Sau khi đức Bạc-già-phạm cho năm trăm ngư phủ xuất gia thọ viên cụ rồi liền từ Bệ-xá-ly đến tụ lạc phía bắc rừng Trúc, Phật và các Bí-sô nương ở trong khu rừng Thăng Nhiếp Ba. Lúc này ở thế gian bị mất mùa đói kém nên khất thực khó được, cha mẹ đối với con cái còn không thể giúp nhau huống chi là người khác đến xin, cho nên Thế Tôn bảo các Bí-sô: "Hiện nay gặp lúc mất mùa đói kém, khất thực khó được; cha mẹ đối với con cái còn không thể giúp nhau cho nên các thầy mỗi người nên tìm đến chỗ thân hữu ở các tụ lạc gần Bệ-xá-ly để an cư, Như Lai và A-nan an cư trong rừng này". Các Bí-sô nghe rồi vâng theo lời Phật dạy, mỗi người tìm đến chỗ thân hữu của mình ở các tụ lạc gần Bệ-xá-ly để an cư. Lúc đó năm trăm Bí-sô thiện lai nói với nhau: "Như Thế Tôn dạy hiện nay gặp lúc mất mùa đói kém khất thực khó được, cha mẹ đối với con cái còn không thể giúp nhau huống chi là người khác đến xin. Các Bí-sô mỗi người đều tìm đến chỗ thân hữu ở tụ lạc gần Bệ-xá-ly để an cư, Phật và A-nan an cư trong khu rừng đó. Ở đây chúng ta không có ai quen thuộc để tìm đến an cư, nhưng ở thôn ngư phủ thì chúng ta có quyến thuộc, chúng ta nên đến đó thăm hỏi rồi ở ngoài thôn tạm cất thảo am để an cư". Bàn xong năm trăm Bí-sô này liền đến thôn ngư phủ hỏi ý kiến các quyến thuộc rồi cất tạm thảo am ở ngoài thôn để an cư.

Lúc đó năm trăm Bí-sô này nói với nhau: "Chúng ta chưa học hiểu nhiều giáo lý, nếu các quyến thuộc đến thỉnh hỏi làm sao chúng ta thuyết pháp cho họ nghe. Nếu khi họ đến chúng ta phải khen ngợi lẫn nhau như vầy: Bà con được thiện lợi lớn, vì trong tụ lạc này có số tăng chúng thắng diệu đến an cư. Các Bí-sô đã chứng tưởng vô thường, tưởng khổ vô thường, tưởng khổ không, tưởng không vô ngã, tưởng nhàm lìa ẩm thực, tưởng

không ưa thích tất cả thế gian, tưởng hoạn nạn, tưởng đoạn trừ, tưởng lìa dục, tưởng chấm dứt, tưởng chết chóc, tưởng bất tịnh, tưởng bầm xanh, tưởng phình trướng, tưởng máu mủ chảy ra, tưởng trùng vòi ăn, tưởng máu huyết đầy khắp, tưởng tan rã, tưởng xương trắng, tưởng quán không. Các Bí-sô này đắc tĩnh lự thứ nhất, tĩnh lự thứ hai, tĩnh lự thứ ba, tĩnh lự thứ tư; đắc bốn tâm từ bi hỉ xả, đắc Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Các Bí-sô này chứng bốn quả, được sáu thần thông, tám giải thoát…". Thời gian sau, các thân quyến đến thăm hỏi, các Bí-sô này liền khen ngợi lẫn nhau như đã cùng bàn tính trước cho đến câu: "Các Bí-sô này chứng bốn quả, được sáu thần thông, tám giải thoát". Các quyến thuộc nghe rồi hỏi rằng: "Các Thánh giả thật sự chứng được thắng quả như vậy chăng?", các Bí-sô này đáp: "Thật như vậy". Những người thế tục trong thôn ngư phủ nghe các Bí-sô này chứng được Thắng quả như thế đều sanh lòng kính mến; đối với cha mẹ, vợ con quyến thuộc của họ còn không thể giúp nhau nhưng đối với các Bí-sô này họ cung phụng thức ăn thức uống đầy đủ.

Pháp thường của chư Phật khi chưa vào Niết-bàn còn an trụ ở thế gian, đối với đệ tử hằng năm có hai lần nhóm họp, một là vào ngày mười lăm tháng bốn làm lễ an cư, hai là ngày mười lăm tháng bảy làm lễ tùy ý. Nếu người Tiền an cư thì sau khi thọ giáo hóa rồi liền đi đến thành ấp thôn xóm nào đó để an cư; sau khi làm lễ tùy ý rồi liền trở về tụ hội chỗ Phật để trình bày sự chứng đắc của mình cho tất cả đều biết, nếu Bí-sô nào chưa chứng đắc thì cầu thỉnh phương pháp để tu chứng. Lúc đó các Bí-sô an cư gần Bệ-xá-ly sau ba tháng an cư, may y xong với nhan sắc tiều tụy, hình dung gầy yếu chấp trì y bát đi đến Trúc Lâm. Vừa đến nơi cụ thọ A-nan-đà từ xa đã trông thấy, đối với các Đồng phạm hạnh cụ thọ khởi tâm thân ái vui mừng gọi Thiện lai, rồi tới trước đón tiếp cầm lấy y bát… và thăm hỏi: "Các cụ thọ an cư ở nơi nào đến?", các Bí-sô đáp: "Chúng tôi an cư ba tháng ở tụ lạc Phật Lật Thị, nay đến yết kiến Thế Tôn", A-nan-đà hỏi: "Các cụ thọ an cư ba tháng cầu ẩm thực có vất vả không?", các Bí-sô đáp: "Ba tháng an cư tuy an lạc nhưng khất thực rất khó khăn vất vả", A-nan-đà nói: "Các cụ thọ hình dung gầy yếu đủ biết cầu ẩm thực rất khó khăn".

Lúc đó năm trăm Bí-sô ở thôn ngư phủ an cư xong cũng chấp trì y bát đến Trúc Lâm yết kiến Thế Tôn , cụ thọ A-nan-đà cũng đón tiếp thăm hỏi như đối với các Bí-sô trên, năm trăm Bí-sô này đáp: "Chúng tôi an cư nơi đó được an lạc, việc ẩm thực dễ cầu", A-nan-đà nói: "Các cụ thọ nhan sắc hồng hào, hình dung mập béo đủ biết ẩm thực dễ cầu; nhưng hiện nay gặp lúc mất mùa đói kém, cha mẹ đối với con cái còn không thể giúp nhau,

tại sao các cụ thọ lại dễ được ẩm thực?". Năm trăm Bí-sô này nói: "Chúng tôi đối trước các quyến thuộc tự khen ngợi lẫn nhau là Bí-sô này đắc tưởng vô thường… (như trên) cho đến câu đắc tám giải thoát nên được các quyến thuộc cúng dường thức ăn thức uống đầy đủ". A-nan-đà hỏi: "Những gì các cụ thọ tự khen ngợi lẫn nhau là thật hay hư?", năm trăm Bí-sô đáp: "Là hư không phải thật". A-nan-đà nói: "Các cụ thọ há vì chút ăn uống, tự thân không có pháp thượng nhơn mà lại tự xưng là chứng được hay sao?", năm trăm Bí-sô nói: "Dù hợp hay không thì chúng tôi cũng đã nói rồi". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền quở trách năm trăm Bí-sô này: "Tại sao các người vì tham ăn uống, tự thân không có pháp Thượng nhân mà lại tự xưng là chứng được?". Các Bí-sô liền đem sự duyên này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô và hỏi năm trăm Bí-sô an cư ở thôn ngư phủ: "Các thầy thật không có pháp Thượng nhân mà tự xưng là chứng được phải không?". Năm trăm Bí-sô này đáp: "Thật vậy thưa Thế Tôn".

Phật liền dùng đủ lời quở trách các Bí-sô này rằng: "Việc các thầy đã làm không phải của sa môn, không phải hạnh tùy thuận, là việc không nên làm, không phải oai nghi, là việc mà người xuất gia không nên làm. các thầy nên biết trong thế gian có ba loại Đại tặc:

Một là loại đại tặc hoặc có trăm chúng, ngàn chúng, trăm ngàn chúng kéo đến thành ấp xóm làng đục tường, mở khóa lấy trộm tài vật của người; hoặc chận đường giết người cướp của; hoặc phóng hỏa đốt xóm làng; hoặc cướp phá quốc khố.

Hai là loại đại tặc không có trăm chúng, ngàn chúng, trăm ngàn chúng, không đến thành ấp đục tường mở khóa trộm lấy tài vật của người; cũng không chận đường giết người cướp của… như trên; nhưng lại lấy vật của Tăng kỳ như củi, rau, hoa trái… đem bán để tự nuôi sống hay đem cho người khác.

Ba là loại Đại tặc không có trăm chúng, ngàn chúng, trăm ngàn chúng, không đến thành ấp đục tường mở khóa trộm lấy tài vật của người… như trên; cũng không lấy vật của Tăng kỳ… như trên; nhưng tự thân thật chưa chứng đắc pháp Thượng nhân mà lại vọng nói là đã chứng đắc. Này các Bí-sô, đại tặc thứ nhất, đại tặc thứ hai không gọi là Đại tặc mà chỉ gọi là Tiểu tặc; còn các Bí-sô thật chưa chứng đắc pháp thượng nhân mà tự xưng là đã chứng đắc, thì ở trong loài người, trời, Ma phạm, Sa môn, Bà-la-môn mới chính là Đại tặc".

Như Lai liền nói kệ:
"Thật không phải La Hán,

Tự nói là La Hán,
Ở trong loài người, trời,
Mới chính là Đại tặc".

Thế Tôn đủ lời quở trách rồi liền bảo các Bí-sô: "Ta quan thấy mười điều lợi nên ở nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các đệ tử như sau: Nếu lại có Bí-sô thật sự không biết, không biết gì hết, tự biết mình không chứng đắc pháp Thượng nhân, là pháp mà bậc Thánh giả tịch tịnh chứng ngộ thù thắng, trụ trong Trí kiến an lạc mà nói là ta biết ta thấy. Kẻ này vào thời gian khác hoặc có người hỏi hay không có người hỏi, vì muốn được thanh tịnh nên nói rằng: Này các cụ thọ, thật sự tôi không biết, không thấy mà vọng nói là có biết có thấy thì kẻ này phạm Ba-la-thị-ca, không nên cùng ở chung".

3. Trường Hợp Bí-sô ở A-Lan-Nhã:

Sau khi Thế Tôn chế học xứ này cho các Bí-sô rồi, lúc đó có một số đông Bí-sô trụ ở A-lan-nhã thọ ngọa cụ thô xấu, do sách tấn chuyên tu tương ưng nên được chút ít tự tướng, tịch chỉ phương tiện thế gian, liền nghĩ là đã chiết phục được phiền não và dục nhiễm sân hận không còn hiện hành nên nói với nhau: "Các cụ thọ biết chăng, ở trong A-lan-nhã những gì nên chứng đắc tôi đều đã chứng được, đời này sanh đã tận, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Nay tôi có thể rời khỏi A-lan-nhã đến ở nơi tụ lạc". Nói xong họ liền cùng nhau rời khỏi A-lan-nhã đến ở nơi tụ lạc, nhưng khi ở đây họ thường gặp nữ nhơn, hoặc cầu tịch, tịnh nhơn; do cùng ở chung xen tạp nên phiền não sanh khởi trở lại, dục nhiễm và sân hận lại hiện hành, các Bí-sô này nói với nhau: "Thế Tôn đã ở nơi Tỳ-nại-da chế học xứ cho các đệ tử: Nếu lại có Bí-sô thật sự không biết… như trên cho đến câu không nên cùng ở chung. Chúng ta sống ở A-lan-nhã thọ ngọa cụ thô xấu, do sách tấn chuyên tu tương ưng… như trên cho đến câu dục nhiễm và sân hận lại hiện hành. Như vậy há chẳng phải chúng ta đã phạm tội Tha thắng rồi hay sao. Chúng ta nên đến chỗ cụ thọ A-nan-đà nói rõ sự việc, cụ thọ nói thế nào thì chúng ta sẽ làm theo như thế ấy". Nói rồi họ liền cùng nhau đi đến chỗ cụ thọ A-nan-đà nói rõ sự việc như trên và hỏi: "Không biết chúng tôi có phạm tội Tha thắng không?".

Cụ thọ A-nan-đà nghe rồi liền dẫn các Bí-sô này đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi đem sự việc kể trên bạch Phật và hỏi: "Thế Tôn, các Bí-sô này có phạm tội cực trọng hay không?". Thế Tôn nói: "Này A-nan-đà, trừ bậc tăng thượng mạn không phạm bổn tội". Lúc đó Thế Tôn liền dùng đủ phương tiện vì người ưa thích trì giới, người tôn trọng giới tùy thuận

khuyến dụ mà thuyết pháp rồi bảo các Bí-sô: Này các Bí-sô, trước kia là sáng chế (chế lần đầu tiên) còn bây giờ là tùy khai. Nay ta vì các đệ tử Thanh văn nói lại học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô thật không biết, không biết gì hết, tự biết mình không chứng đắc pháp Thượng nhân, là pháp mà bậc Thánh giả tịch tịnh chứng ngộ thù thắng, trụ trong Trí kiến an lạc mà nói là tôi biết tôi thấy. Vị này vào một thời gian khác có người hỏi hay không có người hỏi, vì muốn được thanh tịnh nên nói rằng: Các cụ thọ, tôi thật không biết không thấy mà vọng nói là có biết có thấy, trừ bậc tăng thượng mạn, Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca không nên cùng ở chung".

- Bí-sô: Nghĩa như đã giải thích ở trước.

- Không biết là không biết sắc thọ tưởng hành thức.

- Không biết gì hết là không biết gì về sắc thọ tưởng hành thức.

- Pháp thượng nhân: Thượng là chỉ cho Sắc giới ở trên Dục giới và Vô sắc giới ở trên Sắc giới; Nhân là chỉ cho phàm nhân; pháp là chỉ cho Ngũ Cái, có thể trừ được Ngũ cái này thì gọi là Thượng.

- Tịch tĩnh là Niết-bàn, Thánh là chỉ cho Phật và Thanh văn; Chứng ngộ thù thắng là chỉ cho bốn quả sa môn tức là quả Dự-lưu, Nhất-lai, Bất-hoàn và A-la-hán.

- Trí là bốn trí Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí và các Trí khác; Thấy là thấy bốn Thánh đế; An lạc trụ là được bốn tĩnh lự; Nói Tôi biết là biết pháp Tứ đế; Nói Tôi thấy là thấy Trời, Rồng, Dạ xoa, Yết-lan-đạc-ca lộ đồ, Kiền-đạt-bà, Khẩn-na-la, Cưu-bàn-trà, Yết-lan-đạc-ca tra bố đơn na, quỷ Tất-xá-già. Nói Tôi nghe là nghe tiếng Trời, rồng… tiếng quỷ Tất-xá-già; Tôi đến cõi trời… chỗ quỷ Tất-xá-già; Hoặc Trời, rồng… đến chỗ tôi; Tôi thân gần nói chuyện với Trời, rồng…; Trời, rồng cũng thân gần nói chuyện với tôi.

- Thật chưa chứng mà vọng nói là đã chứng tức là nói đắc tưởng Vô thường… đắc tám giải thoát.

- Kia vào thời gian khác là sau khi nói vào một thời gian nào đó; Có người hỏi là bị người khác hỏi; Không có người hỏi là do mình sanh tâm hối hận mà ưu sầu; Muốn mình được thanh tịnh là mong cầu khỏi tội.

- Nói rằng: Cụ thọ, tôi thật không biết là thuộc về ý thức; Tôi thật không thấy là thuộc về nhãn thức.

- Hư dối vọng ngữ là nói khác với ý nghĩ; Trừ bậc Tăng thượng mạn là trừ người tăng thượng mạn, họ chưa thật chứng mà tưởng là đã thật chứng, do không có tâm hư vọng nên không phạm tội căn bản.

- Chữ "Thử" là chỉ cho người phạm; Bí-sô là người có tánh Bí-sô (như đã giải ở trong các giới trên) cho đến câu không thuộc trong mười hai hạng người Tăng sai nên gọi là không cùng ở chung.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Thấy tướng A-lan-nhã,
Trong nhà thọ diệu tòa,
Hay biết nơi tự tướng,
Phương tiện hiển mình chứng.

- Nếu Bí-sô ưa muốn như vậy, chấp nhận như vậy nói rằng: "Tôi thấy chư thiên cho đến thấy Yết-tra-bố-đơn-na" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói thấy quỷ Phấn tảo thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô ưa muốn như vậy, chấp nhận như vậy nói rằng: "Tôi nghe tiếng Trời… tiếng Yết-tra-bố-đơn-na" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói nghe tiếng quỷ Phấn tảo thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Tối đến chỗ chư thiên cho đến chỗ Yết-tra-bố-đơn-na" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói tôi đến chỗ quỷ Phấn tảo thì phạm Tốt-thổ-la-đề."

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Chư thiên đến chỗ tôi cho đến Yết-tra-bố-đơn-na đến chỗ tôi" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói quỷ Phấn tảo đến chỗ tôi thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Tôi thân gần nói chuyện với chư thiên cho đến Yết-tra-bố-đơn-na" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói thân gần nói chuyện với quỷ Phấn tảo thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Chư thiên thân gần nói chuyện với tôi cho đến Yết-tra-bố-đơn-na" thì phạm Ba-la-thị-ca; nói quỷ Phấn tảo thân gần nói chuyện với tôi thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Tôi đắc tưởng Vô thường" mà thật sự là không đắc thì phạm Ba-la-thị-ca, cho đến nói được Câu giải thoát đều phạm Ba-la-thị-ca.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có nhiều Bí-sô ở thôn xóm hoặc A-lan-nhã phần nhiều bị phi nhơn đến nhiễu loạn. Trong số đó người nào đắc quả dự lưu hoặc Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thì không bị phi nhơn nhiễu loạn; tôi ở nơi đó cũng không bị phi nhơn nhiễu loạn" thì phạm Ba-la-thị-ca.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Ở trong nhà của , thọ thỉnh thực trên

tòa ngồi trải bằng lụa tạp năm màu thắng diệu, nếu người nào đắc bốn quả mới được ngồi trên tòa đó thọ thực; tôi cũng được ngồi trên tòa thắng diệu đó thọ thực" thì phạm Ba-la-thị-ca.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có nhiều chúng Bí-sô ở A-lan-nhã hoặc trong tụ lạc được chút ít định tự tướng, tâm được chánh định, điều phục được phiền não; dục tham, sân hận không hiện hành. Tôi cũng ở nơi A-lan-nhã đó được một ít tự tướng… sân hận không hiện hành" thì phạm Ba-la-thị-ca.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có Bí-sô đích thân thấy chư thiên" mà không nói là tôi thấy thì phạm Tốt-thổ-la-để; cho đến thấy Yết-tra-bố-đơn-na mà không nói là tôi thấy cũng phạm Tốt-thổ-la-để; nói thấy quỷ Phấn tảo mà không nói là tôi thấy thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có Bí-sô nghe tiếng của chư thiên" mà không nói là tôi nghe thì phạm Tốt-thổ-la-để; cho đến nghe tiếng của Yết-tra-bố-đơn-na mà không nói là tôi nghe cũng phạm Tốt-thổ-la-để; nghe tiếng của quỷ Phấn tảo mà không nói là tôi nghe thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có Bí-sô đến chỗ của chư thiên" Cho đến chỗ của Yết-tra-bố-đơn-na mà không nói là Tôi đến thì phạm Tốt-thổ-la-để; chỗ của quỷ Phấn tảo mà không nói là Tôi đến thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có chư thiên cho đến Yết-tra-bố-đơn-na đến chỗ của Bí-sô" mà không nói là đến chỗ Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu nói là quỷ Phấn tảo thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có Bí-sô thân gần nói chuyện với chư thiên cho đến Yết-tra-bố-đơn-na" mà không nói là Tôi thì pha-m Tốt-thổ-la-để; nếu nói là quỷ Phấn tảo thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có chư thiên cho đến Yết-tra-bố-đơn-na thân gần nói chuyện với Bí-sô" mà không nói là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu nói có quỷ Phấn tảo thì phạm Ác-tác.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có Bí-sô đắc tưởng Vô thường cho đến tám giải thoát" mà không nói là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-để.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: Có nhiều Bí-sô ở A-lan-nhã hoặc trong tụ lạc thường bị phi nhơn quấy nhiễu, trong đó Bí-sô nào đắc bốn quả thì không bị phi nhơn nhiễu loạn; có một Bí-sô ở trong tụ lạc đó cũng không bị phi nhơn nhiễu loạn" mà không nói là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-để.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có nhiều chúng Bí-sô ở trong nhà thế tục ngồi trên tòa thắng diệu thọ thực đều đã chứng bốn quả; có một Bí-sô cũng đã ở trong nhà đó ngồi trên tòa thắng diệu thọ thực" mà không nói

rõ là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-để.

- Nếu Bí-sô tâm vọng nói rằng: "Có nhiều Bí-sô ở A-lan-nhã hoặc ở tụ lạc được ít định tự tướng, điều phục được phiền não, tham dục sân hận không hiện hành; có một Bí-sô ở trong tụ lạc kia cũng được ít định tự tướng… sân hận không hiện hành" mà không nói rõ là Tôi thì phạm Tốt-thổ-la-để.

Nhiếp Tụng:

Đoán thắng lại thua trận,
Nắng hạn trời mưa ít,
Nghiệp lực Nam thành Nữ,
Suối nóng nghe tiếng voi.

1. Trường Hợp Dự Đoán Thắng Trận:

Phật ở thành Quảng Nghiêm trong giảng đường Cao các bên bờ sông Di Hầu, lúc đó vua Vị-sanh-oán nước Ma Yết Đà trước kia có đối nghịch với các Lật-cô-tỳ ở thành Quảng Nghiêm nên mới huy động bốn binh tượng, mã, xa và bộ binh đến nước Phật Lật Thị khiêu chiến. Người trong nước Phật Lật Thị liền báo tin cho các Lật-cô-tỳ ở thành Quảng Nghiêm biết. Các Lật-cô-tỳ nghe tin liền nghiêm chỉnh bốn binh ra thành chống cự, khi xuất binh ra thành là buổi sáng vừa đúng lúc cụ thọ Mục-kiền-liên đang chấp trì y bát vào thành khất thực. Binh chúng Lật-cô-tỳ trông thấy cụ thọ Mục-kiền-liên từ xa đi lại liền nói với nhau: "Các vị biết không, tôi từng nghe nói cụ thọ Mục-kiền-liên là vị Thánh thứ ba không có việc gì là không biết. Chúng ta nên hỏi Thánh giả hai nước sắp đánh nhau bên nào sẽ thắng". Nói rồi liền đến trước cụ thọ Mục-kiền-liên hỏi rằng: "Thánh giả, vua Vị-sanh-oán nước Ma Yết Đà đến đánh phá nước chúng tôi, chúng tôi xuất binh chống cự, hai nước đánh nhau bên nào sẽ thắng?", cụ thọ liền đáp: "Các vị sẽ thắng". Các binh chúng nghe rồi liền loan tin: "Thánh giả Mục Liên dự đoán chúng ta chiến đấu sẽ thắng" khiến cho lòng quân vui mừng phấn khởi nên khi giao chiến liền đại phá được quân của vua Vị-sanh-oán và truy đuổi lên hướng bắc đến tận bờ sông Căng già. Quân binh thành Quảng Nghiêm đắc thắng nên nhuệ khí tăng lên gấp bội, lúc đó vua Vị-sanh-oán suy nghĩ: "Binh chúng trong thành nhuệ khí đang tăng, nếu bây giờ đưa quân qua sông trở về thì họ sẽ xông tới bắt giết chúng ta ngay". Nghĩ rồi vua liền ra lịnh tất cả binh chúng đều phải một lòng quay trở lại đánh úp, nghe lịnh vua các binh chúng suy nghĩ: "Chúng ta rời đất nước đi đánh thành Quảng Nghiêm không may bị bại trận, nay phải một lòng quay trở lại đánh úp mới mong sống sót". Nghĩ rồi liền một lòng quay lại đánh

úp quân binh thành Quảng Nghiêm, bị đánh úp bất ngờ nên quân binh thành Quảng Nghiêm bị bại phải rút lui, chạy vào thành đóng chặt cửa thành tự cố thủ. Vua nước Ma Yết Đà đánh úp được thắng trận rồi liền thu quân trở về thành Vương Xá. Lúc đó các Lật-cô-tỳ ở khắp nơi trong thành cùng cơ hiềm rằng: "Thánh giả Mục liên dự đoán chúng ta chiến thắng nay rốt cuộc bị bại thì làm sao nói là chiến thắng chứ!". Đúng lúc đó lục chúng vào thành khất thực nghe thấy liền hỏi: "Các ông hiềm trách ai vậy?", đáp: "Hiềm trách các vị", hỏi: "Chúng tôi làm gì mà các ông hiềm trách?", đáp: "Thánh giả Mục Liên dự đoán chúng tôi chiến thắng nay rốt cuộc bị bại, như thế gọi là chiến thắng hay sao?". Lục chúng hỏi: "Lúc mới xuất binh đánh nhau thì bên nào thắng?", đáp: "Chúng tôi thắng", lục chúng nói: "Các ông chiến thăng rồi đáng lẽ nên rút quân về, tại sao các ông còn truy đuổi tận cùng, các ông không nghe nói con dã can bị bức bách thì sức nó như mãnh hổ hay sao?". Mọi người nghe rồi tự biết mình vô lý nên im lặng không nói gì nữa, lúc đó lục chúng nói với nhau: "Chúng ta tạm ứng theo thời cơ mà trả lời khiến họ không còn hiềm trách nữa, nhưng cụ thọ Mục-kiền-liên có phạm tội, chúng ta nên cật vấn bảo thầy ấy sám hối". Nói rồi lục chúng trở về trú xứ, ăn xong rồi liền đến chỗ cụ thọ Mục-kiền-liên vái chào rồi nói rằng: "Nay chúng tôi có chút việc gạn hỏi, mong cụ thọ từ bi cho phép", cụ thọ Mục-kiền-liên nói: "Trong năm bộ tội, các vị mặc tình cử tội", lục chúng nói: "Cụ thọ dự đoán quân của các Lật-cô-tỳ chiến đấu thắng trận nhưng rốt cuộc bị bại, như vậy gọi là chiến thắng hay sao. Cụ thọ mang bát khất thực không thể nuôi sống được sao mà phải hư dối dự đoán việc của người như thế. Không thấy thật trạng khiến họ cơ hiềm, chúng tôi đi qua cũng bị hủy báng khiến chúng tôi chẳng khất thực được, cụ thọ đã phạm tội phải như pháp sám hối", cụ thọ Mục-kiền-liên nói: "Các cụ thọ, tôi không thấy tội". Lục chúng liền nói với nhau: "Các vị biết chăng, như Thế Tôn dạy nếu không thấy tội thì tác pháp yết ma không thấy tội xả trí. Phạm mà nói là không thấy tội thì khó dung thứ được, ai là người Thọ sự nên sai đánh kiền chùy". Vị Thọ sự hỏi: "Đánh kiền chùy làm gì?", lục chúng nói: "Cụ thọ Mục-kiền-liên thiểu dục có phạm tội mà nói không thấy tội, nay nên tác pháp yết ma xả trí". Lúc đó vị Thọ sự cùng lục chúng đi đến chỗ cụ thọ Xá-lợi-tử là bậc Thượng tọa trong chúng để xin phép đánh kiền chùy, cụ thọ Xá-lợi-tử nói: "Đừng khiến cho chánh pháp bị hủy tổn, vì ai mà tác pháp Biến trụ cho đến pháp Xuất tội?, lục chúng nói: "Thưa Thượng tọa, vì cụ thọ Mục-kiền-liên dự đoán sai việc của người, phạm tội mà nói là không thấy tội nên chúng tôi muốn tác pháp không thấy tội xả trí", cụ thọ Xá-lợi-tử nói: "Các cụ thọ đừng làm việc phi pháp để não loạn bậc kỳ đức, đại sư

Thế Tôn đủ Nhất thiết trí đối tất cả pháp đều tự tại, các vị nên đến thỉnh hỏi Phật quyết nghi, Đức Phật dạy thế nào các vị nên phụng hành theo như thế ấy". Các Bí-sô nghe lời đem việc này đến bạch Phật quyết nghi, Phật nói: "Phàm khi chiến đấu phi nhơn chiến thắng trước, người chiến thăng sau; nếu phi nhơn chiến thắng thì người cũng chiến thắng, lúc Mục Liên nói các Lật-cô-tỳ chiến thắng là lúc đó phi nhơn ở thành Quảng Nghiêm chiến thắng, phi nhơn ở thành Vương Xá thua, nhưng khi đi đến bờ sông Căng già thì phi nhơn thành Vương Xá lại chiến thắng, phi nhơn thành Quảng Nghiêm lại thua. Mục Liên dự đoán lúc đầu thắng chứ không nói lúc sau, nếu người hỏi gồm cả trước và sau thì Mục Liên mới trả lời đủ trước sau, cho nên Mục Liên không phạm. Nếu có Bí-sô nào khởi tâm như vậy khi dự đoán việc của người thì cũng không phạm, khác với trường hợp này thì phạm tội Việt pháp".

2. Trường Hợp Dự Đoán Trời Mưa:

Phật ở thành Quảng Nghiêm trong giảng đường Cao các bên bờ sông Di hầu, lúc đó các ngoại đạo dự đoán thế gian trong mười hai năm trời nắng hạn không mưa. Khi cụ thọ Mục-kiền-liên chấp trì y bát vào thành khất thực, người trong thành liền hỏi: "Thánh giả, khi nào trời mưa?", đáp: "Bảy ngày sau trời sẽ mưa". Mọi người nghe rồi liền loan tin nhau: "Thánh giả Mục Liên dự đoán bảy ngày sau trời sẽ mưa", mọi người liền đem các loại lúa giống gieo xuống đất, bảy ngày sau mây kéo đến, sấm chớp nổi lên nhưng mưa chỉ vừa đủ ướt đất mà thôi. Mọi người khắp trong thành đều oán trách: "Các người biết chăng, thà tin theo ngoại đạo chứ đừng tin theo sa môn Thích ca tử". Vừa lúc đó lục chúng vào thành khất thực nghe thấy liền hỏi: "Các vị oán trách ai?", đáp: "Oán trách sa môn các vị", lục chúng hỏi: "Chúng tôi làm gì mà các vị oán trách?", đáp: "Thánh giả Mục Liên dự đoán bảy ngày sau trời sẽ mưa nên chúng tôi đã đem các loại lúa giống gieo xuống đất, nhưng rốt cuộc trời không mưa". Lục chúng nói: "Các vị quen biết ngoại đạo thấy họ dự ký; khi thấy mây kéo đến, sấm chớp nổi lên, mưa rơi vài hột mới khấn vái khiến trời mưa. Cụ thọ Mục-kiền-liên dự đoán trời mưa thì quả trời có mưa, nhưng cụ thọ đâu có dự đoán là lúa giống sẽ được mùa phải không?". Mọi người nghe rồi tự biết mình vô lý nên im lặng không nói gì nữa, lục chúng Bí-sô nói với nhau: "Chúng ta đã tạm ứng theo thời cơ mà trả lời khiến họ không còn oán trách nữa, nhưng Mục Liên thiểu dục có phạm tội, chúng ta nên bảo Mục liên sám hối". Nói rồi lục chúng trở về trú xứ, ăn xong liền đến chỗ cụ thọ Mục-kiền-liên nói rằng: "Cụ thọ cho phép chúng tôi cật vấn một việc", đáp: Các vị tùy ý cật vấn", lục chúng nói: "Ngoại đạo dự đoán trong mười hai năm trời nắng hạn không mưa, còn

cụ thọ lại dự đoán bảy ngày sau trời sẽ mưa khiến họ đem lúa giống gieo xuống đất nhưng rốt cuộc trời không mưa. Mọi người trong thành đều oán trách khiến chúng tôi đi qua cũng bị phỉ báng không thể khất thực được, cụ thọ đã phạm tối nên như pháp sám hối", Mục Liên đáp: "Các cụ thọ, tôi không thấy tội". Lục chúng liền nói với nhau: "Các vị biết không như Thế Tôn dạy nếu không thấy tội thì nên tác pháp yết ma không thấy tội xả trí", nói rồi sai đánh kiền chùy… sự việc diễn tiến giống như đoạn văn trên cho đến các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Này các Bí-sô, có năm nhân duyên trời không thể mưa, do người dự đoán không biết rõ nên dự đoán là mưa:

Một là khi thấy mây kéo đến, sấm chớp nổi lên, gió thổi mạnh, lúc đó người dự đoán liền nói là trời mưa; nhưng đại địa này có luồng khí nóng từ hạ giới xông lên làm cho mưa khô ráo, vì vậy trời không thể mưa.

Hai là khi thấy mấy kéo đến, sấm chớp nổi lên, gió thổi mạnh, lúc đó người dự đoán liền nói là trời mưa; nhưng trong hư không có gió mạnh kéo tới thổ bạt đám mây này đi, nên trời chỉ mưa ở trong Trượng lâm hoặc Yết-lăng-già-lan hoặc trong rừng mà thôi.

Ba là khi thấy mây kéo đến, gió thổi mạnh, người dự đoán liền nói là trời mưa; nhưng lúc này các thiên thần làm mưa đang phóng dật nên không trút xuống mưa lành, vì vậy trời không thể mưa được.

Bốn là dù cho người dự đoán nói là trời mưa, vì loài hữu tình thích làm pháp ác, phi phần khởi tham, trụ nơi tà kiến khiến cho trời không giáng mưa.

Năm là dù cho người dự đoán nói là trời mưa; nhưng lúc đó vua A-tu-la La-hỗ-la từ đại hải xuất hiện dùng hai tay hứng nước bỏ trong đại hải, vì vậy trời không thể mưa.

Này các Bí-sô, khi Mục Liên dự đoán là trời mưa, lúc đó vua A-tu-la La-hỗ-la dùng hai tay hứng nước bỏ vào trong biển nên mưa không lớn. Người trong thành lúc đó không hỏi rõ là mưa có đủ cho vụ gieo lúa giống được mùa hay không, mà chỉ hỏi là có mưa hay không, Mục Liên trả lời theo câu hỏi là có mưa nên không phạm, nếu khác với trường hợp này thì phạm tội Việt pháp".

3. Trường Hợp Dự Đoán Thai Nhi:

Phật ở thành Quảng Nghiêm trong giảng đường Cao Các bên bờ sông Di hầu, lúc đó có người vợ của môn đồ ngoại đạo không mặc áo đang mang thai, môn đồ ngoại đạo này trông thấy cụ thọ Mục-kiền-liên thứ lớp khất thực đến nhà mình liền suy nghĩ: "ta nghe nói vị Thánh giả này không việc

gì là không biết, ta nên hỏi vợ ta đang mang thai là trai hay gái", nghĩ rồi liền hỏi Mục Liên: "Thánh giả, vợ tôi đang mang thai là trai hay gái?", đáp: "Thai nhi là trai". Người thế gian hễ nghe nói phú thạnh thảy đều vui mừng, môn đồ ngoại đạo này nghe nói thai nhi là trai nên vui mừng liền đem thức ăn thượng hảo đựng đầy bát dâng cúng Thánh giả Mục Liên rồi thỉnh Thánh giả ngày khác đến nữa. Gần nhà của môn đồ ngoại đạo này có ngoại đạo lộ hình là người đứng đầu ngoại đạo thấy cụ thọ Mục-kiền-liên mang bát đầy thức ăn đi ra liền suy nghĩ: "Ta chỉ có nhà thí chủ này cúng dường thức ăn, nay bị sa môn Thích Ca tử giáo hóa đoạt mất, đây không phải là điều tốt. Ta nên đến hỏi khéo để biết lý do", nghĩ rồi liền đến nhà thí chủ đó hỏi rằng: "Sa môn Mục Liên vừa đến đây phải không?", đáp: "Phải", hỏi: "Sa môn ấy nói gì với ông?", đáp: "Tôi hỏi vợ tôi đang mang thai là trai hay gái, Thánh giả nói là trai". Ngoại đạo lộ hình này giỏi về bói toán liền bói một quẻ biết thai nhi là nữ, nói rằng: "Tôi bói thấy thai ni là nữ không phải nam". Vị môn đồ ngoại đạo nghe rồi nổi giận nói: "Ông là người cạo tóc lộ hình làm sao đoán biết được, chẳng lẽ trí của Thánh giả Mục Liên không bằng ông sao. Thánh giả dự đoán là trai thì nhất định sẽ sanh trai, ông hiểu biết nông cạn mới gượng nói là gái". Ngoại đạo lộ hình này bị nhục mạ liền kiểm tra lại quẻ bói lần nữa, biết chắc chắn là gái liền đổi sắc mặt nói rằng: "Cho dù sa môn Cù Đáp Ma nói thai nhi là trai, ta cũng khẳng định đó là gái". Người vợ của môn đồ ngoại đạo mang thai đủ tháng liền hạ sanh một gái, môn đồ ngoại đạo này cùng toàn thể gia quyến cơ hiềm phỉ báng khắp nơi: "Ngoại đạo lộ hình dụ đoán không hư dối, còn lời sa môn nói đều là hư dối, Mục Liên nói thai nhi là trai bây giờ lại sanh gái". Tiếng đồn lan khắp nơi nên khắp nơi đều nghe lời cơ hiềm rằng: "Mọi người biết chăng, thà tin ngoại đạo chớ đừng tin sa môn Thích tử". Vừa lúc đó lục chúng Bí-sô vào thành khất thực nghe được những lời cơ hiềm này liền hỏi: "Các vị hiềm trách ai?", đáp: "Chúng tôi hiềm trách sa môn các ông", lục chúng hỏi: "Chúng tôi làm gì mà các vị hiềm trách ?", đáp: "Thánh giả Mục Liên dự đoán vợ của môn đồ ngoại đạo sẽ sanh trai nay lại sanh gái". Lục chúng nghe rồi liền nói: "Người thế gian đều chìm nổi trong biển vô trí, chỉ có Phật Thế Tôn đối với việc thọ ký mới nói lời không hư vọng, còn những người khác nói đôi khi vẫn có sai lầm, nhưng người sanh ra không phải trai thì là gái chứ có sanh ra là chó hay khỉ đâu mà hiềm trách". Mọi người nghe lục chúng Bí-sô nói như vậy đều im lặng, lục chúng liền nói với nhau: "Chúng ta tạm tùy thời trả lời như vậy để họ không hiềm trách nữa, nhưng Mục Liên thiểu dục có phạm tội nên bảo vị ấy sám hối". (Sự việc diễn tiến giống như đoạn văn trên) cho đến các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật

nói: "Này các Bí-sô, có bốn chỗ không thể suy lường dự đoán chính xác được, nếu gượng suy xét thì tâm mê loạn có thể phát cuồng:

- Một là suy xét về thần ngã.
- Hai là suy xét về thế gian.
- Ba là suy xét về nghiệp dị thục của hữu tình.
- Bốn là suy xét về cảnh giới của chư Phật.

Khi mục Liên dự đoán, thai nhi quả thật là trai nhưng thời gian sau do nghiệp dị thục, thai đó chuyển thành gái. Nếu môn đồ ngoại đạo kia hỏi Mục Liên rằng: "Vợ tôi lúc sanh là trai hay gái", thì Mục Liên sẽ nói là gái. Này các Bí-sô, Mục Liên dựa trân sự việc hiện tại mà dự đoán là trai nên không phạm".

4. Trường Hợp Dự Đoán Suối Nước Nóng:

Phật ở thành Vương Xá trong vườn Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca, trong thành có một trưởng giả nghe người khác nói rằng: "Nếu ai không báo trước mà thiết trai cúng dường cho tăng thì tài thực sẽ đến bất ngờ cho người đó và sở cầu được tăng trưởng". Trưởng giả liền suy nghĩ: "Muốn kiếm tiền tài thì đấy là phương tiện tốt, ta nay sẽ không báo trước mà đột xuất cúng dường cho Tăng". Nghĩ rồi ông liền ra chợ mua nhiều tịnh thịt đem về nấu thành món cháo thịt thơm ngon, nấu xong liền đến cửa thành nói với người giữ cửa thành rằng: "Nếu ông thấy có Bí-sô khất thực thì mời giúp đến nhà tôi thọ". Người giữ cửa thành nhận lời, thấy Bí-sô nào khất thực cũng đều mời đến nhà ông trưởng giả, Bí-sô nào đến cũng được trưởng giả cúng dường đầy bát cháo thơm ngon, các Bí-sô lãnh thọ rồi trở về trú xứ của mình thọ thực. Lúc đó gặp lúc khí trời lạnh giá, các Bí-sô thọ thực rồi nói với nhau: "Bát dính nhiều dầu mở khó rửa, chúng ta nên đem bát đến suối nước nóng để rửa". Nói rồi các Bí-sô cùng nhau đến bờ suối nước nóng tự rửa bát của mình, lúc đó có một Bí-sô trẻ tuổi suy nghĩ không biết suối nước nóng này từ đâu chảy đến, liền đến chỗ Ô-ba-nan-đà đang rửa bát cách đó không xa hỏi rằng: "Đại đức, suối nước nóng này từ đâu chảy đến?". Ô-ba-nan-đà thấy cụ thọ Mục-kiền-liên đang rửa bát gần đó liền bảo Bí-sô trẻ tuổi: "Thầy hãy đến hỏi thiểu dục Mục Liên". Bí-sô trẻ tuổi này liền đến chỗ Mục Liên hỏi như trên, Mục Liên đáp: "Suối nước nóng này từ ao lớn Vô Nhiệt Não chảy đến". Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền nói: "Thượng tọa đừng làm hại chánh kinh, đừng làm tổn pháp nhãn. Tôi tuy chưa chứng nhưng há không có A-lan-nhã Cấp Ma sao?. Như Phật có nói nước ở trong ao Vô Nhiệt Não có đủ tám công đức: lạnh, mát, dịu, ngon, sạch, trong, thơm và tinh khiết; uống nước này vào trị được bá bịnh. Nếu như lời

Thượng tọa dự đoán thì trái với tám công đức này chăng?". Sự việc diễn tiến giống như ở đoạn văn trên cho đến các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô nên biết, nước từ ao Vô Nhiệt Não đi trải qua năm trăm Nại-lạc-ca nóng bức mới chảy đến đây. Do duyên này nên biến thành nước nóng, nếu hỏi Mục Liên do duyên gì làm cho nước thành nóng thì Mục Liên sẽ trả lời là do duyên không lạnh. Này các Bí-sô do Mục Liên khởi tưởng như thế khi nói nên không phạm".

5. Trường Hợp Nhập Định Nghe Tiếng Voi Rống:

Phật ở thành Thất-la-phiệt trong vườn Cấp-cô-độc, lúc đó cụ thọ Mục-kiền-liên nói với các Bí-sô: "Các cụ thọ, tôi nhập định Vô sở hữu xứ nghe có tiếng rống của Tượng vương bên bờ ao Mạn-đà-la". Ô-ba-nan-đà ngồi trong chúng nghe rồi nói rằng: "Thượng tọa chớ làm tổn chánh lý, chớ làm hại pháp nhãn. Tuy tôi chưa chứng nhưng há không có Thánh giáo hay sao, như Thế Tôn có nói người nhập định Vô sở hữu xứ thì xa lìa các cảnh sắc thanh, làm sao nhập định mà còn nghe được âm thanh. Thượng tọa nói như Thế-là không có lý". Sự việc diễn tiến giống như ở đoạn văn trên cho đến các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Này các Bí-sô, lời Mục Liên nói không phải là lời hư vọng. Tuy người nhập định này các sắc thanh tưởng thảy đều xa lìa, nhưng Mục Liên chứng được Tĩnh lự giải thoát đẳng trì thắng diệu mau xuất mau nhập nên Mục Liên tuy đã xuất định mà vẫn tưởng là còn đang nhập định nên mới nói với các Bí-sô rằng: "Tôi ở trong định nghe tiếng voi rống". Này các Bí-sô, Mục Liên dựa trên thật tưởng mà nói nên không phạm. Ngoài trường hợp này ra còn có trường hợp không phạm nữa là người phạm đầu tiên hoặc si cuồng tâm loạn thống não bức bách".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 11

II. MƯỜI BA PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA

Nhiếp Tụng:

Tiết, xúc, bỉ, cúng, môi,
(Tiết tinh, xúc chạm, nói thô bỉ,
cúng dường, mai mối)
Tiểu phòng, đại tự, báng,
(Xây phòng nhỏ, chùa lớn, vu báng)
Phiến tợ, phá tăng sự,
(Chút tương tợ, việc phá tăng)
Tùy tùng, ô, mạn ngữ.
(Tùy tùng, ô gia và nói khinh mạn).

*Học Xứ Thứ Nhất****: CỐ Ý LÀM TIẾT TINH***

Đức Bạc-già-phạm ở thành Thất-la-phiệt, rừng Thệ-đa trong vườn Cấp-cô-độc, lúc đó việc thường làm của cụ thọ Ô-đà-di là ở trong thôn xóm hay ở trong chùa viện hễ sáng sớm thức dậy liền quét dọn từ trong ra ngoài cho sạch sẽ, sau đó mới súc miệng rửa mặt và chân tay rồi chấp trì y bát vào trong thôn xóm khất thực theo thứ lớp từng nhà, nhưng bản thân lại không khéo hộ thân căn và không trụ chánh niệm. Khất thực được thức ăn liền trở về trú xứ thọ thực kế rửa bát rửa tay rồi vào phòng nghỉ, nếu ý dục hiện tại tiền thì Ô-đà-di tay cầm sanh chi cố ý làm cho tiết tinh để cảm thọ lạc. Thời gian sau có các Bí-sô đi xem xét phòng xá chư tăng lần lượt tới phòng của Ô-đà-di, sau khi chào hỏi xong các Bí-sô hỏi: "Cụ thọ có thể chịu khó làm các việc, không có bịnh khổ và an lạc hạnh chứ; khất thực có lao khổ không?". Ô-đà-di đáp: "Tôi nay chịu khó làm các việc nhưng không có bịnh não, khất thực dễ được và trụ trong an lạc". Các Bí-sô lại hỏi: "Nhờ đâu cụ thọ có thể chịu khó làm các việc mà không có ưu não, trụ trong an

lạc?". Ô-đà-di đáp: "Các cụ thọ biết chăng, việc thường làm của tôi là ở trong thôn xóm hay ở trong chùa viện hễ sáng sớm thức dậy là quét dọn từ trong ra ngoài sạch sẽ… (như đoạn văn trên) cho đến câu tay cầm sanh chi cố ý làm cho tiết tinh để cảm thọ lạc, nhờ vậy mà tôi không có ưu não, trụ trong an lạc". Các Bí-sô nghe rồi không vui cũng không chê trách bỏ ra về, đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, đem sự việc trên bạch Phật. Phật do nhân duyên này quán hai việc nên nhóm chúng Bí-sô: Một là muốn khiến cho các đệ tử Thanh văn biết mình đã làm là phi pháp; hai là lấy việc này làm duyên để chế định học xứ cho các đệ tử Thanh văn. Pháp thường của chư Phật là dù biết rõ sự việc vẫn hỏi người phạm tội, cho nên Phật hỏi Ô-đà-di: "Thầy thật đã làm việc không đoan nghiêm như vậy phải không?". Ô-đà-di đáp: "Thật vậy thưa Thế Tôn". Phật liền dùng đủ lời quở trách Ô-đà-di: "Việc thầy đã làm là không phải sa môn, không phải hạnh tùy thuận, không phải hạnh thanh tịnh, không phải việc nên làm của người xuất gia. Tại sao người ngu si như thầy lại xuất gia trong giáo pháp khéo giảng nói của ta? Thầy từng nghe ta thuyết pháp vi diệu lìa tham sân si để được tâm và huệ giải thoát, mà lại làm việc bất thiện này. Thầy là người ngu si, thà tay cầm con hắc xà đáng sợ chứ không nên dùng tâm nhiễm tự cầm sanh chi cố ý làm tiết tinh. Tại sao người ngu si như thầy lại dùng tay này thọ lấy thức ăn mà các Bà-la-môn, trưởng giả tín tâm bố thí; tại sao thầy làm việc phi pháp này mà lại cho là an lạc?". Phật đủ lời quở trách rồi bảo các Bí-sô: Ta quán mười công đức lợi (đã giải thích trong bốn pháp Ba-la-thị-ca) nên nơi Tỳ-nại-da chế học xứ cho các đệ tử Thanh văn như sau: "Nếu lại có Bí-sô cố ý làm tiết tinh, phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

Sau khi Phật chế học xứ cho các Bí-sô rồi, lúc đó có các Bí-sô ngủ nằm mộng tinh tiết ra, tỉnh dậy trong lòng bức rức không yên nói với nhau: "Các cụ thọ biết không, Thế Tôn nơi Tỳ-nại-da đã chế học xứ cho các Bí-sô: Nếu lại có Bí-sô cố ý làm tiết tinh, phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Chúng ta ngủ nằm mộng tinh tiết ra, có tưởng tiết tinh, há chẳng phải chúng ta đã phạm Tăng-già-phạt-thi-sa rồi hay sao?. Chúng ta nên đến chỗ cụ thọ A-nan-đà kể rõ sự việc, cụ thọ nói thế nào chúng ta phụng hành thế ấy". Nói rồi các Bí-sô này liền đến chỗ cụ thọ A-nan-đà kể rõ sự việc và nói ra điều mình đã nghĩ cho đến câu: "Cụ thọ dạy thế nào chúng tôi phụng hành thế ấy". A-nan-đà nghe rồi liền đưa các Bí-sô này đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên đem sự việc trên bạch Phật: "Thế Tôn đã chế học xứ cho các Bí-sô: Nếu lại có Bí-sô cố ý làm tiết tinh, phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Các Bí-sô này ngủ nằm mộng tinh tiết ra, đều có tâm tưởng nên sanh nghi hoặc không biết mình có phạm Tăng-già-phạt-thi-sa hay không. Bạch

Thế Tôn, không biết các Bí-sô này có phạm học xứ hay không phạm?". Thế Tôn bảo A-nan-đà: "Các Bí-sô này có tâm tưởng duyên lự, ta không nói là không phạm nhưng ở trong mộng không phải là việc thật nên trừ trường hợp trong mộng". Lúc đó Thế Tôn khen ngợi người có thể trì giới, khen ngợi người kính trọng giới, vì các Bí-sô nói pháp tùy thuận khiến cho phẩm thiện được tăng trưởng rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế (chế lần đầu) nay là tùy khai, nay ta nơi Tỳ-nại-da chế lại học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô cố ý làm tiết tinh, trừ trong mộng, phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

- Bí-sô: Nghĩa đã giải thích ở những giới trên.

- Cố ý là cố tác ý.

- Tiết tinh: Tiết là tinh dịch tiết ra khỏi chỗ của nó; tinh có năm loại là xanh, vàng, đỏ, đặc và lỏng. Tinh màu xanh là tinh của Luân vương và trưởng tử của Luân vương thọ pháp quán đảnh; tinh màu vàng là tinh của những người con khác của Luân vương; tinh màu đỏ là tinh của Đại thần luân ấn; tinh đặc là tinh của người trưởng thành; tinh lỏng là tinh của người chưa trưởng thành. Trường hợp người bị nữ dục hay khuân vác vật nặng hoặc đi đường xa hay thân căn bị tổn hoại… thì có đủ năm loại tinh kể trên.

- Trừ trong mộng là ở trong mộng bị tiết tinh thì không phạm.

- Tăng-già-phạt-thi-sa: Tăng già là phạm tội này phải nương tăng già hành pháp sám hối và nương Tăng già mà được xuất tội chứ không nương ai khác. Phạt Thi Sa là nghĩa dư tàn, nếu Bí-sô ở trong bốn pháp Ba-la-thị-ca tùy phạm một pháp nào thì không có dư tàn, không được cùng ở chung; còn ở trong mười ba pháp này, Bí-sô tuy phạm nhưng có dư tàn, có thể sám hối trị phạt nên gọi là Tăng tàn.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có năm trường hợp: Một là vì thọ lạc, hai là vì luyện bùa chú, ba là vì nối dòng, bốn là vì xúc thuốc, năm là vì tự thử. Nếu Bí-sô cố ý làm tiết tinh để cảm thọ lạc tức là đối với nội sắc (bản thân) có tâm dục nhiễm, khởi phương tiện phát động sanh chi để tiết tinh ra cảm thọ dục lạc, thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu dùng thêm phương tiện mà tinh không tiết ra thì phạm Tốt-thổ-la-đề, nếu lay động sanh chi để thọ lạc mà cố ý làm tiết tinh, hoặc xoa chà xúc chạm để thọ lạc mà cố ý làm tiết tinh, hoặc làm sanh chi lộ ra để thọ lạc mà cố ý làm tiết tinh… phạm tội nặng nhẹ giống như trên. Nếu vì luyện bùa chú, vì nối dòng, vì xúc thuốc, vì tự thử mà cố ý làm tiết tinh, đều định tội giống như trên. Nếu Bí-sô vì thọ lạc muốn tiết tinh màu xanh, đối với nội sắc có tâm dục nhiễm, khởi phương tiện để tiết tinh ra;

hoặc muốn tiết tinh màu vàng, đỏ, đặc hay lỏng đều định tội giống như trên. Đối với nội sắc đã như vậy thì đối với ngoại sắc cũng như vậy.

Nhiếp Tụng:

Hoặc múa và trong hư không
Tinh động trong thân tiết ra
Xoa chà tiết ra thọ lạc
Ý nhiễm lường nắn sanh chi
Hoặc với tâm nhiễm nhìn ngắm
Hoặc nghịch, thuận theo dòng nước
Hoặc nghịch thuận theo luồng gió
Phạm tội nặng nhẹ nên biết.

Bí-sô nhơn khi múa tinh tiết ra, phạm Tốt-thổ-la-để; tinh không tiết ra thì phạm Ác-tác. Bí-sô máy động sanh chi trong hư không để tinh tiết ra, phạm Tốt-thổ-la-để; tinh không tiết ra thì phạm Ác-tác. Bí-sô khi tinh động trong thân liền nhiếp ý để tinh tiết ra, phạm Tốt-thổ-la-để; tinh không tiết ra thì phạm Ác-tác. Nếu tinh đã tiết ra mà còn trong thân, lại thêm phương tiện để tinh tiết ra ngoài thì phạm Tốt-thổ-la-để; tinh không tiết ra ngoài thì phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô lường nắn sanh chi khởi tâm thọ lạc, nhơn đây tinh tiết ra thì phạm Tốt-thổ-la-để; tinh không tiết ra thì phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô với tâm nhiễm nhìn ngắm sanh chi, phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô với tâm dục nhiễm cầm sanh chi đưa ngược với dòng nước, phạm Tốt-thổ-la-để; nếu đưa thuận với dòng nước thì phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô với tâm dục nhiễm cầm sanh chi đưa ngược với luồng gió thì phạm Tốt-thổ-la-để; đưa thuận với luồng gió thì phạm Ác-tác. Trường hợp không phạm là chạy nhảy, chơi giỡn, bơi lội, lặn hụp, hoặc nhảy qua hầm hào, lan can, hoặc đi chạm bắp vế, cọ xát áo quần, hoặc vào nhà tắm , hoặc nhớ vợ cũ, hoặc thấy sắc khả ái, hoặc ngứa gãi không có tâm thọ lạc mà tinh tự tiết ra thì tất cả không phạm. Ngoài ra người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn, bị thống não bức bách… đều không phạm.

Học Xứ Thứ Hai: ***XÚC CHẠM NGƯỜI NỮ***

Phật ở thành Thất-la-phiệt, rừng Thệ-đa trong vườn Cấp-cô-độc, lúc đó lục chúng Bí-sô nói với nhau: "Chúng ta vào mỗi sáng sớm thường nên có một người đứng ở cửa ngỏ rừng Thệ-đa; nếu có Bà-la-môn, trưởng giả. Cư sĩ đi ngang qua sẽ nói pháp yếu cho họ nghe; nếu có ai luận nghị sẽ chiết phục họ khiến cho tiếng tăm chúng ta lan khắp xa gần để được mọi người kính ngưỡng". Lục chúng Bí-sô này ở trong sáu thành lớn có chủng

loại thị tộc nào với nghề nghiệp công xảo tên gọi sai khác nhau như thế nào, không chỗ nào là không biết, không ai là không quen. Hôm đó như đã bàn tính trước, cụ thọ Ô-đà-di vào sáng sớm sau khi đánh răng súc miệng rửa mặt xong, liền đắp y Tăng-già-chi đảnh lễ Tốt đổ ba rồi đi qua đi lại trước cửa ngỏ rừng Thệ-đa. Thường lệ các Bà-la-môn, cư sĩ, vợ cư sĩ hễ ra ngoài thành thì đến bên trong Phương Lâm nhàn du, sau đó mang hoa quả vào rừng Thệ-đa đảnh lễ Phật và đại đức tăng. Lúc đó rất đông cư sĩ, vợ cư sĩ đến rừng Thệ-đa, cụ thọ Ô-đà-di vui vẻ chào hỏi thiện lai; các người nữ này nói với Ô-đà-di: "Đại đức, như Thế Tôn dạy người ở trong tám việc không rảnh rỗi đối với hạnh thanh tịnh không dễ tu tập. Thân nữ chúng tôi nhiều chướng nạn lại phải coi ngó gia nghiệp, đó là việc không rảnh thứ chín". Ô-đà-di nghe rồi nói rằng:

"Các vị há không nghe: Xưa có vua Sa Kiệt

Tạo dựng nhiều sự nghiệp Sự nghiệp làm chưa xong Mạng ông đã chấm dứt Các vị coi gia nghiệp Việc này bao giờ hết

Cái chết mọi người hiềm Đâu biết bỗng chợt đến".

Các người nữ này nghe rồi nói rằng: "Đại đức, chúng tôi vì nhơn duyên này nên đến chùa kính lễ Phật và các đại đức tăng". Ô-đà-di nói: "Thiện lai, như Thế Tôn dạy dùng cái thân không kiên cố để cầu pháp kiên cố. Các vị đến chùa kính lễ là việc làm tốt, không biết các vị có cần một Bí-sô hướng dẫn các vị đến phòng chư Tăng và tháp miếu không?" Các người nữ này nói: "Đại đức, tay tôi đang cầm đuốc sáng há lại đi tìm đèn hay sao; đại đức ở đây chúng tôi há lại đi tìm người khác hướng dẫn hay sao? "Ô-đà-di nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu ta hướng dẫn các người nữ này tham quan phòng xá thì sẽ phế tu phẩm thiện; nếu từ chối thì giao tế có khuyết, khi vào thành khất thực ai sẽ cúng dường cho ta. Cho nên dù phế tu phẩm thiện cũng phải làm người hướng dẫn". Nghĩ rồi Ô-đà-di liền nhận lời làm người hướng dẫn các người nữ này tham quan, vừa đi vừa nói kệ:

"Nếu ai dùng chơn kim Mỗi ngày thí ngàn lượng

Không bằng người vào chùa Thành tâm lễ chùa tháp".

Dẫn đến Hương điện nói rằng: "Này các vị, đây là Hương điện của Như Lai ngự. Như Lai ngày đêm sáu thời thường dùng phật nhãn quan sát thế gian, ai tăng, ai giảm, ai gặp khổ ách, ai hướng về đường ác sa vào trong bùn dục, ai có thể được giáo hóa, dùng phương tiện gì cứu vớt họ. Người không có thánh tài thì khiến cho được thánh tài, dùng trí an định thiện na để phá màn vô minh. Người không có căn lành thì khiến cho trồng căn lành. Người đã có thiện căn thì khiến cho được tăng trưởng, đặt họ vào cõi trời

người, có thể dứt khổ đến thành Niết-bàn". Ô-đà-di nói kệ:

"Như thủy triều biển cả Có hạn kỳ mất đi

Đối với người được độ Phật độ không hạn kỳ. Như mẹ sanh con một Trọn đời bảo hộ con. Đối với người được độ, Phật mẫn niệm hơn kia. Phật dùng tâm đại bi,

Quán khắp trong sanh tử, Thường theo người được độ, Như bò mẹ theo con".

Nói kệ xong bảo các người nữ rằng: "Thế Tôn Ứng chánh đẳng giác đầy đủ mười Lực, bốn vô sở úy, thuyết pháp như sư tử rống để giác ngộ quần mê. Cho nên các vị nên kính lễ". Kế dẫn đến phòng khác nói rằng: "Đây là phòng của thượng tọa A-lan-nhã Nhã Kiều-trần-như. Này các vị, thế gian này mờ ám không hiểu biết ít được dẫn dắt nên đêm dài luân hồi, lúc thế mới thành chánh giác dùng diệu trí dược để khai pháp nhãn, ba phen chuyển pháp luân khiến họ được khai ngộ. Trong các đệ tử của bậc đại sư, thượng tọa là bậc thượng thủ, là bậc tuổi cao đức dày khéo tu phạm hạnh, cũng là người thọ pháp y đầu tiên, cho nên các vị nên kính lễ". Kế dẫn đến phòng của tôn giả Đại Ca Diếp nói rằng: "Vị này tộc tánh Bà-la-môn thắng diệu, đã xả bỏ chín trăm chín mươi chín Cụ lê ngưu, hơn hai trăm thạc toái kim đại mạch, sáu mươi ức kim tiền, có mười tám phong ấp với đông tôi tớ, có mười sáu tụ lạc với các cửa hàng mậu dịch; vợ tên là Ca-Tất-lê thân kim sắc, dung mạo đoan nghiêm không ai bì kịp. Với tất cả sở hữu như vậy tôn giả đều xả bỏ như bỏ đàm dãi, bỏ trăm ngàn y phục quý giá để mặc y Tăng-già-chi thô xấu, quy y theo Phật xuất gia ở chốn núi rừng. Nếu có con voi điên nào, tôn giả đưa mắt nhìn nó liền hết cuồng điên. Trong các đệ tử của bậc Đại sư, tôn giả là bậc thiểu dục tri túc tu hạnh đầu đà, có oai đức được tôn trong bậc nhất, cho nên các vị nên kính lễ". Kế dẫn đến phòng của tôn giả Xá-lợi-tử nói rằng: "Vị này là con của quý tộc Bà-la-môn, bỏ tục xuất gia, năm mười sáu tuổi vừa nghe kinh tâm liền ngộ giải. Các luận sư ngoại đạo đều bị tôn giả nhiếp phục như Thế Tôn nói:

Tất cả trí thế gian Chỉ trừ đức Như Lai

Không ai bằng Thân Tử

Một trong mười sáu phần (trí của thân Tử) Nếu trí của Người, trời

Đều như trí Thân Tử Cũng không bằng Như Lai

Một trong mười sáu phần (trí của Như Lai)

Trong các đệ tử của bậc Đại sư, tôn giả là bậc đại trí huệ có đầy đủ biện tài bậc nhất, cho nên các vị nên kính lễ". Kế dẫn đến phòng của tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói rằng: "Vị này là con của Bà-la-môn phụ quốc

đại thần, bỏ địa vị cao quý thù thắng của mình để xuất gia. Trong các đệ tử của bậc Đại sư, tôn giả là bậc có đại thần thông bậc nhất, có oai đức lớn, có đại thần lực có thể dùng ngón chân làm chấn động cung trời Đế Thích, cho nên các vị nên kính lễ". Kế dẫn đến phòng của Ô-ni-lô-đà nói rằng: "Vị này là đường đệ của Phật, đã bỏ địa vị cao quý của mình theo Phật xuất gia, có đại oai lực. Trước đây có Thương chủ từng gặp ách nạn trong biển, nhờ xưng danh hiệu của tôn giả mà thuyền được an ổn, không tổn hao của cải trở về quê cũ. Trong các đệ tử của bậc Đại sư, tôn giả là bậc có thiên nhãn thanh tịnh bậc nhất, cho nên các vị nên kính lễ". Kế dẫn đến phòng của tôn giả A-nan-đà nói rằng: "Vị này là đường đệ của Phật, bỏ tục xuất gia làm thị giả hầu hạ Thế Tôn, dù có thức suốt đêm tâm cũng không mỏi mệt. Trong các đệ tử của bậc đại sư, tôn giả là bậc Đa văn tổng trì bậc nhất, thông minh đại trí các Thánh đều khen ngợi, tất cả kinh điển Như Lai nói ra tôn giả đều nghe nhớ hết, như nước từ bình này rót qua một bình khác, cho nên các vị nên kính lễ". Kế dẫn đến phòng của cụ thọ Nan-đà nói rằng: "Vị này là thân đệ của Phật, bỏ tục xuất gia, nếu không xuất gia sẽ làm Chuyển luân vương. Trong các đệ tử của bậc Đại sư, cụ thọ là bậc khéo hộ các căn, đề phòng ngoại cảnh bậc nhất, cho nên các vị nên kính lễ". Kế dẫn tới phòng của cụ thọ La-hỗ-la nói rằng: "Vị này là con của Phật, bỏ tục xuất gia, nếu không xuất gia sẽ làm Chuyển luân vương. Trong các đệ tử của bậc Đại sư là bậc ái trọng học xứ, phụng trì không lỗi bậc nhất, cho nên các vị nên kính lễ". Cuối cùng dẫn đến phòng của lục chúng là Nan-đà, Ô-ba-nan-đà, A-thuyết-ca, Bổ-nại-bà, Tố-ca-lan-đà và Ô-đà-di nói rằng: "Đây là phòng của chúng tôi, các vị nên tham quan". Ô-đà-di là người có hạnh dâm nhiễm nên ở trong phòng trên các tường vách trang trí màu sắc hoa hòe, trên giường nằm trải lụa, tủ bàn chạm trổ đẹp đẽ, trên bàn để bình nước thơm… Ô-đà-di nói với các người nữ: "Mời các vị dùng bửa ăn nhẹ và uống nước mật", các người nữ nói: "Đại đức, đâu có nước sông lại chảy ngược dòng, đáng lẽ chúng tôi phải cúng dường đại đức, đâu nên thọ thức ăn uống của đại đức. Lành thay Thánh giả, điều chúng tôi mong được bố thí là muốn Thánh giả nói pháp". Ô-đà-di nói: "Lành thay, như Thế Tôn dạy thế gian có sáu việc rất khó được gặp:

- Một là đức Phật ra đời rất khó gặp.
- Hai là Như Lai nói pháp vi diệu rất khó được nghe.
- Ba là thân người khó được.
- Bốn là khó sanh ở nước trung phương.
- Năm là khó đầy đủ các căn.

- Sáu là khó phát tín tâm.

Sáu điều khó này các vị đều đã có được, vậy các vị hãy khởi lòng tin thân gần Phật để nghe pháp yếu. Tôi sẽ nói pháp yếu cho các vị nghe". Các người nữ này liền đảnh lễ Ô-đà-di rồi ngồi một bên nghe thuyết pháp, Ô-đà-di bắt đầu nói pháp, trong khi thuyết pháp liền khởi tâm nhiễm, như người luyện bùa chú mà không rành chú thuật, chú nguyện quỷ chữa bịnh trở lại bị quỷ đánh. Ô-đà-di cũng vậy, trong khi thuyết pháp liền khởi tâm nhiễm, tâm nhiễm đã sanh liền từ chỗ ngồi đứng dậy dùng tay vuốt ve mơn trớn các người nữ. Trong số các người nữ này, người nào có tâm ái nhiễm thì dùng lời nhiễm bỡn cợt, tay chân xúc chạm nhau; người nữ nào không có tâm ái nhiễm thì bỏ chạy ra ngoài, qua lại ngoài hành lang nói những lời chê trách khinh thường: "Ai ngờ trong nước lại phát ra ánh lửa, ở chỗ quy y lại sanh khủng bố. Chúng tôi trước kia cho rằng phòng tăng là nơi an ổn Niết-bàn, lìa khổ não không có lo ngại; nay mới biết ở trong đây có các tai họa khủng bố ưu não". Lúc đó có các Bí-sô tình cờ nghe được những lời chê trách này liền hỏi: "Các vị trách mắng ai vạy?", đáp: "Chúng tôi trách mắng các thầy". Các Bí-sô nói: "Chúng tôi đã làm gì mà các vị trách mắng như vậy?", đáp: "Từ trước đến nay, chúng tôi dù có gặp giặc hay người điên cuồng làm liều cũng không có nghe những lời thô như Ô-đà-di đã nói. Thân chúng tôi dù bị phu chủ xúc chạm cũng chưa bị lăng bức mạnh bạo như Ô-đà-di. Nếu cha mẹ, anh em, chị em, phu chủ chúng tôi nghe biết được, sẽ không bao giờ cho phép chúng tôi nhìn về phía rừng Thệ-đa này, huống chi là vào trong vườn kính lễ". Các Bí-sô nghe rồi nói rằng: "Bí-sô ấy có giữ đủ giới, là con của vị đại thần, chỉ có tánh còn nhiều ái dục, chắc là làm phương tiện này để thỏa tâm ái nhiễm". Các người nữ này nói: "Thánh giả, như sừng trâu tuy sắc bén, há có thể trở lại phá bụng mình. Bí-sô dù có tâm nhiễm há tự làm khuyết phạm hạnh của mình". Các Bí-sô nói: "Các vị yên tâm, chúng tôi sẽ ngăn chận việc phi pháp này". Các người nữ này nói: "Các Thánh giả ngăn chận được là tốt, nếu không thì trọn đời chúng tôi không dám đặt chân đến rừng Thệ-đa này". Các Bí-sô nói: "Chúng tôi sẽ cùng ngăn chận không để cho việc như thế xảy ra nữa". Các người nữ này trách mắng rồi bỏ ra về, lúc đó Ô-đà-di ra khỏi phòng vừa đi vừa cười, các Bí-sô liền hỏi: "Thầy đã làm việc xấu xa, làm ô nhục sa môn, tại sao đã buông lung tâm tình như vậy mà còn vui cười?". Ô-đà-di nói: "Tôi đã làm việc gì? Tôi uống rượu hay ăn ngũ vị tân hay sao mà các thầy lại nói như thế?". Các Bí-sô nói: "Việc thô bỉ kia thầy còn làm được huống chi là uống rượu, ăn ngũ vị tân". Ô-đà-di nói: "Việc thô bỉ gì?", các Bí-sô nói: "Các phụ nữ của Bà-la-môn, cư sĩ vừa mới chê trách nhục mạ thầy rồi

bỏ ra về, há không phải thầy đã làm lỗi hay sao?". Ô-đà-di nói: "Các thầy chỉ biết mang bát đi khất thực từng nhà, tâm tật đố ngày càng tăng cho đến không thể nói được bốn câu pháp nên thấy người khác nói pháp bèn sanh tâm tật đố". Các Bí-sô nói: "Chúng tôi thấy thầy tuy thường nói pháp nhưng chưa có một người nào có thể Kiến đế", Ô-đà-di nói: "Phải khiến cho căn cơ thuần thục mới dần đưa họ vào Đế môn". Các Bí-sô có hạnh thiểu dục nghe biết liền quở trách: "Bí-sô đã làm việc phi pháp, đáng lẽ ôm lòng hổ thẹn, tại sao còn khởi tâm cống cao như thế!". Các Bí-sô liền đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm các Bí-sô, dù biết rõ sự việc mà vẫn hỏi Ô-đà-di: "Này Ô-đà-di, thầy thật đã làm những việc xấu xa như thế phải không?", đáp: "Thật vậy thưa Thế Tôn". Phật liền quở trách: "Việc mà thầy đã làm là sai trái, không phải là sa môn, không phải hạnh tùy thuận, không phải hạnh thanh tịnh, là việc không nên làm". Phật đủ lời quở trách rồi bảo các Bí-sô: Ta quán mười công đức lợi nên ở nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các đệ tử Thanh văn như sau: "Nếu lại có Bí-sô, do tâm nhiễm ô xúc chạm thân người nữ, hoặc nắm tay, hoặc nắm cánh tay hoặc vuốt tóc cho đến xúc chạm bất cứ thân phần nào để khởi tâm thọ lạc thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

-lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di và những vị giống như thế. Về tâm nhiễm bị dính mắc có bốn trường hợp: Một là có tâm nhiễm nhưng không dính mắc, hai là tâm có dính mắc nhưng không có tâm nhiễm, ba là có cả hai, bốn là không có cả hai. Sao gọi là có tâm nhiễm nhưng không dính mắc?: Tức là có tâm nhiễm ô nhưng không phải nhiễm ô cực độ hiện tại tiền. Sao gọi là tâm có dính mắc nhưng không có tâm nhiễm? Tức là tâm duyên ngoại cảnh bị dính mắc nhưng chưa khởi tâm nhiễm. Sao gọi là có cả hai? Tức là có tâm nhiễm và nhiễm ô cực độ, tham cầu cảnh trước mắt nên tâm bị dính mắc. Sao gọi là không có cả hai? Tức là trừ các trường hợp trên. Nữ nhơn là chỉ cho phụ nữ và đồng nữ có thể làm việc dâm dục. Xúc chạm là hai thân phần xúc chạm nhau. Nắm tay là nắm phần trước của khuỷu tay. Nắm cánh tay là nắm phần sau của khuỷu tay. Vuốt tóc là vuốt đầu tóc cho đến dây lụa cột tóc. Mỗi mỗi thân phần là chỉ cho các chi tiết trên thân. Khởi tâm thọ lạc là tình thọ dục lạc. Tăng-già-phạt-thi-sa như đã giải ở các giới trên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có chín trường hợp xúc chạm phạm, đó là: Xúc chạm, xúc chạm hết mực, dựa, sờ nắm, dắt, kéo, đưa lên, đỡ xuống, ôm choàng. Sao gọi là xúc chạm? Bí-sô do tâm nhiễm bị dính mắc đối với người nữ có thể hành dâm

cố ý chạm vào đầu của họ, nếu không có y phục ngăn cách thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa; có y phục ngăn cách thì phạm Tốt-thổ-la-để. Chạm vào đầu đã như thế, chạm vai, lưng, rún, đùi cho đến ngón chân; có y phục hay không có y phục đều định tội giống như trên. Xúc chạm đã như vậy, xúc chạm hết mực, dựa và sờ nắm cũng như thế. Sao gọi là dắt? Bí-sô do tâm nhiễm bị dính mắc tay dắt người nữ có thể hành dâm, từ xa lại gần hay từ gần ra xa, phạm tội đồng như trên. Sao gọi là kéo? Tức là kéo người nữ từ bên trái qua bên phải hay từ bên phải qua bên trái. Sao gọi là đưa lên? Tức là nâng người nữ từ dưới đất lên, nếu không có y phục ngăn cách thì phạm tội căn bản; có y phục ngăn cách thì phạm tội phương tiện. Nâng lên qua khỏi chân hoặc qua khỏi bắp chân, đầu gối cho đến qua các thân phần khác, hoặc nâng để trên giường hoặc nâng lên voi, lên ngựa, lên xe… có tâm nhiễm ô dính mắc cảm thọ lạc, khởi tâm vui thích, tùy dùng thân phần nào xúc chạm, nếu không có y phục ngăn cách thì phạm tội căn bản; nếu có y phục ngăn cách thì phạm tội phương tiện. Sao gọi là đỡ xuống? Nếu Bí-sô đỡ người nữ có thể hành dâm từ trên lầu xuống hoặc từ trên voi, ngựa… xuống, tùy theo thân phần xúc chạm phạm tội giống như trên. Sao gọi là ôm choàng?: Nếu Bí-sô dùng tay ôm choàng lấy người nữ có thể hành dâm, tùy theo thân phần xúc chạm phạm tội giống như trên. Luận về sự xúc chạm thân người nữ, nếu là người có thể hành dâm không có y phục ngăn cách thì phạm tội căn bản; có y phục ngăn cách thì phạm tôi phương tiện. Nếu là người nữ không thể hành dâm không có y phục thì phạm tội thô, có y phục thì phạm Ác-tác.

Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc xúc chạm nam huỳnh môn có thể hành dâm, không có y phục thì phạm tội thô, có y phục thì phạm Ác-tác. Nếu nam huỳnh môn không thể hành dâm có y hay không y đều phạm Ác-tác.

Bí-sô xúc chạm bàng sanh có thể hay không thể hành dâm đều phạm Ác-tác. Bí-sô nếu không có tâm nhiễm dính mắc xúc chạm mẹ, chị em gái đều không phạm. Nếu thấy ngươi nữ bị nước cuốn trôi hay thắt cổ hoặc uống thuốc độc tự vẫn… với tâm cứu giúp xúc chạm đều không phạm. Trường hợp không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Ba: ***NÓI LỜI THÔ BỈ***

(Lời yêu đương trăng gió)

Phật ở thành Thất-la-phiệt rừng Thệ-đa trong vườn Cấp-cô-độc, duyên khởi giống như giới trên cũng do Bí-sô Ô-đà-di , cho đến đoạn tùy theo pháp đã nói khởi tâm nhiễm dính mắc, tâm nhiễm đã khởi liền nói lời

thô bỉ (lời yêu đương trăng gió) với các người nữ. Lời thô bỉ là lời tương ưng với dâm dục như lời hai vợ chồng nói với nhau. Trong số những người nữ này, người nào ưa thích thì cùng nói lời trăng gió giỡn cợt, hai thân cùng xúc chạm vuốt ve; người nữ nào không thích thì chạy ra khỏi phòng nói lời trách mắng như trên… cho đến các Bí-sô đem việc này bạch Phật và Phật chế học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc nói lời thô bỉ (lời yêu đương trăng gió) với người nữ, tương ưng với dâm dục như lời hai vợ chồng nói với nhau thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

Lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di hoặc những người khác giống như thế. Tâm nhiễm dính mắc có bốn câu giống như giới trên đã nói. Người nữ chỉ chung phụ nữ và đồng nữ có thể hiểu được lời thiện ác. Lời thô bỉ trong đây có hai loại: Một loại là nhơn khởi tội Ba-la-thị-ca, một loại là nhơn khởi tội Tăng-già-phạt-thi-sa. Lời thô bỉ là lời có tự tánh thô bỉ và nhơn khởi lên thô bỉ, tức là lời dâm dục của trai gái yêu đương trăng gió như lời hai vợ chồng nói với nhau. Tăng-già-phạt-thi-sa như đã giải thích ở giới trên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có chín trường hợp phạm, đó là nói đẹp, nói xấu, nói thẳng, nói quanh co, hỏi thẳng, hỏi quanh co, dẫn việc, khen ngợi, giận mắng. Sao gọi là nói đẹp? Như Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc nói với người nữ hiểu được lời thiện ác như sau: "Này cô em, ba sang môn của em thật gợi cảm, hình dáng khả ái đáng yêu". Nếu lời nói hợp với nghĩa của nguyên âm Diệp bà thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, nếu không hợp thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Sao gọi là nói xấu? Như Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc nói với người nữ hiểu được lời thiện ác như sau: "Này cô em, ba sang môn của em không gợi cảm chút nào, hình dáng xấu xí đáng ghét". Nếu lời nói hợp với nghĩa của nguyên âm Diệp bà thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, nếu không hợp thì phạm Tốt-thổ-la-đề.

(Diệp bà là chánh ngữ phương tây ý nói nam nữ giao hợp không đúng pháp. Nếu theo phương âm của cõi này là nói lời thô bỉ của trai gái yêu đương trăng gió. Phương âm tùy nơi hiểu nghĩa không nhất định, nên giữ nguyên gọi là Diệp bà)

Sao gọi là nói thẳng? Như Bí-sô nói với người nữ rằng: "Em hãy cùng tôi làm việc như vậy như vậy". Nếu lời nói hợp với nghĩa của nguyên âm Diệp bà thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, nếu không hợp thí phạm Tốt-thổ-la-đề. Sao gọi là nói quanh co? như Bí-sô nói với người nữ rằng: "Này em, nếu có người nữ cùng với người nam làm việc như vậy như vậy, người nữ

đó ắt được người nam yêu quý. Em nếu cùng tôi làm việc như vậy, tôi cũng sẽ yêu quý em". Nếu lời nói hợp với nghĩa của nguyên âm Diệp bà thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, nếu không hợp thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Sao gọi là hỏi thẳng? Như Bí-sô nói với người nữ rằng: "Này em, nếu có người nam cùng với người nữ làm việc như vậy, người nam ấy ắt được người nữ yêu thương. Tôi cùng em làm việc như vậy, em có yêu thương tôi không?". Định tội giống như trên. Sao gọi là hỏi quanh co? Như Bí-sô nói với người nữ rằng: "Này em, nếu có người nữ cùng với người nam làm việc như vậy, người nữ này ắt được người nam yêu thương. Nay tôi yêu thương em, em có thể cùng tôi làm việc như vậy hay không?". Định tội giống như trên. Sao gọi là dẫn việc? Như Bí-sô nói với người nữ rằng: "Này em, trước đây tôi từng ở nơi thiên miếu trong vườn , chỗ đại chúng tụ hội, cùng các người nữ ăn những món ăn ngon, uống nước mật ngọt, ngồi trên giường ghế có trải nệm tốt nhất, có hoa thơm, suốt đêm ở ngoài sân đốt đèn sáng, cùng với người nữ kia làm việc như vậy. Nếu lúc đó em có đến dự hội, tôi cũng sẽ cùng em làm việc như vậy". Định tội giống như trên. Sao gọi là khen ngợi? Như Bí-sô nói với người nữ rằng: "Này em, có người nam nói với em rằng: Nếu có người nam cùng em làm việc như vậy, người ấy sẽ cảm thọ lạc hiện tiền và thọ thiên lạc. Nay tôi cùng em làm việc như vậy cũng sẽ cảm thọ lạc hiện tiền và thọ thiên lạc". Định tội giống như trên. Sao gọi là giận mắng? Như Bí-sô nói với người nữ rằng: "Em hãy cùng với rắn, lạc đà làm việc dâm dục". Khi nói lời giận mắng này nếu hợp với nghĩa của nguyên âm Diệp bà thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, nếu không hợp thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Bí-sô đối với phụ nữ và đồng nữ có chín việc như trên.

Trường hợp ngược lại, nếu phụ nữ, đồng nữ có thể hành dâm và hiểu được lời thiện ác đối với Bí-sô cũng có chín việc giống như trên. Sao gọi là nói đẹp? Như phụ nữ, đồng nữ nói với Bí-sô rằng: "Thánh giả, hai sang môn của thầy thật gợi cảm, hình dáng khả ái đáng yêu". Bí-sô nghe rồi do tâm nhiễm dính mắc, khởi ý thọ lạc chấp nhận họ thì tùy theo lúc nói dùng lời đối đáp, nếu lời nói hợp với nghĩa của nguyên âm Diệp bà thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa , không hợp thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Sao gọi là nói xấu? Như phụ nữ, đồng nữ nói với Bí-sô rằng: "Thánh giả, hai sang môn của thầy không gợi cảm chút nào, hình dáng xấu xí đáng ghét". Định tội giống như trên. Sao gọi là nói thẳng?: Như phụ nữ, đồng nữ nói với Bí-sô rằng: "Thánh giả hãy cúng tôi làm việc như vậy như vậy". Định tội giống như trên. Sao gọi là nói quanh co?: Như phụ nữ, đồng nữ nói với Bí-sô rằng: "Nếu có người nam cùng với người nữ làm việc như vậy như vậy, người nam này ắt được người nữ yêu quý. Nếu thầy cùng tôi làm việc như

vậy, tôi cũng sẽ yêu quý thầy". Định tội giống như trên. Sao gọi là hỏi thẳng? Như phụ nữ, đồng nữ nói với Bí-sô rằng: "Thánh giả, nếu có người nữ cùng với người nam làm việc như vậy, người nữ này ắt được người nam yêu thương. Nay tôi cùng thầy làm việc như vậy, thầy có yêu thương tôi không?". Định tội giống như trên. Sao gọi là hỏi quanh co? Như người nữ nói với Bí-sô rằng: "Thánh giả, nếu có người nam cùng với người nữ làm việc như vậy, người nam này ắt được người nữ yêu thương. Nay tôi yêu thương thầy, thầy có thể cùng tôi làm việc như vậy không? "Định tội giống như trên. Sao gọi là dẫn việc? Như người nữ nói với Bí-sô rằng: "Thánh giả, tôi từng ở Thiên miếu trong vườn , chỗ nhiều người tụ hội, cùng với các người nam ăn những món ăn ngon, uống nước mật thơm, ngồi trên giường ghế trải nệm tốt nhất, có hoa thơm, suốt đêm ở ngoài sân đốt đèn sáng, cùng người nam đó làm việc như vậy. Nếu lúc đó Thánh giả đến dự hội, tôi cũng sẽ cùng thầy làm việc như vậy". Định tội giống như trên. Sao gọi là khen ngợi? Như người nữ nói với Bí-sô rằng: "Thánh giả, nếu có người nữ cúng với người nam làm việc như vậy sẽ được thọ lạc hiện tiền và thọ thiên lạc. Nay tôi cùng thầy làm việc như vậy cũng sẽ được thọ lạc hiện tiền và thọ thiên lạc". Định tội giống như trên. Sao gọi là giận mắng?: Như người nữ nói với Bí-sô rằng: Thầy hãy cùng lạc đà, súc vật làm việc dâm dục". Khi nói lời giận mắng này, nếu Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc, khởi ý thọ lạc chấp nhận người nữ này, tùy theo lúc nói dùng lời đối đáp, nếu hợp với nghĩa của nguyên âm Diệp bà thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, nếu không hợp thì phạm Tốt-thổ-la-để.

Nếu là người nữ vô lực thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu là nam nữ bán-trạch-ca có thể hành dâm thì phạm Tốt-thổ-la-để, không thể hành dâm thì phạm Ác-tác. Nếu đối với bàng sanh có lực hay vô lực đều phạm Ác-tác. Không phạm là nếu nói lời hợp với nghĩa của nguyên âm Diệp bà nhưng ở phương quốc đó không có húy kị, trường hợp không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Tư: ***ĐÒI HỎI CÚNG DƯỜNG***

Phật ở thành Thất-la-phiệt rừng Thệ-đa trong vườn Cấp-cô-độc, lúc đó lục chúng Bí-sô thường vào sáng sớm bảo một người đứng ở ngoài cửa ngỏ rừng Thệ-đa canh giữ, đó là Ô-đà-di, duyên khởi giống như giới trên cho đến đoạn nói pháp cho các người nữ rồi tự khen ngợi mình nói rằng: "Các vị, đây là sự cúng dường hơn hết trong các sự cúng dường. Như tôi là người tương tợ trì giới tu thiện thì các vị nên đem pháp dâm dục cúng dường". Khi nói lời này trong số các người nữ, người nào có tình ý liền vui

cười, người nữ nào không thích thì chạy ra ngoài trách mắng (giống như giới trên). Các Bí-sô nghe được lời trách mắng này liền quở trách Ô-đà-di rồi đến bạch Phật, Phật do duyên này nhóm chúng Bí-sô… rồi chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc, ở trước người nữ tự khen ngợi mình rằng: Này các vị, nếu Bí-sô nào tương tợ như tôi đầy đủ thi la, có pháp thắng thiện, tu phạm hạnh thì hãy đem pháp dâm dục cúng dường. Nếu Bí-sô nói lời như vậy thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di và các Bí-sô khác giống như thế. Tâm nhiễm dính mắc có bốn câu như trong giới trên có nói. Nữ nhơn chỉ cho phụ nữ và đồng nữ có thể hiểu được lời thiện ác. Nói tự khen ngợi mình là để đòi hỏi cúng dường. Nói đây là sự cúng dường hơn hết trong các sự cúng dường là nói sự cúng dường này là bậc nhất. Nói tương tợ như tôi là chỉ cho chính mình. Nói đầy đủ thi la là đầy đủ giới uẩn. Nói có pháp thắng thiện là đầy đủ định uẩn. Nói tu phạm hạnh là đầy đủ huệ uẩn. Nói đem pháp dâm dục cúng dường, chữ pháp trong đây là phi pháp, chỉ cho việc dâm dục không phải việc gì khác, dâm dục là hạnh bất tịnh.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có mười tám tướng phạm là tối, thắng, thù, diệu, hiền, thiện, ứng cúng, khả ái, quảng bác; cực tối, cực thắng, cực thù, cực diệu, cực hiền, cực thiện, cực ứng cúng, cực khả ái, cực quảng bác. Nếu Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc nói với người nữ có thể hành dâm rằng: "Này em, trong các thứ cúng dường việc này là hơn hết, hạng người đầy đủ giới hạnh như tôi nên đem pháp dâm dục cúng dường", thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hơn hết (tối) đã như thế thì thắng… cho đến cực quảng đại cứ theo đây nên biết. Đầy đủ thi la (cụ giới) đã như thế thì pháp thắng thiện và phạm hạnh cũng như vậy, đây là nói riêng biệt mỗi thứ. Nếu nói đầy đủ thi la, pháp thiện thù thắng; hoặc nói đầy đủ thi la, phạm hạnh; hoặc nói pháp thắng thiện, đầy đủ thi la; hoặc nói pháp thắng thiện, phạm hạnh; hoặc nói phạm hạnh, đầy đủ thi la; hoặc nói phạm hạnh, pháp thắng thiện, đây là hiệp nói từng cặp đôi. Nếu nói đầy đủ thi la, pháp thắng thiện và phạm hạnh; hoặc nói pháp thắng thiện, phạm hạnh và đầy đủ thi la; hoặc nói phạm hạnh, đầy đủ thi la và pháp thắng thiện, đây là hiệp nói cặp ba. Nếu nói hạng người tương tợ như tôi nên đem pháp dâm dục cúng dường thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc nói với người nữ có thể hành dâm rằng: "Này em, loại cúng dường này là hơn hết, hạng người tương tợ như tôi nên cúng dường", mà không nói rõ là pháp dâm dục thì phạm Tốt-thổ-

la-để. Nói hơn hết đã như vậy thì nói thắng, cho đến cực quảng đại cứ theo đây nên biết, như vậy nói riêng biệt mỗi thứ hay nói từng cặp đôi cho đến hiệp cả ba nói đầy đủ đều phạm Tốt-thổ-la-để.

Nếu Bí-sô do tâm nhiễm dính mắc nói với người nữ rằng: "Này em, loại cúng dường này là hơn hết, nếu có Bí-sô nào đầy đủ thi la hãy nên đem pháp dâm dục cúng dường", mà không nói rõ là hạng người như tôi thì phạm Tốt-thổ-la-để. Nếu Bí-sô không nói rõ là đem pháp dâm dục cúng dường, cũng không nói hạng người như tôi thì phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa. Mỗi thứ nói riêng… giống như trên nên biết. Nếu nói với người nữ có thể hành dâm thì phạm tội căn bản, nếu người nữ không thể hành dâm thì phạm tội phương tiện. Nếu đối với nam bán-trạch-ca có thể hành dâm thì phạm Tốt-thổ-la-để, nếu không thể hành dâm thì phạm Ác-tác. Nếu đối với bàng sanh có lực hay vô lực đều phạm Ác-tác. Trường hợp không phạm là người phạm ban đầu, si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 12

Học Xứ Thứ Năm: ***LÀM MAI MỐI***

Đức Bạc-già-phạm ở thành Thất-la-phiệt rừng Thệ-đa trong vườn Cấp-cô-độc , lúc đó trong thành có một trưởng giả tên là Hắc-lộc-tử đối với Phật Pháp Tăng sanh lòng tín kính sâu, quy y Tam bảo, thọ trì năm học xứ: không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống các thứ rượu. Trong thành này trưởng giả là chỗ đắc ý tin ưa của các Bà-la-môn, cư sĩ và các thân hữu, hễ gia đình nào có người nữ trưởng thành có thể cưới hỏi thì hỏi Hắc-lộc-tử rằng: "Ông biết nhà nào có đồng nam không?", đáp: "Biết có", lại hỏi: "Đồng tử ấy có cần cù, không lười biếng, khéo kinh doanh gia nghiệp có thể cung cấp nhiều y thực cho vợ con, không để cho vợ con vất vả hay không?". Nếu Hắc-lộc-tử nói rằng: "Đồng tử ấy tuy có nam tính nhưng nhiều biếng nhác, không khéo kinh doanh gia nghiệp, không thể khiến cho vợ con được an lạc và y thực không thiếu", khi nghe nói như vậy họ sẽ không chịu gã con gái cho. Ngược lại nếu Hắc-lộc-tử nói rằng: "Đồng tử ấy cần cù, không lười biếng, khéo kinh doanh gia nghiệp, có thể cung cấp cho vợ con nhiều y thực, không khiến cho vợ con vất vả", khi nghe nói như vậy họ sẽ bằng lòng gã con gái cho. Nếu có nhà nào muốn hỏi vợ đến hỏi Hắc-lộc-tử rằng: "Ông biết gia đình nào có con gái định gã không?", đáp: "Biết có", lại hỏi: "Đồng nữ ấy có cần cù, không biếng nhác có thể lo liệu việc nhà hay không?". Nếu Hắc-lộc-tử nói không thể thì họ sẽ không đi hỏi cưới người nữ đó; ngược lại nếu nói có thể thì họ liền đi hỏi cưới. Nếu gã con gái về bên nhà chồng không được vừa ý thì họ hàng bên nữ liền trách mắng Hắc-lộc-tử rằng: "Tôi tin lời Hắc-lộc-tử nên mới gã con gái tôi cho họ, nay khiến cho con tôi phải vất vả, y thực không đủ". Ngược lại nếu gã con gái về bên nhà chồng được vừa ý, không có vất vả, y thực đầy đủ thì họ liền khen ngợi Hắc-lộc-tử. Trường hợp bên nam cũng vậy, nếu bên nam cưới được vợ rồi mà người nữ này không siêng năng, không biết lo liệu việc nhà không làm vừa ý bên chồng thì Hắc-lộc-

tử bị trách mắng; ngược lại nếu người nữ này biết hiếu dưỡng cung kính cha mẹ chồng, siêng năng biết lo liệu việc nhà làm vừa ý bên chồng thì Hắc-lộc-tử được khen ngợi. Cho nên trong thành Thất-la-phiệt đối với Hắc-lộc-tử tiếng tốt và tiếng xấu đồng thời đồn vang ai cũng nghe biết. Thời gian sau Hắc-lộc-tử đối với Tam bảo sanh lòng tín kính gấp bội nên xin xuất gia trong pháp luật khéo giảng nói của Như Lai. Đã xuất gia rồi Hắc-lộc-tử vẫn lại như trước, đối với các thân hữu tiếp tục làm mai mối nên tiếng tốt và tiếng xấu của Hắc-lộc-tử cũng đồn vang khắp trong thành Thất-la-phiệt, nhưng đây chỉ là duyên khởi, Phật vẫn chưa ở nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các đệ tử Thanh văn. Lúc đó lục chúng Bí-sô cũng làm mai mối, đem ý của người nam nói với người nữ, đem ý của người nữ nói với người nam cho đến làm môi giới cho nam nữ tư thông. Các ngoại đạo nghe biết đều hiềm trách rằng: "Các người nên biết, sa môn Thích tử này đã làm việc không nên làm, họ cũng làm mai mối đâu khác gì chúng ta, ai còn có thể mỗi ngày đem cơm nước cúng dường cho họ nữa". Các Bí-sô nghe biết liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhơn duyên này nhóm các Bí-sô, biết mà vẫn hỏi lục chúng Bí-sô rằng: "Các thầy thật đã làm mai mối, đem ý của người nam nói với người nữ, đem ý của người nữ nói với người nam cho đến làm môi giới cho nam nữ tư thông phải không?". Lục chúng Bí-sô đáp: "Thật đã làm thưa Thế Tôn". Phật liền dùng đủ lời quở trách lục chúng Bí-sô rằng: "Việc các thầy đã làm chẳng phải là sa môn, không phải hạnh tùy thuận, không phải hạnh thanh tịnh, không phải là thiện oai nghi, đó không phải là việc nên làm của người xuất gia". Thế Tôn đủ lời quở trách rồi bảo các Bí-sô: Ta quán mười công đức lợi nên chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô làm việc mai mối, đem ý của người nam nói với người nữ, đem ý của người nữ nói với người nam hoặc để tác thành chồng vợ hoặc việc tư thông dù chỉ trong chốc lát, phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

Lại có Bí-sô là chỉ cho Hắc-lộc-tử và lục chúng Bí-sô.

Nói mai mối là làm sứ giả qua lại cho hai bên. Đem ý của người nam nói với người nữ, đem ý của người nữ nói với người nam tức là truyền đạt ý của hai bên để tác thành việc vợ chồng hay việc tư thông. Có bảy loại vợ và mười loại tư thông, bảy loại vợ gồm có vợ thủy thọ, vợ tài sính, vợ vương kỳ, vợ tự lạc, vợ y thực, vợ cộng hoạt và vợ tu du.

Nhiếp Tụng:

Bảy vợ là thủy thọ,
Tài sính, vương kỳ được,

Tự lạc, y thực trụ,
Công hoạt và tu du.

Sao gọi là vợ thủy thọ? Do cha mẹ của người nữ không lấy tài vật sính lễ, chỉ dùng nước rót vào trong tay của chàng rễ nói rằng: "Nay ta đem con gái ta gã cho con, con phải khéo tự phòng hộ, đừng để người khác khinh phạm", nên gọi là vợ thủy thọ. Sao gọi là vợ tài sính? Do cha mẹ của người nữ nhận sính lễ của chàng rễ mới gã con gái cho, nên gọi là vợ tài sính. Sao gọi là vợ vương kỳ? Do vua dòng Sát-đế-lợi thủy nhiễu đầu vương (pháp quán đảnh khi lên ngôi vua) đem binh chinh phạt nước nào không thần phục, khi chiến thắng nói với binh lính rằng: "Cho tùy ý chọn người nữ làm vợ", do quyền lực của vua nên được chọn người nữ làm vợ nên gọi là vợ vương kỳ. Lại có trường hợp chúa giặc đánh phá thành ấp bắt người nữ làm vợ cũng gọi là vợ vương kỳ. Sao gọi là vợ tự lạc?: Do người nữ tự tìm đến người nam mà mình yêu thương nói rằng: "Tôi vui lòng làm vợ chàng", nếu người nam chấp nhận thì gọi là vợ tự lạc. Sao gọi là vợ y thực?: Do người nữ tìm đến người nam có tiền của nói rằng: "Nếu chàng cung cấp cho tôi y thực, tôi sẽ về làm vợ chàng", nếu người nam chấp nhận thì gọi là vợ y thực. Sao gọi là vợ cộng hoạt? Do người nữ tìm đến người nam nói rằng: "Tài sản của tôi và tài sản của chàng sẽ họp làm một nếu chúng ta sống chung với nhau", nếu người nam chấp nhận thì gọi là vợ cộng hoạt. Sao gọi là vợ tu du? Tức là làm vợ tạm thời.

Mười loại tư thông là mười loại người nữ đã được bảo hộ, đó là cha bảo hộ, mẹ bảo hộ, anh em bảo hộ, chị em bảo hộ, đại công bảo hộ, đại gia bảo hộ, người thân bảo hộ, chủng tộc bảo hộ, dòng họ bảo hộ và vương pháp bảo hộ.

Nhiếp Tụng:

Mười hộ là cha mẹ,
Anh em và chị em,
Đại công và đại gia,
Thân, chủng, tộc, vương pháp.

Sao gọi là cha bảo hộ? Tức là người nữ chồng chết hoặc bị bắt trói, giam cầm hoặc trốn đi nên người cha bảo hộ người nữ này. Mẹ bảo hộ cũng vậy. Sao gọi là anh em bảo hộ? Tức là người nữ cả cha mẹ và chồng đều qua đời hoặc bị thất lạc tứ tán nên đến nương ở với anh em, được anh em bảo hộ. Chị em bảo hộ cũng vậy. Sao gọi là Đại công (cha chồng) bảo hộ? Tức là người nữ cha mẹ tôn thân đều qua đời, còn chồng thì bịnh hoạn hay bị điên cuồng lưu lạc, phải nương ở với cha chồng, người cha chồng này

bảo con dâu rằng: "Con hãy vui sống ở cạnh ta, ta sẽ thương con như là con ruột của ta", nên gọi là đại công như pháp bảo hộ. Đại gia (chủ nhân) bảo hộ cũng vậy. Sao gọi là Thân bảo hộ? Quyến thuộc từ bảy đời trở lại gọi là Thân, qua bảy đời không còn gọi là Thân. Do người nữ cả cha mẹ, anh em, chị em và phu chủ đều qua đời hoặc bị điên cuồng lưu lạc xứ khác, phải đến nương ở với người thân trong họ hàng, nên gọi là Thân bảo hộ. Sao gọi là Chủng bảo hộ?: Có bốn chủng tộc là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Bệ-xá và Thủ-đạt-la, người nữ đến nương ở trong chủng tộc của mình thì gọi là Chủng bảo hộ. Sao gọi là Tộc bảo hộ? Trong mỗi chủng tộc có các dòng tộc sai khác như tộc Phả-la-đọa, tộc Đỗ cao thiếp bà sai…, người nữ nương ở trong dòng tộc của mình thì gọi là Tộc bảo hộ. Sao gọi là Vương pháp bảo hộ? Do người nữ trong thân tộc không con ai, chỉ một thân đơn độc phải nhờ vào vương pháp bảo hộ mới không bị người khác khinh phạm, nên gọi là vương pháp bảo hộ. Lại có trường hợp người nữ góa bụa giữ tiết hạnh trinh tâm nên không ai dám khinh phạm, cũng gọi là Vương pháp bảo hộ. Tăng-già-phạt-thi-sa như đã giải thích ở các giới trên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Đang và sau khi gây,
Bẻ cỏ và quăng gạch,
Y pháp, không phải vợ (tôi),
Nói cho nhiều người biết.

Đối với các loại người nữ kể trên có bảy trường hợp ly biệt:

- Một là lúc đang gây gỗ liền chia tay (ly biệt).
- Hai là sau khi gây gỗ xong liền chia tay.
- Ba là giận nhau bẻ cỏ làm ba đoạn để chia tay.
- Bốn là giận nhau quăng gạch về ba hướng để chia tay.
- Năm là y pháp đối trước thân quyến nói chia tay.
- Sáu là nói rõ ràng người này không phải là vợ tôi để chia tay.
- Bảy là nói cùng khắp cho mọi người biết là đã chia tay nhau.

Trong bảy loại vợ từ vợ thủy thọ cho đến vợ tu du, nếu Bí-sô thấy người tục đối với ba loại người vợ đầu (vợ thủy thọ, vợ tài sính và vợ vương kỳ) vì gây gỗ gay gắt mà chia tay nhau, ở trong bảy trường hợp ly biệt kể trên nếu thuộc trường hợp thứ một làm cho họ hòa hiệp lại thì phạm một Ác-tác; nếu thuộc trường hợp thứ hai làm cho hòa hiệp lại thì phạm hai Ác-tác; nếu thuộc trường hợp thứ ba làm cho hòa hiệp lại thì phạm ba Ác-tác;

nếu thuộc ba trường hợp bốn, năm, sáu làm cho hòa hiệp lại thì theo thứ tự phạm một, hai, ba tội thô; nếu thuộc trường hợp ly biệt thứ bảy cố gắng làm cho họ hòa hiệp lại thì Bí-sô phạm tăng tàn. Đối với bốn loại người vợ sau (từ vợ Tự lạc cho đến vợ Tu du) và mười loại tư thông (tức là mười loại người nữ được bảo hộ) ở trong bảy trường hợp ly biệt tùy theo trường hợp nào cố gắng làm cho họ hòa hiệp thì Bí-sô đều phạm Tăng tàn.

Nhiếp Tụng:

Tự nhận, nhận từ sứ,
Hai Bí-sô, bốn oai nghi,
Trước sau cùng tùy hành,
Tôn ty, duyên và sự.

1. Tự nhận lời: Nếu Bí-sô tự nhận lời làm mai mối, tự đến nói và tự trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô tự nhận lời, tự đến nói và sai người trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô tự nhận lời, sai người đến nói và tự trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô tự nhận lời, sai người đến nói và sai người trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

2. Nhận lời qua sứ giả: Nếu Bí-sô nhận lời mai mối qua sứ giả, tự đến nói và tự trở về báo lại; hoặc nhận lời qua sứ giả, tự đến nói và sai người trở về báo lại; hoặc nhận lời qua sứ giả, sai người đến nói và tự trở về báo lại; hoặc nhận lời qua sứ giả, sai người đến nói và sai người trở về báo lại đều phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

3. Hai Bí-sô nhận lời: Nếu hai Bí-sô nhận lời làm mai mối, cả hai cùng đến nói và cùng trở về báo lại thì cả hai đều phạm Tăng tàn. Nếu hai Bí-sô nhận lời, cả hai cùng đến nói nhưng cả hai đều không trở về báo lại thì cả hai đều phạm hai tội thô. Nếu hai Bí-sô nhận lời, cả hai đều không đến nói và cả hai đều không trở về báo lại thì cả hai đều phạm một tội thô. Nếu hai Bí-sô nhận lời, một người nói: "Thầy đến đó truyền đạt ý của tôi rồi trở vế báo lại", người kia làm theo lời dặn thì cả hai đều phạm Tăng tàn. Nếu hai Bí-sô nhận lời, một người nói: "Tôi chỉ đến nói chớ không trở về báo lại", người kia phải trở về báo lại. Người đến nói và trở về báo lại thì phạm Tăng tàn; người không trở về báo lại thì phạm hai tội thô. Nếu hai Bí-sô nhận lời, một người nói: "Tôi không đến nói cũng không trở về báo lại", người kia phải đến nói và trở về báo lại thì phạm Tăng tàn; người không đến nói và không trở về báo lại thì phạm một tội thô.

4. Cùng đi đường nhận lời mai mối: Nếu một Bí-sô cùng một nam một nữ đi trên đường, người nam nói với Bí-sô: "Thánh giả có thể nói với

người nữ ấy rằng: Cô có thể làm vợ người nam này hoặc tạm thời cùng ở chung được không?"; hoặc người nữ nói với Bí-sô rằng: Thánh giả có thể nói với người nam ấy rằng: Cậu có thể làm chồng người nữ này hoặc tạm thời cùng ở chung được không?". Nếu Bí-sô nhận lời nói giúp rồi báo tin lại thì phạm Tăng tàn. Đi đã như vậy thì ba oai nghi còn lại đứng, nằm ngồi cứ theo đây có thể biết. Nếu có hai Bí-sô đi cùng hai nam hai nữ, hoặc ba Bí-sô đi cùng ba nam ba nữ… nhận lời làm mai mối, định tội cũng như trên.

5. Trước sau cùng đi: nếu hai Bí-sô một người đi trước một người đi sau, người đi trước nhận lời làm mai mối, đến nói rồi trở về báo lại thì người đi trước phạm Tăng tàn; người đi sau không phạm. Nếu Bí-sô đi trước nhận lời rồi bảo Bí-sô đi sau đến nói, biết được kết quả rồi Bí-sô đi trước tự trở về báo lại thì Bí-sô đi trước phạm hai tội thô, Bí-sô đi sau phạm một tội thô. Nếu Bí-sô đi trước nhận lời, tự đến nói rối sai Bí-sô đi sau trở về báo lại thì Bí-sô đi trước phạm hai tội thô, Bí-sô đi sau phạm một tội thô. Nếu Bí-sô đi trước nhận lời rồi sai Bí-sô đi sau đến nói và trở về báo lại thì Bí-sô đi sau phạm hai tội thô; Bí-sô đi trước phạm một tội thô. Như Bí-sô đi trước, Bí-sô đi sau tùy việc đã làm phạm tội nhiều ít như trên nên biết. Bí-sô đi sau sai Bí-sô đi trước tùy việc đã làm phạm tội nhiều ít như trên nên biết.

6. Đối với địa vị cao thấp nhận lời mai mối: Có hai gia đình trưởng giả, một tự tại và một không tự tại. Tự tại là tự làm chủ đối với nam nữ của mình, tùy tình lấy cho; nếu đến quan ty hoặc ở giữa đám đông người dù nói việc hư dối, người ta vân tin theo nên gọi là tự tại. Không tự tại là do địa vị thấp kém đối với nam nữ của mình không có thế lực lấy cho; nếu đến quan ty hay ở giữa đám đông người dù nói việc thật người ta cũng không tin theo nên gọi là không tự tại.

Bí-sô ở bên người tự tại nhận lời làm mai mối, đến nói với người tự tại rồi trở về bái lại với người tự tại thì phạm Tăng tàn. Bí-sô ở bên người tự tại nhận lời, đến nói với người tự tại rồi trở về nói lại với người không tự tại thì phạm hai tội thô và một Ác-tác. Bí-sô ở bên người tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo lại với người tự tại thì phạm hai tội thô và một Ác-tác. Bí-sô ở bên người tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo lại với người không tự tại thì phạm một tội thô và hai Ác-tác. Bí-sô ở bên người không tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo lại với người tự tại thì phạm hai Ác-tác và một tội thô. Bí-sô ở bên người không tự tại nhận lời đến nói với người tự

tại rồi trở về báo lại với người không tự tại thì phạm hai Ác-tác và một tội thô. Bí-sô ở bên người không tự tại nhận lời, đến nói với người tự tại rồi trở về báo lại với người tự tại thì phạm hai tội thô và một Ác-tác. Bí-sô ở bên người không tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo lại với người không tự tại thì phạm ba Ác-tác.

7. Có ba duyên làm mai mối: Bí-sô có ba duyên để làm việc mai mối, đủ ba duyên này không cần dùng lời báo tin lại cũng thành tựu việc mai mối, phạm Tăng tàn: Một là chỗ hẹn, hai là giờ hẹn và ba là hiện tướng. Sao gọi là chỗ hẹn? Tức là nói với người kia rằng: "Nếu thấy tôi ở trong vườn , hoặc trong miếu thờ trời hoặc chỗ đông người thì liền biết việc mai mối đã thành tựu". Sao gọi là giờ hẹn? Tức là nói với người kia rằng: "Nếu vào bửa ăn sáng hoặc giữa trưa hoặc xế chiều trông thấy tôi thì liền biết việc mai mối đã thành tựu". Sao gọi là hiện tướng?: Tức là nói với người kia rằng: "Nếu thấy tôi mới cạo tóc hoặc mặc đại y mới, hoặc cầm tích trượng hay bưng bát đựng đầy tô dầu thì liền biết việc mai mối đã thành tựu".

8. Có ba việc làm sứ mai mối: Cũng thành tựu việc mai mối; một là dùng lời nói, hai là dùng thư từ, ba là dùng thủ ấn. Nếu Bí-sô nhận lời làm sứ giả mai mối, dùng lời đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng tàn. Nếu Bí-sô nhận lời làm sứ giả mai mối, dùng lời đến nói và dùng thư gởi về báo lại thì phạm Tăng tàn. Nếu Bí-sô nhận lời làm sứ giả mai mối, dùng thư gởi đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng tàn. Nếu Bí-sô nhận lời làm sứ mai mối, dùng thư gởi đến nói và dùng thư gởi về báo lại thì phạm Tăng tàn. Nếu Bí-sô nhận lời làm sứ mai mối, dùng thư gởi đến nói hoặc dùng chỗ hẹn hoặc giờ hẹn hoặc hiện tướng để báo tin lại đều phạm Tăng tàn. Trường hợp này gọi là làm sứ mai mối kiêm dùng thư có năm loại sai biệt.

Nếu Bí-sô nhận lời làm sứ mai mối, dùng lời đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng tàn. Nếu Bí-sô nhận lời làm sứ mai mối, dùng lời đến nói và dùng thủ ấn gởi về báo lại thì phạm Tăng tàn. Nếu Bí-sô nhận lời làm sứ mai mối, dùng thủ ấn gởi đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng tàn. Nếu Bí-sô nhận lời làm sứ mai mồi, dùng thủ ấn gởi đến nói và dùng thủ ấn gởi về báo lại thì phạm Tăng tàn. Nếu Bí-sô nhận lời làm sứ mai mối, dùng thủ ấn gởi đến nói và dùng chỗ hẹn hoặc dùng giờ hẹn hoặc hiện tướng để báo tin lại đều phạm Tăng tàn. Trường hợp này là làm sứ mai mối kiêm dùng thủ ấn có năm loại sai biệt. Như vậy đối với lời nói kiêm thư từ và thủ ấn có tới hai mươi lăm cách khác nhau, đối với thư

từ kiêm lời nói và thủ ấn, hoặc đối với thủ ấn kiêm lời nói và thư từ gồm có nhiều cách hỗ tương khi làm sứ mai mối. Nếu Bí-sô đến nhà thí chủ nói rằng: "Người con gái này đã trưởng thành sao không lấy chồng, hoặc người con trai này đã lớn sao không lấy vợ?", đều phạm Ác-tác. Trường hợp không phạm là người phạm ban đầu hoặc cuồng si tâm loạn, bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Sáu: ***LÀM PHÒNG NHỎ***

Phật ở thành Thất-la-phiệt rừng Thệ-đa trong vườn Cấp-cô-độc, lúc đó có nhiều Bí-sô lo xây cất phòng xá, có người chê phòng dài quá hoặc ngắn quá hoặc rộng quá hay hẹp quá… hoặc phòng hư cũ mục nát không thể sửa sang lại được, phải giở bỏ để xây lại mới. Các Bí-sô tự làm hoặc bảo người làm nhiều lao nhọc nên phế bỏ việc tụng tập, trở ngại tư duy thiền quán; lại còn đến nhà các trưởng giả, cư sĩ khất cầu vật liệu, xe chở vật liệu và nhân công làm phiền các thí chủ. Lúc đó cụ thọ Ma-ha-Ca-diếp-ba đang ở chốn Lan-nhã bên ngoài thành nghe biết nhiều Bí-sô vì việc xây cất phòng xá mà làm phiền các thí chủ nên đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế Tôn, con nghe biết có nhiều Bí-sô lo xây cất phòng xá, vì có người chê phòng dài quá… như trên cho đến làm phiền các thí chủ. Cúi xin Thế Tôn thương xót dạy cho các Bí-sô pháp thức xây cất phòng xá". Thế Tôn nghe cụ thọ Ca-diếp-ba nói rồi liền im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời cụ thọ liền đảnh lễ cáo lui trở về trú xứ, sáng hôm sau vì muốn bảo hộ các vị đồng phạm hạnh nên cụ thọ chấp trì y bát du hành trong nhân gian. Thế Tôn do nhân duyên này nhóm các Bí-sô hỏi rằng: "Này các Bí-sô, các thầy thật đang lo xây cất phòng xá vì có người chê phòng dài quá, có người chê phòng ngắn quá… như trên cho đến làm phiền các thí chủ phải không?". Các Bí-sô bạch Phật: "Thật đã làm như vậy thưa Thế Tôn". Thế Tôn liền dùng đủ lời quở trách những người nhiều ham muốn, không nhàm chán, không biết đủ, khó nuôi dưỡng; đồng thời khen ngợi những người ít ham muốn, biết vừa đủ, dễ nuôi dưỡng, cốt được an thân để tu hạnh Đỗ-đa, lượng mức thọ nhận, oai nghi mực thước; kế bảo các Bí-sô: Do ta quan mười công đức lợi nên ở nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô tự khất cầu để xây cất phòng nhỏ, không có thí chủ, vì mình mà làm thì phải làm đúng lượng là dài mười hai gang tay của Phật và rộng bảy gang tay của Phật. Bí-sô này phải đưa các Bí-sô đến xem xét chỗ xây cất, các Bí-sô kia phải xem xét chỗ xây cất nay có phải là chỗ tịnh, đúng pháp không, chỗ có tranh chấp không, chỗ có tiến thú không. Nếu Bí-sô ở chỗ không tịnh, không đúng pháp, có tranh chấp, không có

tiến thú mà tự khất cầu để xây cất phòng nhỏ, không có thí chủ, vì mình mà làm, không đưa các Bí-sô đến xem xét chỗ xây cất, lại xây cất quá lượng đã chế thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

- Lại có Bí-sô là chỉ người trong pháp này.
- Tự xin là tự đi xin vật liệu xây dựng và nhân công.
- Phòng nhỏ là phòng vừa đủ dung chứa bốn oai nghi.
- Làm là tự mình làm hay bảo người khác làm.

Không có thí chủ là không có nam, nữ, bán-trạch-ca-làm thí chủ. Vì mình mà làm là vì tự thân thì phải làm đúng lượng. Đúng lượng là dài mười hai gang tay của Phật, Phật là bậc đạo sư nên một gang tay của Phật bằng ba gang tay của người thường, mười hai gang tay của Phật bằng mười tám khuỷu tay của người thường; rộng bảy gang tay của phật bằng mười khuỷu tay rưỡi của người thường. Bí-sô này là chỉ cho Bí-sô làm phòng.

Nên đưa chúng Bí-sô đến xen xét chỗ xây cất là nếu không tự quan sát trước thì không nên đưa các b đến. Nếu tự xem xét thấy chỗ làm phòng có ổ kiến, ổ mối, rắn, bò cạp, trùng… thì gọi là chỗ bất tịnh, pháp không nên cầu xin. Nếu chỗ đã thanh tịnh thì kế xét xem có gần chỗ gia tộc của vua hoặc miếu thờ trời, hoặc nhà trưởng giả, nhà ngoại đạo, chùa Bí-sô ni… hoặc chỗ có cây to quý hiếm thì gọi là chỗ có tranh chấp, không đúng pháp không nên cầu xin. Nếu chỗ không có hoạn nạn này thì kế phải xét xem bốn phía dưới cho đến một tầm có thể đi lại dễ dàng không. Nếu chỗ có sông có giếng hoặc gặp sườn núi dốc và hầm hố thì gọi là chỗ không có tiến thú, pháp không nên cầu xin. Nếu chỗ thanh tịnh, không có tranh chấp, có tiến thú thì Bí-sô này trở về chùa trải tọa cụ, đánh kiền chùy bạch chúng, chúng nhóm họp rồi liền ở trong chúng cởi bỏ giày dép, trịch y bày vai phải kính lễ theo thứ tự lớn nhỏ rồi đến trước vị Thượng tọa quỳ gối chắp tay bạch rằng: "Đại đức tăng lắng nghe, con là Bí-sô tên , muốn xây cất phòng nhỏ, con đã xem xét chỗ cây cất thanh tịnh như pháp rồi. Con nay muốn ở chỗ thanh tịnh như pháp đó xây cất phòng nhỏ cúi xin Tăng cho phép. Cúi xin Tăng cho phép con Bí-sô tên , được xây cất phòng nhỏ ở chỗ thanh tịnh như pháp đó. Xin thương xót chấp thuận (3 lần)". Lúc đó các Bí-sô không nên tin liền lời Bí-sô này nói mà không đến xem xét lại. Các Bí-sô nên cúng nhau đến xem xét hoặc Tăng sai một hay nhiều Bí-sô đang tin đến xem xét chỗ xây cất đó. Nếu chỗ ấy không thanh tịnh, có tranh chấp, không có tiến thú thì không nên cho làm. Nếu chỗ ấy thanh tinh, không có các nạn thì nên trở về chùa báo lại, như pháp nhóm chúng rồi đến trước vị Thượng tòa bạch rằng: "Đại đức Tăng lắng nghe, chỗ mà Bí-sô tên , muốn xây cất, chúng

con đến xem xét thấy là chỗ thanh tịnh, không có các nạn. Tăng nên biết thời". Kế sai một Bí-sô bạch yết ma như sau: "Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô này tên , muốn xây cất phòng nhỏ, đã ở chỗ đó xem xét thấy là thanh tịnh. Bí-sô này đối với việc xây cất đều đúng pháp thanh tịnh, nay đến trong Tăng xin cho phép. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng nay cho phép Bí-sô này ở chỗ thanh tịnh đúng pháp đó xây cất phòng nhỏ. Bạch như vậy. "Kế bạch yết ma chuẩn theo lời tác bạch mà làm, nếu Bí-sô được Tăng cho phép rồi thì được tùy ý xây cất, không có gì nghi hoặc. Tăng-già-phạt-thi-sa là phạm tội này phải nương nới tăng mà được trừ diệt, cũng nương nơi Tăng mà được xuất tội, không phải nương ai khác. Vô tàn và Hữu tàn như trong giới trước có nói.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ở chỗ không thanh tịnh, có tranh chấp, chỗ không có tiến thú, tự mình làm hay bảo người làm phòng nhỏ ở trong ba điều kể trên hễ có phạm một lỗi nào đều phạm Tốt-thổ-la-đề. Tăng không thuận cho làm mà vẫn làm cũng phạm Tốt-thổ-la-đề. Làm quá lượng cũng phạm Tốt-thổ-la-đề. Phạm đủ cả ba lỗi kể trên mới phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu Bí-sô đến chỗ các Bí-sô khác nói rằng: "Thầy nên vì tôi cầu xin Tăng chấp thuận cho ở chỗ không có tranh chấp, chỗ có tiến thú được xây cất phòng nhỏ, chớ để cho xây cất qua lượng". Nếu Bí-sô kia xây cất phòng nhỏ ở chỗ có tranh chấp hoặc chỗ không có tiến thú hoặc Tăng không cho phép hoặc làm quá lượng thì Bí-sô xây cất kia phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu phạm đủ các lỗi kể trên thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô đến chỗ Bí-sô xây cất nói rằng: "Thầy làm phòng rất đẹp không có trái với lời tôi nói, nếu có thiếu vật tư tôi sẽ cung cấp". Nếu ở chỗ có tranh chấp, chỗ không có tiến thú hoặc Tăng không cho phép hoặc làm quá lượng thì cả hai đều phạm Tốt-thổ-la-đề; nếu phạm đủ các lỗi kể trên thì cả hai đều phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô đến chỗ Bí-sô xây cất nói rằng: "Thầy làm phòng này không tốt, trái với lời tôi đã nói, nếu thiếu vật tư tôi sẽ không cung cấp". Bí-sô xây cất phạm tội như trên còn Bí-sô đến nói kia không phạm.

Nếu phòng xá đã thành rồi hoặc thọ dụng phòng cũ hoặc sửa lại phòng cũ thì không phạm. Trường hợp không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Bảy: ***XÂY CẤT CHÙA LỚN***

Phật ở vườn Kiều-thiểm-tỳ Cù-sư-la, lúc đó lục chúng Bí-sô đến ở chùa của người khác thường hay chê trách này nọ, như Nan-đà nói với Ô-

ba-nan-đà: "Hãy nhìn xem nóc chùa này nghiêng đổ, tường vách xiêu vẹo giống như nhà của voi ở, không thể ở lâu". Các Bí-sô nghe rồi liền nói: "Các cụ thọ đến ở chùa của người khác đã cất sẵn, không tốn công sức sắp đặt một viên đá để xây cất, lại con chê trách này nọ". Lục chúng nghe rồi liền nói với nhau: "Chúng ta bị các vị Hắc-bát khinh khi, chúng ta nên cất riêng chùa khác để ở, đừng để các vị Hắc-bát gặp nhau liền nói này nọ. Nếu chúng ta đều là người xây cất, các vị Hắc-bát thấy chỗ hở này sẽ nói rằng: lục chúng Bí-sô đều là người xây cất giống như người làm công, khiến chúng ta khi khất thực sẽ bị người khinh khi. Chúng ta nên ở trong chúng mời một người thông minh lợi trí, khéo biết cơ nghi, nói tuy ít mà được nhiều tài thí. Chúng ta nên mời ai làm người thọ sự?". Ô-ba-nan-đà nói: "Theo tôi cụ thọ Xiển-đà là người thông minh lợi trí, khéo biết cơ nghi, chúng ta nên cùng đến thỉnh". Lục chúng liền cùng đến chỗ Xiển-đà nói rằng: "Cụ thọ biết chăng, (kể lại sự việc như trong đoạn văn trên), chúng tôi thấy chỉ có cụ thọ là người thông minh lợi trí, khéo biết cơ nghi có thể làm tri sự". Xiển-đà nghe rồi nói rằng: "Lành thay, đây là đại phước điền, mình người đều được lợi. Để khỏi trái ý chúng, tôi cũng đồng tùy hỉ". Sau đó Xiển-đà vào phòng ngồi kiết già suy nghĩ: "Ta nên dùng phương tiện gì để xây cất trú xứ lớn cho tăng?. Trong thê gian này tất cả người trời đều sanh lòng tín kính Thế Tôn, còn đối với các Bí-sô khác thì có gia đình tín kính cụ thọ A-thận-nhã Kiều-trần-như, gia đình tín kính cụ thọ Mã Thắng, gia đình tín kính cụ thọ Bạt-đà-la… cho đến gia đình tín kính cụ thọ Xá-lợi-tử, gia đình tin kính cụ thọ Mục-kiền-liên, nói chung tất cả Bí-sô đều có thí chủ sanh lòng tín kính, ta thì lại không có thí chủ nào thì dựa vào ai để xây cất chùa lớn cho Tăng. Ở trong thành này có một Bà-la-môn giàu có nhiều của cải nhưng tánh vốn keo kiệt, nếu ta giáo hóa được người này khiến sanh lòng tín kính thì có thể xây cất chùa lớn cho Tăng". Nghĩ thế rồi, sáng sớm hôm sau, Xiển-đà đắp y mang bát vào thành theo thứ lớp khất thực, ở một vài nhà nhận được ít bún khô rồi đến trước cửa ngỏ của Bà-la-môn keo kiệt, muốn vào trong nhưng người giữ cửa không cho vào nói là nhà này không thể vào được. Xiển-đà nói: "Thế Tôn nói Bí-sô khất thực Chỉ-tránh năm nhà: Một là nhà xướng ca, hai là nhà dâm nữ, ba là nhà nấu rượu, bốn là nhà Chiên-đồ La, năm là nhà vương gia. Nhà này đâu có thuộc trong năm nhà đó". Người giữ cửa nói: "Pháp sư nói đùa rồi, nhà này tuy không thuộc trong năm nhà đó, nhưng nhà Bà-la-môn này Pháp sư không thể vào được". Xiển-đà nghe rồi suy nghĩ: "Muốn cầm vạt áo còn không cho tới gần, huống chi là mong cầu việc khác, càng không thể được". Cũng trong lúc ấy, nhà một trưởng giả ở gần đó vừa sanh một hài nhi đang mở

tiệc ăn mừng có ca múa và tấu nhạc, người giữ cửa vì ham coi vũ nhạc nên qua nhà đó xem, Xiển-đà thừa dịp đó lén vào trong nhà. Vị Bà-la-môn từ xa trông thấy Xiển-đà oai nghi tường tự như người lìa dục nên cất tiếng chào hỏi và mời ngồi. Xiển-đà không ngồi xuống liền theo lời mời mà nói với Bà-la-môn: "Tôi theo thứ lớp đến mấy nhà khất thực được ít bún khô muốn nhờ thí chủ rây giùm". Bà-la-môn liền bảo người hầu rây, lúc người hầu đang rây Xiển-đà chăm chú nhìn bún đã rây, Bà-la-môn thấy vậy liền hỏi: "Đại đức nhìn cái gì?", đáp: "Tôi nhìn xem có trùng hay không, nếu có trùng thì tôi không nên dùng". Bà-la-môn hỏi: "Nếu có trùng mà dùng thì có lỗi gì?", Xiển-đà đáp: "Thế Tôn có dạy người sát sanh nêu thường quen làm thì khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào địa ngục chịu các khổ não, dù được làm người cũng nhiều bịnh và chết yểu". Xiển-đà vốn thông ba tạng có biện tài vô ngại, khéo hay thuyết pháp liền nhơn cơ hội này thuyết pháp yếu cho Bà-la-môn nghe, nói về mười ác nghiệp đạo. Bà-la-môn nghe xong khởi tâm tín kính bèn vào trong nhà đem thức ăn thượng diệu ra cúng dường cho Xiển-đà. Xiển-đà liền suy nghĩ: "Ta thường nghe nói nồi bằng cây thì chỉ nấu có một lần, nếu ta thọ bửa ăn này thì đây là bửa ăn đầu tiên cũng là bửa ăn sau cùng". Nghĩ rồi liền nói với Bà-la-môn: "Tôi đã nhận được bún khô của người khác cúng rồi, đâu thể bỏ thức ăn đã nhận được này để thọ thức ăn ngon của hiền thủ". Bà-la-môn nói: Theo pháp của dòng họ tôi nếu trước đã nhận được thức ăn dở, sau gặp được thức ăn ngon, nếu bỏ thức ăn dở đã nhận được cũng không có lỗi gì". Xiển-đà nói: "Pháp của dòng họ Bà-la-môn không có trì giới hạnh nên tùy ý ra làm, còn pháp của chúng tôi có thọ giới phẩm, đã thọ nhận của tín thí thì không được bỏ". Bà-la-môn nghe rồi càng tăng thêm lòng tín kính, Xiển-đà nói xong liền cáo từ ra về, Bà-la-môn này nói: "Đại đức hằng ngày qua bước đến nhà tôi". Xiển-đà nói: "Tôi rất muốn hằng ngày đến gặp ông, nhưng người giữ cửa của ông như tên giữ ngục bạo ác không cho tôi vào". Bà-la-môn nghe rồi liền kêu người giữ cửa bảo rằng: "Từ nay nếu thấy pháp sư đến không được ngăn trở". Lúc đó Xiển-đà suy nghĩ: "Nếu các vị Hắc-bát khác đến được vào nhà Bà-la-môn này thì do không biết cơ nghi sẽ làm cho thí chủ này mất lòng tin đối với ta. Ta phải tìm cách ngăn chận họ, không để cho họ vào được nhà này". Nghĩ rồi liền nói với người giữ cửa: "Ngươi có biết chăng, Bà-la-môn này có đại nhơn duyên với tôi nên mới sanh lòng tín kính", người giữ cửa nói: "Tôi biết", Xiển-đà liền nói: "Cho nên ngươi không được để cho các vị Hắc-bát khác vào trong nhà này. Nếu ngươi cho họ vào ta sẽ phạt đòn ngươi và nói với chủ đổi người khác thay ngươi". Người giữ cửa nói: "Thầy vào trong nhà này không phải là điều tôi muốn, há người khác

có thể vào được hay sao? xin thầy chớ lo". Từ đó Xiển-đà thường lui tới nhà này nói diệu pháp cho vợ chồng Bà-la-môn này nghe khiến họ thọ trì tam quy và năm học xứ. Cũng từ đó Bà-la-môn này hễ trong nhà có gì đều đem ra cúng dường cho Xiển-đà không còn bỏn xẻn như trước nữa, nhưng Xiển-đà một mực không thọ nhận bất cứ vật gì. Sau một thời gian, Xiển-đà lại đến thuyết giảng và khen ngợi bảy phước nghiệp hữu sự cho Bà-la-môn nghe, Bà-la-môn nghe rồi hoan hỉ nói với Xiển-đà: "Thánh giả, nay tôi muốn tu phước nghiệp hữu sự". Xiển-đà nói: "Hiền thủ, thật đúng lúc, tùy ý ông muốn", Bà-la-môn nói: "Thánh giả muốn tôi làm việc phước gì?". Xiển-đà nói: "Hiền thủ nên xây cất trú xứ cho Tăng", Bà-la-môn nghe rồi liền suy nghĩ: "ta từng đem của cải dâng cúng nhưng Thanh giả không chịu thọ nhận bất cứ vật gì, nay vì Tăng mà thọ nhận đủ thấy là bậc thiểu dục". Nghĩ rồi liền sanh lòng tín kính gấp bội nói rằng: "Thánh giả, tôi có rất nhiều của cải muốn xây cất trú xứ cho Tăng, nhưng tất cả đất đai đều thuộc của vua thì làm sao xây cất?". Xiển-đà nói: "Hiền thủ đừng lo, tôi sẽ đến xin vua". Lúc đó Xiển-đà suy nghĩ: "Ta trước phải tham thỉnh ai, vua hay đại thần, pháp tham thỉnh không từ nơi nhà vua mà từ nơi sứ giả". Nghĩ rồi Xiển-đà liền đến nhà vị Đại thần tham thỉnh, Đại thần hỏi: "Thánh giả đến có chuyện gì?", Xiển-đà nói: "Hiện có một Bà-la-môn muốn xây cất trú xứ cho Tăng, nhưng đất đai thuộc của vua không làm sao xây cất được. Tôi vì việc này đến đây dám mong ông tâu lên vua, rất mong ông từ bi giúp cho việc này được thành tựu". Đại thần nói: "Thánh giả, khi nào nhà vua rảnh rỗi, tôi sẽ kêu gọi Thánh giả". Sau đó vào một ngày nhà vua rảnh rỗi, Đại thần liền bảo một người đi gọi Thánh giả Xiển-đà đến. Người này vâng lời đi gọi Xiển-đà, khi đến cửa cung Xiển-đà bảo người giữ cửa: "Ông hãy vào tâu vua Bí-sô Xiển-đà hiện đang đứng ngoài cửa xin được vào yết kiến". Vua liền cho gọi vào, vào đến trước vua chú nguyện cho vua rồi ngồi một bên, vị đại thần tâu vua: "Đây là pháp sư Xiển-đà, đệ tử của Phật Thích Ca, bỏ tục xuất gia thông suốt ba tạng được biện tài vô ngại, có đại phước đức…". Vua nghe rồi liền hỏi: "Thánh giả nhơn việc gì đến?", Xiển-đà nói: "Đại vương, có một Bà-la-môn… như trong đoạn văn trên cho đến câu rất mong đại vương giúp đỡ". Vua nói: "Thánh giả muốn xây cất nơi nào tùy ý, nếu thích nơi này thì cứ làm tăng viên, ta sẽ ra ngoài, nhưng chắc là Thánh giả không làm như thế. Vậy thì trừ cung vua ra, Thánh giả thấy nơi nào thích hợp thì cứ xây cất trú xứ cho Tăng". Xiển-đà chú nguyện cho vua rồi cáo từ ra về, về đến trú xứ nói với lục chúng: "Các vị tùy hỉ, nhà vua đã cho phép trừ cung vua ra, nếu thấy nơi nào thích hợp thì cứ xây cất trú xứ cho Tăng". Lục chúng nghe rồi liền cùng nhau đến nhà Bà-la-môn nói rằng:

"Hiền thủ, nhà vua đã cho phép… như trong đoạn văn trên. Nay Hiền thủ nên đưa tiền tài cho chúng tôi để lo xây cất". Sau khi nhận được tiền tài rồi, lục chúng nói với nhau: "Chúng ta nên xây cất Tỳ-ha-la ở chỗ nào thích hợp?", một người nói rằng: "Từ Kiều-thiểm-tỳ ngó về phía vườn Cù-sư-la, trong đây có một cây đại thọ to cao tàng rộng, hình dáng rất khả ái. Có một Bà-la-môn thường ở dưới tàng cây này dạy học cho năm trăm đồng tử, mỗi khi có Bí-sô đi ngang qua đám học trò này thường chọc ghẹo nói rằng: Bí-sô này là người xin ăn thứ nhất, Bí-sô này là người ăn xin thứ hai… mở bát ra thọ nhận nhiều thức ăn. Chúng thường khinh cười chọc ghẹo chúng ta, nay chúng ta nên xúc não họ lại, chặt bỏ cây đại thọ rồi xây cất trú xứ tăng ở chỗ đó". Sau khi bàn xong, lục chúng liền đến khu lao đông để thuê mướn năm trăm nhân công, sau khi thỏa thuận giá cả xong liền dẫn các nhân công này về chùa, các nhân công nói: "Thánh giả hãy chỉ cho chúng tôi chỗ xây cất", lục chúng nói: "Ăn sáng xong hãy nói". Ăn xong các nhân công lại hỏi xây cất ở đâu, lục chúng lại nói: "Hãy lấy dầu thoa bóp chân lát nữa sẽ làm". Như thế đến chiều tối các nhân công đòi tiền, lục chúng nói: "Đến giờ phải lao động nặng, làm xong đến chỗ tôi lấy tiền", các nhân công nói: "Thánh giả bảo chúng tôi làm việc, há lại không làm hay sao?". Xiển-đà bảo các nhân công mang theo búa rìu rồi dẫn đến chỗ cây đại thọ nói rằng: "Hãy chặt cây đại thọ này", các nhân công nói: "Cây đại thọ này cao to hùng vĩ, chúng tôi không có hai đầu nên không dám chặt". Xiển-đà nói: "Nhà vua đã cho phép trừ cung vua ra, nếu thấy nơi nào thích hợp thì được tùy ý xây cất trú xứ cho Tăng, nay ta muốn chặt bỏ để xây cất tại sao các ngươi không chặt?". Các nhân công nghe rồi cùng nhau bàn bạc: "Chúng ta chặt cây, nếu có bị phạt tội thì lục chúng sẽ chịu". Bàn xong liền cùng chặt bỏ cây đại thọ, cưa sẵn ra thành từng khúc, rồi đào cả gốc rễ, sau đó san bằng đắp đất làm nền móng, tất cả làm xong chỉ trong một đêm. Lúc đó lục chúng nói với nhau: "Chỗ này sẽ cất chùa cho Tăng, chỗ kia cất Hương điện cho Phật Thế Tôn, chỗ kia xây cửa lầu, chỗ kia xây ôn thất, chỗ kia xây tịnh trù, chỗ kia xây phòng tĩnh lự, chỗ kia xây phòng khán bịnh…". Lục chúng Bí-sô sắp đặt đâu đấy xong rồi cùng bỏ đi. Sáng hôm sau theo như thường lệ, học trò của vị Bà-la-môn người tới phiên đến chỗ cây đại thọ quét dọn sạch sẽ, khi đến nơi thì không thấy cây đại thọ ở đó nữa. Người học trò này liền vội chạy đến báo cho thầy biết là cây đại không còn ở chỗ đó nữa, các học trò khác nghe rồi liền cùng chế giễu người học trò này: "Người bạn này nhất định ngày hôm qua đã ăn cơm với giấm nên khi nóng xông lên mắt, không trông thấy cây đại thọ mà thôi". Vị thầy Bà-la-môn liền sai một học trò cận sự đến xem xét thật hư, người học trò khi

đến nơi quả thật là cây đại thọ không còn nữa, liền vội chạy về báo lại. Vị thầy nghe rồi liền cùng năm trăm học trò đến chỗ cây đại thọ xem cho rõ, trong số học trò có người nhớ nghĩ nói rằng: "Đây là nơi thầy thường giảng dạy cho chúng ta, đây là nơi chúng ta đã cùng nhau học tập". Các học trò cũng cùng chung một ý nghĩ như vậy nên đứng im lặng dáng vẻ ưu sầu. Lúc đó có một người đi ngang qua thấy vậy hỏi rằng: "Vì sao các vị sầu não như vậy?", vị thầy Bà-la-môn nói: "Chỗ này trước đây có một cây đại thọ hình dáng thù thắng, cao to hùng vĩ, bỗng nhiên trong đêm qua có ai đã chặt bỏ mất rồi". Người ấy nói: "Chiều tối hôm qua, tôi thấy lục chúng Bí-sô dẫn các nhân công và mang rất nhiều búa rìu, há chẳng phải họ đã chặt bỏ cây này hay sao?". Vị thầy nghe rồi lộ vẻ ưu sầu, vừa lúc đó lục chúng Bí-sô đến thấy vậy liền hỏi vị thầy Bà-la-môn: "Tiên sinh vì sao lộ vẻ ưu sầu như vậy?", vị thầy Bà-la-môn nói: "Thánh giả, chỗ này trước đây có cây đại thọ hình dáng thù thắng, cao to hùng vĩ, không biết vì sao đêm qua bị chặt mất rồi". Lục chúng nghe rồi cười lớn, vị thầy Bà-la-môn liền hỏi: "Phải chăng chính các vị đã chặt cây này?", lục chúng nói: "Chính là chúng tôi cố ý muốn não loạn các vị, há ông không nhớ học trò của ông đã từng dùng lời chế giễu đùa cợt chúng tôi sao?. Họ nói đây là người ăn xin thứ nhất, đây là người ăn xin thứ hai…, mở túi bát ra thấy chứa đầy những thức ăn xin". Vị thầy Bà-la-môn nói: "Sa môn Thích tử cô chấp ôm giữ oán hận trong lòng", nói rồi cùng nhau trách mắng lục chúng Bí-sô: "Hạng người như vậy là tự thiêu đốt chánh pháp, mất hạnh sa môn. Cây đại thọ hình dáng thù thắng, cao to hùng vĩ lại vô cớ chặt bỏ". Các Bí-sô nghe biết liền đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm các Bí-sô… như trong giới trên cho đến câu chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô xây cất chùa lớn, có thí chủ đứng ra làm, Bí-sô này phải đưa chúng Bí-sô đến xem xét chỗ xây cất đó. Các Bí-sô kia phải đến xem xét chỗ xây cất đó có phải là chỗ tịnh đúng pháp, chỗ không có tranh chấp, chỗ có tiến thú hay không. Nếu Bí-sô này ở chỗ không thanh tịnh đúng pháp, chỗ có tranh chấp, chỗ không có tiến thú mà xây cất chùa lớn, có thí chủ đứng ra làm, cũng không đưa chúng Bí-sô đến xem xét chỗ xây cất thì Bí-sô này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho lục chúng.

Xây cất chùa lớn, nói lớn có hai nghĩa: Một là thí chủ đứng ra làm cúng thí nhiều tài vật, hai là chùa xây với diện tích lớn. Trong giới này chữ lớn chỉ cho thí chủ đứng ra làm cúng thí nhiều tài vật.

Chỗ xây cất chùa là nơi dung chứa được bốn oai nghi.

Có thí chủ đứng ra làm là chỉ cho nam, nữ, bán-trạch-ca-làm thí chủ. Làm cho Tăng là làm cho Phật và chúng tăng ở. Phải đưa chúng Bí-sô đến xem xét là dưa các Bí-sô đến xem chỗ xây cất có thanh tinh đúng pháp, không có tranh chấp và là chỗ có tiến thú hay không rồi trở về bạch lại cho chúng tăng biết để xin Tăng bạch nhị yết ma cho phép xây cất. Tướng phạm nhẹ nặng, một hay hai Bí-sô cùng làm cho đến si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách thì không phạm giống như trong giới trên đã nói.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 13

Học Xứ Thứ Tám: ***VU BÁNG KHÔNG CĂN CỨ***

Đức Bạc-già-phạm ở thành Vương Xá trong vườn Trúc Lâm gần ao Yết-lan-đạc-ca , lúc đó trong nước Ba-ba có một đại thần tráng sĩ tên là Thắng Quân giàu có nhiều của cải, thọ dụng đầy đủ, tài sản đã có nhiều như Tỳ sa môn thiên vương. Tuy không thuộc dòng tộc vua nhưng tráng sĩ này đã làm pháp quán đảnh để lên ngôi vua, con gái trong dòng họ Thắng được chọn làm vương phi cùng sống rất vui vẻ hạnh phúc. Trải qua một thời gian khá lâu vương phi vẫn chưa có tin vui nên nhà vua phải cầu đảo Thần kỳ, đi khắp các thiên miếu cầu con mong có người kế tự nhưng không được toại nguyện. Người thế gian cho rằng nếu do cầu con mà được con là điều hư vọng, vì nếu là thật thì ai nấy đều có thể có ngàn người con như Chuyển luân vương. Trên thật tế phải do ba việc hội họp đầy đủ mới có con: Một là do cha mẹ giao hợp, hai là thân người mẹ thanh tịnh ứng hợp cho việc có thai, ba là thực hương (thân trung ấm) hiện tiền. Vua Thắng Quân khi hội đủ ba nghiệp duyên trên thì có một vị trời từ cõi trời Thắng diệu gá vào thai của Vương phi, đây là lần thọ sanh sau cùng của vị trời này để vui tu thắng hạnh, có tánh giải thoát thú hướng Niết-bàn, nhàm lìa sanh tử ở trong Tam Hữu (ba cõi) không còn ưa thích. Nếu thai nhi là Nữ thì thông tuệ có năm trí sai biệt như trong các giới trên có nói, cho đến câu nếu thai nhi là nam thì nằm bên hông hữu của người mẹ. Lúc đó Vương phi vui mừng tâu với vua rằng: "Đại vương biết chăng, thiếp nay đã mang thai sau này sẽ làm rạng rỡ tông tộc. Thai nằm ở bên hông hữu nhất định là con trai", vua nghe rồi vui mừng nói rằng: "Từ lâu nay ta luôn nghĩ đến việc có người kế tự làm hưng thạnh tổ nghiệp của ta. Ta nuôi lớn hoài bảo này cuối cùng cũng được báo đáp, ta nay nên làm nhiều việc huệ thí cầu phước lợi cho tông thân dể sau khi ta chết, họ sẽ ca ngợi tên ta, cầu nguyện cho ta và cha mẹ ta sanh vào cõi nào cũng được phước đức trang nghiêm". Nhà vua liền cho Vương phi ở trên lầu cao tùy theo thời tiết mà cung Cấp-đầy đủ, có nữ

lương y lo việc thuốc thang và ăn uống sao cho nóng lạnh điều độ và đủ các mùi vị. Vương phi trang sức những hạt châu anh lạc trên người như thể nữ ở cõi trời, thường ở trên giường ghế chân không dính đất, mắt không nhìn sắc xấu, tai không nghe tiếng ác. Trải qua chín tháng cưu mang, Vương phi sanh hạ một trai dung mạo kỳ dặc hơn người nên ai nấy đều yêu mến. Trán rộng, mi dài, mũi cao, sống thẳng, thân có màu kim sắc, tay duỗi dài quá gối… nên mọi người đều khen ngợi. Trải qua hai mươi mốt ngày vua tụ hội tôn thân, bồng hài nhi ra mắt tôn thân rồi hỏi: "Hài nhi này nên đặt tên là gì? từ lúc sanh cháu đã tự nhiên tịnh khiết, chưa bồng ra khỏi giường nệm thì không chịu tiểu tiện hay đại tiện". Mọi người cùng bàn luận rồi nói: "Theo quốc pháp nếu là thiên nhiên tịnh khiết thì gọi là Thật, hài nhi này bẩm chất thanh tịnh chưa bồng ra khỏi giường nệm thì không chịu tiểu tiện hay đại tiện, tịnh khiết hơn người, lại là con của Tráng Lực đại vương nên đặt tên cho hài nhi là Thật-lực-tử". Ngày Thật-lực-tử sanh có năm trăm tráng sĩ đồng thời sanh con trai và theo gia tộc của mỗi người mà đặt tên. Lúc đó vua Thắng Quân trao thái tử cho tám bà vú nuôi: Hai bà lo về bú mớm, hai bà lo về tả lót, hai bà lo về việc tắm rửa, hai bà bồng ẵm cùng vui đùa. Nuôi dưỡng thái tử toàn bằng sữa, lạc, đề hồ, thạch mật… nên thái tử chóng lớn như hoa sen trồi lên mặt nước. Có một thầy tướng số thấy thái tử nằm trong lòng nhũ mẫu liền suy nghĩ: "Hài nhi này đủ hai phước điền, nếu người nào cúng dường đứa bé này sẽ được công đức lợi thù thắng". Nghĩ rồi liền nói với nhũ mẫu: "Xin bà hãy từ bi cho tôi bồng đứa bé, tôi muốn được tùy tình cúng dường trong chốc lát", nhũ mẫu nói: "Đối với đứa trẻ này quả thật tôi không được tự tại, nếu ông muốn được như vậy thì hãy đến tâu vua". Thầy tướng số liền đến chỗ vua tâu rằng: "Đại vương, thái tử là phước điền thù thắng, nếu người nào cúng dường trong chốc lát, người ấy sẽ được công đức lợi thù thắng. Xin vua cho phép tôi được cúng dường trong chốc lát", Vua nghe rồi liền nói: "Ta cho ông được như ý muốn". Thầy tướng số bồng thái tử về nhà trước tắm rửa rồi thoa hương thơm, dùng y tốt bọc lấy thân, kế dùng cháo sữa đút cho thái tử ăn, cúng dường xong rồi bồng trao trả lại cho vua. Thái tử dần dần khôn lớn học đủ các môn thư, toán, thủ ấn, kỷ nghệ… thảy đều thông suốt. Theo pháp của chủng tộc Sát-đế-lợi phải học đủ các môn cởi ngựa, voi, xe, dùng binh khí, giáo mác, cung tên với các nghi bắn cung sao cho tay chân đạt được kỷ xảo; vì thế không môn học nào thái tử đều không thông suốt. Năm trăm đồng tử cùng ngày sanh với thái tử cũng học thông các môn học như vậy. Vua cha cho xây cất ba cung điện hợp theo ba mùa xuân, hạ, đông có ba hoa viên với ba loại thể nữ thương trung hà mục đích làm cho thái tử được vui vẻ. Mỗi ngày năm

trăm đồng tử này đều đến vui chơi cùng thái tử, một hôm năm trăm đồng tử này rủ nhau ra ngoài săn bắn, do suốt ngày dong ruỗi mà không thu hoạch được gì nên họ ở luôn trong rừng để sáng hôm sau săn bắn tiếp, đến hôm thứ ba thu hoạch được nhiều mới chịu trở về thì đã chiều tối. Các đồng tử này nói với nhau: "Trời đã chiều tối, không thể đến tụ hội với thái tử được, đợi sáng mai chúng ta hãy đến". Vì đã trải qua ba ngày mới gặp lại nên Thái tử hỏi: "Các bạn thường ngày đến cùng tôi vui chơi sao nay trải qua ba ngày mới đến?". Các đồng tử đáp: "Chúng tôi ra ngoài săn bắn đợi thu hoạch được nhiều mới trở về". Thái tử hỏi: "Săn bắn là thế nào?", đáp: "Săn bắn là giết nhiều hươu nai…", lại hỏi: "Những con thú ấy ăn uống thứ gì?", đáp: "Chúng ăn cỏ uống nước", Thái tử nghe rồi liền nói: "Nếu như vậy thì chúng đâu có làm tổn hại cho người, duyên cớ gì lại giết chúng?", các đồng tử nói: "Khi thấy chúng bị giết, tâm chúng tôi vui thích", Thái tử nói: "Các bạn không nên thấy chúng thọ khổ mà tâm sanh vui thích". Năm trăm đồng tử này nghe rồi cùng nói với nhau: "Do thái tử không đi săn bắn nên mới chê trách chúng ta, chúng ta nên làm cho thái tử cùng đi săn bắn với chúng ta". Bàn xong các đồng tử này liền đến tâu với vua: "Đại vương, thái tử sanh trưởng trong thâm cung, nếu nước bên địch kéo đến ắt Thái tử sẽ sanh sợ hãi. Sao Đại vương không cho Thái tử đi săn bắn, nếu thường ra ngoài đi săn tâm sẽ trở nên dũng kiện, dù nước bên địch kéo đến tình cũng không khiếp sợ". Vua nghe rồi liền bảo Thái tử: "Con nên ra ngoài thử học cách săn bắn", Thái tử nói: "Phụ vương, con không muốn đi", Vua nói: "Con thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi phải học cách dùng binh khí và cách bắn cung". Thái tử không dám trái lịnh phụ vương nên cùng năm trăm đồng tử ra ngoài săn bắn, các đồng tử này cùng nói với nhau: "Sau khi nhà vua băng hà, Thái tử sẽ làm vua, nếu nay chúng ta hết lòng thừa sự Thái tử, sau này lộc vị sẽ tăng trưởng". Bàn xong liền nói với Thái tử: "Thái tử đứng ở đây, chúng tôi sẽ xua đuổi bày nai đến chỗ thái tử", nói rồi họ liền cùng nhau bao vây xua đuổi bầy nai chạy đến chỗ Thái tử, Thái tử từ xa trông thấy bầy nai chạy hốt hoảng, thân bị trúng tên há miệng mà chạy liền suy nghĩ: "nếu có người nào tâm không từ bi, không sợ đời sau, người ấy còn không khởi tâm độc ác với những con nai này huống chi là giết chết". Thái tử vì muốn bảo hộ những con nai kia nên từ xa bắn ba mũi tên vào bầy nai, một mũi bay vào giữa hai bắp vế, một mũi xuyên sát sừng nai, một mũi cắm phập xuống đất không làm tổn thương một con nai nào, khi bầy nai chạy đến chỗ Thái tử, Thái tử liền thả ra cho chúng mặc tình chạy trốn. Lúc đó năm trăm đồng tử cùng suy nghĩ: "Thái tử lâu nay tập bắn cung rất giỏi, nhất định sẽ giết nhiều hươu nai", nhưng khi tụ họp đến chỗ Thái tử lại không thấy giết được

một con nào liền suy nghĩ: "Chắc là thái tử đã ra lịnh cho xe chở hươu nai về trước rồi", nghĩ rồi liền hỏi Thái tử: "Hươu nai đã giết đâu hết rồi", Thái tử nói: "Chúng kinh hãi chạy tán loạn cơ hồ muốn giết tôi". Cách chỗ Thái tử đứng không xa có một người giữ vườn, người này nghe Thái tử nói như vậy rồi liền nói với năm trăm đồng tử: "Vì sao các người lại để cho người không có tâm sát hại đứng giữ ở đây, muốn giết hết bầy nai đã chạy trốn thì phải noi theo đường mà chúng đã chạy". Năm trăm đồng tử này nghe rồi đều nổi giận cùng nói với nhau: "Chúng ta cực khổ không nài thân thể thương tổn để xua đuổi bầy nai chạy đến đây, sao Thái tử lại thả chúng chạy thoát chứ, thật là đáng chết. Nếu chúng ta giết Thái tử thì nhà vua cũng sẽ giết chúng ta, chi bằng bỏ mặc Thái tử ở lại đây". Thái tử nghe rồi liền suy nghĩ: "Những người bạn này xua đuổi bầy nai chạy đến chỗ ta là để cùng vui chơi với ta, vì ta không giết nai nên bỏ mặc ta ở lại trong rừng hoang này. Nếu sau này ta làm vua đối với những người bạn này sẽ làm điều không Lợi-ích". Sau khi trở về trong cung Thái tử ngồi chống tay vào má dáng vẻ ưu sầu, khi các nội nhơn đến Thái tử cũng không đưa mắt nhìn, thấy vậy các nội nhơn này liền chạy đến tâu vua: "Đại vương, không hiểu tại sao Thái tử thấy chúng tôi không đưa mắt nhìn, chỉ ngồi chống tay vào má dáng vẻ ưu sầu". Vua nghe rồi liền đến hỏi Thái tử: "Sao nay con lại ưu sầu không vui?", Thái tử đáp: "Phụ vương bảo con đi săn băn làm sao con không ưu sầu?", Vua hỏi: "Con thật không ưa thích săn bắn sao?", đáp: "Con thật không ưa thích chút nào", Vua nói: "Nếu vậy từ nay con đừng đi săn bắn nữa". Lúc đó Thái tử suy nghĩ: "Ở thế tục nhiều nạn, các khổ bức bách thường bị phiền não trói buộc; xuất gia nhàn tịnh suốt đời thuần nhất không tạp, viên mãn phạm hạnh. Ta nay nên chánh tín từ bỏ nhà đến chỗ không nhà, xa lìa trần tục".

Trong nước Ba-ba có lục sư ngoại đạo ở cách Vương thành không xa, đó là Bô-thích-noa Ca-diếp-ba-tử, Mạc-tắc-yết-lợi-cù-xá-lê-tử, San-thệ-di-tỳ-thích-tri-tử, A-thị-đa-kê-xá-cam-bạt-la-tử, Khước-câu-đa-ca-diễn-na-tử, Ni-kiền-đà-thận-nhã-đê-tử. Họ không phải là những bậc Nhất thiết trí nhưng lại kiêu mạn cho mình là Nhất thiết trí làm cho mọi người kính ngưỡng. Lúc đó Thật-lực-tử tìm đến chỗ lục sư ngoại đạo, trước đến chỗ Bô-thích-noa Ca-diếp-ba-tử hỏi: "Pháp lý tông chỉ của đại sư là gì, đại sư dạy cho các đệ tử những gì, nếu siêng tu phạm hạnh sẽ được quả gì?". Vị đại sư này đáp: "Thái tử, tông chỉ của tôi nếu thấy biết như thế nào sẽ giảng thuyết như thế ấy: không có cho, không có nhận, cũng không có việc cúng tế, không có thiện ác hạnh, không có nghiệp nhơn duyên, không có quả dị thục, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có

mẹ, cũng không có hữu tình hóa sanh trong cõi này; không có A-la-hán chánh thú chánh hạnh, đời này đời khác ở trong hiện pháp được tự giác ngộ, chánh chứng viên mãn, tự biết rõ rằng sự sanh đã tận, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tất cả đều không, ở cõi này có mạng sống thì gọi là sanh, thân này mãn rồi năm đại chia lìa lại không có lý sanh thì gọi là tử. Lúc đó đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa, gió trở về gió, các căn trở về không bị khiêng đến chỗ hỏa thiêu, sau khi thiêu xong chỉ còn lại mớ xương tàn không biết gì nữa. Kẻ ngu người trí đều đồng như vậy, người trao cho gọi là Thí, người nhận lấy gọi là Thọ, các học thuyết về Có đều là hư vọng". Thật-lực-tử nghe rồi liền suy nghĩ: "Vị đại sư này nói trái với chánh đạo, hành theo tà đạo, giống như đường hiểm có nhiều sợ hãi, người trí nên bỏ không nên tu tập". Nghĩ rồi nói kệ:

"Huệ ác nói pháp ác Thật ngu xưng Đại sư Pháp này cho là phải Pháp gì gọi phi pháp?".

Biết như thế rồi như đánh vào khí cụ rỗng chỉ có tiếng hư bèn bỏ đi. Kế đến chỗ Mạc-tắc-yết-lợi-cù-xá-lê-tử hỏi: "Pháp lý tông chỉ của đại sư là gì, đại sư dạy cho các đệ tử những gì, nếu siêng tu phạm hạnh sẽ được quả gì?". Vị đại sư này nói: "Thái tử, tông chỉ của tôi nếu thấy biết như thế nào thì giảng thuyết như thế ấy: Tất cả hữu tình không nhơn không duyên mà có phiền não, tất cả hữu tình không nhơn không duyên mà bị phiền não bức bách, tất cả hữu tình không nhơn không duyên mà có thanh tịnh, tất cả hữu tình không nhơn không duyên mà được thanh tịnh, tất cả hữu tình không nhơn không duyên mà có vô tri, tất cả hữu tình không nhơn không duyên mà hết vô tri. Tất cả hữu tình không có lực, không có siêng năng, không có dũng mãnh, không có tấn tới, không có mình không có người. Tất cả hữu tình loài có mạng sống không có oai thế, ở trong sáu loài chúng sanh thường thọ khổ lạc, vượt qua những loài này thì không". Thật-lực-tử nghe rồi liền suy nghĩ: "Đại sư này trái với chánh đạo hành theo tà đạo như đường hiểm có nhiều sơ hãi, người trí nên bỏ không nên tu tập". Nghĩ rồi nói kệ:

"Huệ ác nói pháp ác Thật ngu xưng Đại sư Pháp này cho là phải Pháp gì gọi phi pháp".

Biết như thế rồi như đánh vào khí cụ rỗng chỉ có tiếng hư bèn bỏ đi. Kế đến chỗ San-thệ-di-tỳ-thích-tri-tử hỏi: "Pháp lý tông chỉ của Đại sư là gì, Đại sư dạy cho các đệ tử những gì, siêng tu phạm hạnh sẽ được quả gì?". Vị Đại sư này nói: "Thái tử, tông chỉ của tôi nếu thấy biết như thế nào thì giảng thuyết như thế ấy: Nếu tự giết, bảo người khác giết; tự chặt, bảo

người khác chặt; tự nấu, bảo người khác nấu; tự trộm, tà hạnh, vọng ngữ, uống rượu và dạy bảo người khác làm… cho đến khoét vách, mở khóa, canh giữ đường hiểm, cầm kiếm luân giết hại các loài, ở trên đại địa hễ có loài hữu tình nào đều chặt chém cho chết, thịt gom thành đống, ở phía nam sông Căng-già đã làm những nghiệp ác này; ngược lại ở phía bắc sông Căng-già thì lại thiết lập phước hội lớn. Không do duyên cớ này mà có nhơn tội phước chiêu lấy quả báo tội phước; cũng không do bố thí, trì giới, thiểu dục tri túc mà được quả đời sau". Thật-lực-tử nghe rồi liền suy nghĩ: "Đại sư này trái với chánh đạo hành theo tà đạo, như đường hiểm có nhiều sợ hãi, người trí nên bỏ không nên tu tập". Nghĩ rồi liền nói kệ:

"Huệ ác nói pháp ác Thật ngu xưng Đại sư Pháp này cho là phải Pháp gì gọi phi pháp".

Biết như thế rồi như đánh vào khí cụ rỗng chỉ có tiếng hư bèn bỏ đi. Kế tìm đến chỗ A-thị-đa-kê-xá-cam-bạt-la-tử hỏi: "Pháp lý tông chỉ của Đại sư là gì, Đại sư dạy cho các đệ tử những gì, siêng tu phạm hạnh sẽ được quả gì?". Vị Đại sư này đáp: "Thái tử, tông chỉ của tôi nếu thấy biết như thế nào thì giảng thuyết như thế ấy: Có bảy việc thân không có năng tác, không có sở tác, không có năng biến, không có sở biến, không thể làm tổn hại, thể của nó còn mãi. Đó là Địa thân, Thủy thân, Hỏa thân, Phong thân, Khổ thân, Lạc thân, Mạng thân. Bảy thân này tụ lại một chỗ như bó lau, vận động chuyển biến không làm não hại nhau, tội phước khổ vui cũng không tương quan nhau. Nếu có người chặt đứt đầu người này, người kia cũng không thống khổ; đao kiếm có xuyên qua lỗ chân lông trong thân của người này, cũng không tổn đến tánh mạng của người kia. Cho nên không có năng sát, sở sát; năng vấn, sở vấn; năng ức, sở ức. Trong bốn phương có một vạn bốn ngàn môn duyên sanh, lại có sáu vạn sáu ngàn cho đến năm, ba, hai, một và nửa nghiệp sai khác; lại có sáu mươi hai hạnh, sáu mươi hai trung kiếp, hai ngàn địa ngục, ba ngàn các căn, ba mươi sáu tinh khí, bốn vạn sáu ngàn tộc rồng, bốn vạn chín ngàn tộc họ Diệu súy điểu, bốn vạn chín ngàn chủng tộc ngoại đạo ăn xương đầu người, bốn vạn chín ngàn chủng tộc ngoại đạo lộ hình, bốn vạn chín ngàn chủng tộc ngoại đạo tà mạng. Có bảy loại tưởng, bảy loại A-tô-la, bảy loại Tất-xá-già, bảy loại trời, bảy loại người. Có bảy trăm lẻ bảy ao, bảy trăm lẻ bảy mộng, bảy trăm lẻ bảy bờ, bảy trăm lẻ bảy ngọn núi. Có bảy loại thắng sanh, mười loại tăng trưởng, tám đại nhân địa. Như vậy trải qua tám ngàn đại kiếp, tất cả Trí ngu đã có thảy đều hết khổ, như người lấy tơ nhỏ ném vào hư không liền rơi trở xuống đất, tất cả Trí ngu cũng vậy trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp luân hồi qua lại đều dứt hết khổ đau. Trong thế gian này thật không có sa môn,

Bà-la-môn nào có thể nói rằng: Ta chế giới câm khiến các đệ tử siêng năng tiết chế, kiên trì tu phạm hạnh, nghiệp chưa thuần thục có thể khiến thuần thục, nghiệp đã thuần thục thì có thể bỏ các ác… các cảnh giới khổ, nhất định đoạn hết khổ vui ở các cõi. Nói đến kiếp tăng kiếp giảm đều là không có nhưng ắt có lưu chuyển sanh tử". Thật-lực-tử nghe rồi liền suy nghĩ: "Đại sư này trái với chánh đạo hành theo tà đạo, như đường hiểm có nhiều sợ hãi, người trí nên bỏ không nên tu tập". Nghĩ rồi liền nói kệ:

"Huệ ác nói pháp ác Thật ngu xưng Đại sư Pháp này cho là phải Pháp gì gọi phi pháp".

Biết như thế rồi như đánh vào khí cụ rỗng chỉ có tiếng hư bèn bỏ đi. Kế tìm đến chỗ Khước Câu-đa-ca-diễn-na-tử hỏi: "Pháp lý tông chỉ của Đại sư là gì, Đại sư dạy cho các đệ tử những gì, siêng tu phạm hạnh sẽ được quả gì?". Vị Đại sư này đáp: "Thái tử, tông chỉ của tôi nếu thấy biết như thế nào thì giảng thuyết như thế ấy: Nếu có người đến hỏi tôi có đời sau không, tôi liền đáp là có; nếu hỏi không có đời sau phải không, tôi liền đáp là không có; nếu hỏi cũng có cũng không có đời sau phải không, tôi liền đáp là cũng có cũng không có; nếu hỏi chẳng phải có chẳng phải không có đời sau phải không, tôi liền đáp là chẳng phải có chẳng phải không có. Nếu có người hỏi tôi việc đó là đúng phải không, tôi liền đáp là đúng; nếu hỏi việc đó là sai phải không, tôi liền đáp là sai; nếu hỏi cũng đúng cũng sai phải không, tôi liền đáp là cũng đúng cũng sai; nếu hỏi chẳng phải đúng chẳng phải sai phải không, tôi liền đáp là chẳng phải đúng chẳng phải sai. Nếu hỏi đời sau là một hay khác thì tôi trả lời cũng giống một như vậy". Thật-lực-tử nghe rồi liền suy nghĩ: "Đại sư này trái với chánh đạo hành theo tà đạo, như đường hiểm có nhiều sợ hãi, người trí nên bỏ không nên tu tập". Nghĩ rồi liền nói kệ:

"Huệ ác nói pháp ác Thật ngu xưng Đại sư Pháp này cho là đúng Pháp gì gọi phi pháp".

Biết như thế rồi như đánh vào khí cụ rỗng chỉ có tiếng hư bèn bỏ đi. Kế tìm đến chỗ Ni Kiền Đà Thận Nhã Đê Tử hỏi: "Pháp lý tông chỉ của Đại sư là gì, Đại sư dạy cho các đệ tử những gì, siêng tu phạm hạnh sẽ được quả gì?". Vị Đại sư này đáp: "Thái tử, tông chỉ của tôi nếu thấy biết như thế nào thì giảng thuyết như thế ấy: Nếu mọi người thấy có thọ khổ vui là do đời trước đã tạo nghiệp nhơn, do sức tu khổ hạnh có thể trừ được túc nghiệp, không tạo nghiệp mới, ra khỏi sanh tử, chứng pháp Vô lậu, các nghiệp liền hết, do các nghiệp hết nên các khổ cũng hết". Thật-lực-tử nghe rồi liền suy nghĩ: Đại sư này trái với chánh đạo hành theo tà đạo, như đường

hiểm có nhiều sợ hãi, người trí nên bỏ không nên tu tập". Nghĩ rồi liền nói kệ:

"Huệ ác nói pháp ác Thật ngu xưng Đại sư Pháp này cho la đúng Pháp gì gọi phi pháp".

Biết như thế rồi như đánh vào khí cụ rỗng chỉ có tiếng hư bèn bỏ đi. Trở về Vương cung, lên trên lầu cao ngồi chống tay vào má suy nghĩ: "Tất cả người, trời, Ma, Phạm, Sa môn, Bà-la-môn trong thế gian này phải chi có một người nào có thể thọ trì một, hai, ba, bốn câu chú thuật thần nghiệm, phương pháp minh dược, ở trong sanh tử lao ngục vô minh, không cần dụng công nhiều mà làm cho ta được xuất ly". Thường pháp của chư Phật là quán sát thế gian , không gì là không nghe thấy, không gì là không hay biết, hằng khởi tâm đại bi làm lợi ích cho tất cả; làm người đại hộ hùng mạnh bậc nhất, không có hai lời, an trụ nơi định huệ, hiển phát ba minh, khéo tu ba Học, khéo điều phục ba nghiệp, vượt qua bốn Bộc lưu, an trụ bốn Thần túc; ở trong đêm dài tu bốn Nhiếp hạnh, xả bỏ năm Cái, xa lìa năm Chi, vượt khỏi năm đường, sáu căn đầy đủ, sáu Độ viên mãn, bảy Tài khắp thí, khai bảy Giác hoa, lìa tám pháp thế gian, chỉ bày tám đường chánh, đoạn hẳn chín Kiết, tỏ rõ chín Định, đầy đủ mười Lực, danh vang khắp mười phương, thù thắng hơn hết trong trăm ngàn tự tại, được bốn Vô úy, pháp âm như sấm rền, như sư tử rống, ngày đêm sáu thời thường dùng Phật nhãn xem xét thế gian, ai tăng, ai giảm, ai gặp nhiều khổ ách, ai hướng về đường ác. Quán sát rồi nghĩ muốn dùng thắng phương tiện ở trong ba đường ác cứu vớt khiến được ra khỏi, an định cõi trời người khiến trụ nơi Niết-bàn; đối với kẻ đắm chìm trong bùn tham dục thường nghĩ cứu vớt họ; người không có Thánh tài khiến cho được Thánh tài; ai bị mây vô minh che làm mờ mắt thì dùng thuốc đại trí khiến cho mắt được sáng; người không có thiện căn thì khiến cho họ trồng căn lành; người đã trồng căn lành thì khiến cho họ được thành thục; người đã thành thục thì khiến cho họ được giải thoát. Như kệ thuyết:

"Như thủy triều biển cả Có hạn kỳ mất đi

Đối với người được độ, Phật độ không kỳ hạn. Như mẹ sanh con một, Bảo hộ con đến cùng. Đối với người được độ, Phật thương còn hơn thế, Phật dùng tâm đại bi, Quán khắp trong sanh tử,

Thường theo người được độ, Như bò mẹ theo con".

Lúc đó Thế Tôn liền suy nghĩ: "Thật-lực-tử đã từng ở chỗ Phật trồng các căn lành, cũng như mụt nhọt đã chín muồi chỉ chờ dao mổ, nay chính là lúc có thể giáo hóa Thật-lực-tử". Lại quán sát người này là được Phật

hóa độ hay được hàng đệ tử của Phật hóa độ; nên dùng thần lực giáo hóa hay oai nghi giáo hóa. Phật quán biết rõ là do oai nghi của đệ tử mới có thể hóa độ được Thật-lực-tử. Trong cõi trời người chỉ có Bí-sô Mã Thắng là oai nghi tối thắng nên Thế Tôn liền bảo Bí-sô Mã Thắng: "Thầy nên biết thời, đã đúng lúc nên đến nước Ba-ba hóa độ thái tử Thật-lực-tử". Bí-sô Mã Thắng im lặng nhận lời, sáng hôm sau đắp y mang bát vào thành Vương Xá khất thực, sau khi ăn xong rửa bát, thu dọn chỗ ngồi rồi lại chấp trí y bát tuần tự du hành đến nước Ba-Ba, trụ trong rừng Thủy Điệt. Qua sáng hôm sau lại đắp y mang bát vào trong thành Ba-ba theo thứ lớp khất thực, giở chân hạ chân, nhìn ngó, co duỗi… oai nghi tiến thú thảy đều trang nghiêm. Lúc Thái tử ở trên lầu cao từ xa nhìn thấy từng bước chân thong dong tự tại chưa từng có, oai nghi tiến chỉ không có chút khuyết điểm. Nhìn thấy rồi thái tử liền suy nghĩ: "Những người xuất gia trong nước chưa từng thấy có oai nghi này, những người xuất gia ở tụ lạc tuy có chỉnh túc oai dung nhưng người sống nơi A-lan-nhã thì không như thế. Nay ta nên cho người theo dõi xem vị ấy về đến nơi rừng vắng còn có oai nghi như vậy hay không". Nghĩ rồi Thái tử liền sai người đi theo tới tận chỗ ở của Bí-sô đó xem thử ở chốn Lan-nhã vắng vẻ không người, nghi dung của Bí-sô đó có si khác không. Sứ giả tuân mệnh theo sau Bí-sô Mã Thắng lén quan sát thấy Bí-sô ở trong thành khất thực xong liền về thẳng trong rừng Thủy Điệt, đặt y bát và đãy lượt nước qua một bên rồi lấy y giũ bụi, rửa tay chân rồi lấy lá vàng rụng lót trên đất để ngồi thọ thực. Ăn xong rửa bát, rửa tay chân rồi ngồi kiết già an tọa, oai nghi tịch tĩnh giống như rồng cuộn, chánh thân đoan tọa. Sứ giả quan sát xong trở về bạch với Thái tử: "Trong thành thấy oai nghi của Bí-sô kia thong dong tự tại, về đến trong rừng vắng oai nghi còn thù thắng gấp trăm lần". Thái tử nghe rồi liền bảo người đánh xe nghiêm chỉnh xa giá đưa Thái tử đến trong khu rừng đó để diện kiến Bí-sô. Khi đến mé rừng, Thái tử xuống xe đi bộ đến chỗ ở của Bí-sô Mã Thắng. Từ xa trông thấy Bí-sô đang nhập định, Thái tử suy nghĩ: "Ta nay không nên làm loạn đông Bí-sô trong cảnh định thù thắng, đợi người xuất định ta hãy đến làm lễ", nghĩ rồi tìm nơi thuận tiện ngồi chờ. Đến chiều Bí-sô mới xuất định, Thái tử liền đến trước mặt đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch rằng: "Đại đức, Thánh giả là bậc đại sư hay là hàng đệ tử?", đáp: "Tôi là hàng đệ tử không phải bậc đại sư". Thái tử hỏi: "Giữa Đại sư và đệ tử hơn kém nhau như thế nào?". Bí-sô Mã Thắng đáp: "Hơn kém nhau như trời vực, Thái tử nên biết, như sơn vương Diệu Cao so với hạt cải; như biển cả so với vũng nước có dấu chân trâu; như ánh sáng mặt trời so với ánh sáng của con đom đóm". Bí-sô liền nói kệ:

"Diệu Cao sánh hạt cải,
Biển cả so vũng nước,
Hư không sánh lỗ nhỏ,
Mặt trời so đom đóm,
Mọi vật trên thế gian,
Không thể làm ví dụ,
Đệ tử so với thầy,
Việc này cũng như vậy".

Khi nghe kệ rồi Thái tử liền suy nghĩ: "Như Bí-sô đã nói về công đức sai biệt giữa thầy và đệ tử, há chẳng phải còn có một bậc Diệu giác Thế Tôn và pháp thù thắng hay sao". Nghĩ rồi Thái tử liền hỏi Bí-sô Mã Thắng: "Đại đức, nay tôi có được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia, thọ viên cụ thành tánh Bí-sô, ở chỗ Đại đức tu phạm hạnh không?". Bí-sô đáp: "Thái tử, cha mẹ của Thái tử có cho phép không?". Thái tử đáp: "Đại đức, cha mẹ tôi chưa cho phép". Bí-sô nói: "Như Lai và đệ tử của Như Lai không nên liền độ cho người khác xuất gia mà cha mẹ của người ấy chưa cho phép". Thái tử nói: "Đại đức, tôi sẽ dùng phương tiện làm cho cha mẹ cho phép". Bí-sô nói: "Được như vậy thì tốt". Thái tử nghe nói rồi cung kính hoan hỉ cáo từ ra về, về đến Vương cung liền bạch với cha mẹ: "Cha mẹ biết cho, con nay chánh tín muốn được xuất gia", cha mẹ nói: "Con nên biết, ta chỉ có một mình con, niệm niệm thương yêu con thường nhìn không thấy chán; dù chết cũng còn không muốn xa lìa, huống chi là còn sống mà phải biệt ly". Thái tử nói: "Cha mẹ cho phép thì tốt, nếu cha mẹ không cho thì kể từ hôm nay con sẽ không ăn uống". Tuy nghe Thái tử nói như vậy nhưng cha mẹ thái tử vẫn không cho phép, cho nên Thái tử bắt đầu đoạn thực một ngày rồi hai ngày, ba ngày cho đến sáu ngày không ăn uống. Lúc đó cha mẹ liền đến chỗ Thái tử khuyên can: "Con từ nhỏ đã sống trong sung sướng, chưa từng trải qua các khổ. Phạm hạnh khó tu, độc thân khó sống, ngọa cụ tùy nghi, nơi Lan-nhã khó ở tu vì phải sống cùng thú dữ, trọn đời đi khất thực, trọn đời đoạn dục, trọn đời bặt dứt thọ lạc. Thái tử, con nên ở nhà hưởng thọ dục lạc, tùy ý bố thí tu các phước nghiệp". Thái tử tuy nghe cha mẹ khuyên can như vậy nhưng vẫn im lặng không nói, che mẹ liền nhờ thân quyến tới khuyên dụ. Thân quyến đến cũng khuyên những lời giống như cha mẹ đã khuyên, Thái tử vẫn im lặng không nói. Cha mẹ lại nhờ các thân hữu của Thái tử đến khuyên can, các thân hữu đồng loạt đến khuyên những lời cũng giống như cha mẹ đã khuyên, Thái tử vẫn im lặng không nói. Các thân hữu thấy Thái tử ý chí cương quyết như vậy bèn đến chỗ vua tỏ bày tình lý: "Chúng tôi đã ân cần khuyến dụ đủ cách nhưng ý chí Thái

tử không lung lay chút nào, tình trạng này kéo dài e làm tổn hại đến tính mạng Thái tử. Xin Đại vương cho phép Thái tử xuất gia lìa tục, vì chỉ có cho phép xuất gia Thái tử mới sống được, nếu sau này Thái tử không vui thích đời sống xuất gia nữa thì sẽ trở về lại Vương cung, còn bây giờ nhất định không cho rủi Thái tử chết thì sao". Lúc đó cha mẹ Thái tử nghe rồi liền nói: "Nếu như vậy thì nên cho phép xuất gia để thái tử được mãn nguyện". Các thân hữu nghe nhà vua cho phép rồi liền đến báo cho Thái tử biết, Thái tử nghe rồi vui mừng ăn uống trở lại, khi sức khỏe hồi phục Thái tử liền từ giả cha mẹ đến rừng Thủy Điệt đảnh lễ Bí-sô Mã Thắng bạch rằng: "Đại đức, cha mẹ của con đã cho phép con xuất gia. Lành thay xin Thánh giả từ bi cho con xuất gia thọ viên cụ, dạy cho con oai nghi và được ở bên Đại đức khéo tu phạm hạnh". Bí-sô Mã thắng nói: "Ta nay cho con xuất gia thọ viên cụ". Sau khi trao pháp xuất gia và cho thọ viên cụ xong, Bí-sô Mã Thắng hỏi: "Con nên biết, Bí-sô tu học có hai pháp đọc tụng và thiền định, nay con muốn tu pháp nào?". Thật-lực-tử đáp: "Ô-ba-đà-da, con muốn được phụng hành cả hai". Từ đó Thật-lực-tử ban ngày chuyên tâm tụng niệm, ban đêm thiền định tư duy, không bao lâu sau thông suốt cả ba tạng; do siêng năng tinh tấn không buông lung nên phiền não được đoạn trừ chứng quả A-la-hán. Lúc đó tất cả đệ tự của Bí-sô Mã Thắng tùy theo ý thích nên sự tu học có sai khác nhau, sau khi thọ học xong mỗi người đều đến nơi thôn phường, thành ấp, tụ lạc khác để an cư. Tiền an cư xong đến rằm tháng tám may y xong liền chấp trì y bát đến thành Ba ba vào rừng Thủy Điệt để đảnh lễ bổn sư, mỗi người đều tùy theo pháp mà mình tu chứng được bạch lên thầy và hỏi thêm về yếu nghĩa của ba tạng rồi bạch thầy rằng: "Chúng con đã được Ô-ba-đà-da quyết nghi cho rồi, nay chúng con muốn đến phụng kiến đức Thế Tôn", Vị thầy nói: "Cứ theo ý muốn của các con". Lúc đó Thật-lực-tử cũng bạch với thầy: "Ô-ba-đà-da, con đã được thấy pháp thân của Như Lai, nhưng thấy được sắc thân nay con cũng muốn đến phụng kiến sắc thân của Như Lai". Vị thầy nói: "Cứ theo ý muốn của con, con nên biết, đức Như Lai Ứng chánh đẳng giác là đại trân báu trong thế gian rất khó được gặp, như hoa Ô-Đàm-bạt-la đúng thời mới nở". Thật-lực-tử đước bổn sư chấp thuận rồi qua sáng hôm sau liền chấp trì y bát vào thành Ba-ba theo thứ lớp khất thực, khất thực xong trở về bổn xứ thọ thực, sau đó lại chấp trì y bát đi đến thành Vương Xá để phụng kiến Thế Tôn. Lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho trăm ngàn chúng Bí-sô, từ xa trông thấy Thật-lực-tử đi đến liền nói: "Thiện lai, thầy đã đến thật đúng lúc", Thật-lực-tử liền đảnh lễ Phật rồi ngồi qua một bên. Lúc đó các Bí-sô ở trong thành Vương Xá không y theo đồng loại để phân chia ngọa cụ cho Tăng:

Chẳng hạn như Kinh sư với Luật sư, Kinh sư với Luận sư, Kinh sư với Pháp sư, Kinh sư với Thiền sư; Luật sư với Luận sư, Luật sư với Pháp sư, Luật sư với Thiền sư, Luật sư với Kinh sư; Luận sư với Pháp sư, Luận sư với thiền sư, Luận sư với Kinh sư, Luận sư với Luật sư; Pháp sư với Thiền sư, Pháp sư với Kinh sư, Pháp sư với Luật sư, Pháp sư với Luận sư; Thiền sư với Kinh sư, Thiền sư với Luật sư, Thiền sư với Luận sư, Thiền sư với Pháp sư. Đối với năm loại Sư trên không dựa theo đồng loại cho ở chung một chỗ, vì không dựa theo đồng loại nên khi phân chia phòng xá ngọa cụ, các Bí-sô cùng một hạnh không thể hộ lẫn nhau nên làm mất sự thọ nghiệp, khiến cho phẩm thiện không được tăng trưởng, như bông sen không có nước ngày càng bị suy tổn. Vì thế vừa thấy Thật-lực-tử đến Thế Tôn liền suy nghĩ: "Thật-lực-tử này ở chỗ đức Phật quá khứ đã có chánh nguyện: Ta phải làm thế nào để được làm người phân chia ngọa cụ cho Tăng". Nghĩ rồi Thế Tôn liền bảo các Bí-sô: "Này các Bí-sô, nên sai Thật-lực-tử làm người phân chia ngọa cụ cho Tăng. Nếu có người nào hội đủ năm pháp mới được sai làm người phân chia ngọa cụ cho Tăng, nếu không hội đủ năm pháp này thì không nên sai, nếu đã sai rồi phải xả bỏ. Năm pháp không nên sai là: Có thương, có giận, có si, có sợ, không biết nên chia và không nên chia. Nếu hội đủ năm pháp sau đây thì nên sai, nếu đã sai rồi thì không nên xả bỏ, đó là: không thương, không giận, không si, không sợ, biết rõ nên chia và không nên chia". Như thường pháp đánh kiền chùy nhóm Tăng, một vị đối trong đại chúng hỏi: "Trong chúng đây ai có thể làm người phân chia ngọa cụ cho Tăng?". Nếu có một Bí-sô nào bước ra nói: "Tôi là Bí-sô có thể" Tăng sau khi lượng xét có đủ năm pháp kể trên không mới tác yết ma sai như trong Bách Nhất Yết Ma có nói rõ. Lúc đó Thật-lực-tử được Tăng sai làm người phân chia ngọa cụ cho Tăng rồi liền y theo đồng loại mà phân chia phòng xá ngọa cụ, như Kinh sư với Kinh sư, Luật sư với Luật sư, Luận sư với Luận sư, Pháp sư với Pháp sư, Thiền sư với Thiền sư, do mọi người cùng một hạnh được ở cùng nhau nên luận bàn không có trái nhau khiến cho phẩm thiện ngày càng tăng trưởng, như bông sen ở trong ao đầy nước ngày càng nở rộ. Các Bí-sô từ bốn phương tụ đến, có người vào nửa canh một mới đến, Thật-lực-tử phải dùng lực thần thông phóng ra ánh sáng từ nơi một ngón tay để nhìn thấy phân chia ngọa cụ; lại có người do muốn thấy pháp thượng nhơn thù thắng và thần thông hy hữu của Thật-lực-tử nên cố ý đến vào canh một, Thật-lực-tử phải dùng lực thần thông phóng ra ánh sáng từ hai ngón tay để nhìn thấy phân chia ngọa cụ; nếu đến vào khoảng cánh rưỡi thì Thật-lực-tử phải dùng ba ngón tay phóng ra ánh sáng; nếu đến vào khoảng canh hai thì phải dùng đến bốn ngón tay phóng ra ánh sáng;

nếu đến vào khoảng nửa đêm thì phải dùng cả năm ngón tay phóng ra ánh sáng để nhìn thấy phân chia ngọa cụ. Các Bí-sô này sau khi nhìn thấy thần thông thù thắng của Thật-lực-tử rồi liền suy nghĩ: "Chúng ta không nên để cho vị Đại Thanh văn có đầy đủ oai đức phân chia ngọa cụ cho chúng ta, mà chúng ta lại phóng ý nằm ngủ là điều không nên". Do suy nghĩ như vậy nên các Bí-sô này vào đầu đêm cuối đêm bớt ngủ nghỉ để đoan tọa tư duy, nhờ vậy nên có thể chứng đắc những gì chưa chứng đắc, những gì đã chứng đắc sẽ không thối chuyển. Lúc đó Thế Tôn ở giữa chúng Bí-sô khen ngợi Thật-lực-tử như sau: Trong các đệ tử của ta, người phân chia ngọa cụ phòng xá cho Tăng thì Thật-lực-tử là người khéo léo công bằng bậc nhất". Do Thánh giáo của Thế Tôn được ban bố rộng rãi nên các Bà-la-môn, Cư sĩ thường thiết thực cúng dường cho các Bí-sô. Lúc đó lục chúng Bí-sô hễ hay biết nơi nào thiết trai có thức ăn thượng diệu liền đến thọ dụng, các Bà-la-môn tín tâm hỏi: "Thánh giả, tại sao các bậc kỳ túc không thấy đến?", lục chúng đáp: "Thức ăn thô dở như vầy há các vị ấy đến hay sao?". Các thí chủ tín tâm nghe rồi liền nói: "Thế Tôn có dạy trong các món cúng dường thì cúng dường cơm nước là đứng đầu, các bậc kỳ túc lẽ nào không thọ dụng. Thánh giả các vị là người xuất gia trong pháp luật khéo giảng nói sao lại không thận trọng lời nói, nói ra lời không biết xấu hổ như vậy. Các vị hãy mau đi chỗ khác đừng nên đến đây nữa". Các Bí-sô nghe biết liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Nên sai Thật-lực-tử làm người phân chia thức ăn (cắt đặt người đi phó thỉnh). Nếu có người nào như Thật-lực-tử cũng nên sai, người không hội đủ năm pháp thì không nên sai, nếu đã sai thì nên xả bỏ. Năm pháp đó là: Có thương, có giận, có si, có sợ, không biết nên chia và không nên chia. Ngược với năm pháp này thì nên sai". Pháp sai như trong Bách Nhất Yết Ma có nói rõ. Lúc đó Thật-lực-tử được Tăng sai làm người phân chia thức ăn rồi liền vì Tăng phân loại thức ăn làm ba bậc: Bậc thượng (thức ăn thượng diệu), bậc trung (thức ăn ngon), bậc hạ (thức ăn thô dở). Khi có khách Bí-sô đến ngày đầu tiên phân phó thức ăn bậc thượng, ngày thứ hai phân phó thức ăn bậc trung, ngày thứ ba phân phó thức ăn bậc hạ, qua ngày thứ tư trở đi phải đi khất thực. Thật-lực-tử đối với các Bí-sô dù là chủ hay khách trong việc phân chia ngọa cụ, phòng xá và phân phó thức ăn đều phân chia theo thứ lớp không hề có sai sót. Lúc đó có hai Bí-sô từ nước phương Nam đến một vị tên là Thiện Hữu, một vị tên là Đại Địa, hai vị này trong nhiều đời đã có oán ác với Thật-lực-tử. Khi vừa đến thành Vương Xá hai vị Bí-sô này liền hỏi các Bí-sô khác rằng: "Ai là người phân phó thức ăn cho Tăng?", các Bí-sô đáp là Thật-lực-tử. Hai Bí-sô này liền đến chỗ Thật-lực-tử báo để được phân phó thức ăn.

Như thường lệ thì ngày đầu khách Bí-sô được phân phó thức ăn thượng diệu, nên khi thí chủ đến hỏi Thật-lực-tử: "Sáng mai vị nào sẽ đến nhà con thọ thực", Thật-lực-tử liền phân phó hai Bí-sô này sáng mai đến nhà thí chủ này thọ thực. Thí chủ này suy nghĩ: "Hai Bí-sô này nghe nói là hạnh ác, nếu đến thọ thực ta sẽ tùy nghi thiết thực (tức là đối với Bí-sô có hạnh ác thì cho ăn thức ăn thô dở)". Qua ngày thứ hai Thật-lực-tử phân phó cho thức ăn bậc trung, chẳng may thí chủ bận việc nên cho ăn thức ăn không ngon. Qua ngày thứ ba Thật-lực-tử phân phó cho thức ăn bậc hạ, liên tiếp ba ngày hai Bí-sô này không may đều ăn thức ăn thô dở liền suy nghĩ: "Chúng ta cơ khổ, tại sao Thật-lực-tử cố ý phân phó cho chúng ta thức ăn thô dở liên tiếp cả ba ngày, chắc là muốn não loạn chúng ta khiến chúng ta thọ đại khổ. Ta phải làm một việc vô ích não loạn đáp trả lại mới được". Hai Bí-sô này có một người em là Bí-sô ni tên Hữu Nữ ở chùa Vương Viên, đúng lúc đó đến thăm hai Bí-sô anh, thấy Bí-sô ni em đến hai Bí-sô anh này không nhìn ngó cũng không nói chuyện. Hữu Nữ liền hỏi: "Vì sao hai Thánh giả thấy em đến mà lại không nhìn ngó cũng không nói chuyện?", hai Bí-sô này nói: "Này em, hai anh bị Thật-lực-tử liên tiếp cả ba ngày phân phó cho thức ăn thô dở, ăn không muốn nổi. Em sao không giúp hai anh mà lại an nhiên tự tại như vậy?", Hữu Nữ hỏi: "Hai anh muốn em giúp như thế nào?", hai Bí-sô này nói: "Em nên đến chỗ Thế Tôn bạch rằng: Thế Tôn, Thánh giả Thật-lực-tử đã làm việc phi pháp, đã cùng con làm hạnh bất tịnh, phạm Ba-la-thị-ca. Lúc đó hai anh sẽ ở chỗ Thế Tôn xác chứng rằng: Lời của Bí-sô ni Hữu Nữ là thật, chúng con đã biết trước việc này". Hữu Nữ nghe rồi nói rằng: "Em biết Thật-lực-tử thật sự là một Bí-sô thanh tịnh chưa hề phạm lỗi, làm sao em có thể đem pháp vô căn cứ Tha Thắng để hủy báng cho được?". Hai Bí-sô này nói: "Nếu em không làm như thế để giúp hai anh thì suốt đời này hai anh sẽ không nhìn ngó cũng không nói chuyện với em nữa". Hữu Nữ nghe rồi đắn đo một hồi nói rằng: "Em sẽ làm theo lời của hai anh", hai Bí-sô nói: "Em hãy ở đây, đợi hai anh đến chỗ Thế Tôn em hãy đến sau". Hai Bí-sô này đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ rồi ngồi một bên, Bí-sô ni Hữu Nữ ước chừng thời gian rồi đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ rồi bạch rằng: "Thế Tôn, Thánh giả Thật-lực-tử đã làm việc phi pháp, đã cùng con làm hạnh bất tịnh, phạm Ba-la-thị-ca". Hai Bí-sô Hữu và Địa liền bạch Phật: Thật vậy đức Bạc-già-phạm, thật vậy Tô-trận-na-yết-lan-đạc-ca-đa, như lời Bí-sô ni Hữu Nữ đã nói, chúng con đã biết trước việc này". Lúc đó Thật-lực-tử cũng đang đứng trong đại chúng.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 14

Học Xứ Thứ Tám: ***KHÔNG CĂN CỨ VU BÁNG*** *(Tiếp Theo)*

Đức Bạc-già-phạm nghe rồi liền hỏi Thật-lực-tử: "Thầy có nghe những lời nói này không?", đáp: "Đức Bạc-già-phạm, con có nghe; Tô-yết-đa, con có nghe". Phật hỏi: "Thật-lực-tử, sự việc hư thật như thế nào?", đáp: "Thế Tôn, thật hư đối với con chỉ có Phật biết được". Phật nói: "Thật-lực-tử, trong lúc này thầy chớ nói như vậy, nên nói rõ ràng, nếu thật thì nói là thật, nếu hư thì nói là hư". Thật-lực-tử nói: "Đức Bạc-già-phạm, con không từng nhớ có làm việc này; Tô-yết-đa, con không từng nhớ". Lúc đó cụ thọ La-hỗ-la đứng phía sau cầm quạt quạt cho Phật liền bạch Phật rằng: "Thế Tôn, cần gì phải hỏi Thật-lực-tử điều này. Bí-sô ni Hữu Nữ ở trước Phật nói rằng: Thật-lực-tử đã cùng làm hạnh xấu, phạm Ba-la-thị-ca. Hai người anh cũng đã ra mặt làm chứng nói đó là thật". Phật bảo La-hỗ-la: "Nay Ta hỏi con, con cứ trả lời theo ý con. Này La-hỗ-la, nếu có một Bí-sô ni đến chỗ ta nói rằng: Thế Tôn, Thánh giả La-hỗ-la làm việc phi pháp, đã cùng con làm hạnh bất tịnh, phạm Ba-la-thị-ca. Lúc đó hai Bí-sô Hữu và Địa làm chứng nói rằng: đức Bạc-già-phạm, đó là sự thật; Tô-yết-đa, đó là sự thật, đúng như lời Bí-sô ni nói, chúng con đã biết trước. Này La-hỗ-la, ta nghe nói như vậy liền hỏi con: việc này hư thật như thế nào thì con sẽ trả lời sao?". La-hỗ-la đáp: "Thế Tôn, nếu con nhớ thì nói là nhớ, nếu không nhớ thì nói là không nhớ". Phật nói: "Con thật ngu si mới nói là không nhớ. Hèn chi Thật-lực-tử là một Bí-sô thanh tịnh thật không có lỗi mà nói là không nhớ hay sao?". Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Thật-lực-tử thật không có phạm tội. Các thầy nên biết, Bí-sô ni Hữu Nữ tự nói phạm tội cần phải diệt tẩn, còn hai Bí-sô Hữu và Địa phải xét hỏi cho rõ: Thầy thấy như thế nào, thầy thấy ở chỗ nào, do nhơn duyên gì đến thấy được việc đó".

Thế Tôn nói rồi liền vào thất trụ trong tịch định, các Bí-sô thấy Phật trụ trong tịch định liền nhớ lời Phật dạy: Thật-lực-tử là người thanh tịnh, Bí-sô ni Hữu Nữ tự nói phạm tội nên diệt tẩn, hai Bí-sô Hữu và Địa phải

xét hỏi như trên. Sau khi gạn hỏi, hai Bí-sô thú thật rằng: "Này các cụ thọ, tôi không thấy Thật-lực-tử phạm pháp bất tịnh hạnh, phạm Ba-la-thị-ca; chỉ vì Thật-lực-tử liên tiếp cả ba ngày phân phó cho chúng tôi thức ăn thô dở, làm cho khí lực suy kém bị não loạn, chúng tôi vì sân si muốn khủng bố thầy ấy nên nói như vậy. Thật sự cụ thọ Thật-lực-tử là người thanh tịnh không hề phạm lỗi, không làm hạnh bất tịnh, không phạm Ba-la-thị-ca". Đến xế chiều Thế Tôn xuất định đến trong chúng Bí-sô ngồi vào chỗ ngồi , các Bí-sô liền bạch Phật: "Thế Tôn, chúng con thấy Thế Tôn trụ trong tịch định liền nhớ lời Phật dạy: Thật-lực-tử là người thanh tinh, Bí-sô ni Hữu Nữ tử nói phạm tội nên diệt tẩn, còn hai Bí-sô Hữu và Địa phải xét hỏi cho rõ… giống như ở đoạn văn trên cho đến câu không phạm Ba-la-thị-ca". Thế Tôn nghe rồi liền bảo các Bí-sô: "Tại sao hai người ngu si kia chỉ vì chút nhân duyên ăn uống mà cố ý vọng ngữ vu báng vị Bí-sô thanh tịnh". Thế Tôn liền nói kệ:

"Nếu người cố nói dối
Trái ngược với sự thật,
Không sợ khổ đời sau,
Không ác nào không làm.
Thà nuốt hòn sắt nóng,
Lửa dữ đốt khắp thân,
Không dùng miệng phá giới,
Ăn cơm của Đàn na".

Lúc đó trong hư không chư thiên cũng nói kệ:

"Thật Lực vượt ba cõi,
Mà còn bị vu báng,
Cho nên người có trí,
Không nên thích sanh tử,
Phải nên chán đoàn thực,
Khổ nhất trong các khổ,
Cũng như ăn thịt con,
Tăng trưởng các phiền não".

Phật do nhân duyên này nhóm các Bí-sô lại và hỏi hai Bí-sô Hữu và Địa: "Hai thầy biết Bí-sô thanh tịnh thật không phạm tội mà lại dùng pháp Ba-la-thị-ca không căn cứ để vu báng phải không?", đáp: "Thật vậy thưa Thế Tôn". Thế Tôn dùng đủ lời quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa: "Việc hai thầy đã làm là sai trái, không phải hạnh thanh tịnh, không phải hạnh tùy thuận, là việc không nên làm". Quở trách rồi liền bảo các Bí-sô: "Này các

Bí-sô, có ba hạng người chắc chắn phải đọa vào ngục Nê-lê: Một là hạng người tự phá giới, khuyên người khác phá giới; hai là hạng người tự làm hạnh bất tịnh đối với Bí-sô thanh tịnh dùng pháp Ba-la-thị-ca không căn cứ để vu báng; ba là hạng người khởi kiến giải như vầy và nói như vầy: Dục là tịnh, dục là diệu, dục có thể thọ dụng, dục không có tội lỗi, đối trước cảnh ác dục sanh ái đắm cùng cực". Phật liền nói kệ:

"Người nào sanh trong đời,
Miệng nói lời dao kiếm,
Do lời nói ác này,
Chém ngược lại tự thân
Nếu ngợi khen kẻ ác,
Hủy báng bậc Hiền thiện,
Do miệng sanh tội lỗi,
Chắc chắn không an vui.
Cũng như người đánh bạc,
Tiền của mất, tội nhỏ.
Đối với bậc thanh tịnh,
Hủy báng thành tội lớn.
Trải qua trăm ngàn năm,
Đọa vào ngục Bào nhục.
Lại ở trong ngục này,
Chịu khổ bốn vạn năm.
Nếu dùng tâm ác nói,
Hủy báng bậc Hiền thiện,
Do nghiệp duyên ác này,
Sẽ đọa vào địa ngục".

Thế Tôn quở trách rồi bảo các Bí-sô: "Ta quán thấy mười công đức lợi… giống như các giới trên, cho đến câu nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các đệ tử Thanh văn như sau: "Nếu lại có Bí-sô ôm lòng sân hận không bỏ, cố ý dùng pháp Ba-la-thị-ca không căn cứ vu báng cho Bí-sô thanh tịnh, muốn phá hoại tịnh hạnh của vị ấy. Thời gian sau có người hỏi hay không có người hỏi, biết việc này là vu báng không căn cứ, do Bí-sô kia sân hận nên nói như vậy thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Bí-sô Hữu và Địa, hoặc có những Bí-sô khác giống như vậy.

Ôm lòng sân hận tức là tình sanh phẫn nộ. Không bỏ là lòng sân không dứt. Bí-sô thanh tịnh là chỉ cho Thật-lực-tử. Không phạm là không

phạm việc này. Không căn cứ là không dựa trên thấy nghe nghi. Phạm Ba-la-thị-Ca-là phạm một trong bốn pháp trọng. Vu báng là việc không thật. Muốn phá tịnh hạnh của vị ấy là muốn làm tổn học xứ thanh tịnh của vị ấy. Thời gian sau là thời khác sau khi vu báng. Có người hỏi hay không có người hỏi tức là sau khi hủy báng rồi sanh hối hận không đợi người hỏi, vì biết việc này là không căn cứ nên tự nói ra. Báng là tranh cải, có bốn loại: đấu tránh, phi ngôn tránh, phạm tránh và sự tránh. Vì sân hận nên nói như vậy là lúc nói ra lời hủy báng. Tăng-già-phạt-thi-sa như trong các giới trước.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu vu báng Bí-sô thanh tịnh có mười việc thành phạm và năm việc không phạm. mười việc thành phạm là không thấy việc ấy, không nghe, không nghi liền khởi tưởng hư dối thật không thấy… mà vọng nói là có thấy… , khi nói ra lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc nghe mà quên, nghi mà quên, khởi hiểu biết như vậy, khởi tưởng như vậy nói rằng: Tôi nghe nghi không quên, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc nghe mà tin hay nghe không tin mà nói là tôi thấy; hoặc nghe mà nghi hay nghe không nghi hoặc chỉ tự mình nghi mà nói là tôi thấy, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Năm việc không thành phạm là người kia không thấy, không nghe, không nghi, hiểu biết có thấy… , khởi tưởng có thấy… nên nói là tôi thấy… thì không phạm. Hoặc nghe mà quên, nghi mà quên, nghi tưởng có nghe mà nói là tôi nghe cũng không phạm. Vu báng người thanh tịnh có mười việc thành phạm và năm việc không thành phạm, vu báng người thanh tịnh tợ như không thanh tịnh cũng giống như vậy.

Nếu vu báng người không thanh tịnh có một việc thành phạm và sáu việc không phạm. Mười một việc thành phạm là không thấy, không nghe, không nghi, hiểu biết như vậy, khởi tưởng như vậy, thật không thấy… mà vọng nói là tôi thấy… , khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc thấy mà quên hay nghe mà quên, nghi mà quên, hiểu biết như vậy, khởi tưởng như vậy mà nói là thấy… không quên, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc nghe mà tin hay nghe không tin mà nói là tôi thấy; hoặc nghe mà nghi hay nghe không nghi hoặc chỉ tự mình nghi mà nói là tôi thấy, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Sáu việc không phạm là người kia không thấy, không nghe, không nghi, hiểu biết có thấy…, khởi tưởng có thấy… nên nói là tôi thấy… thì không phạm. Hoặc thấy mà quên hay nghe mà quên, nghi mà quên, hiểu biết có thấy, khởi tưởng có thấy mà nói là tôi thấy… cũng không phạm. Nếu vu báng người tợ như thanh tịnh

có một việc thành phạm và sáu việc không phạm giống như vậy.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi vì muốn trừ nghi nên bạch Phật: "Thế Tôn, cụ thọ Thật-lực-tử từng làm nghiệp gì, do nghiệp ấy chiêu cảm quả dị thục sanh trong nhà phú quý, nhiều tiền của, thọ dụng đầy đủ, bỏ thế tục nương theo Phật xuất gia, đoạn các phiền não chứng quả A-la-hán. Trong việc phân phối phòng xá ngọa cụ Như Lai nói là bậc nhất, tại sao chứng thắng quả như vậy mà còn bị hủy báng?". Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy kheo lắng nghe, ta sẽ nói rõ nhân duyên cho các thầy nghe. Này các Bí-sô, nếu tự đã tạo nghiệp chắc chắn không phải bốn đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong ở ngoài giới mà quả báo được thành thục; phải ở ngay trong uẩn xứ giới của chính mình tạo ra nghiệp thiện ác mà quả báo được thành thục". Phật liền nói kệ:

"Giả sử trăm ngàn kiếp, Nghiệp đã tạo không mất, Khi nhân duyên hội ngộ, Trở lại tự thọ báo".

"Này các Bí-sô, trong quá khứ tại một tụ lạc nọ có một đại thương chủ tên là Ngư nhơn chuyên chở hàng hóa, lúc đó muốn cùng các thương nhân ra biển tìm cầu châu báu. Thời đó chưa có Phật ra đời, chỉ có Thánh giả Độc giác hiện ở thế gian là phước điền thù thắng duy nhất, thường cứu giúp người nghèo khổ, thọ thức ăn thô dở và ngọa cụ xấu. Vị Độc giác này tháp tùng theo đoàn thương buôn để du hành trong nhân gian, một hôm Thánh giả nhập định Hỏa quang có một người giữa đêm thức giấc tình cờ trông thấy, sáng ra liền nói với thương chủ: "Thương chủ biết chăng, vị Bí-sô này thành tựu thánh hạnh, giữa đêm thức giấc tình cờ trông thấy chỗ Thánh giả như lửa tụ phóng ra ánh sáng lớn". Thương chủ nghe rồi hết sức tín kính liền đến đảnh lễ Thánh giả bạch rằng: "Thánh giả tìm cầu thức ăn, con muốn cầu phước, xin Thánh giả thọ con cúng dường, thọ thực xong rồi tháp tùng theo chúng con cùng đi". Vị Độc giác im lặng thọ thỉnh thực rồi tháp tùng theo đoàn thương buôn dần dần tới biển, thương chủ hỏi: "Thánh giả, chúng con muốn ra biển tìm châu báu, Thánh giả có đi cùng không?". Vị Độc giác đáp: "Các hiền thủ vì vợ con… nên muốn ra biển tìm châu báu, tôi đâu có vì cái gì". Lúc đó thương chủ dọn một bửa ăn cúng dường vị Độc giác rồi dâng cúng một xấp diệu điệp. Vị độc giác vì thương xót thương chủ nên hiện thần thông mà không nói pháp, như Nga vương bay lên hư không, thân tuôn ra nước lửa. Thương chủ vừa nhìn thấy thần biến liền hồi tâm như cấy đại thọ bị ngã nhào, từ xa kính lễ phát nguyện: "Con thiết lễ cúng dường cho vị phước điền chơn thật như vậy, nguyện với đã tạo này chiêu cảm quả dị thục được sanh trong nhà phú quý, sẽ được oai đức thù

thắng như vậy, sẽ được phụng sư tối thắng như vậy". Các Bí-sô nên biết, Ngư Nhơn thuở ấy chính là Thật-lực-tử, do cúng dường vị Thánh Độc giác phát đại thệ nguyện nên nay được sanh trong nhà phú quý, thọ dụng đầy đủ, lại ở trong giáo pháp của ta lìa tục xuất gia, đoạn các phiền não chứng quả A-la-hán; Ta là đại sư tối thắng trong trăm ngàn câu chi Độc giác nên thừa sự ta không sanh nhàm chán. Lại nữa các Bí-sô, tại sao Thật-lực-tử tuy chứng quả A-la-hán mà vẫn còn bị hủy báng? Nay ta sẽ nói, các thầy khéo lắng nghe: Trong quá khứ tại một thôn nọ có một đại trưởng giả cưới một người con gái cùng trong dòng tộc làm vợ sống rất hạnh phúc, nhưng trải qua nhiều năm mà vẫn không có con, vì thế trưởng giả thường chống tay vào má với dáng vẻ ưu sầu nghĩ rằng: "Trong nhà ta có nhiều của báu nhưng không có con kế thừa, sau khi ta chết tài sản này sẻ bị quan thu giữ". Người vợ thấy rồi liền hỏi: "Vì sao chàng lại chống tay vào má dáng vẻ ưu sầu như vậy?", người chồng nói: "Hiền thủ, trong nhà ta có nhiều của báu nhưng không có con kế thừa, nếu ta qua đời tài sản này sẽ sung vào nhà quan, làm sao ta không ưu sầu?", người vợ nói: "Cũng là do em không sanh con, chàng nên cưới thứ thiếp để có con kế thừa gia nghiệp", người chồng nói: "Hiền thủ, nếu trong nhà có hai người vợ thì cho đến một chút nước bún ta cũng không được uống, vì trong nhà sẽ thương tranh cải lăng xăng", người vợ nói: "Chàng cứ tìm, nếu người ấy cùng trang lứa thì em sẽ xem như là em gái, nếu tương tợ con gái thì em sẽ xem như con gái". Lúc đó ở một thôn khác cũng có một trưởng giả cưới vợ không bao lâu sau thì sanh được hai trai một gái, thời gian sau cả hai vợ chồng trưởng giả này đều qua đời. Vị đại trưởng giả ở thôn kia vì tìm vợ nên đến chỗ hai người anh hỏi cưới người em gái làm vợ, hai người anh liền gã em gái cho trưởng giả. Thường tình thế gian là "Mới chuộng cũ quên", sau khi cưới thêm thứ thiếp trưởng giả này thương yêu thân thiết người thiếp này hơn khiến cho người vợ chánh sanh tâm đố kỵ. Không bao lâu sau người vợ chánh bỗng mang thai, vì đố kỵ với người thiếp nên thường nói với chồng là người có tình ý khác, nhưng người chồng không tin và cho là người vợ chánh có ác ý. Đủ ngày tháng, người vợ lớn sanh một trai, khi lên năm tuổi trí huệ đã phân minh, nói ra lời gì đều là như thật nên mọi người đều gọi là "Thật Ngữ". Lúc đó mẹ của Thật ngữ suy nghĩ: "Ta tuy sanh con trai nhưng chồng ta vẫn ái trọng người thiếp, nay ta phải làm phương tiện gì làm cho họ xa lìa", nghĩ rồi liền nói với người chồng: "Chàng tuy ái niệm người thiếp nhưng nàng ta không giữ trinh bạch với chàng", người chồng không tin vẫn cho là người vợ chánh có ác ý. Người vợ biết chồng không tin nên lập kế nói với con trai là Thật Ngữ: "Con đâu biết được khổ tâm của mẹ", Thật Ngữ nói:

"Con làm sao biết được", người mẹ nói: "Con biết chăng, đó chính là tật đố", Thật Ngữ nói: "Điều này không tốt", người mẹ nói: "Con phải làm chứng giúp mẹ phơi bày tiếng xấu của người mẹ sau", Thật Ngữ hỏi: "Việc đó là thật hay hư?", người mẹ nói: "Là hư", Thật Ngữ nói: "Mọi người đều gọi con là Thật Ngữ, làm sao con có thể nói hư vọng theo ý của mẹ?", người mẹ nói: "Mẹ mang thai con chín tháng… vậy mà con không thể giúp mẹ một việc nhỏ này sao? Mẹ lập kế con làm chứng nhưng con không cần nói, nếu cha con hỏi con chỉ cần gật đầu là được". Thật Ngữ vì lòng hiếu thuận không muốn làm trái ý mẹ nên nhận lời, vào một thời khác mẹ của Thật Ngữ nói với người chồng: "Người thiếp yêu của chàng đã cùng người nam khác làm việc tà hạnh", người chồng không tin cho là người vợ chánh có ác ý, nên mẹ của Thật Ngữ liền nói: "Em không có ác ý, nếu chàng không tin nên hỏi Thật Ngữ". Người cha nghe rồi suy nghĩ: "Mọi người đều gọi con ta là Thật Ngữ, chắc là nó không có nói dối ta". Lúc đó Thật Ngữ đang vui đùa cách chỗ người cha không xa, người cha gọi đến bồng để trên đầu gối rồi hỏi con: "Con biết mẹ khác của con cùng người nam khác làm hạnh xấu phải không?". Tánh người nữ hư ngụy không học mà vẫn biết nên mẹ của Thật Ngữ lấy tay bụm miệng con lại nói rằng: "Người đó là mẹ con, con không cần phải nói, nếu là sự thật thì con chỉ nên gật đầu". Thật Ngữ bèn gật đầu, kể từ lúc ấy miệng của thật Ngữ bay ra mùi hôi thối, tiếng xấu cũng vang khắp xa gần đồn rằng: đứa bé ấy không phải là thật ngữ mà là vọng ngữ, vì đã làm chứng việc hư cho bà mẹ khác của mình. Cái tên Thật Ngữ liền bị mai một, được thay thế bằng tên Vọng Ngữ. Lúc đó người cha nghe con trai nói như vậy rồi liền bảo người thứ thiếp: "Nàng đã làm hạnh xấu không nên ở đây nữa", nói rồi liền đuổi ra. Người thứ thiếp bị đuổi liền trở về nhà của hai anh trước kia, người anh hỏi: "Tại sao em trở về?", người em gái nói: "Em bị chồng đuổi ra, em không có tội mà lại gán cho em là làm hạnh xấu", người anh nói: "Nếu em tà hạnh như vậy thì cũng không nên ở đây", người em gái nói:

"Em thật không có tà hạnh, chỉ vì Thật Ngữ làm chứng, nó là Vọng Ngữ không phải Thật Ngữ", người anh hỏi: "Làm sao biết được là vọng ngữ?", người em gái nói: "Nếu không tin anh đi hỏi mấy người gần đó thì biết". Người anh nghe rồi liền âm thầm đi hỏi mấy người ở gần đó, mọi người đều nói là người thứ thiếp không có tà hạnh, ba anh em sau khi biết rõ sự thật liền ôm lòng hận não. Thời gian sau có một vị Thánh giả Độc giác đi khất thực thứ lớp đến nhà của ba anh em, họ liền thỉnh vào nhà cúng dường. Thọ thực xong, người em gái nhớ lại việc bị hủy báng trước liền đối trước vị Độc giác phát nguyện ác rằng: "Giống như ngày nay ta bị ngươi

vu báng, đời sau cho dù ngươi chứng được quả A-la-hán, ta cũng sẽ vu báng lại ngươi chứ không bỏ qua". Người anh hỏi người em gái đã phát nguyện gì, người em gái nói rõ lời phát nguyện của mình cho hai anh nghe, hai người anh nghe rồi liền nói: "Đến lúc đó hai anh sẽ làm chứng việc vu báng đó giúp em".

Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy biết chăng, Thật Ngữ lúc ấy chính là Thật-lực-tử ngày nay, bà mẹ khác của thật Ngữ lúc ấy chính là Bí-sô ni Hữu Nữ ngày nay, hai người anh lúc ấy chính là hai Bí-sô Hữu và Địa. Thật-lực-tử do ngày xưa vu báng bà mẹ khác của mình nên trải qua nhiều ngàn năm thọ sanh trong Nại-lạc-ca chịu khổ nấu đốt, nghiệp dư tàn kia ở trong năm trăm đời thường bị hủy báng, ngày nay tuy chứng quả A-la-hán vẫn còn bị vu báng. Các thầy nên biết, nghiệp thuần đen thì được quả báo thuần đen, nghiệp thuần trắng thì được quả báo thuần trắng, nghiệp đen trắng xen lẫn thì được quả báo đen trắng xen lẫn. Các thầy nên xa lìa nghiệp thuần đen và nghiệp đen trắng xen lẫn, nên siêng tu nghiệp thuần trắng. Này các Bí-sô, nên học tập như thế. Này các Bí-sô, Thật-lực-tử trước kia tạo nghiệp gì mà ở trong số người phân chia phòng xá ngọa cụ lại là bậc nhất? Các Bí-sô lắng nghe: "Trong thời quá khứ thuộc Hiền Kiếp này, lúc con người sống thọ hai vạn tuổi có đức Phật Ca-diếp-ba ra đời, mười hiệu đầy đủ. Lúc đó Thật-lực-tử được Phật giáo hóa lìa tục xuất gia, trọn đời siêng tu phạm hạnh nhưng chưa chứng được thắng quả, đến lúc mạng chung bèn phát nguyện: "Tôi ở trong giáo pháp tối thượng phước điền của đức Phật Ca-diếp-ba lìa tục xuất gia nhưng vẫn chưa chứng được thắng quả. Như lời Phật thọ ký ở đời vị lai khi con người tuổi thọ giảm xuống một trăm tuổi có Ma-nạp-bạc-ca ra đời thành Phật, tôi ở trong giáo pháp của đức Phật này xuất gia, đoạn các phiền não chứng quả A-la-hán, như Ô-ba-đà-da của tôi ở trong hàng đệ tử của Phật Ca-diếp-ba phân chia ngọa cụ cho tăng là bậc nhất; tôi cũng vậy, ở trong hàng đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni vô thượng Chánh giác đời vị lai phân chia ngọa cụ cho tăng cũng là bậc nhất".

Do nguyện lực này nên ở trong giáo pháp của ta, Thật-lực-tử là người phân chia ngọa cụ phòng xá cho tăng là bậc nhất trong hàng đệ tử. Các Bí-sô nên học như thế".

Học Xứ Thứ Chín: ***MƯỢN CĂN CỨ VU BÁNG*** *(tiếp theo)*

Phật trụ trong Trúc Lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca ở thành Vương Xá, lúc đó Thật-lực-tử đang ở trên núi Thứu Phong, cách đó không xa có ao Thạch Thiết, Thật-lực-tử ban ngày thường đi dạo bên bờ ao này. Bí-sô ni

Liên-hoa-sắc nhờ thiện tri thức là cụ thọ Mục-kiền-liên giáo hóa nên xuất gia trong pháp luật khéo giảng nói của Như Lai, đoạn các phiền não chứng quả A-la-hán. Bí-sô ni này thường đến trúc Lâm cúng dường Thế Tôn và các Bí-sô kỳ túc tôn đức khác, đặc biệt đối với Thật-lực-tử rất tôn kính vì thấy Thật-lực-tử không ngại lao khổ, từ bỏ diệu lạc đẳng trì tịch tĩnh, như pháp làm người Thọ sự phân chia phòng xá ngọa cụ cho Tăng ngày nọ, Bí-sô ni Liên-hoa-sắc sau khi kính lễ Thế Tôn và các Đại đức tăng rồi liền đến chỗ Thật-lực-tử kính lễ và ngồi lại nghe Thật-lực-tử thuyết pháp. Hai Bí-sô Hữu và Địa vốn cùng với Thật-lực-tử đời trước có oán kết thấy việc này rồi muốn vu báng Thật-lực-tử. Lúc đó hai vị này được nhiều y phấn tảo muốn tìm nơi giặt nên đến bên ao Thạch Thiết để giặt y. Khi đến bên ao trông thấy có hai con nai đang uống nước, uống xong liền cùng làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục. Thấy rồi liền liên tưởng tới Thật-lực-tử và Bí-sô ni Liên-hoa-sắc, Bí-sô Hữu nói với Bí-sô Địa: "Đó chính là Thật-lực-tử đang cùng với Bí-sô ni Liên-hoa-sắc làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục, chúng ta nên báo cho các Bí-sô biết". Bí-sô Địa nói: "Ni Hữu Nữ em chúng ta trước đây vì chúng ta mà bị Tăng tẩn xuất, không lẽ anh muốn chúng ta cùng bị tẩn xuất nữa hay sao?". Bí-sô Hữu nói: "Trước đây là dối nói, bây giờ là nói thật, em không thấy đó chính là Thật-lực-tử đang cùng Bí-sô ni Liên-hoa-sắc làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục hay sao?". Bí-sô Địa im lặng đồng tình, vì vậy cả hai anh em Bí-sô này cùng đến bạch với các Bí-sô: "Trong thế gian này còn ai là người đáng tin nữa, chính hai anh em tôi tận mắt trông thấy Thật-lực-tử cùng Bí-sô ni Liên-hoa-sắc đang làm việc dâm dục". Các Bí-sô nghe rồi liền bảo hai Bí-sô Hữu và Địa: "Hai thầy thật muốn bỏ con đường đến nhơn thiên để hướng vào ba đường ác hay sao?. Thật-lực-tử chứng quả A-la-hán trụ trong tám giải thoát, đắc pháp thượng nhơn hiện đại thần thông, hai thầy tại sao lại đem phần việc khác của pháp Ba-la-thị-ca vu báng cho Thật-lực-tử?". Hai Bí-sô Hữu và Địa nói: "Đó không phải là lỗi của chúng tôi, mà là lỗi của con mắt, nên móc hai con mắt này ra". Các Bí-sô nói: "Như Thế Tôn đã dạy phải tìm hiểu kỹ càng sự việc: Tại sao thấy, thấy chỗ nào, thấy như thế nào…, hai thầy vì việc gì đến đó thấy được?". Các Bí-sô sau khi xét hỏi kỹ càng rồi mới biết rõ sự thật, các Bí-sô thiểu dục liền quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa: "Tại sao hai thấy biết rõ Bí-sô thanh tịnh thật không có phạm mà lại đem phần việc khác của pháp Ba-la-thị-ca để vu báng?". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm các Bí-sô… giống như trong giới trên cho đến câu: Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô ôm lòng sân hận không bỏ, cố ý đem phần việc khác của pháp Ba-la-thị-ca vu báng cho Bí-sô thanh

tịnh, muốn phá hoại hạnh thanh tịnh của vị ấy. Về sau vào thời khác có người hỏi hay không có người hỏi vì biết đây là phần việc khác, lấy một chút tương tợ để vu báng. Bí-sô kia vì sân hận nên nói như thế thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho hai Bí-sô Hữu và Địa, hoặc các Bí-sô khác giống như vậy.

Ôm lòng sân hận là trước có phẫn hận không xả nên lòng sân hận không dứt. Đối với Bí-sô thanh tịnh không phạm là Bí-sô không hề phạm tội tha thắng.

Việc phi phần khác: Khác là chỉ cho Niết-bàn trái với sanh tử, nghĩa là bốn pháp Ba-la-thị-ca không phải là phần việc kia. Ba-la-thị-ca là ở trong bốn pháp này tùy lấy một việc vu báng cho người kia. Báng là sự việc vu khống. Phá hoại tịnh hạnh của người kia là muốn làm cho tịnh hạnh của vị kia khuyết tổn. Tăng-già-phạt-thi-sa như giới trên đã giải.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu khi Bí-sô thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khởi tưởng không phạm, hiểu biết là không phạm, khởi nhẫn (chấp nhận) không phạm mà nói là thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu khi Bí-sô thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khởi tưởng phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, hiểu biết như vậy, chấp nhận như vậy mà nói là thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu khi Bí-sô thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khởi tưởng phạm Ba-dật-để-ca, hiểu biết như thế, chấp nhận như thế mà nói là thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu khi Bí-sô thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khởi tưởng phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, hiểu biết như thế, chấp nhận như thế mà nói là thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu khi Bí-sô thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khởi tưởng phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa, hiểu biết như vậy, chấp nhận như vậy mà nói là thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu khi Bí-sô thấy Bí-sô kia phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, khởi tưởng không phạm, hiểu biết không phạm, chấp nhận không phạm mà nói là thấy Bí-sô kia phạm Ba-la-thị-ca, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Như vậy cho đến thấy phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa, mỗi lần nói có năm câu phạm như trên. Trường hợp không phạm là nói đúng sự thật, người phạm ban đầu, si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười: PHÁ TĂNG TRÁI CAN

Phật trụ trong Trúc Lâm cạnh ao Yết-lan-đạc-ca ở thành Vương Xá, vào năm đó gặp lúc mất mùa đói kém khất thực khó được, cho nên các Bí-sô đắc thần thông có người đến rừng Thiệm Bộ ở Nam-thiệm-bộ-châu để hái quả Thiệm Bộ với đủ sắc hương vị mang về trú xứ, tự được no đủ và chia đều cho các Bí-sô; có người hái trái Tần-la, hoặc trái Lâm-kiếp-tất-tha, Trái-yểm-ma-lạc-ca… đem về cùng chia nhau ăn; có người đến châu Đông-tỳ-đề-ha, có người đến châu Tây Cù-đà-ni, có người đến Bắc cu lô châu lấy lúa thơm tự nhiên mang về cùng chia nhau ăn; có người lên cõi trời Tứ Đại vương chúng, hoặc trời Tam Thập Tam lấy diệu thực của cõi trời mang về cùng chia nhau ăn; có người đến các phương khác những nơi trù phú sung túc để lấy thức ăn ngon mang về cùng chia nhau ăn. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa suy nghĩ: "Hiện nay gặp lúc mất mùa đói kém khất thực khó được, các Bí-sô đắc thần thông đều đến rừng Thiệm Bộ… giống như đoạn văn trên. Nếu ta đắc thần thông ta cũng có thể đi được như thế. Nhưng ai có thể dạy ta pháp thần thông, ta nên đến chỗ Thế Tôn hỏi về điều này, Phật dạy thế nào ta phụng trì thế nấy". Nghĩ rồi vào xế chiều Đề-bà-đạt-đa từ tĩnh xứ đứng dậy đi đến chỗ Thế Tôn , đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế Tôn, xin hãy dạy cho con pháp thần thông". Lúc đó Thế Tôn quán biết Đề-bà-đạt-đa muốn sanh niệm tà ác nên nói rằng: "Thầy nên tịnh Thi La trước, kế siêng tu Định Huệ, sau mới tu tập thần thông". Nghe Phật nói rồi Đề-bà-đạt-đa liền nghĩ là Thế Tôn không muốn dạy cho mình pháp thần thông nên lui về, sau đó đến chỗ A-nhã-kiều-trần-như bạch rằng: "Cúi xin Thượng Tọa dạy cho tôi pháp thần thông". Cụ thọ A-nhã-kiều-trần-như liền quán tâm Phật biết được do Phật quán biết Đề-bà-đạt-đa muốn sanh niệm tà ác nên không dạy thần thông cho Đề-bà-đạt-đa, quán biết rồi liền nói rằng: "Thầy nên quán nơi sắc, như lý quán sát rồi đắc thần thông và các thắng đức; đối với Thọ, tưởng, hành, thức cũng quán như vậy". Đề-bà-đạt-đa nghe rồi nghĩ là A-nhã-kiều-trần-như không muốn dạy cho mình nên bỏ đi. Sau đo lần lượt đến chỗ các vị thượng tọa như Mã Thắng, Bạt-đà-la-bà-sáp-ba, Đại danh Xưng, Viên-mãn, Vô-cấu, Ngưu-vương-diệu-tý… tất cả là năm trăm vị thượng tọa để xin học pháp thần thông, nhưng tất cả vị thượng tọa này đều quán tâm Phật biết được do phật quán biết Đề-bà-đạt-đa muốn sanh niệm tà ác nên đã không dạy pháp thần thông cho Đề-bà-đạt-đa , quán biết rồi nói rằng: "Thầy nên quán nơi sắc… cho đến quán Thọ, tưởng, hành thức cũng như vậy". Đề-bà-đạt-đa nghe thấy năm trăm vị thượng tọa đều nói giống như nhau liền biết là không muốn dạy pháp thần thông cho mình liền suy nghĩ: "Không lẽ không còn ai dạy pháp thần thông

cho ta sao?". Lúc đó Đề-bà-đạt-đa liền nghĩ đến cụ thọ Thập Lực Phật Ca Nhiếp Ba đang trụ ở Ưng Quật trong thành Vương Xá: "Thập Lực Phật Ca Nhiếp Ba tánh không dối nịnh, nói lời chơn thật, là Ô-ba-đà-da của A-nan-đà em ta, có thể dạy ta pháp thần thông". Nghĩ rồi liền đi đến chỗ Thập Lực Phật Ca Nhiếp Ba đảnh lễ rồi bạch rằng: "Cúi xin Thượng tọa dạy cho tôi pháp thần thông". Cụ thọ Thập Lực Phật Ca Nhiếp Ba do không quán tâm Phật nên không biết Phật không dạy pháp thần thông cho Đề-bà-đạt-đa vì quán biết Đề-bà-đạt-đa muốn sanh niệm tà ác, nên liền dạy pháp thần thông cho Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa nghe rồi liền siêng năng tu tập đến sau đêm nương theo đạo thế tục mà chứng được Sơ tĩnh lự, phát ra thần thông, chuyển một thành nhiều, chuyển nhiều thành một, hoặc hiện hoặc ẩn, có thể đi xuyên qua núi, đá, vách như đi trong hư không không có ngăn ngại; vào trong đất như đi trong nước, đi trên mặt nước như đi trên mặt đất, ngồi kiết già trong hư không như chim bay, hoặc dùng tay sờ mặt trời, mặt trăng… Có được thần thông rồi Đề-bà-đạt-đa suy nghĩ: "Nay các Bí-sô khất thực khó được, ta trước đến trong rừng Thiệm Bộ hái quả thơm ngon để ăn rồi chia cho các vị khác, kế đến các châu Đông, Tây, Bắc, cõi trời Tứ Đại vương chúng, Tam thập tam và các nơi trù phú khác lấy thức ăn cho mình và chia cho các vị khác". Đề-bà-đạt-đa lại nghĩ: "Ta nên nghĩ cách giáo hóa vua nước Ma-kiệt-đà, nếu người này được giáo hóa rồi ta có thể thu phục nhiều người không khó. Thái tử Vị-sanh-oán sau khi vua cha qua đời sẽ làm quốc vương, có đại tự tại, ta nên giáo hóa người này trước, sau mới thu phục nhiều người không khó". Nghĩ rồi Đề-bà-đạt-đa liền hóa làm thân voi thượng diệu từ cửa sau cung Thái tử đi vào rồi đi ra ở cửa trước, lại từ cửa trước đi vào rồi đi ra ở cửa sau; hoặc hóa làm người đang cởi ngựa ra vào các cửa giống như trên; hoặc làm Bí-sô cạo bỏ râu tóc, đắp y Tăng-già-chi, tay mang bát ra vào các cửa như trên. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa hóa làm đồng tử trang sức bằng các chuỗi anh lạc rực rỡ đến ôm chầm thái tử, thái tử Vị-sanh-oán biết là do Đề-bà-đạt-đa hiện thần thông biến hóa nên ôm hôn đồng tử, nước miếng của thái tử chảy vào miệng của đồng tử. Do Đề-bà-đạt-đa có tâm tham cầu lợi dưỡng nên khiến thái tử khởi tâm tà ác cho là đức của Đề-bà-đạt-đa thù thắng hơn đức Phật nên chuyển tâm tín kính và muốn cúng dường Đề-bà-đạt-đa. Kể từ ngày hôm đó mỗi ngày hai lần sáng chiều đều dùng năm trăm xe báu đến chỗ Đề-bà-đạt-đa kính lễ, mỗi bửa ăn dâng cúng năm trăm chõ thức ăn thượng diệu cho Đề-bà-đạt-đa và năm trăm Bí-sô tùy thuận Đề-bà-đạt-đa. Lúc đó các Bí-sô sáng sớm vào thành khất thực nghe biết sự việc như trên nên sau khi khất thực xong trở về bổn xứ, ăn xong rửa bát, rửa tay chân rồi liền đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi đem sự

việc nghe biết được về Đề-bà-đạt-đa bạch Phật, Phật nghe rồi liền bảo các Bí-sô: "Các thầy đừng nên hâm mộ việc Đề-bà-đạt-đa thọ nhận sự cúng dường thượng diệu đó, vì sao?, vì Đề-bà-đạt-đa sẽ bị sự cúng dường thượng diệu này giết hại, như cây chuối trổ buồng, như cây trúc Vĩ có trái, như con La mang thai đều tự hại thân. Đề-bà-đạt-đa cũng như thế, thọ nhận sự cúng dường thượng diệu của người ắt tự hại mình. Này các Bí-sô, nếu khi Đề-bà-đạt-đa được lợi dưỡng thì người ngu này có thể đêm dài thọ lãnh việc không Lợi-ích, khổ não. Cho nên các Bí-sô chớ mong cầu danh văn lợi dưỡng, nếu có được cũng đừng sanh tâm tham đắm". Thế Tôn liền nói kệ:

"Cây chuối nếu kết buồng, Cây Trúc Vĩ sanh trái, Con La khi mang thai, Đều trở lại hại mình.

Lợi dưỡng và danh văn, Người ngu mới ưa thích, Hay hoại các pháp lành, Như kiếm chặt đầu người".

Các Bí-sô nghe Phật dạy rồi hoan hỉ phụng hành. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa sau khi được sự cung kính cúng dường như vậy rồi liền khởi niệm tà ác: "Thế Tôn nay đã già yếu, nếu giáo thọ cho bốn chúng Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca rất nhọc mệt. Nay đến lúc nên giao phó đại chúng cho ta, ta sẽ giáo thọ cho họ và nắm giữ quyền hành, Thế Tôn nên ít lo nghĩ, thọ hiện pháp lạc trụ trong tịch tĩnh". Đề-bà-đạt-đa vừa sanh niệm tà ác này liền thối mất thần thông, thần thông tuy thối mất mà không tự biết. Lúc đó có một Bí-sô đệ tử của Phật tên là Ca Câu Đà từng ở bên Phật siêng tu tịnh hạnh, học bốn phạm trụ, đối dục trừ dục nên sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời Phạm. Ca Câu Đà ở trong Phạm cung dùng Thiên nhãn quán thấy Đề-bà-đạt-đa do khởi niệm tà ác mà thối mất thần thông liền ẩn thân ở Phạm cung, như tráng sĩ co duỗi cánh tay hiện đến chỗ cụ thọ Mục-kiền-liên ở trong rừng Vô Úy trên núi Giang Đồn, đảnh lễ rồi bạch rằng: "Đại đức biết chăng, Đề-bà-đạt-đa do tham lợi dưỡng đã khởi lên niệm tà ác… giống như đoạn văn trên. Vừa khởi niệm tà ác này liền thối mất thần thông. Lành thay, đại đức Mục-kiền-liên nên đến chỗ Phật bạch rõ việc này". Cụ thọ Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, Ca Câu Đà biết cụ thọ Mục-kiền-liên đã nhận lời rồi liền ẩn thân trở về Phạm cung. Sau khi Phạm thiên Ca Câu Đà đi rồi, cụ thọ Mục-kiền-liên liền nhập Thắng định, như tráng sĩ co duỗi cánh tay ẩn thân ở rừng Vô Úy hiện đến Trúc Lâm, chỗ Thế Tôn đang ở, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên đem lời của Phạm thiên Ca Câu Đà vừa nói bạch Phật, Phật nghe rồi nói rằng: "Thầy đợi Phạm thiên Ca Câu Đà đến nói mới biết Đề-bà-đạt-đa có niệm tà ác hay sao?". Mục Liên bạch Phật: "Thế Tôn con đã biết, trước khi Phạm thiên Ca Câu Đà đến nói". Lúc đó

Đề-bà-đạt-đa cùng bốn Bí-sô bè đảng đi đến chỗ Phật: Một là Cô Ca Lê Ca, hai là Khiên-đồ-đạt-phiêu, ba là Yết Tra Mô Lạc Ca Để Sái, bốn là Tam-một-đạt-la-đạt-đa. Phật từ xa trông thấy liền bảo Mục Liên: "Thiên Thọ sắp đến, người ngu si này đích thân đến trước ta khoác lác, thầy nên khéo hộ lời nói". Cụ thọ Mục-kiền-liên liền đảnh lễ Phật rồi nhập định, như tráng sĩ co duỗi cánh tay, ẩn thân trở về rừng Vô Úy. Lúc đó Thiên Thọ Đề Bà đến đảnh lễ Phật rồi bạch rằng: "Thế Tôn nay đã già yếu, giáo thọ cho bốn chúng Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca rất nhọc mệt. Thế Tôn nên giao phó đại chúng cho con, con sẽ giáo thọ họ, con sẽ nắm giữ quyền hành. Thế Tôn nên ít lo nghĩ, thọ hiện pháp lạc trụ trong tịch tĩnh". Thế Tôn nói: "Đại trí như Xá-lợi-tử, Mục-kiền-liên ta còn không phó chúc Bí-sô tăng già cho họ, huống chi thầy là người ngu si nuốt đàm dãi của người khác". Thiên Thọ nghe rồi liền suy nghĩ: "Thế Tôn khen ngợi Xá-lợi-tử, Mục-kiền-liên mà gọi ta là người ngu si nuốt đàm dãi của người khác…". Từ lúc này Thiên Thọ bắt đầu khởi tâm sát hại, khởi ý bất nhẫn đối với Thế Tôn. Đề-bà-đạt-đa liền ngấc đầu lên ba lần nhìn Phật rồi bỏ đi. Thế Tôn thấy Thiên Thọ Đề Bà đã đi liền bảo A-nan-đà lúc đó đang đứng quạt hầu ở phía sau Phật: "Này A-nan-đà, thầy đến Trúc Lâm cạnh ao Yết-lan-đạc-ca thông báo cho các Bí-sô đến tập họp trong nhà thường ăn". Cụ thọ A-nan-đà vâng lời đến Trúc Lâm thông báo rồi trở về bạch Phật: "Thế Tôn, xung quanh Trúc Lâm nơi nào có Bí-sô con đều đã thông báo đến nhà thường ăn tập họp, xin Phật biết thời".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 15

Học Xứ Thứ Mười: ***PHÁ TĂNG TRÁI CAN*** *(Tiếp Theo)*

Lúc đó đức Bạc-già-phạm liền đến nhà tập Tăng, tới tòa ngồi giữa đại chúng bảo các Bí-sô: "Trong thế gian này có ba loại bậc thầy:

Một là loại bậc thầy giới thật không thanh tịnh mà tự nói là giới tịnh. Các đệ tử do cùng ở chung biết thầy mình giới không thanh tịnh nên nói với nhau: "Thầy ta giới không thanh tịnh mà tự nói là giới tịnh, nếu chúng ta nói cho người khác biết, thầy ta nghe biết được sẽ không vui thì chúng ta làm sao nương ở được. Vì vậy chúng ta làm thinh, thầy ta sẽ tự biết, huống chi thầy ta thường cung cấp cho chúng ta cơm áo, ngọa cụ, thuốc men và các thứ cần dùng, chúng ta cũng nên ủng hộ". Nhưng vị thầy này lại cho rằng các đệ tử đã che dấu tội lỗi cho mình.

Hai là loại bậc thầy mạng thật không thanh tịnh mà tự nói là mạng tịnh. Các đệ tử do cùng ở chung biết thầy mình mạng không thanh tịnh nên nói với nhau: Thầy ta mạng không thanh tịnh mà tự nói là mạng tịnh, nếu chúng ta nói cho người khác biết, thầy ta nghe biết được sẽ không vui… giống như đoạn văn trên.

Ba là loại bậc thầy tri kiến không thanh tịnh mà tự nói là tri kiến tịnh. Các đệ tử do cùng ở chung biết thầy mình tri kiến không thanh tịnh nên nói với nhau: 'Thầy ta tri kiến không thanh tịnh mà tự nói là tri kiến tịnh, nếu chúng ta nói cho người khác biết,… giống như đoạn văn trên.

Bốn là loại bậc thầy không biết gì về thọ ký mà tự nói mình giỏi về thọ ký và biết rõ như thật. Các đệ tử do cùng ở chung nên biết thầy mình không biết gì về thọ ký nên nói với nhau: "Thầy ta không biết gì về thọ ký mà tự nói mình giỏi về thọ ký và biết rõ như thật, nếu chúng ta nói cho người khác biết"…, giống như đoạn văn trên.

Năm là loại bậc thầy y chỉ thân cận pháp luật ác thuyết mà tự nói mình y chỉ pháp luật thiện thuyết. Các đệ tử do cùng ở chúng biết thầy mình

y chỉ pháp luật ác thuyết nên nói với nhau giống như đoạn văn trên.

Này các Bí-sô, ta đã trì giới không lỗi, ta tự cho mình là Trì giới thanh tịnh không có lỗi lầm, các đệ tử không cần phải ủng hộ ta, che dấu cho ta. Đây là điều thứ nhất ta trụ ở thế gian. Ta trụ nơi mạng tịnh, ta tự cho mình là mạng thanh tịnh không có lỗi lầm, các đệ tử không cần phải ủng hộ ta, che dấu cho ta. Đây là điều thứ hai ta trụ ở thế gian. Lại nữa các Bí-sô, tri kiến của ta thanh tịnh… cho đến đây là điều thứ ba ta trụ ở thế gian. Lại nữa các Bí-sô, ta hiểu rõ việc thọ ký và biết rõ như thật… cho đến đây là điều thứ tư ta trụ ở thế gian. Lại nữa các Bí-sô, Pháp mà ta nương là pháp luật thiện thuyết, ta tự cho mình là y chỉ pháp luật thiện thuyết… cho đến đây là điều thứ năm ta trụ ở thế gian. Lại nữa các Bí-sô, những điều ta ân cần dặn dò các thầy cần phải hết lòng phụng hành, giống như thợ gốm nung đồ gốm thì việc đốt lửa cho tốt là cần thiết, nếu lửa nung tốt thì gốm thành tựu, lử nung không tốt thì gốm hư hoại. Vì vậy các thầy phải thuận hành theo lời ta nói, đừng để sau này hối hận".

Lúc đó Thiên Thọ Đề Bà nói với bốn người bạn bè đảng trợ giúp: "Bốn vị nên cùng giúp tôi phá Tăng già hòa hợp và phá pháp luân tăng của sa môn Kiều-đáp-ma. Nếu thành công thì sau khi chúng ta qua đời tiếng tăm vang khắp mười phương là sa môn Kiều-đáp-ma còn ở đời mà Đề-bà-đạt-đa có đại oai đức, có thế lực đã cùng với bốn người: Cô-ca-lý-ca, Khiên-đồ-đạt-phiêu, Yết-tra-mô-lạc-ca-để-sái, Tam-một-đạt-la-đạt-đa, phá Tăng già hòa hợp và phá pháp luân tăng". Cô-ca-lý-ca nói: "Nay tôi với thầy không làm được việc này, vì sao?, vì hàng đệ tử Thanh văn của đức Bạc-già-phạm có đại oai lực, thiên nhãn sáng tỏ, thấu biết tâm của người khác. Sự vật tuy ở xa nhưng họ có thể trông thấy, họ ở gần người khác mà người khác không hay. Việc làm của chúng ta họ đều dự biết trước". Thiên Thọ nghe rồi nói: "Các vị nên cùng tôi lập bày phương tiện". Hỏi: "Phương tiện như thế nào?", đáp: "Chúng ta trước nên đến chỗ các bậc thượng tọa kỳ niên túc đức cúng dường các tư cụ thượng diệu và cung cấp các vật cần dùng đừng để thiếu thốn. Đối với các Bí-sô niên thiếu chúng ta cũng cung cấp như vậy khiến cho họ hoan hỉ, hoặc cho họ y bát, đãy đựng y bát, dây lưng…, hoặc chỉ dạy họ đọc tụng tác ý tương ưng…". Cả bốn người bạn trợ giúp phá tăng này đều khen là phương tiện hay khiến cho Thiên Thọ càng thêm kiêu mạn muốn phá Tăng già. Các Bí-sô biết rõ hành vi tiến thú muốn phá Tăng luân của Thiên Thọ liền đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thấy nên can riêng Thiên Thọ, nếu có người nào khác giống như vậy cũng nên can như sau: "Thiên Thọ chớ nên phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh chấp chặt không bỏ. Thiên Thọ nên cùng

Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Thiên Thọ nên bỏ việc phá tăng". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy đến can riêng Thiên Thọ Đề Bà, văn khuyên can giống như đoạn văn trên. Khi các Bí-sô can riêng như vậy, Đề-bà-đạt-đa chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ, nói rằng: "Việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Các Bí-sô liền đem nhơn duyên việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên bạch tứ yết ma đối trong chúng can ngăn, nếu có người nào khác giống như vậy cũng nên can ngăn. Nên trải tọa cụ, đánh kiền chùy trước tác bạch rồi sau tập họp Tăng. Khi Tăng già nhóm họp rồi một Bí-sô tác pháp yết ma, trước tác bạch như sau:

"Đại đức tăng lắng nghe, Đề-bà-đạt-đa này muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Các Bí-sô đã can riêng nhưng Đề-bà-đạt-đa chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ, nói rằng: việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng. Nếu tăng đúng thời đến, Tăng nay chấp thuận bạch tứ yết ma can ngăn việc Đề-bà-đạt-đa làm rằng: Này Đề-bà-đạt-đa, thầy chớ muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Thầy nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Đề-bà-đạt-đa hãy nên bỏ việc phá Tăng. Bạch như vậy'. Kế tác yết ma như sau:

"Đại đức Tăng lắng nghe, Đề-bà-đạt-đa này muốn phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Các Bí-sô đã can riêng nhưng Đề-bà-đạt-đa chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ, nói rằng: việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng. Tăng nay bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-đa rằng: Này Đề-bà-đạt-đa, thầy chớ muốn phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Thầy nên cùng tăng già hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Đề-bà-đạt-đa hãy nên bỏ việc phá Tăng. Nếu các cụ thọ chấp thuận bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-đa rằng: Này Đề-bà-đạt-đa, thầy chớ nên phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Thầy nên cùng tăng già hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Đề-bà-đạt-đa hãy nên bỏ việc phá tăng. thì im lặng, vị nào không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất; yết ma lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng nay đã bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-đa xong rồi, Tăng

chấp thuận vì im lặng. Tôi nay nhớ giữ như vậy.

Các Bí-sô vâng lời Phật dạy bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-đa xong rồi, nhưng Đề-bà-đạt-đa chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ nói rằng: "Việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Bốn người bạn trợ giúp Đề-bà-đạt-đa trong việc phá tăng nói với các Bí-sô: "Các Đại đức chớ nói Bí-sô kia (Đề bà) là thiện hay ác, vì sao?, vì Bí-sô kia là một người nói đúng pháp, là người nói đúng luật, y nơi pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; điều mà Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích". Các Bí-sô đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thấy nên can riêng bốn người bạn trợ giúp Đề-bà-đạt-đa phá tăng này, nếu có người nào giống như vậy cũng nên can như sau: 'này các vị Cô-ca-lý-ca, Khiên-đồ-đạt-phiêu, Yết-tra-mô-lạc-ca-để-sái, Tam-một-đạt-la-đạt-đa nên biết, Bí-sô Thiên Thọ muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Các vị chớ tùy thuận trợ giúp phá tăng theo tà bỏ chánh, các vị chớ nói với các Bí-sô rằng: Các Đại đức chớ nói Bí-sô Đề bà thiện hay ác, vì sao?, vì Bí-sô kia là người nói đúng pháp, là người nói đúng luật, y theo pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; điều mà Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích. Này các cụ thọ, Bí-sô kia nói lời phi pháp, phi luật, không nương theo pháp luật mà nói, không biết mà nói, không phải biết mới nói. Các vị chớ nên ưa thích phá hòa hợp tăng, nên ưa thích Tăng hòa hợp. Các vị nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Các vị hãy nên bỏ việc tùy thuận phá hòa hợp tăng". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy can riêng bốn người bạn tùy thuận trợ giúp phá tăng nhưng bốn người này không chịu nghe lời can ngăn, chấp chặt không bỏ nói rằng: "Việc này là chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Các Bí-sô liền đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên bạch tứ yết ma đối trong chúng can ngăn bốn người bạn tùy thuận trợ giúp phá tăng này, nếu có người nào khác giống như vậy cũng nên can. Trước tác bạch như sau:

"Đại đức Tăng lắng nghe, Cô-ca-lý-ca, Khiên-đồ-đạt-phiêu, Yết-tra-mô-lạc-ca-để-sái, Tam-một-đạt-la-đạt-đa bốn vị này biết Bí-sô Đề Bà muốn phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp, mà vẫn tùy thuận trợ giúp làm việc không hòa hợp. Khi các Bí-sô can ngăn, các vị này nói rằng: Các Đại đức chớ nói Bí-sô Đề-bà là thiện hay ác, vì sao?, vì Bí-sô kia là người nói đúng pháp, là người nói đúng luật, nương nơi pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; điều mà Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích. Khi các Bí-sô can riêng như vậy, họ vẫn chấp chặt

không bỏ nói rằng: việc này là chơn thật, các việc khác đều là hư vọng. Nếu tăng đúng thời đến, Tăng nay bạch tứ yết ma can ngăn bốn người: Cô-ca-lý-ca… "Này Cô-ca-lý-ca… các vị biết Bí-sô kia muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh, trụ trong phi pháp mà vẫn thuận theo Bí-sô kia làm việc không hòa hợp. Khi các Bí-sô can ngăn lại nói với các Bí-sô rằng: Các Đại đức đừng nói Bí-sô kia là thiện hay ác, vì sao? vì Bí-sô kia là người nói như pháp, như luật, nương nơi pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; điều mà Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích. Nhưng Bí-sô kia là người nói phi pháp, phi luật, nương theo phi pháp phi luật chấp chặt không bỏ, không biết mà nói, không phải biết mới nói. Các cụ thọ chớ ưa thích phá Tăng, nên ưa thích Tăng hòa hợp. Các cụ thọ nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Các cụ thọ hãy bỏ việc tùy thuận phá tăng không hòa hợp". Bạch như vậy.

Kế tác yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy liền bạch tứ yết ma can ngăn bốn người Cô-ca-lý-ca…, nhưng bốn người này vẫn chấp chặt không bỏ nói rằng: "Việc này là chơn thật, các việc khác là hư vọng". Các Bí-sô đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Đề-bà-đạt-đa cùng bốn người bạn này thuận theo tà trái bỏ chánh, từ nay về sau phá Tăng già đệ tử hòa hợp của ta và phá pháp luân có uy lực lớn". Đề-bà-đạt-đa nghe được lời này liền nói: "Sa môn Kiều-đáp-ma đã thọ ký cho ta với các Bí-sô rằng: Đề-bà-đạt-đa cùng bốn người bạn kia thuận theo tà trái bỏ chánh, từ nay về sau phá tăng già đệ tử hòa hợp của ta và phá pháp luân có uy lực lớn. "Kế nói với bốn người bạn trợ giúp việc phá tăng rằng: "Các vị nên biết, sa môn Kiều-đáp-ma đã thọ ký cho ta với các Bí-sô… như trên". Từ đó Đề Bà đối với việc phá tăng càng thêm mạnh mẽ, các Bí-sô nghe rõ sự việc liền bạch Phật, Phật do nhơn duyên này nhóm họp Bí-sô Tăng già hỏi Đề-bà-đạt-đa: "Thầy thật muốn phá Tăng già hòa hợp, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp phải không?". Đề-bà-đạt-đa đáp: "Thật vậy, Thế Tôn". Thế Tôn liền quở trách Đề-bà-đạt-đa: "Việc thầy đã làm không phải là sa môn, không phải hạnh tùy thuận, không phải tịnh hạnh, là việc không nên làm, không phải là việc nên làm của người xuất gia". Phật quở trách rồi bảo các Bí-sô: Ta quán mười công đức lợi nên chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô khởi phương tiện muốn phá hòa hợp tăng, đối với việc phá tăng chấp chặt không bỏ, các Bí-sô nên can ngăn Bí-sô kia rằng: Cụ thọ chớ muốn phá hòa hợp tăng, chấp chặt không bỏ; cụ thọ nên cùng chúng tăng hòa hợp ở chung, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa,

khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, an lạc lâu dài; cụ thọ hãy bỏ việc phá tăng. Khi các Bí-sô can ngăn như vậy chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì nên ân cần can ngăn chánh thức ba lần, thuận theo giáo pháp gạn hỏi cho bỏ việc phá tăng này. Chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Đề-bà-đạt-đa hoặc có người khác giống như thế. Hòa hợp là một mùi vị. Tăng già chỉ cho chúng đệ tử Thanh văn của Như Lai. Muốn phá là muốn chia làm hai phần. Phương tiện là tiến hành việc phá tăng. Gây ra việc đấu tranh chấp chặt không bỏ là Đề Bà và bốn người bạn tùy thuận trợ giúp chấp chặt việc phá tăng. Các Bí-sô là chỉ cho những người trong pháp này. Bí-sô kia là chỉ cho Đề-bà-đạt-đa. Nói là can ngăn riêng.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô khởi phương tiện muốn phá tăng đều phạm Ác-tác. Nếu khi can ngăn riêng mà không chịu bỏ đều phạm tội Thô. Khi bạch tứ yết ma như pháp, như luật, như lời Phật dạy can ngăn, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ sau khi tác bạch xong phạm tội thô; yết ma lần thứ nhất xong cũng phạm tội Thô; yết ma lần thứ hai xong cũng phạm tội Thô; yết ma lần thứ ba xong vẫn không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu tác yết ma phi pháp hòa hợp, hoặc như pháp mà không hòa hợp, hoặc tương tợ pháp hòa hợp, hoặc tương tợ pháp không hòa hợp; hoặc không như pháp, như luật, như lời phật dạy mà bỉnh pháp yết ma đều không phạm. Bí-sô kia nếu ở trên tòa cao nói với Đại chúng: "Các Đại đức, tôi Bí-sô tên phạm Tăng-già-phạt-thi-sa". Nói như vậy thì tốt, nếu không nói như vậy cho đến tội kia chưa như pháp sám hối, hoặc cùng các Bí-sô khác-tác bạch yết ma cho đến bạch tứ mỗi mỗi đều phạm Ác-tác. Trường hợp không phạm là người ban đầu tạo tội hoặc cuồng si tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Một: ***TÙY THUẬN PHÁ TĂNG TRÁI CAN***

Lúc đó Thế Tôn ở nơi tòa ngồi của mình muốn chế học xứ bạn tùy thuận phá tăng cho các đệ tử Thanh văn nên bảo các Bí-sô: "Này các Bí-sô, khoan hãy đứng dậy đi, Tăng già còn một việc". Thế Tôn liền hỏi bốn người bạn tùy thuận trợ giúp việc phá tăng là Cô-ca-lý-ca…: "Các thầy thật biết Đề-bà-đạt-đa muốn phá hòa hợp tăng, khởi phương tiện phá tăng lại khuyên gây ra việc đấu tranh, chấp chặt không bỏ. Các thầy cùng làm bạn trợ giúp thuận theo tà trái bỏ chánh và nói với các Bí-sô rằng: "Các Đại đức đừng nói Bí-sô Đề Bà là thiện hay ác, vì sao?, vì Bí-sô kia là người nói như pháp, như luật, nương nơi pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không

biết mà nói; điều mà vị ấy ưa thích, tôi cũng ưa thích. Có phải không?". Cô-ca-lý-ca đáp: "Thật vậy, Thế Tôn". Thế Tôn liền quở trách: "Việc các thầy đã làm chẳng phải là sa môn, chẳng phải hạnh tùy thuận, không thanh tịnh là việc không nên làm, chẳng phải việc nên làm của người xuất gia". Thế Tôn đủ lời quở trách rồi bảo các Bí-sô: Ta quán mười công đức lợi nên chế học xứ này cho các đệ tử Thanh văn như sau: "Nếu lại có hoặc một hoặc hai hay nhiều Bí-sô làm bạn đảng với Bí-sô kia thuận theo tà trái bỏ chánh, các Bí-sô này nói với các Bí-sô: Các Đại đức chớ nói Bí-sô kia là thiện hay ác, vì sao?, vì Bí-sô kia là người nói như pháp, như luật, nương nơi pháp luật mà nói không có hư vọng; điều Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích. Các Bí-sô nên nói với các Bí-sô này: Cụ thọ chớ nói Bí-sô kia là người nói như pháp như luật, nương nơi pháp luật mà nói không có hư vọng; điều Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích, vì sao?, vì Bí-sô kia chẳng phải là người thuận theo pháp luật, không nương nơi pháp luật mà nói đều là hư vọng. Các thầy chớ ưa thích phá tăng, nên ưa thích Tăng hòa hợp, nên cùng Tăng hòa hợp không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, an lạc lâu dài. Các cụ thọ nên bỏ ác kiến phá Tăng, bỏ việc thuận tà trái chánh, khuyên gây việc đấu tranh, chấp chặt không bỏ. Khi các Bí-sô can ngăn như vậy chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ nên ân cần can ngăn chánh thức ba lần, y theo giáo pháp gạn hỏi cho bỏ việc phá tăng này, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

Nếu lại có là chỉ cho Đề-bà-đạt-đa. Một, hai hay nhiều người là chỉ cho nhóm bốn người Cô-ca-lý-ca…, hai người trở lên gọi là nhiều người. Thuận tà trái chánh là làm bạn với người kia thuận theo tà kiến, trái bỏ chánh lý. Các Bí-sô chỉ cho những vị trong pháp này.

Là thiện hay ác tức là đừng bảo Đề Bà làm thiện bỏ ác. Vì sao?, vì Bí-sô kia là người như pháp như luật, nói năng ra làm đều thuận theo giáo pháp của Đại sư… là lời can ngăn riêng. Nếu không bỏ nên ân cần ba lần can… là Tăng tác pháp yết ma can ngăn.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu các Bí-sô làm bạn trợ giúp Bí-sô kia muốn phá hòa hợp tăng; cùng làm bạn với Bí-sô kia khởi phương tiện tà ác, thuận tà trái chánh đều phạm tội Ác-tác. Các tướng phạm khác đều giống như trong học xứ phá tăng, chuẩn theo đó mà định tội.

Học Xứ Thứ Mười Hai: ***LÀM NHƠ NHÀ NGƯỜI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc , rừng Thệ-đa , thành Thất-la-phiệt.

Lúc đó ở núi Chỉ-tra có ba Bí-sô: Một tên là A-thấp-bạc-ca, hai tên là Bổ-nại-phạt-tố, ba tên là Bán-đậu-lư-hí-đắc-ca làm pháp nhơ nhà người, làm hạnh xấu xa như là cùng người nữ cười giỡn, trạo cử, buông lung, sờ mó thân họ; ngồi chung một giường, ăn chung một mâm, uống rượu chung một chén; tự hái hoa, bảo người hái hoa, tự kết thành tràng, bảo người kết thành tràng; ca múa hát xướng, thấy người nữ cười giỡn đem vật biếu tặng; vén y lên cao nhảy nhót; giả làm tiếng voi kêu, tiếng ngựa hí, tiếng trâu rống, tiếng chim sẻ kêu, tiếng chim Anh vũ nói, vỗ nước thành tiếng, bày các trò cười giỡn; hoặc làm các dụng cụ hát xướng kỹ nhạc; cùng những người nữ kia làm những việc sái oai nghi tạo các tội lỗi. Các Bà-la-môn, cư sĩ và những người sống tại núi Chỉ-tra thấy vậy đều sanh lòng không tin chê trách hủy báng, đối với các Bí-sô cựu trụ ở đấy còn không thể cúng dường thức ăn huống chi là người khác. Lúc đó cụ thọ A-nan-đà từ nước Ca Thi du hành nhơn gian tuần tự tới núi Chỉ-tra, sáng ngày đáp y mang bát vào làng Chỉ-tra khất thực nhưng lại mang bát không trở về vì không có ai bố thí, một nắm cơn cũng không ai cho. Cụ thọ A-nan-đà liền suy nghĩ: "Ta nhớ trước đây khi đến núi này, dân chúng sống sung túc vui vẻ khất thực dễ được. Nay cũng tại núi này, dân chúng cũng sống sung túc vui vẻ nhưng sao khất thực không có ai bố thí, một nắm cơm cũng không ai cho, phải mang bát không trở về. Há chẳng phải có vị đệ tử nào của Phật ở đây đã làm việc phi pháp bị người chê trách hủy báng, khiến ta khất thực không được". Nghĩ rồi A-nan-đà liền đi đến chỗ mà các Bà-la-môn, cư sĩ năm trăm người thường hay tụ tập hỏi họ rằng: "Các vị biết chăng, ta nhớ trước kia khi đến núi này, dân chúng sống sung túc vui vẻ, khất thực dễ được. Nay vẫn tại núi này tại sao lại khất thực không có ai bố thí, một nắm cơm cũng không có ai cho phải mang bát không trở về?". Trong đây có một Ô-ba-sách-ca tên là Thủy-la nắm tay A-nan-đà dẫn qua một bên nói rằng: "Đại đức biết chăng, tại núi Chỉ-tra này có ba Bí-sô tên là A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố… làm nhơ nhà người, làm hạnh xấu xa… giống như ở đoạn văn trên cho đến câu các cự trụ Bí-sô còn không được cúng dường thức ăn huống chi người khác. Nếu tôn giả có đến chỗ Phật xin hãy trình bày việc này lên Phật". Cụ thọ A-nan-đà nghe rồi im lặng nhận lời, Thủy-la biết tôn giả đã nhận lời liền thỉnh mời về nhà thọ thực, cụ thọ A-nan-đà im lặng nhận lời theo Thủy-la về nhà. Thủy-la mời ngồi trên thắng tòa và dâng thức ăn thượng diệu, đợi tôn giả ăn xong mới ngồi một bên thỉnh nghe pháp yếu. Cụ thọ A-nan-đà nói diệu pháp cho Thủy-la nghe khiến được hoan hỉ rồi cáo từ. Khi về đến trú xứ trao trả ngọa cụ cho Tăng rồi chấp trì y bát về đến thành Thất-la-phiệt, sau đó đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đem sự việc ở núi Chỉ-

tra bạch Phật, Phật nghe rồi liền bảo cụ thọ A-nan-đà: "Thầy nên cùng với khoảng sáu mươi vị Bí-sô kỳ túc đi đến núi Chỉ-tra tác pháp yết ma Khu khiển (xua đuổi) cho A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố, nên làm như sau: Khi sắp đến núi Chỉ-tra nên dừng lại một chỗ trên đường đi tác pháp sai người gạn hỏi. Bí-sô nào không có năm đức thì không nên sai, nếu đã sai thì nên xả bỏ. Năm đức đó là có thương, có ghét, có sợ, có si đối với việc gạn hỏi và không gạn hỏi đều không thể hiểu rõ. Ngược lại với năm đức trên thì nên sai, đã sai rồi thì không nên xả bỏ. Năm đức đó là không thương, không ghét, không sợ, không si, đối với việc gạn hỏi và không gạn hỏi đều có thể hiểu rõ. Nên sai như sau: Tập tăng như thường làm, trước nên hỏi vị ấy có thể đến núi Chỉ-tra gạn hỏi A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố hay chăng, nếu vị ấy đáp là có thể thì một Bí-sô trong Tăng tác pháp yết ma sai, trước tác bạch như sau:

"Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô đi gạn hỏi này tên vui lòng đến núi Chỉ-tra gạn hỏi A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô tên làm người đi gạn hỏi đến núi Chỉ-tra gạn hỏi A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố. Bạch như vậy. Kế tác yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô đi gạn hỏi này tên đến núi Chỉ-tra gạn hỏi A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố. Tăng nay sai Bí-sô đi gạn hỏi tên đến núi Chỉ-tra gạn hỏi A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố. Nếu các cụ thọ chấp thuận Bí-sô tên đến núi Chỉ-tra gạn hỏi A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố thì im lặng; vị nào không chấp thuận thì nói. Tăng nay sai Bí-sô đi gạn hỏi tên đến núi Chỉ-tra gạn hỏi A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố. Tăng chấp thuận sai Bí-sô đi gạn hỏi tên

xong rồi, vì im lăng. Nay tôi nhớ giữ như vậy". Này các Bí-sô, nay Ta sẽ nói về hành pháp cần có của Bí-sô đi gạn hỏi. Bí-sô đi gạn hỏi khi đến núi Chỉ-tra trải tòa, đánh kiền chùy nhóm chúng như thường làm để gạn hỏi A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố. Nếu họ không chịu đến nhóm họp do kiêu mạn không kính chúng tăng thì nên tác pháp yết ma Khu Khiển cho họ; nếu họ chịu đến nhóm họp thì nên gạn hỏi, nếu họ không chịu trả lời thì nên tác pháp yết ma Khu Khiển cho họ; nếu họ chịu nghe gạn hỏi thì nên gạn hỏi, nếu họ nói không thấy tội tức là khinh mạn chúng tăng thì nên tác pháp yết ma Khu Khiển cho họ; nếu họ nói thấy tội, Tăng nên tác pháp yết ma Khu Khiển cho họ. Như ta đã nói về hành pháp cần có của Bí-sô đi gạn hỏi, nếu không hành theo hành pháp này thì phạm tội Việt pháp".

Cụ thọ A-nan-đà và các Bí-sô kỳ túc nghe Phật dạy rồi liền cùng nhau

đi đến núi Chỉ-tra, trên đường đi tác pháp sai Bí-sô đi gạn hỏi giống như trong văn trên. Lúc đó ở núi Chỉ-tra, Bí-sô Bán-đậu-lư-hí-đắc-ca (dịch là Huỳnh-xích) là đồng bạn làm hạnh xấu với A-thấp-bạc-ca… Bí-sô này nghe tin cụ thọ A-nan-đà và các Bí-sô kỳ túc sắp đến núi này tác pháp yết ma Khu Khiển cho họ, liền suy nghĩ: "Đâu phải chỉ có hai vị ấy thân làm điều ác, miệng nói lời ác; cả ta cũng làm như vậy. Cụ thọ A-nan-đà và các Bí-sô kỳ túc sắp đến đây tác pháp yết ma Khu Khiển cho A-thấp-bạc-ca…, cũng sẽ tác pháp Khu khiển cho ta. Ta nên đến thành Thất-la-phiệt chỗ Thế Tôn và các Bí-sô để cầu xin sám hối trước". (Sám ma là ngôn ngữ của phương này, nghĩa là cầu xin dung thứ hay tạ tội. Ví như lỡ đụng phải người, muốn họ hoan hỉ đều gọi là sám ma, không luận lớn nhỏ đều nói như vậy. Hối tội, tiếng Phạm gọi là A-bát-để-đề-xa-na, A-bát-để nghĩa là tội, đề-xá-na nghĩa là nói nên dịch nghĩa là hối tội. Sám hối, sám là ngôn ngữ phương Tây, hối là ngôn ngữ phương đông, hợp chung gọi là sám hối, không có nghĩa là cầu xin dung thứ, cũng không có nghĩa là hối tội.) Huỳnh-xích lại nghĩ: "Nếu chúng ta đi bây giờ sẽ gặp các Đại đức trên đường đi, chắc là các vị ấy sẽ tác pháp yết ma Xả trí cho chúng ta trước rồi mới tác pháp yết ma Khu Khiển cho A-thấp-bạc-ca…. Chúng ta phải lập bày phương tiện khác để mong tránh khỏi nạn này. Chúng ta hãy khăn gói trước những lợi dưỡng đã có rồi cùng chia đều ra đi nghe ngóng, nếu các Đại đức vào từ cửa lớn thì chúng ta sẽ đi ra từ cửa nhỏ". Huỳnh-xích nghĩ rồi liền cùng đồng bọn nhất trí thi hành. Không bao lâu sau, cụ thọ A-nan-đà và các Bí-sô kỳ túc đến núi Chỉ-tra và đi vào từ cửa lớn, Huỳnh-xích và các đồng bọn liền cùng đi ra từ cửa sau đến thành Thất-la-phiệt như đã tính trước. Khi đến nơi đảnh lễ Phật rồi đến chỗ các Bí-sô tùy theo tội đã phạm nếu đáng đối thú sám thì đối trước Bí-sô sám , nếu đáng trách tâm sám thì tự trách tâm sám. Sau khi tội được trừ, họ cùng ở chung với các Bí-sô thanh tịnh khác. Chúng tăng có chế lịnh như pháp gì họ đều phải làm theo. Lúc đó Bí-sô được sai đi gạn hỏi đến núi Chỉ-tra trải tòa, đánh kiền chùy nhóm họp tăng chúng để gạn hỏi A-thấp-bạc-ca… Khi gạn hỏi hư thực, A-thấp-bạc-ca… đáp rằng: "những việc đã gạn hỏi, tôi đều thật đã làm". Các Bí-sô liền tác pháp yết ma Khu Khiển cho A-thấp-bạc-ca…, yết ma xong các Bí-sô liền trở về thành Thất-la-phiệt. A-thấp-bạc-ca… sau khi bị đuổi đi liền suy nghĩ: "Té xuống đất thì phải từ đất đứng dậy, chúng ta nên đến thành Thất-la-phiệt, chỗ Thế Tôn và các Bí-sô cầu xin dung thứ". Nghĩ rồi qua sáng ngày mai A-thấp-bạc-ca… cùng nhau chấp trì y bát vào thôn khất thực rồi trở về trú xứ thọ thực, ăn xong trao trả phòng xá ngọa cụ rồi chấp trì hai y bát đi đến thành Thất-la-phiệt. Đến nơi, các Bí-sô cựu trụ trông thấy đều

không cùng nói chuyện, Bí-sô Huỳnh-xích và các đồng bọn trông thấy cũng không cùng nói chuyện. A-thấp-bạc-ca … liền hỏi Huỳnh-xích: "Các Bí-sô cựu trụ trên lý có thể gặp ta không cùng nói chuyện, nhưng Huỳnh-xích … các cụ thọ với chúng ta vốn là bạn đồng hành, vì sao gặp ta lại không cùng nói chuyện?". Huỳnh-xích nói: "Tuy sự thật là như vậy, nhưng khi chúng tôi đến đây đã tùy theo tội đã phạm đáng đối thú sám thì đối trước Bí-sô sám, đáng trách tâm sám thì đã tự trách tâm sám, tội đã được trừ nên cùng ở chung với các Bí-sô thanh tịnh khác, chúng tăng có chế lịnh như pháp gì chúng tôi phải làm theo. Vì vậy mới không cùng nói chuyện với các bạn là người ô gia hành ác hạnh". A-thấp-bạc-ca… nghe rồi liền chê trách nói rằng: "Các Đại đức có thương, có giận, có sợ, có si. Cho nên có người đồng phạm tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi". Các Bí-sô nghe rồi liền hỏi: "Thầy nói ai có thương, có giận, có sợ, có si?", A-thấp-bạc-ca… đáp: "Tôi nói cụ thọ A-nan-đà và các Bí-sô kỳ túc đến núi Chỉ-tra tác pháp yết ma Khu Khiển cho chúng tôi, trong số người đồng phạm lại có người không bị đuổi". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền quở trách A-thấp-bạc-ca: "Các đại đức đến núi Chỉ-tra như pháp khu tẩn, thầy lại cố ý nói các vị ấy có thương, có giận, có sợ, có si. Trong số người đồng phạm lại có người không bị đuổi". Các Bí-sô liền đem nhơn duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên can ngăn riêng Bí-sô A-thấp-bạc-ca…, nếu có người nào giống như thế cùng can ngăn như sau:

"Này A-thấp-bạc-ca… nên biết, các đại đức đến núi Chỉ-tra như pháp khu tẩn, các vị chớ cố ý nói là các đại đức có thương, có giận, có sợ, có si, trong số người đồng phạm tội mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Vì các vị làm nhơ nhà người, làm hạnh xấu ai nấy đều nghe biết nên mới bị đuổi. Các vị nên bỏ câu nói các đại đức có thương, có giận, có sợ, có si này đi". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy đến can ngăn riêng A-thấp-bạc-ca… nói giống như đoạn văn trên. Khi các Bí-sô can riêng, A-thấp-bạc-ca… vẫn chấp chặt lời đã nói trước đó nói rằng: "như lời chúng tôi đã nói, chỉ việc này là chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Các Bí-sô liền đem nhơn duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên bách tứ yết ma can ngăn A-thấp-bạc-ca, nếu có người giống như thế cũng nên can như sau: Trải tòa, đánh kiền chùy nhóm họp chúng tăng như thường làm, Tăng nhóm rồi một Bí-sô trong Tăng tác pháp yết ma". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy tác pháp bạch tứ can ngăn, khi can ngăn A-thấp-bạc-ca… vẫn chấp chặt lời đã nói trước đó nói rằng: "Như lời chúng tôi đã nói, chỉ việc này là chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Các Bí-sô liền đem nhơn duyên này bạch Phật, Phật do nhơn duyên này nhóm các Bí-sô hỏi A-thấp-bạc-ca… cho

đến câu: Ta quán mười công đức lợi nên chế học xứ này cho các đệ tử Thanh văn như sau: "Nếu lại có nhiều Bí-sô trụ nơi thôn xóm, thành ấp làm hạnh xấu, làm nhơ nhà người. Làm nhơ nhà người ai nấy đều nghe biết, làm hạnh xấu ai nấy đều nghe biết. Các Bí-sô nên nói với các Bí-sô kia rằng: Các cụ thọ làm nhơ nhà người, làm hạnh xấu. Làm nhơ nhà người ai nấy đều nghe biết, làm hạnh xấu ai nấy đều nghe biết. Các vị nên đi khỏi nơi đây, không nên ở đây nữa. Bí-sô kia nói rằng: Các đại đức có thương, có giận, có sợ, có si có Bí-sô đồng phạm tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Các Bí-sô nên nói với Bí-sô kia rằng: Cụ thọ chớ nên nói các đại đức có thương, có giận, có sợ có si, có người đồng phạm tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Vì sao, vì các Bí-sô không có thương, giận, sợ si. Các vị làm nhơ nhà người, làm hạnh xấu. Làm nhơ nhà người ai nấy đều nghe biết, làm hạnh xấu ai nấy đều nghe biết. Các cụ thọ nên bỏ câu nói các đại đức có thương giận sợ si này đi. Khi các Bí-sô can ngăn như vậy nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì nên ân cần can ngăn chánh thức ba lần, y theo giáo pháp khiến bỏ lời nói ấy, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa".

Nếu lại có nhiều Bí-sô là chỉ cho A-thấp-bạc-ca, Bổ-nại-phạt-tố… Thôn xóm thành ấp chỉ cho núi Chỉ-tra. Làm nhơ nhà người có hai nhân duyên: Một là cùng ở chung, hai là cùng thọ dụng. Cùng ở chung là cùng người nữ ngồi chung một giường, ăn chung một mâm, uống chung một chén. Cùng thọ dụng là dùng chung cây, lá, hoa, trái, tăm xỉa răng… Làm hạnh xấu là làm các pháp thuộc về tội thô trọng. Nhà là chỉ cho nhà Bà-la-môn, cư sĩ. Thấy là thuộc về nhãn thức. Nghe là thuộc về nhĩ thức. Biết là thuộc về các thức khác. Các Bí-sô chỉ cho các vị ở trong pháp này. Nên nói với Bí-sô kia là lời can ngăn riêng. Khi can riêng chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì: Nghĩa là các Bí-sô nên tác pháp bạch tứ can ngăn. Tăng-già-phạt-thi-sa như đã giải thích ở các giới trên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô biết các Bí-sô đã như pháp làm yết ma Khu tẩn, sau lại nói các Bí-sô có thương giận sợ si đều phạm Ác-tác. Khi Bí-sô can ngăn riêng, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tốt-thổ-la-để. Ngoài ra các tướng phạm khác đều giống như trong học xứ Phá tăng đã nói.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 16

Học Xứ Thứ Mười Ba: ***TÁNH ÁC TRÁI CAN***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cu-sư-la, nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó cụ thọ Xiển-đà đã phạm tội mà không chịu như pháp sám hối. Các Bí-sô thân hữu thấy vậy, vì muốn cho cụ thọ Xiển-đà được lợi ích an lạc nên khuyên rằng: "Thầy phạm tội nên như pháp sám hối", cụ thọ Xiển-đà nói: "Người nào phạm tội, người đó sẽ như pháp sám hối", Các Bí-sô thân hữu nói: "Chính thầy phạm tội lại muốn bảo ai sám hối", cụ thọ Xiển-đà nói: "Người nào có truy hối, người đó sẽ sám hối", các Bí-sô thân hữu nói: "Thầy đã phạm tội nên sanh truy hối", cụ thọ Xiển-đà nói: "Các cụ thọ chớ đến nói với tôi tốt hay xấu; tôi cũng không nói các cụ thọ tốt hay xấu. Các cụ thọ đừng có khuyên tôi, cũng đừng luận bàn về tôi nữa. Các cụ thọ, các thầy gồm nhiều dòng họ, gồm nhiều chủng tộc đến đây xuất gia, cũng như các loại lá cây gió thổi gom lại một chỗ. Các cụ thọ cũng như vậy, do Thế Tôn của tôi chứng vô thượng giác nên các thầy gồm nhiều tộc tánh đến đây cầu xuất gia". Các Bí-sô nghe Xiển-đà nói như vậy liền quở trách rằng: "Tại sao Bí-sô cùng các Bí-sô đồng một pháp Phật, đồng một học xứ, khi các Bí-sô như pháp như luật khuyên can sám hối mà tự thân không chịu nghe lời khuyên can". Các Bí-sô liền đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: Các thầy nên can ngăn riêng Xiển-đà, nếu có người nào giống như vậy cũng nên can ngăn như sau: "Này Xiển-đà, cụ thọ cùng các Bí-sô đồng một pháp Phật, đồng một học xứ; khi các Bí-sô như pháp như luật khuyên can sám hối, tự thân lại không chịu nghe lời khuyên can. Cụ thọ nên nghe theo lời khuyên can, các Bí-sô như pháp như luật khuyên can thầy, thầy cũng như pháp như luật khuyên can các Bí-sô. Do khuyên can lẫn nhau, dạy bảo cho nhau, thuyết hối lẫn nhau như vậy, chúng tăng Bí-sô của đức Như lai Ứng chánh đẳng giác mới được tăng trưởng. Cụ thọ chớ nên chống trái lời khuyên can". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy đến can riêng Xiển-đà, khi các Bí-sô can riêng nói giống như đoạn văn trên, cụ thọ Xiển-

đà vẫn chấp chặt lời đã nói trước đó, nói rằng: "Chỉ có việc này là chân thật, các việc khác đều là hư vọng". Các Bí-sô liền đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên bạch tứ yết ma can ngăn, nếu có người nào giống như thế cũng nên bạch tứ can như sau" trải tọa cụ, đánh kiền chùy, nhóm tăng như thường đã làm. Tăng nhóm rồi một Bí-sô trước tác bạch rằng:

Đại đức tăng lắng nghe, cụ thọ Xiển-đà này, các Bí-sô đã như lời Phật dạy trong Giới kinh, như pháp như luật khuyên can sám hối, tự thân lại không chịu nghe lời khuyên can, còn nói rằng: Các cụ thọ chớ đến nói với tôi tốt hay xấu; tôi cũng không nói các cụ thọ tốt hay xấu. Các cụ thọ đứng có khuyên can tôi, cũng đừng luận bàn về tôi nữa. Khi được can riêng Xiển-đà vẫn chấp chặt lời đã nói trước kia, nói rằng: Chỉ việc này là chân thật, các việc khác đều là hư vọng. Nếu tăng đúng thời đến, tăng chấp thuận, nay tăng bạch tứ yết ma can ngăn Xiển-đà rằng: Này Xiển-đà, các Bí-sô đã như lời Phật dạy trong Giới kinh, như pháp như luật khuyên can sám hối, tự thân lại không chịu nghe lời khuyên can, còn nói rằng: Các cụ thọ chớ đến nói với tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các cụ thọ tốt hay xấu. Cụ thọ Xiển-đà hãy nên bỏ việc tự thân không chịu nghe lời khuyên can đi. Bạch như vậy. Kế tác yết ma:

Đại đức Tăng lắng nghe, cụ thọ Xiển-đà này, các Bí-sô đã như lời Phật dạy trong Giới kinh như pháp, như luật khuyên can sám hối, tự thân không chịu nghe lời khuyên can, còn nói rằng: Các cụ thọ chớ đến nói với tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các cụ thọ tốt hay xấu. Các cụ thọ đừng khuyên can tôi nữa. Các Bí-sô liền can riêng, khi được can riêng Xiển-đà vẫn chấp chặt lời đã nói trước đó, nói rằng: Chỉ việc này là chân thật, các việc khác đều là hư vọng. Nay Tăng bạch tứ yết ma can ngăn Xiển-đà như sau: Này Xiển-đà, các Bí-sô đã như lời Phật dạy trong Giới kinh như pháp, như luật khuyên can sám hối, tự thân không chịu nghe lời khuyên can, còn nói: Các cụ thọ chớ đến nói với tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các cụ thọ tốt hay xấu. Cụ thọ hãy nên bỏ việc tự thân không chịu nghe lời khuyên can này đi. Các cụ thọ nào chấp thuận Tăng bạch tứ yết ma can ngăn Xiển-đà: "Cụ thọ nên tự thân nghe lời khuyên can, các Bí-sô như pháp như luật khuyên can cụ thọ, cụ thọ cũng như pháp như luật khuyên can các Bí-sô. Do khuyên can lẫn nhau, dạy bảo cho nhau, thuyết hối lẫn nhau như thế, chúng tăng Bí-sô của đức Như lai Ứng chánh đẳng giác mới được tăng trưởng. Cụ thọ hãy nên bỏ việc tự thân không chịu nghe lời khuyên can này đi". Vị nào chấp thuận thì im lặng, không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba cũng giống như vậy.

Các Bí-sô vâng lời Phật dạy tác pháp bạch tứ can ngăn nhưng cụ thọ Xiển-đà vẫn chấp chặt lời đã nói trước đó, nói rằng: "Chỉ việc này là chân thật, các việc khác đều là hư vọng". Các Bí-sô liền đem nhân duyên này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến bảo các Bí-sô: Ta quán mười công đức lợi nên chế học xứ này cho các đệ tử như sau: "Nếu lại có Bí-sô tánh ác không nghe lời khuyên can, các Bí-sô như lời Phật dạy ở trong Giới kinh như pháp như luật khuyên can sám hối. Khi khuyên can không chịu nghe lời còn nói rằng: Các Đại đức chớ nói tôi tốt hay xấu, tôi cũng không nói các Đại đức tốt hay xấu, các Đại đức đừng khuyên can, cũng đừng luận nói về tôi nữa. Các Bí-sô nên nói với Bí-sô ấy rằng: Cụ thọ không nên không nghe lời khuyên can, các Đại đức như lời Phật dạy ở trong Giới kinh như pháp như luật khuyên can thì nên nghe theo lời khuyên. Cụ thọ như pháp khuyên can các Bí-sô, các Bí-sô cũng như pháp khuyên can cụ thọ, do khuyên can lẫn nhau, dạy bảo cho nhau, thuyết hối lẫn nhau, như vậy chúng Thanh văn của đức Như lai Ứng chánh đẳng giác mới được tăng trưởng. Cụ thọ nên bỏ việc không chịu nghe lời khuyên can này đi. Khi các Bí-sô can ngăn như vậy, chịu bỏ thì tốt; nếu không chịu bỏ thì nên ân cần ba lần chánh thức can ngăn, y theo giáo pháp gạn hỏi khiến cho bỏ việc ấy, chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Xiển-đà hoặc có ai giống như thế. Tánh ác không chịu nghe lời khuyên can là thiện Bí-sô dùng lời tùy thuận không trái chánh lý khuyên can mà vẫn cố chấp không chịu nghe lời khuyên can. Các Bí-sô là chỉ cho người ở trong pháp này. Như Phật đã dạy ở trong Giới kinh: Phật là Đại sư; ở trong Giới kinh là chỉ cho bốn Ba-la-thị-ca, ba mươi Tăng-già-phạt-thi-sa, hai Bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca, chín mươi Ba-dật-để-ca, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, Chúng đa học pháp, bảy pháp diệt tránh; kinh là chỉ cho nghĩa lược bày giải thích theo thứ lớp. Như pháp như luật khuyên can mà không chịu nghe theo là tự giữ tánh ác chấp chặt không chịu bỏ. Còn nói rằng: Các đại đức chớ nói tôi tốt hay xấu là nói việc tốt không cần khuyên, việc ác cũng chớ ngăn cản, đây đều là lời can riêng. Đại đức đừng có khuyên can tôi nữa là nói dù có ân cần thêm nữa cũng không nghe theo.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Khi biết các Bí-sô can ngăn như pháp mà không chịu nghe theo, phạm tội nặng nhẹ như trong giới trước đã nói.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi nên bạch Phật: "Thế Tôn, Bí-sô Xiển-

đà này có nhơn duyên gì mà ỷ vào thế lực dòng họ của Như lai, tự thị ngạo mạn lăng nhục các thiện Bí-sô?". Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô Xiển-đà này không phải chỉ ngày nay mới ỷ lại vào Ta kiêu ngạo khinh thường các Bí-sô, mà trong quá khứ cũng đã ỷ lại vào Ta ở trong các Bà-la-môn, cư sĩ thiện hảo, tự khoe mình kiêu mạn. Các thầy hãy lắng nghe: Thuở xưa trong thành Thạch Thiết có Bà-la-môn tên là Nguyệt Tử, cưới một người con gái trong dòng tộc làm vợ. Không bao lâu sau sanh một con trai đặt tên là Nguyệt-quang, tuổi vừa lớn khôn đã biết trông coi gia nghiệp. Thời gian sau Nguyệt Tử lâm trọng bịnh, vợ con không có chăm sóc, đứa tớ gái trong nhà suy nghĩ: "Vị Bà-la-môn này thường ngày lo toan trăm việc, cung cấp cơm áo cho chúng ta, nay lâm trọng bịnh vợ con không có chăm sóc, ông là chủ ta, ta không chăm sóc là điều không nên". Nghĩ rồi liền đến chỗ thầy thuốc nói rằng: "Hiền thủ có biết Bà-la-môn Nguyệt Tử không?", thầy thuốc nói: "Tôi có biết ông ấy, không biết hiện nay ông ấy thế nào?", đứa tớ gái nói: "Hiện nay ông ấy lâm trọng bịnh, vợ con không có chăm sóc, ông có thể kê toa thuốc cho ông ấy không?", thầy thuốc nói: "Nếu vợ con ông ấy không có chăm sóc thì ai chăm sóc cho ông ấy?", đứa tớ gái nói: "Tôi sẽ chăm sóc cho ông ấy". Vị thầy thuốc liền y theo bịnh kê toa, đứa tớ gái mang thuốc về tận tình chăm sóc, không bao lâu sau bịnh dần thuyên giảm. Bà-la-môn Nguyệt Tử suy nghĩ: "Ta mang bịnh khổ mà vợ con không có chăm sóc, ta được sống còn là nhờ ơn của đứa tớ gái, ta đâu thể không báo đáp". Nghĩ rồi liền nói với đứa tớ gái: "Hiền thủ, tôi mang bịnh khổ vợ con không chăm sóc, nhờ hiền thủ lo thuốc thang chăm sóc nên được sống còn. Vậy hiền thủ muốn gì tôi sẽ làm cho được toại nguyện". Tớ gái nói: "Nếu đại gia đối với tôi có yêu mến riêng thì xin hãy cùng tôi giao hoan". Nguyệt Tử nói: "Cần gì phải làm việc giao hoan này, tôi sẽ cho hiền thủ năm trăm kim tiền và giải phóng kiếp nô lệ hạ tiện cho hiền thủ". Tớ gái nói: "Đại gia, tuy tôi mong được thoát khỏi kiếp nô lệ hạ tiện, nhưng tôi lại mong muốn được cùng ông giao hoan". Nguyệt Tử nói: "Nếu hiền thủ muốn thế thì cứ theo ý nguyện của hiền thủ. Khi nào nguyệt kỳ qua, thân tịnh thì hãy đến báo cho tôi biết". Thời gian sau, khi nguyệt kỳ qua, thân tịnh, người tớ gái liền đến báo cho Đại gia Nguyệt Tử biết, Nguyệt Tử liền cùng người tớ gái giao hoan. Không bao lâu sau, người tớ gái mang thai, vợ của Nguyệt Tử biết được chồng mình tư thông với đứa tớ gái nay đã mang thai, liền hành hạ đứa tớ gái này khổ sở, khiến cho cơm không đủ no, áo không đủ ấm. Tớ gái này suy nghĩ: "Chắc có hữu tình bạc phước gá vào trong thai của ta, nên ngày đầu mang thai đã bị vợ của Đại gia đánh đập hành hạ khổ sở, khiến ta cơm không đủ no, áo không đủ ấm". Thời gian sau

đủ ngày tháng người tớ gái này sanh hạ một con trai liền suy nghĩ: "Đây là hữu tình bạc phước, ngay ngày đầu mang thai đã khiến ta bị vợ của Đại gia đánh đập hành hạ khổ sở… Nếu để hữu tình này lớn lên, ta càng thêm đói khổ". Nghĩ rồi người tớ gái liền bỏ hài nhi vào trong chậu giặt định đem ra ngoài bỏ, Bà-la-môn Nguyệt Tử trông thấy liền hỏi: "Hiền thủ, có gì ở trong chậu giặt?", tớ gái đáp là không có gì nhưng Nguyệt Tử cho là có nên bảo mang đến cho ông xem, giở ra xem mới thấy một hài nhi mới sanh ở trong chậu giặt liền hỏi người tớ gái: "Hiền thủ muốn đem vất bỏ phải không?", tớ gái khóc nói: "Hữu tình bạc phước này khi mới vào thai liền bị vợ của Đại gia đánh đập hành hạ khổ sở, khiến tôi áo không đủ che thân, cơm không đủ no bụng. Tôi nghĩ nếu hữu tình bạc phước này lớn lên tôi sẽ càng thêm đói khổ nên tôi muốn từ bỏ nó". Nguyệt Tử nghe rồi nói rằng: "Đứa trẻ này có tội gì, đều là lỗi của ta". Nguyệt Tử liến an ủi khuyến dụ người tớ gái mang về nuôi, đồng thời nói với người vợ chánh: "Nàng há không nhớ trước kia khi ta lâm trọng bịnh, nàng và con đều không quan tâm chăm sóc, chính nhờ đứa tớ gái ấy nên ta mới được sống còn. Nếu nàng san sẻ được cho đứa tớ gái ấy thì tốt, nếu không được thì ta sẽ lập nàng ấy lên làm gia trưởng, nàng trở thành kẻ hầu hạ ngược lại". Người vợ nghe chồng nói như vậy hết sức kinh hãi nghĩ rằng: "Bà-la-môn này tánh vốn bạo ác, nếu ta không nghe theo lời ắt sẽ bị lăng nhục". Nghĩ rồi liền nói với chồng: "Em thật không biết chàng có tư ái với đứa tớ gái này, từ nay về sau em sẽ không như vậy nữa". Hài nhi kia do bị bỏ trong chậu giặt sắp đem ra ngoài vất bỏ mà được cứu đem về nuôi lại cho đến lớn nên được gọi là "Hoán bồn'. Đứa trẻ Hoán Bồn này được cùng ăn những món ngon với cha, khi cha được mời đều được cha dẫn đi theo. Thời gian sau Bà-la-môn Nguyệt Tử lâm trọng bịnh liền kêu trưởng tử Nguyệt-quang đến nói rằng: "Sau khi cha qua đời, con không có thiếu thốn gì nhưng Hoán bồn tuổi còn thơ ấu, con nên ưu niệm nó, khổ vui có nhau". Nguyệt-quang cung kính vâng lời cha dạy, không bao lâu sau dù được thuốc thang đầy đủ nhưng bịnh tình không thuyên giảm, cuối cùng Bà-la-môn Nguyệt Tử qua đời, như có bài tụng:

"Tích tụ đều tiêu tán
Cao ngất ắt rơi rớt
Hiệp hội rồi biệt ly
Có thân đều phải chết".

Lúc đó vợ con và họ hàng buồn thương than khóc dùng lụa tạp sắc quý giá tẩm liệm Bà-la-môn rồi đưa đến rừng thây như pháp hỏa táng. Sau đó Nguyệt-quang bảo Hoán Bồn: "Từ nay em đến ở chung, ăn chung một mâm với anh". Mẹ của Nguyệt-quang liền nói: "Con không nên ở chung và

ăn chung một mâm với con của đứa tớ gái". Nguyệt-quang nói: "Trước kia mẹ nói nó là em con, sao nay lại nói là con của đứa tớ gái?". Mẹ của Nguyệt-quang nói: "Cha con lúc sanh tiền bẩm tánh bạo ác, đâu ai dám nói nó là con của đứa tớ gái". Hoán Bồn nghe rồi liền đến hỏi mẹ mình: "Con có thật là con của đứa tớ gái không hả mẹ?". Mẹ của Hoán Bồn nói: "Đều do nghiệp quá khứ, ai là nô nhi chứ. Ở đời mạnh hiếp yếu là chuyện thường, vợ của Bà-la-môn này luôn tạo hạnh ác, vậy con nên đến phương khác tìm kế sống". Hoán Bồn liền từ giả mẹ đến phương khác tìm kế sống và tự đổi tên là Nguyệt Tịnh, lang thang khắp nơi cuối cùng đến thành Thất-la-phiệt. Trong thành này có một đại thần Bà-la-môn chỉ có một người con gái dung mạo đoan nghiêm, ai cũng muốn ngắm nhìn, tuổi đã trưởng thành nên vị đại thần này rất muốn tìm một chàng rễ quý. Vị đại thần suy nghĩ: "Con gái của ta không cần người chồng thuộc quý tộc, cũng không cần tìm người chồng giàu có, đẹp trai; chỉ cần người nào ở chỗ ta học thông Tứ minh luận ta sẽ gã". Lúc đó nguyệt Tịnh là khách du phương rất mong cầu học nên tìm đến chỗ vị đại thần, đại thần hỏi: "Cậu từ đâu đến?", đáp: "Con từ thành Thạch Thiết đến", đại thần hỏi: "Cậu có biết các nhân vật ở trong thành đó chăng?", đáp biết, lại hỏi: "Cậu có biết Bà-la-môn Nguyệt Tử không?". Nguyệt Tịnh nghe đến tên liền khóc, đại thần hỏi: "Vì sao cậu khóc?", đáp: "Người đó là tôn thân của tôi, nay đã qua đời rồi". Đại thần nói: "Ông ấy vốn là bạn ta, ly biệt đã lâu không ngờ nay đã qua đời rồi, thật đáng tiếc". Khi biết Nguyệt Tịnh là con của Bà-la-môn Nguyệt Tử, vị đại thần liền chấp nhận dạy cho Nguyệt Tịnh học Tứ minh luận, Nguyệt Tịnh do bẩm tánh thông tuệ nên không bao lâu sau đã học thông hiểu rành rẽ luận Tứ minh. Bà-la-môn nhớ lại lời nguyện trước là nếu có người nam nào ở chỗ ông học thông luận Tứ minh, ông sẽ gã con gái cho người đó. Vì vậy ông trang điểm cho con gái rồi mời trong thân tộc đến thiết lễ tế thần lửa, tay tả dẫn con gái, tay phải rưới nước kiết tường lên tay của Nguyệt Tịnh tuyên bố trước tôn thân: "Ma-nạp-bà, nay ta đem đứa con gái này gã cho con làm vợ". Nguyệt Tịnh đón nhận rồi đi quanh đống lửa ba vòng, các Bà-la-môn khác đồng thanh chú nguyện cho đôi vợ chồng mới cưới. Sau khi gã con gái, vị đại thần giao việc trông coi gia nghiệp lại cho Nguyệt Tịnh, Nguyệt Tịnh trở thành cự phú rất giàu có, các thương buôn khắp nơi xa gần đều tìm đến mua bán. Trong số các thương buôn có thương buôn ở thành Thạch Thiết nhận biết Hoán Bồn nên bàn luận với nhau: "Hoán Bồn này nay là chồng của con gái vị đại thần, trở thành cự phú rất giàu có, đúng là giàu nghèo do số mệnh không ai biết trước được". Các thương buôn này sau khi trao đổi mua bán hàng hóa xong liền trở về báo cho Nguyệt-quang biết tin,

Nguyệt-quang nghe rồi liền nói với mẹ: "Con vừa nghe tin Hoán Bồn nay đang ở thành Thất-la-phiệt đã trở thành cự phú rất giàu có". Mẹ Nguyệt-quang nghe xong trong lòng không vui, thời gian sau gia đình Nguyệt-quang ngày càng sa sút trở nên nghèo khó, mẹ của Nguyệt-quang nói rằng: "Như trước đây con nghe nói Hoán Bồn là em con, nay nó trở thành cự phú, con nên tìm đến nó, với của cải sẵn có nó có thể giúp đỡ cho con". Nguyệt-quang nói: "Trước kia mẹ nói nó là con của đứa tớ gái sao nay lại nói nó là em con". Tuy nói như vậy nhưng Nguyệt-quang vẫn nghe theo lời mẹ tìm đến thành Thất-la-phiệt. Khi Hoán Bồn nghe nói có anh Nguyệt-quang cùng đoàn thương buôn đã đến thành Thất-la-phiệt liền tìm đến chào đón hỏi thăm và nói rằng: "Em tự đặt tên là Nguyệt Tịnh, không còn gọi là Hoán Bồn nữa". Nói rồi rước anh về nhà giới thiệu với vợ và bảo vợ lưu tâm cung phụng đầy đủ cho anh, vợ của Nguyệt Tịnh vâng lời chồng đặc biệt lưu tâm. Tánh của Nguyệt-quang ôn nhu độ lượng trái với Hoán Bồn bẩm tánh thô bạo, nên vợ của Nguyệt Tịnh nói với Nguyệt-quang: "Chồng em và anh từ một nguồn sữa mà ra, nhưng sao tánh của anh ôn nhu độ lượng, còn chồng em lại thô bạo khác xa". Nguyệt-quang nói: "Đó là do em chưa học qua gia chú", vợ Nguyệt Tịnh nói: "Xin anh thương chỉ cho em gia chú", Nguyệt-quang liền nói kệ:

"Minh chú không cho người,
Phải trao đổi mới cho.
Có lúc được thừa sự,
Có lúc được của tiền,
Nếu không như vậy thì,
Thà chết không trao cho".

Vợ Nguyệt Tịnh nghe rồi nói: "Phải dùng bao nhiêu phẩm vật mới đổi được minh chú?", Nguyệt-quang nói: "Phải có năm trăm kim tiền mới trao cho minh chú". Vợ Nguyệt liền lấy năm trăm kim tiền đưa cho Nguyệt-quang nói rằng: "Mong anh trao cho em gia chú", Nguyệt-quang nói: "Đợi ngày anh về sẽ trao cho em". Vợ của Nguyệt Tịnh vì mong được gia chú nên nói với chồng: "Đại huynh đến chơi đã lâu, sao anh không trợ duyên cho đại huynh trở về?". Nguyệt Tịnh liền bảo vợ: "Vậy em chuẩn bị lương thực đi đường để tặng đưa đại huynh". Nói rồi Nguyệt Tịnh đi tìm đoàn thương buôn gởi tặng phẩm vật để tiễn đưa anh về, lúc đó vợ của Nguyệt Tịnh liền đưa cho Nguyệt-quang năm trăm kim tiền để được gia chú, Nguyệt-quang nhận tiền rồi nói gia chú:

"Người nửa thành đều biết, Thân tộc cũng đều hay, Hoán Bồn nên im

lặng, Sa ha đừng nói nữa".

Nói gia chú rồi liền bảo vợ của Nguyệt Tịnh: "Nghĩa của minh chú này rất sâu xa, thím nên học thuộc lòng, khi nào Nguyệt Tịnh hung bạo thì thím nói rằng: Hãy đợi em đọc minh chú. Nếu hỏi nghĩa minh chú thì nên nói rằng: Nếu giận la mắng nữa em sẽ nói rộng nghĩa này ra". Sau khi tiễn đưa anh về xong, Nguyệt Tịnh trở về nhà, người vợ vì muốn biết minh chú hiệu nghiệm ra sao nên muốn thử, bèn không chuẩn bị cơm nước cho chồng, khi Nguyệt Tịnh hỏi liền nói là chưa kịp nấu, Nguyệt Tịnh nổi giận la mắng và nổi tánh bạo ngược, người vợ liền y theo lời Nguyệt-quang dặn nói rằng: "Đừng la mắng nữa, hãy nghe em đọc gia chú". Khi Nguyệt Tịnh bảo đọc nghe thử, người vợ liền đọc gia chú như trên, Nguyệt Tịnh nghe rồi liền hỏi: "Nghĩa của minh chú này như thế nào?", người vợ liền nói: "Nếu giận la mắng nữa, em sẽ nói rộng nghĩa này ra". Người chồng nghe rồi từ đó im hơi lặng tiếng không dám bạo ngược với vợ nữa."

Này các Bí-sô, Bà-la-môn Nguyệt Tử là tiền thân của ta, Hoán Bồn là tiền thân của Xiển-đà. Xưa kia Hoán Bồn ỷ vào gia tộc của ta mà khi dối người, nay Xiển-đà cũng ỷ vào tông môn của ta mà khinh thường các vị đồng phạm hạnh. Cho nên các Bí-sô không nên ỷ vào thế lực mà khinh miệt người khác, phải nên nhiếp tâm khiêm tốn."

Các Đại đức, tôi đã nói mười ba pháp Tăng-già-phạt-thi-sa, chín giới đầu vừa làm liền phạm, bốn giới sau đến ba lần can mới phạm. Nếu Bí-sô nào phạm một trong mười ba pháp này mà che giấu, tùy theo ngày che giấu mà trao cho pháp Ba-lợi-bà-sa; hành Ba-lợi-bà-sa xong Tăng nên trao cho pháp sáu đêm Ma-na-đỏa; hành Ma-na-đỏa rồi mới cho xuất tội, phải đủ hai mươi tăng mới xuất tội cho Bí-sô kia, nếu thiếu một người không đủ hai mươi thì tội của Bí-sô kia không diệt trừ được, mà các Bí-sô đều phạm tội, đây là pháp xuất tội. Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy. Các Đại đức, tôi biết chúng thanh tịnh vì im lặng, nay tôi nhớ giữ như vậy.

III. HAI PHÁP BẤT ĐỊNH

Nhiếp Tụng:

Nếu ở chỗ che khuất
Chỗ có thể hành dâm
Và chỗ không che khuất
Không có người thứ ba.

Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó cụ thọ Ô-đà-di vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực rồi đến nhà người vợ cũ là Cấp-đa. Cấp-đa thấy Ô-đà-di đến liền trải tòa ngồi tốt đẹp, bước ra nghinh đón và mời ngồi trên tòa này. Ô-đà-di ngồi xong, Cấp-đa lễ kính rồi ngồi nép bên đầu gối của Ô-đà-di để nghe pháp, Ô-đà-di dùng lời êm dịu thuyết pháp. Vừa lúc đó Lộc tử mẫu Tỳ-xá-khư nghe tiếng thuyết pháp biết là giọng của Ô-đà-di nên muốn đến nghe, nhưng khi đến nơi trông thấy Cấp-đa ngồi nép bên đầu gối của Ô-đà-di nghe pháp liền nghĩ: "Đây không phải à việc nên làm của người xuất gia, nếu người bất tín trông thấy việc này chắc chắn sẽ cho là Bí-sô với người nữ ở chỗ khuất làm điều phi pháp rồi chê trách phỉ báng. Nay ta nên đem nhơn duyên này bạch Phật". Nghĩ rồi Tỳ-xá-khư liền đến chỗ Phật đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên đem việc trên bạch Phật: "Cúi xin Thế Tôn từ nay về sau vì các Thánh chúng chế học xứ này để sanh nhớ nghĩ, không nên ở chỗ khuất một mình ngồi chung một chỗ với người nữ. Xin thương xót". Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của Tỳ-xá-khư, Tỳ-xá-khư biết Phật im lặng nhận lời nên lễ Phật rồi cáo lui. Sau đó Thế Tôn do nhơn duyên này tập họp các Bí-sô vì hai lý do: Một là khiến các đệ tử Thanh văn của Phật biết việc này là không nên làm, hai là chế học xứ. Lúc đó Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Ô-đà-di… cho đến câu: Ta quán thấy mười công đức lợi nên chế học xứ này cho các đệ tử như sau: "Nếu lại có Bí-sô một mình cùng với một người nữ ngồi ở chỗ che khuất có thể hành dâm. Có Ô-ba-tư-ca chánh tín ở trong ba pháp tùy nói một pháp nào hoặc Ba-la-thị-ca, hoặc Tăng-già-phạt-thi-sa, hoặc Ba-dật-để-ca. Bí-sô ngồi kia tự nói việc này ở trong ba pháp tùy theo mỗi pháp mà trị hoặc Ba-la-thị-ca, hoặc Tăng-già-phạt-thi-sa, hoặc Ba-dật-để-ca, hoặc y theo lời của Ô-ba-tư-ca đã nói để trị tội Bí-sô kia. Như vậy gọi là pháp Bất định."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di hoặc có ai khác giống như thế. Một mình là chỉ có một Bí-sô. Một người nữ là không có bạn gái, bạn nam hay huỳnh môn nào khác. Nữ nhơn là chỉ cho gái có chồng hoặc chưa chồng có thể làm hạnh bất tịnh. Ở chỗ che khuất có năm là tường che, hàng rào che, vải màn che, rừng cây che và đêm tối che khuất. Ngồi là ngồi trên ghế, trên giường… cao trong vòng một tầm. Chỗ có thể hành dâm là chỗ có thể làm hạnh bất tịnh. Có Ô-ba-tư-ca chánh tín là chỉ cho người nữ đối với Phật, Pháp Tăng có lòng tin sâu đậm được bất hoại tín, đối với bốn chơn đế không có nghi hoặc được quả Kiến đế, dầu gặp phải nhân duyên mất mạng vẫn không cố ý nói dối. Nói ba pháp là nêu số mục. Tùy nói một pháp tức là bốn pháp Tha thắng, mười ba pháp Tăng-già-phạt-thi-sa, chín mươi

tội Đọa, phạm một pháp trong những pháp này. Ô-ba-tư-ca chánh tín này đối với tội trạng không biết, cũng không biết nhơn khởi lên việc phạm tội, chỉ thấy Bí-sô kia tự xưng được pháp thượng nhơn, cùng người nữ hai thân xúc chạm nhau, hoặc uống rượu, đào đất, hoại sanh, hoặc ăn phi thời… đây là bất định không có chuẩn xác. Nên như pháp trị tội Bí-sô kia khiến vị ấy thuyết hối.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Ô-ba-tư-ca chánh tín nói: "Tôi thấy Bí-sô cùng với người nữ đi một mình không thấy đứng nằm ngồi". Hoặc nói: "Tôi thấy đi đứng chứ không phải ngồi nằm". Hoặc nói: "Tôi thấy đi đứng ngồi chứ không phải nằm". Hoặc nói: "Tôi thấy đi đứng ngồi nằm". Những trường hợp này đều y theo lời của Ô-ba-tư-ca nói mà xử trị.

Nếu Ô-ba-tư-ca chánh tín thấy Bí-sô kia cùng với người nữ đi đứng…, khi đối vấn Bí-sô kia không chống đối việc này thì nên tác pháp yết ma Mích tội tướng cho Bí-sô kia như sau: đánh kiền chùy, trước bạch chúng biết, chúng tập họp rồi mới sai một Bí-sô tác pháp yết ma. Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô bị tác pháp yết ma Mích tội tướng có hành pháp như sau: không nên cho người xuất gia và cho thọ viên cụ, không được làm y chỉ sư, không được nuôi Cầu tịch, nếu trước đã nuôi thì không nên cho thọ viên cụ. Nếu thấy Bí-sô khác phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá tịnh mạng không được gạn hỏi, quở trách, cho làm pháp ức niệm. Không được giáo thọ Bí-sô, Bí-sô ni, dù trước đã được sai cũng không được đến giáo thọ. Không được cùng Bố tát, tự tứ, không được tác pháp yết ma đơn bạch, bạch nhị và bạch tứ. Nếu có người khác thông hiểu Tỳ-nại-da thì không được ở trong chúng thuyết Tỳ-nại-da. Bí-sô nào bị tác pháp này rồi mà không y theo lời Phật dạy hành những hành pháp này thì phạm tội Việt pháp". Nếu Bí-sô kia sanh tâm cung kính tùy thuận không chống trái thì nên ở trong giới cầu Tăng giải yết ma. Tăng biết vị ấy thật sự ăn năn không chống trái thì nên tác pháp yết ma giải như sau: Như trước tập tăng, Bí-sô phạm đủ oai nghi đến trước vị Thượng tòa chắp tay bạch rằng:

"Đại đức tăng lắng nghe, tôi Bí-sô tên bị Tăng tác pháp yết ma Mích tội tướng. Nay tâm tôi cung kính, tùy thuận không chống trái, ở trong giới xin Tăng giải yết ma. Tăng vì tôi tác pháp yết ma giải, tôi không dám trái nghịch, xin Tăng vì tôi giải yết ma Mích tội tự tướng, xin thương xót". Bạch như vậy. (3 lần)

Tăng nên sai một Bí-sô tác pháp yết ma.

Hai pháp Bất định này, nội dung hơi giống nhau, chỉ khác ở chỗ là

pháp thứ nhất xảy ra ở thành Thất-la-phiệt, Bí-sô Ô-đà-di cùng với vợ cũ là Cấp-đa là duyên khởi phạm giới; Ô-ba-tư-ca Lộc tử mẫu Tỳ-xá-khư nói ra việc này. Pháp thứ hai xảy ra ở thành Vương Xá, Bí-sô Thất Lợi Ca cùng với vợ của trưởng giả Thiện Sanh là duyên khởi phạm giới; Ô-ba-tư-ca, Ô-bao-sái-đà nói ra việc này. Pháp trước là căn cứ vào ba việc ở chỗ che khuất có thể hành dâm; pháp sau là ở chỗ không thể hành dâm là tướng khác nhau. Giới tướng như sau: "Nếu lại có Bí-sô cùng với một người nữ ngồi ở chỗ không che khuất không thể hành dâm, có Ô-ba-tư-ca chánh tín tùy nói một trong hai pháp hoặc Tăng-già-phạt-thi-sa, hoặc Ba-dật-để-ca. Bí-sô ngồi kia tự nói việc này ở trong hai pháp nên tùy theo mỗi pháp mà xử trị Bí-sô kia, hoặc phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, hoặc phạm Ba-dật-để-ca, hoặc dựa theo lời Ô-ba-tư-ca đã nói để xử trị Bí-sô kia. Như vậy gọi là pháp Bất định."

IV. BA MƯƠI PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỂ CA

Nhiếp Tụng:

Giữ, lìa, chứa, giặt y,
Lấy y, xin, thọ quá,
Đồng giá và khác chủ,
Sai sứ đưa giá y.

Học Xứ Thứ Nhất: ***CHỨA Y DƯ KHÔNG PHÂN BIỆT***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô chứa nhiều ba y, mỗi lần đánh răng súc miệng, rửa tay chân, lễ bái hai thầy, lễ Phật, lau quét chùa tháp, vào thôn khất thực, thọ thực, thọ giáo, thỉnh pháp… đều mặc y khác nhau. Lại thêm khi thay y, giặt y, hong phơi y… bận rộn nhiều việc nên bỏ phế việc đọc tụng, tư duy phẩm thiện. Các Bí-sô thiểu dục thấy vậy nên chê trách: "Tại sao Bí-sô lại chứa nhiều y dư phế bỏ việc tu chánh nghiệp". Chê trách rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này tập họp các Bí-sô… đủ lời quở trách hạng người nhiều ham muốn, không biết đủ, khó nuôi, khó làm cho đầy đủ và khen ngợi hạng người ít ham muốn, biết đủ, dễ nuôi, dễ làm cho đầy đủ, biết lượng mà thọ nhận, tu hạnh Đỗ-đa (đầu đà). Quở trách rồi bảo các Bí-sô: Ta quán thấy mười công đức lợi nên chế học xứ này cho các đệ tử như sau: "Nếu lại có Bí-sô đã may y xong, y Yết-sỉ-na đã xuất, được y dư phân biệt nên chứa; nếu không phân biệt mà chứa thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca."

Thế Tôn chế học xứ này cho các đệ tử Thanh văn rồi, lúc Phật đang ở tại thành Vương Xá trong Trúc Lâm thì cụ thọ Đại Ca-diếp-ba đang ở trong một thất nhỏ nơi A-lan-nhã bên cạnh thành này. Có một cư sĩ trong đêm suy nghĩ: "Không biết lúc nào gặp được tôn giả Đại Ca-diếp-ba là bậc được hàng nhơn thiên cúng dường, ta sẽ cúng thức ăn và dâng cúng một chiếc y thượng hạng do chính tay ta may". Tuy thường suy nghĩ như vậy nhưng mãi vẫn chưa được như nguyện, một hôm cư sĩ đem chiếc y thượng hạng đó đến chỗ cụ thọ A-nan-đà bạch: "Đại đức có biết thánh giả Đại Ca-diếp-ba hiện nay ở đâu không?", A-nan-đà nói: "Hiền thủ, nghe nói thánh giả hiện ở một thất nhỏ nơi A-lan-nhã", Cư sĩ hỏi: "Đại đức có biết khi nào thánh giả đến đây không?", A-nan-đà nói: "Nhất đinh vào ngày mười lăm bố tát thánh giả sẽ đến", Cư sĩ nói: "Đại đức biết thời, trong đêm khuya con suy nghĩ… như đoạn văn trên… do chính tay con may nhưng mãi đến nay vẫn chưa mãn nguyện. Đại đức, chiếc y con định cúng hiện có mang theo đây, vì con bận rộn nhiều việc nên con rất mong đại đức dâng chiếc y này cho thánh giả Đại Ca-diếp-ba giùm con, xin thương xót". Cụ thọ A-nan-đà nghe rồi suy nghĩ: "Ta nếu thọ y này thì trái lời Thế Tôn dạy, nếu ta không nhận thì làm trở ngại thí chủ tu phước, ngài Đại Ca-diếp-ba cũng mất lợi y. Nay ta đem y này đến hỏi Thế Tôn để Phật lấy việc này làm nhân duyên khai cho chứa". Nghĩ rồi A-nan-đà liền nhận y, sau khi cư sĩ ra về A-nan-đà liền mang y này đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên đem sự việc trên bạch Phật. Phật bảo A-nan-đà: "Lành thay A-nan-đà, ta chưa khai cho mà thầy đã dự biết trước. Nếu có Bà-la-môn, cư sĩ cúng y cho Bí-sô, các Bí-sô nên thọ nhận giùm cho họ, nên xả y cũ thọ y mới". Các Bí-sô nghe Phật nói lời này nhưng chưa hiểu xả y cũ như thế nào, Phật bảo: "Mang y cũ và y dư đến chỗ Thân giáo sư hay Quỷ phạm sư, khởi tưởng ký gởi rồi giữ để thọ dụng". Các Bí-sô không tác pháp phân biệt cất chứa một thời gian lâu, Thế Tôn biết rồi liền bảo các Bí-sô: Ta quán thấy mười công đức lợi nên chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô may y đã xong, y Yết-sỉ-na đã xuất, nhận được y dư được chứa cất trong vòng mười ngày, không tác pháp phân biệt được chứa, nếu chứa quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô may y đã xong, y Yết-sỉ-na đã xuất: Có bốn câu, một là có may y rồi không phải xuất y Yết-sỉ-na, hai là có xuất y Yết-sỉ-na không phải may y rồi, ba là có xuất y Yết-sỉ-na , may y cũng xong rồi, bốn là có không phải may y rồi, cũng không phải xuất y Yết-sỉ-na. Câu đầu nghĩa là nếu Bí-sô giặt nhuộm may thành y rồi nhưng Tăng chưa xuất y Yết-sỉ-na. Câu thứ hai nghĩa là nếu Bí-sô may y chưa xong, Tăng đã xuất

y Yết-sỉ-na. Câu thứ ba nghĩa là nếu Bí-sô may y xong rồi, Tăng lại xuất y Yết-sỉ-na. Câu thứ tư nghĩa là nếu Bí-sô may y chưa xong, y Yết-sỉ-na chưa xuất.

Nhận được y dư chứa trong vòng mười ngày tức là mười đêm, y dư là ngoài y đã thọ trì còn có y khác, làm pháp phân biệt được chứa, nếu chứa quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca, vật này nên xả, tội kia nên sám.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô ngày đầu trong tháng nhận được y, trong vòng mười ngày nên trì, nên xả, nên tác pháp, nên cho người. Nếu không trì, không xả, không tác pháp, không cho người đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô ngày thứ một được y, ngày thứ hai không được y, ngày thứ ba được y cho đến ngày thứ mười được y, không trì cho đến ngày thứ mười một mặt trời mọc, y đã được trong chín ngày đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Như vậy cho đến y đã được trong tám ngày… tùy số ngày nhiều ít được y, chuẩn theo đây nên biết. Nếu Bí-sô ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai được y, trong vòng mười ngày y đã được trước nên trì, y đã được sau nên xả, có thể dựa theo đây nên biết. Nếu không tác pháp đến ngày thứ mười một mặt trời mọc , y đã được trong hai ngày đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Như vậy cho đến ba ngày… được y, chuẩn theo đây nên biết.

Nếu Bí-sô một ngày được hai y, cho đến hai ngày… được y đều nên tác pháp giống như trước. Nếu không tác pháp đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Nếu Bí-sô một ngày nhận được nhiều y, ngày thứ hai về sau cũng nhận được nhiều y đều tác pháp giống như trước. Nếu không tác pháp đến ngày thứ mười một mặt trời mọc phạm tội đồng như trước. Những trường hợp này đều do cái trước nhiễm cái sau nối tiếp nhau phát sanh tội lỗi.

Nếu Bí-sô có y phạm Xả đọa, y này không xả, không trải qua đêm, tội kia không thuyết hối, nếu nhận thêm các y khác đều phạm Xả đọa. Nếu y phạm Xả đọa của Bí-sô này tuy xả, không trải qua đêm, tội kia không thuyết hối, các y đã được khác đều phạm Xả đọa. Nếu xả y, trải qua đêm tội kia không thuyết hối, các y đã được khác đều phạm Xả đọa vì do cái trước nhiễm. Nếu Bí-sô chứa y dư đã phạm Xả đọa, không làm ba việc thì tất cả y đã được hoặc là bát, đãy đựng bát, đãy lọc nước… cho đến nhận bất cứ tư cụ gì của sa môn đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca, vì do cái trước nhiễm. Nếu xả y, trải qua đêm, tội kia thuyết hối, nhận được các y khác đều

không phạm. Trường hợp không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn, bị thống não bức bách. (ngày thứ nhất nói rõ về tướng phạm và pháp thức ba việc, những giới sau với những việc tương tợ đều không nói lại tướng phạm nữa, Các giới tướng khác không đồng thì tùy theo việc sẽ biệt nêu).

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾTNHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 17

*Học Xứ Thứ Hai****: LÌA BA Y***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô chứa nhiều ba y nên khi an cư nơi nào nhận được y tài đều đem giặt nhuộm cắt may rồi gói lại gởi cho Bí-sô chủ nhơn, chỉ đắp mặc hai y du hành trong nhân gian. Trải qua thời giam Bí-sô gởi y không trở về, Bí-sô chủ nhơn phải đem ra hong phơi mất rất nhiều thì giờ, phế bỏ việc đọc tụng, tư duy. Các Bí-sô khác thấy vậy liên chê trách: "Tại sao Bí-sô lại chứa nhiều y dư đem gởi làm trở ngại chánh nghiệp của người khác". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này tập họp các Bí-sô khen ngợi các Bí-sô thiểu dục tu hạnh Đỗ-đa rồi bảo các Bí-sô: Ta quán thấy mười công đức lợi nên chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô may y đã xong, y Yết-sỉ-na lại xuất, nếu lìa một trong ba y ngủ đêm ở ngoài giới cho đến một đêm liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Phật ở trong Trúc Lâm thành Vương Xá, lúc đó cụ thọ Đại Ca-diếp-ba ở trong hang Tây-ni-ca của thành này. Vì Tăng già đồng giới Bố tát nên đến ngày thứ mười lăm bố tát các Bí-sô đều phải có mặt đông đủ, chỉ còn đợi một Đại Ca-diếp-ba. Vì khi Đại Ca-diếp-ba trên đường từ hang động đến đã gặp trời mưa lớn, nước sông tràn ngập phải lội qua nên đại y bị ướt, phải vắt rồi phơi đợi cho khô nên đến chiều tối mới tới nơi bố tát, đến chỗ ngồi của mình, các Bí-sô liền hỏi duyên cớ vì sao đến trễ, cụ thọ Đại Ca-diếp-ba liền kể lại sự việc trên rồi nói: "Tôi là Đại Ca-diếp-ba tuổi già sức yếu mà đại y lại vừa dày vừa nặng, xách mang rất khó nên phải đến trễ, tôi không biết phải làm sao". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Đại Ca-diếp-ba tuổi già sức yếu, các Bí-sô nên tác pháp yết ma Bất ly Tăng-già-chi cho thầy ấy, nếu có vị nào giống như vậy cũng nên tác pháp cho như sau: đánh kiền chùy, tập chúng tối thiểu bốn Bí-sô được tác pháp". Lúc đó Đại Ca-diếp-ba đến trước vị Thượng tòa chắp tay bạch: "Đại đực tăng lắng nghe, tôi Bí-sô Ca-diếp-ba vì tuổi già sức yếu, nay theo Tăng xin

pháp Bất ly Tăng-già-chi. Xin Tăng cho tôi pháp Bất ly Tăng-già-chi vì tôi tuổi già sức yếu. Xin thương xót (3 lần). Các Bí-sô tác pháp yết ma như trong Bách Nhất yết ma có nói rõ, khi Tăng đã tác pháp yết ma Bất ly Tăng-già-chi cho rồi thì Đại Ca-diếp-ba được mặc hai y thượng hạ du hành trong nhơn gian không còn nghi ngại nữa. Lúc đó cụ thọ Xá-lợi-tử cũng nhân đó bạch với các Bí-sô: "Tôi bị bịnh phong mà y Tăng-già-chi nặng không thể mang theo được, tôi không biết phải làm sao". Các Bí-sô nghe rồi liền bạch Phật, Phật nói: "Các thầy nên tác pháp yết ma Bất ly Tăng-già-chi cho Xá-lợi-tử vì Bí-sô ấy mắc bịnh phong, nếu có ai giống như vậy cũng nên tác pháp cho như sau: Tập tăng tối thiểu là bốn người, trước vào trong Tăng bạch xin giống như Đại Ca-diếp-ba đã làm, Tăng tác pháp cho cũng giống như trên". Lúc đó Thế Tôn khen ngợi công đức trì giới, thiểu dục tri túc , khổ hạnh là đoan nghiêm hơn hết rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế (chế lần đầu), nay là tùy khai học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô may y đã xong, y Yết-sỉ-na lại xả, lìa một y nào trong ba y ra ngoài giới ngủ qua đêm, cho đến một đêm phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca, trừ được Tăng yết ma cho."

May y đã xong, y Yết-sỉ-na lại xuất có bốn câu giải như văn trên. Lìa một y nào tức là trong ba y lìa một cái. Ngủ ngoài giới là khác giới ngủ qua đêm, khi mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca, trừ Tăng yết ma cho. Vật đã phạm phải xả giống như giới trên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Một, hai, nhiều thôn, nhà
Tường, rào, hào bao quanh,
Nhà kỷ nhạc, ngoại đạo
Phố, quán và lầu, sân
Nhà, xe, thuyền, rừng cây,
Đều có bốn không đồng,
Ở trong bốn oai nghi,
Hộ y nên khéo biết.

Có một, hai, nhiều thôn xóm có tường, hàng rào, hoặc hào bao quanh thôn. Một thôn có một thế phần hay nhiều thế phần. Nhiều thôn có một thế phần hay nhiều thế phần. một nhà có một thế phần hay nhiều thế phần. Nhiều nhà có một thế phần hay nhiều thế phần, cho đến nhà kỷ nhạc, nhà ngoại đạo, phố, quán, lầu, sân, nhà, xe, thuyền, rừng cây đều có một thế phần và nhiều thế phần bốn loại không đồng.

Sao gọi là một thôn xóm? Người nơi núi đồi, đồng nội ở chung, nhiều nhà tạo thành một thôn, phạm vi bao nhiêu gọi là một thế phần? Tức là trong ngoài thôn khoảng một tầm, là chỗ có thể để xay giả nấu ăn và tụ họp lại để ăn uống. Nếu y của Bí-sô ở trong nhà, thân ở trong thế phần; hoặc y ở trong thế phần, thân ở trong nhà khi mặt trời mọc đều không phạm lìa y. Nếu để y trong nhà và trong thế phần còn thân ở chỗ khác ngoài thế phần, khi mặt trời chưa mọc thì phạm Ác-tác, khi mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Một thôn như vậy, hai thôn cũng như vậy.

Sao gọi là nhiều thôn xóm? Người trong một thôn, nhà cửa xây dựng không theo thứ lớp, tạo thành nhiều thôn, phạm vi bao nhiêu là một thế phần, đồng hay khác? Trường hợp này không có thế phần, có khác không đồng, phạm vi lìa y dựa theo một thôn làm tiêu chuẩn.

Sao gọi là tường bao quanh thôn? Là bốn phía thôn có tường bao quanh, phạm vi bao nhiêu gọi là một thế phần?: Tức là trong và ngoài tường khoảng một tầm, là khoảng không gian mà con gà bay tới rồi đáp xuống, cũng là chỗ mà người biết hổ thẹn đi tới để tiện lợi.

Sao gọi là hàng rào bao quanh thôn? là bốn phía thôn có hàng rào bao quanh, phạm vi bao nhiêu là một thế phần? Tức là trong và ngoài hàng rào khoảng một tầm, bằng với chỗ đo được khoảng mười hai khuỷu tay, cũng là chỗ mà cổ xe chở tre có sáu con bò kéo có thể quay đầu lại được.

Sao gọi là hào bao quanh thôn? Là chung quanh phía ngoài thôn có đào hào ngăn cách, phạm vi bao nhiêu là một thế phần? Tức là bên trong và bên ngoài hào ngăn khoảng một tầm, bằng với chỗ mà bụi của chân con trâu hay con dê tung bay tới, cũng bằng với chỗ mà quăng gạch đá sỏi tới được.

Sao gọi là một thôn có một thế phần? Tức là thôn ấy có một vườn rừng, một thần miếu, một chỗ tụ họp, phạm vi bao nhiêu gọi là một thế phần? Tức là phạm vi ngoài vườn rừng một tầm, bằng với chỗ có thể xay giả nấu ăn và tụ họp để ăn uống.

Sao gọi là một thôn có nhiều thế phần? Tức là thôn ấy có nhiều vườn rừng, nhiều thần miếu, nhiều chỗ tụ họp. Phạm vi bao nhiêu gọi là thế phần, là khác hay đồng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là nhiều thôn có một thế phần? Tức là nhiều thôn có một vườn rừng, một thần miếu, một chỗ tụ họp. Phạm vi bao nhiêu gọi là thế phần? Trong và ngoài thôn khoảng một tầm, bằng với chỗ xay giả, nấu ăn và tụ họp để ăn uống.

Sao gọi là nhiều thôn có nhiều thế phần? Tức là nhiều thôn có nhiều

vườn rừng, nhiều thần miếu, nhiều chỗ tụ họp. Phạm vi bao nhiêu gọi là thế phần, là khác hay đồng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một nhà có một thế phần? Tức là trong nhà này chỉ có một gia trưởng, anh em không chia riêng. Phạm vi thế phần giống như một thôn.

Sao gọi là một nhà có nhiều thế phần? Tức là trong nhà này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần? Trường hợp này không có thế phần. Sao gọi là nhiều nhà có một thế phần? Tức là trong nhiều nhà này chỉ có một gia trưởng, anh em không chia riêng.

Sao gọi là nhiều nhà có nhiều thế phần? Tức là nhiều nhà này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một nhà kỷ nhạc có một thế phần? Tức là trong nhà chỉ có một gia trưởng, anh em không chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần? Bên trong và ngoài nhà khoảng một tầm, bằng với chỗ để giá trống, đàn tỳ bà, ống tiêu, ống sáo… của giàn nhạc và chỗ ban nhạc tụ họp ăn uống.

Sao gọi là một nhà kỷ nhạc có nhiều thế phần? Tức là trong nhà này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Riêng là chỗ ở riêng của anh em, chung là chỗ để giá trống…

Sao gọi là nhiều nhà kỷ nhạc có một thế phần? Tức là nhiều nhà này chỉ có một gia trưởng, anh em không chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần? Bên trong và bên ngoài nhà khoảng một tầm, bằng với chỗ để giá trống…

Sao gọi là nhiều nhà kỷ nhạc có nhiều thế phần? Tức là nhiều nhà này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một nhà ngoại đạo có một thế phần? Tức là người trong nhà này có đồng một kiến giải, không có ý thú riêng. Phạm vi bên trong và bên ngoài nhà khoảng một tầm là một thế phần, bằng với chỗ phơi phân bò, chất củi, chỗ cúng tế, chỗ nấu ăn, chỗ tụ họp ăn uống.

Sao gọi là một nhà ngoại đạo có nhiều thế phần? Tức là người trong nhà này có nhiều kiến giải sai khác và có ý thú không đồng. Khoảng chừng bao nhiêu gọi là thế phần, cái gì đồng, cái gì khác? Bằng với miễu thờ trời.

Sao gọi là nhiều nhà ngoại đạo có một thế phần? Tức là người trong nhiều nhà này có đồng một kiến giải, không có ý thú riêng. Phạm vi bên trong và ngoài nhà khoảng một tầm là một thế phần, bằng với chỗ phơi

phân bò…

Sao gọi là nhiều nhà ngoại đạo có nhiều thế phần? Tức là người trong nhiều nhà này có nhiều kiến giải sai khác, ý thú cũng không đồng. Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một phố có một thế phần? Tức là trong phố này có gia trưởng, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài khoảng một tầm là một thế phần, bằng với chỗ để hàng hóa, mua bán giao dịch…

Sao gọi là một phố có nhiều thế phần? Tức là trong phố này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Thế phần này cái gì chung, cái gì riêng? Chung là chỗ giao dịch.

Sao gọi là nhiều phố có một thế phần? Tức là trong nhiều phố này chỉ có một gia trưởng, anh em không chia riêng. Thế phần này là bên trong và bên ngoài phố khoảng chừng một tầm, bằng với chỗ để hàng hóa…

Sao gọi là nhiều phố có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều phố này có nhiều gia trưởng, anh em chia riêng. Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một quán có một thế phần? Tức là trong quán này có một gia trưởng, anh em không chia riêng. Phạm vi trong ngoài quán có một tầm là một thế phần, bằng với chỗ để đại mạch, tiểu mạch, dầu mè, tơ lụa…, chỗ giao dịch.

Sao gọi là một quán có nhiều thế phần? Tức là trong quán này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu gọi là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Tức là chỗ để giường ghế, đồ vật…

Sao gọi là nhiều quán có một thế phần? Tức là trong nhiều quán này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi trong và ngoài quán có một tầm là thế phần, bằng với chỗ để dầu, mè… các vật.

Sao gọi là nhiều quán có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều quán này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi chừng bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một lầu có một thế phần? Tức là trong lầu này có một chủ lầu, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài lầu có một tầm là thế phần, bằng với chỗ tụ họp ăn uống.

Sao gọi là một lầu có nhiều thế phần? Tức là trong lầu này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần , cái gì chung, cái gì riêng?: Tức là chỗ để thang lầu.

Sao gọi là nhiều lầu có một thế phần? tức là trong nhiều lầu này có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài lầu có một

tầm là thế phần, bằng với chỗ tụ họp ăn uống.

Sao gọi là nhiều lầu có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều lầu này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một sân có một thế phần? Tức là trong sân này có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài sân có một tầm, là chỗ để gạo lúa…

Sao gọi là một sân có nhiều thế phần? Tức là trong sân này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Tức là ranh giới của sân.

Sao gọi là nhiều sân có một thế phần? Tức là trong nhiều sân này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài sân có một tầm là thế phần, là chỗ để lúa gạo.

Sao gọi là nhiều sân có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều sân này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một ngôi nhà có một thế phần? Tức là trong ngôi nhà này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài ngôi nhà có một tầm là thế phần, bằng với chỗ cột trâu bò, ngựa, bỏ phân cỏ…

Sao gọi là một ngôi nhà có nhiều thế phần? Tức là trong ngôi nhà này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, tức là từ cửa trở vào trong.

Sao gọi là nhiều ngôi nhà có một thế phần? Tức là trong nhiều ngôi nhà này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài ngôi nhà có một tầm là thế phần, chỗ cột bò ngựa, bỏ phân cỏ…

Sao gọi là nhiều ngôi nhà có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều ngôi nhà này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một xe có một thế phần? Tức là xe này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi ngoài của xe có một tầm là thế phần, là chỗ xe đi và dừng, cũng là chỗ cột trâu bò ngựa, bỏ phân cỏ.

Sao gọi là một xe có nhiều thế phần? Tức là xe này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần? Bằng với cái ách của xe. Cái gì chung, cái gì riêng? Chung là chỗ đòn ngang trước xe.

Sao gọi là nhiều xe có một thế phần? Tức là nhiều xe này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Thế phần là chỗ xe đi.

Sao gọi là nhiều xe có nhiều thế phần? Tức là nhiều xe này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bao nhiêu là thế phần, cái gì chung, cái gì riêng? Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một thuyền có một thế phần? Tức là thuyền này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài thuyền có một tầm là thế phần, là chỗ cột thuyền, nấu ăn và tụ họp ăn uống.

Sao gọi là một thuyền có nhiều thế phần? Tức là thuyền này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Bên chiếc thuyền là thế phần.

Sao gọi là nhiều thuyền có một thế phần? Tức là trong nhiều thuyền này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Chỗ thuyền dừng là thế phần.

Sao gọi là nhiều thuyền có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều thuyền này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một khu rừng có một thế phần? Tức là trong khu rừng này chỉ có một chủ, anh em không chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài khu rừng có một tầm là thế phần, bằng với chỗ hái hoa trái và ăn uống.

Sao gọi là một khu rừng có nhiều thế phần? Tức là trong khu rừng này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Thế phần là một dặm vuông.

Sao gọi là nhiều khu rừng có một thế phần? Tức là trong nhiều khu rừng này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Phạm vi bên trong và ngoài khu rừng có một tầm là thế phần, là chỗ hái hoa trái và ăn uống.

Sao gọi là nhiều khu rừng có nhiều thế phần? Tức là trong nhiều khu rừng này có nhiều chủ, anh em chia riêng. Trường hợp này không có thế phần.

Sao gọi là một cây có một thế phần? Tức là chỗ cành lá giao nhau. Bên ngoài cây khoảng một tầm là thế phần, bằng với chỗ bóng mát của cây lúc giữa trưa của tháng năm, hoặc là chỗ hoa lá trái cây rơi xuống khi trời không có gió, cũng bằng với chỗ khi trời mưa giọt nước văng tới.

Sao gọi là một cây có nhiều thế phần? Tức là chỗ cành lá thưa thớt, không giao nhau. Thế phần bằng với gốc cây

Sao gọi là nhiều cây có một thế phần? Tức là chỗ cành lá giao nhau, có chung bóng mát.

Sao gọi là nhiều cây có nhiều thế phần? Tức là cành lá của các cây này cách xa nhau, không giao nhau thành bóng mát.

Lúc đó cụ thọ Ưu Ba Ly bạch Phật: "Khi Bí-sô đi đứng nằm ngồi, phạm vi khoảng chừng bao nhiêu là thế phần lìa y?". Phật nói: "Như Bà-la-môn Sanh Văn trồng cây Yểm-một-la, cách nhau bảy tầm bông trái sum

suê, khoảng cách của bảy cây này là bốn mươi chín tầm. Bí-sô đi trong phạm vi này là thế phần không mất y, quá phạm vi này là thế phần mất y. Nếu đứng nằm ngồi thì phạm vi chỉ trong một tầm; nếu ngủ ở trung gian giữa hai giới, chéo của y không rời khỏi thân là thế phần của y. Bí-sô lìa y ngủ nên làm ba việc, phạm hay không phạm đều như văn trên đã nói rõ."

Học Xứ Thứ Ba: ***CHỨA Y MỘT THÁNG***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt , lúc đó các Bí-sô chứa nhiều y, thọ được vải màu xanh không may y liền mà đem cất, lại mong được thêm thứ vải khác, nghĩ rằng nếu thọ được vải tương tợ như vậy sẽ may thành y. Vải màu xanh đã nghĩ như vậy, cho đến được vải màu vàng, màu đỏ, màu trắng hoặc vải mỏng, vải dày… đều đem cất và nghĩ như vậy. Các Bí-sô thiểu dục trông thấy liền chê trách: "Tại sao Bí-sô lại chứa cất nhiều thứ vải không chịu may thành y". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến Phật bảo các Bí-sô: Ta quán thấy mười công đức lợi, nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô may y đã xong, y Yết-sỉ-na lại xuất, được y phi thời cần thì thọ, thọ rồi phải mau may thành y. Nếu có chỗ hy vọng sẽ cúng cho đủ thì được cất chứa trong vòng một tháng, nếu chứa quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô may y đã xong, y Yết-sỉ-na lại xuất: Có bốn câu giống như văn trên. Được y phi thời: sao gọi là thời, sao gọi là phi thời?, thời là trú xứ nào không thọ y Yết-sỉ-na thì trong vòng một tháng từ ngày mười sáu tháng tám đến ngày mười lăm tháng chín; nếu trú xứ nào có thọ y Yết-sỉ-na thì trong vòng năm tháng, từ ngày mười sáu tháng tám đến ngày mười lăm tháng giêng. Ngoài thời gian nói trên gọi là phi thời. Nếu có chỗ hy vọng sẽ cúng: Nghĩa là thiếu vải chờ xin cho đủ nên được cất chứa trong vòng một tháng, hy vọng cha mẹ, anh em, chị em, sư chủ… sẽ cúng thêm vải; hoặc vào ngày hội năm năm, ngày hội sáu năm, ngày hội thăng chức, ngày hội mãn năm ta sẽ được cúng vải, nếu đủ may thành y thì tốt. Nếu trong ba y có một y không đủ thì được chứa trong vòng một tháng, quá thời gian một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Chỗ hy vọng hay không
Hết mong, vải không đồng,
Mới cũ, phần tảo khác,
Điều số lượng khuỷu tay.

Nếu Bí-sô ngày thứ nhất trong tháng được vải màu xanh đem cất chưa may, vì có chỗ hy vọng cho thêm, nghĩ rằng nếu được cúng thêm vải cùng màu ta sẽ may thành y. Ngay trong ngày nhận được vải cùng màu, Bí-sô phải may thành y trong vòng mười ngày nên trì, nên xả, nên tác pháp. Nếu không trì, không xả, không tác pháp đến ngày thứ mười một, mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Bí-sô ngày thứ nhất không được vải nào khác, ngày thứ hai, thứ ba cho đến ngày thứ mười đều được vải thì Bí-sô phải may thành y trong vòng mười ngày đó nên trì, nên xả, nên tác pháp. Nếu không trì, không xả, không tác pháp, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Bí-sô trong mười ngày không được vài nào khác, ngày thứ mười một, thứ mười hai cho đến ngày thứ mười chín cũng đều không được vải, đến ngày thứ hai mươi mới được vải thì nên như trước tác pháp, nếu không tác pháp phạm Xả đọa.

Bí-sô trong hai mươi mốt ngày không được vải đến ngày thứ hai mươi chín mới được thì nội trong ngày thứ ba mươi liền phải may thành y nên trì, nên xả, nên tác pháp. Nếu không trì, không xả không tác pháp đến ngày thứ ba một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Do thời gian trước được y, tướng nhiễm nối tiếp nhau. Được vải màu xanh đã như vậy, được các loại vải màu khác cũng như vậy.

Nếu Bí-sô ngày thứ nhất được vải màu xanh đem cất chưa may thành y vì có chỗ hy vọng cúng thêm cho đủ, nghĩ rằng nếu được thêm vải cùng màu ta sẽ may thành y. Ngay ngày được vải cùng màu, Bí-sô phải may thành y trong vòng mười ngày nên trì, nên xả, nên tác pháp, Nếu không tác pháp đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Nếu ngày thứ nhất không được vải nào khác, ngày thứ hai được cho đến ngày thứ ba mươi đều được… giống như văn trên. Được vải màu xanh đã như vậy, được các loại vải khác cũng như vậy.

Nếu Bí-sô ngày thứ nhất được vải màu xanh không may đem cất vì hy vọng có người cúng thêm, nhưng do thời gian lâu xa không xứng với lòng mong muốn, không biết làm sao; hoặc ngay ngày được vải màu xanh liền may thành y trong vòng mười ngày… giống như văn trên đã nói, cho đến ngày thứ ba mươi mới được các loại vải khác cũng giống như trong đoạn văn trên.

Nếu Bí-sô ngày thứ nhất được vải màu xanh không may đem cất vì có chỗ hy vọng cúng thêm, nhưng chỗ hy vọng kia tuy chưa được y, tâm

cầu chưa dứt; hoặc ngay ngày được vải màu xanh liền may thành y… như đoạn văn trên. Nếu ngày thứ nhất được vải màu xanh không may đem cất vì có chỗ hy vọng, nhưng chỗ hy vọng bị đoạn tuyệt. Vải mà Bí-sô đã được nội trong mười ngày nên trì, nên xả như trong đoạn văn trên.

Lúc đó cụ thọ Ưu Ba Ly bạch Phật: "Thế Tôn có bao nhiêu loại y?", Phật nói: "Có hai loại y: Một là loại mới, hai là loại cũ". Mới tức là mới may, cũ tức là đã trải qua bốn tháng thọ dụng. Này Ô-ba-ly, lại có năm loại y: Một là y có thí chủ, hai là y không có thí chủ, ba là y vãng hoàn, bốn là y của người chết, năm là y phấn tảo. Sao gọi là y có thí chủ?: Tức là có nam, nữ, bán-trạch-Ca-làm thí chủ cúng y. Sao gọi là y không có thí chủ? Tức là không có nam, nữ, bán-trạch-Ca-làm thí chủ cúng y. Sao gọi là y vãng hoàn? Như có người chết, quyến thuộc nhớ thương dùng y phủ lên người chết rồi khiêng đến chỗ hỏa thiêu, khi thiêu lấy lại chiếc y ấy đem cúng cho tăng. Sao gọi là y của người chết? Tức là ở trong rừng thây chết, y của người chết không có sở hữu chủ. Sao gọi là y phấn tảo? Có tất cả năm loại: Một là y bỏ trên đường đi, hai là y bỏ nơi chỗ đổ rác, ba là y bỏ nơi bờ sông, bốn là y bị kiến nhấm, năm là y rách nát. Lại có năm loại y: Một là y bị lửa cháy, hai là y bị nước ngâm, ba là y bị chuột gặm, bốn là y bị bò nhơi, năm là y của bà mẹ sanh con xong rồi bỏ.

Bí-sô nhận được vải mới muốn may y nên giặt nhuộm cắt may thành y Tăng-già-chi hai lớp, Ni sư đàn hai lớp, Ốt-đát-la-tăng-già một lớp, An-đát-bà-ta một lớp. Nếu Bí-sô may y Tăng-già-chi hai lớp rồi may thêm lớp thứ ba, khi vừa thiếp vào liền phạm Ác-tác, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả đọa. Bí-sô đối với y Tăng-già-chi mới xé bỏ lớp bọc cũ định dùng vào việc khác, khi vừa xé liền phạm Ác-tác, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả đọa. Bí-sô đối với y Tăng-già-chi mới xé bỏ lớp bọc cũ ra để giặt nhuộm rồi may khâu trở lại thì không phạm. Đến ngày thứ mười một mặt trời mọc nếu may khâu chưa xong thì phạm Xả đọa. Tăng-già-chi đã như vậy thì ni sư đàn… cũng như vậy. Nếu Bí-sô có y Ốt-đát-la-tăng-già mới may thêm lớp thứ hai, khi vừa thiếp vào liền phạm Ác-tác, đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm Xả đọa. Y An-đát-bà-ta cũng như vậy.

Nếu Bí-sô được vải cũ muốn may y nên giặt nhuộm cắt may thành y Tăng-già-chi bốn lớp, Ni sư đàn bốn lớp, Ốt-đát-la-tăng-già và An-đát-bà-ta hai lớp. Nếu Bí-sô đối với y Ốt-đát-la-tăng-già và An-đát-bà-ta hai lớp muốn may thêm lớp thứ ba, khi vừa thiếp vào liền phạm Ác-tác; đến ngày thứ mười một mặt trời mọc liền phạm xả đọa. Bí-sô đối với y nhiều lớp

muốn xé bỏ, khâu may hay không khâu may, có phạm hay không phạm đều giống như trong đoạn văn trên đã nói. Bí-sô được y có thí chủ, y không thí chủ… chuẩn theo y mới và cũ nên biết. Nếu là y phấn tảo thì may mấy lớp tùy ý, không có hạn định".

Cụ thọ Ô-ba-ly bạch Phật: "Thế Tôn, Tăng-già-chi có mấy loại, điều số thế nào?", Phật nói: "Có chín loại đó là y chín điều, mười một điều, mười ba điều, mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều, hai mươi mốt điều, hai mươi ba điều và hai mươi lăm điều. Này Ô-ba-ly, ba loại y thứ nhất có hai đàn cách dài một đàn cách ngắn; ba loại y kế có ba đàn cách dài một đàn cách ngắn; ba loại y sau cùng có bốn đàn cách dài một đàn cách ngắn nên may nên thọ trì, quá điều lượng này thành phá nạp". Cụ thọ Ô-ba-ly bạch Phật: "Thế Tôn, y lớn y nhỏ có bao nhiêu thứ?". Phật nói: "Y Tăng-già-chi có ba bậc thượng trung và hạ, bậc thượng bề đứng ba khuỷu tay, bề ngang năm khuỷu tay; bậc hạ bề đứng hai khuỷu tay rưỡi, bề ngang bốn khuỷu tay rưỡi; ở giữa hai bậc trên là bật trung. Ốt-đát-la-tăng-già và An-đát-bà-ta cũng có ba bậc thượng trung hạ như Tăng-già-chi. Này Ô-ba-ly có hai loại An-đát-bà-ta: Một là bề đứng hai khuỷu tay, bề ngang năm khuỷu tay; hai là bề đứng hai khuỷu tay, bề ngang bốn khuỷu tay. Y An-đát-bà-ta bậc thấp nhất chỉ trùm ba luân là nhỏ nhất trong số y thọ trì. Y phạm Ni tát kỳ nhỏ nhất chỉ bằng ngang dọc một khuỷu tay. Nếu Bí-sô phạm Xả đọa nên làm ba việc như trên đã nói".

Trường hợp không phạm là người phạm ban đầu, hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Tư: ***NHỜ NI KHÔNG PHẢI THÂN TỘC GIẶT Y CŨ***

Lúc Bồ tát từ cung trời Đổ Sử giáng sanh vào cung vua Tịnh Phạn ở thành Kiếp-tỷ-la, tiếng đồn vang khắp bốn phương: Dòng họ Thích Ca hạ sanh thái tử ở cạnh núi Tuyết bên dòng sông Diêm của thành Kiếp-tỷ-la, chỗ tiên nhơn ở. Cách đó không xa có tiên nhơn tên A-lan-nhã Tư Đà giỏi về tướng số và bói toán nên nhà vua liền triệu đến để xem tướng cho thái tử. Tướng số A-tư-đà đoán rằng: "Nếu Thái tử ở nhà thì làm vua Chuyển luân cai trị giáo hóa bốn thiên hạ, là một vị đại Thánh chủ có bảy báu đầy đủ đó là luân báu, tượng báu, mã báu, ngọc báu, nữ báu, chủ tàng thần báu, chủ binh thần báu với ngàn người con có oai lực lớn, dũng kiện không ai hơn, có thể hàng phục oán địch. Trên đại địa, trên khắp bốn biển đều không có đạo tặc cũng không có hình phạt nặng, chỉ dùng pháp lý cai trị làm cho mọi người được sống an ổn. Nếu thái tử xuất gia cạo bỏ râu tóc, do tâm

chánh tín từ nhà đến chỗ không nhà sẽ được thành Phật, Ứng chánh biến tri, tiếng đồn vang khắp mười phương, giáo hóa cứu độ muôn loài". Lúc đó vua của các nước lân bang nghe tin thái tử sanh ở Tuyết sơn… giáo hóa cứu độ muôn loài, liền suy nghĩ: "Nay ta nên đến thừa sự thái tử, sau này sẽ thọ phước lộc của người", lại nghĩ: "Nay ta không có duyên trông thấy thái tử, ta nên thừa sự vua Tịnh Phạn cũng tức là thừa sự thái tử". Các vua lân bang suy nghĩ như vậy rồi liền sai sứ thần mang quốc tín đến chỗ vua Tịnh Phạn.

Bồ tát ở trong thâm cung dần dần trưởng thành, do thấy cảnh già bịnh chết nên trong lòng sầu não, buông bỏ việc đời vào ở trong rừng. Các vua lân bang nghe biết liền suy nghĩ: "Lâu nay ta phụng sự vua Tịnh phạn là vì thái tử, nay thái tử đã vào ở trong rừng mong cầu xuất ly, ta cần gì uổng công phí sức phụng sự nữa". Do nghĩ như vậy nên các vua lân bang không sai sứ thần mang quốc tín đến nữa. Trong các vua nước lân bang chỉ còn có vua Thắng Quang tuy chấm dứt quốc tín nhưng sứ thần hai nước vẫn còn qua lại. Sứ thần của vua Thắng Quang là Đại thần Mật Hộ, sứ thần của vua Tịnh Phạn là Đại thần Ô-đà-di. Khi đại thần Mật Hộ đến chỗ vua Tịnh Phạn luận bàn việc nước xong thì đến nhà của đại thần Ô-đà-di nghỉ, ngược lại khi đại thần Ô-đà-di đến chỗ vua Thắng Quang luận bàn việc nước xong thì đến nhà của đại thần Mật Hộ nghỉ. Vợ của đại thần Mật Hộ tên là Cấp-đa nhan sắc đoan nghiêm, ai nhìn cũng yêu mến, do thường lui tới nhà của đại thần Mật Hộ nên đại thần Ô-đà-di tư thông với Cấp-đa. Khi đại thần Mật Hộ nghe biết Cấp-đa cùng Ô-đà-di tư thông liền muốn giết hai kẻ xấu xa này, nhưng lại nghĩ: "Nếu ta giết đại thần của nước lân bang sẽ làm loạn vương thành tạo nên sự kinh hoàng sợ hãi, tại sao vì người vợ tội lỗi của mình mà lại giết một Bà-la-môn", do nghĩ như vậy nên giả lơ không hay biết.

Thời gian sau Mật Hộ qua đời, vua Thắng Quang lấy cớ Mật Hộ không có con kế thừa nên tịch thu gia sản. Lúc đó Ô-đà-di nghe biết việc này liền suy nghĩ: "Ta còn sống đây làm sao nở để cho Cấp-đa không có chỗ nương nhờ", do nghĩ như vậy nên sáng hôm sau liền vào cung tâu vua Tịnh Phạn: "Đại vương, trong nước của vua Thắng Quang có việc bất ổn, đại vương nên sai sứ thần đến đó thăm hỏi, nếu không sẽ chiêu lấy họa bại". Vua Tịnh Phạn liền sai Ô-đà-di làm sứ thần đến thành Thất-la-phiệt thăm hỏi vua Thắng Quang, khi đến nơi Ô-đà-di suy nghĩ: "Ta nên yết kiến nhà vua trước hay gặp đại thần trước", lại nghĩ: "Theo phép cầu việc phải đi từ dưới lên, ta nên đến chỗ đại thần trước". Nghĩ rồi liền đến chỗ đại thần nói rằng: "Tôi muốn nhờ quan tâu giúp với nhà vua cho tôi được lấy Cấp-đa",

vị Đại thần nghe rồi liền nhận lời tâu giúp.

Sau đó Ô-đà-di liền đến chỗ vua Thắng Quang bàn việc nước xong liền tâu vua: "Rất mong đại vương ban cho tôi chỗ nghỉ", vua hỏi: "Trước đây khanh từng dừng nghỉ ở đâu?", Ô-đà-di đáp: "Trước đây tôi từng nghỉ ở nhà của đại thần Mật Hộ", vua nói: "Vậy nay khanh nên đến đó nghỉ", Ô-đà-di nói: "Đại thần Mật Hộ nay đã qua đời rồi", vua nói: "Chủ nhà tuy đã chết nhưng căn nhà đâu có chết", Ô-đà-di liền tâu vua: "Đại vương, căn nhà tuy không chết nhưng sản nghiệp không còn". Vua Thắng Quang liền ra lịnh Đại thần tìm chỗ dừng nghỉ cho Ô-đà-di , sau khi Ô-đà-di ra khỏi cung Đại thần liền tâu vua: "Đại vương, không phải Ô-đà-di không có chỗ dừng nghỉ, vì trước đây ông ta đã cùng với Cấp-đa tư thông, nên bổn ý của ông ta muốn vua chấp thuận cho ông ta được lấy Cấp-đa. Nếu Đại vương nhiếp thọ được người này tức là nhiếp thọ được vua Tịnh Phạn". Vua Thắng Quang nghe rồi liền triệu Ô-đà-di đến nói rằng: "Này Ô-đà-di, thật sự ta không biết khanh với Cấp-đa trước đây có giao tình, nay ta ban Cấp-đa cho khanh làm vợ, tài vật và nhà cửa đều cấp cho hai khanh". Ô-đà-di nghe rồi vui mừng bái tạ rồi lui ra, sau đó đến nhà của Cấp-đa, Cấp-đa ra đón rồi khóc, Ô-đà-di hỏi vì sao khóc, Cấp-đa nói: "Phu chủ của em nay đã qua đời, chẳng phải anh cũng sẽ bỏ em nữa hay sao". Ô-đà-di nói: "Chính vì việc này nên ta mới đến đây, ta đã tâu với vua xin được cưới em làm vợ, tài vật và nhà cửa vua đều cấp cho, em muốn ở lại đây hay muốn qua thành Kiếp-tỷ-la?". Cấp-đa suy nghĩ: "Nếu ta cùng qua thành Kiếp-tỷ-la thì vợ của Bà-la-môn này sẽ không để ta yên, ta nên ở lại đây tại ngôi nhà cũ của mình". Vì thế Ô-đà-di có hai nhà ở hai nơi, một ở thành Kiếp-tỷ-la, một ở thành Thất-la-phiệt.

Lúc đó Bồ tát trong sáu năm tu khổ hạnh ở rừng già không có một vật gì là sở hữu, sau sáu năm Ngài mới bắt đầu ăn uống trở lại, trước tiên là ở làng Thắng Quân tại chỗ ở của hai mục ngưu nữ, một tên là Hoan Hỉ, một tên là Hỷ Lực , thọ nhận món cháo nấu nhừ với mười sáu loại sữa để phục hồi sức khỏe; sau đó đến chỗ nam tử Thiện Hạnh lấy cỏ cát tường rồi đến dưới cây Bồ đề trải cỏ ngồi kiết già thệ nguyện rằng: "Nếu ta chưa đoạn hết lậu hoặc, ta thề không đứng dậy". Bồ tát đã đoạn hết lậu hoặc trong khi thiền quán nên Hắc long vương hết sức khen ngợi. Sau khi hàng phục ba mươi sáu ức ma quân chứng Nhất thiết trí thành Phật, Thế Tôn liền nhận lời thỉnh của Phạm vương đến thành Ba-la-nê-tư ba lần chuyển pháp luân mười hai hành để độ năm Bí-sô. Độ năm Bí-sô rồi lại đến trong rừng Bạch Điệp độ sáu mươi Hiền Bộ chứng được Kiến đế, kế trở lại trong làng Thắng Quân độ hai mục ngưu nữ khiến họ cũng chứng được Kiến đế. Sau đó đến

bên rừng Ô Lư Tần Loa để độ một ngàn ngoại đạo cho họ xuất gia thọ cụ giới, kế lên đỉnh núi Già da hiện ba thần biến giáo hóa khiến hàng Bồ tát, chư thiên trụ nơi Niết-bàn an ổn. Sau đó đến Trượng Lâm độ vua Tần Bà Sa La nước Ma-kiệt-đà chứng được Kiến đế, đồng thời độ cho trăm ngàn thiên chúng và trăm ngàn Bà-la-môn nước Ma-kiệt-đà. Kế đến thành Vương Xá nhận tinh xá Trúc Lâm và độ cho Thân Tử, Mục Liên xuất gia rồi đến thành Thất-la-phiệt thọ nhận vườn Cấp-cô-độc ở rừng Thệ-đa, nói kinh Thiếu niên cho vua Thắng Quang khiến vua chứng được Kiến đế. Cuối cùng Thế Tôn trụ ở trong rừng Thệ-đa, vua Thắng Quang liền sai người đến thành Kiếp-tỷ-la báo tin cho vua Tịnh Phạn biết hiện thái tử đang ở trong rừng Thệ-đa, đã chứng quả Vô thượng chánh giác và khiến cho các loài hữu tình đồng hưởng vị cam lồ.

Vua Tịnh Phạn nghe rồi ngồi chống tay vào má than rằng: "Xưa kia khi thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành tu khổ hạnh, ta thường sai sứ đến thăm hỏi, những sứ giả đã đi đều không thấy trở về, nay sao lại có tin nói là thái tử hiện ở trong rừng Thệ-đa". Vừa lúc đó đại thần Ô-đà-di vào cung thấy nhà vua như vậy liền hỏi: "Vì sao Đại vương lại ngồi chống tay vào má thở than ưu sầu như vậy?". Vua nói: "Làm sao ta không ưu sầu, trước kia khi thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành tu khổ hạnh, Ta thường sai sứ đến thăm hỏi, những sứ giả ra đi đều không thấy trở về. Nay ta bỗng được tin nói là thái tử hiện đang ở trong rừng Thệ-đa, đã chứng được Vô thượng chánh giác và khiến cho các loài hữu tình đồng hưởng vị cam lồ". Ô-đà-di liền tâu vua: "Nếu như vậy, thần xin làm sứ đến đó rồi mang tin trở về cho Đại vương". Vua nói: "Khanh nên đi rồi về báo lại, đừng có ở luôn bên đó". Nói rồi vua tự tay viết thư cho Thái tử:

"Từ thọ thai về sau,

Tôi nuôi dưỡng Thế Tôn, Lửa phiền não thường đốt, Thường mong cây Tối thắng, Nay đã lớn khôn rồi,

Đồ chúng số vô biên, Mọi người được an lạc, Chỉ riêng tôi đắng cay".

Viết xong đóng ấn rồi đưa cho Ô-đà-di, Ô-đà-di mang thư của Vua đến chỗ Thế Tôn ngự ở thành Thất-la-phiệt dâng lên, Thế Tôn nhận thư rồi mở ra xem, Ô-đà-di hỏi: "Thế Tôn có trở về thành Kiếp-tỷ-la không?", Thế Tôn nói: "Ta đi cùng với ông". Ô-đà-di nhớ lại ngày xưa khi thái tử vượt thành xuất gia, phụ vương thường triệu về mà không chịu về nên bạch Phật rằng: "Nếu thái tử không chịu trở về, tôi có sức sẽ đưa Ngài về". Thế Tôn nghe rồi liền nói kệ:

"Lưới ái sanh tử nếu trừ hết,

Người này chẳng cần ai dẫn đường. Thế Tôn oai lực không cùng tận, Ông phương tiện gì dẫn đi được.

Lưới ái sanh tử nếu trừ hết,

Người này chẳng cần ai dẫn đường. Cảnh giới Thế Tôn không xứ sở, Ông phương tiện gì dẫn đi được".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 18

Học Xứ Thứ Tư: ***NHỜ NI KHÔNG PHẢI BÀ CON GIẶT Y CŨ***
(Tiếp Theo)

Ô-đà-di nghe Phật nói kệ rồi liền đảnh lễ Phật bạch rằng: "Thế Tôn, tôi muốn trở về vương thành tâu cho phụ vương của Ngài biết". Phật nói: "Làm sứ giả cho Phật theo lý thì không phải như vậy", Ô-đà-di hỏi: "Làm sứ giả cho Phật phải như thế nào?", Phật nói: "Tất cả người xuất gia mới là sứ giả của Phật". Ô-đà-di nói: "Vậy tôi muốn xuất gia, nhưng vì đã hứa với Đại vương nên phải về báo lại, bây giờ tôi phải đi". Phật nói: "Đợi khi về xuất gia rồi hãy về báo tin", Ô-đà-di nói: "Lành thay, vậy con xin xuất gia". Phật bảo tôn giả Xá-lợi-tử xuất gia cho Ô-đà-di để Ô-đà-di được Lợi-ích trong đêm dài sanh tử. Cụ thọ Xá-lợi-tử vâng lời Phật dạy cho Ô-đà-di xuất gia và cho thọ viên cụ, những hành pháp của một Bí-sô đều lược nói cho Ô-đà-di biết.

Ô-đà-di thọ giáo giới xong kính lễ Xá-lợi-tử rồi đến chỗ Phật đảnh lễ bạch rằng: "Thế Tôn, con nay đã xuất gia". Phật nói: "bây giờ thầy có thể trở về báo lại cho phụ vương của ta biết, nhưng chớ có đường đột bước vào trong cung, nên đứng ở ngoài cửa báo là có Bí-sô Thích Ca đang đứng ở ngoài cửa, đợi gọi mới vào. Nếu người kia hỏi có Bí-sô Thích Ca khác nữa không, thì nên đáp là có; nếu hỏi thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành cũng có hình dạng như vậy phải không, thì nên đáp là cùng một hình dạng như vậy. Thầy cũng không nên ngủ đêm ở trong cung, nếu hỏi thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành có ngủ đêm trong cung không, thì nên đáp là không có; nếu hỏi các Bí-sô ngủ ở đâu, thì nên đáp là ngủ ở nơi A-lan-nhã hoặc ở tại Tỳ-ha-la; nếu hỏi thái tử Nhất Thế Nghĩa Thành có muốn đến đây không, thì nên đáp là muốn đến; nếu hỏi chừng nào đến, thì nên đáp là bảy ngày sau sẽ đến". Ô-đà-di nghe nhớ kỹ rồi đảnh lễ Phật ra đi, Phật dùng thần lực yểm trợ khiến cho Ô-đà-di chỉ trong chớp nhoáng đã đến thành Kiếp-tỷ-la, đứng ở ngoài cửa cung báo với người đứng gác rằng: "Hãy vào bạch vua là có

Bí-sô Thích Ca đang đứng ở ngoài cửa", người gác cửa hỏi: "Có các Bí-sô Thích Ca khác nữa hay không?", đáp có. Người gác cửa liền vào trong cung tâu vua: "Đại vương, Bí-sô Thích Ca đã đến hiện đang đứng ở ngoài cửa", Vua nói: "Hãy cho vào để Ta xem thử hình dạng của Bí-sô Thích Ca như thế nào". Người gác cửa liền dẫn vào, Vua vừa nhìn liền nhận ra ngay là Ô-đà-di nên hỏi: "Ô-đà-di, khanh đã xuất gia rồi sao?", đáp: "Đại vương, tôi đã xuất gia", Vua hỏi: "Thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành cũng có hình dạng như vầy hay sao?", đáp: "Đại vương, hình dạng cũng giống như thế".

Vua Tịnh Phạn vừa nghe lời này, do ân tình quá nặng từ nhiều kiếp đến nay nên ngã xuống ngất xỉu, phải dùng nước lạnh rưới hồi lâu mới tỉnh lại. Sau khi được đỡ dậy ngồi lên chỗ ngồi rồi vua liền hỏi Ô-đà-di: "Thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành có muốn đến đây không?", đáp: "Muốn đến", Vua hỏi: "Khi nào sẽ đến?", đáp: "Bảy ngày sau sẽ đến". Vua nghe nói rồi liền ra lịnh cho các quan: "Thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành qua bảy ngày sau sẽ trở về chốn cũ, các khanh nên tu sửa thành quách và trang nghiêm đường sá, trong cung cũng phải quét dọn sạch sẽ". Ô-đà-di liền nói: "Đại vương, Thế Tôn không ngủ đêm ở trong cung", Vua hỏi: "thế thì ngủ ở đâu?", đáp: "Hoặc ở A-lan-nhã hoặc ở Tỳ-ha-la". Vua liền ra lịnh cho các quan: "Các khanh nên đến nơi A-lan-nhã rừng Khuất Lộ Đà xây cất một trú xứ có mười sáu đại viện, mỗi đại viện có sáu mươi phòng giống như ở rừng Thệ-đa". Các quan phụng mệnh làm đúng như lời vua đã ban, hàng nhơn thiên thù thắng cũng phát tâm vào công việc này, do ý niệm tương ưng với định lực nên mọi việc đều thành tựu. Tất cả các nẻo đường trong thành đều được quét dọn sạch sẽ, được rưới bằng nước thơm Chiên đàn nên khắp nơi đều có hương thơm thù diệu, khắp nơi cũng đều treo cờ phướng tạo nên một không gian rất vui tươi dễ chịu, giống như vườn Hoan Hỉ của trời Đế Thích. Trong lòng tất cả mọi người đều khát ngưỡng muốn gặp lại Thế Tôn.

Lúc đó Thế Tôn ở rừng Thệ-đa bảo cụ thọ Mục-kiền-liên thông báo cho các Bí-sô biết Như Lai muốn đến thành Kiếp-tỷ-la, các cụ thọ muốn nhìn thấy cảnh cha con gặp nhau thì hãy mang y bát đến tháp tùng. Mục-kiền-liên vâng lời đi thông báo, các Bí-sô nghe rồi liền mang y bát đến tháp tùng với Thế Tôn đi đến thành Kiếp-tỷ-la. Do Thế Tôn đã tự điều phục nên những người tự điều phục vây quanh, Thế Tôn tự tịch tĩnh nên những người tịch tĩnh vây quanh, Thế Tôn đã giải thoát nên những người giải thoát vây quanh, Thế Tôn đã an ổn nên những người đã an ổn vây quanh, Thế Tôn đã thuần thiện nên những người thuận thiện vây quanh, Thế Tôn đã lìa dục nên những người đã lìa dục vây quanh, Thế Tôn đã chứng quả A-la-hán

nên các A-la-hán vây quanh, Thế Tôn đã đoan nghiêm nên những người đoan nghiêm vây quanh. Thế Tôn như rừng Chiên đàn nên rừng Chiên đàn vây quanh, Thế Tôn như voi chúa nên bầy voi vây quanh, Thế Tôn như sư tử vương nên bầy sư tử vây quanh, Thế Tôn như đại ngưu vương nên bầy ngưu vây quanh, Thế Tôn như Nga vương nên bầy Nga vây quanh, Thế Tôn như diệu Sí điểu vương nên bầy sí điểu vây quanh. Thế Tôn như Bà-la-môn nên các học đồ vây quanh, như đại y vương nên các bịnh nhơn vây quanh, như Đại tướng quân nên binh chúng vây quanh, như người dẫn đường nên những người đi đường vây quanh, như thương chủ nên các thương khách vây quanh, như Đại trưởng giả nên chúng nhơn vây quanh, như quốc vương nên các đại thần vây quanh. Thế Tôn như trăng sáng nên các tinh tú vây quanh, như nhật luân nên các thiên quang vây quanh, như Trì Quốc thiên vương nên chúng Càn Thát Bà vây quanh, như Tăng Trưởng thiên vương nên chúng Cưu Bàn Trà vây quanh, như Xú Mục thiên vương nên Long chúng vây quanh, như Đa Văn thiên vương nên chúng Dược Xoa vây quanh, như Tịnh Diệu vương nên chúng A tô la vây quanh, như Đế Thích nên chư thiên cõi trời Tam thập tam vây quanh, như Phạm thiên vương nên Phạm chúng vây quanh. Như Đại hải trầm lắng an trụ, như mây lớn tầng tầng lớp lớp giăng phủ, như Tượng vương dứt cơn say cuồng. Thế Tôn đã diều phục các căn, oai nghi tịch tĩnh, trang nghiêm thân bằng ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp với một vầng hào quang tròn rộng một tầm, sáng hơn ánh sáng của một ngàn mặt trời, bước đi an tường như núi báu di động, mười Lực, bốn vô sở úy, Đại bi, Tam niệm trụ, vô lượng công đức thảy đều viên mãn.

Các đại Thanh văn như tôn giả A-nhã-kiều-trần-như, tôn giả Cao Thắng, tôn giả Bà Sắt ba, tôn giả Đại danh, tôn giả Vô Diệt, tôn giả Xá-lợi-tử, tôn giả Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp-ba, tôn giả Danh Xưng… và đại chúng cùng đến thành Kiếp-tỷ-la, tuần tự đến bờ sông Lư Hí Đa, lúc đó các Bí-sô hoặc rửa tay chân, hoặc súc miệng hoặc lọc nước hoặc tắm giặt… Dân chúng trong thành Kiếp-tỷ-la nghe tin thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành sắp về đến đều rất vui mừng, tranh nhau kéo tới rừng Khuất-lộ-đà. Lúc đó vua Tịnh Phạn cũng cho trải tòa trang hoàng trên khoảng đất rộng để đón thái tử, hàng vạn người đều vân tập đến đây đều sanh tâm hoan hỉ suy nghĩ không biết cha lễ con hay con lễ cha. Lúc đó Thế Tôn cũng suy nghĩ: "Nếu Ta đi bộ vào thành, nhưng người trong dòng họ Thích Ca sẽ khởi tâm coi thường, sanh lòng bất tín cho rằng thái tử Nhất Thiết Nghĩa thành có mất mát lớn, vì khi ra đi có trăm ngàn thiên chúng tùy tùng trên không trung ở thành Kiếp-tỷ-la, nay chứng được Diệu trí vô thượng trở về lại đi bộ vào

thành. Muốn cho họ không có tâm khinh mạn ta phải dùng thần biến đề vào thành Kiếp-tỷ-la".

Thế Tôn liền tùy theo tâm sở niệm nhập Tam-ma-địa, nhập định rồi nơi tòa không hiện, cùng các Bí-sô vụt lên hư không. Lúc đó Thế Tôn như mặt trăng tròn có các Bí-sô vây quanh, như Nga vương duỗi cánh, trong bốn oai nghi đều hiện thần biến. Thế Tôn nhập định Hỏa quang trước tiên từ phương Đông hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; hoặc hiện biến thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy. Sau đó Thế Tôn thu hồi thần biến rồi ở trên hư không cao bảy cây Đa-la, các Bí-sô cao sáu cây; Phật cao sáu cây, các Bí-sô cao năm cây; Phật cao năm cây, các Bí-sô cao bốn cây; Phật cao bốn cây, các Bí-sô cao ba cây; Phật cao ba cây, các Bí-sô cao hai cây; Phật cao hai cây, các Bí-sô cao một cây; Phật cao một cây, các Bí-sô ở trên mặt đất. Thế Tôn đi ở trên hư không cách đất cao hơn mọi người cùng với vô lượng trăm ngàn câu chi đại chúng Thiên nhơn vây quanh vào trong thành Kiếp-tỷ-la. Vua Tịnh Phạn vừa thấy Phật liền đảnh lễ Phật và nói kệ:

"Phật mới sanh đại địa chấn động,
Bóng cây Thiệm bộ chẳng lìa thân.
Nay lần thứ ba lễ bậc Viên trí,
Hàng phục ma oán thành Chánh giác".

Lúc đó những người trong dòng họ Thích Ca thấy vua Tịnh Phạn đảnh lễ Phật sanh lòng bất nhẫn nói lớn: "Vì sao tôn phụ lại đảnh lễ con mình". Vua Tịnh Phạn nghe rồi liền bảo các Thích chủng: "Các người không nên nói như thế, chính ngày Bồ tát mới sanh, đại địa chấn động, đã phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp thế gian, ánh sáng chiếu soi vượt qua cõi trời Tam thập tam. Các chốn tối tăm trong thế giới mà ánh sáng của mặt trời mặt trăng không thể chiếu soi đến, đều nhờ ánh sáng này mà chúng hữu tình ở đó được nhìn thấy nhau. Do ta thấy được việc hy hữu này nên ta liền đảnh lễ Phật, đây là lần thứ nhất. Khi Bồ tát đến đồng ruộng xem các sản nghiệp đã ở dưới bóng cây Thiệm bộ ngồi kiết già xa lìa pháp ác bất thiện của cõi dục, có tầm tứ được định Hỷ lạc nhập Sơ tĩnh lự. Quá ngọ mặt trời về chiều, bao nhiêu bóng cây khác đều ngã về Đông, chỉ có bóng cây Thiệm bộ chỗ Bồ tát ngồi vẫn đứng yên để che thân cho Bồ tát. Do ta thấy việc hy hữu này nên ta liền đảnh lễ Phật, đây là lần thứ hai. Và hôm nay là lần thứ ba ta đảnh lễ Phật". Khi Thế Tôn bước tới tòa ngồi ngồi xuống rồi, vua Tịnh

Phạn lại bước tới đảnh lễ Phật rồi ngồi qua một bên, đây là lần thứ tư vua đảnh lễ Phật.

Lúc đó các Thích chủng ở trong rừng Khuất Lộ Đà đã sắp đặt xong thắng tòa và các vật phẩm cúng dường thượng hảo chờ đợi Thế Tôn và chúng Bí-sô đến. Khi Thế Tôn cùng đại chúng đến nơi, Phật ngồi lên thắng tòa thì vua Tịnh Phạn liền dâng các phẩm vật thượng diệu lên cúng dường Phật và Tăng. Nối tiếp vua Tịnh Phạn là vua Bạch Phạn, Hộc Phạn, Cam Lồ Phạn và trăm ngàn vạn ức đại chúng đều bước tới đảnh lễ Phật rồi ngồi qua một bên. Những người còn lại khác hoặc đứng chắp tay hoặc ngưỡng vọng từ xa, lúc đó vua Tịnh Phạn dùng kệ hỏi Phật:

"Phật xưa ở trong cung,
Đi đều có ngựa xe,
Sao nay dùng đôi chân,
Đi trong chốn chông gai".

Phật dùng kệ đáp:

"Tôi dùng thần túc thông,
Tự tại đi trên không,
Đi khắp cùng đại địa,
Gai phiền não vô hại".

Vua lại hỏi:

"Xưa y phục cao sang,
Dung sắc sáng nhiều vẻ,
Nay mặc áo thô xấu,
Làm sao nhẫn chịu được?".

Phật đáp:

"Hổ thẹn là thượng phục,
Mặc vào rất đoan nghiêm,
Người thấy sanh yêu mến,
Tịch tĩnh nơi rừng già".

Vua lại hỏi:

"Xưa ăn gạo lúa thơm,
Đựng mâm vàng thù thắng,
Nay xin cơm thô dở,
Làm sao no đủ được?".

Phật đáp:

"Tôi dùng pháp vi diệu,

Vị cùng định tương ưng,
Diệt trừ tham ăn uống,
Thương chúng sanh nên thọ".

Vua lại hỏi:

"Xưa lầu cao, điện ngọc,
Tùy thời tự an nhàn,
Nay ở trong rừng núi,
Tại sao không hoảng sợ?".

Phật đáp:

"Tôi đã đoạn gốc sợ,
Phiền não đều dứt trừ,
Dù ở trong rừng sâu,
Cũng dứt hẳn lo sợ".

Vua lại hỏi:

"Xưa ở trong Vương cung,
Dùng nước thơm tắm gội,
Nay ở trong rừng núi,
Nước gì Mâu Ni tắm?".

Phật đáp:

"Ao pháp bến Phước đức,
Người thanh tịnh an vui,
Kẻ trí tắm ao này,
Trừ Cấu không ướt thân".

Vua lại hỏi:

"Xưa ở trong Vương cung,
Bình vàng phun nước tắm,
Nay ở nơi sông hồ,
Lấy gì rưới lên thân?".

Phật đáp:

"Tôi tắm nước Tịnh giới,
Diệu pháp khí rưới thân,
Người trí đều khâm khen,
Rửa sạch Cấu thân tâm".

Thế Tôn dùng kệ đáp vua Tịnh Phạn rồi quán Giới tánh ý nhạo tùy miên sai biệt của đại chúng để thuyết pháp xứng với căn cơ, khiến cho số người nghe pháp như vua Bạch Phạn, vua Hộc Phạn, vua Cam Lồ Phạn và

trăm ngàn đại chúng đồng nghe pháp hoặc đắc quả Dự lưu, hoặc đắc quả Nhất lai, hoặc đắc quả Bất hoàn, hoặc có người xin xuất gia đoạn các phiền não chứng quả A-la-hán; hoặc có người phát tâm Bồ đề Độc giác, hoặc có người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Còn lại những người khác đều quy y Tam bảo trụ trong chánh tín, chỉ có vua Tịnh Phạn vì quá vui mừng nên chưa thể đắc Kiến đế. Sau đó vua Tịnh Phạn và đại chúng đảnh lễ Phật rồi cáo lui, trở về cung vua Tịnh Phạn chìm đắm trong ý nghĩ: "Chỉ có một mình con ta mới có oai đức này, không còn ai khác sánh kịp".

Thế Tôn biết trong tâm vua cha đang nghĩ gì, để hàng phục tánh kiêu mạn này của vua cha nên trời vừa sáng tỏ Thế Tôn liền bảo cụ thọ Mục-kiền-liên: "Thầy nên quán tâm, thương xót phụ vương ta". Mục Liên vâng lời Phật dạy liền chấp trì y bát đến chỗ vua Tịnh Phạn, vua vừa thấy Mục Liên liền xướng thiện lai. Mục Liên lúc đó liền như sở niệm nhập Tam-ma-địa, nhập định rồi liền ẩn thân nơi tòa ngồi hiện trên hư không, trước tiên ở phương Đông nhập định Hỏa quang hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ trắng hồng; hoặc hiện biến thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa hay trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như thế. Sau đó thu hồi thần biến hiện trở lại chỗ ngồi, vua Tịnh Phạn liền hỏi Mục Liên: "Có phải các đệ tử của Thế Tôn đều có đại oai đức như tôn giả?". Mục Liên dùng kệ đáp:

"Thánh đệ tử Mâu Ni,
Đều có đại oai đức,
Ba minh và sáu thông,
Không ai là không có".

Vua nghe rồi liền suy nghĩ: "Chẳng phải chỉ có một mình con ta là có đại oai đức, các Bí-sô đều có đại thần lực như vậy". Nghĩ như vậy rồi tâm kiêu mạn trước đây liền dứt trừ, vua lại suy nghĩ: "Thế Tôn hiện nay chỉ có loài người cúng dường, không thấy có chư thiên". Mục Liên biết ý nghĩ của vua liền tâu rằng: "Đại vương, tôi muốn trở về chỗ đức Thế Tôn", Vua nói: "Tùy ý tôn giả". Sau đó vua cũng đi đến chỗ Phật, do biết được ý nghĩ của phụ vương nên lúc đó Phật biến hóa khu rừng Khuất Lộ Đà thành tô phả chi ca. Khi vua Tịnh Phạn muốn vào từ cửa Đông gặp Phật, người giữ cửa liền bảo chớ vào, vua hỏi vì sao thì người giữ cửa bảo là Thế Tôn đang nói pháp cho chư thiên nghe. Vua hỏi người giữ cửa: "Hiền thủ là ai?", người giữ cửa đáp: "Tôi là Trì Quốc thiên vương ở phương Đông". Vua bèn đi đến cửa Nam, người giữ cửa cũng bảo chớ vào giống như trên, vua liền hỏi: "Hiền thủ là ai?", người giữ cửa đáp: "Tôi là Tăng Trưởng thiên vương ở

phương Nam". Vua bèn đi đến cửa Tây, người giữ cửa cũng bảo chớ vào giống như trên, vua liền hỏi: "Hiền thủ là ai?", người giữ cửa đáp: "Tôi là Xú Mục thiên vương ở phương Tây". Vua bèn đi đến cửa Bắc, người giữ cửa cũng bảo chớ vào giống như trên, vua liền hỏi: "Hiền thủ là ai?", người giữ cửa đáp: "Tôi là Đa Văn thiên vương ở phương Bắc".

Lúc đó Thế Tôn dùng thần lực gia bị cho vua Tịnh Phạn khiến từ ngoài cửa trông thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho chư thiên nghe. Thấy rồi vua liền suy nghĩ: "Thế Tôn hiện nay không phải chỉ có loài người cúng dường, ngay cả chư thiên cũng đến kính lễ". Thế Tôn khiến vua dứt trừ tâm kiêu mạn rồi bèn thu hồi thần lực, lúc đó tôn giả Mục Liên liền đưa vua vào gặp Phật, Thế Tôn tùy theo ý nhạo tùy miên giới tánh sai biệt của vua và các chúng khác để thuyết pháp xứng với căn cơ khiến cho vua Tịnh Phạn chứng được quả Dự Lưu, chứng quả rồi vua liền bạch Phật: "Thế Tôn, nay tôi được chứng quả không phải do cao tổ, cũng không phải do cha mẹ, chẳng phải do trời, vua, sa môn, Bà-la-môn, cũng chẳng phải do tôn thân mà được. Chính là do nương nơi Thế Tôn là bậc thiện tri thức nên mới được chứng quả này. Ở trong ba đường ác Nại-lạc-ca, bàng sanh và Ngạ quỷ Thế Tôn đã cứu tôi ra khỏi, đặt để tôi vào cõi người trời, dứt me sanh tử ở đời vị lai, làm khô cạn biển lớn nước mắt và máu, vượt ra khỏi núi cao xương trắng từ vô thỉ đến nay đã tích chứa, hang sâu thẳm thân kiến cũng trừ bỏ nên tôi mới chứng được quả này. Thế Tôn, tôi đã ra khỏi dòng sanh tử, nay tôi xin quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, làm Ô-ba-sách-ca, xin Thế Tôn chứng tri, từ hôm nay cho đến trọn đời tôi không sát sanh cho đến không uống rượu, thọ trì năm học xứ", nói rồi đảnh lễ Phật cáo lui.

Sau đó đến chỗ vua Bạch Phạn muốn trao vương vị, vua Bạch Phạn hỏi: "Có ý gì?", vua Tịnh Phạn nói: "Tôi nay đã Kiến đế không muốn làm vua", vua bạch Phạn hỏi vào lúc nào, vua Tịnh Phạn đáp là vào ngày hôm nay, vua Bạch Phạn nghe rồi nói: "Ngay ngày Thế Tôn mới đến, vừa nghe pháp tôi đã Kiến đế rồi". Vua Tịnh Phạn liền đến chỗ vua Hộc Phạn, rồi đến chỗ vua Cam Lồ Phạn muốn trao vương vị thì các vua đều nói là đã Kiến đế. Vua Tịnh Phạn nghe rồi nói: "Như thế này thì tôi làm lễ quán đảnh cho ai để trao vương vị". Các vua đều nói nên trao vương vị cho Hiền Thiện thuộc dòng họ Thích Ca, vua Tịnh Phạn nghe rồi liền làm lễ quán đảnh trao vương vị cho Hiền Thiện.

Thế Tôn và Tăng chúng hằng ngày vào cung vua thọ cúng dường, lúc đó vua Tịnh Phạn suy nghĩ: "Đệ tử của Phật có hàng ngàn người đều từ ngoại đạo đến, tâm tuy đoan nghiêm nhưng thân chưa được uy nghiêm vì

do ngày trước tu khổ hạnh nên hình dung tiều tụy. Làm thế nào khiến cho môn đồ của Thế Tôn có được dung mạo khả ái, vừa nhìn phước tướng tâm thiện liền sanh, ta nên bảo trong dòng họ Thích ca xuất gia theo Thế Tôn". Nghĩ rồi vua liền tập họp Thích chủng hỏi: "thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành nếu không xuất gia thì sẽ làm gì?", đáp: "Sẽ làm vua Chuyển luân", vua lại hỏi: "Lúc đó các vị sẽ làm gì?", đáp: "Chúng tôi xưng thần và làm tùy tùng", vua lại hỏi: "Nay Thái tử chứng được pháp Cam lồ, cũng khiến cho các hữu tình đồng được nếm mùi vị ấy, sao các vị không tùy tùng?", mọi người nghe rồi đều đáp: "Chúng tôi muốn được xuất gia", vua nói: "Hãy theo sở nguyện của các vị", các Thích chủng lại hỏi: "Toàn gia đều đi hay mỗi gia đình chỉ đi một người?", Vua nói: "Mỗi gia đình một người". Nói rồi vua Tịnh Phạn liền cho đánh kiền chùy phổ cáo trong Thích chủng là mỗi nhà một người xuất gia theo Phật, cho nên trong dòng họ Thích có đến năm trăm Thích tử đồng loạt xuất gia. Như Thế Tôn nói bỏ quý tộc xuất gia được nhiều lợi dưỡng, cho nên năm trăm thích tử Bí-sô đều được rất nhiều lợi dưỡng. Thế Tôn thấy rồi liền suy nghĩ: "Các Thích tử này vốn vì cầu giải thoát mà xuất gia, nay lại bỏ thiểu dục chìm đắm trong tài lợi". Thế Tôn muốn họ không chìm đắm trong tài lợi nữa nên cùng chúng tăng trở lại rừng Thệ-đa ở thành Thất-la-phiệt an trú như trước kia. Lúc đó cụ thọ Ô-đà-di vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành theo thứ lớp khất thực đến nhà của vợ cũ là Cấp-đa đứng ở cửa ngỏ, Cấp-đa từ xa trông thấy nhận ra Ô-đà-di liền chạy tới đấm ngực nói: "Ô-đà-di, tại sao anh lại bỏ em mà xuất gia?", Ô-đà-di nói: "Hiền thủ, Thế Tôn khi còn là Bồ tát cũng đã bỏ người vợ yêu quý là Da du đà la và sáu vạn thể nữ để xuất gia, tôi làm sao có thể cùng sống với nàng". Cấp-đa nói: "thế thì em cũng muốn xuất gia", Ô-đà-di nói: "Nếu được như thế thì rất tốt", Cấp-đa nói: "Em thu xếp gia nghiệp xong sẽ xuất gia", Ô-đà-di nói: "Nên mau thu xếp, đừng có trì trệ". Nói rồi liền bỏ đi, không bao lâu sau lại đến hỏi: "Sao cô chưa xuất gia?", Cấp-đa nói: "Tôi thu xếp gia nghiệp chưa xong", Ô-đà-di nói: "Chắc cô đợi sau khi nước Kiều-tát-la bị cháy hết, cô mới thu xếp xong phải không?", Cấp-đa nói: "Nội nhật hôm nay thu xếp xong, ngày mai tôi sẽ xuất gia". Sau đó Ô-đà-di lại suy nghĩ: "Ta do tục lụy trước kia nên các vị đồng phạm hạnh Hắc-bát khinh khi, nếu Cấp-đa xuất gia ta sẽ càng chiêu lấy cơ hiềm rằng lục chúng Bí-sô đã độ Bí-sô ni". Nghĩ rồi liền sanh truy hối nên trời vừa hừng sáng Ô-đà-di liền đắp y mang bát đi đến thành Vương Xá, vừa đến nơi thì đúng vào lúc Hạ an cư.

Trong lúc đó Cấp-đa thu xếp xong gia nghiệp liền đến trong rừng Thệ-đa hỏi các Bí-sô: "Vị ấy ở đâu?", các Bí-sô hỏi: "Vị ấy là ai?", đáp:

"Là thánh giả Ô-đà-di", các Bí-sô nói: "Vị ấy đã đi đến thành Vương Xá cách đây rất xa". Cấp-đa nghe rồi liền khóc, các Bí-sô hỏi vì sao khóc, Cấp-đa nói: "Thánh giả Ô-đà-di bảo tôi bỏ thế tục sẽ cho tôi xuất gia, nay tôi thu xếp xong gia nghiệp đến đây thì thánh giả lại bỏ đi xa. Bây giờ tôi không còn nhà để về lại cũng không được xuất gia, làm sao không khóc". một người nghe rồi liền nói: "Vì dao cạo ở đây cũ nên thánh giả đi đến Vương thành muốn lấy dao mới về để cạo tóc cho bà". Vừa lúc ấy có chúng Bí-sô ni vì thỉnh giáo thọ nên đến trong rừng Thệ-đa, thấy Cấp-đa đang đứng khóc liền hỏi nguyên do, Cấp-đa liền kể lại sự việc, các Bí-sô ni nói: "Bí-sô không có độ cho ni xuất gia mà phải là Bí-sô ni độ, bà hãy theo chúng tôi đến chỗ Đại thế chủ Kiều-đáp-di sẽ độ cho bà xuất gia". Cấp-đa liền đi theo các ni đến chỗ Đại thế chủ, Đại thế chủ liền cho Cấp-đa xuất gia.

Lúc đó Ô-đà-di ở thành Vương Xá lại suy nghĩ: "Vì ta muốn tránh các Hắc-bát cơ hiềm nên không độ cho Cấp-đa xuất gia, như Thế-là ta bị mất mát lớn. Nếu có vị Hắc-bát nào khác độ cho Cấp-đa xuất gia thì dù ta muốn gặp trong chốc lát cũng không thể được", do nghĩ như vậy nên tuy Hạ an cư nhưng tâm của Ô-đà-di thường không vui. Sau đó có một Bí-sô Ma-ha-la từ thành Thất-la-phiệt Hạ an cư xong đi đến Vương thành, đúng lúc Ô-đà-di đứng ngoài cửa ngỏ tinh xá trúc Lâm trông thấy. Nhìn thấy lão Bí-sô này tóc bạc trắng, mi dài phủ mắt, bước đi thong thả, không biết có phải là bậc thượng tọa hay không, nên Ô-đà-di bước tới chào hỏi, vị lão Bí-sô liền luôn miệng nói: "Kính lễ A-giá-lợi-da, kính lễ Ô-ba-đà-da". Ô-đà-di nghe nói rồi biết không phải là bậc thượng tọa, liền dẫn vào chùa hỏi: "thầy từ đâu đến đây?", đáp: "Từ thành Thất-la-phiệt đến". Ô-đà-di nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu ta hỏi tin tức Cấp-đa trước thì người nghe sẽ chê trách, ta nên tuần tự hỏi thăm", nghĩ rồi liền hỏi: "Thế Tôn có được ít bịnh, ít não, đi đứng tự tại, sở hành an vui chăng? Thế Tôn có Hạ an cư ở đó chăng?", đáp: "Thế Tôn không bịnh, an vui và Hạ an cư tại đó", lại hỏi: "Tứ chúng có được không bịnh và an vui chăng, có thường đến nghe Thế Tôn thuyết pháp chăng?", đáp: "Tứ chúng đều không bịnh an vui và thường đến nghe Phật thuyết pháp", lại hỏi: "Chư tôn túc như Kiều-trần-như, Ca-diếp-ba, Xá-lợi-tử, Mục-kiền-liên… Đại thế chủ Kiều-đáp-di cho đến vua Thắng Quang… có được vô bịnh an vui chăng?", đáp: "Tất cả đều không bịnh an vui", lại hỏi: "Thầy có biết vợ của Đại thần tên là Cấp-đa không?", đáp: "Có biết, bà cũng là vợ trước kia của đại đức Ô-đà-di", lại hỏi: "Chẳng phải bà ta vẫn còn là vợ cũ của đại đức ấy hay sao?", đáp: "Nay bà đã xuất gia rồi", lại hỏi: "Ai đã độ cho bà ta xuất gia?", đáp: "Là Đại thế chủ".

Ô-đà-di sau khi biết rõ sự việc rồi liền suy nghĩ: "Cấp-đa đã xuất gia,

ta nên gặp mặt", nghĩ rồi liền lấy bát của lão Bí-sô treo lên cọc ngà voi rồi đưa dầu cho thoa chân tay, nói rằng: "Trong phòng này có sẵn thức ăn, ở đây có lợi dưỡng gì thầy cứ thọ dụng". Lão Bí-sô liền nói: "Tôi không muốn ở đây", Ô-đà-di liền đưa cái khóa cửa và nói: "Như Thế Tôn có dạy Bí-sô không nên bỏ không trú xứ, này Ma-ha-la, đây là khóa cửa, thầy nên biết". Nói rồi liền bỏ đi đến thành Thất-la-phiệt, vào trong rừng Thệ-đa quét dọn sạch sẽ phòng của mình rồi đọc tụng chánh pháp. Vừa lúc đó có Bí-sô ni vào trong rừng Thệ-đa thỉnh giáo thọ, nghe tiếng đọc tụng liền cùng đến chỗ Ô-đà-di hỏi: "Đại đức lâu nay đi đâu vắng?", đáp: "Tôi có việc phải đến thành Vương Xá vừa mới trở về". Các ni nghe rồi về chùa nói với Cấp-đa: "Cô nên hoan hỉ vì A-giá-lợi-da của cô đã về đến trong rừng Thệ-đa rồi", Cấp-đa hỏi: "A-giá-lợi-da nào?", đáp là Bí-sô Ô-đà-di , Cấp-đa hỏi: "Sao cô biết Bí-sô ấy là thầy quỷ phạm của tôi, tôi đâu có theo Bí-sô ấy thọ học", các ni nói: "Đâu cần theo thọ học, cô nên đến hỏi thăm sức khỏe của vị ấy".

Cấp-đa liền mang theo hương bột… đi đến phòng của Ô-đà-di gõ cửa, Ô-đà-di hỏi là ai, đáp là Cấp-đa, Ô-đà-di liền mở cửa mời vào rồi hỏi: "Ai cho bà xuất gia?", đáp là Đại thế chủ, Ô-đà-di nói: "Trước đây vì có việc gấp phải đi đến Vương thành, còn cô vì sao lại gấp cầu lìa tục?", đáp: "Trước đây đại đức bảo tôi thu xếp gia nghiệp rồi độ tôi xuất gia. Tôi nghe lời nên thu xếp gia nghiệp, không ngờ đại đức bỏ tôi đi đến Vương thành. Nếu Đại thế chủ không độ tôi xuất gia thì lúc ấy tôi không biết phải làm sao", Ô-đà-di nói: "Chẳng phải lúc đó tôi có hứa là dạy cho cô sao, cô hãy ngồi xuống đây, tôi sẽ thuyết pháp cho cô nghe". Cấp-đa liền ngồi xuống chú tâm nghe pháp, Ô-đà-di khi thuyết pháp liền nhớ lại chuyện vui cười thuở xưa nên hỏi Cấp-đa: "Cô có nhớ ngày xưa tại vườn , rừng , miếu , chúng ta đã ăn những món ăn ngon như thế như thế không?". Khi cùng nói chuyện tâm dục liền khởi khiến tình ý hỗn loạn.

Phàm người nữ trí huệ có năm trường hợp không cọng sự: Một là biết người nam có tâm dục hừng thạnh hay không có…, lúc đó Cấp-đa biết Ô-đà-di đang có tâm dục hừng thạnh nên xin phép ra ngoài một lát sẽ trở vào, nhưng khi ra khỏi phòng Cấp-đa liền bỏ chạy. Ô-đà-di nghe tiếng chân chạy liền chạy theo ra gọi Cấp-đa, do hấp tấp chạy theo nên sanh chi chạm vào bắp vế khiến tinh tiết ra, dục tâm liền tiêu tan nên Ô-đà-di đứng lại bồi hồi nhìn theo. Cấp-đa thấy vậy liền quay trở lại nói: "Thánh giả, nếu vừa rồi tôi chấp thuận thì tôi không còn là Bí-sô ni, thánh giả cũng không còn là Bí-sô". Ô-đà-di nói: "Như Thế Tôn đã dạy, nếu ai hộ mình tức là hộ người, nếu ai biết hộ người liền thành hộ mình. Thế nào là hộ mình tức là hộ

người? Tự có thể tu tập, do tu tập nhiều nên có chứng ngộ. Thế nào là hộ người liền thành hộ mình?: Không não hại, không phẫn hận, không có tâm oán hại, thường khởi lòng từ bi thương xót mọi loài". Cấp-đa nói: "Thánh giả hãy cởi quần ra đưa cho tôi giặt".

Khi Ô-đà-di đưa quần cho Cấp-đa giặt, Cấp-đa thấy tinh dính dơ liền sanh tâm hối, tâm nhiễm liền bộc phát, như trong kinh Phật có kệ:

"Những người say đắm dục, Không thấy được nghĩa lợi, Không quán được thiện pháp, Thường đi trong tối tăm".

Do tâm nhiễm nên tình ý rối loạn, Cấp-đa liền lấy giọt tinh ấy để vào trong nữ căn, do nghiệp lực của hữu tinh không thể nghĩ bàn nên ngay lúc ấy liền có thân trung ấm tối hậu của một hữu tình đến thác thai. Cấp-đa về chùa giặt y của Ô-đà-di, chư ni trông thấy liền hỏi, Cấp-đa liền kể lại mọi việc, chư ni nghe rồi nói rằng: "Chúng tôi không ngờ lại xảy ra chuyện như vậy", Cấp-đa nói: "Đại đức Ô-đà-di chưa hề xúc phạm thân phần của tôi", chư ni nói: "Chưa xúc chạm mà còn như thế". Nói rồi chư ni liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Cô ni kia không phạm Ba-la-thị-ca, nhưng cô ấy đã có thai, nên để cô ấy ở chỗ khuất, cấp dưỡng thức ăn uống chớ để thiếu thốn. Đứa bé sanh ra đặt tên là đồng tử Ca Nhiếp Ba cho xuất gia sẽ đoạn các hữu lậu, chứng quả A-la-hán, trong hàng đệ tử của ta sẽ là người có biện tài thuyết giảng bậc nhất".

Lúc đó Thế Tôn liền suy nghĩ: "Do Bí-sô nhờ Bí-sô ni không phải là thân tộc giặt y nên xảy ra điều tội lỗi như thế". Thế Tôn liền do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô nhờ Bí-sô ni không phải là thân tộc giặt, nhuộm, đập y cũ thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di hoặc có người nào khác giống như vậy. Thân tộc là từ bảy đời của hai bên cha mẹ trở lại, bảy đời trở lên thì không phải. Bí-sô ni là chỉ cho Cấp-đa. Y cũ là y cũ thuộc trong bảy loại y: Y bằng lông, y Sô-ma, Xà-nhược-ca, Yết-lan-đạc-ca bá tử, Độc cô lạc ca, Cao cô bạc ca và An bát lan đắc ca. Giặt là dưới cho đến đem ngâm nước. Nhuộm là dưới cho đến đem nhúng vào trong màu. Đập là dưới cho đến lấy tay đập một cái.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô biết Bí-sô ni không phải là thân tộc, khởi tưởng không phải thân tộc mà nhờ giặt y cũ liền phạm xả đọa; nhuộm, đập cũng phạm. Trong ba việc hoặc nhờ làm cả ba, hoặc nhờ làm hai việc, hoặc một việc; hoặc trong ba việc tùy nhờ ni không phải là thân tộc làm một việc nào đều phạm

bổn tội; nếu nghi không phải là thân tộc mà nhờ làm cũng phạm Xả đọa. Nếu ni là thân tộc lại khởi tưởng không phải là thân tộc mà nhờ làm thì phạm Ác-tác. Nếu ni là thân tộc mà khởi tâm nghi cũng phạm Ác-tác. Trường hợp không phạm là người phạm giới đầu tiên hoặc si cuồng tâm loạn, bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Năm: ***NHẬN Y TỪ NI KHÔNG PHẢI THÂN TỘC***

Lúc đó Thế Tôn ở trong rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt , như lời Phật đã dạy nếu bỏ quý tộc xuất gia thì được nhiều lợi dưỡng, cho nên các thích chủng sau khi đã xuất gia lợi dưỡng rất dồi dào, ngoài y phục thường dùng còn cất chứa rất nhiều vật dư như y dư, bát dư… Thế Tôn biết rõ điều này liền suy nghĩ: "Các Thích tử này vì cầu giải thoát mà xuất gia, nhưng nay đối với nhơn xuất ly thảy đều bỏ hết, không siêng tu phẩm thiện, đắm trước tài lợi, Ta nên thuyết pháp cho họ khiến họ bỏ tài lợi". Nghĩ rồi Thế Tôn thường thường thuyết pháp cho họ nhưng không thể làm cho họ được Kiến đế, Thế Tôn liền suy nghĩ: "do nhân duyên gì mà các Thích tử này không thể Kiến đế, đều là do đắm trước nơi tài lợi và những tạp vật tư sanh. Nếu ta quở trách trị phạt thì họ không do đâu khai giải, Ta nên chỉ dạy nghi thức của chư Phật Chánh giác để điều phục và khéo léo hóa độ họ". Nghĩ rồi Thế Tôn liền bảo các Bí-sô: "Nay Như Lai muốn ở nơi đây Hạ an cư trụ im lặng trong ba tháng, chớ để một Bí-sô nào tự tiện đến gặp ta, trừ một Bí-sô mang thức ăn đến và trừ ngày trưởng tịnh". Các Bí-sô nghe rồi liền lập chế: "trong ba tháng Hạ an cư này, không một Bí-sô tự tiện đến gặp Thế Tôn trừ một Bí-sô mang thức ăn đến và trừ ngày trưởng tịnh. Nếu vị nào trái chế, chúng ta sẽ bắt vị ấy thuyết hối tội Ba-dật-đề-ca". Thời gian sau có một Bí-sô tên là Tiểu Quân tiền an cư ba tháng ở thành Vương Xá, Phật ở thành Thất-la-phiệt hậu an cư ba tháng. Tiền an cư ba tháng xong, làm lễ Tùy ý xong, việc may y cũng đã xong, Tiểu Quân liền chấp trì y bát thuận hạnh Đỗ-đa cùng với các môn đồ nghiêm trang đi đến thành Thất-la-phiệt để yết kiến Thế Tôn. Đến nơi Tiểu Quân cất y bát, rửa chân rồi đến chỗ thế, lục chúng từ xa trông thấy nói với nhau: "Bí-sô khách này đã trái chế của chúng tăng, chúng ta sẽ bắt họ thuyết hối tội Ba-dật-đề-ca". Tiểu Quân đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, theo pháp thường của chư Phật, Thế Tôn thấy khách Bí-sô đến liền an ủi hỏi thăm: "Thầy từ đâu đến, an cư ở đâu?", đáp: "Thế Tôn, con từ thành Vương Xá đến, con đã an cư ở đó", Thế Tôn hỏi: "Bí-sô ở Vương thành đã làm lễ Tùy ý rồi sao?", đáp: "Thế Tôn, đã làm lễ xong", Thế Tôn lại hỏi: "này Tiểu Quân, do đều mà thầy tự đoan nghiêm, đoàn tùy tùng cũng đoan nghiêm?", đáp: "Thế Tôn, nếu có người

đến chỗ con cầu xin xuất gia, con bảo họ nên trụ nơi A-lan-nhã, thường hành khất thực, với ba y phấn tảo, thường ngồi ở gốc cây, vì đó là điều con khen ngợi. Nếu họ nói làm được thì con độ cho họ xuất gia, nếu họ nói không làm được thì con bảo họ tùy ý đi. Nếu có người muốn thọ Cận viên, hoặc cầu y chỉ, cầu đọc tụng hoặc học như lý, khởi ý tịnh niệm, tư duy ở nơi con, con đều bảo họ làm như thế; nếu họ nói làm được thì con thuận theo sở cầu của họ; nếu họ nói không làm được thì con bảo họ tùy ý đi. Do nhơn duyên này nên con tự đoan nghiêm, môn đồ của con cũng như vậy". Thế Tôn khen ngợi: "Lành thay Tiểu Quân, thầy có thể thệ độ vô lượng nhơn thiên, tạo Lợi-ích vô biên cho các loài hữu tình, khiến cho người đến cầu pháp được an lạc. Tiểu Quân nên biết, nếu ai có thể khen ngợi hạnh Đỗ-đa tức là khen ngợi Như lai không khác, nếu hủy báng công đức của hạnh Đỗ-đa tức là hủy báng Như lai. Vì sao, vì Như lai luôn khen ngợi công đức xuất yếu của hạnh Đỗ-đa này, nhưng thầy không nên trái Tăng chế". Tiểu Quân bạch Phật: "Thế Tôn, con thật không biết Tăng già nơi đây đã làm chế lịnh gì". Thế Tôn nói: "Này Tiểu Quân, trước khi an cư ta có bảo các Bí-sô rằng, ta muốn hạ an cư nơi đây, trụ yên lặng trong ba tháng, đừng để Bí-sô nào tự tiện đến gặp ta, trừ Bí-sô mang thức ăn đến và vào ngày trưởng tịnh. Các Bí-sô vâng lời ta dạy nên cùng nhau lập chế: Trong mùa an cư này, Bí-sô không được tự tiện đến gặp Thế Tôn, trừ Bí-sô mang thức ăn đến và vào ngày trưởng tịnh, nếu ai trái chế Tăng sẽ bắt thuyết hối tội Ba-dật-đề-ca".

Tiểu Quân bạch Phật: "Thế Tôn, con vốn là khách, chư Tăng ở đây lập chế đâu có can hệ gì đến con". Thế Tôn nói: "Không luận là khách hay chủ, Tăng già chế lịnh đều phải tuân hành. Nhưng từ nay ta chế hành pháp cho khách Bí-sô như sau: Tất cả khách Bí-sô khi vào chùa, trước phải hỏi Bí-sô cựu trụ rằng Tăng già nơi đây có chế lịnh gì không, nếu hỏi thì tốt, nếu không hỏi thì phạm Ác-tác; Bí-sô cựu trụ trả lời thì tốt, nếu không trả lời cũng phạm Ác-tác. Nhưng đối với Bí-sô ở A-lan-nhã để tạo lợi ích cho họ nên được miễn y theo Tăng chế. Bí-sô ở A-lan-nhã muốn gặp ta, bất luận lúc nào đều được tùy ý đến gặp. Người tu mười ba hạnh Đầu đà công đức tương ưng cũng được tùy ý gặp; người mặc y phấn tảo, người chỉ mặc ba y (hai hạng người này cùng y tương ưng); người thường khất thực, người theo thứ lớp khất thực, người nhất tọa thực, người bát khất thực, người không thọ thực lại nữa (năm hạng người này cùng y tương ưng); người trụ A-lan-nhã, người ở nơi gốc cây, người trụ chỗ đất trống, người tùy xứ trụ, người ở nơi rừng thây chết (năm hạng người này cùng xứ tương ưng); người thường ngồi (hạng người này cùng sách tấn tương ưng). Tiểu Quân nên

biết, những hạng người kể trên tùy tình đến gặp Như lai". Bí-sô Tiểu Quân nghe Phật nói rồi hoan hỉ phụng hành đảnh lễ Phật rồi cáo lui. Lúc đó lục chúng đến chỗ Tiểu Quân nói: "Cụ thọ hãy cho phép tôi gạn hỏi", Tiểu Quân nói: "Trong năm bộ tội tùy ý các vị gạn hỏi", lục chúng nói: "Cụ thọ phải như pháp thuyết hối tội Ba-dật-để-ca", Tiểu Quân nói: "Tôi không thấy tội", lục chúng nói: "Cụ thọ không thấy mình đã phá Tăng chế hay sao?", Tiểu Quân hỏi: "Tăng già có chế lịnh gì?", lục chúng kể lại sự việc như trên, Tiểu Quân nói: "Cụ thọ, Thế Tôn vừa mới bảo tôi rằng: Này Tiểu Quân, ta vì tạo Lợi-ích cho Bí-sô ở A-lan-nhã được miễn y theo Tăng chế, có thể tùy ý yết kiến Như lai". Các Bí-sô Thích tử nghe Tiểu Quân nói lời này đều suy nghĩ: "Tiểu Quân hạ an cư ở thành Vương Xá xong đến yết kiến Như lai liền được gặp, lại được nói chuyện với Phật. Chúng ta ở đây lại không được yết kiến, không được thừa sự, ý này chính là vì Như lai thấy chúng ta lòng tham quá nhiều nên loại bỏ ra". Nghĩ rồi các Bí-sô Thích tử liền mang tất cả tài vật dư đến chỗ cụ thọ A-nan-đà nói rằng: "Lành thay đại đức, chúng tôi có những tài vật, tư cụ dư mang đến, xin đại đức thương xót nhận cho", A-nan-đà nói: "Xin các vị chờ tôi vào bạch Thế Tôn", nói rồi liền vào bạch Phật, Phật bảo A-nan-đà hãy nhận tất cả tài vật dư đó đem cất vào trong một phòng lớn và thông báo đến các Bí-sô, vị nào có thiếu thốn tư cụ gì thì đến đó tùy ý lấy dùng. A-nan-đà vâng lời Phật dạy trở lại chỗ các Bí-sô Thích tử nhận tất cả tài vật tư cụ dư đem chất đống vào trong một phòng lớn và thông báo đến các Bí-sô nếu vị nào thiếu thốn tư cụ gì thì cứ đến đó tùy ý lấy dùng. Các Bí-sô Thích tử sau khi xả bỏ những tài vật tư cụ dư này rồi liền xa lìa sự đa cầu và thích tu hạnh thiểu dục, cùng nhau đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ rồi ngồi qua một bên.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 19

Học Xứ Thứ Năm: ***XIN Y TỪ NI KHÔNG PHẢI THÂN TỘC***
(Tiếp Theo)

Lúc đó đức Bạc-già-phạm do Bí-sô Tiểu Quân nên quán ý nhạo tùy miên căn tánh sai biệt của các Bí-sô Thích tử, nói pháp vi diệu xứng với đương cơ khiến cho năm trăm Bí-sô Thích tử này ngay nơi tòa ngồi tự chứng viên mãn, phá vỏ vô minh, đoạn hết hoặc trong ba cõi, chứng A-la-hán, thành tựu ba minh, sáu thông, tám giải thoát, được trí như thật, sanh tử đã hết phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau, tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng cùng đất giống nhau không khác, đối với tất cả danh lợi thảy đều từ bỏ nên tất cả chư thiên đều cung kính. Lúc đó các Bí-sô đều sanh nghi niệm bạch Phật: "Thế Tôn thật là hy hữu, vì sao do Tiểu Quân Phật khiến cho năm trăm Bí-sô Thích tử xa lìa tham cầu, tu hạnh thiểu dục được quả thù thắng, vượt qua biển sanh tử, lên bờ Niết-bàn, cuối cùng trụ chỗ an ổn?". Phật bảo các Bí-sô: "Đời này ta đã lìa dục sân si, không ái không thủ, đối với các ngã mạn thảy đều trừ bỏ, thoát khỏi các chi Hữu được Nhất thiết trí, chứng Vô thượng giác, do Tiểu Quân nên tán thán hạnh thiểu dục khiến cho năm trăm Thích tử ra khỏi biển sanh tử chứng đại Niết-bàn, điều này chưa phải là hy hữu. Này các Bí-sô, trong đời quá khứ ta còn đầy đủ dục sân si, có ái có thủ, đối với các ngã mạn, sanh lão bịnh tử, ưu bi khổ não đều chưa trừ bỏ, luân hồi chi Hữu chưa được thoát khỏi, chưa chứng Nhất thiết trí, cũng do Tiểu Quân mà ta tán thán hạnh thiểu dục, quở trách đa tham khiến cho năm trăm người này được năm thông đầy đủ. Hãy lắng nghe, quá khứ ở nước Ba-la-nê-tư có vua tên là Phạm Ma Đạt Đa, một đại pháp vương nên trong nước không có chiến tranh, đao binh cũng không có kẻ ác quấy phá; không có thiên tai và các dịch bịnh; thường được trúng mùa nên lúa mía trâu dê đều sung túc, dân chúng an cư lạc nghiệp. Phu nhân của vua tên là Diệu Phạm, trong thành có một cái ao lớn

cũng tên là Diệu Phạm. Nhà vì không có con nên thường đến cầu đảo ở các miếu để cầu con, người đời nói rằng: Nếu do cầu đảo mà được con cháu thì quả là hư vọng, vì nếu cầu được con thì người cầu con ắt sẽ có ngàn đứa con như vua Chuyển luân, nhưng việc ấy không xảy ra nên biết là hư vọng. Thật ra muốn được con phải hội đủ ba duyên: Một là cha mẹ có tâm nhiễm, hai là bà mẹ hợp với thời lỳ có thai, ba là thân trung ấm hiện tiền. Hội đủ ba duyên này mới có con hoặc trai hay gái. Do nhà vua nhất tâm cầu con nên vào một thời gian sau có một hữu tình đối với Bồ đề vô thượng thệ nguyện tu chứng, từ địa ngục thoát ra liền thác sanh vào thai của phu nhân Diệu Phạm. Khi phu nhân biết mình có thai vui mừng báo cho nhà vua biết: "Đại vương, thiếp nay đã có thai, thai nằm phía bên hữu nhất định là trai, sau này sẽ làm rạng rỡ quốc vị của Đại vương". Nhà vua nghe rồi hết sức vui mừng, đặc biệt chăm sóc cho bà làm cho bà được vui sướng. Lúc đó phu nhân suy nghĩ: "Lành thay, nay ta muốn ở cửa thành Đông làm nhiều phước thí. Cửa Nam, cửa Tây, cửa bắc và trong thành nội cũng vậy. Người bị ngục tù xiềng xích đều được phóng thích". Nghĩ rồi liền bạch vua, vua nghe rồi đều làm cho phu nhân được toại nguyện, phu nhân toại nguyện rồi sau đó lại suy nghĩ: "Nay ta muốn đến nơi có suối rừng vườn hoa để du ngoạn". Nghĩ rồi liền bạch va, vua liền cùng phu nhân đi ngoạn cảnh, phu nhân toại nguyện rồi sau đó lại suy nghĩ: "Nay ta muốn đến trong ao Diệu Phạm, cùng các thể nữ du ngoạn bằng thuyền ngắm hoa thơm cỏ lạ". Nghĩ rồi liền bạch vua, vua liền ra lịnh sắm một chiếc thuyền nhỏ cho phu nhân và các thể nữ du ngoạn, trong chuyến du ngoạn này phu nhân hạ sanh một nam ở trên thuyền, dung mạo đoan nghiêm ai nhìn cũng yêu mến… Khi vua hỏi các thân thuộc nên đặt tên cho bé là gì, trong thân tộc nói: "Hài nhi này sanh trên nước nên đặt tên là Thủy Sanh". Nhà vua giao cho tám bà vú nuôi dưỡng… thái tử dần lớn lên như hoa sen trồi lên khỏi mặt nước. Thái tử trưởng thành liền suy nghĩ: "Ta từ cõi nào đã chết, đã từng tạo nghiệp gì mà đọa vào trong địa ngục Chúng Hợp", liền nhớ lại quá khứ ở trong cõi người đã từng làm thái tử, do tạo nghiệp ác nên bị đọa vào địa ngục, nay trở lại trong cõi người cũng làm thái tử trong cung vua, nếu được lên làm vua tạo nghiệp ác cũng sẽ bị đọa trở lại trong địa ngục. Do biết được túc mạng nên thái tử liền dối lập phương tiện hiện tướng chân tay co quắp, thân không thể đứng dậy được. Vào ngày thái tử Thủy sanh ra đời cũng có năm trăm hài tử của năm trăm vị đại thần ra đời, các đại thần thường dẫn các đồng tử này vào trong cung đến chỗ thái tử và chỗ nhà vua. Nhà vua nhìn thấy các đồng tử này liền suy nghĩ: "Nếu thái tử không bị bịnh tật thì có thể cùng các đồng tử này chơi giỡn vui đùa, nay thái tử tuy bị tật nhưng ta cũng

nên lập lên làm vua". Thái tử nghe biết liền suy nghĩ: "Vua cha vô sự muốn ân bức ta, ta nay nên câm không nói". Thái tử Thủy sanh nay vừa què lại câm nên mọi người không gọi tên Thủy sanh nữa mà gọi là thái tử Câm què. Thấy vậy nhà vua thường ngồi chống tay vào cằm than thở, các quan nhìn thấy hỏi vì sao, vua nói: "Ta tuy làm vua giàu sang phú quý nhưng lại không có người kế thừa, vì thái tử nay vừa què lại câm, làm sao ta không ưu sầu". Các đại thần nghe vua nói vậy liền cho mời danh y đến xem bịnh thái tử, các danh y sau khi xem bịnh đều không thấy thái tử có bịnh trạng gì, các căn đều tốt liền tâu vua: "E thái tử trong lòng có lo sợ điều gì mà không nói". Nhà vua nghe các danh y nói như thế liền lập bày phương tiện muốn cho thái tử đi và nói nên cho gọi tên đao phủ đến dặn riêng: "Trước mọi người ta ra lịnh cho ngươi đem thái tử ra hành quyết, ngươi đưa thái tử đi nhưng không được giết". Tên đao phủ y theo lời nhà vua dặn đặt thái tử lên xe chở ra ngoài thành đến chỗ hành quyết, lúc đó thái tử ngó quanh bốn phía thành thấy sinh hoạt hưng thạnh liền cất tiếng nói rằng: "Trong thành này tuy có người ở mà như hoang vắng không người". Nghe thái tử nói lời này, tên đao phủ liền đem thái tử giao lại cho nhà vua và nói: "Đại vương, thái tử đã nói như vậy". Nhà vua liền bồng thái tử vào lòng nói rằng: "Ai là cừu địch của con, cha sẽ trừng trị ngay; ai là bạn của con, cha sẽ ban ân huệ cho họ". Tuy nhà vua ân cần han hỏi như vậy nhưng thái tử vẫn câm như trước, nhà vua lại ra lịnh đem giết, tên đao phủ chở ra ngoài thành đến chỗ hành quyết như lần trước, trên đường thấy bốn người đẩy một chiếc xe có người chết nằm trên đó, thái tử liền nói: "Người này là chết mà lại chết hay là sống mà chết?". Tên đao phủ nghe rồi liền đem thái tử giao lại cho nhà vua, nhà vua cũng han hỏi như lần trước nhưng thái tử vẫn câm không nói. Nhà vua lại ra lịnh đem giết, trên đường đi đến chỗ hành quyết thấy một đống lúa lớn, thái tử liền nói: "Đống lúa lớn này nếu trước không ăn gốc rễ thì…".Tên đao phủ nghe rồi liền đem thái tử giao lại cho nhà vua, nhà vua han hỏi như trước nhưng thái tử vẫn câm không nói, nhà vua liền bảo đem vào rừng thây chết đào hầm chôn sống, khi đến nơi thấy kẻ đào hầm xong thái tử liền nói kệ:

"Ngự xa, ngươi nghĩ sao,
Ta hỏi nên đáp ngay,
Nơi đây gấp đào hầm,
Mục đích để làm gì?".

Liền đáp:

"Đại vương sanh con một,

Câm lại không đi được,
vậy bảo đào hầm,
Muốn chôn sống đứa con".

Thái tử nghe rồi suy nghĩ: "Tên đao phủ này trong lòng thảm độc tay cầm kiếm bén chỉ muốn giết người, giết người là nghề kiếm sống", nghĩ rồi tâm liền kinh sợ vì nghĩ rằng tên đao phủ này sẽ quăng bỏ mình xuống hầm sâu, nên nói với tên đao phủ: "Nếu phụ vương thận theo ý nguyện của ta, miệng ta sẽ nói và chân ta sẽ đi bộ về thành". Tên đao phủ sanh lòng hy hữu liền phi báo cho nhà vua, vua nói: "Nếu thái tử muốn vương vị ta sẽ trao ngay huống chi là sở cầu khác mà ta không thuận theo ý nguyện hay sao". Vua vui mừng bảo quần thần: "Các khanh tức tốc sửa sang đường sá, rải hương hoa, treo cờ phướn, lọng báu đẹp đẽ". Như kệ nói:

"Quốc chủ nói ra lời,
Hoặc là hàng chư thiện,
Hay các vị chứng định,
Theo ý việc đều thành".

Các quan vâng lịnh vua trang nghiêm đường sa, khắp nơi đều đẹp đẽ. Hay tin trăm ngàn dân chúng đều tụ họp trên các nẻo đường trông ngóng thái tử đi bộ về thành. Lúc đó thái tử Câm què đi bộ về thành đến chỗ nhà vua, kính lễ dưới chân rồi nói kệ:

"Phụ vương nay nên biết, Con không phải câm què, Cũng chẳng phải ngu khờ, Sợ khổ nên như thế,

Con có chân đi được,

Có miệng nói năng được, Sợ vào đường ác khổ, Cho nên làm như thế".

Vua nói: "Này con yêu, nếu sự thật là vậy sao con không nói cũng không đi, con nói sợ là sợ cái gì?". Thái tử nói kệ:

"Xin vua cha lắng nghe,
Con nói duyên cớ này,
Con vào thời quá khứ,
Trải qua sáu mươi năm,
Đã được làm thái tử,
Thọ đủ năm dục lạc,
Do vậy sáu ngàn năm,
Đọa vào ngục Nê lê,
Chịu khổ não vô cùng,
Không thể nào nói hết,

Nghiệp hết mới ra khỏi,
Trở lại được làm người,
Con nhớ việc quá khứ,
Sợ lại đọa địa ngục,
Nên không muốn làm vua,
cho con vào rừng".

Vua nói: "Này con yêu, cha vốn cầu đảo, tu các thắng hạnh, lập các hội thí, cúng dường tiên nhơn mới sanh được con để kế thừa vương vị, sao nay con lại muốn xuất gia". Thái tử nói kệ:

"Con không cầu thọ dục,
Oán tranh do dục sanh,
Nguyện tu chơn phạm hạnh,
Mới hoại được oán địch,
Con không cầu thọ dục,
Dục như là trái độc,
Nguyện tu chơn phạm hạnh,
Thường hưởng vị cam lồ".

Vua nói kệ:

"Điều thế gian ưa thích,
Ngôi vua là hơn hết,
sao ngày nay con,
Bỏ nó cầu lìa tục?".

Thái tử nói kệ:

"Cuối cùng cũng sanh khổ,
Thì không gọi là vui,
Cốt cầu được chơn lạc,
Khổ mới thật không còn,
Xin vua cha cho con,
Bỏ tục vào trong rừng".

Vua nói: "Này con yêu, thân con nay ở lầu các có hương hoa ngào ngạt, có nệm giường êm dịu, ngủ nghỉ được an ổn, có âm thanh sáo trúc để thưởng ngoạn, mặc y phục thượng diệu tùy thời thích nghi, lại ăn những thức ăn ngon lạ tùy tình thọ hưởng. Nếu con xuất gia trụ nơi núi rừng, ngủ trên lá khô, chung quanh có hổ lang sư tử kêu rống kinh hoàng, mặc áo bằng vỏ cây, ăn những củ trái dại, uống nước sông nước suối. Tại sao con lại bỏ nếp sống vinh hoa để sống trong núi rừng hoang dã?". Thái tử nói kệ:

"Thà ở núi rừng, mặc áo thô,
Ở cùng lang hổ, ăn củ trái,
Không làm quốc vương hằng sát phạt,
Đời sau quả thiện cùng trái nhau,
Xin cha cho con ẩn núi rừng,
Ý muốn siêng tu hướng Niết-bàn".

Vua nói: "Này con yêu, con hãy đoạn nghi cho cha trước, con muốn xuất gia không phải là điều khó. Lần thứ nhất khi con thấy nếp sống thịnh vượng trong thành, con nói rằng: Trong thành này có người ở mà như hoang vắng không người. Ý gì mà con lại nói như thế?". Thái tử nói: "Phu vương lắng nghe, khi cha vô sự sai người giết con nhưng lại không có một người nào đúng lý can ngăn: Vì sao Đại vương hạ lịnh giết thái tử. Do duyên cớ này nên con nói như thế". Vua nói: "Câu nói này hay lắm, lần thứ hai khi con thấy khiêng người chết đi, con nói rằng: đây là chết mà lại chết hay là sống mà chết. Ý gì mà con lại nói như thế?". Thái tử nói: "Phụ vương lắng nghe, nếu có người tự làm hạnh ác mà chết, đó là chết mà lại chết; nếu có người tự làm hạnh lành mà chết, đó là sống mà chết. Do ý nghĩa này nên con nói như thế". Vua nói: "Câu này cũng hay lắm, lần thứ ba khi con thấy đống lúa lớn, con nói rằng: đống lúa lớn này nếu trước không ăn gốc rễ thì… Ý gì mà con nói như thế?". Thái tử nói: "Phụ vương lắng nghe, người nông dân kia đến người khác mượn tiền trước để có vốn về làm ruộng. Đến mùa lúa chín gặt thành một đống lúa lớn thì người chủ nợ lại đến lấy hơn phân nữa để trừ nợ. Nếu trước không mượn tiền người khác thì nay còn nguyên một đống lúa lớn. Loài người cũng vậy, do hành thập thiện mới được làm người, nếu lại tạo ác không tu nghiệp thiện, căn lành đời trước liền tiêu hết. Căn lành đã mất thì mất luôn con đường lành, nếu cùng với đường ác trái nhau thì không có mất. Do ý nghĩa này nên con nói như thế". Vua nghe rồi vui mừng nói rằng: "Câu nói này càng hay hơn nữa". Nói rồi liền ôm thái tử nghẹn ngào rơi lệ nói: Nếu ý chí con đã quyết thì con cứ tùy ý tu hành nghiệp thiện, sau này cha cũng sẽ theo con vào trong núi rừng". Nói rồi vua liền hỏi các quan: "Nếu thái tử không xuất gia thì sẽ như thế nào?", các quan đáp: "Thái tử sẽ là quốc vương", vua lại hỏi: "Khi ấy các khanh sẽ như thế nào?", các quan đáp: "Chúng tôi sẽ là tùy tùng", vua lại hỏi: "Nay thái tử đã xuất gia sao các khanh không cho các con theo tùy tùng?", các quan đồng tâu: "Xin tuân lịnh đại vương, chúng tôi sẽ bảo các con xuất gia theo thái tử".

Cách thành không xa có một tĩnh xứ, nơi đó có một tiên nhơn tu chứng năm thông, bẩm tánh từ bi thương xót tất cả nên thái tử cùng năm

trăm tùy tùng đến chỗ tiên nhơn cầu xuất gia. Sau khi cho thái tử và năm trăm tùy tùng xuất gia, vị tiên nhơn liền giảng dạy pháp yếu, không bao lâu sau thái tử chứng được năm thông. Sau đó tiên nhơn qua đời, thái tử như pháp làm lễ hỏa táng, bắt đều từ đó thái tử đích thân giáo huấn năm trăm người tùy tùng. Tuy thái tử được gọi là "Toại Ẩn" nhưng danh hiệu "Đại sư Câm què" lại nổi danh hơn. Lúc đó Đại sư Câm què suy nghĩ: "Tại sao năm trăm đệ tử này không chứng được năm thông, há chẳng phải do họ chứa nhiều áo da nai… với nhiều vật dụng và rau trái hoa quả để tự cung phụng mình, khiến cho cơ thể thường lao nhọc nên không chứng được năm thông, Nếu ta quở trách họ thì tâm họ không do đâu được khai giải, ta nay nên dạy họ pháp thức tu Bồ-đề-tát-đỏa vô thượng để khéo léo hóa độ họ". Nghĩ rồi Đại sư liền bảo các Ma-nạp-bạc-ca: "Nay ta muốn trong ba tháng Hạ này trụ trong im lặng, đừng cho một người nào tự tiện đến gặp ta, trừ người mang thức ăn tới và vào ngày thứ mười bốn trưởng tịnh trong tháng". Các đệ tử vâng lời Đại sư dạy liền cùng lập chế: Trong ba tháng không một người nào tự tiện đến gặp Đại sư, trừ người mang thức ăn tới và vào ngày trưởng tịnh, nếu vị nào trái chế sẽ phải thuyết hối tội Ba-dật-đề-ca. Tuy Đại sư trụ im lặng ở trong trú xứ này nhưng khi thấy một con chim bay liền nói: "Thiện lai, phi điểu, ta với ngươi việc ra làm giống nhau. Ngươi tìm thức ăn chỉ đủ no bụng sanh niệm tri túc; Ta thọ vạt thực cũng chỉ để no lòng khởi tâm biết đủ". Khi thấy một con nai liền nói: "Lành thay, nai rừng đến đây, ta với người việc ra làm giống nhau… như trên". Các đệ tử nghe Đại sư nói chuyện với chim, nai đều suy nghĩ: "Há chẳng phải Đại sư đã bỏ cấm chế trụ trong im lặng hay sao?". Nghĩ rồi liền cùng nhau đi đến chỗ Đại sư kính lễ rồi ngồi một bên, nhưng Đại sư vẫn im lặng không nói. Các đệ tử suy nghĩ: "Há chẳng phải Đại sư chỉ nói chuyện với bàng sanh chứ không nói chuyện với người", nghĩ như thế rồi liền bỏ đi. Thời gian sau bổng có người con của Bà-la-môn tên là Năng Thí đến trú xứ này, Đại sư từ xa trông thấy gọi: "Thiện lai Năng Thí, ta với ngươi việc ra làm giống nhau. Ngươi chỉ thọ trì một chiếc áo da nai, một vật dụng cần dùng, Ta cũng vậy. Ngươi tìm thức ăn chỉ cần no bụng sanh niệm tri túc, ta thọ vật thực cũng chỉ để no lòng khởi niệm biết đủ. Không giống những người khác ở đây chứa nhiều áo, các tạp vật và rau trái, tìm cầu nhọc mệt". Các đệ tử nghe Đại sư nói lời này đều suy nghĩ: "Nay Đại sư khen ngợi thiểu dục, chê bai đa cầu. Xét ý thú này là do thấy chúng ta tham chứa để tìm cầu nên loại bỏ chúng ta. Chúng ta nên quán áo da nai, các tạp vật… như bịnh tật, như tên độc, như ung nhọt nên quăng bỏ xuống sông. Chúng ta từ nay chỉ nên mặc một áo da nai và tạp vật mỗi thứ chỉ một cái mà thôi". Nghĩ rồi liền

quăng bỏ các vật dư xuống sông, chỉ còn mỗi thứ một cái tùy thân rồi cùng đến chỗ Đại sư, Đại sư liền quán căn cơ mà nói pháp khiến cho tất cả năm trăm người đều chứng được năm thông.

Lúc đó Thế Tôn bảo các Bí-sô: Này các Bí-sô, Đại sư Câm què chứng được năm thông thuở ấy chính là thân ta, ta đem hạnh Bồ tát giáo hóa hữu tình. Năm trăm đệ tử thuở ấy chính là năm trăm Bí-sô Thích tử; Năng Thí thuở ấy chính là Tiểu Quân. Xưa kia ta do năng Thí mà khiến cho năm trăm đệ tử xa lìa đa tham, tu hạnh thiểu dục và chứng được năm thông. Nay ta cũng do Tiểu Quân mà khiến cho năm trăm Bí-sô Thích tử buông bỏ đa cầu, hành hạnh tri túc, được đầy đủ sáu thông, chứng quả A-la-hán, cứu cánh an trụ trong thành tịch diệt. Các thầy nên biết, tạo nghiệp thuần đen thì được quả Dị thục thuần đen, tạo nghiệp thuần trắng thì được quả Dị thục thuần trắng, tạo nghiệp tạp thì được quả Dị thục tạp. Vì vậy các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp tạp, nên siêng năng tu nghiệp thuần trắng. Quán nhân duyên này các thầy nên tu học". Đây là duyên khởi nhưng Thế Tôn chưa chế học xứ cho các Bí-sô.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật chưa cấm Bí-sô ni trụ nơi A-lan-nhã, cho nên chư ni thường đến trong rừng vắng tu tập tĩnh lự thọ lạc trong thắng định. Lúc đó Bí-sô ni Liên-hoa-sắc cùng năm trăm đồ chúng đi đến trong rừng tối ngồi bán già nhập Diệt tận định dưới một gốc cây. Đến xế chiều các ni muốn trở về trú xứ trong thành Thất-la-phiệt, một vị ni nói: "Chúng ta nên gọi Thánh giả Liên-hoa-sắc xuất định để cùng đi", ni khác nói: "Thánh giả có đại oai thần, nếu cần có thể trở về trú xứ trước chúng ta". Do vậy các ni lặng lẽ trở về thành Thất-la-phiệt, đến chiều tối Liên-hoa-sắc mới xuất định, nhìn khắp thấy không có ai, biết là chư ni đã trở về trước bèn suy nghĩ: "Ta nên vào thành hay ở lại đây", nghĩ rồi quyết định ở lại nên liền nhập định.

Đêm đến có đám giặc năm trăm người sau khi trộm cướp xong đến trong rừng này cùng nhau bàn bạc là phân nữa ở đây chia tài vật đã cướp được, còn phân nữa đi canh phòng. Nhóm đi canh phòng phát hiện ra Thánh giả đang nhập định không biết là người hay là gốc cây, trong nhóm có một vị tu hoàn tục nói: "Đây là Bí-sô ni". Đám giặc nghe rồi liền khởi niệm: "Trong rừng tối này là nơi đáng sợ mà Bí-sô ni lại ngồi nhập định ở đây, thật là hy hữu". Khi trở về chỗ chúa giặc, chúa giặc hỏi: "Các vị đi canh phòng có thấy điều gì lạ không?", đáp: "Có, trong rừng tối đáng sợ này lại có một Bí-sô ni ngồi nhập định". Chúa giặc nghe rồi liền cùng đám giặc đi đến đó xem, đến nơi thấy một Bí-sô ni dung mạo đoan nghiêm, oai nghi

tịch định, vừa nhìn liền sanh kính tín. Chúa giặc liền khen ngợi: "Trong rừng này có hai điều khả ái: Một là ánh trăng đẹp, hai là dung mạo khả ái của Bí-sô ni". Chúa giặc bảo đánh thức cô để chúa giặc cúng dường nhưng vị tu hoàn tục ở trong đám giặc nói: "Bí-sô ni không ăn phi thời", chúa giặc liền khen ngợi: "Trong rừng này có hai điều khả ái: Một là dung mạo đoan nghiêm, hai là không ăn phi thời". Chúa giặc lại muốn mời uống rượu, vị tu hoàn tục liền nói: "Bí-sô ni không uống rượu", chúa giặc liền khen ngợi: "Trong rừng này có hai điều khả ái: Một là dung mạo đoan nghiêm, hai là không uống rượu". Chúa giặc lại nói: "Nay ta may mắn gặp được thượng phước điền mà lại không dâng cúng gì được", nói rồi liền lấy tấm bạch điệp quý giá gói thức ăn thượng diệu treo lên cây nói rằng: "Nếu đúng như nghi dung tịch định của Thánh giả thì không việc gì là không hay, không việc gì là không biết. Nay tôi treo y thực trên cây này, mong Thánh giả từ bi thọ dụng", Chúa giặc nói xong liền cùng đám giặc bỏ đi.

Qua sáng mai Liên-hoa-sắc xuất định thấy chung quanh có nhiều dấu chân người liền nhập định quán, biết là dấu chân của năm trăm giặc cướp đến đây rồi đi, nhìn lên trên cây thấy có y thực biết là do tâm tịnh kính tín của giặc cướp mà được, cô nghĩ: "Nếu ta đợi có người đến trao thức ăn thì sợ có cầm thú đến làm hoại vật tịnh thí này, ta nên đem thức ăn này hiến cúng cho tăng già. Như Phật đã dạy, nếu đối với ni là ác xúc thì đối với tăng là tịnh, ngược lại nếu đối với tăng là ác xúc thì đối với ni là tịnh". Nghĩ rồi cô liền mang thức ăn này đến trong rừng Thệ-đa, lúc đó Ô-ba-nan-đà đang đi kinh hành ở trước cửa ngỏ, thấy Bí-sô ni đi đến liền hỏi: "Đại muội, trời chưa sáng cửa thành đã mở rồi sao?", đáp: "Đại đức, chẳng phải tôi từ trong thành đến mà từ trong rừng Tối đến", Ô-ba-nan-đà nói: "Đại muội, ban ngày tôi vào trong rừng ấy còn thấy sợ, lông tóc dựng đứng, tại sao Đại muội lại ở lại đêm trong rừng ấy?". Liên-hoa-sắc liền kể lại sự việc đêm qua rồi nói: "Đây là y thực của đám giặc để lại cho với lòng tịnh tín", Ô-ba-nan-đà nói: "Đại muội, do oai nghi tịch định của cô mà đám giặc sanh kính ái cúng cho vật thực này. Tôi nếu có tấm bạch điệp tốt này để may y Tăng-già-chi hai lớp, trụ trong thiểu dục, tu các phẩm thiện thì tốt quá". Liên-hoa-sắc liền hỏi: "Đại đức cần tấm bạch điệp này không?", đáp: "Nếu cô có dư thì tùy tình xử phân". Liên-hoa-sắc nói: "Đại đức đợi tôi mang thức ăn này dâng cúng cho Tăng, khi trở lại sẽ cúng bạch điệp này cho đại đức". Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu các Hắc-bát khác trông thấy tấm bạch điệp này chắc chắn sẽ xin thì ta không do đâu được", nghĩ rồi liền nói: "Cô hãy đứng ở đây, tôi kêu người ra lấy thức ăn đem vào", nói rồi liền vào bên trong, thấy có một người đứng rỗi rãi liền bảo ra cửa

nhận lấy thức ăn mang vào. Vị này ra nhận lấy thức ăn, Liên-hoa-sắc dâng thức ăn rồi liền giũ sạch tấm bạch điệp đưa cho Ô-ba-nan-đà. Được y Ô Ba-nan-đà liền chú nguyện: "Nguyện cho người cúng y này tâm như anh lạc, tâm tư trợ, định huệ trang nghiêm, đắc đạo nhơn thiên, tùy tình thọ dụng y phục thắng diệu, cuối cùng đến Niết-bàn an ổn vô thượng", chú nguyện rồi bỏ đi.

Sau đó Liên-hoa-sắc đến đảnh lễ Thế Tôn, Thế Tôn thấy năm y của Bí-sô ni cũ rách liền hỏi A-nan-đà: "Chúng Bí-sô ni khi an cư lợi dưỡng có đầy đủ không?", đáp: "Thế Tôn, chúng ni an cư lợi dưỡng đầy đủ", Thế Tôn hỏi: "Nếu thế thì tại sao năm y của Liên-hoa-sắc đều cũ rách?", đáp: "Thế Tôn, Bí-sô ni này lòng tin vững chắc, ý thích thuần thiện, vật đã có được đều hoan hỉ hiến cúng Tam bảo, người đến xin đều không làm cho nghịch ý. Vừa rồi cô được một tấm bạch điệp quý giá đã cúng cho đại đức Ô-ba-nan-đà". Thế Tôn hỏi: "Bí-sô ấy đối với ni không phải thân tộc này có lấy y không?", đáp có lấy. Phật bảo A-nan-đà: "Nếu là Bí-sô không phải thân tộc thì sẽ không nghĩ đến Bí-sô ni này có đủ năm y không, tùy lúc nào cho thảy đều nhận lấy; ngược lại nếu là Bí-sô thân tộc sẽ không như vậy, thấy họ thiếu thốn sẽ không chịu nhận". Phật lại bảo A-nan-đà: "Trong số y dư cất ở trong kho hãy lấy năm y đưa cho Bí-sô ni Liên-hoa-sắc". A-nan-đà vâng lời Phật dạy vào trong kho lấy năm y đưa cho Liên-hoa-sắc. Lúc đó Phật do nhân duyên này nhóm các Bí-sô… đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô xin y từ Bí-sô ni không phải thân tộc, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đế-ca".

Thế Tôn chế học xứ này cho các Bí-sô rồi sau đó ở trong thành Thất-la-phiệt có một trưởng giả giàu có, thọ dụng đầy đủ, gia sản nhiều như Tỳ sa môn thiên vương. Trưởng giả cưới một người con gái trong dòng tộc làm vợ, trải qua thời gian lâu mà vẫn không có con nên trong lòng ưu sầu suy nghĩ: "Ta tuy giàu có nhưng không có con nối dòng, sau khi ta chết nhà vua sẽ lấy cớ không con để tịch thu gia sản này. Tư lương đời sau ta cũng chưa tu tập". Người vợ thấy chồng ưu sầu liền hỏi nguyên do, trưởng giả liền nói ý nghĩ của mình cho vợ nghe, người vợ nghe rồi liền hỏi: "Tu tập tư lương đời sau như thế nào?", đáp: "Cúng dường thức ăn thịnh soạn rồi cúng cho Phật và tăng mỗi vị một cặp bạch điệp thượng hảo, đó là tu tập tư lương đời sau". Người vợ nghe rồi liền bảo người chồng làm ngay, người chồng liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật thuyết diệu pháp cho trưởng giả, chỉ dạy được lợi hỉ rồi im lặng. Trưởng giả liền đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế Tôn, con thỉnh Phật và chúng tăng sang mai đến nhà con thọ thực, xin thương xót", Thế Tôn im lặng nhận lời, trưởng giả biết

Thế Tôn đã thương xót nhận lời liền kính lễ rồi ra. Trở về nhà trong đêm đó trưởng giả sửa soạn đầy đủ các món ăn thượng diệu, đến sáng sớm lo trải tòa ngồi và nước rồi sai người đến thỉnh Phật và Tăng, Phật liền chấp trì y bát cùng các Bí-sô tới nhà thí chủ. Tới chỗ trưởng giả thiết thực Phật và Tăng theo thứ tự an tọa, thấy Phật và tăng như pháp ngồi rồi, trưởng giả liền tự tay dâng các món ăn thượng diệu cúng dường đầy đủ, sau đó dâng cúng mỗi vị một cặp bạch điệp thượng hạng rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết pháp. Phật tùy theo căn tánh nói diệu pháp, chỉ dạy được lợi hỉ rồi chú nguyện cho thí chủ, sau đó trưởng giả tiễn đưa Phật và tăng ra về, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, đảnh lễ Phật rồi vào nhà. Trưởng giả tu niệm xả thí rồi vui mừng nói với vợ: "Hiền thủ nên vui mừng vì tôi đã làm xả thí tư lương cho đời sau", người vợ nói: "Tuy anh đã làm rồi, nhưng em chưa làm", trưởng giả nói: "Việc tu phước thí này há chẳng phải em có chung hay sao?", người vợ nói: "Tuy biết có chung nhưng em vẫn muốn thỉnh Đại thế chủ và các Bí-sô ni đến nhà thọ thực và cúng cho mỗi vị một cặp bạch điệp thượng hạng. Đây mới chính là tư lương đời sau của em", trưởng giả khen: "Hay lắm, tùy ý em muốn". Người vợ của Trưởng giả liền đến chỗ Đại thế chủ đảnh lễ rồi ngồi một bên, sau khi nghe diệu pháp rồi liền bạch: "Thánh giả, con xin thỉnh Thánh giả và các Bí-sô ni sáng mai đến nhà con thọ thực, xin thương xót", … giống như đoạn văn trên, cho đến đoạn vợ Trưởng giả đem chiếc rương lớn ra, trong đó đựng đầy bạch điệp. Đại thế chủ nhìn thấy liền suy nghĩ: "Thế Tôn chế giới không cho Bí-sô ni thọ nhận y phục thượng diệu, nay nếu ta thọ thì trái với học xứ, nếu không thọ thì trở ngại thí chủ tu phước, các Bí-sô ni cũng mất lợi dưỡng", lúc đó các Bí-sô ni cũng suy nghĩ: "Nếu Đại thế chủ nhận bạch điệp này thì tốt quá". Đại thế chủ biết được tâm niệm của ni chúng liền suy nghĩ: "Thế Tôn nên nhân việc này cho ni thọ y tốt". Nghĩ rồi Đại thế chủ liền cho chư ni thọ y rồi chú nguyện cho vợ Trưởng giả, khi trở về Đại thế chủ liền đến chỗ Thế Tôn đem việc trên bạch Phật, Phật bảo Đại thế chủ: "Lành thay, Như lai chưa cho mà bà đã biết thời, từ nay về sau cho phép Bí-sô ni thọ y quý giá, có thể trao đổi với các Bí-sô". Đại thế chủ nghe Phật dạy rồi đảnh lễ cáo lui, trở về trú xứ nói cho chư ni biết, các Bí-sô ni liền mang y đến trong rừng Thệ-đa đổi với các Bí-sô. Có chúng mười hai Bí-sô ni đem y quý giá này đến chỗ lục chúng muốn đổi lấy y thô, lục chúng nói: "Các cô cúng cho tôi, tôi còn chưa nhận huống chi là trao đổi". Lại có Bí-sô ni mang y tốt này đến chỗ Bí-sô già muốn đổi lấy y thô, Bí-sô già nói: "Hãy đợi một chút chờ tôi bạch Phật", nói rồi liền đến bạch Phật, Phật nói: "Ta cấm Bí-sô lấy y từ Bí-sô ni trừ đổi chác". Lúc đó Thế Tôn khen ngợi trì giới, thiểu dục tri túc

rồi bảo các Bí-sô: Trước là sáng chế nay là tùy khai, nên nói như sau: "Nếu lại có Bí-sô thọ nhận y từ Bí-sô ni không phải là thân tộc phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca, trừ đổi chác".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà.… Trừ đổi chác là đổi cho nhau thì không phạm.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô đối với Bí-sô ni không phải là thân tộc, khởi tưởng không phải là thân tộc hoặc nghi mà nhận lấy y từ họ thì phạm tội Xả đọa.

Nếu Bí-sô đối với ni thuộc thân tộc, khởi tưởng không phải là thân tộc hoặc nghi thì phạm Ác-tác.

Không phạm là nếu Bí-sô ni đem y cúng cho Tăng, hoặc vì nghe thuyết pháp mà cúng hoặc vì thọ Viên cụ mà cúng hoặc thấy bị giặc cướp nên cúng, hoặc do mua mà có, hoặc do trao đổi mà được, tất cả đều không phạm.

Nếu Bí-sô ni quen biết nhiều người được cúng nhiều lợi dưỡng, đem y vật này đến chỗ Bí-sô để xuống đất nói rằng: "Thánh giả, những tài vật mà tôi có được này, xin Thánh giả thương xót thọ nhận", nói rồi để đó bỏ đi, Bí-sô nhận lấy cũng không phạm. Lại nữa không phạm là người phạm giới ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn, bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Sáu: ***XIN Y TỪ CƯ SĨ KHÔNG PHẢI LÀ THÂN TỘC***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả trong thành này cưới vợ chưa bao lâu lại nói với vợ rằng: "Hiền thủ, nay tôi muốn mang hàng hóa đến phương khác buôn bán để bảo tồn gia nghiệp", người vợ nói: "Lúc còn trẻ nên thọ dục lạc, đến khi già yếu hãy cầu tài lợi", người chồng nói: "Hiền thủ, lúc tuổi còn trẻ có thể nhẫn chịu được gian khổ lạnh nóng đói khát trong khi cầu tài lợi; đến khi già yếu mới an hưởng thọ dụng", người vợ nghe rồi liền nói: "Anh cứ tùy ý doanh cầu". Nói rồi liền lo liệu những thứ cần dùng đi đường, người chồng cũng để lại một số tiền để chu cấp mọi thứ cho vợ sau đó sai người mang hàng hóa lên đường đến xứ khác doanh cầu. Người vợ ở nhà suy nghĩ: "Chồng ta vất vả đến phương khác doanh cầu, nhẫn chịu gian khổ cũng vì ta. Ta nay không nên ngồi yên một chỗ chờ đợi", nghĩ rồi liền ra chợ mua Kiếp bối mang về dệt thành một bức diệu điệp, ướp bằng các loại hương thơm rồi cất vào trong cái trắp. Thời gian sau Trưởng giả buôn bán được tài lợi liền trở về, người vợ lấy nước nóng hòa với hương thơm cho

chồng tắm rửa rồi lấy diệu điệp có ướp hương thơm từ trong trắp ra đưa cho chồng mặc. Trưởng giả nhìn thấy diệu điệp này liền suy nghĩ: "Số tiền mà ta để lại nhà không đủ mua được chiếc áo này", nghĩ rồi liền hỏi vợ: "Hiền thủ, thượng y này từ đâu em có được?", người vợ nói: "Anh cứ mặc đi đừng có hỏi", người chồng mặc áo xong lại hỏi: "Áo đẹp này từ đâu em có được", người vợ nói: "Anh hãy ăn cơm trước đã", người chồng ăn xong lại hỏi như trước, người vợ liền kể lại việc làm của mình cho chồng nghe, người chồng nghe rồi khen rằng: "Hay thay Hiền thủ, anh là người cầu tài, còn em là người khéo giữ gìn gia nghiệp. Cứ như thế này không bao lâu tư tài trong nhà sẽ dư dã", người vợ nói: "Chiếc áo đẹp này là do em vất vả làm ra, anh hãy giữ lấy mặc, đừng có cho ai", người chồng nói: "Anh hứa". Sau đó trưởng giả với tâm thuần thiện đi đến trong rừng Thệ-đa kính lễ Thế Tôn, khi từ trong thành đi ra người giữ cửa thành trông thấy liền suy nghĩ: "Nhìn chiếc áo Trưởng giả đang mặc đủ biết ông đã được nhiều tài lợi". Lúc đó lục chúng đang đứng ở trước cửa ngỏ ở rừng Thệ-đa, Ô-ba-nan-đà từ xa trông thấy Trưởng giả đi đến liền suy nghĩ: "Nhìn chiếc áo Trưởng giả đang mặc đủ biết ông ta đã cầu tài lợi được như ý. Nếu ta không xin được chiếc áo này thì ta không còn gọi là Ô-ba-nan-đà nữa". Nghĩ rồi liền bước tới nói: "Thiện lai trưởng giả, ông đã đi đâu, lâu rồi mới thấy đến?", Trưởng giả nói: Thánh giả, tôi đến phương khác cầu tài lợi nay mới vừa trở về nên đến đảnh lễ Thế Tôn", Ô-ba-nan-đà hỏi: "Có được nhiều tài lợi không?", đáp: "Nhiều ít không chừng đỗi, miễn sao đừng trở về tay không là được". Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi đã đoán biết trước, khi thấy nước trong ao chảy ra liền biết nước ao lắng sâu; mắt nhìn thấy áo đẹp liền biết Trưởng giả được nhiều tài lợi. Nhưng Trưởng giả gần đây có tâm tham doanh cầu không dứt nên chưa hề tu tạo tư lương dành cho đời sau. Trưởng giả hãy đến đây, tôi sẽ nói pháp cho ông nghe". Trưởng giả liền ngồi một bên nghe thuyết pháp, Ô-ba-nan-đà khi thuyết pháp, nếu nói về nhân duyên trì giới thì người nghe pháp liền cho rằng tự thân sanh lên cõi trời; nếu nói về nhân duyên bố thí thì người nghe pháp có thể tự cắt thịt mình để phụng thí; nếu nói về nhân duyên nghiệp tội thì người nghe pháp liền cho rằng tự thân bị đọa vào đường ác. Lúc đó Ô-ba-nan-đà nói pháp thí tương ưng, trưởng giả nghe rồi sanh tâm tín kính nói: "Thánh giả, tôi may mắn được nghe diệu pháp như thế, hiện tôi có một cặp bạch điệp sẽ đem cúng cho Thánh giả". Ô-ba-nan-đà liền chú nguyện cho Trưởng giả rồi theo xin y, Trưởng giả nói: "Y hiện để ở nhà, sáng mai tôi sẽ mang đến cho Thánh giả", Ô-ba-nan-đà nói: "Hiền thủ, như Thế Tôn có dạy:

"Tu phước nên làm ngay, Đâu biết ngày mai còn, Cuối cùng cùng

thần chết, Nhất định sẽ gặp nhau".

Chiếc áo mà Trưởng giả đang mặc là bạch điệp tốt nhất nên thí cho tôi, tôi sẽ cắt rọc làm Tăng-già-chi hai lớp, trụ trong thiểu dục tu các phẩm thiện, phước thường giúp ông". Trưởng giả nói: "Chẳng phải tôi tiếc chiếc áo, chỉ vì vợ tôi trước có căn dặn: "Chiếc áo này em vất vả làm cho anh mặc, đừng có cho ai'". Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi từng nghe Trưởng giả hiền thiện tịnh tín, là bậc đại trương phu. Nào ngờ Trưởng giả lại nghe lời vợ", nói rồi Ô-ba-nan-đà đến trước Trưởng giả kéo tuột lấy lớp áo khoát ngoài, cầm xem rồi tỏ vẻ thất vọng, Trưởng giả duyên cớ vì sao, Ô-ba-nan-đà nói: "Ông có phước dâng cúng mà không có phước thọ dụng, cái giá mắc áo bị hủy thì không còn dùng để mắc áo nữa. Nếu tôi được luôn cả lớp áo trong của ông thì mới đủ may y Tăng-già-chi, lúc đó phước của ông mới viên mãn". Trưởng giả nói: "Tôi đâu thể lộ hình trở về được", Ô-ba-nan-đà nói: "Cần gì hình dung bên ngoài, chỉ lấy tánh bỏn xẻn hổ thẹn làm áo. Người không biết hổ thẹn dù mặc xiêm y cũng không khác kẻ trần truồng, Trưởng giả không có mặc áo lót sao?", đáp có, Ô-ba-nan-đà nói: "Có thì được rồi, nay trưởng giả bình đẳng với kẻ chăn bò, mình mặc áo lót, tay cầm chiếc roi làm kẻ chăn bò theo sau đàn bò vào thành, mọi người có thấy cũng không cho là kỳ quái". Nói rồi kéo tuột lấy chiếc áo trong, trưởng giả chỉ còn mặc một chiếc áo lót trên người, Ô-ba-nan-đà trao cho Trưởng giả chiếc roi, Trưởng giả đành phải theo sau đàn bò vào thành. Người giữ cửa nhìn thấy liền hỏi: "Trưởng giả khi ra thành mặc áo bạch điệp tốt, sao nay lại lộ thể trở về, phải chăng là đã gặp cướp?", trưởng giả nói: "Tôi không gặp cướp, tôi chỉ bị Thánh giả Ô-ba-nan-đà sau khi nói pháp cho tôi nghe liền cưỡng đoạt lấy áo của tôi". Người giữ cửa nghe rồi liên chê bai mắng nhiếc, vừa lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc cùng năm trăm tùy tùng trên đường đi đến chỗ Phật, khi đi đến cửa thành người giữ cửa liền nói: "Trưởng giả tuy có đoàn tùy tùng nhưng cũng phải để ý kẻo bị cướp", trưởng giả nói: "Không lẽ trên đường đi đến vườn Cấp lại có cướp sao?", người giữ cửa nói: "Trên đường đi không có cướp nhưng trong vườn Cấp lại có", trưởng giả nói: "Này nam tử, bản tánh ác của ngươi như lông dê đen không thể hối cải. Con đường này Phật và chúng Tăng thường đi lại tuy đã nhiều năm tháng trôi qua, nhưng ngươi vẫn không đổi thành trắng được". Người giữ cửa nói: "Trưởng giả, Thế Tôn và chúng Tăng đi qua tôi còn đảnh lễ không dám bất kính, nhưng mới đây có một trưởng giả mặc chiếc áo thượng hảo đi vào trong vườn Cấp, Ô-ba-nan-đà sau khi nói pháp cho trưởng giả nghe rồi liền cưỡng đoạt lấy chiếc áo ấy, khiến trưởng giả chỉ còn mặc áo lót trên người phải đi theo sau đàn bò vào thành, vừa đi vừa chê trách, mọi người

đều nghe biết". Trưởng giả Cấp-cô-độc nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta nên đem việc này bạch Phật", nghĩ rồi liền vào trong vườn Cấp, lúc đó Ô-ba-nan-đà nhìn thấy liền nói thiện lai, trưởng giả nói: "Tôi không thiện lai", Ô-ba-nan-đà nói: "Ông vừa rồi có khói, giờ đã bốc thành lửa", trưởng giả nói: "Làm sao tôi không bốc thành lửa cho được, những người xuất gia khác đều muốn xả tham, chỉ riêng có đại đức là lòng tham tăng trưởng", Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi đã làm gì mà ông nói thế", trưởng giả nói: "Chẳng phải hôm qua có người đến gặp Phật, Đại đức sau khi nói pháp cho họ nghe liền cưỡng đoạt áo của họ, khiến họ chỉ còn chiếc áo lót trên người phải theo sau đàn bò vào thành hay sao?", Ô-ba-nan-đà nói: "Người đời thường nói: Chư thiên ưa thí ngạ quỷ liền ngăn", trưởng giả nói: "Đâu thể người kia lại trút hết nước trong bình vàng đem thí cho Đại đức", Ô-ba-nan-đà nói: "Ông chớ nhiều lời, nếu không nhẫn chịu được thì cứ bạch Thế Tôn chế giới", trưởng giả nói: "Tôi không bỏ qua việc này, Đại đức cứ đợi đấy". Trưởng giả nói rồi liền đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế Tôn, trong Thánh chúng này có người xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc, cúi xin Thế Tôn làm ức niệm chớ để cho xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc". Thế Tôn nghe rồi liền im lặng nhận lời, Trưởng giả biết Thế Tôn nhận lời liền đảnh lễ rồi cáo lui. Trưởng giả đi rồi, Thế Tôn do nhân duyên này tập họp các Bí-sô… hỏi Ô-ba-nan-đà: "Thầy thật đã xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc phải không?", đáp: "Thật đã xin thưa Thế Tôn". Thế Tôn dùng đủ lời quở trách Ô-ba-nan-đà rồi bảo các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Thế Tôn chế học xứ này cho các Bí-sô rồi, sau đó có bốn mươi Bí-sô du hành trong nhân gian gặp giặc cướp đoạt hết y phục nên cùng bàn bạc với nhau: "Thế Tôn đã chế giới không cho xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc. Chúng ta không có bà con ở đây không thể xin y được, đành phải trở lại thành Thất-la-phiệt nhờ các đồng phạm hạnh giúp đỡ", một người nói: "Chúng ta lộ hình làm sao đi được?". Sau khi bàn bạc tất cả đều nhất trí ban đêm đi, ban ngày ẩn mình, cứ như thế họ dần dần đi đến thành Thất-la-phiệt tới cửa chùa vào ban đêm. Các Bí-sô nơi đây đầu đêm sau đêm tỉnh giác tư duy, khi nghe tiếng gõ cửa nhìn ra trông thấy đoàn người lộ hình liền nói vọng ra: "Này các ngoại đạo lộ hình, đây không phải là trú xứ của các vị", đoàn người lộ hình liền đáp: "Cụ thọ, chúng tôi không phải là ngoại đạo", liền hỏi: "Vậy các vị là ai?", đáp: "Chúng tôi là Bí-sô", liền nói: "Bí-sô đâu có như vậy", đáp: "Chúng tôi bị giặc cướp đoạt

hết y phục", liền hỏi: "Các vị tên gì?", đáp: "Chúng tôi gồm có bốn mươi Bí-sô khất thực tên là…". Các Bí-sô trong chùa nghe nói rồi liền mở cửa cho vào nói rằng: "thiện lai các cụ thọ". Các Bí-sô trong chùa cùng lấy y vật ra cứu giúp, người cho Tăng-già-chi, người cho Ốt-đát-la-tăng-già, người cho An-đát-bà-ta… Sáng hôm sau các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "do nhân duyên này nên thêm câu: Trừ thời khác". Thời khác là Bí-sô bị đoạt y, bị mất y, bị cháy y, bị nước cuốn trôi y, bị gió thổi bay mất y. Lúc đó Thế tôn khen ngợi trì giới… rồi bảo các Bí-sô: Trước là sáng chế nay thêm tùy khai, học xứ này nên nói như sau: "Nếu lại có Bí-sô xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca, trừ thời khác".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Xin là theo người cầu xin. Cướp là bị giặc cướp lấy. Mất là tự làm mất. Cháy là bị lửa cháy.

Gió thổi là bị gió thổi bay mất. Trôi là bị nước cuốn trôi. Có các nạn duyên kể trên xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc đều không phạm. Nếu khác với những nạn duyên này thì khi được y liền phạm Xả đọa. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Sự việc có ba loại: giá y, sắc y và lượng y.

Về giá y: Nếu Bí-sô không gặp nạn duyên mà đến Cư sĩ không phải thân tộc xin giá tiền y bằng một Ca-lợi-sa-ba-noa (trong giới Không cho mà lấy có giải thích) và được vào tay giá y bằng một Ca-lợi-sa-ba-noa thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả đọa. Như vậy cho đến giá tiền y bằng năm mươi Ca-lợi-sa-ba-noa, tùy xin tùy được kết tội nặng nhẹ chuẩn theo đó mà biết. Nếu Bí-sô đến Cư sĩ không phải thân tộc xin giá y bằng một Ca-lợi-sa-ba-noa, nhưng lại được giá y bằng hai Ca-lợi-sa-ba-noa thì khi xin phạm Ác-tác, khi được không phạm. Như vậy cho đến giá tiền y bằng năm mươi Ca-lợi-sa-ba-noa, xin ít nhưng được nhiều phạm và không phạm chuẩn theo đó mà biết.

Về sắc y: Nếu Bí-sô đến cư sĩ không phải thân tộc xin y màu xanh và được y màu xanh thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả đọa. Cho đến các màu khác như vàng đỏ trắng… y dày y mỏng… chuẩn theo đó mà biết. Nếu Bí-sô xin y màu xanh lại được y màu vàng thì khi xin phạm Ác-tác, khi được không phạm. Cho đến các màu sắc khác và dày mỏng hy vọng đối nhau cũng chuẩn theo đó mà biết.

Về lượng y: Nếu Bí-sô đến cư sĩ không phải thân tộc xin y bằng năm khuỷu tay và được y bằng năm khuỷu tay thì khi xin phạm Ác tác, khi được phạm Xả đọa. Cho đến xin y bằng năm mươi khuỷu tay hoặc xin y bằng

năm khuỷu tay lại được y mười cho đến năm mươi khuỷu tay chuẩn theo đó mà biết. Nếu xin chỉ tơ lại được một miếng nhỏ, xin một miếng nhỏ lại được y dài rộng đều không phạm. Trường hợp không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 20

Học Xứ Thứ Bảy: ***XIN Y QUÁ LƯỢNG***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-ba-nan-đà suy nghĩ: "Những chỗ doanh cầu đã có của chúng ta đều bị trưởng giả Cấp-cô-độc khải thỉnh Thế Tôn chế giới, chúng ta muốn xin chiếc khăn nhỏ còn không được huống là cái lớn. Nhưng Thế Tôn có biệt khai cho Bí-sô thiểu dục thiểu y phục được xin, chúng ta phải tìm người thiểu dục để dựa nhờ vào họ, có thể nhờ họ mà chúng ta kiếm được chút ít". Nghĩ rồi Lục chúng liền đi khắp nơi tìm người thiểu dục nhưng chưa tìm được, một người trong Lục chúng nói: "Nơi A-lan-nhã hiện có bốn mươi Bí-sô thiểu dục ở". Lục chúng liền đi đến A-lan-nhã thấy có bốn mươi Bí-sô đang vất vả khâu vá lại y rách của mình, Ô-ba-nan-đà nói với các Bí-sô: "này các cụ thọ, điều tôi nghe với điều tôi thấy không giống nhau. Tôi cho rằng các vị ở trong A-lan-nhã thọ thắng lạc giải thoát của tĩnh lự, không ngờ các vị lại phải vất vả khâu vá y phục làm cho loạn ý như vầy". Các Bí-sô nói: "Đại đức, tôi bị giặc cướp", Ô-ba-nan-đà nói: "Đây là việc bất thiện rất bất hạnh", Các Bí-sô nói: "Đại đức vì sao loa buồn?", Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi không lo buồn mà thương cho các vị bị cướp, họ vì tham mà cướp đoạt sau khi bỏ thân này sẽ bị đọa vào địa ngục, dù được thân người cũng mắc quả báo nghèo cùng. Này các cụ thọ, như Thế Tôn có dạy: Người do hành nghiệp trộm cắp thường huân tập, sau khi mạng chung sẽ bị đọa vào địa ngục thọ các khổ não, dẫu được thân người cũng thiếu thốn về y thực. Do vậy nên tôi nói với giọng lo buồn, nhưng các cụ thọ vất vả khâu vá y phục cũ rách này làm chi, sao không xin vải tốt mới?". Các Bí-sô nói: "Ai lại bỏ phước điền thắng diệu mà thí cho chúng tôi chứ", Ô-ba-nan-đà nói: "Này các cụ thọ, Thế Tôn ở đâu cũng khen ngợi những vị thiểu dục tri túc nên những người có lòng tin đều muốn cúng dường, tại sao các cụ thọ không đi tìm cầu?", đáp: "Chúng tôi không biết phải xin ở đâu", Ô-ba-nan-đà nói: "Nếu không biết chỗ xin tại sao không

nhờ người khuyến hóa giúp, họ có thể giúp các vị đổi được y phục". Các Bí-sô nói: "Chúng tôi cũng không biết nhờ ai giúp, ai có thể bỏ việc tu phẩm thiện để tìm cầu giúp chúng tôi chứ". Ô-ba-nan-đà nói: "Nhóm Lục chúng chúng tôi mỗi vị đều có chín đệ tử tổng cộng là sáu mươi người sẽ tìm cầu y vật giúp cho các vị, nếu các vị không trái trở để tùy ý chúng tôi lo liệu thì chúng tôi cũng nhơn cơ hội này được ít nhiều y phục". Các Bí-sô nói: "Cùng được y phục thì chúng tôi đâu có trái trở", Ô-ba-nan-đà nói: "Chúng tôi đâu có thể tự đi khất thực rồi lại đi tìm cầu y phục, nếu không khó nhọc mà được thức ăn đầy đủ thì mới có thể đi tìm cầu y phục". Các Bí-sô nói: "Nói cũng phải". Sau đó Ô-ba-nan-đà trở về trú xứ rửa chân rồi vào phòng suy nghĩ: "Ta nên làm phương tiện gì để có thể khuyến hóa được tất cả ở trong thành này, trừ nhà của trưởng giả Cấp-cô-độc là không đến mà thôi. Ta nên đến nhà người nghèo trước, kế đến nhà người giàu, sau đó đến chỗ vua Thắng Quang, phu nhân hành Vũ, phu nhân Thắng Man, trưởng giả Tiên-thọ, cư sĩ Cố Cựu, Tỳ-xá-khư mẫu, vợ chồng Thiện-sanh… cứ theo thứ lớp như vậy để khất cầu y vật". Lúc đó có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng thọ thực, Ô-ba-nan-đà thấy rồi liền suy nghĩ: Ta nên bảo các đệ tử: Ngày mai nếu trong chúng có sai làm việc gì đều không nên nhận, đáp rằng hôm nay hai thầy của chúng tôi có chút việc sai chúng tôi làm rồi". Sáng hôm sau Ô-ba-nan-đà sai một đệ tử đến trong nhà tĩnh lự gọi bốn mươi Bí-sô thiểu dục đến để đi tìm cầu y phục, người này đi đến nhìn thấy các Bí-sô đều nhập định liền suy nghĩ: "Ai có thể ở đây khởi tâm thô ác, không quán đời sau mới xúc chạm người đang nhập định", nghĩ rồi liền trở về nói rằng: "A-giá-lợi-da, các vị đó đều đang nhập định con không dám làm kinh động". Ô-ba-nan-đà nổi giận nói: "Ngươi là kẻ ngu si vô trí, ngươi nay nói lời chí thành này há khiến họ dứt các phiền não hay sao", nói rồi liền đi đến nhà tĩnh lự, lấy chấn đá vào cửa làm cho chấn động khiến các Bí-sô xuất định, các Bí-sô hỏi: "Tại sao đại đức làm như vậy?", Ô-ba-nan-đà nói: "Các vị muốn cầu y phục sao cứ ngồi tĩnh tọa như thế, các vị phải đến đi với chúng tôi", các Bí-sô nói: "Hãy chờ một chút, đợi chúng tôi súc miệng đã", Ô-ba-nan-đà nói: "Đi đến nửa đường rồi hãy súc miệng". Bốn mươi Bí-sô thiểu dục nghe lời cùng đi theo Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà bảo các môn nhơn: "Này các cụ thọ, Lục chúng chúng ta như là Bạch tượng đi tới đâu mọi người đều chen nhau đến, vì vậy chúng ta không nên cùng đi chung, nên kẻ trước người sau đi riêng biệt". Lục chúng trước tiên vào khu phố của người nghèo trong chợ Thất-la-phiệt đứng với vẻ ưu sầu, họ hỏi: "Thánh giả hôm nay có việc gì ưu não?", đáp: "đúng vậy, các vị có nghe nói về bốn mươi Bí-sô thiểu dục mà đức Phật thường khen ngợi là thiểu

dục tri túc không?", liền nói có nghe nói , Ô-ba-nan-đà nói: "Các vị này vừa rồi đều bị giặc cướp đoạt hết y phục", họ nghe rồi liền nói với nhau: "Chúng ta nên mang cung tên dao mác đến bao vây giặc cướp", Lục chúng nói: "Bị cướp đã lâu, nay bọn cướp đã bỏ đi phương khác rồi", mọi người liền hỏi: "Vậy chúng tôi nên làm gì?", Lục chúng nói: "Các vị nên cúng y phục". Mọi người cùng nhau đóng góp đem đến bạch điệp hoặc cũ hoặc mới để dâng cúng, Lục chúng bảo các đệ tử gánh về chùa. Kế đi đến khu phố của người giàu làm giống như trên khiến mọi người đều mang bạch điệp đến dâng cúng, Lục chúng cũng sai đệ tử gánh về chùa. Sau đó đến chỗ vua Thắng Quang nói giống như trên, nhà vua liền ra lịnh Tỳ Lô Trạch Gia đem binh đến bao vây bắt giặc cướp, Lục chúng nói: "Bị cướp đã lâu rồi, nay giặc cướp đã tẩu tán sang nước khác", nhà vua nói: "Vậy thánh giả muốn Ta làm gì?", Lục chúng nói: "Đại vương nên cúng y". Vua Thắng Quang liền dâng cúng mỗi vị mười ba món tư cụ và y phục thắng diệu, Lục chúng sai đệ tử gánh về chùa giống như những lần trước. Lúc đó bốn mươi Bí-sô nói với Ô-ba-nan-đà: "Đại đức, tính ra số y phục nhận được đã đủ cho chúng tôi rồi, đừng có xin nữa", Ô-ba-nan-đà nói: "Các vị đều là những người lười biếng, chẳng phải tôi đã nói trước nếu các vị không trái trở thì nhơn việc này cũng tìm được ít nhiều y phục cho các đệ tử của chúng tôi, như vậy tại sao nay các vị thấy đủ bảo chúng tôi đừng cầu xin nữa". Bốn mươi Bí-sô nghe lời này đều im lặng, Ô-ba-nan-đà tiếp tục dẫn đến chỗ phu nhơn Hành Vũ, phu nhơn Thắng Man, Tiên Thọ, Cô Cựu, Tỳ-xá-khư Mẫu, vợ chồng Thiện Sanh, đến đâu cũng được dâng cúng mười ba món tư cụ và y phục thượng diệu cho mỗi Bí-sô và Lục chúng cũng sai đệ tử gánh về chùa như những lần trước. Lúc đó Lục chúng nói với mọi người: "Ngày hôm qua Thế Tôn cùng các Bí-sô thọ người khác thỉnh thực, nếu không đủ một trăm vị thì thí chủ không toại nguyện, vì vậy các vị nên đi đến đó thọ thực cho đủ số, đồng thời đưa bát nhận thức ăn cho chúng tôi luôn". Lục chúng sai mọi người đi rồi liền về chùa soạn lại số y vật đã xin được, lấy số y phục thượng diệu để qua một bên, còn số y phục cũ thì đem chia ra bốn mươi phần dành cho bốn mươi Bí-sô thiểu dục. Bốn mươi Bí-sô này đi phó thỉnh trở về, Lục chúng ăn xong bảo đệ tử mời bốn mươi Bí-sô thiểu dục đến và đưa cho họ bốn mươi phần y phục cũ, các Bí-sô này thấy y phục đều cũ rách nên cùng nhìn nhau, Lục chúng hỏi: "Vì sao các vị lại nhìn nhau như thế?", bốn mươi Bí-sô hỏi: "Vì sao lại chia cho chúng tôi toàn y phục cũ rách?", Ô-ba-nan-đà nói: "Cái này dùng nhiều lớp may Tăng-già-chi, cái này may Ốt-đa-la-tăng-già… như Thế-là đầy đủ lắm rồi, tại sao còn chê trách, nếu các vị không vừa ý thì chúng tôi sẽ đi xin thêm nữa". Bốn

mươi Bí-sô nói: "Thôi đủ rồi đừng đi xin thêm nữa", nói rồi liền mang số y phục cũ rách này về A-lan-nhã khâu vá lại như trước kia, nhưng các thiện tín trong thành đều cho rằng bốn mươi Bí-sô thiểu dục đã đến chỗ nhà vua và bảy nhà hào phú mỗi chỗ đều được mười ba món tư cụ và y phục thượng diệu. Lúc đó có một Bí-sô tình cờ đến A-lan-nhã thấy các Bí-sô đang khâu vá y phục cũ rách liền hỏi: "Các cụ thọ, tại sao điều tôi nghe và điều tôi thấy không giống nhau?", các Bí-sô hỏi: "Cụ thọ nói Thế-là ý gì?", đáp: "Tôi nghe nói các cụ thọ đã đến chỗ nhà vua và bảy nhà hào phú mỗi nơi đều được dâng cúng mười ba món tư cụ và y phục thượng diệu, tại sao hôm nay vẫn khâu vá y phục cũ rách như thế này?". Bốn mươi Bí-sô thiểu dục liền đem sự việc trên kể lại cho Bí-sô khách nghe, Bí-sô nghe rồi giận trách Lục chúng và đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô hỏi Lục chúng và bốn mươi Bí-sô thiểu dục: "Các thầy thật đã nhận vật do người khác dâng cúng mà không biết tri túc thọ phải không?", bốn mươi Bí-sô thiểu dục liền đem đầu đuôi sự việc bạch Phật: "Sự thật là như vậy thưa Thế Tôn". Thế Tôn dùng đủ lời quở trách Lục chúng là không thuận chánh lý, tâm không điều tịch, quở rồi bảo các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô bị đoạt y, bị mất y, bị cháy y, bị trôi mất y, bị gió thổi bay mất y, đến Cư sĩ vợ Cư sĩ không phải là thân tộc xin y. Cư sĩ cúng nhiều y, Bí-sô nếu cần chỉ nên thọ hai y thượng hạ, nếu thọ quá phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Bị đoạt y… đã giải ở giới trên. Nên thọ hai y thượng hạ: Có hai loại y thượng hạ, một là y thượng hạ của Bí-sô, hai là y thượng hạ của thế tục. Y thượng hạ của Bí-sô là y mới làm Tăng-già-chi hai lớp thì bề đứng ba, bề ngang năm; nếu là Ni-bà-san thì bề đứng hai, bề ngang năm. Y thượng hạ của thế tục là y thượng bề dài hai khuỷu tay, bề rộng ba khuỷu tay; y hạ bề dài bảy khuỷu tay, bề rộng hai khuỷu tay. Nếu cần nên thọ là khởi tâm thọ nhận. Thọ quá là thọ nhận quá số lượng đã chế thì khi được y vào tay liền phạm Xả đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô đến người khác xin y thượng hạ của thế tục được như số lượng đã chế, nếu xin thêm nữa thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả đọa. Nếu xin y thượng hạ của Bí-sô cũng giống như vậy. Nếu Bí-sô đến người khác xin y thượng hạ của thế tục, dù không đủ số lượng như đã chế cũng không nên xin thêm nữa, nếu có dư thì không cần phải trả lại cho chủ. Nếu Bí-sô đến người khác xin y thượng hạ của Bí-sô, nếu không đủ như số

lượng đã chế thì có thể xin thêm, nếu có dư thì nên trả lại cho chủ. Nếu y của thế tục không đủ lại xin thêm hoặc y của Bí-sô dư không trả lại, kết tội nặng nhẹ chuẩn theo đây nên biết. Nếu có ý muốn xin quá số lượng đã chế thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm xả đọa. Phạm xả đọa rồi lại nhận được y vật nữa, tất cả đều đồng phạm. Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn, bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Tám: ***BIẾT NGƯỜI TỤC CÙNG HỨA CÚNG Y LIỀN ĐẾN XIN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, trong thành có một trưởng giả đã có vợ lại tà hạnh với người nữ khác, người vợ khuyên: "Anh không nên tà hạnh như vậy", người chồng không nghe, người vợ giận trách liền tư thông với người nam khác. Mỗi khi người chồng lấy tài vật biếu tặng cho tà phụ thì người vợ cũng lấy tài vật biếu tặng cho tà phu giống như vậy, cả hai vợ chồng cùng nhau phá tán nên không bao lâu sau gia sản khánh tận. Lúc đó Trưởng giả đánh đập tớ gái trong nhà để trút giận nói rằng: "Do ngươi nên gia sản của ta mới tiêu tán", tớ gái nói: "Từ lâu tôi đã biết nguyên do gia sản của hai người bị phá tán, vì hai người đều là gia chủ của tôi nên tôi không dám bài xích mà thôi". Hai vợ chồng nghe lời này biết đứa tớ gái chỉ trích nên xấu hổ im lặng. Lúc đó Ô-ba-nan-đà nghe biết việc này liền đến nhà Trưởng giả thuyết pháp cho hai vợ chồng nghe, chê trách phá giới khen ngợi trì giới rồi nói: "Như Phật có dạy, người nào tà hạnh sau khi mạng chung sẽ bị đọa vào địa ngục, nếu được làm người thì vợ không trinh thuận, chồng có niệm tà. Nếu lìa tà hạnh thì sau khi mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh trong loài người thì vợ trinh lương, chồng không tà niệm", kế nói kệ:

"Do nghe biết được pháp,
Nghe pháp lìa các lỗi,
Nghe pháp bỏ bạn ác,
Nghe pháp được Niết-bàn".

Hai vợ chồng nghe pháp rồi liền bỏ hạnh tà, Ô-ba-nan-đà lại nói về công đức quy kính thù thắng và bảo rằng: "Hai vị hãy lắng nghe, như Phật có dạy:

"Người nào quy y Phật,
Không đọa vào đường ác,
Xả bỏ thân người rồi,
Sẽ được sanh lên trời.
Người nào quy y Pháp,

Không đọa vào đường ác,
Xả bỏ thân người rồi,
Sẽ được sanh lên trời.
Người nào quy y Tăng,
Không đọa vào đường ác,
Xả bỏ thân người rồi,
Sẽ được sanh lên trời".

Hai vợ chồng nghe pháp rồi hoan hỉ khởi tâm tịnh tín liền quy y Tam bảo, Ô-ba-nan-đà lại khen ngợi công đức của năm giới: "Hai vị hãy lắng nghe, như Phật đã dạy có năm loại đại thí, đó là lìa sát sanh, trộm cắp, tà dục, nói dối và uống rượu. Vì sao lìa năm thứ này được gọi là đại thí, vì nếu lìa được năm thứ này sẽ đem lại sự không sợ hãi, không có oán kết, vợ chồng trinh lương, được người tin cậy và không kiêu căng phóng dật. Do được năm điều nay nên chiêu cảm quả báo an vui, thường sanh cõi trời người, vì thế gọi năm giới này là năm đại thí". Hai vợ chồng nghe pháp rồi càng sanh lòng tin sâu, thọ trì năm học xứ, Ô-ba-nan-đà khiến cho hai vợ chồng thọ quy giới rồi liền ra về. Vào một ngày khác Trưởng giả lại đánh đập tớ gái trong nhà, người vợ liền khuyên: "Trước đây chúng ta chưa biết về nghiệp quả nên thường làm cho kẻ khác đau khổ. Nay nhờ Thánh giả Ô-ba-nan-đà là thiện tri thức nên chúng ta mới biết về nghiệp quả, chúng ta không nên làm cho kẻ khác đau khổ nữa. Người ở thế gian tự thọ nghiệp báo, sang hèn không thường hằng, từ nay anh chớ đánh đập tôi tớ nữa". Người chồng nghe lời bảo tớ gái tắm rửa sạch sẽ rồi ban cho áo mới và nói nếu nó siêng năng làm việc thì từ nay ông ban cho nó sự vô úy. Tớ gái liền suy nghĩ: "Trước đây hai gia chủ đều bất nhơn đối với ta, nay lại đối với ta nhơn từ ân đức, tất cả đều nhờ Thánh giả Ô-ba-nan-đà, ta nên lấy vật gì đền ơn Thánh giả", lại nghĩ: "Nếu ta lấy cắp vật của gia chủ, nếu gia chủ biết được ắt sẽ đánh đập ta giống như trước". Do không có vật gì đem báo ân nên trong lòng hổ thẹn, lúc đó người vợ nói với chồng: "Thánh giả Ô-ba-nan-đà là thiện hữu của chúng ta, đã khiến chúng ta bỏ hạnh tà trụ trong phẩm thiện, quy kính Tam bảo, thọ trì năm học xứ, lại thường lui tới đem giáo pháp dạy bảo chúng ta, chúng ta nên cúng dường", người chồng hỏi nên cúng dường vật gì, người vợ nói: "Chúng ta nên cúng một xấp bạch điệp". Tớ gái nghe rồi liền nghĩ: "Ta nên nói cho Thánh giả biết tin vui này để đền ơn". Sáng hôm sau Ô-ba-nan-đà vào thành khất thực theo thứ lớp đến nhà ông Trưởng giả, đứa tớ gái thấy liền kính lễ nói rằng: "Con có một tin muốn báo cho Thánh giả biết", hỏi là việc gì, đứa tớ gái nói: "Hai gia chủ của con muốn dâng cúng một thượng y cho đại đức". Ô-ba-nan-đà liền

suy nghĩ: "Ta là một trong những kẻ tham lam nhất trên đời, nay nghe nói được lợi thất xứng với bổn tâm, nhưng ta phải gạn hỏi lại đứa tớ gái này mới được", nghĩ rồi liền hiện vẻ sân nói: "Tiểu nữ vì sao dám trêu cợt ta?", tớ gái nói: "Con đâu dám trêu cợt Thánh giả". Ô-ba-nan-đà nói: "Nếu lời ngươi nói là thật thì khi Trưởng giả giận muốn đánh ngươi, ta sẽ khuyên ông tha cho ngươi; nếu lời ngươi nói không thật thì ta bảo ông thêm nhiều roi vọt giống như trước kia". Tớ gái nói: "Thánh giả không phải nghi, chỉ cần vào trong tự sẽ biết ngay". Ô-ba-nan-đà liền vào trong nhà, hai vợ chồng Trưởng giả cùng nói thiện lai rồi mời ngồi, Ô-ba-nan-đà nói pháp cho hai vợ chồng nghe rồi nói: "Hai vị hứa cúng đại điệp, tôi muốn được nhìn thấy", hai vợ chồng nghe rồi liền đưa mắt nhìn nhau, Ô-ba-nan-đà hỏi vì sao, hai người liền đáp: "Thánh giả, đây là lời chúng tôi bàn riêng với nhau, ai báo cho thánh giả biết hay là Thánh giả biết được tâm của người khác". Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi mang bát đi khất thực từ đó đến nay, đối với tôi đây chỉ là việc nhỏ, hai vị không tin sao?". Hai vợ chồng liền đem đại điệp ra cho Ô-ba-nan-đà xem, sau khi xem xét kỹ Ô-ba-nan-đà tỏ vẻ không hài lòng nói rằng: "Trưởng giả có phước xả mà không có phước thọ dụng, loại điệp này chỉ để dùng lau dép hay làm rèm cửa, để trên sào tự nhiên sẽ rách", Trưởng giả liền hỏi: "Thánh giả muốn như thế nào?", đáp: "Phải cúng loại tốt hơn tôi mới may y", Trưởng giả nói: "Chúng tôi không có loại tốt hơn", liền nói: "Vậy thì hãy đi mua", Trưởng giả nói: "Chúng tôi không còn tiền", liền nói: "Cứ mua chịu sau sẽ trả". Trưởng giả liền nhìn vợ, người vợ nói: "Thánh giả có đại ân đối với chúng ta, chúng ta nên mua loại tốt cúng cho Thánh giả". Trưởng giả liền cùng Ô-ba-nan-đà đến một cửa hiệu trong chợ để mua, Ô-ba-nan-đà liền suy nghĩ: "Ta phải nói khích để ông chủ tiệm đem loại thượng hạng ra", nghĩ rồi liền nói với Trưởng giả: "Xem sơ qua thấy cửa hàng này chỉ bán loại y phục cho người nghèo, làm gì có loại bạch điệp thượng hạng, chúng ta nên đến cửa hàng khác". Ông chủ tiệm vừa nghe liền tự ái đưa ra loại điệp thượng hạng nói: "Thánh giả hãy xem thử loại điệp này", Ô-ba-nan-đà vừa nhìn liền khen là loại thượng hảo và hỏi giá bao nhiêu, chủ tiệm đáp: "Giá năm mươi Ca-lợi-sa-ba-noa", Ô-ba-nan-đà nói: "Ba mươi thì tôi sẽ lấy", chủ tiệm hỏi: "Ai sẽ trả tiền", đáp: "Vị trưởng giả này trả", ông trưởng giả liền hẹn ngày sẽ mang đến trả, chủ tiệm nghe nói như vậy liền bằng lòng bán, Trưởng giả cầm lấy thượng điệp đưa cho Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà cầm lấy rồi chú nguyện cho Trưởng giả được không bịnh sống lâu… Trưởng giả vì gia sản khánh tận nên không thể trả tiền đúng ngày như lời đã hứa, chủ tiệm bắt phạt Trưởng giả đứng dưới ánh mặt trời thiêu đốt, người quen trông thấy liền hỏi : "Tại sao ông

lại đứng dưới ánh mặt trời tiêu đốt là chữa bịnh sốt rét hay đang thoa dầu trị ghẻ?", đáp: "Tôi không phải vì chữa bịnh sốt rét cũng không phải đang thoa dầu trị ghẻ, mà vì tôi không trả nợ đúng hạn nên bị chủ nợ phạt", lại hỏi: "Ông mắc nợ khi nào hay là nợ của tổ phụ để lại?", đáp: "Là do tôi kính tín Thích ca tử dâng cúng chiếc y, Bí-sô chê xấu không nhận bảo tôi mua loại thượng hạng nên tôi phải chịu khổ này". Người này nghe rồi liền chê trách sa môn Thích tử tham cầu không nhàm chán, các Bí-sô nghe biết được liền bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô và hỏi Ô-ba-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc không đoan nghiêm như vậy phải không?", đáp: "Thật vậy, Thế Tôn". Thế Tôn dùng đủ lời quở trách Ô-ba-nan-đà rồi bảo các Bí-sô: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô, có cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải là thân tộc cùng để dành tiền định mua y thanh tịnh cúng cho Bí-sô kịp thời mặc dùng. Bí-sô này trước không được thỉnh mà do người khác nói cho biết, liền đến nhà kia nói rằng: lành thay hai vị để dành tiền mua y cúng cho tôi, hãy mua loại y thanh tịnh như thế như thế…, vì muốn tốt, nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô: Chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Thân tộc và không phải thân tộc như đã giải ở giới trên. Giá y chỉ cho vàng bạc, bối xỉ… Biện là tiền để dành mua vải cúng. Y chỉ cho bảy loại y như trong giới trên có nói. Mua là khi mua từ người khác. Thanh tịnh là được như vậy mới thọ dụng. Cho là khi thí y. Bí-sô chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Trước không thọ thỉnh là không nói cho biết trước. Nhờ người khác nói cho biết là được người khác tiết lộ rồi đến cầu y.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào? Có ba việc là giá y, sắc y và lượng y.

Sao gọi là giá y? Nếu Bí-sô được y giá bằng năm Ca-lợi-sa-ba-noa từ người không phải là thân tộc, thọ thì không phạm. Nếu không thọ y này lại đòi y tốt hơn, giá cao hơn , khi đòi phạm Ác-tác, khi được phạm Xả đọa. Như vậy cho đến năm mươi Ca-lợi-sa-ba-noa, tùy cầu xin tùy được, phạm nhẹ nặng chuẩn theo đây nên biết.

Sao gọi là sắc y? Nếu Bí-sô được y màu xanh, thọ thì không phạm; nếu không thọ lại đòi y màu đẹp hơn, khi đòi phạm Ác-tác, khi được phạm Xả đọa. Sắc xanh đã như vậy, các sắc y khác chuẩn theo đây nên biết.

Sao gọi là lượng y? Nếu Bí-sô được y năm khuỷu tay thọ thì không phạm; nếu không thọ lại đòi y đẹp hơn, rộng lớn hơn phạm tội giống như trên. Như vậy cho đến nhiều khuỷu tay hơn, phạm tội nặng nhẹ đều giống

như trên. Không phạm là nếu xin chỉ sợi lại được một miếng nhỏ, xin một miếng nhỏ lại được tấm y lớn… đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn, bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Chín: ***BIẾT NGƯỜI TỤC RIÊNG BIỆT HỨA CÚNG Y ĐẾN XIN***

Thế tôn ở trong rừng Thệ-đa, Bí-sô Ô-ba-nan-đà là nhơn duyên khởi phạm liên quan đến vợ chồng Trưởng giả giống như ở giới trên, chỉ khác ở chỗ là hai vợ chồng mỗi người riêng biệt để dành tiền mua y cúng, Ô-ba-nan-đà bảo hai người họp chung tiền lại để mua một y thượng hảo… cho đến khiến Trưởng giả chịu phạt khổ sở nên các Bí-sô đem việc này bạch Phật. Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô, có cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải là thân tộc, mỗi người riêng biệt để dành tiền định mua y thanh tịnh như vậy như vậy để cúng cho Bí-sô . Bí-sô này trước không thọ thỉnh, nhờ người khác nói cho biết liến đến nói với hai vợ chồng rằng: Lành thay hai vị hãy họp chung tiền lại để mua y thanh tịnh như vậy như vậy… kịp thời cúng cho tôi, vì muốn y tốt, nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Trong học xứ này tướng phạm có ba loại giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Mười: ***QUÁ HẠN ĐỔI Y***

Phật ở trong Trúc Lâm thành Vương Xá, lúc đó Ô-ba-nan-đà suy nghĩ: "Những chỗ kinh cầu mà ta đã có đều bị trưởng giả Cấp-cô-độc thưa thỉnh Thế tôn chế học xứ, chúng ta nay muốn xin một chiếc khăn nhỏ còn không được huống chi là vật lớn. Trước kia ta học chung một trường với Bà-la-môn Hành Vũ, lại cùng học một thầy, nếu ta đến cầu gặp có thể ông ta sẽ cho ta ít nhiều y vật". Nghĩ rồi liền đi đến nhà Bà-la-môn Hành Vũ, vừa đến cửa liền bị người giữ cửa chận lại không cho vào, Ô-ba-nan-đà nói: "Hiền thủ, Thế tôn cấm không cho đến năm chỗ là nhà xướng ca, nhà dâm nữ, nhà bán rượu, nhà của Vua và nhà của đồ tể. Nhà này không thuộc trong năm nhà trên sao không cho ta vào?". Người giữ cửa nói: "Thánh giả, đấy là nhà của Bà-la-môn Hành Vũ nên không được vào", Ô-ba-nan-đà nói: "Ngươi cứ vào trong báo với Bà-la-môn là có đại đức Ô-ba-nan-đà hiện ở ngoài cửa muốn được gặp". Người giữ cửa nói: "Xem ý khí của thầy giống như từ chỗ quan đoán sự của vua Thắng Quang sai đến không bằng", Ô-ba-nan-đà nói: "Ngươi vào báo liền thì tốt, nếu chậm trễ ta sẽ khiến ngươi bị phạt roi". Người giữ cửa suy nghĩ: "Xem ra thầy này là người có thế lực

nên không có sợ sệt như bao nhiêu người khác, ắt là có nguyên do. Ta phải vào báo với gia chủ", nghĩ rồi liến vào trong báo là có đại đức Ô-ba-nan-đà muốn được gặp, gia chủ nói: "Mời Đại đức vào". Người giữ cửa nghe rồi liền suy nghĩ: "Hèn chi sa môn này không có ý sợ", nghĩ rồi liền ra mời vào, Bà-la-môn thấy Ô-ba-nan-đà vào liền nói thiện lai rồi mời ngồi, Ô-ba-nan-đà an tọa rồi liền dùng âm thanh mỹ diệu khen ngợi công đức thù thắng của Bố thí. Khi Ô-ba-nan-đà khen ngợi hạnh bố thí với tâm vui vẻ thì các Bà-la-môn tín tâm hoan hỷ đến nỗi có thể cắt thịt mình để phụng thí. Vì vậy Bà-la-môn này nghe pháp bố thí rồi hoan hỉ nói: "Ngày Đại đức mãn hạ an cư, tôi sẽ phụng hiến sáu mươi kim tiền". Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền chú nguyện cho Bà-la-môn được không bịnh sống lâu… rồi ra về. Lúc đó có hai Bí-sô từ thành Thất-la-phiệt đến thành Vương Xá vì muốn gặp Phật nên đến Trúc Lâm, đúng lúc Phật bảo A-nan-đà đi thông báo cho các Bí-sô biết Như Lai muốn du hành đến nước Kiều-tát-la, vị nào muốn tùy tùng thì nên sửa soạn y phục lên đường. Khi nghe thông báo này, hai Bí-sô mới đến đứng lặng yên với vẻ lo buồn, Ô-ba-nan-đà liền hỏi vì sao, hai Bí-sô nói: "Vừa nghe cụ thọ A-nan-đà thông báo, chúng tôi từ xa mới đến chưa được nghỉ ngơi làm sao tùy tùng theo Phật được nên chúng tôi lo buồn". Ô-ba-nan-đà nghe rồi cũng lo buồn suy nghĩ: "Đến nay ta mới gặp được thí chủ không ngờ lại gặp trở ngại này". Sáng hôm sau Ô-ba-nan-đà vội đến nhà Bà-la-môn Hành Vũ nói pháp với giọng không vui, Bà-la-môn hỏi duyên do, Ô-ba-nan-đà nói: "Hiền thủ, tôi mời vừa gặp thí chủ nay lại phải biệt ly". Người đời có nói:

"Người Ma Yết Đà nghe tiếng hiểu,
Nước Kiều-tát-la thấy hình biết,
Vương thành nửa chữ liền hiểu năm,
Các lân bang đợi nói mới hiểu".

Bà-la-môn nghe rồi liền suy nghĩ: "Đây không phải vì biệt ly ta mà lo buồn, mà chính là vì sáu mươi kim tiền", nghĩ rồi liền nói: "Tùy đại đức chỗ nào mãn an cư, tôi cũng sẽ phụng hiến sáu mươi kim tiền". Ô-ba-nan-đà liền chú nguyện cho Bà-la-môn được không bịnh sống lâu… rồi ra về.

Lúc đó Phật cùng đại chúng đi đến nước Kiều-tát-la trụ trong rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, có một thương buôn chở hàng hóa từ thành này đi đến thành Vương xá. Theo pháp xưa của thành Vương xá, nếu có đại thương tộc từ nước khác đến thì nhà vua phải xem xét thuế hàng hóa hoặc sai đại thần Hành Vũ làm việc này. Khi Hành Vũ xét thuế hàng hóa của thương nhơn này rồi nói rằng: "Khi nào ông trở về thành Thất-la-phiệt thì

cho tôi biết". Thương nhơn nhận lời , sau khi mua bán xong liền đến chỗ đại thần báo là sắp trở về, Hành Vũ nghe rồi liền đưa sáu mươi kim tiền nhờ trao cho đại đức Ô-ba-nan-đà. Thương nhơn nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu có quen biết với đại thần hành Vũ thì vị này chắc chắn là một đại đức được nhiều người quen biết. Ta nên mua tặng một loại điệp y để đại đức được vui", nghĩ rồi liền đến Trúc lâm hỏi thăm các Bí-sô loại điệp nào Bí-sô mặc được, các Bí-sô nghe rồi liền hỏi: "Hiền thủ muốn thí y cho Tăng hay sao?", thương nhơn nói: "Không có, vì đại thần Hành Vũ gởi sáu mươi kim tiền nhờ trao cho Đại đức Ô-ba-nan-đà nên tôi muốn mua tặng thêm một loại điệp y". Các Bí-sô nói: "Chắc chắn thầy ấy đòi kim tiền và thu nhận cả bạch điệp". Thương nhơn suy nghĩ: "Chắc Bí-sô này có hiềm khích với Ô-ba-nan-đà", nghĩ rồi liền đến các Bí-sô khác kể lại việc trên, các Bí-sô nói: "Nếu ông không đóng ấn kim tiền mà mang đến đó thì vị kia sẽ đòi tiền lời". Thương nhơn liền nghĩ: "Lời của các Bí-sô đều giống nhau, ta phải đề phòng", nghĩ rồi liền đến chỗ đại thần xin đóng ấn, đại thần nói: "Tôi đã tin ông, cần gì phải đóng ấn", thương nhơn nói: "Tuy đại thần tin tôi nhưng pháp của thương buôn cần phải rõ ràng". Đại thần nghe rồi liền đóng ấn, thương nhơn mang kim tiền này trở về thành Thất-la-phiệt vào trong rừng Thệ-đa hỏi thăm phòng của Ô-ba-nan-đà, các Bí-sô chỉ chỗ, thương nhơn đến đó không thấy liền hỏi, các Bí-sô nói: "Chắc là đi đến chỗ nhàn tĩnh ở bên ngoài chùa", thương nhơn nói: "Đại thần Hành Vũ ở thành Vương xá có gởi cho đại đức Ô-ba-nan-đà số kim tiền này, các thầy hãy nhận và trao lại giùm". Bí-sô nói: "Hiền thủ có từng thấy ai lại chui đầu vào ngọn đuốc đang cháy không?", Thương nhơn cho rằng Bí-sô này có hiềm khích với Ô-ba-nan-đà nên nói thế, liền đến chỗ Bí-sô khác nói như trên, Bí-sô nói: "Nếu số kim tiền đó không đóng ấn mà mang đến giao thì vị kia nhất định sẽ đòi tiền lời, ai dám nhận giùm, ông nên trực tiếp giao thì hơn". Thương nhơn suy nghĩ: "Lời các Bí-sô nói đều giống nhau, thật khó cho ta", nghĩ rồi liền nói với các Bí-sô: "Khi nào Ô-ba-nan-đà trở về xin nói lại giùm tôi đang ở tại , Đại đức ấy nếu muốn nhận vật từ Vương xá gởi đến thì hãy đến lấy", nói rồi cáo từ. Không bao lâu sau Ô-ba-nan-đà trở về, các Bí-sô nói: Lành thay Đại đức, như Thế tôn có nói người nào đầy đủ giới hạnh, tâm ý thanh tịnh thì tùy tâm sở nguyện đều được thành tựu. Cụ thọ nhờ dứt ý trong rừng nên liền được sáu mươi kim tiền từ phương xa gởi đến". Ô-ba-nan-đà hỏi: "Thí chủ nơi nào mà có thể cúng dường Phật và đại chúng mỗi vị sáu mươi kim tiền như thế?", Bí-sô nói: "Chỉ cúng một mình thầy chứ không phải cả đại chúng", Ô-ba-nan-đà nói: "Ai có thể huệ thí cho tôi sáu mươi kim tiền như thế?", Bí-sô nói: "Là đại thần Hành Vũ ở thành

Vương xá gởi cúng", Ô-ba-nan-đà nói: "Vị đó là tri thức của tôi, trước đã có hứa cúng cho tôi số kim tiền ấy. Không biết có vị nào nhận giùm hay không, có xem kỹ đủ hay thiếu không, nếu là tiền đúc giả thì không thể dùng được". Các Bí-sô liền nói: "Không ai chịu nhận giùm cả", Ô-ba-nan-đà liền nói: "Té ra lâu nay tôi ở chung với bạn ác nên không có ai chịu nhận giùm". Các Bí-sô nghe lời này liền nói: "Cụ thọ không cần lo lắng, thương nhơn có để lại địa chỉ, cụ thọ hãy đi đến đó nhận". Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền vội vã đi đến chỗ thương nhơn, từ xa nhìn thấy bước đi thương nhơn biết ngay là sa môn hào tộc liền hỏi: "Đại đức là Ô-ba-nan-đà", đáp phải, thương nhơn liền đem số kim tiền ra trao cho Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà nhận rồi chú nguyện cho thương nhơn, thương nhơn nói: "Xin đừng chú nguyện cho tôi, thầy nên chú nguyện cho đại thần Hành Vũ", Ô-ba-nan-đà nói: "Ông có công từ phương xa mang đến cũng nên chú nguyện. Ông hãy bảo một cháu nhỏ mang số tiền này đi ra chợ với tôi", thương nhơn nói ở đây không có cháu nhỏ, Ô-ba-nan-đà nói: "Ông từ Vương xá mang đến đây được, từ đây ra chợ có mấy bước lại không chịu bảo người mang đi được hay sao?". Thương nhơn liền phải nhờ một tiểu nhi mang tiền đi với Ô-ba-nan-đà và dặn: "Phải đi theo sau đừng ghé lại nơi nào khác, Thánh giả có đưa tiền mua quà bánh gì cũng đừng nhận". Tiểu nhi mang tiền đi theo Ô-ba-nan-đà đến một cửa hiệu nói: "Tiền để nơi đây phải không?", Ô-ba-nan-đà suy nghĩ: "Đồng tử này làm theo lời chủ nó dặn chứ không theo ý mình", nghĩ rồi liền nói với chủ hiệu: "Hiền thủ hãy cất giữ giùm số kim tiền này", chủ hiệu nói: "Không có gia trưởng ở đây, tôi không dám nhận", Ô-ba-nan-đà nói: "Nguyện cho ông thường không tự do", kế đi đến chỗ đồng tử bán hương nói gởi tiền giống như trên, đồng tử nói: "Gia trưởng của tôi đi vắng", Ô-ba-nan-đà nói: "Nguyện cho gia trưởng của ngươi đừng trở về", kế đi đến chỗ đồng tử bán hương khác nói gởi tiền giống như trên, đồng tử nói: "Trong nhà còn có người lớn, tôi không dám nhận". Do đồng tử này mới khởi tín tâm nên Ô-ba-nan-đà nói: "Ta cho là ngươi có chút tín tâm, không ngờ đó là tín tâm La-sát", đồng tử nghe lời này liền nói: "Thánh giả hãy gởi lại đây", Ô-ba-nan-đà gởi tiền xong liền trở về chùa, đêm đến sanh tâm hối sợ mất tiền nên sáng sớm liền đi đến cửa hiệu đó đòi lại tiền. Thời đó các thương nhơn có chế lịnh: đến khi mặt trời mọc nếu ai không đến tập họp thì bị phạt sáu mươi văn kim tiền. Mẹ của đồng tử thúc hối đồng tử nên đi tập họp sớm, vừa bước ra cửa liền gặp Ô-ba-nan-đà đến đòi lại tiền mới gởi, đồng tử nói: "Thánh giả, các thương nhơn ở đây có chế lịnh phải đến tập họp lúc mặt trời mọc, nếu đến trễ sẽ bị phạt sáu mươi văn kim tiền. Thánh giả hãy đợi một chút, đi tập họp xong trở về tôi sẽ đưa lại cho thanh

giả". Ô-ba-nan-đà nói: "Ta đâu phải tôi tớ mà ngươi bảo ta chờ đợi. Hãy trở vào lấy số tiền ta đã gởi ra đưa cho ta, chân ta đau không thể đứng đây lâu được. Nếu ngươi không đưa trả lại mà bỏ đi tức là trái với giáo lịnh của vua Thắng Quang sẽ bị phạt sáu mươi kim tiền". Đồng tử nghe rồi liền nổi giận vào nhà lấy tiền ra quăng xuống đất khiến dấu đóng ấn bị vỡ, Ô-ba-nan-đà liền nói: "Ngươi khoan hãy đi, để ta xem lại có đủ hay không và có lẫn tiền đúc giả hay không", đồng tử nói: "Khi gởi thầy đâu có kiểm điểm", Ô-ba-nan-đà nói: "Tuy không có kiểm điểm nhưng có dấu đóng ấn rõ ràng, còn bây giờ dấu đóng ấn đã bị vỡ". Đồng tử không biết nói sao đành im lặng, lúc đó trời đã sáng hẳn bị trễ tập họp nên các thương nhơn đến nhà thu tiền phạt, mẹ của đồng tử hỏi: "Con đã làm gì đến nỗi bị phạt sáu mươi văn kim tiền như thế?", đồng tử nói: "Do con quen biết thích tử vừa phát tín tâm liền bị thử thách". Bà mẹ nghe rồi liền chê trách sa môn, các Bí-sô nghe biết liền đem việc này bạch phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô hỏi Ô-ba-nan-đà: "Thầy thật đã làm việc không đoan nghiêm như vậy phải không?", đáp: "Thật vậy, Thế tôn". Phật dùng đủ lời quở trách… cho đến câu: "… nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô hoặc vua hay đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ sai sứ đem giá tiền y đưa cho Bí-sô nói rằng: "Đại đức, số tiền này là của vua (đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ) sai tôi đem đến, đại đức hãy nhận lấy". Bí-sô nói: "Nhơn giả, giá tiền y này tôi không được nhận, nếu được y thanh tịnh thuận thời tôi mới được nhận". Sứ nói: "Đại đức có người chấp sự không?", đáp: "Có, tịnh nhơn của tăng hay Ô-ba-sách-ca ở chỗ đó là người chấp sự của Bí-sô. Sứ giả liền đến chỗ của người chấp sự trao giá tiền y rồi nói: "Ông hãy dùng giá tiền y này mua y thanh tịnh, thuận thời đưa cho Bí-sô để vị ấy đắp mặc". Dặn dò người chấp sự xong, sứ giả trở lại chỗ Bí-sô nói: "Tôi đã đưa giá tiền y cho người chấp sự mà thầy chỉ, khi được y thanh tịnh thuận thời thầy nên nhận". Bí-sô cần y nên đến chỗ người chấp sự hai hoặc ba lần nói: "Tôi cần y" để nhắc, nếu được y thì tốt, nếu không được y thì bốn, năm, sáu lần đến đó đứng im lặng để nhắc, được y thì tốt, nếu không được y mà đến nhắc nữa, cố cầu cho được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Cuối cùng vẫn không được y thì Bí-sô nên đến chỗ người đã đưa giá tiền y hoặc nhờ người đáng tin đến nói rằng: "Ông sai người đưa giá tiền y đến cho Bí-sô nhưng Bí-sô đó cuối cùng vẫn không được y, ông nên biết lấy lại, đừng để mất số tiền ấy. Đây là thời.

Bí-sô chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Vua: Dù nam hay nữ nếu được quán đảnh đều gọi là vua. Đại thần là người chấp hành chánh sự. Bà-la-môn là quý chủng đa văn. Cư sĩ là kẻ tại gia giàu có. Sứ giả là nam, nữ hay huỳnh môn.

Giá y chỉ cho vàng bạc hay tiền. Thuận thời thanh tịnh là đúng lý mới được nhận. Tịnh nhơn của Tăng là tịnh nhơn của đại chúng. Ô-ba-sách-Ca-là người đã quy y Tam bảo, thọ trì năm học xứ. Bí-sô được hai, ba lần nói là hai, ba lần nói ra lời để nhắc người chấp sự. Bốn, năm, sáu lần tùy chỗ đứng im lặng: Nói tùy chỗ có bốn: Một là nhà xưởng như xưởng làm gốm…, hai là nhà ở, ba là đồng ruộng, bốn là cửa hiệu. Lại có sáu lần gạn hỏi, như người kia hỏi: 'thầy đến có việc gì?", đáp: "Vì việc ấy nên đến". Người kia lại nói: "Lành thay mời ngồi", đáp: "Tôi vì việc ấy nên đến". Người kia lại nói: "Mời thầy dùng cơm", đáp: "Tôi vì việc ấy nên đến". Người kia lại nói: "Mời thầy ăn bánh", đáp: "Tôi vì việc ấy nên đến". Người kia lại nói: "Mời thầy dùng nước", đáp: "Tôi vì việc ấy nên đến". Tùy một lần trong sáu lần hỏi đáp trên Bí-sô nên nói ngay đến việc chính, không để cho họ đề cập đến việc khác thì không gọi là thiện hảo; ngược lại nếu Bí-sô nói từ từ để họ có thời gian nhớ lại mới gọi là thiện hảo; nếu được y thì tốt, nếu không được y mà quá sáu lần này đến đòi y cho được thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca.

Qua ba lần nói sáu lần im lặng mà vẫn không được y thì Bí-sô nên đến chỗ người cúng y, hoặc tự đến hoặc nhờ người đáng tin đến tức là đệ tử hay môn nhân nói cho người cúng y biết rõ mọi việc để họ lấy lại tiền y đừng để cho mất uổng. Đây cũng là cách thức trả lại cho chủ giá tiền y. Nếu Bí-sô nhờ người báo cho thí chủ biết rồi, người chấp sự mới đến nói với Bí-sô: "Thánh giả hãy nhận giá tiền y này", Bí-sô nên nói với người chấp sự: "Tôi đã xả giá tiền y này rồi, ông nên đem trả lại cho chủ y". Bí-sô nói như vậy là tốt, nếu lấy giá tiền y thì phạm Xả đọa. Nếu người chấp sự nói: "Thánh giả hãy nhận giá tiền y này, tôi sẽ đến nói với thí chủ cúng y để họ hoan hỉ". Trường hợp này Bí-sô nhận giá tiền y thì không phạm. Nếu Bí-sô không theo trình tự như vậy mà nhận lại y thì đều phạm Xả đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu người là thí chủ hoặc là sứ giả hoặc là chấp sự, như pháp nhận được y thì không phạm, không như pháp thì phạm Xả đọa. Nếu người là thí chủ hoặc là sứ giả còn phi nhơn là chấp sự, như pháp nhận được y cũng không phạm, không như pháp thì phạm Ác-tác. Nếu người là thí chủ, phi nhơn là sứ giả, phi nhơn là chấp sự giống như trên phạm Ác-tác. Nếu người là thí chủ, phi nhơn là sứ giả, người là chấp sự cũng như trên phạm Xả đọa.

Nếu phi nhơn là thí chủ hoặc là sứ giả hoặc là chấp sự giống như trên phạm Ác-tác. Nếu phi nhơn là thí chủ, hoặc là sứ gia, người là chấp sự giống như trên phạm Xả đọa. Nếu phi nhơn là thí chủ, người là sứ giả,

người là chấp sự giống như trên phạm Xả đọa. Nếu phi nhơn là thí chủ, người là sứ giả, phi nhơn là chấp sự giống như trên phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô xin giá tiền y từ phi nhơn thì phạm Ác-tác, nhận được y thì phạm Xả đọa. Xin giá tiền y từ loài rồng thì phạm Ác-tác, nhận được y thì phạm Xả đọa. Nếu Bí-sô gởi thư hay sai sứ đến xin giá tiền y thì phạm Ác-tác, nhận được y thì phạm Xả đọa. Không phạm giống như trên.

Học Xứ Thứ Mười Một: ***DÙNG TƠ TẰM LÀM PHU CỤ***

Nhiếp Tụng:

Cao thế da, toàn đen,
Phần, sáu (năm), ni sư đàn,
Gánh lông, giặt, vàng bạc,
Nạp chất và mua bán.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa, lúc đó các Bí-sô làm ngọa cụ mới bằng tơ tằm, tự làm hay bảo người làm. Loại tơ tằm này khó được và quý giá, các Bí-sô lại liệu lý mọi việc nên phế bỏ việc chánh tu, đọc tụng, tác ý. Các Bí-sô lại thường đến chỗ Bà-la-môn, Cư sĩ xin tơ tằm nên bị ngoại đạo chỉ trích chê bai: "Mọi người nên biết, sa môn Thích tử là kẻ sát sanh, họ không bỏ nghiệp sát hại, tự lạm hoặc bảo người làm ngọa cụ mới bằng tơ tằm. Nếu làm bằng tơ tằm phải giết nhiều hữu tình, tai sao chúng ta lại đem y thực dâng cúng cho những kẻ trọc đầu giết hại chúng sanh". Các Bí-sô nghe lời này rồi đem bạch phật, Phật do nhơn duyên này nhóm họp các Bí-sô hỏi rằng: "Các thầy thật đã làm ngọa cụ mới bằng tơ tằm phải không?", đáp: "Thật vậy, Thế tôn", Phật nói: "Các thầy là người khó biết đủ, khó nuôi dưỡng, không thuận hạnh thiểu dục tri túc". Phật đủ lời quở trách rồi khen ngợi công đức của hạnh Đỗ-đa, thiểu dục và tri túc. Phật bảo các Bí-sô: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô dùng tơ tằm cao thế da làm phu cụ mới, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô chỉ cho người ở trong pháp này. Mới có hai: Mới làm và mới được. Mới ở trong giới này là mới làm. Cao thế da làm phu cụ có hai loại: Một là dồn làm nệm, hai là làm phu cụ. Cao thế da trong đây là làm phu cụ. Tự làm hay bảo người làm đều phạm xả đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Khi Bí-sô lo liệu cao thế da đối với một cái kén, một đống kén… xé hay rọc ra để làm phu cụ, khi làm phạm Ác-tác, làm thành thì phạm Xả đọa. Nếu Bí-sô khi xin Cao thế da và khi lo liệu mọi việc đều phạm Ác-tác, làm

thành thì phạm Xả đọa. Nếu nhận được vật đã làm thành hay vật đã dùng rồi hoặc cũ làm lại cho mới để thọ dụng đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu, hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 21

Học Xứ Thứ Mười Hai: ***DÙNG LÔNG DÊ TOÀN ĐEN LÀM PHU CỤ***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô dùng lông dê toàn đen làm phu cụ, tự làm hay bảo người làm. Loại lông dê này khó được và quý giá, các Bí-sô lại lo liệu mọi việc nên phế bỏ việc chánh tu, đọc tụng, tác ý. Các Bí-sô lại thường đến chỗ Bà-la-môn, Cư sĩ xin lông dê đen nên bị các Bí-sô thiểu dục chê trách rồi đem việc này bạch Phật. Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: …Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô dùng lông dê toàn đen làm phu cụ mới, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho người ở trong pháp này. Lông dê là không phải các loại lông khác. Đen có bốn: Một là toàn đen, hai là xanh sậm. Ba là màu bùn, bốn là màu xám. Lông dê trong đây là loại toàn đen.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Khi Bí-sô lo liệu lông dê đối với một chút ít, một nắm nhỏ hay một đống cắt hay rọc để làm phu cụ, khi làm phạm ác tác, làm thành thì phạm Xả đọa. Nếu nhận được vật đã làm thành hay vật đã dùng rồi hoặc vật cũ làm cho mới lại để thọ dụng thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu, hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Ba: ***QUÁ PHẦN SỐ LÀM PHU CỤ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, sau khi Phật cấm các Bí-sô không được dùng lông dê toàn đen làm phu cụ mới, các Bí-sô liền dùng bốn phần lông đen xen với một chút ít các loại lông màu khác để làm phu cụ mới. Các Bí-sô thiểu dục chê trách và bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô làm phu cụ

mới bằng lông dê nên dùng hai phần toàn đen, phần thứ ba trắng, phần thứ bốn thô. Nếu Bí-sô không dùng hai phần toàn đen, phần thứ ba trắng, phần thứ bốn thô để làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Đen có bốn loại như trong giới trên đã nói. Trắng là loại lông bên hông, trên xương sống và bên cổ. Thô là loại lông nơi đầu, chân và bụng. Hai phần là nêu số lượng, như muốn làm cái nệm lông mười cân thì năm cân lông toàn đen, hai cân rưỡi lông trắng, hai cân rưỡi lông thô. Làm tăng hay giảm dựa theo đây nên biết, nếu làm khác với số lượng đã chế như hai phần sau có giảm bớt hoặc dùng lông toàn đen, khi làm phạm Ác-tác, làm thành thì phạm Xả đọa. Nếu không vì mình hoặc được vật đã làm thành, hoặc lông đen dễ được, các lông màu khác khó tìm nên tăng giảm đồng đều thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu, hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Bốn: ***DÙNG PHU CỤ DƯỚI SÁU NĂM***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô chứa nhiều phu cụ nói với nhau: "Đại đức, cái nệm này dài quá", hoặc "Đại đức, cái nệm này ngắn quá (nhỏ quá, rộng quá …), nói rồi liền bỏ cái đó để sắm sửa cái mới vừa ý hơn. Do làm phu cụ bận rộn nhiều việc nên sanh lỗi giống như ở giới trên. Các Bí-sô thiểu dục chê trách đem bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô làm phu cụ mới, dù tâm không thích cũng phải thọ trì sáu năm, dưới sáu năm không bỏ cái cũ lại làm cái mới, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Một thời khác, Phật trụ trong rừng khoáng dã, vì thời tiết thay đổi bất ngờ lạnh rét nên các Bí-sô bị cảm lạnh, các vị Tri sự có ngọa cụ đều thọ trì sáu năm, do Phật đã chế giới nên không dám làm lại cái mới, do cảm lạnh nên các công việc đã làm đều dừng nghỉ. Thế tôn tuy biết nhưng vẫn hỏi cụ thọ A-nan-đà: "Tại sao Bí-sô Tri sự lại đình chỉ công việc?", đáp: "Do Phật vừa chế học xứ thọ trì chưa đến sáu năm không được làm phu cụ mới, nhưng phu cụ của Bí-sô Tri sự dùng lâu quá mỏng không thể chịu nổi lạnh rét, nên phải dừng nghỉ công việc đang làm". Phật nói: "Các Bí-sô Tri sự trông coi các việc vì phu cụ quá mỏng không chịu nổi lạnh rét, tuy phu cụ chưa đủ sáu năm cũng được đến trong Tăng xin trong sáu năm làm lại phu cụ khác. Nên xin như sau: Tập Tăng, Bí-sô tri sự đến trong Tăng ở trước vị Thượng tọa quỳ gối chắp tay bạch: Đại đức tăng lắng nghe, tôi Bí-sô tên làm tri sự trông coi các việc, theo luật trong sáu năm không được làm phu cụ mới, nay đến trong Tăng xin tuy còn trong thời hạn sáu năm được làm

lại phu cụ mới. Xin Tăng cho tôi Bí-sô tuy còn trong thời hạn sáu năm được làm lại phu cụ mới, xin thương xót (3 lần). Nếu tăng xét thấy người kia đáng tin thì nên tác pháp cho, hoặc bảo đem cái cũ đến trong Tăng kiểm tra, nếu quá dài thì bảo cắt bỏ bớt, nếu quá ngắn thì nối thêm… tùy theo đó liệu lý, nếu rách nhiều không thể vá được thì Tăng nên tác pháp cho như trong Bách nhất yết ma có nói rõ. Trường hợp là Bí-sô Tri sự, Tăng xét thấy cần cho thì tuy còn trong thời hạn sáu năm vẫn cho tùy ý làm không phải nghi hoặc gì. Lúc đó Thế tôn khen ngợi người trì giới, cung kính giới tùy thuận thuyết pháp rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, nay là tùy khai, học xứ này nên nói như sau: "Nếu lại có Bí-sô làm phu cụ mới, dù tâm không thích cũng nên thọ trì sáu năm, dưới sáu năm không bỏ cái cũ lại làm cái mới, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca, trừ được Chúng pháp."

Nội dung của học xứ này là tuy không thích vẫn phải thọ trì sáu năm, chưa tới sáu năm dù xả hay không xả mà làm lại cái mới thì phạm xả đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô trong năm nay làm phu cụ mới, cũng trong năm nay lại làm cái mới, khi làm cái thứ hai phạm ác tác, làm thành phạm xả đọa, cái làm ban đầu không phạm. Tuy không cùng một năm, đến năm thứ hai cho đến năm thứ ba, thứ tư, thứ năm lại làm cái mới đều phạm giống như trên, cái làm ban đầu không phạm. Nếu Bí-sô trong năm nay đã làm phu cụ rồi, cũng trong năm nay lại làm cái khác, nếu trong năm nay làm xong thì phạm xả đọa, nếu không làm xong mãi đến năm năm mới làm xong cũng phạm xả đọa. Nếu Bí-sô trong năm nay làm phu cụ mới chưa xong lại làm cái khác, khi hai cái cùng làm xong nói rằng: "Tôi giữ cái trước bỏ cái sau", hoặc giữ cái sau bỏ cái trước thì cái sau phạm Xả đọa, cái trước không phạm. Nếu cái trước làm chưa xong mãi đến năm thứ hai, cho đến năm thứ ba, thứ tư, thứ năm mới xong nói rằng: "Tôi thọ trì cái trước bỏ cái sau…" Phạm không phạm giống như trên.

Nếu Bí-sô trong năm nay đã làm phu cụ rồi, trong năm nay lại làm cái khác chưa xong thì ngừng, qua năm thứ hai lại làm cái khác chưa xong thì ngừng, đến năm thứ ba cho đến năm thứ tư, thứ năm cũng như vậy thì những cái chưa thành này đều phạm Ác-tác, cái ban đầu không phạm. Nếu Bí-sô đã làm nệm rồi trong năm đó không làm cái khác, cho đến năm thứ năm cũng không làm cái khác, đến năm thứ sáu đủ thời hạn mới làm thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Lăm: ***LÀM PHU CỤ MỚI KHÔNG CHO***

HOẠI SẮC

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, sau khi Thế tôn đắc đạo quả vô thượng rồi khắp cả bốn phương đều nghe biết ở nước Trung phương có Phật ra đời. Lúc đó các thương nhơn phương Bắc cũng nghe biết nếu có ai dâng phẩm vật cúng dường thì được quả báo lớn, được Lợi-ích lớn liền suy nghĩ: "Nay ta nên mang hàng hóa đến thành Thất-la-phiệt một là cầu được lợi nhuận, hai là được yết kiến Thế tôn". Nghĩ rồi liền cùng năm trăm thương nhơn chở hàng hóa từ phương Bắc đến nước Trung phương, khi đến thành Thất-la-phiệt sắp đặt hàng hóa xong liền đến chỗ trưởng giả Cấp-cô-độc nói rằng: "Trưởng giả, chúng tôi muốn yết kiến Thế tôn", Trưởng giả nói: "Lành thay các vị có thể sanh ý diệu, Như lai Ứng Chánh biến tri khó được gặp như hoa Ô-đàm-bạt-la, các vị nên kính lễ". Nói rồi liền dẫn năm trăm thương nhơn đến chỗ Phật, họ đảnh lễ Phật rồi ngồi qua một bên, Thế tôn tuyên nói pháp yếu cho Trưởng giả và năm trăm thương nhơn, chỉ dạy được lợi hỉ rồi im lặng. Các thương nhơn đảnh lễ Phật rồi đi đến chỗ các Bí-sô kỳ túc và tham quan các phòng ốc của Bí-sô, họ nhìn thấy Ni sư đãn na trên nệm giường của các Bí-sô đều bị lủng rách ở giữa nên hỏi Trưởng giả duyên do, Trưởng giả nói: "Các Bí-sô tôn túc ban đêm phần nhiều tĩnh tọa đến sáng, do nhơn duyên này nên Ni sư đãn na đều lủng rách ở giữa". Các thương nhơn nghe rồi sanh lòng tín kính bèn đem năm trăm diệu điệp phụng hiến chúng tăng. Được diệu điệp này các Bí-sô liền làm Ni sư đãn na mới, những cái cũ dồn lại thành đống đem để ở trong phòng kế cận. Lúc đó có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, các Bí-sô tới giờ đều đi phó thỉnh chỉ trừ Thế tôn ở lại trong chùa và bảo người đi lấy thức ăn. Có năm nhân duyên khiến Phật không đi phó thỉnh: Một là vì muốn trụ trong yên lặng, hai là nói pháp cho chư thiên, ba là thăm viếng người bịnh, bốn là đi xem xét ngọa cụ, năm là chế học xứ cho các Bí-sô.

Trường hợp này Thế tôn muốn xem xét ngọa cụ và muốn chế học xứ cho các Bí-sô. Đợi các Bí-sô đi phó thỉnh rồi Thế tôn cầm chìa khóa đi đến các phòng xem xét thì thấy một đống Ni sư đãn na cũ bừa bãi trên đất. Thế tôn thấy rồi liền suy nghĩ: "Thí chủ thâm tâm tín kính như cắt máu thịt của mình để cúng thí vì tu nghiệp phước, còn các Bí-sô lại bỏ phu cụ cũ bừa bãi, không có tâm giữ gìn, không biết lượng thọ dụng". Thế tôn liền giũ sạch bụi đất các phu cụ cũ rồi để trên giá, sau đó rửa tay chân rồi trở về phòng đoan tọa. Lúc đó Bí-sô lấy thức ăn mang về đến chỗ Phật, Thế tôn nhận thức ăn rồi hỏi: "Các Bí-sô có được thức ăn ngon và đầy đủ không?",

đáp: "Thế tôn, đại chúng đều được thức ăn ngon và đầy đủ". Thế tôn thọ thực rồi rửa tay chân, trở vào phòng ngồi nhập định, xế chiều Thế tôn xuất định đến trong đại chúng ngồi vào chỗ ngồi rồi bảo các Bí-sô: "Sau khi các thầy đi phó thỉnh, Như lai cầm chìa khóa đi xem xét các phòng… giống như đoạn văn trên cho đến câu không có tâm giữ gìn, không biết lượng thọ dụng, đây là diều bất thiện. Này các Bí-sô, đối với vật thí của người tín tâm phải xứng lượng thọ dụng, thuận thời tri túc mà thọ dụng, đó mới là điều thiện. "Thế tôn liền khen ngợi người ái hộ, thuận thời tri túc thọ dụng của tín thí rồi bảo các Bí-sô: … Nơi Tỳ nại da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô làm Ni sư đãn na mới, nên lấy một miếng vải còn chắc của cái cũ dọc ngang bằng một gang tay của Phật may đính lên trên cái mới làm cho hoại sắc. Nếu Bí-sô làm Ni sư đãn na mới không dùng một miếng vải còn chắc của cái cũ may đính lên trên cái mới làm cho hoại sắc thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Mới có hai: Một là mới làm, hai là mới được. Mới ở trong đây là mới làm. Ni sư đãn na tức là phu cụ. Làm là tự làm hay bảo người làm. một miếng vải còn chắc của cái cũ là cắt lấy một miếng ở chỗ nào đó tương đối còn chắc của cái cũ. Một gang tay Phật bằng một khuỷu tay rưỡi của người thường. May đính lên trên cái mới là may đính lên trên cái mới may để làm cho hoại sắc cũng là để được bền hơn.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô dùng một miếng của Ni sư đãn na cũ bằng một gang tay của Phật may đính lên trên cái mới mà thiếu bằng một ngón tay hay nửa ngón tay cũng phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Không phạm là dùng cái cũ may khắp giáp cái mới hay cái cũ hoàn toàn bị rách nát không thể cắt lấy một miếng nào để may đính lên cái mới thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Sáu: ***TỰ GÁNH LÔNG DÊ ĐI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô bàn luận với nhau: "Các Hắc-bát kia dùng mỡ con Di hầu thoa dưới chân nên đi đến đâu đều được lợi dưỡng, đi đến nơi xa thì có người cung cấp được nhiều người ái kính. Còn chúng ta như ếch ngồi dưới đáy giếng không đi đâu xa làm sao có được lợi dưỡng. Chúng ta nên đi đây đó". một trong Lục chúng nói: "Chúng ta nên đi đâu", Ô-ba-nan-đà nói: "Chúng ta ra ngoài tìm đoàn thương buôn, nhưng nếu chúng ta đi hết thì môn đồ quyến thuộc và thí chủ của chúng ta đều bị các Hắc-bát khác xâm đoạt, phải có một người ở lại". Sau khi bàn bạc, Ô-đà-di được ở lại, nếu

được lợi dưỡng đem về sẽ cùng chia đều, năm người còn lại ra ngoài tìm đoàn thương buôn, thấy một đoàn thương buôn đi về hướng nước Nê-ba-la liền nói: "Chúng tôi muốn tháp tùng", thương buôn nói: "Thánh giả, nước Nê-ba-la đất đai khô cằn, nhiều đá sỏi như xương sống con lạc đà, các thánh giả sẽ không thích trụ nơi đó". Thấy các Bí-sô nhất quyết muốn cùng đi, đoàn thương buôn chấp nhận cho tháp tùng, khi đến nước kia các Bí-sô liền cảm thấy không vui thích nên vào một ngày khác họ đến hỏi các thương buôn chừng nào trở về, thương buôn hỏi: "Các Thánh giả cảm thấy không vui thích phải không?", các Bí-sô nói: "Ngay vừa mới đến chúng tôi đã không vui thích rồi", thương buôn nói: "Hàng hóa của chúng tôi chưa giao dịch xong nên không thể trở về ngay được, nhưng chúng tôi có người quen sắp trở về, chúng tôi sẽ nói với họ cho các Thánh giả tháp tùng". Ở nước Nê-ba-la có hai mặt hàng giá rẽ dễ mua là lông dê và hùng hoàng nên các thương buôn mua nhiều lông dê chở về bán, các Bí-sô cùng đi với đoàn xe chở lông dê, vì sợ bụi dơ nên các Bí-sô đi trước hoặc đi sau đoàn xe tải, lúc đó các Bí-sô đang đi sau xe tải. Trong đoàn xe tải có một chiếc chở lông dê bị gảy trục không chạy được, các thương nhơn bàn luận với nhau: "Nếu chúng ta ở lại đây để sửa cái trục xe, nếu đám giặc cướp nghe biết được sẽ đến giết chúng ta trước rồi đoạt tài vật sau. Chúng ta nên chở hàng hóa quý giá đi, còn xe chở lông dê bỏ lại". Đang bàn luận thì các Bí-sô đi đến, thấy cảnh tượng như vậy liền hỏi: "Tại sao các vị tỏ vẻ ưu sầu, không chịu đi tiếp nữa", thương nhơn kể rõ sự việc, các Bí-sô hỏi: "Như vậy các vị định bỏ lông dê lại hay sao?", thương nhơn nói: "Đành phải bỏ lại", các Bí-sô nói: "Nếu các vị bỏ, hãy cho chúng tôi, chúng tôi tùy sức mang về", thương nhơn nói: "Tùy ý Thánh giả, dù sao chúng tôi cũng bỏ lại". Lúc đó các Bí-sô bàn luận với nhau: "Số lông dê này rất nhiều, chúng ta dồn y bát của năm người cho một người mang, bốn người còn lại lấy dây cỏ cột số lông dê này thành bốn gánh cho bốn người gánh". Các thương nhơn nói: "Không ngờ các thánh giả lại gánh hết số lông dê này, chúng tôi xin trả tiền để lấy lại sô lông dê này", các Bí-sô nói: "Chúng tôi đâu phải người làm thuê, nếu các vị nói như vậy chúng tôi sẽ quăng bỏ hết", các thương nhơn nói: "Chúng tôi nói đùa thôi, xin đừng trách, các Thánh giả cứ mang về dùng". Lúc đó có một ngoại đạo thấy vậy liền trêu chọc các Bí-sô: "Gánh nặng như vậy, đến đâu mới buông xuống và được bao nhiêu lợi", các Bí-sô nói: "Phá võ bụng của ngươi ra, đạp trên đầu ngươi đi, chúng tôi mới buông xuống và thu lợi". Ngoại đạo liền im lặng, các Bí-sô bàn với nhau: "Nếu chúng ta cùng đi với đoàn thương buôn sẽ bị nhiều trêu chọc nữa, chúng ta nên đi trước". Bàn rồi tách ra đi riêng đến gần một xóm làng thường bị cướp nên

người trong làng thường cảnh giác, lúc đó người trong làng từ xa thấy nhiều người gánh đi đến liền báo động là có đoàn quân voi kéo đến khiến người trong làng đều hoảng sợ bỏ chạy vào rừng trốn, chỉ để lại một số thanh niên khỏe mạnh giữ làng. Những thanh niên này nói với nhau: "Hình như không phải là đoàn quân voi mà là đoàn lạc đà", lại nói: "Hình như không phải đoàn lạc đà mà là lừa chở hàng hóa", lại nói: "Cũng không phải lừa ngựa chở hàng hóa mà là người gánh". Khi đoàn người đến gần mới nhìn rõ là gánh lông dê liền nói: "Các thánh giả gánh to và nặng như vậy thật khác thường khiến người trong thôn tưởng giặc cướp kéo đến nên bỏ chạy trốn hết", các Bí-sô nói: "Các ngươi là người không hiểu biết, thấy người gánh đồ vật đến sợ cho là giặc, nếu giặc cướp nghe biết liền đến cướp hết tài vật thì sao. Các ngươi hãy đi trấn an họ bảo họ trở về". Các Bí-sô thấy xảy ra sự việc như vậy liến bàn với nhau: "Nếu chúng ta đi đường cái quan thì bị trêu chọc chê cười, chúng ta nên đi đường nhỏ". Lúc đó các thuế quan đi kiểm soát để bắt người trốn thuế, trông thấy đoàn người gánh lông dê liền nói: "Này các thương nhơn, các người thường trốn thuế nên không đi đường cái quan mà trốn đi con đường nhỏ phải không?", các Bí-sô nói: "Chúng tôi không phải là thương nhơn trốn thuế", thuế quan hỏi: "Vậy các vị là ai?", đáp: "Chúng tôi là Bí-sô", thuế quan nói: "Nếu là Bí-sô thì các Thánh giả cứ đi". Lúc đó các Bí-sô bàn với nhau: "Nếu chúng ta vào rừng Thệ-đa bằng cửa chính, các Hắc-bát sẽ trêu chọc chúng ta, chúng ta nên gánh đi vào cửa sau". Khi đi đến cửa sau có một Ma-ha-la trông thấy liền hỏi: "Các vị khách gánh đồ cớ sao lại đi vào cửa sau?", các Bí-sô nói: "Ông già này gọi chúng ta là khách gánh đồ sao?", liền hỏi: "Vậy các vị là ai?", đáp: "Chúng ta là Lục chúng Bí-sô", lại hỏi: "Các vị thật là Lục chúng sao?", đáp phải, Ma-ha-la liền nói: "lành thay các đại đức". Vào đến nơi, Lục chúng liền bỏ xuống thành một đống lớn như núi ngay giữa chùa khiến mọi người đều kinh ngạc hỏi: "Các cụ thọ có thể gánh nặng như thế này sao, các vị không sợ người đời trêu chọc hay sao?", Lục chúng nói: "Cái miệng của chúng tôi há chỉ biết ăn thôi sao, ai trêu chọc tôi, tôi cũng sẽ trêu chọc lại gấp ba, bốn lần". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách: "Tại sao Bí-sô tự gánh nặng như vậy mà đi, không cảm thấy xấu hổ mà còn khởi tâm cống cao ngã mạn". Các Bí-sô liền đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô trên đường đi nhận được lông dê, cần thì được nhận. Nếu không có người mang giúp thì được tự mang đi khoảng đường chừng ba Du thiện na, nếu đi quá xa thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Bí-sô là chỉ cho Lục chúng và có ai khác giống như vậy. Nhận được lông dê là vật của người khác cho. Ba Du thiện na là chiều dài dặm đường, trong khoảng đường này không có ai mang giúp được tự gánh mang, nếu mang đi quá chiều dài dặm đường này thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bảy Cực vi thành một Vi trần, bảy Vi trần thành một Đồng trần, bảy Đồng trần thành một Thủy trần, bảy Thủy trần thành một Thố mao trần, bảy Thố mao trần thành một Dương mao trần, bảy Dương mao trần thành một Ngưu mao trần, bảy Ngưu mao trần thành một Khích du trần, bảy Khích du trần thành một Kỷ, bảy Kỷ thành một Sắt, bảy Sắt thành một Khoáng mạch, bảy Khoáng mạch thành một ngón tay, hai mươi bốn ngón tay thành một khuỷu tay, ba khuỷu tay rưỡi thành một người, bốn khuỷu tay thành một Cung, năm trăm Cung thành một Câu-lô-xá, tám Câu-lô-xá là một Du thiện na, bảy thôn mỗi thôn có một Câu-lô-xá. Khi mang lông dê đi đến nửa đường thì phạm Ác-tác, vào đến trong thôn thì phạm xả đọa. Nếu từ thôn đến chỗ khoáng dã bằng ¼ Câu-lô-xá thì phạm Ác-tác, dủ một Câu-lô-xá thì phạm xả đọa. Nếu từ chỗ khoáng dã đi đến dưới ba Du thiện na thì không phạm, quá ba Du thiện na thì phạm xả đọa. Nếu lông dê này dùng để làm mão, khăn trải, cờ phướn… mang đi một cách kín đáo thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu, hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Bảy: ***NHỜ NI KHÔNG PHẢI THÂN TỘC LIỆU LÝ LÔNG DÊ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng nói với nhau: "Chúng ta nên chia số lông dê đã mang về", Nan-đà hỏi: "Chia làm mấy phần, Ô-đà-di ở nhà có được chia phần không?". Ô-đà-di nghe rồi liền suy nghĩ: "Ngũ chúng được nhiều lợi dưỡng, ta phải làm phương tiện gì để được chia một phần", nghĩ rồi liền hỏi: "Các cụ thọ bàn việc gì, số lông dê đã được hãy nhập chung lại rồi chia đều, ai được phần nấy, tôi cũng được một phần". Ô-ba-nan-đà liền suy nghĩ: Thế tôn pháp chủ đang ở đây, lợi dưỡng ắt rất nhiều, vì sao Ô-đà-di lại nói như thế, xưa nay chúng ta được gọi là Lục chúng, không lẽ nay lại thành năm người hay sao, nên chia làm sáu phần đồng đều". Lúc đó Nan-đà nói: "Ai là người chia phần?", Xiển-đà nói: "Ô-đà-di lâu nay ở nhà, nay nên làm người chia phần". Ô-đà-di liền chia làm sáu phần rồi đem phần của mình cất trong phòng, A-thuyết-ca thấy liền nói: "Đại đức hãy đem vật được chia chia cho chúng tôi với", Ô-đà-di nói: "Từ khi các vị đến đây, tôi chưa nhận

được một bối xỉ, nếu không tin thì cứ hỏi các vị đồng phạm hạnh", Bổ-nại-phạt-tố nói: "Không ngờ Ô-đà-di khinh lộng chúng ta", Ô-đà-di nói: "Có được nhiều vật mà không chia mới là khinh lộng, một bối xỉ tôi còn không được thì làm sao thành khinh lộng". Lúc đó Ô-đà-di suy nghĩ: "Số lông dê này ta nhờ ai lo liệu đây, nếu giao cho người giúp việc thì có thể mất hết vì người này không giới hạnh, khó tin. Nếu giao cho mười hai ni thì họ cũng khó tin, tính toan tỷ mỹ như người cân bột làm bánh. Bí-sô ni Đạt-ma-đà-na lại khéo trì kinh tạng, quyến thuộc của cô cũng trì kinh, siêng tu phẩm thiện, nếu giao cho họ, thời gian sẽ kéo dài làm mãi không xong. Kiều-đáp-di kheo trì Luật tạng, môn đồ cũng trì luật, đối với trì phạm cân nhắc khinh trọng, nếu giao cho họ cũng khó thành. Đại thế chủ lấy tĩnh lự làm tâm, môn nhơn cũng tu tịch tĩnh, ta có thể giao lông dê cho họ vào những lúc rảnh lo liệu cho ta". Nghĩ rồi liền thấy Đại thế chủ đến đảnh lễ Thế tôn, vội bước tới nói: "Đại thế chủ, như Thế tôn có nói người đủ giới cấm, tâm nghĩ gì đều được thành tựu vì do sức của tịnh giới. Tôi vừa nghĩ đến Đại thế chủ thì người lại vừa đi đến, đúng lúc như qua sông gặp đò". Đại thế chủ hỏi: "Đại đức cần gì ở tôi?", đáp: "Tôi có một ít lông dê cần liệu lý, người có thể làm giúp được không?", Đại thế chủ nói: "Tôi vốn đến để kính lễ Thế tôn, kính lễ xong tôi sẽ sai hai ni đến lấy đem về liệu lý cho đại đức". Ô-đà-di liền về phòng bó số lông dê thành hai bó để ở phía sau cửa phòng, Đại thế chủ kính lễ Thế tôn xong cũng liền sai hai ni đến phòng Ô-đà-di lấy số lông dê, Ô-đà-di nói: "Để ở phía sau cánh cửa", hai cô ni bước vào đưa hai tay kéo hai bó lông dê ra nhưng không kéo nổi vì quá nặng, liền nói: "Thánh giả, trong bó lông dê có đá hay sao", Ô-đà-di nói: "Hai cô còn trẻ lẽ nào xương sống lại gãy, hãy cúi xuống tôi để lên", nói rồi liền để trên lưng mỗi cô một bó, hai cô liền cảm thầy đầu ê ẩm, lưng đau thắt, khổ sở lê về chùa, vừa bỏ xuống đất liền nằm dài vừa thở vừa rên. Các Bí-sô ni thấy vậy liền nói: "Mang một ít lông dê về mà khổ sở như bị gãy xương sống", hai ni liền nói: "Hãy đến kéo thử thì biết". Các ni đến kéo thấy không nhúc nhích liền nói: "Trong bó lông dê này có đá hay sao?". Sau đó các ni mở hai bó ra liền thành một đống to nên cười vang dậy, Đại thế chủ nghe tiếng cười vang dậy nên quở trách các ni, các ni bạch: "Thánh giả, đại đức Ô-đà-di nói một ít lông dê mà còn một đống như thế này, nếu nói nhiều thì như thế nào nữa". Đại thế chủ nói: "Ô-đà-di là người hay làm hạnh ác, ở trong giáo pháp của Phật thường hay hủy hoại như bờ sông bị lở sắp sụp. Phật nói có hai hạng người lành: Một là hạng người không hứa nhận, hai là hạng người đã hứa nhận thì phải làm tròn trách nhiệm. Nay ta đã hứa thì phải làm cho xong, các cô cùng ta lo liệu, tùy lấy ít nhiều làm xong thì đem

giao lại". Sau khi làm xong hai ni mang đến giao cho Ô-đà-di , Ô-đà-di lại đòi số lông dê còn dư, hai ni cũng mang số lông dê còn dư giao cho Ô-đà-di. Đại thế chủ vì liệu lý số lông dê này nên hai tay có sắc đỏ như thợ nhuộm, khi đến kính lễ Phật, Phật nhìn thấy liền hỏi: "Vì sao tay của Đại thế chủ có sắc đỏ như thợ nhuộm?", đáp: "Như Thế tôn có dạy: việc nên làm thì không làm lại làm việc của người khác, nay tôi đã làm như vậy". Phật hỏi: "Đại thế chủ đã làm việc gì?", Đại thế chủ liền đem sự việc trên kể lại, Phật liền hỏi A-nan-đà: "Các Bí-sô đã nhờ ni không phải họ hàng lo liệu lông dê phải không?", đáp: "Thật vậy Thế tôn". Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô nhờ ni không phải họ hàng giặt nhuộm chải lông dê, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di. Lông dê là không phải loại lông khác. Giặt là cho đến nhúng vào nước. Nhuộm là cho đến nhuộm một lần. Chải cho đến vuốt một cái.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô đối với ni không phải họ hàng khởi tưởng không phải họ hàng hoặc sanh nghi mà nhờ họ giặt, nhuộm, chải lông dê đều phạm Xả đọa. Giặt, nhuộm mà không chải, hoặc giặt chải mà không nhuộm, hoặc nhuộm mà không giặt chải cũng phạm xả đọa. Nếu đối với ni là họ hàng mà khởi tưởng không phải họ hàng hoặc sanh nghi nhờ làm ba việc trên đều phạm Ác-tác. Nếu là họ hàng khởi tưởng là họ hàng thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu, hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Tám: ***CẦM GIỮ VÀNG BẠC***

Phật ở trong Trúc lâm thành Vương xá, lúc đó có Cư sĩ chủ một tụ lạc tên là Bảo kế đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, gần đây ở giữa đại chúng vua và các quan hội họp có hỏi: Sa môn Thích tử có được thọ giữ vàng bạc hay không, có người nói là được, có người nói là không được. Thế tôn trong hai người này ai xứng lý, ai không xứng lý; ai báng Phật, ai không báng Phật; ai bị Thắng nhơn làm cho xấu hổ, ai không bị Thắng nhơn làm cho xấu hổ?". Thế tôn nói: "Này Cư sĩ, người nào nói Sa môn Thích tử được thọ giữ vàng bạc là người ấy nói không xứng lý, là nói phi pháp, là hủy báng ta, là người bị Thắng nhơn làm cho xấu hổ. Ngược với trên là Thiện Vì sao, vì Bí-sô không được thọ giữ vàng bạc tiền. Bí-sô không thọ giữ vàng bạc tiền là pháp của sa môn, là thích ca tử, là pháp thuần thiện. Lần thứ hai, thứ ba ta cũng nói như vậy. Nếu người nào thọ giữ vàng bạc tiền là không phải sa môn, không phải là Thích ca tử, không

phải pháp thuần thiện. Lần thứ hai, thứ ba ta cũng nói như vậy". Cư sĩ nói: "Thế tôn, ý con như vầy: Nếu Bí-sô không thọ giữ vàng bạc tiền mới là chơn sa môn, là Thích ca tử. Nếu thọ giữ thì chẳng phải là chơn sa môn, không phải là Thích ca tử". Thế tôn nói: "Lành thay cư sĩ, như ý ông đã hiểu là khéo phân biệt". Cư sĩ Bảo kế nghe Phật nói rồi vui mừng tín thọ lễ Phật cáo lui, lúc đó cụ thọ A-nan-đà đang đứng quạt hầu Phật, Phật bảo A-nan-đà: "Thầy đến thông báo cho các Bí-sô đến tập họp nơi nhà ăn". A-nan-đà vâng lời Phật dạy đi thông báo xong trở về bạch Phật: "Các Bí-sô đã tập họp nơi nhà ăn rồi, xin Thế tôn biết thời". Thế tôn đi đến nhà ăn ngồi vào chỗ ngồi rồi bảo các Bí-sô: "Có cư sĩ chủ của một tụ lác tên là Bảo kế đến chỗ Như Lai kính lễ xong ngồi một bên bạch như vầy… giống như đoạn văn trên. Này các Bí-sô, cư sĩ này ở trong triều đình đã cất tiếng rống của sư tử nói quyết định rằng: Sa môn Thích tử không được thọ giữ vàng bạc tiền. Như lai cũng nói sa môn Thích tử không nên thọ giữ vàng bạc tiền. Cho nên các Bí-sô nếu vì xây cất phòng xá các việc nên cầu xin vật tư và nhơn công chớ không nên xin tiền bạc. Ta không nói có phương tiện thì Bí-sô được thọ giữ vàng bạc tiền". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa, lúc đó Lục chúng tự tay cầm giữ vàng bạc tiền hoặc sai người cầm giữ để làm các phòng xá hoặc mua sắm giường tòa, ngoại đạo thấy liền chê trách: "Sa môn Thích tử tự tay cầm giữ vàng bạc tiền… hoặc bảo người cầm giữ, như vậy sa môn cùng với thế tục chúng ta có khác gì đâu. Vì sao lại khiến các Bà-la-môn, cư sĩ sanh lòng tín kính mang thước ăn uống đến dâng cúng cho họ". Các Bí-sô nghe biết đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô tự tay cầm vàng bạc tiền hoặc bảo người cầm, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Vàng bạc tiền là chỉ cho bảy báu.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu khi bảo người cầm lấy có mười tám trường hợp không đồng đều thành tướng phạm:

1. Nói ngươi lấy vật này: Là bảo người lấy vàng bạc… ở chỗ dễ thấy, phạm Ác-tác; khi tay cầm giở lên phạm xả đọa.

2. Nói ngươi lấy ở chỗ này: Là bảo người khác lấy vật ở trong rương trắp…, phạm tội giống như trên.

3. Nói ngươi lấy chừng ấy vật này: Là bảo người khác lấy vật với số lượng trăm, ngàn, vạn… phạm như trên.

4. Nói ngươi mang vật này: Là bảo người khác mang vật đến (đi), phạm giống như trên.

5. Nói ngươi ở chỗ này mang đi: Là bảo người khác mang vật đựng trong rương trắp… phạm giống như trên.

6. Nói ngươi mang chừng ấy vật này: Là bảo người khác mang vật với số lượng chừng trăm, ngàn, vạn… phạm giống như trên.

7. Nói ngươi để vật này: Là bảo người khác đặt để vàng bạc… phạm giống như trên.

8. Nói ngươi để ở đây: Là bảo người khác để vật trong rương trắp… phạm giống như trên.

9. Nói ngươi để chừng ấy vật này: Là bảo người khác đặt để vật với số lượng trăm, ngàn… phạm như trên.

Chín trường hợp này là căn cứ vào vật ở chỗ dễ thấy mà bảo người khác làm.

10. Nói ngươi lấy vật kia: Là bảo người khác lấy vật ở chỗ không thấy, phạm Ác-tác; khi nhấc vật lên phạm Xả đọa.

11. Nói ngươi lấy ở chỗ kia: Là bảo người khác lấy vật ở trong rương trắp, phạm giống như trên.

12. Nói ngươi lấy chừng ấy vật kia: là bảo người khác lấy vật với số lượng chừng trăm ngàn… phạm như trên.

13. Nói ngươi mang vật kia đến (đi): Là chỉ vật kia bảo người mang đến hay mang đi.

14. Nói ngươi mang vật ở chỗ kia đến (đi): Là chỉ vật đựng trong rương trắp bảo người khác mang đến hoặc mang đi, phạm giống như trên.

15. Nói ngươi mang chừng ấy vật kia: Là chỉ vật kia bảo người khác mang đến (đi) với chừng ấy sô lượng, phạm giống như trên.

16. Nói ngươi để vật kia: Là chỉ vật kia bảo người khác đặt để, phạm giống như trên.

17. Nói ngươi để ở chỗ kia: Là chỉ người để vật trong rương trắp ở chỗ kia, phạm giống như trên.

18. Nói ngươi để với chừng ấy vật kia: Là chỉ vật kia bảo người khác đặt để với chừng ấy số lượng, phạm như trên.

Chín trường hợp này là căn cứ vật ở chỗ không thấy mà bảo người làm.

Nếu Bí-sô tự tay cầm giữ vàng bạc, bối xỉ… phạm xả đọa. Nếu

Bí-sô cầm vàng bạc đã thành hay chưa thành đều phạm Xả đọa. Nếu Bí-sô cầm vàng bạc, bối xỉ có văn tướng thành tựu đều phạm Xả đọa. Bí-sô chạm vào vật bảy báu như Ma ni… phạm Xả đọa. Bí-sô cầm tiền mà nước Biên phương cùng dùng thì phạm Xả đọa; nước Biên phương không cùng dùng thì phạm Ác-tác. Cầm sắt đồng thiếc… thuộc kim loại thì không phạm.

Sau khi Phật chế học xứ này cho các Bí-sô rồi, lúc Phật đang ở rừng Thệ-đa, ở nước Chiêm Ba có một trưởng giả tâm thâm tín thuần thiện thường dùng vật thượng diệu để cúng dường, lại xây cất một trú xứ nguy nga tráng lệ cúng cho Phật và tăng. Có nhiều Bí-sô an cư ở đây, sau khi làm lễ Tùy ý xong liền bảo Trưởng giả: "Nay chúng tôi muốn đến thành Thất-la-phiệt đảnh lễ Đại sư vá các Bí-sô kỳ túc, Trưởng giả hãy thí y cho chúng tôi", Trưởng giả nói: "Thánh giả, ở đây không có điệp y thượng diệu, hãy đợi đoàn thương buôn đến, tôi sẽ mua dâng cúng", Bí-sô nói: "Nếu không có điệp y thượng diệu thì cúng y thô xấu cũng được", Trưởng giả nói: "Thánh giả, tôi xưa nay chỉ thí y thượng diệu không cúng y thô xấu. Nếu Thánh giả không đợi được thì tôi cúng giá tiền y tùy ý các vị mua", Bí-sô nói: "Thế tôn đã chế giới không được cầm giữ tiền bạc", Trưởng giả nói: "Nếu như vậy thì thà tôi không cúng chứ tôi không cúng y thô xấu".

Các Bí-sô biết rốt cuộc không được gì nên ra đi đến thành Thất-la-phiệt, các Bí-sô trú xứ nói: "Thiện lai cụ thọ, chẳng phải chỗ các vị an cư đã nhận được nhiều y phục hay sao mà vẫn mặc y phục thô rách thế này?", đáp: "Vì không có y thượng diệu để thọ nhận", lại hỏi: "Các vị an cư ở đâu?", đáp: "Ở trú xứ của trưởng giả nước Chiêm Ba", lại hỏi: "Nghe nói Trưởng giả ấy chỉ cúng y thượng diệu, vì sao lại không có để thọ nhận?", đáp: "Chính vì duyên này nên mới không được y", liền đem sự việc trên kể lại cho các Bí-sô, các Bí-sô liền bạch Phật, Phật suy nghĩ: "Các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ kính tín muốn cúng giá tiền y cho các Bí-sô, các Bí-sô cũng muốn được y, ta nên tùy khai cho các Bí-sô không bị thiếu thốn", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "Nếu có người cúng giá tiền y, cần thì được nhận, nhận rồi nên khởi niệm là vật của người kia để cất giữ, các Bí-sô cũng nên tìm người chấp sự". Các Bí-sô không biết tìm người chấp sự như thế nào, Phật bảo: "nên tìm tịnh nhơn hay Ô-ba-sách-ca, nên hỏi người ấy rằng; người có thể làm thí chủ cho tôi không, nếu đáp là được thì nên khởi tâm ký gởi cho người ấy để cất giữ vật kia, nên bảo người đó cầm, không được tự cầm".

Lúc đó có Bí-sô đi đến phương khác nghĩ rằng: "Nay ta đến đây không có thí chủ", liền khởi tâm truy hối bạch Phật, Phật nói: "Dù đi đến phương xa, miễn người đó còn sống thì vẫn là thí chủ". Lúc đó có Bí-sô chưa tìm được thí chủ thì có người đem cúng giá tiền y, Bí-sô nghi không dám nhận bạch Phật, Phật nói: "Nên nhận rồi cầm giá tiền y đó đến trước một Bí-sô nói rằng: Cụ thọ biết cho, tôi Bí-sô tên , được vật bất tịnh này, tôi muốn đem vật bất tịnh này đổi lấy tịnh tài. Nói ba lần rồi tùy tình thọ dụng". Lúc đó có thí chủ xây cất trú xứ ở ven làng cúng cho Tăng thường bị giặc đến khủng bố nên các Bí-sô bỏ đi nơi khác, giặc cướp vào chùa lấy hết các thứ, Phật nói: "Nếu là vật của tăng già hay của Tốt đổ ba như vàng bạc vật báu thì nên cất giấu ở chỗ chắc chắn rồi mới bỏ đi nơi khác". Phật bảo cất giấu, các Bí-sô không biết bảo ai cất giấu, Phật nói: "Bảo tịnh nhơn hay Ô-ba-sách-ca cất giấu". Có trường hợp bảo họ cất giấu thì họ lấy luôn, Phật bảo nên tìm Ô-ba-sách-ca thâm tín, nếu không có thì bảo cầu tịch, nếu không có Cầu tịch thì Bí-sô tự tay cất giấu. Bí-sô không biết cất giấu như thế nào, Phật bảo nên đào hầm, Bí-sô không biết bảo ai đào, Phật bảo sai tịnh nhơn hoặc Ô-ba-sách-ca. Trường hợp họ đào cất giấu rồi lấy luôn thì nên tìm người thâm tín, nếu không có người thâm tín thì nên bảo Cầu tịch, nếu không có Cầu tịch thì Bí-sô tự tay đào cất giấu, sau khi giặc bỏ đi thì lấy lại giao cho Tăng già. Phật bảo các Bí-sô: "Ta vì nạn duyên nên khai cho các việc trên, nạn duyên không còn thì không nên dùng nữa, nếu vẫn còn dùng thì phạm Ác-tác. Không phạm là người phạm ban đầu, hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾTNHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 22

Học Xứ Thứ Mười Chín: ***XUẤT THU CẦU LỢI***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó xa gần đều nghe biết ở nước Trung phương có Phật ra đời, các đệ tử Thanh văn đều có đại thần thông…, nếu người nào có thể cúng dường Phật và Tăng thì được đại quả báo, được đại lợi ích. Các thương nhơn phương Bắc nghe biết như thế liền bàn với nhau: "Chúng ta nên đến nước trung phương buôn bán, một là cầu lợi, hai là cúng dường Phật và Tăng". Các thương nhơn liền chở nhiều hàng hóa đến thành Thất-la-phiệt của nước Trung phương, trong thánh này có một ngoại đạo lộ hình, rất giỏi về thiên văn và toán ký, nghe biết các thương nhơn phương Bắc đến liền suy nghĩ: "Ta nay nên đến xem thử và thăm hỏi, có thể ở chỗ các thương nhơn này ta sẽ được chút gì", nghĩ rồi liền lấy sách tướng ra nghiên cứu kỹ, đoán biết được tên tuổi của cha mẹ thương nhơn và hàng hóa mang theo thu lợi được nhiều hay ít. Sau đó ngoại đạo này đến chỗ thương chủ nói : "Thiện lai thương chủ, có phải thương chủ tên là , thân sinh của thương chủ tên là , thân mẫu của thương chủ tên là , số hàng hóa mang đến gồm có , vào ngày thương chủ sẽ thu được lợi như thế như thế". Thương chủ nghe rồi suy nghĩ: "Ta nghe nói đệ tử của Phật có đại thần thông, có đại biến hóa phải chăng là người này", nghĩ như vậy rồi sanh tâm kính tín liền lấy điệp y bằng lông sắc đỏ và trái cây đặc sản của phương Bắc dâng cúng cho ngoại đạo này. Ngoại đạo này liền mặc điệp y mới này đến khoe với các đồng môn, họ hỏi: "Người được y thượng hảo này từ đâu?", ngoại đạo liền kể sự việc trên cho các đồng môn nghe, họ nghe rồi liền nói: "Sa môn Thích tử thường khinh rẽ chúng ta, nói chúng ta chỉ gần gũi với hạng Chiên-đà-la tầm thường, không thể thân gần với hạng người cao quý. Người nên mặc y thượng hảo này đến chỗ sa môn Thích tử để khích tâm họ". Ngoại đạo này nghe lời các đồng môn liền đi đến rừng Thệ-đa , lúc đó Ô-ba-nan-đà đang đứng ở cửa ngỏ trông thấy ngoại đạo từ xa đi đến liền suy nghĩ: "Ngoại đạo này mặc y quý giá, nếu ta không đoạt được y này thì không xứng với tên

Ô-ba-nan-đà". Khi ngoại đạo đến gần liền hỏi: "Ông mới trở về thế tục sao?", đáp: "Tôi đâu có về thế tục", lại hỏi: "Nếu không như thế thì sao lại mặc y này?", đáp: "Có thương buôn từ phương Bắc vừa đến, tôi đến thăm hỏi, do nói đúng tên cha mẹ của ông ấy nên sanh lòng kính tín dâng cúng tôi chiếc y quý này". Ô-ba-nan-đà nói: "Đây không phải là việc tốt, đâu thể tuổi già suy như ông lại phá giới hay sao, Ông hay ngồi xuống đây, tôi sẽ nói pháp yếu". Ngoại đạo nghe lời ngồi xuống, Ô-ba-nan-đà dùng tâm hoan hỉ nói diệu pháp, nếu Ô-ba-nan-đà dùng tâm hoan hỉ nói pháp xả thí thì người nghe sẽ cảm thấy như có thể cắt thịt mình để thí. Nói pháp xong, Ô-ba-nan-đà nói: "Đại sư của ông bản tánh thích y thô xấu, dạy môn đồ lộ hình cạo tóc, đi nhiều ít đứng, thường nằm dưới đất. Nếu tánh của Đại sư ông thích ăn ngon mặc đẹp thì đã cho phép ông mặc y thượng diệu trị giá ngàn vạn, tùy ý ăn bách vị, ở trong phòng xá trị giá năm trăm kim tiền… nhưng Đại sư của ông đã không cho môn đồ sống nếp sống đó. Đại sư của tôi tánh quảng đại nên cho phép đệ tử mặc y quý giá, ăn thức ăn bách vị, ở trong phòng xá trị giá năm trăm kim tiền. Nếu ông mặc y quý giá này đi khất thực, người có lòng tín kính sẽ nghĩ là ông muốn phá giới, như vậy khất thực sẽ khó khăn không đủ nuôi thân. Ông nên cho tôi chiếc y này, tôi sẽ đổi lại cho ông chiếc y thô xấu đúng như ý muốn của Đại sư ông. Tôi sẽ mặc y này khất thực, nếu tịnh tín hỏi có từ đâu, tôi sẽ nói là của ông biếu, họ sẽ biết ông là người thâm tín, sẽ cúng cho ông thức ăn ngon và bổ dưỡng". Ngoại đạo nghe Ô-ba-nan-đà nói rồi liền sanh tâm hoan hỉ đưa y quý cho Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà chú nguyện cho không bịnh được sống lâu rồi nói: "Các đồng môn của ông nếu khi biết ông đổi y quý này cho tôi bảo ông đòi lại thì sao?", đáp: "Y này là sở hữu của tôi, đại đức không nên lo lắng", liền nói: "Được vậy thì tôi nhận", Ô-ba-nan-đà liền nhận y quý và đưa lại cho ngoại đạo y thô xấu. Lúc đó ngoại đạo mặc y thô xấu này đến chỗ đồng môn, họ hỏi: "Y thô xấu này từ đâu có?", đáp: "Là Ô-ba-nan-đà đổi cho tôi". Đồng môn nghe rồi liền nói: "Các Thích tử này luôn nghĩ đến việc sát phạt ta, người khác thấy ta tuy khi dễ nhưng không giống như Lục chúng, trong sáu người này Ô-ba-nan-đà khinh dễ chúng ta hơn hết. Nếu ông đổi y với ai khác chúng tôi cũng tùy hỉ, nhưng Ô-ba-nan-đà này lúc nào cũng muốn uống máu chúng ta, ông lại đổi y với ông ta thì ai nhẫn chịu được. Ông phải đến đòi lại, đòi được thì tốt, nếu đòi không được chúng tôi sẽ đồng tẫn xuất ông, đổi chỗ của ông, úp bát đối với ông và không nói chuyện cùng ông. "Ngoại đạo nghe rồi rất sợ hãi liền đến chỗ Ô-ba-nan-đà để đòi lại y quý, Ô-ba-nan-đà từ xa trông thấy đoán là đến đòi y nên vào phòng đóng cửa, ngoại đạo đến gõ cửa, Ô-ba-nan-đà im lặng, các Bí-sô

thấy liền hỏi: "Ông có việc gì cần muốn gặp Ô-ba-nan-đà sao?", ngoại đạo này liền kể lại sự việc trên, các Bí-sô nói: "Ông muốn đòi lại chiếc y quý thì phải đến chỗ Thế tôn ai cầu mới đòi lại được". Ngoại đạo nghe rồi liền đến chỗ Thế tôn, Thế tôn từ xa thấy ngoại đạo này đi đến liền nói với các Bí-sô: "Ngoại đạo này đến để đòi lại chiếc y quý giá, đòi được thì tốt, nếu không đòi được sẽ thổ huyết mà chết". Lúc đó ngoại đạo đến chỗ Phật nói rằng: "Đại đức Ô-ba-nan-đà lấy chiếc y quý giá của tôi, xin Thế tôn thương xót bảo Ô-ba-nan-đà trả y lại cho tôi, nếu tôi không đòi được y các đồng môn sẽ tẫn xuất tôi…" Thế tôn liền bảo A-nan-đà: "Thầy nên đến chú nguyện cho Ô-ba-nan-đà không bịnh rồi bảo Ô-ba-nan-đà nên trả lại chiếc y quý giá cho ngoại đạo, nếu không trả lại ngoại đạo này sẽ thổ huyết mà chết". Cụ thọ A-nan-đà vâng lời Phật dạy đến chỗ Ô-ba-nan-đà nói lại nguyên văn, Ô-ba-nan-đà nghe rồi nói: "Tôi xin kính cẩn vâng lời Phật day không dám trái lịnh. Nếu không phải Thế tôn bảo tôi trả lại thì dù số ngoại đạo ở châu Thiệm Bộ này nhiều như trúc, như mía, lau nhất loạt thổ huyết mà chết, Ô-ba-nan-đà tôi cũng không lay động. Cụ thọ yên tâm, tôi sẽ đem trả lại chiếc y đó". Ô-ba-nan-đà liền đến nói với ngoại đạo: "Đại sư của ông trước đây đã vọng ngữ lừa dối thế gian, ông ta chết đã đọa vào địa ngục Vô gián, trên lưỡi có năm trăm con trâu cày suốt ngày đêm. Nay ông cũng vọng ngữ quả báo sẽ gấp bội tức là có ngàn con trâu cày trên lưỡi của ông. Ông đã mặc áo của tôi chớ tôi chưa dùng chiếc áo của ông". Ô-ba-nan-đà nói xong liền lấy chiếc y quý giá ra kéo bung chỗ kết nối y rồi vò mạnh làm cho chiếc y nhàu nát, sau đó mới đưa cho ngoại đạo và nói to: "Cầm lấy và đi mau, đừng làm nhơ uế trú xứ của tôi", ngoại đạo nói: "Hôm nay ra khỏi chỗ này cho đến suốt đời tôi thề không bước chân tới rừng Thệ-đa nữa". Đây là duyên khởi nhưng Phật vẫn chưa kết giới.

Lúc đó Lục chúng Bí-sô làm đủ cách để kiếm lời hoặc thủ hoặc dữ hoặc sanh hoặc chất, dùng vật đã thành lấy vật đã thành, dùng vật chưa thành lấy vật đã thành, dùng vật đã thành lấy vật chưa thành, dùng vật chưa thành lấy vật chưa thành. Thủ là thu lấy hàng hóa từ phương khác mà mình thích sở hữu, vận chuyển đem đi, tìm người coi giữ, lập các chứng từ khế ước. Dữ là lập khế ước đưa vật cho người khác vay trong thời hạn là bao nhiêu ngày. Sanh là sanh lợi, như đưa cho người khác một ít vật dụng mà thu lại nhiều thóc lúa, sanh lợi gấp mấy lần. Chất là thu vật báu, lập chứng từ bảo chứng cho tài vật ấy. Dùng vật đã thành lấy vật đã thành: Là dùng đồ vật bằng vàng bạc… đổi lấy đồ vật đã làm thành của người khác. Dùng vật chưa thành lấy vật đã thành: Là dùng thỏi vàng đổi lấy đồ bằng vàng của người khác. Dùng vật đã thành lấy vật chưa thành là dùng đồ bằng vàng

đổi lấy thỏi vàng của người khác. Dùng vật chưa thành lấy vật chưa thành là dùng thỏi vàng đổi lấy vàng vụn của người khác.

Bí-sô xuất thu như vậy để cầu lợi nên bị ngoại đạo chê trách: "Sa môn Thích tử xuất thu cầu lợi đâu khác gì người thế tục, ai lại đem y thực cúng cho họ nữa". Các Bí-sô nghe biết liền bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: …Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô dùng mọi cách xuất thu để cầu lợi, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Dùng mọi cách là không phải một cách. Xuất thu cầu lợi là dùng các phương tiện Thủ, Dữ, Sanh, Chất để cầu lợi nhuận.

Trong học xú này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô vì cầu lợi tích trữ hàng hóa dùng mọi phương tiện chuyên chở đến phương khác, đóng thuế, lập chứng từ… khi chưa thu lợi thì phạm Ác-tác, khi thu được lợi thì phạm Xả đọa. Nếu Bí-sô vì cầu lợi đưa vàng bạc tiền cho người khác vay, khi chưa thu lợi và khi thu được lợi phạm tội giống như trên. Nếu Bí-sô vì sanh lợi đem tài vật cho người khác mượn… cho đến khi thu được lợi phạm tội giống như trên. Bí-sô vì cầu lợi thu vào vật báu tính theo thời gian để thủ lợi… phạm tội giống như trên. Bí-sô vì cầu lợi đem y của mình đổi cho người, khi đổi phạm Ác-tác, khi nhận được phạm Xả đọa.

Lúc Thế tôn ở trong Trùng các đường bên ao Di hầu tại thành Quảng Nghiêm, trong thành này các Lật-cô-tỳ đều ở nhà cao sáu , bảy tầng thấy các Bí-sô ở nhà thấp nên xây cất nhà cao sáu . Bảy tầng cúng cho các Bí-sô, trải qua thời gian lâu đều bị hư hoại. Các thí chủ này thấy vậy liền suy nghĩ: "Chúng ta còn sống mà chùa đã hư hoại, nếu sau khi ta chết sự việc còn như thế nào nữa. Chúng ta nên thí vật vô tận để Tăng tu sửa". Nghĩ rồi liền đem vật thí đến chỗ các Bí-sô nói rằng: "Thánh giả, những vật thí vô tận này cúng để tu bổ chùa, xin Thánh giả nhận", các Bí-sô nói: "Thế tôn đã chế giới nên chúng tôi không được nhận", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu vì Tăng có doanh tạo tu sửa gì thì nên nhận vật vô tận, Bí-sô Tỳ-ha-la nên làm ba tầng, Bí-sô ni nên làm hai tầng". Các Bí-sô nhận vật vô tận rồi đem cất vào kho, thời gian sau thí chủ đến hỏi: "Vì sao Tỳ-ha-la vẫn chưa được tu sửa?", Bí-sô đáp là không có tiền vật, thí chủ nói: "Chẳng phải tôi đã cúng vật vô tận rồi hay sao?", Bí-sô nói: "Vật vô tận vẫn còn ở trong kho", thí chủ nói: "Vật vô tận không nên để như vậy, đâu phải trong nhà tôi không có chỗ để, vì sao không xoay sở để sanh lợi?", các

Bí-sô nói: "Thế tôn chế giới không cho cầu lợi", liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu vì Tăng thì được cầu lợi nhuận". Nghe Phật tùy khai như vậy, các Bà-la-môn. Cư sĩ có tín tâm đều đem vật vô tận cúng thí, vật vô tận này được xoay sở để sanh lợi. Lúc đó các Bí-sô đem vật vô tận này cho thí chủ xoay sở để sanh lợi , sau đó lại tranh chấp với thí chủ về lợi nhuận, thí chủ nói: "Thánh giả, chẳng lẽ do vật của chúng tôi mà sanh tranh chấp hay sao?". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không nên cùng thí chủ sanh lợi", các Bí-sô liền cùng với giới hào quý sanh lợi, khi đòi vật họ ỷ thế không đưa. Phật nói: "không nên cùng giới hào quý sanh lợi", các Bí-sô liền cùng hạng người nghèo khổ sanh lợi, khi đòi vật họ không có vật đưa lại. Phật nói: "Khi đưa vật vô tận cho ai thì cần phải phân minh, hai bên làm khế ước và lập chứng từ, dù là Ô-ba-sách-ca tín tâm cũng phải làm khế ước chứng từ rõ ràng". Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai Mươi: ***MUA BÁN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt , lúc đó Lục chúng Bí-sô dùng đủ cách mua bán đổi chác… khiến ngoại đạo chê trách: "Sa môn Thích tử không biết nhàm chán, mua bán đổi chác xuất thu cầu lợi không khác gì thế tục. Ai lại đem y thực cúng thí cho họ nữa". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật , Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô mua bán đủ mọi hình thức, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho lục chúng. Đủ mọi hình thức là không phải một hình thức. Mua bán là thu mua giá rẽ bán ra giá đắc.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô vì lợi mua bán, khi mua vào phạm Ác-tác, khi bán ra phạm Xả đọa. Nếu vì lợi cho nên mua vào nhưng không vì lợi mà bán ra, khi mua phạm Ác-tác, khi bán ra không phạm. Nếu không vì lợi mà mua vào nhưng vì lợi mà bán ra, khi mua không phạm nhưng khi bán ra phạm xả đọa. Không vì lợi mua vào, không vì lợi bán ra thì không phạm. Nếu khi sắp đi đến xứ khác mua vật mang theo vốn không vì cầu lợi, khi đến đó gặp duyên bán ra được lợi nhưng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Nhiếp Tụng:

Hai bát, hai thợ dệt,
Đoạt y và cấp thí,

Lan-nhã, Y tắm mưa,
Hồi tăng, thuốc bảy ngày.

Học Xứ Thứ Hai Mốt: ***CHỨA BÁT DƯ QUÁ MƯỜI NGÀY KHÔNG PHÂN BIỆT***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-ba-nan-đà suy nghĩ: "Chúng ta cầu lợi nơi nào cũng bị Phật chế giới khiến chúng ta không cầu được, lợi dưỡng nhân đây cũng đoạn tuyệt", nghĩ rồi sanh lo buồn. Đúng lúc có sáu mươi người du hành đến Viên quán muốn tổ chức yến tiệc, Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu nơi những người này mà ta không được tài vật thì ta không gọi là Ô-ba-nan-đà nữa", nghĩ rồi liền lấy một cái bát tốt tròn trịa sáng sạch có thể thọ dụng đựng trong cái đãy, mang dưới nách đi đến chỗ yến tiệc. Ô-ba-nan-đà đến trước một người trong yến tiệc nói pháp khiến sanh lòng tín kính, người ấy hỏi: "Thánh giả vì mục đích gì đến đây?", đáp là vì bát mà đến, người ấy nói: "Nay tôi không có bát, nếu chỗ nào có bán tôi sẽ mua cúng dường". Ô-ba-nan-đà nghe nói rồi liền lấy chiếc bát từ trong đãy ra cho người ấy xem, xem rồi liền hỏi: "Chiếc bát như vầy giá bao nhiêu?", đáp: "Giá khoảng chừng sáu mươi Ca-lợi-sa-ba-noa", người ấy nói: "Tôi sẽ cúng sáu mươi Ca-lợi-sa-ba-noa, thầy hãy tự mua". Ô-ba-nan-đà nhận tiền rồi chú nguyện cho người ấy được không bịnh sống lâu, sau đó lại đến chỗ người khác, cứ như thế đến đủ sáu mươi người xin mỗi người được sáu mươi Ca-lợi-sa-ba-noa rồi bỏ ra về. Yến tiệc xong sáu mươi người quây quần lại một chỗ, lúc đó có một người nói: "Vừa rồi tôi cúng sáu mươi Ca-lợi-sa-ba-noa cho Thánh giả Ô-ba-nan-đà thuộc dòng họ Thích xuất gia, là vị đại pháp sư, thông suốt ba tạng, biện tài vô ngại để mua một cái bát tốt". Mọi người nghe rồi đều nói: "Tôi cũng cúng cho vị ấy sáu mươi Ca lợi sa ba noa để mua một cái bát tốt", rồi cùng nói với nhau: "Không biết một Bí-sô cần bao nhiêu cái bát". Vừa lúc đó có một Bí-sô đi ngang qua, họ liền hỏi: "Thánh giả, một Bí-sô cần bao nhiêu cái bát?", đáp: "Chỉ cần một bát". Mọi người nghe rồi liền sanh chê trách, nhưng Phật vẫn chưa do duyên này mà chế giới.

Lúc đó Lục chúng được nhiều bát dư, không tự thọ dụng cũng không cho các Bí-sô khác, các Bí-sô thiểu dục thấy vậy liền chê trách rồi đem bạch Phật, Phật mới do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô chứa bát dư quá mười ngày mà không tác pháp phân biệt, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Quá mười ngày tức là quá

mười đêm. Chứa bát dư là ngoài chiếc bát đã thọ trì gọi là bát dư, chứa là nghĩ thuộc của mình.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô ngày thứ một trong tháng được bát trong vòng mười ngày nên trì nên phân biệt, nên xả nên cho người… giống như giới chứa y dư quá mười ngày có nói rõ. Nếu bát nhỏ hay bát sắc trắng hoặc định cho người sắp thọ giới thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Hai: ***XIN BÁT***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, một đồng tử bán hương trong thành này có một chiếc bát tốt, tròn trịa, sáng sạch có thể thọ dụng. Một Bí-sô sáng sớm vào thành khất thực đến trong chợ, đồng tử bán hương nói với Bí-sô khất thực: "Thánh giả con có cái bát tốt có thể thọ dụng, nếu cần xin Thánh giả thọ nhận", Bí-sô nói: "Tôi hiện có bát rồi", đồng tử nói: "Nếu có vị nào cần, nhờ Thánh giả nói vị ấy đến lấy dùng". Bí-sô nhận lời, sau khi khất thực xong trở về trú xứ thọ thực rửa bát rồi nói với các Bí-sô: "Các cụ thọ, trên dãy phố trong chợ có đồng tử bán hương muốn cúng một cái bát tốt cho cụ thọ nào cần", Ô-ba-nan-đà ở cách đó không xa nghe rồi suy nghĩ: "Ta phải quở trách Bí-sô khất thực kia đừng truyền tin này nữa, các Hắc-bát khác nghe được sẽ nhanh chân đến lấy", nghĩ rồi liền đến nói với Bí-sô khất thực: "Cụ thọ ăn thức ăn của người tín tâm, không nên nói gì khác, chỉ có hạng người tâm tham mới bàn về y bát". Bí-sô khất thực liền suy nghĩ: "Trên thế gian này hạng người đa cầu thường tham lam tìm tòi, Ô-ba-nan-đà là một trong số đó, ông ta nghe được lời ta nói còn đến quở trách, nếu các bật kỳ túc khác nghe được ắt sẽ quở trách nhiều hơn", nghĩ rồi liền im lặng không dám nói nữa, Ô-ba-nan-đà nói: "Thân giáo sư của cụ thọ là tri thức của tôi cho nên tôi mới quở trách cụ thọ, xin chớ ôm lòng giận", Bí-sô nói: "Tôi sẽ không nói nữa", Ô-ba-nan-đà nói: "hồi nảy tôi chưa nghe rõ, hãy nói lại chỗ ở của đồng tử ấy", Bí-sô nói: "Ở dãy phố trong chợ". Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền mặc Tăng-già-chi đi đến đó, lúc đó đồng tử bán hương từ xa nhìn thấy dáng dấp của Ô-ba-nan-đà đang đi tới liền suy nghĩ: "Thấy dáng dấp của Bí-sô này đi đến chắc là muốn đoạt lấy bát của ta", nghĩ rồi liền giấu cái bát dưới sàng. Ô-ba-nan-đà cũng từ xa nhìn thấy đồng tử giấu bát liền hỏi: "Vì sao lại giấu bát?", nói rồi liền đưa tay lấy bát ra và chú nguyện cho đồng tử không bịnh sống lâu, đồng tử nói: "Thánh giả hãy trả tiền cái bát mới được mang đi", Ô-ba-nan-đà nói: "Ngươi đâu thể bán đồ dùng của tiên nhơn", liền nói kệ:

"Nếu người cúng bát sành,
Sẽ được bát bằng vàng,
Quả báo quyết không sai,
Tại sao sanh lo buồn".

Đồng tử nói: "Thánh giả không trả tiền là không được", Ô-ba-nan-đà nói: "Ngươi nay xẻn tiếc cái bát, đời sau sẽ đọa làm loài quỷ có cục bướu lớn ở cổ". Vừa lúc đó có một trưởng giả đi đến thấy Ô-ba-nan-đà liền chào hỏi, Ô-ba-nan-đà nói: "Ai cần Hiền thủ kính lễ suông", Trưởng giả nói: "Thánh giả cần gì?", Ô-ba-nan-đà nói: "Trưởng giả hãy mua chiếc bát này cúng cho tôi", Trưởng giả hỏi đồng tử: "Chiếc bát này giá bao nhiêu?", đồng tử nói giá, Trưởng giả nói: "Tôi sẽ trả tiền cái bát", đồng tử liền đưa bát cho Trưởng giả, Trưởng giả liền trao cho Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà nhận bát rồi chú nguyện cho Trưởng giả không bịnh sống lâu. Sau khi Trưởng giả đi rồi Ô-ba-nan-đà nói với đồng tử: "Ngươi cho rằng Ô-ba-nan-đà ta không thể xin được cái bát có giá như thế hay sao, ngươi nay xẻn tiếc cái bát, đời sau sẽ đọa làm loài quỷ có bướu lớn nơi cổ", đồng tử nói: "Thầy được bát rồi hãy đi khỏi đây". Ô-ba-nan-đà mang bát về rừng Thệ-đa khoe với các Bí-sô, một Bí-sô trẻ tuổi hỏi: "Đại đức đã có bát sao còn tìm bát khác nữa", Ô-ba-nan-đà nói: "Ta đạp trên đầu oan gia nên chứa bát dư nữa". Các Bí-sô thiểu dục liền chê trách: "Tại sao Bí-sô đã có bát rồi lại xin thêm bát khác, bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô quở trách Ô-ba-nan-đà rồi bảo các Bí-sô: "Từ nay về sau, Bí-sô đã có bát rồi không nên xin thêm bát khác nữa". Lúc đó có một Bí-sô khất thực bát bị lủng, khi mang bát vào thành khất thực có người cúng bún khô liền đựng trong cái đãy đựng bát, sau được cúng bún nước liền đựng trong bát, nước từ chỗ lủng chảy ra thấm ướt bún khô và làm dơ cái đãy khiến nhiều ruồi xanh bay theo đãy đựng bát. Trẻ nít thấy vậy chạy theo trêu chọc: "Thánh giả từng tu nghiệp nhiều quyến thuộc; như Trưởng giả, quý nhơn, thương chủ có nhiều đồ chúng vây quanh; ruồi xanh quyến thuộc vây quanh cũng như vậy". Vừa lúc đó có trưởng giả Cấp-cô-độc nghe thấy liền nói: "Vì sao các cháu trêu chọc trưởng giả?", đáp: "Chúng cháu không trêu chọc, chỉ là thấy ruồi xanh vây quanh Thánh giả như Trưởng giả có nhiều đồ chúng vây quanh, nên nói Thánh giả đã từng tu nghiệp nhiều quyến thuộc". Trưởng giả nói với Bí-sô: "Thánh giả xuất gia trong giáo pháp đoan nghiêm của Phật sao làm việc xấu hổ như vậy?", đáp: "Tôi làm việc gì mà gọi là xấu hổ, vì Phật đã chế Bí-sô có bát rồi không được xin bát khác nữa", Trưởng giả nói: "Thánh giả đâu nên giữ mãi cái bát lủng chảy như thế". Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô nào có bát bị lủng chảy nên vá trám lại". Sau

đó các Bí-sô dùng năm thứ nấu chảy như đường đen, sáp, khoáng tía, chì và sắt để vá trám, nhưng khi đựng thức ăn nóng thì tróc ra, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Không nên dùng năm thứ nấu chảy này để trám, nên dùng năm loại chất dẻo khô để trám", các Bí-sô không biết năm loại đó là gì, Phật nói: "Xem chỗ lủng là nhỏ hay lớn, nhỏ thì dùng đinh trám, lớn thì dùng miếng thiếc trám hoặc để miếng thiếc rồi đóng đinh bốn góc, hoặc làm như răng cá Ma kiệt, hoặc dùng mạt vụn", các Bí-sô không biết loại mạt vụn gì, Phật nói: "Có hai loại là mạt vụn của sắt và của đá, bát sắt hay bát sành đều trám được". Bí-sô dùng nước nghiền với mạt vụn để trám liền rớt ra, dùng dầu nghiền với mạt vụn trám cũng rớt ra, dùng lửa nung cũng rớt ra, dùng lửa nung bên trong cũng rớt ra, sau đó dùng nước chà xát cũng rớt ra, Phật nói: "Lấy dầu thoa rồi lau trước khi chà xát, nếu lỗ nhỏ thì dùng đường cát trộn với bùn trám vào chỗ lủng rồi nung, nếu bát sành nên dùng loại mạt vụn của đá để trám". Phật dạy năm cách trám bát rồi, sau đó có Bí-sô lở tay làm rớt bát bể thành năm miếng, Bí-sô đó phải khoan nhiều lỗ hổng rồi dùng dây mịn ràng dính lại để mang đi khất thực, Phật nói: "Bát đã bể như vậy khi rửa phải cho sạch", Bí-sô đó khi rửa phải tháo dây ra, rửa xong ràng dính trở lại mất rất nhiều thì giờ phế bỏ việc tu phẩm thiện, các Bí-sô thấy vậy liền nói: "Việc tháo ra rồi ràng lại là việc tu phẩm thiện của thầy hay sao?", đáp: "Bát lủng thì có năm cách trám còn bể thành năm miếng như vầy tôi không biết phải làm sao", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nếu bát khó tìm thì tùy ý liệu lý, nếu bát dễ tìm thì nên bỏ tìm cái khác". Lúc đó Phật khen ngợi người trì giới… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô, bát bị nứt chưa tới năm lằn nứt còn có thể dùng được, vì muốn tốt nên tìm cầu cái khác, khi được phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-để-ca. Bí-sô này nên ở trong chúng xả bát ấy rồi lấy cái bát của người nhỏ nhất trong chúng đưa lại cho Bí-sô ấy nói rằng: "Bát này giao lại cho thầy, không nên giữ yên đó, không nên phân biệt cũng không nên cho ai, mà phải cẩn thận như pháp thọ dụng từ từ cho đến khi bể". Đây là pháp xả bát.

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho lục chúng. Chưa tới năm lằn nứt là chưa đủ năm lằn nứt. Vì muốn tốt nên tìm cầu bát khác là vì tham tốt nên tìm thêm bát thứ hai. Bí-sô này nên ở trong chúng xả bát ấy tức là hành pháp xả bát, trong chúng nên sai một Bí-sô hành bát có phạm, người không có năm đức thì không nên sai, nếu đã sai thì không nên làm, đó là ái, sân, sợ si, không biết pháp hành và không hành. Ngược lại nếu có đủ năm đức thì nên sai, đã sai rồi thì nên làm. Nên sai như sau: Đánh kiền chùy nhóm tăng, trước hỏi vị nào có thể vì Tăng già hành bát có phạm, nếu có người đáp là

có thể thì Tăng nên sai một Bí-sô tác pháp yết ma như trong Bách nhất yết ma có nói rõ. Phật nói: "Ta chế hành pháp cho Bí-sô hành bát có phạm như sau: Bí-sô ấy nên ở trong chúng hòa hợp bạch: Kính bạch đại đức Tăng, tôi Bí-sô tên sẽ hành bát có phạm". Sáng ngày mai các cụ thọ mỗi vị mang bát của mình đến trong Tăng. Sáng hôm sau Bí-sô hành bát nên mang bát có phạm đến trước vị Thượng tòa khen ngợi bát đó như sau: Bát này thanh tịnh viên mãn, có thể thọ dụng, nếu thượng tọa cần xin hãy tùy ý nhận. Nếu Thượng tòa nhận bát ấy thì Bí-sô hành bát nên lấy chiếc bát cũ của thượng tọa thứ nhất chuyển trao cho vị thượng tọa thứ hai, thượng tọa thứ hai không nhận thì chuyển trao cho vị thượng tọa thứ ba. Khi thượng tọa thứ ba lấy mà thượng tọa thứ hai đòi lấy thì đòi lần thứ nhất không đưa, lần thứ hai cũng không đưa, lần thứ ba nên đưa nhưng vị thượng tọa này mắc tội Việt pháp phải như pháp sám hối. Hành pháp xả bát như vậy cho đến vị cuối cùng nhỏ nhất trong Tăng, Bí-sô hành bát nên lấy bát của vị nhỏ nhất cuối cùng này đưa lại cho Bí-sô phạm và nói rằng: Bát này không nên giữ yên đó, không nên phân biệt, cũng không nên cho ai, mà phải cẩn thận như pháp thọ dụng từ từ cho đến khi bể. Đây là pháp hành bát, Bí-sô hành bát nếu không y theo pháp này mà hành thì phạm tội Việt pháp. "Ta chế thêm hành pháp cho Bí-sô phạm như sau: Bí-sô phạm được bát này rồi phải sắm hai cái đãy đựng bát, đãy tốt đựng bát dư, đãy không tốt đựng bát cũ. Khi khất thực phải mang cả hai bát theo, thức ăn khô thì đựng trong bát dư, thức ăn ướt thì đựng trong bát cũ. Trở về trú xứ thọ thực thì nên ăn thức ăn trong bát cũ trước, ăn xong khi rửa nên rửa bát dư trước, rửa xong hong phơi cũng phải phơi bát dư trước, khi cất thì cất bát dư ở chỗ tốt. Khi đi đường có thể nhờ người mang giùm bát cũ, còn bát dư phải tự mang, không có ai mang giùm thì bên vai phải mang bát dư, bên vai trái mang bát cũ. Bí-sô phạm được bát đối với hành pháp này nếu không hành theo thì phạm tội Việt pháp. Đây là pháp trị phạt cho đến trọn đời hoặc cẩn thận thọ dụng cho đến khi bể".

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu bát của Bí-sô bị nứt một lằn chưa trét vẫn còn dùng được lại cầu xin bát khác, khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm xả đọa. Nếu bát của Bí-sô bị nứt hai lằn chưa trét vẫn còn dùng được lại cầu xin bát khác, phạm tội giống như trên. Cho đến ba, bốn lằn nứt cũng như vậy.

Nếu bát của Bí-sô bị nứt một lằn, trét rồi còn dùng được lại cầu xin bát khác, khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm xả đọa. Cho đến bị nứt bốn lằn phạm tội cũng như vậy. Nếu bát bị nứt năm lằn dù trét hay không trét,

còn dùng được hay không dùng được cầu xin bát khác đều không phạm. Bát do mua hay do thí được cũng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Ba: ***TỰ XIN TƠ SỢI BẢO THỢ DỆT KHÔNG PHẢI HỌ HÀNG DỆT THÀNH Y***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-ba-nan-đà suy nghĩ: "Đều do trưởng giả Cấp-cô-độc nên Phật chế học xứ khiến ta muốn khuyến hóa gì cũng không thể được. Nay ta nên vào thành giáo hóa may ra được chút ít", nghĩ rồi sáng sớm hôm sau liền đắp y mang bát vào thành khất thực, đi đến khu Phương Lâm thấy có năm trăm người nữ đang kéo tơ bạch điệp liền suy nghĩ: "Những người nữ này do nghiệp của mình nên bất cứ ngày đêm đều phải làm việc vất vả như kiếp trâu cày, lại còn phải đóng thuế nữa". Ô-ba-nan-đà đến chỗ họ chú nguyện chung cho họ được không bịnh sống lâu nhưng tất cả người nữ này đều im lặng. Ô-ba-nan-đà nói: "Có một điều không lâu nữa sẽ đến với tất cả các cô, điều này mọi người đều không ưa thích, đều không vừa ý, đó chính là cái chết. Khi nó đến các cô muốn nói cũng không nói được". Nghe lời nói này một cô trong số đó đứng dậy lấy ghế mời Ô-ba-nan-đà ngồi, Ô-ba-nan-đà ngồi rồi hỏi: "Các cô đã từng tu chút việc thiện nào chưa?", đáp là chưa từng, Ô-ba-nan-đà nói: "Các cô không nên không tu nghiệp thiện, người nữ này (người nữ lấy ghế mời Ô-ba-nan-đà ngồi) có đủ hai thứ thiện căn khiến được tăng trưởng: Một là nơi tôi sanh lòng tịnh tín thì nghiệp đoan nghiêm được tăng trưởng, hai là thấy tôi đến lấy ghế mời ngồi lễ bái thì nghiệp đời sau sanh vào nhà quý tộc được tăng trưởng. Nếu có thể bố thí ít tài vật thì được thọ dụng tiền bạc sung túc, các cô có thể làm được hay không?". Các người nữ nói: "Chúng tôi chỉ biết kéo tơ, không rảnh làm việc khác", Ô-ba-nan-đà lại hỏi: "Các cô chưa từng làm chút tư lương cho đời sau hay sao?", đáp là chưa từng, Ô-ba-nan-đà nói: "Đây là điều không tốt, kiếp trước các cô đã không tu nghiệp phước bị giặc cướp mất nên đời này phải vất vả khổ sở. Đời nay tuy được làm người nhưng lại không tu nghiệp phước cũng sẽ bị giặc cướp mất". Các người nữ hỏi: "Chúng tôi nên làm việc gì có thể làm tư lương cho đời sau?", Ô-ba-nan-đà nói: "Nếu các cô có thể cùng nhau bàn luận đồng tâm làm một đại điệp dâng cúng cho người trong dòng họ Thích xuất gia, thông suốt ba tạng, là đại pháp tướng, biện tài vô ngại, mọi người đều biết. Đây chính là làm tư lương cho đời sau", các người nữ nói: "Chúng tôi từ ơi nào có được đại điệp, lại từ nơi nào gặp được phước điền thắng thượng như vậy?", Ô-ba-nan-đà nói: "Các cô há không biết tôi là thuộc

dòng họ Thích xuất gia… mọi người đều biết hay sao?. Còn như từ nơi nào được đại điệp thì các cô há không biết:

"Chớ khinh thí nhỏ, Cho là không phước, Giọt nước tuy nhỏ, Dần đầy lu to, Những người có trí,

Thường tu phước nhỏ, Trong ruộng thù thắng, Được quả báo lớn".

Các cô có thể bố thí một lượng tơ sợi được không?". Các người nữ đều nói có thể, một người nói: "Tôi xin cúng nửa lượng", người khác nói: "Tôi xin cúng một phần", như vậy tuần tự tất cả năm trăm người nữ đều tùy hỉ cúng ít nhiều. Ô-ba-nan-đà hỏi: "Các cô có tâm xả như vậy thì tơ phải là tơ nhỏ mịn", các người nữ nói: "Thánh giả, chúng tôi đều là người kéo tơ sợi thô, chỉ có một người có thể kéo được tơ nhỏ mịn mà thôi", Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi muốn gặp cô ấy". Khi cô đó đến Ô-ba-nan-đà bảo kéo thử vài sợi, Ô-ba-nan-đà xem xong liền nói: "Chưa được mịn lắm, hãy kéo lại vài sợi nữa xem", như vậy cho đến ba lần, cô ấy nói: "Thánh giả, mịn hơn nữa tôi không thể làm được". Ô-ba-nan-đà nói: "Tất cả các cô đều nên kéo tơ mịn như thế", các người nữ nói: "Chỉ có cô này, còn chúng tôi đều không thể", Ô-ba-nan-đà nói: "Các cô có thể trao đổi để cô này kéo tơ mịn còn các cô kéo tơ thô giúp cho cô ấy được không?", các người nữ nói: "Nếu cô ấy chịu làm thì chúng tôi đồng ý". Ô-ba-nan-đà nói với cô gái này: "Nếu cô tu phước nghiệp thì nên nhận lời kéo tơ mịn này", cô gái nói: "Thánh giả, kéo tơ mịn phải mất nhiều thì giờ, xin chớ thúc gấp". Ô-ba-nan-đà thấy cô gái nhận lời liền chú nguyện rồi bỏ đi, thời gian lâu sau mới đến hỏi, các người nữ liền đem tơ sợi ra cúng, Ô-ba-nan-đà nhận tơ chú nguyện cho họ rồi mang về trú xứ khoe với các Bí-sô, các Bí-sô đều khen là tơ mịn, một người nói: "Đại đức có biết thợ dệt giỏi nào có thể dệt được tơ mịn này không?", Ô-ba-nan-đà nói: "Các vị khinh Ô-ba-nan-đà tôi không biết hay sao?", Bí-sô này nói: "Tôi đâu dám khinh, nếu đại đức cần thợ dệt giỏi thì nên đến tại có thợ dệt tên và người vợ đều khéo tay dệt điệp, nếu họ dệt tơ này chắc chắn sẽ thành chiếc y tốt". Ô-ba-nan-đà nói lời cám ơn rồi mang số tơ này đến chỗ thợ dệt đó khen ngợi đủ lời như sau:

"Người thiện được ngợi khen,
Tuy xa nhưng đều biết,
Như núi Tuyết cao lớn,
Mọi người cùng chiêm ngưỡng.
Người ngu ôm si hoặc,
Tuy gần chẳng ai biết,
Như đêm tối bắn tên,

ai nhìn thấy được".

Khen rồi nói: "Tiếng tăm của ông đồn khắp thành Thất-la-phiệt, ông thử xem tơ này như thế nào". Thợ dệt xem rồi nói: "Tơ này rất tốt, nếu dệt chắc chắn sẽ thành điệp tốt", Ô-ba-nan-đà nói: "Nhờ Hiền thủ dệt giùm", thợ dệt nói: "Tôi dệt thì ai trả tiền công", Ô-ba-nan-đà nói: "Cái giá mà các thợ dệt nhận được thường không đủ làm tư lương co đời sau". Thợ dệt nghe lời này liền nhìn vợ, người vợ nói: "Đại đức này đã khen ngợi chúng ta, chúng ta cũng nên thí công dệt điệp y này", thợ dệt nói: "Muốn dệt thành điệp y tốt phải cần thời gian lâu, chớ nên thúc gấp", Ô-ba-nan-đà chú nguyện rồi ra về. Thời gian lâu sau đến nhận điệp y rồi mang về khoe với các Bí-sô, các Bí-sô đều khen là điệp y tuyệt hảo, một người nói: "Nếu được thêm trương điệp thứ hai để thành Tăng-già-chi hai lớp thì càng tốt hơn". Ô-ba-nan-đà nghe rồi sáng hôm sau liền đắp y mang bát vào thành đi đến chỗ xin tơ kế đến chỗ thợ dệt, cũng lặp lại những lời khen như lần trước, thợ dệt nói: "Lần trước dệt y cho Thánh giả không lấy tiền công phải mượn tiền của người ta để chi tiêu, đến nay con chưa trả hết, lần này không thể dệt không công cho Thánh giả". Ô-ba-nan-đà ngó người vợ của thợ dệt, thợ dệt nói: "Dù vợ tôi có nhận lời thì tôi cũng không dệt", Ô-ba-nan-đà nói: "Này thợ dệt Thái Ngạch, nếu tôi không bắt ông dệt được chiếc y này thì tôi không gọi là Ô-ba-nan-đà", thợ dệt nói: "Dù thầy dùng cách gì tôi cũng không dệt". Ô-ba-nan-đà bực tức bỏ đi, vừa đi vừa suy tính rồi đi đến nhà của đại thần Hiền Thiện vốn là người quen biết cũ, người giữ cửa nói đại thần đã đi ra chợ, Ô-ba-nan-đà liền đi ra chợ tìm được đại thần Hiền Thiện ở một quán rượu, Hiền Thiện chào hỏi, Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi cho là ông bận việc công, không ngờ ông lại nhàn rỗi ở nơi quán rượu", Hiền Thiện nói: "Tôi nhơn việc công mới đến đây, không biết đại đức tìm gặp tôi có việc gì?", Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi có một ít tơ muốn dệt thành y, Hiền thủ giúp tôi sẽ được phước", Hiền Thiện nói: "Tôi đang phụng mệnh vua làm sao giúp được", Ô-ba-nan-đà nói: "Đây là việc thiện nên làm, vì số tơ này là của người tín tâm thí". Đại thần Hiền Thiện nghe rồi liền bảo một sứ giả: "Ngươi nên tìm đến một thợ dệt bảo dệt thành điệp y cho đại đức Ô-ba-nan-đà", Ô-ba-nan-đà nói: "Không cần tìm đến thợ dệt nào khác, hãy đến chỗ thợ dệt Thái Ngạch tại nói đại thần Hiền Thiện bảo ông ta dệt". Sứ giả liền mang tơ đến chỗ thợ dệt Thái Ngạch nói: "Đại thần Hiền Thiện bảo tôi mang tơ này đến cho ông dệt thành điệp y". Thợ dệt vừa nhìn thấy tơ liền nói: "Tôi phải dệt cho xong tấm vải này", sứ giả mang tơ về nói rõ nguyên do, đại thần Hiền Thiện nói: "Ngươi đến bảo thợ dệt dệt điệp y này trước, dệt tấm vải kia sau". Sứ giả mang tơ trở lại, thợ dệt nói: "Tôi không

thể vượt thứ lớp dệt điệp y này trước được", sứ giả mang tơ trở về báo lại, đại thần nói: "Nếu vậy ngươi hãy mang tơ trở lại bảo thợ dệt cứ theo thứ lớp mà dệt, ta sẽ trả tiền công". Sứ giả liền mang tơ trở lại, Ô-ba-nan-đà đi theo nói với sứ giả: "Ngươi đến chỗ thợ dệt nói rằng đại thần Hiền Thiện ra lịnh ngươi phải dệt điệp y này, nếu thợ dệt nói không thể dệt được thì ngươi nên nắm lấy đầu tóc của ông ta, đánh vào xương sống của ông ta, nếu ông ta kêu la thì tịch thu hết đồ nghề của ông ta; nếu vợ ông ta chạy đến kêu khóc thì kéo bà ta ra ngoài. Ngươi nên nói với hai vợ chồng họ rằng: "Nếu hai vợ chồng người chống cự lại lịnh của đại thần Hiền Thiện thì đại vương Thắng Quang sẽ phạt vợ chồng ngươi năm trăm kim tiền". Nếu họ chịu dệt thì ngươi nên mắng họ rằng: Nếu trước ngươi nhận dệt điệp y thì đại thần kia đã trả cho ngươi nhiều tiền, đâu phải chịu khổ như thế này, ta cũng không phải tới lui nhọc mệt". Sứ giả đến chỗ thợ dệt làm y theo lời Ô-ba-nan-đà đã chỉ dạy cho đến câu: "Vợ chồng ngươi chống trái lịnh của đại thần, vua Thắng Quang sẽ phạt vợ chồng ngươi năm trăm kim tiền", vợ của thợ dệt nghe rồi liền nói với chồng: "Nếu chúng ta bị hạ ngục ai sẽ cứu chúng ta, chúng ta nên nhận lời dệt diệp y này đi", thợ dệt liền nói với sứ giả: "Ông hãy để tơ lại đó, tôi sẽ dệt theo ý ông". Sứ giả liền để tơ lại rồi đi, lúc đó thợ dệt nói với vợ: "Tôi sẽ khiến cho kia mất tơ lại không thành y tốt", người vợ nói: "Sa môn ấy thuộc loại hào phú, nếu không dệt thành y tốt ông ta sẽ không buông tha, vợ chồng ta sẽ bị khổ sở nữa". Thợ dệt vất vả dệt xong điệp y, Ô-ba-nan-đà đến lấy mà vẫn không trả tiền công dệt khiến thợ dệt chê trách mắng rằng: "Sa môn Thích tử tạo hạnh ác, chẳng phải pháp sa môn, tại sao tự xin tơ sợi rồi cậy thế lực của vua quan bắt buộc thợ dệt không phải họ hàng dệt y cho mình". Các Bí-sô nghe biết đem việc này bạch Phật, Phật nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô tự xin tơ tằm bảo thợ dệt không phải họ hàng dệt thành y, khi được y phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca"

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Tự xin tơ tằm là xin hoặc một lượng hay nửa lượng… Bảo thợ dệt không phải họ hàng: Thợ dệt là người dệt thuê.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô xin tơ sợi từ người không phải họ hàng, bảo thợ dệt không phải họ hàng đều phạm Ác-tác, khi được y phạm Xả đọa. Bí-sô xin tơ từ người không phải họ hàng bảo thợ dệt là họ hàng dệt thành y, khi xin phạm Ác-tác khi được y không phạm. Bí-sô xin tơ từ người thuộc họ hàng, bảo thợ

dệt không phải họ hàng dệt thành y, khi xin không phạm, khi được y phạm Xả đọa. Bí-sô đến người thuộc họ hàng xin tơ bảo thợ dệt là họ hàng dệt thành y thì đều không phạm. Bí-sô xin tơ từ người không phải họ hàng rồi tự dệt lấy, khi xin phạm Ác-tác, khi thành y cũng phạm Ác-tác. Bí-sô xin tơ từ người bà con rồi tự dệt lấy, khi xin không phạm, khi thành y phạm Ác-tác, nếu trả tiền công cho thợ dệt thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 23

Học Xứ Thứ Hai Mươi Bốn: ***KHUYÊN THỢ DỆT***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, trong thành có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu thì cả hai vợ chồng đều tư thông với người ngoài… duyên khởi giống như giới Xin y từ cư sĩ không phải họ hàng, cho đến câu người vợ nói với chồng: "Thánh giả Ô-ba-nan-đà nói pháp yếu khuyên răn chúng ta, chúng ta chưa thể hiện lòng tín kính đối với vị ấy, nay chúng ta nên đem y thực cúng dường". Người chồng tán thành, người vợ nói: "Chúng ta có tơ mịn bảo thợ dệt tên dệt thành Bát tra cúng". (Bát tra tức là đại điệp , lượng bằng với ca sa nhưng phương này không có, chỉ gọi là điệp y). Người vợ mang số tơ đi đến nhà thợ dệt bảo dệt thành Bát tra để dâng cúng cho đại đức Ô-ba-nan-đà , thợ dệt nhận lời. Lúc đó đứa tớ gái trong nhà nghe biết muốn đền ơn Ô-ba-nan-đà nên đem tin này báo cho Ô-ba-nan-đà biết, Ô-ba-nan-đà suy nghĩ: "Ta là một trong sô những người tham cầu trên thế gian này, ta phải gạn hỏi cho kỹ"… đứa tớ gái nói: "Đại đức không tin thì hãy đến nhà thợ dệt tại ". Ô-ba-nan-đà liền đến nhà thợ dệt hỏi: "Hiền thủ dệt cái Bát tra này cho ai?", thợ dệt nói: "Là của vợ chồng trưởng giả bảo tôi dệt cho đại đức Ô-ba-nan-đà", lại hỏi: "Hiền thủ có biết Ô-ba-nan-đà không?", đáp không biết, Ô-ba-nan-đà nói: "Chính là tôi, cái Bát tra này vốn dệt cho tôi thì phải dệt cho dài rộng, bền chắc…", thợ dệt nói: "Nếu thiếu chỉ thì tìm ở đâu?", đáp: "Trưởng giả sẽ đưa thêm chỉ, tôi cũng sẽ đưa thêm thù lao cho ông", nói xong bỏ đi. Sáng hôm sau Ô-ba-nan-đà đắp y mang bát vào thành khất thực theo thứ lớp đến nhà của phu nhơn Thắng Man, phu nhơn mời ngồi , đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe pháp, nghe pháp xong liền hỏi: "Thánh giả hôm nay có thí chủ nào thỉnh thực hay Thánh giả tự khất thực?", đáp: "Tự khất thực", Thắng Man phu nhơn liền sớt thức ăn thượng diệu vào đầy bát trao cho Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà nhận rồi chú nguyện cho phu nhơn không bịnh sống lâu. Rời khỏi nhà phu nhơn Thắng Man liền đi thẳng đến nhà thợ dệt sớt một ít thức ăn trong bát đưa cho thợ dệt ăn rồi hỏi: "Ông đã

từng ăn thức ăn thơm ngon này chưa?", đáp là chưa từng, Ô-ba-nan-đà liền đưa hết thức ăn trong bát cho thợ dệt ăn rồi nói: "Ông hãy dệt chiếc y cho rộng dài, bền chắc…", thợ dệt nói: "Tơ thiếu ai sẽ đưa thêm?", đáp: "Ông cứ đến trưởng giả đòi thêm". Sau đó tơ hết, thợ dệt đến nhà, vợ trưởng giả đi vắng, thợ dệt bảo trưởng giả đưa thêm tơ, trưởng giả liền đưa thêm. Không bao lâu sau thợ dệt lại đến, trưởng giả đi vắng, thợ dệt bảo người vợ đưa thêm tơ, người vợ liền đưa thêm tơ. Không bao lâu sau thợ dệt lại đến, lần này gặp cả hai vợ chồng trưởng giả, người vợ hỏi: "Có phải chiếc y dệt rộng thêm?", người chồng nói: "Tôi đã từng đưa thêm", người vợ cũng nói là đã từng đưa thêm, trưởng giả hỏi thợ dệt: "Ông dệt cái Bát tra rộng lớn gấp hai lần hay sao?", đáp: "Không phải tự ý tôi dệt thêm, ngày đầu mới trương khung đại đức đã đến bảo tôi phải dệt thêm cho rộng dài, bền chắc…". Người vợ muốn biết chiếc Bát tra dài rộng bền chắc như thế nào nên đến nhà thợ dệt xem, quả là chiếc Bát tra quá rộng lớn, hết sức bền chắc và thật đẹp, bà tỏ vẻ giận dữ nói với thợ dệt: "Điệp y nay không cúng cho đại đức Ô-ba-nan-đà nữa, tôi sẽ bảo dệt chiếc y khác", nói rồi bỏ về. Vài ngày sau Ô-ba-nan-đà đến hỏi y đã dệt xong chưa, thợ dệt nói: "Y tuy dệt xong nhưng Thánh giả chưa xong", Ô-ba-nan-đà hỏi nguyên do, thợ dệt nói: "Vợ trưởng giả đến thấy chiếc Bát tra này tỏ vẻ giận dữ nói không cúng cho đại đức nữa, bảo tôi dệt lại chiếc khác". Ô-ba-nan-đà nói: "Ông biết tôi đối với ông có ân tình phải không", đáp là biết, Ô-ba-nan-đà nói: "Ông nên mang điệp y này đến trả lại cho họ và gặp tôi ở đó", thợ dệt nói: "Thánh giả đến trước, tôi sẽ mang điệp y đến sau". Ô-ba-nan-đà liền đến nhà trưởng giả , không lâu sau thợ dệt mang chiếc Bát tra đến, vợ trưởng giả liên ngăn không cho thợ dệt bước tới chỗ Ô-ba-nan-đà đang ngồi, thợ dệt bước vào đưa chiếc Bát tra cho vợ trưởng giả, Ô-ba-nan-đà liền bước tới cầm lấy chiếc Bát tra vào tay, vợ trưởng giả nói: "Thánh giả hãy đợi trưởng giả về tự tay dâng cúng", Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi còn phải về nhuộm lại, nếu đợi trưởng giả về sẽ dâng cúng y phục của tiên nhơn", vợ trưởng giả nói: "Sắc trắng là hơn hết", Ô-ba-nan-đà nói: "Đối với tiên nhơn sắc trắng là thù thắng, còn đối với tôi thì phải nhuộm", nói rồi liền bỏ ra về. Thợ dệt đòi tiền công, vợ trưởng giả nói: "Ông đã làm cho tôi mất chiếc Bát tra còn đòi tiền công nữa hay sao, hãy mau ra khỏi nhà tôi, ai lấy y thì theo đòi tiền công người đó". Thợ dệt liền đến chỗ Ô-ba-nan-đà đòi tiền công, Ô-ba-nan-đà bảo đến đòi trưởng giả, thợ dệt trở lại đòi tiền công thì bị trưởng giả nạt nộ xua đuổi, như vậy đến hai, ba lần, cuối cùng năn nỉ Ô-ba-nan-đà trả tiền công, Ô-ba-nan-đà nói: "Họ bảo ông dệt y cho tôi mà ông theo tôi đòi tiền công hay sao, tôi chỉ có ba y một bát, nếu ông năn nỉ đòi thì hãy tính toán

thức ăn mà ông đã được giá là bao nhiêu, tổng cộng còn nhiều hơn số tiền công dệt y, đáng lẽ tôi phải đòi ông, cớ sao ông lại đòi tôi tiền công dệt. Ông đứng lâu nơi đây chỉ khổ thêm thân ông mà thôi". Thợ dệt nghe rồi liền chê trách mắng rằng: "Sa môn Thích tử không biết nhàm đủ, ân nghĩa đã cho lại tính chi ly thành tiền công dệt y, không phải là chơn sa môn, có chánh pháp gì chứ?". Các Bí-sô nghe biết liền bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô, có Cư sĩ và vợ cư sĩ không phải họ hàng bảo thợ dệt không phải họ hàng dệt y cho Bí-sô. Bí-sô này trước không thọ thỉnh lại sanh niệm khác, đến chỗ thợ dệt nói rằng: ông có biết y này người ta bảo ông dệt cho tôi. Lành thay, ông nên dệt cho đẹp, dài rộng và bền chắc, tôi sẽ đem ít nhiều thức ăn trong bát hoặc giá tiền thức ăn trả thêm cho ông. Nếu Bí-sô dùng thức ăn hay giá thức ăn đưa cho thợ dệt để cầu được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà và ai khác giống như vậy. Trước không thọ thỉnh là không được báo cho biết trước. Sanh niệm khác là muốn cầu được y. Tôi sẽ đem ít nhiều thức ăn trong bát… là chỉ cho năm loại Kha-đãn-ni thực, năm loại Bổ thiện ni thực hoặc thực phẩm làm từ ngũ cốc.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô vì cầu y mang hai loại thức ăn kể trên đến chỗ thợ dệt trao cho họ ăn, khuyên họ dệt y cho tốt… thì phạm Ác-tác, khi được y thì phạm Xả đọa.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Lăm: ***ĐOẠT Y***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó nếu có người nào ở chỗ Lục chúng Bí-sô cầu xuất gia và thọ cận viên khi chưa biết vị sư chủ của mình hành ác hạnh thì cùng ở chung, khi biết được đều bỏ đi tìm thiện Bí-sô cùng ở, nhưng mỗi ngày ba thời theo lời Phật dạy vẫn đến lễ bái thầy mình. Trong Lục chúng, Bí-sô Nan-đà có một đệ tử tên Đạt-ma ban đầu do chưa biết hạnh ác của thầy nên cùng ở chung. Đạt-ma vốn tôn trọng học xứ , thường ôm lòng hổ thẹn truy hối nên khi biết được hạnh ác của thầy liền bỏ đi đến ở chung với thiện Bí-sô khác, nhưng vẫn ba thời đến lễ bái thầy mình. Lúc đó Phật bảo cụ thọ A-nan-đà: "Thầy đi thông báo cho các Bí-sô biết Thế tôn sắp du hành trong nhơn gian đến nước Kiều-tát-la, cụ thọ nào muốn tùy tùng thì chuẩn bị y bát". Cụ thọ A-nan-đà vâng lời Phật dạy đi thông báo, Nan-đà nghe rồi liền nói với Ô-ba-nan-đà: "Thế tôn sắp du hành, chúng ta ở đây thứ lớp khất thực qua một

trăm cửa nhà mới được no bụng. Nếu chúng ta theo Phật du hành tuy có mười tám món Lợi-ích kỳ đặc, nhưng theo Phật có trăm ngàn đại chúng, nhiều người muốn uống nước lã, ngồi dưới gốc cây cũng không dễ được. Nếu chúng ta cắt đặt một Bí-sô đi trước tán thán Tam bảo, chúng ta mới an lạc và trên đường đi được nhiều lợi dưỡng". Ô-ba-nan-đà nói: "Thầy muốn bỏ bát vàng để tìm bát sành hay sao. Đệ tử của thầy là Đạt-ma… đâu chịu đi cùng chúng ta, nhưng Thế tôn có nói về bốn Nhiếp sự là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự; nếu thầy hành được bốn Nhiếp sự này thì Đạt-ma sẽ chịu đi cùng chúng ta". Lúc đó y Tăng-già-chi của Đạt-ma cũ rách, có người cúng cho điệp y mới, Đạt-ma muốn may y mới nên định mang điệp y này đến xin phép thầy là Nan-đà. một Bí-sô khất thực thấy Đạt-ma ra đi liền hỏi đi đâu, Đạt-ma nói rõ nguyên do, Bí-sô khất thực liền nói: "Nếu thầy may y mới thì hãy cho tôi cái y cũ này". Đạt-ma nhận lời rồi đi đến chỗ Nan-đà bạch ý muốn may y mới của mình, Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền nói với Nan-đà đây là cơ hội tốt, Nan-đà bảo Đạt-ma: "Ta có Tăng-già-chi nay cho con, con khỏi phải may cái mới", Đạt-ma nói: "Không cần đâu Ô-ba-đà-da, con muốn may điệp y mới này". Ô-ba-nan-đà nói: "Này Đạt-ma, trước kia ta nghe nói nay mới thấy rõ. Ta nghe nói thầy thường ôm lòng xấu hổ truy hối, tôn trọng học xứ; nay mới thấy rõ thầy trái lời dạy của thầy mình, thầy của thầy đâu có kêu thầy làm điều ác?". Bị quở trách Đạt-ma liền im lặng, Nan-đà liền lấy y Tăng-già-chi đưa cho Đạt-ma, Đạt-ma nhận y rồi nói: "Ô ba đa da hãy nhận diệp y mới này", Nan-đà nói: "Này Đạt-ma, đâu phải ta muốn đổi y với con, điệp y mới này con cứ thọ dụng". Đạt-ma nói: "Nếu vậy con đem điệp y mới này cúng cho Tăng già, còn Tăng-già-chi cũ của con sẽ biếu cho Bí-sô khất thực". Nan-đà nói: "Tùy ý con". Đạt-ma liền đem điệp y mới cúng cho Tăng già và đem Tăng-già-chi cũ biếu cho Bí-sô khất thực rồi đắp y Tăng-già-chi của thầy. Sáng hôm sau đến đảnh lễ thầy, Nan-đà liền bảo Đạt-ma: "Thế tôn sắp du hành, chúng ta ở đây hằng ngày theo thứ lớp khất thực trải qua một trăm cửa nhà mới được no bụng… giống như đoạn văn trên cho đến câu trên đường đi được nhiều lợi dưỡng", Đạt-ma nói: "Ô-ba-đà-da, đi theo Phật có mười tám lợi ích kỳ đặc sao Ô-ba-đa-da lại muốn tạo tội lỗi, con rất muốn được đi theo sau Thế tôn". Nan-đà bắt buộc Đạt-ma phải nghe theo lời mình, Đạt-ma nhất quyết không nghe theo, Nan-đà nổi sân nói: "Ngươi thật ngu si, ta đâu phải vì làm phước mà cho ngươi y, chỉ là muốn ngươi đi theo ta, nghe theo lời ta. Nếu ngươi nhất quyết không nghe thì hãy trả y lại cho ta, ta không cho ngươi nữa". Đạt-ma nghe rồi liền suy nghĩ: "Thà ta không có pháp y chứ ta không thể đi cùng Lục chúng tạo tội lỗi", nghĩ rồi liền trả y lại cho Nan-đà. Lúc

đó Phật và đại chúng sắp lên đường, thường pháp của chư Phật là khi sắp đi thì quay lại xem xét đại chúng có trái oai nghi không, nhìn thấy Đạt-ma không có đắp đại y liền hỏi cụ thọ A-nan-đà: "An cư xong các Bí-sô có được lợi y không?", đáp là đều được lợi y, Thế tôn nói: "Nếu được lợi y tại sao Đạt-ma không đắp đại y". Cụ thọ A-nan-đà liền đem sự việc trên bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô đã cho người khác y mà còn đoạt lại hay sao". Phật do nhân duyên này quở trách Nan-đà và chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô trước đã cho Bí-sô khác y, sau vì phiền não sân giận mắng nhiếc, sanh tâm chê trách tự đoạt hay bảo người khác đoạt lại y nói rằng: Hãy trả lại y cho tôi, tôi không cho thầy nữa. Nếu y rời khỏi thân người kia, mình lấy tự thọ dụng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Nan-đà. Bí-sô khác là chỉ cho Đạt-ma hoặc môn nhơn đệ tử khác. Phiền não sân giận… là thân ngữ ý đều hiện tướng sân hận. Tự đoạt, bảo người đoạt đều là lấy y rời khỏi thân người kia. Tự thọ dụng là thuộc về mình để dùng.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có ba loại tướng phạm: Một là thân nghiệp như trước cho y sau vì sân hận tự tay đoạt lại hoặc lôi hoặc kéo nhưng miệng không nói, khi chéo y chưa rời khỏi thân người kia thì phạm Ác-tác, khi rời khỏi thân thì phạm Xả đọa. Hai là ngữ nghiệp như nói ra lời đòi y nhưng không động thân, kết tội giống như trên. Ba là cả thân ngữ nghiệp họp dùng để đoạt y lại. Bảo người đoạt khi bảo Bí-sô đoạt y nếu y chưa rời khỏi thân người kia thì cả hai đều phạm Ác-tác, nếu rời khỏi thân thì người được sai bảo phạm đọa, người sai bảo phạm Xả đọa; nếu bảo Bí-sô ni kết tội cũng như vậy, ba chúng sau phạm Ác-tác, nếu bảo thế tục đoạt thì phạm tội vô lượng. Có hai trường hợp không phạm: Một là nạn sự như hai thầy thấy đệ tử ở chỗ có khủng bố, hoặc phi thời ở chỗ nguy hiểm, sợ mất y nên đoạt lấy lại thì không phạm. Hai là thuận theo lời dạy như hai thầy thấy đệ tử gần gũi ác tri thức hoặc đi chung đường muốn kia không tạo ác nên đoạt y thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Sáu: ***NẠN GẤP CÚNG Y***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó trong một tụ lạc có một trưởng giả với lòng tin hiền thiện xây cất một trú xứ rất trang nghiêm nơi A-lan-nhã cúng cho Tăng già, có sáu mươi Bí-sô ở đó được cúng dường tứ sự đầy đủ, nhưng khi trưởng giả qua đời thì sự cúng dường này chấm dứt. Các Bí-sô đến hỏi người con của trưởng giả có

còn tiếp tục sự cúng dường này nữa hay không, người con trưởng giả nói không thể nên các Bí-sô đều bỏ đi. Có hai Bí-sô già vốn là người của thôn này xuất gia ở trú xứ đó nên ở lại coi giữ trú xứ, hằng ngày khất thực tự nuôi sống. Thời gian sau có đoàn thương buôn từ phương Bắc đến đi ngang qua trú xứ này liền vào trong tham quan, không thấy tăng chúng chỉ thấy có hai Bí-sô già liền hỏi: "A-giá-lợi-da, nơi đây không có tăng chúng ở hay sao?", hai Bí-sô già liền đem sự việc trên kể lại, vị thương chủ nói với các thương nhơn: "Từ lâu chúng ta muốn xây cất một trú xứ thỉnh các Bí-sô về ở cúng dường tứ sự, nay trú xứ đã có nhưng không có thí chủ, chúng ta nên tùy hỉ tùy sức minh đóng góp ít nhiều để thỉnh Tăng cúng dường". Các thương nhơn kẻ ít người nhiều đóng góp rất nhiều tài vật, thương chủ nói với hai Bí-sô già: "A-gia-lợi-da, tài vật này có thể cúng dường tứ sự cho sáu mươi Bí-sô đầy đủ, đây là ngân khoản dùng vào ngày mồng tám hằng tháng, đây là ngân khoản dùng vào ngày mười bốn, mười lăm hằng tháng, đây là ngân khoản dùng vào việc thuốc men chữa bịnh, còn đây là y lợi. Nếu có Bí-sô tốt nên thỉnh mời sáu mươi vị về cùng an cư, cuối mùa hạ chúng tôi sẽ trở lại", nói rồi ra đi. Hai Bí-sô già nói với nhau: "Ai coi giữ tài vật này?", một Bí-sô nói: "Người nào nhỏ thì người đó coi giữ", lại hỏi: "Ai đến thành Thất-la-phiệt thỉnh mời các Bí-sô về an cư?", Bí-sô kia nói: "Tôi đã coi giữ tài vật thì thầy phải đi". Bí-sô già này liền lên đường đến thành Thất-la-phiệt , thường pháp của Lục chúng là hằng ngày có một vị ở trước cổng để đón khách, hôm đó là Ô-ba-nan-đà. Ô-ba-nan-đà từ xa trông thấy một Bí-sô già đi đến không biết là kỳ túc từ đâu đến nên bước tới chào hỏi thiện lai, Bí-sô già nói: "Kính lễ A-giá-lợi-da, kính lễ Ô-ba-đà-da". Ô-ba-nan-đà vừa nghe liền biết đây chỉ là một Ma-ha-la nên hỏi: "Thầy từ đâu đến?", đáp: "Tôi từ Tỳ-ha-la đến", lại hỏi: "Thầy nói Tỳ-ha-la hay là Tỳ-già-đa?", Bí-sô già hỏi lại: "Sao gọi là Tỳ-ha-la, sao gọi là Tỳ-già-đa?", đáp: "Lợi dưỡng đầy đủ thì gọi là Tỳ-ha-la, lợi dưỡng thiếu thốn thì gọi là Tỳ-già-đa", Bí-sô già nói: "Nếu vậy thì trước kia là Tỳ-già-đa còn nay là Tỳ-ha-la", hỏi: "Nói như vậy là nghĩa gì?". Bí-sô già liền đem sự việc trên kể lại, Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền suy nghĩ: "Chớ để Bí-sô già này vào bên trong rừng Thệ-đa", nghĩ rồi liền nói: "Thầy muốn thỉnh mời các Bí-sô lở đây phải không, thầy nên biết đại vương Thắng Quang cúng dường y thực cho các Bí-sô ở đây rất đầy đủ, lại còn có Trưởng giả Cấp-cô-độc, Thắng Man phu nhơn… rất nhiều Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ tịnh tín quy ngưỡng, Bí-sô nào chưa đến thì muốn đến, đến rồi thì không muốn đi, lại được nghe Thế tôn thuyết pháp, pháp thực đều đầy đủ, nếu Đại chúng biết thầy muốn thỉnh mời các Bí-sô thì sẽ tác pháp tẫn xuất thầy ngay. Nhưng

huynh đệ tôi có sáu người, mỗi người có mười đệ tử tổng cộng sáu mươi vì thương xót thầy nên chúng tôi sẽ đi đến đó". Bí-sô già nói: "Thánh giả, tôi muốn vào trong đảnh lễ Thế tôn trước khi trở về lại trú xứ", Ô-ba-nan-đà liền suy nghĩ: "Nếu các Hắc-bát khác nghe biết được sẽ bất lợi cho chúng ta", nghĩ rồi liền nói: "Phật có nói:

"Các pháp tâm là đầu, Tâm hơn, tâm mau chóng, Do tâm được thanh tịnh, Khen ngợi và thân lễ,

Sẽ được vui thắng diệu, Như bóng luôn theo hình".

Nói rồi ấn đầu lão Bí-sô xuống bảo niệm Nam mô Phật đà, Nam mô Đạt-ma, Nam mô Tăng già. Lão Bí-sô nói: "Tôi khát nước muốn uống nước", Ô-ba-nan-đà nói: "Thầy hãy đứng đây, tôi sẽ lấy đầy bát nước cho thầy uống". Lấy nước cho lão Bí-sô uống xong liền thúc hối trở về ngay. Chiều đến Lục chúng tụ họp lại một chỗ, Ô-ba-nan-đà nói: "Các cụ thọ, chúng ta đã đến lúc thoát được cực khổ", hỏi: "Thầy có tin gì lạ phải không?", Ô-ba-nan-đà nói: "Tại tụ lạc có Tỳ-ha-la, đoàn thương nhơn phương Bắc đến đó muốn cúng dường tứ sự đầy đủ cho sáu mươi Bí-sô đến đó an cư". Tất cả nghe rồi đều muốn đến đó an cư, Ô-ba-nan-đà nói: "Chúng ta nên đến đó trước hạ thọ hưởng hiện vật rồi trở về đây hậu an cư". Bàn tính xong Lục chúng cùng môn đồ sáu mươi người lên đường đến trú xứ đó, hai Bí-sô già từ xa trông thấy vui mừng chào đón rồi trao cho phòng xá ngọa cụ… tất cả vật cần dùng. Sau đó Lục chúng nói với nhau: "Chúng ta nên biết hiện vật đã có là bao nhiêu", bàn xong liền bảo hai Bí-sô già: "Tài vật hiện có hãy đem ra cho chúng tôi xem". Hai Bí-sô già bản tính chất trực liền đem tất cả tài vật hiện có ra nói: "Đây là lợi y cúng dường sáu mươi Bí-sô an cư, đây là tiền chi tiêu hằng ngày, đây là tiên cúng cho những ngày mồng tám, ngày mười bốn, mười lăm hằng tháng, đây là tiền thuốc men…". Lục chúng kiểm tài vật rồi nói: "Hai vị coi giữ cẩn thận tài vật nên được miễn việc phục dịch lao nhọc", sau đó bàn với nhau: "Chúng ta nên sai một người làm tri sự hằng ngày lo liệu mười tám món ăn thượng diệu cho Tăng". Bàn xong liền sai một người làm tri sư, vị này mỗi ngày lo liệu mười tám món ăn thượng diệu cho tăng, không bao lâu sau hết tiền liền đến bạch Tăng: "Đại đức tăng biết cho, tiền ăn sắp hết, chỉ còn đủ một ngày nữa thôi". Thượng tọa nói: "Nếu chúng ta giới hạnh không đủ thì phải đợi ngày tiết hội, nhưng chúng ta giới hạnh đều đầy đủ cần gì phải đợi. Hãy lấy khoản tiền dành cho những ngày tiết hội đem ra dùng". Tri sự nghe lời lấy ra dùng không bao lâu lại hết đến báo với thượng tọa, thượng tọa nói: "Thân năm thủ uẩn này bị bịnh khổ phải dùng đến thuốc, cho nên có thể lấy ngân

khoản dùng về thuốc men đem ra dùng cho ẩm thực. Còn lợi y cũng đem ra phân chia cho mỗi người". Nói rồi cùng chia nhau lợi y, tri sự cũng lấy tiền thuốc men ra dùng cho ẩm thực không bao lâu sau cũng hết đến báo với thượng tọa, thượng tọa bảo kêu hai lão Bí-sô tới hỏi: "Tại sao khi thỉnh tăng thầy nói tứ sự cúng dường đầy đủ, nay chưa tới một tháng đã hết?", hai Bí-sô già nói: "Thí chủ đâu có dự liệu là chư tăng mỗi ngày dùng mười tám món ăn thượng diệu", thượng tọa nói: "Hai thầy khi được ăn ngon thì cúi đầu ăn, nay nghe nói hết liền chê trách, chúng ta sẽ tác pháp tẫn xuất hai thầy". Tri sự nói: "Hai thầy mau sám hối chớ để bị tẫn xuất ra khỏi trú xứ", hai Bí-sô già liền đối chúng sám hối, Ô-ba-nan-đà nói: "Người trong tụ lạc này không có tín kính, chúng tôi ở đây khất thực rất khó khăn, nếu còn có tài vật thì hãy mang ra, nếu không thì chúng tôi phải ra đi". Hai Bí-sô già đáp là không còn, Lục chúng nghe rồi liền dẫn môn đồ trở về lại thành Thất-la-phiệt để hậu an cư. Cuối hạ đoàn thương nhơn phương Bắc trở lại trú xứ , vào trong lễ bái rồi đi xem xét các nơi, không thấy có Tăng chúng chỉ thấy có mỗi hai Bí-sô già liền hỏi: "A-giá-lợi-da không có thỉnh mời Bí-sô về đây an cư sao?", hai Bí-sô già liền đem sự việc trên kể lại, thương chủ nghe rồi liền hỏi: "Thầy thỉnh Bí-sô ở đâu?", đáp: "Chính là Lục chúng Bí-sô và môn đồ của họ ở thành Thất-la-phiệt", thương chủ nói: "Thầy đã vào trong biển cả lấy nhầm lưu ly rồi, há trong rừng Thệ-đa không có ai khác hay sao mà chỉ thỉnh Lục chúng". Thương chủ và các thương nhơn đều sanh chê trách mắng rằng: "Sa môn Thích tử thật không biết hổ thẹn, phá hoại tịnh pháp. Chúng ta mới khởi lòng tin liền bị họ làm cho tiêu tán". Các Bí-sô nghe biết đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Giữa hạ mà phân chia y vật sanh ra tội lỗi như thế, cho nên các Bí-sô không nên chia y vật giữa hạ an cư, nếu phân chia thì phạm tội Việt pháp". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới.

Lúc đó Bí-sô ni Đại thế chủ thường tu tịch định, môn đồ cũng tu tịch định; Bí-sô ni Pháp Dự thường ưa trì kinh, môn đồ cũng ưa trì kinh. Cà hai đều sống chung trong một trú xứ, khi môn đồ của Đại thế chủ tu định thì ni Pháp Dự nói với môn đồ: "Thế tôn cho nữ giới xuất gia thọ viên cụ đều là nhờ Đại thế chủ khuyến thỉnh, như Thế tôn đã dạy người nào có thể hộ được ý của người khác sẽ được nhiều phước, các muội nên quán vô thường", môn đồ nghe rồi đều vâng theo lời dạy. Cũng vậy khi môn đồ của Pháp Dự đọc kinh thì Đại thế chủ nói với môn đồ: "Thế tôn trong ba đại kiếp tu khổ hạnh và vô lượng trăm ngàn pháp Lục Ba-la-mật thảy đều viên mãn mới chứng được Vô thượng trí, mục đích làm Lợi-ích cho tất cả hữu tình. Thế tôn có nói người nào hộ ý của người khác sẽ được nhiều phước,

các muội nên tụng kinh vô thường", môn đồ nghe rồi đều vâng theo lời dạy. Do cả hai cùng muốn hộ cho nhau nên phẩm thiện đã tu không thể tăng tấn như hoa bị thiếu nước. Trong số nữ thí chủ có Ô-ba-tư-Ca-là Tỳ-xá-khư rất tín kính Bí-sô ni Pháp Dự, đối với tất cả Bí-sô ni đều cúng dường tư cụ đầy đủ. Một lần nọ Tỳ-xá-khư đến đảnh lễ Bí-sô ni Pháp Dự, Pháp Dự nói: "Này Ô ba tư ca, hiện nay nhiều Bí-sô ni an cư một chỗ vì hộ cho nhau nên phẩm thiện đã tu không thể tăng tấn như hoa bị thiếu nước. Ô ba tư ca có thể xây cất một trú xứ khác cho Bí-sô ni được không?", Tỳ-xá-khư nói: "Thánh giả, tôi có nhiều tài vật nhưng không có đất, đất thuộc nhà vua nên không do đâu cất được", Pháp Dự nói: "Nếu được như vậy, tôi sẽ tâu vua, hy vọng sẽ có đất", Tỳ-xá-khư nói: "nếu có đất con sẽ cho xây cất". Bí-sô ni Pháp Dự liền đến chỗ phu nhơn Thắng Man, phu nhơn thấy Pháp Dự đến vui mừng chào hỏi mời ngồi rồi hỏi: "Thánh giả đến có việc gì không?", đáp: "Tôi muốn xây cất một trú xứ khác cho Bí-sô ni nhưng đất thuộc về vua, tôi vì việc này muốn nhờ phu nhơn bạch vua biết", phu nhơn nói: "Thánh giả yên tâm, con sẽ tâu cho vua biết". Pháp Dự chú nguyện cho phu nhơn không bịnh sống lâu rồi ra về, phu nhơn liền đến chỗ vua bạch rằng: "Hôm nay đại vương được lợi lớn, Bí-sô ni Pháp dự vừa đến", vua hỏi: "Thánh giả đến có việc gì?", phu nhơn nói: "Thánh giả muốn xây cất một trú xứ khác cho Bí-sô ni, nhưng đất thuộc về vua, vì muốn có đất nên đến bạch vua biết", vua nói: "Phu nhơn nói với Thánh giả, muốn cất chỗ nào tùy ý". Phu nhơn được ý chỉ của vua rồi liền sai sưa giả đến báo cho Bí-sô ni Pháp Dự biết, Pháp Dự liền báo cho Tỳ-xá-khư biết.

Vua Thắng Quang có hai tướng soái: Một là Thiện Kiếm, hai là Thiện Cung, lúc đó Thiện Kiếm được lịnh xuất binh đến xứ khác, ở nhà vợ của một số quân binh tư thông với người ngoài. Gần doanh trại của họ có một chỗ yên tĩnh vắng vẻ, Pháp Dự vì tìm đất nên đến đó rồi nói với Tỳ-xá-khư, Tỳ Xá Khi liền cho thi công xây cất, không bao lâu sau thì hoàn thành, Bí-sô ni Pháp Dự cùng môn đồ về trụ ở nơi này. Lúc đó Thiện Kiếm hành quân xong trở về, vì vợ của một số quân binh tùy ý bỏ nhà bị các quân binh này truy tìm bắt giải về xử đánh bằng trượng nên kêu khóc vang dậy. Các ni nói với Pháp Dự: "Thánh giả, chúng ta tránh trời mưa lại bị chìm trong nước sông". Pháp Dự nghe rồi liền suy nghĩ không biết những người nữ đó có căn lành không, sau khi quán biết họ đều có căn lành liền quán họ hệ thuộc vào ai mà được cứu độ, liền biết họ đều hệ thuộc vào mình nên Pháp Dự bảo các môn đồ: "Các muội, vì muốn hóa độ họ, chúng ta phải nhẫn chịu". Sau đó Pháp Dự lấy cái chậu sành để một chỗ rồi bảo các môn đồ: "Các muội hãy để tất cả bánh trái còn dư vào trong chậu này". Khi thấy các

trẻ nít vào trong chùa Pháp Dự liền lấy bánh trái này cho chúng nó, chúng mang về khoe với mẹ, các bà mẹ biết được sự thương yêu này là do ni Pháp Dự ban cho nên sanh lòng kính tín chư ni và nghĩ rằng: "Đợi khi phu chủ xuất binh, ta sẽ đến chỗ Thánh giả thừa sự cúng dường". Thời gian sau phu chủ của họ xuất binh, Pháp Dự biết đã đến lúc hóa độ những người nữ này nên bảo đồ chúng quét dọn sạch sẽ chung quanh chùa, để xà phòng và nước sạch, trang trí hương hoa và các thứ cúng dường, người nào có âm thanh thanh thoát thì được phân công tán thán công đức của Phật. Đợi các phu chủ đi rồi, những phụ nữ này cùng rũ nhau vào chùa đến chỗ Pháp Dự kính lễ. Chư ni thấy họ đến chào hỏi thiện lai rồi đưa xà phòng và nước sạch bảo họ rửa tay, kế đưa hương hoa cho họ bảo họ đi nhiễu tháp và cùng tán thán công đức của Phật. Cuối cùng họ đến đảnh lễ Pháp Dự và ngồi nghe pháp yếu, Pháp Dự quán căn cơ giới tánh sai biệt của họ mà thuyết pháp khiến tâm họ được khai ngộ, ngay nơi chỗ ngồi chứng được quả Dự lưu, xa lìa ba đường ác được đạo Niết-bàn, quy y Tam bảo thọ trì năm học xứ trở thành Ô-ba-tư-ca. Sau đó mỗi người đều trở về nhà mình quét dọn lại nhà cửa sạch sẽ và bắt đầu sống một nếp sống mới , tất cả hành động ra làm đều với oai nghi thư thả. Thời gian sau phu chủ của họ trở về, trên đường trở về mỗi người đều nghĩ đến vợ của mình ở nhà giờ này chắc là đang cùng với nam tử nào khác làm việc phi pháp. Không ngờ vừa về đến đều thấy vợ ra nghinh đón, khi về tới nhà lại được vợ chăm sóc cung phụng đầy đủ thật là việc hy hữu. Vì vậy các ông chồng này đều hỏi vợ vì sao lại có việc hy hữu như vậy, các bà vợ đều nói: "Em nhờ Thánh giả Pháp Dự nói pháp yếu khiến em ở trong sanh tử tuy vẫn còn lưu chuyển nhưng những phiền não cực trọng đều không hiện hành như những ngày trước kia nữa". Các ông chồng nghe rồi đều suy nghĩ: "Thánh giả Pháp dự có thể điều phục những người khó điều phục, vợ ta trước đây tạo nhiều hạnh tà, chúng ta dù đánh đập khổ sở cũng không thể cải hóa được. Nay nhờ thánh giả giảng nói pháp yếu khiến họ được điều phục, đây là thánh giả có đại ân với ta, ta phải đến chùa lễ bái Thánh giả". Lúc đó Pháp Dự cũng quán biết có thể hóa độ được số quân binh này nên bảo đồ chúng quét dọn sạch sẽ sân chùa… giống như đoạn văn trên cho đến câu khiến cho họ đều chứng được quả Dự lưu… quy y Tam bảo thọ trì năm học xứ. Số quân binh này nói: "Thánh giả từ nay chúng con sẽ không cố tâm làm hại đến loài trùng kiến, nhưng chúng con vốn sống với nghề đao kiếm làm sao tránh được nghiệp sát". Pháp Dự nói: "Các hiền thủ, đừng sanh tâm giết hại, hãy cầm cung không dây, tên không có mũi nhọn và cầm đao bằng gỗ". Các quân binh này vâng lời, do thọ trì năm học xứ nên tất cả voi ngựa trong doanh trại đều được nuôi đúng pháp,

gia nghiệp an vui thọ dụng đầy đủ. Thời gian sau, ở biên cương có loạn nổi lên không chịu quy phục triều đình, vua Thắng Quang cho phát binh đánh dẹp nhưng thảy đều bại trận trở về. Vua muốn thân chinh đánh dẹp cử đoàn quân của tướng quân Thiện Kiếm đi tiên phong, còn đoàn quân của tướng Thiện Cung đi hậu vệ. Khi xuất binh vua thấy đoàn quân tiên phong cả người lẫn voi ngựa đều mập mạnh còn đoàn quân hậu vệ thì người và voi ngựa đều gầy ốm, vua hỏi đại thần: "Khanh cung cấp quân lương không bình đẳng hay sao?", đại thần đáp là đều bình đẳng, vua liền bảo kêu hai tướng quân đến hỏi: "Quân binh của hai tướng quân nhận được quân lương có bình đẳng không?", cả hai đều đáp là bình đẳng, vua liền hỏi: "Nếu là như vậy tại sao quân binh của tiên phong thì mập mạnh còn quân binh của hậu vệ thì gầy ốm?". Tướng quân Thiện Cung tâu: "Nếu chúng tôi cầm tên không có mũi nhọn, cầm cung không có dây, cầm đao bằng gỗ… không muốn sát hại, tất cả binh khí đã có đều đem bán dùng vào việc ăn uống thì quân binh của chúng tôi cũng mập mạnh như thế". Vua nghe rồi liền hỏi tướng quân tiên phong có thật như vậy hay không, tướng quân tiên phong đáp là có thật như vậy, vua nổi giận nói: "Các ngươi muốn đem ta đến biên cương cho giặc giết phải không?". Tướng quân tiên phong tâu: "Đâu nhất quyết khí trượng mới có thể chiến đấu, cuối cùng vẫn phải có sức người mới phá được giặc", vua nổi giận nói: "Nếu khí trượng không thể chiến đấu, sức người mới phá được giặc thì các ngươi hãy đi phá thành", nói rồi vua hồi giá trở về. Tướng quân tiên phong đến chỗ Pháp Dự nói: "Thánh giả, vua sai chúng con đi phá thành giặc, chúng con phải dùng kế sách gì?", Pháp Dự nói: "Các vị cứ đến biên thành vì các vị chắc chắn sẽ thắng, nhưng các vị hằng đêm ở đâu cũng tụng kinh tam khải. Khi đến bao vây thành giặc thì suốt đêm đó cũng tụng kinh và niệm danh hiệu các thiên chủ chú nguyện rằng: Nguyện đem phước này dâng đến Phạm thiên, Đế thích thiên vương chủ tể thế giới này cùng bốn vị hộ thế, mười tám vị Đại Dược xoa vương, Bát-chi-ca đại tướng Dược xoa, thần vương cầm trượng, đại long vương Nan-đà…". Các quân binh nghe rồi hai liền đảnh lễ cáo lui trở về trú xứ liền tụng kinh Tam khải, khi đến biên thành bao vây thành giặc cũng suốt đêm tụng kinh, niệm danh hiệu các thiên chủ và chú nguyện như Pháp Dự đã chỉ dạy. Lúc đó thiên vương Đa Văn ở phương Bắc định đến chỗ tập họp của nhiều chúng Dược xoa nghe niệm danh hiệu các thiên chủ và chú nguyện, không biết là ai niệm liền dùng thiên nhãn quán sát thấy là các quân binh, đoán biết các quân binh muốn nhờ thần lực của chư thiên để xua đuổi giặc, nên bảo các chúng Dược xoa xuống trợ giúp. Chúng Dược xoa vâng lời hóa làm quân binh ở cách thành giặc không xa hóa voi lớn như

núi, ngựa lớn như voi, xe như lầu gác nhiều vô số. Quân trong thành từ xa trông thấy vô cùng khiếp đảm nói với nhau: "Nước và mạng sống cái nào ưu tiên hơn, nước mất có ngày lấy lại được, mạng mất không thể, ta nên bảo vệ mạng sống, đâu nên vì giữ thành mà bỏ mạng". Quân giặc đồng lòng nhất trí buông khí giới mở cửa thành quy hàng, tướng quân Thiện Kiếm thương xót không sát hại, bắt giữ tướng soái giặc cùng chiến lợi phẩm rồi kéo binh mã trở về đến chỗ Đại vương tâu: "Đây là tướng soái bại trận và chiến lợi phẩm thu được". Nhà vua vui mừng nói: "Những chiến lợi phẩm thu được hãy đem ban thưởng công lao cho các tướng sĩ". Các tù binh thề không dấy loạn, xin thần phục đều được thả cho trở về nước của họ. Lúc đó tướng quân Thiện Kiếm suy nghĩ: "Lần này xuất binh chiến thắng trở về đều là nhờ oai lực của thánh giả Pháp Dự, ta nên đem phẩm vật đã có được dâng cúng Thánh giả". Tất cả quân binh cũng nghĩ như vậy nên cùng nhau mang phẩm vật đến chỗ Pháp Dự bạch rằng: "Thánh giả, lần này chúng con được đại thắng trở về, được vua ban thưởng công lao, chúng con đem phẩm vật này đến dâng cúng xin Thánh giả từ bi thọ nhận". Pháp Dự nói: "Hiền thủ, đối với Tam bảo không khởi tâm cúng dường thì tuy sanh lên trời vẫn còn phải nghèo khổ. Các hiền thủ nên cúng dường tam bảo để được an lạc lâu dài". Các quân binh nghe rồi liền đến trong rừng Thệ-đa thỉnh Phật và Tăng cúng dường trong ba tháng hạ an cư, hằng ngày trước giờ ăn cúng dường Tam bảo, sau giờ ăn nghe diệu pháp, đầu đêm cuối đêm đều hệ niệm tư duy. Thời gian sau nơi biên cương lại dấy loạn không chịu thần phục, vua ra lịnh tướng quân Thiện Cung xuất binh đánh dẹp. Tướng quân Thiện Cung tâu: "Quân binh của tôi gầy ốm, quân binh của tướng quân thiện Kiếm khỏe mạnh, xin đại vương hãy bảo họ đi chinh phạt, lần sau quân binh của tôi sẽ đi". Vua nghe rồi liền ra lịnh cho tướng quân Thiện kiếm xuất binh chinh phạt, Thiện kiếm tâu: "Chúng tôi vừa mới xuất binh thắng trận trở về, nay lại hành quân nữa e là không hợp lý", vua nói: "Lần này xuất binh lần sau được miễn". Tướng quân Thiện Kiếm không dám trái lịnh liền nói với các quân binh: "Lần trước sở dĩ phá được thành đều là nhờ oai lực của chúng Dược xoa, lần này xuất binh e rủi nhiều may ít. Chúng ta lại nguyện cúng dường Phật và Tăng ba tháng hạ an cư, nay phải xuất binh chúng ta nên dâng y trước khi mãn hạ". Bàn xong họ cúng nhau mang y vật đến rừng Thệ-đa, lúc Thế tôn đang tĩnh tọa nên họ mang đến chỗ các Bí-sô bạch rằng: "Chúng con sắp phải xuất binh, lần này khó thể trở về nên xin dâng y vật thí giữa hạ, xin thương xót thọ nhận", các Bí-sô nói: "Hiền thủ, Thế tôn đã chế học xứ không cho chia y vật giữa hạ, chúng tôi không dám nhận". Các quân binh nói: "Thánh giả nhận rồi cất đợi khi mãn hạ hãy chia", nói

rồi cùng nhau mang y vật để vào trong một phòng rồi ra về. Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc thấy họ sắp sửa hành quân liền hỏi đi đâu, tướng quân nói: "Chúng tôi phải xuất binh ra biên thành đánh giặc", trưởng giả nói: "Nhưng các vị vừa mới thắng trận trở về, tại sao lại phải xuất binh nữa?", tướng quân nói: "Đại vương bảo chúng tôi lần này xuất binh, lần sau được miễn", trưởng giả nói: "Các vị hãy dừng binh chờ tôi vào tâu vua", nói rồi liền vào trong cung tâu vua: "Đại vương, đoàn quân binh của tướng quân Thiện Kiếm vừa mới hành quân thắng trận trở về cớ sao lại phải đi nữa", vua nói: "Lần này xuất binh lần sau được miễn". Trưởng giả tâu: "Đại vương biết chăng, các quân binh này đều đã quy Phật nên họ cầm tên không có mũi nhọn, cầm cung không có dây, cầm đao bằng gỗ không có tâm sát hại nữa. Lần trước sở dĩ phá được thành giặc đều là nhờ thiên chúng Dược xoa hỗ trợ, lần này xuất binh e khó thể trở về, há chẳng phải đại vương đã làm hại đến Phật tử". Nhà vua nghe lời này rồi liền ra lịnh cho đại thần Tỳ-lô-trạch-gia: "Kể từ nay hễ xuất binh đánh giặc thì đừng sai đoàn quân do Thiện Kiếm chỉ huy". Lúc đó các Bí-sô an cư xong đến hỏi các quân binh: "Chúng tôi an cư xong các vị có cúng thí y vật không?", đáp: "Trước đây chúng tôi đã đem để trong phòng , các Thánh giả hãy đến đó lấy". Các Bí-sô đến mở cửa phòng để lấy y vật thì kiến mối ăn y vật bỏ thành một đống, liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo nên sai một Bí-sô cất giữ y vật, Bí-sô không đủ năm pháp thì không nên sai, nếu được sai thì không nên làm, đó là có thương, ghét, sợ, si, không thể hiểu rõ cất giữ và chưa cất giữ. Ngược lại Bí-sô có đủ năm pháp thì nên sai, đã sai thì nên làm. Đó là không thương, không giận, không sợ, không si, biết rõ cất giữ và chưa cất giữ. Khi tập tăng sai trước nên hỏi: "Thầy có thể cất giữ y vật giữa hạ cho Tăng hay không?", nếu đáp là có thể thì nên sai một Bí-sô tác pháp yết ma sai. Lúc đó Thế tôn khen ngợi người trì giới và tôn kính giới, thiểu dục tri túc hành hạnh Đỗ-đa, oai nghi nghiêm túc, biết lượng thọ nhận, tùy thuận pháp ra làm của Bí-sô. Sau đó bảo các Bí-sô: Trước đây là sáng chế con bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói như sau: "Nếu lại có Bí-sô tiền an cư ba tháng hạ chưa mãn, còn mười ngày nữa mới mãn thì có y cấp thí, Bí-sô cần thì được nhận, nhận rồi nên cất đến thời thí y, nếu cất giữ quá thời gian đã chế định thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho người trong Phật pháp. Còn mười ngày nữa mới mãn hạ tức là còn mười ngày nữa mới làm lễ tùy ý. Y cấp thí: Cấp thí có năm trường hợp hoặc vì mình bịnh nên thí, hoặc vì người khác bịnh nên thí, hoặc gần chết nên thí hoặc gần đi xa nên thí. Thời thí y là nếu không có lễ trương y Yết-sỉ-na thì một tháng, có lễ trương y Yết-sỉ-na thì năm

tháng, qua thời hạn này gọi là phi thời thí y, nếu qua thời hạn này mà không tác pháp phân biệt để cất giữ y thì phạm Xả đọa. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô giữa hạ phân chia hạ lợi dưỡng hoặc cất giữ quá thời hạn đã chế đều phạm Xả đọa. Nếu còn mười ngày nữa là mãn hạ được y cấp thí phân chia thì không phạm. Nếu giữa hạ thí chủ muốn tự tay hành thí, nhận cũng không phạm. Nếu tăng sai được Bí-sô cất giữ y hoặc thí chủ nói đợi sau khi tôi trở về sẽ tự tay hành thí y, tuy cất quá thời hạn đã chế cũng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 24

Học Xứ Thứ Hai Mươi Bảy: ***Ở A LAN NHÃ SÁU ĐÊM***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt , trong một tụ lạc cách thành không xa có một trưởng giả giàu có, nhiều của cải và đông tôi tớ, với tâm tịnh tín hiền thiện đã xây cất một trú xứ trang nghiêm đẹp đẽ cúng cho Tăng, sau đó thỉnh sáu mươi Bí-sô về an cư, làm lễ Tùy ý xong tất cả đều ra đi, trú xứ trở nên trống vắng, trưởng giả phải bảo người coi giữ không cho bị trộm cướp. Lúc đó có sáu mươi Bí-sô du hành trong nhân gian đi đến tụ lạc tìm nơi tạm trú, nhờ có người chỉ đường nên tìm đến trú xứ mà trưởng giả đã xây cất cho Tăng. Người coi giữ trú xứ vui mừng sau khi cung cấp phòng xá ngọa cụ… liền chạy đến báo tin cho trưởng giả biết. Trưởng giả nghe rồi vui mừng bảo gia nhân làm nước phi thời dâng cúng rồi đi đến trú xứ xem thử, từ xa trông thấy các Bí-sô như rừng sen nở rộ, lòng càng sanh tín kính hướng về chư tăng nói kệ:

"Thôn xóm hay rừng xanh,
Chỗ cao hay chỗ thấp,
Hễ có Tăng già trụ,
Khiến sanh lòng yêu mến".

Trưởng giả tự tay dâng nước phi thời cho các Bí-sô, sau đó tự tay bưng lò hương thỉnh chư Tăng đi nhiễu chế để. Trở về lại trong trú xứ quỳ trước vị thượng tọa bạch: "Giờ ngọ ngày mai xin thỉnh Thánh chúng thương xót đến nhà con thọ thực". Các Bí-sô nhận lời, trưởng giả đảnh lễ rồi trở về nhà , sáng ngày lo sửa soạn các món ăn ngon cúng dường chư Tăng, chiều đến dâng cúng nước phi thời và nghe diệu pháp. Sau đó trưởng giả đối trước vị thượng tọa bạch: "Trú xứ này con không vì bản thân cũng không vì thân thuộc, chính là vì Tăng già mà xây cất, xin Tăng già thương xót ở lại đây an cư". Thượng tọa nói: "Pháp chủ Thế tôn hiện đang ở thành Thất-la-phiệt, hằng ngày thuyết pháp thọ ký cho Bí-sô này chứng quả A-la-hán, Bí-sô kia

thành tựu pháp quán bất tịnh…, đại vương Thắng Quang, phu nhơn Mạt Lợi… thảy đều kính tín. Chúng tôi muốn đến đó an cư để pháp thực đồng thọ dụng". Trưởng giả nói: "Về thọ pháp nghĩa lợi chỉ có các vị biết, xin Thánh chúng hãy ở lại đây an cư, con sẽ tứ sự cúng dường đầy đủ". Thượng tọa nghe rồi nói với các Bí-sô: "Các cụ thọ, như Thế tôn có dạy nếu thí chủ tín kính thì nên thương xót để họ tăng trưởng tín tâm. Chúng ta muốn lưu trú ở đây cần phải quan sát cả trong ngoài trú xứ". Sau khi quan sát xong, thượng tọa nói: "Trú xứ này vườn cây hoa trái tuy sum suê nhưng nếu tiền an cư thì trái cây chưa chín, chúng ta nên hậu an cư". Chư tăng cùng nhất trí ở đây hậu an cư, vì trưởng giả chỉ xây cất một trú xứ cho Tăng nên tất cả phước nghiệp đều tụ về đây; các thôn xóm chung quanh cũng không có chùa nên phước nghiệp của mọi người cũng tụ về đây. Cho nên các Bí-sô an cư ở đây được rất nhiều lợi dưỡng, làm lễ tùy ý xong vẫn chưa muốn ra đi. Lúc đó có bọn giặc Ca-lật-đế-ca nói với nhau: "Chúng ta nên làm gì để trọn năm khỏi phải vất vả mà y thực đầy đủ", một người trong bọn nói: "Chúng ta nên cướp đoạt tài vật của các Bí-sô", người khác nói: "Bí-sô một ngày ngọ thực mà phải trải qua một trăm cửa nhà mới được no đủ, làm gì có sở hữu", người hiểu rõ về Bí-sô liền nói: "Tuy họ hằng ngày khất thực nhưng có rất nhiều tài vật. Trưởng giả chỉ cất có một trú xứ này cho Tăng nên tất cả phước nghiệp đều tụ về đây, thôn xóm chung quanh không có chùa nên phước nghiệp của mọi người cũng tụ về đây, hạ an cư này họ được rất nhiều lợi dưỡng, nếu các bạn không tin thì hãy cùng đến đó quan sát sẽ biết". Một số người trong bọn giặc liền thay đổi quần áo đi đến chùa, đi nhiễu chế để, miệng tụng kệ kinh rồi vào trong chùa. Lúc đó có một Bí-sô Ma-ha-la đứng coi giữ, bọn giặc liền đến sụp lạy rồi hỏi: "Thánh giả, đây là chùa của ai, phòng ốc và khung cảnh trang nghiêm khiến người ưa thích, ai muốn sanh lên cõi trời ắt có thang lên trời", Bí-sô nói: "Chùa này là của trưởng giả

xây cất cho Tăng", lại hỏi: "Chùa này thuộc loại Tỳ-ha-la hay là Tỳ-già-đa?", Bí-sô hỏi: "Sao gọi là Tỳ-ha-la, sao gọi là Tỳ-già-đa?", đáp: "Y thực tư cụ đầy đủ gọi là Tỳ-ha-la, y thực tư cụ thiếu thốn gọi là Tỳ-già-đa". Bí-sô nói: "Nếu như vậy thì chùa này thuộc loại Tỳ-ha-la", bọn giặc nói: "Nếu thức ăn đầy đủ thì không nên ăn cơm gạo thô, nếu y phục đầy đủ thì không nên mặc áo vỏ cây. Không biết y phục của thầy nhiều hay ít?". Bí-sô này bản tánh chất trực liền dẫn bọn giặc vào phòng chỉ trên giá y nói: "Các vị nhìn xem y vật trên giá y thì biết", lại hỏi: "Đây là y vật riêng của thầy hay là của chư Tăng?", đáp: "là của riêng tôi", lại hỏi: "Thầy là bậc thượng tọa hay pháp sư?", đáp: "Tôi chỉ là sa di, bậc thấp nhất trong chùa",

lại hỏi: "Chúng tăng y vật ngọa cụ có đầy đủ không?", đáp: "Tôi là bậc thấp nhất mà còn đầy đủ như thế huống chi là chư Tăng", lại hỏi: "Vật dụng nấu nướng trong nhà trù là dùng nồi đất hay nồi đồng?", Bí-sô liền chỉ nhà kho nói: "Đồ đồng có đủ trong nhà kho này". Sau khi hỏi rõ mọi việc bọn cướp muốn ra về nên nói với Bí-sô: "Thánh giả, nảy giờ đã làm trở ngại thầy tu phẩm thiện, chúng tôi xin phép cáo từ, lần sau sẽ trở lại viếng thăm". Bọn giặc trở về báo cáo cho đồng bọn biết và cùng nhau nhất trí đến đó cướp tài vật, một người trong bọn nói: "Tôi nghe nói sáu mươi người tu này thiện nghệ về bắn cung, chúng ta không nên nôn nóng, đợi khi họ tập họp nghe kinh, chúng ta hãy đến cướp", người khác nói: "Ngày nào họ mới tập họp nghe kinh?", một người hiểu rõ về Bí-sô nói: "Mồng tám đã qua rồi, ngày mười bốn họ sẽ tụng". Đến ngày mười bốn thượng tọa thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa rồi sai một Bí-sô thăng tòa sư tử vừa mới bắt đầu tụng kệ:

"Phật ở trong vườn Cấp, Đã đoạn các triền phược, Các căn đều tịch tịnh, Đối chúng nói như sau…".

Đúng lúc đó bọn giặc liền gõ cửa, Bí-sô hỏi là ai, bọn giặc nói: "Thánh giả, chúng tôi là thiện nam tử", Bí-sô nghe rồi cho là người trong tụ lạc đến nghe pháp nên mở cửa cho vào, vừa vào bọn cướp liền tranh nhau cướp lấy tài vật, Bí-sô nói: "Vừa rồi các vị nói là thiện nam tử sau bây giờ lại cướp đoạt tài vật của chúng tôi", bọn giặc đáp: "Ở ngoài cửa chúng tôi gọi là thiện nam tử, vào trong chùa chúng tôi gọi là giặc cướp". Bí-sô nói: "Như vậy thì các vị không phải là người tốt". Bọn cướp đoạt lấy hết tài vật xong liền ra khỏi chùa, các Bí-sô nói với nhau: "Các cụ thọ, Thế tôn có dạy vắt sữa không nên vắt hết. Trưởng giả nếu biết chúng ta bị cướp hết tài vật ắt sẽ cung cấp lại cho chúng ta, nhất định sẽ khánh kiệt. Chúng ta nên âm thầm đi đến thành Thất-la-phiệt tìm cầu y phục ở chỗ các vị đồng phạm hạnh", một Bí-sô nói: "Chúng ta lộ hình như vầy làm sao đi đường?", Bí-sô khác nói: "Chúng ta ban đêm đi, ban ngày ẩn". Các Bí-sô không nói cho trưởng giả biết liền ra đi dần dần đi đến trong thành Thất-la-phiệt, chư tăng ở đây đầu đêm sau đêm tỉnh giác tư duy siêng tu phẩm thiện thấy có đoàn người lộ hình đến trước cửa thì kinh sợ nói vọng ra: "Các vị ngoại đến đây giờ này có việc gì, đây là trú xứ tăng không phải trú xứ của các vị", đoàn người đứng bên ngoài đáp: "Các cụ thọ, chúng tôi là Bí-sô không phải ngoại đạo lộ hình", Bí-sô bên trong nói: "Đâu có Bí-sô nào lộ hình như vậy", đoàn người đứng bên ngoài nói: "Chúng tôi bị giặc cướp đoạt lấy hết y vật", Bí-sô bên trong hỏi: "Vậy các vị tên là gì?", đáp: "Chúng tôi tên Phật Hộ, Pháp Hộ, Tăng Hộ…". Các Bí-sô bên trong nghe rồi liền mở cửa chào hỏi thiện lai mời vào trong, các Bí-sô trú xứ người đem cho ba y, người cho quần,

người cho Tăng-khước-kỳ… tùy có chi đều mang đến cho. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Nếu các Bí-sô ở A-lan-nhã trong ba y nên gởi một y trong nhà thế tục". Các Bí-sô ở A-lan-nhã theo lời Phật dạy đem gởi một y trong nhà thế tục, do giới trước Phật chế nên các Bí-sô đến trong thôn xóm cùng y ngủ qua đêm. Các Bà-la-môn cư sĩ hỏi: "Vì sao các Thánh giả lại ngủ ở đây?", đáp: "Vì gởi y ở đây", các Bà-la-môn cư sĩ nói: "Chúng tôi đâu có ăn trộm y của Thánh giả, nếu không tin nhau thì hãy mang y đến gởi chỗ khác". Các Bí-sô đem duyên này bạch Phật, Phật bảo không nên ngủ ở đó, nên mặt trời chưa mọc các Bí-sô lại đến trong thôn thấy các phụ nữ còn nằm ngủ lộ hình, họ hỏi: Trời chưa sáng sao các Thánh giả lại đến?", đáp: "Vì y của chúng tôi ở đây", họ nói: "Tôi đâu có trộm y của các vị, nếu không tin nhau thì nên mang y gởi chỗ khác", các Bí-sô đem duyên này bạch Phật, Phật nói không nên đến lúc trời chưa sáng nên các Bí-sô đến ở ngoài thôn chờ mặt trời mọc mới vào, bị cướp hoặc thú dữ làm cho kinh sợ, bạch Phật, Phật nói nên ở trong trú xứ đợi mặt trời mọc mới đến. Các Bí-sô khi có việc của Tam bảo cần ra ngoài giới đều không dám đi vì nghĩ đến y gởi ở nhà thế tục, bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô ở A-lan-nhã được lìa y sáu đêm đến chỗ khác ngủ". Lục chúng Bí-sô lìa y ra ngoài giới đến bảy đêm, các Bí-sô nói: "Phật cho phép lìa y ra ngoài giới sáu đêm đến chỗ khác ngủ, tại sao các vị lại lìa y đến bảy đêm?", Lục chúng nói: "Phật cho lìa y ra ngoài giới sáu đêm, chúng tôi tuy lìa đến bảy đêm nhưng đâu có uống rượu ăn thịt". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi sanh hiềm trách nói rằng: "Phật cho phép lìa y ra ngoài giới sáu đêm tại sao lại lìa đến bảy đêm chứ?", đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có nhiều Bí-sô ở nơi A-lan-nhã thọ hậu an cư, nơi có nạn khủng bố làm cho kinh sợ được gởi một trong ba y ở nơi thôn xóm. Nếu Bí-sô có duyên sự cần ra ngoài giới A-lan-nhã được lìa y sáu đêm ngủ chỗ khác, nếu quá thời hạn này phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có nhiều Bí-sô là chỉ cho ba người trở lên. Nếu Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Giới A-lan-nhã cách thôn xóm năm trăm cung, một Câu-lô-xá gọi là A-lan-nhã xứ, bốn Câu-lô-xá gọi là một Du-thiện-na, từ bảy cực vi cho đến Du thiện na có mười tám loại sai khác như trong giới trước đã nói. Hậu an cư bắt đầu từ mười sáu tháng sáu. Chỗ có nạn khủng bố làm cho kinh sợ là có giặc cướp, thú dữ như hổ lang, sư tử…

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô gởi một y trong ba y nơi thôn xóm, từ nơi giới A-lan-nhã

lìa y quá sáu đêm phạm Xả đọa. Nếu có một trong tám nạn xảy đến bỏ đi thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Tám: ***XIN ÁO TẮM MƯA TRƯỚC ĐỂ SAU MỚI DÙNG***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, do Phật nói Bí-sô nên tìm xin áo tắm mưa, Lục chúng Bí-sô tìm xin trước để sau mới dùng nên phế bỏ việc chánh tu, các Bí-sô thiểu dục sanh che trách: "Tại sao các vị cố trái lời Phật dạy", liền bạch Phật. Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu:"… Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô vào tháng cuối của mùa xuân tìm xin áo tắm mưa chừng nửa tháng sau thì đem ra dùng. Nếu Bí-sô xin áo tắm mưa trước tháng cuối của mùa xuân (hơn một tháng) đến nửa tháng sau mới đem ra dùng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng hoặc có ai giống như thế. Tháng cuối của mùa xuân là cách an cư một tháng, từ mười sáu tháng tư đến mười sáu tháng năm nên tìm xin áo tắm mưa. Nửa tháng sau đem ra dùng là khoảng thời gian nên dùng.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô sắp tiền an cư tức là vào háng cuối của mùa xuân nên tìm xin áo tắm mưa, Bí-sô hậu an cư nghĩ rằng: "Người kia xin áo tắm mưa tại sao mình không xin", nếu theo ý nghĩ tìm xin được áo tắm mưa thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô hậu an cư thọ trì áo tắm mưa đến hết tháng tám, Bí-sô tiền an cư nghĩ rằng: "Người kia còn dùng đến hết tháng tám tại sao mình không dùng", nếu theo ý nghĩ giữ áo tắm mưa để dùng thì phạm Xả đọa. Nếu Bí-sô theo thời gian hạ an cư của mình mà tìm xin áo tắm mưa thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai mươi Chín: ***HỒI CHUYỂN VẬT CỦA TĂNG VỀ CHO RIÊNG MÌNH***

Phật ở trong tụ lạc của người bán lau xứ Thích Ca, có một trưởng giả khởi lòng tin sâu xây cất một trú xứ cúng cho Thánh giả La-hỗ-la ở. Thời gian sau vì có duyên sự, La-hỗ-la bỏ trú xứ đi đến thành Thất-la-phiệt, trưởng giả thấy trú xứ trống không liền đem trú xứ này cúng cho Tăng già. Khi việc xong trở về mới biết trưởng giả đã đem trú xứ này cúng cho Tăng già, La-hỗ-la đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đem việc này bạch Phật, Phật bảo

La-hỗ-la: "Thầy hãy đến chỗ trưởng giả nói rằng: "Trưởng giả đối với tôi có thấy thân ngữ nghiệp làm điều gì bất thiện sanh tâm chê trách hay không". La-hỗ-la vâng lời Phật dạy đến chỗ trưởng giả nói y như vậy, trưởng giả nghe rồi đảnh lễ La-hỗ-la nói rằng: "Đối với thánh giả tôi thật không thấy có thân ngữ nghiệp làm diều gì bất thiện sanh tâm chê trách cả". La-hỗ-la chú nguyện cho trưởng giả không bịnh sống lâu rồi trở về chỗ Phật bạch lại lời trưởng giả nói, Phật bảo cụ thọ A-nan-đà đang đứng quạt hầu phía sau: "Thầy hãy đến trong tụ lạc của người bán lau bảo các Bí-sô tập họp ở nhà ăn". A-nan-đà vâng lời Phật dạy thông báo cho các Bí-sô rồi trở về bạch Phật: "Xin Phật biết thời". Phật đến trong nhà ăn ngồi vào chỗ ngồi rồi bảo các Bí-sô: "Nếu có thí chủ đem vật thí thí riêng cho một người nào rồi, thời gian sau lại đem vật đã thí đó thí cho một người khác. Trường hợp này người thí là phi pháp, người thọ cũng phi pháp gọi là thọ dụng bất tịnh. Như vậy nếu hồi chuyển thí cho hai, ba người hoặc cúng cho Tăng già đều gọi là thí không như pháp, thọ không như pháp, thọ dụng bất tịnh. Này các Bí-sô, nếu có thí chủ đem vật thí thí riêng cho hai người rồi sau lại hồi chuyển thí cho một người thì người thí kẻ thọ đều là phi pháp, thọ dụng bất tịnh. Như vậy nếu hồi chuyển thí cho hai, ba người hoặc cho Tăng già thì người thí kẻ thọ đều gọi là phi pháp, thọ dụng bất tịnh. Này các Bí-sô, nếu có thí chủ đem vật thí thí riêng cho ba người, sau hồi chuyển thí cho một, hai, ba người khác hoặc cúng cho Tăng già thì người thí kẻ thọ đều gọi là phi pháp, thọ dụng bất tịnh. Này các Bí-sô, nếu có thí chủ đem vật thí cúng cho Tăng già, sau hồi chuyển thí cho một, hai, ba người hoặc cho Tăng già khác thì kẻ thí người thọ đều gọi là phi pháp, thọ dụng bất tịnh. Này các Bí-sô, nếu tăng già bị phá làm hai bộ, trước thí cho bộ này sau hồi chuyển thí cho bộ kia đều gọi là thọ dụng bất tịnh. Này các Bí-sô, nếu có thí chủ đem vật thí thí riêng cho một người, sau không hồi chuyển thí cho người khác thì kẻ thí người thọ đều gọi là như pháp, thọ dụng thanh tịnh. Như vậy nếu thí cho hai, ba người hay Tăng già, thí cho bộ này rồi sau không hồi chuyển thí cho bộ khác thì gọi là thọ dụng thanh tịnh. Này các Bí-sô, trước là như pháp thí, sau là phi pháp thí. Này các Bí-sô, đất thuộc nhà vua, vật thuộc thí chủ, y bát… thuộc Bí sô. Thí chủ cúng chùa hay các vật dụng có hư hoại nên tu bổ, không nên đem vật thí cho người này hồi chuyển thí cho người khác. Này các Bí-sô nên trao lại cho La-hỗ-la trú xứ đã ở trước kia". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy trao lại trú xứ đó cho La-hỗ-la, đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, một Bí-sô khất thực truyền pháp Tam quy và năm học xứ cho một trưởng giả.

Thời gian sau lại thuyết pháp khen ngợi bảy loại hữu sự phước nghiệp, trưởng giả nghe rồi muốn làm chút ít phước nghiệp, Bí-sô hỏi: "Muốn làm phước nghiệp gì?", trưởng giả nói: "Muốn cúng Phật và Tăng", Bí-sô hỏi: "Có y vật để cúng không?", đáp: "Tôi chỉ có một cặp bạch điệp, Thánh giả có thể nhơn danh tôi thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà tôi thọ thực". Bí-sô khất thực đến trong vườn Cấp nhơn danh trưởng giả thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà trưởng giả thọ thực, các Bí-sô nói với nhau: "Đây là thí chủ do Bí-sô khất thực giáo hóa", một Bí-sô hỏi: "Trưởng giả này có vật thí hay không có vật thí?", Bí-sô khất thực nói: "Chỉ có một cặp bạch điệp phụng thí". Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền suy nghĩ: "Người này thỉnh Phật và Tăng mà chỉ dùng một cặp bạch điệp phụng thí, chắc chắn đó là y quý giá, Nếu ta không chiếm đoạt y này, ta không gọi là Ô-ba-nan-đà". Nghĩ như vậy rồi nên trời vừa sáng Ô-ba-nan-đà liền đắp y mang bát đến nhà trưởng giả, thấy trưởng giả đang sửa soạn các món ăn liền hỏi: "Nhà trưởng giả sắp có lễ gì sao?", đáp: "Tôi đang sửa soạn các món ăn thức uống để cúng Phật và Tăng", Ô-ba-nan-đà nói: Này trưởng giả, như Lai đã khéo thuyết giảng nếu có chúng sanh vào buổi sáng dùng thân ngữ tâm tu các nghiệp thiện, người ấy được gọi là sơ phần thiện; vào buổi trưa dùng thân ngữ tâm tu các nghiệp thiện thì gọi là trung phần thiện; vào buổi chiều dùng thân ngữ tâm tu các phẩm thiện thì gọi là hậu phần thiện. Nay trưởng giả được tam nghiệp sơ thiện do trưởng giả tự tay lo liệu các món ăn cúng Phật và tăng nhưng không biết trưởng giả có tài vật dâng cúng không?", đáp: "Tôi chỉ có một cặp bạch điệp phúng thí", lại hỏi: "Tôi có thể xem qua một chút được không?". Trưởng giả liền lấy y ra đưa cho Ô-ba-nan-đà xem, Ô-ba-nan-đà khen: "Quả là y quý giá nhưng trưởng giả có phước xả thí mà không có phước thọ dụng, vì Phật và đại chúng cả thảy hai trăm năm mươi vị chỉ nhận một cặp bạch điệp này thì phải chờ nhận thêm một ngàn hai trăm bốn mươi chín điệp y nữa mới có thể chia được. Như vậy bạch điệp này để trên giá y đến cũ rách mới được dùng. Phật có nói nếu Tăng già được một ít thực lợi cũng chia đồng đều cho nhau, nay được bạch điệp này sẽ xé ra làm tim đèn chia đều cho nhau. Trưởng giả cúng y quý giá như vậy nếu xé ra làm tim đèn thì đâu có phước thọ dụng". Trưởng giả hỏi: vậy tôi phải làm thế nào để được phước thọ dụng?", đáp: "Trưởng giả nên cúng y này cho người thuộc dòng họ Thích xuất gia, thông suốt tam tạng, là bậc đại pháp sư, khéo hay diễn thuyết, biện tài vô ngại, trưởng giả sẽ được đủ phước huệ thí và phước thọ dụng". Trưởng giả nói: "Nhưng tìm đâu ra được vị có phước điền như vậy để phụng thí", đáp: "Chính là tôi". Trưởng giả liền đảnh lễ rồi đem y dâng cúng, Ô-ba-nan-đà nói: "Trưởng giả tuy hiểu

thí xả nhưng chưa hiểu lễ nghi. Trưởng giả hãy đợi Phật và tăng đến thọ thực xong hãy mang bạch điệp này đến trước vị Thượng tọa nói với đại chúng là tùy hỉ, sau đó mới đem đến cho tôi". Trưởng giả nghe rồi liền hứa sẽ làm đúng như vậy, sau khi quét dọn phòng nhà sạch sẽ, để hương hoa, xông trầm và nước rửa chân nơi cửa liền sai sứ giả đến bạch Phật "Giờ đã đến". Phật và đại chúng sáng sớm đắp y mang bát đến nhà trưởng giả theo thứ lớp ngồi rồi, trưởng giả tự tay dâng cúng các món ăn cho Phật và đại chúng. Đợi Phật và tăng thọ thực xong liền mang cặp bạch điệp đến trước đại chúng nói tùy hỉ rồi đưa cho Ô-ba-nan-đà. Thế tôn chú nguyện rồi cùng đại chúng trở về trú xứ, Bí-sô giữ kho chứa y bảo vị thọ sự: "Cụ thọ đến chỗ Ô-ba-nan-đà đòi lấy cặp bạch điệp", vị thọ sự đến đòi, Ô-ba-nan-đà hỏi: "Lấy rồi có đưa lại không?", đáp: "Không có đưa lại", lại hỏi: "Vì sao không đưa lại?", đáp: "Vì đây là vật cúng cho Tăng". Ô-ba-nan-đà nói: "Y cúng cho tôi sao nói là cúng cho tăng, tôi không đưa đâu". Bí-sô khất thực liền đến nhà trưởng giả nói: "Ông nay có ý gì mà sấm sét chỗ này lại mưa chỗ khác", trưởng giả nói: "tôi có lỗi gì?", Bí-sô nói: "Trưởng giả trước có nói cúng bạch điệp cho Tăng, vì sao thọ thực xong lại hồi chuyển cúng riêng cho Ô-ba-nan-đà?", trưởng giả nói: "Chính đại đức Ô-ba-nan-đà trời vừa sáng đến nhà tôi nói rằng: 'ông có phước xả thí mà không có phước thọ dụng… "Giống như đoạn văn trên. Tôi chỉ là làm theo lời dạy của đại đức Ô-ba-nan-đà thì đâu có lỗi gì". Bí-sô khất thực trở về trú xứ đem sự việc trên kể lại rồi nói: "Tôi và ông trưởng giả đâu có lỗi gì". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách: "Tại sao Bí-sô biết người kia đem vật thí cúng Tăng lại hồi chuyển về cho mình", đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết người kia cúng y vật cho Tăng mà tự hồi chuyển về cho mình, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà hoặc có ai giống như vậy. Biết là tự biết hay được người khác nói cho biết. Vật thí trong đây là chỉ cho lợi y.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô biết y vật thí cho một Bí-sô khác mà hồi chuyển về cho mình, khi hồi chuyển phạm Ác tác, khi được phạm Xả đọa. Như vậy cho đến biết vật thí cho hai, ba người hoặc cho Tăng mà hồi chuyển về cho mình phạm tội giống như trên.

Nếu Bí-sô biết vật thí cho một Bí-sô mà hồi chuyển cho một Bí-sô khác, khi hồi chuyển phạm Ác-tác, khi người kia nhận được cũng phạm

Ác-tác. Như vậy cho đến biết vật thí cho một người mà hồi chuyển đến cho hai, ba người hoặc cho tăng, phạm tội cũng giống như trên.

Nếu Bí-sô biết vật thí cho tăng mà hồi chuyển về cho một người, khi hồi chuyển phạm Ác-tác, khi người kia nhận được cũng phạm Ác-tác. Như vậy cho đến biết vật thí cho Tăng mà hồi chuyển cho hai, ba người, khi hồi chuyển phạm Ác-tác, khi những người kia nhận được cũng Ác-tác.

Nếu Bí-sô biết vật thí cho Tăng già này mà hồi chuyển về cho tăng già khác, khi hồi chuyển phạm Ác-tác, khi Tăng già kia nhận được cũng phạm Ác-tác. Nếu biết vật thí cho Bí-sô tăng già lại hồi chuyển cho Bí-sô ni tăng già; hoặc biết vật thí cho Bí-sô ni tăng già lại hồi thí cho Bí-sô tăng già; hoặc biết vật thí cho hai bộ tăng già lại hồi thí cho Bí-sô tăng già; hoặc biết vật thí cho hai bộ tăng già lại hồi thí cho Bí-sô ni tăng già; hoặc biết vật thí cho Bí-sô tăng già lại hồi thí cho hai bộ tăng già; hoặc biết vật thí cho Bí-sô ni tăng già lại hồi thí cho hai bộ tăng già; hoặc Tăng già bị phá làm hai bộ, biết vật thí cho bộ này lại hồi thí cho bộ kia; hoặc biết vật thí cho chùa này lại hồi thí cho chùa kia… cho đến triển chuyển hồi thí cho nhau đều phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô biết vật cúng cho Phật tượng nơi này lại hồi chuyển cúng cho Phật tượng nơi kia; biết vật cúng cho tốt đổ ba nơi này lại hồi chuyển cúng cho tốt đổ ba nơi kia… cho đến hồi chuyển qua lại cho nhau như thế đều phạm Ác-tác. Nếu nhà vua ra lịnh hồi chuyển thì không phạm; nếu biết vật thí cho người nghèo này lại hồi chuyển thí cho người nghèo kia thì phạm Ác-tác, nếu tìm cách cứu giúp mà không được nên hồi chuyển đem cho thì không phạm… cho đến vật định thí cho bàng sanh lại hồi chuyển cho người, hoặc vật thí cho người lại hồi chuyển cho bàng sanh đều phạm Ác-tác. Vật định thí cho người xuất gia lại hồi chuyển đem cho người tục hay ngược lại đều phạm Ác-tác, nếu tìm cách giúp mà không được nên hồi chuyển đem cho thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tam loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Ba Mươi: ***DÙNG LOẠI THỰC PHẨM QUÁ BẢY NGÀY***

Phật ở trong Trúc Lâm thành Vương xá, lúc đó đệ tử của cụ thọ Tất Lân Đà Tử có các loại thực phẩm tự xúc chạm, bảo người xúc chạm, hoặc để xen tạp với các loại thức ăn thức uống khác, hoặc để chung một chỗ với cùng loại hay khác loại, không phân biệt là loại thời dược hay là loại phi thời dược mặc tình lấy dùng. Các Bí-sô khác thấy liền chê trách: Tại sao Bí-sô có các loại thực phẩm tự xúc chạm, bảo người xúc chạm… giống như đoạn văn trên… mặc tình lấy dùng", đem việc này bạch Phật, Phật nhóm

họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Như Thế tôn đã dạy các Bí-sô bịnh được cất giữ tùy ý lấy dùng các loại thực phẩm đã có như tô, dầu, đường, mật… trong vòng bảy ngày gọi là Thất nhật dược, được xúc chạm và để qua đêm lấy dùng, nếu quá thời hạn bảy ngày vẫn lấy dùng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca."

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ngày thứ một trong tháng được các loại thực phẩm này tự cất giữ để thọ dụng trong vòng bảy ngày, hoặc có thể xả, hoặc cho người khác; nếu không cất giữ, không xả, không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô ngày thứ nhất không được các loại thực phẩm này, ngày thứ hai, ngày thứ ba không được cho đến ngày thứ bảy mới được thì nên tự cất giữ để thọ dụng trong vòng bảy ngày, hoặc có thể xả hoặc cho người; nếu không cất giữ, không xả, không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả đọa. Nếu Bí-sô ngày thứ nhất được thực phẩm, ngày thứ hai được thực phẩm thì đối với loại thực phẩm của ngày đầu được cất giữ thọ dụng trong vòng bảy ngày; còn loại thực phẩm được của ngày thứ hai thì nên xả hoặc cho người khác. Hoặc cất giữ thọ dụng loại thực phẩm của ngày thứ hai còn loại thực phẩm của ngày thứ nhất thì xả hoặc cho người khác, nếu không cất giữ, không xả, không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả đọa. Bí-sô như ngày thứ nhất, ngày thứ hai phải đối thú tác pháp… cho đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy cũng phải đối thú tác pháp.

Nếu Bí-sô ngày thứ một trong tháng được nhiều loại thực phẩm, nên trong vòng bảy ngày tự tác pháp thọ trì hoặc xả hoặc cho người; nếu không thọ trì, không xả, không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm xả đọa. Nếu Bí-sô nhận được nhiều loại thực phẩm như đối với ngày thứ nhất cho đến ngày thứ bảy cũng nên trong vòng bảy ngày tự tác pháp thọ trì, hoặc xả hoặc cho người; nếu không thọ trì, không xả không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả đọa. Nếu Bí-sô ngày thứ nhất được nhiều loại thực phẩm, ngày thứ hai cũng được nhiều loại thực phẩm thì nên cất giữ thọ trì loại thực phẩm của ngày thứ một trong vòng bảy ngày, còn loại thực phẩm của ngày thứ hai nên xả hoặc cho người khác. Hoặc cất giữ loại thực phẩm của ngày thứ hai còn loại thực phẩm của ngày thứ nhất nên xả hoặc cho người khác, nếu không xả không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả đọa. Nếu Bí-sô ngày thứ nhất, ngày thứ hai đều không được nhiều loại thực phẩm, cho đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy mới được thì nên cất giữ thọ trì loại thực phẩm của ngày

thứ sáu còn loại thực phẩm của ngày thứ bảy nên xả hoặc cho người. Nếu không xả không cho người đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm xả đọa.

Bí-sô có các loại thực phẩm tự xúc chạm bảo người xúc chạm, hoặc để xen tạp với các loại thức ăn thức uống khác, hoặc cùng loại để chung một chỗ không thể phân biệt được thì loại thực phẩm này nên cho tịnh nhơn hay Cầu tịch. Bí-sô đối với các loại thực phẩm này nếu không tự xúc chạm bảo người xúc chạm, không để xen tạp với các loại thực ăn thức uống khác, hoặc không để chung một chỗ với cùng loại lẫn lộn nhau, xả và không xả, thời và phi thời có thể khéo phân biệt thì được cất giữ trong vòng bảy ngày tự tác pháp thọ trì. Pháp thọ trì như sau: Trước giờ ngọ rửa tay sạch sẽ cầm loại thực phẩm này đối trước một vị đồng phạm hạnh nói: "Cụ thọ xin nhớ nghĩ, tôi Bí-sô tên vì có bịnh duyên, loại thực phẩm thanh tịnh này nay xin được thọ trì trong vòng bảy ngày" (3 lần). Nếu dùng được một ngày nên đến nói với vị đồng phạm hạnh: "Cụ thọ, tôi vì có bịnh duyên các loại thực phẩm này đã dùng được một ngày còn sáu ngày nữa được tiếp tục dùng". Nói như vậy cho đến ngày thứ bảy, dùng đủ bảy ngày rồi nếu có dư thì nên xả hay cho tịnh nhơn, Cầu tịch. Nếu không xả, không cho đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc liền phạm Xả đọa.

Bí-sô có loại thực phẩm phạm Xả đọa không xả cho người, không làm pháp gián cách tội, không thuyết tội, nếu nhận được thêm các loại thực phẩm khác đều phạm Xả đọa vì do tội trước nhiễm lây. Nếu Bí-sô có thực phẩm phạm xả đọa, thực phẩm tuy xả nhưng chưa làm pháp gián cách tội, chưa thuyết tội nếu nhận thêm các loại thực phẩm khác đều phạm Xả đọa vì do tội trước nhiễm lây. Nếu Bí-sô có thực phẩm phạm xả đọa, thực phẩm tuy xả và đã làm pháp gián cách tội nhưng chưa thuyết tội, nếu nhận được các loại thực phẩm khác đều phạm xả đọa. Nếu Bí-sô có thực phẩm phạm Xả đọa chưa làm ba việc kể trên nếu nhận được các loại vật dụng cần dùng khác như y bát… mà cất chứa đều phạm Xả đọa vì do tội trước nhiễm lây. Bí-sô có thực phẩm phạm xả đọa, đã xả thực phẩm, đã làm pháp gián cách tội, đã thuyết tội, sau đó nhận được các loại thực phẩm khác đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Các đại đức, tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca, nay hỏi các đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Tôi nay nhớ giữ như thế.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 25

V. CHÍN MƯƠI PHÁP BA DẬT ĐỂ CA

Tổng Nhiếp Tụng:

Vọng ngữ và chủng tử,
Không sai cùng thường ăn,
Nước trùng, bảo bạn đi,
Bàng sanh, đám giặc, ăn.

Biệt Tụng Thứ Nhất:

Vọng, hủy và ly gián,
Phát khởi, đồng thanh tụng,
Nói tội, thật đắc quả,
Theo bà con, khinh hủy.

Học Xứ Thứ Nhất: ***CỐ Ý VỌNG NGỮ***

Phật ở trong Trúc lâm, bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, lúc đó cụ thọ La-hỗ-la ở trong rừng Ôn-tuyền bên thành này khi có Cư sĩ, Bà-la-môn kính tín đến hỏi Thế tôn nay ở đâu. Nếu lúc đó Thế tôn ở trong Trúc lâm thì La-hỗ-la nói là ở núi Linh Thứu, nếu Thế tôn ở Linh Thứu thì La-hỗ-la nói là ở Trúc lâm… khiến cho mọi người muốn đến đảnh lễ Phật đều không thể gặp được, lại còn mỏi mệt khổ nhọc. Sau đó họ trở lại chỗ La-hỗ-la, La-hỗ-la hỏi có gặp Thế tôn không, họ nói: "Không gặp, tại sao Thánh giả cố ý xúc não chúng tôi?", đáp: "Quả là tôi đã cố ý xúc não các vị". Mọi người nghe rồi đều chê trách, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nghe rồi sáng sớm đắp y mang bát vào thành Vương xá theo thứ lớp khất thực rồi trở về bổn xứ thọ thực. Sau đó đến chỗ La-hỗ-la trong rừng Ôn-tuyền, La-hỗ-la thấy Phật đến trải tòa, để nước rửa nghinh đón Phật, Phật ngồi xuống rửa chân rồi nghiêng chậu nước rửa đổ bỏ, chỉ chừa lại một chút nước trong chậu rồi hỏi La-hỗ-la: "Con có thấy chút ít nước trong chậu không?", đáp là thấy, Phật nói: "Này La-hỗ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói

vọng, không hổ thẹn cũng không truy hối, Như lai gọi đó là người ngu và là người thiếu pháp sa môn", nói rồi trút đổ hết xuống đất hỏi La-hỗ-la: "Con có thấy chút nước trong chậu đổ hết ra đất không?", đáp có thấy, Phật nói: "Này La-hỗ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hối, Như lai gọi đó là người ngu và là người bỏ mất hết pháp sa môn", nói rồi Thế tôn đá chậu nghiêng ngửa ra đất hỏi La-hỗ-la: "Con có thấy chậu bị đá nghiêng ngửa ra đất không?", đáp có thấy, Phật nói: "Này La-hỗ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hối, Như lai gọi đó là người ngu, là người làm nghiêng đổ pháp sa môn", nói rồi Phật úp chậu xuống đất hỏi La-hỗ-la: "Con có thấy chậu bị úp xuống đất không?", đáp có thấy, Phật nói: "Này La-hỗ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối, không hổ then cũng không truy hối, Như lai gọi đó là người ngu đã lật úp pháp sa môn. Này La-hỗ-la, như con voi chúa say rượu có sức mạnh, cặp ngà của nó như càng xe mập khỏe khéo hay chiến đấu, khi ra chiến trường chiến đấu với đối phương thì bốn chân, cặp ngà, đuôi xương sống, xương hông đều có tác dụng, chỉ trừ cái vòi thì nó cuốn lại không đem ra dùng. Này La-hỗ-la, con voi này vì bảo vệ tính mạng nên không dùng cái vòi để quật ngã đối thủ. Người điều khiển quân voi liền biết con voi này vì hộ tiếc thân mạng. Này La-hỗ-la, nếu con voi khi cùng đối phương chiến đấu dùng cái vòi để tranh tài thì người điều khiển voi biết con voi này không tiếc thân mạng, khi sáp trận sẽ tàn hại, không việc ác nào là không làm. Cũng như vậy này La-hỗ-la, nếu có Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hối, Như lai nói người như vậy không việc ác nào là không làm". Thế tôn liền nói kệ:

"Người nào trái thật pháp,
Cố nói lời hư dối,
Cho đến khi mạng chung,
Không ác nào không làm.
Thà nuốt hòn sắt đỏ,
Cũng như lửa cháy hừng,
Không dùng miệng phá giới,
Ăn thức ăn tín tâm".

Nói rồi Phật bảo La-hỗ-la: "Thầy có biết người đời tại sao hay cầm gương soi", đáp: "Chính là để xem dung mạo đẹp hay xấu", Phật nói: "Đúng như vậy, thân nghiệp của con khi sắp làm việc gì, con phải thường tự quán sát: "Thân nghiệp mà ta sắp tạo tác có hại cho tự thân và thân người khác là việc bất thiện, là nghiệp khổ ác, có thể ở đời vị lai chiêu cảm quả dị thục khổ không?. Nếu không hại tự thân và thân người khác là việc thắng thiện,

là nghiệp an lạc, có thể ở đời vị lai chiêu cảm quả Dị thục lac không?'. Này La-hỗ-la, khi quán sát việc làm như vậy, có thể biết được thân nghiệp này ta sắp làm sẽ đem lại tổn giảm cho mình và người là việc bất thiện, là nghiệp khổ ác, có thể chiêu cảm quả Dị thục khổ ở đời vị lai thì nên kiểm nhiếp lai không nên làm. Này La-hỗ-la, khi quán sát việc làm như vậy, có thể biết được thân nghiệp này ta sắp làm có thể làm Lợi-ích cho mình và người là việc thắng thiện, là nghiệp an lạc, có thể chiêu cảm quả Dị thục lạc ở đời vị lai thì nên phát khởi tu tập. Này La-hỗ-la, thân nghiệp của con khi đang làm việc gì, con phải thường tự quán sát: "Thân nghiệp mà ta đang làm có thể tổn hại mình và người sẽ thọ khổ báo thì không nên làm, nếu thân nghiệp này làm Lợi-ích cho mình và người sẽ thọ quả báo an lạc thì nên tu học". Này La-hỗ-la, thân nghiệp của con đã làm việc gì, con phải thường tự quán sát: "Thân nghiệp mà ta đã làm tổn hại cho mình và người sẽ thọ khổ báo". Tội nghiệp đã làm nên đối trước Phật chí thành khẩn thiết nói tội đã làm, hoặc đối trước vị đồng phạm hạnh thanh tịnh nói tội đã làm, phát lồ sám hối, thề không tái phạm. Nếu làm nghiệp thiện Lợi-ích cho mình và người sẽ thọ quả báo an lạc thì nên phát tâm hoan hỉ, đối với việc đã làm chớ có buông lung. Này La-hỗ-la, đối với thân nghiệp sắp làm, đang làm và đã làm ba thời thường nên khéo quán sát như vậy; phải biết ngữ nghiệp, ý nghiệp cũng như vậy. Này La-hỗ-la, phải biết quá khứ, hiện tại và vị lai tất cả hành nghiệp đều do ý sanh, nên thường quán sát loại bỏ vọng niệm, thường phát khởi tâm thiện. "Này La-hỗ-la, đối với ba nghiệp thân ngữ ý khi nó hiện khởi nên khéo quán sát khiến nó tương ưng với thanh tịnh cùng cực. Như hiện tại quán sát ba nghiệp khiến nó tương ưng với thanh tịnh cùng cực, quá khứ vị lai cũng như vậy. Như vậy đối với ba nghiệp con phải thường tự quán sát khiến nó tương ưng với thanh tịnh cùng cực, chớ có buông lung". Phật liền nói kệ:

"La-hỗ-la nên biết,
Thường quán sát ba nghiệp,
Đừng nên tạo các ác,
Là thuận lời Phật dạy.
Đây là nghiệp Thanh văn,
Con nay phải tu trì,
Khi tu tập hạnh này,
Dứt ác tăng trưởng thiện".

Thế tôn nói pháp chỉ dạy cho La-hỗ-la được lợi hỉ rồi từ tòa ngồi đứng dậy ra về, La-hỗ-la đảnh lễ hoan hỉ phụng hành. Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới.

Lúc đó Phật đang ở trong rừng Thệ-đa, có Bí-sô Pháp Thủ là Thích ca tử cũng trụ nơi đây. Pháp Thủ có biện tài có thể đánh bại luận thuyết của kẻ khác. Cũng trong lúc này ở nước trung phương có một Ma-nạp-phược-ca vì cầu học nên đến phương Nam (sự việc như trong duyên khởi của giới thứ bốn Ba-la-thị-ca). Vị sư mà Ma-nạp-phược-ca phụng sự là một Bà-la-môn ở phương Nam rất giỏi nghị luận, vị sư này cùng Ma-nạp-phược-ca và các đệ tử tuần tự du hành đến thành Thất-la-phiệt. Trong thành này có một Bà-la-môn thủ lãnh nghe nói có vị đại luận sư từ phương Nam đến liền nói với đồ chúng: "Các trò biết chăng, vị đại luận sư sắp đến đây để tìm địch luận, nếu đại luận sư kia ở trong các luận lập nghĩa thì các trò tùy theo điều đã học cùng nhau thù đối, nếu các trò phá được luận cứ ấy thì tốt, nếu không phá được thì hãy chỉ ông ta đến luận nghĩa với Thích ca tử. Nếu đại luận sư đó phá được luận cứ của thích ca tử tức là dòng Bà-la-môn của ta thắng, nếu Thích ca tử đánh bại được luận sư ấy thì cũng là dòng Bà-la-môn của ta thắng. Vì sao, vì có thể khiến tám phương nghe danh ở phương Nam có vị đại luận sư thông suốt bốn minh, hiểu rõ tám thuật đã tìm đến thành Thất-la-phiệt khích luận. Nếu người trong thành này đánh bại được luận cứ của Bà-la-môn ấy thì chúng ta cũng chẳng phải thua, nên cũng gọi là thắng". Vị đại luận sư sau khi đến thành Thất-la-phiệt vào sáng sớm lấy y quấn bụng, tay cầm đuốc đi vào trong thành, một Bà-la-môn tử trông thấy liền hỏi: "Tại sao đại sư lấy y quấn bụng?", đáp: "Những gì ta đã học được đầy cả bụng, sợ nó vỡ ra nên ta phải lấy y quấn lại", lại hỏi: "Vì sao đại sư cầm đuốc giữa ban ngày?", đáp: "Ta thấy mọi người đều ngu muội nên cầm đuốc này muốn phát huy lửa trí của họ". Sau đó vị đại luận sư khích luận với đồ chúng của Bà-la-môn kia và các học sĩ trong thành, tất cả đều bị khuất phục, mọi người nói: "Đại sư cớ gì làm nhục bằng hữu của mình?", luận sư hỏi: "Không lẽ ở đây còn có bằng hữu khác hay sao?", đáp có, lại hỏi là ai, đáp: "Là sa môn Thích tử mới hưng khởi gần đây, trong bốn giai cấp độc xưng là tối thắng, đa văn biện thuyết, mọi người đều nghe biết, đại sư nên đến khích luận với họ". Luận sư hỏi: "Họ ở đâu?", đáp ở trong rừng Thệ-đa , lại hỏi: "Trong chúng đó, ai là người khích luận bậc nhất", đáp: "Họ đều là người đa văn mẫn tiệp, từ biện phân minh". Đúng lúc đó Bí-sô Pháp Thủ đi đến, mọi người trông thấy liền nói với luận sư: "Đại sư hãy khích luận với Bí-sô Pháp Thủ trước rồi tìm các sa môn Thích tử sau". Luận sư nghe rồi nhìn kỹ Bí-sô, nói với mọi người: "Vừa nhìn qua tướng mạo, chắc chắn đây là luận chủ", nói rồi liền đến chỗ Pháp Thủ nói rằng: "Tôi được học chút ít luận cứ nơi thầy tôi, nay tôi muốn cùng thầy luận nghị", Bí-sô nói: Thật tốt, tôi cũng có tâm cầu luận nạn, gặp được địch thủ cũng

thỏa lòng, tùy ý ông sắp xếp", luận sư nói: "Ngày nay đối đàm được không?", đáp: "Ngày mai ở tại vườn hoa ", ước hẹn rồi bỏ đi. Luận sư sau khi ước hẹn với Bí-sô rồi suốt đêm đó nghiên cứu cùng tột cả hai tông để tìm chỗ hở bài xích mãi cho đến trời sáng, lúc đó Bí-sô Pháp Thủ suy nghĩ: "Nếu ta phá được luận cứ của luận sư kia thì ta cũng không khỏi hằng ngày khất thực qua một trăm cửa nhà, còn nếu luận sư kia đánh bại ta thì danh xưng thủ lãnh của ta sẽ bị chôn vùi", nghĩ rồi không đi đến chỗ đã ước hẹn. Luận sư kia sáng sớm đến vườn hoa chờ đợi mãi không thấy Bí-sô đến liền trở về, còn Pháp Thủ thấy đã qua giờ hẹn mới vào thành thứ lớp khất thực, luận sư kia gặp liền hỏi: "Tại sao Bí-sô không đến chỗ hẹn ở vườn hoa ?", Pháp Thủ liền hỏi: "Vườn hoa nào?". Luận sư hỏi lại: "Thánh giả không nhớ ngày hôm qua đã ước hẹn sáng nay đến vườn hoa để luận nạn hay sao?", Pháp Thủ nói: "Tôi quên mất", luận sư nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta suốt đêm nghiên cứu luận cứ không ngủ mà Bí-sô lại nói tôi quên mất", lại nghĩ: "Bí-sô này thuộc trong hai hạng người: Một là hạng người tình thức ngu tối, hai là hạng người biện tài hơn người", nghĩ rồi liền nói: "Nếu vậy ngày mai Bí-sô đúng hẹn nhé", đáp: "Cứ như thế". Sáng hôm sau luận sư liền đến vườn hoa chờ mãi vẫn không thấy Bí-sô đến nên trở về, còn Pháp Thủ thấy đã qua giờ ước hẹn mới vào thành khất thực, luận sư lại gặp liền hỏi: "Tại sao Bí-sô lại không đến?", Pháp thủ nói: "Tôi có rất nhiều việc phải làm, buổi sáng phải thừa sự Đại sư, nghe những pháp chưa nghe, rồi phải dạy cho môn đồ và đến các nhà hào quý để thuyết pháp", luận sư nói: "Bí-sô không nên cố tâm vọng ngữ". Do Bí-sô Pháp Thủ ước hẹn cùng người luận nạn mà không đến, cố tâm vọng ngữ khiến cho luận sư kia tới lui mỏi mệt, nên các ngoại đạo đều chê trách: "Sa môn Thích tử cố tâm vọng ngữ, cùng người ước hẹn luận nạn lại không đến khiến cho luận sư nhọc công tới lui". Các Bí-sô nghe biết đem việc này bạch Phật, Phật do nhơn duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô cố ý vọng ngữ, phạm Ba-dật-đề-ca".

Bí-sô trong đây là chỉ cho Pháp Thủ. Cố ý là tâm biết rõ việc kia. Vọng ngữ có chín loại, tám loại, bảy loại, sáu, năm, bốn, ba, hai loại vọng ngữ sai khác nhau. Chín loại vọng ngữ là dùng vô căn Tha thắng, Tăng-già-phạt-thi-sa, Ba-dật-đề-ca, Đề xá ni, Đột-sắc-ngật-lý-đa; dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng để vọng ngữ. tám loại vọng ngữ là dùng vô căn Tha thắng, Tăng-già-phạt-thi-sa, Ba-dật-đề-ca, Đề xá ni, Đột-sắc-ngật-lý-đa; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. Bảy loại vọng ngữ là dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng;

dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. sáu loại vọng ngữ là Bí-sô muốn vọng ngữ nghĩ rằng ta sẽ vọng ngữ; khi đang vọng ngữ nghĩ rằng ta đang vọng ngữ; khi đã vọng ngữ nghĩ rằng ta đã vọng ngữ; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. Năm loại vọng ngữ là dùng vô căn năm bộ tội để vọng ngữ. Bốn loại vọng ngữ là dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng. Ba loại vọng ngữ là nghĩ rằng ta sẽ vọng ngữ, ta đang vọng ngữ và ta đã vọng ngữ. Hai loại vọng ngữ là nghĩ rằng ta đang vọng ngữ và ta đã vọng ngữ. Không có một loại mà thành vọng ngữ. Lại có năm loại vọng ngữ là tự mình có vọng ngữ phạm Ba-la-thị-ca, hoặc phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, hoặc phạm Tốt-thổ-la-đề, hoặc phạm Ba-dật-đề-ca, hoặc phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa. Sao gọi là vọng ngữ phạm Ba-la-thị-ca? Bí-sô thật không chứng được pháp thượng nhơn mà tự xưng là đã chứng. Sao gọi là vọng ngữ phạm Tăng-già-phạt-thi-sa? Bí-sô biết Bí-sô kia thanh tịnh không phạm, dùng pháp vô căn Tha thắng để hủy báng. Sao gọi là vọng ngữ phạm Tốt-thổ-la-đề? Bí-sô ở trong chúng cố tâm vọng ngữ, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật, luật nói là phi luật… Sao gọi là vọng ngữ phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa? Bí-sô mỗi nửa tháng làm lễ Bao sái đà, khi tụng giới kinh được hỏi có thanh tịnh không, mình thật không thanh tịnh, tự biết có phạm khởi tâm che giấu ngồi im lặng. Ngoài bốn loại vọng ngữ kể trên, các loại vọng ngữ khác đều phạm Ba-dật-đề-ca. Ba-dật-đề-ca nghĩa là đọa lạc, bị đốt nấu trong ba đường ác. Tội này nếu không ân cần nói tội sám trừ thì có thể chướng ngại pháp lành đã có.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng :

Nếu thật không thấy nghe,
Không giác tri và tưởng,
Nghi ngờ mà nói khác,
Là vọng ngữ nên biết.

Nếu Bí-sô không thấy, không nghe, không giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy nói rằng: Tôi thấy nghe, giác tri. Khi nói như vậy mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô từng thấy nghe, giác tri mà quên, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy, không nhớ việc đó mà nói là không quên thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô thật thấy nghe, giác tri sau sanh nghi, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy mà nói là thấy nghe giác tri không có nghi thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô thật không thấy nghe giác tri mà tưởng là thấy nghe giác tri nói rằng tôi thật có thấy nghe giác tri thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu Bí-sô thật không thấy nhưng có nghe giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi thấy nhưng không có nghe giác tri thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-để-ca. Nếu Bí-sô thật không nghe nhưng có thấy giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi nghe nhưng không có thấy giác tri thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu Bí-sô thật không có giác (hiểu) nhưng có thấy nghe và tri (biết), khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi có hiểu nhưng không có thấy nghe biết thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu Bí-sô thật không biết nhưng có thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi biết nhưng không thấy nghe và hiểu thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội.

Nếu thật thấy mà quên còn nghe hiểu biết không quên, khởi tưởng như vậy; sau nói rằng tôi thấy không quên, nghe hiểu biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật nghe mà quên còn thấy hiểu biết không quên, khởi tưởng như vậy; sau nói rằng tôi nghe không quên, thấy hiểu biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật hiểu mà quên còn thấy nghe biết không quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu không quên, thấy nghe biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật biết mà quên còn thấy nghe hiểu không quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết không quên, thấy nghe hiểu cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội.

Nếu thật thấy mà nghi còn nghe hiểu biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi thấy không nghi, còn nghe hiểu biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật nghe mà nghi còn thấy hiểu biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi nghe không nghi, còn thấy hiểu biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật hiểu mà nghi còn thấy nghe biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu không nghi còn thấy nghe biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội. Nếu thật biết mà nghi còn thấy nghe hiểu không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết không nghi còn thấy nghe hiểu có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bổn tội.

Nếu thật không thấy khởi tưởng không thấy, còn nghe hiểu biết tưởng có nghe hiểu biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi thấy nhưng không có nghe hiểu biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật không nghe khởi tưởng không nghe nhưng khởi tưởng có thấy hiểu biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng không có thấy hiểu biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật không hiểu khởi tưởng không hiểu nhưng khởi tưởng có thấy nghe biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu nhưng không có thấy

nghe biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật không biết khởi tưởng không biết nhưng khởi tưởng có thấy nghe hiểu; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết nhưng không có thấy nghe hiểu thì khi nói phạm bổn tội.

Nếu thật thấy nghe hiểu biết mà không quên việc kia, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nghe hiểu biết nhưng lại quên việc kia thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật thấy nghe hiểu biết không sanh nghi tâm, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nghe hiểu biết nhưng sanh nghi tâm thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật thấy nghe hiểu biết tưởng có thấy nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không có thấy nghe hiểu biết thì khi nói phạm bổn tội.

Nếu thật thấy nhưng không có nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không thấy nhưng có nghe hiểu biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật nghe nhưng không có thấy hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không nghe nhưng có thấy hiểu biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật hiểu mà không có thấy nghe biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không hiểu nhưng có thấy nghe biết thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật biết mà không thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không biết nhưng có thấy nghe hiểu thì khi nói phạm bổn tội.

Nếu thật thấy không quên còn nghe hiểu biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nhưng quên, còn nghe hiểu biết không quên thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật nghe không quên còn thấy hiểu biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng quên, còn thấy hiểu biết không quên thì khi nói phạm bổn tội. Nếu thật hiểu không quên còn thấy nghe biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có hiểu nhưng quên còn thấy nghe biết không quên, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật biết không quên còn thấy nghe hiểu lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có biết nhưng quên còn thấy nghe hiểu không quên, khi nói phạm bổn tội.

Nếu thật thấy không nghi còn nghe hiểu biết có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nhưng nghi còn nghe hiểu biết không nghi, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật nghe không nghi còn thấy hiểu biết có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng nghi còn thấy hiểu biết không nghi, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật hiểu không nghi còn thấy nghe biết có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có hiểu nhưng nghi còn thấy nghe biết không nghi, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật biết không nghi còn thấy nghe hiểu có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có biết nhưng nghi còn thấy nghe hiểu không nghi, khi nói phạm bổn tội.

Nếu thật thấy tưởng có thấy nhưng tưởng không nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không thấy nhưng có nghe hiểu biết, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật nghe tưởng có nghe nhưng tưởng không thấy hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không nghe nhưng có thấy hiểu biết, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật hiểu tưởng có hiểu nhưng tưởng không thấy nghe biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không hiểu nhưng có thấy nghe biết, khi nói phạm bổn tội. Nếu thật biết tưởng có biết nhưng tưởng không thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không biết nhưng có thấy nghe hiểu, khi nói phạm bổn tội. Nếu Bí-sô nói trái với tâm nghĩ đều phạm Ba-dật-đề-ca, không nói trái với tâm nghĩ thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai: ***CHÊ BAI MAI MỈA***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô chê bai mai mỉa các Bí-sô như nói: "Thầy mắt chột, lưng gù, quá cao, quá lùn, quá mập, hoặc điếc, mù, câm, ngọng, chân què đi chống nạng, răng hô, môi sệ…", khiến các Bí-sô này hổ thẹn không vui, bỏ phế việc tụng niệm tư duy. Các Bí-sô thiểu dục liền chê trách: "Tại sao Bí-sô lại chê bai mai mỉa Bí-sô, nói thầy mắt chột… giống như đoạn văn trên", bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Đây không phải là việc làm của một sa môn, vì sao? Các thầy hãy lắng nghe:

Ngày xưa trong một tụ lạc nọ có một trưởng giả cưới vợ thời gian không lâu sau sanh được một đứa con gái dần dần lớn khôn. Trưởng giả phải tự mình cày ruộng, lúc đó có một cư sĩ tử, cha mẹ đều qua đời, thường vào rừng đốn củi đem bán để tự nuôi sống, khi gánh củi tới một gốc cây dừng nghỉ liền thấy trưởng giả đang tự mình cày ruộng nên đến hỏi: "Cậu đã già yếu, tại sao lại tự cày ruộng cực khổ như thế?", đáp: "Này cháu, ta không có anh em cũng không có con trai nếu không tự cày ruộng thì làm sao có cơm ăn", cư sĩ tử nói: "Để cháu cày thay cho, cậu hãy nghỉ tay một chút". Trưởng giả vui vẻ đưa cái cày cho chàng trai cày thay, đến trưa người nhà mang cơm nước đến, trưởng giả bảo chàng trai cùng ăn, ăn xong chàng trai nói: "Cậu hãy về nghỉ để cháu cày luôn đến chiều, nhưng cháu không biết nhà cậu, chiều tối cậu cho người ra đầu thôn đón cháu", trưởng giả nghe vậy liền về nhà nghỉ, chàng trai cày đến chiều, thả bò cho ăn cỏ rồi gánh củi lùa bò trở về, đến đầu thôn đã thấy trưởng giả đứng đón dẫn chàng trai về nhà. Về đến nhà chàng trai quét dọn chuồng bò, rải rơm khô rồi bỏ

cỏ cho bò ăn, trưởng giả thấy chàng trai siêng năng chịu khó như vậy liền suy nghĩ: "Ta nhờ chàng trai này mà được thảnh thơi, ta nên gả con gái cho nó". Ăn tối xong, trưởng giả nói: "Này cháu, cháu hãy ở đây siêng năng chịu khó coi ngó gia nghiệp, ta sẽ gả đưa con gái của ta cho cháu làm vợ", chàng trai nói: "Nếu được như vậy thì cháu thật tốt phúc". Từ đó chàng trai hết mình phục vụ cho sanh nghiệp của gia đình trưởng giả, trưởng giả có nuôi hai con bò, con lớn bẩm tánh hiền lành, con nhỏ tánh ham ăn, tuy đã xỏ mũi vẫn tìm cách ăn lúa bắp của người nên bị đồng tử chăn giữ ném đá đánh đuổi làm gãy mất một cái sừng, do đó nó có tên là con bò gãy sừng; thời gian sau nó lại ăn lúa bắp của người bị người chăn giữ quăng cái liềm chặt đứt cái đuôi của nó, từ đó nó được gọi là con bò gãy sừng cụt đuôi. Trải qua một thời gian, chàng trai nhắc trưởng giả về hôn nhân mà ông đã hứa, trưởng giả nghe rồi liền bảo vợ: "Hiền thủ hãy sắm sửa y phục và chuỗi anh lạc cho con gái, không bao lâu nữa sẽ gả con gái lấy chồng", người vợ liền hỏi gả cho ai, trưởng giả nói: "Tôi đã hứa gả cho cư sĩ tử", người vợ nói: "Ông tộc của cư sĩ tử này vốn không biết rõ, tại sao lại đem con gái gả cho nó. Bàn chuyện hôn nhân thì thân thuộc phải qua lại mời nhau ăn uống, dòng họ có tương ưng tôi mới chịu gả con", trưởng giả nói: "Hiền thủ, cư sĩ tử này từ ngày đến nhà ta đã siêng năng chịu khó làm hết mọi việc nên tôi mới được thảnh thơi", người vợ nói: "Tôi thật không thể gả con cho một gã làm thuê, xóm giềng sẽ nhiều lời mai mỉa". Trưởng giả nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu ta nói không gả con gái thì chàng trai này sẽ bỏ đi, ta sẽ phải cực khổ như trước, ta nên dối lập phương tiện", nghĩ rồi liền nói với chàng trai: "Này cháu, họ hàng thân tộc của ta rất đông, khi tụ về dự lễ cưới ắt phải cần nhiều thức ăn thức uống, vậy cháu hãy đợi mùa thu lúa chín". Sau vụ lúa mùa thu chàng trai lại nhắc việc hôn nhân, trưởng giả nói: "Cháu hãy đợi đến mùa mía", thu hoạch mía xong chàng trai lại nhắc, trưởng giả lại nói: "Hãy đợi đến mùa lúa mạch", thu hoạch lúa mạch xong chàng trai lại nhắc, trưởng giả lại bảo hãy đợi đến mùa lúa mới, chàng trai thấy trưởng giả cứ hẹn lần hẹn lữa liền suy nghĩ: "Hết hẹn mùa lúa tới hẹn mùa mía… xem ra đều là lừa gạt ta, ta nên nói cho mọi người trong thôn biết, nếu không được ta kiện lên quan". Nghĩ rồi liền nói cho mọi người trong thôn biết, mọi người nghe rồi liền đến hỏi trưởng giả: "Ông đã hứa gả con sao không chịu làm lễ thành hôn cho chúng nó?", trưởng giả nghe rồi nổi giận nói: "Chàng trai đó là người làm công, lẽ nào tôi lại hứa gả con cho người làm công như nó". Mọi người nghe rồi đều im lặng, cư sĩ tử suy nghĩ: "Ta không được tiền công lại không được vợ, thật là luống uổng thời gian mà chẳng được gì. Nay ta phải gây tổn hại gì cho họ rồi mới ra đi". Nghĩ rồi

đến giữa trưa chàng trai lùa hai con bò ra ngoài đánh đập khổ sở rồi cột vào gốc cây cho phơi nắng. Thời đó súc vật hiểu được lời nói của người nên nói với cư sĩ tử: "Này chàng trai, trước đây ông biết được sự khó nhọc của chúng tôi nên thương tưởng, ân đồng như cha mẹ, sao nay lại đánh đập chúng tôi khổ sở còn cột chúng tôi vào gốc cây cho phơi nắng như thế này, chúng tôi có lỗi gì với ông?", cư sĩ tử nói: "Các ngươi không có lỗi gì nhưng chủ của ngươi có lỗi với ta", bò hỏi: "Chủ tôi có lỗi gì?", đáp: "Ông ta trước hứa gả con gái cho ta nay lại nuốt lời", bò nói: "Sao ông không kiện lên quan?", đáp: "Vì không có người làm chứng", bò nói: "Chúng tôi sẽ làm chứng cho ông", chàng trai hỏi: "Ngươi có nói được tiếng người không?", bò nói: "Chúng tôi không nói được tiếng người nhưng chúng tôi sẽ hiện tướng khiến cho người ta hiểu. Ông phải ở trước quan thề cho họ tin, sau đó đưa chúng tôi đến làm chứng. Ông hãy nhốt chúng tôi vào chuồng đừng cho ăn cỏ uống nước đủ bảy ngày rồi thả chúng tôi ra chỗ có nhiều cỏ nước để cho họ thấy và tin chúng tôi vẫn không chịu ăn cỏ uống nước, chúng tôi sẽ hiện tướng để vua quan tin lời ông nói là sự thật, lúc đó chúng tôi mới ăn uống lại". Chàng trai nghe rồi liền thả bò ra lùa chúng đến chỗ cỏ xanh tươi để nó ăn no rồi mới lùa chúng về chuồng. Sau đó chàng trai đến chỗ vua tâu rằng: "Đại vương, tại thôn có ông trưởng giả tên đã hứa gả con gái cho tôi để tôi cực khổ làm việc nhiều năm nay, nay lại nuốt lời không chịu gả". Nhà vua cho gọi ông trưởng giả đến hỏi rõ thực hư, trưởng giả nói không có hứa như vậy, vua hỏi cư sĩ tử: "Ngươi có người làm chứng không?", đáp: "Có, là hai con bò nuôi trong nhà trưởng giả", vua hỏi: "Chúng có nói được tiếng người không?", đáp: "Chúng không nói được tiếng người, nhưng chúng có thể hiện tướng khiến người hiểu được, hai con bò làm chứng này đem nhốt trong chuồng bảy ngày không cho ăn uống, đủ bảy ngày thả ra ở chỗ có cỏ nước, nó vẫn không ăn uống và hiện tướng cho đến khi nào Đại vương tin, nó mới chịu ăn uống. Nếu tôi nói hư dối tôi xin chịu tội tử". Nhà vua bảo đại thần: "Hãy y theo lời nói của chàng trai để chúng nghiệm thật hư". Đại thần tuân lịnh đem hai con bò nhốt trong chuồng không cho ăn uống, lúc đó con bò gãy sừng cụt đuôi nói với con bò lớn: "Tại sao chúng ta phải nhận lấy hạn kỳ bảy ngày ở trong chuồng không được ăn uống gì", bò lớn nói: "Chúng ta đã hứa với chàng trai làm chứng, tự nhịn đói nhịn khát cho đến khi nào vua tin lời chàng trai nói", bò gãy sừng cụt đuôi nói: "Nếu được thả ra gặp đá tôi cũng nuốt huống chi là cỏ nước", bò lớn nói: "Chàng trai đã thương tưởng chúng ta như cha mẹ, chúng ta không thể làm trái lời đã hứa", bò gãy sừng cụt đuôi nói: "Tuy có ái niệm nhưng chàng ta vẫn thường gọi tôi là bò gãy sừng cụt đuôi, tôi không thích".

Bò lớn nghe rồi im lặng, lúc đó chàng trai đến thăm hai con bò có an ổn không, bò lớn nói: "Tôi an ổn nhưng ông không được an ổn', chàng trai hỏi: "Nói vậy là ý gì?" Bò lớn nói: "Bò gãy sừng cụt đuôi nói nếu được thả ra gặp đá nó cũng nuốt huống chi là cỏ nước", chàng trai nói: "Nếu vậy thì đêm nay tôi phải chạy trốn vì tội dối vua là tội tử", bò lớn nói: "Ông không cần chạy trốn, ông hãy lấy dây xỏ vào mũi của bò gãy sừng cụt đuôi rồi cột sợi dây đó vào cặp sừng của tôi. Ngày được thả ra nếu bò nhỏ vội ăn uống thì tôi dùng cặp sừng đưa hổng mũi của nó lên, lúc đó ông nói với mọi người là chúng tôi đang nói với vị hộ thế thứ năm, nhất định mọi người sẽ tin lời ông nói". Chàng trai nghe rồi liền làm y theo lời bò lớn nói, bò gãy sừng cụt đuôi nói với bò lớn: "Đây quả là khổ hình đối với tôi", bò lớn nói: "Hãy xem nó là chuỗi anh lạc thì có khổ gì". Đủ bảy ngày hai con bò được thả ra chỗ có nhiều cỏ nước, vua và đại thần đều đến xem hai con bò hiện tướng gì làm chứng. Lúc con bò gãy sừng cụt đuôi muốn ăn cỏ uống nước, con bò lớn liền đưa cặp sừng làm cho mũi của bò nhỏ hổng lên trời, vua thấy vậy hỏi Đại thần: "Chúng hiện tướng như vậy là ý gì?", Đại thần là người có trí tâu vua: "Ý chúng muốn nói sự việc đó không chỉ hai chúng nó làm chứng mà vị hộ thế thứ năm cũng làm chứng". Nhà vua thấy việc hy hữu này rồi liền bảo các Đại thần: "Súc sanh là loài vô tri thức còn vì người làm chứng sự việc hứa hôn không phải là hư dối. Nay ta tác thành cho chàng trai và con gái của trưởng giả thành chồng vợ."

Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên biết loài bàng sanh nghe chê bai còn không thích huống chi loài người. Từ nay các thầy không được dùng ác ngữ chê bai mai mỉa người khác". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới, Phật lại bảo các Bí-sô: "Khi nói lời chê bai mai mỉa người khác thì việc đã làm trong đời hiện tại không thể thành tựu. Các thầy lắng nghe":

Ngày xưa, trong một thôn nọ có ông trưởng giả làm nghề đánh xe, nuôi hai con bò cái để kéo xe, một con tên Hoan Hỉ, một con tên Mỹ Vị. Thời gian sau cả hai con bò đều sanh được một con dần dần khôn lớn, con của bò Hoan Hỉ có sừng dài nên được gọi là Hoan Hỉ sừng dài; con của bò Mỹ Vị đầu trọc không sừng nên được gọi là Mỹ Vị trọc đầu, cả hai con bò này đều mập mạnh như nhau. một hôm nhóm người đánh xe cùng cho bò uống nước trong ao, một người nói: "Hãy thử xem bò của ai sức mạnh hơn", ai nấy đều nói bò của mình sức mạnh hơn, trưởng giả nói: "Bò của tôi có sức mạnh hơn hết", mọi người hỏi: "Làm sao biết được bò của ông có sức mạnh hơn hết?', trưởng giả nói: "Bò tôi có thể kéo được một xe nặng lên sườn dốc". Mọi người nghe rồi liền đánh cược với trưởng giả năm trăm kim tiền rồi cho hai con bò kéo chiếc xe nặng lên sườn dốc, trưởng giả quát hai

con bò: "Hoan Hỉ sừng dài kéo nhanh lên, Mỹ Vị trọc đầu kéo nhanh lên". Lúc đó con bò trọc đầu nghe kêu mình là trọc đầu nên không vui liền đứng yên không chịu kéo xe lên. Trưởng giả thua cuộc mất năm trăm kim tiền nên nổi giận đánh đập hai con bò tàn nhẫn, rồi cột bên gốc cây cho phơi nắng. Bò sừng dài nói với trưởng giả: "Trước đây ông thương tưởng chúng tôi như cha mẹ, nay tôi có lỗi gì mà ông lại đối xử như vậy?", trưởng giả nói: "Do hai ngươi không chịu kéo xe lên sườn dốc nên ta thua mất năm trăm kim tiền", bò sừng dài nói: "Do ông tạo khẩu nghiệp chớ chúng tôi có lỗi gì", trưởng giả hỏi: "Ta đã tạo khẩu nghiệp gì?", bò trọc đầu nói: "Trước mọi người ông lại quát kêu tôi là trọc đầu, tôi không thích, nếu ông gọi tôi bằng tên gọi trìu mến hơn thì tôi mới vui vẻ kéo xe lên sườn dốc. Lần sau ông đánh cược lại gấp đôi tiền lần trước, chúng tôi sẽ kéo xe lên sườn núi bù lại số tiền thua cuộc lần này". Thời gian sau trưởng giả lại đánh cược với nhóm người đánh xe, họ nói: "Ông muốn thua cuộc lần nữa hay sao?", trưởng giả nói: "Tôi thua thì các ông đâu có mất mát gì, lần này xe chở nặng hơn lần trước và tiền cá cược là một ngàn kim tiền". Mọi người nghe rồi bằng lòng đánh cược, trưởng giả liền cho hai con bò kéo xe lên sườn dốc và cổ vũ chúng nó: "Hoan Hỉ nhanh lên nào, Mỹ Vị nhanh lên nào". Hai con bò nghe cổ vũ với giọng trìu mến nên vui vẻ ra sức kéo xe lên sườn dốc, trưởng giả thắng cược thu về một ngàn kim tiền. Lúc đó thiên thần trên hư không nói kệ:

"Dù có chở nặng mấy,
Từ dưới kéo lên đồi,
Tâm hai bò nếu vui,
Cũng kéo được xe này.
Nếu nói lời thuận ý,
Hai bò nghe vui mừng,
Kéo xe lên không khó,
Giúp chủ thắng ngàn vàng,
Cho nên thường ái ngữ,
Đừng nói lời chối tai,
Vì khi nói ái ngữ,
Vô tội thường an vui'."

Phật bảo các Bí-sô: "Loài bàng sanh nghe lời chê bai còn không vui giúp chủ huống chi là người, cho nên các Bí-sô không nên nói lời chê bai người khác". Phật quở trách Lục chúng Bí-sô rồi bảo các Bí-sô:

… Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có

Bí-sô nói lời chê bai mai mỉa, phạm Ba-dật-để-ca."

Hủy tử ngữ là dùng lời chê bai mai mỉa người khác, nếu người kia hiểu được ưu sầu không vui thì Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 26

Học Xứ Thứ Hai: ***CHÊ BAI MAI MỈA*** *(Tiếp Theo)*

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Tổng Nhiếp Tụng:

Chủng tộc và công xảo,
Nghiệp, tướng, bịnh là năm.
Tội và phiền não loại,
Ác mắng là sau cùng.

Biệt Nhiếp Tụng:

Dòng họ, dệt lông, may,
Sắt, đồng và làm da,
Thợ gốm và hớt tóc,
Làm mây tre, đầy tớ.

Nếu Bí-sô khởi ý chê bai đến Bí-sô thuộc dòng Bà-la-môn nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô thuộc dòng Sát-đế-lợi nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Sát-đế-lợi xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ác-tác. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô thuộc dòng Bệ xá nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Bệ xá xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đền chỗ Bí-sô thuộc dòng Thú-đạt-la nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Thú-đạt-la xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca.

Nếu Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ dệt nói rằng: "Cụ thọ là thợ dệt xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ dệt lông nói rằng: "Cụ thọ là thợ dệt lông xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thọ may nói rằng: "Cụ thọ là thợ may xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Như vậy cho đến là thợ làm đồ sắt, thợ làm đồ đồng, thợ làm đồ da, thợ làm đồ gốm, thợ hớt tóc, thợ điêu khắc, thợ làm đồ mây tre, làm đầy tớ… đều nói giống như trên nên biết. Đây là luận về chủng tộc.

Nếu Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô thuộc dòng Bà-la-môn nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học các công xảo và kỷ thuật của mình tức là oai nghi pháp thực đã có của Bà-la-môn như cầm bình tẩy tịnh và lấy tro đất, quy tắc đọc tụng, học thổi tiếng vò, tiếng bồng, học Tứ Vệ đà, học làm các phương pháp thí hội, thí thọ". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ác-tác. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô thuộc dòng Sát-đế-lợi nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Sát-đế-lợi xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học các công xảo và kỷ thuật của mình tức là oai nghi pháp thức đã có của Sát-đế-lợi như cởi voi, ngựa, xe, cách cầm cung, cầm móc câu, cầm dây, học các động tác xoay chuyển tới lui, học các nghệ thuật bắn cung, đánh kiếm…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ác-tác. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô thuộc dòng Bệ xá nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Bệ xá xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học các công xảo của mình, tức là oai nghi pháp thức đã có của dòng Bệ xá như cách cày ruộng, cách chăn trâu bò, cách mua bán giao dịch…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô thuộc dòng Thú đạt la nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Thú đạt la xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học các công xảo của mình, tức là oai nghi pháp thức đã có của dòng Thú đạt la như cách vận chuyển cây, củi, cách chăn nuôi cầm súc…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca.

Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ dệt nói rằng: "Cụ thọ là thợ dệt xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách dệt đại điệp, tiểu điệp, mền chăn…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ dệt lông nói rằng: "Cụ thọ là thợ dệt lông xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách dệt thảm lớn, thảm nhỏ hoặc dày hoặc mỏng…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ may nói rằng: "Cụ thọ là thợ may xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách may áo dài, quần dài, áo ngắn quần ngắn…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ làm đồ sắt nói rằng: "Cụ thọ là thợ làm đồ sắt xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách làm bát sắt lớn nhỏ, làm kim, đao, búa rìu…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ làm đồ đồng nói rằng: "Cụ thọ là thợ làm đồ đồng xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách làm mâm đồng, bình đồng, chuông linh đồng…".Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ làm đồ da nói rằng: "Cụ thọ là thợ làm đồ da xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách làm giày da, giày ống phú la, dép…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ làm đồ gốm nói rằng: "Cụ thọ là thợ làm đồ gốm xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách làm bình, chậu, lu, vại…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ hớt tóc nói rằng: "Cụ thọ là thợ hớt tóc xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách hớt đủ kiểu tóc, cắt móng tay, lấy ráy tai…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ mộc nói rằng: "Cụ thọ là thợ mộc xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải

Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách đóng giường, ghế, bàn, tủ…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là thợ làm đồ mây tre nói rằng: "Cụ thọ là thợ làm đồ mây tre xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách làm chiếu, làm quạt, làm dù…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô là đầy tớ nói rằng: "Cụ thọ là đầy tớ xuất gia, nay chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên học công xảo của mình như cách phục dịch cho người…". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không sanh phiền não, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Đây là luận về công xảo.

Nếu Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô thuộc dòng Bà-la-môn nói rằng: "Cụ thọ thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia… chẳng phải Bà-la-môn. Thầy nên làm các hành nghiệp của mình như tẩy tịnh… như đoạn văn trên". Bí-sô kia nghe lời chê bai này… giống như đoạn văn trên cho đến phạm Ác-tác. Như thế cho đến đầy tớ đều bảo làm theo nghề nghiệp của mình giống như đoạn văn trên cho đến phạm Ba-dật-để-ca. Đây là luận về công việc.

Bí-sô khởi ý chê bai đến chỗ Bí-sô què chân nói rằng: "Cụ là người què chân xuất gia, chẳng phải sa môn, chẳng Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe lời chê bai này tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Như vậy cho đến chê bai mai mỉa các Bí-sô mắt chột, mù, điếc, câm, ngọng, gù lưng… , các Bí-sô kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không , Bí-sô này phạm tội giống như trên. Đây là luận về hình tướng.

Bí-sô khởi ý chê bai mai mỉa đến chỗ Bí-sô mắc bịnh lại nói rằng: "Cụ thọ là người mắc bịnh lại xuất gia, chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe lời chê bai này rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Như thế cho đến chê bai mai mỉa các Bí-sô mắc bịnh nan y, khó trị, truyền nhiễm…, các Bí-sô kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô này phạm tội giống như trên. Đây là luận về bịnh hoạn.

Bí-sô khởi ý chê bai mai mỉa đến chỗ Bí-sô phạm tội Ba-la-thị-ca nói rằng: "Cụ thọ đã phạm tội Ba-la-thị-ca, chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô này phạm Ba-dật-để-ca. Như thê cho đến chê bai mai mỉa các Bí-sô phạm tội Tăng-già-phạt-thi-sa, Tốt-thổ-la-để, Ba-dật-để-ca, Ba-la-đề-xá-ni, Đột-sắc-ngật-

lý-đa, các Bí-sô kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô này phạm tội giống như trên. Đây là luận về phạm tội.

Bí-sô khởi ý chê bai mai mỉa đến chỗ Bí-sô hay sân nói rằng: "Cụ thọ hay nổi sân, chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn". Bí-sô kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô này phạm Ba-dật-đề-ca. Như vậy cho đến chê bai mai mỉa các Bí-sô có các phiền não như hận, phú, não, tật đố, xan tham, vô tàm, vô quý , tà kiến…, các Bí-sô kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô này phạm tội giống như trên. Đây là luận về phiền não.

Sao gọi là dùng lời thô ác mắng nhiếc? Tức là nói những lời thô bỉ khó nghe, Bí-sô kia nghe rồi tùy sanh phiền não hay không, Bí-sô này phạm tội giống như trên. Không phạm là trong một trú xứ có nhiều Bí-sô trùng tên, hoặc khi hỏi người kia mà người kia không hiểu nên nói rằng: "Bí-sô thuộc chủng loại như vậy…", thì không phạm, hoặc người phạm ban đầu, hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Ba: ***NÓI LY GIÁN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô đến các Bí-sô nói ly gián khiến các Bí-sô oán hận nhau, sanh hổ thẹn, ai nấy đều ưu sầu không thể an lạc trụ, phế bỏ việc chánh tu, đọc tụng tư duy, bao nhiêu tâm niệm ưu ái lâu nay đều nhơn đây đoạn tuyệt. Các Bí-sô thiểu dục nghe biết liền chê trách: "Tại sao Bí-sô lại đến các Bí-sô nói ly gián", đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… đủ lời quở trách Lục chúng rồi bảo các Bí-sô: "Nói ly gián là tự làm tổn hại mình và tổn hại người khác. Các thầy khéo lắng nghe:

Ngày xưa có một Sư tử cái mang thai sống trong khu rừng hiểm, thường trước khi sanh sư tử mẹ cần tìm nhiều thịt để dành ăn trong thời gian sanh nở. Sư tử tìm đến chỗ đàn bò rình rập, lúc đó có con bò cái vừa sanh một con bê, để bảo vệ con mình nên nó thường đi sau. Sư tử giết chết con bò mẹ kéo lê về khu rừng hiểm, con bê theo mùi sữa mẹ nên cũng đi theo sau xác mẹ nó về đến chỗ ở của sư tử. Sư tử suy nghĩ: "Ta cũng sẽ giết luôn con bê này", lại nghĩ: "Ta không nên giết nó, để sau này nó làm bạn với con ta". Sau khi sư tử sanh con, con bê và sư tử con cùng bú chung sữa mẹ dần dần khôn lớn. Thời gian sau, sư tử mẹ lâm bịnh lúc gần chết khuyên bảo hai con rằng: "Hai con cùng bú chung sữa mẹ, tình thương của mẹ đối với hai con không có khác nhau, hai con trở thành anh em nên biết thương yêu nhau. Những kẻ ly gián siểm ngôn cẩu hợp đầy cõi Thiệm bộ này, hai con cẩn thận chớ nghe lời ly gián sau lưng, nói rồi liền mạng chung."

Phật bảo các Bí-sô: "Này các Bí-sô, các pháp thường là như vậy", liền nói kệ:

"Tích tụ đều tiêu tán,
Cao ngất ắt rơi rớt,
Hội họp rồi biệt ly,
Có thân đều phải chết".

"Sau khi sư tử mẹ qua đời, sư tử con đánh bắt hươu nai ăn thịt để tự nuôi sống nên ngày một trưởng thành; con bê nương vào sức mạnh của sư tử nên cũng tìm được chỗ có cỏ tươi tốt để tự nuôi sống ngày một lớn nhanh. Lúc đó có một con dã can già thường đi theo sau sư tử để ăn thịt thừa, mỗi khi sư tử ăn no nê rồi liền trở về chỗ ở để vui đùa với con bò, dã can suy nghĩ: "Ta phải đi theo để xem sư tử ở chỗ nào", nghĩ rồi nó liền theo sau sư tử, nhìn thấy cảnh sư tử và bò vui đùa với nhau, nó liền nghĩ: "Ta phải ly gián để chúng tự giết nhau, thịt của chúng sẽ vào bụng của ta". Thời gian sau dã can đợi sư tử ra đi liền đến bên con bò đứng xũ tai, con bò liền hỏi: "Cậu bị gió nóng thổi làm cho thân khốn khổ nên mới đứng xũ tai như thế phải không?", dã can nói: "Không phải ta bị gió nóng thổi làm cho thân khốn khổ mà là ta có tin muốn nói cho cháu biết", con bò hỏi: "Là tin gì?", dã can nói: "Ta nghe sư tử nói rằng ta ở chung với con bò như là để dành thịt, khi nào không tìm được thịt, ta sẽ giết nó để ăn", con bò nói: "Cậu đừng nói lời này, mẹ tôi lúc lâm chung có khuyên bảo chúng tôi rằng… giống như đoạn văn trên cho đến câu hai con cẩn thận chớ nghe lời ly gián sau lưng", dã can nói: "Ta xem ý cháu, ngày chết không còn bao lâu nữa, ta nói lời Lợi-ích mà cháu chẳng chịu nghe", con bò hỏi: "Làm sao biết được lúc nào sư tử muốn giết cháu?", dã can nói: "Khi nào sư tử trong hang bước ra phấn tấn gầm lên ba tiếng, nhìn ngó bốn phương theo thứ tự như vậy rồi bước về phía cháu, chính lúc đó sư tử muốn giết cháu", nói rồi liền bỏ đi đến chỗ sư tử đứng xũ tai, sư tử hỏi: "Cậu bị gió nóng thổi làm cho thân khốn khổ nên đứng xũ tai phải không?", dã can nói: "Ta không phải bị gió nóng thổi làm cho thân khốn khổ mà là nghe được lời nói ác muốn nói cho cháu biết", sư tử hỏi: "Lời nói ác như thế nào?", dã can nói: "Ta nghe con bò nói rằng sư tử là kẻ thù của ta vì trước đây mẹ của nó đã giết mẹ của ta, nay ta phải đâm thủng bụng nó bằng sừng nhọn của ta", sư tử nói: "Cậu đừng nói lời này, mẹ tôi lúc lâm chung có khuyên bảo chúng tôi rằng… giống như đoạn văn trên cho đến câu hai con cẩn thận chớ nghe lời ly gián sau lưng", dã can nói: "Ta xem ý cháu thì ngày chết không còn xa, ta nói lời Lợi-ích mà cháu chẳng chịu nghe", sư tử hỏi: "Làm sao biết được lúc nào con bò muốn giết cháu?", dã can nói: "Khi nào con bò từ trong hang

bước ra rung động thân thể rồi rống lên ba tiếng, lấy móng chân cào xuống đất theo thứ tự như vậy rồi bước về phía cháu, chính lúc đó con bò muốn giết cháu, nói rồi liền bỏ đi."

Phật nói: "Này các Bí-sô, con bò và sư tử mỗi lần ra khỏi hang đều có những động tác như vậy mà cả hai đều chưa từng làm điều tội lỗi gì. Nhưng nay trong tâm của hai con thú này đều bị lời ly gián của con dã can làm cho dao động nên cả hai đều theo dõi hành động của nhau. Khi con bò thấy sư tử bước ra khỏi hang có những tướng trạng như vậy bèn nghĩ là sư tử muốn giết mình; sư tử cũng vậy khi thấy con bò bước ra khỏi hang có những tướng trạng như vậy bèn nghĩ là con bò muốn giết mình, nên sư tử liền dùng móng nhọn cắm phập vào cổ họng con bò, con bò cũng dùng sừng nhọn đâm vào bụng sư tử và cuối cùng cả hai đều bỏ mạng. Lúc đó trên hư không chư thiên nói kệ:

"Nếu nghe lời kẻ ác,
Ắt không việc hiền thiện,
Sư tử bò thương nhau,
Dã can xúi giết nhau".

"Này các Bí-sô, loài bàng sanh nghe lời ly gián còn không nhớ lời mẹ đã khuyên nhắc đến nỗi giết nhau, huống chi là người. Cho nên các thầy không nên đến người khác nói ly gián". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế học xứ. Phật lại bảo các Bí-sô: "Này các Bí-sô, các thầy lắng nghe":

Ngày xưa trong khu rừng hiểm có sư tử mẹ và con hổ mẹ, mỗi con đều có một đứa con, tuy chúng cùng ở chung trong khu rừng này nhưng lại không gặp nhau. một hôm sư tử mẹ ra ngoài tìm thức ăn, sư tử con đi chơi tình cờ đến chỗ ở của con hổ, con hổ mẹ từ xa trông thấy sư tử con nghĩ rằng: "Ta sẽ giết nó để làm thức ăn", lại nghĩ: "Ta không nên giết nó, nên để nó làm bạn với con ta". Lúc đó sư tử con vì bị đói bức bách nên đến cùng bú sữa với con hổ con, sư tử mẹ sau khi trở về không thấy sư tử con liền đi tìm, đến hang của con hổ thì thấy sư tử con đang bú sữa của con hổ mẹ. Hổ mẹ thấy sư tử mẹ đến muốn bỏ chạy, sư tử mẹ nói: "Em đừng bỏ chạy, em đối với con tôi có lòng thương như thế thì chúng ta nên cùng ở chung, khi tôi ra ngoài tìm thức ăn thì em ở lại trông coi chúng nó, khi em ra ngoài tìm thức ăn thì tôi ở lại trông coi, chúng ta giúp đỡ lẫn nhau, ý em thế nào?". Hổ mẹ nghe rồi liền bằng lòng ở chung giúp đỡ lẫn nhau, sư tử con có tên là Thiện nha, hổ con có tên là Thiện bác, cả hai đều được nuôi dưỡng thương yêu như nhau nên dần dần trưởng thành. Thời gian lâu sau, cả hai con thú mẹ đều lâm bịnh, lúc lâm chung có khuyên bảo hai con rằng:

"Hai con đều được nuôi từ một dòng sữa như nhau, tình thương của hai mẹ đối với hai con không có sai khác, hai con trở thành anh em nên thương yêu nhau. Hai con nên biết những người ly gián đầy dẫy trên đời nay, sau khi hai mẹ qua đời hai con cẩn thận chớ nghe những lời ly gián sau lưng", nói rồi qua đời. Sau khi hai con thù mẹ qua đời sư tử con ra ngoài tự tìm thức ăn, ăn no nê rồi trở về chỗ ở; con hổ con cũng ra ngoài tự tìm thức ăn, hôm nào tìm không được thì nó ăn thức ăn dư thừa của bửa trước, sư tử hỏi: "Sao hôm nay bạn về sớm thế?", hổ nói: "Vì hôm nay tôi ăn thức ăn dư thừa của bửa trước", sư tử hỏi: "Vậy là bạn thường ăn thức ăn cũ dư thừa hay sao?", hổ nói phải, sư tử nói: "Tôi chỉ ăn thịt tươi mới vừa đánh bắt được, còn thức ăn dư thừa tôi không ngó tới", hổ nói: "Bạn có sức mạnh phi thường nên đánh bắt dễ dàng, còn tôi thì không được như thế nên phải ăn thức ăn cũ dư thừa", sư tử nói: "Nếu vậy từ nay chúng ta cùng đi tìm thức ăn, thịt tươi đánh bắt được chúng ta cùng ăn". Khi sư tử và hổ chưa đi tìm thức ăn cùng nhau thì thức ăn dư thừa con dã can thừa hưởng, nay sư tử và hổ đi cùng nhau, thức ăn tìm được cùng ăn nên có khi dã can không có phần, vì vậy nó suy nghĩ: "Ta phải ly gián cho chúng tự giết nhau, thịt của chúng sẽ vào bụng của ta". Thời gian sau đợi lúc không có hổ dã can đến bên sư tử đứng xũ tai, sư tử hỏi: "Cậu bị gió nóng thổi làm cho thân khốn khổ nên đứng xũ tai phải không?", dã can nói: "Không phải bị gió nóng thổi mà là ta nghe được một tin muốn nói cho cháu biết", sư tử hỏi là tin gì, dã can nói: "Ta nghe hổ nói rằng sư tử thường cho ta ăn thịt dư, nếu có cơ hội ta sẽ giết nó", sư tử nói: "Cậu đừng nói lời này, mẹ chúng tôi khi lâm chung có dặn dò chúng tôi rằng… giống như đoạn văn trên cho đến câu cẩn thận chớ nghe lời ly gián sau lưng", dã can nói: "Ta xem ý cháu thì ngày chết không còn bao xa, ta nói lời lợi ích mà cháu chẳng chịu nghe", sư tử hỏi: "Làm sao biết được khi nào hổ muốn giết cháu?", dã can nói: "Khi hổ ra khỏi hang phấn tấn gầm lên ba tiếng rồi nhìn ngó bốn phía theo thứ tự như vậy rồi bước về phía cháu, chính lúc đó hổ muốn giết cháu", nói rồi bỏ đi đến chỗ con hổ cũng đứng xũ tai, hổ hỏi và dã can đáp cũng giống như trên cho đến câu dã can nói: "Cậu nghe sư tử nói rằng hổ đâu kiếm ra được thức ăn, do ta cực khổ tìm hổ mới có thức ăn, nếu khi không tìm được thức ăn ta sẽ giết nó để ăn", hổ nói: "Cậu đừng nói lời này, mẹ chúng tôi lúc lâm chung nói rằng… giống như đoạn văn trên cho đến câu hai con cẩn thận chớ nghe lời ly gián sau lưng", dã can nói: "Ta xem ý cháu thì ngày chết không còn xa, ta nói lời Lợi-ích mà cháu chẳng chịu nghe", hổ hỏi: "Làm sao biết được khi nào sư tử muốn giết cháu?", dã can nói: "Khi sư tử ra khỏi hang phấn tấn gầm lên ba tiếng rồi nhìn ngó bốn phía theo thứ tự

như vậy bước về phía cháu, chính lúc đó sư tử muốn giết cháu, nói rồi bỏ đi".

Phật nói: "Này các Bí-sô, sư tử và hổ khi ra khỏi hang đều có những hành động như vậy nhưng không hề làm điều gì tội lỗi, nhưng nay do trong tâm của chúng bị lời ly gián của dã can làm cho dao động nên cả hai đều để ý hành động của nhau, khi hổ thấy sư tử hiện tướng như vậy liền nghĩ là muốn giết mình, sư tử thấy hổ hiện tướng như vậy cũng nghĩ là hổ muốn giết mình", nhưng lúc đó sư tử lại suy nghĩ: "Ta nên hỏi hổ vì sao muốn giết ta", nghĩ rồi liền nói kệ:

"Hình dung rất thù diệu, Dũng kiện nhiều sức mạnh, Thiện Bác ngươi không nên, Tâm ác muốn hại ta".

Hổ nghe rồi cũng nói kệ:

"Hình dung rất thù diệu, Dũng kiện nhiều sức mạnh, Thiện nha ngươi không nên, Tâm ác muốn hại ta".

Thiện nha nghe rồi liền hỏi: "Ai nói tôi có tâm muốn giết bạn?", Thiện bác nói: "Chính dã can nói như vậy, còn bạn, ai nói tôi có tâm muốn giết bạn?" Thiện nha nói: "Chính dã can nói như vậy. Thì ra đều do lão dã can gây đấu loạn hai bên khiến chúng ta muốn giết lẫn nhau". Sau đó cả hai tìm dã can quật chết nó, lúc đó chư thiên nói kệ:

"Không nên nghe lời người,
Vất bỏ tình thân hữu,
Khi nghe lời người khác,
Phải cẩn thận xét suy,
Dã can ở trong hang,
Khởi tâm ác ly gián.
Cho nên người có trí,
Không nên vội tin liền,
Dã can ngu ác này,
Vọng nói lời đấu loạn,
Ly gián tình thân hữu,
Giết nó tâm an vui".

"Này các Bí-sô, loài bàng sanh khi nói lời ly gián tự chuốc lấy họa sát thân huống chi là người, cho nên các thầy chớ đến người khác nói ly gián". Lúc đó Thế tôn dùng đủ lời quở trách lục chúng rồi bảo các Bí-sô: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô cố ý nói ly gián, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng hoặc có ai khác giống như vậy.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Tổng Nhiếp Tụng:

Chủng tộc và công xảo,
Nghiệp, tướng, bịnh là năm,
Tội và phiền não loại,
Ác mắng là sau cùng.

Biệt Nhiếp Tụng:

Chủng tộc là bốn họ,
Cho đến dòng tôi tớ,
Công xảo việc đều đồng,
Tác nghiệp cũng như vậy,
Trong đó có tạp loại,
Thợ dệt, lông, làm kim,
Thợ sắt và khắc đồng,
Nghề da và nghề gốm,
Hớt tóc và nghề mộc,
Cho đến nghề mây tre,
Cả thảy mười một loại,
Đầy tớ ở sau cùng.

Nếu Bí-sô khởi ý ly gián đến chỗ Bí-sô thuộc dòng Bà-la-môn nói rằng: "Cụ thọ, có Bí-sô nói cụ thọ thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia, chẳng phải sa môn, chẳng phải Bà-la-môn", nếu hỏi là ai, đáp là Bí-sô tên , khi nói tên phạm Ác-tác, khi nói chủng tộc phạm Đọa. Như vậy cho đến đến chỗ Bí-sô thuộc dòng Sát-đế-lợi… Bí-sô là đầy tớ để nói ly gián, phạm tội đều giống như trên. Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Tư: ***NƠI YẾT MA PHÁT KHỞI LẠI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng biết chúng tăng hòa hợp đã như pháp quyết đoán việc tranh cải rồi, sau nơi yết ma phát khởi trở lại nói rằng: "Việc tranh cải này không khéo trừ diệt, đoán sự không hợp lý, cần phải xem xét lại". Các Bí-sô vì phải quyết đoán lại nên phế bỏ việc tu phẩm thiện, đọc tụng tư duy, các Bí-sô thiểu dục chê trách Lục chúng: "Tại sao Bí-sô biết chúng tăng hòa hợp đã như pháp quyết đoàn việc tranh cải rồi còn phát khởi trở lại", đem bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết Tăng già hòa hợp đã

như pháp quyết đoán việc tranh cải rồi, sau đó nơi yết ma phát khởi trở lại nữa thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng Bí-sô và ai khác giống như vậy. Biết là mình hiểu rõ. Hòa hợp là đồng một vị. Tránh có bốn loại là bàn luận tránh, phi ngôn tránh, phạm tội tránh và tác sự tránh. Nơi yết ma phát khởi lại là khơi động lại khiến cho việc tranh cải không dứt diệt.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô đối với việc thuộc bàn luận tránh khởi tưởng là bàn luận tránh, biết việc đã trừ diệt khởi tưởng là đã trừ diệt hoặc sanh nghi mà phát khởi lại, phạm Ba-dật-đề-ca. Việc chưa trừ diệt khởi tưởng đã trừ diệt hoặc nghi mà phát khởi lại thì phạm Ác-tác.

Bí-sô đối với việc thuộc Bàn luận tránh khởi tưởng là thuộc Phi ngôn tránh, biết việc đã trừ diệt khởi tưởng là đã trừ diệt hoặc nghi mà phát khởi lại, phạm Ba-dật-đề-ca.

Bí-sô đối với việc thuộc bàn luận tránh khởi tưởng là thuộc Phạm tội tránh, biết việc đã trừ diệt khởi tưởng là đã trừ diệt hoặc nghi mà phát khởi lại, phạm Ba-dật-đề-ca.

Bí-sô đối với việc thuộc Bàn luận tránh khởi tưởng là thuộc Tác sự tránh, biết việc đã trừ diệt khởi tưởng đã trừ diệt hoặc nghi mà phát khởi lại phạm tội như trên. Như lấy việc thuộc bàn luận tránh làm đầu vọng về ba tránh sau có bốn câu, nếu lấy ba tránh còn lại làm đầu chuẩn theo đây nên biết, tổng cộng có mười sáu câu. Có năm hạng người:

1. Người chủ: Là người đối với việc tranh cải hiểu rõ từ đầu đến cuối.

2. Người làm yết ma: Là người bỉnh pháp yết ma quyết đoán việc tranh cải này.

3. Người gởi dục: Là người gởi ý muốn của mình đến Tăng lúc đang làm yết ma.

4. Người nói tự thấy: Là người nói tự thấy sự việc lúc đang yết ma.

5. Người khách: Là người không hiểu rõ đầu đuôi sự việc tranh cải. Trong năm hạng người này thì ba hạng đầu biết chúng tăng hòa hợp quyết đoán việc tranh cải, đã như pháp diệt trừ, nếu phát khởi trở lại thì phạm Ba-dật-đề-ca. Hai hạng sau do không biết rõ, nếu phát khởi lại chỉ phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa. Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Năm: ***MỘT MÌNH NÓI PHÁP CHO NGƯỜI NỮ QUÁ NĂM, SÁU LỜI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, cụ thọ Ô-đà-di giỏi về môn xem tướng, sáng sớm hôm nọ đắp y mang bát vào thành khất thực đến nhà một cư sĩ gặp một thiếu phụ liền hỏi: "Mẹ chồng cô tánh hạnh thế nào?", đáp: "Tánh bà nóng nảy như con thỏ bị trúng tên", Ô-đà-di nói: "Bà đâu có lỗi gì, đó là do ở khoảng giữa của hai vú và chỗ kín có tướng bạo ác, đó là Hắc yếm (mụt ruồi đen) hay Xích yếm (mụt ruồi son) có lông xoắn nên tội lỗi từ đó sanh", nói rồi nhận lấy thức ăn ra về. Thời gian sau lại đến nhà đó gặp bà mẹ chồng liền hỏi: "Con dâu bà tánh hạnh thế nào?", đáp: "Tánh nó lười biếng, không siêng năng làm việc lại ưa sân nói lời thô xẵng", Ô-đà-di nói: "Dâu bà đâu có lỗi gì, đó là do… giống như đoạn văn trên đến câu nên tội lỗi từ đó sanh", nói rồi nhận lấy thức ăn ra về. Ngày khác, Ô-đà-di vào thành khất thực nhơn nói pháp cho gia đình cư sĩ khác, sau đó hỏi bà mẹ chồng: "Con dâu mới cưới của bà thế nào?", đáp: "Nó hiếu thuận với tôi như là con đẻ", Ô-đà-di nói: "Đó chẳng phải là đức của cô ấy mà là do ở khoảng giữa của hai vú và chỗ kín có tướng lương thiện, đó là tướng Bình ngư văn tự bàn khuất, tướng này mới là đức". Hôm khác đến lại gặp nàng dâu liền hỏi: "Mẹ chồng của cô thế nào?", đáp: "Bà đối xử với tôi như là mẹ đẻ", Ô-đà-di nói: "Đó chẳng phải là đức của bà mà chính là do… giống như đoạn văn trên cho đến câu tướng này mới là đức". Thời gian sau nhơn lúc tắm gội cho nhau, mẹ chồng và nàng dâu đều để ý xem có tướng lương thiện như Ô-đà-di đã nói hay không. Sau đó do bất đồng ý kiến trong công việc, bà mẹ chồng nói: "Ngươi dám cải lời ta phải không, ngươi không tự biết là đã ngoại tình với người nam khác ngoài con của ta hay sao?", nàng dâu nói: "Con thề là con không có", bà mẹ chồng nói: "Nếu ngươi không có tại sao có người nam biết được ẩn tướng của ngươi?", nàng dâu liền nói: "Mẹ cũng chẳng phải đã ngoại tình với người nam khác ngoài cha của con sao, nếu không sao có người nam biết được ẩn tướng của mẹ?", bà mẹ chồng nói: "Ai nói cho con biết ẩn tướng của mẹ?", đáp: "Chính là thánh giả Ô-đà-di", bà mẹ chồng nói: "Chính thánh giả Ô-đà-di cũng nói cho mẹ biết ẩn tướng của con". Sau khi hiểu rõ sự việc mẹ chồng và nàng dâu xin lỗi nhau rồi cùng chê trách Ô-đà-di: "Tại sao thánh giả lại cố ý xúc não chúng tôi chứ". Thời gian sau có một Bí-sô khác đến nhà khất thực bà mẹ chồng liền hỏi: "Thánh giả Ô-đà-di là người thế nào?", Bí-sô nói: "Ô-đà-di là con một vị đại thần bỏ tục xuất gia là một Bí-sô trì giới", bà mẹ chồng nói: "Nếu là Bí-sô trì giới thì sao

biết được ẩn tướng của người nữ này, người nữ kia", Bí-sô nói: "Bí-sô ấy giỏi về môn xem tướng", bà mẹ chồng nói: "Cũng đâu nên đem ẩn tướng của người này nói cho người kia biết". Bí-sô nghe rồi đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Do nói pháp nên sanh lỗi lầm như thế, từ nay không nên nói pháp cho người nữ". Sau đó các Bí-sô vào thôn khất thực có người nữ yêu cầu nói pháp yếu, các Bí-sô nói: "Phật không cho chúng tôi nói pháp cho người nữ", người nữ nghe rồi chỉ dâng cúng một ít thức ăn. Các Bí-sô đem duyên này bạch Phật, Phật nói: "Nên vì nói năm câu pháp, đó là nói sắc vô thường, thọ tưởng hành thức cũng vô thường". Sau đó Bí-sô vào thôn khất thực có người nữ yêu cầu nói pháp, Bí-sô liền nói năm câu trên, người nữ yêu cầu nói thêm, Bí-sô nói: "Phật không cho nói nhiều", người nữ nghe rồi chỉ dâng cúng một ít thức ăn. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nên nói sáu câu pháp, đó là nói nhãn vô thường, nhĩ tỷ thiệt thân thức cũng vô thường". Sau đó Bí-sô vào thôn khất thực có người nữ yêu cầu nói pháp, Bí-sô liền nói sáu câu trên, người nữ yêu cầu nói thêm, Bí-sô nói: "Phật không cho nói nhiều", người nữ nghe rồi cũng chỉ dâng cúng một ít thức ăn. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nếu có người nam một bên thì tùy ý nói nhiều". Sau đó Bí-sô vào thôn khất thực có người nữ yêu cầu nói pháp, Bí-sô bảo kêu người nam đến, người nữ hỏi nguyên do, Bí-sô nói: "Phật cho phép có người nam một bên thì có thể tùy ý nói nhiều", người nữ liền kêu người nam đến, Bí-sô nói pháp rồi đi. Sau đó Lục chúng đến khất thực nhà người nữ nói: "Hãy ngồi xuống tôi nói pháp cho nghe", người nữ nói: "Hãy đợi tôi kêu người nam đến", Lục chúng nói: "Đâu cần kêu người nam, chỉ cần có con khỉ, con chó, con mèo hay đứa trẻ nhỏ một bên cũng được vì nói pháp". Ngày khác có Bí-sô khác đến khất thực, người nữ yêu cầu nói pháp, Bí-sô bảo kêu người nam đến, người nữ nói: "Thánh giả, chỉ cần có con khỉ… hay đứa trẻ nhỏ một bên cũng được nói pháp", Bí-sô hỏi: "Ai bảo các vị đem các loài này thay thế người nam để vì nói pháp?", người nữ nói: "Chính là Lục chúng Bí-sô". Bí-sô nghe rồi đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nên đối với người nam có hiểu biết mới có thể nói pháp". Sau đó Lục chúng khi nói năm câu pháp lại cố ý nói đến sáu câu, khi nói sáu câu pháp lại cố ý nói đến bảy câu. Bí-sô nói: "Thế tôn dạy nói pháp cho người nữ năm, sáu câu sao các vị cố ý nói đến sáu, bảy câu?", đáp: "Có phải nói đến sáu, bảy câu thì được ăn hành tỏi hay uống rượu sao?", các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô nói pháp cho người nữ quá năm, sáu câu, trừ khi có người nam hiểu biết một bên, phạm Ba-

dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng và có ai khác giống như vậy. Người nữ là người hiểu biết phân biệt được lời tốt xấu. Người nam hiểu biết tức chẳng phải kẻ vô trí.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Bí-sô ở trên lầu nói pháp cho người nữ năm, sáu câu nếu cố ý nói đến sáu, bảy câu đều phạm Ba-dật-đề-ca. Hoặc ở trên gác nói pháp cho người nữ rồi trở xuống lầu dưới, nếu người nữ đi theo yêu cầu nói pháp, Bí-sô nên nói là nói đủ rồi, nếu yêu cầu nói thêm, Bí-sô nên nói thêm năm, sáu câu; nếu nói đến sáu, bảy câu thì phạm Đọa, như vậy cho đến xuống dưới đất hay ra đến cửa nói quá đều phạm giống như trên. Nếu tùy theo câu hỏi mà trả lời thì không phạm, không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm não bị thống khổ bức bách.

Học Xứ Thứ Sáu: ***CÙNG NGƯỜI CHƯA THỌ VIÊN CỤ ĐỌC TỤNG***

Phật ở trong rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng cùng người chưa thọ viên cụ đọc tụng đồng một câu khiến cho trú xứ ồn náo lên, giống như Bà-la-môn đọc tụng các ngoại luận, như học trò trong trường học lớn tiếng tập đọc. Thế tôn nghe tiếng ồn hỏi cụ thọ A-nan-đà: "Vì sao trú xứ trở nên ồn náo… cho đến câu lớn tiếng tập đọc?", A-nan-đà bạch Phật: "Đó là do Lục chúng cùng người chưa thọ viên cụ đồng một câu đọc tụng", Phật nói: "Há các Bí-sô lại cùng người chưa thọ viên cụ đồng một câu đọc tụng hay sao?", đáp: "Thật vậy, Thế tôn". Thế tôn do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô giáo thọ pháp cho người chưa thọ cận viên, cùng họ đọc chung một câu phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng và có ai khác giống như vậy. Người chưa thọ viên cụ: Có hai loại viên cụ là Bí-sô và Bí-sô ni, ba chúng dưới đều gọi là người chưa thọ viên cụ. Cú (câu) có đồng câu và câu trước, đồng câu là khi vị viên cụ đọc câu Chư ác mạc tác thì người chưa thọ viên cụ đồng loạt cùng đọc câu Chư ác mạc tác; câu trước là khi vị viên cụ đọc câu Chư ác mạc tác, âm thanh chưa dứt thì người chưa thọ viên cụ đọc nối tiếp theo câu trước là câu Chúng thiện phụng hành. Tự (chữ) cũng có đồng chữ và chữ trước, đồng chữ là khi vị viên cụ đọc chữ Chư thì người chưa thọ viên cụ đồng loạt cùng đọc chữ Chư; chữ trước là khi vị viên cụ đọc chữ Chư, âm thanh chưa dứt thì người chưa thọ viên cụ dọc nối tiếp theo chữ trước là chữ ác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô đối với người chưa thọ viên cụ khởi tưởng là chưa thọ viên cụ và nghi mà cùng đồng câu hay câu trước đọc tụng thì phạm Đọa. Nếu đối với người chưa thọ viên cụ khởi tưởng là chưa thọ viên cụ và nghi mà cùng đồng chữ hay chữ trước đọc tụng cũng phạm Đọa. Nếu đối với người chưa thọ viên cụ khởi tưởng là đã thọ viên cụ và nghi mà cùng đồng câu, câu trước hay đồng chữ, chữ trước đọc tụng đều phạm Ác-tác. Nếu đối với người đã thọ viên cụ khởi tưởng là chưa thọ viên cụ và nghi mà cùng đọc tụng thì phạm Ác-tác. Nếu đối với người thọ viên cụ khởi tưởng là thọ viên cụ thì không phạm, nếu nói lắp, nói nhanh cũng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm não bị thống khổ bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 27

Học Xứ Thứ Bảy: ***NÓI TỘI THÔ CHO NGƯỜI CHƯA THỌ VIÊN CỤ BIẾT***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có nhiều Bí-sô già và trẻ do chưa ly dục, phiền não hiện tiền nên làm nhiều việc phi pháp, phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Sau đó đến chỗ người rành tạng luật nghe và học tập, biết mình phạm tội nên sanh truy hối, vì muốn được trừ tội nên như pháp hành Biến trụ và Ma-na-ty, cung cấp nước uống cho chúng tăng hoặc quạt hầu, hoặc dùng cù muội da mới lau chùi ở tháp thờ tóc và móng tay của Phật… và làm các việc lao nhọc khác. Có các Bà-la-môn cư sĩ kính tín trông thấy cùng khen ngợi rằng: "Trong thế gian có người khéo phân biệt được ngọc quý, xem biết vật báu không thể nhầm lẫn. Các Bí-sô này cũng vậy, khéo biết nhơn quả tu các phước nghiệp, tuy tuổi đã cao mà vẫn cung cấp nước uống cho chúng tăng… làm các việc lao nhọc. Ngược lại Lục chúng Bí-sô chỉ biết tự thân không tu thắng phước". Lúc đó Lục chúng nghe được liền nói với mọi người: "Các vị cho rằng các Bí-sô đó vui thích tu phước nghiệp sao, đó là họ bị chúng tăng trị phạt nên mới làm những việc như vậy", mọi người nghe rồi liền hỏi: "Các vị ấy phạm tội gì mà chúng tăng trị phạt?", đáp: "Các vị ấy đã làm những việc phi pháp như vậy như vậy", mọi người nghe rồi liền sanh chê trách: "Các vị tuổi cao còn làm những việc phi pháp huống chi là các vị trẻ tuổi". Sau đó Lục chúng lại đến chỗ Cầu tịch đệ tử của các Bí-sô ấy hỏi: "Hai thầy của các chú đâu rồi?", đáp: "Sư chủ chúng tôi đang tu phước nghiệp", lại hỏi: "Đang tu phước nghiệp gì?", đáp: "Sư chủ đang dùng Cù muội da mới lau chùi tháp thờ tóc và móng tay của Phật", đáp rồi hỏi lại Lục chúng: "Tại sao các Đại đức không tu phước nghiệp?", đáp: "Chẳng phải sư chủ các chú đang tu phước nghiệp mà là bị chúng tăng trị phạt phải làm những công việc ấy", các đệ tử nghe rồi liền hỏi: "Sư chủ chúng tôi phạm tội gì mà bị chúng tăng trị phạt?", đáp: "Sư chủ các chú đã

làm những việc phi pháp như vậy như vậy". Thời gian sau các Bí-sô đó được xuất tội, khi sai bảo các Cầu tịch làm việc chúng, họ liền nói: "Sao các thầy không tự làm?", đáp: "Tôi không nên làm", các Cầu tịch nói: "Các thầy đã làm những việc phi pháp như vậy như vậy, nên làm việc chúng sao nói là không nên làm?", đáp: "Trước kia chúng ta phạm tội nhưng đã được xuất tội, nhưng tội lỗi của chúng tôi vì sao các chú biết?", đáp: "Chính Lục chúng Bí-sô nói cho biết". Các Bí-sô thiểu dục nghe biết liền chê trách: "Tại sao Bí-sô lại đem tội thô của Bí-sô khác nói cho người chưa thọ viên cụ biết", liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô, biết Bí-sô khác có tội thô, đem nói cho người chưa thọ cận viên biết, phạm Ba-dật-đề-ca."

Thời gian sau ở trong thành Thất-la-phiệt có Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán ở nhà thế tục làm việc nhơ nhà người, hiện tướng bất thiện khiến mọi người không sanh tín kính. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô nên sai một Bí-sô đến các nhà thế tục nói cho họ biết Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán đã làm việc phi pháp. Bí-sô không có năm đức thì không nên sai, nếu đã sai thì không nên đi, đó là có thương, giận, sợ, si, không biết nên nói và không nên nói". Nếu có đủ năm đức ngược với năm đức trên thì nên sai, đã sai thì nên đi. Nên sai như sau: Trải tòa. đánh kiền chùy tập tăng, tăng nhóm rồi liền hỏi ai có thể đến nhà thế tục nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán, nếu có người đáp là có thể thì nên sai một Bí-sô tác pháp yết ma, bạch như sau:

"Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán này ở nhà thế tục đã làm những việc phi pháp khiến mọi người không sanh tín kính. Bí-sô này tên có thể đến nhà thế tục nói cho họ biết Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán đã làm những việc phi pháp. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, nay Tăng sai Bí-sô này tên đến nhà thế tục nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán. Bạch như vậy". Kế tác yết ma:

"Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán ở nhà thế tục đã làm những việc phi pháp khiến mọi người không sanh tín kính. Bí-sô này tên có thể đến nhà thế tục nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán. Nay Tăng sai Bí-sô này tên đến nhà thế tục làm người nói lỗi, nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán. Nếu các cụ

thọ chấp thuận Bí-sô này tên đến nhà thế tục làm người nói lỗi nói cho họ biết những việc làm phi pháp của Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng nay chấp thuận sai Bí-sô này tên làm người nói lỗi vì im lặng. Nay tôi xin nhớ giữ như vậy".

Này các Bí-sô, nay ta chế hành pháp cho Bí-sô làm người nói lỗi: Bí-sô làm người nói lỗi này đến nhà thế tục nói rằng: "Các vị lắng nghe, người làm nhơ nhà thế tục và người làm nhơ người xuất gia ví như ruộng lúa xanh tươi mà bị sương mù, mưa đá làm cho hư hoại hết. Đối với hai hạng người này các vị chớ cùng ở chung khiến Thánh giáo thương tổn. Vì sao, vì người tự thân bị tổn hại như hạt giống bị khô cháy không thể nẩy mầm, ở trong Thánh giáo không thể tăng trưởng. Các vị nên quy hướng về Như lai Ứng cúng Chánh biến tri và các tôn giả thượng tọa đã chứng ngộ như Kiều-trần-như, Bà Đạp Ba, Vô Thắng, Hiền Thiện, Đại Danh, Danh Xưng, Viên Mãn… Thân Tử, Đại Mục-kiền-liên…". Bí-sô được sai nói rồi cáo từ.

Lúc đó Bí-sô Quảng Ngạch nghe biết việc này liền suy nghĩ: "Chúng tăng đã sai Bí-sô kia đến nhà thế tục nói tội lỗi của mình", nghĩ rồi liền đến chỗ Bí-sô kia hỏi: "Thầy đã đến nhà thế tục nói tội lỗi của tôi phải không?", đáp: "Vì chúng tăng như pháp sai tôi làm như vậy", Bí-sô Quảng Ngạch nói: "Việc làm của tôi đúng hay sai tự tôi biết, nếu thầy còn đi nói nữa tôi sẽ mổ bụng thầy kéo ruột thầy ra, đem treo ở cửa cổng rừng Thệ-đa cho mọi người được thấy". Bí-sô được sai nghe rồi hoảng kinh trở về báo lại cho các Bí-sô biết rồi nói: "Nay tôi không dám đến nhà thế tục nói tội lỗi của họ nữa". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Quảng Ngạch là người ngu si, có thể khinh dễ cá nhơn một người chứ không thể khinh dễ đại chúng. Tăng già nên đơn bạch đi nói tội lỗi của họ như sau" Trải tòa, đánh kiền chùy, tập họp chúng rồi sai một Bí-sô tác bạch:

"Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán đã làm những việc phi pháp khiến thế tục không sanh tín kính. Nay không ai dám đến nhà thế tục nói tội lỗi của họ, nếu Tăng đúng thời đến, tăng chấp thuận cho Tăng già nếu thấy Bí-sô Quảng Ngạch và Bí-sô ni Tùng Cán làm việc phi pháp liền nói cho thế tục biết, nên nói như sau: Các vị nên biết, Bí-sô và Bí-sô ni tội ác này đã làm thương tổn Thánh giáo, người này tự thân bị tổn hoại cũng như hạt giống cháy không thể nẩy mầm, ở trong Thánh pháp luật không thể tăng trưởng, Các vị nên quy hướng Như lai Ứng cúng Chánh biến tri và các tôn giả đã chứng ngộ như Kiều-trần-như… Bạch như vậy".

Như lời Phật đã dạy, đại chúng liền thông cáo cùng khắp cho các tục

gia biết về hành xứ của Bí-sô và Bí-sô ni đó, không ngờ thông cáo này lại khiến cho nhiều người không sanh tín kính, các Bí-sô đi khất thực gặp khó khăn. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "Tục gia nào biết hành xứ của Bí-sô và Bí-sô ni kia thì nên nói, không biết thì đừng nói". Lúc đó Phật khen ngợi trì giới, tùy thời tuyên nói pháp thiểu dục rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết Bí-sô kia có tội thô ác mà nói cho người chưa thọ cận viên biết, trừ Tăng yết ma, phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Tội thô ác là nhân tội của Ba-la-thị-ca và Tăng-già-phạt-thi-sa. Tội thô ác trong đây có hai: Một là tự tánh thô ác, hai là nhơn khởi thô ác. Thông cáo là nói rõ việc đó. Trừ Tăng yết ma là đại chúng vì việc đó mà tác pháp.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô đối với tục gia không biết khởi tưởng là không biết và nghi mà đến nói cho họ biết tội thô ác của người đó thì phạm Đọa. Nếu đối với tục gia biết mà khởi tưởng là không biết và nghi, đến nói cho họ biết thì phạm Ác-tác. Không phạm là đối với thế tục không biết mà khởi tưởng là họ đã biết, hoặc đại chúng nói rõ việc đó, hoặc mọi người đều nghe biết, như bức tranh trên trên vách mọi người đều nhìn thấy, không phải chỉ riêng mình biết thì nói không có lỗi. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Tám: ***NÓI CHO NGƯỜI CHƯA THỌ VIÊN CỤ BIẾT MÌNH THẬT CHỨNG PHÁP THƯỢNG NHƠN***

Phật ở trong tòa Cao Các bên bờ sông Di Hầu tại thành Quảng Nghiêm, lúc đó có năm trăm ngư dân ở bên bờ sông Thắng Huệ có hai giàn lưới đánh cá lớn: Một gọi là Tiểu túc, hai gọi là Đại túc… duyên khởi giống như trong giới thứ tư của Ba-la-thị-ca… cho đến câu năm trăm Bí-sô này nói với cụ thọ A-nan-đà: "Do chúng tôi đối trước các quyến thuộc tự khen ngợi rằng: Bí-sô này đắc tưởng Vô thường… cho đến đắc tám giải thoát", A-nan-đà hỏi: "Những việc mà các thầy nói là thật hay hư?", đáp là thật, A-nan-đà nói: "Các thầy chỉ vì chút ăn uống mà nói cho người thế tục biết mình thật chứng pháp thượng nhơn hay sao?", liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô thật chứng pháp thượng nhơn đem nói cho người chưa thọ cận viên biết, phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho năm trăm Bí-sô ngư phủ. Thật chứng là

sự việc đúng như vậy.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Thấy, tưởng, A-lan-nhã,
Trong nhà nhận tòa tốt,
Hay biết nơi tự tướng,
Phương tiện hiển rõ thân.

Nếu Bí-sô không có tâm hư vọng khởi tưởng thật có, nói với người chưa thọ viên cụ rằng: "Tôi thấy chư thiên, rồng, Dạ xoa, Kiền-thác-bà, Khẩn-nại-la, Mạc-hô-lạc-già, A-tô-la, Tất-lệ-đa, Tất-xá-già, Cưu-bàn-trà, Yết-tra-bổ-đơn-na", thì phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu nói tôi thấy quỷ phấn tảo thì phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa. Nếu Bí-sô không có tâm hư vọng khởi tưởng thật hiểu biết nói với người chưa thọ viên cụ rằng: "Tôi nghe tiếng nói của trời, rồng … cho đến Yết tra bổ đơn na", thì phạm Ba-dật-đề-ca; nếu nói nghe tiếng quỷ phấn tảo thì phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô không có tâm hư vọng khởi tưởng thật hiểu biết nói rằng: "tôi đến chỗ trời, rồng… chỗ Yết-tra-bổ-đơn-na", thì phạm Đọa, nếu nói đến chỗ quỷ phấn tảo thì phạm Ác-tác. Tất cả việc này đều giống như trong giới thứ bốn Ba-la-thị-ca, chỉ khác ở chỗ giới trước quả tội là Tha thắng, quả tội trong giới này là Đọa; nhơn tội trong giới trước là tội thô, còn trong giới này là Ác-tác. Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Chín: ***VU BÁNG HỒI CHUYỂN LỢI VẬT CỦA TĂNG***

Phật ở trong Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, lúc đó Bí-sô Thật-lực-tử được Tăng sai làm người phân chia ngọa cụ và theo thứ lớp phân phó Tăng thọ thỉnh thực. Thầy là người có tín tâm, ý vui thích hiền thiện, không từ khó nhọc vì chúng tăng làm mọi việc, những vật tư sanh mà mình có ở trong Tam bảo và ở chỗ các Bí-sô thượng hạnh thảy đều cúng thí, cho nên ba y của mình đều cũ rách. Các Bí-sô thấy vậy nói với nhau: "Cụ thọ Thật-lực-tử được Tăng sai làm người phân chia ngọa cụ và phân phó chúng tăng theo thứ lớp thọ thỉnh thực… giống như đoạn văn trên cho đến câu ba y của mình cũ rách. Nếu có người thí y cho Tăng, chúng ta sẽ đem y ấy thí cho Thật-lực-tử". Sau đó Tăng được thí bạch diệp tốt, các Bí-sô đem nhơn duyên này bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô nên hòa chúng đơn bạch trao y cho Thật-lực-tử thì y này thành vật không tội, nên bạch như sau: Trải tòa, đánh kiền chùy, tập tăng rồi tác bạch:

"Đại đức Tăng lắng nghe, cụ thọ Thật-lực-tử có tín tâm, ý ưa thích hiền thiện, vì chúng coi ngó lo liệu mọi việc không từ khó nhọc… giống như đoạn văn trên cho đến câu ba y đều cũ rách. Nay Tăng được bạch điệp tốt, nếu Tăng đúng thời đến, Tăng thuận cho Tăng nay đem bạch điệp này thí cho Thật-lực-tử. Bạch như vậy."

Các Bí-sô vâng lời Phật dạy hòa tăng đơn bạch đem bạch y đưa cho Thật-lực-tử , vì hai Bí-sô Hữu và Địa đời trước có oán cừu với Thật-lực-tử, nghiệp duyên chưa dứt nên đối trước các Bí-sô nói lời chê trách: "Các cụ thọ đem lợi dưỡng của Tăng đã có được hồi chuyển cho người mà mình quen biết", các Bí-sô nghe rồi nói rằng: "Khi tác bạch đem cho há chẳng phải cụ thọ đến nhóm đồng tâm chấp thuận hay sao?", hai Bí-sô này liền đáp là có đến nhóm, các Bí-sô liền nói: "Vậy sao bây giờ lại chê trách?", hai Bí-sô đáp: "Chê trách cũng không được hay sao?". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền hiềm trách: "Tại sao Bí-sô trước cùng đồng tâm, sau lại nói ngược lại rằng: Các cụ thọ đem lợi vật của chúng tăng đã có được hồi chuyển cho người mà mình quen biết", liền đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: …Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô trước đồng tâm chấp thuận, sau nói ngược lại rằng: Các cụ thọ đem lợi vật của Tăng đã được hồi chuyển cho người mà mình thân quen thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho hai Bí-sô Hữu và Địa. Trước đồng tâm chấp thuận là trước đã chấp thuận việc làm ấy của Tăng. Sau nói ngược lại là thời gian sau mới nói lời chê trách. Bí-sô thân hậu là đồng thân giáo sư, đồng quỷ phạm sư hoặc thân giáo sư cho đệ tử hay đệ tử cho thân giáo sư; quỷ phạm sư cho đệ tử hay đệ tử cho quỷ phạm sư; y chỉ sư cho đệ tử hay đệ tử cho quỷ phạm sư… và các thân hữu khác. Lợi vật có hai ẩm thực và y phục, trong giới này là chỉ cho y phục.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô tùy có lợi vật nhiều hay ít của chúng tăng, trước đồng tâm chấp thuận đem cho sau nói ngược lại như trên thì phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu thật sự Tăng không hồi chuyển đem cho mà là tự cá nhân hồi chuyển đem cho, nói lời chê trách thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười: ***KHINH CHÊ GIỚI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt , lúc đó Phật bảo các Bí-sô nên mỗi nữa tháng thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, các Bí-sô vâng lời Phật dạy mỗi nữa tháng thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Lục chúng

khi nghe thuyết bốn Ba-la-thị-ca thì im lặng, khi nghe thuyết đến ba mươi Tăng-già-phạt-thi-sa, hai pháp Bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca, chín mươi Ba-dật-đề-ca, bốn Ba-la-đề-xá-ni, Chúng đa học pháp và bảy pháp diệt tránh liền nói rằng: "Nếu các cụ thọ biết việc và hiểu người, tại sao đối với những người lầm lỗi như chúng tôi, lại làm cho thương tổn. Các vị nơi các tiểu tùy, tiểu giới đều mỗi nữa tháng tuyên đọc khiến cho các Bí-sô khác sanh tâm ưu não truy hối". Các Bí-sô nghe rồi đáp rằng: "Chúng tôi không vì các cụ thọ mà nói Biệt giải thoát kinh vào mỗi nữa tháng, chúng tôi chỉ là vâng lời đại sư dạy". Lục chúng tuy nghe nói như vậy vẫn chê trách không thôi, trách rằng: "Cần gì nói những tiểu tùy tiểu giới này, khiến các Bí-sô sanh tâm ưu não truy hối", các Bí-sô nói: "Nếu không cần nghe thì các vị từ trước đến nay đã làm tội lỗi gì mà phải truy hối?". Lúc đó các Bí-sô thiểu dục đều trách Lục chúng rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhơn duyên này nhóm các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô vào mỗi nữa tháng khi nói Giới kinh chê trách rằng: Các cụ thọ cần gì nói những tiểu tùy tiểu giới này, vì khi nói những giới này sẽ khiến các Bí-sô Ác-tác phiền não hoài nghi truy hối. Nếu nói khinh chê giới như thế thì phạm Ba-dật-đề-ca"

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Giới kinh là nghĩa theo thứ lớp tương ưng từ bốn Tha thắng cho đến bảy Diệt tránh. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô vào mỗi nữa tháng khi nói bốn Ba-la-thị-ca, Tăng-già-phạt-thi-sa cho đến bảy Diệt tránh nói rằng: "Cần gì nói tiểu tùy tiểu giới này khiến các Bí-sô sanh tâm Ác-tác…", thì phạm Ba-dật-đề-ca. Hoặc sanh phiền não hối hận hoài nghi, hoặc nói nhớ việc đời, hoặc nói không thích xuất gia hoặc nói hoàn tục… đều phạm Đọa. Như vậy nên biết, đối với sáu việc còn lại, các tạp sự , Ni-đà-na, Mục-đắc-ca… và các kinh tương ưng với luật giáo, khi nói đến các việc ấy mà nói rằng: "Cần gì nói tiểu tùy tiểu giới này, vì khi nói những việc này sẽ khiến các Bí-sô sanh tâm Ác-tác…", thì phạm Ba-dật-đề-ca. Khi nói các kinh khác nói rằng: "Cần gì y theo kinh này vì nói như vậy khiến người phiền não hối hận hoài nghi", thì phạm Ác-tác. Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Nhiếp Tụng Thứ Hai:

Chủng tử, khinh, xúc não,
Để giường, nệm cỏ, kéo (lôi),
Gượng ở, giường sút chân,

Tưới cỏ; ba, hai tầng.

Học Xứ Thứ Mười Một: ***HOẠI SANH CHỦNG***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một Bí-sô Mạc-ha-la ngu tối không hiểu biết, muốn xây một ngôi chùa lớn cho Tăng nên chặt cây đại thọ Thắng diệu. Vị thiên thần nương ở trên cây này vào đầu đêm với thân có ánh sáng thù diệu chiếu sáng cả rừng Thệ-đa , đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, có một lão Bí-sô ngu tối không biết thời nghi, muốn xây cất một ngôi chùa lớn cho Tăng nên chặt cây đại thọ Thắng diệu là chỗ tôi nương ở từ lâu nay. Hiện nay đang là tiết rét đông, trẻ con nam nữ không nơi nương tựa, cúi xin Thế tôn thương tưởng cứu giúp", Thế tôn nghe rồi liền bảo các vị thọ thần khác: "Chỗ ở của các vị có thể dung nạp gia đình vị thiên thần không nơi nương tựa này không?". Các thọ thần vâng lời Phật sắp xếp chỗ cho vị thiên thần kia nương ở. Trời vừa sáng, Phật nhóm họp các Bí-sô nói rằng: "Vào đầu đêm qua có vị thọ thần với thân có ánh sáng thù diệu chiếu sáng cả rừng Thệ-đa… cho đến câu cúi xin Thế tôn thương tưởng cứu giúp. Này các Bí-sô, Bí-sô Mạc-ha-la này đã làm điều phi pháp là chặt bỏ cây đại thọ Thắng diệu là chỗ nương ở của vị thọ thần kia, khiến họ sanh tâm chê trách, là trái với pháp sa môn. Do Bí-sô này chặt cây mới sanh tội lỗi, vì vậy từ nay trở đi các Bí-sô không nên chặt cây, nếu chặt phạm tội Việt pháp". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới.

Phật ở rừng Khoáng dã, do Phật chế không được chặt cây nên các Bí-sô thọ sự đang lo việc xây cất phải ngưng lại, Thế tôn biết mà vẫn hỏi cụ thọ A-nan-đà nguyên do, A-nan-đà đáp: "Là do Phật chế các Bí-sô không được chặt cây nên không có gỗ để xây cất, các Bí-sô thọ sự phải ngưng công việc lại". Phật nói: "Có hành pháp cho Bí-sô thọ sự coi ngó việc xây cất, đó là: Bí-sô thọ sư khi muốn chặt cây lấy gỗ để xây cất thì trước đó bảy, tám ngày nên làm Mạn trà la ở bên gốc cây với hương hoa và phẩm vật cúng tế, tụng kinh tam khải rồi chú nguyện, nên nói đạo thập thiện, khen ngợi nghiệp thiện và nói với vị thọ thần trên cây rằng: Nếu trên cây có vị thọ thần nào nương ở thì nên tìm chỗ khác, vì cây này sẽ dùng xây cất cho Tam bảo. Nói rồi sau bảy, tám ngày thì chặt. Nếu khi chặt có hiện tướng lạ thì nên khen ngợi công đức thí xả và lỗi xan tham, nếu vẫn còn hiện tướng lạ thì không nên chặt, nếu không hiện tướng lạ thì được chặt. Bí-sô thọ sự coi ngó việc xây cất phải y theo hành pháp này, nếu không y theo thì phạm tội Việt pháp". Đây là duyên khởi nhưng Phật vẫn chưa chế giới.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc

đó Lục chúng Bí-sô tự chặt hoặc bảo người chặt cây và chặt phá các loại cỏ tươi, tùy hái hoa trái để dùng. Các ngoại đạo thấy rồi đều chê trách: "Các sa môn Thích tử này tự chặt hoặc bảo người chặt phá cây cỏ không khác gì những người thế tục và Bà-la-môn chúng ta, ai lại cúng dường cho hạng người như thế". Các Bí-sô nghe biết bạch Phật, Phật do nhơn duyên này nhóm các Bí-sô… cho đến câu: "… Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: Nếu lại có Bí-sô tự phá hoại chủng tử là thôn xóm của chúng hữu tình và bào người khác phá hoại thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Chủng tử thôn có năm loại là Căn chủng (loại củ), Hành chủng (loại cành, cọng), Tiết chủng (loại có lóng, có mắt), Khai chủng (loại do nứt ra, nở ra), và Tử chủng (loại có hột). Sao gọi là Căn chủng? Như các loại cây Hương phụ tử, cây Xương bồ, Hoàng cương, bạch cương… đều từ củ mà sanh nên gọi là Căn chủng. Sao gọi là Hành chủng? Như các loại cây Thạch lựu, cây Liễu, Bồ đào, Bồ đề… đều từ cành mà sanh nên gọi là Hành chủng. Sao gọi là Tiết chủng? Như các loại cây mía, cây trúc, cây Lau… đều từ lóng mắt mà sanh nên gọi là Tiết chủng. Sao gọi là Khai chủng? Như các loại cây cam, quýt, bưởi… đều do chín nứt ra mà sanh nên gọi là khai chủng. Sao gọi là Tử chủng? Như các loại cây lúa, cây đậu, đại mạch… đều từ hột mà sanh nên gọi là Tử chủng. Gọi chung năm loại chủng tử này là Chủng tử thôn. Thôn xóm của hữu tình chỉ cho các loại cây trên đều là nơi nương ở của các loài hữu tình.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Củ… tưởng là sanh chủng,
Chặt cây cỏ và hoa,
Cây… ở chỗ kinh hành,
Rêu xanh, bình, giá y.

Nếu Bí-sô nơi Căn chủng khởi tưởng là căn chủng, sống khởi tưởng là sống, tự chặt hay bảo người chặt đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu cây khô tưởng là sống và nghi, khi chặt phá đều phạm Ác-tác.

Nếu Bí-sô nơi Căn chủng khởi tưởng là Hành chủng, tưởng sống và nghi, tự chặt, bảo người chặt đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu cây khô tưởng là sống và nghi, chặt phá đều phạm Ác-tác. Căn chủng đã như vậy thì tiết chủng… ba loại còn lại đều có bốn câu như trên nên biết. Nếu lấy Hành chủng vọng về bốn loại sau, mỗi loại đều có bốn câu kết phạm như trên nên biết. Nếu Bí-sô đối với năm loại chủng tử này tự làm hay bảo người làm đem ném vào trong lửa muốn làm cho năm loại chủng tử này bị hoại thì

phạm năm tội Đọa, không tổn hoại thì phạm năm Ác-tác. Đem bỏ vào trong nước cũng phạm như trên, đem bỏ vào trong cối giả kết phạm cũng như trên.

Nếu Bí-sô dùng một phương tiện chặt cây, khi chặt đứt phạm một Ác-tác, một tội Đọa. Nếu chặt một nhát mà đứt hai cây thì phạm một Ác-tác và hai tội Đọa. Nếu chặt một lần mà đứt nhiều cây thì phạm một Ác-tác và nhiều tội Đọa. Nếu hai lần chặt đứt một cây thì phạm hai Ác-tác một tội Đọa; nếu hai lần chặt đứt hai cây thì phạm hai Ác-tác hai tội Đọa; nếu hai lần chặt đứt nhiều cây thì phạm hai Ác-tác, nhiều tội Đọa. Nếu chặt nhiều lần mà đứt chỉ một cây thì phạm nhiều Ác-tác một tội Đọa; nếu chặt nhiều lần mà đứt hai cây thì phạm nhiều Ác-tác hai tội Đọa; nếu chặt nhiều lần đứt nhiều cây thì phạm nhiều Ác-tác nhiều tội Đọa. Cây đã như vậy thì đối với hoa cỏ chuẩn theo đó nên biết.

Nếu Bí-sô nhổ cây phạm Đọa, làm cho da cây bị nứt và làm thương tổn chỗ không cứng chắc thì phạm Ác-tác; nếu làm thương tổn phần cứng chắc của cây thì phạm Đọa. Bí-sô làm tổn hoại cây cỏ tươi phạm Đọa, tổn hoại lá vàng phạm Ác-tác, làm tổn hoại hoa chưa nở phạm Đọa, hoa đã nở phạm Ác-tác. Nếu hoại trái chưa chín phạm Đọa, hoại trái đã chín phạm Ác-tác. Chỗ đất có mọc cỏ đổ nước sôi lên hay lấy phân bùn đổ lên khiến nó bị tổn hoại thì phạm Đọa, nó không bị tổn hoại thì phạm Ác-tác, nếu không có tâm làm tổn hoại thì không phạm. Nếu Bí-sô kinh hành trên đất có cỏ, nghĩ muốn làm nó tổn hoại, tùy tổn hoại tới đâu đều phạm Đọa. Chỗ đất có cỏ kéo củi qua hay lấy chiếu phủ lên làm nó bị tổn hoại thì phạm Đọa, không có tâm làm tổn hoại thì không phạm. Nếu kinh hành trên đất có rêu xanh phạm hay không phạm giống như trên. Trên đất có rêu xanh kéo củi qua… phạm hay không phạm giống như trên. Bèo, rong rêu trong nước nếu vớt lìa khỏi nước phạm đọa, chưa lìa khỏi nước phạm Ác-tác. Nhổ nấm mọc trên đất phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô đối với bình chậu… và trên y phục hoặc mền, nệm, chiếu có mốc xanh mốc trắng khởi tâm làm tổn hoại đều Ác-tác. Nếu bảo người biết tịnh rồi thọ dụng thì không phạm. Nếu đối với năm loại sanh chủng bảo người biết tịnh cũng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 28

Học Xứ Thứ Mười Hai: ***HIỀM TRÁCH KHINH RẼ***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, lúc đó Bí-sô Thật-lực-tử được Tăng sai làm người phân chia ngọa cụ và phân phó Tăng theo thứ lớp đi phó thực. Hai Bí-sô Hữu và Địa do nhiều đời chất chứa oán cừu với Thật-lực-tử, nghiệp duyên chưa dứt nên khi nói chuyện với Ô-ba-nan-đà, thấy Thật-lực-tử đi ngang qua liền nói: "Này Ô-ba-nan-đà, nếu thầy được tăng sai làm người phân chia ngọa cụ và phân phó Tăng theo thứ lớp đi phó thực thì thầy có gây não loạn cho tôi, giống như Thật-lực-tử đã khinh thị tôi không?", Ô-ba-nan-đà nói: "Cụ thọ, Bí-sô này được Tăng hòa hợp sai làm người… đi phó thực, hai vị đều biết sao lại ở trước mặt hiềm trách?", đáp: "Không lẽ chúng tôi tự buồn bã trách cứ cũng không được sao?". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách, bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Nên tác pháp quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa về tội ở trước mặt hiềm trách. Nếu có ai khác giống như vậy cũng tác pháp quở trách như sau: đánh kiền chùy, tập họp chúng sai một Bí-sô tác bạch như sau: "Đại đức tăng già lắng nghe, hai Bí-sô Hữu và Địa này biết Tăng hòa hợp sai Bí-sô kia làm người phân chia ngọa cụ và phân phó Tăng theo thứ lớp đi phó thực mà lại ở trước mặt hiềm trách. Nếu Tăng đúng thời đến, tăng chấp thuận, nay Tăng tác pháp quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa về tội ở trước mặt hiềm trách. Bạch như vậy". Kế tác yết ma:

"Đại đức tăng già lắng nghe, hai Bí-sô Hữu và Địa này biết Tăng hòa hợp sai Bí-sô kia làm người… đi phó thực, lại ở trước mặt hiềm trách. Nay Tăng tác pháp quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa về tội ở trước mặt hiềm trách, nếu các cụ thọ chấp thuận việc quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (thứ hai, thứ ba). Nay Tăng đã tác pháp quở trách hai Bí-sô hữu và Địa về tội ở trước mặt hiềm trách xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, nay tôi xin nhớ giữ như vậy."

Thời gian sau, hai Bí-sô Hữu và Địa khi nói chuyện với Ô-ba-nan-đà thấy Thật-lực-tử đi ngang qua liền nói: "Này Ô-ba-nan-đà, nếu thầy được tăng sai làm người… đi phó thực, thầy có giống như ai đó gây não loạn cho tôi không?", Ô-ba-nan-đà nói: "Hai vị đều biết Tăng hòa hợp sai Bí-sô đó làm người… đi phó thực, hai vị còn giả vờ mượn ai đó, không nói thẳng tên để hiềm trách hay sao?", đáp: "Tôi há có thể kêu thẳng tên để hiềm trách khinh tiện hay sao?", Ô-ba-nan-đà nói: "Nếu hai vị không dám kêu thẳng tên để hiềm trách khinh tiện, thì tôi cũng không nói tên của người đó ra mà mắng tất cả chúng". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách, bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Nên tác pháp quở trách hai Bí-sô Hữu và địa về tội giả vờ mượn ai đó, không kêu thẳng tên mà ở trước mặt hiềm trách". Nên tác bạch như sau:

"Đại đức tăng già lắng nghe, hai Bí-sô Hữu và Địa này đã biết Tăng hòa hợp sai Bí-sô kia làm người… đi phó thực, mà ở trước Thật-lực-tử mượn ai đó không nói thẳng tên để hiềm trách. Nêu Tăng đúng thời đến, tăng chấp thuận, nay tăng tác pháp quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa về tội mượn ai đó không nói thẳng tên ra mà ở trước mặt hiềm trách. Bạch như vậy". Kế tác yết ma:

"Đại đức tăng già lắng nghe, hai Bí-sô hữu và Địa này đã biết tăng hòa hợp sai Bí-sô kia làm người… đi phó thực, ở trước Thật-lực-tử giả vờ mượn ai đó không nói thẳng tên ra để hiềm trách. Nếu các cụ thọ chấp thuận việc quở trách hai Bí-sô Hữu và Địa thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba).

Nay Tăng già đã quở trách hai Bí-sô hữu và Địa về tội… đã quở trách xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng. Nay tôi xin nhớ giữ như vậy".

Thời gian sau, tuy bị tăng hai lần tác pháp quở trách, nhưng vì nghiệp lực đời trước nên hai Bí-sô này vẫn ở trước mặt Thật-lực-tử hiềm trách không thôi. Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô hiềm trách khinh rẽ Bí-sô được Tăng sai, phạm Ba-dật-đề-ca"

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho hai Bí-sô Hữu và Địa. Hiềm trách khinh rẽ là ở trước mặt nói thẳng tên và mượn ai đó không nói thẳng tên ra để hiềm trách, bộc lộ sự sân giận của mình. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô bị Tăng tác pháp quở trách rồi ở trước mười hai hạng người được Tăng sai, đang trong giai đoạn hành sự mà sân trách, khinh rẽ đều

phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô bị Tăng tác pháp quở trách rồi ở trước mặt mười hai hạng người được Tăng sai, dù đã qua giai đoạn hành sự mà vẫn sân trách, khinh rẽ đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô không bị Tăng tác pháp quở trách ở trước mười hai hạng người được Tăng sai đang trong giai đoạn hành sự mà sân trách thì phạm Ác-tác, khinh rẽ cũng phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô không bị Tăng tác pháp quở trách ở trước mười hai hạng người được Tăng sai, tuy đã qua giai đoạn hành sự mà vẫn sân trách khinh rẽ đều phạm Ác-tác. Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Ba: ***TRÁI LỜI DẠY GÂY XÚC NÃO***

Phật ở trong vườn Cù-sư-la nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó Bí-sô Xiển-đà ở trong chúng phạm nhiều tội mà không như pháp sám hối, các Bí-sô muốn cho Xiển đà được lợi ích an lạc trụ nên khuyên bảo Xiển-đà như pháp sám hối, Xiển-đà nói: "Người nào phạm tội thì người đó sẽ như pháp sám hối", các Bí-sô nói: "Chính thầy phạm tội sao lại bảo ai sám hối", đáp: "Người nào có truy hối, người đó tự biết sám hối", các Bí-sô nói: "Chính thầy phạm tội sao lại bảo ai truy hối", đáp: "Các cụ thọ phạm tội chớ ở trước tôi bảo tôi thuyết hối, nên ở trước người khác bảo thuyết hối, vì sao?, vì các vị gồm nhiều chủng tộc, dòng họ xuất gia, như các nhánh lá của cây đều sai khác bị gió thổi gom lại một chỗ, do Thế tôn của tôi chứng chánh giác nên các vị mới đến cùng nương tựa". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách: "Tại sao Bí-sô được người khác như pháp chỉ bảo lại nói những lời chống trái để làm xúc não nhau như thế?", bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Nên tác pháp quở trách Bí-sô Xiển-đà, nếu có ai khác giống như vậy cũng tác pháp quở trách như sau: Tập Tăng như thường làm rồi sai một Bí-sô tác bạch như sau:

"Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô Xiển-đà này tự thân phạm tội mà không như pháp sám hối. Các Bí-sô muốn cho Xiển-đà được Lợi-ích an lạc trụ nên như pháp khuyên bảo, lại nói lời chống trái gây xúc não cho nhau. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng nên chấp thuận, nay Tăng tác pháp quở trách Bí-sô Xiển-đà. Bạch như vậy". Kế tác yết ma:

"Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô Xiển-đà này tự thân phạm tội mà không như pháp sám hối. Các Bí-sô muốn cho Xiển-đà được lợi ích an lạc trụ nên như pháp khuyên bảo, lại còn nói lời chống trái gây xúc não cho nhau. Nay Tăng tác pháp quở trách Xiển-đà về tội chống trái lời dạy xúc não nhau. Các cụ thọ nào chấp thuận việc quở trách Xiển-đà này về tội chống trái lời dạy xúc não nhau thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói.

Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba). Nay Tăng đã quở trách Xiển-đà về tội chống trái lời dạy xúc não nhau xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, nay tôi xin nhớ giữ như vậy."

Lúc đó Xiển-đà suy nghĩ: "Đây là lỗi của ta do ta nói lời chống trái mọi người", bèn nói kệ:

"Những người có trí huệ, Khéo giữ bốn thứ ngữ, Xem chim trong rừng núi, Hay hót nên bị nhốt".

Lại suy nghĩ: "Nay ta nên im lặng không nói". Thời gian sau Xiển-đà lại phạm tội, các Bí-sô muốn cho Xiển-đà được lợi ích an lạc trụ nên khuyên bảo Xiển-đà sám hối, Xiển-đà im lặng không nói để xúc não các Bí-sô, cho đến lần thứ hai, lần thứ ba cũng im lặng để xúc não như vậy. Các Bí-sô thiểu dục liền chê trách rồi bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Nên tác pháp quở trách Xiển-đà về tội im lặng để xúc não, nếu có ai giống như vậy cũng tác pháp quở trách như sau: Tập Tăng như thường làm rồi sai một Bí-sô tác bạch như sau:

"Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô Xiển-đà này tự thân phạm tội mà không như pháp sám hối, các Bí-sô muốn cho Xiển-đà được Lợi-ích an lạc trụ nên khuyên bảo sám hối, Xiển-đà lại im lặng để xúc não các Bí-sô. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng chấp thuận, nay Tăng tác pháp quở trách Xiển-đà về tội im lặng để xúc não. Bạch như vậy". Kế tác yết ma: "Đại đức tăng già lắng nghe, Xiển-đà này tự thân phạm tội… như đoạn văn trên cho đến câu im lặng để xúc não. Nay tăng quở trách Xiển-đà về tội im lặng xúc não, các cụ thọ nào chấp thuận Tăng quở trách Xiển-đà về tội im lặng xúc não thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lấn thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba). Nay tăng quở trách Xiển-đà về tội im lặng xúc não xong rồi, tăng chấp thuận vì im lặng, nay tôi xin nhớ giữ như vậy."

Thời gian sau Xiển-đà lại phạm tội, các Bí-sô cũng như trước khuyên bảo sám hối, Xiển-đà hoặc nói hoặc im lặng để xúc não, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhơn duyên này nhóm họp các Bí-sô... cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô chống trái lời dạy bảo và gây xúc não cho nhau thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Xiển-đà. Chống trái và gây xúc não là dùng lời nói biểu thị hay làm tướng dể gây xúc não cho người khuyên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu có Bí-sô đến Bí-sô khác nói rằng: "Thầy có thấy Bí-sô mới cạo râu tóc, mặc đại y đỏ, tay cầm tích trượng, tay bưng bát đựng đầy tô, mật… đi qua đây không?", đáp: "Không thấy, tôi chỉ thấy Bí-sô đi bằng hai chân".

Nếu Bí-sô cố tâm nói lời này để não loạn vị kia thì phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu có người khác đến hỏi như trên, chỉ khác ở chỗ là Bí-sô ni, đáp rằng: "Không thấy, tôi chỉ thấy Bí-sô ni đi bằng hai chân". Nếu Bí-sô cố tâm nói lời này để não loạn vị kia thì phạm Ba-dật-đề-ca, như vậy cho đến hỏi về Chánh học nữ, cầu tịch, cầu tịch nữ, đáp cũng giống như trên đều phạm như trên. Nếu có người hỏi: "Thầy có thấy người tục vác mía, tre, củi… đi ngang qua đây không?", đáp: "Không thấy, tôi chỉ thấy có người đi bằng hai chân". Nếu cố ý nói lời này để xúc não vị kia thì phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu hỏi như trên chỉ khác là mặc áo xanh, đỏ, vàng…, đáp cũng như trên để não loạn đều phạm Đọa. Hỏi về người nam đã như thế thì hỏi về người nữ cũng như thế nói hay im lặng để xúc não đều phạm Đọa.

Không phạm là nếu có thợ săn đuổi theo con nai vào trong chùa hỏi Bí-sô có thấy con nai chạy qua đây không, Bí-sô không nên đáp là thấy. Nếu lúc đó là mùa lạnh thì nên bảo thợ săn vào trong chùa sưởi ấm chốc lát; nếu là mùa nóng nực thì nên bảo thợ săn vào chùa uống nước mát. Nếu thợ săn nói: "Tôi không mệt, tôi chỉ hỏi về con nai", lúc đó Bí-sô nhìn móng tay nói rằng: "Nặc khư bát xa nhĩ"; nếu thợ săn hỏi về nai nữa thì Bí-sô nên nhìn mặt trời nói rằng: "Nạp bà bát xa nhĩ". (Nặc khư là tiếng Phạm, nghĩa là móng tay, cũng có nghĩa là không; Bát xa nghĩa là thấy; Nhĩ nghĩa là tôi. Câu này ý nói tôi thấy móng tay, cũng có nghĩa là nói mắt tôi không thấy, người kia nghe nói không cho là Bí-sô không thấy con vật. Đây là phương tiện để cứu chúng sanh nên không phạm. Nạp bà nghĩa là thái hư, cũng có nghĩa là không, câu nạp bà bát xa nhĩ ý nói tôi thấy thái hư, cũng có nghĩa là nói tôi không thấy. Vì diễn đạt cả hai nghĩa trên nên giữ nguyên âm Phạm không dịch). Nếu thợ săn nói: "Tôi không hỏi móng tay và thái hư, tôi chỉ hỏi về con nai", lúc đó Bí-sô nên nhìn khắp bốn phương khởi nghĩ trong thắng nghĩa đế, tất cả các hành vốn không có hữu tình, liền đáp là tôi không thấy hữu tình cũng không phạm. Nếu Bí-sô vào trường hợp khác khi hỏi không đáp như thật đều phạm Đọa. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi đến Phật thỉnh hỏi: "Thế tôn, do nhân duyên gì, Bí-sô Xiển-đà được các Bí-sô như pháp khuyên bảo, không nghe theo còn dùng lời xúc não khiến Tăng già phải tác pháp quở trách chịu ưu não này?", Thế tôn nói: "Xiển-đà này không phải ngày nay mới xúc não các Bí-sô chống trái lời bạn lành, mà vào đời quá khứ cũng dùng lời nói cố ý não loạn bạn lành, tự chịu đau khổ. Các thầy lắng nghe:

"Đời quá khứ, tại một vũng nước có bầy ngỗng và các con rùa ở

chung nhau, trong đó có một con rùa rất thân với hai con ngỗng thường giúp đỡ nhau. Thời gian sau trời đại hạn, vũng nước muốn cạn nên hai con ngỗng đến chỗ con rùa nói rằng: "Bạn có thể an ổn trong bùn lầy này, còn chúng tôi thì không thể, chúng tôi định đến phương khác tìm chỗ có ao nước để sống", rùa nói: "Tôi cùng hai bạn thân thiết rất là tương đắc, nay gặp nạn nguy khốn, hai bạn lại muốn đi nơi khác bỏ tôi ở lại thì không được", ngỗng hỏi: "Bạn muốn thế nào?", rùa nói: "Hãy mang tôi cùng đi", ngỗng nói: "Mang bạn cùng đi như thế nào?", rùa nói: "Hai bạn ngậm chặt hai đầu của một cái cây, tôi cắn chính giữa, chúng ta có thể cùng đi đến chỗ có ao nước há chẳng tốt sao?", ngỗng nói: "Tốt thì có tốt, nhưng bạn ưa nói khó thể ngậm miệng lâu, chắc chắn sẽ nhả cây ra, lúc đó từ trên không rớt xuống đất còn bi thảm hơn nhiều", rùa nói: "Tôi sẽ giữ miệng ngậm chặt cây không nói", ngỗng nói: "Nếu được vậy thì tốt". Thế là hai con ngỗng ngậm hai đầu của một cái cây còn rùa ngậm ở giữa cành cây, cả ba cùng bay trong hư không, khi bay ngang qua thành thị, người ở bên dưới nhìn lên trông thấy đều kinh ngạc trầm trồ nói rằng: "Hai con ngỗng ăn trộm một con rùa". Rùa nghe rõ nhưng nhẫn chịu không nói, sau đó cả ba lại bay qua một thành thị khác chỗ phố chợ đông người, người bên dưới nhìn lên cũng nói giống như trên, rùa suy nghĩ: "Ta còn phải chịu khổ sở này bao lâu nữa, cổ thì bị treo dài ra còn miệng thì không thể nói", nghĩ rồi liền mở miệng nói: "Là tôi tự muốn đi, chẳng phải bị trộm mang đi". Vừa mở miệng nói liền bị rớt xuống đất, trẻ con xúm lại đập rùa đến chết, hai con ngỗng thấy rồi trong lòng bi thảm bay mất trong hư không. Lúc đó trong hư không có vị trời thấy việc này liền nói kệ:

"Bạn lành nói lợi ích,
Nếu không thể nghe theo,
Rớt xuống chịu đau khổ,
Cũng như rùa buông cây."

Này các Bí-sô các thầy chớ sanh niệm khác, con rùa thuở xưa chính là Xiển-đà, còn hai con ngỗng chính là Nan-đà và Ô-ba-nan-đà. Xiển-đà xưa kia không chịu nghe theo lời lợi ích của bạn lành nên phải mất mạng; ngày nay cũng vậy, không chịu nghe theo lời khuyên bảo của các vị đồng phạm hạnh, lại còn hoặc nói hay nín làm não loạn nên bị Tăng tác pháp quở trách".

Học Xứ Thứ Mười Bốn: ***ĐỂ PHU CỤ CỦA TĂNG NƠI ĐẤT TRỐNG***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc

đó có trưởng giả Thiện Thí thỉnh Phật và tăng về nhà thọ thực nên các Bí-sô vào sáng sớm đã đắp y mang bát đi đến nhà trưởng giả, Thế tôn ở chùa sai người đi lấy thức ăn về do có năm duyên: Một là cần yên tĩnh, hai là nói pháp cho chư thiên, ba là thăm nom người bịnh, bốn là xem xét phu cụ của tăng, năm là chế học xứ cho các Bí-sô. Trường hợp này Phật muốn đi xem xét phu cụ của Tăng và chế học xứ cho các Bí-sô. Sau khi chúng tăng đi rồi, Thế tôn cầm chìa khóa đến các phòng xem xét và khắp nơi ngoài sân chùa, sau cùng đến một phòng không người ở, thấy có nhiều phu cụ để bừa bãi trên đất trống. Lúc đó bổng có gió mưa ập đến, Phật nghĩ: "Những phu cụ này là do lòng tin của Bà-la-môn cư sĩ đã chịu cực khổ, nhín phần chi dụng của vợ con mang đến cúng cho Tăng già để cầu thắng phước. Vậy mà các Bí-sô khi thọ dụng lại không biết lượng, không khéo giữ gìn đem bỏ bừa bãi", nghĩ rồi, Thế tôn vận dụng thần thông che chắn gió mưa để thu cất các phu cụ, thu cất xong lấy áo tắm mưa ra ngoài để tắm mưa, tắm xong vào phòng trụ trong yên tĩnh. Sau đó Bí-sô lấy thức ăn về đến, thường pháp của chư Phật là hỏi thăm người mang thức ăn về: "Chư tăng thọ ẩm thực có được no đủ không?", đáp là đều no đủ. Thế tôn thọ thực rồi sau đó lại trụ trong yên tĩnh cho đến xế chiều mới xuất định, đến trong chúng tăng ngồi vào chỗ ngồi rồi bảo các Bí-sô: "Sau khi chư tăng đi phó thực, ta ở lại chùa cầm chìa khóa đi xem xét các phòng… giống như đoạn văn trên cho đến câu thu cất các phu cụ. Này các Bí-sô, thí chủ nhín phần chi dụng của vợ con mang đến cúng cho tăng già để cầu thắng phước, các thầy không thể như pháp thọ dụng lại còn làm hư tổn của tín thí", liền nói kệ:

"Đối với vật tín thí,
Biết lượng mà thọ dụng,
Tự thân được an ổn,
Khiến phước đức tăng trưởng".

Lúc đó Thế tôn khen ngợi người tri túc y pháp thọ dụng của tín thí rồi bảo các Bí-sô: Ta nay chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô để phu cụ của tăng và các giường ngồi nơi đất trống, khi đi không tự cất, không bảo người cất, phạm Ba-dật-đề-ca".

Thời gian sau, có nhiều Bí-sô tháp tùng theo đoàn thương buôn du hành, khi đi đến một thành , trong thành có trú xứ của Bí-sô, lúc các Bí-sô muốn tìm chỗ nghỉ qua đêm thì có người chỉ đến trú xứ của Bí-sô nghỉ, các Bí-sô nói: "Chúng tôi phải theo quy chế của đoàn thương buôn nên không được tự do, nếu đến nơi đó nghỉ qua đêm thì sẽ mất bạn đồng hành", người ấy nói: "Khi nào đoan thương buôn khởi hành tôi sẽ đến báo". Các Bí-sô

nghe lời đến trú xứ đó lấy phu cụ của tăng trải tùy chỗ yên nghỉ, không ngờ sau đêm đoàn thương buôn lại thúc dậy lên đường, đoàn đi rồi người kia mới hay nên vội chạy đến báo cho các Bí-sô. Các Bí-sô thức dậy thu cất phu cụ làm kéo dài thời gian càng thêm trễ, không đuổi theo kịp đoàn thương buôn nên bị giặc cướp lấy hết y bát. Sau đó các Bí-sô đến trong rừng Thệ-đa, các Bí-sô ở đây thăm hỏi đi đường có bình an không, liền đáp là không an vì bị giặc cướp, các Bí-sô ở đây hỏi nguyên nhân liền đem sự việc trên kể lại, các Bí-sô nghe rồi đem bạch Phật, Phật nói: "Nơi chỗ tạm nghỉ nếu có Bí-sô thì nên dặn dò rồi đi". Như lời Phật đã dạy nên các Bí-sô hễ có nhân duyên đều nên dặn dò lại rồi mới đi. Lúc đó trong thành Thất-la-phiệt có hai trưởng giả từ lâu hiềm khích với nhau, một người có tín tâm, một người không có tín tâm. Người có tín tâm suy nghĩ: "Tại sao ta lại để tăng thêm mối oán thù hiềm khích, ta nay nên xả bỏ oán ác xuất gia", nghĩ rồi liền đến trong rừng Thệ-đa ở chỗ một Bí-sô cầu xuất gia. Trưởng giả không có tín tâm sau hỏi thăm biết được trưởng giả có tín tâm đã xuất gia trong rừng Thệ-đa liền nói: "Đó đâu phải là thành bất khả xâm phạm, tôi sẽ đến đó dùng pháp trị phạt, gây bất lợi cho ông ta". Người nghe lời nói này là thân hữu của Bí-sô liền đến trong rừng Thệ-đa báo tin, Bí-sô nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta vì xả bỏ oán ác mà xuất gia, ta không nên ở đây để ông ta đến khủng bố", nghĩ rồi liền đến bạch bổn sư: "Ô-ba-đà-da, con vì xả bỏ oán ác mà xuất gia, nhưng nay người kia lại tìm đến muốn hại con", bổn sư hỏi: "Người kia là ai?", đáp là cựu oan gia, Bổn sư hỏi: "Vậy con muốn đi đâu tránh nạn?, đáp là muốn đến thành Vương xá, bổn sư chấp thuận, Bí-sô liền mang y bát đi đến thành Vương xá. Sau đó không lâu trưởng giả không có tín tâm tìm đến hỏi thăm biết được Bí-sô đó đã đi đến thành Vương xá liền nói: "Nơi đó cũng đâu phải là thành bất khả xâm phạm, tôi sẽ đến đó gây bất lợi cho ông ta".

Trưởng giả này mang theo lương thực đi đường để đuổi theo Bí-sô, Bí-sô vì nương theo thời mà đi còn phi thời không đi; ngược lại trưởng giả kia thời và phi thời đều đi nên đuổi kịp Bí-sô, từ xa trông thấy Bí-sô vào nghỉ qua đêm trong một ngôi chùa, trưởng giả sợ vào trong chùa gây bất lợi sẽ có nhiều người trong chùa trở lại gây bất lợi cho ông nên trưởng giả tìm nơi nghỉ qua đêm đợi sáng mai chặn đón trên đường đi. Trời vừa sáng như lời Phật đã dạy, Bí-sô dặn dò lại Bí-sô ở trú xứ thu cất giùm phu cụ vì phải gấp lên đường đến Vương thành. Bí-sô đi rồi, trưởng giả ở trên đường đợi không thấy nên vào trong chùa hỏi, sau khi biết được đường đi của Bí-sô liền đuổi theo bắt kịp được Bí-sô, Bí-sô nói: "Hiền thủ, tôi nay đã xuất gia muốn xả bỏ oán ác", trưởng giả nói: "Bây giờ ta muốn xả bỏ oán ác

đây", nói rồi liền cầm cây đánh Bí-sô gần chết, bát bị bể, y bị rách, Bí-sô gắng gượng trở lại ngôi chùa hồi nãy, các Bí-sô trông thấy liền hỏi: "Vì sao cụ thọ lại ra đến nông nổi này?", sau khi biết được là do các Bí-sô ở đây chỉ đường đi cho trưởng giả đuổi theo kịp, Bí-sô nói: "Nếu tôi không dặn dò lại cho các cụ thọ thì tôi đã không bị khổ não như thế này". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Trừ thời và nhân duyên", lúc đó Thế tôn khen ngợi người trì giới, tôn trọng giới, thiểu dục tri túc, tùy thuận nói pháp rồi bảo các Bí-sô: Trước là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói như sau: "Nếu lại có Bí-sô để phu cụ và giường ngồi của Tăng ở nơi đất trống, khi đi không tự cất, cũng không bảo người cất, nếu có Bí-sô mà không dặn dò lại, trừ thời nhân duyên, phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho người trong pháp này. Phu cụ là giường, nệm, mền gối và các vật dụng nằm ngồi. Tạp vật là giường nhỏ và các tư cụ. Chỗ trống là chỗ không có che lợp. Đi là khi ra khỏi thế phần của trú xứ.

Lúc đó cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Thế tôn, rời phu cụ đi khoảng bao xa gọi là thế phần?", Phật nói: "Như Bà-la-môn Sanh văn trồng cây Am-một-la mỗi cây cách nhau khoảng bảy tầm, trong vòng bảy cây có bốn chín tầm, khi để phu cụ nơi đất trống với khoảng cách này thì phải dặn dò lại. Rời khỏi thế phần này phải tự thu cất, nấu không tự cất cũng không bảo người cất thì gọi là không thu cất.". Có Bí-sô là nơi đó có người ở có thể dặn dò lại. Có năm cách dặn: Một là nói với người chủ: "Cụ thọ, phòng ở này nên coi ngó, phu cụ nên thu cất, đây là chìa khóa phòng". Nếu ở đó không có Bí-sô thì nên dặn lại Cầu tịch, nếu không có Cầu tịch thì nên dặn lại người thế tục, nếu không có người thế tục thì nên nhìn bốn phía rồi cất chìa khóa phòng vào một nơi kín đáo mới được đi; nếu giữa đường gặp Bí-sô nên nói cho biết chỗ đã cất chìa khóa. Trừ thời nhân duyên là trừ có nạn duyên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô để phu cụ của Tăng cố ý không dặn lại mà bỏ đi, chưa rời khỏi thế phần thì phạm Ác-tác, nếu rời khỏi thì phạm Đọa. Khi mới vừa đi quên dặn lại, đi đến giữa đường sựt nhớ thì nên khởi nghĩ: "Tôi ở chỗ đó để phu cụ của Tăng quên dặn lại, nếu có đồng phạm hạnh nào đến đó hãy thu cất giùm", sau đó nên tâm nghĩ miệng nói: "Tôi không được làm như thế nữa, tội đã phạm sẽ như pháp sám hối". Nếu giữa đường gặp Bí-sô nên nói: "Cụ thọ, tôi ở chỗ đó đã thọ dụng phu cụ của Tăng, thầy nên thu cất giùm", nghĩ rằng Bí-sô này nhất định sẽ thu cất giùm, cũng nên tâm nghĩ miệng nói:

"Tôi không được làm như thế nữa, tội đã phạm sẽ như pháp sám hối". Nếu đến trú xứ phía trước mới chợt nhớ lại, nên nghĩ: "Tôi ở trú xứ để phu cụ của Tăng mà quên dặn lại, nếu có đồng phạm hạnh nào đến đó sẽ thu cất giùm", kế nên tâm nghĩ miệng nói như trên. Nếu đến trú xứ phía trước thấy có Bí-sô sắp đến trú xứ mà mình đã ở nên nói: "Cụ thọ, tôi lúc đến chùa đó ở chỗ có để phu cụ của Tăng mà quên dặn lại, nếu thầy đến đó vui lòng thu cất giùm". Nghĩ rằng Bí-sô này nhất định sẽ cất giùm cũng nên tâm nghĩ miệng nói như trên. Nếu Bí-sô trải phu cụ của Tăng nơi đất trống rồi vào trong phòng tĩnh tọa, xuất đinh xong rồi đi như thế cho đến canh đầu, nếu phu cụ không tổn hoại thì phạm Ác-tác, tổn hoại thì phạm Đọa.

Cụ thọ Ưu ba ly bạch Phật: "Thế tôn, có mấy trường hợp làm cho phu cụ bị hư hoại?", Phật nói: "Có hai trường hợp là gió và mưa, gió thổi cuốn hư gọi là gió làm hoại, mưa ướt làm mục gọi là mưa làm hoại".

Bí-sô vào xế chiều trải phu cụ nơi đất trống không thu cất, cũng không bảo người cất đến nửa canh nếu không tổn hoại thì phạm Ác-tác, tổn hoại thì phạm Đọa. Như vậy cho đến hết một canh, một canh rưỡi, hai canh, hai canh rưỡi, ba canh, ba canh rưỡi, bốn canh, bốn canh rưỡi đến trời sáng, nửa buổi sáng, đến trưa, đúng ngọ, quá ngọ, xế chiều, chiều tối, tối trong khoảng thời gian ngày đêm này trải phu cụ của Tăng mà không xem xét, không thu cất, nếu chưa tổn hoại thì phạm Ác-tác, tổn hoại thì phạm Đọa.

Nhiếp Tụng:

Tụng kinh ngồi ghế nhỏ,
Nghe pháp, sư tử tòa,
Người tục mượn ghế ngồi,
Xem thời nên cho mượn.
Nếu là vật mượn dùng,
Dùng rồi nên mang trả.
Nên đề tên thí chủ,
Tùy tình tạo Phật tượng.
Người bịnh khéo chăm sóc,
Không dặn năm hạng người,
Thọ pháp làm thế thầy,
Không làm theo, Ác-tác.
(nguyên) Nhân thiếu niên đoạn thực,
Ngồi, thấy nên thu cất,
Lửa, nước tổn vật thí,
Vật mình nên thu trước.

Lúc đó có Bà-la-môn, cư sĩ đến trú xứ của Bí-sô thỉnh nói diệu pháp, Bí-sô nói: "Thế tôn đang nói pháp sao các vị không đến nghe?", đáp: "Đại sư có một mà người nghe thì đông gồm có trời, rồng, dạ xoa, Kiền-đạt-bà, A-to-la, Yết-lạc-trà, Khẩn-na-la, Mạc-hô-lạc-già, người, phi nhơn… Phật đều tuyên nói pháp yếu, chúng tôi vội vả không đủ duyên được nghe, Thánh giả nên tụng pháp cho tôi nghe". Bí-sô nói: "Phật chưa cho chúng tôi tụng pháp cho người khác nghe", liền bạch Phật, Phật nói: Nên tụng pháp cho người nghe", các Bí-sô hỏi: "Người tụng pháp phải như thế nào?", Phật nói: "Nên ngồi ghế nhỏ tụng pháp cho người nghe". Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc nghe Thế tôn cho phép các Bí-sô ngồi ghế nhỏ tụng kinh nên làm năm trăm ghế nhỏ cúng cho Tăng, các Bí-sô đều ngồi trên ghế nhỏ cao tiếng đọc tụng gây ồn náo không nghe được gì, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nên bảo một người tụng còn những người khác ngồi nghe", các Bí-sô không biết bảo ai tụng là già hay trẻ, Phật nói: "Nên theo thứ lớp từ già đến trẻ". Khi đến lượt các vị trẻ do ngồi ở dưới chót tụng nên thính chúng tâm không ân trọng, Phật nói: "Tụng kinh cho chúng nghe nên ngồi tòa cao". Khi ngồi tụng các vị già thể hiện thiếu oai nghi, Phật nói: "Tất cả ngồi tụng, trừ hai, ba vị thượng tọa tuổi cao". Khi thuyết pháp ngồi tòa như thế khiến pháp sư không đủ oai nghiêm, Phật nói: "Nên thiết lập tòa sư tử để pháp sư ngồi". Tòa sư tử cao lên xuống khó khăn, Phật nói: "Nếu là chỗ nhất định thì dùng gạch lót để bước lên, nếu chỗ không nhất định thì dùng thang gỗ để leo lên". Pháp sư ngồi ở trên nhổ nước miếng bị chê trách, Phật nói: "Nên để ống nhổ", khi để ống nhổ ruồi bu đến, Phật nói: "Bên trong nên để đất cát hay cỏ". Ống nhổ để lâu ngày có mùi hôi, Phật nói: "Nên rửa sạch rồi phơi nắng cho khô". Lúc đó người nghe pháp ngồi dọc một hàng dài, người ngồi sau không nghe được, Phật nói: "Nên ngồi thành hai hàng hoặc ngồi theo hình bán nguyệt hoặc ngồi theo hình thế ao vuông".

Lúc đó có người tục kính tín thỉnh các Bí-sô về nhà thọ thực, các Bí-sô không nhận lời, họ nói: "Thánh giả, lúc Thế tôn chưa hiện ở đời thì ngoại đạo là ruộng phước của chúng tôi. Nay Phật ra đời, các Thánh giả là phước điền thắng diệu của chúng tôi, chúng tôi thỉnh thực các Thánh giả không nhận lời, chúng tôi há chẳng phải bỏ tư lương đường thiện của đời sau ư?", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nếu có người đến thỉnh thì nên nhận lời". Khi họ thiết lễ cúng dường thiếu ghế ngồi đến chỗ Bí-sô mượn tạm dùng, Bí-sô không cho, Phật nói nên cho. Bí-sô ăn xong tự xách mang về, họ nói: "Các Thánh giả cứ về, còn ghế ngồi sẽ đem hoàn trả sau", các Bí-sô sợ mất nên không chịu để lại, Phật nói nên để lại cho họ mang tới trả. Thọ thực xong, thí chủ mời các Bí-sô ở lại dùng nước phi thời, các Bí-sô không nhận

lời, Phật nói nên ở lại dùng xong rồi về. Lúc đó người tục vì bận việc không kịp đem ghế đến trả, Phật bảo nên đến lấy về, các Bí-sô không biết sai ai đến lấy về, Phật bảo: "Nên đánh kiền chùy sai các người trẻ tuổi đến lấy về". Sau đó lại có người tục thiết trai cúng dường đến chỗ Bí-sô mượn ghế ngồi, Bí-sô không cho, họ nói: "Tôi mượn cho các thầy ngồi thọ thực sao lại không cho?", Phật bảo nên cho họ mượn, các Bí-sô ăn xong bỏ về những ghế ngồi bị kẻ trộm lấy, Phật nói: "Nên bảo một Bí-sô ở lại coi giữ". Người ở lại coi giữ ngồi xen lẫn với người tục nên họ hỏi: "Có phải Thánh giả muốn ăn lần nữa?", đáp: "Tôi không vì ăn mà vì coi giữ ghế ngồi", họ nói: "Chúng tôi đâu có ăn trộm số ghế ngồi đó, nếu không tin thì Thánh giả hãy tự mang về". Bí-sô không thể mang về, Phật nói: "Nên ngồi một bên, đừng ngồi xen lẫn với người tục", ngồi một bên người tục cũng mời ăn nữa, Phật nói: "Nếu là người tụng kinh thì ngồi một bên tụng, nếu là người tu định thì ngồi một bên tư duy tĩnh lự, nhưng vẫn để ý coi giữ, đợi người tục giải tán hết mới mang về". Những ghế ngồi bị dính thức ăn dầu làm dơ, Bí-sô đem bỏ, Phật nói: "Nếu dính thức ăn dơ thì dùng nước rửa, nếu dính dầu thì dùng xà phòng tẩy… rồi mang về".

Lúc đó các Bí-sô tụng pháp cho người nghe ngồi ở chỗ đất trống bị nắng bức bách, Phật bảo nên che phía trên. Tụng xong không thu cất bị gió mưa làm hư mục, Phật bảo nên thu cất, các Bí-sô không biết sai ai thu cất, Phật nói: "Đại chúng đều thu cất". Chỗ ngồi của những vị già có trải nhiều lớp, vì già yếu nên không thể tự thu cất được, Phật nói: "Người trẻ nên thu cất cho các vị già yếu". Người trẻ khi thu cất gom lại thành một đống khiến bị ẩm mục, Phật nói: "Nên để riêng ra". Lúc đó người tục có lòng tín kính dùng chơn châu vật báu… trang hoàng tòa sư tử nên các Bí-sô không dám ngồi, Phật nói: "Khởi tưởng là vật của người tục và tưởng vô thường thì ngồi không có lỗi".

Lúc đó có thí chủ xây cất hai trú xứ , một ở trong thôn xóm, một ở A-lan-nhã. Chùa ở trong thôn xóm có đủ ngọa cụ còn chùa ở A-lan-nhã thì thiếu thốn, thời gian sau chùa ở A-lan-nhã mở đại hội, các Bí-sô đến chùa trong thôn xóm mượn ghế ngồi, ở đó không cho mượn, Phật nói: "Nên cho, nếu nghi trời sắp mưa hay đang mưa thì không nên cho mượn". Người mượn đi giữa đường gặp mưa để bên gốc cây hay bên vách tường rồi lấy vật tốt phủ che lên, Phật nói: "Nên lấy vật xấu phủ che, đừng lấy vật tốt". Mượn được rồi làm lễ xong không mang trả lại, nghĩ rằng: "Hai trú xứ đều là vật của một thí chủ cúng", Phật nói: "Đây là vật đã định không thể dùng khác, vật dụng của hai trú xứ nếu dùng lẫn lộn sẽ khó phân biệt. Trên mỗi vật dụng nên ghi tên chùa luôn cả tên thí chủ cúng".

Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, khi nào có Phật hiện diện trong chúng ngồi ở phía trên thì oai nghi của chúng mới nghiêm túc; khi Thế tôn vắng mặt thì trong chúng thiếu oai nghi. Nếu Thế tôn chấp thuận, con sẽ tạc tượng Phật để ở phía trên trước mặt đại chúng", Thế tôn chấp thuận cho trưởng giả tùy ý làm. Sau đó đại chúng ngồi chỗ đất trông gặp trời mưa nên vội chạy vào chùa, bỏ tượng Phật lại, các Bà-la-môn cư sĩ thấy bèn chê cười nói rằng: "Tại sao các vị lại vất bỏ Đại sư của mình". Phật nói: "Nên bảo người tục hay Cầu tịch mang hình tượng vào, nếu hai hạng người trên không có thì các Bí-sô khởi tưởng Đại sư mà mang vào".

Lúc đó có nhiều Bí-sô bịnh không ai chăm sóc, Phật nói: "Nếu có người bịnh cần phải chăm sóc, nên cử người thăm nuôi bịnh", các Bí-sô không biết cử ai, Phật nói: "Từ thượng tọa đến hạ tọa đều phải đi thăm nuôi bịnh". Lúc đó có Bí-sô già khi đến thăm bịnh vì đứng lâu nên sanh bịnh khổ, Phật nói: "Nên ngồi thăm hỏi bịnh", các Bí-sô tự mang ghế ngồi theo, ngược tục không có lòng tin thấy liền hỏi: "Thánh giả muốn đi xem vũ nhạc hay sao?", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Không nên tự mang theo ghế ngồi, nên để nhiều ghế bên chỗ người bịnh". Lúc đó Lục chúng đi thăm bịnh ở chỗ người binh nói chuyện nhiều làm phiền người bịnh, người nuôi bịnh nói: "Tốt hơn các cụ thọ nên đi, không cần thăm bịnh nữa", Lục chúng nói: "Tùy ý người muốn, ai lại cản ngăn nhau". Lúc đó người nuôi bịnh có việc muốn đi nên nhờ Lục chúng nuôi bịnh, Lục chúng nói: "Nếu người bịnh chết thì thầy thâu sáu vật, tại sao lại bảo tôi nuôi bịnh", khi nuôi bịnh Lục chúng bảo người bịnh tự coi giữ tạp vật của mình rồi bỏ đi, người bịnh vì không thể tự thu cất nên làm cho mất mát, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Có năm hạng người không nên dặn bảo họ coi giữ: Một là hạng người không biết xấu hổ, hai là hạng người thù khích nhau, ba là hạng người già yếu, bốn là hạng người đau yếu, năm là hạng người chưa thọ viên cụ".

Lúc đó cụ thọ Ưu ba ly hỏi Phật: "Hai Bí-sô cùng ngồi một chỗ khi đứng dậy đi ai cất phu cụ?", Phật nói: "Người nào đứng dậy sau thu cất, nếu đứng dậy một lượt thì người nhỏ phải thu cất, hai người cùng tuổi thì cùng thu cất". Lúc đó hai thầy Thân giáo sư và Quỷ phạm sư đi ra ngoài, đệ tử ở lại trong chùa đối với các phẩm thiện không thể tăng trưởng như bông sen thiếu nước, Phật nói: "Khi hai thầy đi ra ngoài, đệ tử nên đi theo". Lúc đó hai thầy tự tay xách ghế ngồi đi còn đệ tử thõng tay đi theo sau, Phật nói: "Đệ tử phải mang ghế ngồi của thầy đi theo sau". Lúc đó hai thầy đi kinh hành tự tay quét đất còn đệ tử đứng rỗi không, Phật nói: "Đệ tử thấy thầy quét phải quét thay cho thầy để thầy khỏi vất vả. Nếu thầy bị chúng

sai làm người quét dọn, đệ tử không làm thay thì không có lỗi". Lúc đó hai thầy may vá còn đệ tử ngồi không, Phật nói: "Đệ tử nên may vá thay cho thầy đừng để thầy vất vả. Nếu thầy bị chúng tăng sai làm người may vá, đệ tử không làm thay thì không có lỗi". Lúc đó các đệ tử đang trong thời gian thọ nghiệp, lãnh thọ xong liền ở trước thầy tụng tập, Phật nói: "Lãnh thọ xong nên đến chỗ thầy thấy mà không nghe để tụng tập; nếu tu tập về thiền định, khi được pháp xong nên đến chỗ yên tĩnh nào đó để an tâm. Nếu thấy hai thầy bị chúng tăng sai khiến cũng nên tùy thời thăm viếng thay thầy làm những việc nhọc nhằn. Nếu cùng hai thầy đến chỗ kinh hành, mang ghế ngồi đi thì phải mang ghế ngồi về, nếu đệ tử về trước, thầy ở lại sau gặp duyên sự không thể mang ghế ngồi về thì đệ tử khi muốn về nên hỏi thầy sắp về chưa, nếu thầy nói về thì nên mang ghế ngồi về luôn, nếu thầy nói chưa thì khỏi phải mang về. Này các Bí-sô, như pháp ta đã chế nếu không làm theo, đều phạm tội Việt pháp".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 29

Học Xứ Thứ Mười Bốn: ***KHÔNG THU CẤT PHU CỤ*** *(Tiếp Theo)*

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, trong thành có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực. Lúc đó có một Bí-sô trẻ tuổi siêng tu các phẩm thiện suy nghĩ: "Hôm nay Phật và Tăng thọ thỉnh, ta khỏi vào thành khất thực nên niệm tụng đến giờ mới đến chỗ phó thỉnh", nghĩ rồi liền mang phu cụ ra bên ngoài chùa đến chỗ yên tĩnh để tu phẩm thiện. Không ngờ hôm ấy các Bí-sô đi đến chỗ phó thỉnh sớm, Bí-sô trẻ kia thấy đã đến giờ liền trở vào chùa thì thấy cửa ngỏ đã đóng hết rồi, tự nghĩ: "Ta thà ở đây đoạn thực chứ không nên để phu cụ của Tăng ở bên ngoài tự chiêu lấy tội", nghĩ rồi bèn đoạn thực không đi đến chỗ phó thỉnh. Các Bí-sô thọ thực xong trở về, Bí-sô trẻ liền theo vào chùa, lúc đó thế lực của giờ ăn vẫn còn nhưng Bí-sô trẻ vẫn hệ tâm tu phẩm thiện, qua ngọ mới nằm, các Bí-sô liền nói: "Thức ăn của người ta chứ cái bụng đâu phải của người ta, cụ thọ tham ăn chi cho quá no rồi nằm bỏ việc tu phẩm thiện", Bí-sô trẻ nói: "tôi đâu có đi phó thỉnh mà nói là ăn quá no rồi nằm". Các Bí-sô hỏi biết được nguyên do liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các Bí-sô không nên đi phó thỉnh quá sớm khiến cho người khác phải đoạn thực, nên xem giờ rồi đánh kiền chùy tập họp chúng xem ngó lẫn nhau rồi mới đi, vị sư chủ phải xem môn đồ có đến đầy đủ chưa. Nếu thấy đã đóng cửa chùa rồi, người nào đi đến sau nếu có mang theo phu cụ thì nên để dưới gốc cây hay bên tường rồi đi đến chỗ phó thỉnh, không nên vội đoạn thực, nếu vô sự mà đoạn thực thì phạm tội việt pháp". Lúc đó có Bà-la-môn cư sĩ đến chùa dùng phu cụ của Tăng, khi đi bỏ lại ở chỗ đất trống, không ai thu cất nên bị tổn hoại, Phật nói: "Nếu ai thấy trước thì nên thu cất". Lúc đó có Bí-sô già yếu trông thấy phu cụ của tăng bỏ nơi đất trống nhưng sức không thể thu cất được, Phật nói: "Bí-sô già yếu nên báo cho vị thọ sự biết, vị thọ sự khởi tâm kính mà thu cất, nếu không thu

cất thì phạm tội việt pháp". Lúc đó có Bí-sô dùng phu cụ của Tăng để nơi đất trống, sau đó bỏ đi khất thực , gió mưa bổng ập tới, Bí-sô ở đó phải thu cất, Bí-sô khất thực xong sực nhớ vội trở về.

Có một thí chủ do lòng kính tín xây cất một trú xứ trong rừng núi, lúc đó có một thợ săn phóng hỏa để săn bắt thú rừng, do ngọn lửa cháy mạnh lan tới thôn xóm rồi cháy lan tới chùa, các Bí-sô thấy chùa bị cháy vội vào trong thu lây y bát của mình con vật của tăng kỳ thì không ai ngó tới nên bị cháy rụi hết. Thí chủ nghe tin chạy tới hỏi các Bí-sô: "Vật trong chùa không bị cháy chứ?", đáp: "Không có vật nào bị cháy cả", một Bí-sô khác nói: "sao không có, vật của tăng kỳ bị cháy rụi hết", thí chủ nói: "Vật của tăng kỳ bị cháy rụi hết sao lại nói là không có vật nào bị cháy cả", đáp: "Vì vật của chúng tôi không bị cháy", thí chủ nói: "Nếu đem được vật của tăng kỳ ra thì há không phải là tốt hơn sao, tôi chịu vất vả bớt phần chi dùng của vợ con cúng vào ruộng phước của tăng để cầu thắng phước, tại sao các thầy chỉ lấy vạt của riêng mình không ngó tới vật của tăng kỳ". Thí chủ chê trách rồi bỏ đi, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu khi chùa bị cháy cũng phải mang luôn vật của tăng kỳ ra". Thời gian sau có chùa bị cháy, các Bí-sô lo đem vật của tăng kỳ ra, không mang kịp y vật của mình nên bị cháy hết, y vật thiếu thốn, Phật nói: "Vật dụng của mình thiếu thốn bị bức não hơn là thiếu thốn vật của tăng kỳ, nếu chùa bị cháy nên mang y vật của mình ra trước, mang vật của tăng kỳ ra sau". Thời gian sau có chùa bị cháy, các Bí-sô mang y vật của mình ra để bên ngoài rồi trở vào trong mang vật của tăng kỳ ra thì y vật bên ngoại bị kẻ trộm lấy, Phật nói: "Đã mang vật ra ngoài thì nên sai người coi giữ". Các Bí-sô sai người khỏe mạnh coi giữ nên người sức yếu không mang nổi vật ra, Phật nói: "Nên sai người sức yếu coi giữ, người khỏe mạnh mang vật ra". Lúc đó có chùa bị cháy, các Bí-sô thấy lửa cháy lan tràn nhưng vì sợ cháy vật của tăng kỳ nên chạy vào mang vật ra , đều bị phỏng lửa, Phật nói: "Lửa cháy lan mạnh không nên chạy vào mang vật ra, dù vật bị cháy vẫn không có lỗi". Lúc đó có thí chủ cất một trú xứ trong hang núi, gặp lúc trời mưa lớn nước tràn ngập khắp trong chùa, các Bí-sô đều lo đem vật của riêng mình không ngó tới vật của tăng kỳ giống như trường hợp bị cháy ở trên, Phật nói: "Như điều ta đã chế nếu không y theo thì phạm tội việt pháp".

Học Xứ Thứ Mười Lăm: ***KHÔNG CẤT PHU CỤ BẰNG CỎ***

Nhiếp Tụng:

Nam phương hai Bí-sô,
Hai thôn hai trú xứ,

Bên giếng, nhuộm cần cỏ,
cỏ chỗ kinh hành.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó ở phương nam có hai Bí-sô một già một trẻ muốn đảnh lễ Phật nên đến thành Thất-la-phiệt. Trên đường đi thấy trời tối vào một chùa xin nghỉ qua đêm, các Bí-sô trú xứ cung cấp phòng xá ngọa cụ cho Bí-sô già, còn Bí-sô trẻ chỉ cho phòng không cho ngọa cụ. Bí-sô trẻ này là người siêng năng tự đi tìm cỏ khô độn thành cái nệm dày bằng đầu gối nằm rất êm ấm. Lúc đó Bí-sô già suy nghĩ: "Ta đến xem thử Bí-sô trẻ có phu cụ trải nằm không", nghĩ rồi liền đến chỗ Bí-sô trẻ thấy cái nệm cỏ dày và ấm như thế liền suy nghĩ: "Nếu ta để trời sáng đem trả phu cụ cho Tăng thì trễ ngày giờ, nên đem trả trước rồi đến chỗ Bí-sô trẻ cùng ngủ để sáng mai cùng đi cho tiện", nghĩ rồi liền đem trả ngọa cụ cho Tăng, đến chỗ Bí-sô trẻ cùng ngủ, trời chưa sáng hai Bí-sô đã thức dậy lên đường không thu dọn cái nệm cỏ này nên thời gian sau trở thành ổ kiến cắn phá làm hư hoại phòng xá. Lúc đó có một trưởng giả thỉnh Phật và tăng về nhà thọ thực, sáng sớm các Bí-sô đều đắp y mang bát đến chỗ thỉnh thực, Thế tôn không đi sai người mang thức ăn về. Có năm nguyên nhơn Phật không đi phó thực như trong giới trên có nói rõ, trong giới này Phật vì muốn xem xét ngọa cụ của Tăng và chế học xứ. Sau khi chúng tăng đi đến chỗ phó thực, Thế tôn cầm chìa khóa đi xem xét các phòng… giống như giới trên cho đến câu Thế tôn khen ngợi người tri túc thọ dụng như pháp vật của tín thí rồi bảo các Bí-sô: Ta nay chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô ở trong phòng tăng dùng cỏ hay lá cây tự trải hay bảo người trải làm phu cụ để nằm ngồi, khi đi không thu dọn, không nhờ người khác thu dọn, chỗ đó nếu có Bí-sô mà không dặn lại thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Sau đó có nhiều Bí-sô tháp tùng theo đoàn thương buôn du hành đến một tụ lạc thì trời sụp tối muốn tìm chỗ nghỉ đêm nên đến chỗ trưởng giả hỏi: "Có chỗ nào cho chúng tôi nghỉ qua đêm không?", trưởng giả nói: "Hãy hứa trước một điều, tôi sẽ cho ở lại nghỉ đêm", hỏi là điều gì, trưởng giả nói: "Sáng mai hãy đến nhà tôi thọ thực rồi đi", các Bí-sô nói: "Chúng tôi tháp tùng theo đoàn thương buôn không được tự do, nếu họ dừng lại thì chúng tôi sẽ nhận lời thỉnh thực, nếu họ đi thì chúng tôi cũng phải đi", trưởng giả nghe nói vậy liền chỉ chỗ cho nghỉ qua đêm, các Bí-sô hỏi: "Trong nhà ông có ngọa cụ không?", đáp không có, các Bí-sô nghe rồi liền cùng các Cầu tịch đi tìm cỏ khô độn lên thành cái nệm lớn và dày bằng đầu gối để cùng nằm chung. Đêm ấy khi sao mai vừa mọc đoàn thương buôn liền lên đường, các Bí-sô biết là phải thu dọn nhưng vì muốn theo kịp đoàn

nên bỏ lại đó mà đi. Trời vừa sáng trưởng giả đến xem coi các Bí-sô còn ở lại không để sửa soạn bữa ăn cúng dường, không ngờ đến nơi chỉ thấy cỏ khô bừa bãi, hai vợ chồng trưởng giả mất gần nửa ngày mới thu dọn sạch số cỏ khô này. Thời gian sau lại có nhiều Bí-sô cũng theo đoàn thương buôn du hành đến chỗ trưởng giả xin nghỉ qua đêm, trưởng giả nói: "Hãy hứa trước một điều, tôi mới cho ở lại nghỉ qua đêm", hỏi là điều gì, trưởng giả nói: "Không được lấy cỏ khô làm ngọa cụ thì được tùy ý ở", các Bí-sô hỏi: "Nhà ông có ngọa cụ không?", đáp không có, các Bí-sô nói: "Nếu vậy thì làm sao nằm ngủ cho được", trưởng giả nói: "Trước đây có các Bí-sô đồng phạm hạnh của các vị xin tôi ở lại nghỉ qua đêm đã dùng cỏ khô làm ngọa cụ, khi đi bỏ lại cỏ khô bừa bãi khiến chúng tôi thu dọn mất gần nửa ngày. Vì vậy hôm nay tôi mới yêu cầu các vị như thế". Các Bí-sô nghe rồi đành phải nằm trên đất cứng chịu khổ sở suốt đêm, sáng ngày lên đường dần dần đến thành Thất-la-phiệt, các Bí-sô trú xứ thăm hỏi đi đường có an không, đáp là không an, liền hỏi nguyên do, các Bí-sô khách liền đem sự việc trên kể lại, một Bí-sô nghe rồi liền hỏi: "Thầy chịu cực khổ như thế ở tại thôn nào nhà của ai?", liền đáp là nhà của trưởng giả ở tại thôn đó, Bí-sô đó nói: "Tôi đã từng trải cỏ trong nhà đó ngủ rất an ổn", liền hỏi: "Thầy ngủ xong rồi có thu dọn sạch không?", liền đáp: "Lúc đó vì muốn theo kịp đoàn nên không có thu dọn, sua đó tôi có trở lại thì vợ chồng trưởng giả đã thu dọn sạch rồi", Bí-sô khách nói: "Chính vì nguyên do này nên trưởng giả không cho chúng tôi trải cỏ làm ngọa cụ, phải nằm trên đất cứng chịu khổ sở suốt đêm". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: Dù là nhà của thế tục, trải cỏ nằm rồi cũng phải thu dọn sạch mới đi". Sau đó các Bí-sô theo đoàn thương buôn du hành đến một tụ lạc khác, nơi đó có một trưởng giả xây cất một phước xá cho sa môn, Bà-la-môn dừng nghỉ. Ông phải đi đến chỗ xa tìm loại cỏ mềm để làm phu cụ, không ngờ các Bí-sô này khi đến nghỉ đêm ở phước xá xong liền đem các phu cụ cỏ mềm này quăng bỏ trong chỗ bất tịnh. Sáng hôm sau trưởng giả đến thấy các phu cụ này ở trong chỗ bất tịnh không thể lấy lại dùng được nữa nên chê trách. Không lâu sau lại có các Bí-sô theo đoàn thương buôn đến phước xá của trưởng giả xin nghỉ qua đêm, hỏi trưởng giả có ngọa cụ không, trưởng giả nói không có rồi đem sự việc trên kể lại rồi nói: "Bây giờ muốn tìm loại cỏ mềm như thế để làm phu cụ cũng không tìm được". Các Bí-sô đành phải nằm trên đất cứng chịu khổ sở suốt đêm, sáng ngày lên đường dần dần tới thành Thất-la-phiệt, các Bí-sô trú xứ thăm hỏi có an không, đáp: "Phải nằm trên đất cứng ngủ chịu khổ sở suốt đếm làm sao an được", lại hỏi: "Các thầy nghỉ đêm ở đâu mà chịu khổ sở như thế?", đáp: "Tại phước xá của trưởng giả trong tụ lạc ", một Bí-

sô nói: "Tôi có nghỉ qua đêm ở phước xá đó, sáng hôm sau đem vất bỏ phu cụ rồi mới đi", các Bí-sô khách nói: "Chính vì thầy đem vất bỏ phu cụ đó nên chúng tôi mới phải nằm trên đất cứng ngủ chịu khổ sở suốt đêm như thế". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Chỗ có sẵn phu cụ cỏ phải hỏi thí chủ, nếu họ bảo bỏ mới đem bỏ, nếu họ nói để lại thì nên để lại. Nếu không y theo thì phạm tội việt pháp".

Trong một tụ lạc có một trú xứ Tăng, ngọa cụ trong chùa này ít không đủ cung ứng cho khách tăng nên chủ của trú xứ này phải đi đến chỗ xa tìm loại cỏ mềm đem về cất chứa trong một phòng để dành làm ngọa cụ. Thời gian sau có nhiều Bí-sô du hành đến trú xứ này xin được nghỉ qua đêm và hỏi có ngọa cụ không, vị chủ trú xứ nói: "Chùa này trước kia không có ngọa cụ, tôi vì khách tăng nên đi đến chỗ xa tìm được loại cỏ mềm để làm ngọa cụ, nếu các thầy không chê thì tùy ý dừng nghỉ". Các Bí-sô nghỉ qua đêm rồi muốn đem cỏ ấy vất bỏ, chủ trú xứ nói: "khó khăn lắm tôi mới tìm được loại cỏ mềm đó, không nên vất bỏ", Bí-sô khách nói: "thầy không biết tự thâm phạm tội, còn muốn chúng tôi cũng phạm tội nữa hay sao!", nói rồi liền đem ra ngoài vất bỏ, cỏ bị nắng mưa làm cho hư mục. Thời gian sau có nhiều Bí-sô du hành ghé vào trong chùa này xin nghỉ qua đêm, hỏi vị chủ trú xứ: "Có ngọa cụ không?", đáp không có rồi đem sự việc trên kể lại và nói: "Đó là nguyên do hôm nay không có ngọa cụ cho các vị". Các Bí-sô đành phải nằm trên đất cứng ngủ qua đêm, sáng ngày lên đường đến rừng Thệ-đa, các Bí-sô trú xứ thăm hỏi và đáp giống như đoạn văn trên cho đến câu một Bí-sô nghe rồi liền nói: "Chúng tôi đã nghỉ qua đêm nơi đó, sáng ngày muốn đem cỏ vất bỏ họ bảo không nên vất, chúng tôi sợ phạm tội nên đã đem vất bỏ cỏ", các Bí-sô khách nói: "Chính vì nguyên do này mà chúng tôi phải nằm trên đất cứng ngủ chịu khổ sở suốt đêm". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Cỏ có sẵn dùng để nằm không nên vội vứt bỏ, nếu có Bí-sô nên dặn trao lại rồi đi, khi nào họ bảo vứt bỏ mới được vứt bỏ, nếu không y theo phạm tội việt pháp".

Lại có nhiều Bí-sô tháp tùng theo đoàn thương buôn du hành đi đến bên một cái giếng dừng lại nghỉ qua đêm, các Bí-sô lượm nhiều cỏ khô trải làm ngọa cụ, cách đó không xa cũng có một Bà-la-môn dừng nghỉ qua đêm. Trời vừa sáng đoàn thương buôn lên đường, Bí-sô bỏ lại cỏ trải ở đó để đi theo đoàn, trên đường đi gặp một đoàn thương buôn khác trở về, Bà-la-môn gặp được vị thương chủ kia được toại ý mong cầu nên đi theo đoàn kia trở về, cũng trở lại bên cái giếng trước đó để nghỉ qua đêm. Lúc đó có ngoại đạo lộ hình đến chỗ mà Bí-sô trước đã nghỉ qua đêm để ngủ, lát sau họ nói với nhau: "Không biết có vật gì đang bò cắn trong người tôi", một

người trong số họ nói: "Chắc hôm qua uống nhiều rượu nên ác dục tầm tư tranh nhau cắn rứt", khi cầm lửa đến soi thì thấy có nhiều kiến liền nói: "Kẻ vô trí nào đã ngủ ở đây, khi đi không dọn sạch cỏ đã trải nên mới có nhiều kiến như thế này". Bà-la-môn nghe rồi liền nói: "Trước đây có Thích tử đã ngủ đêm nơi đó", ngoại đạo liền mắng: "Sa môn Thích tử ở trước mọi người tự cho mình là người trí mà ở chỗ dừng nghỉ qua đêm rồi không dọn sạch cỏ đã trải", Bà-la-môn nói: "Sa môn Thích tử không dứt sát sinh, tùy chỗ liền ngủ chứ không xem xét". Cách đó không xa có Ô-ba-sách-ca nghe rồi liền ghi nhớ trong lòng, sau đó đến trú xứ của Bí-sô kể lại, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Dù ở chỗ đồng trống cũng phải dọn sạch cỏ đã trải nằm". Sau đó lại có Bí-sô tháp tùng theo đoàn thương buôn đến nghỉ đêm nơi A-lan-nhã, Bí-sô trải cỏ khô làm ngọa cụ, nửa đêm đoàn thương buôn thức dậy lên đường, Bí-sô vì phải dọn sạch cỏ nên bị bỏ lại ở sau gặp giặc cướp hết y vật. Khi đến rừng Thệ-đa đem việc trên kể lại, các Bí-sô nghe rồi đem bạch Phật, Phật nói: "Nên gom tụ lại một chỗ rồi đi, như ta đã chế nếu không hành theo thì phạm tội việt pháp".

Lúc đó các Bí-sô nhuộm y, trải cỏ khô ở chỗ có nắng để phơi y đã nhuộm, phơi xong không dọn sạch cỏ khiến trùng kiến sanh, Phật nói: "Phơi y đã nhuộm xong phải dọn sạch cỏ". Sau đó có Bí-sô muốn nhuộm y bảo vị nhuộm y trước để lại cỏ đừng vất bỏ, vị kia không nghe liền đem vất bỏ, Phật nói: "Nếu có người khác cần dùng thì không nên vất bỏ". Người nhuộm y sau phơi y xong không chịu dọn sạch cỏ nói rằng: "không phải cỏ của tôi", Phật nói: "Khi vị trước để lại cho vị sau dùng nên nói: Thầy dùng xong nên vất bỏ, nếu chịu thì mới để lại cho dùng, nếu không chịu thì không để lại cho dùng". Lúc đó ở chỗ kinh hành vì đất cứng nên chân bị thương tổn, Phật nói: "Nên trải cỏ mềm để khỏi bị đau chân". Trải cỏ không bao lâu sau trùng kiến sanh, Phật bảo nên vất bỏ, các Bí-sô ngày nào cũng thay cỏ mới nên phế bỏ việc chánh tu, Phật nói: "Không nên thay mới hoài, nên xem xét khi cần thay mới thay". Sau đó ở chỗ kinh hành thiết cúng, các Bí-sô lót cỏ làm ghế ngồi giống như trước trùng kiến sanh, Phật nói: "Dùng dây treo ghế cỏ lên cây". Lại có chỗ kinh hành dùng Cù muội da trét trên đất không bao lâu sau trùng kiến sanh, Phật nói: "Nên trộn trong gạch ngói bể đừng để bị ướt". Lúc đó Thế tôn khen ngợi người trí giới, tôn trọng giới và thiểu dục tri túc rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: "Nếu lại có Bí-sô ở trong phòng tăng dùng cỏ hay lá cây tự trải hoặc bảo người trải, khi đi không thu dọn, không nhờ người thu dọn; nếu có Bí-sô mà không chịu dặn dò lại, phạm Ba-dật-đề-ca trừ nhân duyên khác".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho người trong pháp này. Tăng phòng là trú xứ của đệ tử Phật, trong đó có thể dung nạp bốn oai nghi. Khi đi là ra khỏi thế phần.

Cụ thọ Ô-ba-ly bạch Phật: "Khoảng chừng bao nhiêu là thế phần của phu cụ?", Phật nói: Như Bà-la-môn Sanh văn trồng cây… giống như trong giới mười bốn, cho đến câu giữa đường gặp Bí-sô nói rõ chỗ đã cất chìa khóa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ở trong trú xứ tăng dùng cỏ hay lá cây tự trải hay bảo người trải để nằm, khi đi không thu dọn, có người cũng không dặn dò lại, cho đến chưa ra khỏi thế phần phạm Ác-tác, ra khỏi thế phần liền phạm Đọa. Nếu Bí-sô vừa mới đi quên dặn, trên đường sực nhớ, hoặc gặp Bí-sô trên đường, hoặc đến trú xứ phía trước mới nhớ ra, hoặc đến trú xứ phía trước gặp Bí-sô sắp đi đến trú xứ kia mới nhờ thu dọn… đều giống như trong giới trên. Cỏ trải có hai trường hợp bị hư hoại là gió và kiến, gió thổi cuốn cỏ lại và kiến cắn cỏ làm ổ. Bí-sô vào buổi chiều trong tăng phòng trải phu cụ cỏ, dù đêm hay ngày thương nên xem xét, có hư hoại hay không hư hoại phạm tội nặng nhẹ đều giống như giới trên. Nếu ở chỗ đất cứng hoặc chỗ cát đá, chỗ không có trùng kiến, dùng cỏ trải dù không thường xem xét cũng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu, hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học xứ thứ mười sáu: ***GẮNG GƯỢNG KÉO BÍ SÔ RA KHỎI TĂNG PHÒNG***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt , lúc đó Ô-đà-di đến chỗ các Bí-sô trẻ tuổi khuyến dụ: "Hãy cùng tôi du hành để hàng phục các tông khác và tự được tiếng vang, các thầy muốn đọc tụng hay thiền tư hay cần lợi dưỡng về y thực đều sẽ được đầy đủ". Các Bí-sô trẻ nghe rồi liền đến chỗ hai thầy xin phép đi du hành với Ô-đà-di , thầy nói: "đại đức đó có hạnh ác sẽ gây não hại cho con", liền đáp: "Đại đức đó khéo khuyến dụ, chúng con kính như cha mẹ, há lại não hại hay sao". Các Bí-sô trẻ này không nghe theo lời thầy dạy liền cùng với Ô-đà-di du hành, vừa ra khỏi giới Ô-đà-di liền nói: "Các cụ thọ đâu thể du hành mà không có thầy y chỉ", nói rồi bảo họ tác pháp cầu y chỉ , cầu y chỉ xong Ô-đà-di bảo họ mang y bát và các tư cụ của mình rồi thảnh thơi vừa đi vừa trêu chọc những người đi theo mình. Đi đến một tụ lạc Ô-đà-di cùng môn đồ dừng nghỉ ở bên cái giếng lớn, trong tụ lạc có một Tỳ-ha-la vào xế chiều bổng đánh kiền chùy, các Bí-sô trẻ nghe rồi nói với Ô-đà-di: "A-giá-lợi-da, chùa

đánh kiền chùy, chúng ta nên đến xem coi có việc gì", Ô-đà-di nói: "Các Hắc-bát ở đây lười biếng tu phẩm thiện, đánh kiền chùy tập tăng là sắp có làm việc, chúng ta đi đường mệt nhọc làm sao làm việc được", các Bí-sô trẻ nói: "Biết đâu đánh kiền chùy là để chia y vật, chúng ta đã vào trong cương giới cũng được chia phần. Thầy có phước đức lớn được nhiều người biết, tài lợi dễ được còn chúng tôi đâu có ai thí, chúng tôi muốn vào chùa xem thử", Ô-đà-di nói: "Cứ tùy ý đi, nếu có tài lợi nhận luôn phần của tôi". Các Bí-sô trẻ liền vào chùa hỏi biết là chia ngọa cụ, chủ chùa thấy khách liền mời nhận phần, các Bí-sô trẻ nói: "Tôi xin nhận thêm phần của tôn sư", chủ chùa hỏi là ai, đáp là Ô-đà-di, chủ chùa liền tính số phần rồi đưa đủ. Lúc đó Ô-đà-di ở bên giếng nước đang hỏi mọi người trong thôn đây là thôn gì, chùa đó của ai…, mọi người đều trả lời theo câu hỏi đầy đủ. Các Bí-sô trẻ ở chùa nói với nhau: "A-giá-lợi-da sao đến trễ thế, chúng ta nên làm việc thường làm", nói rồi liền trải chỗ thầy nằm, để nước rửa chân, dầu xoa chân ở một chỗ, sau đó mỗi người tự rửa chân vào trong nhà ấm ngủ. Ô-đà-di đến trời tối mới vào chùa nhìn khắp nơi không thấy có ai liền kêu lớn: "Cụ thọ, cụ thọ", người trong chùa bước ra hỏi: "Đại đức vào chùa phi thời sao lại kêu la lớn tiếng như thế?", đáp: "Các môn đệ tôi đã vào đây trước tôi, tôi sợ chúng gặp nạn gì nên lớn tiếng kêu". Các Bí-sô trẻ bước ra nói: "Chúng tôi ở trong phòng kia đã trải ngọa cụ, để nước rửa chân, dầu xoa chân cho thầy rồi mới đi ngủ, thầy hãy đến phòng đó nghỉ", Ô-đà-di nói: "Ai bảo các thầy làm việc đó?", đáp: "Chúng tôi tự bảo nhau", Ô-đà-di nói: "Các thầy hãy ra khỏi chùa, ai có thể làm thầy y chỉ cho bọn người không cung kính và lười biếng như thế", nói rồi liền gắng gượng kéo đuổi ra ngoài, các Bí-sô này ngủ ở chỗ đất trống chịu khổ sở vì lạnh suốt đêm, sáng ngày đều đến chỗ Ô-đà-di từ giả trở về thành Thất-la-phiệt, Ô-đà-di nói: "Hãy ở lại để tôi coi bịnh tình của các cụ thọ ra sao", đáp: "Chúng tôi vốn không bịnh, chính thầy đã làm cho chúng tôi sanh bịnh, huống chi có bịnh mà có thể chăm sóc nhau hay sao?", nói rồi liền trở về rừng Thệ-đa, sau đó Ô-đà-di cũng trở về, các Bí-sô trong vườn Cấp thấy các Bí-sô trẻ trở về liến thăm hỏi có an không, các Bí-sô này liền đem sự việc trên kể lại, các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách: "Tại sao Bí-sô lại đuổi Bí-sô khác ra khỏi phòng cố ý não loạn nhau", đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô sân giận không vui ở nơi trú xứ tăng kéo Bí-sô khác ra ngoài hoặc bảo người khác kéo ra, phạm Ba-dật-đề-ca."

Sau đó có một Bí-sô ở trong phòng dưới hầm đang bịnh nặng, lúc đó

trời mưa lớn các Bí-sô sợ phòng dưới hầm bị sập nên lớn tiếng kêu Bí-sô ra, nhưng Bí-sô này bịnh nặng không thể tự ra được, các Bí-sô sợ phạm giới nên không dám vào kéo ra, kết quả mưa lớn làm sập phòng dưới hầm, Bí-sô ở trong đó mạng chung, Phật nói: "Nếu có nạn duyên nên kéo lôi ra, này các Bí-sô trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai nên nói lại như sau: Nếu lại có Bí-sô sân giận không vui ở nơi trú xứ tăng, kéo Bí-sô ra ngoài hay bảo người kéo ra, phạm Ba-dật-để-ca, trừ nhân duyên khác."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di. Trừ nhân duyên khác là chỉ cho nạn duyên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô với tâm sân giận ở trong chùa tăng tự kéo đuổi ra hay bảo người khác kéo đuổi Bí-sô trong pháp luật này ra ngoài thì phạm Đọa. Nếu gặp tám nạn duyên đều không phạm, không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Bảy: ***GẮNG GƯỢNG XÚC NÃO NGƯỜI KHÁC***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-đà-di đến chỗ các Bí-sô trẻ khuyến dụ cùng mình đi du hành giống như giới trên cho đến câu Ô-đà-di kêu cửa, các Bí-sô trẻ đều đã ngủ rồi nên không ra mở cửa, Ô-đà-di liền đạp cửa khiến nhà ấm chấn động, các Bí-sô trẻ sợ làm tổn hại phòng xá của Tăng nên dậy mở cửa, Ô-đà-di vừa vào liền buông mình xuống giường của các Bí-sô trẻ hoặc đè trên bụng, hoặc đè trên lưng hoặc đè nơi chân, các Bí-sô trẻ kêu la thì Ô-đà-di nói: "Nếu đau thì hãy ra ngoài". Các Bí-sô này liền ra ngoài ở nơi đất trống chịu khổ vì lạnh suốt đêm, sáng ngày đến chỗ Ô-đà-di từ giả trở về thành Thất-la-phiệt, Ô-đà-di nói: "Hãy ở lại để tôi coi bịnh tình của các thầy như thế nào"… giống như trong giới trên cho đến câu các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật quở trách rồi chế học xứ như sau: "Nếu lại có Bí-sô ở nơi trú xứ tăng biết các Bí-sô đã ở chỗ này trước, mình đến sau nhưng lại cố ý làm xúc não ở trên ngọa cụ của các Bí-sô kia hoặc nằm hoặc ngồi nghĩ rằng: Nếu sanh khổ sẽ tự tránh đi nơi khác thì phạm Ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di. Biết là hiểu rõ sự việc. Bí-sô đã ở chỗ này trước là người trong pháp luật này trước đã ở trong đây ngủ nghỉ, mình đến sau gắng gượng nằm ngồi trên chỗ nằm của các Bí-sô đó. Nếu họ sanh khổ là nếu họ bị xúc não không vui. Tụ sẽ tránh đi là vì bị xúc não mà đi không vì nguyên nhân nào khác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô biết rõ sự việc… cho đến tự sẽ tránh đi chỗ khác thì phạm Ba-dật-đề-ca.

Nhiếp Tụng:

Ăn ngon và ăn dở,
Lạnh, nóng, bô tiện lợi,
Thiền, tụng, sợ có, không,
(sợ có giặc khủng bố và không có khủng bố)
Nhơn đây xúc não nhau.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-đà-di đến chỗ các Bí-sô trẻ khuyến dụ cùng mình đi du hành… giống như trong giới trên cho đến câu các Bí-sô trẻ ở trong nhà ấm nói với nhau: "Hôm nay chúng ta ăn thức ăn thô dở, khí lực suy yếu, hãy nên thiền tư", nói rồi cùng ngồi kiết già hệ niệm. Ô-đà-di kêu cửa, sau khi vào rồi liền mắng các Bí-sô trẻ: "Phật há chẳng nói hạng người vô tri không nên tu định, các thầy hãy đứng dậy tụng đọc tôn kinh". Ô-đà-di bắt họ ở ngoài chỗ đất trong tụng đọc chịu khổ vì lạnh suốt đêm, sáng ngày đều đến chỗ Ô-đà-di từ giả trở về thành Thất-la-phiệt… giống như trong giới trên cho đến câu Phật bảo các Bí-sô: "Nếu Bí-sô cố tâm xúc não Bí-sô khác đều phạm Đọa".

Lại có duyên khởi giống như trên chỉ khác là các Bí-sô trẻ nói với nhau: "Hôm nay chúng ta ăn thức ăn ngon, khí lực đầy đủ nên ra ngoài phòng tùy ý tụng kinh", Ô-đà-di thấy họ tụng kinh liền nói: "Há chẳng phải Phật nói nếu không tu tập thiền định thì trí huệ không sanh, các thầy phải vào trong nhà ấm tọa thiền hệ niệm". Ô-đà-di bắt họ kiết già suốt đêm khiến thân thể mỏi mệt, sáng ngày liền từ giã trở về rừng Thệ-đa… giống như giới trên cho đến câu Phật bảo các Bí-sô: "Nếu Bí-sô cố tâm xúc não Bí-sô khác thì phạm Đọa".

Lại có duyên khởi giống như trên chỉ khác là các Bí-sô trẻ nói với nhau: "Hôm nay thời tiết hơi lạnh, chúng ta vào nhà ấm yên nghỉ", Ô-đà-di thấy họ vào nhà ấm liền nói: "Các thầy ngủ nơi có hơi ấm sợ nhiễm phải hoàng bịnh, các thầy đông người nếu mắc cùng một chứng bịnh, tôi làm sao chăm sóc cho hết, các thầy hãy mau ra ngoài". Các Bí-sô trẻ bị đuổi ra ngoài ở chỗ đất trống bị khổ vì sương lạnh suốt đêm nên sáng ngày liền từ giã về rừng Thệ-đa… giống như trên cho đến câu Phật bảo các Bí-sô: "Nếu Bí-sô cố tâm xúc não Bí-sô khác thì phạm Đọa".

Lại có duyên khởi giống như trên chỉ khác ở chỗ các Bí-sô trẻ nói với nhau: "Hôm nay trời nóng, chúng ta vào trong nhà mát yên nghỉ", Ô-đà-di

thấy họ vào trong nhà mát liền nói: "Các thầy nằm trong nhà mát hoặc bị trúng gió hoặc bị đàm ấm thương hàn, làm sao tôi nuôi bịnh cho các thầy được", nói rồi liền vào trong nhà mát đóng hết các cửa thông gió khiến cho bên trong nóng bít ngộp thở, khiến họ suốt đêm không ngủ được nên sáng ngày liền từ giã về rừng Thệ-đa… cho đến câu Phật bảo các Bí-sô: "Nếu Bí-sô cố tâm xúc não Bí-sô khác thì phạm Đọa".

Lại có duyên khởi giống như trên chỉ khác là lần này không một ai chịu cùng đi du hành với Ô-đà-di, Ô-đà-di một mình du hành đến một ngôi chùa trong đó không có chỗ đại tiểu tiện, các Bí-sô trú xứ phải đi trong cái bô rồi đem ra chỗ xa đổ bỏ. Khi Ô-đà-di đến, các Bí-sô trú xứ biết là kẻ ác hạnh nên không ai kêu vào phòng để ngủ cũng không cùng nói chuyện, Ô-đà-di liền nghĩ: "Mấy Hắc-bát này trong đêm nay se hiểu khốn đốn là như thế nào". Đêm đến Ô-đà-di trèo lên tầng thứ ba thấy có nhiều cái bô để rải rác khắp nơi liền đa hất ra ngoài, các Bí-sô thức dậy tìm bô để đại tiểu tiện thì không thấy có cái nào, bị bên trong thúc bách các Bí-sô lên tầng trên ở chỗ thông nước để phóng xả ra ngoài. Sáng ngày các cư sĩ tín tâm đến chùa lễ bái, đi tham quan các nơi, Ô-đà-di liền nói với họ: "Các Hắc-bát ở đây thường làm hạnh ác, làm ô uế tăng điền, đã phóng uế ở tầng trên của chùa", các cư sĩ nghe rồi liền chê trách các Bí-sô trú xứ. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: Nếu Bí-sô cố tâm xúc não Bí-sô khác thì phạm Đọa". Lại có duyên khởi giống như trên cho đến câu các Bí-sô ở trú xứ biết Ô-đà-di là kẻ ác hạnh nên không ai kêu vào chùa dừng nghỉ, Ô-đà-di liền nghĩ: "Ta nên biệt lập phương tiện để xúc não các Hắc-bát này, cho họ biết ta là người khó thể khinh dễ", nghĩ rồi liền uống thuốc xổ vào trong nhà ấm tùy chỗ tiện lợi. Như Thế tôn có dạy thấy có người bịnh phải nên chăm sóc, nên các Bí-sô kỳ lão trong chùa đều đến thăm bịnh Ô-đà-di, thăm hỏi xong muốn ra về thì Ô-đà-di giữ nán lại, cứ như thế đến hai, ba lần; các Bí-sô kỳ lão nói: "Thầy cố tâm muốn não loạn chúng tôi phải không?", Ô-đà-di nói: "Tôi vào chùa các vị không cùng nói chuyện, bây giờ tạm đứng ở đây thì có gì phải từ nan". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu Bí-sô cố tâm xúc não Bí-sô khác thì phạm Đọa".

Lại có duyên khởi giống như trên chỉ khác là Ô-đà-di đến ngôi chùa trong đó các Bí-sô đều chuyên tu tĩnh lự, do các Bí-sô biết Ô-đà-di là kẻ ác hạnh nên không cùng nói chuyện khiến Ô-đà-di nghĩ cách xúc não họ. Tự viện này đang xây cất nửa chừng, Ô-đà-di đến chỗ thí chủ xây cất nói rằng: "Trưởng giả có tín tâm cất chùa sao không sớm hoàn thành, há chẳng phải Phật nói:

"Nếu khi siêng tu thiện, Tâm tội ác không khởi, Đối với phước không siêng, Tâm liền tạo các ác".

"Trưởng giả nghe rồi nói rằng: "Thánh giả, tuy tôi có nhiều tài vật nhưng ở đây rất khó tìm thợ", Ô-đà-di nói: "Thế tôn có dạy, nếu chỗ nào xây cất, Bí-sô ở đó nên trợ giúp để hoàn thành", trưởng giả nói: "Nếu các Bí-sô trợ giúp thì rất tốt", Ô-đà-di nói: "Tôi sẽ giúp trưởng giả", nói rồi liền trở lại trong chùa đánh kiền chùy tập họp chúng. Như lời Phật dạy nếu nghe tiếng kiền chùy chư tăng nên tập họp, chúng tập họp liền thấy Ô-đà-di tự tay bưng ngói gạch… nên phải cùng nhau ra phụ giúp, suốt ngày không được nghỉ nên nói với nhau: "Trước đến nay chúng ta chuyên tu thiền định, nay lại phải lao dịch suốt ngày, chúng ta nên trở về thành Thất-la-phiệt". Đến nơi các Bí-sô trú xứ thăm hỏi: "Các cụ thọ ở trong chùa đó chuyên tu thiền định, sao hôm nay bỏ việc tu tập đến nơi đây?", các Bí-sô khách này liền đem sự việc trên kể lại, các Bí-sô đem bạch Phật, Phật nói: "Nếu Bí-sô cố tâm xúc não Bí-sô khác thì phạm Đọa".

Lại có duyên khởi giống như trên chỉ khác là Ô-đà-di đến một ngôi chùa, các Bí-sô trong đây chuyên tụng tập, do các Bí-sô không cùng nói chuyện nên Ô-đà-di tìm cách xúc não, khiến các Bí-sô lao dịch suốt ngày giống như trên nên các Bí-sô này đến thành Thất-la-phiệt kể cho các Bí-sô ở đây nghe, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói cũng giống như trên.

Lại có duyên khởi giống như trên chỉ khác là Ô-đà-di đến một ngôi chùa, lúc đó trong chùa có giặc cướp khủng bố. Do các Bí-sô ở đây không cùng nói chuyện nên Ô-đà-di tìm cách xúc não, lúc trời sụp tối Ô-đà-di liền đứng ngay nơi cửa lớn của chùa không cho đóng cửa, khiến các Bí-sô trong chùa suốt đêm lo sợ không dám ngủ. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói cũng giống như trên.

Lại có duyên khởi giống như trên chỉ khác là ngôi chùa này không có giặc khủng bố nên cửa lớn mở suốt đêm, ban đêm các Bí-sô thường dậy ra ngoài đại tiểu tiện. Ô-đà-di thấy các Bí-sô này không cùng nói chuyện nên tím cách xúc não, khuya đóng chặt cửa rồi nằm chắn ngay cửa khiến các Bí-sô không thể ra ngoài tiện lợi được, bị bức bách nên tùy tiện phóng uế. Sáng ngày tín đồ đến chùa lễ bái, Ô-đà-di liền nói với họ: "Các Hắc-bát trong chùa này thường phóng uế bừa bãi trong chùa", khiến các tín đồ chê trách các Bí-sô này. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nếu Bí-sô cố tâm não loạn Bí-sô khác đều phạm tội Đọa. Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 30

Học Xứ Thứ Mười Tám: ***CỐ Ý NGỒI NẰM TRÊN GIƯỜNG SÚT CHÂN***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-ba-nan-đà đến chỗ các Bí-sô trẻ khuyến dụ cùng đi du hành với mình, cũng giống như Ô-đà-di đã khuyến dụ ở trong giới trước, nên không ai chịu đi cùng. Lúc đó có một Bí-sô khất thực nhận lời cùng đi, một đồng phạm hạnh khác khuyên: "Cụ thọ nếu đi cùng ắt sẽ bị xúc não", Bí-sô khất thực nói: "Tôi đủ mười hạ không phải y chỉ người khác cũng không đến vị ấy cầu học nghiệp, thầy ấy muốn xúc não cũng không thể được", vị đồng phạm hạnh nói: "sau này cụ thọ sẽ biết". Bí-sô khất thực không nghe theo lời khuyên, cùng du hành với Ô-ba-nan-đà, vừa ra khỏi giới Ô-ba-nan-đà nói: "Thầy nên mang giúp tôi đãy y", Bí-sô khất thực nói: "Há cụ thọ không biết Phật Pháp tăng bảo là phước điền thắng diệu, trì để phụng thí sao lại chứa nhiều những vật sanh phiền não này", Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi nhờ thầy mang đãy y, thầy không mang thì thôi, cớ sao lại quở trách tôi như là nhị sư của tôi như thế", nói rồi liền suy nghĩ: "Đối với Bí-sô này ta chưa cần nói tới, hãy nhẫn nại cùng đi, sau này sẽ biết". Cả hai du hành dần dần đến một tụ lạc, dừng nghỉ lại bên cái giếng nước ở bìa rừng. Lúc đó bỗng nghe tiếng kiền chùy từ một ngôi chùa trong tụ lạc, Bí-sô khất thực nói: "Trong chùa đánh kiền chùy, chúng ta nên đến xem coi có việc gì"… giống như duyên khởi trong giới mười sáu và mười bảy cho đến câu Ô-ba-nan-đà vào chùa lớn tiếng kêu to, Bí-sô khất thực nằm trong phòng dưới gác nghe kêu liền nói: "Tôi đã trải ngọa cụ ở phòng trên và nước rửa chân để một bên, đại đức lên đó nghỉ", Ô-ba-nan-đà gõ cửa phòng của Bí-sô khất thực nói: "Hãy mở cửa, tôi muốn thương lượng với thầy", Bí-sô khất thực suy nghĩ: "Nếu mở cửa cho vào thì thầy ấy nói cho đến sáng, vì vậy không nên mở cửa", nghĩ rồi liền nói: "Tôi đi đường mỏi mệt muốn ngủ, có thương lượng gì hãy đợi đến sáng mai". Ô-ba-nan-đà liền lên phòng

trên rửa chân rồi hỏi vọng xuống: "Dầu thoa chân để ở đâu?", Bí-sô ở dưới đáp vọng lên: "Để ở gần bên giường". Ô-ba-nan-đà nghe tiếng biết chính xác chỗ Bí-sô khất thực nằm, liền dời giường tới ngay chỗ đầu nằm của Bí-sô khất thực ở dưới rồi buông mình ngồi mạnh xuống giường, khiến cho chân giường sút ra rơi xuống bên dưới trúng ngay đầu của Bí-sô khất thực. Bí-sô khất thực bị bể đầu kêu to lên rồi lại nghĩ: "Nếu ta còn kêu la e sẽ bị xúc não nữa", nghĩ rồi liền im lặng đợi đến sáng hôm sau đến từ giã Ô-ba-nan-đà trở về thành Thất-la-phiệt… giống như duyên khởi trong giới mười sáu và bảy… cho đến câu các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật quở trách Ô-ba-nan-đà rồi chế học xứ như sau: "Nếu lại có Bí-sô ở trong trú xứ tăng biết chân giường và chân ghế trên tầng gác bị sút mà buông mình ngồi nằm, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Biết là tự biết hay người khác nói cho biết. Chân giường bị sút là chân giường lỏng lẻo, không liên kết với giường ghế. Buông mình ngồi nằm là ngồi nằm mạnh xuống cố ý làm cho chân giường sút ra để gây thương tích cho người khác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô biết phòng xá của tăng có giường bị sút chân mà buông mình ngồi nằm cố ý gây tổn hại cho người khác đều phạm Đọa. Nếu giường kê sát đất hay có vật chống đỡ ở dưới thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Mười Chín: ***DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG***

Phật ở trong vườn Cù-sư-la nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó Xiển-đà dùng nước có trùng tưới lên cỏ, các Bí-sô thấy liền ngăn, Xiển-đà nói: "Đâu phải do tôi gọi các sanh mạng này đến, cũng đâu phải có người đem giao chúng cho tôi, cũng đâu phải chúng muốn đi mà tôi lại không cho đi. Bốn biển rộng lớn sao chúng không đến đó, sông hồ đầy nước sao chúng không vào…". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách: "Tại sao Bí-sô dùng nước có trùng tưới lên cỏ, tự làm hoặc bảo người làm không đoái tới sanh mạng", liền bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết nước có trùng, tự dùng tưới lên cỏ đất hay bảo người dùng tưới, phạm Ba-dật-đề-ca"

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Xiển-đà. Nước chỉ chung nước ở giếng, ao, hồ, sông… Trùng có hai: Một là do mắt thấy, hai là do lượt thấy được.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô đối với nước có trùng, khởi tưởng có trùng tự dùng hay bảo người dùng tưới lên cỏ đất phạm Đọa, nghi cũng vậy. Nếu nước không trùng khởi tưởng có trùng, khi dùng phạm Ác-tác, nghi cũng vậy. Nếu Bí-sô đối với nước ở ao hồ sông có nhiều trùng cá, khởi tâm sát hại làm cho nước khô cạn tùy theo số trùng cá chết đều phạm Đọa, trùng cá không chết thì Ác-tác. Nếu ở những chỗ có nước lấp bít lại khiến cho trùng cá nơi đó chết, tùy theo số trùng cá chết hay không chết, phạm tội giống như trên. Nếu không có tâm sát hại thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai Mươi: ***XÂY CẤT CHÙA LỚN QUÁ HẠN LƯỢNG***

Phật ở trong vườn Cù-sư-la nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó Lục chúng đến ở chùa nào cũng sanh tâm khinh tiện nói rằng: "Chùa này giống như chuồng ngựa, chuồng voi…", các Bí-sô nghe rồi nói rằng: "Người ta cất sẵn chùa cho các vị ở, không phải tốn một viên gạch nào mà còn sanh tâm khinh tiện chê bai", Lục chúng nghe rồi bàn với nhau: "Chúng ta thường bị bọn Hắc-bát khinh khi nói chúng ta thường ở chùa người khác, tự không tốn một viên gạch nào nào. Chúng ta phải cất một ngôi chùa mà các Hắc-bát chưa từng thấy", Nan-đà nói với Ô-ba-nan-đà: Nếu chúng ta cùng đứng ra làm thì các Hắc-bát sẽ nhơn cơ hội này nói rằng: Lục chúng Bí-sô không tu phẩm thiện chỉ lo việc cất chùa. Chúng ta nên chọn ra một người có trí thông minh, giỏi thuyết pháp coi ngó công việc, còn chúng ta khuyến hóa những nhà thí thực đổi tâm thí cho chúng ta vật tư xây cất", Ô-ba-nan-đà nói: "Cụ thọ Xiển-đà được nhiều người biết đến, có biện tài vô ngại có thể coi ngó công việc xây cất này"… giống như duyên khởi trong giới thứ bảy Tăng-già-phạt-thi-sa, cho đến câu Trưởng giả nói với Xiển-đà: "Đại đức, tôi tuy có nhiều tiền của có thể xây cất một trú xứ cho Tăng, nhưng không có người coi ngó công việc xây cất giúp tôi", Xiển-đà nói: "Tôi sẽ coi ngó công việc xây cất, giúp ông hoàn thành việc phước này, nhưng ông phải đến trong Tăng xin phép Đại chúng, cầu thỉnh tôi làm người coi ngó công việc xây cất này". Trưởng giả bằng lòng cùng với Xiển-đà đến chùa vào trong Tăng, đảnh lễ Tăng bạch rằng: "Thánh giả Xiển-đà bằng lòng coi ngó việc xây cất trú xứ cho Tăng, tôi là thí chủ, xin Tăng từ bi chấp nhận sai làm người thọ sự". Lúc đó cụ thọ Xá-lợi-tử là bậc thượng tòa trong chúng nghe trưởng giả thỉnh rồi liền suy nghĩ: Nhóm Lục chúng gần đây không được Tăng sai nên thường làm phiền chúng tăng, nếu được Tăng sai ắt sẽ xúc não chúng tăng không nghỉ", nghĩ rồi liền nói với Xiển-đà: "Này cụ

thọ, xưa kia tôi xây cất rừng Thệ-đa đâu có ai sai tôi, cụ thọ Đại Chuẩn-đà xây cất vườn Cù-sư-la này cũng đâu có ai sai. Nay cụ thọ muốn xây cất trú xứ cho Tăng thì cứ tự coi ngó công việc đâu cần đợi Đại chúng sai". Xiển-đà nghe rồi liền suy nghĩ: "Bọn Hắc-bát còn không muốn nhìn ta huống chi là sai làm người thọ sự". Tăng không sai nên Xiển-đà cùng trưởng giả đứng dậy đi về đến nhà trưởng giả, Xiển-đà nhận tiền và nhiều vật tư rồi tới chỗ thọ làm gạch hỏi: "Các ông có thể trong một ngày nung đủ số gạch để xây cất một ngôi chùa ba tầng có mười phòng hay không?", đáp: "Nếu thầy đưa nhiều tiền để mua vật liệu và thuê nhiều người làm công thì có thể nung đủ số gạch thầy cần", Xiển-đà liền đưa tiền theo yêu cầu của thợ gạch rồi đến chỗ thợ lót gạch hỏi: "Các ông có thể trong một ngày cắt số gạch đã nung chín để lót một ngôi chùa ba tầng hay không?", kế đến chỗ thợ mộc hỏi: "Ông có thể trong một ngày tập trung thợ mộc lại để xây một ngôi chùa ba tầng hay không?", kế đến chỗ thợ hồ, thợ vẻ… mỗi mỗi đều hỏi giống như trên, cuối cùng tìm nhiều nhân công để xây cất ngôi chùa ba tầng trong một ngày cho xong. Ngôi chùa này khi xây cất xong bên dưới không có chỗ thoát nước, bên trên không có ống dẫn nước thoát xuống dưới, cửa không có song, cũng không có lỗ thông gió, hình dáng như cái bồ lúa vuông vức, chung quanh chỉ có một cái cửa nhỏ để ra vào. Xiển-đà thấy chùa đã xây cất xong liền đến chỗ trưởng giả nói: "Ngôi chùa đã xây cất xong nên làm lễ khánh thành", Trưởng giả nói: "Ngày nay không được, hôm sau sẽ làm". Lúc đó Thế tôn quán biết ngôi chùa mà Xiển-đà vừa cho xây cất xong, sau đêm nay sẽ bị sụp đổ, liền suy nghĩ: "Nếu ta và chúng tăng không thọ dụng ngôi chùa này thì thí chủ kia khi thấy ngôi chùa bị sụp đổ sẽ sanh sầu não cực độ, chắc chắn thổ huyết mà chết", nghĩ rồi liền bảo cụ thọ A-nan-đà: "Thầy nên đến trong vườn Cù-sư-la nói với các Bí-sô rằng; nếu vị nào được thắng định thì nên dùng định lực ấy vào đầu đêm nay đến trong ngôi chùa mà Xiển-đà mới mới cho xây cất xong để cùng tu phẩm thiện". Cụ thọ A-nan-đà vâng lời Phật dạy đi thông báo cho các Bí-sô biết, các Bí-sô nghe rồi, vị nào được thắng định liền như lời Phật dạy vào đầu đêm đến trong ngôi chùa mà Xiển-đà vừa cho xây cất xong để tu phẩm thiện. Đến nửa đêm Thế tôn đến và khởi tâm tục đế, khi Phật khởi tâm tục đế thì chư thiên đều hiện đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết pháp, Phật nói pháp Vô thường xong, họ đảnh lễ rồi biến mất, sau đó Phật cùng các Bí-sô trở về lại trú xứ. Đến sau đêm trời bỗng nổi gió to mưa lớn, không bao lâu sau nước đầy ngập trong chùa, vì trong chùa không có chỗ thoát nước nên nước ngập thấm vào tường vách vừa mới xây khiến cho ngôi chùa sụp đổ hoàn toàn. Lục chúng hay tin hoảng sợ bỏ trốn, còn trưởng giả thí

chủ vẫn chưa hay biết nên đã cho nhiều xe chở đủ các món ăn thượng diệu đến ngôi chùa mới để làm lễ khánh thành. Đến nơi thấy ngôi chùa sụp đổ liền hỏi Bí-sô: "Ngôi chùa mới xây cất sao lại như thế này?", Bí-sô nói: "Ngôi chùa bị sụp đổ này của ông giống như con lạc đà ngồi xổm bị té ngã, vào bên trong nên cẩn thận đừng để bị va chạm rồi té ngã". Trưởng giả nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta bỏ ra nhiều tiền của như vậy, chưa từng thọ dụng liền bị sụp đổ", nghĩ rồi vì quá sầu khổ nên ngất xỉu ngã xuống đất, thân tộc lấy nước lạnh rưới lên mặt hồi lâu mới tỉnh lại. Lúc đó Thế tôn bảo cụ thọ A-nan-đà: "Thầy nên đến nói với trưởng giả rằng: Có nhiều thí chủ xây cất phòng xá cho Như lai, Thế tôn tuy không có thọ dụng nhưng phước của thí chủ vẫn tùy sanh, huống chi ngôi chùa của trưởng giả vào đầu đêm đã có các Bí-sô kỳ túc đức hạnh đến thọ dụng, nửa đêm Thế tôn lại đến và chư thiên cũng đến để nghe Phật thuyết diệu pháp, phước lợi của ông vô lượng vô biên, ông nên hoan hỉ không nên ưu sầu", cụ thọ A-nan-đà vâng lời Phật dạy đến chỗ trưởng giả truyền đạt lại lời Phật, Trưởng giả nghe rồi liền hỏi cụ thọ A-nan-đà: "Thế tôn đại bi đã vào trong chùa thọ dụng rồi sao?", A-nan-đà nói: "đã vì ông thọ dụng rồi", trưởng giả nói: "Nếu Thế tôn đã vào trong chùa thọ dụng và thuyết pháp thì tôi không ưu sầu nữa, xin hỏi Lục chúng Bí-sô thiện tri thức của tôi hiện nay ở đâu?". Sau khi nghe biết trưởng giả hỏi đến mình Lục chúng liền đến nhà trưởng giả, trưởng giả mời thọ thực rồi dâng cúng mỗi vị một xấp bạch điệp và các tư cụ cần dùng của Bí-sô. Trở về trong trú xứ, các Bí-sô gặp liền nói: "Các vị vì trưởng giả xây cất một ngôi chùa hết sức là kiên cố", Lục chúng nói: "Sao lại chê trách chúng tôi, chúng tôi đã khiến cho trưởng giả sanh lòng tín kính, tuy tổn thất nhiều tài vật như vậy nhưng đối với chúng tôi vẫn tín kính, vừa cúng một bửa ăn ngon lại còn cúng mỗi người chúng tôi một xấp bạch điệp và các tư cụ cần dùng của Bí-sô". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách: "Lục chúng Bí-sô đối với việc mình đã làm đáng lẽ nên hổ thẹn, tại sao lại tự cao như thế", liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô ấy cất chùa lớn có nhiều tầng bên bệ cửa phải đặt ngạch cửa, cửa sổ phải có song cửa, phải có lỗ thông gió và chỗ thoát nước. Khi xây vách tường lên nếu là hồ nhão không chắc thì chỉ nên xây chừng hai tầng, không quá ba tầng, nếu xây quá phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Chùa lớn có hai một là vật thí lớn, hai là hình lượng lớn, trong giới này là hình lượng lớn. Khi xây vách tường lên nếu là hồ nhão không chắc tức là làm nền móng không chắc do

trộn hồ non thì khi xây tường lên làm nhiều tầng chỉ nên chừng hai tầng, không quá ba tầng sẽ dễ bị sụp đổ.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô xây cất chùa lớn nhiều tầng cho Tăng nếu dùng hồ nhão còn non mà xây quá ba tầng thì phạm Đọa. Nếu là gạch nung chín và dùng cây đá hoặc vì thí chủ muốn mau thành tuy làm quá hạn lượng vẫn không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Thế tôn: "Cụ thọ Xiển-đà cầu Tăng sai làm người thọ sự, vì nhơn duyên gì cụ thọ Xá-lợi-tử phương tiện ngăn không cho làm?", Phật nói: "Xá-lợi-tử không phải ngày nay mới khéo dùng phương tiện ngăn Xiển-đà, mà xưa kia cũng đã từng ngăn cản, các thầy lắng nghe: "Quá khứ ở trong núi Tuyết nơi chỗ nguy hiểm có một bầy chim nương ở, con chim chúa mắc bịnh qua đời, bầy chim mất vị thống lãnh nên khinh khi nhau làm những việc không Lợi-ích". Bầy chim nói với nhau: "Chúng ta không có vị thống lãnh khó thể tồn tại lâu, nay chúng ta nên tìm một chim chúa để làm lễ quán đảnh tôn lên ngôi, nhưng chúng ta làm sao tìm ra được chim chúa". Cách đó không xa có một con chim Cú tai mèo tuổi cao, bầy chim nói với nhau: "Chim Cú tai mèo này tuổi cao có thể làm chim chúa được chăng; gần đây có một con chim Anh vũ bẩm tánh thông tuệ, khéo biết cơ nghi, chúng ta nên đến hỏi ý kiến", nói rồi cùng nhau đến chỗ chim Anh vũ hỏi: "Chúng tôi muốn tôn chim Cú tai mèo lên làm chim chúa, ý kiến của chim Anh vũ như thế nào?". Lúc đó chim Anh vũ nhìn chim Cú nói bài kệ:

"Tôi không thích Cú mèo,
Làm vua các loài chim,
Không sân, mặt còn thế,
Sân lên sẽ thế nào".

Bầy chim nghe bài kệ rồi liền bỏ ý định tôn chim Cú làm chim chúa, sau đó cùng tôn chim Anh vũ lên ngôi thống lãnh.

Này các Bí-sô, chim Anh vũ thuở đó chính là Xá-lợi-tử, Cú mèo chính là Xiển-đà, xưa kia phương tiện ngăn việc tôn làm chim chúa, nay cũng phương tiện ngăn làm người thọ sự".

Nhiếp Tụng Thứ Ba:

Không sai, đến chiều tối,
Vì ăn, hai loại y,
Cùng đường và chung thuyền,

Chỗ khuất, giáo hóa ăn.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Mốt: ***CHÚNG KHÔNG SAI GIÁO THỌ BÍ SÔ NI***

Nhiếp Tụng Bên Trong:

Phật sai Nan-đạc-ca Giáo giới Bí-sô ni,

Vì nói kinh thâm diệu, Đều chứng A-la-hán.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật cùng năm trăm Bí-sô an cư ở nơi đây, các Bí-sô ni Kỳ-túc cũng an cư trong chùa Vương Viên như Bí-sô ni Chuẩn-đà, Dân-đà, Mạt-lạp-bà… Liên-hoa-sắc, Đại thế chủ… các đại Thanh văn ni. Lúc đó Đại thế chủ cùng năm trăm ni chúng đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật vì nói pháp yêu chỉ dạy được lợi hỉ rồi bảo Đại thế chủ nên ra về. Sau khi Đại thế chủ ra về Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên biết, nay ta đã già yếu không thể thuyết pháp yếu cho bốn chúng được nữa, từ nay các Bí-sô kỳ túc nên theo thứ tự đến giáo thọ Bí-sô ni". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy theo thứ tự đến giáo thọ, khi đến phiên Nan-đạc-ca thì cụ thọ lại từ chối không chịu đi, Đại thế chủ đến bạch Phật, Phật hỏi A-nan-đà: "Hôm nay đến phiên vị nào đến giáo thọ Bí-sô ni?", đáp: "Nay đến phiên cụ thọ Nan-đạc-ca nhưng cụ thọ không chịu đi". Lúc đó Nan-đạc-ca đang đứng gần chỗ Phật, Phật nói: "Này Nan-đạc-ca, thầy nên đi giáo thọ Bí-sô ni, vì sao, vì ta tùy sức khỏe giáo thọ Bí-sô ni thì thầy cũng nên giáo thọ Bí-sô ni, ta nói pháp yếu cho nghe thì thầy cũng nên nói pháp yếu cho họ, do nhân duyên này họ được lợi ích an vui, được ngời sáng có thể được tăng trưởng đến chỗ cứu cánh. Thầy không nên từ chối việc giáo thọ ni chúng", Nan-đạc-ca vâng lời Phật dạy chịu đi giáo thọ ni chúng. Sáng hôm sau Nan-đạc-ca đắp y mang bát vào thành khất thực, được thức ăn rồi trở về bổn xứ thọ thực… đến xế chiều đắp y Tăng-già-chi dẫn theo một Bí-sô tùy tùng đến chùa Vương Viên giáo thọ Bí-sô ni. Ni chúng liền trải tòa mời ngồi đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe pháp, Nan-đạc-ca bảo các Bí-sô ni: "Hôm nay tôi giảng về pháp môn vấn đáp, các vị hãy khéo lắng nghe, nếu hiểu thì nói là hiểu, nếu không hiểu thì nói là không hiểu, vì có hiểu nghĩa mới có thể như lý tu hành. Nếu không hiểu thì nên hỏi lại như sau: đại đức, nghĩa của lời nói này tôi chưa được hiểu", các Bí-sô ni nghe rồi bạch rằng: "Đại đức, chúng tôi nhờ thầy khéo hướng dẫn sanh tâm hy hữu, chúng tôi sẽ nghe theo sự hỏi đáp của đại đức để thuận lý tu hành". Nan-đạc-ca hỏi: "Nội nhãn xứ có ngã và ngã sở không?", đáp là không thấy có, lại hỏi: "Nhãn đã như vậy cho đến Tỷ, thiệt, thân, ý nội xứ có ngã, ngã sở không?", đáp: "Chúng tôi cũng không thấy

có, vì sao, vì chúng tôi thuận tu chánh hạnh thật hiểu rõ điều này, dùng chánh huệ quán thấy nội lục xứ thật không có ngã, tâm sanh tín giải hiểu rõ không có ngã", Nan-đạc-ca nói: "Lành thay, các vị đã hiểu rõ ý nghĩa nội lục xứ không có ngã, ngã sở; như vậy suy ra ngoại sắc xứ có ngã ngã sở không?", đáp là không thấy có, lại hỏi: "Sắc đã như vậy cho đến Thinh, hương, vị, xúc và pháp có ngã ngã sở hay không?", đáp: "Chúng tôi cũng không thấy có, vì sao, vì chúng tôi thuận tu chánh hạnh… giống như đoạn văn trên… tâm sanh tín giải hiểu rõ không có ngã", Nan-đạc-ca nói: "Lành thay các vị đã hiểu rõ ý nghĩa ngoại lục xứ không có ngã ngã sở. Như vậy suy ra nhãn sắc làm duyên có thể sanh nhãn thức, tánh của thức này có ngã ngã sở không?", đáp là không có, như vậy cho đến ý pháp làm duyên có thể sanh ý thức, tánh của các thức này có ngã ngã sở không, đều đáp là không có giống như trên. Nan-đạc-Ca-lại hỏi: "Nhãn sắc làm duyên sanh ra nhãn thức, ba pháp này hòa hợp sanh ra xúc, xúc này có ngã ngã sở không, cho đến ý và pháp làm duyên sanh ra ý thức cả ba hòa hợp sanh ra xúc, xúc này có ngã ngã sở không?", đều đáp là không có giống như trên. Nan-đạc-Ca-lại hỏi: "Ba pháp nhãn sắc thức sanh xúc, xúc có thể sanh ra thọ, thọ này có ngã ngã sở không; cho đến ý pháp thức ba pháp hòa hợp sanh xúc, xúc có thể sanh thọ, thọ này có ngã ngã sở không?", đáp không có, vì sao… giống như đoạn văn trên. Nan-đạc-ca lại hỏi: "Nhãn sắc thức hòa hợp sanh xúc, xúc sanh thọ, thọ sanh ái, ái này có ngã ngã sở không; cho đến ý pháp thức hòa hợp sanh xúc, xúc sanh thọ, thọ sanh ái, ái này có ngã ngã sở không?", đáp không có giống như đoạn văn trên. Nan-đạc-ca lại hỏi: "Ví như nhơn cái đèn, dầu, tim đèn và lửa mới có ánh sáng; vì vậy ánh sáng là vô thường cho đến lửa, tim đèn, dầu đều là vô thường. Nếu có người nói đèn, dầu, tim đèn và lửa tuy vô thường nhưng sánh sáng phát ra là kiên cố, không thể biến hoại là pháp thường trụ, các vị có cho lời nói của người đó là thật ngữ hay không?", đáp: "Lời nói đó không phải là thật ngữ, vì sao, vì đèn, dầu, tim… đều là vô thường, ánh sáng từ đó phát sanh làm sao là thường được". Nan-đạc-ca nói: "Cũng như vậy, nội lục xứ là vô thường, nếu có người nói nội lục xứ tuy vô thường nhưng hỉ lạc từ đó phát sanh, hỉ lạc này nhất định là kiên cố không thể biến hoại, là pháp thường trụ, các vị có cho lời nói đó là thật ngữ chăng?", đáp: "Không phải là thật ngữ… giống như đoạn văn trên.… chúng tôi dùng chánh huệ quán thấy nội lục xứ là vô thường, tâm sanh tín giải rằng do những pháp kia sanh nên những pháp này sanh; do những pháp kia diệt nên những pháp này diệt, cuối cùng có thể đạt đến cảnh giới tịch tịnh thanh lương giải thoát". Nan-đạc-ca nói: "Lành thay các vị đã hiểu rõ ý nghĩa vừa trình bày, lại nữa ví như đại thọ thân, gốc cây,

cành lá, hoa trái sum suê, thân đại thọ này là vô thường cho đến bông trái đều là vô thường. Nếu có người nói thân cây… bông trái đều là vô thường nhưng bóng của cây nhất định là kiên cô, không thể biến hoại, là pháp thường trụ, các vị có cho lời nói đó là thật ngữ chăng?", đáp: "Lời nói đó không phải là thật ngữ, vì sao, vì đại thọ này từ thân cho đến bông trái đều là vô thường; nếu không có thân cây làm chỗ nương (sở y) thì cái bóng làm sao nương được (bóng năng y)". Nan-đạc-ca nói: "Cũng như vậy, ngoại lục xứ là vô thường, nếu có người nói lạc xúc từ đó phát sanh nhất định là kiên cố, không thể biến hoại, là pháp thường trụ, các vị có cho lời nói đó là thật ngữ chăng?", đáp là không phải thật ngữ giống như đoạn văn trên. Nan-đạc-ca nói: "Tôi nói thêm ví dụ, người có trí nghe ví dụ có thể hiểu được nghĩa kia. Ví như đồ tể thiện xảo và các môn đồ tay cầm dao bén giết chết con bò, lột da lấy thịt bên trong đều không thương tổn, nhưng ngũ tạng bên trong đều cắt đứt rồi đem vất bỏ. Có người lấy tấm da phủ lại trên thân con bò, người khác trông thấy cho là con bò này và tấm da dính với nhau không có khác và nói đây là con bò có mạng sống, các vị có cho lời nói đó là thật ngữ chăng?", đáp: "Lời nói đó không phải là thật ngữ, vì sao, vì người đồ tể và các môn đồ cầm dao giết chết con bò rồi lột da lấy thịt tuy không có làm thương tổn, nhưng ngũ tạng bên trong đều cắt đứt rồi bỏ đi, dù có lấy tấm da phủ lên, thịt và tấm da không dính liền nhau". Nan-đạc-ca nói: "Tôi dùng ví dụ này là muốn các vị hiểu rõ nghĩa khác, cái gọi là con bò gồm có sắc thân thô trọng tứ đại do tinh huyết của cha mẹ… tụ họp lại, sau đó dùng thức ăn nuôi dưỡng nó, lại thêm dùng hương thoa, nước tắm… để trang nghiêm nhưng cuối cùng đều trở về chỗ hoại diệt. Nói thịt bên trong là chỉ cho nội lục xứ, lớp da bên ngoài là chỉ cho ngoại lục xứ, ngũ tạng bên trong là tham dục… Đồ tể và các môn đồ là chỉ cho đệ tử Thanh văn đa văn lợi trí, dao bén là chỉ cho gươm trí huệ, ý nói đệ tử Phật tâm trì kiếm trí huệ chặt đứt những phiền não và các tùy hoặc tương ưng ràng buộc. Các vị hiểu rõ được điều này thì nên siêng năng tu tập chớ có buông lung sau sanh hối hận. Nếu đối với cảnh ái lạc còn khởi tâm nhiễm đắm thì nên khéo phòng hộ tâm, vì tâm nhiễm chưa đoạn. Nếu đối cảnh hay sân thì nên khéo phòng hộ tâm, vì tâm sân chưa đoạn. Nếu đối cảnh liền ngu si thì nên khéo phòng hộ tâm, vì tâm si chưa đoạn. Nơi bốn niệm trụ nên khéo phòng hộ tâm trụ trong chánh quán, tu niệm trụ rồi nơi bảy pháp Bồ đề phần nên khéo tu tập cho nhiều, nơi bảy Bồ đề phần đã tu tập nhiều rồi thì nơi tám chi chánh đạo chánh niệm được thành tựu có thể trừ dục nhiễm. Trừ dục lậu rồi thì hữu lậu, vô minh lậu thường sanh tâm nhàm lìa, do sanh tâm nhàm lìa nên được giải thoát, được giải thoát rồi sẽ chứng giải thoát tri kiến liền có thể biết rõ

như thật rằng: Sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Các vị nên học như vậy". Cụ thọ Nan-đạc-ca nói pháp yếu chỉ dạy cho ni chúng được lợi hỉ rồi liền ra về, sáng hôm sau Đại thế chủ cùng năm trăm chư ni đến đảnh lễ Phật nghe Phật chỉ dạy được lợi hỉ rồi ra về. Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Hôm nay Nan-đạc-ca giáo thọ Bí-sô ni khiến cho họ được giải thoát nhưng chưa được quả vị cứu cánh. Nếu hôm nay họ mạng chung, ta không thấy có một phiền não nào mà họ không trừ đoạn, chỉ do kiết hoặc còn dây dưa nên phải thọ sanh trở lại. Ví như ngày một bốn tháng có trăng, mọi người nhìn lên không trung thấy mặt trăng không biết là tròn đủ hay không tròn đủ, vì mặt trăng chưa thật tròn đầy, chưa rốt ráo. Cũng vậy Nan-đạc-ca giáo thọ cho ni chúng tuy khiến họ được giải thoát nhưng chưa chứng quả cứu cánh, chỉ được quả Bất hoàn", Phật lại bảo Nan-đạc-ca: "Thầy nên giáo thọ ni chúng lần nữa, nói diệu pháp khiến họ được xuất ly, vì sao, vì chúng ta giáo thọ Bí-sô ni là muốn khiến họ được xuất ly". Nan-đạc-ca vâng lời Phật dạy ngày mai đến giáo thọ ni chúng lần nữa, nói pháp yếu khiến cho họ được xuất ly... cho đến câu Phật bảo các Bí-sô: "Hôm nay Nan-đạc-ca giáo thọ ni chúng nói pháp yếu khiến cho họ được xuất ly, chứng quả cứu cánh. Nếu hôm nay họ mạng chung, ta không thấy có một người nào còn quay trở lại trong sanh tử nữa, ví như ngày mười lăm tháng có trăng, mọi người nhìn lên thấy mặt trăng trong không trung đều không nghi ngờ là tròn đủ hay không tròn đủ, vì mặt trăng hôm nay rất tròn đầy, đã rốt ráo. Cũng vậy hôm nay Nan-đạc-ca giáo thọ ni chúng đã khiến họ được giải thoát đến chỗ cứu cánh, không còn lưu chuyển trong sanh tử, không còn thọ sanh trở lại nữa". Lúc đó thế tôn thọ ký các Bí-sô ni này đã chứng quả A-la-hán, các Bí-sô hoan hỉ tín thọ.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 31

Học Xứ Thứ Hai Mươi Mốt: ***TĂNG KHÔNG SAI VỘI GIÁO THỌ BÍ SÔ NI*** *(Tiếp Theo)*

Nhiếp Tụng:

Lục chúng dạy phi lý,
Đại-lộ và Tiểu Lộ,
Phật khiến hiển thắng đức,
Kể lại nhơn duyên xưa,
Nhơn chuột được giàu có,
Y vương khởi tâm mạn,
Kể việc của Trí mã,
Không phải Thánh chớ lường.

Do Phật bảo các Bí-sô kỳ túc theo thứ lớp đến giáo thọ ni chúng, lúc đó tới phiên Lục chúng Bí-sô, khi đến giáo thọ Bí-sô ni cùng họ cười nói giỡn cợt hoặc dùng thân tay sờ mó nhau, cô nào ưa thích thì cùng làm việc phi pháp, cô nào không ưa thích thì ra ngoài chê trách. Các Bí-sô ni thiểu dục trì giới liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Tuy theo thứ lớp nhưng không nên sai Lục chúng Bí-sô giáo thọ Bí-sô ni". Chúng tăng nghe lời Phật dạy không sai, nhưng Lục chúng Bí-sô vẫn theo thứ lớp đến giáo thọ ni chúng và cũng giống như trước làm việc phi pháp, Phật nói: "Nếu không được tăng sai thì không nên giáo thọ ni chúng". Sau đó Lục chúng liền ra ngoài giới tác pháp sai lẫn nhau, Phật nói: "Không được ra ngoài giới tác pháp sai lẫn nhau". Sau đó Lục chúng ở trong giới lấy cớ bịnh gởi dục biệt chúng sai lẫn nhau, Phật nói: "Không được biệt chúng sai người, nên vào ngày mười lăm lúc làm lễ trưởng tịnh, chúng tăng tập họp đầy đủ, vào lúc đó Tăng tác pháp sai người đến giáo thọ ni chúng. Trước nên hỏi Bí-sô: "Cụ thọ có thể giáo thọ Bí-sô ni không?", nếu đáp có thể thì Tăng nên sai một Bí-sô bạch nhị yết ma như sau: Đại đức tăng già lắng nghe, Bí-sô này tên là người đến giáo thọ Bí-sô ni, Bí-sô này tên bằng

lòng đến giáo thọ Bí-sô ni. Nếu tăng đúng thời đến, tăng chấp thuận, nay Tăng sai Bí-sô tên đến giáo thọ Bí-sô ni, Bí-sô này bằng lòng giáo họ Bí-sô ni. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng già lắng nghe, Bí-sô này tên là người đến giáo thọ Bí-sô ni, Bí-sô này bằng lòng giáo thọ Bí-sô ni. Nay tăng chấp thuận sai Bí-sô tên đến giáo thọ Bí-sô ni, nếu cụ thọ nào chấp thuận sai Bí-sô tên đến giáo thọ Bí-sô ni thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng nay chấp thuận sai Bí-sô tên đến giáo thọ Bí-sô ni rồi vì im lăng. Tôi nay nhớ giữ như vậy.

Lúc đó các Bí-sô tác pháp sai người đến giáo thọ ni chúng mà không có lựa chọn, Phật nói: "Nếu tự mình không điều phục thì không thể nào điều phục được người khác; nếu tự mình không tịch tĩnh thì không thể nào làm cho người khác được tịch tĩnh; nếu tự mình không an lạc thì không thể nào làm cho người khác được an lạc; nếu tự mình không đoạn diệt thì không thể nào làm cho người khác được đoạn diệt; nếu tự mình sa vào bùn tham dục thì không thể nào cứu vớt được người khác. Các Bí-sô không nên không lựa chọn mà vội sai, nếu Bí-sô hội đủ bảy pháp thì chúng nên sai giáo thọ Bí-sô ni, đó là: Trì giới, đa văn, là bậc kỳ túc, rành ngôn ngữ đô thành, không từng làm nhơ nhiễm Bí-sô ni, khéo hay phân biệt tám pháp Tha thắng và khéo hay giải thích tám pháp tôn trọng. Sao gọi là trì giới? là đối với bốn pháp Ba-la-thị-ca không phạm một pháp nào. Sao gọi là Đa văn? Là thông suốt hai bộ giới kinh. Sao gọi là bậc kỳ túc? Tức là thọ viên cụ đủ hai mươi năm hoặc hơn. Sao gọi là rành ngôn ngữ đô thành? Có thể hiểu được ngôn ngữ của thành đô và thông cả tiếng địa phương. Sao gọi là không từng làm nhơ nhiễm Bí-sô ni? Tức là không hề cùng ni hai thân xúc chạm nhau, nếu lở có phạm thì đã như pháp sám hối. Sao gọi là khéo hay phân biệt tám pháp tha thắng? Là khéo biết rõ khai giá của tám pháp đầu. Sao gọi là khéo giải thích tám pháp tôn trọng? Là đối với tám việc này kheo hay khai diễn. Nếu Bí-sô hội đủ tám pháp này chúng nên sai giáo thọ Bí-sô ni. "Lúc đó Lục chúng Bí-sô không được chúng sai vẫn tự tiện đến giáo thọ ni chúng, các Bí-sô thiểu dục liền chê trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô, Tăng không sai mà tự đến giáo thọ Bí-sô ni, phạm Ba-dật-đề-ca."

Trong thành Thất-la-phiệt có một Bà-la-môn cưới vợ không bao lâu sau liền sanh một đứa con nhưng không may mạng chung, thời gian sau người vợ lại có thai, Bà-la-môn này lo sợ đứa con sắp sanh ra sẽ chết giống như đứa con đầu nên ngồi chống má ưu sầu. Bà cụ hàng xóm thấy vậy liền

nói: "Ngày nào vợ ông sanh, hãy đến kêu tôi". Sau đó vợ ông đến ngày sanh, ông liền đến báo tin cho bà cụ , bà cụ vừa tới thì người vợ đã sanh được một đứa con trai, bà liền bồng đứa bé tắm rửa sạch sẽ, lấy bạch điệp mới quấn quanh thân bé rồi nhỏ sanh tô thượng diệu vào miệng của bé. Bà kêu đứa tớ gái đến bảo rằng: "Ngươi hãy bồng đứa bé này đến ngã tư Đại-lộ, nếu thấy có sa môn, Bà-la-môn nào đi qua, ngươi nên chí thành chí kính thưa rằng: "Đứa bé này xin được kính lễ dưới chân của Thánh giả". Như vậy cho đến chiều tối nếu đứa bé còn sống thì bồng về, nếu chết thì bỏ chỗ nào tùy ngươi rồi trở về đây". Đứa tớ gái vâng lời bồng đứa bé đặt ở ngã tư Đại-lộ, hễ thấy có sa môn, Bà-la-môn nào đi ngang qua đều nói như lời bà cụ dặn và họ đều chú nguyện cho đứa bé được không bịnh, sống lâu, thiên thần ủng hộ và sở nguyện của cha mẹ đứa bé được viên mãn. Lúc đó thế tôn cũng đắp y mang bát đi ngang qua Đại-lộ này và cũng chú nguyện cho đứa bé giống như trên. Đến chiều đứa tớ gái thấy đứa bé vẫn còn sống bèn bồng về nhà, cha mẹ đứa bé hết sức vui mừng bèn nhóm họp thân tộc lại làm tiệc để chúc mừng và muốn thân tộc dặt tên cho đứa bé. Thân tộc bàn với nhau: "Đứa bé này mới sanh ra đem đặt nơi ngã tư Đại-lộ, vậy nên đặt tên là Đại-lộ". Đồng tử Đại-lộ này do được nuôi dưỡng tốt nên mau khôn lớn, học thông các nghề kỷ xảo , các môn toán số… cho đến các nghi thức của Bà-la-môn như cách ăn mặc, tẩy tịnh, xướng tụng… thảy đều thông suốt, lại còn học thông bốn minh luận và sáu tác nghiệp có đầy đủ đại trí huệ giáo thọ cho năm trăm đồng tử. Mẹ của Đại-lộ thời gian sau lại có thai, đến ngày sanh bà cụ hàng xóm lại đến cũng giống như lần trước bảo đứa tớ gái bồng hài nhi đặt ở ngã tư Đại-lộ, hễ thấy có sa môn, Bà-la-môn nào đi ngang qua đều chí thành chí kính nói như lần trước, đến chiều nếu còn sống thì bồng về… giống như lần trước, nhưng lần này đứa tớ gái không đặt hài nhi ở Đại-lộ mà đặt ở tiểu lộ. Đến chiều thấy đứa bé còn sống liền bồng về nhà, cha mẹ đứa bé vui mừng mở tiệc… giống như lần trước, thân tộc bèn đặt tên cho đứa bé là Tiểu Lộ. Tiểu lộ dần dần lớn khôn không được thông minh trí huệ như anh vì bẩm tánh ngu độn, thầy giáo thọ dạy Tiểu Lộ học chương Tất Đàm, chỉ có hai chữ Tất Đàm nhưng Tiểu Lộ học chữ Tất thì quên chữ Đàm, học chữ Đàm liền quên chữ Tất nên vị thầy đến nói với cha mẹ của Tiểu lộ là không thể dạy được nữa. Cha mẹ nghe rồi liền suy nghĩ: "Đâu phải tất cả Bà-la-môn đều có văn học, ta nên tìm minh sư dạy cho con học Minh luận", nghĩ rồi liền dẫn đến chỗ Minh sư cho đọc tụng Minh luận, chỉ có hai chữ Bồng Cống nhưng Tiểu Lộ hễ học chữ Bồng thì quên chữ Cống, học chữ Cống liền quên chữ Bồng, giống như thầy dạy trước Minh sư cũng nói với cha mẹ của Tiểu lộ là không thể dạy được nữa. Cha mẹ

nghe rồi liền suy nghĩ: "Đâu phải tất cả Bà-la-môn đều có thể tụng tập, chỉ cần thuộc dòng họ Bà-la-môn thì không đến nỗi chịu khổ sở". Do bẩm tánh ngu độn nên tên Tiểu Lộ dần dần trở thành Ngu-lộ, thời gian sau người cha bịnh nặng kêu Đại-lộ đến nói rằng: "Sau khi cha mất, đối với con cha chẳng có gì lo lắng, chỉ lo cho Ngu-lộ không hiểu biết. Vì vậy con chớ khinh khi nó, an nguy có nhau, trước sau nên giúp đỡ lẫn nhau mới hết nghĩa anh em". Như Phật đã dạy:

"Tích tụ đều tiêu tán,
Cao ngất ắt rơi rớt,
Sum họp rồi biệt ly,
Có sống đều phải chết".

Nói xong người cha qua đời, hai người con đau buồn đưa thi thể cha vào rừng thiêu đốt rồi ưu buồn trở về nhà. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-tử và tôn giả Mục-kiền-liên cùng năm trăm Bí-sô đến nước Kiều-tát-la du hành dần dần đến thành Thất-la-phiệt , dân chúng trong thành nghe tin liên cúng ra thành nghinh đón. Lúc đó Đại-lộ đang dạy học cho năm trăm người ở dưới một tàng cây, thấy dân chúng cùng ra thành liền hỏi học trò: "Họ đi đâu thế?", học trò đáp: "Họ ra thành nghinh đón hai tôn giả Xá-lợi-tử và Mục-kiền-liên". Đại-lộ nói: "Ta nghe nói hai vị này bỏ dòng Bà-la-môn tối thượng để theo sa môn Kiều-đáp-ma thuộc dòng Sát-đế-lợi thuộc giai cấp thứ hai xuất gia, cần gì phải đi nghinh đón". Trong số môn nhơn có một người tên là Ma-nạp-phược-ca vốn tôn trọng Tam bảo liền nói với Đại-lộ: "Đại sư chớ nói lời này, hai vị ấy đều đã chứng Thánh quả có đại oai thần, nếu đại sư được nghe họ thuyết pháp chắc chắn cũng sẽ theo họ cầu xuất gia". Thường lệ đến ngày nghỉ các học trò đi chơi các nơi, lúc đó vào ngày nghỉ, Đại-lộ nghe Ma-nạp-phược-ca khen ngợi Tam bảo nên muốn âm thầm xem xét, vừa ra khỏi thành gặp một Bí-sô đang kinh hành dưới gốc cây liền đến bên Bí-sô hỏi: "tôi muốn nghe diệu pháp của Thế tôn, tôn giả có thể nói cho tôi nghe ít nhiều được chăng?", Bí-sô liền giảng rộng về mười ác nghiệp đạo và mười thiện nghiệp đạo, Đại-lộ nghe rồi tâm sanh tín kính nói với Bí-sô: "không bao lâu sau tôi sẽ trở lại", nói rồi từ giã ra về. Vào một ngày nghỉ khác Đại-lộ lại đến chỗ Bí-sô, lần này Bí-sô nói về mười hai duyên sanh, Đại-lộ nghe rồi tâm sanh tín kính gấp bội nói với Bí-sô: "Thánh giả, tôi muốn được ở trong pháp luật khéo giảng nói xuất gia, ở chỗ Như lai tu phạm hạnh". Bí-sô liền suy nghĩ: "Ta nên cho Đại-lộ xuất gia để người này ở trong Phật pháp cởi xe pháp, cầm đuốc pháp", nghĩ rồi liền bảo Đại-lộ: "Tùy theo ý ông muốn", Đại-lộ nói: "Ở đây có nhiều người biết tôi, thầy hãy đưa tôi đến phương khác xuất gia". Bí-sô liền đưa Đại-lộ đến nơi khác

cho xuất gia và cho thọ Viên cụ rồi nói: "Có hai loại học nghiệp là đọc tụng và thiền tư, cụ thọ muốn học loại nào?", đáp là muốn học cả hai thứ. Kể từ hôm đó trở đi Đại-lộ chuyên tâm đọc tụng các kinh, không bao lâu sau thông suốt cả ba tạng; đầu đêm cuối đêm quán sát tư duy thiền định đoạn trừ các phiền não hoặc, chứng quả A-la-hán, được tam minh, lục thông, bát giải thoát, như thật liễu tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không có khác biệt, đối với danh lợi thảy đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Đại-lộ chứng quả rồi liền suy nghĩ: "Ta ở đây siêng tu đọc tụng tư duy, những gì cần được nay đều đã được, ta nên đến thành Thất-la-phiệt đảnh lễ Thế tôn thừa sự cúng dường", nghĩ rồi liền cùng năm trăm môn đồ chấp trì y bát dần dần đi đến thành Thất-la-phiệt, người trong thành nghe tin này đều ra thành nghinh đón.

Ngu-lộ từ ngày biệt ly anh, gia nghiệp ngày càng sa sút trở nên nghèo cùng phải đi xin ăn, lúc đó Ngu-lộ thấy dân chúng kéo nhau ra thành liền hỏi thăm mới biết là anh mình cùng năm trăm môn đồ sắp đến đây. Ngu-lộ suy nghĩ: "Những người này không phải anh em, cũng không phải tôn thân còn ra thành nghinh đón. Ta là em của Đại-lộ lẽ nào lại không đi đón", nghĩ rồi liền đi theo đoàn người ra thành nghinh đón. Anh em gặp nhau, Đại-lộ an ủi thăm hỏi Ngu-lộ: "Từ ngày biệt ly anh đến nay, em sống ra sao?", đáp là sống rất khổ sở, Đại-lộ nói: "Sao em không xuất gia", Ngu-lộ nói: "Em rất ngu độn, đâu ai cho em xuất gia". Đại-lộ không biết em mình có thiện căn không, liền quán biết là có thiện căn, lại quán biết mình có thể độ được, liền nói với Ngu-lộ: "Anh sẽ độ cho em xuất gia", Ngu-lộ bằng lòng, Đại-lộ liền cho xuất gia và cho thọ viên cụ, sau đó bảo Ngu-lộ đọc tụng bài kệ:

"Thân ngữ ý nghiệp không tạo tác,
Không xúc não Hữu tình thế gian,
Chánh niệm quán biết cảnh dục không,
Các khổ vô ích nên xa lìa".

Ngu-lộ đọc tụng bài kệ suốt trong ba tháng mà vẫn không thuộc, trong khi đó mấy đứa chăn bò chỉ nghe Ngu-lộ đọc vài lần đã thuộc lòng. Ngu-lộ cảm phục liền đến chỗ mấy đứa chăn bò nhờ nó chỉ cách học thuộc, chúng sẵn lòng giúp Ngu-lộ học. Thường pháp của chư Phật, mỗi năm hai lần các đệ tử Thanh văn đều tụ tập về: Một là ngày rằm tháng năm sắp an cư, hai là ngày rằm tháng tám sau lễ Tùy ý. Trước an cư các đệ tử cũng tự đến chỗ thầy thọ nghiệp để tư duy đọc tụng rồi mới đến thành ấp, thôn xóm

khác an cư. An cư xong các đệ tử cũng đến chỗ thầy thọ nghiệp trình bày kết quả tu tập, có chứng ngộ gì đều phải bạch cho thầy biết. Lúc đó các đệ tử của Đại-lộ an cư xong đến chỗ thầy, Ngu-lộ đang thừa sự Lục chúng, Lục chúng hỏi: "bạn đồng học của thầy đều đến chỗ thầy thọ nghiệp, vì sao thầy không đến?", đáp: "Suốt trong ba tháng học một bài kệ vẫn chưa thuộc, tôi đến để làm gì", Lục chúng nói: "Há cụ thọ không nghe, nếu học một thứ gì mà không huân tập thì không được kết quả gì, thầy nay nên tìm người dạy đọc tụng". Ngu-lộ nghe rồi liền đến chỗ thân giáo sư thân tộc bạch: "Cúi xin thánh giả chỉ cho tôi một vị thầy dạy đọc tụng", Đại-lộ nghe rồi liền suy nghĩ: "Lời nói này là do Ngu-lộ tự tâm phát khởi hay do ai khích phát", liền quán biết là do người khác khuyên bảo, lại quán xem Ngu-lộ là từ khuyên khen được giáo hóa hay từ quở trách, liền biết là phải từ sự quở trách. Quán biết rồi liền nắm cổ Ngu-lộ kéo ra ngoài phòng mắng rằng: "ngươi là người chí ngu cực ngu, chí độn cực độn, ở trong Phật giáo có thể làm được gì", Ngu-lộ nghe rồi đứng ngoài phòng khóc than: "Ta nay không phải thế tục, cũng không phải xuất gia, nỗi khổ này biết nói với ai". Pháp thường của chư Phật là trong tất cả thời hoặc du hành trong núi, trong rừng hay dạo quanh trong chùa, lúc đó có nhân duyên Phật đi đến phòng của Đại-lộ thấy Ngu-lộ đang đứng bên ngoài buồn khóc liền hỏi: "Cớ gì thầy đứng ở đây buồn khóc?", đáp: "Thế tôn, con ngu độn không có thông minh trí huệ nên bị thân giáo sư đuổi ra ngoài phòng, hiện tại con không phải thế tục cũng không phải xuất gia, nỗi khổ này con không biết nói với ai", Phật nói: "Về lý thì không như vậy, Thánh giáo Mâu ni không phải là Đại sư của thầy hay sao, nhưng Thánh giáo này có được là do ta trong ba vô số kiếp tu khổ hạnh và lục độ vạn hạnh được thành tựu viên mãn, thầy có muốn theo ta thọ học nghiệp không?", đáp: "Thế tôn, con là kẻ chí ngu chí độn, cực ngu cực độn, làm sao có thể thọ học nghiệp ở bên Phật được", Thế tôn liền nói kệ:

"Người ngu tự nói ngu,
Đây mới thật người trí,
Kẻ ngu vọng xưng trí,
Đây mới thật người ngu".

Trên thực tế thì Thế tôn đích thân dạy cho người thọ học từng câu từng chữ là không có việc đó, cho nên Thế tôn bảo A-nan-đà: "Thầy nên giáo thọ cho Ngu-lộ", A-nan-đà im lặng nhận lời nhưng cũng như bao nhiêu thầy dạy trước đã dạy cho Ngu-lộ, A-nan-đà đến chỗ Phật bạch rằng: Thế tôn, con không thể dạy cho Ngu-lộ học được nữa". Thế tôn bèn kêu Ngu-lộ đến dạy cho hai câu "Tôi lau bụi, tôi trừ nhơ", nhưng Ngu-lộ vẫn không

thể nhớ nổi. Thế tôn biết Ngu-lộ nghiệp chướng nặng muốn khiến trừ diệt nên kêu Ngu-lộ đến hỏi: "Thầy có thể làm công việc lau chùi giày dép cho các Bí-sô không?", đáp: "Con làm được", Phật bảo: "Vậy từ nay thầy nên lau chùi giày dép cho các Bí-sô". Ngu-lộ vâng lời Phật dạy đi làm nhưng các Bí-sô không cho làm, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy không nên ngăn cản, muốn khiến cho Ngu-lộ diệt trừ nghiệp chướng thì trong lúc Ngu-lộ làm công việc ấy, các thầy nên dạy cho Ngu-lộ hai câu pháp trên". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy trong lúc Ngu-lộ lau chui giày dép liền dạy cho Ngu-lộ hai câu pháp trên, Ngu-lộ vừa làm vừa đọc tụng trải qua một thời gian tích lũy liên tục, cuối cùng cũng được thông lợi. Vào một hôm lúc sau đêm Ngu-lộ bổng suy nghĩ: "Thế tôn bảo ta đọc tụng hai câu pháp tôi lau bụi, tôi trừ nhơ, hai câu này có nghĩa là gì?. Trần cấu (bụi nhơ) có hai: Bên trong và bên ngoài, ý nghĩa của hai câu pháp này là chỉ bên trong hay chỉ bên ngoài, là nghĩa đen hay nghĩa bóng?". Do tư duy như thế nên hốt nhiên khai ngộ, thiện căn phát khởi, nghiệp chướng tiêu trừ, lúc đó từ tâm của Ngu-lộ bổng hiển hiện ba bài kệ tụng vi diệu:

"Bụi này là dục, chẳng phải bụi,
Mật thuyết dục này chính là bụi.
Người trí trừ được dục nhiễm này,
Chẳng phải người phóng dật, không thẹn.
Bụi này là sân chẳng phải bụi,
Mật thuyết sân này chính là bụi.
Người trí trừ được sân nhuế này,
Chẳng phải người phóng dật, không thẹn.
Bụi này là si chẳng phải bụi,
Mật thuyết si này chính là bụi.
Người trí trừ được si độc này,
Chẳng phải người phóng dật, không thẹn".

Lúc đó Ngu-lộ tư duy ý nghĩa của bài kệ tụng này, như lý tu hành dứt trừ ba độc, siêng năng tinh tấn đoạn trừ phiền não, không bao lâu sau chứng quả A-la-hán, vận tâm bình đẳng thương ghét không hai, phá vỏ vô minh thoát khỏi lồng nhốt, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Ngu-lộ ngồi kiết già ngay tại chỗ ngồi chưa đứng dậy, lúc đó Đại-lộ có nhân duyên đi qua thấy Ngu-lộ ngồi kiết già, dù là bậc A-la-hán nhưng nếu không quán chiếu thì tri kiến không sanh cho nên Đại-lộ kéo tay Ngu-lộ lay dậy: "Cụ thọ, hãy đứng dậy tập tụng rồi sau mới tư duy". Ngu-lộ thấy anh từ bi lay dậy nên không rời chỗ ngồi duỗi dài cánh tay ra như cái vòi voi tới phía sau anh, Đại-lộ quay lại trông thấy điều hi hữu này liền hỏi: "Cụ thọ đã chứng

được đức thù thắng này rồi phải không?", Ngu-lộ im lặng thừa nhận.

Nghe Bí-sô Ngu-lộ chứng được thắng quả, các ngoại đạo liền chê trách: "Sa môn Kiều-đáp-ma tự nói: Ta chứng diệu pháp hết sức sâu xa, khó biết, khó ngộ, khó thể nghĩ bàn, chỉ có bậc đại trí thông minh mới có thể thấu hiểu được, đây thật là lời hư vọng, vì sao, vì Ngu-lộ là kẻ chí ngu chí độn, cực ngu cực độn mà còn chứng nhập được thì sâu xa… khó thể nghĩ bàn ở chỗ nào?". Thế tôn nghe biết rồi liền suy nghĩ: "Người đệ tử này của ta, đức như núi Diệu cao, tại sao mọi người đều khởi tâm hủy báng, nay đã đến lúc hiển dương thắng đức của Ngu-lộ", nghĩ rồi Thế tôn bảo A-nan-đà: "Thầy đến bảo Ngu-lộ đi giáo thọ ni chúng". A-nan-đà vâng lời Phật dạy đến bảo Ngu-lộ đi giáo thọ ni chúng, Ngu-lộ nghe rồi liền suy nghĩ: "Ý gì Thế tôn không bảo các Bí-sô kỳ túc lại bảo ta đến giáo thọ ni chúng, phải chăng ý muốn ta hiển bày thắng đức của mình, nay ta nên làm cho Thế tôn vừa ý". Lúc đó có Bí-sô ni vào chùa thỉnh giáo thọ sư, đến hỏi vị Thọ sự: "Thánh giả, lần này đến phiên vị nào là giáo thọ sư?", đáp là cụ thọ Ngu-lộ. Bí-sô ni nghe rồi liền nói với nhau: "Đây rõ là các đại đức khinh miệt nữ nhơn chúng ta. Bí-sô này suốt ba tháng không thuộc được một bài kệ tụng, tại sao lại sai đến giáo thọ chúng ta chứ. Trong chư ni cũng có những vị lão thông tam tạng, biện tài vô ngại, là bậc đại pháp sư, sao lại sai đến giáo thọ chứ, Chúng ta thử đến đảnh lễ xem thế nào", nói rồi liền cùng đến chỗ Ngu-lộ đảnh lễ bạch: "A-giá-lợi-da, chúng Bí-sô ni chùa Vương Viên là bạn đệ của chư tăng rừng Thệ-đa xin vấn an đại đức có được ít bịnh, ít não không, có được khinh an và an lạc trụ không, nay chúng tôi đến thỉnh giáo thọ sư", Ngu-lộ đáp: "Áo tỷ ca (dịch là phương tiện, ngữ ý này nói rằng lời cô vừa nói đều là phương tiện hướng đến Niết-bàn. Nếu dịch là được thì tuy không trái với lối dịch xưa nhưng trái với lý phương tiện, vì vậy giữ nguyên âm không dịch)". Các ni trên đường trở về chùa nói với nhau: "Vị này cũng biết nói là áo tỷ ca". Vừa vào đến trong chùa chư ni liền hỏi là ai đến giáo thọ, đáp là thánh giả Ngu-lộ, lúc đó chúng mười hai Bí-sô ni nghe rồi liền nói với nhau: "Đây là các đại đức khinh miệt nữ nhơn… giống như đoạn văn trên. Chúng ta nên thiết lập tòa sư tử cao một hai khuỷu tay rồi vào trong thành Thất-la-phiệt đi khắp các nơi thông báo cho mọi người biết tin: sáng mai trong chùa Vương Viên có vị đại pháp sư đến giáo thọ chư ni thuyết giảng diệu pháp. Nếu ai nghe sẽ được Kiến đế, không còn luân chuyển trong sanh tử nữa. Nói như thế mọi người sẽ đến đông đảo khiến cho Bí-sô đó nín thinh, không thể đối đáp gì được sẽ bị mọi người cười chê. Do nhân duyên này sẽ khiến cho người ngu kia không trở lại giáo thọ chúng ta nữa". Sau đó chúng mười hai Bí-sô này thực hiện theo

những gì đã bàn tính với nhau, lúc đó cụ thọ Ngu-lộ vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực được rồi trở về bổn xứ thọ thực, sau đó vào phòng hệ niệm đến xế chiều mới cùng một Bí-sô tùy tùng đến chùa Vương Viên. Vào trong chùa đã thấy có vô lượng trăm ngàn đại chúng vân tập, trong đó có người được thiện căn đời trước cảnh giác, hoặc có người nhờ hiện duyên khải ngộ. Lúc đó đại chúng thấy Ngu-lộ từ xa đi đến liền nói với nhau: "Hai người cùng đi đến, ai là vị pháp sư?", một người đáp: "Vị đi trước chính là pháp sư", đại chúng vừa nghe nói đều sanh tâm xem thường nói với nhau: "Các Bí-sô ni cố tâm não loạn chúng ta, Bí-sô Ngu-lộ này suốt ba tháng không học thuộc một bài kệ tụng, há có thể giáo thọ chư ni và nói pháp yếu cho chúng ta nghe hay sao?", một người nói: Chúng ta hãy chờ xem thế nào, nếu có thể nói pháp thì chúng ta nghe, nếu cố ý trêu cợt nhau thì chúng ta ra về không hại gì". Lúc đó cụ thọ Ngu-lộ nhìn thấy tòa sư tử cao như vậy liền suy nghĩ: "Đây là trêu cợt ta hay là cung kính ta?", nghĩ rồi liền quán biết là cố ý trêu cợt chứ không phải có tâm cung kính. Ngu-lộ bèn duỗi cánh tay phải ra như cái vòi voi đè lên tòa cao làm cho tòa sư tử hạ thấp xuống vừa với tầm ngồi rồi an tọa. Lúc đó chỗ đại chúng quá rộng không thể nhìn thấy hết nên pháp sư liền nhiếp tâm nhập định, nhập định rồi liền ẩn thân không hiện, từ trong không trung ở phương Đông hiện bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, nơi thân tuôn ra nước lửa… biến hiện mười tám cách, ở phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy. Hiện thần thông rồi trở về chỗ ngồi nói với Đại chúng: "Bản thân tôi suốt trong ba tháng thọ trì một bài kệ, các vị có vui thích nghe nghĩa của bài kệ đó không, dù cho suốt bảy ngày đêm ở nơi mỗi chữ mỗi câu phân biệt nghĩa của nó cũng chưa thể hết được. Các vị lắng nghe: Câu thứ một thân ngữ ý nghiệp không tạo ác ý nói Phật không muốn các hữu tình tạo nghiệp ác. Thân nghiệp tạo ác là sát, đạo dâm; ngữ nghiệp tạo ác là vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ và ỷ ngữ; ý nghiệp tạo ác là tham, sân và tà kiến. Đối với ba nghiệp thân ngữ ý Phật không muốn các hữu tình tùy tâm tạo ác…". Kế khéo dẫn dụ để làm rõ nghĩa của nửa bài kệ, tuy nói chưa xong nhưng trong chúng có một vạn hai ngàn hữu tình đều xa lìa trần cấu được pháp nhãn thanh tịnh Kiến đế; hoặc được Noãn, đảnh, nhẫn , thế đệ nhất pháp; hoặc được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, nếu xuất gia thì chứng quả A-la-hán ; hoặc phát tâm cầu Thanh văn bồ đề hoặc Độc giác bồ đề hoặc Vô thượng bồ đề, đại chúng đồng loạt quy y Tam bảo khen ngợi là diều chưa từng có. Cụ thọ Ngu-lộ nói pháp yếu cho mọi người nghe, chỉ dạy được lợi hỉ rồi ra về, chúng Bí-sô ni hoan hỉ phụng hành, riêng chúng mười hai Bí-sô ni không toại bổn hoài ngồi im lặng không nói.

Lúc đó ở rừng Thệ-đa Lục chúng từ xa thấy Ngu-lộ trở về cùng suy nghĩ không biết Ngu-lộ có khiến cho nhiều người không sanh tín kính hay không, nhưng không thể đối diện hỏi, liền hỏi Bí-sô tùy tùng, Bí-sô này đáp: "Thật là điều hi hữu nhiệm mầu, hoàn toàn không có một ai sanh tâm bất tín. Hồi Phật ở nước Ba-la-nê tư tại rừng Thi-lộc-ba phen chuyển pháp luân cho chúng nhơn thiên, thì hôm nay Ngu-lộ lại tùy chuyển. Dù giảng chưa xong nửa bài kệ cũng đã khiến đại chúng chứng quả vô biên, thú hướng đạo Bồ đề, quy y Tam bảo". Ngu-lộ đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, sau đó Phật bảo các Bí-sô: "Trong các đệ tử Thanh văn của ta, người tâm khéo giải thoát chính là Ngu-lộ", Thế tôn khen ngợi người trì giới mau được giải thoát, chê trách người phá giới chìm đắm trong sanh tử rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô, Tăng không sai liền tự đến giáo thọ Bí-sô ni, trừ được thắng pháp, phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Tăng không sai là không bạch nhị yết ma sai.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu các Bí-sô ở ngoài giới sai người thì chúng phạm Ác-tác, người được sai giáo thọ phạm Đọa. Tuy ở trong giới sai người mà chẳng phải vào ngày Bảo-sái-đà thì chúng phạm Ác-tác, người được sai phạm Đọa. Tuy ở trong giới vào ngày Bảo-sái-đà nhưng chúng không nhóm họp, phạm tội đồng như trên. Nếu pháp sai không có lỗi, nhưng chẳng phải là người trì giới, phạm tội đồng như trên. Tuy là người trì giới nhưng chẳng phải đa văn, chưa đủ hai mươi hạ; tuy đủ hai mươi hạ nhưng không phải người rành ngôn ngữ đô thành và tiếng địa phương; tùy rành tiếng nói đô thành và địa phương nhưng từng nhiễm ô Bí-sô ni không như pháp sám trừ; tuy đã trở lại thanh tịnh nhưng đối với tám pháp tha thắng không thể phân biệt chỉ dạy cho ni; tuy có thể phân biệt chỉ dạy nhưng đối với tám pháp tôn trọng lại không thể phân biệt, nếu không đầy đủ những pháp kể trên thì chúng đều phạm Ác-tác, người được sai đều phạm Đọa. Nếu sai như pháp, các đức viên mãn thì chúng tăng không lỗi, người được sai không phạm. Nếu ở trú xứ không có người giáo thọ ni thì nên lược bỏ pháp giáo thọ. Nếu khi Bí-sô ni đến thỉnh giáo thọ, vị thượng tọa nên bảo: "Này các Bí-sô ni, Tăng già có hòa hợp thanh tịnh không phạm lỗi không, nay trong Tăng không có vị nào thích hợp đến giáo thọ ni chúng, các Bí-sô ni nên cẩn thận chớ có buông lung", ni chúng đáp: "Áo-tỷ-ca" rồi đảnh lễ cáo từ ra về. Trường hợp không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não

bức bách.

Lúc đó các Bí-sô đều nghi đến thỉnh hỏi Thế tôn: "Vì nhân duyên gì chúng mười hai Bí-sô ni muốn làm việc không lợi ích cho cụ thọ Ngu-lộ lại trở thành việc đại lợi ích, cúi xin Thế tôn nói rõ nhân duyên", Thế tôn bảo các Bí-sô: "Chẳng phải mới ngày nay họ muốn làm việc không Lợi-ích lại trở thành việc đại Lợi-ích, mà từ đời xa xưa một hai vị này cũng đã muốn làm việc không Lợi-ích lại trở thành việc đại Lợi-ích. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong một thôn xóm có một Bà-la-môn cưới vợ chưa bao lâu liền sanh một đứa con trai, cứ như vậy sanh được mười hai đứa con trai, dần dần trưởng thành cùng cưới vợ ở chung trong một nhà nên nhà được làm rộng thêm ra. Mẹ chúng không bao lâu sau lâm bịnh qua đời, cha chúng tuổi già suy nên hai mắt mờ dần không nhìn thấy rõ sự vật. mười hai người con dâu lúc chồng không có ở nhà liền tư thông với người ngoài. Người cha tuy mắt mờ nhưng tai nghe giỏi phân biệt là con mình, con dâu hay kẻ lạ liền biết các con dâu tà hạnh quở trách không nên làm. Các con dâu biết cha chồng tức giận có thể đem bất lợi cho mình nên nói với nhau: "Chúng ta không cho ông ta ăn thức ăn ngon". Từ hôm đó người cha chồng chỉ được ăn cơm thô dở trộn với nước giấm, ăn không nổi nên người cha nói cho các con biết, các người con của ông liền hỏi vợ: "Tại sao lại cho cha tôi ăn cơm thô dở trộn với nước giấm như thế?", các người vợ nói với chồng: "Do tại ông phước hết chứ chúng tôi có lỗi gì, khi mới nấu là gạo trắng, nấu chín liền thành gạo đỏ, trộn với sữa lạc thơm ngon thì biến thành nước giấm", người chồng nghe rồi liền nói: "Đâu có lý đó", người vợ nói: "Nếu anh không tin thì hãy đích thân quan sát". Sau đó các người vợ bàn với nhau: "Chúng ta đã nói với chồng như thế thì phải tìm cách tránh họa", bàn xong liền đến chỗ thợ gốm hỏi: "Ông có thể làm cái chõ đôi có chung một nắp đậy, bên trong mỗi nửa chõ có hai ngăn, mỗi bên chứa được vài thăng, được không?", thợ gốm nói: "Nếu trả tiền gấp đôi thì tôi sẽ làm". Các người vợ này bằng lòng, đến ngày mang chõ đôi này về nấu cơm cho cha chồng ăn, ở chỗ khuất các bà đã cho gạo đỏ vào một ngăn, ngăn kia cho nước dấm của nửa chõ bên trong; sau đó đem cái chõ đôi này đến trước các ông chồng ở trong nửa chõ còn lại cho gạo trắng vào một ngăm, ngăn kia cho nước sữa lạc thơm ngon rồi nấu, khi chín cơm họ hỏi người chồng: "Cơm sữa đã chín, mời cha ăn trước hay là anh ăn trước?", người chồng nói: "Hãy mời cha ăn trước". Người vợ liền xới cơm gạo đỏ và múc nước dấm đưa cho cha chồng, sau đó xới cơm gạo trắng và múc nước sữa đưa cho chồng. Người con trai tận mắt thấy rõ sự việc liền nói với người cha: "Phước đức

của cha thật sự đã tiêu hết rồi, trong cùng một chõ con thấy chõ gạo trắng và nước sữa vào nấu rõ ràng, khi chín xới cho cha lại biến thành cơm đỏ với nước dấm", người cha nghe rồi suy nghĩ: "Ta từ nhỏ đến giờ không làm điều khi dối, khi ra tìm sanh kế ta đều như pháp kiếm tiền, cớ sao bây giờ phước nghiệp của ta lại tiêu hết. Phải chăng đây là hạnh ác của con dâu, đã làm điều dối trá lừa gạt ta". Nghĩ rồi người cha chờ lúc không có người một mình vào trong bếp mò tìm cái chõ nấu cơm, tìm thấy được cái chõ đôi, sờ vào bên trong thấy có hai ngăn, liền đem cái chõ này cất giấu, sau đó đợi các con trai có mặt đông đủ, đem cái chõ ra nói với các con trai: "Này các con, chẳng phải phước của cha hết mà cái chõ này làm cho cha hết phước", ông liền nói bài kệ:

"Này các con nên biết, Chõ hai bụng một nắp, Một bụng có hai ngăn, Nên cha phước nghiệp hết".

Các người con thấy rõ sự việc rồi phẫn nộ lôi vợ ra đánh nghiêm trị rồi nói: "Nếu tái phạm ta sẽ đánh bằng gậy và đuổi ra khỏi nhà". Sau đó các người vợ bàn với nhau: "Chúng ta nên làm phương tiện khác giết chết ông ta", lúc đó có người bán rắn đến nhà, các người vợ này hỏi người bán rắn: "Có bán rắn độc không?", người bán rắn hỏi: "Muốn mua rắn sống hay rắn chết?", đáp là cần rắn độc chết, người bán rắn suy nghĩ: "Họ cần rắn độc chết phải chăng muốn giết người cha chồng", nghĩ rồi liền hỏi: "Các vị định trả bao nhiêu?", đáp: "Ông đòi bao nhiêu tôi trả bấy nhiêu". Rắn độc khi bị giết chất độc của nó tập trung ở đầu và ở đuôi, người bán rắn thả ra một con rắn độc đập nó chết rồi chặt bỏ đầu đuôi, đưa khúc bụng cho các người vợ này, nhận tiền rồi đi. Các người vợ này đem rắn nấu canh đưa cho cha chồng và nói: "Có canh thịt ngon, cha ăn được không?", cha chồng nghe rồi liền suy nghĩ: "Chúng nó nấu canh thịt cho ta ăn, phải chăng muốn giết ta", lại nghĩ: "Ta nay già yếu, mắt mờ lại nhiều bịnh tật, không có ai một bên săn sóc giúp đỡ, có phải chúng muốn giết ta hay không ta cũng phải ăn", nghĩ rồi liền nói muốn ăn. Khi ăn canh xong, do khí rắn trong canh làm cho màng mắt của ông tiêu dần khiến ông nhìn thấy được mọi vật, nhưng ông nói dối là không ổn. Các con dâu nghe rồi muốn ông mau chết, liền hỏi: "Cha có muốn ăn nữa không?", nói rồi múc đưa thêm cho ông ăn, ông ăn thêm mắt càng thêm sáng, thấy rõ được mọi vật nhưng dối là không ổn, nằm vùi không dậy. Các con dâu cho rằng cha chồng không ổn thật nên không ngại cùng người ngoài làm việc phi pháp, người cha chồng cầm gậy đến trước họ nói rằng: "Ta nay mắt đã thấy rõ như trước, các ngươi không được làm việc tồi bại này trước mặt ta", các con dâu hổ thẹn nín thinh.

Này các Bí-sô, người cha Bà-la-môn xưa kia chính là Ngu-lộ, mười hai người con dâu chính là chúng mười hai Bí-sô ni. Xưa kia muốn hại mạng sống của người cha chồng lại trở thành đại lợi; ngày nay muốn làm sỉ nhục lại trở thành hiển dương Thánh đức". Các Bí-sô vẫn còn nghi thỉnh hỏi: "Thế tôn, cụ thọ Ngu-lộ trước kia tạo nghiệp gì nay được làm thân người hết sức ngu độn như vậy?", Phật nói: "Bí-sô Ngu-lộ này với nghiệp đã tạo theo thời gian tăng trưởng nay chín muồi thành quả báo hiện tiền. Này các Bí-sô, tất cả loài hữu tình với quả báo thiện ác do nghiệp tạo ra chẳng phải là địa thủy hỏa phong ngoài giới làm cho thành thục; mà ở ngay trong uẩn xứ giới của tự thân làm cho thành thục", liền nói kệ:

"Dầu khiến trải trăm kiếp, Nghiệp đã làm không mất, Khi hội đủ nhân duyên, Tự chiêu lấy quả báo".

Quá khứ lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp-ba ra đời đủ mười hiệu: Như lai, Ứng chánh đẳng giác, Minh-hạnh-túc, Thiện-thệ, Thế-gian-giải, Vô-thượng-sĩ, Điều-ngự-trượng-phu, Thiên-nhơn-sư, Phật, Bạc-già-phạm. Chúng đệ tử Thanh văn có hai vạn người đều ở nước Ba-la-nê-tư, Ngu-lộ là một trong số chúng kia, lão thông ba tạng, là bậc đại pháp sư, nhưng do tánh xển pháp không dạy cho người dù là một bài kệ bốn câu. Sau khi mạng chung sanh lên thiên cung, hết phước trở xuống làm người sanh trong nhà đồ tể, lớn lên sống với nghề mổ heo. Bên thôn xóm này cách bên thôn xóm kia một con sông, bên thôn xóm đó sắp đến ngày tiết hội, người mổ heo này suy nghĩ: "Nếu ta làm thịt nhiều con heo đem qua đó bán, nếu bán không hết, thịt bị ôi sẽ lỗ vốn. Ta nên chở heo qua đó, đến ngày tiết hội mới giết lấy thịt bán, như vậy không có tổn thất lại còn thu nhiều lợi". Nghĩ rồi liền cột heo bỏ lên thuyền chở qua bên thôn xóm kia, heo ở trên thuyền chen lấn nhau làm cho thuyền tròng trành mất thăng bằng nên cả người và heo đều rơi xuống nước, tất cả heo đều bị chết chìm còn người mổ heo thì trôi theo dòng nước. Lúc đó ở bên sông trong một khu rừng có năm trăm vị Độc giác nương ở, một vị ra bờ sông lấy nước thấy có một người theo dòng nước trôi xuống không biết là chết hay sống. Vị Độc giác này duỗi cánh tay hữu ra như cái vòi voi kéo người ấy vào bờ đến trên bãi cát khô để úp mặt xuống rồi đi. Người nay sau khi ói mửa hết nước trong bụng ra bèn đứng dậy ngó bốn phía thấy có dấu chân người, liền lần theo dấu chân đi đến chỗ vị Độc giác đảnh lễ và xin nương ở. Hằng ngày người này hái rau trái cung cấp cho các vị Độc giác, các vị Độc giác cũng bớt phần ăn của mình cho người ấy. Nếp sống của các vị Độc giác mười một kiết già tĩnh lự nên người này cũng ngồi kiết già theo, siêng năng tu niệm không bao lâu sau chứng được định Vô tưởng, sau khi mạng chung

sanh lên cõi trời Vô tưởng, hết tuổi thọ sanh trở lại làm người.

Này các Bí-sô, người đồ tể xưa kia chính là Bí-sô Ngu-lộ, do xưa kia xẻn pháp cho đến bốn câu kệ cũng không giảng nói cho người nghe, kiếp sống kế tiếp lại giết nhiều súc sanh sau đó lại sanh lên cõi trời Vô tưởng, do nghiệp duyên kia nên ngày nay hết sức ngu độn. Cho nên các Bí-sô chớ nên xẻn pháp, phải đem tâm thanh tịnh giảng nói chánh pháp, đối với các hữu tình thường sanh tâm từ mẫn, xa lìa tà định, nên học như thế."

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 32

Học Xứ Thứ Hai Mươi Mốt: ***TĂNG KHÔNG SAI VỘI GIÁO THỌ BÍ SÔ NI*** *(Tiếp Theo)*

Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi thỉnh hỏi Thế tôn: "Thế tôn, tại sao Bí-sô Ngu-lộ chỉ nhơn một ít giáo giới tự phát chánh cần, mau chóng ra khỏi sanh tử chứng được cứu cánh Niết-bàn?", Phật nói: "Này các Bí-sô, chẳng phải ngày nay Bí-sô Ngu-lộ chỉ nhơn một ít giáo giới mà được chứng ngộ, trong đời quá khứ cũng đã nhơn một lời dạy bảo tự phát chánh cần trở thành một người giàu có sống trong an lạc. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa trong một thôn xóm nọ có một trưởng giả giàu có, cưới vợ không bao lâu sau sanh được một đứa con trai…, trưởng giả nói với vợ:" Chúng ta nay có con chi dùng sẽ nhiều hơn trước, ta muốn vào trong biển cả tìm cầu châu báu", người vợ đồng ý, trưởng giả suy nghĩ: "Nếu ta để lại nhiều tiền bạc sợ vợ ta tiêu xài phung phí làm điều phi pháp". Do suy nghĩ như vậy nên ông chỉ để lại ít tiền bạc rồi đem số của cải còn lại gởi cho một thương chủ là bạn tri thức và dặn dò: "Tôi nay ra biển tìm cầu châu báu chưa biết được ngày trở về, nếu vợ tôi ở nhà có thiếu thốn về cơm áo thì bạn hãy lấy số tiền này trợ cấp". Không ngờ lần ra biển này gặp bão nhận chìm thuyền nên trưởng giả không thể trở về được nữa, vị thương chủ kia cũng quên lời dặn dò trước lúc ra đi của trưởng giả nên lúc vợ của trưởng giả gặp khó khăn phải nhờ thân tộc giúp đỡ và tự kiếm sống để nuôi con khôn lớn. Đến khi khôn lớn đứa con hỏi mẹ: "Tổ phụ của con trước kia làm nghề gì?", người mẹ nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu ta nói tổ phụ là thương chủ đã đi ra biển tìm cầu châu báu thì nó cũng sẽ đi ra biển giống như cha nó không thể trở về, ta sẽ phải cô khổ nữa", nghĩ rồi liền nói với con: "Tổ phụ của con là thương buôn", người con nói: "Mẹ hãy cho con tiền để con ra buôn bán", người mẹ nói: "Mẹ làm gì có tiền, cũng không có tư trang gì để toại sở cầu của con, nhưng mẹ biết cha con có một người bạn tri thức là một thương chủ, con hãy đến đó tìm cầu tài vật rồi tùy ý kinh doanh". Người

con nghe lời mẹ đến chỗ thương chủ gặp lúc đó nhà của thương chủ có người lấy tiền khiến ông ba lần mất lời nên ông đang giận dữ quở trách, người con trai này không thể xin vào gặp được còn đứng bên ngoài, thấy đứa tớ gái từ trong nhà mang con chuột chết ra ngoài vất bỏ, lúc đó thương chủ liền nói với người lấy tiền: "Ngươi nên biết, người biết tính toán cầu lợi trên thế gian này có thể nhơn một con chuột chết mà đứa tớ gái vừa đem vất bỏ, làm cho sản nghiệp được hưng thịnh". Người con trai này đứng bên ngoài nghe được lời nói này liền suy nghĩ: "Nếu lời thương chủ là không hư dối thì có thể nhơn con chuột chết này làm cho sản nghiệp được hưng thịnh cũng nên", nghĩ rồi liền lượm lại con chuột chết mà đứa tớ gái vừa vất bỏ đem ra chợ, thấy có một con mèo đói bị cột vào cây cột liền đưa con chuột chết đến trước mặt con mèo, con mèo liền nhảy nhót kêu lên, người chủ của con mèo nói: "Cậu hãy đưa con chuột cho con mèo", người con trai này nói: "Há dùng một lời nói mà đổi được vật của người khác ư, ông nếu trả tiền tôi sẽ đưa con chuột", người chủ con mèo bèn đưa bát đậu để đổi lấy con chuột chết cho con mèo. Người con trai đem bát đậu rang chín rồi suy nghĩ: "Nếu ta ăn hết thì vẫn hoàn tay trắng", nghĩ rồi liền cầm bọc đậu rang và một bình nước đi ra ngoài thôn đến chỗ những người đốn củi thường nghỉ chân đợi họ trở về mời họ ăn đậu rang và uống nước, họ hỏi: "Em muốn đi đâu?", đáp: "Muốn đi lượm củi", mọi người nói: "Chúng tôi sáng sớm ra khỏi thành giờ này mới trở về, nếu giờ này em đi thì vất vả mà không được gì, thôi thì chúng tôi trích bớt một ít củi đền đáp số đậu rang của em". Người con trai nhận lấy số củi này mang ra chợ bán được ít tiền, mua lại đậu đem rang rồi mang theo bình nước đến chỗ hôm trước đợi những người đốn củi trở về, cứ như thế mỗi ngày dần dần người con trai này kiếm được một số tiền, lúc đó chàng trai này nói với những người đốn củi: "Các anh đốn được củi không cần gánh ra chợ nên gánh vào nhà tôi, tôi sẽ trả tiền một lần cho các anh". Những người đốn củi bằng lòng việc mua bán này, thời gian sau gặp lúc trời mưa liên tiếp bảy ngày, củi hút nên lên giá cao, chàng trai được lời to liền suy nghĩ: "Ta tuy kiếm lời được nhiều nhưng đây không phải là việc làm lâu dài, vì người bán củi bị người khác coi thường". Với số tiền kiếm được chàng trai liền mở một cửa hàng nhỏ bán tạp hóa, lợi nhuận ngày một nhiều hơn, sau đó chàng trai đổi thành cửa hàng bán hương, lợi nhuận tăng gấp bội, chàng trai lại đổi sang mua bán vàng lợi tức càng nhiều thêm dần dần lấn áp các cửa hiệu khác khiến các thương buôn ganh ghét ban cho danh hiệu là chủ tiệm vàng con chuột, họ bàn tính với nhau: "Chủ tiệm vàng con chuột này lấn áp các cửa hiệu của chúng ta, chúng ta nên đến khiêu khích ông ta vào biển tìm châu báu

khiến cho ông ta bị chết chìm trong biển không thể trở về". Các thương buôn cùng đến chỗ chủ tiệm vàng con chuột bàn tán cố ý cho chàng trai nghe thấy: "Trên thế gian này nhà nào không có con kế thừa thì sản nghiệp ngày một lụn bại, ví như có người trước kia cởi voi sau lại cởi ngựa, bỏ ngựa lại đi xe đẩy, sau đó bỏ xe đẩy đi bộ. Ông chủ tiệm vàng con chuột này cũng vậy, tổ phụ là thương chủ ra biển tìm cầu châu báu mà người con lại bắt đầu từ bán đậu rang kế bán củi, sau đó mở cửa hàng nhỏ buôn bán cho đến cửa tiệm vàng vất vả kiếm sống". Chàng trai nghe được những lời này liền về nhà hỏi mẹ: "Có phải tổ phụ của con là một thương chủ đã từng vào biển cả tìm cầu châu báu không hả mẹ?", người mẹ nghe rồi liền suy nghĩ: "Chắc là con ta nghe người khác nói cho biết, ta nay không nên lừa dối nó nữa", nghĩ rồi liền nói sự thật cho con nghe, chàng trai nghe rồi liền muốn vào biển tìm châu báu như cha nhưng người mẹ không cho, thời gian sau lại xin mẹ cho phép đi ra biển, người mẹ biết ý con đã quyết định không thể ngăn cản được bèn đồng ý cho con ra biển. Chàng trai liền ra thông cáo khắp trong thành ấp: "Nếu ai muốn cùng vào biển tìm cầu châu báu với chủ tiệm vàng con chuột thì sẽ khỏi đóng thuế và trở về an ổn. Ai muốn đi thì chuẩn bị đầy đủ hành lý và hàng hóa đợi ngày lên đường". Lúc đó có năm trăm thương nhơn muốn tháp tùng theo, chàng trai thương chủ vào ngày giờ tốt cùng đoàn thương nhơn vận chuyển hàng hóa ra cửa biển để lên thuyền, đến nơi thấy biển mênh mông họ đâm lo sợ thối chí muốn trở về, thương chủ thấy vậy liền nói với thuyền trưởng: "Ông hãy đem sự thật nói cho mọi người biết châu báu trong biển cả nhiều như thế nào", thuyền trưởng liền nói với mọi người: "Mọi người hãy lắng nghe, trong biển cả này có rất nhiều châu báu như Ma ni, Chơn châu, Lưu ly, San hô… không phải một loại. Các vị nếu vào biển tìm được những châu báu này thì thọ hưởng trọn đời, cha mẹ vợ con thân tộc không còn cực khổ nữa, lại còn có thể cúng dường sa môn, Bà-la-môn để được sanh vào đường lành, quả báo tùy theo ý muốn hoặc được sanh lên cõi trời thọ phước lạc… Nếu ai ưa thích những điều trên thì hãy lên thuyền cùng chúng tôi vào biển cả". Thường tình hễ nghe nói được giàu sang thì ai cũng vui thích nên toàn bộ các thương nhân đều bước lên thuyền. Thấy người đông thuyền nặng thương chủ liền suy nghĩ: "Đã khuyên lên thuyền làm sao khiến họ xuống bớt", nghĩ rồi liền nói với thuyền trưởng: "Ông nay nên nói qua việc họa hoạn trong biển cả", thuyền trưởng liền nói với mọi người: "Các vị lắng nghe, trong biển cả lại có đại khủng bố như đại ngư Ma kiệt có thể nuốt cả chiếc thuyền, nếu gặp sóng to gió bão đánh gãy cột buồm, lật úp chiếc thuyền xuống biển; còn có hải tặc có thể đến đánh cướp thuyền giết người

cướp của… khiến chúng ta không thể trở về gặp lại cha mẹ tôn thân… Các vị hãy suy nghĩ lại". Số người thiếu dũng khí khiếp nhược nghe rồi vội vả xuống thuyền nên thuyền được nhẹ bớt, thuyền trưởng ra lịnh nhổ neo, thuyền thuận buồm xuôi gió lướt sóng như mây bay, không bao lâu sau đến được bảo châu an ổn. Thuyền trưởng nói với mọi người: "Trên bảo châu này lưu ly giả cùng lưu ly thật giống nhau, các vị nên xem xét kỹ rồi hãy lấy đừng để trở về bổn xứ phải hối hận. Lại nữa trên bảo châu này có loài La-sát Minh hạc khi gặp người sẽ phương tiện nói lời im dịu mê hoặc lòng người làm cho các vị mất mạng. Lại nữa trên bảo châu này có loại trái ăn sẽ bị say suốt trong bảy ngày không thể tỉnh dậy, các vị nên cẩn thận đề phòng. Lại nữa trên bảo châu này có loài phi nhơn nương ở, trong bảy ngày đầu cho chúng ta tùy ý nhưng sau bảy ngày sẽ nổi gió to phá hủy thương thuyền". Mọi người nghe rồi đều cảnh giác đề phòng, sau khi lấy được nhiều châu báu chất lên thuyền, thuyền trưởng cho nhổ neo trở về bổn xứ. Thuyền chủ ra biển tìm châu báu như vậy đến bảy lần thảy đều an ổn trở về, một hôm người mẹ bảo con: "Con nay nên cưới vợ để ổn định gia nghiệp", người con nói: "Đợi con trả nợ xong sẽ làm theo ý mẹ", người mẹ hỏi: "Tổ phụ con trước kia đâu có mắc nợ ai, vì sao con lại nói đợi con trả hết nợ?", người con nói: "Con tự biết có". Sau đó chàng trai này đem tứ bảo làm thành bốn con chuột rồi dùng mâm bằng bạc đựng đầy lúa bằng vàng, cuối cùng đặt bốn con chuột tứ bảo lên trên bưng tới nhà thương chủ mà mình đã đến trước kia. Lúc đó vị thương chủ này đang cùng nhiều người bạn nói về ông chủ tiệm vàng con chuột: "Các vị biết không, ông chủ tiệm vàng con chuột này có đại phước đức, ngói đá đến với ông ta đều thành vàng bạc…", vừa nói đến đó thì người giữ cửa bước vào báo là có ông chủ tiệm vàng con chuột xin được gặp. Thương chủ bảo mời vào, chàng trai bưng mâm bạc đựng lúa vàng với bốn con chuột tứ bảo đến trước mặt thương chủ nói: "Đây là con chuột gốc của thương chủ và lợi tức của nó, xin thương chủ nhận cho". Thương chủ nói: "Tôi không hề nhớ có cho ông vay tiền, cớ sao hôm nay nói là trả gốc lẫn lãi?", chàng trai nói: "Tôi tự nhớ rất rõ", nói rồi liền kể lại nhân duyên con chuột chết đem vất bỏ ở nhà thương chủ trước đó, thương chủ nghe rồi liền hỏi: "Cậu chính là con trai của trưởng giả phải không?", đáp phải, thương chủ nói: "Nếu cậu chính là con trai của người bạn cố tri thì tôi mới là người trả lại của cải cho cậu, đâu có chuyện cậu trả nợ cho tôi. Trước khi cha cậu đi ra biển có gởi một số của cải cho tôi… nay đã đến lúc tôi hoàn lại cho cậu". Sau đó thương chủ đem trưởng nữ của mình gả cho chàng trai làm vợ.

"Này các Bí-sô, thương chủ xưa kia chính là thân ta, ông chủ tiệm

vàng con chuột chính là Ngu-lộ. Xưa kia ta nói một câu liên quan tới con chuột chết làm nhơn giúp cho chàng trai trở thành người giàu có; ngày nay ta giáo thọ vài lời lại làm nhơn khiến Ngu-lộ tự siêng năng đoạn trừ phiền não, ra khỏi biển sanh tử, thành tựu quả thắng diệu, chứng cứu cánh Niết-bàn".

Thời gian sau có một đại Y vương ở thành Vương xá tên là Thị phược ca nghe biết cụ thọ Ngu-lộ là người hết sức ngu độn nhưng chưa biết cụ thọ này đã chứng Thánh quả, Y vương suy nghĩ: "Nếu Thế tôn đến đây ta sẽ thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực chỉ trừ cụ thọ Ngu-lộ". Lúc đó Thế tôn vì muốn hóa độ hữu tình nên từ thành Thất-la-phiệt du hành đến thành Vương xá trụ trong Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca. Y vương nghe tin này liền đến Trúc lâm đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật nói pháp yếu chỉ dạy được lợi hỉ rồi, Y vương liền bạch Phật: "Thế tôn, con xin thỉnh Thế tôn và tăng già sáng mai đến nhà con thọ thực", Thế tôn im lặng nhận lời, Y vương đảnh lễ rồi lui ra đến chỗ cụ thọ A-nan-đà bạch: "Đại đức, con vừa thỉnh Phật và tăng sáng mai đến nhà con thọ thực, trước oai đức của Phật con không dám nói là trừ cụ thọ Ngu-lộ", A-nan-đà nói: "Tùy tâm Y vương mà phước được tăng trưởng". Sau khi Y vương ra về, A-nan-đà đến chỗ Ngu-lộ nói: "Cụ thọ thông cảm, sáng mai Y vương thỉnh Phật và tăng đến nhà thọ thực nhưng nói chỉ trừ cụ thọ", Ngu-lộ nghe rồi liền nói: "Tùy tâm Y vương mà phước được tăng trưởng". Y vương trở về ngay trong đêm ấy chuẩn bị đầy đủ các món ăn thượng diệu để cúng dường, sáng ngày trải tòa để nước rửa chân rồi cho sứa giả đến báo là thời đến. Thế tôn sáng sớm đắp y mang bát cùng Đại chúng, trừ Ngu-lộ, đi đến nhà Y vương, sau khi an tọa rồi Phật bảo A-nan-đà chừa một chỗ ngồi cho Ngu-lộ. Lúc đó Y vương bưng bát vàng đựng nước tinh khiết mời Phật và tăng, nhưng Phật không chịu thọ dụng, Y vương bạch Phật: "Vì sao Thế tôn không thọ dụng nước uống này?", Phật nói: "Này Y vương, vì Tăng chưa có mặt đầy đủ", Y vương hỏi: "Hãy còn vị nào chưa đến?", Phật nói: "Bí-sô Ngu-lộ chưa đến", Y vương nói: "Con không có thỉnh mời vị ấy", Phật nói: "Này Y vương, há chẳng phải ông đã thỉnh ta và tăng đến thọ thực hay sao?", đáp: "Con đã thỉnh Phật và Tăng đến nhà con thọ thực", Phật nói: "Này Y vương, Bí-sô Ngu-lộ ở ngoài số Tăng chúng hay sao?", đáp: "Vị ấy không ở ngoài số Tăng chúng", Phật nói: "Vậy thì nên cho người đến mời Ngu-lộ" , Thị phược ca nghe rồi liền suy nghĩ: "Vì kính Phật nên ta sai người đến mời chứ không do tôn trọng mà cúng dường", nghĩ rồi liền bảo sứ giả đến Trúc lâm mời cụ thọ Ngu-lộ. Lúc đó Ngu-lộ trong Trúc lâm biết được ý nghĩ của Y vương liền hóa làm hai trăm năm mươi vị Bí-sô giống như Ngu-lộ, khi

sứ giả đến nơi mời Ngu-lộ thấy các Bí-sô này đều giống nhau không biết ai là Ngu-lộ liền trở về báo lại, Phật liền bảo sứ giả: "Ngươi trở lại đó nói rằng: vị nào là Ngu-lộ thật xin mời đến", sứ giả liền trở lại nói y theo lời Phật dạy. Lúc đó Ngu-lộ dùng thần thông đến nhà Y vương ngồi vào chỗ chừa cho mình. Thị phược ca thấy Ngu-lộ đến rồi liền dâng cúng thức ăn cho Phật và tăng nhưng đối với Ngu-lộ không có thành kính. Thế tôn suy nghĩ: "Đệ tử này của ta đức nặng như núi Diệu cao, Thị phược ca này ngu si tự làm thương tổn, ta nay nên hiển dương thắng đức của Ngu-lộ". Sau khi thọ thực xong, cụ thọ A-nan-đà muốn lấy bát của Phật đem rửa nhưng Phật không cho lấy. Thường pháp của Phật là nếu Phật ăn xong chưa thu bát thì các Bí-sô cũng không thu bát. Ngu-lộ thấy các Bí-sô ăn xong mà chưa thu bát liền quán biết Thế tôn muốn hiển bày thắng đức của mình nên di chuyển nửa chỗ ngồi, duỗi cánh tay ra như cái vòi voi đến chỗ Thế tôn thu lấy bát. Lúc đó Y vương đang đứng bên đức Phật nhìn thấy cánh tay duỗi dài như cái vòi voi thu lấy bát, liền đưa mắt nhìn theo để xem là thần thông của đại đức nào, khi biết đây là thần thông của Ngu-lộ Y vương liền ngất xỉu ngã xuống đất. Thân tộc rưới nước lên mặt giây lâu mới tỉnh, tỉnh rồi liền đến chỗ Ngu-lộ đảnh lễ ai cầu sám tạ, nói kệ:

"Cây Chiên đàn tánh hằng mát lạnh,
Hoa Ốt-bát-la thể ngát hương,
Mâm vàng thường phát ánh sáng diệu,
Phệ lưu ly thường sáng sạch,
Người tạo tội ác thường sân hại,
Như vẻ lên đá khó bôi xóa,
Thánh nhơn thường cùng chung diệu thiện,
Xin hãy thương xót tha thứ con".

Lúc đó Ngu-lộ nói với Y vương: "Tôi thường tu nhẫn đâu có tâm hận", sau đó Y vương đến chỗ Phật đảnh lễ rồi tiễn đưa Phật và Tăng ra về. Sau khi về đến trú xứ các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, nhân duyên gì Thị phược ca khi chưa biết cụ thọ Ngu-lộ có chơn thật đức thì không cung kính; biết rồi liền đảnh lễ ai cầu sám tạ?", Phật nói: "Không phải ngày nay mới có việc như vậy, xưa kia cũng đã xảy ra việc tương tợ như thế, các thầy khéo lắng nghe:

Thuở xưa có một vị vua tên là Phạm-ma-đạt-đa, lúc đó ở phương Bắc có một người buôn ngựa dẫn năm trăm thớt ngựa đi đến nước trung phương, trong số năm trăm con ngựa này có một con Thảo mã mang thai lại là Trí mã. Từ khi con Thảo mã mang thai Trí mã, cả bầy ngựa đều không hí nữa;

người buôn ngựa cho là cả bầy ngựa đều mắc bịnh nên không hí, đến khi con Thảo mã sanh ra Trí mã, cả bầy ngựa đều đứng xũ tai không dám khua động, người buôn ngựa cho là do sanh con ngựa con này nên có điều bất tường như vậy, nên đối với con ngựa con này không có thương mến. Người buôn ngựa đi về phương Nam dần dần đến ranh giới nước Trung phương, dừng lại ở một thôn xóm tên là Cung thị vì lúc này đang là mùa Hạ trời mưa, nếu tiếp tục đi bầy ngựa dễ bị sút móng, người buôn ngựa sợ bầy ngựa bịnh nặng thêm, gây tổn thất cho ông nên dừng ở đây một thời gian cho đến khi mãn mùa mưa. Khi mới đến ở được mọi người trong thôn biếu tặng món này món kia nên khi ra đi người buôn ngựa cũng biếu tặng lại mọi người trong thôn món này món kia. Lúc đó vợ của người thợ gốm bảo chồng đến tiễn đưa người buôn ngựa, mục đích để được biếu tặng lại vì trước đó người thọ gốm này có tặng người buôn ngựa một món bằng sứ. Để tiễn đưa người thợ gốm làm một cái ấn kiết tường bằng bùn nhuyễn đem tặng người buôn ngựa, người buôn ngựa nhận tặng vật rồi nói: "Rất tiếc ông đã đến trễ vì hàng hóa đã đưa đi trước rồi, hiện giờ tôi chị còn con ngựa con này nếu ông cần thì tùy ý dẫn nó đi", người thợ gốm nói: "Trong nhà tôi toàn là sản phẩm gốm, nếu đem con ngựa này về, nó chạy nhảy đạp bể hết thì sao, đối với tôi nó là con vật vô dụng". Con ngựa nghe rồi liền bước đến quỳ bên người thợ gốm liếm chân ông khiến ông sanh ái niệm đổi ý nhận lấy và dẫn nó về nhà. Về đến nhà người vợ hỏi được biếu tặng món gì, người thọ gốm chỉ con ngực con, người vợ nói: "Con ngựa này ư, nó sẽ đạp bể hết đồ gốm của chúng ta". Con ngựa nghe rồi liền bước tới liếm chân bà vợ khiến bà khởi tâm yêu mến nó, hằng ngày nó tới lui trong sân chỗ phơi đồ gốm nhưng không hề đụng bể cái nào, hai vợ chồng thợ gốm nói: "Con ngựa này thật dễ thương, đi trong chỗ phơi đồ gốm mà chẳng gây tổn thất gì". Khi người thợ gốm đi xa lấy đất về để làm đồ gốm thì con ngựa này theo sau, khi lấy đất xong nó khom lưng xuống cho người thợ gốm đặt lên rồi nó từ từ chở đất về nhà. Người chồng nói với vợ: "Con ngựa này thật dễ thương, nó thay tôi làm công việc nặng nhọc, bà nên thường lấy cám gạo trộn với cặn dầu mè cho nó ăn nhé". Lúc đó ở nước Ba-la-nê-tư, con Trí mã của vua Phạm-ma-đạt-đa bị bịnh chết, các nước Biên phương liền sai sứ đến uy hiếp vua: "Từ nay nhà vua phải nộp cống phẩm cho nước tôi, không nộp thì không được ra khỏi thành, nếu ra khỏi thành chúng tôi sẽ vây bắt", nhà vua nghe rồi nhưng không muốn nộp cống phẩm và cũng không dám ra khỏi thành. Khi nghe tin có người buôn ngựa dẫn năm trăm con ngựa vào trong nước của mình, vua liền bảo đại thần: "Lâu nay ta thường được thắng trận là nhờ có con trí mã, nay nó chết ta bị các nước

Biên phương khinh thị, nay ta tạm ẩn trong thành một thời gian, các khanh ra ngoại tìm cho ta một con Trí mã khác". Đại thần tuân lịnh vua cùng một người coi tướng ngựa đến chỗ người buôn ngựa để xem tướng ngựa, vừa nhìn thấy bầy ngựa người xem tướng ngựa liền biết bầy ngựa này đã bị một con Trí mã điều phục, nhưng tìm không ra con Trí mã đó. Khi nhìn thấy con Thảo mã mẹ, người xem tướng ngựa liền biết con ngựa này đã sanh được con Trí mã, liền hỏi người buôn ngựa: "Trong bầy ngựa của ông, ông có bán cho ai một con ngựa nào chăng?", người buôn ngựa nói: "Tôi chưa bán cho ai, nhưng có một con ngựa con tôi cho là điều bất thường nên đã đem cho người thợ gốm trong thôn xóm tên là Cung thị". Người xem tướng ngựa nói với đại thần: "Con ngựa con đó chính là con Trí mã, người buôn ngựa này không phân biệt được là tuấn mã nên đã đem vất bỏ đề hồ thượng vị". Đại thần liền trở về tâu vua, vua bảo đại thần cùng người xem tướng ngựa đến thôn Cung thị tìm nhà người thợ gốm, đến nơi vị đại thần hỏi thợ gốm: "Ông đang dùng con ngựa này vào việc gì?", đáp: "Dùng để chở đất", đại thần nói: "Tôi đem con lừa đổi cho ông được không?", đáp không được, đại thần nói: "Tôi đem một cổ xe với bốn con trâu đổi cho ông, ông có chịu không?", đáp: "Tôi yêu mến con ngựa này, xe và trâu đối với tôi vô dụng", đại thần nói: "Ông hãy suy nghĩ lại, ngày mai chúng tôi đến nữa", nói xong liền cáo từ. Thời đó con ngựa có thể nói được tiếng người, sau khi các quan ra về, con ngựa hỏi chủ: "Họ đã nói gì với ông?", người thợ gốm nói: "Họ muốn đổi lấy mầy", con ngựa nói: "Sao ông không chịu đổi, ông không nên có ý nghĩ giữ tôi lại để chở đất cho ông. Nếu có vị vua dòng Sát-đế-lợi thọ ngôi quán đảnh, tôi sẽ chở vị ấy trên lưng. Nếu ngày mai họ đến hỏi nữa thì ông nên đòi một ức vàng hoặc có thể đựng vàng trong một cái bao cột vào chân tôi để tôi kéo đi cho đến khi nào tôi kéo không nổi thì ông mới chịu đổi". Ngày mai các quan lại đến, người thợ gốm nói y theo lời Trí mã dặn, người xem tướng ngựa nói với đại thần: "Người thợ gốm này ngây ngô đâu biết là ngựa này là Trí mã, chỉ là con Trí mã này muốn báo ân chủ nên đã dạy ông ta nói như thế. Ta nên trả cho ông ta một ức vàng vì sức của Trí mã có thể kéo bao vàng gấp bội một ức". Đại thần liền sai sứ về tâu vua đã tìm được trí mã với giá một ức vàng, vua liền đưa cho sứ giả một ức vàng mang đến đó đổi lấy con trí mã. Trí mã về đến nước Ba-la-nê-tư được đưa vào chuồng bậc nhất ăn toàn bằng lúa mạch và cỏ non nhưng Trí mã không chịu ăn. Nhà vua đến xem thấy trí mã không ăn hỏi người chăm sóc ngựa: "Có phải Trí mã bị bịnh không?", người chăm sóc ngựa nói: "Trí mã thật không có bịnh", liền nói kệ hỏi trí mã:

"Ngươi há không nhớ nơi lò gốm, Lúa mạch, cỏ non thường thiếu

thốn, Thân thể ốm gầy da bọc xương,

Đói lòng ra đồng ăn lúa mạ, Ngày đêm theo ý ông thợ gốm,

Thân thường chở đất bị khốn nhục, Nay được quốc vương cởi đi đầu, Cớ sao không ăn lại ưu sầu".

Trí mã bất nhẫn nói kệ đáp:
"Chân tôi khỏe, lòng tôi kiêu dũng,
Trí huệ xét rõ không các lỗi,
Tôi có thắng đức ông đều biết,
Nhưng sao mọi người lại khinh mạn,
Là thiện hay ác chỉ ông biết,
Phép xưa sao không tuân hành theo,
Nay tôi không ăn cam chịu chết,
Sống làm chi bị người coi thường,
Ngay cả kẻ ngu cũng khinh thường,
Tôi vốn không sanh tâm lo buồn,
Nhưng khi thấy ông rẻ rúng tôi,
Tôi mới ưu sầu không thiết sống".

Người chăm sóc ngựa nghe rồi tâu với vua: "Nay Đại vương nên dùng theo pháp của Tiên nhơn ngày xưa để đối xử Trí mã, nếu không Trí mã không chịu ăn", vua hỏi: "Pháp của Tiên nhơn ngày xưa như thế nào?", người chăm sóc ngựa nói: "Cách thành ba trạm tu sửa đường sá với phướn lọng trang nghiêm, Đại vương dẫn bốn binh ra nghinh đón. Chỗ ở của Trí mã phải dùng lá đồng đỏ lót trên mặt đất, Đông cung thái tử cầm lọng vàng che phía trên, trưởng nữ của Đại vương cầm phất trần bằng kim bảo đuổi muỗi mòng, Quốc đại phu nhơn ướp mật vào gạo thơm đựng trong mâm vàng bưng đến cho Trí mã ăn, Đệ nhất đại thần cầm cái sàng bằng vàng để hứng phân". Vua nói: "Nếu theo nghi thức đó e rằng không ổn", người chăm sóc ngựa nói: "Nghi thức này chỉ có trong bảy ngày mà thôi". Vua hạ lịnh y theo nghi thức ấy mà làm, Trí mã bèn ăn uống, người chăm sóc ngựa nói kệ:

"Đại vương đối với ngươi,
Cung cấp theo ý muốn,
Nay ngươi được vừa ý,
Phải tận tâm với vua".

Trí mã nói: "Tôi sẽ nghe theo lời ông". Lúc đó nhà vua muốn đến vườn uyển, các quan dùng vật báu thù diệu làm yên cương hết sức trang nghiêm, Trí mã thấy vua sắp ngự liền khom lưng xuống, nhà vua cho rằng

trí mã đau lưng, người chăm sóc ngựa nói: "Trí mã sợ vua khó lên yên nên khom lưng xuống". Vua ngự trên ngựa đi đến bên sông thì Trí mã không chịu đi tới, vua cho là ngựa sợ nước, người chăm sóc ngựa nói: "Trí mã sợ ướt thân vua nên không tiến tới", nói rồi liền bao bọc đuôi ngựa lại, ngựa mới chịu tiến qua sông. Nhà vua vào trong vườn Uyển hưởng hoan lạc trong nhiều ngày, các nước biên cương nghe tin này liền kéo binh đến vây thành, nhà vua bèn cỡi Trí mã đi cửa sau để vào thành. Trên đường vào thành có cái ao lớn tên là Diệu phạm, trong ao có nhiều loại sen che phủ mặt ao, Trí mã khi đến bên ao, chân đạp trên hoa sen đi qua để vào thành. Giặc bên ngoài nghe biết liền bỏ chạy tứ tán, vua vui mừng bảo quần thần: "Nếu ai cứu được mạng sống của vua quán đảnh dòng Sát-đế-lợi thì người ấy phải được đền ơn xứng đáng. Nay ta cho mở hội Vô già phi thời để ăn mừng". Các quan tuân lịnh cho mở đại hội Vô già phi thời, lúc đó người buôn ngựa nghe biết tin này liền suy nghĩ: "Có thật con ngựa con đó chính là trí mã hay không, ta nên đến xem thử", nghĩ rồi liền đi đến chỗ Trí mã, Trí mã thấy người buôn ngựa liền hỏi: "Ông bán hết cả bầy ngựa được bao nhiêu, một mình tôi dùng một ức vàng để trả ơn người thợ gốm", người buôn ngựa nghe rồi liền ngất xỉu, mọi người rưới nước vào mặt giây lâu mới tỉnh, tỉnh rồi liền bước tới ôm chân Trí mã, sau đó buồn bã ra về.

Này các Bí-sô, người buôn ngựa xưa kia chính là Y vương Thị phược ca, Trí mã chính là Bí-sô Ngu-lộ. Người buôn ngựa xưa kia khi chưa biết thắng đức Trí mã bèn coi thường, sau khi biết được thắng đức mới ăn năn; ngày nay Thị phược ca khi chưa biết thắng đức của Ngu-lộ bèn kiêu mạn, khi biết được thắng đức liền hối hận sám tạ. Cho nên phàm phu không có mắt huệ thì không nên vội sanh tâm khinh mạn người khác; người trí nên dùng mắt huệ tùy chỗ quán xét, các thầy nên học như thế".

Học Xứ Thứ Hai Mươi Hai: ***GIÁO THỌ BÍ SÔ NI ĐẾN CHIỀU TỐI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật bảo cụ thọ Nan-đạc-ca thuyết pháp giáo thọ Bí-sô ni. Cho nên Bí-sô ni Liên-hoa-sắc cùng năm trăm đồ chúng đến chỗ cụ thọ Nan-đạc-ca đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe thuyết diệu pháp. Do Nan-đạc-ca dùng cú nghĩa viên mãn kheo thuyết giảng nên ni chúng nghe quên cả thời gian, mãi đến chiều tối mới trở về thì cửa thành đã đóng, chư ni kêu mở cửa, người giữ cửa thành nói: "Thành đã đóng rồi", chư ni nói: "Cha ngươi là người kính tín, ngươi nên mở cửa cho chúng ta vào thành", người giữ cửa thành nói: "Tôi đã giao chìa khóa cho người của nhà vua rồi nên không thể mở

được". Chư ni không vào thành được đành phải vào trong rừng Không viên nghỉ qua đêm, lúc đó chư ni phân chia chỗ nghỉ, đây là chỗ của thánh giả, kia là chỗ của Thánh giả nên gây ra tiếng khiến cho năm trăm tên cướp ở ngoài bìa rừng nghe được. Chúng bàn với nhau: "Chúng ta khoan hãy vào thành trộm cướp, nên trộm cướp của mấy cung nhơn già này trước". Lúc đó Liên-hoa-sắc quán biết có giặc cướp, không muốn cho chúng cướp đoạt tài vật của các vị đồng phạm hạnh nên dùng thần lực hóa làm quân binh của Tỳ-lô-trạch gia nổi chiên trông khắp bốn phía khiến cho bọn giặc hoảng sợ bỏ chạy. Trời vừa sáng chư ni liền vào thành, các Bà-la-môn cư sĩ trông thấy liền chê trách: "Sa môn Thích tử tu tịnh hạnh mà nam nữ ở chung, chư ni sáng sớm mới vào thành". Các Bí-sô thiểu dục nghe biết liền bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô tuy được chúng sai giáo thọ Bí-sô ni, đến mặt trời lăn mà vẫn còn giáo thọ thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Nan-đạc-ca. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Chiều tối tưởng là chiều tối và nghi đều phạm Đọa. Chưa chiều tối tưởng là chiều tối và nghi thì phạm Ác-tác. Không phải chiều tối tưởng không phải chiều tối hoặc tuy chiều tối mà tưởng là không phải chiều tối thì không phạm. Suốt đêm nói pháp, cửa chùa gần nhau, cửa thành không đóng thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Lúc đó các Bí-sô thỉnh hỏi Phật: "Tại sao ni Liên-hoa-sắc giúp cho năm trăm ni thoát khỏi nạn giặc cướp?", Phật nói: "Không phải chỉ ngày nay ni Liên-hoa-sắc giúp ni chúng thoát nạn mà đời qua khứ cũng đã giúp như thế, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa có một thương chủ ở trong một thôn xóm cưới vợ chưa bao lâu thì nói với vợ là muốn đến phương khác buôn bán cầu tài lợi, người vợ muốn cùng đi, người chồng nói: "Đường sá xa xôi nhiều hiểm nạn đâu thể giúp nhau, em nên ở nhà", người vợ khóc lóc đòi đi, người bạn đồng hành liền khuyên người chồng nên cho đi cùng, người chồng đành phải cho người vợ đi cùng. Trên đường đi khi dừng nghỉ trên núi, mọi người đều ngủ say chỉ có người vợ thương chủ còn thức. Lúc đó có sư tử đến, người vợ này cầm đuốc lửa quay vòng để xua đuổi sư tử, trên không trung chư thiên nói kệ:

"Chưa chắc các sự nghiệp,

Nam tử đều làm được,
Tuy là thân nữ nhơn,
Có trí đuổi sư tử".

Này các Bí-sô, người vợ thương chủ xưa kia chính là ni Liên-hoa-sắc trong đêm đã cứu đoàn thương buôn thoát nạn sư tử; ngày nay cũng trong đêm xua đuổi bọn cướp cứu thoát chư ni".

Học Xứ Thứ Hai Mươi Ba: ***HỦY BÁNG NGƯỜI KHÁC VÌ THỨC ĂN NÊN GIÁO THỌ BÍ SÔ NI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật bảo Nan-đạc-ca thuyết pháp giáo thọ Bí-sô ni cho nên Đại thế chủ dẫn năm trăm đồ chúng đến chỗ Nan-đạc-ca đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe pháp. Nan-đạc-ca dùng âm thanh vi diệu trình bày cú nghĩa nhưng nhiều vị ni thiểu trí không hiểu được, vì sợ nên không dám hỏi. Đại thế chủ cùng chư ni nghe pháp xong đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Đại thế chủ bạch Phật: "Chúng con vừa ở chỗ cụ thọ Nan-đạc-ca nghe pháp, tuy cụ thọ giảng cú nghĩa vi diệu nhưng có nhiều ni thiểu trí không hiểu được, vì sợ nên không dám hỏi. Như Phật đã dạy do bố thí nên được vô úy, nếu Thế tôn chấp thuận cho ni chúng cúng dường giáo thọ sư, chúng con sẽ tùy sức cúng dường". Phật nói: "Hãy tùy theo ý muốn của chư ni". Chư ni không biết cúng dường những gì, Phật nói: "Nên dùng năm thứ chánh thực hoặc năm thứ tước thực hoặc các vật cần dùng như dây lưng…". Lúc đó Lục chúng như thường lệ có một người đứng ngoài cửa ngõ, hôm đó Ô-ba-nan-đà đứng thấy Bí-sô ni đi đến liền hỏi: "Cô bưng cái gì đó?", đáp là bưng cháo sữa và thức ăn ngon, hỏi bưng cho ai, đáp là cho cụ thọ Nan-đạc-ca, Ô-ba-nan-đà nói: "Nếu tôi thường được cháo sữa và thức ăn ngon như thế, tôi sẽ thường giáo thọ ni chúng". Sau đó lại có Bí-sô khác mang bánh trái đến cũng nói là cho Nan-đạc-ca , Ô-ba-nan-đà nói: "Tôi cho là Nan-đạc-ca dùng tâm như pháp nói pháp cho ni chúng, không ngờ Nan-đạc-ca vì chút thức ăn mà giáo thọ ni chúng". Các Bí-sô thiểu dục nghe biết liền chê trách: "Tại sao Bí-sô lại nói vì thức ăn nên giáo thọ ni chúng", đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô nói với Bí-sô khác rằng: Thầy vì được cúng dường thức ăn nên giáo thọ Bí-sô ni thì phạm Ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô nói với Bí-sô khác rằng: Thầy vì thức ăn nên giáo thọ ni

chúng thì phạm Đọa. Nếu thấy Bí-sô thật vì thức ăn nên giáo thọ ni chúng mà nói thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Bốn: ***ĐEM Y CHO BÍ SÔ NI KHÔNG PHẢI BÀ CON***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, trong thành có hai vợ chồng trưởng giả sống với nhau đã lâu mà không có con, đến tuổi già suy bạn bè xa lánh, tài sản và các vật tư sanh cũng sắp cạn kiệt nên người chồng nói với vợ: "Nay tôi đã già không thể kiếm tiền được nữa, tôi muốn xuất gia", người vợ nói: "Tôi cũng muốn xuất gia". Sau đó hai người cùng đến chỗ Đại thế chủ đảnh lễ, người chồng bạch rằng: "Thánh giả, vợ tôi muốn ở trong pháp luật khéo thuyết giảng xuất gia thọ viên cụ", Đại thế chủ hỏi biết không có nạn duyên liền cho xuất gia và thọ viên cụ. Người chồng đến chỗ một Bí-sô trong rừng Thệ-đa cầu xuất gia, Bí-sô hỏi nạn duyên rồi liền cho xuất gia và thọ viên cụ. Người trong thành nghe biết hai vợ chồng trưởng giả đều xuất gia khen là hi hữu đều đem thức ăn, y phục, ngọa cụ… đến cúng dường. một hôm Bí-sô này mặc thượng phục đến thăm Bí-sô ni Cố nhị, ni này đảnh lễ rồi ngồi một bên, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn đại y của Bí-sô, Bí-sô hỏi: "Ý cô muốn được đại y này phải không?", đáp là muốn được, Bí-sô suy nghĩ: "Thật khó làm trái ý, ta cho rồi sẽ may lại cái khác", nghĩ rồi liền đem y cho ni Cố nhị. Lúc đó Thế tôn bổng bảo A-nan-đà: "Thầy đến thông báo cho các Bí-sô biết Như lai sắp du hành đến nước Ma-kiệt-đà, các vị nào muốn tùy tùng thì sửa soạn hành trang", A-nan-đà vâng lời Phật dạy đi thông báo. Thường pháp của chư Phật là khi sắp sửa lên đường, Thế tôn quay lại quan sát đại chúng y phục có nghiêm trang, oai nghi có tề chỉnh không, liền thấy Bí-sô trưởng giả không đắp đại y mà muốn theo Phật du hành, Thế tôn liền hỏi A-nan-đà, A-nan-đà liền đem sự việc trên bạch Phật, Phật hỏi: "Bí-sô đó đem y cho vị ni đó có phải là bà con không?", đáp là không phải bà con, Phật nói: "Nếu ni không phải là bà con thì không biết trù lượng Bí-sô có y hay không có y, được cho y liền nhận lây; nếu là ba con thì sẽ không làm như thế". Thế tôn do nhân duyên này quở trách Bí-sô trưởng giả rồi chế học xứ như sau: "Nếu lại có Bí-sô đem y cho Bí-sô ni không phải là bà con, trừ trao đổi, phạm Ba-dật-đề-ca". Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho người trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Ni không phải bà con khởi tưởng không phải bà con và nghi mà đem

y cho thì phạm Đọa. Nếu là bà con khởi tưởng không phải bà con và nghi mà đem y cho thì phạm Ác-tác. Nếu là bà con khởi tưởng bà con hoặc không phải bà con khởi tưởng là bà con đem y cho thì không phạm. Nếu ni gặp nạn duyên không có y mặc đem cho thì không phạm. Nếu vì nói pháp mến mộ đem y cho hoặc nhơn thọ giới mà cho hoặc mua cho hoặc trao đổi đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 33

Học Xứ Thứ Hai Mươi Lăm: ***MAY Y CHO BI SÔ NI KHÔNG PHẢI BÀ CON***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó năm y của Bí-sô ni Cấp-đa đều cũ rách, tuy có nhiều vải nhưng chưa may liền nghĩ không biết nhờ ai may, các Bí-sô ni khác hỏi liền nói ý nghĩ của mình, các ni nói: "Thánh giả Ô-đà-di là người quen biết sao cô không đem vải đến nhờ may", đáp: "Thánh giả là bậc tôn đức đâu thể may y cho tôi", các ni nói: "Hãy mang đến nhờ thử xem". Cấp-đa nghe lời mang vải đến chỗ Ô-đà-di đảnh lễ rồi ngồi một bên, Ô-đà-di thấy xấp bạch điệp trên tay liền hỏi: "Bạch điệp mới này nếu may thành y Tăng-già-chi hai lớp tùy thời thọ dụng, tu phẩm thiện sẽ càng tăng trưởng", Cấp-đa nói: "Vì đại y của tôi cũ rách nên đem bạch điệp này đến nhờ đại đức may giúp", Ô-đà-di nghe rồi liền suy nghĩ: "Nếu ta nhận may thì chúng mười hai Bí-sô ni sẽ cùng đến nhờ ta may, ta đâu thể lao nhọc vì họ. Nếu không nhận may thì Cấp-đa buồn giận, ta nhận may nhưng làm phương tiện gì khiến không thể trở lại nhờ ta may nữa", nghĩ rồi bảo cứ để đó, Cấp-đa để vải lại rồi ra về. Lúc đó Lục chúng đến thấy xấp bạch điệp liền hỏi của ai, đáp là của Cấp-đa nhờ may giúp, Lục chúng liền cùng giúp không bao lâu thì may xong đại y, Ô-đà-di mang đại y này đến chỗ kinh hành dùng chỉ năm sắc thêu thành hình hai nam nữ ôm nhau. Khi Cấp-đa đến hỏi, Ô-đà-di đưa y rồi nói với Cấp-đa: "Khi nào chưa nhuộm xong thì không được mở ra xem, mở xem là phạm tội". Cấp-đa mang y về, các đồng phạm hạnh bảo đưa ra xem, Cấp-đa không đưa cho xem và nói lại lời Ô-đà-di đã nói, một cô ni nghịch ngợm nghe nói vậy liền cưỡng đoạt lấy y mở ra xem, nhìn thấy thêu hình hai nam nữ ôm nhau liền cùng trêu chọc Cấp-đa, Đại thế chủ nghe biết liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này quở trách Ô-đà-di và chế học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô may y cho Bí-sô ni không phải là bà con, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di. Tướng phạm giống như trong giới trên.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Sáu: ***CÙNG ĐI VỚI BÍ SÔ NI CHUNG MỘT ĐƯỜNG***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng nói với nhau: "Các Hắc-bát dùng mở Di hầu thoa dưới chân nên đi đến đâu đều được lợi dưỡng và ái kính; chúng ta như ếch ngồi đáy giếng không có đi đây đó cũng không được lợi dưỡng và ái kính như họ", nói rồi sáng hôm sau cùng đến chỗ chúng mười hai Bí-sô ni từ giã nói là muốn du phương giáo hóa, các ni này nghe rồi đều buồn khóc, Ô-đà-di hỏi tại sao khóc, các ni nói: "Các thầy đi rồi vườn Cấp sẽ trống không", Ô-đà-di nói: "Trong vườn Cấp có đến trăm ngàn Thánh chúng sao các cô nói là trống không?", các ni nói: "Vì các Hắc-bát đều không ưa thích chúng tôi", Ô-đà-di nói: "Nếu vậy thì hãy cùng đi với chúng tôi", các ni nói: "Cùng đi chung một đường có sao không?", đáp: "Ai cản ngăn chứ, hãy chuẩn bị lương thực lên đường rồi cùng đi". Sáng hôm sau Lục chúng đắp y mang bát vào thành khất thực rồi đến chỗ chúng mười hai ni, các ni mời dùng tiểu thực, lục chúng ăn xong bảo các ni: "Các cô chuẩn bị lương thực đi đường như thế nào, đem ra cho chúng tôi xem", các ni nói: "Nãy giờ các Thánh giả đã ăn hết rồi", Lục chúng nói: "Lương thực đi đường chỉ làm có bấy nhiêu thì không đủ, phải làm nhiều hơn thế nữa", các ni nghe lời làm thức ăn nhiều hơn thế nữa. Lúc đó có một Bí-sô khất thực muốn cùng đi, các vị đồng phạm hạnh khuyên: "Họ đều là người ác hạnh, nếu đồng hành sẽ bị xúc não không nghi", liền đáp: "Tôi không học theo họ, cũng không cầu họ làm thầy y chỉ làm sao có thể xúc não được tôi", nói rồi cùng nhóm người này đồng hành. Lục chúng vừa ra khỏi giới liền nói với nhau: "Chúng ta đâu cần giữ vẻ mô phạm này nữa, nên tự do thoải mái thì hơn", nói rồi Nan-đà đi cùng Bí-sô ni Nan-đà, đệ tử của Nan-đà đi cùng đệ tử của ni Nan-đà… từng cặp đôi như vậy đi cùng đường. Các Bà-la-môn cư sĩ trông thấy liền nói: "đây là vợ của sa môn, đây là con trai, con gái… cùng thế tục có khác gì đâu", Ô-ba-nan-đà nghe được liền mắng: "Này Bà-la-môn ác khẩu, việc làm của chúng ta hợp pháp hay không thì can gì đến ngươi". Bí-sô khất thực nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta thật không nên đi cùng với những người ác hạnh này", nghĩ rồi liền quay trở lại rừng Thệ-đa , các Bí-sô thấy trở về liền hỏi thăm có an lạc không, liền đáp: "Không an lạc, họ làm những hạnh xấu làm tổn thương đến Phật pháp". Bí-sô khất thực đem sự việc trên kể lại, các Bí-sô thiểu dục nghe rồi chê trách, đem việc này bạch Phật, Phật

do nhân duyên này quở trách Lục chúng rồi chế học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô cùng đi chung một đường với Bí-sô ni, phạm Ba-dật-đề-ca".

Sau đó có nhiều Bí-sô ni ở thành Vương xá an cư ở chùa Vương Viên ba tháng xong muốn đến trong vườn Cấp-đảnh lễ Thế tôn nên tháp tùng theo đoàn thương buôn, nhưng khi thấy trong đoàn có Bí-sô, sợ phạm học xứ nên tìm đoàn thương buôn khác, không ngờ trong đoàn thương buôn nào cũng có Bí-sô nên bàn với nhau là đi theo sau đoàn thương buôn, đến chỗ hiểm nạn không theo kịp nên bị giặc cướp đoạt hết tài vật. Khi đến được trú xứ của ni ở thành Thất-la-phiệt, các ni thăm hỏi có an lạc không, liền đem sự việc trên kể lại cho các ni nghe rồi than thở: "Chín mươi sáu phái ngoại đạo còn rũ lòng thương người nữ, chỉ có Thế tôn là bỏ rơi chúng ta khiến chúng ta không nơi nương tựa mới bị giặc cướp". Các ni nghe rồi bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói trừ thời nhân duyên. Sau đó lại có nhiều Bí-sô tháp tùng theo đoàn thương buôn du hành thiếu thức ăn, Phật nói nên mang theo thức ăn đi đường, các Bí-sô không biết bảo ai mang, Phật nói nên bảo Cầu tịch, nếu không có cầu tịch thì Bí-sô thay nhau mang. Lại có nhiều Bí-sô khi du hành bị bịnh, các Bí-sô không bịnh bỏ họ ở lại rồi đi, Phật nói không nên bỏ ở lại, phải khiêng đi theo, Bí-sô sức yếu không khiêng nổi, Phật nói nếu có Bí-sô ni thì bảo cùng khiêng. Lúc đó Bí-sô khiêng đằng đầu, ni khiêng dằng chân bèn khởi nhiễm tâm, Phật nói Bí-sô nên khiêng đằng chân, ni khiêng đằng đầu. Khi đến một thôn xóm, tất cả đều lo cho người bịnh, không ai đi khất thực nên thức ăn thiếu thốn, Phật nói nên để một người ở lại nuôi bịnh, những người khác nên đi khất thực. Do các nhân duyên trên nên phật bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô cùng đi chung đường với Bí-sô ni trừ thời nhân duyên, phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Bí-sô ni là chỉ cho chúng mười hai ni. Thời nhân duyên là nếu có nạn duyên thì được cùng đi tháp tùng theo đoàn thương buôn, nếu không có đoàn thương buôn thì không được đi.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu có Bí-sô cùng Bí-sô ni cùng đi theo đoàn thương buôn quá nửa Câu-lô-xá đều phạm Ác-tác, một Câu-lô-xá trở lên đều phạm đọa. Nếu từ thôn xóm đến đồng trống hoặc từ đồng trống đến thôn xóm đều dựa theo dặm đường kể trên mà kết tội. Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Bảy: ***CÙNG BÍ SÔ NI ĐI CHUNG***

TRÊN MỘT THUYỀN

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt. duyên khởi giống như trong giới trên, Lục chúng cùng chúng mười hai ni đi chung trên một thuyền khiến mọi người chê trách, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật quở trách Lục chúng rồi chế học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô cùng Bí-sô ni đi chung một thuyền, phạm Ba-dật-đề-ca".

Sau đó cách vườn cấp không xa có một con sông tên là nan độ, bên kia sông có một thôn xóm, trong thôn này một trưởng giả phát tâm xây cất một ngôi chùa lớn muốn cúng cho Tăng, nên thiết trai thỉnh hai bộ tăng ni đến cúng dường. Lúc đó có một cô ni siêng tu phẩm thiện suy nghĩ: "Hôm nay không đi khất thực, ta nên tu phẩm thiện gần đến giờ hãy đến chỗ phó thỉnh". Khi gần đến giờ ra bờ sông muốn qua đò thì thấy có Bí-sô trên thuyền, sợ phạm học xứ nên ở lại chờ chuyến đò sau, không ngờ các chuyến đò sau đều có Bí-sô, cuối cùng không còn đò nào qua sông, cô ni thấy đã trễ giờ nên quay trở về chùa. Lúc đó thế lực của giờ ăn vẫn còn, cô ni tiếp tục tu phẩm thiện, đến khi thế lực của giờ ăn hết mới nằm xuống. Các ni thọ thực xong trở về thấy cô nằm liền nói: "Tham ăn chi cho quá no vừa về đến liền nằm", cô ni này nói: "Tôi không có đi phó thỉnh", các ni hỏi nguyên do liền đem sự việc trên kể lại, các ni bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô cùng đi chung thuyền với Bí-sô ni, hoặc xuôi dòng hoặc ngược dòng trừ đò ngang, phạm Ba-dật-đề-ca."

Xuôi dòng là xuôi xuống hạ lưu, ngược dòng là ngược về thượng lưu, đò ngang là từ bờ này qua thẳng bờ bên kia.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô cùng đi chung thuyền với ni tính theo xa gần kết tội giống như giới trên, không phạm cũng như giới trên.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Tám: ***MỘT MÌNH NGỒI Ở CHỖ KHUẤT VỚI NGƯỜI NỮ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-đà-di sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực rồi đến nhà cố nhị Cấp-đa. Cấp-đa từ xa thấy Ô-đà-di đến liền trải tòa mời ngồi, Cấp-đa ngồi đối diện, Ô-đà-di nói pháp, trong lúc nói pháp nhớ lại kỷ niệm xưa nên hỏi Cấp-đa: "Cô có nhớ trước kia ở tại ăn uống vui chơi như vậy như vậy không?, đáp là nhớ. Vừa lúc đó có Bí-sô khất thực đến trước cửa nhà,

Cấp-đa suy nghĩ: "Nếu ta đứng dậy trao thức ăn thì câu chuyện đứt đoạn", nghĩ rồi liền xua tay ý bảo đi chỗ khác, Ô-đà-di thấy xua tay liền nói: "Sao cô ở trước mặt tôi lại xua tay với người ngoài", Cấp-đa nói: "Đó là Bí-sô khất thực đến khất thực, tôi nghĩ… giống như đoạn văn trên, nên mới xua tay bảo đi chỗ khác". Ô-đà-di nói: "Tôi cũng thường đi đến nhà người khất thực, sao cô không làm phước bố thí cho người khất thực lai xua tay bảo đi chỗ khác". Cấp-đa nghe rồi liền kêu vị Bí-sô khất thực trở lại để cúng dường thức ăn, Bí-sô khất thực nhận thức ăn rồi đi. Khi Ô-đà-di trở về trú xứ, Bí-sô khất thực này nói với Ô-đà-di: "Hôm nay nhờ có đại đức mà tôi được cúng dường thức ăn ngon như thế", rồi hỏi: "Lúc đó đại đức ngồi cùng một chỗ với người nữ ấy hay sao?", đáp: "Đúng vậy", Bí-sô khất thực nói: "Ngồi chung một chỗ như vậy có hợp lý không?", đáp: "Hợp hay không thì tôi cũng đã làm rồi, đâu can gì đến thầy". Các Bí-sô thiểu dục nghe biết liền chê trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô một mình ngồi ở chỗ khuất với người nữ, phạm Ba-dật-đề-ca"

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di. Người nữ là chỉ cho người nữ có thể hành dâm. một mình là không có người thứ ba. Chỗ khuất là chỗ có vách che, có hàng rào ngăn và có vải màn che kín. Ngồi là ngồi trong phạm vi một tầm.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô một mình ở chỗ khuất ngồi với người nữ, không có người thứ ba thì phạm Đọa, nếu nơi đó có mở rộng cửa, có người qua lại trông thấy được thì không phạm. Không phạm nữa là ngươi phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai Mươi Chín: ***NGỒI Ở CHỖ KHUẤT KÍN CÙNG VỚI BÍ SÔ NI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Cấp-đa đã xuất gia tới phiên làm việc chúng nên ở lại trong chùa, còn các ni khác đều đắp y mang bát vào thành khất thực. Ô-đà-di khất thực xong liền đến trong chùa ni gặp Cấp-đa, Cấp-đa đang quét chùa thấy Ô-đà-di đến liền buông chổi bước đến chào hỏi, trong lúc hỏi chuyện Ô-đà-di liền nhớ lại kỷ niệm trước kia nên hỏi Cấp-đa có nhớ không giống như duyên khởi của giới trên, lúc đó có một ni bịnh ở trong chùa nhìn thấy không biết hai người nói chuyện gì mà nói lâu như vậy. Lúc đó Cấp-đa nói: "Thánh giả nên về, nếu chư ni về thấy tôi quét chưa xong sẽ khiển trách". Ô-đà-di đi không bao lâu sau các ni về đến thấy quét chùa chưa xong liền

quở quét sao lâu thế, vị ni bịnh liền đem sự việc trên kể lại, các ni nghe rồi quở trách Cấp-đa. Các Bí-sô nghe biết đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nay chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô một mình ở chỗ khuất kín ngồi cùng với Bí-sô ni, phạm Ba-dật-đề-ca". Tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Ba Mươi: ***BIẾT BÍ SÔ NI KHEN NGỢI MÀ ĐƯỢC THỨC ĂN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó cụ thọ Đại Ca-diếp-ba ở trong vườn phía Đông của thành nơi nhà Lộc tử mẫu, vào xế chiều cụ thọ từ cảnh tịnh đứng dậy đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật bảo cụ thọ Ca-diếp-ba: "Thầy nay tuổi già sức yếu, y phấn tảo quá nặng nên xả, hãy nghe ta nương ở trong chúng thọ biệt thỉnh thực và y của thí chủ cúng rồi cắt rọc may thành y, nhuộm cho hoại sắc rồi thọ trì". Cụ thọ vâng lời Phật dạy đảnh lễ rồi trở về. Trong thành có một trưởng giả nhiều đêm suy nghĩ: "Tôn giả Ca-diếp-ba là người xứng đáng được nhơn thiên cung kính cúng dường, ta phải vào lúc nào đó thỉnh tôn giả đến nhà thọ thực", do nghĩ như vậy nên khi nghe biết tôn giả vâng lời Phật dạy chịu nương ở trong chúng và thọ biệt thỉnh thực, trưởng giả liền đến chỗ tôn giả đảnh lễ rồi ngồi một bên, tôn giả nói pháp yếu cho trưởng giả nghe được lợi hỉ rồi, trưởng giả liền nghĩ: "Nếu ta chỉ thỉnh riêng tôn giả, có thể tôn giả không nhận lời, ta nên thỉnh bốn vị", nghĩ rồi liền chắp tay bạch: "Thánh giả, con xin thỉnh thánh giả cùng bốn vị đồng phạm hạnh ngày mai đến nhà con thọ thực", tôn giả im lặng nhận lời, trưởng giả biết tôn giả đã nhận lời liền đảnh lễ rồi ra về. Về đến nhà trưởng giả nói với vợ: "Tôi đã nhiều đêm suy nghĩ… giống như đoạn văn trên… đến nhà thọ thực. Vừa rồi tôi đã thỉnh được tôn giả và bốn vị sáng mai đến nhà thọ thực, hiền thủ nên chuẩn bị các món ăn thượng diệu để cúng dường", người vợ nghe rồi liền lo liệu đầy đủ. Sáng ngày trưởng giả suy nghĩ: "Trong ba tầng lầu nếu ta dọn ở tầng dưới thì sợ những người khất thực đến làm ồn náo, nếu dọn ở tầng trên thì sợ chim quạ bay đến làm nhơ bẩn, vậy ta nên dọn ở tầng giữa", chuẩn bị đâu đó xong xuôi liền cho sứ giả đến báo là thời đến. Tôn giả vào sáng sớm cùng bốn vị đồng phạm hạnh đi đến nhà trưởng giả lên trên tầng giữa ngồi vào chỗ ngồi. Lúc đó có Bí-sô ni Thổ la-nan-đà đến nhà trưởng giả khất thực gặp vợ của trưởng giả liền chú nguyện cho bà được diệu tướng, không bịnh sống lâu, vợ trưởng giả nói: "Thánh giả, hôm nay tôi rất bận không rảnh cho cô", Bí-sô ni hỏi bận việc gì, vợ trưởng giả nói:

"Hôm nay nhà tôi thiết thực cúng dường tôn giả Ca-diếp-ba và bốn vị đồng phạm hạnh, các vị đã đến rồi, cô hãy đi nơi khác", Bí-sô ni nghe rồi liền nói: "Thầy ấy là ngoại đạo xuất gia rất ngu độn, có nhiều vị thuộc dòng họ Thích ca xuất gia đầy đủ giới hạnh, là bậc đại pháp sư lão thông ba tạng biện tài vô ngại sao không thỉnh cúng dường mà lại thỉnh hạng người này". Tôn giả Ca-diếp-ba ngồi ở tầng trên nghe rồi liền suy nghĩ: "Không nên để cô ni này tạo nhiều nghiệp ác", nên tôn giả tằng hắng mấy tiếng vang lên như tiếng chuông. Bí-sô ni nghe Diệu-âm biết là Đại Ca-diếp-ba liền nói: "Thì ra bậc đại long tượng đã ở trong nhà". Trưởng giả nghe rồi liền suy nghĩ: "Vừa rồi nói là ngoại đạo xuất gia rất ngu độn, bây giờ lại nói là bậc đại long tượng", nghĩ rồi tức giận đi xuống lầu, Bí-sô ni nghe tiếng chân biết trưởng giả tức giận sẽ gây bất lợi cho mình nên vội bước ra khỏi nhà, trưởng giả nói vói theo: "Từ nay về sau đừng bước đến nhà tôi". Trưởng giả trở vào nhà tự tay dâng các món ăn thượng diệu cúng dường, tôn giả thọ thực xong, trưởng giả và vợ lấy ghế nhỏ ngồi một bên nghe tôn giả nói diệu pháp, tôn giả nói pháp chỉ dạy được lợi hỉ rồi ra về. Về đến trú xứ tôn giả đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, con vâng lời Phật dạy nương ở trong chúng và thọ biệt thỉnh thực. Do nhân duyên này nên hôm nay ở nhà thí chủ bị một cô ni trước mắng là ngoại đạo xuất gia rất ngu độn, sau lại khen là bậc đại long tượng. Thế tôn, con lâu nay tự ở nơi Lan-nhã, khen ngợi Lan-nhã; tự đi khất thực và khen ngợi khất thực; tự ở nơi gốc cây và khen ngợi ở nơi gốc cây; tự mặc y phấn tảo và khen ngợi y phấn tảo". Phật bảo tôn giả Ca-diếp-ba: "Thầy thấy lợi ích gì khi ở nơi Lan-nhã và khen ngợi Lan-nhã; tự đi khất thực và khen ngợi khất thực; tự ở nơi gốc cây và khen ngợi ở nơi gốc cây; tự mặc y phấn tảo và khen ngợi y phấn tảo?", tôn giả bạch Phật: "Thế tôn, con thấy hai điều lợi: Một là được hiện tại lạc trú, hai là ở đời sau có thể làm cây đuốc lớn soi đường chánh cho nhiều người, lúc đó mọi người đều nghe biết nói rằng: Thời Phật còn tại thế có Bí-sô xả tục xuất gia tịnh tu phạm hạnh được Phật tán thán, được người trí khen ngợi tự ở nơi Lan-nhã… Các Bí-sô nghe được việc này đều tự điều phục sách tấn, như thuyết tu hành, siêng cầu đạo xuất thế được an lac trụ". Phật nghe rồi liền khen ngợi tôn giả: "Thầy có thể sống được như vậy là đã làm điều Lợi-ích cho các đồng phạm hạnh ở đời vị lai và thương xót ban ân huệ cho trời người trong thế gian khiến họ được giải thoát. Này Ca-diếp-ba, nếu có người nào hủy báng hạnh Đỗ đa, ta sẽ hủy báng người ấy; nếu có người nào khen ngợi hạnh Đỗ-đa, ta sẽ khen ngợi người ấy, vì sao, vì ta thường khen ngợi hạnh Đỗ-đa này là hơn hết trong các hạnh, từ nay thầy có thể thường ở nơi Lan-nhã và khen ngợi Lan-nhã…

khen ngợi mặc y phấn tảo". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế học xứ.

Thời gian sau gặp lúc thế gian mất mùa đói kém, khất thực khó được nhưng các Bà-la-môn cư sỉ tịnh tín đối với các bậc kỳ túc đức hạnh vẫn thường cúng dường. một hôm Lục chúng vào thành khất thực xong liền đến chỗ chúng mười hai ni, các ni mời thọ tiểu thực, Ô-ba-nan-đà nói: "Được thức ăn như thế chưa gọi là cứu giúp, nếu các cô có thể khuyến hóa các Bà-la-môn cư sĩ tịnh tín thường cúng dường cho các bậc kỳ đức xoay lại cúng dường cho chúng tôi, đó mới gọi là cứu giúp". Chúng mười hai ni vâng lời làm theo lời của Lục chúng, Bí-sô ni Thổ la-nan-đà sáng sớm vào thành khất thực đến nhà thí chủ của tôn giả Kiếu trần như khuyến hóa như sau: "Nếu thí chủ có thể cúng dường cho người thuộc dòng họ Thích xuất gia lão thông ba tạng, biện tài vô ngại, là bậc đại pháp sư thì thí chủ sẽ được phước thù thắng hơn", thí chủ hỏi: "Ai thuộc dòng họ Thích xuất gia có đủ các đức như thế?", đáp: "Chính là Thánh giả Nan-đà", thí chủ nghe lời khuyến hóa này liền xoay sang cúng cho Nan-đà. Cứ khuyến hóa như thế tất cả sự cúng dường của các bậc kỳ đức đều xoay sang cúng cho Lục chúng, Lục chúng mỗi sáng sớm đều đến nhà các thí chủ này nhận đầy đủ thức ăn cúng dường rồi ang về trú xứ, các Bí-sô gạn hỏi, Lục chúng nói: "Tôi nhờ các ni khuyến hóa giúp mới được đầy đủ thức ăn cúng dường như thế này", các Bí-sô nói: "Các vị đã sai các ni đi khuyến hóa cho mình thọ dụng như vậy hay sao?", đáp: "Có gì không được, há chúng tôi có thể nhịn đói mà chết hay sao". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách, đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết nhân duyên Bí-sô ni khen ngợi mà được thức ăn, khi thọ dụng phạm Ba-dật-đề-ca."

Lại có duyên khởi: Trong thành Thất-la-phiệt có một trưởng giả làm hai công việc là buôn bán và làm ruộng. Ở trong đồng ruộng sau khi cày bừa và gieo mạ xong, ông cất một cái chòi bên cạnh ruộng để trông coi giai đoạn đầu rồi mang hàng hóa đến phương khác kinh doanh buôn bán. Lúc đó có một Bí-sô khất thực du hành đi đến thành Thất-la-phiệt thấy cái chòi này liền suy nghĩ: "Chỗ này nhàn tịnh, ta có thể tá túc qua đêm", nghĩ rồi ngày nào khất thực xong cũng vào trong cái chòi này tạm nghỉ, cũng nhờ có người nên chim chóc hươu nai… không đến xâm hại hoa màu, lại thêm thời tiết thuận hòa nên lúa được mùa. Lúc đó trưởng giả kinh doanh mua bán xong trở về, không biết lúa có được mùa không nên vội ra ruộng xem. Nhìn thấy lúa chín đều ông liền suy nghĩ: "Ruộng của ta gieo giống xong

không có rào dậu cũng không ai trông coi, vì sao lúa lại chín đều như thế này", nghĩ rồi liền xem xét chung quanh thấy có dấu chân người, lần theo dấu chân tới cái chòi bên cạnh ruộng, nhìn qua khe cửa thấy có một vị sư đang ngồi kiết già thiền tư. Trưởng giả biết lúa được tốt là nhờ vị sư này nên bước vào hỏi: "Thánh giả ở đây sao?", đáp phải, trưởng giả nói: "Đây là ruộng lúa của tôi, may nhờ có thánh giả ở trong đây nên lúa được tốt như thế. Thánh giả cần gì cứ tùy ý lấy dùng, sáng mai thỉnh Thánh giả đến nhà tôi thọ thực", Bí-sô nói: "Tôi là người khất thực, không thọ người khác thỉnh thực nên không thể nhận lời". Trưởng giả đảnh lễ rồi ra về, về đến nhà nói với vợ: "Hiền thủ hãy sửa soạn lại kho lẫm chuẩn bị thu hoạch lúa, lúa được mùa là nhờ có một Thánh giả nương ở trong cái chòi mà tôi đã cất bên cạnh ruộng", người vợ nói: "Sao ông không mời vị ấy về nhà thọ thực?", đáp: "Tôi có thỉnh nhưng Thánh giả nói rằng tôi là người khất thực không thọ người khác thỉnh thực", người vợ nói: "Thánh giả thường phải trải qua một trăm cửa nhà khất thực mới đủ no, ông nên trở lại tha thiết thỉnh mời, nhất định vị ấy sẽ nhận lời". Trưởng giả nghe lời vợ trở lại chỗ Bí-sô đảnh lễ rồi bạch: "Xin Thánh giả thương xót sáng mai đến nhà tôi thọ thực, xin chớ chối từ lời thỉnh cầu tha thiết này", Bí-sô thấy trưởng giả tha thiết thỉnh bèn im lặng nhận lời, trưởng giả biết Bí-sô nhận lời liền đảnh lễ rồi ra về, về đến nhà liền bảo vợ: "Thánh giả đã nhận lời, hiền thủ hãy lo chuẩn bị các món ăn thượng diệu". Sáng hôm sau các Bí-sô khất thực khác đến cái chòi kêu Bí-sô cùng vào thành khất thực, Bí-sô này nói: "Đã nhận lời trưởng giả thỉnh thực nên không cùng đi với các thầy được". Lúc đó Bí-sô ni Thổ la-nan-đà đi khất thực đến nhà trưởng giả gặp vợ trưởng giả liền chú nguyện được diệu tướng, không bịnh sống lâu, vợ trưởng giả nói: "Thánh giả hãy đi vì tôi đang lo lắng không thể cho nhau", hỏi: "Lo lắng việc gì?", đáp: "Hôm nay nhà tôi thỉnh một Bí-sô khất thực đến thọ thực nhưng giờ này vẫn chưa thấy đến nên tôi lo lắng", Bí-sô ni nói: "Nếu tôi đi báo thức ăn đã sửa soạn xong, vị ấy đến thì bà có cho tôi thức ăn không?", đáp sẽ cho, lại hỏi: "Còn có bạn của tôi và một cô ni giữ chùa nữa", đáp đều sẽ cho, Bí-sô ni nghe rồi liền suy nghĩ: "Sáng sớm các Bí-sô vào thành khất thực thì giờ này sắp ra, nếu giờ này vị nào vào thành thì vị ấy chính là người thọ trưởng giả thỉnh thực", nghĩ rồi liền đứng ở cửa thành chờ Bí-sô vào thành. Lúc đó Bí-sô tu phẩm thiện xong liền đắp y vào thành, Bí-sô ni liền bước tới hỏi: "Có phải thánh giả được trưởng giả thỉnh thực", đáp phải, Bí-sô ni nói: "Tôi ở nhà đó đã khen ngợi thánh giả", Bí-sô hỏi: "Tôi đâu có bảo cô đến nhà đó khen ngợi tôi", Bí-sô liền suy nghĩ: "Thế tôn đã dạy nếu do Bí-sô ni khen ngợi mà được thức ăn thì không nên ăn, ta nên trở về chớ

không vì việc này mà phạm tội", nghĩ rồi liền quay về không đến chỗ thỉnh thực nữa. Bí-sô ni thấy vậy liền nói: "Thôi chớ tôi đâu quen biết Thánh giả làm sao khen ngợi được", Bí-sô nói: "Nếu lời nói trước của cô là thật thì lời nói sau là hư dối. Còn nếu lời nói sau là thật thì lời nói trước là hư dối, cô là người như vậy hay sao", nói rồi quay trở về căn chòi, lúc đó thế lực của giờ ăn chưa hết nên Bí-sô tiếp tục tu phẩm thiện, khi thế lực của giờ ăn hết rồi mới nằm xuống nghỉ. Lúc đó các Bí-sô khất thực đến thấy nằm liền nói: "Thầy tham ăn chi cho quá no đến nổi vừa trở về liền nằm", đáp: "Tôi không có đi phó thực", các Bí-sô hỏi nguyên do, Bí-sô liền đem việc trên kể lại, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Trừ thí chủ đã thỉnh trước, thọ thực không phạm". Lúc đó Thế tôn khen ngợi người trì giới, chê trách người phá giới rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết nhân duyên Bí-sô ni khen ngợi mà được thức ăn, khi thọ thực phạm Ba-dật-để-ca, trừ thí chủ có thỉnh trước"

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng, Bí-sô ni là chỉ cho Thổ la-nan-đà. Khen ngợi có hai là khen ngợi về trì giới và khen ngợi về Đa văn. Trừ thí chủ có thỉnh trước là thí chủ đã thỉnh trước, Bí-sô cũng đã nhận lời thì dù ni có khen ngợi, ăn cũng không phạm.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có nhiều Bí-sô đã thọ người tục thỉnh thực, nếu Bí-sô ni đến chỗ đó hỏi thiết thực cúng dường ai, thí chủ đáp là Bí-sô , ni hỏi nấu món gì, thí chủ đáp nấu món bún, ni nói nên dùng loại bún cọng nhỏ vì Bí-sô kia chứng quả dự lưu hoặc Nhất lai, Bất lai, A-la-hán. Ni lại hỏi dùng loại sữa gì, thí chủ nói sữa cừu, ni nói nên dùng sữa bò vì Bí-sô kia chứng tứ quả… cho đến các loại rau trái, bánh đều khuyên dùng loại ngon hơn vì Bí-sô kia chứng tứ quả. Nếu Bí-sô biết Bí-sô ni kia khen ngợi như vậy là hư dối mà vẫn thọ thực thì phạm Ba-dật-để-ca. Nếu Bí-sô ni khen ngợi Bí-sô là người lão thông ba tạng nên dùng thức ăn ngon cúng dường, ăn thì phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô thật sự chứng quả và lão thông ba tạng thì dù ni có khen ngợi mà được thức ăn, ăn cũng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 34

Nhiếp Tụng Thứ Tư:

Thường ăn, chỗ ngủ một đêm,
Thọ ba bát không cho người khác,
Ăn đủ, riêng chúng, phi thời,
Xúc chạm, không thọ, diệu thực.

(xúc chạm thức ăn, không thọ mà ăn, đòi thức ăn ngon)

Học Xứ Thứ Ba Mươi Mốt: ***ĂN NHIỀU LẦN***

Phật ở trong vườn Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, lúc đó cụ thọ Đại Mục-kiền-liên thường đến các cõi Nại-lạc-ca, bàng sanh, ngạ quỷ, cõi người và cõi trời quán thấy trong cõi Nại-lạc-ca, các hữu tình chịu khổ bị gươm đao cắt xẻ thân thể hoặc bị thiêu đốt nấu…; quán thấy trong cõi bàng sanh, chúng sanh chịu khổ ăn nuốt lẫn nhau; quán thấy trong cõi ngạ quỷ chúng sanh bị đói khát bức bách khổ sở; quán thấy trong cõi người có khổ vì tìm cầu y thực, vì đấu tranh sinh tồn mà giết hại lẫn nhau; quán thấy trong cõi trời khổ vì bị đọa lạc, ái biệt ly. Quán thấy rồi liền nói cho bốn chúng biết: "Các vị nên biết, như tôi đã quán thấy quả báo khổ vui sai biệt của năm cõi đều là không hư dối, các vị nên tin chớ có nghi hoặc. Người thọ quả báo khổ là do nghiệp ác chiêu cảm như sát, đạo, tà dâm cho đến tà kiến, không tin Tam bảo, khinh mạn tôn thân, không có tâm từ bi, không trì cấm giới; do ác hạnh này nên chịu quả khổ dị thục. Người thọ quả báo vui là do nghiệp thiện chiêu cảm như không sát, không trộm cho đến không tà kiến, sùng tín Tam bảo, kính trọng tôn thân, đủ lòng từ bi, phụng trì cấm giới; do thiện hạnh này nên được quả vui dị thục". Bốn chúng nghe rồi đều khen ngợi là chưa từng có: "Thánh giả đã vì hạng người mờ ám chỉ thấy hiện tại không thấy vị lai như chúng tôi, chỉ dạy rõ về nghiệp thiện ác trong năm cõi mà Thánh giả đã quán thấy được. Chúng tôi nay mới biết nhân quả báo ứng không sai, từ nay chúng tôi cải ác tu thiện để được sanh vào cõi lành, không bị đọa vào cõi ác". Sau đó bốn chúng suy nghĩ: "Đệ tử

chúng ta hoặc con cái chúng ta thường tạo nghiệp ác, không siêng tu phạm hạnh thanh tịnh. Nay muốn chúng bỏ các nghiệp ác phải bảo chúng đến chỗ Thánh giả Đại Mục-kiền-liên nghe pháp, nhờ nghe pháp chúng sẽ tu thiện hạnh, không đọa trong đường ác". Do nghĩ như vậy nên bốn chúng đến nghe pháp rất đông nên gây ồn ào, Thế tôn tuy biết nguyên do nhưng vẫn hỏi A-nan-đà: "Vì sao bốn chúng lại tụ tập đông đảo ở chỗ Mục liên?", đáp: "Do tôn giả Mục liên quán thấy nỗi khổ trong năm Đường nói cho bốn chúng biết nên họ đến tụ tập để nghe", Phật nói: "Người như Đại Mục-kiền-liên rất khó được gặp, không phải lúc nào chỗ nào cũng có. Các Bí-sô ở trong chùa nơi chỗ nào dễ nhìn thấy nên vẻ một biểu đồ vòng tròn sanh tử". Lúc đó các Bí-sô không biết vẻ như thế nào, Phật nói: "Tùy vòng tròn lớn nhỏ vẻ thành hình bánh xe ở giữa có trục xe, kế vẻ năm Cái căm tiêu biểu cho năm Đường, trong khoảng giữa ba cái căm ở dưới trục xe vẻ ba cõi: Cõi Nại-lạc-ca ở giữa, hai cõi bàng sanh và ngạ quỷ ở hai bên; trong khoảng giữa ở hai cái căm trên vẻ hai cõi trời người. Trong cõi người vẻ bốn châu: Đông Tỳ-đề-ha. Nam-thiệm-bộ-châu, Tây-Cù-đà-ni, Bắc-Cu-lô-châu. Ở trục giữa vẻ vòng tròn sắc trắng, trong đó vẻ tượng Phật, phía trước Phật vẻ ba hình: Hình chim Bồ câu tiêu biểu cho tham nhiễm, hình con răn tiêu biểu cho sân hận, hình con heo tiêu biểu cho ngu si. Bên ngoài vòng tròn bánh xe nên vẻ nhiều sóng nước với nhiều vò nước, trong vò nước có hữu tình tiêu biểu cho hữu tình ngụp lặn trong biển sanh tử, hữu tình nào sống thì vẻ đầu ló ra khỏi vò, chết thì vẻ chân ló ra khỏi vò, trong năm cõi tùy cõi nào vẻ hữu tình của cõi ấy. Chung quanh vòng tròn sanh tử nên vẻ tướng sanh diệt của mười hai chi duyên sanh, ở chi Vô minh nên vẻ hình La-sát, ở chi Hành nên vẻ hình vòng tròn, ở chi Thức nên vẻ hình con khỉ, ở chi Danh sắc nên vẻ hình người đi thuyền, ở chi Lục xứ nên vẻ hình sáu căn, ở chi Xúc nên vẻ hình nam nữ xúc chạm nhau, ở chi Thọ nên vẻ hình nam nữ thọ khổ lạc, ở chi Ái nên vẻ hình nam nữ ôm nhau, ở chi Thủ nên vẻ hình trượng phu cầm bình lấy nước, ở chi Hữu nên vẻ hình Đại Phạm thiên, ở chi Sanh nên vẻ hình người nữ sanh đẻ, ở chi Lão nên vẻ hình nam nữ già nua, ở chi Bịnh nên vẻ hình nam nữ bịnh, ở chi Tử nên vẻ hình đám ma, ở chi Ưu nên vẻ hình nam nữ ưu sầu, ở chi Bi nên vẻ hình nam nữ khóc, ở chi Khổ nên vẻ hình nam nữ đau khổ, ở chi Não nên vẻ hình nam nữ kéo con lạc đà khó điều phục.

Bên trên vòng tròn này vẻ hình con quỷ Vô thường tóc bồm xồm đang há miệng, hai tay ôm lấy vòng tròn sanh tử, hai bên đầu của con quỷ nên viết hai bài kệ:

"Ngươi nên cầu ra khỏi, Siêng tu lời Phật dạy, Hàng phục quân sanh

tử, Như voi xô nhà cỏ.

Ở trong pháp luật này, Thường tu không phóng dật, Làm cạn biển phiền não, Cảnh giới khổ không còn".

Bên trên con quỷ Vô thường nên vẻ cái đài tròn trắng tiêu biểu cho Niết-bàn viên tịnh". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy ở chỗ dễ thấy vẻ biểu đồ vòng tròn sanh tử, các Bà-la-môn cư sĩ trông thấy hỏi biểu đồ này tiêu biểu cho cái gì, các Bí-sô nói không biết , các Bà-la-môn cư sĩ nói: "Nếu không biết thì vẻ làm chi?". Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nên sai Bí-sô nào giải thích được ngồi gần bên hình vẻ để giải thích cho họ hiểu nhân duyên luân chuyển trong sanh tử". Lúc đó các Bí-sô không lựa chọn mà sai, khi giải thích không khiến cho người sanh tín tâm mà còn bị mỉa mai chê trách, Phật nói: "Nên sai người hiểu biết giải thích".

Lúc đó trong thành Vương xá có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu sanh được một trai, trưởng giả bàn với vợ: "Chúng ta nay đã có con sẽ phải chi dụng nhiều, tôi nay muốn vào biển cả tìm châu báu", người vợ đồng ý, trưởng giả chuẩn bị đầy đủ hành trang lên đường ra biển tìm châu báu, không ngờ gặp bão thuyền bị đắm nên trưởng giả không thể trở về. Người vợ phải nhờ tôn thân giúp đỡ và tự lực kiếm tiền nuôi con khôn lớn và cho con đi học, đứa trẻ lớn lên trong cảnh nghèo khó nên được gọi là Bần-sanh. một hôm Bần-sanh cùng bạn đồng học đến trong Trúc lâm nhìn thấy biểu đồ vòng tròn sanh tử liền yêu cầu Bí-sô giải thích, Bí-sô nói: "Đây là năm cõi Nại-lạc-ca, bàng sanh, ngạ quỷ, người và trời sai khác nhau", Bần-sanh hỏi: "Hữu tình trong cõi Nại-lạc-ca này đã tạo nghiệp gì mà phải chịu khổ bị cắt xẻ thân thể…?", Bí-sô nói: "Do tạo mười nghiệp ác với tâm thô trọng thường làm ác không dứt nên phải chịu quả khổ này", Bần-sanh hỏi: "Loài bàng sanh này đã tạo nghiệp gì mà phải chịu khổ ăn nuốt lẫn nhau?", Bí-sô nói: "Do tạo mười nghiệp ác với tâm ác nhẹ hơn, nhưng thường làm ác không dứt nên phải chịu quả khổ này", Bần-sanh hỏi: "Loài ngạ quỷ này đã tạo nghiệp gì mà phải chịu khổ đói khát bức bách?", Bí-sô nói: "Do bỏn xẻn không chịu bố thí, khi thấy người khác bố thí thì ngăn chận; đối với tam bảo, cha mẹ, tôn thân không có tâm cung kính cúng dường, thường làm không dứt nên phải chịu quả khổ như thế ", lại hỏi: "Loài trời do tạo nghiệp gì mà được quả vui thắng diệu?", đáp: "Do tu mười nghiệp thiện với tâm ân trọng, kính tín Tam bảo, thọ trì cấm giới nên mới được quả vui thắng diệu như thế", lại hỏi: "Loài người do tạo nghiệp gì mà tuy ở trong chỗ vui lại có cái khổ dong ruổi tìm cầu?", đáp: "Do tu mười nghiệp thiện với tâm ít ân trọng hơn nhưng thường có tu tập nên có quả khổ

vui như thế". Bần-sanh nghe rồi nói: "Thánh giả, con không muốn đọa vào ba cõi dưới, con muốn sanh vào cõi trời người, nhưng con phải làm gì để được sanh lên cõi trời?", Bí-sô nói: "Nếu con có thể ở trong pháp luật khéo thuyết giảng của Phật xuất gia siêng tu đoạn trừ phiền não, nếu trong đời này chưa chứng quả thì khi mạng chung sẽ sanh lên cõi trời", Bần-sanh hỏi: "Nếu xuất gia thì phải tu tập những gì?", Bí-sô nói: "Trọn đời tu phạm hạnh", Bần-sanh nói: "Vậy thì con không thể làm được. Thánh giả, còn tu nghiệp gì khác có thể sanh lên cõi trời?", Bí-sô nói: "Thọ tám chi giới làm cận trụ nam hay năm học xứ làm cận sự nam", Bần-sanh hỏi: "Thọ rồi phải tu tập những gì?", Bí-sô nói: "Một ngày một đêm hay trọn đời không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ…", Bần-sanh nói: "Đều này con cũng không làm được. Thánh giả, còn tu nghiệp gì khác có thể sanh lên cõi trời không?", Bí-sô nói: "Nếu tu nghiệp phước cúng dường thức ăn cho Phật và Tăng thì có thể sanh lên cõi trời", Bần-sanh hỏi: "Muốn cúng dường thức ăn cho Phật và Tăng thì cần khoảng bao nhiêu tài vật?", Bí-sô nói: "Khoảng năm trăm kim tiền", Bần-sanh nói: "Việc này con có thể làm được", nói rồi liền đảnh lễ Bí-sô. Về đến nhà liền thưa với mẹ: "Vừa rồi con đến trong Trúc lâm thấy treo biểu đồ vòng tròn sanh tử, con không muốn đọa vào ba cõi ác, con rất muốn sanh lên cõi trời, mẹ có muốn sanh lên cõi trời không?", người mẹ đáp là muốn, Bần-sanh nói: "Vậy mẹ hãy cho con năm trăm kim tiền để con thiết thực cúng dường Phật và Tăng, nhờ phước nghiệp này có thể sanh lên cõi trời", người mẹ nói: "Con mồ côi cha từ nhỏ và lớn lên trong cảnh nghèo khó, trong nhà ta làm gì có đến năm trăm kim tiền", Bần-sanh nói: "Nếu vậy con sẽ đi làm thuê để kiếm đủ số tiền đó", người mẹ nói: "Con còn nhỏ sức yếu làm sao có thể đi làm thuê được", Bần-sanh nói: "Con sẽ cố gắng". Người mẹ thấy ý con đã quyết nên không ngăn cản, Bần-sanh ra chợ hỏi thăm có ai cần người làm thuê để xin làm, tuy lúc đó có Bà-la-môn cư sĩ cần tìm người nhưng đều không hỏi đến Bần-sanh, đến khi chợ tan Bần-sanh mới trở về nhà, người mẹ hỏi có tìm được chỗ làm không, Bần-sanh đáp là không, người mẹ nói: "Con phải ăn mặc rách rưới đến đứng trong chỗ những người xin việc làm, người cần thuê trông thấy mới kêu con làm". Bần-sanh làm theo lời mẹ chỉ dạy đứng trong chỗ những người xin việc làm, có một trưởng giả muốn xây cất nhà cần tìm nhiều người làm thuê, nhưng không hỏi tới Bần-sanh, Bần-sanh hỏi Trưởng giả: "Vì sao ông không thuê tôi làm việc?", Trưởng giả nói: "Ta thấy ngươi ốm yếu sợ làm không được việc", Bần-sanh nói: "Ông xem khả năng làm trước rồi trả tiền công sau", Trưởng giả nói: "Vậy cuối ngày mãn việc mới trả tiền công, chịu không?", Bần-sanh nói: "Nếu ông thấy tôi làm không được

việc thì khỏi phải trả tiền công". Trưởng giả nghe nói vậy liền thuê Bần-sanh làm, những người làm thuê kia làm việc không có tận tâm thấy Bần-sanh hết sức làm việc như vậy liền nói: "Ngươi nên biết, làm thuê thì chỉ nên làm cho qua ngày, cuối ngày lấy tiền công, không cần phải hết sức làm cho khổ thân như vậy", Bần-sanh nói: "Tôi nay sanh trong nhà nghèo là do đời trước đã tạo nghiệp ác, nếu nay lại khi dối người thì đời sau sẽ sanh vào chỗ khổ hơn", những người làm thuê nói: "Ngươi chưa hiểu biết gì thì cứ ra sức làm, không bao lâu sau ngươi sẽ còn lười hơn cả chúng ta". Trong lúc làm việc Bần-sanh khéo kể chuyện khiến mọi người cảm thấy hứng thú nên công việc làm có kết quả nhiều hơn, Trưởng giả cho là có thêm người làm thuê nên hỏi, sau khi biết rõ nguyên do liền trả tiền công gấp đôi cho Bần-sanh, Bần-sanh nói: "Nếu ông vừa ý thì cho tôi làm đến khi xây cất xong, ông hãy cất giùm số tiền công này đến lúc đó hãy đưa cho tôi luôn một lần". Trưởng giả bằng lòng, đến khi ngôi nhà được xây cất xong mới tính tiền trả cho Bần-sanh tổng cộng được bốn trăm năm mươi kim tiền, Bần-sanh thấy chưa đủ số tiền thiết thực cúng dường nên đứng khóc, Trưởng giả hỏi nguyên do, Bần-sanh nói: "Tôi làm thuê cốt là để kiếm đủ năm trăm kim tiền thiết trai cúng dường Phật và tăng, nay thấy chưa đủ nên tôi khóc", Trưởng giả nói: "Nếu làm việc phước này thì ta sẽ giúp thêm cho ngươi số tiền còn lại", Bần-sanh nói: "Nếu để trưởng giả thêm vào thì trái bổn nguyện, làm sao tôi được sanh lên cõi trời", Trưởng giả nói: "Ngươi do tín tâm cúng dường Phật và Tăng phải không?", đáp là phải, Trưởng giả nói: "Nếu là do tín tâm thì ngươi nên đến hỏi Thế tôn, Phật dạy thế nào ngươi phụng hành như thế ấy". Bần-sanh liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch: "Thế tôn, con vì muốn cúng dường Phật và Tăng nên đi làm thuê mong kiếm được đủ số năm trăm kim tiền, nhưng cuối cùng cũng không đủ số, Trưởng giả là người đã thuê con làm việc thấy vậy muốn giúp thêm cho đủ, con có nên nhận hay không?", Phật nói nên nhận, Bần-sanh nói: "Nếu con nhận số tiền của người khác giúp thêm vào, con sợ không được sanh lên cõi trời", Phật nói: "Khi con phát tâm thì con được sanh lên cõi trời rồi, huống chi nay thiết cúng lại không được sanh lên cõi trời hay sao?". Bần-sanh vâng lời Phật dạy đảnh lễ Phật rồi trở về chỗ trưởng giả nhận tiền, sau đó trở về thưa với mẹ: "Đây là năm trăm kim tiền, xin mẹ hay chuẩn bị lo liệu các món ăn cúng dường Phật và Tăng", người mẹ nói: "Nhà mình nghèo thiếu nên không có đủ vật dụng để thiết thực cúng dường, con nên đến nhà trưởng giả xin ông cho phép được ở bên nhà ông thiết thực cúng dường Phật và tăng". Bần-sanh nghe lời mẹ đến nhà Trưởng giả xin ông cho phép ở bên nhà ông thiết thực cúng dường Phật và tăng, Trưởng giả

nghe rồi suy nghĩ: "Ta vừa cất xong ngôi nhà liền thiết thực cúng dường Phật và Tăng cũng là việc tốt", nghĩ rồi liền bằng lòng. Bần-sanh nghe rồi trở về cho mẹ hay để mẹ mua sắm vật thực mang đến nhà trưởng giả, sau đó đến chỗ Phật đảnh lễ bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn sáng mai đến nhà của trưởng giả thọ con cúng dường", Phật im lặng nhận lời, Bần-sanh biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ ra về đến báo cho Trưởng giả biết, Trưởng giả liền giúp Bần-sanh lo liệu mọi thứ, sáng ngày trải tòa, để nước rửa chân, rải hương hoa rồi sai sứ đến bạch Phật: "Xin Phật biết thời". Sáng sớm Phật cùng Thánh chúng đến nhà trưởng giả, Lục chúng hỏi vị Thọ sự: "Hôm nay ai thỉnh Phật và Tăng?", vị Thọ sự đáp là Bần-sanh, Lục chúng liền nói với nhau: "Người ấy làm thuê kiếm tiền thiết cúng, thức ăn uống chắc cũng thường, chúng ta nên đến nhà quen biết thọ tiểu thực trước rồi đến chỗ thiết cúng sau". Lúc đó Bần-sanh thấy Phật và đại chúng an tọa rồi bèn dâng cúng các món ăn thượng diệu khiến đều được no đủ, chỉ riêng có Lục chúng là ăn ít, Bần-sanh liền đến chỗ Phật hỏi: "Con thấy trong Thánh chúng có vài vị ăn rất ít, như vậy có trở ngại việc sanh thiên của con không?", Phật nói: "Chỉ cần vào chỗ ngồi cũng đủ sanh thiên huống chi là Phật và tăng đã thọ thực". Bần-sanh thấy Phật và tăng thọ thực xong và thâu bát rồi liến lấy ghế thấp ngồi một bên nghe Phật nói diệu pháp, Phật nói diệu pháp chỉ dạy được lợi hỉ rồi cùng Thánh chúng ra về. Lúc đó có năm trăm thương nhơn đến thành Vương xá, ngày mới đến gặp tiết hội nên hàng hóa mang theo chưa buôn bán được, muốn tìm chỗ mua đổi thức ăn, nghe biết nhà Trưởng giả vừa thiết thực cúng dường Phật và tăng liền tìm đến gặp Trưởng giả muốn đổi lấy thức ăn dư, Trưởng giả nói: "Những thức ăn này đều là của thiếu niên đó thiết cúng Phật và Tăng", các thương nhơn đến chỗ Bần-sanh ngỏ ý muốn đổi lấy thức ăn dư, Bần-sanh nói: "Những thức ăn dư này xin biếu cho các vị". Các thương nhơn ăn no đủ rồi cám ơn và khen ngợi thiếu niên rồi hỏi trưởng giả là con của ai, trưởng giả nói: "Cậu ấy là con của trưởng giả tên ", vị thương chủ nghe rồi liền nói: "Nếu như vậy thì cậu ấy là con của người bạn tri thức của tôi". Thương chủ bèn lấy đại điệp ra trải trên đất để một ít châu báu lên đó rồi nói với các thương nhơn: "Trong các vị tùy ý cho ít nhiều để vào đây", chỉ một lát sau trên đại điệp có một đống châu báu, thương chủ mang đến đưa cho Bần-sanh bảo nhận lấy. Bần-sanh nói: "Tôi chỉ biếu thức ăn chứ không cầu đổi lấy châu báu", thương chủ nói: "Số châu báu này không phải là dùng trao đổi mà đây là chúng tôi hoan hỉ biếu tặng cho cậu", Bần-sanh nói: "Tôi thiết thực cúng dường là mong cầu được sanh thiên, tuy là các vị hoan hỉ biếu tặng nhưng tôi thật không dám nhận vì do duyên này có thể trở ngại việc sanh thiên của tôi", thương

chủ nói: "Cậu có tin Phật không?", đáp là tin, thương chủ nói: "Nếu tin thì cậu nên đến hỏi Phật. Phật dạy như thế nào cậu phụng hành theo như thế ấy". Bần-sanh liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, con thiết thực cúng dường Phật và tăng rồi, những thức ăn dư con biếu cho năm trăm thương nhơn từ xa đến. Họ ăn no đủ rồi hoan hỉ biếu tặng con rất nhiều châu báu, con có nên nhận hay không?", Phật nói nên nhận, Bần-sanh nói: "Nếu con nhận số châu báu này thì có trở ngại việc sanh thiên của con không?", Phật nói: "Đây là hoa báo, quả báo ở sau". Bần-sanh đảnh lễ Phật rồi ra về đến chỗ các thương nhơn nhận lấy số châu báu mà họ biếu tặng. Lúc đó trong thành Vương xá có một trưởng giả Thủ vọng lâm bịnh qua đời, không có con kế tự nên mọi người muốn tìm người có đại phước đức để lập làm Thủ vọng, nhưng biết ai là người có đại phước đức. Có một người trí nói với mọi người: "Nên bỏ nhiều loại đậu trong một cái hủ, mỗi người thò tay vào bốc nếu ai bốc được đậu thuần một màu thì người đó được lập lên làm Thủ vọng", mọi người đều đồng ý và làm theo như lời người trí nói, ai nấy đều bốc được những hạt đậu nhiều màu chỉ riêng có Bần-sanh là bốc được những hạt đậu thuần một màu. Trong lòng mọi người không muốn lập một người làm thuê như Bần-sanh lên làm Thủ vọng nên họ bảo Bần-sanh bốc lại như vậy đến ba lần, lần nào cũng bốc được những hạt đậu thuần một màu. Mọi người cho là việc hi hữu nói với nhau: "Người nay nhất định có thiên thần gia hộ, chúng ta nên đồng tâm lập lên làm Thủ vọng", bàn xong mọi người cùng bái thỉnh Bần-sanh lên làm Thủ vọng. Trưởng giả thuê Bần-sanh làm việc trước kia thấy việc này rồi liền đem con gái gả cho Bần-sanh làm vợ. Lúc đó Bần-sanh nhờ oai lực của nghiệp thiện nên trong nhà châu báu bổng tự sanh, nên từ đó được gọi là Thiện sanh trưởng giả. Trưởng giả suy nghĩ: "Nay ta được quả báo như thế đều là nhờ sức oai thần của Phật, ta nên thỉnh Phật và tăng về nhà cúng dường", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết diệu pháp rồi bạch Phật: "Cúi xin Phật từ bi cùng các Bí-sô sáng mai đến nhà con thọ thực", Phật im lặng nhận lời, Thiện sanh biết Phật nhận lời liền đảnh lễ rồi ra về. Trong đêm ấy lo liệu đủ các món ăn thượng diệu… cho đến câu Thiện sanh thấy Phật và tăng thọ thực xong và thâu bát rồi liền lấy ghế nhỏ ngồi một bên nghe pháp, Phật tùy căn cơ và ý muốn của thiện sanh mà nói pháp khiến cho được khai ngộ, ngay nơi chỗ ngồi hai vợ chồng Thiện sanh đều được Kiến đế. Thiện sanh bạch Phật: "Thế tôn, chúng con nhờ Phật được quả giải thoát, điều nay không phải do cha mẹ, tôn thân… sa môn, Bà-la-môn mà được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt chúng con ra khỏi ba đường ác, đặt chúng con vào cõi trời người dứt hết mé khổ được

an lạc Niết-bàn, chứng được sơ quả. Chúng con nay xin quy y Tam bảo, xin phật chứng tri cho chúng con là Ô-ba-sách-ca và Ô-ba-tư-ca, từ nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ". Phật nói pháp yếu chỉ dạy được lợi hỉ rồi liền cùng đại chúng trở về trú xứ, lúc đó các Bí-sô đều nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, trưởng giả Thiện sanh đã tạo nghiệp gì mà phải làm thuê mướn, lại do tạo nghiệp gì mà trong nhà châu báu tự sanh?", Phật nói: "Nghiệp mà trước kia trưởng giả Thiện sanh đã tạo, nay do nhân duyên hội họp được thành thục, quả báo không mất. Tất cả hữu tình trước kia đã tạo những nghiệp thiện ác gì đều chẳng phải do địa thủy hỏa phong ở ngoài giới mà nghiệp quả được thành thục, chính là do uẩn xứ giới của tự thân mà nghiệp quả được thành thục". Phật liền nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội đủ,
thọ lấy quả báo".

Các Bí-sô hãy lắng nghe: Thuở xưa, trong một tụ lạc có một trưởng giả giàu có, thọ dụng đầy đủ. Vào tháng mùa xuân, hoa nở khắp vườn, cây cỏ xanh tươi, nước ao trong xanh, lại có các loại chim như Xá lợi, Anh vũ… hòa nhã hót vang, trước cảnh vật khả ái như thế nên trưởng giả cùng quyến thuộc đến trong vườn thưởng ngoạn. Lúc đó ở thế gian không có Phật, chỉ có Độc giác ra đời, vì thương xót hạng người nghèo khổ nên vị Độc giác này ở chỗ đơn sơ và thọ thức ăn thô dở. Vị Độc giác này du hành đến tụ lạc, vào sáng sớm đắp y mang bát vào thôn khất thực bỗng khởi nghĩ: "Tại sao ta lại vì cái thân khó thỏa mãn này mà vất vả vào thôn khất thực, ta nên ở trong vườn, tùy người đến trong vườn bố thí gì, ta thọ cái ấy", nghĩ rồi vị độc giác vào trong vườn. Lúc đó trưởng giả từ xa nhìn thấy vị Độc giác oai nghi ngời sáng liền sanh tín kính, đến đảnh lễ bạch rằng: "Thánh giả, tôi muốn cầu phước, cúi xin Thánh giả hãy ở trong vườn thọ tôi cúng dường", vị Độc giác im lặng nhận lời, bắt đầu từ hôm đó trưởng giả hằng ngày đến trong vườn hiến cúng thức ăn cho vị Độc giác. Sau đó vì có việc phải đi đến thôn khác nên trưởng giả dặn vợ: "Tôi có việc phải đi đến thôn khác, hiền thủ ở nhà nhớ hằng ngày mang thức ăn cúng dường vị Độc giác, đừng để thiếu thốn". Người vợ nhớ lời chồng dặn nên sáng nào cũng lo liệu thức ăn mang đến trong vườn cúng dường vị độc giác, đứa con thấy vậy liền nói với mẹ: "Ông ấy không chịu làm việc, cứ ngồi ở đó thọ người khác cúng thức ăn hằng ngày", người mẹ nói: "Vị ấy là thắng phước điền, con không nên tạo tội trọng khẩu nghiệp này". Thời gian sau trưởng giả trở về hỏi vợ có cúng dường thức ăn đầy đủ không, người vợ nói: "Cúng

dường thức ăn đầy đủ, nhưng đứa con chúng ta đã tạo tội trọng khẩu nghiệp", trưởng giả nghe nói rồi liền suy nghĩ: "Do không biết nên con ta tự hại thân, sẽ bị đọa vào cõi ác", nghĩ rồi liền dẫn con đến chỗ vị Độc giác, vị Độc giác từ xa trông thấy hai cha con đi đến quán biết phải dùng thân thuyết pháp chứ không thể dùng lời. Vì thương tưởng đứa con của trưởng giả nên vị Độc giác hiện đại thần thông bay lên hư không biến hóa mười tám cách, trên thân phóng ra lửa, dưới thân tuôn ra nước… Hàng phàm phu khi thấy thần biến này liền bị chiết phục cũng như cây đại thọ bị gảy đổ, đứa con của trưởng giả mọp xuống đảnh lễ sám hối. Trưởng giả bạch rằng: "Xin Thánh giả từ bi thương xót hiện trở xuống thọ con cúng dường", vị Độc giác liền hiện thân trở xuống, hai cha con đảnh lễ cúng dường rồi phát nguyện: "Đây là đại phước điền nên cúng dường mà con lại nói ra lời ác hủy báng, nguyện con ở đời sau chớ thọ khổ báo. Công đức cúng dường này con xin nguyện đời sau được sanh trong nhà giàu có, đối với vị nào hơn Đại sư này con sẽ thừa sự không có nhàm chán và được quả thù thắng".

Này các Bí-sô, con ông trưởng giả xưa kia chính là trưởng giả thiện sanh ngày nay, do đối với vị độc giác nói ra lời ác mắng là không chịu làm việc mà cứ thọ người khác cúng dường, nên trong năm trăm đời thường làm thuê mướn cho người, đến ngày nay nghiệp ác ấy mới dứt. Lại do công đức cúng dường phát nguyện sanh trong nhà giàu có… nên gặp được ta nghe pháp và được quả thù thắng, được thắng quả rồi quy y, thừa sự không có nhàm chán. Này các Bí-sô, nếu tạo nghiệp thuần đen thì được quả dị thục thuần đen, tạo nghiệp thuần trắng thì được quả dị thục thuần trắng, tạo nghiệp đen trắng xen tạp thì được quả dị thục đen trắng xen tạp. Cho nên các Bí-sô nên xa lìa nghiệp thuần đen và nghiệp đen trắng xen tạp, nên tu nghiệp thuần trắng để được quả báo thuần trắng, nên học như thế". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế học xứ.

Lúc đó Thế tôn du hành đến thành Quảng nghiêm, trụ trong Cao các đường bên ao Di hầu, trong thành có trưởng giả tên là Dũng-lợi nghe tin Phật ở trong Cao các đường liền đến đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết diệu pháp, Phật nói pháp chỉ dạy được lợi hỉ rồi im lặng, trưởng giả liền bạch Phật: "Cúi xin Phật thương xót cùng chúng tăng sáng mai đến nhà con thọ thực", Phật im lặng nhận lời, trưởng giả biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ rồi ra về. Về đến nhà trưởng giả liền đốc thúc gia nhân lo liệu các món ăn thượng diệu để sáng mai cúng dường Phật và Tăng. Sáng ngày trưởng giả trải tòa, để nước rửa chân… rồi sai sứ đến bạch Phật: "Thức ăn đã chuẩn bị xong, cúi xin Phật biết thời". Lục chúng trước đó đã đến nhà của môn đồ, họ thành kính mời thọ tiểu thực, lục chúng nói là đã thọ người

khác thỉnh thực rồi, nhưng các môn đồ nài dùng bánh Yêm-một-la, không từ chối được nên ăn no. Lúc đó có một Bí-sô đi ngang qua, các môn đồ ra mời vào dùng bánh, Bí-sô nói: "Tôi hành pháp Nhất tọa thực", môn đồ nói: "Nếu vậy xin hãy mang đi đến chỗ phó thực rồi dùng", nói rồi liền lấy cái bát nhỏ đựng bánh Yêm-một-la đưa cho Bí-sô. Tuy trưởng giả Dũng-lợi thỉnh Phật và Phật đã nhận lời nhưng sáng hôm đó Phật không đi phó thực. Có năm nhân duyên Phật không đi phó thực: Một là tự muốn yên tĩnh, hai là nói pháp cho chư thiên, ba là thăm bịnh, bốn là xem xét ngọa cụ, năm là chế học xứ cho các đệ tử. Trong trường hợp này Phật muốn chế học xứ nên mới bảo người lấy thức ăn mang về. Lúc đó trưởng giả Dũng-lợi thấy chư tăng đã an tọa liền dâng cúng các món ăn thượng diệu, chư tăng đều ăn được no đủ, trưởng giả bổng thấy một Bí-sô lấy bánh Yêm-một-la từ trong bát nhỏ ra ăn liền đi đến trước Bí-sô đó. Bí-sô thấy trưởng giả nhìn mình như muốn nói điều gì nên nói: "Không phải chỉ mình tôi ăn bánh Yêm-một-la, Lục chúng Bí-sô cũng đã ăn rồi", Trưởng giả nghe rồi nổi giận nói: "Thánh giả cho rằng trong nhà tôi không có thứ bánh ấy hay sao?", nói rồi liền bảo người nhà mang bánh ra. Lúc đó Bí-sô lấy thức ăn mang về cho Phật, Phật hỏi: "Hôm nay chúng tăng thọ thực có được no đủ không", đáp: "Tất cả đều được no đủ, nhưng có vài Bí-sô làm cho trưởng giả nổi giận", Phật hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Trưởng giả nổi giận là đúng đạo lý". Thế tôn thọ thực xong… đến xế chiều xuất định đến chỗ chúng tăng tụ họp ngồi vào chỗ ngồi… quở trách Lục chúng rồi bảo các Bí-sô: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô ăn nhiều lần, phạm Ba-dật-để-ca."

Sau đó có Bí-sô mắc bịnh, thầy thuốc bảo nên dùng tiểu thực, Bí-sô bịnh nói: "Thế tôn đã chế ngăn không được ăn nhiều lần", thầy thuốc nói: "Đối với người bịnh thì đây là phương pháp trị bịnh hữu hiệu nhất. Thế tôn từ bi vì duyên bịnh sẽ khai cho được ăn", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói trừ nhân duyên bịnh.

Sau đó lại có Bí-sô vì lo liệu công việc của chúng tăng hoặc việc ở Tốt-đổ-ba nên thân thể suy yếu, nằm không dậy nổi, bỏ việc tu phẩm thiện. Các Bà-la-môn cư sĩ tịnh tín đến trong chùa thấy vậy liền hỏi: "Phật dạy phải siêng năng tu tập, vì sao Thánh giả lại nằm hoài như vậy?", đáp: "Thân tôi suy yếu không thể ngồi dậy nổi", các thiện tín nói: "Thánh giả nên dùng tiểu thực", … cho đến câu Phật nói trừ nhân duyên làm việc.

Thế tôn từ thành Quảng nghiêm trở về trong vườn Cấp, lúc đó các Bí-sô đi đường xa mỏi mệt nên thân thể suy yếu nói với nhau: "Nếu Phật cho chúng ta dùng tiểu thực thì dù đi đường xa cũng không thấy mỏi mệt",

các Bí-sô bạch Phật, Phật nói trừ khi đi đường.

Lúc đó trong thành Thất-la-phiệt có một trưởng giả tự lập thời khóa là hằng tháng trong bốn ngày mồng tám, mười lăm, hai mươi ba, ba mươi thọ tám thánh chi cận trụ học xứ; lại lập thời khóa là nếu thỉnh các Bí-sô về nhà thọ thục, nếu Bí-sô chưa đến thì sẽ không ăn trước. Cùng ngày với trưởng giả thỉnh thực cũng có nhiều nhà khác thỉnh thực nên khi sứ giả đến trong chùa không thấy có Bí-sô, liền trở về báo lại. Trưởng giả hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Ngươi hãy đến chỗ thỉnh thực tùy thỉnh cho được một người", sứ giả vâng lời đi đến thì thấy các Bí-sô đã thọ thực xong đang từ chỗ thỉnh thực đi ra, liền bước tới nói: "Trưởng giả thỉnh các Bí-sô đến nhà thọ thực", các Bí-sô đáp là đã ăn no rồi, sứ giả liền trở về báo lại, trưởng giả nghe rồi liền nói: "Ngươi đến bạch các Bí-sô là thọ thực xong trưởng giả sẽ cúng đại điệp", sứ giả vâng lời đến chỗ các Bí-sô bạch lại lời của trưởng giả, các Bí-sô nói: "Dù điệp lớn hay nhỏ, chúng tôi cũng không thể đi ăn lần nữa", sứ giả trở về báo lại. Vì hôm đó các Bí-sô không đến thọ thực nên trưởng giả phải đoạn thực. Hàng xóm nghe biết được việc này liền chê trách, các Bí-sô nghe được đem việc này bạch Phật, Phật nói trừ khi thí y. Lúc đó Phật khen ngợi người thiểu dục, trì giới, tôn trọng giới, nói pháp tùy thuận rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô ăn nhiều lần, trừ thời nhân duyên khác, phạm Ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Triển chuyển thực là thường thường ăn, ăn nhiều lần. Thời nhân duyên khác là khi bịnh: Bí-sô bịnh nếu hành pháp nhất tọa thực thì không thể ăn no; khi làm việc chúng cho đến lau quét, khi đi đường cho đến chỉ đi và về nửa trạm đường, khi thí y… đều không phạm. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Khi thí y có đến mười sáu cách thí: Nếu Bí-sô trước được thỉnh có thực có y, sau cũng được thỉnh có thực có y, Bí-sô thọ cả hai nơi đều không phạm. Nếu Bí-sô trước được thỉnh có y sau được thỉnh không có y, Bí-sô nên thọ chỗ thỉnh trước chớ thọ chỗ thỉnh sau, nếu thọ rồi nên chuyển cho người khác, nếu không chuyển cho người khác, khi thọ phạm Ác-tác, khi ăn phạm đọa. Nếu Bí-sô trước được thỉnh có y, sau cũng được thỉnh có y hay có giá y, Bí-sô thọ cả hai chỗ đều không phạm. Nếu Bí-sô trước được thỉnh có y, sau được thỉnh không y cũng không có giá y, Bí-sô nên thọ chỗ thỉnh trước chớ thọ chỗ thỉnh sau, nếu thọ rồi nên chuyển cho người khác, nếu không chuyển cho người khác, khi thọ phạm Ác-tác, khi ăn phạm Đọa. (Đây là bốn câu của cách thí y thứ nhất).

Nếu Bí-sô trước được thỉnh không có y, sau được thỉnh có y, Bí-sô thọ cả hai chỗ đều không phạm. Nếu Bí-sô trước được thỉnh không có y, sau được thỉnh không có y, Bí-sô nên thọ chỗ thỉnh trước bỏ chỗ thỉnh sau. Nếu Bí-sô trước được thỉnh không có y, sau được thỉnh có y hoặc có giá y, Bí-sô thọ cả hai chỗ đều không phạm. Nếu Bí-sô trước được thỉnh không có y, sau được thỉnh không có y, cũng không có giá y, Bí-sô nên thọ chỗ thỉnh trước chớ thọ chỗ thỉnh sau, nếu thọ rồi nên chuyển cho người khác, nếu không chuyển cho người khác kết phạm giống như trên (đây là bốn câu của cách thí y thứ hai).

Nếu Bí-sô trước được thỉnh có y hay có giá y, sau được thỉnh có y, Bí-sô thọ cả hai chỗ đều không phạm. Nếu Bí-sô trước được thỉnh có y hay có giá y, sau được thỉnh không có y, Bí-sô nên thọ chỗ thỉnh trước bỏ chỗ thỉnh sau. Nếu Bí-sô trước sau đều được thỉnh có y hay có giá y, thọ cả hai chỗ đều không phạm. Nếu Bí-sô trước được thỉnh có y hay có giá y, sau được thỉnh không có y cũng không có giá y, Bí-sô nên thọ chỗ thỉnh trước chớ thọ chỗ thỉnh sau, nếu thọ rồi nên chuyển cho người khác, nếu không chuyển cho người khác kết phạm giống như trên (đây là bốn câu của cách thí y thứ ba).

Nếu Bí-sô trước được thỉnh không có y cũng không có giá y, sau được thỉnh có y, Bí-sô thọ cả hai chỗ đều không phạm. Nếu Bí-sô trước được thỉnh không có y cũng không có giá y, sau được thỉnh chỗ cũng không có y, Bí-sô nên thọ chỗ thỉnh trước bỏ chỗ thỉnh sau. Nếu Bí-sô trước được thỉnh không có y cũng không có giá y, sau được thỉnh có y hay có giá y, Bí-sô thọ cả hai chỗ đều không phạm. Nếu Bí-sô trước được thỉnh không có y cũng không có giá y, sau được thỉnh chỗ không có y cũng không có giá y, Bí-sô nên thọ chỗ thỉnh trước chớ nên thọ chỗ thỉnh sau, nếu thọ rồi nên chuyển cho người khác, nếu không chuyển cho người khác kết phạm giống như trên (Đây là bốn câu của cách thí y thứ tư).

Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 35

Học Xứ Thứ Ba Mươi Hai: ***NƠI CÚNG MỘT BỮA ĂN MÀ THỌ QUÁ***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó ở Biên phương trong một tụ lạc lớn có một trưởng giả với lòng tin ân trọng đã xây cất một trú xứ cho các sa môn, Bà-la-môn khắp bốn phương đến dừng nghỉ và cúng dường thức ăn. Do Thế tôn ở thành Thất-la-phiệt hiện đại thần biến chiết phục ngoại đạo nên trời người đều hoan hỉ, các ngoại đạo phải ra đến Biên phương trong đó có sáu mươi ngoại đạo lộ hình đến chỗ trưởng giả ở trong tụ lạc đó nói rằng: "Ông được pháp lợi", trưởng giả hỏi: "Các vị là ai?", đáp là người xuất gia, trưởng giả nói: "Tôi xây cất trú xứ này cho bốn phương sa môn, Bà-la-môn đến dừng nghỉ, các vị hãy dừng nghỉ ở đó, tôi sẽ cúng dường thức ăn", các ngoại đạo này nghe rồi liền đến trú xứ đó ở để được trưởng giả cúng dường. Lúc đó có một cư sĩ tịnh tín chở hàng hóa từ thành Thất-la-phiệt đến Biên phương buôn bán, cũng đến chỗ trưởng giả ở trong tụ lạc đó gặp lúc trưởng giả đang cúng dường cho các ngoại đạo, trưởng giả bảo cư sĩ: "Hãy cùng tôi đến cúng dường thắng phước điền", cư sĩ nghe nói thắng phước điền tưởng là đệ tử Phật nên cũng muốn đến đảnh lễ, khi đến nơi mới biết là ngoại đạo lộ hình, nhưng không thể đối diện chê trách liền đứng im lặng. Các ngoại đạo thọ thực xong rồi trở về trú xứ, trưởng giả liền hỏi cư sĩ: "Há không phải là thắng phước điền hay sao?", cư sĩ nói: "Hạt giống thì tốt nhưng gieo xuống ruộng xấu có sỏi đá, đất phèn nên cuối cùng không thu hoạch được gì. Ngoại đạo lộ hình không biết xấu hổ và thường chấp chặt ác kiến", trưởng giả hỏi: "Ngoài phái ngoại đạo này còn có phước điền thù thắng hơn sao?", cư sĩ nói: "Có, đó là các đệ tử Thanh văn của Như lai đại sư", trưởng giả nói: "Nếu các vị ấy đến đây tôi sẽ cúng dường". Cư sĩ nghe rồi ghi nhớ trong lòng, sau khi buôn bán hàng hóa xong liền trở về thành Thất-la-phiệt, sau khi giao hàng ở chợ xong cư sĩ liền đến trong rừng Thệ-đa. Lúc đó Ô-

ba-nan-đà đang đứng ở cửa ngỏ của rừng Thệ-đa thấy cư sĩ từ xa đi đến liền vồn vả thăm hỏi: "Gần đây kinh doanh buôn bán có khá không?", cư sĩ đáp: "Gần đây tôi đến một tụ lạc ở Biên phương buôn bán, nơi đó có một trưởng giả xây cất một trú xứ cho bốn phương Sa môn, Bà-la-môn đến dừng nghỉ và cúng dường thức ăn. Ông ấy rất ngưỡng mộ các đệ tử của Phật", Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền suy nghĩ: "Đừng để cho các Hắc-bát nghe biết được việc này", nghĩ rồi liền nói với cư sĩ: "Tại sao cư sĩ lại nói với tôi việc đó, ông cho tôi là người không tu tập thiền tư, không siêng năng độc tụng, chỉ nghĩ đến y thực hay sao?", cư sĩ nghe rồi liền suy nghĩ: "Ô-ba-nan-đà là một trong những người tham lam không biết nhàm đủ trên thế gian này, vậy mà vừa nghe ta nói đến việc này liền chê trách huống chi các đại đức khác", nghĩ như vậy nên cư sĩ không đến nói cho các Bí-sô biết mà cáo từ ra về. Sau khi cư sĩ ra về Ô-ba-nan-đà liền đến nói với Lục chúng: "trong một tụ lạc ở Biên phương có một trưởng giả tín tâm xây cất một trú xứ cho bốn phương sa môn, Bà-la-môn đến dừng nghỉ và cúng thức ăn. Chúng ta nên đến đó thọ cúng dường của trưởng giả", nói rồi cả sáu người cùng đến chỗ trưởng giả ở Biên phương. Đến nơi liền chúc cho trưởng giả được không bịnh sống lâu, trưởng giả hỏi: "Các vị là ai?", đáp: "Chúng tôi là đệ tử của Phật Thế tôn", trưởng giả nói: "Lâu nay tôi mong mỏi được gặp Phật và Thánh chúng, nay các vị đến thật xứng với bổn tâm. Trước đây tôi có xây cất một trú xứ cho bốn phương Sa môn, Bà-la-môn đến dừng nghỉ và cúng dường thức ăn, các vị hãy đến đó", Lục chúng hỏi: "Ở đó có ngọa cụ ngồi nằm không?", trưởng giả nói: "Trước kia không có nhưng nay tôi sẽ cho chở đến". Lúc đó các ngoại đạo lộ hình đều đi ra ngoài giáo hóa tìm chỗ nào tốt hơn, chỉ để lại một người coi giữ trú xứ, người này thấy Lục chúng vào nhà liền nói: "Sa môn Thích tử sao lại đến đây, nhà này không phải là trú xứ của các vị", Lục chúng nói: "Vậy chỗ này là trú xứ của ngươi chắc?, nếu ngươi im lặng thì có thể cho ngươi ở, nay ngươi mở miệng nói thì phải bị trị phạt", ngoại đạo nghe rồi liền suy nghĩ: "Họ có sáu người, ta chỉ có một mình làm sao đối địch lại họ, ta nên tránh đi chớ để bị nhục". Lục chúng ở trong trú xứ này hằng ngày đến nhà trưởng giả thọ thực, sau đó trưởng giả có việc cần phải đến thôn khác nên nói với lục chúng: "Tôi có chút việc cần qua đến thôn kia, các vị cứ đến nhà tôi thọ thực như thường ngày", Trưởng giả dặn bảo người nhà rồi đi. Khi đến nhà trưởng giả thọ thực, Ô-đà-di nói với Ô-ba-nan-đà: "Trưởng giả đi rồi, chúng ta không cần phải làm ra vẻ mô phạm nữa, hãy buông thả oai nghi cho thoải mái", Ô-ba-nan-đà bằng lòng. Lúc đó các người nữ đến dâng cúng thức ăn, Lục chúng nói với nhau: "Hãy nhìn các người nữ này, mắt, tai, mũi miệng… thảy đều

đoan chánh, có thể thọ dụng được", các người nữ nghe rồi xấu hổ bỏ vào trong nhà, đợi Lục chúng ăn xong mới ra thu dọn. Sau khi xong việc trưởng giả liền trở về hỏi người nhà có cúng dường thức ăn đầy đủ không, người nhà nói: "Cần gì phước điền xấu xa như thế", trưởng giả hỏi rõ nguyên do, người nhà nói: "Những kẻ si cuồng, phường hát xướng… dù có nói những lời thô bỉ cũng không bằng những lời thốt ra từ thắng phước điền của ông", thấy Trưởng giả không tin nên người nhà nói: "Nếu ông không tin thì hãy tự xét nghiệm sẽ rõ", Trưởng giả nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta cũng nên tụ xét nghiệm để hiểu rõ thực hư". Vài ngày sau trưởng giả đến nói với lục chúng: "Tôi nay cũng còn chút việc cần phải đi đến thôn kia, các vị cứ đến nhà tôi thọ thực như thường ngày". Sau đó trưởng giả ẩn trong căn phòng bên cạnh theo dõi Lục chúng qua một lỗ nhỏ, thấy khi người nữ ra dâng cúng thức ăn thì Lục chúng trêu chọc: "Hãy nhìn người nữ này, dung mạo đoan nghiêm, mi dài thanh tú, dáng vẻ hợp độ có thể ái niệm…", trưởng giả nghe rồi liền suy nghĩ: "Họ quả thật không phải thắng phước điền, nhưng ta không nên cắt đứt sự cúng dường, ta nên lập phương tiện khiến họ tự bỏ đi". Nghĩ rồi sáng hôm sau trưởng giả cho bớt một cái bánh, qua ngày thứ hai lại bớt thêm một cái bánh, cứ như vậy giảm bớt dần đến khi chỉ còn bánh đỏ nước chua, Lục chúng nói với nhau: "Ẩm thực đã hết, chúng ta dứt tâm hy vọng rồi nên đi thôi". Trước khi đi Lục chúng đuổi ngoại đạo coi giữ trú xứ: "Chúng ta bị đoạn tuyệt thức ăn ngon đều là do ngươi, ngươi hãy rời khỏi chỗ này". Ngoại đạo này đành phải rời khỏi trú xứ du hành tình cờ gặp lại các ngoại đạo đồng môn, các ngoại đạo đó liền hỏi: "Chúng ta bảo ngươi ở lại coi giữ trú xứ, tai sao lại du hành?", đáp: "Nhóm Lục chúng đuổi tôi đi", các ngoại đạo nói: "Chúng ta có sáu mươi người há chịu thua nhóm Lục chúng hay sao, chúng ta nên đánh chúng cho đã tay rồi đuổi chúng đi ", vị thượng tọa của các ngoại đạo nói: "Khi nào tôi nói hành động thì các vị cứ mười người trói lấy một người, đánh cho nhừ tử rồi kéo ra ngoài". Tất cả ngoại đạo cùng vào thôn đến nhà trưởng giả hỏi: "Ông xây cất trú xứ vốn cho ai?", đáp: "Tôi xây cất trú xứ vốn không vì riêng ai, bốn phương có ai đến đều được ở và được cúng dường", ngoại đạo nói: "Tâm ông bình đẳng không có thiên vị ai", nói rồi cùng đi đến trú xứ để gặp lục chúng. Vừa đến liền nói: "Này sa môn Thích tử, đây không phải là trú xứ của ngươi, phải đi ra mau, không được ở trong đây nữa, nếu không đi ra chúng ta sẽ hạ độc thủ", Ô-ba-nan-đà nói: "Này ngoại đạo, nếu đây không phải là trú xứ của chúng ta thì là trú xứ của các ngươi chắc?". Vị thượng tọa của ngoại đạo nổi giận liền ra lịnh hành động, các ngoại đạo cứ mười người bắt trói lấy một người đánh cho đã tay. Nan-đà

nói: "Các cụ thọ phải tự bảo vệ tai mắt của mình đừng để bị đánh mù mắt khiến các đồng phạm hạnh chê cười", nói rồi quay sang nói với các ngoại đạo: "Các vị có đánh thì đánh ở vai, cánh tay, lưng hay bắp chân". Các ngoại đạo đánh đã rồi tay chân đều ê ẩm nên dừng tay, lúc đó Xiển-đà liền ra lịnh: "Này các cụ thọ, giờ tới phiên chúng ta hành động". Lục chúng đều là người có sức mạnh và biết võ nghệ, tay phải đánh ngã năm ngoại đạo, tay trái quật ngã năm ngoại đạo rồi dùng gậy hoặc tay chân đánh đá các ngoại đạo nhừ tử. Ô-đà-di nói: "Các cụ thọ nên hộ tội căn bản, đừng giết chết họ mà phạm tội Ba-la-thị-ca". Lục chúng đánh nhừ tử rồi xô các ngoại đạo ra ngoài, A-thuyết-ca nói: "Này các cụ thọ, chúng ta chiến thắng hay là làm nhục Tăng đồ?, chúng ta nên trở về thành Thất-la-phiệt". Lúc đó ở phương nam có một luận sư ngoại đạo tên là Lô-ca-du-đa lập thuyết không có đời sau, muốn tìm người luận nghị nên đi đến thành Thất-la-phiệt vào trong rừng Thệ-đa gặp tôn giả Kiều-trần-như nói rằng: "Này Bí-sô, tôi đã từng học ít học nghiệp nơi thầy tôi, nay tôi muốn cùng ông lập luận", tôn giả nói: "Này Bà-la-môn, ông hãy luận nghị với những người thích luận nghị vì ngôn đàm này không phải là điều tôi ưa thích". Sau đó Bà-la-môn đi đến chỗ các đại đức như tôn giả Mã thắng, Hiền thiện, Đại danh… để cầu luận nghị nhưng đều bị khước từ. Cuối cùng đến chỗ tôn giả Xá-lợi-tử muốn cùng tôn giả lập luận, tôn giả nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta hãy quán xem người này có thiện căn không", liền quán biết có chút thiện căn, lại quán biết mình độ được, lại quán biết có các hữu tình khác cũng được giáo hóa, lại quán biết sáu ngày sau mới là thời gian thích hợp. Quán biết rồi liền cùng Bà-la-môn này suốt trong sáu ngày chỉ lập chút ít luận tông, còn các nghĩa vi diệu khác đợi đến ngày thứ bảy. Đến ngày thứ bảy xa gần đều nghe biết tin: Luận sư ngoại đạo ở phương nam chủ trương không có đời sau, đến rừng Thệ-đa khích luận với tôn giả Xá-lợi-tử trong sáu ngày qua không có hơn thua. Vì thế vào ngày thứ bảy đều đến tụ tập ở chỗ khích luận để biết kết quả cuối cùng ai thắng ai thua có đến trăm ngàn vạn ức hữu tình. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-tử biết chúng hữu tình đã tập họp và quán biết thời cơ đã đến liền dùng luận nghĩa thâm diệu để hàng phục vị luận sư kia khiến không nói được lời nào. Luận sư này bị khuất phục rồi tâm sanh kính tín chắp tay cung kính bạch rằng: "Đại đức, con nguyện được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, thánh tánh Bí-sô ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh". Tôn giả Xá-lợi-tử cho ngoại đạo này xuất gia và thọ viên cụ rồi dạy pháp thức của vị Bí-sô, Bí-sô này chuyên tâm tu tập đoạn trừ các phiền não, chứng A-la-hán, ba minh, sáu thông, đủ tám giải thoát, được như thật tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không

còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Lúc đó đại chúng đều sanh tâm hi hữu nói rằng: "Vị luận sư này là người vô địch nhưng tôn giả Xá-lợi-tử dùng vô ngại biện tài hàng phục được, lại cho xuất gia thọ cụ giới chuyên tâm tu tập và được chứng A-la-hán". Đại chúng càng kính tin bội phần, tôn giả Xá-lợi-tử liền quán theo ý nhạo tùy miên giới tánh sai biệt của đại chúng xứng với căn cơ nói pháp khiến cho mười hai ức hữu tình hoặc được pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất; hoặc chứng quả dự lưu, Nhất lai, Bất lai, hoặc xuất gia cuối cùng chứng quả A-la-hán; hoặc phát tâm thinh văn, hoặc phát tâm Độc giác, hoặc phát tâm vô thượng bồ đề, quy y Tam bảo. Sáng hôm đó tôn giả Xá-lợi-tử hàng phục được ngoại đạo thì sau bửa ăn Lục chúng trở về đến trong vườn Cấp, các Bí-sô thấy lục chúng trở về liền thăm hỏi vài câu rồi nói: "Các cụ thọ bạc phước không thấy được một sự việc trọng đại, đó là tôn giả Xá-lợi-tử vừa hàng phục được một ngoại đạo luận sư ở phương Nam khiến cho vị ấy bỏ tục xuất gia cuối cùng chứng quả A-la-hán và hàng ức hữu tình đều đắc pháp hoặc chứng quả hoặc phát tâm". Lục chúng nghe rồi liền nói: "Này các cụ thọ, việc đó chưa phải là hi hữu, vì sao, vì tôn giả Xá-lợi-tử là Đại pháp tướng thứ hai trợ giúp Thế tôn chuyển pháp luân, hàng phục được ngoại đạo là lẽ đương nhiên; nếu tôn giả Xá-lợi-tử thua cũng còn có đại sư một bên trợ giúp, nhưng việc làm của chúng tôi vừa qua mới thật là hi hữu, vì sáu người chúng tôi đã hàng phục được sáu mươi ngoại đạo". Các Bí-sô hỏi: "Hàng phục như thế nào?", đáp: "Thuần dùng bổng thuật (đánh bằng gậy gộc) và dùng thân nói pháp", các Bí-sô hỏi: "Vậy họ còn sống hay chết?", đáp: "Lúc đó thì còn sống nhưng bây giờ thì không biết sống chết thế nào", các Bí-sô nghe rồi đều chê trách: "Tại sao Bí-sô lại làm việc cực ác như vậy, đáng lẽ phải xấu hổ, vậy mà còn buông lung kiêu ngạo". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô ở trú xứ của ngoại đạo, được ngủ qua một đêm và ăn một bữa cơm, nếu thọ dụng nữa thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Thời gian sau cư sĩ tín tâm lại mang hàng hóa đến chỗ trưởng giả trong tụ lạc trước kia, lúc đó trưởng giả vẫn còn cúng dường cho các ngoại đạo lộ hình, ông bảo cư sĩ cùng ông tùy hỉ cúng dường cho thắng phước điền, cư sĩ tưởng thắng phước điền mà ông nói là đệ tử Thinh văn của Phật nên đến, không ngờ lại là ngoại đạo lộ hình, nhưng không thể đối diện nói lời gì. Sau khi các ngoại đạo ăn xong ra về cư sĩ mới nói với trưởng giả:

"Thắng phước điền vẫn la đệ tử Thanh văn của Thế tôn", Trưởng giả nghe rồi liền nói: "Ông đừng nói tới các vị ấy nữa, tôi không muốn nghe huống là muốn gặp", cư sĩ hỏi: "Các vị đã đến rồi sao?", đáp: "Đã đến", lại hỏi: "Đó là những vị nào?", đáp: "Chính là Lục chúng Bí-sô", lại hỏi: "Các vị đó đến đã làm việc xấu gì?", trưởng giả liền đem sự việc trước đó kể lại, cư sĩ nói: "Ông ở trong biển cả đã lấy nhầm lưu ly giả rồi", trưởng giả nghe rồi liền hỏi: "Thế tôn còn có đệ tử tốt hay sao?", đáp: "Có rất nhiều, đó là tôn giả Xá-lợi-tử, Đại Mục-kiền-liên… nếu ông gặp được sẽ khởi tâm tín kính và được việc chưa từng có", trưởng giả nói: "Nếu các vị ấy đến đây, tôi sẽ cúng dường", cư sĩ nghe rồi liền suy nghĩ: "Ngày trở về ta sẽ bạch với Thế tôn". Sau khi mua bán xong hàng hóa, cư sĩ liền trở về thành Thất-la-phiệt, sắp đặt mọi việc xong liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, tại tụ lạc ở Biên phương có một trưởng giả xây cất một trú xứ cho bốn phương Sa môn, Bà-la-môn đến dùng nghỉ và cúng dường thức ăn. Ông ta rất kính ngưỡng đệ tử của Thế tôn, xin Thế tôn thương xót cho Bí-sô đến đó giáo hóa để toại lòng tín kính của họ", Thế tôn im lặng nhận lời, cư sĩ biết thế tôn đã nhận lời rồi liền kính lễ rồi ra về. Lúc đó Thế tôn suy nghĩ: "Vị nào có túc duyên với Trưởng giả và quyến thuộc cùng mọi người trong tụ lạc đó", liền quán biết chỉ có cụ thọ Xá-lợi-tử có túc duyên có thể giáo hóa được họ. Quán biết rồi Thế tôn liền bảo tôn giả Xá-lợi-tử: "Thầy hãy đến trong tụ lạc ở Biên phương để độ trưởng giả cùng quyến thuộc và mọi người ở nơi đó". Tôn giả vâng lời Phật dạy, cùng năm trăm Bí-sô đi đến chỗ trưởng giả trong tụ lạc đó , Trưởng giả liền đến chỗ tôn giả Xá-lợi-tử đảnh lễ rồi ngồi một bên, tôn giả vì trưởng giả nói diệu pháp chỉ dạy được lợi hỉ rồi im lặng. Trưởng giả chắp tay bạch rằng: "Cúi xin đại đức và đại chúng thương xót sáng mai đến nhà con thọ thực", tôn giả im lặng nhận lời, trưởng giả biết tôn giả đã nhận lời liền kính lễ rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm ấy trưởng giả lo liệu đầy đủ các món ăn thượng diệu, trời vừa sáng liền trải tòa để nước rửa chân… rồi bảo sứ giả đến bạch tôn giả: "Thức ăn đã lo liệu xong, xin Thành giả biết thời". Tôn giả Xá-lợi-tử sáng sớm cùng Đại chúng đắp y mang bát đến nhà trưởng giả ngồi vào chỗ ngồi, trưởng giả thấy Đại chúng đã an tọa liền dâng cúng thức ăn thượng diệu cho Đại chúng được no đủ… cho đến câu trưởng giả thỉnh tôn giả nói pháp, tôn giả nói: "Nếu muốn nghe pháp phải chọn một nơi thoáng mát rộng rãi, trải nhiều chỗ ngồi rồi đánh trống thông báo cho mọi người đều biết: Sáng mai có tôn giả Xá-lợi-tử tuyên dương diệu pháp, các vị hãy tụ tập đến nghe", chỉ dẫn cho trưởng giả rồi tôn giả liền nói kệ:

"Người đã làm bố thí,

Chắc chắn được nghĩa lợi.
Nếu vì vui nên thí,
Sau sẽ được an lạc".

Tôn giả nói kệ rồi liền cùng Đại chúng trở về trú xứ tạm nghỉ, lúc đó trưởng giả y theo lời dạy của tôn giả mà làm. Sáng hôm sau, tôn giả cùng Đại chúng dùng tiểu thực xong liền đến chỗ pháp tràng lên bảo tào an tọa, lúc đó đã có vô lượng trăm ngàn hữu tình vân tập đến để nghe diệu pháp. Tôn giả quán biết ý nhạo tùy miên giới tánh sai biệt ủa đại chúng xứng căn cơ nói pháp khiến cho trưởng giả cùng quyến thuộc và trăm ngàn chúng hữu tình hoặc được bốn thiện căn, hoặc chứng bốn Thánh quả cho đến tùy duyên phát tâm ba loại bồ đề quy y Tam bảo. Lúc đó tôn giả vì nói pháp cho đại chúng quá lâu nên lưng phát bịnh phong, lại qua giờ ngọ không thể thọ thực được, trưởng giả liền thỉnh tôn giả cùng đại chúng ở lại lâu hơn để họ cúng dường tứ sự, tôn giả nói: "Trước kia do ông làm duyên nên Phật đã chế giới, nay tôi phải ra đi". Lúc đó tôn giả bị bịnh lại đoạn thực nên sức càng yếu, gắng gượng cùng đai chúng trở về thành Thất-la-phiệt. Về đến nơi các Bí-sô liền hỏi thăm đi đường có an không, các đệ tử của tôn giả nói: "Cũng an mà cũng không an", các Bí-sô hỏi nguyên nhân, liền đáp: "Ô-ba-đà-di của tôi đã tế độ được mọi người ở tụ lạc đó, đây là điều an lạc, nhưng vì thuyết pháp quá lâu nên lưng phát bịnh phong, một ngày không ăn lại lặn lội đường xa, sức khỏe càng yếu. Đây là điều không an lạc". Các Bí-sô nghe rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Từ nay cho phép các Bí-sô được mang theo võng để tự an nghỉ và ở chỗ thí một bữa ăn nên trừ nhân duyên bịnh". Lúc đó Thế tôn khen ngợi người trì giới… rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô ở trú xứ ngoại đạo, được ngủ qua một đêm và ăn một bữa cơm, trừ nhân duyên bịnh, nếu thọ dụng quá thì phạm Ba-dật-đề-ca"

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Trú xứ ngoại đạo là thí chủ đem trú xứ cho ngoại đạo ở trước.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ở trú xứ khác đã thọ một bữa ăn, nếu ngủ qua một đêm nữa thì phạm Ác-tác, nếu thọ thức ăn nữa thì phạm Đọa. Nếu ngủ đêm ở chỗ này mà ăn ở chỗ khác, khi ngủ phạm Ác-tác, khi ăn không phạm. Nếu ngủ đêm ở chỗ khác còn ăn ở đây thì khi ngủ không lỗi, khi ăn phạm Đọa. Nếu ngủ đêm ở chỗ khác và ăn ở chỗ khác, tạm thời đến đây thì không phạm. Nếu nơi đây có nhiều người cộng tác hoặc thí chủ mời ở lại hoặc trú xứ này do bà con xây cất thì ăn quá một bữa không phạm. Không phạm

nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Ba Mươi Ba: ***THỌ THỰC QUÁ BA BÁT***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó ở phương bắc có một đại thương chủ đến dừng nghỉ ở ngoài thành, Lục chúng nghe tin liền nói với nhau: "Ở phương Bắc có một đại thương chủ đến dừng nghỉ ở ngoài thành, chúng ta nên đến xem có thể khuyến hóa được chút gì chăng. Nếu đến đó thương chủ mời ăn, chúng ta nên nói là đã có thức ăn đầy đủ rồi; nếu thương chủ cúng y thì nhận vì y cần thiết cho chúng ta". Bàn xong Lục chúng đến chỗ thương chủ thăm hỏi: "Thương chủ đi dường xa có nhọc mệt lắm không?", đáp: "Đã làm nhọc các Thánh giả đến thăm hỏi", Lục chúng nói: "Nếu có thể được chúng tôi sẽ nói pháp cho thương chủ nghe", thương chủ liên cung kinh chắp tay nghe pháp, nghe pháp xong thương chủ mời ở lại thọ thực, Lục chúng nói: "Chúng tôi đã ăn no đủ rồi, không làm phiền thương chủ". Vài ngày sau Lục chúng lại đến và cũng nói pháp, thương chủ lại thỉnh thọ thực, Lục chúng lại từ chối. Thời gian sau, thương chủ bàn với các thương nhơn: "Nơi đây thiếu cỏ, chúng ta nên lùa bò đến thôn , ở đó có cỏ cho bò ăn", bàn xong liền lùa bò ngựa đến trong thôn xóm đó. Hôm sau Lục chúng lại đến định nói pháp cho thương chủ nghe, nhưng đến nơi không thấy còn người nào nên đứng buồn thiu. Thấy có người đi đến Ô-ba-nan-đà liền hỏi thăm thương chủ đi đâu, người đó đáp: "Vì nơi đây thiếu cỏ nên họ tạm lùa bò ngựa đến thôn để tìm cỏ cho bò ngựa ăn và mua bán hàng hóa, không bao lâu sau sẽ trở lại". Lục chúng nghe rồi liền cùng đi đến thôn tìm thương chủ, từ xa trông thấy thương chủ, Lục chúng liền nói kệ:

"Biên phương đường hiểm không nên đến,
Dù có đi cũng chớ dừng ở,
Chẳng những nơi chốn không nên đến,
Người nơi ấy cũng chớ kết bạn,
Kẻ ở núi hiểm mới gặp tốt,
Như vàng mài đá mất tươi sáng.
Người ở Trung phương không như vậy,
Thỉ chung không đổi như núi Nhạc".

Thương chủ nghe kệ rồi nói: "Các Thánh giả vì sao lại phiền giận, vừa gặp đã quở trách?", Lục chúng nói: "Chúng tôi đã cùng các vị bày tỏ tình nghĩa, bỏ việc tu phẩm thiện để đến nói pháp cho các vị nghe, tại sao các vị không một lời từ biệt bỏ đi đến nơi đây", thương chủ nói: "Chúng tôi chỉ tạm thời đến chỗ này tìm cỏ cho bò ngựa ăn, định đến ngày trở về sẽ

quay lại thành Thất-la-phiệt cáo biệt các Thánh giả", Xiển-đà nói: "Các vị hãy đến nghe chúng tôi nói pháp", các thương nhơn đều đến ngồi một bên nghe nói pháp, nghe pháp xong thương chủ thỉnh thọ thực, Lục chúng lại chối từ, Thương chủ nói với các thương nhơn: "Đã nhiều lần thỉnh thọ thực các Thánh giả đều chối từ không thọ, phải chăng các vị ấy cần y phục, nếu như thế thì chúng ta nên tùy tâm đem y cúng dường". Nói rồi mỗi người lấy ra một trương tơ lụa thượng hảo để dâng cúng cho Lục chúng. Lục chúng được y liền chú nguyện cho họ được phước lợi vô biên rồi nói: "Các vị thường thỉnh chúng tôi thọ thực, vậy hãy mang đến xem thử là món gì?", các thương nhơn liền mang bánh trái ra mời, Ô-đà-di đưa cái bát lớn ra bảo bỏ vào bát, thương chủ thấy bát quá lớn liền suy nghĩ: "Bỏ đầy bát này có thể đủ cho sáu người ăn no", tuy nghĩ như vậy thương chủ vẫn bỏ đầy bát. Cứ như thế bỏ đầy bát cho cả sáu người thì tất cả thức ăn cũng vừa hết, thương chủ nói với Lục chúng: "Tất cả lương thực của chúng tôi đều đã cúng hết cho các vị, chúng tôi bảo một người đi theo các vị vào thành để mua lương thực, khi trở về nhờ các vị cho người giúp đỡ dọc đường để tránh bị giặc cướp". Lục chúng nói: "Chúng tôi sẽ giúp". Thương chủ liền cho người đi theo Lục chúng, sau khi mua xong lương thực vào đến trong chùa, Lục chúng liền sai làm việc này việc nọ mãi đến chiều tối mới bảo trở về. Vì đã chiều tối nên khi đi qua con đường hiểm liền bị giặc cướp cướp hết lương thực, về đến chỗ các thương nhơn liền đem sự việc trên kể lại, các thương nhơn nghe rồi đều chê trách: "Các Thích tử này mất hạnh sa môn, tại sao nhận sự ủy thác rồi lại dối gạt chúng ta như thế". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới.

Trong thành Thất-la-phiệt có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một gái bị khuyết tật, chột mắt bên phải. Đến khi lớn khôn , các bạn gái đồng lứa tuổi đều đã lấy chồng, chỉ riêng người con gái mắt chột này là không có ai đến cưới hỏi. Cũng trong thành này có một cư sĩ cưới một người nữ trong dòng tộc làm vợ, không bao lâu sau người vợ qua đời; thời gian sau cư sĩ này cưới thêm người vợ thứ hai lại cũng qua đời , cứ như vậy cho đến cưới người vợ thứ bảy lại cũng qua đời. Vì thế cư sĩ được mệnh danh là người hại vợ, lúc đó ông muốn cưới thêm vợ nữa, dù là đàn bà góa cũng không ai chịu ưng. Do tìm vợ không được nên ông phải một mình lo liệu mọi việc trong nhà, thời gian sau có một người bạn cũ đến thăm thấy ông lo liệu mọi việc trong nhà liền nói: "sao ông không tìm cầu người vợ khác", đáp: "Tuy có tìm cầu nhưng không ai chịu gả", lại hỏi: "Sao ông không tìm những người góa chồng?", đáp: "Ngay cả đàn bà góa cũng không ai chịu ưng", người bạn cũ nói: "Trong nhà của trưởng giả tên

có một con gái bị khuyết tật, mắt chột bên phải tuy tuổi đã lớn nhưng không có ai đến hỏi cưới, ông đến hỏi thử xem". Người hại vợ này liền nghe theo lời bạn đến nhà ông trưởng giả đó hỏi cưới người con gái bị chột mắt, cha của cô gái bằng lòng gả và nói: "Tùy thấy ngày giờ nào tốt thì làm lễ thành hôn". Người hại vợ vui mừng trở về chờ đến ngày giờ tốt thì làm lễ thành hôn, lúc đó người bạn cũ sau khi khuyên bạn đi hỏi cưới người con gái mắt chột rồi liền suy nghĩ: "Ta khuyên bạn ta cưới người con gái mắt chột là điều không nên, cô gái này có tướng ác nếu cưới về sẽ hại chết bạn ta", nghĩ rồi liền đến nhà người bạn hại vợ hỏi: "Có hỏi cưới được người con gái mắt chột không?", đáp: "Hỏi được rồi", người bạn cũ liền nói kệ:

"Nhà ba la sắp xếp gọn sạch,
Như người nằm ngủ gối đầu Tây,
Người chột mắt phải cưới làm vợ,
Có thể làm tổn trời Đế Thích,
Hai ác gặp nhau ắt có tổn,
Ví như hai đá chạm cùng nhau,
Cả hai đều là người làm hại,
Nếu cưới nhất định gặp chết chóc".

Nói kệ rồi liền bảo người hại vợ: "Ông hãy nghe tôi, nếu ông cưới người con gái chột mắt phải này về e rằng ông sẽ bị thiên táng (chết), ông hãy hủy bỏ việc cưới hỏi này. Tôi có người em gái ở góa, nếu ông tương ưng tôi sẽ tác hợp thành đôi lứa". Người hại vợ nói: "Đã định ngày giờ làm sao hủy bỏ được, phải lập bày phương tiện gì để không mất lòng bên kia", người bạn cũ nói: "Nếu được như vậy thì tốt". Lúc đó bên nhà gái, cha mẹ của người con gái chột mắt đã sắm sửa xong các thứ cho ngày thành hôn. Trước đó một ngày Lục chúng theo thứ lớp khất thực đến nhà người con gái mắt chột này, thấy sửa soạn đầy đủ các thứ với các món ăn và bánh trái thượng diệu liền hỏi: "Hôm nay trong nhà có tiết hội gì?", mẹ cô gái đáp: "Sắp đến ngày thành hôn của con gái tôi nên chúng tôi lo liệu sẵn các thứ", Lục chúng hỏi: "Nếu có hỉ sự như vậy, có thể cho chúng tôi ít thức ăn được không?", mẹ cô gái liền lấy thức ăn và bánh trái ra bỏ đầy bát cúng cho Lục chúng thì cũng vừa hết, Lục chúng được thức ăn ngon liền chú nguyện cho người mẹ cô gái được không bịnh sống lâu rồi ra về. Lúc đó mẹ cô gái nói với người chồng: "Vừa rồi có phước điền đến, tôi đã đem thức ăn và bánh trái dâng cúng hết rồi, ông nên đến bên nhà trai xin dời lại ngày giờ tốt hôm khác để tôi sắm sửa lại các thứ", người chồng nói: "Họ không chịu dời ngày khác đâu, chúng ta cứ gả con gái trước rồi thiết đãi tôn thân sau", người vợ nói: "Ông ta là người hại vợ đâu có ai chịu gả con cho ông ta, ông cứ qua

bên đó xin dời lại ngày khác để tổn phí chung một lần", người chồng nghe theo lời vợ qua bên nhà trai nói với người hại vợ: "Này hiền thủ, bên nhà tôi đã sắm sửa phẩm vật đâu đó xong xuôi, định đưa con gái về nhà chồng, không ngờ Lục chúng phước điền đến khất thực đã thọ hết thức ăn, xin hãy dời lại ngày giờ tốt khác để bên nhà tôi sắm sửa lại các thứ", người hại vợ nói: "Ngày giờ tốt đã chọn rồi không thể dời lại được, nếu dời thì tôi sẽ hủy bỏ hôn ước này". Người chồng trở về nói lại cho vợ nghe, người vợ nói: "Ông ấy đã hại chết nhiều vợ rồi, đâu có ai chịu gã con gái cho ông ta chứ", người vợ chủ quan nói như vậy rồi từ từ sắm sửa lại mọi thứ để ngày ước hẹn thành hôn trôi qua, người hại vợ nghe biết rồi liền đem lễ vật hỏi cưới người em gái góa chồng của người bạn cũ về làm vợ. Bên nhà gái lúc đó cũng vừa sắm sửa lại đầy đủ mọi phẩm vật, người vợ bảo người chồng qua bên nhà trai báo ngày làm lễ thành hôn, người chồng liền qua bên nhà trai báo thì bên nhà trai nói rằng: "Ngày giờ tốt ước hẹn thành hôn đã trôi qua rồi, nay tôi không cưới nữa". Bên nhà gái liền đến quan kiện, quan đoán sự y theo lý xử nên bên nhà gái thua kiện, lúc đó người vợ của ông trưởng giả thương con gái nên khóc kể: "Con gái tôi lâu nay không lấy được chồng, nay vừa có người đến hỏi cưới, chỉ vì Lục chúng Bí-sô mà con gái tôi không được thành hôn". Láng giềng nghe biết cùng chê trách Lục chúng Bí-sô, các Bí-sô nghe biết liền bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có nhiều Bí-sô đến trong nhà thế tục, có Bà-la-môn, Cư sĩ tịnh tín… ân cần thỉnh cúng bánh bún… các món ăn, Bí-sô cần thì được thọ hai, ba bát, nếu thọ quá thì phạm Ba-dật-để-ca. Thức ăn đã thọ được mang về trú xứ, nếu có Bí-sô thì nên cùng chia cho nhau ăn. Đây là thời".

Nếu lại có nhiều Bí-sô là chỉ cho Lục chúng, trên hai người thì gọi là nhiều. Nhà thế tục tức là nhà của cư sĩ bạch y, Bà-la-môn… Hai ba bát: Bát có ba bậc thượng trung và hạ, bát bậc thượng của nước Ma-kiệt-đà đựng được hai thăng gạo nấu thành cơm; bát bậc trung đựng được một thăng rưỡi gạo nấu thành cơm; bát bậc hạ đựng được một thăng gạo nấu thành cơm.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Khi Bí-sô dùng ba bát cỡ lớn thọ thức ăn của người khác thì phạm Ác-tác, khi ăn phạm Đọa. Nếu dùng hai bát cỡ lớn một bát cỡ vừa thọ thức ăn của người cũng phạm Ác-tác, khi ăn phạm Đọa. Nếu dùng hai bát cỡ lớn một bát cỡ nhỏ thọ thức ăn của người cũng phạm Ác-tác, khi ăn phạm Đọa. Nếu dùng hai bát cỡ vừa một bát cỡ lớn thọ thức ăn của người phạm tội nhẹ nặng giống như trên. Tóm lại, nếu Bí-sô khi thọ thức ăn của thí chủ quá

hạn lượng bốn thăng rưỡi gạo nấu thành cơm đều phạm Đọa. Nếu dùng một bát lớn một bát vừa một bát nhỏ, hoặc chỉ hai bát lớn, hoặc hai bát vừa một bát nhỏ, hoặc hai bát nhỏ một bát lớn, hoặc hai bát nhỏ một bát vừa, hoặc ba bát vừa, hoặc ba bát nhỏ đều không phạm. Nếu thí chủ nói lấy nhiều ít tùy ý thì cũng không phạm, không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 36

Học Xứ Thứ Ba Mươi Bốn: ***ĂN NO ĐỦ***

Đức Bạc-già-phạm ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Khi ta hành theo pháp Nhất tọa thực, ta thường được thiểu dục, không bịnh, thân tâm khinh an, được an lạc trụ. Các thầy cũng nên hành theo pháp Nhất tọa thực… để được an lạc trụ". Các Bí-sô nghe Phật nói hành theo pháp Nhất tọa thực được công đức như thế nên tất cả đều hành theo, nhưng khi đang ăn thấy A-giá-lợi-da, Ô-ba-đà-da cho đến các bậc kỳ túc khác đến đều đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi; đã rời khỏi chỗ ngồi liền cho là ăn đủ nên không dám ăn nữa, do ăn không đủ nên sắc mặt xanh xao, thân thể gầy yếu. Thế tôn biết rõ nguyên do mà vẫn hỏi A-nan-đà: "Vì sao các Bí-sô sắc mặt lại xanh xao và thân thể gầy yếu?", đáp: "Do Thế tôn dạy hành theo pháp Nhất tọa thực được an lạc trụ nên tất cả các Bí-sô đều hành theo pháp này, nhưng khi thấy hai thầy và các bậc kỳ túc khác đến đều đứng dậy chào hỏi, đã rời khỏi tòa ngồi liền cho là ăn đủ nên không dám ăn nữa; do ăn không đủ nên sắc mặt xanh xao thân thể gầy yếu", Phật bảo A-nan-đà: "Bí-sô hành Nhất tọa thực khi đang ăn dù hai thầy hay ai khác đến cũng không nên đứng dậy, cứ tùy ý ăn cho no". Sau đó các Bí-sô tùy có được chút ít các loại canh rau đậu ăn rồi cho là ăn đủ liền đứng dậy, đã đứng dậy rồi nên không dám ăn nữa; do nhân duyên này nên gầy yếu, Thế tôn lại hỏi A-nan-đà nguyên do, A-nan-đà liền đem nguyên do trên bạch Phật, Phật nói: "Có năm loại thức ăn Kha-đãn-ni là củ, cọng, lá, hoa và quả nếu ăn thì không thành ăn đủ; có năm loại thức ăn Bồ-thiện-ni là cơm, bánh, bún, cá thịt nếu ăn thì thành ăn đủ. Nếu Bí-sô được ăn năm loại thức ăn Kha-đãn-ni trước thì sau được ăn năm loại thức ăn Bồ-thiện-ni. Nếu trước được ăn năm món Bồ-thiện-ni thì sau không nên ăn năm món Kha-đãn-ni, nếu ăn phạm tội Việt pháp". Sau đó các Bí-sô vừa thọ thực được một ít, vì có duyên sự nên đứng dậy, đã đứng dậy rồi nên không dám ăn nữa, do nhân duyên này nên gầy yếu, Thế tôn lại hỏi A-nan-

đà nguyên do, A-nan-đà đem nguyên do trên bạch Phật, Phật nói: "Có năm nhân duyên mới thành ăn đủ, lại có năm nhân duyên không thành ăn đủ. Thế nào là năm nhân duyên thành ăn đủ?

1. Biết đây là thức ăn: Tức là biết thuộc năm món Kha-đãn-ni hay thuộc năm món Bồ-thiện-ni.

2. Biết có người trao thức ăn: Tức là nam, nữ hay bán-trạch-ca…

3. Biết thọ rồi mới ăn: Tức là biết hai loại của năm món ăn trên thọ được từ người khác mà ăn.

4. Biết ngăn món ăn: Tức là biết ngăn hai loại năm món thức ăn trên.

5. Biết xả oai nghi: Là từ chỗ ngồi đứng dậy đi.

Ngược với năm nhân duyên trên thì không thành ăn đủ.

Lại có năm duyên thành ăn đủ và năm duyên không thành ăn đủ.

Thế nào là năm duyên thành ăn đủ? Một là thức ăn thanh tịnh, hai là có một ít thức ăn không thanh tịnh xen tạp, ba là không phải thức ăn thuộc ác xúc, bốn là có một ít thức ăn thuộc ác xúc xen tạp, năm là rời khỏi chỗ ngồi. Thế nào là năm duyên không thành ăn đủ? Một là thức ăn không thanh tịnh, hai là có phần nhiều thức ăn không thanh tịnh xen tạp, ba là thức ăn thuộc ác xúc, bốn là có phần nhiều thức ăn thuộc ác xúc xen tạp, năm là chưa rời khỏi chỗ ngồi ăn.

Lại có năm duyên thành ăn đủ và năm duyên không thành ăn đủ. Thế nào là năm duyên thành ăn đủ? Một là thấy người dọn đưa thức ăn đến, Bí-sô nói không cần; hai là hoặc Bí-sô nói hãy đi; ba là Bí-sô hoặc nói thôi, bốn là Bí-sô hoặc nói đã đủ, năm là Bí-sô hoặc nói ăn xong rồi. Năm cách nói trên là quyết đoán không thọ thêm thức ăn nữa; ngược với năm cách nói trên gọi là năm duyên không thành ăn đủ."

Như Thế tôn dạy Bí-sô không nên ăn quá no hay ăn rồi lại ăn nữa, lúc đó Lục chúng Bí-sô dù no hay không no vẫn ăn nữa, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô ăn đủ rồi lại nữa, phạm Ba-dật-đề-ca".

Sau đó có một trưởng giả thỉnh Phật và tăng đến nhà thọ thực, lúc đó có rất nhiều Bí-sô mắc bịnh, những người nuôi bịnh đi phó thực ăn no rồi lấy thức ăn mang về cho các Bí-sô bịnh ăn, nhưng các Bí-sô bịnh ăn không hết, người nuôi bịnh đã ăn đủ rồi nên không dám ăn nữa, lại không có cầu tịch hay tịnh nhân để cho họ ăn, bèn đem thức ăn dư đó đổ đống ở bên ngoài, chim quạ bay đến giành ăn kêu la inh ỏi. Thế tôn nghe rồi liền hỏi

A-nan-đà: "Vì sao có tiếng chim kêu la như thế?", A-nan-đà liền đem sự việc trên bạch Phật, Thế tôn suy nghĩ: "Nay ta nên làm cho các Bí-sô được an lạc trụ và thí chủ được phước thọ dụng, nên cho các Bí-sô tác pháp dư thực để ăn", nghĩ rồi liền bảo A-nan-đà: "Nay ta cho phép các Bí-sô tác pháp dư thực để được tùy ý ăn". Lúc đó các Bí-sô không biết tác pháp như thế nào liền bạch Phật, Phật nói: "Trường hợp Bí-sô ăn đủ rồi, lại có thí chủ đem hai loại của năm món ăn đến, nếu Bí-sô cần nên rửa tay sạch rồi thọ, sau đó mang đến chỗ Bí-sô đang ăn mà chưa rời khỏi chỗ ngồi, ở trước vị ấy nói rằng: "Cụ thọ, tôi Bí-sô tên đã ăn đủ rồi lại được hai loại của năm món ăn, ý muốn ăn nữa nên đến trước cụ thọ xin tác pháp dư thực". Bí-sô kia nên vì tác pháp dư thực bằng cách tự mình ăn vài miếng rồi nói: "Hãy mang đi, đây là thức ăn của thầy cứ tùy ý ăn". Sau khi tác pháp dư thực rồi, Bí-sô này được tùy ý ăn no. Nếu Bí-sô ăn đủ rồi, ý muốn ăn nữa mà không tác pháp dư thực, khi ăn phạm tội Việt pháp".

Có năm nhân duyên không thành tác pháp dư thực: ở ngoài giới, ở chỗ xa có che ngăn, ở sau lưng, ở một bên và vị đối tác pháp đã rời khỏi chỗ ngồi. Ngược với năm duyên trên thì thành tác pháp dư thực.

Lại có năm duyên không thành tác pháp dư thực: Ngoài giới, chỗ có ngăn che, không dùng đồ đựng, tay không cầm thức ăn đến và vị đối tác pháp đã rời khỏi chỗ ngồi. Ngược với năm duyên trên thì thành tác pháp dư thực. một người tác pháp dư thực rồi có nhiều Bí-sô đến cùng ăn đều không phạm.

Lúc đó Thế tôn khen ngợi người trì giới, tôn trọng giới nói pháp tùy thuận cho các Bí-sô rồi nói: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này như sau: Nếu lại có Bí-sô ăn đủ rồi, không làm pháp thức ăn dư mà ăn nữa thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng, Không làm pháp thức ăn dư là không đem hai loại của năm món ăn đến trước một Bí-sô khác-tác pháp.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu có Bí-sô ăn đủ rồi, khởi tưởng ăn đủ rồi và nghi mà ăn nữa thì phạm đọa. Ăn không đủ khởi tưởng là ăn đủ và nghi mà ăn nữa thì phạm Ác-tác. Ăn không đủ khởi tưởng ăn không đủ hoặc ăn đủ khởi tưởng là ăn không đủ mà ăn nữa đều không phạm. Lúc đó cụ thọ Ưu ba ly hỏi Phật: "Ăn những thứ cháo như thế nào được gọi là ăn đủ?", Phật nói: "Cháo vừa chín nếu dựng cái muỗng vào mà không ngã, hoặc lấy ngón tay vẻ cái móc mà dấu không mất, ăn loại cháo này được gọi là ăn đủ", lại hỏi: "Thế tôn, ăn loại bún như thế nào được gọi là ăn đủ?", Phật nói: "Bún khi nấu với

nước nếu dựng cái muỗng vào mà không ngã, hoặc dùng tay vẽ cái móc mà dấu không mất, ăn loại bún như thế được gọi là ăn đủ. Lại nữa tất cả loại cháo lỏng, bún lỏng đều gọi là ăn không đủ". Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Ba Mươi Lăm: ***KHUYÊN NGƯỜI KHÁC ĐÃ ĂN ĐỦ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt,

trong thành có một trưởng giả cưới vợ đã lâu mà không có con, thân thích đều qua đời nên gia đạo càng ngày càng sa sút. Lúc tuổi về già, trưởng giả nói với vợ : "Nay tôi tuổi già sức yếu không thể buôn bán kiếm tiền được nữa, tôi muốn bỏ việc đời đi xuất gia", người vợ nói: "Nếu ông có lòng tin thì cứ theo ý ông muốn". Trưởng giả liền đến trong rừng Thệ-đa gặp một Bí-sô trẻ liền đảnh lễ cầu xin xuất gia, Bí-sô nói: "Tôi còn nhỏ tuổi không thể độ cho ông xuất gia", trưởng giả nói: "Tôi vừa đến đây liền gặp đại đức, xin hãy chỉ giúp ai khác độ cho tôi xuất gia để tôi được toại bổn tâm". Bí-sô trẻ liền dẫn trưởng giả đến chỗ vị Thân giáo sư của mình đang tu tịch tĩnh trong rừng vắng, Bí-sô đảnh lễ thầy rồi bạch rằng: "Ô-ba-đà-da, thiện nam này muốn được xuất gia trong pháp luật khéo giảng nói, cúi xin Thân giáo sư độ cho ông ta xuất gia và thọ viên cụ", vị thầy nói: "Ta không có rảnh để dạy bảo họ, như Thế tôn có dạy: "Thà làm tên đồ tể thường làm việc giết hại, chứ đừng độ cho người xuất gia thọ viên cụ rồi không giáo thọ cho họ", Bí-sô trẻ nói: "Cúi xin Thân giáo sư cho người này xuất gia và thọ viên cụ, con sẽ thay thầy giáo thọ". Vị thầy nghe rồi liền chấp thuận, sau khi hỏi về các giá nạn biết là thanh tịnh liền cho xuất gia và thọ viên cụ rồi bảo rằng: "Bí-sô trẻ này là A-giá-lợi-da của thầy, thầy nên theo vị này thọ học nghiệp, muốn được tiến tu thì cần phải thưa hỏi". Bắt đầu từ hôm đó Bí-sô trẻ dạy cho người đệ tử già này đọc tụng và các hành pháp của Bí-sô, nhưng người đệ tử già này tuổi đã già suy không thể ghi nhớ hết nên thường phạm phải lỗi lầm, thầy giáo thọ trẻ này thường bắt người đệ tử già này quỳ gối phát lồ sám hối tội đã phạm. Người đệ tử già suy nghĩ: "A-giá-lợi-da này thường bắt ta quỳ gối đối trước mặt thuyết tội, ta sẽ làm phương tiện gì khiến cho vị ấy phải quỳ gối đối trước ta thuyết hối". Lúc đó có một trưởng giả thỉnh Phật và tăng đến nhà thọ thực… sau khi thọ thỉnh thực xong hai thầy trò trẻ già này đi đến nhà thân hữu, thân hữu mời ăn, Bí-sô nói: "Tôi đã thọ thỉnh thực rồi", thân hữu nói: "Chưa qua giờ ngọ, Thánh giả hãy mang về làm pháp thức ăn dư rồi tùy ý ăn, xin thương xót thọ dụng", vị thầy hỏi người đệ tử già: "Thầy muốn được thức ăn này không?", đáp là

muốn được, nói rồi liền nhận lấy hai phần thức ăn mang về chùa. Về đến trong chùa vị thầy hỏi người đệ tử già: "Thầy muốn lược nước hay đi tác pháp dư thực?", đáp: "Con đi tác pháp dư thực". Vị thầy liền đi lược nước còn đệ tử đi đến chỗ Bí-sô chưa ăn xong mang phần thức ăn của mình ra xin tác pháp dư thực, còn phần thức ăn của thầy thì không làm. Vị thầy lược nước xong trở vào trong chùa hỏi người đệ tử già đã tác pháp dư thực chưa, liền đáp là đã tác pháp rồi nên vị thầy lấy phần thức ăn của mình ra ăn. Đợi thầy ăn xong, người đệ tử già nói: "Thầy cho phép con gạn hỏi tội phạm?", thầy nói: "Ông cứ tùy ý hỏi", đệ tử nói: "Thầy có tội phải như pháp sám hối", thầy nói: "Tôi không thấy tội", đệ tử nói: "Thầy không tác pháp dư thực mà ăn", thầy nói: "Này cụ thọ, tôi há không hỏi ông đã tác pháp dư thực chưa, ông nói đã tác pháp rồi, tại sao đợi tôi ăn rồi ông mới nói là không tác pháp dư thực?", đệ tử nói: Phần của con thì đã tác pháp rồi, nhưng phần của thầy thì không làm", thầy nói: "này cụ thọ, tôi thật không có tội, chuẩn theo lý thì ông mới có tội". Thầy giáo thọ liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô nghe rồi liền chê trách: "Tại sao Bí-sô biết thức ăn dư, không làm pháp dư thực mà cố ý bảo người khác ăn", liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết Bí-sô khác ăn đủ rồi, không làm pháp dư thực mà khuyên ăn nữa, nói rằng: Cụ thọ nên ăn thức ăn này, chỉ vì muốn cho người kia phạm tội, sanh ưu não thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Bí-sô đệ tử già. Biết là tự biết hay do người khác nói mà biết. Bí-sô khác là chỉ cho người trong giáo pháp này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô biết người khác ăn đủ rồi, không làm pháp dư thực mà khuyên người kia ăn hai loại của năm món ăn thì phạm Đọa. Không phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Ba Mươi Sáu: ***ĂN BIỆT CHÚNG***

Phật ở trong vườn Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, lúc đó Đề-bà-đạt-đa cùng nhiều Bí-sô ở gần chùa ăn biệt chúng. Bí-sô thiểu dục nghe biết đều chê trách: "Tại sao Bí-sô ở gần chùa mà lại ăn biệt chúng?", liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô ăn biệt chúng, phạm Ba-dật-đề-ca"

Sau đó có nhiều Bí-sô bịnh, các Bí-sô hỏi thầy thuốc nên uống thuốc gì, thầy thuốc nói: "Nên uống thuốc như vầy, như vầy và ăn tiểu thực", Bí-

sô bịnh hỏi: "Ai có thể thí cho?", thầy thuốc nói: "Tôi có thể thí", Bí-sô bịnh hỏi: "Ông có thể thí cho tất cả tăng già không?", đáp: "Tôi chỉ thí cho vị nào bịnh mà thôi", Bí-sô bịnh nói: "Thế tôn chế giới không cho ăn biệt chúng", thầy thuốc nói: "Đại sư của Thánh giả từ bi ắt sẽ duyên việc này mà khai cho". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói trừ nhơn duyên bịnh.

Sau đó lại có các Bí-sô vì công việc của tháp hoặc công việc của chúng nên thân thể mỏi mệt, nằm ngồi uể oải phế bỏ việc tu phẩm thiện. Lúc đó có trưởng giả tín kính đến chùa thấy vậy liền hỏi: "Giáo pháp của Phật cốt ở chỗ tinh cần, tại sao Thánh giả lại ngủ ban ngày không lo tu phẩm thiện?", Bí-sô nói: "tôi vì đói nên mỏi mệt", trưởng giả hỏi: "Sao không ăn tiểu thực?", Bí-sô nói: "Ai sẽ thí cho tôi?", trưởng giả nói: "Tôi thí", Bí-sô nói: "Ông có thể thí cho tất cả Tăng già không?", trưởng giả nói: "Tôi chỉ thí cho Thánh giả nào khốn đốn mà thôi", Bí-sô nói: "Thế tôn chế giới không cho ăn biệt chúng", trưởng giả nói: "Đại sư của Thánh giả từ bi ắt nhơn việc này sẽ khai cho". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói trừ nhơn duyên làm việc.

Sau đó lại có các Bí-sô cùng đi với các thương nhơn đến một thôn xóm, thấy giờ khất thực đến, các Bí-sô nói với các thương nhơn: "Các hiền thủ tạm dừng lại một chút, chúng tôi muốn vào thôn khất thực", thương nhơn nói: "Thánh giả, nơi đây là đường hiểm có nhiều giặc cướp. Hãy đi cùng với chúng tôi, chúng tôi sẽ cung cấp thức ăn cho các vị", Bí-sô nói: "Có thể cung cấp hết cho Tăng không?", đáp: "Tôi chỉ có thể cung cấp cho vài vị mà thôi", Bí-sô nói: "Thế tôn chế giới không cho ăn biệt chúng", vì vậy các Bí-sô đoạn thực trong ngày hôm đó, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói trừ khi đi đường. Sau đó lại có các Bí-sô tháp tùng đi trên thuyền để du hành, khi đến một thôn xóm các Bí-sô nói với người trên thuyền: "Hãy tạm thời dừng lại cho chúng tôi vào thôn khất thực", người trên thuyền nói: "Khúc sông này nguy hiểm sợ có giặc cướp. Hãy cùng đi với chúng tôi, chúng tôi sẽ cung cấp thức ăn cho các vị"… Cho đến câu Phật nói trừ khi đi thuyền.

Như Thế tôn có dạy cứ năm, sáu năm làm lễ Đảnh-kế một lần, trong ngày hội có vô lượng Bí-sô đến tập họp. Lúc đó có một cư sĩ tịnh tín biệt thỉnh Bí-sô đến nhà thọ thực, Bí-sô hỏi: "Có thỉnh hết Tăng không?", đáp: "Tôi chỉ có thể thỉnh vài mươi vị thọ thực mà thôi"… Cho đến câu Phật nói trừ khi đại hội.

Lúc đó vua Ảnh-thắng chưa được Kiến đế nên đem Trúc lâm cúng

cho ngoại đạo lộ hình, sau khi sanh tịnh tín được Kiến đế liền lấy lại Trúc lâm cúng cho Phật và Tăng thọ dụng. Cậu của vua xuất gia theo ngoại đạo, vua bạch Tăng: "Đây là cậu của con, xin hãy cho tạm ở lại trong Trúc lâm, nếu cậu con không phạm lỗi lầm gì thì xin cho ở luôn, nếu có phạm lỗi lầm thì mới đuổi đi". Nhà vua tự cung cấp thức ăn cho cậu, người cậu ngoại đạo này thấy các Bí-sô đầu đêm sau đêm tĩnh giác tư duy nên sanh tâm tín kính nói với các Bí-sô: "Tôi cúng thức ăn cho Bí-sô", Bí-sô hỏi: "Ông có cúng hết cho Tăng không?", đáp: "Thức ăn của tôi là do vua cung cấp, chỉ có thể cúng cho mười hoặc hai mươi vị mà thôi "…Cho đến câu Phật nói trừ khi sa môn thí thực. Lúc đó Thế tôn khen ngợi người thiểu dục và tôn trọng giới, tùy thuận nói pháp yếu rồi bảo các Bí-sô: trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: "Nếu lại có Bí-sô ăn biệt chúng phạm Ba-dật-để-ca, trừ thời khác."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Đề-bà-đạt-đa. Trừ thời khác: khi bịnh là người bịnh không thể ngồi yên suốt trong bữa ăn; khi làm việc là làm công việc của tháp hay của chúng, cho đến quét dọn lau chùi; khi đi đường là đi và về khoảng một trạm đường hay nửa trạm; khi đi thuyền là đi trên thuyền qua một trạm hay nửa trạm; khi đại hội là khi có nhiều người tụ tập; khi sa môn thí thực là chỉ cho các ngoại đạo ngoài Phật pháp, vì họ cũng nhọc thân cầu đạo nên gọi là sa môn. Những thời này được ăn biệt chúng, đây là tùy khai.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô đồng trong một giới, khởi tưởng đồng trong một giới và nghi mà ăn biệt chúng đều phạm đọa. Nếu ở ngoài giới, khởi tưởng là ở trong giới và nghi thì phạm Ác-tác. Nếu ở ngoài giới, khởi tưởng ở ngoài giới và ở trong giới tưởng là ở ngoài giới thì không phạm. Trú xứ có hai là trú xứ căn bản và trú xứ ngoài viện, khi Bí-sô ăn ở trong trú xứ can bản thì nên hỏi Bí-sô ở ngoài viện có cùng đến ăn hay không, nếu không hỏi mà ăn thì phạm Ác-tác. Khi Bí-sô ở ngoài viện ăn nên hỏi Bí-sô ở bổn xứ có cùng đến ăn không, nếu không hỏi mà bốn người cùng ăn thì phạm Đọa; nếu chỉ có ba người ăn, một người không ăn; hoặc ba người là viên cụ, một người chưa là viên cụ cùng ăn thì không phạm. Nếu đem thức ăn đến cho vị kia cho đến đem cho Bí-sô ở trú xứ kia muối hay rau trái cũng đều không phạm; hoặc thi chủ nói: "Vị nào đến nhà tôi đều thỉnh thọ thực"; hoặc thí chủ xây phòng riêng để cúng nói rằng: "Vị nào vào phòng này tôi đều dâng cúng "Cùng ăn đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu… giống như các giới trên.

Học Xứ Thứ Ba Mươi Bảy: ***ĂN PHI THỜI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, Lúc đó cụ thọ Đại Mục-kiền-liên cho mười bảy thiếu niên xuất gia và thọ viên cụ, đứng đầu là tiểu Ô-ba-ly, sáng sớm chúng mười bảy người đắp y mang bát vào thành khất thực. Lúc đó có rất nhiều thiếu nữ thấy mười bảy Bí-sô trẻ tuổi này mang bát khất thực liền đấm ngực nói: "Các Bí-sô này, mẹ của họ nhọc nhằn nuôi lớn, chưa báo ân đức liền bỏ đi xuất gia, có quả lợi gì sao không thấy sanh, nên lấy đất trám vào miệng họ rồi quăng họ xuống hố", mười bảy Bí-sô này nghe rồi đều cảm thấy hổ thẹn nói với nhau: "Thà nhịn đói hôm nay chớ không thèm đi khất thực từng nhà để nghe những lời ác kia". Nói rồi tất cả đều quay trở về chùa đoạn thực, lúc chưa thấy đói họ vẫn tu phẩm thiện, khi thấy đói mới nằm xuống nghỉ. Ô-ba-nan-đà thấy liền hỏi: "Tại sao ăn no rồi lại nằm không chịu tu phẩm thiện?", đáp: "Chúng tôi chưa ăn gì", Ô-ba-nan-đà liền hỏi nguyên do, Thập thất chúng liền kể lại sự việc trên, Ô-ba-nan-đà nghe rồi làm thinh bỏ đi. Lúc đó có nhiều người thế tục vào trong viên lâm vui chơi yến tiệc, mặt trời vừa xế bóng Thập thất chúng vào trong vườn đến trước những người thế tục này lấy tay xoa bụng rồi nói kệ:

"Phật nói lời mỹ diệu,
Ảnh hưởng khắp thế gian,
Khổ vì đói đứng đầu,
Lời này thật không sai".

Mọi người nghe rồi liền hỏi: "Các Thánh giả muốn ăn phải không?", đáp là muốn ăn, mọi người đều lấy thức ăn ngon cho Thập thất chúng. Sau khi ăn no rồi cùng trở về, vừa đi vừa cao tiếng tụng tập, Ô-ba-nan-đà nghe thấy liền hỏi: "Các cụ thọ sao bây giờ lại phát khởi tinh tấn cao tiếng tụng tập khác hẳn lúc nảy bội phần?", đáp: "Đại đức há không nghe Thế tôn có nói: Nếu tâm hoan lạc thì có thể diễn nói pháp nghĩa hay sao?", Ô-ba-nan-đà nói: "Vậy là các cụ thọ được ăn thức ăn ngon phải không?", đáp: "Chúng tôi vừa được ăn thức ăn ngon no đủ ở trong viên lâm", Ô-ba-nan-đà nói: "Hồi trưa tôi hỏi, các cụ thọ đều nói là đói, bây giờ lại nói là ăn no đủ, há không phải các cụ thọ đã ăn phi thời hay sao?", đáp: Trước ngọ không ăn, giữa ngọ cho đến sau ngọ cũng không ăn, không lẽ nhịn đói mà chết hay sao?". Các Bí-sô thiểu dục nghe biết đều chê trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô ăn phi thời, phạm Ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Thập thất chúng. Phi thời có hai là từ giờ

ngọ trở đi và sáng lúc mặt trời chưa mọc.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô phi thời tưởng là phi thời và nghi mà ăn đều phạm Đọa. Nếu thời tưởng là phi thời và nghi mà ăn thì phạm Ác-tác. Nếu thời tưởng là thời; phi thời tưởng là thời thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu… giống như trong các giới trên.

Học Xứ Thứ Ba Mươi Tám: ***ĂN THỨC ĂN TỪNG XÚC CHẠM***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó thường pháp của cụ thọ Ca-la là mỗi khi ở thôn xóm thành ấp nào vào sáng sớm đắp y mang bát theo thứ lớp khất thực, oai nghi tỏ rõ, phòng hộ các căn, khéo an trụ chánh niệm. Khi được thức ăn nếu là cơm nhão thì đựng trong bát, nếu là cơm khô thì đựng trong đãy bát, cơm nhão trong bát thì ăn trong ngày, còn cơm khô thì hong phơi rồi cất trong một hủ bằng sành, gặp lúc trời mưa gió lạnh thì lấy nước nóng rưới lên cơm khô này để ăn, ăn no rồi liền thọ an lạc giải thoát của tĩnh lự đẳng trì đẳng chí vi diệu. Thường pháp của chư Phật là lúc còn ở thế gian thường đi đến các cõi Nại-lạc-ca… cho đến rừng núi sông ngòi… hoặc đến trú xứ của các Bí-sô để quán sát, nhơn duyên trong giới này là Phật đến trú xứ của Bí-sô. Lúc đó Phật tuần tự đi đến phòng của Ca-la thấy phơi cơm khô ở ngoài liền hỏi cụ thọ A-nan-đà: "Cơm khô này là của ai?", cụ thọ A-nan-đà liền đem việc làm của Ca-la kể lại, Phật nghe rồi liền nói: "như vậy là có Bí-sô ăn lại thức ăn đã từng xúc chạm phải không?", đáp là có. Sau đó Thế tôn nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu:

… Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô ăn thức ăn đã từng xúc chạm thì phạm Ba-dật-để-ca"

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Bí-sô Ca-la. Đã từng xúc chạm có hai: Một là trước ngọ thọ, qua ngọ xúc chạm; hai là qua ngọ thọ, qua ngọ lại xúc chạm. Nếu Bí-sô biết thức ăn này đã từng xúc chạm, không tác pháp mà ăn lại thì phạm Đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô đối với thức ăn đã từng xúc chạm, khởi tưởng là đã từng xúc chạm và nghi mà ăn thì phạm Đọa. Nếu chẳng phải đã từng xúc chạm khởi tưởng là đã từng xúc chạm và nghi mà ăn thì phạm Ác-tác. Nếu chẳng phải đã từng xúc chạm khởi tưởng là không phải đã từng xúc chạm; hoặc đã từng xúc chạm lại khởi tưởng là chẳng phải đã từng xúc chạm đều không phạm. Phật nói: "Nếu Bí-sô từng xúc chạm bát chưa rửa sạch cho đến cái

muỗng rồi lấy dùng để ăn đều phạm Đọa. Nếu tay xúc chạm vào các vật như đãy bát… sau đó không rửa tay sạch mà cầm lấy thức ăn ăn đều phạm Đọa. Nếu Bí-sô muốn uống nước, không súc miệng mà uống thì Ác-tác, nếu rửa tay sạch hay súc miệng sạch rồi thì không phạm". Không phạm nữa là người phạm ban đầu… giống như trong các giới trên.

Học Xứ Thứ Ba Mươi Chín: ***KHÔNG THỌ MÀ ĂN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó cụ thọ Đại Ca-la dùng bát, y, thức ăn và ngọa cụ được vất bỏ nơi Thâm-ma-xá-na. Sao gọi là bát nơi Thâm-ma-xá-na? Nếu có người chết đem đến bỏ nơi Thâm-ma-xá-na, các thân tộc dùng cái âu hay bát sành đựng đồ cúng tế cho người chết thì Đại Ca-la lượm lấy cái âu hay cái bát này rửa sạch rồi dùng để đựng thức ăn. Sao gọi là y nơi Thâm-ma-xá-na? Nếu thân tộc dùng tấm vải phủ cho người chết khi đem bỏ nơi Thâm-ma-xá-na thì Đại Ca-la lượm lấy tấm vải này đem về giặt nhuộm rồi cắt may thành y để mặc. Sao gọi là thức ăn nơi Thâm-ma-xá-na? Nếu thân tộc dùng năm loại đoàn thực cúng cho người chết thì Đại Ca-la sau đó lấy ăn. Sao gọi là ngọa cụ nơi Thâm-ma-xá-na? Nghĩa là Đại Ca-la thường ngủ ở trong rừng thây chết. Do vậy nếu có người chết nhiều mang đến trong rừng thây chết thì Đại Ca-la mập mạp, sáng sớm khỏi phải vào thành khất thực; nếu không có người chết thì Đại Ca-la thường phải vào thành khất thực. Người giữ cửa thành thấy vậy liền suy nghĩ: "Nếu có người chết thì Bí-sô Đại Ca-la khỏi vào thành khất thực, nếu không có người chết thì phải vào thành khất thực, há không phải Thánh giả này ăn thịt người chết hay sao?". Lúc đó trong thành có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một con gái, người con gái này vừa lớn khôn thì người cha qua đời, thân tộc liền đưa người chết vào rừng thây chết hỏa thiêu, sau đó tất cả đều trở về nhà chỉ còn lại người vợ và con gái đứng bên đống lửa khóc. Lúc đó Đại Ca-la đang đứng nhìn lửa thiêu thây chết, người con gái trông thấy liền nói với mẹ: "Hôm nay thánh giả Đại Ca-la giống như con quạ mù đứng giữ thây chết". Có người nghe được lời nói này liền nói cho các Bí-sô biết, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Người con gái của Bà-la-môn kia tự làm tổn hại, đệ tử thanh văn của ta đức như núi Diệu cao mà nói lời thô ác khinh hủy nhau, do nghiệp ác này trong năm trăm đời phải làm con quạ mù". Người trong thành đều nghe biết Thế tôn thọ ký người con gái của Bà-la-môn kia trong năm trăm đời phải đọa làm con quạ mù, lời thọ ký này đến tai của người mẹ, người mẹ liền dẫn con gái đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch rằng: "Thế tôn, xin Phật từ bi tha thứ cho đứa con gái nhỏ này, vì không hiểu biết mới

nói ra lời ấy, chứ không có tâm độc hại", Phật nói: "Không phải là ta trù rủa, mà chính là con gái của bà với tâm khinh thị nói ra lời thô ác phải bị đọa trong loài bàng sanh, nếu tâm ác này nặng thì sẽ đọa vào địa ngục", người con gái này nghe rồi liền bỏ ra về. Lúc đó người trong thành nghe người giữ cửa nói cụ thọ Đại Ca-la ăn thịt người chết, lại nghe người con gái kia nói ra lời thô ác nên cùng bàn với nhau: "Chúng ta phải đến trong thi lâm để xem việc cụ thọ Đại Ca-la ăn thịt người chết là thật hay hư", bàn xong mọi người liền bảo một người giả làm người chết để mọi người khiêng đến trong rừng thây chết, người giả chết nói: "Không lẽ mọi người muốn ông ta ăn thịt tôi sao?", mọi người nói: "Chúng tôi sẽ bảo vệ ông". Người giả chết nghe mọi người hứa như vậy nên yên tâm để cho mọi người hóa trang mình thành người chết, cúng tế rồi khiêng đến trong rừng thây chết. Lúc đó Đại Ca-la vào thành khất thực thấy khiêng người chết đi bèn suy nghĩ: "Ta nên trở lại trong rừng thây chết để ăn năm món đoàn thực cúng tế người chết, khỏi phải đi khất thực nữa". Người giả chết thấy Đại Ca-la quay trở lại liền báo cho mọi người biết, đoàn người khiêng người giả chết đến trong Thi lâm đặt xuống chỗ đất bằng rồi vào một bụi rậm ngồi rình xem hành động của Đại Ca-la. Lúc đó có một con dã can đến chỗ thây chết để ăn năm món đoàn thực, Đại Ca-la thấy rồi liền chạy nhanh tới để đuổi con dã can, người giả chết thấy Đại Ca-la chạy đến liền la lớn: "Ăn tôi, ăn tôi". Mọi người cùng nhau chạy đến, trong tay đều cầm gậy gộc nói với Bí-sô: "Thánh giả, thầy mặc y phục của đại tiên, bỏ tục xuất gia sao lại làm nghiệp cực ác này?", Bí-sô hỏi: "Tôi làm việc gì?", mọi người nói: "Thầy ăn thịt người", Bí-sô nói: "Các ông thấy tôi ăn thịt sao?", mọi người nói: "Không thấy, nếu không ăn thịt người tại sao thầy lại chạy đến bên người chết?", Bí-sô nói: "Tôi thấy con dã can đến ăn đồ cúng, nếu để nó ăn thì tôi phải nhịn đói nên tôi chạy đến xu đuổi nó đi", mọi người nói: "Mặc cho thầy nói là ăn vật gì, nhưng khắp trong thành đều đồn là thầy ăn thịt người chết". Nói xong mọi người cùng đến chỗ các Bí-sô kể lại sự việc trên, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Thế tôn nghe rồi suy nghĩ: "tất cả các Bí-sô do không thọ mà ăn nên có lỗi này phát sanh", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "Có thọ lấy mới được ăn để người khác chứng biết", các Bí-sô không biết thọ lấy như thế nào, Phật nói: "Có năm cách thọ lấy:

Một là thân trao cho, thân thọ: Nghĩa là người kia dùng tay trao cho, mình dùng tay thọ lấy.

Hai là thân trao cho, dùng vật thọ: Nghĩa là người kia dùng tay trao cho, mình dùng bát để thọ lấy.

Ba là dùng vật trao cho, thân thọ lấy: Nghĩa là người kia dùng bát trao cho, mình dùng tay thọ lấy.

Bốn là dùng vật trao cho, dùng vật thọ lấy: Nghĩa là người kia dùng bát trao cho, mình dùng bát thọ lấy.

Năm là để dưới đất thọ lấy.

Có một biên quốc, người trong nước đó phần nhiều xấu ác, cho đến cha mẹ, anh em… cũng hiềm hận nhau, không cần gần nhau. Nếu Bí-sô đến biên quốc này ở bên đường khất thực nên làm đàn tiểu Mạn-trà-la rồi đặt bát trên đàn đứng một bên duyên nơi bát, nếu có ai cúng thí thì bảo bỏ vào bát, đó gọi là thọ.

Có năm cách không thành thọ thực: Chỗ thấy xa, chỗ ngăn che, ở bên cạnh, ở sau lưng và lúc chắp tay. Ngược với trên là năm cách thành thọ thực".

Sau đó có Bà-la-môn cư sĩ tịnh tín đem trái cây đến cúng dường Bí-sô, Bí-sô không thọ, mọi người nói: "Khi Phật chưa hiện ở đời, chúng tôi coi ngoại đạo là ruộng phước; nay Phật đã hiện ở đời, chúng tôi coi các thánh giả là ruộng phước. Chúng tôi cúng dường, các vị không thọ nhận vậy chẳng phải là chúng tôi bỏ tư lương thiện của đời sau hay sao?". Các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo nên thọ, tác tịnh rồi ăn, các Bí-sô không biết tác tịnh như thế nào, Phật nói: "Có năm cách tác tịnh là bằng lửa, bằng dao, bằng móng tay, bằng cách làm cho khô hoặc do chim mổ cắn. Lại có năm cách tác tịnh là bằng cách nhổ gốc, dùng tay bẻ gãy, hoặc cắt đứt, hoặc chẻ ra, hoặc lấy hết hạt ra". Lúc đó các Bí-sô tác tịnh từng trái nên qua ngọ vẫn chưa ăn được, Phật nói: "Nên tụ lại thành đống rồi dùng lửa hay dao chạm vào ba, bốn chỗ cho có dấu tổn". Do Phật dạy thọ rồi mới ăn, các Bí-sô mỗi người thọ riêng nên qua ngọ, Phật nói: "Nếu ăn chung thì thọ chung, không nên thọ riêng". Lúc đó tịnh nhơn dọn đưa trái cây cho Tăng, chia không đồng đều, Phật nói nên sai cầu tịch, cầu tịch cũng dọn đưa chia không đồng đều, Phật nói đại Bí-sô nên làm, đại Bí-sô vẫn không thể dọn đưa chia đều, Phật nói: "Nên chia trái cây làm ba loại ngon, vừa và dở rồi chia đều", người dọn đưa chia trái cây cho Tăng xong mới nhận phần của họ, có khi được loại dở hoặc có khi không còn, Phật nói: "Họ nên lấy phần trước", liền lấy loại ngon cho mình, các Bí-sô chê trách, Phật nói: "Hai thầy nên nhận lấy phần của họ", vẫn lấy được loại ngon, Phật nói: "hãy đợi đến tòa kế tiếp sau mới được nhận phần của họ". Lúc đó khi được chia phần, Bí-sô đứng dậy nhận, Phật nói: "Không nên đứng dậy nhận, khi nào đến trong tầm tay mới nhận". Lúc đó khi được chia để vào trong bát, trái cây lăn rớt

ra ngoài, Bí-sô nhận thêm nữa, Phật nói: "Không được nhận thêm nữa, nếu trái rơi nên với tay nhặt lấy, nếu với tay không tới thì mới được nhận thêm nữa". Lúc đó vật đựng trái cây lớn và năng, Bí-sô không thể bưng được, người tục thấy vậy muốn bưng phụ, Bí-sô không cho, Phật nói: "Nên để họ bưng giúp". Hai người cùng bưng, người tục bưng trước, Bí-sô bưng sau, Phật nói: "Bí-sô nên cầm một bên trước, người tục cầm sau rồi cả hai cùng bưng đi". Sau đó người tục để xuống trước, Bí-sô để xuống sau, Phật nói: "Bí-sô nên để xuống trước, người tục để xuống sau". Lúc đó các Bí-sô thọ nữa để ăn, Phật nói: "Nếu ở bên Bí-sô mà thọ thì gọi là cựu thọ; ở bên người tục mà thọ thì gọi là tân thọ". Sau đó có thí chủ tịnh tín dùng cái bình đựng đầy sữa, mật, dầu… đem đến cúng cho Tăng hiện tiền, các Bí-sô không chịu nhận, Phật bảo nên nhận. Khi chia đưa cho Tăng bị dơ y, Phật bảo nên lau; khi để bình dưới đất, bình bị nghiêng, Phật nói nên dùng vật lót bên dưới. Các Bí-sô chia đưa sữa mật… cho Tăng rồi đem trả cái bình cho chủ, họ nói: "Thánh giả, há cúng sữa, mật… mà không cúng luôn cái bình hay sao, Thánh giả cứ tùy ý lấy dùng". Bí-sô không biết có được thành tịnh không, Phật nói: "Nên đem ngâm cái bình trong nước bảy, tám ngày, khi cá… đến rỉa hết cặn sữa… mới đem rửa sạch rồi đưa cho nhà bếp dùng". Như Phật đã dạy thọ lấy rồi mới ăn, Lục chúng thọ hay không thọ đều ăn, các Bí-sô thiểu dục chê trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô, thức ăn không thọ mà đưa vào miệng ăn nhai thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Sau đó có một Bí-sô ở A-lan-nhã thấy nước và tăm không có người trao bèn bỏ tịnh xứ vào trong thôn xóm, Thế tôn hỏi cụ thọ A-nan-đà nguyên do Phật bảo A-nan-đà trừ nước và tăm. Sau đó lại có các Bí-sô du hành qua con đường hiểm, không có người trao thức ăn, lúc đó có Bồ tát vì điều phục hữu tình nên thị hiện làm Trí mã, di hầu… để trao trái cây và thức ăn cho các Bí-sô, Bí-sô không nhận , sau đó bạch Phật, Phật nói: "Nếu là loài hữu tình có hiểu biết, đã trao hay chưa trao thức ăn, Bí-sô nên nhận để ăn". Do nhân duyên này, Phật bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: "Nếu lại có Bí-sô, thức ăn không thọ mà đưa vào miệng ăn nhai thì phạm Ba-dật-đề-ca, trừ nước và tăm xỉa răng".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Đại Ca-la. Không thọ là không nhận được từ người khác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô đối với thức ăn không thọ, khởi tưởng không thọ và nghi… phạm hai nặng hai nhẹ và hai không phạm giống như giới trên. Không phạm nữa là người phạm ban đầu… như trên.

Lúc đó các Bí-sô không rõ về tiền kiếp của Đại Ca-la nên thỉnh hỏi Thế tôn: "Thế tôn, cụ thọ Đại Ca-la đã từng làm nghiệp gì nên thường ưa ở nơi Thâm-ma-xá-na, lại nương theo Phật xuất gia, đoạn trừ các hoặc thành A-la-hán mà lại bị phỉ báng độc là ăn thịt người?", Phật nói: Đại Ca-la này tự mình tạo nghiệp thiện ác, khi nhân duyên hội đủ, quả chín muồi thì trở lại ngay nơi uẩn xứ giới của tự thân mà thọ lấy quả báo, chứ không phải địa thủy hỏa phong của ngoại giới khiến nó được thành thục", Phật liền nói kệ:

"Dầu cho trải trăm kiếp,
Nghiệp đã làm không mất,
Khi nhân duyên hội đủ,
Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy hãy lắng nghe:

Trong quá khứ tại thành Ba-la-nê-tư có một vị Độc giác tên là Hy Thượng, ngoài thành có một trú xứ là chỗ ở của Cổ tiên, khi vị Độc giác nương ở nơi đây thường có vô lượng trăm ngàn vạn ức chư thiên và đồ chúng theo sau. Mỗi khi vị Độc giác vào thành khất thực thường đi qua Thi lâm, trong chỗ vất tử thi này có một Dược xoa nương ở để ăn thịt người chết. Mỗi khi vị Độc giác đi ngang qua Thi lâm, do oai thế của chư thiên, Dược xoa này phải tránh đi nơi khác, mỗi lần tránh đi như vậy thì thây chết bị dã can, hồ ly, chó sói… ăn thịt hết. Dược xoa liền suy nghĩ: "Người xuất gia này thường não hại ta, ta nên làm việc bất lợi cho ông ta để ông ta khỏi trở lại đây nữa", nghĩ rồi Dược xoa liền lấy một cánh tay của người chết tìm cách bỏ vào trong bát của vị Độc giác để cho mọi người nhìn thấy. Cho nên không bao lâu sau tiếng xấu loan truyền khắp trong thành rằng người xuất gia này ăn thịt người. Vị Độc giác nghe biết rồi khởi lòng thương xót nghĩ rằng: "Ta không nên để cho Dược xoa không hiểu biết này chịu khổ báo", nghĩ rồi liền ở trước Dược xoa bay vút lên hư không hiện đại biến hóa, trên thân phun lửa, dưới thân phun ra nước… biến hiện không thể nghĩ bàn khiến hữu tình liền sanh chánh tín. Loài dị sanh khi thấy được thần biến liền tự cải hối cúi lạy sát đất như cây đại thọ bị xô ngã ai cầu sám hối: "Cúi xin đại phước điền thương xót hiện thân xuống, con vô thức nên chìm trong bùn ác hạnh, cúi xin Thánh giả từ bi cứu vớt". Vị độc giác thương xót nên hiện thân xuống, Dược xoa liền lấy cánh tay người chết ra khỏi bát của vị

độc giác rồi nói với mọi người: "Chẳng phải người xuất gia ăn thịt người mà là do tâm ác của tôi đã làm việc phỉ báng này, Tôi xin đảnh lễ sám tạ tội đã làm ác nghiệp xúc não vị thắng phước điền, mong cầu đời sau không bị đại khổ báo. Do thâm tâm lễ kính và công đức sám tạ này nguyện đời sau gặp được vị đại sư vô thượng thù thắng hơn vị đại sư này để thừa sự cúng dường và được chứng Thánh quả".

Phật bảo các Bí-sô: "Dược xoa xưa kia chính là Đại Ca-la ngày nay, do đối với vị Độc giác ác tâm phỉ báng khiến cho tiếng ác đồn khắp nên trong năm trăm đời thường bị tiếng ác phỉ báng. Sau đó cũng chính Dược xoa khởi tâm hối hận ai cầu sám hối và phát nguyện nên được gặp ta, nương theo ta xuất gia, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán, lại nương bên ta thừa sự cúng dường không có nhàm chán. Này các Bí-sô, nếu tạo nghiệp thuần đen thì được quả dị thục thuần đen, nếu tạo nghiệp thuần trắng thì được quả dị thục thuần trắng, nếu tạo nghiệp đen trắng xen tạp thì được quả dị thục đen trắng xen tạp. Cho nên các thầy nên bỏ hai nghiệp thuần đen và đen trắng xen tạp, nên tu nghiệp thuần trắng, nên học như thế".

Nhiếp Tụng Sau:

Thường ở nơi Thi lâm,
Cho đến người giữ cửa,
Và người giả thây chết,
người xét thật hư.
Thọ thực có năm cách,
Khai (cho) Bí-sô tự làm,
Đường hiểm khai (cho) súc sanh
Ca-la duyên (khởi) sau cùng.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 37

Học Xứ Thứ Bốn Mươi : ***ĐÒI HỎI THỨC ĂN NGON***

Đức Bạc-già-phạm ở tại trú xứ Thích ca du hành đến trong vườn Đa căn thọ thành Kiếp-tỷ-la, lúc đó Thích tử Đại danh nghe tin Thế tôn đến liền đến chỗ Thế tôn đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật nói pháp yếu chỉ dạy cho Đại danh được lợi hỉ rồi im lặng, Thích tử Đại danh bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn và Tăng thương xót sáng mai đến nhà con thọ thực", Thế tôn im lặng nhận lời, Thích tử Đại danh biết Phật nhận lời rồi liền đảnh lễ cáo lui. Về đến nhà liền bảo các gia nhân: "Sáng mai Phật và tăng sẽ đến nhà, đi đường vất vả, các ngươi nên chuẩn bị đầy đủ thức ăn ngon để giải trừ mệt mỏi", các gia nhân vâng lời ngay trong đêm ấy chuẩn bị đầy đủ các thức ăn thượng diệu. Sáng hôm sau Lục chúng vừa thức dậy nói với nhau: "Chúng ta nên đến nhà thân hữu xem coi có thức ăn gì ngon không", nói xong cùng đi đến nhà thân hữu, thân hữu chào hỏi rồi mời ăn, Lục chúng nói: "Chúng tôi đã thọ Thích tử Đại danh thỉnh thực rồi", thân hữu nói: "Nếu vậy xin thỉnh ngày mai đến", Lục chúng nhận lời. Lúc đó Thích tử Đại danh sai sứ đến bạch Phật: "Thức ăn đã lo liệu xong, xin Phật biết thời", Phật cùng Đại chúng đi đến nhà của Thích tử Đại danh ngồi vào chỗ ngồi rồi, Đại danh liền tự tay dâng thức ăn cúng dường Phật và Tăng… tiễn đưa Phật ra về, nhiễu Phật ba vòng rồi trở vào nhà, sau đó lên trên lầu tu tập thiền quán. Lúc đó gia nhân thu dọn ghế ngồi và các thức ăn dư, dọn dẹp vừa xong thì Lục chúng sau khi khuyến hóa được thức ăn của ba mươi nhà thân hữu xong cũng vừa đến. Khi đến nơi thấy không có ghế ngồi cũng không có thức ăn, Xiển-đà nói: "Thỉnh Phật và tăng đến nhà thọ thực sao không thấy trải tòa ngồi và bày biện thức ăn gì cả, không lẽ muốn Phật và Tăng đoạn thực ngày nay hay sao?". Gia nhân nói: "Các vị ngủ ban ngày hay sao mà không hay chư Tăng đã đi thọ thỉnh thực, Phật và Tăng thọ thực xong đã về hết rồi", Xiển-đà nói: "Ý các ngươi không muốn cho chúng ta ăn phải không?", gia nhân nói: "Các Thánh giả tạm đứng chờ tôi thưa lại

gia chủ", liền trở vào báo lại là có Lục chúng Bí-sô đến, Đại danh nói: "Hãy đem những thức ăn dư dọn ra mời họ ăn". Gia nhân vâng lời làm theo, nhìn thấy dọn lên thức ăn đơn sơ Lục chúng nói: "Thích tử Đại danh thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực mà dâng cúng thức ăn đơn sơ như vầy thì Ô-đà-di cũng có thể hằng ngày thỉnh Phật và tăng", nói rồi liền bảo gia nhân: "Các ngươi hãy đến nhà của

lấy món sữa, đến nhà lấy cá thịt, nem khô… mang về đây". Gia nhân nghe lời đi đến những nhà đó lấy thức ăn mang về cho Lục chúng ăn no đủ rồi mới về chùa, các Bí-sô thấy liền hỏi: "Sáng nay các vị ăn ở đâu?", đáp: "Ăn cùng một chỗ với các vị", các Bí-sô nói: "Sao chúng tôi không thấy", đáp: "Chúng tôi đến sau", các Bí-sô hỏi: "Vậy các vị đã ăn thức ăn gì?", đáp: "Sữa, lạc, cá thịt, nem khô… rất ngon", các Bí-sô nói: "Chúng tôi cũng ăn ở đó, nhưng sao không thấy có những món như vậy", A-thuyết-ca nói: "Nhà đó nghèo làm gì có những món ăn như thế, đó là chúng tôi từ nhà các thân hữu đòi mang đến để ăn", các Bí-sô nói: "Các vị đòi những món ăn ngon từ nhà các bạch y như thế có hợp hay không?", đáp: Hợp hay không thì chúng tôi cũng đã đòi để ăn rồi, không lẽ chúng tôi phải nhịn đói trở về hay sao?". Các Bí-sô thiểu dục chê trách Lục chúng rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: Các thức ăn thượng diệu như sữa, lạc, sanh tô, cá thị… nếu Bí-sô vì mình mà đến nhà người khác đòi hỏi để ăn thì phạm Ba-dật-đề-ca. "Sau đó có các Bí-sô bịnh, thầy thuốc bảo nên uống sữa… cho đến các Bí-sô bạch Phật, Phật nói trừ nhơn duyên bịnh. Lúc đó Thế tôn khen ngợi người trì giới và tôn trọng giới, tùy thuận nói pháp rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: "Những thức ăn thượng diệu như sữa, lạc, sanh tô, cá thịt… nếu Bí-sô không bịnh, vì mình mà đến nhà người khác đòi hỏi để ăn thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô không bịnh mà xin thức ăn ngon, không bịnh mà ăn thì khi xin phạm Ác-tác, khi ăn phạm Đọa. Bí-sô khi không có bịnh mà xin, khi có bịnh ăn thì khi xin phạm Ác-tác, khi ăn không phạm. Bí-sô khi có bịnh xin, khi không bịnh ăn thì khi xin không phạm, khi ăn phạm Đọa. Bí-sô khi có bịnh xin, khi có bịnh ăn đều không phạm. Nếu Bí-sô vào thôn khất thực đến trước cửa nhà người, người trong nhà mang cơm ra, nếu Bí-sô cần thứ khác thì đứng im lặng chớ có nhận cơm; người trong nhà nếu hỏi cần gì, khi hỏi như vậy là họ tùy ý muốn của mình mà cho, Bí-sô cần gì cứ nói ra

không phạm. Nếu thí chủ thấy Bí-sô liền nói: "Thánh giả cần gì cứ nói", Bí-sô nói điều mình cần cũng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu…

Nhiếp Tụng Thứ Năm:

Nước có trùng, hai nhà ăn, Không y, đến xem hành quân, Hai đêm, nhiễu loạn quân binh, Đánh, dọa, che dấu tội thô.

Học Xứ Thứ Bốn Mươi Mốt : ***DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG***

Phật ở trong vườn Cù-sư-la nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó Bí-sô Xiển-đà dùng nước có trùng, các Bí-sô thấy liền nói: "Sao cụ thọ lại cố tâm dùng nước có trùng", Xiển-đà nói: "Số trùng trong nước này đâu có ai giao cho tôi, ở trong bình, chậu, ao hồ và bốn biển rộng lớn sao chúng không đến ở, chúng tự sanh tự diệt đối với tôi có tội gì", các Bí-sô thiểu dục chê trách Xiển-đà rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết nước có trùng mà thọ dụng, phạm Ba-dật-để-ca"

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Xiển-đà. Biết là tự biết hay người khác nói cho biết. Nước có trùng, trùng phân biệt có hai: Một là vừa nhìn liền thấy, hai là do lược nước mới thấy. Thọ dụng có hai: Nội thọ dụng là dùng cho nội thân như ăn uống, tắm rửa…; ngoại thọ dụng là dùng cho việc ngoài thân như giặt y, rửa bát… Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô dùng nước có trùng, khởi tưởng có trùng và nghi đều phạm Đọa; nước không có trùng, khởi tưởng có trùng và nghi đều phạm Ác-tác; hai câu sau không phạm. Nếu Bí-sô biết đường, mật, sữa dầu… có trùng sanh mà thọ dụng đều phạm Đọa. Không phạm nữa là người phạm ban đầu…

Học Xứ Thứ Bốn Mươi Hai: ***BIẾT NHÀ CÓ THỨC ĂN MÀ GƯỢNG NGỒI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, cụ thọ Ô-đà-di hiểu biết pháp thuật của thế tục và đoán biết việc của người. Lúc đó vào sáng sớm Ô-đà-di đắp y mang bát vào thành khất thực, trong thành có một thiếu niên mới cưới vợ, khi đến phố bán hương để mở cửa tiệm liền thấy nhớ vợ, muốn trở về bên vợ nên vừa mở cửa tiệm liền đóng cửa lại. Ô-đà-di trông thấy liền suy nghĩ: "Giờ này các cửa tiệm bắt đầu mở cửa, sao cửa tiệm của thiếu niên này vừa mở liền đóng lại", nghĩ rồi liền dùng đạo thuật Tha tâm để quán biết ý muốn của thiếu niên kia, biết rồi liền muốn chọc phá thiếu niên này nên Ô-đà-di liền đến nhà của thiếu niên nói

với người vợ của thiếu niên: "Cô hãy ngồi nghe ta nói pháp", thiếu niên về đến thấy vậy liền bảo vợ: "Nàng hãy lấy thức ăn trao cho Thánh giả để Thánh giả trở về chùa", Ô-đà-di nói: "Tôi bỏ việc tu phẩm thiện đến nhà của hiền thủ nói pháp là muốn cho hiền thủ tăng thêm tín tâm, vì sao hiền thủ lại không muốn nghe", thiếu niên nghe lời này liền miễn cưỡng ngồi xuống nghe pháp, ngồi nghe pháp hồi lâu nên dục niệm liền dứt. Ô-đà-di biết dục niệm của thiếu niên đã dứt nên đứng dậy ra về, thiếu niên giận trách: "Tại sao Bí-sô biết người tục có ý dục lại cố tâm làm xúc não khiến họ thất vọng, đối với vợ mình không được tự tại". Các Bí-sô thiểu dục nghe biết liền chê trách: "Tại sao Bí-sô biết nhà có thức ăn mà gắng gượng ngồi nán lại", đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết nhà có thức ăn mà gắng gượng ngồi lại, phạm Ba-dật-đề-ca"

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di. Nhà có thức ăn tức là nam lấy nữ làm thức ăn, nữ lấy nam làm thức ăn ái niệm lẫn nhau nên gọi là thức ăn. Gắng gượng là biết người khác không đồng ý mà vẫn ngồi lại.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô biết nam nữ kia có một dục mà gắng gượng ngồi lại trong nhà họ thì phạm Đọa. Nếu biết họ không có dục tâm thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu… giống như các giới trên.

Học Xứ Thứ Bốn Mươi Ba: ***BIẾT NHÀ CÓ THỨC ĂN MÀ GƯỢNG ĐỨNG***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, duyên khởi giống như giới trên, chỉ khác là Ô-đà-di đến trong nhà thiếu niên đứng núp sau cánh cửa, đứa tớ gái nhìn thấy nhưng im lặng. Thiếu niên trở về trong nhà kéo vợ đến chỗ khuất muốn cùng làm việc phi pháp, đứa tớ gái liền nói: "Gia chủ, có tôn giả Ô-đà-di đứng ở sau cánh cửa", thiếu niên liền nói: "Thánh giả ở trong chùa tu tập các định, đến đây làm gì", nói rồi liền đưa mắt nhìn về phía cửa quả thấy có Ô-đà-di đứng đó, dục tình liền dứt, giận trách nói rằng: "Tại sao Bí-sô mất pháp sa môn, đến nhà của thế tục gượng đứng ở chỗ khuất khiến cho người tục đối với vợ mình không được tự tại". Các Bí-sô nghe biết đem việc này bạch Phật, Phật do duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu:

… Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết nhà có thức ăn mà gượng đứng ở chỗ khuất, phạm Ba-dật-đề-ca". Tướng phạm giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Bốn Mươi Bốn: ***CHO NAM NỮ NGOẠI ĐẠO KHÔNG Y THỨC ĂN***

Phật ở trong vườn Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, lúc đó các thương nhơn trong thành đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật nói diệu pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi im lặng. Các thương nhơn nghe pháp xong thâm tâm hoan hỉ đảnh lễ Phật rồi lui ra, sau đó đến chỗ A-nan-đà đảnh lễ rồi ngồi một bên, tôn giả cũng nói diệu pháp cho họ nghe rồi im lặng, các thương nhơn bạch rằng: "Đại đức, Thế tôn sau khi hạ an cư xong sẽ đến nơi đâu?", tôn giả nói: "Các vị nên tự đến hỏi Thế tôn", các thương nhơn nói: "Thế tôn oai đức tôn nghiêm, chúng tôi không dám gạn hỏi", tôn giả nói: "Tôi cũng thấy Thế tôn oai đức tôn nghiêm nên không dám gạn hỏi", các thương nhơn nói: "Nếu không thưa hỏi làm sao biết Thế tôn sau ba tháng an cư sẽ đến nơi đâu", tôn giả nói: "Phải quán tướng mạo cho đến lời nói của thế tôn mới biết được Thế tôn muốn đi đâu", các thương nhơn hỏi: "Quán như thế nào?", tôn giả nói: "Nếu Thế tôn ngồi xỉa răng hướng về phương nào đó, đây gọi là quán tướng mạo; nghe Thế tôn khen ngợi nhân vật của phương nào đó, đây gọi là quán lời nói", các thương nhơn hỏi: "Vậy Thế tôn gần đây ngồi hướng về phương nào và khen ngợi nhân vật phương nào?", tôn giả nói: "Gần đây Thế tôn ngồi xỉa răng hướng về nước Kiều-tát-la và khen ngợi nhan vật ở thành Thất-la-phiệt". Các thương nhơn nghe rồi biết không bao lâu nữa Phật sẽ đến thành Thất-la-phiệt, họ liền đảnh lễ tôn giả rồi ra về, sau đó đi thu mua hàng hóa để mang đến thành Thất-la-phiệt bán.

Sau ba tháng an cư Thế tôn bảo A-nan-đà: "Thầy nên đi thông báo cho các Bí-sô nay Thế tôn muốn du hành đến nước Kiều-tát-la, nếu ai muốn theo Như lai thì nên chuẩn bị y bát", A-nan-đà vâng lời Phật đi thông báo cho các Bí-sô biết, các thương nhơn nghe được tin này liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Thế tôn nói diệu pháp cho họ nghe, chỉ dạy được lợi hỉ rồi im lặng, các thương nhơn bạch Phật: "Thế tôn, con nghe Thế tôn sắp đến thành Thất-la-phiệt, trên đường đi chúng con xin được tứ sự cúng dường cho Phật và tăng, cúi xin Thế tôn thương xót thọ nhận", Thế tôn im lặng nhận lời, các thương nhơn đảnh lễ Phật rồi lui ra, sau đó đến chỗ tôn giả A-nan-đà hỏi: "Đại đức, Thế tôn mỗi ngày có thể đi được bao nhiêu?", đáp là cũng như Luân vương, lại hỏi: "Pháp của Luân vương mỗi ngày đi được bao nhiêu?", đáp là hai du thiện na. Các thương nhơn nghe rồi cứ mỗi hai du thiện na sắp đặt các món cúng dường, cứ như thế cho đến thành Thất-la-phiệt. Lúc đó trong đoàn thương buôn có ngoại đạo lộ hình đi theo,

trên đường đi khi bị cơn đói thúc bách ngoại đạo liền nghĩ: "Ta nay lập phương tiện gì để khỏi bị khổ vì đói khát, ta nên xin vào trong giáo đoàn của Thích tử mới khỏi bị đói, dù đi đường xa cũng không thấy nhọc mệt", nghĩ rồi liền đến chỗ Bí-sô bạch rằng: "Thánh giả, Đại sư của các vị ưa thích tốt đẹp thương người, thường dùng cái cày bằng vàng để cày ruộng nên các đệ tử được thọ thức ăn trăm vị, mặc áo ngàn vàng, phòng xá thượng hạng… Các Thánh giả hiện đời này được an lạc tru, sau khi mạng chung chắc chắn sanh lên cõi trời, được giải thoát. Còn đại sư của tôi tánh ưa thô ác, các đệ tử chúng tôi phải lộ hình ăn thức ăn thô và ngủ nơi đất cứng, hiện đời thọ khổ, sau khi mạng chung sanh vào địa ngục, chìm trong biển khổ". Các Bí-sô nghe rồi liền cho là ngoại đạo này tín kính nên nói rằng: "Ngươi có muốn ăn thức ăn dư trong bát của các Bí-sô không?", ngoại đạo thầm nghĩ: "Nếu ta không ăn thì sẽ chết đói", nghĩ rồi liền nói muốn ăn, các Bí-sô nói: "Khi chúng tăng ăn, người hãy tùy ý đứng một nơi nào đó, các Bí-sô sẽ đem thức ăn dư trong bát cho ngươi", ngoại đạo nghe rồi đến giờ ăn cầm cái âu đứng ở một nơi, sau khi ăn xong các Bí-sô đều đem thức ăn dư bỏ vào cái âu của ngoại đạo, ngoại đạo này bưng cái âu đầy thức ăn đi ra cửa, thương chủ thấy liền hỏi là ai đã cho thức ăn, ngoại đạo nói: "Người mà các ngươi trọng là ruộng phước, tôi lại làm ruộng phước cho họ nên họ đem bánh trái cho tôi", thương chủ nói: "Bí-sô thương tưởng ngươi nên cho ngươi ăn, ngươi trở lại nói là ruộng phước của Bí-sô, đó không phải là việc tốt. Nếu Thế tôn nghe được lời này ắt sẽ chế học xứ cho các Bí-sô", ngoại đạo nghe rồi cảm thấy xấu hổ nói rằng: "Lúc nảy tôi chỉ là nói đùa, xin chớ để bụng", nói rồi liền bỏ đi. Lúc đó có đoàn thương buôn khác đến, trong đoàn có một ngoại đạo lộ hình, ngoại đạo kia gặp ngoại đạo này liền hỏi: "Trên đường đi ông có được thức ăn không?", đáp là có, lại hỏi từ đâu có, ngoại đạo này nói: "Cư sĩ trọc cho tôi", ngoại đạo kia nói: "Ngươi không biết ân, nhờ người ta ban cho được khỏi đói mà còn nói lời thô gọi là cư sĩ trọc. Ta biết giáo đoàn Thích tử năm trăm vị đó đều chứng quả A-la-hán nhập bát Niết-bàn, còn trong phái ngoại đạo chúng ta chưa thấy có ai Niết-bàn", liền nói kệ:

"Làm sao thân ngươi không sa đọa,
Lưỡi ngươi sao không xé thành trăm,
Làm sao chư thần thấy việc này,
Lại không sét đánh nát thân ngươi,
Dã can theo Sư tử ăn dư,
Lại thường nghĩ cách hại Sư tử,
Thập lực Thánh chúng đem cơm cho,

Ngươi nay bị mắng không biết ân,
Thánh chúng chứng được Nhất thiết trí,
Bạn hay không, tâm đều bình đẳng,
Ngoại đạo các ngươi thật đáng ghét,
Vậy mà vẫn còn cứu giúp nhau,
Người nào không biết ân và nghĩa,
Phải biết người này không bằng chó,
đối với người còn biết ân,
Ngươi tợ rắn dữ thường phun độc".

Ngoại đạo nói kệ rồi liền bỏ đi, đây là duyên khởi nhưng Phật chưa kiết giới. Lúc đó Phật ở trong nước Kiều-tát-la du hành đến thành Thất-la-phiệt, tại một khu vườn trong thành này có năm trăm người nữ nương ở trong vườn đó se tơ kiếm sống. Họ thấy Thế tôn có ba hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, các pháp công đức đều hiển hiện, thân như hỏa tụ phóng ra ánh sáng lớn như kim luân chiếu, tiến bước như núi báu di chuyển, lại như phướn vàng được trang nghiệm bằng các tạp bảo sáng ngời thanh tịnh, vô sở úy. Thấy rồi sanh tâm hoan hỉ, như người suốt mười hai năm siêng tu diệu định bỗng nhiên tỏ ngộ, như người nghèo gặp kho báu, như người không sanh con được sanh con, như người cầu ngôi vua được làm lễ quán đảnh, tâm các người nữ này hoan hỉ còn hon thế nữa nên cùng đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật nói diệu pháp rồi cùng bàn với nhau: "Nếu Thế tôn vào Vương thành rồi, chúng ta muốn đảnh lễ cũng không thể được. Chúng ta nên nhân lúc này thỉnh Phật và Tăng thọ thực", bàn xong liền đảnh lễ bạch Phật rằng: "Cúi xin Thế tôn và Bí-sô tăng sáng mai thọ chúng con cúng dường", Thế tôn im lặng nhận lời, các người nữ này biết Phật nhận lời nên đảnh lễ rồi lui ra, sau đó đến chỗ tôn giả A-nan-đà đảnh lễ rồi bạch rằng: "Vương tử, cúng dường một bữa ăn cho Phật và Tăng cần khoảng bao nhiêu?", tôn giả nói: "Khoảng năm trăm kim tiền". Các người nữ nghe rồi mỗi người liền đóng góp một kim tiền đủ năm trăm kim tiền liền bạch với tôn giả: "Vương tử, chúng con không có khí cụ vật dụng nấu nướng và tòa ngồi, cúi xin Vương tử giúp đỡ lo liệu các món cúng dường, đến giờ thọ thực chúng con sẽ tự tay dâng cúng", tôn giả nhận lời , các người nữ để lại số tiền rồi ra về. Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc nghe tin Phật đã du hóa đến, liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật nói diệu pháp rồi bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn và chúng Bí-sô sáng mai đến nhà con thọ thực", Thế tôn nói: "Này trưởng giả, ta đã thọ năm trăm người nữ thỉnh thực vào sáng mai rồi". Trưởng giả nghe rồi sanh tâm tùy hỉ đảnh lễ rồi lui ra, sau đó đến chỗ tôn giả A-nan-đà thấy kim tiền liền hỏi là của

ai, tôn giả nói: "Kim tiền này là của năm trăm người nữ nhờ tôi lo liệu các món cúng dường cho Phật và Tăng vào sáng mai. Trưởng giả hãy mang số kim tiền này về rồi thêm vào để sắm sửa các món ăn ngon, sáng mai mang đến". Trưởng giả làm theo như lời của tôn giả sắm sửa các món ăn thượng diệu rồi chở đến trong vườn Cấp, tôn giả sai người đến báo cho các người nữ biết để đến dâng cúng. Các người nữ đến bạch với tôn giả: "Tôn giả là chơn thiện tri thức của chúng con, xin thương xót giúp chúng con dâng cúng cho phật và Tăng", tôn giả nhận lời. Lúc đó có hai người nữ một già một trẻ, người trẻ là ngoại đạo lộ hình cùng đến xin thức ăn, các người nữ nói: "Hãy đến xin Vương tử", người trẻ liền đến chỗ tôn giả A-nan-đà xin, tôn giả nói: "Hãy ngồi chờ ở đó, tôi sẽ đưa cho". Khi tôn giả đưa cho bánh không xem kỹ có cái bánh dính đôi, người già được một cái bánh, còn người trẻ được cái bánh dính đôi, người Già-thấy vậy liền nói: "Chắc là Vương tử sanh tâm ái niệm em nên mới đưa cho em cái bánh dính đôi", người trẻ nói: "Đừng nói như vậy, Vương tử đã bỏ cung điện nguy nga, nhàm chán thế tục xuất gia, thoát khỏi trần lao như bỏ đàm dãi, đâu thể đoái hoài đến một người nhơ uế như tôi", người già nói: "Em không biết các trượng phu đối với người nữ yêu thích không đồng, nếu không ái niệm thì sao lại đưa cho cái bánh dính đôi". Các Bí-sô thiểu dục nghe biết chê trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô tự tay trao thức ăn cho ngoại đạo không y và các nam nữ ngoại đạo khác thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho A-nan-đà.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô tự tay trao thức ăn cho các nam nữ ngoại đạo đều phạm Đọa, nếu là thân tộc hay người bịnh thì không phạm; hoặc muốn dùng thức ăn làm nhân duyên để trừ bỏ ác kiến cho họ thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu…

Học Xứ Thứ Bốn Mươi Lăm: ***XEM QUÂN TRẬN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó ở biên thùy nước Kiều-tát-la có phản loạn không thần phục triều đình nên vua Thắng Quang sai một đại tướng xuất binh chinh phạt như vậy cho đến ba lần đều bị quân phản loạn đánh bại, đại tướng yêu cầu nhà vua nên thân chinh đánh dẹp. Vua Thắng Quang cho đánh trống tuyên cáo toàn dân: "Ai biết võ đều phải tòng quân không được trốn tránh, nếu trốn tránh sẽ bị phạt năm trăm kim tiền". Lúc đó Lục chúng Bí-sô nghe quân binh sắp lên đường liền nói với nhau: "Chúng ta nên đến xem quân binh của nhà vua

như thế nào, có thể chiến thắng hay không", nói rồi cùng nhau đi đến chỗ hành quân thấy đoàn tượng quân đến , Nan-đà liền hỏi: "Các ông đến nơi đâu?", đáp là ra biên thùy dẹp loạn, Nan-đà nói: "Đoàn quân voi như thế này làm sao chiến thắng được, ta xem thấy voi của ông hình tướng như heo, còn voi của giặc to như núi Nhạc, còn hình dáng của ông có đi mà không có về, vậy ông hãy trở lại từ biệt tôn thân rồi hãy tòng quân", mọi người nghe lời này đều không vui đứng qua một bên. Kế thấy đoàn mã quân đến, Lục chúng cũng hỏi đáp như trên cho đến câu: "Đoàn mã quân như thế này làm sao chiến thắng được, ta xem thấy ngựa của ông như con bò đần, còn ngựa của giặc to như voi, còn hình dáng của ông… giống như đoạn văn trên". Kế thấy đoàn xa quân đến, Lục chúng cũng hỏi đáp như trên cho đến câu: "Đoàn xa quân như thế này làm sao chiến thắng được, ta xem xe của ông hư mục, còn xe của giặc kiên cố như núi, hình dáng của ông… giống như đoạn văn trên". Kế thấy đoàn bộ quân đến, Lục chúng cũng hỏi đáp như trên cho đến câu: "Đoàn bộ quân như thế này làm sao chiến thắng được, các binh sĩ này giống như người nộm còn bộ binh của họ dũng kiện như Dược xoa, còn hình dáng của ông… giống như đoạn văn trên". Cuối cùng là đoàn quân chỉ huy của vua Thắng Quang đến, vua thấy bốn binh không tiến tới liền hỏi: "Vì sai các tướng quân không tiến lên?", các tướng quân tâu: "Đại vương, nếu chúng tôi phụng mệnh xuất quân e gặp bất lợi vì vừa rồi Lục chúng Bí-sô nói những lời vô nghĩa làm cho các quân binh đều lo lắng", vua nói: "Các vị ấy là sa môn hào quý, họ nói gì thì nói, các tướng quân không nên để ý đến, hãy tiến quân lên". Nói rồi vua liền suy nghĩ: "Chớ để các sa môn thường não loạn nhau", nghĩ rồi vua bảo sứ giả: "Ngươi nên đến chỗ Thế tôn đảnh lễ rồi chuyển lời của Trẫm vấn an Thế tôn được ít bịnh, an vui, tự tại, khí lực điều hòa. Kế chuyển lời của Trẫm cúi xin Thế tôn nhớ nghĩ, chế học xứ cho các Thánh chúng, đừng để Bí-sô đến xem quân trận". Sứ giả vâng lời làm theo lời vua bảo, Thế tôn nghe sứ giả nói rồi liền im lặng nhận lời. Sứ giả biết Thế tôn nhận lời rồi liền đảnh lễ cáo từ, Thế tôn do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô đến xem chỉnh trang quân, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Chỉnh trang quân là chỉnh đốn quân nghi trước khi ra trận như mặc áo giáp, đội mũ trụ… bốn binh là đội quân thứ nhất chỉ toàn voi gọi là Tượng quân, đội quân thứ hai kiêm dùng ngựa gọi là Mã quân, đội quân thứ ba kiêm dùng xe gọi là Xa quân, đội quân thứ tư kiêm đi bộ gọi là Bộ quân.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô xem chỉnh trang quân phạm Đọa, nêu Bí-sô trên đường khất thực gặp quân binh đi đến, hoặc chùa gần Đại-lộ, hoặc quân đội vào trong chùa, hoặc được vua, phu nhân, vương tử, đại thần… thỉnh mời dù thấy quân binh cũng không phạm, khi thấy quân binh không được phê bình tốt xấu hay dở, hoặc một trong tám nạn duyên hiện tiền dù thấy quân binh cũng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu…

Học Xứ Thứ Bốn Mươi Sáu: ***Ở TRONG QUÂN TRẬN QUÁ HAI ĐÊM***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, duyên khởi giống như giới trên cho đến câu vua thân chinh đánh dẹp phản loạn vẫn không thu phục được, Đại thần tâu: "Trưởng giả Cấp-cô-độc có phước lực lớn, nếu trưởng giả đến có thể khiến giặc quy hàng", vua liền hạ chỉ cho sứ giả mang đến, trưởng giả tiếp chỉ rồi lên đường, đến trong quân rồi vẫn không hàng phục được giặc. Nhà vua thấy trưởng giả gầy yếu liền hỏi: "Phải chăng khanh nhớ đến con cái của mình?", đáp: "Không phải thần nhớ đến con cái mà mà nhớ Thánh chúng". Vua liền viết thư sai sứ mang đến cho Tăng chúng nói là muốn gặp Thánh chúng, đại chúng nghe đọc sắc thư rồi từ già đến trẻ đều viện cớ từ chối không đi, lúc đó Lục chúng nói với nhau: "Ngày nào Đại sư còn ở đời, chúng ta còn thì chánh pháp được lưu truyền rộng rãi. Nếu Đại sư Niết-bàn, đệ tử nhập diệt theo thì chánh pháp sẽ tiêu vong. Nay chúng ta có còn có sức phải cố gắng kéo cỗ xe Chánh giáo không sanh mệt mỏi", nói rồi cùng lấy thẻ lên đường đến chỗ nhà vua đóng quân. Đến nơi rồi nói pháp khiến tất cả đều hoan hỉ, nhà vua phấn chấn ra lịnh quân binh chuẩn bị ra trận phá giặc. Lục chúng nghe rồi liền nói với nhau: "Đã nhiều ngày nay chúng ta cố gắng phòng hộ oai nghi, nay hãy tùy ý theo ý mình. Chúng ta nên đến xem nhà vua chỉnh trang quân binh như thế nào", nói rồi cùng đi đến chỗ hành quân, thấy đội quân voi đến liền hỏi muốn làm gì, đáp là muốn chiến đấu, Lục chúng nói: "Những con voi này dáng vẻ như con heo làm sao chiến đấu", nói rồi nắm vòi voi dí xuống đất. Kế thấy đội quân ngựa đến hỏi đáp như trên , Lục chúng nói: "Những con ngựa này dáng vẻ như con bò đần", nói rồi liền nắm lấy đuôi ngựa kéo qua một bên. Kế thấy đội quân xe đến hỏi đáp như trên, Lục chúng nói: "Những chiếc xe này hư cũ rồi", nói rồi nắm trục xe ném qua một bên. Kế thấy đội bộ binh đến liền nói: "Những người này dáng vẻ như người nộm", nói rồi liền nắm cổ kéo ra ngoài hàng ngũ. Bốn binh chủng bị lăng nhục không biết làm sao đều đứng một bên với vẻ ưu sầu. Lúc đó đội quân chỉ huy của vua đến, hỏi đáp giống như trong giới trên cho đến câu vua hạ

chỉ cho sứ giả đến chỗ Thế tôn vấn an và yêu cầu Thế tôn chế học xứ, Thế tôn nhận lời rồi nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-so có nhân duyên đến trong quân trận chỉ được ở lại chừng hai đêm, nếu quá thì phạm Ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào? Nếu các Bí-sô ở lại trong quân trận quá hai đêm phạm Đọa, nếu vua… thỉnh mời ở lại, hoặc có tám nạn duyên phải ở lại quá hai đêm thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu…

Học Xứ Thứ Bốn Mươi Bảy: ***NHIỄU LOẠN QUÂN BINH***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, duyên khởi giống như hai giới trên cho đến câu nhà vua ra lịnh chỉnh trang quân ngũ để ra trận, Lục chúng cùng đến đó xem, đến nơi ẩn mình trong rừng chờ khi bốn binh đến gần liền hét lớn khiến quân binh sợ hãi bỏ chạy, Lục chúng bước ra hỏi tại sao lại sợ, quân binh đáp: "Chúng tôi tưởng bị phục kích nên sợ hãi bỏ chạy", Lục chúng nói: "Chúng tôi chỉ đùa các ông thôi, nếu bọn phản loạn biết các ông khiếp nhược như thế này thì hằng ngày sẽ bắt các ông kéo lôi vào trong thành. Chúng tôi muốn giúp các ông sắp bày quân trận ắt sẽ đắc thắng". Bốn binh nghe rồi liền đồng ý cho họ sắp bày quân trận, Lục chúng thấy trong đội quân voi thấy có voi nhỏ liền nói: "Voi này dùng làm gì", nói rồi đẩy qua một bên; thấy trong đội quân ngựa có ngựa hơi yếu liền nói: "Ngựa này dùng làm gì", nói rồi đẩy qua một bên; khi thấy đội quân xe có xe cũ liền nói: "Xe này dùng làm gì", nói rồi vất qua một bên; khi thấy đội bộ binh có người sói trán liền nói: "Người như vầy dùng được gì", nói rồi kéo qua một bên. Như thế cả bốn binh đều bị nhục… giống như trong giới trên cho đến câu nhà vua sai sứ đến chỗ Phật vấn an và yêu cầu Phật chế học xứ, Phật nhận lời rồi nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô ở trong quân trận hai đêm mà xem chỉnh tranh quân đội, xem bày binh bố trận thì phạm Ba-dật-để-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Bày binh bố trận là bày binh có bốn loại: Sư tử kỳ binh, Đại ngưu kỳ binh, Kình ngư kỳ binh và Kim súy điểu kỳ binh; bố trận có bốn loại: Sóc nhẫn thế trận, Xa viên thế trận, Bán nguyệt thế trận và Bằng dực thế trận.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ở lại hai đêm trong quân trận xem bốn loại binh chủng, khi chưa mặc giáp trụ cầm binh khí thì phạm Ác-tác, khi chỉnh trang quân binh xong thì phạm Đọa. Nếu nhà vua… thỉnh ở lại và tám nạn duyên xảy đến

thì không phạm như giới trên. Không phạm nữa là người phạm ban đầu…

Học Xứ Thứ Bốn Mươi Tám: ***ĐÁNH BÍ SÔ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó tôn giả Đại Mục-kiền-liên cho mười bảy thiếu niên xuất gia và thọ viên cụ, Thập thất chúng này thường thân cận Lục chúng nên Ô-đà-di thường hay sai bảo làm việc này việc nọ, Thập thất chúng nói: "Thầy đâu phải là Thân giáo sư hay Quỷ phạm sư của chúng tôi mà sai sử, chung tôi không làm", Ô-đà-di nghe rồi liên đánh người vừa nói và mắng: "Ngươi dám không nghe lời ta phải không?". Lúc đó cả mười bảy người đều ngã ngửa ra kêu khóc: "Đánh tôi, đánh tôi", các Bí-sô nghe chạy đến hỏi nguyên do, Ô-đà-di nói: "Tôi chỉ đánh có một đứa mà cả mười bảy đứa đều ngã ngửa ra kêu khóc", các Bí-sô hỏi tại sao thì Thập thất chúng đáp: "Nếu tất cả không kêu khóc thì sẽ bị đánh hết". Các Bí-sô thiểu dục đều chê trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên nay nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô vì sân giận không vui mà đánh Bí-sô khác, phạm Ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di. Bí-sô khác là chỉ cho người trong pháp này đã thọ viên cụ.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô dùng nội thân phần hay dùng vật ngoài thân hoặc kiêm dùng cả hai đều phạm Đọa. Nội thân phần là Bí-sô do sân giận dùng một ngón tay đánh Bí-sô thì phạm một tội Đọa, cho đến năm ngón tay thì năm tội Đọa, cú nắm tay, cánh tay, vai, đầu gối… đều phạm Đọa. Dùng vật ngoài thân là Bí-sô do sân giận dùng cỏ cây, cung tên hay các loại khí cụ đánh hay từ xa ném tới tùy trúng một chỗ nào trên người kia đều phạm Đọa. Kiêm dùng cả hai là Bí-sô tay cầm dao, gậy… đánh tùy trúng một nơi nào trên thân người kia đều phạm Đọa. Nếu vì muốn người kia sợ hoặc vì thành tựu chú thuật đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu…

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 38

Học Xứ Thứ Bốn Mươi Chín: ***DÙNG TAY DỌA ĐÁNH BÍ SÔ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt,

duyên khởi giống như giới trên cho đến câu Ô-đà-di bảo Thập thất chúng làm việc nhưng họ không nghe theo, Ô-đà-di nổi giận lấy tay dọa đánh một người, không ngờ cả mười bảy người đều ngã ngửa ra kêu khóc. Các Bí-sô nghe kêu khóc đến hỏi nguyên do giống như giới trên, các Bí-sô chê trách rồi bạch Phật, Phật quở trách rồi chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô vì sân giận không vui, dùng tay dọa đánh Bí-sô khác, phạm Ba-dật-đề-ca".

Tướng phạm có nội, ngoại và kiêm cả hai giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Năm Mươi: ***CHE DẤU TỘI CHO NGƯỜI KHÁC***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô cho người xuất gia và thọ cận viên, Nan-đà có một thân đệ tử tên là Đạt-ma khi chưa biết thầy mình là người ác hạnh thì cùng ở chung thừa sự cúng dường, nhưng khi biết rồi thì bỏ đi đến ở chung với các Bí-sô thiện hạnh. Vì kính lời Phật dạy nên mỗi ngày ba thời đến kính lễ thầy, một hôm Đạt-ma bạch thầy: "Ô-ba-đà-da, nay con muốn đến chỗ yên tĩnh trong vườn chùa để tu tập theo ý mình", Ô-ba-nan-đà muốn cùng đi theo nên bảo Đạt-ma cầm tọa cụ của mình, Đạt-ma nói: "A-giá-lợi-da ban ngày cũng đến trong vườn chùa tĩnh tọa sao?", Ô-ba-nan-đà nói: "Ngươi cho rằng tâm ta thường tán loạn không biết tĩnh tọa hay sao, không có môn tĩnh lự nào mà ta không biết", Đạt-ma nói: "Con không dám, con chỉ muốn hỏi A-giá-lợi-da ban ngày có du hóa không?". Nói rồi liền cầm tọa cụ của Ô-ba-nan-đà đến trong vườn chùa để dưới một gốc cây rồi tìm đến một gốc cây khác ngồi kiết già tĩnh tọa, hệ niệm tư duy. Ô-ba-nan-đà sau đó đến chỗ ngồi tĩnh tọa, lấy y trùm cả đầu mặt hệ niệm tư duy nhưng tâm không thể an định, bèn đứng dậy ngó quanh bốn phía, bỗng thấy có một người nữ

muốn phá rào vào trong chùa liền kêu Đạt-ma, Đạt-ma nói: "A-giá-lợi-da hãy hệ niệm nơi kinh rừng Thệ-đa", Ô-ba-nan-đà nói: "Thầy không nhớ lời Phật dạy là đối với vật của Tăng kỳ phải coi trọng, vậy để ta đến ngăn cản người nữ kia", nói rồi liền đi đến chỗ người nữ hỏi vì sao lại phá rào, người nữ liền cười, lúc đó Ô-ba-nan-đà khởi tâm dục nhiễm nắm cánh tay và ôm người nữ hôn, sau đó đến chỗ Đạt-ma hỏi có thấy gì không, Đạt-ma nói: "Các việc khác đều thấy, chỉ trừ giao hội", Ô-ba-nan-đà nói: "Cụ thọ có biết cũng đừng nói với ai", Đạt-ma nói: "Cho đến khi chưa gặp Bí-sô thiện thì tôi hoàn toàn không nói", Ô-ba-nan-đà nói: "Thân giáo sư của thầy làm những việc xấu xa, tôi đều che dấu, thầy thấy lỗi của tôi mà lại không che dấu hay sao?", Đạt-ma nói: "Biết người khác có thô ác mà che dấu cho nhau, tôi sẽ bạch các Bí-sô". Nói rồi liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Nay chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết Bí-sô khác có tội thô ác mà che dấu, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Bí-sô khác là chỉ cho Nan-đà. Tội thô ác gồm có tội Ba-la-thị-ca và tội Tăng-già-phạt-thi-sa, sở dĩ gọi là thô ác vì nhơn của nó là thô ác xấu xa. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu khi Bí-sô thấy Bí-sô khác phạm tội Tha thắng, khởi ý che dấu cho đến khi mặt trời chưa mọc thì phạm Ác-tác, mặt trời mọc thì phạm tội Đọa; che dấu tội Tăng tàn cũng giống như vậy. Nếu khi Bí-sô thấy Bí-sô khác phạm tội Ba-dật-đề-ca, khởi tâm che dấu cho đến mặt trời chưa mọc thì phạm Ác-tác, mặt trời mọc cũng phạm Ác-tác. Như thế biệt sám cho đến tội Ác-tác, tội phú tàng cũng vậy. Nếu người nói tội sợ nói ra sẽ gặp rắc rối hoặc các nạn phạm hạnh… hoặc nói ra sẽ khiến Tăng bị phá nên che dấu thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu… giống như trong các giới trên.

Nhiếp Tụng Thứ Sáu:

Xúc não bạn, chạm lửa, gởi dục, Pháp đồng ngủ, nhà chẳng ngăn che,
Chưa xả, cầu tịch, nhuộm hoại sắc, Cầm vật báu, khí trời quá nóng.

Học Xứ Thứ Năm Mươi Mốt: ***CÙNG ĐẾN NHÀ THẾ TỤC KHÔNG CHO ĂN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, duyên khởi giống như trong giới năm mươi cho đến câu Đạt-ma vì tôn trọng lời Phật dạy nên mỗi ngày đến kính lễ thầy là Nan-đà. Lúc đó Ô-ba-nan-đà nói với Nan-đà: "Đại đức nên biết, Đạt-ma trước đây có hiềm khích với tôi,

tôi sẽ ở trước Phật và Tăng làm việc không Lợi-ích vạch bày tội của Đạt-ma hoặc khiến cho nhịn đói một ngày", Nan-đà nói: "Đạt-ma ưa thích trì giới, biết hổ thẹn thường ôm lòng truy hối, từng không có phạm, làm sao có thể làm việc không Lợi-ích cho nó được", Ô-ba-nan-đà nói: "Nếu vậy tôi sẽ khiến cho nhịn đói một ngày", Nan-đà nghe rồi liền tự nghĩ: "Thà để cho Đạt-ma nhịn đói một ngày". Lúc đó có một trưởng giả đến thỉnh Nan-đà và Ô-ba-nan-đà về nhà thọ thực, Nan-đà nói với Ô-ba-nan-đà: "Hôm nay chúng ta cho Đạt-ma nhịn đói". Vừa lúc đó Đạt-ma đến kính lễ thầy, Nan-đà bảo Đạt-ma: "Hôm nay có thí chủ đến mời ta và một đệ tử về nhà thọ thực, con hãy cùng đi với ta", Đạt-ma nói: "Há con từng theo thầy đi thọ thỉnh thực hay sao?", Ô-ba-nan-đà nói: "Này Đạt-ma, điều mà ta nghe trước đây khác với điều hôm nay ta thấy. Ta cho rằng ngươi ưa thích trì giới… biết vâng lời thầy dạy không có trái nghịch, há chúng ta bảo thí chủ đem vật bất tịnh cho ngươi hay sao?". Đạt-ma bị quở liền im lặng, sau đó bạch thầy: "Con đi lấy đãy lượt nước và bát rồi đi với thầy", Ô-ba-nan-đà nói: "Khỏi phải đi lấy đãy lượt nước và bát làm chi, ở trong nhà thí chủ có đủ tịnh khí, nước đã lượt sẵn rồi không có trùng, cứ đi với chúng ta", Đạt-ma đành phải đi theo hai thầy, có một Bí-sô khất thực gặp liền hỏi đi đâu, Đạt-ma nói là đi đến chỗ thọ thỉnh thực. Lúc đó hai thầy dẫn Đạt-ma đến một quán trọ, Ô-ba-nan-đà để Nan-đà đứng với Đạt-ma ở đó rồi đi đến nhà thí chủ thọ thực, ăn no rồi liền trở lại quán trọ đứng với Đạt-ma để cho Nan-đà đi thọ thực. Lúc đó Đạt-ma thấy sắp đến giờ ngọ liền nhắc Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà nói: "Ngươi cho rằng ta không có tâm hộ thi la, thường ăn phi thời hay sao? Ngươi hãy đi đi, nếu ngươi ở đây sẽ khiến ta không vui, nói chuyện hay ngồi với ngươi ta đều không vui, chẳng bằng ngồi đứng một mình", Đạt-ma thầm nghĩ: "Nếu hồi sáng ta đem theo đãy lượt nước và bát thì bây giờ có thể đi khất thực được rồi", không biết phải làm sao đành phải trở về chùa, do thế lực của thức ăn vẫn còn nên Đạt-ma tiếp tục tu phẩm thiện, đến khi thế lực của thức ăn hết, cảm thấy đói Đạt-ma mới nằm xuống nghỉ. Vừa lúc đó Bí-sô khất thực trở về thấy Đạt-ma nằm liền quở: "Ăn chi quá no rồi nằm không tu phẩm thiện", Đạt-ma nói: "Tôi không có đến chỗ thọ thỉnh thực thì làm gì ăn quá no", Bí-sô khất thực nghe rồi liền hỏi rõ nguyên do, Đạt-ma đem sự việc trên kể lại, Bí-sô khất thực liền đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô nói với Bí-sô khác rằng: Cụ thọ hãy cùng tôi đi đến nhà thế tục, tôi sẽ bảo họ cúng thức ăn ngon. Bí-sô kia nghe rồi liền cùng đi nhưng cuối cùng lại không được ăn, còn bị xua đuổi nói rằng: Thầy hãy đi đi, tôi cùng

thầy nói chuyện hay ngồi chung đều không vui, tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình vui hơn. Khi nói lời này là muốn cho Bí-sô kia sanh phiền não thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Bí-sô khác là người trong pháp luật này. Thầy hãy đi đi… là lời xua đuổi, khởi ý xúc não muốn khiến cho người kia nhịn đói, chỉ do lý do này không vì việc gì khác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu lại có Bí-sô cố tâm khiến cho Bí-sô khác nhịn đói thì phạm đọa, nếu vì bịnh thầy thuốc bảo nhịn ăn, không cho ăn thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu… giống như trong các giới trên.

Học Xứ Thứ Năm Mươi Hai: ***ĐỐT LỬA***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, duyên khởi giống như trong giới bốn mươi bốn ở trên cho đến câu A-nan-đà nói với các thương nhơn: "Xem tướng có thể đoán biết Thế tôn sẽ đi đến thành Vương xá", các thương nhơn sau khi hỏi biết được mỗi ngày Thế tôn đi được bao nhiêu dặm đường liền chuẩn bị vật thực để cúng dường ở mỗi đoạn đường. Lúc đó A-nan-đà đi đến một ngã rẽ liền dừng lại đợi Thế tôn đi đến, Thế tôn đến nơi liền hỏi vì sao không tiếp tục đi, A-nan-đà bạch Phật: "Thế tôn, ở đây có hai con đường, một là con đường thẳng có nhiều sư tử hổ lang khủng bố, hai là con đường quanh co nhưng an ổn vô ngại. Con không biết phải đi theo con đường nào?", Phật nói: "Nên đi con đường thẳng, Đát-tha-yết-đa đã lìa các sự sợ hãi". Thế tôn chọn đi con đường thẳng đến một thôn xóm, ở đầu thôn có hai đồng tử đang chơi giỡn, một đứa cầm trống, một đứa cầm cung. Hai đồng tử này thấy Thế tôn đi đến liền đảnh lễ bạch Phật: "Thế tôn tại sao lại chọn đi con đường hiểm, nhưng Thế tôn chớ sợ hãi, chúng con sẽ đi trước dẫn đường", nói rồi đứa cầm trống đánh trống đi trước, đứa cầm cung đi sau cùng dẫn đường cho Phật. Thế tôn thấy rồi liền suy nghĩ: "Hai đồng tử này đã gieo trồng căn lành từ lâu nên nay mới gặp ta", sau đó Phật bảo hai đồng tử: "Hai ngươi hãy trở về, Như lai đại sư từ lâu đã lìa sợ hãi, sư tử hổ lang đều không làm gì được", hai đồng tử nghe rồi liền đảnh lễ Phật quay trở về. Lúc đó Phật liền mỉm cười, từ trong miệng phóng ra các ánh sáng xanh vàng đỏ trắng… hoặc chiếu lên hoặc chiếu xuống… giống như duyên khởi trong giới thứ bốn Ba-la-thị-ca nói về tiền thân của cá Ma kiệt, cho đến câu nếu nói việc chánh đẳng chánh giác vô thượng thì ánh sáng vào từ đảnh. Lúc đó ánh sáng xoay quanh Phật ba vòng rồi vào từ đảnh, cụ thọ A-nan-đà liền bạch Phật: "Thế tôn Như lai Ứng chánh đẳng giác không phải không nhân duyên mà vui vẻ mỉm cười", liền

nói kệ tụng:

"Thế tôn lìa trạo cử, kiêu mạn,
Trong các hữu tình, Phật bậc nhất,
Hàng phục phiền não và các oán,
Nếu không duyên cớ không mỉm cười,
Như lai tự chứng chơn diệu giác,
Tất cả thính giả đều muốn nghe,
Xin Mâu ni tối thắng tuyên dương,
Giải tỏa lòng nghi của đại chúng".

Thế tôn nói: "Đúng vậy, Như lai Ứng chánh đẳng giác không phải không có nhân duyên mà hiện mỉm cười. Thầy có thấy hai đồng tử dẫn đường hồi nãy không, hai đồng tử này nhờ thiện căn này ở đời vị lai trong mười ba kiếp không bị đọa trong ba đường ác, thường sanh trong cõi trời người ở thân sau cùng thành tựu đạo quả vô thượng chánh đẳng bồ đề vô thượng, một vị hiệu là Như lai Pháp cổ âm, một vị hiệu là Như lai Thí vô úy". Thế tôn nói lời thọ ký này rồi tiếp tục lên đường đến một thôn xóm ở ven rừng để nghỉ qua đêm. Như lời Phật dạy Bí-sô dù ở trong trú xứ hay ở dưới gốc cây đều theo thứ lớp lớn nhỏ phân chia chỗ nghỉ, lúc đó lục chúng được phân chia ở cạnh một cây khô. Ban đêm bị lạnh bức bách Lục chúng liền dùng lửa đốt cây khô để sưởi ấm, không ngờ trong bọng cây là chỗ ở của rắn, rắn bị khói xông nên bò lên nhánh cây rồi buông mình xuống, Lục chúng thấy rồi liền lớn tiếng kêu là sắp rớt, các thương nhơn nghe tiếng kêu lớn này cho là có sư tử đến liền hoảng sợ bỏ chạy tứ tán. Thế tôn liền hỏi A-nan-đà nguyên do, A-nan-đà liền đem sự việc trên bạch Phật, Phật bảo A-nan-đà: "Thầy hãy mau đến nói với các thương nhơn, Như lai ở chỗ nào thì chỗ đó lìa sợ hãi về sư tử, hãy nên quay trở lại chớ có sợ hãi nữa". A-nan-đà vâng lời Phật dạy đến thông báo khiến các thương nhơn yên tâm quay trở lại chỗ cũ, các Bí-sô thấy việc này rồi đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, tại sao Lục chúng kêu lớn sắp rớt lại khiến các thương nhơn kinh sợ bỏ chạy tứ tán, tại sao Thế tôn lại nhơn việc này an ủi khiến họ lìa sợ hãi?", Phật nói: "Chẳng phải chỉ ngày nay Lục chúng làm cho các thương nhơn hoảng sợ mà từ thuở xưa cũng đã từng làm cho họ kinh sợ bỏ chạy tứ tán, ta cũng đã an ủi khiến họ lìa ưu não. Các thầy lắng nghe: Thuở xưa có sáu con thỏ kết bạn nương ở bên nhau cạnh một ao nước trong rừng cây trái Tần loa, lúc đó trái Tần loa chín rụng xuống ao nước phát ra tiếng, sáu con thỏ này vừa nghe tiếng trái rụng này do thân hình nhỏ bé nhu nhược nên kinh sợ bỏ chạy tứ tán. Lúc đó con dã can thấy thỏ bỏ chạy liền hỏi nguyên do, thỏ nói: "Tôi nghe trong ao nước có tiếng động lạ, sợ có mãnh

thú đến hại nên bỏ chạy", dã can nghe rồi cũng bỏ chạy theo, cứ như Thế-lan ra khắp các cầm thú trong rừng vừa nghe nói cũng đều bỏ chạy theo. Cách đó không xa có một sư tử chúa ở trong hang núi thấy các loài thú bỏ chạy tứ tán như thế liền nói: "Các ngươi đều có móng bén, răng nhọn và có sức mạnh, tại sao phải hoảng sợ bỏ chạy như thế?", tất cả đều nói như lời thỏ đã nói ở trên, sư tử hỏi: "Các ngươi nghe tiếng đáng sợ đó từ đâu", tất cả đều đáp là không biết từ đâu, sư tử nói: "Nếu chưa biết gốc ngọn thì đừng chạy nữa, để ta xem xét kỹ tiếng đáng sợ đó là tiếng gì, phát ra từ đâu", nói rồi liền hỏi cọp, cọp nói là nghe được từ con báo, như Thế-lần lượt hỏi đến con thỏ, thỏ nói là chính tai nghe được tiếng động lạ đó từ trong ao nước, sư tử liền dẫn các loài thú đến bên ao nước, tạm đứng chốc lát liền nghe tiếng trái Tần loa chín rụng xuống ao phát ra, sư tử nói: "Đây là tiếng của loại cây trái ăn được rụng xuống ao, không gì phải sợ hãi". Lúc đó trong hư không chư thiên nói kệ:

"Không nên nghe người nói liền tin, Phải đích thân xem xét tường tận, Đừng như trái cây rớt trong ao,

Khiến thú trong rừng đều hoảng chạy".

"Này các Bí-sô, sư tử chúa thuở xưa chính là thân ta, sáu con thỏ chính là Lục chúng, xưa kia đã làm cho các loài thú hoảng sợ, ta cũng đã an ủi khiến họ lìa sợ hãi; ngày nay lại làm cho các thương nhơn hoảng sợ, ta cũng an ủi khiến họ yên tâm". Sau khi Thế tôn nói duyên xưa cho các Bí-sô nghe rồi liền bảo A-nan-đà: "Thầy hãy thông báo cho các thương nhơn hôm nay để Thế tôn đi trước, họ đi phía sau", A-nan-đà vâng lời Phật dạy đi thông báo. Lúc đó Thế tôn và Tăng chúng đi trước các thương nhơn khi đến trong rừng hiểm có một sư tử chúa muốn đến hại Phật, Phật liền đưa bàn tay hữu ra, ở năm đầu ngón tay hóa ra năm sư tử, sư tử chúa thấy rồi liền bỏ chạy, Phật liền hóa ra lửa mạnh bao vây bốn phía, sư tử muốn tránh chỗ nào cũng không được. Lúc đó chỉ có bên chỗ Phật là mát mẻ thanh lương nên sư tử đến bên Phật sụp lạy, Thế tôn liền đưa bàn tay hữu trăm phước trang nghiêm sờ đầu sư tử nói rằng: "Này Hiền thủ, đời trước ngươi đã tạo nghiệp ác nên đọa trong loài bàng sanh, nay lại khởi tâm ác hại giết chết kẻ khác để tự nuôi sống, sau khi chết sẽ sanh trở lại trong đường ác. Này hiền thủ, các hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tịnh, ngươi hãy sanh tâm tịnh tín, ở trong loài bàng sanh nên khởi tâm nhàm lìa". Lúc đó các Bí-sô cũng đưa tay sờ đầu sư tử, sư tử liền gầm lên tỏ vẻ không chịu, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy chớ nên chạm vào sư tử, vì sao, vì loài mãnh thú tánh vốn hung bạo khó gần gũi, nếu vội sờ có thể

bị tổn thương, nếu các Bí-sô sờ sư tử thì phạm Ác-tác, sờ sư tử bằng đá, bằng đất hay tượng vẽ đều không phạm". Điều phục được sư tử rồi Phật cùng các Bí-sô tiếp tục lên đường, sư tử chúa tạ từ Phật rồi suy nghĩ: "Nay ta đã nghe pháp rồi thì không nên giết các loài khác để tự nuôi sống, ta phải kiên quyết tuyệt thực không ăn thịt nữa". Loài mãnh thú không thể nhịn đói nên không bao lâu sau sư tử mạng chung được sanh lên cõi trời Tứ đại vương chúng, thường pháp của hữu tình vừa được sanh lên cõi trời đều nghĩ về ba điều: Ta từ cõi nào vừa chết, nay được sanh vào cõi nào và do tạo nghiệp gì mà được quả dị thục này. Lúc đó thiên tử liền tự biết mình từ cõi súc sanh chết đi, nay được sanh lên cõi trời Tứ đại vương chúng là do ở bên Phật khởi tâm tịnh tín. Sau khi biết rồi Thiên tử muốn đến chỗ Phật thừa sự cúng dường liền dùng anh lạc của cõi trời để trang nghiêm thân và dùng hoa trời đựng trong cái gùi mang đến cúng dường Phật. Qua đêm thiên tử đến chỗ Phật rồi rải các loại hoa trời cúng dường Phật, ánh sáng của thiên tử này chiếu sáng khắp cả khu rừng, Phật tùy theo ý nhạo tùy miên, căn tánh sai biệt mà nói pháp khiến cho thiên tử được Kiến đế, sau khi kiến đế Thiên tử bạch Phật: "Thế tôn, nay con được Kiến đế là nhờ Thế tôn khai thị, không phải do cha mẹ, thiên chúng, sa môn, Bà-la-môn… nào có thể làm được. Thế tôn là thiện tri thức đã cứu vớt con từ trong cõi Địa ngục, Bàng sanh, Ngạ quỷ, đưa con vào cõi trời thắng diệu, chấm dứt sanh tử hướng tới Niết-bàn… chứng quả dự lưu. Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, cúi xin Thế tôn chứng tri con là Ô-ba-sách-ca, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ năm học xứ không sát sanh cho đến không uống rượu". Thiên tử bạch rồi thân tâm hoan hỉ được việc chưa từng có, đảnh lễ Phật trở về lại thiên cung. Các Bí-sô đầu đêm sau đêm tỉnh giác tư duy, thấy chỗ Thế tôn rực sáng không biết có thiên chúng nào đến chỗ Phật, do phước lực của họ nên ánh sáng của thiên tử chiếu sáng khắp cả khu rừng. Sáng hôm sau các Bí-sô liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, đêm qua chúng con khu rừng rực sáng không biết là sức oai thần của Phạm thiên hay trời Đế thích hay trời Tứ thiên vương… đã đến chỗ Phật nên khu rừng mới rực sáng như thế?", Phật nói: "Ánh sáng trong đêm qua không phải sức oai thần của Phạm vương, Đế thích… Các thầy còn nhớ sư tử chúa trong rừng ở bên ta nghe pháp không, sư tử này sau khi nghe pháp đã nhịn đói mà chết, sau khi chết được sanh lên cõi trời Tứ đại vương chúng, nay muốn báo ơn nên đến chỗ ta rải hoa trời cúng dường, ta nói pháp khiến kia được kiến đế rồi trở về lại thiên cung, do thần lực của vị trời này nên khắp khu rừng đều rực sáng". Các Bí-sô nghe rồi bạch Phật: "Thế tôn, vị trời sư tử này đã từng làm nghiệp gì mà chiêu chiêu cảm quả dị thục đọa trong loài sư tử, lại do tạo

nghiệp gì sau khi chết được sanh lên cõi trời Tứ đại vương chúng, lại do tạo nghiệp gì nghe Phật nói pháp liền được kiến đế chứng quả Dự lưu?", Phật nói: "Thiên tử này tiền thân tạo nghiệp, khi nhân duyên vận hiệp thành thục không phải do địa thủy hỏa phong của giới ngoại mà thành thục, chính ngay nơi Uẩn xứ giới của tự thân mà thọ lấy quả báo", Phật liền nói kệ:

"Dầu cho trải trăm kiếp,
Nghiệp đã làm không mất,
Khi nhân duyên hội ngộ,
Trở lại tự thọ báo".

Các Bí-sô lắng nghe:

Thuở xưa lúc con người sống thọ hai vạn tuổi có Phật ra đời hiệu là Ca-diếp-ba đủ mười hiệu, quyến thuộc của Phật có đến hai vạn đệ tử cùng ở trong nước Ba-la-nê-tư. Khi Phật Ca-diếp-ba chưa ra đời, trong thành này có một Bà-la-môn thông suốt bốn minh và các luận được mói người tôn kính là Đại sư. Sau khi Phật Ca-diếp-ba ra đời, mọi người đều tôn kính Phật không đến thừa sự vị Bà-la-môn ấy nữa, Bà-la-môn này sanh tâm tật đố nên lúc Phật đang thuyết pháp giữa đại chúng liền nói lời thô rằng: "Sa môn này ở giữa đại chúng nói pháp không biết sợ cũng như sư tử, thính chúng nghe pháp cũng như các loài thú nhỏ kính thọ pháp của sư tử". Phật nghe lời nói này rồi liền bảo vị Bà-la-môn: "Nay ông ở chỗ bậc Thiên nhơn sư nói ra lời thô ác sẽ thọ khổ báo trong địa ngục. Ông nên chí tâm sám hối, tội sẽ nhẹ bớt". Vị Bà-la-môn nghe Phật nói rồi sanh lòng hổ thẹn, đến trước Phật sám hối xin quy y Tam bảo, thọ trì năm học xứ làm Ô-ba-sách-ca.

Này các Bí-sô, vị Bà-la-môn thuở xưa do ác khẩu, ở trước Phật nói lời khinh mạn tuy đã sám hối nhưng dư báo của ác nghiệp ấy khiến cho trong năm trăm đời làm thân sư tử đến nay vẫn chưa hết. Do ở bên ta sanh tâm chánh tín nghe pháp mà được sanh lên cõi trời; lại do thuở xưa đối trước Phật Ca-Diếp-ba quy y Tam bảo, thọ năm học xứ nên đời này gặp ta nghe pháp chứng quả Dụ lưu. Cho nên các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì quả dị thục thuần đen, tạo nghiệp thuần trắng thì quả dị thục thuần trắng, nếu tạo nghiệp xen tạp thì quả dị thục cũng xen tạp. Các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, nên tu nghiệp thuần trắng chớ có buông lung, nên học như thế", các Bí-sô và chúng trời người nghe Phật nói rồi đều tín thọ phụng hành. Lúc đó Thế tôn dần dần đến nước Ma-kiệt-đà ở trong Trúc lâm bên ao Yết lan đác ca thành Vương xá, Lục chúng Bí-sô ngồi bên đống lửa, mỗi người cầm cây củi đang cháy đùa giỡn vẽ hình tròn…, ngoại đạo trông thấy đều chê trách rằng: "Sa môn Thích tử cầm khúc củi đang cháy

đùa giỡn có khác gì đồng tử, tại sao các người lại giảm phần chi dụng của vợ con cúng cho những người trọc đầu này". Các Bí-sô nghe rồi liền bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô tự đốt lửa, bảo người khác đốt lửa, phạm Ba-dật-đề-ca."

Thế tôn chế học xứ này rồi các Bí-sô không dám đốt nhang đèn cúng dường ở trong tháp cũng không thừa sự các Thân giáo sư, Quỹ phạm sư trong việc nấu nước, xông bát, nhuộm y…, Thế tôn biết nhưng vẫn hỏi A-nan-đà nguyên do, A-nan-đà đem sự việc trên bạch Phật, Phật nói: "Nếu người cần dùng lửa, khi dùng cẩn thận giữ gìn thì không phạm. Khi dùng lửa nên khởi nghĩ rằng ta dùng lửa để cúng dường tháp Phật, hoặc thừa sự hai thầy hoặc vì mình và các đồng phạm hạnh cần dùng lửa để làm việc này việc kia, thì không phạm". Các Bí-sô khi dùng lửa để nhuộm y xông bát… quên khởi nghĩ như lời Phật đã dạy bèn hối hận, Phật nói nên khởi nghĩ trong suốt thời gian dùng lửa. Sau có một Bí-sô mắc bịnh phong, thầy thuốc bảo nên gần lửa, Bí-sô nói Phật không cho đốt lửa, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại từ do lý do này sẽ khai cho đốt lửa", các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô không bịnh mà vì mình đốt lửa hoặc bảo người đốt lửa, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô dùng củi đang cháy đùa giỡn với nhau vẽ thành hình tròn… đều phạm Đọa. Khi Bí-sô đốt lửa nên khởi nghĩ cẩn thận đề phòng, nếu không khởi nghĩ mà vội đốt lửa thì phạm Đọa, tắt lửa cũng phạm đọa. Nếu Bí-sô cầm củi đang cháy bươi lửa trong tro rồi đem lửa ấy dùng nấu thức ăn, đốt đèn… đều phạm Ác-tác; nếu nếu bỏ móng tay… phun nước miếng vào lửa cũng phạm Ác-tác. Nếu khi dùng lửa có khởi nghĩ cẩn thận đề phòng thì không phạm, không phạm nữa là người phạm ban đầu…

Học Xứ Thứ Năm Mươi Ba: ***GỞI DỤC RỒI LẠI NGĂN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó cụ thọ Ô-đà-di đã đoạn trừ phiền não chứng A-la-hán, Bí-sô Xiển-đà đến nước Kiều-thiểm-tỳ sống trong tịch tĩnh, A-thuyết-ca và Bổ-nại-phạt-tố đều đã qua đời, chỉ còn Nan-đà và Ô-ba-nan-đà vẫn ở trong rừng Thệ-đa nhưng tuổi đều đã già. Lúc đó Thất thập chúng đều đã khôn lớn, sức khỏe dồi dào lại thông tam tạng, khởi ý nghĩ: "Thời gian qua chúng ta thường bị Lục chúng coi thường, Nan-đà và Ô-ba-nan-đà thường hại chúng ta nhất là

Ô-ba-nan-đà, nay chúng ta nên tác pháp xả trí ông ta", một người trong số Thập thất chúng nói: "Thượng tọa-nan-đà thông hiểu pháp vụ, làm sao chúng ta có thể tác pháp yết ma được", người khác nói: "Chúng ta nên quyền xảo tìm cách gạt ông ta đừng vào trong chúng, lúc đó chúng ta sẽ tác pháp yết ma". Bàn xong Thập thất chúng đến chỗ Nan-đà thăm hỏi và nói: "Y của thượng tọa dơ quá, sao không giặt?", Nan-đà nói: "Nay ta đã già, thấy ta già suy nên các đệ tử khởi tâm khinh, không ai chịu giặt y cho ta nữa", Thập thất chúng nói: "Hãy đưa cho con giặt". Nan-đà liền đưa y, Thập thất chúng lại nói: "Còn cái nào dơ cứ đưa hết cho con giặt", Nan-đà liền đưa hết ba y chỉ mặc áo trong, Thập thất chúng lấy y rồi đem ngâm vào nước tro rồi đến nhà họp chúng trải tòa, đánh kiền chùy, sau đó đến bạch với Nan-đà: "Thượng tọa, chúng tăng có việc, đã đánh kiền chùy xin thỉnh thượng tọa vào nhà họp chúng để bàn việc", Nan-đà nói: "Ba y của ta đã đưa giặt không thể vào nhà họp chúng được, nếu chúng tăng có tăng sự như pháp thì ta xin gởi dục". Nan-đà liền gởi dục, Thập thất chúng nhận dục rồi mang đến trong Tăng, sau đó một người đến chỗ Ô-ba-nan-đà nói: "Thượng tọa có tội, tôi muốn gạn hỏi xin thượng tọa cho phép", Ô-ba-nan-đà nói tùy ý, Thập thất chúng liền khởi tố và hỏi tội, Ô-ba-nan-đà nghe khởi tố liền nói: "Mụt ghẻ đã lành, khơi lại làm chi khiến nó tổn thương, sự việc đã là quá khứ nay cần gì nói lại nữa", Thập thất chúng nói: "Thế tôn há chẳng dựa vào việc quá khứ mà chế học xứ cho các đệ tử hay sao", nói rồi liền cưỡng trao pháp yết ma Xả trí cho Ô-ba-nan-đà. Đại chúng giải tán rồi, Ô-ba-nan-đà liền đến chỗ Nan-đà khóc kể, Nan-đà hỏi nguyên do, Ô-ba-nan-đà đem việc trên kể lại, Nan-đà nói: "Họ đã trao cho em yết ma Xả trí tức là trong ba phạm vi xóm phường thành ấp xua đuổi em, nhưng em có lỗi gì, ta sẽ đến trong Tăng xin lỗi giúp cho em, lại nữa họ tác pháp yết ma biệt chúng là tác pháp không thành vì ta không đến nhóm". Lúc đó các Bí-sô nói: "Há chẳng phải đại đức đã gởi dục rồi hay sao?", Nan-đà nói: "Nếu làm việc không ưa thích như thế thì ta không gởi dục, trì dục bất thành, là ác gởi dục". Các Bí-sô nghe rồi đều chê trách, đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô gởi dục cho Bí-sô khác rồi, sau ăn năn nói rằng: Hãy trả dục lại cho tôi, tôi không gởi dục nữa thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Nan-đà, Bí-sô khác là chỉ cho người trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô trước đã gởi dục rồi sau lại hối hận nói rằng: Hãy trả dục lại cho tôi, tôi không muốn gởi dục nữa thì phạm Đọa. Không phạm là người phạm ban đầu…

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 39

Học Xứ Thứ Năm Mươi Bốn: ***CÙNG NGƯỜI CHƯA THỌ CẬN VIÊN ĐỒNG NHÀ NGỦ QUÁ HAI ĐÊM***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có nhiều thí chủ kính tín đến chùa bạch các Bí-sô: "Xin hãy nói pháp cho chúng con, chúng con rất muốn nghe", Bí-sô nói: "Các vị muốn nghe pháp nên đến chỗ Phật, Phật sẽ giảng nói cho nghe", thí chủ nói: "Thánh giả, Đại sư chỉ có một mà người kính ngưỡng lại đông, tất cả trời người rồng quỷ đều muốn nghe pháp, Đại sư làm sao có thể nói cho tất cả, hoặc là Thánh giả tụng kinh cho chúng con nghe", Bí-sô nói: "Thế tôn chưa cho phép", các thí chủ nghe rồi đều chê trách rồi bỏ về, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Ta cho phép các Bí-sô tùy thời tụng kinh", các Bí-sô liền hằng ngày tụng kinh không nghỉ, những người có phước đức nhàn rỗi hằng ngày đều đến nghe kinh rồi về nhà khuyên những người làm thuê mướn không có phước đức đến nghe kinh, họ nghe rồi liền nói: "Quý vị có phước gặp Phật ra đời, được nghe pháp yếu, được đại lợi ích, được điều chưa từng có, tuy hằng ngày nghe kinh nhưng sinh kế vẫn ổn định. Chúng tôi ít phước phải làm thuê kiếm sống nếu thường đi nghe kinh ắt sẽ chết đói, nếu chư Tăng có thể tụng ban đêm thì chúng tôi đến nghe". Các Bí-sô nghe rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Tuy là ban đêm cũng có thể tụng kinh pháp", các Bí-sô do tụng kinh suốt đêm nên mỏi mệt, Phật nói không nên, các Bí-sô liền tùy thời tụng một ít kinh pháp mà thôi, các thính giả đều chê trách, Phật nói nên tụng đầy đủ. Tuy các Bí-sô tụng kinh ban đêm nhưng những người làm thuê không phải đêm nào cũng đến nghe, những người có phước đức liền hỏi tại sao, họ nói: "Chúng tôi ít phước không thể thường xuyên đến nghe kinh, nếu chư Tăng mỗi tháng vào ngày mồng tám, rằm và cuối tháng tụng kinh suốt đêm, chúng tôi sẽ thường đến nghe để được sanh phước lợi", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói nên tụng. Lúc đó có một Bí-sô khất thực trú nơi A-lan-nhã nói với người ở chung: "Hôm

nay là ngày rằm, tôi muốn về chùa cùng làm lễ Trưởng tịnh và nghe kinh", nói rồi liền đến chùa ở lại nghe kinh đến nửa đêm, tự nghĩ: "Bây giờ là phi thời không thể trở về chốn Lan-nhã", nghĩ rồi liền ở lại chùa nghỉ qua đêm, ở đó cũng có nhiều người thế tục nghe pháp nghĩ lại qua đêm. Lúc đó vị tri tự muốn tắt đèn, những người thế tục yêu cầu đừng tắt, tại đây cũng có một Bí-sô Ma-ha-la ở lại ngủ qua đêm, khi ngủ không nhiếp tâm nên trong mộng thấy cùng người vợ cũ họp mặt muốn làm việc phi pháp, nói mớ ra tiếng khiến người tục nghe được, trông thấy Bí-sô ngủ mớ như vậy liền nói với nhau: "Bí-sô già còn như vậy, Bí-sô trẻ sẽ như thế nào". Bí-sô khất thực nghe người thế tục chê trách như vậy nên trời vừa sáng liền trở lại chốn Lan-nhã, người cùng ở chung hỏi: "Các đống phạm hạnh ở trong chùa đó tụng kinh ban đêm có khiến cho người thế tục sanh tịnh tín hay không?", Bí-sô khất thực nói: "Họ nghe diệu pháp đều sanh hỷ tín nhưng có một Bí-sô già đã làm cho người thế tục chê trách", nói rồi liền kể lại sự việc trên. Các Bí-sô nghe biết được liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Do các Bí-sô cùng người chưa thọ cận viên đồng một nhà ngủ và thắp đèn nên có lỗi này sanh, từ nay ta không cho phép Bí-sô cùng người chưa thọ cận viên đồng một nhà ngủ mà có thắp đèn". Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới.

Phật ở trong vườn Diệu-âm nước Kiều-thiểm-tỳ, lúc đó tôn giả Xá-lợi-tử có hai cầu tịch: Một tên là Chuẩn-đà, hai tên là La-hỗ-la. một hôm La-hỗ-la có duyên sự đi vắng, một Bí-sô khách đến chùa xin nghỉ lại qua đêm, vị Thọ sự thấy La-hỗ-la đi vắng liền bảo khách Bí-sô tạm nghỉ trong phòng của La-hỗ-la, vị khách Bí-sô này đem y bát của La-hỗ-la để bên ngoài phòng, La-hỗ-la trở về thấy y bát của mình ở ngoài cửa nên đứng với vẻ buồn bã, Chuẩn-đà trông thấy liền hỏi tại sao, La-hỗ-la nói: "Tôi vừa ra ngoài, có khách Bí-sô đến ở trong phòng tôi, đem y bát của tôi để bên ngoài, trời sắp tối lại sắp mưa, đêm nay tôi ngủ ở đâu đây?", Chuẩn-đà nói: "Tùy chỗ nào nằm được thì nằm, ưu phiền làm gì, hoặc dựa trước cửa phòng ngủ cũng được". La-hỗ-la suy nghĩ: "Phi thời gặp Phật thưa hỏi là không có lý đó, ta nên đến trong nhà vệ sinh ngủ qua đêm", nhà vệ sinh này trước đó đã được một thí chủ tịnh tín dùng bùn diệu hương thoa trét sạch sẽ nên La-hỗ-la vào trong đó ngủ tạm, đến đêm trời mưa lớn, nước mưa tràn ngập khiến cho con rắn độc ở trong hang dưới đất gần đó phải bò ra ngoài và bò vào trong nhà vệ sinh. Như lai đại sư chứng được tâm không quên, lúc đó khởi nghĩ: "Nếu La-hỗ-la bị rắn độc này cắn chắc phải chết, chỉ còn lại cái tên gọi mà thôi. Dòng họ Thích kiêu ngạo sẽ sanh bất tín nói rằng: "Nếu La-hỗ-la không xuất gia sẽ kế thừa ngôi vị Chuyển luân vương, nay xuất gia

lại không có nơi nương tựa, phải nằm ngủ trong nhà vệ sinh bị rắn cắn chết thật là oan uổng", nghĩ rồi Như lai liền duỗi tay hữu ra như cái vòi voi đến chỗ La-hỗ-la đang nằm, nhấc lên đưa đến phòng mình đặt trên giường, đêm đó Như lai hoặc đi hoặc ngồi cho đến sáng. Các Bí-sô sau khi thức dậy rửa mặt súc miệng xong liền đến chỗ Như lai đảnh lễ, thường pháp của Như lai là khi muốn chế học xứ cho các Bí-sô, nếu Bí-sô nào chưa đến thì đợi đến đủ, nếu Bí-sô nào đến rồi thì không cho đi để tập trung đầy đủ. Lúc đó La-hỗ-la thức dậy biết mình đang nằm trên giường của Phật hoảng hốt vội ngồi dậy, Chuẩn-đà nói: "Nếu Thế tôn không nghĩ đến thầy thì thầy đã bị rắn cắn chết rồi, chỉ còn lưu lại cái tên mà thôi". Khi các Bí-sô tập họp đã đủ, Phật bảo các Bí-sô: "Các cầu tịch không cha không mẹ, chỉ có các thầy là người đồng phạm hạnh cùng thương tưởng nhau. Hầu hết những vị này đều là mầm của A-la-hán sẽ được xuất ly, nếu các thầy không thương tưởng nhau, bảo hộ cho nhau thì ai sẽ thương tưởng và bảo hộ cho họ. Nay ta cho phép các Bí-sô cùng người chưa thọ viên cụ đồng một phòng ngủ hai đêm không phạm".

Lúc đó có Bí-sô mắc bịnh kiết ly, chân dính bất tịnh vì trong phòng không có đèn nên tìm chỗ rửa không được, bèn đưa chân ra ngoài giường nằm suốt đêm. Trời vừa sáng, đệ tử vào phòng thăm hỏi có được an không, liền kể lại sự việc trên, các Bí-sô nghe biết liền đem việc này bạch Phật, Phật nói nên để đèn sáng. Lúc đó các Bí-sô để đèn sáng khiến người bịnh không ngủ được, bịnh càng thêm nặng, Phật nói: "Bí-sô có bịnh cần đốt đèn, nằm đối đầu để tránh ánh sáng không phạm", người nuôi bịnh lúc đó không dám nằm nên bịnh sanh, Phật nói: "Người nuôi bịnh tuy nằm có đèn cũng không phạm". Lúc đó có người bịnh cần uống thuốc không có người trao, Phật bảo nên cùng ngủ với người thế tục, quá hai đêm các Bí-sô không dám ngủ nên bịnh sanh, Phật nói: "Người bịnh tuy cùng ngủ quá hai đêm cũng không phạm". Lại có Bí-sô bịnh không thể tự ăn được phải nhờ người thọ cụ túc đút cho ăn, người thọ cụ túc này có việc ra ngoài không biết nhờ ai, Phật nói: "Người chưa thọ cụ túc cũng được phép đút cho ăn, nếu không có người này thì đại Bí-sô cũng phải đút cho người bịnh ăn". Lúc đó các Bí-sô nằm nơi có ánh sáng mặt trời, mặt trăng không dám ngủ, Phật nói nằm ngủ không phạm. Phật đã chế không được cùng người chưa thọ cụ túc ngủ quá hai đêm nên qua hai đêm các Bí-sô liền đuổi họ ra khỏi chùa bị giặc, thú dữ… làm tổn thương, Phật nói không nên đuổi. Các Bí-sô đuổi ra ngoài mái hiên, Phật nói cũng không nên, chỉ nên đuổi ra ở tạm bên ngoài thế lực của phòng. Có một Bí-sô nuôi một Cầu tịch, ban đêm bảo ra ngoài ngủ, một Bí-sô phạm tội từ ngoài vào hỏi Cầu tịch là đêm nay ngủ ở đâu,

đáp là ở ngoài cửa phòng, vị sư chủ bên trong phòng nghe có tiếng người nói liền hỏi là ai, Cầu tịch đem việc trên bạch thầy, sư chủ liền kêu vào trong phòng ngủ, tự mình suốt đêm hoặc đi hoặc ngồi cho đến sáng. Sáng sớm các đệ tử đến vấn an, sư chủ đem việc trên kể lại, các đệ tử nói: "Thầy há không nghe như Phật đã dạy có hai việc mới thành đại nhân: Một là việc việc đó không thể làm thì không nên làm, hai là đã làm việc gì thì không nên bỏ, phải làm cho xong. Thầy thương Cầu tịch nuôi dưỡng dạy dỗ trước sau khó nhọc", sư chủ nghe rồi liền im lặng. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nếu có người phạm tội đến muốn khuyến dụ Cầu tịch, vị thầy xua đuổi được thì cùng nhau xua đuổi, nếu không xua đuổi được thì nên đưa Cầu tịch đến chùa khác. Nếu trong Hạ an cư có Bí-sô xấu ác đến chùa, sư chủ nên cùng Cầu tịch đồng phòng ngủ cho đến mãn an cư, an cư xong nếu xua đuổi được Bí-sô xấu ác thì tốt, nếu không xua đuổi được thì nên đưa Cầu tịch đến chùa khác".

Lúc đó có nhiều Bí-sô đi đường có dẫn Cầu tịch theo, qua hai đêm liền bảo họ ra ngoài ngủ nên bị thú dữ hại. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Không nên bảo họ ra ngoài, chỉ nên phân chia phạm vi Bí-sô làm hai tùy đêm chưa mãn cùng ngủ không phạm". Sau đó các Cầu tịch vì ban đêm phải thức dậy nên dọc đường ngủ gật, Bí-sô bỏ họ lại cũng bị thú dữ hại, Phật nói không nên. Sau đó có Cầu tịch đòi thức ăn trong bữa tiểu thực, Bí-sô không cho, Phật nói nên cho; đến giờ cũng đòi thức ăn, Bí-sô cũng không cho, Phật nói: "Thiếu niên sung sức nên mau đói, hãy cho họ ăn". Lại có Bí-sô cùng người chưa thọ cụ túc đồng hành, do Phật chế học xứ này nên Bí-sô suốt đêm không ngủ sanh mỏi mệt, Phật nói: "Nên hộ đến lúc mặt trời mọc, không nên thức suốt đêm", tuy vậy các Bí-sô vẫn mỏi mệt, Phật nói: "Nếu đi suốt đêm thì nên ngủ". Lúc đó Ô-ba-nan-đà có hai Cầu tịch, một tên là Lợi thích, hai tên là Trưởng đại, cả ba thầy trò cùng ngủ quá hai đêm, các Bí-sô chê trách, Ô-ba-nan-đà nói: "Đêm thứ hai với đêm thứ ba có tướng gì khác đâu, lại nữa đêm thứ ba đâu có uống rượu hay ăn hành tỏi". Các Bí-sô chê trách rồi bạch Phật, Phật nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô cùng người chưa thọ cận viên đồng nhà ngủ quá hai đêm, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà; người chưa thọ cụ túc là chỉ cho Cầu tịch. Nhà có bốn loại: Một là có che lợp khắp hết và có vách ngăn khắp hết như các phòng xá và nhà khách…; hai là che lợp khắp hết nhưng chỉ có phần lớn là có vách ngăn tức là có cửa sổ thông với nhau; ba là phần lớn có che lợp nhưng có vách ngăn khắp hết tức là bốn mặt là nhà, bốn bên

là vách nhưng bên trong có mái hiên, có hành lang thông với nhau; bốn là phần nhiều có che lợp và phần nhiều có vách ngăn, tức là nhà bốn mặt nhưng có một mặt không có vách ngăn hoặc ngăn phân nữa hoặc lợp phân nửa hoặc mái hiên giao nhau thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Năm Mươi Lăm: ***KHÔNG BỎ ÁC KIẾN, TRÁI CAN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô tên là Vô tướng tự sanh ác kiến nói rằng: "Như Phật đã dạy pháp chướng ngại không nên tập hành, nhưng tôi biết khi tập hành chẳng phải là chướng ngại", nhiều Bí-sô nghe biết đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên trao cho Bí-sô Vô tướng pháp Biệt gián (can ngăn riêng), nếu lại có Bí-sô nào giống như vậy cũng nên can riêng như sau: Nên đến chỗ Bí-sô kia nói rằng: "Này Vô tướng, thầy chớ nói lời này: Như Phật đã dạy pháp chướng ngại… giống như đoạn văn trên cho đến chẳng phải là chướng ngại. Thầy chớ nên phỉ báng Thế tôn, phỉ báng Thế tôn là không tốt, nếu Thế tôn không nói là pháp chướng ngại thì chẳng phải là pháp chướng ngại; nhưng nếu Thế tôn đã dùng các phương tiện nói là pháp chướng ngại, nếu tập hành nhất định là pháp chướng ngại. Thầy nên bỏ ác kiến này đi "Các Bí-sô vâng lời Phật dạy đến chỗ Vô tướng khuyên can giống như trên nhưng Vô tướng cô chấp không bỏ nói rằng: "Những gì tôi nói là thật, những lời khác đều là hư vọng". Các Bí-sô can riêng không được bèn đến bạch Phật, Phật nói: "Các thầy nên tác pháp Bạch tứ yết ma can Bí-sô kia như sau; đánh kiền chùy tập họp chúng, sau đó một Bí-sô bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, Bí-sô Vô tướng này tự sanh ác kiến nói rằng: Như Phật đã dạy pháp chướng ngại không nên tập hành nhưng khi tập hành tôi biết chẳng phải là pháp chướng ngại. Các Bí-sô tác pháp can riêng như Bí-sô này cố chấp không chịu bỏ ác kiến còn nói rằng: Những gì tôi nói là thật, những lời khác đều là hư vọng. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng chấp thuận nay Tăng trao cho Bí-sô Vô tướng pháp bạch tứ yết ma để kia hiểu rõ điều này như sau: Này Vô tướng, thầy đừng nói răng như Phật đã dạy pháp chướng ngại không nên tập hành… cho đến câu thầy nên bỏ ác kiến này đi. Bạch như vậy. Kế tác yết ma chuẩn theo văn tác bạch ở trên mà làm.

Khi các Bí-sô tác bạch yết ma can như trên rồi, Vô tướng vẫn cố chấp không chịu bỏ ác kiến còn nói rằng: "Những gì tôi nói là thật, những lời khác đều là hư vọng", các Bí-sô thấy can không được bèn bạch Phật, Phật

nói: "Các thầy nên trao cho Bí-sô Vô tướng pháp yết ma Xả trí không bỏ ác kiến, nếu có ai khác phạm giống như vậy cũng tác pháp Xả trí như sau: đánh kiền chùy, tập họp tăng và sai một Bí-sô tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô Vô tướng này tự sanh ác kiến… giống như đoan văn trên cho đến câu Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, nay Tăng trao cho Bí-sô Vô tướng pháp yết ma Xả trí. Cho đến khi nào Bí-sô kia chưa chịu bỏ ác kiến thì Tăng không nên cùng nói chuyện, vì đây là là kẻ đáng ghét, cực ác như Chiên-đà-la. Bạch như vậy. Kế tác yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm.

Lúc đó các Bí-sô tuy đã trao pháp yết ma Xả trí cho Vô tướng nhưng kia vẫn cố chấp không chịu bỏ, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô nói rằng: Tôi biết pháp Phật dạy Dục là chướng ngại nhưng khi tập hành chẳng phải là chướng ngại. Các Bí-sô nên nói với Bí-sô kia rằng: Thầy chớ nên nói là tôi biết lời Phật dạy Dục là pháp chướng ngại nhưng khi tập hành chẳng phải là pháp chướng ngại. Thầy đừng phỉ báng Thế tôn, phỉ báng Thế tôn là không tốt, Thế tôn không nói như vậy, Thế tôn dùng vô lượng pháp môn nói Dục là chướng ngại, thầy hãy bỏ ác kiến đó đi. Khi các Bí-sô can gián như thế, nếu bỏ thì tốt, không bỏ thì nên tác pháp yết ma ân cần can ngăn khiến cho bỏ việc ấy, bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Bí-sô Vô tướng. Pháp chướng ngại là chỉ cho bốn Tha thắng, hai Bất định, ba mươi Xả đọa, chín mươi Đọa, bốn Biệt hối và Chúng học pháp. Khi tập hành chẳng phải là chướng ngại là không chướng ngại Thánh quả của sa môn. Phỉ báng là nói lời phi lý, bất thiện chiêu lấy quả ác dị thục.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô nói rằng: Tôi biết lời Phật dạy… giống như đoạn văn trên. Khi các Bí-sô can riêng nếu bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm Ác-tác. Khi yết ma chánh can, nếu tác bạch và yết ma lần nhất, lần hai xong mà không bỏ đều phạm Ác-tác; yết ma lần ba xong thì phạm Đọa. Nếu tác yết ma phi pháp thì không phạm, không phạm nữa là người phạm ban đầu…

Học Xứ Thứ Năm Mươi Sáu: ***THEO NGƯỜI BỊ XẢ TRÍ***

Khi Bí-sô Vô tướng bị yết ma xả trí rồi liền đến chỗ Ô-ba-nan-đà khóc kể, Ô-ba-nan-đà hỏi nguyên do, Vô tướng nói: "Tôi bị các Hắc-bát trao cho pháp yết ma Xả trí", Ô-ba-nan-đà nói: "Nếu bị yết ma Xả trí thì

thành ấp thôn xóm và ba cõi hữu tình há không có hay sao, thôi đừng có ưu phiền hãy cầu sám tạ đi", Ô-ba-nan-đà khuyên rồi cùng với Vô tướng nói chuyện, thọ dụng y thực và đồng nhà nằm ngồi, các Bí-sô thiểu dục thấy rồi chê trách và đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm chúng và chế học xứ như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết người kia nói lời như vậy, chưa tùy thuận Tăng và không chịu bỏ ác kiến lại cùng nói chuyện, cùng thọ dụng và ở chung đồng nhà nằm ngủ thì phạm Ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà, người nói lời như vậy là chỉ cho Vô tướng. Chưa tùy thuận tăng là chưa tùy thuận sám hối.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô biết người nói như vậy, chưa tùy thuận Tăng… lại cùng nói chuyện, cùng ở chung… thì phạm Đọa. Nếu người đó bịnh chăm nom thì không phạm, hoặc đồng ở để khuyên họ bỏ ác kiến thì không phạm; không phạm nữa là người phạm ban đầu…

Học Xứ Thứ Năm Mươi Bảy: ***NHIẾP THỌ CẦU TỊCH KHÔNG XẢ ÁC KIẾN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-ba-nan-đà có hai đệ tử: Một tên là Lợi thích, hai tên là Trưởng đại. Ở trú xứ khác có nhiều Bí-sô đến cùng ở chung với hai Cầu-tịch cùng đùa giỡn, cùng trạo cử xúc chạm lẫn nhau. Sau đó các Bí-sô này khởi tâm truy hối tự trách những tội đã phạm, tội nào cần trách tâm sám thì tự trách tâm sám, tội nào cần đối thuyết sám hối thì đối thuyết sám hối. Sám hối rồi phát tâm dõng mãnh khởi ý quyết định đoạn các phiền não được chứng A-la-hán và đại thần thông. Thời gian sau hai Cầu tịch kia đang hái hoa trong rừng bổng thấy có Bí-sô lướt hư không mà đi, hai Cầu tịch liền hỏi vọng tới: "Các vị tên là gì?", các Bí-sô nói tên, hai Cầu tịch nói: "Các vị còn nhớ trước kia cùng ở chung với tôi, cùng đùa giỡn… phạm nhiều tội lỗi, tại sao hôm nay lại được chứng quả tăng thượng", các Bí-sô nói: "Đúng vậy, nhưng sau đó chúng tôi thành tâm sám hối những tội đã phạm… giống như đoạn văn trên cho đến câu và đại thần thông". Cầu tịch nghe rồi liền nói: "Các Bí-sô này trước kia cùng tôi làm việc phi pháp như vậy, tại sao hôm nay lại chứng được quả tăng thượng, dựa vào nhân duyên này tôi biết lời Phật dạy Dục là pháp chướng đạo nhưng khi tập hành chẳng phải là chướng đạo". Các Bí-sô nghe rồi đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Hai Cầu tịch này nói lời phi lý, các thầy nên tác pháp can riêng để hiểu dụ họ, nếu có ai giống như vậy cũng nên tác pháp can như sau: "Này Lợi thích và Trưởng đại, đừng nên nói rằng: Tôi biết pháp Phật dạy Dục là pháp chướng

đạo nhưng chẳng phải là chướng đạo. Ngươi đừng phỉ báng Thế tôn, phỉ báng Thế tôn là không tốt, Thế tôn không có nói như vậy, Thế tôn dùng mọi phương tiện nói Dục là pháp chướng ngại, hai ngươi nên bỏ ác kiến này đi". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy đến hiểu dụ hai Cầu tịch nhưng hai Cầu tịch cố chấp không chịu bỏ ác kiến, còn nói rằng: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là hư vọng". Các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên bạch tứ yết ma chánh can hai Cầu tịch như sau: đánh kiền chùy, tập họp chúng, bảo hai Cầu tịch ở chỗ mắt thấy tai không nghe rồi sai một Bí-sô bạch tứ yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, hai Cầu tịch Lợi thích và Trưởng đại này tự khởi ác kiến nói rằng: Tôi biết lời Phật dạy… giống như đoạn văn trên. Khi các Bí-sô tác pháp can riêng, hai Cầu tịch này cố chấp không bỏ còn nói rằng: Chỉ việc này là thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, nay Tăng tác pháp Bạch tứ yết ma để hiểu dụ khiến cho bỏ việc này như sau: "Này hai Cầu tịch, chớ nên nói rằng… giống như đoạn văn trên cho đến câu hai ngươi nên bỏ ác kiến này đi. Bạch như vậy.

Lúc đó một Bí-sô đến nói với hai Cầu tịch: "Chúng tăng tác pháp một bạch tứ yết ma nay đã tác bạch xong, các ngươi nên bỏ ác kiến đó đi", nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Bí-sô nên trở lại trong Tăng báo cho biết là không chịu bỏ. Tăng tiếp tục tác yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm, cho đến câu đây là yết ma lần thứ nhất, giống như trước đến nói với cầu tịch, nếu vẫn không chịu bỏ thì trở lại trong Tăng báo cho biết, kế tác yết ma lần hai, lần ba cũng đều như trước đến khuyên cầu tịch nên bỏ ác kiến. Lúc đó các Bí-sô vâng lời Phật dạy tác pháp Bạch tứ yết ma hiểu dụ, cầu tịch vẫn không chịu bỏ ác kiến, còn nói rằng: "Chỉ đây là thật, ngoài ra đều là hư vọng", các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo: "Các thầy nên tác pháp yết ma bất xả ác kiến tẩn xuất hai Cầu tịch kia như sau: đánh kiền chùy, tập họp Tăng, sai một Bí-sô tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Tăng nghe, hai Cầu tịch Lợi thích và Trưởng đại kia tự khởi ác kiến… giống như đoạn văn trên. Tăng đã tác pháp can riêng và tác pháp Bạch tứ yết ma hiểu dụ nhưng họ vẫn cố chấp không chịu bỏ ác kiến, còn nói: Chỉ đây là thật, ngoài ra đều là hư vọng. Nếu Tăng đúng thời đến nghe, Tăng nên chấp thuận, nay Tăng tác pháp yết ma bất xả ác kiến tẩn xuất, nói với hai Cầu tịch kia rằng: Từ nay về sau, hai ngươi không được nói Như lai Ứng chánh đẳng giác là đại sư của tôi, cũng không được đi theo sau các Bí-sô trên cùng một con đường, cũng không được cùng với đại Bí-sô đồng nhà

ngủ hai đêm như các cầu tịch khác, hai ngươi hãy đi đi. Bạch như vậy. Bạch xong một Bí-sô đến nói với hai Cầu tịch: "Tăng đã tác pháp yết ma tẩn xuất hai ngươi, tác bạch xong rồi, hai ngươi nên bỏ ác kiến đó đi", nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô nên trở lại trong Tăng báo cho biết, kế tác yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm, mỗi lần yết ma xong đều đến khuyên hai Cầu tịch bỏ ác kiến giống như trên, cho đến yết ma lần ba và văn kết yết ma chuẩn theo đó mà làm. Các Bí-sô vâng lời Phật dạy tác pháp yết ma tẩn xuất hai Cầu tịch, hai Cầu tịch này đến chỗ Ô-ba-nan-đà khóc kể và kể lại sự việc trên, Ô-ba-nan-đà nói: "Tăng đã tác pháp tẩn xuất hai con rồi thì thôn xóm, thành ấp cho đến ba cõi há lại không có hay sao, hai con chớ ưu não nên đến trong Tăng sám hối". Ô-ba-nan-đà khuyên rồi bèn thu nhận hai Cầu tịch này cùng ở chung, cùng nói chuyện và cấp dưỡng y thực, các Bí-sô thấy vậy liền chê trách rồi bạch phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu:

… Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết có cầu tịch nói rằng: Tôi biết lời Phật dạy Dục là pháp chướng ngại nhưng khi tập hành chẳng phải là chướng ngại. Các Bí-sô nên nói với cầu tịch kia rằng: Ngươi chớ nên nói là tôi biết lời Phật dạy Dục là pháp chướng ngại nhưng khi tập hành chẳng phải là chướng ngại. Ngươi chớ nên phỉ báng Thế tôn, phỉ báng Thế tôn là không tốt, Thế tôn không có nói như vậy, Thế tôn đã dùng vô lượng pháp môn nói Dục là pháp chướng ngại, ngươi nên bỏ ác kiến này đi. Khi các Bí-sô khuyên can như vậy, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì nên Bạch tứ yết ma chánh can cho bỏ ác kiến này, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì các Bí-sô nên nói với cầu tịch kia rằng: Từ nay trở đi, ngươi không nên nói Như lai Ứng chánh đẳng giác là đại sư của tôi, cũng không được đi theo sau các bậc tôn túc đồng phạm hạnh, cũng không được cùng Bí-sô đồng nhà ngủ hai đêm như các cầu tịch khác, ngươi hãy mau đi đi. Nếu Bí-sô biết cầu tịch kia đã bị tẩn xuất mà còn thu nhận cùng ở chung, cùng nói chuyện và cấp dưỡng y thực thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà; cầu tịch là chỉ cho Lợi thích và Trưởng đại. Nhiếp thọ là cho y chỉ.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô biết cầu tịch bị tẩn xuất… cho đến đồng nhà ngủ thì phạm Đọa, nếu là thân tộc hoặc kia bị bịnh hoặc muốn khiến cho kia bỏ ác kiến nên tạm thời thu nhận đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu…

Học Xứ Thứ Năm Mươi Tám: ***MẶC Y KHÔNG HOẠI SẮC***

Phật ở trong Trúc lâm thành Vương xá, lúc đó trong thành này có hai Long vương: Một tên là Kỳ-lợi, hai tên là Bạt-lũ Nhờ sức oai thần của hai Long vương này nên năm trăm suối nước nóng và các ao hồ trong thành Xá vệ thường chảy không dứt, mưa thuận gió hòa, ngũ cốc tốt tươi. Khi Thế tôn điều phục được hai Long vương Nan-đà và Ô-ba-nan-đà rồi, mỗi tháng vào những ngày mồng tám, rằm. Hai mươi ba và cuối tháng, hai Long vương này từ trong biển cả bay lên núi Diệu cao đến chỗ Phật cúng dường và nghe pháp. Lúc đó hai Long vương Kỳ-lợi và Bạt-lũ gặp hai Long vương này cùng đến chỗ Phật cúng dường nên nói với nhau: "Hai Long vương này từ nơi xa xôi còn đến thành này thừa sự Thế tôn và nghe pháp, tại sao chúng ta ở tại thành này lại không đến kính lễ, chúng ta nên đến cúng dường Thế tôn", nói rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Thế tôn liền nói pháp yếu khiến cho hai Long vương này quy y Tam bảo và thọ trì năm học xứ. Từ đó về sau thân rồng và của cải đều tăng thạnh, được tăng thạnh rồi hai rồng bàn với nhau: "Chúng ta nên vào biển cả cư trú ở chỗ sâu rộng nhất", bàn xong liền đến bạch Phật xin Phật thương xót chấp thuận cho việc vào biển cư trú, Phật nghe rồi liền nói: "Đại vương Ảnh-thắng là quốc chủ, hai ngươi muốn đi thì nên báo cho đại vương biết", hai rồng nghe rồi liền từ tạ ra về, nói với nhau: "Như lời Phật dạy thì hình như Phật không đồng ý, chúng ta nên nương ở chỗ cũ". Hai Long vương này nếu ban đêm đến yết kiến Phật thì giữ nguyên hình trạng, nếu ban ngày đến thì hóa thân trưởng giả. Thời gian sau vào một hôm giữa ban ngày hai Long vương hóa thân trưởng giả đến chỗ Phật nghe pháp, cùng lúc đó đại vương Ảnh-thắng cũng đến Trúc lâm. Đến cửa ngỏ vua ra lịnh cho tả hữu đến chỗ Phật xem có ai không, tả hữu vâng lịnh đến chỗ Phật thấy có hai trưởng giả bèn trở lại tâu với nhà vua, vua nghe rồi liền suy nghĩ: "Hai trưởng giả là người trong nước ta, thấy ta đến há không đứng dậy hay sao", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật. Lúc đó hai Long vương thấy nhà vua đến liền hỏi Phật: "Thế tôn, chúng con nên kính pháp hay kính nhà vua?", Phật nói: "Chư Phật Thế tôn và A-la-hán đều tôn kính pháp", liền nói ba bài kệ:

"Như chư Phật quá khứ,
Cho đến Phật vị lai,
Hiện tại các Thế tôn
Đã đoạn tất cả ưu,
Đều cùng tôn kính pháp.
Nói năng và đi đứng,

Thường trong tất cả thời,
Đều tôn trọng chánh pháp.
nên người cầu ích,
Mong muốn được giàu vui,
Nên phải tôn kính pháp,
Thường nhớ lời Phật dạy".

Hai Long vương nghe Phật dạy như vậy nên khi thấy nhà vua đến không đứng dậy kính lễ, vua liền suy nghĩ: "Hai trưởng giả này là người trong nước ta, thấy ta đến mà không kính lễ", nghĩ rồi liền nổi sân, khi đến đảnh lễ Phật, Phật biết tâm nhà vua đang sân nên nói qua việc khác mà không nói pháp, vua thấy vậy liền thỉnh Phật nói pháp, Phật nói kệ:

"Nếu tâm không thanh tịnh,
Trong lòng còn sân hận,
Không thể hiểu lời Phật,
Đã nói pháp vi diệu.
Hàng phục tâm đấu tranh,
Không có ý bất định,
Và trừ tâm phẫn hại,
Mới hiểu được pháp mầu".

Nhà vua nghe kệ rồi liền suy nghĩ: "Chính do hai trưởng giả này nên Thế tôn không nói pháp cho ta nghe", nghĩ rồi liền đảnh lễ Phật ra về, sau đó ra lịnh cho tả hữu: "Các ngươi nên tìm hiểu hai trưởng giả ở bên Phật là ai, khi họ cáo từ Phật ra về, các ngươi nên bảo họ rằng: Đại vương có dạy hai người phải mau ra khỏi nước, không nên ở trong đất nước của đại vương nữa". Tả hữu vâng lịnh ở lại đợi hai Long vương và nói lại lời của nhà vua, hai Long vương nghe rồi liền nói với nhau: "Đây là điều ta hằng mong muốn, nay không nhọc công mà được toại nguyện", hai Long vương liền mật lịnh khiến mây đen và giáng mưa như trút nước, nước từ các kênh ngòi khe suối đều chảy vào sông, các sông lần lượt chảy ra biển, từ đó trở đi thân và tư tài của hai Long vương càng tăng thạnh. Sau khi hai rồng ra đi thì năm trăm suối nước ấm đều khô cạn, trời hạn hán không mưa khiến cho ngũ cốc mất mùa, dân chúng lo buồn. Vua Ảnh-thắng thấy việc này rồi liền suy nghĩ: "Trong thành Vương xá có hai Long vương, nhờ oai lực của chúng… giống như đoạn văn trên, cho đến câu tại sao nay bỗng nhiên sông suối ao hồ đều cạn khô, trời hạn hán không mưa khiến cho ngũ cốc mất mùa. Phải chăng hai Long vương này đã qua đời hoặc đã đi đến nước khác hoặc có kẻ chú yếm nhiếp giữ rồng hoặc là đã bị chim Kim súy điểu ăn thịt.

Thế tôn là bậc Nhất thiết trí, ta nên đến hỏi Phật nguyên do", nghĩ rồi nhà vua liền đến chỗ Phật đảnh lễ Phật rồi bạch hỏi như trên, Phật nói: "Đại vương nên biết, chẳng phải hai rồng kia đã qua đời… cho đến chẳng phải bị chim Kim súy điểu ăn thịt, mà chính là Đại vương đã xua đuổi chúng". Vua nói: "Con không nhớ là đã gặp lần nào huống chi là xua đuổi", Phật liền nhắc cho vua nhớ: "Lúc đó nhà vua đến chỗ ta đã gặp hai trưởng giả đang ngồi bên ta nghe pháp, khi ra về nhà vua đã nói gì với sứ giả?", vua nói: "Con bảo sứ giả nói với họ là đừng ở trong nước của con nữa", Phật nói: "Hai trưởng giả đó là hóa thân của hai Long vương đến chỗ ta nghe pháp yếu", vua liền hỏi: "Hiện nay họ đã đi đâu?", Phật nói: "Họ đã ra biển cả", vua nghe nói rồi mặt hiện vẻ buồn lo hỏi Phật: "Thế tôn, quốc giới của con có bị suy tổn hay không?", Phật nói: "Quốc giới của nhà vua chưa đến nỗi suy tổn, nhưng nhà vua nên sám tạ hai Long vương kia", vua nói: "Họ ở trong biển cả con làm sao gặp để sám tạ?", Phật nói: "Mỗi tháng vào bốn ngày chay họ thường đến kính lễ ta, ngày ấy vua nên đến ta sẽ chỉ để nhà vua sám tạ họ", vua hỏi: "Khi sám tạ họ, con có lễ dưới chân họ không?", Phật nói: "Nhà vua chỉ cần duỗi tay phải ra nói với họ rằng: Xin dung thứ cho tôi, xin đừng giận lời nói trước kia. Hai Long vương nghe rồi sẽ tha thứ cho nhà vua". Thời gian sau đến ngày Bảo-sái-đà, hai Long vương đến chỗ Phật, vua Ảnh-thắng cũng đến, Thế tôn hiện tướng chỉ cho vua biết, vua liền như lời Phật dạy sám tạ Long vương và yêu cầu hai Long vương trở lại, hai Long vương nói: "Chúng tôi đã ra biển, thân và tư tài của chúng tôi càng rộng lớn không thể trở lại trong đây ở như trước kia", vua nói: "Nếu như vậy thì nước tôi sẽ bị mất", hai Long vương nói: "Nhà vua chớ lo lắng, vua nên xây hai thần đường ở ngoài thành: Một cái gọi là Kỳ-lợi long thần đường, một cái gọi là Bạt-lũ long thần đường. Chúng tôi sẽ bảo quyến thuộc ở trong hai thần đường này, cứ sáu tháng một lần có đại hội chúng tôi sẽ đến xem xét quốc độ của nhà vua, không để cho thiếu thốn". Sau đó vua Ảnh-thắng y theo lời của hai Long vương cho xây cất hai thần đường ở ngoài thành, mỗi năm hai lần đến ngày tiết hội dân chúng khắp nơi tụ về rất đông. Tiết hội lần đó có đội ca nhạc từ phương Nam đến Vương thành, họ nói với nhau: "Chúng ta nên làm phương tiện gì để lôi cuốn dân chúng, chúng ta cũng thu được nhiều tài lợi", một người nói: "Nếu chúng ta trình diễn nói về hành tích thù thắng của bậc đại nhơn, có thể lôi cuốn được nhơn tình", đội ca nhạc nhất trí nói với nhau: "Trong thế gian này đức Phật là thù thắng, tất cả hữu tình đều tôn kính, nếu chúng ta tán thán Phật nhất định sẽ lôi cuốn được quần chúng". Bàn xong họ cùng đến chỗ Lục chúng bạch rằng: "Rất mong các Thánh giả thuật lại cho chúng tôi nghe về quá trình từ

khi Phật làm bồ tát ở trên cung trời Đổ sử sắp hạ sanh vào châu Thiệm bộ, sau đó giáng thần vào thai mẹ và đản sanh, đến khi lớn lên dạo chơi bốn cửa thành thấy cảnh già bịnh chết mà vượt thành xuất gia, sau đó đến trong rừng tu khổ hạnh sáu năm, sau đó được thành tựu đạo quả cứu độ muôn loài", Lục chúng hỏi: "Các vị hỏi việc ấy để làm gì?", họ nói: "Chúng tôi muốn viết thành ca khúc và phổ nhạc để trình diễn cho dân chúng xem", Ô-đà-di nói: "Ông là người ngu si, ông muốn đem thắng sự của Phật đưa vào ca nhạc hay sao, hãy đi mau". Các nhạc công bỏ ra về, sau đó đến chỗ Bí-sô ni Thổ la-nan-đà bạch giống như trên, Thổ la-nan-đà hỏi và các nhạc công cũng đáp giống như đoạn văn trên. Thổ la-nan-đà nghe rồi liền nói: "Nếu các vị cung cấp cho tôi vật thực đầy đủ, tôi sẽ nói cho các vị nghe", các nhạc công đồng ý, Thổ la-nan-đà liền trình bày rõ ràng đầu đuôi về cuộc đời của đức phật, các nhạc công liền viết thành ca khúc và phổ nhạc rồi nói với nhau: "Chúng ta nên làm phương tiện gì khiến người tín kính sanh hoan hỉ và người không tin cũng khởi tâm hoan hỉ". Nói rồi họ cùng trở lại chỗ Lục chúng, lúc đó Bí-sô Xiển-đà ăn no rồi xả oai nghi thì có thí chủ mang thức ăn thượng diệu đến cúng, Xiển-đà muốn ăn nữa nên rửa tay thọ rồi mang đến chỗ Ô-đà-di, lúc đó Ô-đà-di chưa ăn xong chưa đứng dậy, Xiển-đà liền đối trước Ô-đà-di tác pháp dư thực, Ô-đà-di ăn vài miếng rồi đưa lại cho Xiển-đà nói rằng: "Đây là thức ăn của thầy, thầy cứ tùy ý ăn". Các nhạc công thấy việc này rồi liền viết thành ca khúc và phổ nhạc, sau đó đem ra trình diễn cho công chúng xem. Người tín kính xem liền sanh tâm hi hữu, khen ngợi và thưởng tiền rất hậu, người không tín kính sau khi xem xong màn trình diễn về việc Bí-sô Xiển-đà đối trước Bí-sô Ô-đà-di tác pháp dư thực cũng đều khen là hi hữu và thưởng tiền rất hậu. Sau khi giải tán ra về, đi đến đâu họ đều kể lại những gì đã xem được cho người khác nghe, Lục chúng Bí-sô nghe biết được liền nói với nhau: "Đám xướng ca vô thức dám đưa hình ảnh chúng ta vào trong hý trường mà cho là hy kỳ, chúng ta phải làm việc bất lợi cho chúng". Nói rồi cùng đến chỗ các đào hát nhờ diễn lại vũ kịch trên, Lục chúng xem rồi sau đó đến chỗ Thần đường cách hý trường không xa dựng lên một hý trường thứ hai, đánh trống chiên kêu gọi quần chúng đến xem. Lúc đó Lục chúng đều mặc y phục thế tục trình diễn, quần chúng liền bỏ hý trường kia kéo đến hí trường này, đội nhạc công kia cũng kéo đến để xem diễn xuất ra sao, đều khen là tuyệt hay và nói với nhau: "Họ đều là trời, rồng, dược xoa, Càn thát bà… đến đây trình diễn", khen rồi tặng thưởng rất hậu. Trình diễn xong Lục chúng mang hết tiền được thưởng trở về chùa, lúc đó đội nhạc công đi theo sau muốn biết những người trời trình diễn này ở đâu thì thấy Lục chúng vào Trúc lâm.

một lát sau thấy Ô-đà-di bước ra, ở hai bên má còn nguyên vết thư hoàng, họ liền hỏi: "Đoàn kỷ nhạc trình diễn vừa rồi có Thánh giả hay sao?", Ô-đà-di nói: "Phải, đó là chúng ta cố ý muốn làm nhục những người ngu si các ngươi, há để cho các ngươi mượn oai quang của chúng ta để kiếm sống. Các ngươi đi đến đâu, chúng ta theo đến đó khiến cho các ngươi không kiếm được đồng nào", đội nhạc công nghe rồi liền xin sám tạ, Ô-đà-di nói: "Các ngươi trình diễn đã thu được bao nhiêu hãy đưa hết cho ta, chúng ta sẽ không đi theo nữa". Đội nhạc công liền đưa hết số tiền đã thu hoạch được cho Ô-đà-di để Lục chúng không theo làm não hại nữa rồi trở về chỗ ở với dáng vẻ ưu buồn, các bạn hỏi nguyên do, đội nhạc công liền kể lại sự việc trên, các bạn của nhạc công nghe rồi liền chê trách: tại sao Bí-sô lại mặc sắc phục của bạch y tự thân làm kỹ nhạc khiến cho các nhạc công đều thua thiệt". Các Bí-sô nghe biết rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô được y mới nên dùng một trong ba loại màu để nhuộm cho hoại sắc hoặc màu xanh, màu xám, màu đỏ. Nếu không dùng ba loại màu này nhuộm cho hoại sắc mà thọ dụng thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Y mới có hai loại: Một là thể y mới, hai là mới được từ người khác cúng cho, trong học xứ này là chỉ cho thể y mới.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu các Bí-sô được y mới không dùng một trong ba loại màu kể trên nhuộm cho hoại sắc mà thọ dụng thì phạm Đọa. Không phạm là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 40

Học Xứ Thứ Năm Mươi Chín: ***CẦM VẬT BÁU***

Phật ở đỉnh núi Linh thứu thành Vương xá, lúc đó vào sáng sớm Phật đắp y mang bát xuống núi Linh thứu vào thành khất thực có thị giả A-nan-đà đi theo. Hôm đó trời mưa lớn nước chảy tràn ngập khiến sườn núi sụp lở, phục tàng lộ ra vật báu mà người thời kiếp sơ đã chôn giấu chiếu sáng rực, Thế tôn bảo A-nan-đà: "Thầy hãy nhìn xem, đây là đại hắc xà rất độc hại", A-nan-đà cũng nói là vật đáng sợ. Cách đó không xa có một người nghèo thường hái rau trái đem bán kiếm sống, từ xa nghe nói là đại hắc xà độc hại, liền muốn đến xem hình dáng của nó như thế nào, đến nơi thì thấy vật báu lộ ra ngoài chiếu sáng rực. Người nghèo thấy rồi hết sức vui mừng thầm nghĩ: "Xin cho con rắn độc này thường cắn tôi và cha mẹ vợ con quyến thuộc của tôi, tất cả đều không từ chối đau nhức", nghĩ rồi liền lấy lá phủ lại rồi kín đáo mang dần vật báu về nhà, từ đó người nghèo trở thành đại phú tùy ý thọ dụng. Lúc đó Vị-sanh-oán giết cha rồi lên ngôi vua, bảo sứ giả kiểm tra khắp trong nước xem ai là người giàu có nhất, sứ giả kiểm tra thấy người nghèo kia bỗng nhiên trở thành đại phú liền hỏi: "Ngày xưa ngươi nghèo hèn thiếu ăn thiếu mặc, tại sao hôm nay bỗng nhiên giàu có, há chẳng phải ngươi đã lén lấy phục tàng của nhà vua", hỏi rồi liền bắt giải đến cung vua, vua hỏi: "Ngươi được giàu bột phát như vậy, phải chăng là đã lén lấy phục tàng của vua?", người nghèo chối không chịu nhận, vua liền phán tội tử, còn tất cả quyến thuộc đều bị bắt giam. Khi bị đưa ra pháp trường xử tử, người nghèo lẩm bẩm: "Này A-nan-đà, đây là đại hắc xà rất độc hại. A-nan-đà nói đây là vật đáng sợ". Phán quan nghe người nghèo nói lời này liền tâu lên vua, vua kêu tử tội lại hỏi: "Những lời ngươi nói là có ý nghĩa gì?", tên tử tội đem sự việc trước kia kể lại, nhà vua lúc này đối với Thế tôn mới phát tín tâm bèn hỏi tử tội: "Ngươi có tin lời Phật nói hay không?", đáp là rất tin, vua nghe rồi lệ rơi ướt áo liền bảo tử tội: "Vật báu kia sẽ cho lại ngươi và phóng thích luôn cả quyến thuộc của ngươi". Được

phóng thích lại được vật báu nên người nghèo kia hết sức vui mừng thầm nghĩ: "Gia nghiệp giàu có này đều là nhờ Phật ban cho, nay ta nên đến đảnh lễ và thỉnh Phật cùng tăng về nhà thọ thực", nghĩ rồi liền đến thỉnh Phật và tăng… cho đến câu Phật và Tăng thọ thực xong nghe Phật nói pháp liền ngay nơi chỗ ngồi được Kiến đế chứng quả Dự lưu. Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới.

Phật ở đỉnh núi Linh thứu thành Vương xá, lúc đó Ô-ba-nan-đà sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, trên đường đi gặp vị thầy dạy bắn không tỏ ra kính lễ Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà lần lượt qua từng nhà khất thực xong liền đến nhà của vị thầy dạy bắn đó nói với các học trò của ông ta: "Các ngươi học bắn như thế này uổng phí ngày tháng mà công phu không thành tựu", nói rồi liền tự tay cầm cung tra tên vào bắn một mũi trúng đích, bắn rồi nói với các học trò kia: "Các ngươi nên tìm thầy giỏi có tay nghề cao để học kỹ năng", nói xong liền bỏ đi. Sau đó vị thầy dạy bắn trở về, các học trò trông thấy nhưng không tỏ ra cung kính thầy như trước, vị thầy liền hỏi nguyên do, các học trò nói: "Chúng tôi bỏ việc sinh kế đến đây là muốn học thành kỹ năng bắn cung, nhưng học bắn như thế này e chẳng có thành tựu gì, uổng phí ngày tháng", nói rồi liền kể lại sự việc trên, vị thầy nghe rồi liền đi đến chỗ Ô-ba-nan-đà đảnh lễ bạch rằng: "A-giá-lợi-da, xin thương xót chớ phá hoại duyên kiếm sống của con", Ô-ba-nan-đà nói: "Ông có biết chăng, thuật bắn cung là kỹ năng của ta, ông muốn kiếm sống mà không kính lễ ta hay sao?", vị thầy dạy bắn liền sám tạ nói rằng: "Việc đã qua xin Thánh giả miễn trách, từ nay con xin nghe theo lịnh của thánh giả", nói rồi trở về đem các dụng cụ dạy bắn hiện có bán lấy tiền mang đến đưa cho Ô-ba-nan-đà. Các thân hữu đến thăm thấy ông ưu sầu liền hỏi nguyên do, ông liền đem việc trên kể lại, các thân hữu nghe rồi đều chê trách: "Sa môn Thích tử làm việc phi pháp, tại sao khiến cho người sống với nghề dạy bắn đi đến chỗ nghèo thiếu". Đây là duyên khởi nhưng Phật vẫn chưa chế giới. Thời gian sau, Ô-ba-nan-đà lại đi đến nhà của thầy dạy nhạc, lúc đó nhạc sư đi vắng, Ô-ba-nan-đà tự lấy nhạc khí ra tấu đủ bát âm… duyên khởi cũng giống như trên cho đến câu các thân hữu chê trách: "… Tại sao khiến cho nhạc sư bán hết nhạc cụ đi đến chỗ nghèo thiếu". Đây là duyên khởi nhưng Phật vẫn chưa chế giới.

Lúc đó Phật tùy duyên giáo hóa từ thành Vương xá đến thành Quảng nghiêm ở trong Cao các đường, Ô-ba-nan-đà vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, trên đường đi gặp nhiều đồng nam của Lật-cô-tỳ cởi đồ trang sức để ở bên đường rồi chơi đùa với nhau, Ô-ba-nan-đà khởi nghĩ là của Dược xoa nên thâu lấy. Các đồng tử thấy có người lấy đồ trang sức

của mình liền cùng chạy đến kéo ta kéo chân để lấy lại, chúng còn ném đất cát vào người của Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà buộc lòng phải trả lại. Các Bí-sô thấy Ô-ba-nan-đà trở về trên người dính đầy đất cát liền hỏi nguyên do, Ô-ba-nan-đà kể lại sư việc trên, đây cũng là duyên khởi nhưng Phật vẫn chưa chế giới.

Phật ở thành Quảng nghiêm, lúc đó Lục chúng vào thành khất thực theo thứ lớp đi đến vườn của Lật-cô-tỳ vào trong vườn thấy các hý cụ bèn lấy cái trống nhạc tấu lên khúc nhạc mà vua Tịnh phạn đã tấu, âm hưởng của tiếng trống nhạc này giống như tiếng trống trận khiến cho người trong thành thảy đều kinh sợ, cho là vua Vị-sanh-oán kéo quân đến đánh thành liền nghiêm chỉnh bốn binh ra cửa thành để chống cự. Lục chúng ngừng tấu trống nhạc trở ra ngoài, mọi người liền hỏi: "Binh chủng của vua Vị-sanh-oán ở đâu?", Lục chúng nói: "Vị-sanh-oán đến đây làm gì?", mọi người nói: "Nếu không có đến thì tại sao có tiếng trống trận nổi lên", Lục chúng nói: "Đó là chúng tôi đánh trống nhạc chơi trong vườn không phải là tiếng trống trận", mọi người nghe rồi liền nói: "Thánh giả hãy mau rời khỏi nơi đây, nếu Lật-cô-tỳ đến sẽ nhục mạ thánh giả". Lục chúng liền trở về chùa, các Bí-sô thấy Lục chúng mang không trở về liền hỏi nguyên do, Lục chúng kể lại sự việc trên, các Bí-sô nghe rồi đều chê trách đem việc này bạch phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô tự tay cầm vật báu và các loại thuộc vật báu hoặc bảo người khác cầm thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Lúc đó Thế tôn từ thành Quảng nghiêm đi đến thành Thất-la-phiệt nước Kiều-tát-la ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa. Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu nghe Phật về đến liền muốn đến kính lễ, bà trang sức các loại anh lạc trên người nhưng khi sắp gặp Phật bà liền cởi các đồ trang sức này đưa cho thị tùng giữ rồi vào gặp Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe pháp, nghe pháp xong đảnh lễ Phật ra về. Lúc đó thị tùng để các đồ trang sức của bà ở dưới gốc cây, khi ra về quên lấy, tôn giả A-nan-đà trông thấy chuỗi anh lạc liền suy nghĩ: "Do duyên này Phật sẽ tùy khai giới đã chế", nghĩ rồi bèn lấy chuỗi anh lạc đem cất, sau đó đến bạch Phật, Phật nói: "Lành thay, này A-nan-đà, tuy ta chưa tùy khai nhưng thầy đã biết thời, nay học xứ này nên nói thêm là trừ thời nhân duyên". Lúc đó Tỳ-xá-khư về đến nhà mới bảo thị tùng đưa chuỗi anh lạc, thị tùng mới nhớ ra là đã để quên ở dưới gốc cây trong chùa, Tỳ-xá-khư bảo đến chùa lấy về, người con nói: "Trong chùa đâu phải như trong kho mà mẹ bảo đến đó lấy về, trong chùa nhiều người ra vào chắc chắn là mất rồi", người mẹ nói: "Mẹ từ khi sanh ra đến giờ chưa

hề mất của", nói rồi bảo thị tùng mau đến chùa lấy về, thị tùng vâng lời đến trong chùa, tôn giả A-nan-đà thấy thị tùng đến liền đưa chuỗi anh lạc cho thị tùng mang về, người mẹ lúc đó nói với con: "Mẹ không mất của, lời nói này không sai". Lúc đó người con muốn thử nghiệm việc không mất của này có thật không nên lấy chiếc cà rá bằng vàng của mẹ bỏ xuống giếng, khi xách nước chiếc cà rá lại được múc trở lên; người con đem quăng xuống sông, cá tưởng mồi nuốt vào, người đánh cá lưới được cá đem ra chợ bán, người nhà mua cá về khi làm cá thấy được chiếc cà rá; người con lại bỏ vào ruột tượng quăng ngoài đường, người đi đường tưởng là rắn tránh đi, người con phải nhặt đem về, lúc đó người con mới biết rõ mẹ mình là người không mất của.

Sau có một Bí-sô ra ngoài chùa thấy túi vàng bị bỏ quên cầm lấy, khi thấy có người đến liền hỏi: "Túi vàng này có phải của ông không?", người kia nói phải, Bí-sô liền đưa. Sau đó lại có người khác hớt hả chạy đến hỏi Bí-sô có thấy túi vàng bỏ quên ở đây không, Bí-sô nói là đã đưa cho người kia mang đi rồi, người này nghe rồi buồn tiếc mà chết. Thế tôn bảo các Bí-sô: "Không nên vội trao cho người, nên xét hỏi kỹ, nói đúng mới đưa, nói không đúng thì không đưa". Sau có một Bí-sô thấy túi vàng bèn bỏ đi, Phật nói: "Không nên bỏ đi, nên lấy lá phủ lên", Bí-sô lấy lá phủ lên rồi bỏ đi, Phật nói: "Không nên bỏ đi luôn, nên chừng vài ngày sau trở lại xem nếu còn thì lấy cất, nếu có người đến nhận nên hỏi, nếu nói đúng thì đưa lại, nếu nói không đúng thì đem về chùa cất trong kho. Trải qua thời gian sau nếu có người chủ đến nhận thì cũng xét hỏi, nói đúng thì đưa; nếu cuối cùng không có ai đến nhận thì đem bán mua vật dụng cần dùng. Về sau nếu người chủ đến nhận thì chỉ vật dụng đã mua đưa cho họ". Lúc đó Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô khen ngợi người trì giới rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: "Nếu lại có Bí-sô tự tay cầm vật báu và các loại thuộc vật báu hoặc bảo người cầm, trừ ở trong chùa và nhà bạch y, phạm Ba-dật-đề-ca. Ở trong chùa và nhà bạch y nếu thấy vật báu và các loại thuộc vật báu nên khởi nghĩ: Nếu có người đến nhận tôi sẽ đưa lại. Đây là thời".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Vật báu là chỉ cho bảy báu; các loại thuộc vật báu là chỉ cho các binh khí như cung, kiếm và các loại nhạc cụ như trống, đàn, sáo…

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô tự tay cầm hay bảo người cầm các loại vật báu đã được làm thành đều phạm Đọa, nếu chưa làm thành thì phạm Ác-tác cho đến cầm

lưu ly giả cũng phạm Ác-tác. Nếu cầm các đồ trang sức như chuỗi anh lạc đều phạm Đọa, cho đến cầm tua ren cột tóc… cũng Ác-tác. Nếu cầm các loại nhạc cụ như đàn cầm, đàn sắt… đều phạm Đọa, loại đàn không dây thì Ác-tác, cho đến ống tre ống trúc làm nhạc cụ cũng Ác-tác. Các loại ốc sò, tù và thổi được, cầm đều phạm Đọa; không thổi được thì Ác-tác. Các loại trống kèn… kết phạm cũng như trên. Nếu cầm cung có dây thì phạm Đọa, không dây thì Ác-tác. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Do nhân duyên gì mà Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu không bị mất tiền tài?", Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên lắng nghe: Thuở xa xưa sau khi Phật Ca-diếp-ba Niết-bàn, có một bà lão phụng trì giới hạnh. Lúc đó vua Ngật lật chỉ cùng các cung nhơn vui chơi trong vườn, có cung nhơn đánh rơi đồ trang sức bà lão lượm được rồi đem treo ở đầu cây trúc. Khi nhà vua sai người đi tìm, bà lão liền chỉ chỗ treo đồ trang sức, nhà vua rất vui và cho là việc kỳ lạ nên hết lời khen ngợi liền hỏi bà lão muốn được tặng thưởng cái gì, bà lão nói: "Tôi không muốn cái gì cả, tôi không mong cầu cái lợi hiện tiền, tôi chỉ nguyện do nhân duyên này ở đời vị lai, tôi sanh ra nơi nào đều được quả báo không mất của". Này các Bí-sô, bà lão thuở xưa chính là Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu, do lòng trong sạch phát nguyện thuở xưa nên ngày nay được quả báo này. Cho nên các Bí-sô khi lượm được tài vật của người chớ có tâm tham cất giấu, nên học như thế.

Học Xứ Thứ Sáu Mươi: ***TẮM PHI THỜI***

Phật ở trong thành Vương xá, trong thành này có ba suối nước ấm: Một suối dành cho nhà vua tắm, Bí-sô cũng được tắm; một suối dành cho cung nhơn của vua, Bí-sô ni cũng được tắm; một suối dành cho tất cả mọi người. Lúc đó Lục chúng Bí-sô muốn thử nghiệm lòng tin của nhà vua nên tắm trong suối mãi không chịu lên, khiến nhà vua không thể đến tắm được, đành phải sai người múc nước đến chỗ riêng để tắm, tắm xong vua đến chỗ Phật đảnh lễ, nghe pháp xong rồi trở về cung. Lúc đó cụ thọ A-nan-đà nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật nói: "Vì các Bí-sô tắm nên có lỗi này phát sanh, từ nay các Bí-sô không nên tắm". Các Bí-sô không tắm, thân thể hôi dơ, khi đi khất thực các cư sĩ hỏi: "Các Thánh giả giữ thân thể hôi dơ như thế mà cho là thanh tịnh hay sao?", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nên mỗi nửa tháng tắm một lần". Gặp lúc trời nóng bức, các Bí-sô không thường tắm nên thân vàng vỏ giống như có bịnh, mọi người hỏi thì Bí-sô đáp: "Tôi không có bịnh, chỉ là Thế tôn không cho tắm thường nên thân nóng bức

đến nỗi như vậy", mọi người nghe rồi đều nói: "Thế tôn từ bi chắc do nhân duyên này sẽ tùy khai", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Lúc trời nóng bức nên tắm". Lại có Bí-sô bịnh, thầy thuốc bảo nên tắm, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Khi bịnh nên tắm". Lại có Bí-sô khi làm việc chúng hoặc ở tháp, thân thể dơ bẩn bị mọi người chê trách nên các Bí-sô bạch phật, Phật nói: "Khi làm việc nên tắm". Lại có Bí-sô khi đi đường xa về đến, thân dơ bẩn mỏi mệt nên nằm nghỉ, không tu phẩm thiện bị mọi người chê trách, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Khi đi đường xa trở về nên tắm". Như thế cho đến gặp các duyên như mưa gió làm thân thể dơ bẩn, Phật đều nói nên tắm giống như trên. Lúc đó Phật khen ngợi người trì giới rồi bảo các Bí-sô: Nay chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Bí-sô nên nửa tháng tắm một lần, nếu cố y trái chế thường tắm thì phạm Ba-dật-đề-ca, trừ thời khác. Thời khác là khi trời nóng bức, khi bịnh, khi làm việc, khi đi đường, khi gặp gió hoặc mưa hoặc cả gió mưa, đây là thời".

Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Nửa tháng tắm một lần tức là khoảng mười lăm ngày tắm một lần. Khi trời nóng bức là mùa xuân còn một tháng rưỡi nữa là đến ngày kiết hạ an cư và một tháng đầu của mùa hạ tức là hạ an cư được một tháng, trong hai tháng rưỡi này trời rất nóng bức. Khi bịnh là nếu không tắm thì thân không an. Khi làm việc là làm việc của Tam bảo cho đến quét đất hay lau chùi. Khi đi đường là đi và về khoảng một Du thiện na… các trường hợp kể trên khiến cho thân dơ đều được tắm không phạm.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô gặp các trường hợp trên khai cho tắm thì nên tâm niệm miệng nói lúc đang tắm là vì giữ gìn nên tắm, nếu không như thế thì khi xối nước chảy chưa đến rún, phạm Ác-tác; nước chảy đến rún, phạm Đọa; tắm trong suối, ao, sông… kết phạm cũng như trên. Lúc đó có Bí-sô được bên kia sông thỉnh mời không dám qua sông đến chỗ thỉnh, Phật bảo nên qua; lại có Bí-sô có việc cần qua sông, xuống nước rồi sanh nghi hối, Phật nói không phạm; lại có Bí-sô qua cầu té xuống sông được người vớt lên, dùng nước xối rửa cho sạch, Bí-sô tỉnh dậy sanh nghi hối, Phật nói không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Nhiếp Tụng Thứ Bảy:

Giết bàng sanh, cố xúc não,
Chọc lét, giỡn nước, đồng ngủ,
Khủng bố, giấu vật, đòi y,

Vô căn, cùng nữ đồng đi.

Học Xứ Thứ Sáu Mươi Mốt: ***GIẾT BÀNG SANH***

Phật ở trong thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-đà-di sáng sớm vào thành khất thực thứ lớp đến nhà người dạy bắn, vị thầy đi vắng chỉ còn có các học trò, Ô-đà-di thấy thầy dạy bắn đặt những mục tiêu nhắm bắn không chính xác liền lấy năm mũi tên nhìn lên hư không nhắm vào một con chim đang bay qua để bắn. Ô-đà-di bắn bốn mũi tên chặn bốn bên, con chim liền bay thẳng đứng lên, Ô-đà-di bắn mũi tên thứ năm xuyên từ dưới lên qua miệng con chim rồi bảo các học trò: "Các ngươi nên tìm một vị thầy như vậy để học kỹ thuật bắn này". Khi vị thầy về, các học trò kể lại sự việc trên, vị thầy muốn Bí-sô không làm việc xúc não như vậy nữa nên lập kế bảo các học trò đem con chim chết do Ô-đà-di bắn cột trên đầu cây tre nói với mọi người rằng: "Đại đức Ô-đà-di bắn cung rất tài, bắn chết một con chim đang bay trong hư không xuyên từ dưới lên qua miệng của con chim", mục đích bêu xấu Ô-đà-di. Các Bà-la-môn, cư sĩ nghe thấy đều chê trách: "Tại sao Bí-sô tự tay cầm cung bắn chết chim, con chim này thịt không đủ để ăn, da gân cũng vô dụng, ở chỗ không nên làm mà lại làm nghiệp ác". Các Bí-sô nghe rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô cố tâm đoạn mạng loài bàng sanh, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Đoạn mạng loài bàng sanh là dùng cả ba nội, ngoại và cả hai khởi phương tiện giết chết, nếu Bí-sô cố tâm sát hại cho đến dùng một ngón tay làm tổn hại bàng sanh, khiến nó chết thì phạm Đọa; nếu lúc đó không chết, sau do nhân duyên đó mà chết cũng phạm Đọa; nếu không chết thì phạm Ác-tác, tất cả đều giống như trong học xứ đoạn mạng người. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Sáu Mươi Hai: ***CỐ Ý XÚC NÃO BÍ SÔ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, duyên khởi giống như trong học xứ thứ bốn mươi tám, bốn mươi chín cho đến câu Ô-đà-di nghe Thập thất chúng không chịu nghe lời làm việc nên đuổi ra ngoài không cho ở chung, Thập thất chúng liền đến chỗ khác đọc tụng. Ô-đà-di đến chỗ Ô-ba-nan-đà nói: "Mấy tiểu sư này không chịu nghe lời, thượng tọa nói phải làm sao đây?", Ô-ba-nan-đà nói: "Thầy nên tìm cách làm cho mấy tiểu sư kia sanh hối não, khiến họ bỏ việc đọc tụng", nói

rồi liền chỉ cách xúc não. Ô-đà-di nghe theo lời chỉ dạy liền đến chỗ Thập thất chúng nói: "Này các cụ thọ, các ngươi há có thể chứng đắc lậu tận, nhập chánh định tụ hay sao, vì các ngươi đều không đủ tuổi để thọ cụ túc, đã không đủ giới thì các thiện không sanh… cho đến câu tác pháp không thành", Thập thất chúng nghe rồi liền đem việc này bạch với Đại Mục-kiền-liên, Đại Mục-kiền-liên nói để trừ nghi hối rằng: "Phật dạy người phạm ban đầu thì không có tội, huống chi các cụ thọ không có lỗi. Nhưng ai đã nói điều đó khiến các cụ thọ sanh tâm truy hối?", đáp là Ô-đà-di nói. Các Bí-sô nghe biết rồi liền chê trách, đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô cố tâm xúc não Bí-sô khác cho đến trong chốc lát không vui, chỉ lấy việc này làm nhân duyên thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di. Cố xúc não là muốn khiến kia tâm sanh truy hối. Chỉ lấy việc này làm nhân duyên là không phải vì việc gì khác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có hai: Hoặc hỏi việc riêng hoặc hỏi việc tương ưng với Luật giáo. Sao gọi là hỏi việc riêng? Nếu Bí-sô cố tâm não loạn Bí-sô khác, đến hỏi rằng: "Cụ thọ có nhớ nhà vua , trưởng giả tên hay không?", đáp là không nhớ, liền nói: "Không phải là không nhớ mà là chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ viên cụ", khi nói lời này dù Bí-sô kia tâm không sanh truy hối cũng phạm Đọa. Sao gọi là hỏi việc tương ưng với Luật giáo? Nếu Bí-sô khởi tâm cố xúc não hỏi rằng: "Cụ thọ trước đây thọ cận viên ở đâu?", đáp: "Ở tại ", liền nói: "Ở chỗ đó trước kia không có kết đại giới cũng không kết giới tràng, biệt chúng tác pháp, không phải thiện thọ cận viên, ngươi nên thọ giới lại". Hoặc hỏi: "Ai là A-giá-lợi-da, ai là Ô ba đa da của ngươi?", đáp: "Hai thầy của tôi là ", liền nói: "Hai vị đó là người phá giới, không hợp pháp làm thầy, ngươi không thể gọi là thiện thọ cận viên" … Khi nói những lời này là muốn xúc não dù Bí-sô kia có bị xúc não hay không đều phạm Đọa. Nếu Bí-sô đến Bí-sô khác hỏi việc riêng như trên, Bí-sô kia nói là không nhớ liền nói: "Tuy ngươi không nhớ nhưng tuổi cũng đủ hai mươi, thiện thọ cận viên "Thì không phạm. Nếu Bí-sô đến Bí-sô khác hỏi việc tương ưng với Luật giáo như trên, Bí-sô kia đáp rồi liền nói: "Chỗ đó trước có kết đại giới và giới tràng, ngươi đã thiện thọ cận viên…" Đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Sáu Mươi Ba: ***DÙNG NGÓN TAY CHỌC LÉT***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, duyên khởi giống như trong học xứ thứ hai. Ba-la-thị-ca cho đến câu mười sáu vị đến chỗ vị thọ sự trong Thập thất chúng xin lỗi vì đã không cùng đến phụ giúp công việc, vì cùng ước hẹn là hễ có làm việc gì thì cả mười bảy người cùng làm. Thấy vị kia không nói có vẻ còn giận nên một người dùng ngón tay chọc lét khiến cho cười, cho đến cả mười sáu người cùng chọc lét khiến người kia cười đến nỗi đứt hơi mà chết. Các Bí-sô chê trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô dùng ngón tay chọc lét người khác, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Thập thất chúng. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô dùng đầu một ngón tay chọc lét người khác, phạm một tội Đọa cho đến năm ngón tay phạm năm tội Đọa. Nếu dùng ngón tay chỉ nốt ruồi hoặc chỉ vết thương hoặc chỉ con trùng, con muỗi… đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Sáu Mươi Bốn: ***ĐÙA GIỠN TRONG NƯỚC***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó trong nhóm Thất thập chúng có Bí-sô lớn nhất tên là Ô-ba-ly đã đoạn phiền não chứng A-la-hán, liền khởi nghĩ các bạn đồng phạm hạnh trong nhóm ai có căn lành, ai không có căn lành và hệ thuộc nơi ai. Khi quán biết là hệ thuộc nơi mình, Ô-ba-ly liền dẫn nhóm Thập thất chúng đến sông A-thị-la-bạt để lượt nước vào bình rồi cùng xuống sông tắm. Ô-ba-ly tắm xong lên bờ nhìn mười sáu vị kia tắm, mười sáu vị này khi đã vào trong nước rồi, kẻ bơi người lặn hoặc ở bên này hoặc ở bên kia, hoặc lướt theo sóng hoặc ngược sóng, hoặc đập xuống nước kêu thành tiếng hoặc vỗ nước kêu bành bạch… đủ các cách đùa giỡn. Lúc đó vua Thắng quang ở trên lầu cao với phu nhơn Thắng man, từ xa nhìn thấy các Bí-sô đùa giỡn trong nước như vậy liền nói với phu nhơn: "Hãy nhìn các phước điền mà phu nhơn kính trọng", phu nhơn nói: "Đại vương, đó là những thiếu niên mạnh khỏe nhưng lại có thể tu phạm hạnh, đại vương không cho là kỳ lạ hay sao, dù họ có đùa giỡn trong nước cũng đâu đáng trách". Lúc đó Ô-ba-ly quán biết tâm nhà vua sanh khinh mạn, muốn nhà vua sanh chánh tín nên bảo mười sáu vị kia lên bờ mặc y phục chỉnh tề rồi mang bình nước cùng trở về. Ô-ba-ly

dùng thần thông lực cùng các đồng phạm hạnh bay trên hư không ngang qua tầng lầu của nhà vua, phu nhơn Thắng man nhìn lên trông thấy liền chỉ cho vua thấy nói rằng: "Đại vương hãy nhìn xem, các phước điền đang bay trên hư không kìa", nhà vua trông thấy rồi liền nói: "Há có người đã chứng A-la-hán mà lại đùa giỡn trong nước hay sao?", phu nhơn nói: "Đó là việc mà nhà vua nghe biết, còn có việc chưa nghe mà nhà vua không biết", vua liền hỏi là việc gì, phu nhơn nói: "Tâm như điện chớp, trong chốc lát liền biến đổi, dùng sức định kiên cố cứng như kim cang, trong sát na phá hoặc vô minh", vua nghe rồi liền im lặng. Sau đó phu nhơn sai sứ giả đến lễ bái Phật và thỉnh bạch rằng: "Con thấy các Thánh giả tắm và đùa giỡn trong nước, cúi xin Thế tôn nhớ nghĩ đừng để các Thánh giả đùa giỡn trong nước tạo thành tiếng nhạc". Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô đùa giỡn trong nước, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Thập thất chúng. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Có chín trường hợp phạm tội: Tự vui đùa, bảo người vui đùa; tự cười giỡn, bảo người cười giỡn; tự nhảy, bảo người nhảy; dao động giỡn với bóng, cùng nhau vỗ đánh. Nếu Bí-sô có ý đùa giỡn trong nước từ khi đi đến sông hồ cởi quần áo xuống nước cho đến chưa lặn xuống đều phạm Ác-tác; khi lặn xuống liền phạm Đọa. Nếu ý muốn được mát mẻ thì ra vào trong nước đều không phạm, nếu bơi từ bờ này qua bờ kia hay từ bờ kia qua bờ này, hoặc lướt theo sóng hay ngược sóng đều phạm Đọa; nếu học bơi thì không phạm. Nếu vỗ đánh nước tạo thành tiếng nhạc… đều phạm Đọa. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Sáu Mươi Lăm: ***CÙNG NGƯỜI NỮ ĐỒNG NHÀ NGỦ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó cụ thọ A-ni-lô-đà đoạn các kiết hoặc chứng A-la-hán, tự thọ thắng lạc giải thoát rồi suy nghĩ: "Thế tôn có đại ân với ta, ta phải làm gì để báo ân, ta nên làm Lợi-ích hữu tình là cách báo ân tốt nhất", nghĩ rồi liền chấp trì y bát du hành trong nhân gian đến một thôn xóm. Một trưởng giả trong thôn này có ba người con, hai nam một nữ; người nữ này khi lớn lên có hạnh không trinh lương, hai người anh khi tranh cải với người thì nghe họ nói rằng: "Em gái của ông chưa cưới hỏi mà đã cùng người ngoài tư thông", người anh nghe rồi liền gạn hỏi em gái, người em gái này chối và nói rằng

mình thanh bạch. Thời gian sau người em gái mang thai, hai người anh nói: "Em nói mình thanh bạch, tại sao lại như thế?", người em gái nói: "Do người trọc đầu cưỡng bức nên mới có thai", vì vậy đứa con sanh ra được gọi là Ngốc tử, người mẹ được gọi là Ngốc tử mẫu. Khi cụ thọ A-ni-lô-đà đến thôn xóm này thì trời sụp tối, muốn tìm chỗ nghỉ đêm, người trong xóm chỉ đến nhà của Ngốc tử mẫu và được Ngốc tử mẫu cho ở lại ngủ qua đêm. Đêm đó bà ta đến chỗ tôn giả làm hạnh bất chánh, tôn giả liền dùng thần thông bay lên hư không, bà ta thấy rồi liền sanh tâm hy hữu cầu xin sám tạ. Tôn giả thương xót hiện thân trở xuống nói pháp khiến cho người mẹ này tỏ ngộ chứng được Sơ quả. Sáng hôm sau hai người anh trên đường đến nhà em gái nghe người trong thôn đàm tiếu liền phẫn nộ, vội đến nhà em gái để giết Bí-sô. Tôn giả quán biết hai người anh này và các hữu tình trong thôn căn cơ đã chín có thể hóa độ, liền bay lên hư không biến hiện mười tám cách, hiện thần biến xong trở lại chỗ ngồi nói pháp yếu khiến cho hai người anh của Ngốc tử mẫu và các hữu tình trong thôn đều được Kiến đế. Từ đó về sau tôn giả A-ni-lô-đà không dám nghỉ qua đêm ở nhà thế tục nữa. Thời gian sau A-ni-lô-đà nghỉ đêm trong vườn Uyển ven thôn, đêm đó có đám giặc đến muốn vào trong thôn cướp phá, khi đi ngang qua vườn Uyển gặp Bí-sô đang ngủ liền nói với nhau: "Chúng ta sắp đi đánh cướp lại gặp điềm không lành, ta nên giết Bí-sô". Lúc đó tướng giặc trước kia có làm công trong chùa nên nhận biết tôn giả, liền nói: "Các vị nên biết, khách buôn ra biển nếu gặp ách nạn xưng tên vị Thánh giả này liền được an ổn trở về, người như thế chúng ta không nên giết. Chúng ta cứ vào trong thôn đánh cướp, nếu không cướp được gì thì khi trở về giết cũng không muộn". Nói rồi liền vào trong thôn đánh cướp, thu được nhiều tài vật, lúc trở về ngang qua vườn uyển, tôn giả liền nói pháp yếu khiến cho bọn giặc cướp được Kiến đế, đã được kiến đế rồi liền để lại tài vật đã cướp ở trong vườn uyển trả lại cho người trong thôn. Đêm đó chư thiên báo mộng cho người trong thôn biết để đến lấy về, nên trời vừa sáng họ liền đến trong vườn Uyển đảnh lễ tôn giả rồi ngồi một bên nghe pháp, tôn giả nói pháp yếu khiến cho tất cả đều được Kiến đế. Bọn giặc cướp năm trăm người đều xin xuất gia, tôn giả liền dẫn năm trăm người này đến chỗ Thế tôn; Thế tôn thấy họ đến liền nói: "Thiện lai Bí-sô", họ liền trở thành Bí-sô nhờ phật giáo giới không bao lâu sau đều chứng A-la-hán. Lúc đó các Bí-sô hỏi A-ni-lô-đà có an lạc không, tôn giả nói: "Vừa có khổ, vừa có an lạc. Tôi làm Lợi-ích cho các hữu tình, đó là an lạc; tôi suýt bị giết là khổ", các Bí-sô liền hỏi nguyên do, tôn giả liền kể lại sự việc trên, các Bí-sô nghe rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến

câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô đồng nhà ngủ qua đêm với người nữ, phạm Ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho A-ni-lô-đà. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô đồng nhà ngủ qua đêm với người nữ, Bí-sô ở tầng giữa, người nữ ở tầng dưới thì nên kéo thang lên hoặc khóa cửa hoặc nhờ người coi chừng; nếu không như thế thì khi mặt trời chưa mọc, phạm Ác-tác, mặt trời mọc, phạm Đọa. Nếu Bí-sô ở tầng dưới, người nữ ở tầng giữa hoặc Bí-sô ở tầng giữa, người nữ ở tầng trên và ngược lại… đều kết phạm giống như trên. Nếu người nữ có phu chủ thì không phạm, không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Lúc đó các Bí-sô có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, cụ thọ A-ni-lô-đà từng làm nghiệp gì mà sanh trong nhà phú quý, xuất gia đoạn hoặc chứng quả A-la-hán, rộng độ hữu tình làm việc đại Lợi-ích?", Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy lắng nghe: Thuở xa xưa thời Phật Ca-diếp-ba có một Bí-sô sống trong thôn xóm, xây một ngôi Tam bảo tự mình trông coi rồi thiết lập cúng dường nguyện cầu giải thoát, đệ tử có đến năm trăm người, dân chúng trong thôn đều kính tín Bí-sô. Do xưa kia xây chùa thiết lập cúng dường nên ngày nay được sanh trong nhà phú quý; do phát nguyện cầu giải thoát nên ngày nay được chứng quả, năm trăm đệ tử xưa kia chính là năm trăm tân Bí-sô ngày nay, dân chúng trong thôn xưa kia chính là những người ngày nay được giáo hóa". Các Bí-sô lại hỏi: "Do nhân duyên gì tôn giả được thiên nhãn vi diệu bậc nhất trong số đệ tử của Phật?", Phật nói: "Thuở xưa nơi tháp của Phật Ca-la thôn đà thiết lập đại hội cúng dường, đêm đó có giặc cướp vào trong tháp lúc đang lấy cắp bỗng thấy tôn dung của Phật, tâm sanh hoan hỉ liền phát nguyện, nguyện đời sau gặp Đại sư thừa sự không mỏi mệt, được thiên nhãn vi diệu bậc nhất. Do nguyện lực thuở xưa nên nay được thiên nhãn vi diệu bậc nhất, các Bí-sô nên học như thế".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 41

Học xứ thứ sáu mươi sáu: ***KHỦNG BỐ BÍ SÔ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó cụ thọ Đại Mục-kiền-liên độ mười bảy thiếu niên xuất gia và cho thọ viên cụ, mười bảy người này ở chung với Lục chúng để thọ học pháp nghĩa. Lúc đó Thập thất chúng nói với nhau: "Chúng ta không hiểu biết lại không thông kinh điển nên bị Lục chúng coi thường, chúng ta nên siêng năng tụng tập", Ô-đà-di nghe biết rồi liền vào đầu đêm lúc họ đang tụng tập, lật ngược y trùm đầu giả ma nhát khiến cho mười bảy người đều kinh sợ. Thập thất chúng đem lòng hận nên vào một hôm khác hợp nhau lại đánh Ô-đà-di suýt chết, các Bí-sô thấy việc này rồi liền hỏi nguyên do, Ô-đà-di nói: "Tôi đùa giỡn chúng nó một chút mà chúng nó làm nhục tôi thế này", các Bí-sô nghe rồi liền chê trách, đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô tự khủng bố hay bảo người khủng bố Bí-sô khác cho đến đùa giỡn, đều phạm Ba-dật-đề-ca". Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô có ý khủng bố người khác, làm đủ các hình trạng đáng sợ hoặc hình trạng quỷ thần để hù nhát, dù Bí-sô đó sợ hay không sợ đều phạm Đọa. Nếu Bí-sô có ý khủng bố người khác, làm đủ các âm thanh đáng sợ… kết phạm đều như trên. Cho đến làm các mùi đáng sợ, các sự xúc chạm đáng sợ… đều kết phạm như trên. Cho đến làm các hình sắc khả ái, âm thanh khả ái, các mùi khả ái, các sự xúc chạm khả ái… để khủng bố đều kết phạm như trên. Nếu muốn kia sanh tâm nhàm lìa mà khủng bố thì không phạm; Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Sáu Mươi Bảy: ***GIẤU Y BÁT CỦA BÍ SÔ KHÁC***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc

đó có một trưởng giả thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực, các Bí-sô đều đi phó thực chỉ có Phật không đi, Lục chúng Bí-sô cùng Thập thất chúng chậm rãi đi sau, khi đi đến một cái ao Lục chúng rủ Thập thất chúng xuống tắm. Lúc đang tắm Lục chúng nói với Thập thất chúng: "Chúng ta cùng lặn thử xem ai lặn lâu hơn", Thập thất chúng vừa lặn, Lục chúng liền ra khỏi ao, lấy y bát của Thập thất chúng giấu trong bụi rậm rồi đi đến chỗ thỉnh thực. Thập thất chúng lặn một hồi lâu mới trồi lên nhìn tứ phái không thấy Lục chúng cũng không thấy y bát của mình, đành phải đứng yên một chỗ. Vừa lúc đó tôn giả Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên du hành về đến, Thập thất chúng từ xa nhìn biết là thầy mình liến kêu cứu, bạch thầy rằng: "Chúng con bị Lục chúng giấu hết y bát, không biết làm sao đến chỗ thỉnh thực được", hai tôn giả liền cùng tìm kiếm thì thấy y bát giấu trong bụi rậm bèn lấy đưa cho họ. Thập thất chúng mặc y phục rồi vội đến chỗ thỉnh thực thì thấy các Bí-sô đã thọ thực xong đều đứng dậy hết rồi, các Bí-sô hỏi tại sao đến trễ liền đáp: "Vừa rồi nếu không gặp được Ô-ba-đà-da của chúng con thì chúng con đều phải đoạn thực", nói rồi liền kể lại sự việc trên. Các Bí-sô nghe rồi đều chê trách Lục chúng: "Tại sao Bí-sô lại giấu y bát của Bí-sô khác. Cùng não loạn nhau như thế", các Bí-sô trở về chùa liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu:

… Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết y bát và tư cụ của Bí-sô, Bí-sô ni, hoặc của Chánh học nữ, Cầu tịch và Cầu tịch nữ mà tự tay cất giấu hoặc bảo người cất giấu thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Sau đó có Bí-sô gởi y cho Bí-sô khác, Bí-sô này khi cất y chỉ cất y của mình, không cất y của Bí-sô kia nên bị kẻ trộm lấy đi, khiến Bí-sô kia thiếu y, Phật nói trừ thời nhân duyên thì cất không phạm. Nói rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau:

Nếu có Bí-sô tự cất giấu hay bảo người cất giấu y bát và tư cụ của Bí-sô, Bí-sô ni, hoặc của Chánh học nữ, Cầu tịch, Cầu tịch nữ, trừ thời nhân duyên, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô tự tay giấu y bát, tư cụ của Bí-sô khác hoặc bảo người cất giấu đều phạm đọa. Trừ thời nhân duyên là chỉ cho tám nạn khởi thì không phạm; Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Sáu Mươi Tám: ***NHẬN Y CỦA NGƯỜI KHÁC***

GỞI, KHÔNG HỎI CHỦ LIỀN LẤY MẶC

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-đà-di đã đoạn phiền não chứng A-la-hán… chỉ còn có Nan-đà và Ô-ba-nan-đà nương ở trong chúng. Ô-ba-nan-đà tuổi già suy, các môn nhơn không ai thừa sự nên y phục do bẩn, muốn nhờ giặt nhuộm nên đưa cho một đệ tử nói rằng: "Pháp y này tôi không dùng nữa, nay cho thầy", người đệ tử này nhận rồi liền đem giặt nhuộm. Lúc đó Thế tôn muốn du hành trong nhân gian, người đệ tử này muốn đi theo Phật nên đem pháp y vừa mới giặt nhuộm gởi cho Thân giáo sư, Ô-ba-nan-đà nhận y rồi liền đắp mặc đến khi dơ bẩn mới đem cất vào chỗ cũ. Thời gian sau Thế tôn trở về, có người đến thỉnh Phật và Tăng về nhà thọ thực, người đệ tử của Ô-ba-nan-đà muốn đắp pháp y mà mình đã giặt nhuộm đi thọ thực nên đến chỗ thầy lấy về, không ngờ khi mở ra thì thấy y đã dơ bẩn không thể mặc được, liền phải tùy nghi mặc y cũ của mình đi đến chỗ thỉnh thực. Các Bí-sô thấy mặc y dơ liền hỏi nguyên do, Bí-sô đem sự việc trên kể lại, các Bí-sô nghe rồi đều chê trách và bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô nhận y của người khác gởi, sau đó không hỏi chủ liền tự lấy mặc, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô nhận y của người khác gởi, không hỏi mượn mà lấy dùng kết tội như trên; nếu là thân tình quen biết hoặc biết nghe mình lấy dùng vẫn hoan hỉ, tuy không hỏi mượn mà lấy dùng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Sáu Mươi Chín: ***DÙNG TỘI CHÚNG GIÁO VU BÁNG BÍ SÔ THANH TỊNH***

Phật ở trong Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, lúc đó cụ thọ Thật-lực-tử ở trên núi Thứu phong đi kinh hành bên ao Tích thạch, Bí-sô ni Ốt-bát-la trông thấy liền kính lễ, cúi mình lễ bái xong vừa đứng dậy thì đầu cô vướng chéo y của Thật-lực-tử. Hai Bí-sô Hữu và Địa thấy việc này rồi liền trở về trú xứ nói với các Bí-sô rằng:

"Chúng tôi không biết dựa vào đâu để khởi lòng tin, vừa rồi chính mắt chúng tôi trông thấy Thật-lực-tử cùng Bí-sô ni Ốt-bát-la hai thân xúc chạm nhau", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên khéo gạn hỏi hai Bí-sô đó đã thấy ở đâu, thấy như thế nào và vì

sao họ đến đó thấy được …". Khi các Bí-sô gạn hỏi hư thật, hai Bí-sô này liền nói: "Chúng tôi thật không thấy Thật-lực-tử cùng Bí-sô ni kia hai thân xúc chạm nhau, chỉ thấy khi cô ni lễ bái xong vừa đứng dậy thì đầu vướng chéo y của Thật-lực-tử. Chúng tôi vì có tâm sân hận nên cố y vu báng như thế", các Bí-sô nghe rồi đều chê trách và bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô vì sân hận, biết Bí-sô kia thanh tịnh không phạm lại đem pháp Tăng-già-phạt-thi-sa vô căn cứ vu báng, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho hai Bí-sô Hữu và Địa. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu biết người thanh tịnh mà đem pháp vô căn cứ vu báng thì có mười việc thành phạm và năm việc không phạm. Sao gọi là mười việc thành phạm? Không thấy, không nghe, không nghi mà khởi tưởng và hiểu biết hư dối, nói rằng: Tôi có thấy, nghe, nghi; khi nói lời này phạm Đọa. Nếu nghe mà quên hoặc nghi mà quên lại khởi tưởng và hiểu biết hư dối, nói rằng: Tôi nghe, nghi không quên; khi nói lời này phạm Đọa. Nếu nghe mà tin hoặc nghe mà không tin, lại nói rằng tôi thấy; nếu nghe mà nghi hoặc nghe mà không nghi hoặc chỉ tự nghi lại nói rằng tôi thấy; khi nói lời này phạm Đọa. Sao gọi là năm việc không phạm? Nếu không thấy không nghe không nghi, lại tưởng có thấy, hiểu biết có thấy… nói rằng tôi có thấy, nghe, nghi thì không phạm. Nếu nghe mà quên hoặc nghi mà quên, lại tưởng có nghe nghi, nói rằng có nghe nghi… đều không phạm. Khi vu báng người thanh tịnh có mười việc thành phạm và năm việc không phạm, nếu vu báng người thanh tịnh mà tợ như không thanh tịnh cũng giống như vậy.

Nếu vu báng người không thanh tịnh có một việc thành phạm và sáu việc không phạm. Sao gọi là mười một việc thành phạm? Nếu không thấy, không nghe, không nghi lại khởi tưởng và hiểu biết hư dối, nói rằng tôi có thấy, nghe, nghi; khi nói lời này phạm Đọa. Nếu thấy mà quên hoặc nghe mà quên hoặc nghi mà quên lại khởi tưởng và hiểu biết hư dối, nói rằng thấy nghe nghi không quên; khi nói lời này phạm Đọa. Sao gọi là sáu việc không phạm? Nếu không thấy, không nghe, không nghi lại khởi tưởng và hiểu biết là có thấy nghe nghi nên nói là có thấy nghe nghi thì không phạm. Nếu thấy, nghe, nghi mà quên lại khởi tưởng và hiểu biết là có thấy nghe nghi nên nói là có thấy nghe nghi thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Bảy Mươi: ***CÙNG NGƯỜI NỮ ĐI CHUNG***

ĐƯỜNG

Phật ở trong Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, trong thành này có một người thợ dệt tánh tình thô bạo khó cùng ở chung nên không ai chịu gả con cho ông ta. Sau đó người thợ dệt này đến trong thành Thất-la-phiệt hỏi cưới được con gái của một người thợ dệt làm vợ rồi đưa về thành Vương xá. Người con gái này về làm vợ không lâu, vì thường bị chồng hành hạ khổ sở nên cảm thấy không an lạc, liền tâm sự với một bà già hàng xóm là muốn trốn đi, bà già nghe rồi im lặng không nói. Người vợ này đi ra ngoài gặp một Bí-sô đang trên đường đến thành Thất-la-phiệt, liền đi theo sau Bí-sô. Lúc đó người chồng phát hiện người vợ đã bỏ đi, liền noi theo dấu tìm thì thấy vợ mình đang đi cùng đường với Bí-sô, noi theo đến một thôn xóm người chồng liền kêu gọi những người thợ dệt quen biết đến cùng đánh Bí-sô suýt chết. Khi Bí-sô đến được thành Thất-la-phiệt, các Bí-sô trông thấy liền hỏi nguyên do, Bí-sô này đem sự việc trên kể lại, các Bí-sô chê trách rồi đem việc này bạch phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu:

… Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô cùng người nữ đi chung đường, không có nam tử khác bên cạnh, cho đến đi trong phạm vi một thôn, phạm Ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho người trong pháp luật này. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô một mình cùng đi chung đường với người nữ thì phạm Đọa. Trong phạm vi một thôn có từ một Câu-lô-xá cho đến bảy Câu-lô-xá, nếu chưa đủ Câu-lô-xá thì phạm Ác-tác, nếu đủ thì phạm Đọa. Nếu đi từ thôn xóm ra đến đồng trống vắng vẻ hoặc từ đồng trống vắng vẻ đến trong thôn cũng tính theo dặm đường mà kết tội như trên. Nếu đến chỗ xa lạ nhờ người nữ dẫn đường thí không phạm, hoặc Bí-sô lạc đường nhờ người nữ chỉ đường cũng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Nhiếp Tụng Thứ Tám:

Cùng giặc đi, tuổi chưa đủ,
Đào đất, đòi hỏi, trái giáo,
Nghe lén, làm thinh bỏ đi,
Không kính, uống rượu, phi thời.

Học Xứ Thứ Bảy Mươi Mốt: ***CÙNG ĐI CHUNG VỚI GIẶC***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc

đó có một Bí-sô hạ an cư ở trong Trúc lâm thành Vương xá xong muốn đến thành Thất-la-phiệt đảnh lễ Thế tôn nên tìm các thương nhơn để tháp tùng, không ngờ thương nhơn này là người trốn thuế. Khi đến gần trạm thu thuế họ liền lánh đi đường khác để trốn thuế bị quan thuế bắt được, quan thuế biết Bí-sô vô tội nên thả ra. Khi đến trong vườn Cấp, các Bí-sô thăm hỏi có an không, liền nói không an và đem việc trên kể lại, các Bí-sô nghe rồi chê trách và bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô cùng đi chung đường với thương nhơn là giặc cho đến trong phạm vi một thôn, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho người trong pháp luật này. Tướng phạm cũng giống như trong giới trên.

Học Xứ Thứ Bảy Mươi Hai: ***CHO NGƯỜI CHƯA ĐỦ TUỔI THỌ CẬN VIÊN***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Đại Mục-kiền-liên cho mười bảy thiếu niên xuất gia và thọ cận viên, các thiếu niên này qua giờ đến sáng hôm sau không được ăn nên kêu khóc làm động niệm chúng. Thế tôn nghe tiếng kêu khóc này liền hỏi A-nan-đà nguyên do, A-nan-đà đem việc trên kể lại, Phật nói: "Các Bí-sô cho người chưa đủ tuổi thọ cận viên thành tánh Bí-sô hay sao, nếu người chưa đủ hai mươi không thể chịu đựng được lạnh nóng, đói khát cho đến không thể theo thứ lớp khất thực thì không nên cho thọ cận viên". Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu:

…Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ cận viên thành tánh Bí-sô thì phạm Ba-dật-đề-ca, người này không phải là cận viên, các Bí-sô đều phạm tội".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho người trong pháp luật này. Người này không phải cận viên là tuy bạch tứ yết ma truyền thọ nhưng không thành tánh Bí-sô. Các Bí-sô phạm tội nghĩa là trừ bổn sư phạm Đọa, các Bí-sô khác đều phạm Ác-tác.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu người chưa đủ hai mươi tuổi, khởi tưởng chưa đủ muốn thọ cận viên, các Bí-sô hỏi đủ hai mươi tuổi chưa, nếu đáp là chưa đủ mà các Bí-sô cho thọ cận viên thì người này không đắc giới, bổn sư phạm Đọa, các Bí-sô khác phạm Ác-tác; những người khác cùng ở chung và cùng thọ dụng đều Ác-tác.

Nếu người chưa đủ hai mươi tuổi, khởi tưởng chưa đủ muốn thọ cận viên, các Bí-sô hỏi đủ hai mươi tuổi chưa, nếu đáp là tự nhớ biết chưa đủ hai mươi, không có nghi hoặc mà các Bí-sô cho thọ cận viên thì người này không đắc giới, các Bí-sô phạm tội như trên. Nếu người chưa đủ hai mươi tuổi, khởi tưởng là đủ hai mươi muốn thọ cận viên, các Bí-sô hỏi đủ hai mươi tuổi chưa, nếu đáp là đủ, các Bí-sô cho thọ cận viên thì người này đắc giới, các Bí-sô đều không phạm. Nếu người chưa đủ hai mươi tuổi, khởi tưởng là đã đủ muốn thọ cận viên, các Bí-sô hỏi đã đủ hai mươi chưa, nếu đáp là tự nhớ biết đã đủ hai mươi, tâm không nghi hoặc, các Bí-sô cho thọ cận viên thì người này đắc giới, các Bí-sô đều không phạm.

Nếu người chưa đủ hai mươi tuổi, tâm không tự biết cũng không nghi hoặc muốn thọ cận viên, các Bí-sô cũng không hỏi, dù hỏi cũng không biết trả lời; các Bí-sô cho thọ cận viên, người này đắc giới nhưng các Bí-sô truyền giới đều có phạm, các Bí-sô cùng ở cùng thọ dụng thì không phạm.

Nếu người đủ hai mươi tuổi, khởi tưởng là chưa đủ muốn thọ cận viên, các Bí-sô hỏi đủ hai mươi chưa, nếu đáp là tự nhớ biết chưa đủ hai mươi, không có nghi hoặc; các Bí-sô cho thọ cận viên thì người này tuy đắc giới nhưng các Bí-sô truyền giới đều có phạm, các Bí-sô cùng ở không phạm.

Nếu người đủ hai mươi tuổi, khởi tưởng là đủ hai mươi, các Bí-sô hỏi đủ hai mươi chưa, đáp là đủ; các Bí-sô cho thọ cận viên, người này đắc giới các Bí-sô đều không phạm. Nếu người đủ hai mươi tuổi, khởi tưởng là đủ hai mươi, các Bí-sô hỏi đã đủ hai mươi chưa, đáp là tự nhớ biết đã đủ hai mươi, tâm không nghi hoặc; các Bí-sô cho thọ cận viên, người này đắc giới, các Bí-sô đều không phạm. Nếu người đủ hai mươi tuổi nhưng không tự biết cũng không nghi hoặc muốn thọ cận viên, các Bí-sô không hỏi, dù hỏi cũng không biết trả lời; các Bí-sô cho thọ cận viên, người này đắc giới nhưng các Bí-sô truyền giới có phạm, người cùng ở không phạm. Trong các trường hợp trên, hai trường hợp đầu là chẳng phải thọ cận viên, nếu cùng các thiện Bí-sô cùng ở chung hoặc hai, ba lần làm bố tát thì gọi là Tặc trú, nên diệt tẩn.

Nếu người chưa đủ hai mươi tuổi, khởi tưởng là đủ thì người này thọ đắc giới thành cận viên; nếu có thân thuộc nói là chưa đủ hai mươi thì nên tính tháng trong thai và tháng nhuần, đủ thì tốt, không đủ thì cho lui xuống làm Cầu tịch, sau đó cho thọ giới lại. Nếu không cho lui xuống làm Cầu tịch cũng không cho thọ giới lại mà cùng ở chung hoặc đã hai, ba lần bố tát thì gọi là Tặc trú, nên diệt tẩn.

Nếu người mới mười chín tuổi mà cho thọ cận viên, chưa quá một năm liền tự nhớ biết là chưa đủ hai mươi thì nên tính tháng trong thai và tháng nhuần, đủ thì tốt… giống như đoạn văn trên… hai, ba lần bố tát thì gọi là Tặc trú, nên diệt tẩn. Nếu hơn một năm mới nhớ biết thì gọi là thiện thọ cận viên.

Nếu người mới mười tám tuổi mà cho thọ cận viên, chưa quá một năm liền nhớ biết là chưa đủ hai mươi thì nên cho lui xuống làm Cầu tịch… hai, ba lần bố tát thì gọi là tặc trú, nên diệt tẩn. Nếu hơn một năm nhớ là chưa đủ hai mươi thì nên tính tháng trong thai và tháng nhuần… nên diệt tẩn.

Nếu người chưa đủ hai mươi mà có nghi thì nên cho nhớ lại, tính ngày tháng năm sanh xem có đủ hay không, nếu chưa đủ thì nên tính tháng trong thai và tháng nhuần… như trên.

Nếu người đủ hai mươi tuổi khởi tưởng là đủ hai mươi, cho thọ cận viên thì gọi là thiện thọ. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Bảy Mươi Ba: ***PHÁ HOẠI ĐẤT SỐNG***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô tự tay đào đất hoặc bảo người đào để đắp bờ đê làm thương tổn ổ kiến, các ngoại đạo thấy đều chê trách: "Tại sao Bí-sô lại lạm công việc của người thế tục, đào đất hại mạng hữu tình, không có tâm từ bi". Các Bí-sô nghe biết đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô tự tay đào đất hoặc bảo người đào, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Đất có hai loại: Đất sống và chẳng phải đất sống. Sao gọi là đất sống? Là tánh chất của đất còn sống, nếu đào đã trải qua ba tháng có trời mưa cũng gọi là đất sống; nếu trời không mưa thì phải trải qua sáu tháng mới gọi là đất sống. Ngược lại là chẳng phải đất sống. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nhiếp Tụng:

Tưởng sống xới lớp đất,
Đóng cọc và vẽ đất,
Phân bò, sụp lở bờ,
Vách bùn với tánh ướt,
Vẽ vách tổn rêu xanh,

Cát đá đất lẫn lộn,
Giờ tốt, không tịnh nhơn,
Đóng cọc sâu bốn ngón.

Nếu Bí-sô đào đất làm tổn hại đất sống thì phạm đọa, nếu chẳng phải đất sống thì Ác-tác. Nếu khi Bí-sô xới lớp da của đất có tánh ướt thì phạm Đọa, nếu không có tánh ướt thì Ác-tác. Nếu Bí-sô đóng cọc phạm Đọa, nhổ cọc phạm Ác-tác, nếu vẽ trên đất phạm Ác-tác, nếu gạch làm dấu thì không phạm. Nếu Bí-sô làm sụp lở bờ sông làm tổn hoại đến đất sống thì phạm Đọa; nếu đất đã nứt làm cho sụp lở xuống thì Ác-tác. Nếu Bí-sô làm chao động bùn trong ao, trong sông thì Ác-tác; kéo cái hũ ở trong bùn lên cũng Ác-tác. Đóng cọc hay đóng đinh trên tường phạm Đọa, cạo phân bò dính trên tường phạm Ác-tác. Nếu xô tường ngã phạm Đọa, tường đã bị nứt làm cho ngã thì Ác-tác. Nếu vẽ trên vách phạm Ác-tác, ghi dấu cho nhớ thì không phạm. Cạo rêu xanh trên tường phạm Ác-tác. Nếu đào đất mà có đá, đá ít đất nhiều thì phạm Đọa; đất ít thì Ác-tác, nếu toàn là đá thì không phạm; đất sỏi cũng như vậy. Nếu Bí-sô coi việc xây cất khi sắp làm nền móng, chọn được giờ tốt mà không có tịnh nhơn, được tự tay đóng cọc xuống đất sâu bốn ngón tay không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Bảy Mươi Bốn: ***QUÁ BỐN THÁNG ĐÒI HỎI THỨC ĂN***

Phật ở trú xứ Thích ca du hành trong nhân gian dần dần đến thành Kiếp-tỷ-la ở trong vườn Đa-căn-thọ, lúc đó Thích ca Đại danh liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe pháp, nghe pháp xong bạch Phật: "Thế tôn, xin Phật và Tăng thương xót thọ con cúng dường ẩm thực trong ba tháng", Thế tôn im lặng nhận lời, Đại danh biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ ra về, về đến nhà liền bảo các gia nhân lo liệu đầy đủ thức ăn uống cúng dường Phật và Tăng trong ba tháng. Lục chúng nghe biết việc này liền suy nghĩ: "Làm cách nào để trong ba tháng chúng ta thường được thức ăn ngon để thân khinh an không có bịnh khổ", nghĩ rồi liền đến chỗ thầy thuốc hỏi phương thuốc, thầy thuốc bảo nên ăn thức ăn có dầu mỡ. Lục chúng nghe rồi liền trong ba tháng thường đòi thức ăn ngon như thầy thuốc chỉ bảo. Qua ba tháng vẫn còn đòi thức ăn ngon nhưng nhà bếp không đáp ứng và đem việc này bạch với thí chủ Đại danh, Đại danh nghe rồi liền chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền chê trách Lục chúng: "Tại sao Bí-sô đã thọ hết thời hạn người khác thỉnh rồi, lại còn gắng gượng đòi hỏi nữa", rồi đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Các thầy chớ nên đến chỗ thí chủ gắng

gượng cầu xin khiến họ không vui. Các thầy lắng nghe: Thuở xưa, ở trong một khu rừng yên tĩnh, bên ao có một tiên nhơn ngồi kiết già hệ niệm tư duy. Lúc đó có một con rồng từ trong ao hiện ra hằng ngày quấn quanh tiên nhơn để ngăn khổ vì lạnh cho tiên nhơn, khiến tiên nhơn phiền não sanh bịnh. Có tiên nhơn khác đến thăm thấy vậy liền hỏi nguyên do, tiên nhơn đem sự việc trên kể lại, tiên nhơn kia nói: "Nếu rồng đến nữa thì ông hãy xin hạt châu trên đảnh của nó, nó tiếc hạt châu ắt sẽ không đến nữa". Tiên nhơn này nghe lời, khi rồng đến liền xin rồng hạt châu, rồng bèn không đến nữa và nói kệ:

"Ẩm thực và y phục, Đều do ngọc châu có, Dù tiên nhơn ép xin, Tôi cũng không thể cho, Ông cứ xin châu mãi, Lời nói như gươm bén, Cũng như đá lớn đè, Từ nay không đến nữa".

Này các Bí-sô, rồng là loài bàng sanh nghe ép xin còn bỏ đi luôn huống chi là người, các thầy không nên gượng ép cầu xin thí chủ".

Lại nữa, thuở xưa có một tiên nhơn ở trong rừng tu tĩnh lự, trong rừng này có nhiều chim kêu la ồn ào khiến tiên nhơn không thể nhập định được, tiên nhơn khác liền chỉ vẻ cho tiên nhơn này rằng: "Ông hãy trong đêm đốt lửa rồi ở dưới tàng cây nói với chim rằng: Này các loài chim, các ngươi hãy cho ta cánh, trứng chim và các chim con để ta làm thức ăn". Chim nghe rồi liền tha trứng và các chim con dời đến chỗ khác ở.

Này các Bí-sô, loài chim kia khi nghe người gượng ép xin còn dời đi chỗ khác huống chi là người". Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô khi thí chủ thỉnh cúng dường bốn tháng, cần thì thọ thỉnh, nếu thọ quá thời hạn này thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Thế tôn chế học xứ rồi tuần tự du hành đến thành Vương xá ở trong Trúc lâm cho đến hạ an cư, lúc đó vua Ảnh-thắng thỉnh Phật và Tăng cúng dường ba tháng. Anh rể của cụ thọ Tất-lân-đà-bạt-ta xin thỉnh riêng cụ thọ cúng dường, Tất-lân-đà-bạt-ta bạch Phật, Phật nói: "Nay ta tùy khai, nếu có người thỉnh riêng, Bí-sô được thọ không phạm". Lúc đó có khách Bí-sô đến nghĩ rằng mình không được vua thỉnh nên đi khất thực, vua thấy liền hỏi tại sao lại đi khất thực, Bí-sô liền nói là vì mình không được thỉnh, vua nghe rồi nói rằng: "Nếu còn có Bí-sô thì tôi xin thỉnh lại", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nếu thỉnh lại thì Bí-sô nên thọ". Lúc đó các Bí-sô suy nghĩ: "Nhà vua bận nhiều việc có thể quên, ta nên đi khất thực", nghĩ rồi liền đi khất thực, vua thấy liền hỏi tại sao, Bí-sô nói ý nghĩ của mình cho vua nghe, vua nói: "Tôi ân cần thỉnh lại, xin hãy thọ tôi thỉnh thực", các Bí-sô bạch

Phật, Phật nói: "Nếu thí chủ ân cần thỉnh lại thì nên thọ". Lúc đó thời hạn vua thỉnh thực đã mãn, các Bí-sô liền theo thứ lớp khất thực, vua thấy liền hỏi tại sao, các Bí-sô nói vì thời hạn vua thỉnh thực đã mãn, vua nói: "Vậy nay tôi xin thường thỉnh", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Nếu thường thỉnh thì Bí-sô nên thọ". Thế tôn liền khen ngợi người trì giới thiểu dục và quở trách kẻ tham muốn nhiều rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: "Nếu lại có Bí-sô có người thỉnh cúng dường bốn tháng, cần thì được thọ, nếu thọ quá thời hạn đã thỉnh, trừ thời khác, phạm Ba-dật-để-ca. Thời khác là thỉnh riêng, thỉnh lại, thỉnh ân cần và thường thỉnh; đây là Thời."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà và lục chúng. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô được người khác cúng thức ăn thô dở, lại theo đòi hỏi thức ăn ngon hơn, khi đòi phạm Ác-tác, khi ăn phạm Đọa. Nếu người khác cúng thức ăn ngon, lại theo đòi thức ăn dở, khi đòi phạm Ác-tác, khi ăn không phạm. Cúng sữa đòi lạc… cũng như vậy, nếu bịnh thì không phạm. Nếu Bí-sô thứ lớp khất thực, thí chủ cúng thức ăn, Bí-sô muốn được thứ mình cần thì nên nói tôi không cần cơm, nếu thí chủ hỏi cần gì tức là thỉnh tùy ý, Bí-sô nói thứ mình cần thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Bảy Mươi Lăm: ***NGĂN TRUYỀN LỜI PHẬT DẠY***

(Ngăn truyền đạt học xứ)

Phật ở trong Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, thường pháp của Phật là khi chế học xứ chung cho hai bộ tăng thì hai bộ tăng đều phải tập họp. Khi Phật chế học xứ trên chung cho cả hai bộ Tăng nhưng ni chúng không có mặt, Phật bảo A-nan-đà: "Thầy hãy đến bảo Châu đồ bán thác ca đến chỗ Bí-sô ni truyền đạt lại học xứ này", A-nan-đà vâng lời Phật đến nói, Châu đồ bán thác ca liền đi đến chùa ni để truyền lại lời Phật dạy, trên đường đi gặp Lục chúng liền nói: "Này các cụ thọ, Phật vừa chế học xứ cho hai bộ tăng", liền hỏi là học xứ gì, Châu đồ bán thác ca liền nói lại học xứ trên rồi nói học xứ này nên tu tập, Lục chúng nói: "Thầy phân tích không rõ ràng, tôi há có thể nghe theo lời thầy mà phụng hành theo hay sao. Nếu tôi gặp Bí-sô nào thông tam tạng, tôi sẽ nghe theo mà thọ hành học xứ này", Lục chúng nói rồi liền bỏ đi. Châu đồ bán thác ca đến chỗ chúng ni truyền đạt, Thập nhị chúng Bí-sô ni cũng nói lời phi pháp giống như Lục chúng, các Bí-sô ni khác nghe rồi đều hoan hỉ phụng hành. Châu đồ bán thác ca trở về trú xứ đem việc trên bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch

Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu có Bí-sô nghe Bí-sô khác nói rằng: Này cụ thọ, nay nên học tập theo học xứ này. Bí-sô này liền nói: Tôi không thể nghe theo lời của người không hiểu rõ, không khéo giải thích như thầy mà phụng hành học xứ; nếu tôi gặp Bí-sô nào rõ thông tam tạng, tôi sẽ nghe theo lời của vị ấy mà thọ hành; thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu có Bí-sô nói với Bí-sô khác rằng: Cụ thọ hãy tập hành theo học xứ này, Bí-sô kia nói như đoạn văn trên thì phạm Đọa. Nếu Bí-sô truyền đạt lời Phật quả thật không hiểu biết thì không phạm; Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Bảy Mươi Sáu: ***NGHE LÉN VIỆC NGƯỜI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Ô-đà-di đã đoan hoặc chứng A-la-hán…, chỉ còn Nan-đa và Ô-ba-nan-đà nương ở trong chúng. Thập thất chúng đến trong nhà ăn bàn tính làm cách nào có thể tác pháp yết ma Xả trí cho Ô-ba-nan-đà, lúc đó Ô-ba-nan-đà đứng bên cửa sổ nghe lén được liền vào nhà ăn quở trách và nói: "Ta sẽ trị phạt các ngươi, các ngươi há không nghe:

"Như cột voi bằng dây da mục, Gió thổi nắng phơi đã nhiều năm, Tuy nay sức yếu không như trước, Vẫn còn trói được năm trăm dê".

Thập thất chúng biết Ô-ba-nan-đà đã nghe biết được mưu tính của mình liền cùng đến trong nhà ấm bàn tính lại, Ô-ba-nan-đà lại đi theo rình nghe; Thập thất chúng liền lên gác trên, Ô-ba-nan-đà cũng đi theo rình nghe, cứ như thế khiến cho Thập thất chúng không thể bàn tính được, đành phải đến trước Ô-ba-nan-đà xin sám tạ, được tha thứ rồi liền hỏi: "Thượng tọa vì sao biết được chúng tôi định tác pháp yết ma xả trí cho thượng tọa?", Ô-ba-nan-đà liền kể lại việc trên và nói: "Các ngươi đi đến đâu, ta đi theo rình nghe tới đó". Các Bí-sô nghe biết liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: "… Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau:

Nếu lại có Bí-sô biết các Bí-sô khác luận bàn việc phát sanh tranh cải lăng xăng mà rình theo nghe lén, nghĩ rằng: Ta nghe rồi sẽ khiến sanh đấu loạn, chỉ lấy lý do này làm duyên; thì phạm Ba-dật-đề-ca."

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà; các Bí-sô khác là chỉ người trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu các Bí-sô ở gác trên bàn luận, Bí-sô khác muốn lên gác phải tạo tiếng động hay tằng hắng hoặc khảy móng tay cho họ biết có người lên gác, nếu không làm như thế thì khi lên gác vừa nghe tiếng nói chưa kịp hiểu nghĩa liền phạm Ác-tác, nếu hiểu được nghĩa thì phạm Đọa. Đến cửa nhà người hoặc đến chỗ kinh hành… chuẩn theo trên nên biết. Nếu Bí-sô trên đường đi bàn luận, Bí-sô từ phía sau đi đến cũng chuẩn theo trên nên biết. Nếu Bí-sô tình cờ nghe được hoặc sau khi nghe được muốn làm phương tiện khiến cho việc tranh cải chấm dứt thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 42

Học Xứ Thứ Bảy Mươi Bảy: ***KHÔNG GỞI DỤC LÀM THINH BỎ ĐI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Thập thất chúng muốn làm yết ma Xả trí cho Ô-ba-nan-đà nên cùng nhau hành trù rồi đến trước Thượng tọa-nan-đà xin được gạn hỏi… cho đến câu: "Muốn tác pháp yết ma Xả trí cho cụ thọ Ô-ba-nan-đà", Nan-đà nói: "Ô-ba-nan-đà là bậc thượng tọa lớn tuổi, đâu thể liền tác pháp yết ma Xả trí", Thập thất chúng bạch đại chúng: "Nếu ai cùng người ác làm bạn, đại chúng cũng tác pháp yết ma Xả trí luôn". Nan-đà nghe rồi lo ngại liền lấy tấm thảm lông tụ lại trên chỗ ngồi của mình giống như hình người rồi lặng lẽ đứng dậy bỏ đi, lúc đó đại chúng tác pháp Xả trí cho Ô-ba-nan-đà. Sau đó Ô-ba-nan-đà đến chỗ Nan-đà khóc và báo cho Nan-đà biết mình bị Xả trí, Nan-đà nói: "Thầy không nên buồn, chúng không tập họp đủ thì tác pháp không thành, vì tôi không có mặt trong chúng lúc đó". Các Bí-sô nghe rồi chê trách Nan-đà và đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô khi biết đại chúng như pháp bàn luận sự việc mà lặng lẽ từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi ra thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Sau đó khi các Bí-sô nhóm họp, những vị nuôi bịnh và thọ sự phải ngồi lâu trong chúng nên bỏ công việc của mình, do nhân duyên này Phật cho phép nếu có duyên sự nên dặn lại rồi đi ra. Lúc đó Phật khen ngợi người trì giới thiểu dục rồi bảo các Bí-sô: "Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô khi biết đại chúng như pháp bàn luận sự việc mà lặng lẽ từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi ra, có Bí-sô ở đó mà không dặn lại thì phạm Ba-dật-đề-ca, trừ nhân duyên khác".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Nan-đà. Đại chúng là đệ tử của Phật. Như pháp bàn luận là Tăng pháp yết ma gồm Đơn bạch, Bạch nhị và Bạch tứ.

Từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi ra là ra khỏi thế phần tác pháp yết ma.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô biết đại chúng như pháp tác pháp, dùng ngôn luận để quyết trạch, có Bí-sô ở đó mà không báo, không dặn lại mà lặng lẽ từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi ra, nếu đến chỗ mà còn nghe được tiếng nói thì phạm Ác-tác; nếu ra ngoại phạm vi này thì phạm Đọa. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Bảy Mươi Tám: ***KHÔNG CUNG KÍNH***

Phật ở trong Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, lúc đó có hai Bí-sô: Một vị tên là Tạp-sắc, một vị tên là Tượng-sư-tử, biết các Bí-sô tập họp trong nhà ăn là để tác pháp chấm dứt sự tranh cải. Hai Bí-sô này, một vị tùy thuận chúng, một vị không tùy thuận, không cung kính, chống trái lời dạy không chịu đến họp chúng, khiến cho sự việc càng rối rắm thêm. Các Bí-sô đều chê trách rồi đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô không cung kính thì phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Tạp sắc. Không cung kính có hai: Một là đối với đại chúng, hai là đối với riêng từng người, cả hai hạng trên không cung kính đều phạm Đọa.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu khi Bí-sô biết đại chúng nhóm họp bàn luận sự việc, kêu đến mà không chịu đến thì phạm Đọa; cho đến bảo đứng không đứng, bảo đi không đi… cũng như vậy, trái lời chúng dạy đều phạm Đọa. Nếu hai thầy kêu đến mà không đến thì phạm Ác-tác. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Bảy Mươi Chín: ***UỐNG RƯỢU***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó dưới chân núi Thất thâu ma la nước Kiều-thiểm-tỳ có nhiều xóm làng, nơi đó có một trưởng giả tên là Phù đồ giàu có nhiều của báu, cưới vợ chưa bao lâu thì sanh được một con gái, dung mạo đoan chánh ai thấy cũng yêu mến, đến tuổi lớn khôn được gả cho con trai của trưởng giả Cấp-cô-độc. Thời gian không lâu sau trưởng giả Phù đồ lại có thêm một con trai, dung mạo đáng yêu nên khi vừa mới sanh ra, người cha liền gọi là Thiện lai. Do duyên này nên thân tộc đặt tên là Thiện lai, nhưng đứa trẻ này bạc phước nên gia nghiệp ngày càng sa sút và khánh kiệt, cha mẹ cũng qua đời, không còn nơi nương tựa phải xin ăn nên người đương thời đều gọi là Ác lai,

không gọi là Thiện lai nữa. Có một người bạn cũ của cha mẹ Ác lai thấy vậy bèn cho Ác lai một kim tiền dùng cho việc ăn mặc. Lúc đó Ác lai lần lần đến được thành Thất-la-phiệt, nô tỳ của người chị tình cờ trông thấy nhận ra Ác lai liền về báo cho chị của Ác lai biết. Người chị nghe rồi thương cảm vội sai gia nhân đem tiền bạc đến để giúp cho em về việc ăn mặc, nhưng vì Ác lai bạc phước nên bị giặc cướp đoạt hết. Người chị nghe rồi không biết phải làm sao, đành phó mặc cho số phận. Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc thỉnh Phật và tăng đến nhà thọ thực, đang lúc chờ Phật và tăng đến thì Ác lai và các bạn hành khất cùng kéo đến xin ăn. Trưởng giả từ xa trông thấy họ kéo đến liền bảo gia nhân ra xua đuổi vì Phật và Tăng sắp đến, bọn hành khất suy nghĩ: "Ông trưởng giả này vốn thương xót những người nghèo khổ cô độc, là chỗ nương tựa của chúng ta, tại sao hôm nay lại xua đuổi chúng ta như thế, phải chăng do nghiệp ác của Ác lai nên mới như thế", nghĩ rồi liền cùng nhau khiêng Ác lai quăng vào đống phẩn, Ác lai bị đồng bọn khinh khi như vậy nên kêu khóc. Khi sứ giả đến báo đến giờ thọ thực, Thế tôn đắp y mang bát cùng đại chúng đi đến nhà trưởng giả, nhưng do lực đại bi nên Thế tôn đi đến chỗ Ác lai trước và bảo các Bí-sô: "Các thầy nên nhàm lìa sự lưu chuyển trong biển khổ vô biên và nên nhàm lìa các món tư sanh đưa đến sanh tử. Các thầy hãy nhìn người thọ sanh sau cùng, không còn lưu chuyển này thọ khổ não mà không tự gắng sức cứu lấy", nói xong Phật bảo A-nan-đà: "Hôm nay thầy nên để dành nửa phần ăn cho Thiện lai này", nói xong Phật cùng đại chúng đến nhà trưởng giả thọ thực. Trưởng giả thấy Phật và Tăng ngồi ổn định rồi liến dâng cúng thức ăn thượng diệu khiến tất cả đều được no đủ. Lúc đó do nghiệp ác của Thiện lai khiến cho A-nan-đà quên để dành lại nữa phần ăn cho Thiện lai, Thế tôn do được Niệm không quên, biết A-nan-đà quên nên đã để dành nửa phần ăn của mình. A-nan-đà ăn xong mới sực nhớ, Phật bảo A-nan-đà: "Cho dù chư Phật trong bốn biển lớn của châu Thiệm bộ nói pháp thâm diệu, thầy đều thọ trì không quên sót; nhưng nay do sức bạc phước của Thiện lai nên khiến cho thầy không nhớ. Thầy hãy đi kêu Thiện lai đến đây". A-nan-đà vâng lời Phật dạy đến kêu: "Thiện lai, Thiện lai", Ác lai không tự nhớ đến tên Thiện lai trước đây nên im lặng, A-nan-đà liền nói: "Là con của trưởng giả Phù đồ trước kia tên là Thiện lai chứ không phải người nào khác". Lúc đó Thiện lai liền nhớ lại nên nói kệ:

"Tôi mất tên Thiện lai, Nay từ chỗ nào đến, Phải chăng ác báo hết,

Nghiệp thiện từ đây sanh. Phật đủ Nhất thiết trí, Tất cả chúng đều nương, Nhờ lời thiện ái kia,

Gọi Thiện lai đúng lý. Tôi là kẻ vô phước,

Thân thuộc không ngó ngàng, Tai họa khổ bức bách,

Há gọi là Thiện lai?".

Tôn giả A-nan-đà liền dẫn Thiện lai đến chỗ Phật đảnh lễ, Phật bảo A-nan-đà đưa nửa phần ăn đã để dành đó cho Thiện lai, Thiện lai thấy nửa phần ăn này liền rơi nước mắt nói rằng: "Tuy Thế tôn để dành nửa phần ăn cho con, nhưng chỉ chừng này thì làm sao đủ no". Thế tôn nói: "Cho dù bụng ngươi lớn như biển cả, mỗi miếng nuốt lớn như núi Diệu cao thì ngươi cũng không ăn hết nửa phần cơm này. Ngươi hãy ăn đi, đừng có âu lo". Đợi Thiện lai ăn xong, Phật hỏi: "Vật gì trong chéo áo của ngươi?", Thiện lai liền mở ra xem thì thấy một kim tiền mới nhớ ra nên bạch Phật: "Kim tiền này là của bạn cũ của cha con cho, vì bạc phước khiến con không nhớ", Phật bảo Thiện lai: "Ngươi hãy dùng kim tiền này đi mua bông sen xanh đến đây". Sau khi Thiện lai đi mua bông, Phật và đại chúng trở về trú xứ. Lúc đó Thiện lai đến chỗ người bán hoa tên là Lam bà để mua hoa thì bị Lam bà xua đuổi, Thiện lai nói: "Phật bảo tôi đến mua bông sen xanh", liền nói kệ:

"Đối với hoa sen xanh,
Tôi thật không cần dùng,
Đại sư Nhất thiết trí,
Bảo tôi mua đem đến".

Lam-bà nghe rồi liền sanh kính ngưỡng, nói kệ:

"Mâu ni đại tịch tĩnh,
Trời người đều cúng dường,
Người là sứ giả Phật,
Cần sen tùy ý lấy".

Lúc đó Thiện lai đưa kim tiền rồi lấy nhiều hoa sen xanh đem đến chỗ Phật, Phật bảo Thiện lai đem bông sen dâng cúng chúng Tăng, Thiện lai vâng lời dâng cúng nhưng các Bí-sô không chịu nhận, Phật bảo các Bí-sô: "Đối với thí chủ này, các thầy nên thương xót thọ nhận. Mùi hương của sen xanh có ích cho tỷ căn, ngửi nó không có lỗi". Các Bí-sô vừa nhận hoa thì hoa liền hé nở, Thiện lai thấy sen xanh nở liền nhớ lại tiền thân của mình đã từng ở chỗ Phật tu Thanh xứ quán ảnh tượng hiện tiền. Phật liền nói pháp yếu chỉ dạy được lợi hỉ rồi bèn được Kiến đế, Thiện lai vui mừng nói kệ:

"Phật dùng phương tiện rất vi diệu,
Khéo dẫn dắt con được Kiến đế.

Ở trong cõi ác khởi niệm bi,
Như cứu voi già khỏi bùn sâu,
Con thuở nhỏ tên gọi Thiện lai,
Ác lai mới được gọi sau này,
gọi thiện lai là không sai,
Do ở trong Thánh giáo Như lai".

Nói kệ rồi liền đảnh lễ Phật bạch rằng: "Thế tôn, nay con muốn ở trong pháp luật khéo giảng nói của Như lai xuất gia lìa tục, tu phạm hạnh", Thế tôn liền gọi: "Thiện lai Bí-sô, hãy tu phạm hạnh", vừa nói xong râu tóc của Thiện lai liền tự rụng, pháp phục trên thân trở thành Bí-sô. Thiện lai phát tâm đại dõng mãnh đầu đêm sau đêm tư duy quên cả mỏi mệt, đoạn trừ kiết hoặc chứng quả A-la-hán, liền nói kệ:

"Xưa ở chỗ chư Phật,
Chỉ giữ thân gạch sắt,
Nay nghe Thế tôn dạy,
Chuyển thành thân vàng ròng,
Con ở trong sanh tử,
Không còn thọ thân sau,
Phụng trì pháp vô lậu,
Thẳng đến thành Niết-bàn,
Nếu người ưa châu báu,
Và sanh thiên, giải thoát,
Phải gần thiện tri thức,
Sở nguyện đều như ý".

Sau khi Thế tôn hóa độ các tôn giả Xá-lợi-tử, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp-ba, Tất lăng già phạt ta… những người không tín kính trong thế gian đều phỉ báng rằng: "Sa môn Kiều-đáp-ma là kẻ giặc trộm châu báu của thế gian, vì các bậc long tượng xuất hiện ở trên thế gian đều bị ông ta khuyến dụ xuất gia để lo việc cung cấp và hầu hạ"; thời gian sau Phật hóa độ ni và những người bần tiện như Tiểu lộ, Ngưu chủ, năm trăm ngư phủ bên sông Thắng huệ, Thiện lai… những người không tín kính trong thế gian lại phỉ báng rằng: "Sa môn Kiều-đáp-ma tham cầu đệ tử không có dừng nghỉ, những người bần tiện ngu si cũng hóa độ để sai vặt". Thế tôn nghe rồi liền suy nghĩ: "Các đệ tử lớn của ta đức như núi Diệu cao, người đời không biết liền coi thường, vô cớ chiêu tội tự hại thân mình, ta nay nên phát khởi thắng đức của Thiện lai", bởi vì thường pháp của Như lai là nếu trong các đệ tử người nào có thắng đức mà người đời không biết thì Phật dùng

phương tiện để hiển dương thắng đức ấy. Lúc đó Phật bảo A-nan-đà: "Như lai muốn đến núi Thất thâu ma la, Bí-sô nào muốn cùng đi thì mang theo y bát" … Cho đến câu Phật cùng đại chúng đi đến núi Thất-thâu-ma-la. Tại đây có một con rồng độc nương ở trong rừng Yêm-bà, thường phun khí độc làm tổn hại hoa mầu ở các vùng phụ cận núi này. Khi mọi người nơi đây nghe Phật và đại chúng đến liền cùng đến đảnh lễ và cùng nghe diệu pháp rồi bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn thương xót sáng mai đến nhà chúng con thọ thực", Thế tôn im lặng nhận lời. Mọi người biết Phật nhận lời rồi liền trở về nhà, trong đêm đó chuẩn bị đầy đủ các món ăn thượng diệu để cúng dường Phật và Tăng, sáng ngày trải tòa sắp xếp mọi việc xong liền cho người đến bạch Phật giờ ăn đã đến. Phật cùng đại chúng đắp y mang bát đến chỗ thiết cúng… cho đến câu Phật nói pháp yếu khiến cho mọi người được lợi hỉ, lúc đó mọi người bạch Phật: "Thế tôn, chúng con thường nghe Phật có thể hàng phục Dược xoa cực ác như Dược xoa Khoáng dã… cho đến các rồng như long vương Nan-đà, Ô-ba-nan-đà cũng đều được hàng phục. Nay ở núi này có con rồng độc thường phun khí độc tổn hại các loài cầm thú và hoa mầu trong vòng một trăm dặm, người ngửi phải khí độc này hình sắc đen sạm không còn sắc sáng. Cúi xin Thế tôn thương xót hàng phục con rồng độc này". Thế tôn nghe rồi liền bảo A-nan-đà: "Thầy nên hành trù, trong đại chúng vị nào hàng phục được con rồng độc này thì hãy lấy thẻ", A-nan-đà vâng lời Phật hành trù nhưng trong đại chúng không ai lấy thẻ, Phật liền bảo Thiện lai: "Thầy hãy lấy thẻ đại diện cho Tăng đi hàng phục con rồng độc này", Thiện lai vâng lời Phật lấy thẻ. Sáng hôm sau, Thiện lai chấp trì y bát vào thôn khất thực, thọ thực xong liền đến chỗ rồng độc ở, rồng độc từ xa thấy Thiện lai đến liền nổi giận khiên cho mây đen bao phủ bầu trời, sấm chớp vang rền chấn động đại địa rồi giáng mưa đá muốn hại Thiện lai. Thiện lai liền nhập định Từ khiến cho mưa đá biến thành bột hương Trầm thủy, Chiên đàn… từ trên không rơi xuống. Rồng độc càng nổi giận hóa hiện bánh xe kiếm với mâu giáo nhọn bay tới, Thiện lai liền biến thành hoa sen trời vi diệu từ không trung rơi xuống. Rồng độc liền phun khói độc, Thiện lai cũng phóng ra khói; rồng phun lửa, Thiện lại nhập định Hỏa quang khiến thân phóng ra lửa bao trùm chỗ ở của rồng khiến rồng độc không tránh đi đâu được, chỉ có chỗ Thiện lai đang đứng là mát mẻ, nên rồng độc đến chỗ Thiện lai cầu xin cứu hộ. Thiện lai nói: "Ngươi đời trước đã tạo nghiệp ác nên bị đọa trong loài bàng sanh, đời này lại tạo nghiệp ác, sau khi mạng chung sẽ sanh vào cõi nào, sẽ nương tựa nơi đâu, chắc chắn là sẽ đọa vào địa ngục", rồng độc liền nói: "Xin nghe theo lời dạy bảo", Thiện lai nói: "Ngươi nên thọ Tam quy và năm học xứ,

trọn đời không được phạm", rồng độc nghe lời liền thọ Tam quy và năm học xứ, thề trọn đời không phạm, thệ nguyện rồi đảnh lễ Thiện lai và biến mất. Hàng phục rồng độc xong, Thiện lai trở về đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch: "Thế tôn, con đã hàng phục được rồng độc, nó đã thọ Tam quy và năm học xứ", Phật bảo các Bí-sô: "Trong các đệ tử Thanh văn của ta, hàng phục rồng độc, Thiện lai là bậc nhất". Lúc đó mọi người ở chung quanh núi này nghe biết rồng độc đã được hàng phục đều rất vui mừng khen ngợi là việc chưa từng có, cùng đến bạch Phật: "Thế tôn, nhờ có Thanh lực đã trừ được rồng độc, chúng con muốn được cúng dường, cúi xin Phật nạp thọ", Phật nói: "Mọi người nên biết, chính Thiện lai Bí-sô con của trưởng giả phù đồ đã hàng phục được rồng độc, khiến nó cải ác theo thiện, thọ tam quy và năm học xứ, không phải là sức của ta. Mọi người nên đem những phẩm vật này cúng dường cho Thiện lai". Mọi người nghe rồi liền mang các phẩm vật đến chỗ Thiện lai đảnh lễ rồi bạch: "Thánh giả đã thương xót chúng con, dùng vô úy bố thí khiến cho chúng con được an cư lạc nghiệp. Xin Thánh giả chỉ dạy chúng con nên làm gì", Thiện lai nói: "Các vị nên cúng dường Tam bảo". Mọi người nghe Thiện lai nói rồi liền thỉnh Phật và Tăng cúng dường trong bảy ngày, Phật im lặng nhận lời, mọi người biết Phật đã nhận lời rồi liền đảnh lễ trở về nhà, ngay trong đêm đó họ lo liệu đầy đủ các món ăn thượng diệu cúng dường Phật và tăng như thế suốt trong bảy ngày. Lúc đó có một Bà-la-môn là bạn cũ của cha Thiện lai do thường trù rủa rồng độc, sợ rồng độc hại nên bỏ đi đến thành Thất-la-phiệt đổi tên sinh sống, nay vì công việc phải đến nơi này, nghe tin Thiện lai đã hàng phục được rồng độc nên rất vui mừng, liền đến chỗ Thiện lai bạch rằng: "Thánh giả, chúng tôi vì sợ rồng độc hại nên bỏ đi đến nơi khác sinh sống, nay nghe Thánh giả khởi tâm từ bi hàng phục rồng độc, chúng tôi rất vui mừng muốn cúng dường, xin Thánh giả thương xót sáng mai đến nhà tôi thọ thực", Thiện lai nói là đã thọ thỉnh của mọi người trong thôn xóm này rồi, Bà-la-môn nói: "Nếu vậy thì ngày trở về xin hãy đến thọ tôi cúng dường trước", Thiện lai nhận lời. Lúc đó mọi người ở dưới chân núi này thỉnh cúng dường bảy ngày đã mãn, họ đảnh lễ Phật và xin được nghe diệu pháp, Phật nói pháp yếu chỉ dạy cho họ được lợi hỉ, ngay nơi chỗ ngồi đều dứt nghi chứng sơ quả. Sau đó Phật và tăng trở về thành Thất-la-phiệt, trưởng giả Cấp-cô-độc đến đảnh lễ Phật và thỉnh Phật cùng Tăng sáng ngày mai đến nhà ông thọ thực, Phật im lặng nhận lời. Lúc đó Bà-la-môn kia nghe tin Phật và tăng đã trở về liền đến chỗ Thiện lai nhắc lại lời hứa trước là thọ ông thỉnh thực, Thiện lại bạch Phật, Phật nói: "Nếu đã hứa thì nên phó thỉnh". Thiện lai đến nhà Bà-la-môn, Bà-la-môn dâng cúng các món ăn

thượng diệu khiến được no đủ, vì muốn cho Thiện lai được tiêu hóa nên Bà-la-môn rót một ít rượu mạnh vào trong thức uống, Thiện lai không biết nên uống, trên đường trở về rượu thấm dần bị say nên ngã xuống đất. Thế tôn được Niệm không quên nên hóa ra một thảo am ở chỗ Thiện lai nằm, che kín khiến người không nhìn thấy. Sau khi thọ thực ở nhà trưởng giả Cấp-cô-độc xong, Phật đến chỗ Thiện lai, chỉ Thiện lai rồi bảo các Bí-sô: "Các thầy hãy nhìn xem thiện lai, nếu trước kia có thể hàng phục được rồng độc thì nay không thể điều phục được một con lươn nhỏ. Này các Bí-sô, uống rượu có sự mất mát lớn như thế", nói rồi Phật đưa bàn tay có luân tướng sờ đầu Thiện lai và bảo rằng: "Này Thiện lai, tại sao không quán sát kỹ trước khi dùng, đến nỗi chịu khốn đốn như thế này". Thiện lai tỉnh rượu liền theo Phật trở về, sau đó Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô uống các loại rượu, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Thiện lai. Các loại rượu là rượu làm bằng men gạo hay đại mạch hoặc làm từ hoa quả… khi uống có thể làm cho người say.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô uống các loại rượu có thể khiến cho người say thì phạm Đọa, uống loại rượu không làm say thì Ác-tác. Nếu Bí-sô thấy các loại rượu kia có sắc rượu, hơi rượu và vị rượu có thể làm say mà uống thì phạm Đọa; không làm say thì Ác-tác. Nếu Bí-sô uống các loại rượu có sắc rượu và hơi rượu có thể làm say thì phạm Đọa; không làm say thì phạm hai Ác-tác. Nếu Bí-sô uống loại rượu chỉ có sắc rượu có thể làm say thì phạm Đọa, không làm say thì phạm một Ác-tác. Nếu ăn bả rượu mà say thì phạm Đọa, không say thì Ác-tác; nếu ăn men rượu phạm Ác-tác. Phật bảo các Bí-sô: "Nếu các thầy xem ta là Đại sư thì không nên uống tất cả các loại rượu, cũng không bảo người uống, cho đến không dùng cọng cỏ chấm rượu nhỏ vào miệng, nếu cố trái thì phạm tội Việt pháp". Nếu Bí-sô uống loại rượu được nấu chín thì không phạm, nếu thầy thuốc bảo dùng rượu thuốc hoặc dùng rượu thoa chà thân thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Thiện lai Bí-sô trước kia đã tạo nghiệp gì mà được sanh trong nhà giàu có, sau lại nghèo khổ đến nỗi phải xin ăn gọi là Ác lai, bị đồng bọn quăng vào đống phân, lại do tạo nghiệp gì được gặp Phật, đoạn phiền não và được chứng quả?", Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy lắng nghe: Thuở xưa lúc Phật chưa ra đời, có một

vị độc giác xuất hiện trong thế gian tuy có tâm từ bi nhưng không nói pháp. Lúc đó có một trưởng giả vào trong vườn hưởng thọ hoan lạc bỗng thấy vị Độc giác này liền nổi sân bảo gia nhân: "Hãy đuổi kẻ ác lai ấy", gia nhân không nở đuổi nên trưởng giả tự nắm kéo vị Độc giác này xô ngã vào đống phân rồi nói: "Sao ngươi không đến cùng làm bạn với những người ăn xin". Vị Độc giác thương xót trưởng giả nên vọt mình trên không trung biến hiện mười tám cách, trưởng giả thấy rồi tâm sanh hối hận như đại thọ sụp đổ cúi mình sụp lạy bạch rằng: "Thánh giả là phước điền chơn thật, xin thương xót con vô trí, xin hiện thân xuống cho con sám tạ chớ để con phải chịu trầm luân". Vị Độc giác thương xót hiện thân trở xuống thọ kia sám hối, trưởng giả liền sửa soạn các món ăn thượng diệu cúng dường vị Độc giác và phát thệ nguyện từ bỏ nghiệp ác rằng: "Với thiện căn cúng dường này xin nguyện đời sau con được sanh trong nhà phú quý, được thừa sự bậc Đại sư thắng thượng khai ngộ cho con hướng đến giải thoát".

Này các Bí-sô, trưởng giả xưa kia chính là Thiện lai, do xưa kia não hại vị Độc giác xô ngã vào đống phân nên trong năm trăm đời thường phải ăn xin, bị người đời gọi là Ác lai và bị đồng bọn quăng vào đống phân. Do xưa kia cúng dường phát nguyện nên được sanh trong nhà phú quý, được xuất gia trong pháp luật của ta, đoạn hoặc được chứng quả. Này các Bí-sô, nghiệp của mình đã tạo trở lại tự thọ quả báo không mất, cho nên các thầy nên tu thiện hạnh chớ làm ác hạnh, nên học như thế".

Học Xứ Thứ Tám Mươi: ***VÀO THÔN XÓM PHI THỜI KHÔNG DẶN LẠI BÍ SÔ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một Bà-la-môn từ nơi khác đến cưới vợ trong thành này rồi trở về lại trú xứ, không bao lâu sau sanh được một con gái, đến khi lớn khôn, người cha dẫn đến nhà cậu ở thành Thất-la-phiệt. Người con gái này muốn đến rừng Thệ-đa kính lễ, vừa ra cửa liền gặp các Bà-la-môn, cư sĩ, phụ nữ cũng đến đó nên cùng đi. Lúc đó Ô-đà-di đứng ở trước cửa chùa thấy các người nữ này liền dẫn đi tham quan các nơi cuối cùng đến phòng của mình, Ô-đà-di thấy đồng nữ này xinh đẹp liền khởi tâm nhiễm xúc chạm thân cô và ôm hôn khiến đồng nữ này động lòng muốn cùng làm việc phi pháp, Ô-đà-di từ chối nên đồng nữ nổi giận tự cào vào thân mình. Khi về đến nhà liền nói với cha là bị Bí-sô Ô-đà-di xúc phạm, người cha tức giận tập họp năm trăm Bà-la-môn lại cùng đánh Ô-đà-di suýt chết rồi dẫn đến chỗ vua. Lúc đó Thế tôn tuy biết nhưng nghĩ đây là bài học sau cùng cho việc làm của Ô-đà-di nên không can thiệp, chỉ dùng thần lực nhắc nhở nhà vua nên khéo quán

sát xét xử, chớ có vội vàng. Nhà vua được Phật nhắc nhở nên kêu đồng nữ đến hỏi thật hư, đồng nữ nói là thật đã bị xúc phạm; vua liền bảo phu nhơn Thắng man tìm hiểu đồng nữ thật có bị xúc phạm hay không, đồng nữ vẫn như trước nói là thật đã bị xúc phạm. Thắng man liền kêu một cung nữ già xét nghiệm, sau khi xét nghiệm cung nữ già này nói không có bị tổn thương, vẫn còn trong trắng. Phu nhơn bạch vua, vua nghe rồi nổi giận ra lịnh pháp quan trị phạt khổ hình Bà-la-môn và đồng nữ đó rồi khiển trách Ô-đà-di, vì muốn hiển bày Thánh giáo của Như lai nên thả cho về. Thắng man bảo sứ giả mời Ô-đà-di đến khuyên rằng: "Đại đức, Thế tôn đại từ bi phụ trong vô số kiếp phát đại thệ nguyện kiên trì tu phạm hạnh, bỏ ngôi vị luân vương, quốc thành thê tử, quyết chí ly dục để cứu vớt muôn loài. Chúng con ở thế tục còn cầu mong xuất ly, Thánh giả ở trong Thánh pháp luật xuất gia sao lại làm hệ lụy chánh pháp, do tâm nhiễm ái làm ác hạnh khiến thế tục mất lòng tín kính. Từ nay về sau Thánh giả nên cải hối". Ô-đà-di nghe lời này rồi hết sức hổ thẹn, sau đó đến chỗ cụ thọ Xá-lợi-tử muốn cải hối, Xá-lợi-tử liền quán căn cơ nói pháp và giáo thọ, Ô-đà-di nghe rồi thâm tâm khắc trách, phát tâm dõng mãnh đoạn trừ các hoặc, không bao lâu sau chứng được quả A-la-hán.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 43

Học xứ thứ tám mươi: ***VÀO THÔN XÓM PHI THỜI KHÔNG DẶN LẠI BÍ SÔ*** *(Tiếp Theo)*

Ô-đà-di chứng quả rồi liền suy nghĩ: "Phật có đại ân với ta, ta nên làm việc gì để báo ân, chỉ có làm Lợi-ích cho hữu tình mới có thể báo ân", nghĩ rồi Ô-đà-di liền tùy duyên giáo hóa, lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Trong các đệ tử Thanh văn của ta, giáo hóa các hữu tình được Thánh quả, Ô-đà-di là bậc nhất". Nhiếp tụng:

Đại thiên, đại kế, châu,
Thầy thuốc, Tăng chúng, bụng,
Thang, thọ dụng, lưỡng bội,
Bạo ác và đồng niên,
Bát và người đấu nhau,
Mười ba việc như vậy,
Hóa độ mười tám,
Đều khiến thoát bể khổ.

1. Đại thiên: Lúc đó Ô-đà-di suy nghĩ: "Trong các hữu tình ai hệ thuộc nơi ta, được ta giao hóa trước", liền quán biết một Bà-la-môn thờ cúng Đại thiên được hóa độ trước, nên sáng sớm hôm sau Ô-đà-di đắp y mang bát vào thành theo thứ lớp khất thực, thấy Bà-la-môn đó đang thiết cúng và tìm Bà-la-môn để cho thức ăn đã thiết cúng. Ô-đà-di đến trước Bà-la-môn nói: "Tôi là Bà-la-môn, đại sư của tôi là Bà-la-môn tối thượng", Bà-la-môn nói: "Ông không phải là Bà-la-môn mà là sa môn đầu trọc", Ô-đà-di nói: "Tôi cùng ông đến hỏi Đại thiên xem tôi có phải là Bà-la-môn hay không". Lúc đó hai người cùng đến trước tượng Đại thiên, Ô-đà-di hỏi: "Tôi là Bà-la-môn phải không?", tượng Đại thiện đáp: "Thánh giả Ô-đà-di thật là Bà-la-môn, đại sư của thánh giả là Bà-la-môn tối thượng", Bà-la-môn thấy việc này rồi khen là việc chưa từng có liền sanh lòng tín kính, mời Ô-đà-di vào nhà cúng dường. Ô-đà-di thọ thực rồi nói pháp chỉ dạy khiến cho Bà-la-

môn ngay nơi chỗ ngồi được Kiến đế, được Kiến đế rồi xin thọ tam quy và năm học xứ. Bà-la-môn bạch với Ô-đà-di: "Con nguyện trọn đời cúng dường tứ sự, cúi xin Thánh giả nạp thọ", Ô-đà-di nói: "Tôi còn phải hóa duyên nhiều người khác nữa nên không thể nhận sự cúng dường này", nói rồi bỏ đi.

2. Đại kế: Lúc đó Ô-đà-di cũng như trước quán liền biết một Bà-la-môn khác thờ Đại thiên cũng được mình hóa độ, nên sáng hôm sau đến nhà Bà-la-môn đó thấy đang thiết cúng và tìm Bà-la-môn để cho thức ăn đã thiết cúng. Ô-đà-di đến trước Bà-la-môn đó nói: "Tôi là Bà-la-môn, đại sư của tôi là Bà-la-môn tối thượng", Bà-la-môn nói: "Ông không phải Bà-la-môn mà là sa môn đầu trọc, nếu thật là Bà-la-môn thì không có hình tướng như thế", Ô-đà-di nói: "Hình tướng của Bà-la-môn như thế nào?", đáp: "Bà-la-môn có búi tóc cao như cái mão", Ô-đà-di nói: "Tôi chính là người ấy", nói rồi đưa tay sờ lên đầu, trên đầu bổng hiện ra búi tóc lớn như cái mão, Bà-la-môn thấy việc này rồi sanh lòng tín kính khen là việc chưa từng có… giống như đoạn văn trên cho đến câu: Nguyện xin trọn đời cúng dường tứ sự, Ô-đà-di từ chối như trên rồi bỏ đi.

3. Hạt châu: Lúc đó Ô-đà-di cũng như trước quán liền biết một Bà-la-môn khác thờ Đại thiên cũng được mình hóa độ, nên sáng hôm sau đến nhà Bà-la-môn đó. Ô-đà-di biết vợ của Bà-la-môn rất thích ngọc quý nên hóa thân làm người bán ngọc vào nhà giới thiệu ngọc quý, sắc quang sáng đẹp rất khả ái, Bà-la-môn hỏi giá, Ô-đà-di nói: "Tùy ý ông nói giá", Bà-la-môn nói giá chưa được một phần trăm nhưng Ô-đà-di lại bằng lòng bán. Vợ chồng Bà-la-môn lấy làm lạ nói thì thầm với nhau: "Tại sao lại bán viên ngọc quý với giá rẽ như vậy", Ô-đà-di biết căn cơ hai vợ chồng đã thuần thục nên hiện trở lại thân hình Bí-sô, hai vợ chồng sanh tín kính cúng dường các món ăn thượng diệu… giống như đoạn văn trên cho đến câu: Nguyện xin trọn đời cúng dường tứ sự, Ô-đà-di cũng từ chối như trên rồi bỏ đi.

4. Thầy thuốc: Lúc đó ở thành Thất-la-phiệt có một Bà-la-môn không kính tín Tam bảo, đang mắc bịnh tuy đã chữa trị nhiều năm nhưng vẫn không chữa khỏi nên Bà-la-môn không tìm thầy chữa trị nữa, mà chấp nhận chờ chết. Ô-đà-di quán biết mình có thể hóa độ được Bà-la-môn này nên hóa làm thầy thuốc đến trước nhà giới thiệu phương thuốc, gia nhân gọi vào, Ô-đà-di nói với Bà-la-môn: "Ông yên tâm, sức chú thuật của lương dược này không thể nghĩ bàn, chỉ trong chốc lát ông sẽ bình phục", nói rồi liền tụng chú, xưng danh Tam bảo, Bà-la-môn nghe chú nguyện rồi, bịnh liền tiêu trừ bình phục như xưa, lúc đó Ô-đà-di hiện trở lại thành Bí-sô. Vợ

chồng Bà-la-môn này sanh tín kính, khen ngợi là việc chưa từng có liền sửa soạn các món ăn ngon cúng dường… giống như đoạn văn trên cho đến câu: Nguyện xin trọn đời cúng dường tứ sự, Ô-đà-di cũng từ chối như trên rồi bỏ đi.

5. Tăng chúng: Lúc đó trong thành Thất-la-phiệt có một Bà-la-môn không kính tín Tam bảo, tuy giàu có nhưng rất bỏn xẻn, không có tâm thí xả chỉ muốn tích tụ nhiều. Ô-đà-di quán biết mình có thể hóa độ được Bà-la-môn này nên thường đến nhà đó khất thực, nhưng dù nhọc công tới lui nhiều lần vẫn không được cho cái gì. Vào một ngày khác Ô-đà-di lại đến rồi cũng mang bát không trở về, ra đến cửa ngỏ thì gặp Bà-la-môn từ ngoài trở về, thấy tôn giả đi ra liền hỏi: "Bí-sô vào nhà tôi có xin được gì không?", Ô-đà-di dùng mật ngữ đáp: "Ông đã từ chỗ không có thì lấy gì để cho", Bà-la-môn nghe rồi liền nổi giận nói: "Nhà tôi giàu có, tài sản vô số, tại sao quyến thuộc của ông lại nói lời khinh tiện nhau như thế", Ô-đà-di nói: "Vậy thì sáng mai chúng tôi sẽ đến nhà ông thọ thực được không?", Bà-la-môn nhận lời, Ô-đà-di đến nhà khác khất thực rồi trở về trú xứ thọ thực, sau đó đến đảnh lễ Phật bạch rằng: "Thế tôn, có một Bà-la-môn không tin Tam bảo, tuy giàu có nhưng rất bỏn xẻn, không có tâm thí xả chỉ muốn tích tụ nhiều thêm, hôm nay bỗng nói với con sáng mai thỉnh Phật và Tăng đến nhà ông thọ thực", Phật im lặng nhận lời. Sáng hôm sau trưởng giả Cấp-cô-độc và các trưởng giả khác nghe Bà-la-môn kia thỉnh Phật và tăng đến nhà thọ thực nên rũ nhau đến nhà Bà-la-môn đó xem thử, thì thấy Bà-la-môn đó không có sửa soạn gì cả liền hỏi Bà-la-môn: "Ông thỉnh cụ thọ Ô-đà-di và quyến thuộc tức là Phật và Tăng đến nhà thọ thực, vì sao sắp đến giờ mà không thấy sửa soạn gì cả?", Bà-la-môn nói: "Tôi không muốn thí cho họ", các trưởng giả nói: "Nếu hôm nay Phật và tăng đến nhà ông mà ông không cúng thí thì Đại vương Thắng quang sẽ trị phạt ông", Bà-la-môn nghe rồi kinh sợ, cũng do căn lành đời trước khai mở nên Bà-la-môn xuất nhiều tài vật vội lo liệu mọi thứ và các món ăn ngon để cúng dường Phật và Tăng rồi cho người đến bạch Phật, Phật và Tăng đến nhà ngồi vào chỗ thỉnh, Bà-la-môn dâng thức ăn cúng dường, Phật và Tăng thọ thực xong trở về, Ô-đà-di ở lại nói pháp cho hai vợ chồng Bà-la-môn nghe, ngay nơi chỗ ngồi được Kiến đế… giống như đoạn văn trên.

6. Bụng: Lúc đó trong thành Thất-la-phiệt có một Bà-la-môn cũng không kính tín Tam bảo, vợ của ông đoan chánh hiếm có người xứng đôi nên người chồng Bà-la-môn này rất yêu quý vợ. Ô-đà-di quán biết mình có thể hóa độ nên đến cửa nhà của Bà-la-môn, Bà-la-môn thấy nhưng không muốn cho vào bèn bỏ đi tiểu tiện, Ô-đà-di khiến ông ta tiểu mãi rồi vào nhà

gặp người vợ, người vợ này không thèm nhìn tới Ô-đà-di, Ô-đà-di khiến cho ruột của bà lòi ra ngoài. Lúc đó Bà-la-môn trở vào thấy thế liền kinh sợ sanh tâm nhàm lìa, ông liền đảnh lễ xin sám tạ, Ô-đà-di thu nhiếp thần biến khiến người vợ trở lại như cũ, hai vợ chồng sanh tín kính khen ngợi là việc chưa từng có, Ô-đà-di liền nói thân là bất tịnh… khiến hai vợ chồng nghe pháp rồi đều chứng sơ quả…

7. Lên thang: Trong thành Thất-la-phiệt có người vợ của một Bà-la-môn tuy đoan chánh nhưng tâm không tín kính, Ô-đà-di quán biết mình có thể hóa độ nên đến nhà đó. Lúc đó Bà-la-môn đi vắng, người vợ từ xa thấy Ô-đà-di đến liền tránh vào nhà trong, tôn giả theo vào; người vợ lên cầu thang, tôn giả cũng lên theo; người vợ liền xô cái thang khiến tôn giả té ngã xuống đất, tôn giả liền nhập Diệt tận định. Người vợ tưởng tôn giả đã chết liền trở xuống, thấy tôn giả không thở nên nắm tay kéo thật mạnh nhưng vẫn không làm cho nhúc nhích được, liền bảo các gia nhân cùng kéo dậy vẫn không làm cho nhúc nhích được. Lúc đó Bà-la-môn trở về thấy việc này rồi kinh hãi liền tự tay đỡ dậy, vẫn không làm cho nhúc nhích, cả nhà hoảng hốt không biết phải làm sao. Vừa lúc đó có một Ô-ba-sách-ca-là bạn của gia đình này đến thăm, nhìn thấy tôn giả như vậy liền nói với gia chủ: "Vị này là tôn giả Ô-đà-di, tôn giả đang nhập định thanh tịnh thù thắng chứ không phải chết, vì muốn giáo hóa mọi người nên mới đến đây, mọi người nên ân cần sám tạ", Bà-la-môn nghe rồi liền nắm chân tôn giả ân cần cầu sám tạ, tôn giả xuất định rồi nói pháp khiến cho hai vợ chồng đều được sơ quả…

8. Thọ dụng: Trong thành Thất-la-phiệt có một Bà-la-môn cưới được con gái của gia môn vọng tộc làm vợ, người vợ nay rất xinh đẹp và rất tự hào về sắc đẹp của mình. Lúc đó Ô-đà-di quán biết mình có có thể hóa độ được người vợ này nên đến nhà đó, Bà-la-môn vắng nhà, người vợ không chào hỏi cũng không bố thí, tôn giả thuận theo cơ duyên đời trước của người vợ đó mà nói kệ:

"Ngươi nay thọ dụng nghiệp đời trước,
Hiện tại không có tâm thí xả,
Từng thấy mỹ nữ lệ ướt áo,
Không bao lâu nữa lại khóc than".

Nói kệ xong liền bỏ đi. Người vợ này tuy nghe nhưng không hiểu được cú nghĩa, cho là sa môn mắng mình nên trong lòng sân não, khi Bà-la-môn về đến liền nói với chồng: "Vừa rồi có Sa-môn đến mắng nhiếc em, nếu sa môn kia sống thì em chết", người chồng nghe rồi nổi giận rút kiếm

đuổi theo muốn giết Ô-đà-di, Ô-đà-di liền hóa ra cái thất nhỏ ngồi bên trong, Bà-la-môn đến kêu mở cửa, tôn giả nói: "Hãy buông kiếm xuống, tôi sẽ mở cửa", Bà-la-môn tuy buông kiếm nhưng trong lòng sân giận cực độ nghĩ là sẽ dùng tay đánh chết tôn giả, tôn giả nói: "Hãy bỏ cái ý sân giận bạo ác đó tôi mới mở cửa", Bà-la-môn nghe rồi thầm nghĩ: "Đây là Thánh nhơn nên biết được ý của ta", liền tự hối trách bỏ tâm ác hại, cửa thất liền mở, Bà-la-môn vào thất, tôn giả nói pháp khiến cho Bà-la-môn ngay nơi chỗ ngồi chứng được sơ quả, ông liền xin thọ Tam quy và năm học xứ. Lúc đó Ô-đà-di nói: "Tôi không phải mắng nhiếc vợ ông, chỉ nói bốn câu kệ muốn vợ ông suy nghĩ nhớ lại việc quá khứ, ông hãy lắng nghe: Thuở xưa có một người đàn bà nghèo thấy một mỹ nữ quý phái có kẻ hầu người hạ, được mọi người yêu mến nên trong lòng âu sầu suy nghĩ: "Làm thế nào để được như thế", liền đem ý nghĩ của mình nói cho bạn là Ô-ba-sách-ca biết, người bạn nói: "Bạn sầu não vô ích, người nữ kia được quả báo đó là do gieo nhơn đời trước", liền hỏi gieo nhơn như thế nào, người bạn nói: "Nên dâng cúng ẩm thực cho phước điền thù thắng rồi chí thành phát nguyện, đời sau sẽ được y như sở nguyện". Người đàn bà này liền đem thức ăn dâng cúng cho một vị Độc giác và phát nguyện: "Nguyện đem căn lành cúng dường này đời sau sanh bất cứ nơi nào cũng không có nghèo khổ; nếu được thân người thì xinh đẹp được người yêu mến, thọ dụng đều đầy đủ".

Vợ của ông do đời trước cùng dường phát nguyện nên đời này được quả báo xinh đẹp, thọ dụng đầy đủ, sanh trong nhà quý tộc được mọi người quý trọng; nhưng nếu ngày nay không có lòng tin thì đời sau sẽ được gì". Bà-la-môn đã chứng quả lại nghe duyên đời trước của vợ mình, bèn thỉnh tôn giả về nhà cúng dường. Tôn giả thọ thực xong nói pháp khiến cho người vợ của Bà-la-môn cũng chứng được sơ quả…

9. Lưỡng bội: Trong thành Thất-la-phiệt có một Bà-la-môn tuy giàu có nhưng rất bỏn xẻn. một hôm có việc phải đi xa nên trước khi đi tính kỹ khẩu phần để cho vợ thọ dụng rồi cất tất cả của cải vào trong kho khóa lại. Lúc đó Ô-đà-di quán biết mình có thể hóa độ được người vợ này nên đến nhà đó khất thực, người vợ đem phần cơm vừa đúng một thăng gạo của mình dâng cúng, nhưng sau đó lại thấy cơm và thức ăn vẫn còn nguyên như cũ. Sáng hôm sau Ô-đà-di dẫn thêm một Bí-sô nữa đến khất thực, người vợ này sau khi dâng cúng rồi trở vào vẫn thấy cơm và thức ăn còn nguyên như cũ. Cứ như thế mỗi ngày Ô-đà-di dẫn số người đến tăng lên gấp bội cho đến sáu bốn người mà phần cơm và thức ăn của thí chủ vẫn còn nguyên như cũ. Khi Bà-la-môn về đến nhà hàng xóm liền mách lại việc người vợ của ông hằng ngày đều cúng dường cho cả trăm vị sa môn, Bà-la-môn nghe

rồi liền quở trách người vợ, người vợ nói: "Em chỉ dâng cúng khẩu phần ăn mà anh để lại cho em, tài vật trong kho không hề đụng tới", người chồng sau khi kiểm kho thấy quả thật như lời vợ nói liền muốn thử nghiệm thật hư. Lúc đó Ô-đà-di dẫn chúng Bí-sô đến nhà thọ thực như thường lệ, ăn xong ra về mà thức ăn trong nhà vẫn còn nguyên như cũ. Bà-la-môn thấy việc này rồi sanh tâm hy hữu liền thỉnh chúng tăng về nhà cúng dường, ăn xong nghe Ô-đà-di thuyết pháp đều được Kiến đế…

10. Bạo ác: Trong thành Thất-la-phiệt có người vợ của một Bà-la-môn tánh bạo ác hay mắng nhiếc chồng, đến ngày tiết hội người chồng sợ vợ mắng trước mặt những người thân quen thì xấu hổ nên dắt đứa con đi tránh qua thôn khác. Lúc đó Ô-đà-di quán biết mình có thể hóa độ được người vợ của Bà-la-môn này nên đến trước nhà đó gặp lúc bà ta đang nấu ăn, bà thấy tôn giả đứng gần đó liền nói: "muốn xin thức ăn à, cho dù ông cố sức mở to mắt như cái bát cũng không có thức ăn", tôn giả liền mở to mắt như cái bát, bà ta lại nói: "Cho dù thân ông chia làm hai đoạn cũng không cho thức ăn", tôn giả liền hóa thân làm hai đoạn. Lúc đó đứa tớ gái liền nói: "Nếu giết Bí-sô thì phạm hình pháp sẽ bị đày khổ sai chung thân", bà ta kinh sợ muốn khiêng xác chết quăng xuống hầm, nhưng tôn giả nhập Diệt tận định nên bà ta không thể kéo đi được. Bà liền nắm chân tôn giả ân cần sám tạ, nguyện cầu tôn giả trở lại nguyên hình bà sẽ cúng dường theo ý muốn. Tôn giả liền trở lại nguyên hình, bà liền lấy bánh trong thẩu ra cúng, lúc bà đang lựa lấy cái bánh xấu để cúng thì bao nhiêu bánh trong thẩu đều ra theo tay bà, bà hỏi tôn giả: "Ông muốn lấy hết thẩu bánh hay sao?", tôn giả nói: "Đồng phạm hạnh của tôi rất đông, nếu bà đích thân mang bánh đến cúng thì rất tốt". Bà liền mang bánh đến nhà trưởng giả Cấp-cô-độc dang cúng Phật và Tăng mỗi vị một cái bánh nhưng bánh vẫn không hết, bà thấy việc này rồi sanh lòng kính tín khen là việc chưa từng có, tôn giả liền nói pháp khiến bà chứng được sơ quả, khi bà trở về nhà thấy thẩu bánh vẫn còn nguyên. Lúc đó người chồng dắt con trở về thấy bà khác trước, việc làm cũng khác thường bèn nói kệ:

"Chí em trước ngông cuồng,
Do đâu nay có khác,
Anh xem việc em làm,
Không giống như trước đây".

Người vợ đáp:

"Xưa không phải em cuồng,
Nay cũng không ý khác,

Chỉ nhờ Thế tôn dạy,
Kiến đế chứng Dự lưu".

Người vợ liền kể lại sự việc trên, người chồng nghe rồi khen là việc chưa từng có sanh tâm tín kính, liền đến trong rừng Thệ-đa thỉnh Ô-đà-di và Phật cùng Tăng sáng mai đến nhà thọ thực… Phật và Tăng thọ trai xong trở về trú xứ, Ô-đà-di ở lại nói pháp yếu khiến người chồng cũng được Kiến đế…

11. Đồng niên: Trong thành Thất-la-phiệt có năm trăm người con của các Bà-la-môn, đến ngày tiết hội mỗi người đều mang thức ăn đến trong Viên lâm ăn uống vui chơi. Lúc đó Ô-đà-di quán biết mình có thể hóa độ được các đồng niên này nên đến chỗ các đồng niên này đang vui chơi, mọi người thấy Ô-đà-di đến liền nói với nhau: "Bí-sô này từ chủng tộc nào xuất gia", một người trong bọn nói: "Vị này thuộc dòng Bà-la-môn bỏ dòng tộc cao quý làm sa môn", mọi người nghe rồi liền hỏi tôn giả: "Ông là con của vị đại thần thuộc dòng tộc cao quý, tại sao lại bỏ, xuất gia vào trong giới tạp loại ở chung với hạng người thấp kém, ăn không lựa chọn, ngồi không có thứ lớp", tôn giả nói: "Bà-la-môn của thế gian có danh mà không có nghĩa, người mà tôi nương tựa là bậc Đại sư vô thượng, còn các Thánh chúng thì có thể trừ được tội ác, đây mới chính là Bà-la-môn chơn thật". Các đồng niên nghe rồi liền vỗ tay cười, Ô-đà-di liền dùng thần lực biến tràng hoa trên đầu của họ thành xâu hành tỏi, bánh biến thành da bò, thức ăn ngon biến thành thịt bò, sữa và nước uống biến thành rượu đều là những món mà Bà-la-môn không ăn được; còn trong bát của tôn giả đều là thức ăn thanh tịnh. Tôn giả nói: "Các ngươi xem giữa ta và các ngươi ai là thanh tịnh, ai là ăn không chọn lựa", các đồng niên nghe rồi liền nói với nhau: "Tôn giả đó đã dùng thần lực biến hóa ra như thế, chúng ta nên đến sám tạ", nói rồi liền cùng nhau đến đảnh lễ và bạch rằng: "Thánh giả, chúng con ngu si vô ý thức, ỷ dòng họ của mình nên nói ra lời thô ác xúc phạm thánh giả, cúi xin Thánh giả từ bi cho chúng con sám tạ", liền nói kệ:

"Da thịt, máu, tiện lợi,
Khổ vui, căn không khác,
Đều đồng thân cấu uế,
giai cấp khác gì.
Nếu thân lìa cấu uế,
Miệng cũng không phạm tội,
Người mà tâm thanh tịnh,
Chơn thật Bà-la-môn.

Pháp thắng diệu trang nghiêm,
Tu phạm hạnh điều phục,
Trừ được các nghiệp ác,
Chơn thật Bà-la-môn".

Ô-đà-di nghe kệ rồi, biết căn cơ của các đồng niên này đã thuần thục liền nói pháp yếu khiến cho năm trăm đồng niên này ngay nơi chỗ ngồi đoạn trừ phiền não được Kiến đế, lúc đó thân và thực ăn ở chỗ họ đều trở lại thanh tịnh như cũ…

12. Bát: Trong thành Thất-la-phiệt có một Bà-la-môn giỏi chú thuật nhưng không tin Tam bảo, thường dùng sức chú thuật để sai khiến quỷ thần đánh xe đưa ông đi theo ý muốn. Lúc đó Ô-đà-di quán biết mình có thể hóa độ được Bà-la-môn này nên đến trước nhà ông, thấy ông đang chú thuật sai khiến quỷ thần đánh xe đưa ông đi, lúc xe dừng lại để cho ông ta xuống đi tiểu, Ô-đà-di khiến ông ta tiểu mãi rồi giải chú thuật thả cho quỷ thần đi, khi Bà-la-môn trở lại thì không còn có quỷ thần đánh xe cho ông nữa, dù ông chú thuật cũng không hiệu nghiệm. Bà-la-môn biết là do Ô-đà-di làm nên nói: "Do ông giải thần chú nên không còn ai đánh xe cho tôi nữa, làm sao đây?", Ô-đà-di mở bình bát bảo ông nhìn vào trong bát rồi nói: "Bát này sẽ là người cấp thị cho ông, tùy ông muốn gì trong bát liền hiện ra như thế ấy", Bà-la-môn nghe rồi liền thử nghiệm, vừa nghĩ đến thức ăn trăm vị thì các món ăn đó đều hiện ra trong bát, Bà-la-môn thấy rồi khen là việc chưa từng có liền nói với Ô-đà-di: "Đây là diệu thuật, xin Thánh giả ban cho con", tôn giả liền nói kệ:

"Minh chú không cho người,
Dùng chú đổi mới cho,
Có lúc được cung cấp,
Lúc được nhiều của báu,
không được như vậy,
Chết cũng không truyền trao".

Bà-la-môn nghe kệ rồi nói: "Con không có diệu thuật dùng để trao đổi, cũng không có của báu để cung phụng, chỉ dùng thân này cung cấp hầu hạ, xin Thanh giả thương xót ban minh chú cho con", tôn giả nói: "Nếu ông muốn được minh chú thì hãy ở trong pháp luật khéo giảng nói của Như lai xuất gia", Bà-la-môn vì muốn được Minh chú nên nghe lời xuất gia, xuất gia rồi liền đòi minh chú, tôn giả nói: "Ông hãy nghe nghĩa của minh chú: Các hành đều vô thường, các pháp đều vô ngã, Niết-bàn chơn tịch diệt, minh chú ở trong bát này, nếu ông trong ba đêm siêng năng tư duy cú nghĩa,

chắc chắn sẽ hiệu nghiệm". Bà-la-môn này vì mong cầu thần nghiệm nên suốt trong ba ngày đêm nỗ lực tư duy cú nghĩa, cuối cùng hiểu thấu diệu lý nguồn chơn, đoạn trừ các hoặc chứng quả A-la-hán. Chứng quả rồi người đệ tử này vội đến chỗ thầy đảnh lễ bạch rằng: "Bạch thầy, nay con thật được minh chú vô thượng, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, không còn thọ thân sau, biết đúng như thật". Ô-đà-di nói: "lành thay, thầy là người chơn chánh báo ân Phật, mình người đều được lợi, không còn luân hồi trong ba cõi nữa".

13. Tương phốc nhơn: Có một tráng sĩ từ phương Nam đến nước trung phương tìm người đấu sức, khi đến cửa thành Thất-la-phiệt liền cởi áo vỗ đùi rao lên rằng: "Tôi từ phương Nam đến, muốn tìm người đấu sức, nếu ai có khả năng thì cùng tôi đấu sức", lúc đó trong thành không ai dám đối địch. Ô-đà-di quán biết mình có thể hóa độ được tráng sĩ này nên đến chỗ tráng sĩ nói: "Ông muốn tìm người đấu sức phải không?", đáp phải, Ô-đà-di nói: "Tôi sẽ đấu sức với ông nhưng tôi giao hẹn hễ tôi đánh được thì ông cũng phải đánh được", tráng sĩ liền nói: "hễ ông đánh được thì tôi cũng đánh được", Ô-đà-di nói: "Sợ ông không đương nổi", tráng sĩ nói: "Chờ khi đối địch mới biết ai mạnh yếu", Ô-đà-di nói: "Tham sân si là ba điều tôi đã hàng phục được, ông hãy thử xem có đánh bại được chúng hay không?", tráng sĩ nói: "Ba điều đó có sức mạnh áp đảo được mọi người, tôi làm sao địch lại được", Ô-đà-di nói: "Ông phải xuất gia mới địch lại được chúng". Tráng sĩ liền xuất gia nỗ lực tư duy hàng phục ba độc, không bao lâu sau đoạn hết kiết hoặc chứng quả A-la-hán, chứng quả rồi liền đến chỗ Ô-đà-di bạch rằng: "Đại sư, con đã hàng phục được ba độc". Như vậy tổng cộng mười ba việc Bí-sô Ô-đà-di ở trong thành Thất-la-phiệt đã giáo hóa mười tám người đều được giải thoát.

Lúc tôn giả Ô-đà-di hóa độ người vợ bạo ác của Bà-la-môn nói pháp khiến cho hai vợ chồng đều được Kiến đế, họ xin được trọn đời cúng dường tứ sự, tôn giả từ chối không nhận nên người vợ của Bà-la-môn nguyện xin làm chỗ ngồi dành riêng cho tôn giả ngồi thọ thực sau mỗi lần khất thực, tôn giả nhận lời. Thời gian sau bà lâm bịnh, trước khi chết bà dặn dò con trai và con dâu không được dẹp bỏ chỗ ngồi dành cho tôn giả Ô-đà-di ngồi thọ thực. Người mẹ qua đời được một thời gian thì người con trai vì đi đến phương khác kinh doanh nên để người vợ ở lại nhà, người vợ này do dục tâm hừng thạnh nên cùng tướng soái giặc tư thông. Tôn giả Ô-đà-di mỗi lần đến nhà đó vào chỗ ngồi đã dành sẵn cho mình ngồi thọ thực liền quán biết người vợ đó dục tâm hừng thạnh, nên thường nói pháp mục đích giúp bà ta lìa dục. Người vợ này biết được dụng ý của tôn giả, sợ khi chồng bà

ta trở về, tôn giả sẽ nói lại cho chồng biết nên bà nghĩ cách giết chết tôn giả. Sau đó bà kể lại nỗi lo sợ của mình và nói với tướng soái giặc: "Nếu Bí-sô này sống thì em chết", rồi giả vờ đau bảo người hầu đến mời tôn giả Ô-đà-di đến cho bà gặp mặt, tôn giả nghe tin không kịp quán sát vội đến nhà bà ta, lúc đó tướng soái giặc sợ bị lộ việc vụng trộm của mình nên cầm dao giết chết tôn giả, đem thi hài bỏ nơi đống phân. Hôm đó là ngày bố tát, tất cả Bí-sô đều tập họp chỉ thiếu mỗi một Ô-đà-di, Thế tôn được niệm không quên liền bảo Đại chúng: "Trong số những vị giáo hóa hữu tình, Ô-đà-di là bậc nhất. Nay cụ thọ ấy đã bị người giết đem bỏ nơi đống phân, các thầy hãy làm lễ trưởng tịnh", các Bí-sô trưởng tịnh xong, Phật liền bảo các Bí-sô đến chỗ Ô-đà-di bị giết để cúng dường lần cuối. Đêm đó Phật và đại chúng ra đến cửa thành, phóng ánh sáng chiếu khắp thành ấp, cửa thành tự mở, mọi người tưởng trời đã sáng nên đều thức dậy, chỉ có người tuần tra ban đêm là biết trời chưa sáng. Vua Thắng quang và phu nhơn… cũng đang kinh ngạc thì nghe môn nhơn vào tâu là Phật và Thánh chúng ra đến cửa thành, vua liền ra lịnh quần thần cùng phu nhơn và các cung nhơn ra đến cửa thành, đảnh lễ Phật rồi hỏi rõ nguyên do, Phật nói: "Trong số những vị giáo hóa hữu tình thì Ô-đà-di là bậc nhất, nay đã bị người giết đem xác bỏ nơi đống phân, ta cùng đại chúng muốn đến làm lễ trà tỳ cúng dường xá lợi". Vua nghe rồi liền cho trang trí xe tang bằng bốn báu, cùng phu nhân và quần thần tháp tùng theo Phật đến chỗ đó, đem thi thể của tôn giả rửa sạch bằng nước thơm rồi để trên xe tang bốn báu rồi cùng tiễn đưa đến chỗ trà tỳ có cờ phướn, kỹ nhạc với hương trầm nghi ngút, đại chúng tụng kinh vô thường xong châm lửa hỏa thiêu thu lấy xá lợi để trong bình vàng rồi xây tháp ở ngã tư đường cúng dường. Sau đó tất cả mọi người đều trở về trú xứ của mình, Phật bảo các Bí-sô: Do đi phi thời nên mới chiêu lấy lỗi lầm này, nay ta chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô phi thời vào trong thôn xóm, phạm Ba-dật-đề-ca".

Sau đó các Bí-sô có trách nhiệm khán bịnh vì phi thời không được vào thôn xóm nên không thể đi nuôi bịnh, Bí-sô thọ sự cũng không thể đi lo việc của Tăng, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Nên dặn lại cho Bí-sô biết rồi đi, nên dặn như sau: Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi có nhơn duyên thăm nuôi bịnh hoặc lo việc của Tăng nên phi thời vào trong thôn xóm, bạch cụ thọ biết cho. Vị được dặn nên đáp là Áo tỷ da.".

Sau đó lại có Bí-sô gởi y bát trong nhà thế tục, phi thời bị lửa cháy, Bí-sô vội chạy đến để lấy lại y bát, giữa đường sực nhớ là chưa dặn lại Bí-sô nên không dám đi nữa bèn trở về, lúc đó y bát đều bị cháy hết, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói trừ nhân duyên rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng

chế, bây giờ là tùy khai, nên nói lại học xứ này như sau: "Nếu lại có Bí-sô phi thời vào trong thôn xóm mà không dặn lại Bí-sô khác thì phạm Ba-dật-đề-ca, trừ nhân duyên".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho người trong pháp luật này. Phi thời là từ quá ngọ cho đến sáng hôm sau khi mặt trời chưa mọc. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô lúc phi thời khởi tưởng là phi thời và nghi thì phạm Đọa; nếu là thời mà tưởng là phi thời và nghi thì Ác-tác, các trường hợp khác đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Sau khi phu nhơn Thắng man biết được chính tướng soái giặc đã giết chết Bí-sô Ô-đà-di liền tâu vua cho quân đi bắt giặc để bảo hộ các Bí-sô khác, vua liền ra lịnh cho Hữu-ty đem quân đi bắt giặc. Bắt được tướng soái giặc rồi vua liền ra lịnh bỏ vào chảo dầu sôi để giết chết, các đồng bọn đều bị chặt tay, người nữ cùng tướng soái giặc tư thông đã hãm hại Ô-đà-di thì xử tội chết ngũ mã phanh thây. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, tướng soái giặc kia đã tạo nghiệp gì mà giết chết Ô-đà-di để chịu tội chết khốn khổ. Người nữ tư thông kia và các giặc đồng bọn cũng đều bị nhục hình?". Phật bảo các Bí-sô: "Do nhà vua cùng tất cả những người trong cuộc kia đời trước đã tự tạo nghiệp, nay trở lại tự thọ. Các thầy lắng nghe: Thuở xưa ở thành Ba-la-nê-tư có vua tên là Phạm ma đạt đa, đại thần của vua là người thông minh hiểu rộng có năm trăm đệ tử, ví tham lợi nên tâu với vua rằng: "Thần nằm mộng thấy trong mười hai năm trời sẽ không mưa, quốc độ rối ren, dân chúng đói khổ, vương vị sẽ nguy khốn", vua nghe rồi liền hỏi phương cách tránh tai ương, đại thần nói: "Nên giết năm trăm con bò cúng tế giống như đại hội thiết cúng của Bà-la-môn thì có thể tránh được tai ương", vua liền ra lịnh tập trung năm trăm con bò lại một chỗ, bò rống kêu thảm thiết khiến nhà vua động lòng bi liền hỏi đại thần: "Phải giết cả bầy bò này hay sao?", đại thần nói: "Trong bầy bò này nếu khi sắp giết mà con nào cùng làm việc dâm dục thì giết chết con đó". Cứ như thế hễ đại thần nói bò này đáng chết thì năm trăm đệ tử đều nói là đáng chết, vợ của đại thần cũng nói là đáng chết thì con bò đó bị giết để cúng tế.

Này các Bí-sô, đại thần xưa kia chính là tướng soái giặc, vợ của đại thần chính là người nữ cùng tư thông, năm trăm đệ tử của đại thần chính là các giặc đồng bọn. Hai con bò bị giết xưa kia chính là vua Thắng quang và phu nhơn Thắng man, xưa bị chúng giết nên nay giết chúng trở lại. Tất cả loài hữu tình đã tự tạo nghiệp thì quả báo không mất, tuy trải qua trăm kiếp,

khi nhân duyên hội họp thì trở lại thọ quả báo. Vì vậy các thầy nên tu phẩm thiện chớ tạo nghiệp ác. Này các Bí-sô, Ô-đà-di trước kia đã tạo nghiệp gì mà nay bị người giết chết rồi bị đem bỏ nơi đống phân? Thuở xưa, trong một thôn nọ có một thợ săn thường săn bắt cầm thú làm kế sinh nhai, lúc đó có một vị Độc giác du hành đến trong khu rừng đó nương ở khiến cho người thợ săn này không săn bắt được cầm thú như trước được nữa nên muốn tìm hiểu nguyên nhân vì sao. Lúc đó thợ săn tìm thấy dấu chân người liền noi theo dấu chân đến chỗ vị Độc giác đang ngồi tĩnh tọa, thợ săn suy nghĩ: "Chính là do người này nên khiến ta không săn bắt được cầm thú", nghĩ rồi liền tra mũi tên độc vào cung bắn vào chỗ hiểm của vị Độc giác. Vị Độc giác liền bay lên hư không biến hiện mười tám cách, thọ săn thấy rồi đảnh lễ cầu sám tạ, Độc giác thương xót nhận kia sám tạ rồi mạng chung, thợ săn trà tỳ nhục thân của Độc giác rồi thu lấy xá lợi xây tháp cúng dường và phát nguyện: "Nguyện nhờ công đức cúng dường này khiến đời sau không thọ báo địa ngục, sẽ gặp được bậc Đại sư thù thắng để thừa sự cúng dường".

Này các Bí-sô, thọ săn xưa kia chính là Ô-đà-di xưa kia giết người nên trở lại bị người giết. Lại nữa Ô-đà-di này đời trước đã tạo nghiệp gì được chứng quả A-la-hán thừa sự nơi ta lại bị người giết chết rồi còn đem bỏ nơi đống phân, Phật cùng Tăng chúng, vua và đại thần, phu nhơn và các cung nhơn cùng sĩ thứ trong thành đều đến tiễn đưa đến chỗ hỏa thiêu rồi thu lấy xá lợi xây tháp cúng dường như thế? Thuở xưa có một người thợ gốm thấy một vị Độc giác thân mang bịnh tật đến khất thực liền xua đuổi kéo ra nơi đống phân, vị Độc giác do nhân duyên này mà mạng chung. Lúc đó có một vị Độc giác khác đi ngang qua trên không trung thấy thi hài của vị độc giác này nên hiện thân xuống dùng hương hoa cúng dường. Người thợ gốm sau khi biết đó là vị Độc giác liền tự hối trách, biết mình không có khả năng hỏa thiêu như pháp nên đến tâu vua làm lễ trà tỳ. Vua nghe vị Độc giác Niết-bàn phi lý như vậy nên ra lịnh cho quần thần và hậu cung thể nữ cùng sĩ thứ trong thành mang hương hoa đến cúng dường. Lễ trà tỳ xong, người thợ gốm làm cái bình màu vàng đựng cốt của vị độc giác rồi đến ngã tư đường xây tháp thờ và phát nguyện: "Nguyên nhờ công đức cúng dường này khiến cho đời sau không sanh vào cõi Nại-lạc-ca, được gặp bậc đại sư thù thắng, thân thừa sự thánh giáo không có nhàm chán, chứng được thần thông tự tại".

"Này các Bí-sô, người thợ gốm xưa kia chính là Ô-đà-di, do dư báo của ác nghiệp xưa nên trong năm trăm đời thường bị người giết rồi đem bỏ nơi đống phân. Nhờ diệu lực phát nguyện xưa kia nên nay được gặp ta

thành tựu quả A-la-hán; lại nhờ công đức cúng dường ngày xưa nên nay sau khi Niết-bàn được Ta cùng đại chúng, vua và quần thần đến làm lễ trà tỳ cúng dường. Lại do duyên gì trong số những người giáo hóa hữu tình, Ô-đà-di là bậc nhất vì vào thời quá khứ lúc Phật Ca-diếp-ba ra đời, Ô-đà-di xuất gia trong giáo pháp của Phật là bậc đại pháp sư khéo nói pháp giáo hóa hữu tình có vô lượng ức số. Do nghiệp lực xưa nên nay là bậc nhất trong số những người giáo hóa hữu tình. Vì vậy các Bí-sô, nên quán sát quả báo thiện ác như bóng theo hình không mất, các thầy nên siêng tu nghiệp thiện, từ bỏ ác hạnh, nên học như thế".

Nhiếp Tụng Thứ Chín:
Ăn, minh tướng nay biết,
Ống kim, lượng chân giường,
Dồn bông và tọa cụ,
Ghẻ, mưa, y Đại sư.

Học Xứ Thứ Tám Mươi Mốt: ***TRƯỚC VÀ SAU BỮA ĂN ĐẾN NHÀ NGƯỜI KHÁC KHÔNG DẶN LẠI***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, trong thành này có một trưởng giả giàu có thọ dụng dư dã, lúc đó Ô-ba-nan-đà khất thực đến nhà ông, trưởng giả đem cơm ra cúng thí, Ô-ba-nan-đà liền nói về người thí được năm công đức: Sống lâu, sắc đẹp, sức khỏe, an lạc và tài ăn nói. Trưởng giả nghe rồi sanh hoan hỉ đảnh lễ và xin quy y Tam bảo thọ trì năm học xứ. Vào một ngày khác Ô-ba-nan-đà lại đến nhà trưởng giả, trưởng giả nói: "Thánh giả, nay tôi muốn thỉnh Phật và Tăng về nhà thọ thực, xin Thánh giả bạch Phật", Ô-ba-nan-đà trở về trú xứ nhơn danh trưởng giả thỉnh Phật và Tăng. Đến ngày thọ thỉnh vào sáng sớm Ô-ba-nan-đà đến nói với trưởng giả: "Tôi có duyên sự tạm đến nhà khác trước, nếu tôi không đến ông khỏi phải dọn thức ăn", nói rồi bỏ đi. Đến giờ Phật và Tăng đến nhà trưởng giả, các Bí-sô bảo ông xướng tùy ý, trưởng giả lại nói rằng: "Tôi đã vì đại chúng sửa soạn đầy đủ tất cả rồi", Phật nói: Như vậy tức là thành xướng tùy ý rồi", nhưng Phật và Tăng ngồi đã lâu, sắp đến giờ ngọ mà trưởng giả không dâng thức ăn cúng dường, Phật bảo A-nan-đà: "Thầy nên nhắc trưởng giả giờ thọ thực đã đến", A-nan-đà liền nhắc trưởng giả, trưởng giả nói: "Thánh giả, Ô-ba-nan-đà chưa đến", A-nan-đà nói: "Nếu Ô-ba-nan-đà không đến thì không dọn thức ăn ra dâng cúng hay sao?", trưởng giả nói đúng vậy, A-nan-đà bạch Phật, Phật nghe rồi liền nói kệ:

"Hệ thuộc người đều khổ,

Tự do mới an vui,
Kiêm việc có thiếu sót,
trí không nên làm".

Sắp qua giờ ngọ Ô-ba-nan-đà mới đến, lúc đó trưởng giả mới dọn thức ăn ra dâng cúng nên có Bí-sô ăn được một ít, có Bí-sô không ăn kịp miếng nào vì qua giờ ngọ. Phật nói kệ bố thí rồi cùng đại chúng ra về, Ô-ba-nan-đà ở lại nhà trưởng giả không về chùa cùng chúng tăng làm lễ bố tát, cũng không gởi dục đến khiến chúng tăng ngồi lâu mỏi mệt, lúc đó các Bí-sô đều chê trách rằng: "Tại sao Bí-sô thọ nhà người thỉnh thực trước bữa ăn không đến sớm, ăn rồi cũng không về mà ở lại lâu trong nhà thế tục", sau đó bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô thọ nhà người thỉnh thực, trước và sau bữa ăn lại đi đến nhà người khác thì phạm Ba-dật-để-ca".

Sau đó có Bí-sô nuôi bịnh và Bí-sô thọ sự trước và sau bữa ăn không dám đi nên phế bỏ công việc của mình, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: "Nếu lại có Bí-sô thọ nhà người thỉnh thực, trước và sau bữa ăn lại đến nhà người khác mà không dặn dò lại thì phạm Ba-dật-để-ca".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà.

Trước bữa ăn là trước giờ ngọ, nếu ghé qua hai nhà thì phạm Đọa; Sau bữa ăn là sau giờ ngọ, nếu ghé qua ba nhà thì phạm Đọa.

Không đặn lại là không dặn lại thí chủ:

Tôi đến nhà đó; hoặc không dặn lại Bí-sô: Tôi đến nhà đó.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô thọ nhà người thỉnh thực, trước bữa ăn ghé qua hai hà, sau bữa ăn ghé qua ba nhà mà không dặn lại thì phạm Đọa. Nếu Bí-sô này không phải là người đại diện cho thí chủ thỉnh thực thì không phạm; Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 44

Học Xứ Thứ Tám Mươi Hai: ***VÀO CỬA CUNG VUA***

Tổng Nhiếp Tụng:

Trước hết hai Nan-đà,
Bảy ngày và Thiện dữ,
Năm người bốn hy hữu,
Thắng man chỉ bảo vua,
Hai thành có thạnh suy,
Nguyệt-quang khuya bạch vua,
Tiên-đạo xuất gia rồi,
Ảnh-thắng hỏi kệ tụng,
Đảnh-kế hại mạng cha,
Sẽ đọa trong Vô gián,
Nghe lời hai nịnh thần,
Báng không có La hán
Hai thần mang báu đi,
Bụi cát đầy khắp thành,
Đại thần đem nữ nam,
Đều giao cho sư chủ,
Cám-nhan đi theo thầy,
Nhân duyên của Tiên-đạo,
Duyên Thiện tài xây chùa,
Chuẩn-đà luận bảy phước,
Tráng sĩ Khoáng-dã-thủ,
Cám-dung chứng Bất hoàn,
Vô tỷ, người xỏ kim,
Trình bày việc Sư tử,
Hai người nói thiện ác,
Cám-dung đều bị thiêu,

Khúc tích cúng tăng nhơn,
Vào vương cung sau cùng.

1. Hai Long vương Nan-đà và Ô-ba-nan-đà: Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên ở dưới gốc cây hoặc nơi Lan-nhã… hoặc chỗ đất trống hoặc nơi rừng thây chế… ở những chỗ như thế phải loại bỏ ngoại duyên, chánh tâm tĩnh lự để đoạn trừ phiền não, chớ có buông lung sau sẽ hối hận, đây là lời giáo giới chân thật của ta". Sau đó có một Bí-sô được thế tục thông bèn lên núi Diệu cao tĩnh lự, bên dưới núi Diệu cao này từ Kim luân cho đến đáy biển có tám vạn Du thiện na, từ mặt nước biển lên cao cũng như vậy; bốn bên núi, mỗi bên đều có hai ngàn Du thiện na. Hình dạng núi oai nghiêm hùng vĩ trời người đều thích ngắm nhìn, bên trên có ba mươi ba cung trời do bốn báu tạo thành, phía Đông là thủy tinh, phía Nam là phệ lưu ly, phía Tây là bạch ngân, phía Bắc là huỳnh kim. Dưới núi là biển, trong biển có cung điện của Long vương cũng do bốn báu tạo thành, thọ dụng đầy đủ, có hai Long vương Nan-đà và Ô-ba-nan-đà nương ở, mỗi Long vương đều có tám vạn bốn ngàn rồng làm quyến thuộc. Dù là vua của loài Kim súy điểu cũng không thể hại được hai Long vương này, thức ăn uống của hai Long vương đồng với chư thiên nhưng vì do tham ái nên mỗi con dùng thân hình của mình quấn quanh núi bảy vòng và ngẩng đầu lên, lúc đó hai Long vương suy nghĩ: "Tất cả đồ thọ dụng đều do phước nghiệp của ta chiêu cảm được". Hai Long vương này do tâm ganh ghét não hại nên mỗi ngày ba lần phun hơi độc khiến cho tất cả cầm thú trong vòng hai trăm năm mươi Du thiện na bị hơi độc này mà chết, các Bí-sô tu tĩnh lự trên núi cũng bị hơi độc này làm cho da thịt biến sắc trở nên vàng vỏ, Long vương phun hơi độc rồi liền ngủ mê. Như Phật đã dạy các Bí-sô mỗi nửa tháng tụ họp làm lễ trưởng tịnh, cho nên các Bí-sô này đến tập họp để trưởng tịnh, các Bí-sô trú xứ vừa gặp liền hỏi: "Vì sao da vẻ của các thầy trở nên vàng vỏ như thế?", các Bí-sô tu tĩnh lự này liền đem sự việc trên kể lại, các Bí-sô trú xứ nghe rồi liền nói: "Rồng gây não hại như vậy tại sao không điều phục nó?", các Bí-sô tu tĩnh lự nói: "Chỉ có Phật và các bậc đại Thanh văn mới có thể điều phục được rồng, chúng tôi không thể". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật liền suy nghĩ: "Trong các đệ tử của ta ai có thể hàng phục được hai rồng này", Phật quán biết chỉ có Đại Mục-kiền-liên mới hàng phục được liền bảo Mục-liên đến núi đó hàng phục hai rồng này, Đại Mục-kiền-liên vâng lời Phật dạy liền nhập định, biến mất ở thành Thất-la-phiệt rồi hiện thân ở trên núi Diệu cao kinh hành trên thân của hai Long vương nhưng hai Long vương đang ngủ mê không hay biết. Lúc đó tôn giả suy nghĩ: "Có hai

cách hàng phục được rồng, một là làm cho chúng nổi giận, hai là làm cho chúng hoảng sợ. Nếu ta làm cho chúng nổi giận thì châu Thiệm bộ này sẽ bị chấn động, ta nay nên làm cho chúng hoảng sợ", nghĩ rồi tôn giả liền hóa làm con rồng lớn gấp ba lần hai Long vương quấn bên ngoài hai Long vương bảy vòng rồi ngẩng đầu lên. Hai Long vương cảm thấy thân mình nặng bèn thức dậy, thấy thân con rồng kia quá lớn nên hoảng sợ không biết phải làm sao liền suy nghĩ: "Chỗ ở này đã bị kẻ khác chiếm đoạt rồi", nghĩ rồi liền hóa thành thân nhỏ bé trốn đi, vừa ra khỏi Long cung liền gặp tôn giả Đại Mục-kiền-liên đứng ở phía trước hỏi muốn đi đâu, hai Long vương nói: "Có một con rồng rất lớn chiếm lấy Long cung muốn hại chúng tôi nên chúng tôi muốn trốn đi nơi khác", tôn giả nói: "Ta vừa vào trong Long cung của ngươi sao không thấy", hai Long vương nói: "Chính chúng tôi trông thấy nó mà", tôn giả nói: "Hai ngươi hãy trở lại đó chỉ cho ta xem", hai Long vương nói: "Thánh giả muốn nó giết chúng tôi sao?", tôn giả nói: "Ta cùng đi, nó không dám giết hại hai ngươi đâu". Hai rồng cùng tôn giả trở lại trú xứ chỉ thấy Long cung trống, không có rồng nào cả, hai Long vương liền hỏi: "Há chẳng phải Thánh giả thấy chúng tôi kiêu mạn hung bạo nên biến hiện ra như thế để khủng bố chúng tôi hay sao?", tôn giả nói: "Cũng có thể như thế", hai rồng hỏi: "Do duyên gì Thánh giả đến đây?", tôn giả nói: "Hai Long vương lắng nghe: quá khứ hai ngươi đã tạo ác nghiệp nên nay đọa trong loài bàng sanh; đã thọ ác báo này lại còn khởi tâm ác phun hơi độc não hại hữu tình, sau khi bỏ thân này trừ cõi Nại-lạc-ca sẽ không thọ sanh vào cõi nào khác", hai Long vương đảnh lễ rồi nói: "Vậy chúng tôi nên làm thế nào?", tôn giả nói: "Hai ngươi nên quy y Tam bảo thọ trì năm học xứ, đối với các loài cầm thú nương ở chung quanh núi Diệu cao này hai ngươi nên khởi tâm bố thí vô úy, khiến chúng không sợ hãi nữa", hai Long vương nói: "Chúng tôi ngu si không có huệ giác, may nhờ Thánh giả cứu vớt khỏi bể khổ, chúng tôi từ nay xin nghe theo lời dạy bảo của Thánh giả quy y Tam bảo và thọ trì năm học xứ, bỏ tâm sân độc đối với chúng hữu tình không làm cho khổ não nữa". Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hàng phục được hai rồng rồi định trở về bổn xứ thì hai rồng bạch: "Chúng con nhờ Thánh giả cứu vớt ra khỏi bến mê, nay Thánh giả trở về cho chúng con kính lời thăm hỏi Thế tôn có được ít bịnh, ít não, khinh an không, cúi xin Thế tôn từ bi khi các Bí-sô, Bí-sô ni thọ thực xong tụng kệ Phước hãy gọi tên chúng con để cứu vớt chúng con bỏ ác nghiệp này sẽ sanh vào cõi lành", tôn giả nhận lời bạch giúp hai rồng rồi liền biến mất ở núi Diệu cao, như tráng sĩ co duỗi cánh tay hiện trở lại ở rừng Thệ-đa đến chỗ Thế tôn đảnh lễ bạch Phật: "Thế tôn, con đã hàng phục được hai rồng Nan-đà và Ô-

ba-nan-đà rồi, chúng cũng đã thọ Tam quy và năm học xứ nên đối với các hữu tình chung quanh núi Diệu cao đều khởi tâm từ bi. Hai Long vương nhờ con kính chuyển lời thăm hỏi Thế tôn có được ít bịnh… như đoạn văn trên cho đến câu được sanh vào cõi lành", Phật nghe rồi khen rằng: "Lành thay, hai Long vương đã sanh tâm nhàm lìa", Phật liền bảo các Bí-sô: "Từ nay về sau, các Bí-sô, Bí-sô ni mỗi khi ăn xong nên nói kệ Đạc-kỳ-noa, xưng tên của hai Long vương chú nguyện khiến bỏ cõi ác sanh vào cõi lành. Nên làm như thế, nếu không y theo thì phạm Ác-tác". Kể từ đó hai Long vương mỗi tháng vào ngày mồng tám, rằm và cuối tháng nếu là ban ngày thì biến hình người, nếu là ban đêm thì giữ nguyên hình trạng rồng để đến chỗ Thế tôn nghe pháp. Mỗi lần từ núi Diệu cao đến thành Thất-la-phiệt, Long vương đều bố trí Long binh ở tả hữu hai bên đường khắp trong hư không làm thị vệ. Lúc đó là vào ban ngày nên hai Long vương biến thành hai trưởng giả đến chỗ Phật nghe pháp, vua Thắng quang lúc đó cũng đến chỗ Phật… duyên khởi giống như trong giới năm mươi tám, chỉ khác tên của nhà vua là Thắng quang và tên của hai Long vương này là Nan-đà và Ô-ba-nan-đà, cho đến câu vua ra lịnh tả hữu: "Các người chờ hai trưởng giả đó ra về đến cửa ngỏ thì chém đầu cho ta". Các long binh trên hư không nghe biết nhà vua vì phẫn hận mà nói lời này đều giận dữ nói với nhau: "Chúng ta có thể đập tan núi Diệu cao, làm nghiêng đổ hết nước trong biển cả, nhà vua dựa vào đâu mà dám nói như thế", nói rồi các long binh nổi mây giáng xuống mưa đá và sấm chớp, dao kiếm khắp trong hư không chực chờ rơi xuống. Lúc đó Thế tôn được niệm không quên liền bảo tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến cứu nguy cho vua Thắng quang và dân chúng trong thành. Tôn giả vâng lời Phật dạy liền nhập định Từ khiến cho mưa đá và dao kiếm trong hư không biến thành mưa hoa trời rơi xuống. Lúc đó vua Thắng quang vừa về đến cung thấy mưa hoa trời rơi xuống cho là hi hữu liền tập họp các phi hậu, vương tử, đại thần… nói rằng: "Ta vừa từ rừng Thệ-đa về đến thấy có vô số hoa trời rơi xuống, thất là hi hữu không biết do oai lực nào mà có?", cận thần a dua tâu rằng: "Đây là do đại vương như pháp giáo hóa, không làm điều ác khiến dân khổ sở nên chư thiên hoan hỉ mưa hoa xuống", vua nói: "Chính là do ta thường dùng pháp an dân nên phước lực được như vậy", các cung phi nói: "Do chúng tôi trinh thuận một lòng với quốc chủ nên chư thiên soi xét mà hiện điềm lành này", thái tử nói: "Do con biết hiếu dưỡng cha mẹ nên thần linh cảm ứng hiện điềm lành này", đại thần nói: "Do chúng tôi đều phụng lịnh giúp vua trị nước an dân nên được điềm lành này"… Nhà vua nghe rồi liền suy nghĩ: "Đây là việc hi hữu, ta nên đến thỉnh hỏi Thế tôn", nghĩ rồi vua liền mang một ít hoa trời

đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "Đại vương, hoa trời này chẳng phải do phước lực của đại vương, cũng chẳng phải do các cung phi, vương tử…. Mà chính là do sức oai thần của tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Nếu vừa rồi Mục liên không nhập định Từ biến mưa đá và dao kiếm trong hư không thành mưa hoa trời thì vua và bá tánh trong thành Thất-la-phiệt đều thành tro bụi. Do vậy vua và thần dân nên cúng dường Đại Mục-kiền-liên", vua nói: "Vì sao chỉ do phước lực của một Thánh giả Đại Mục-kiền-liên mà không phải do Thế tôn hay các đệ tử khác?", Phật nói: "Nếu vua nghi ngờ thì hãy trút số hoa trời xuống đất thì sẽ hiểu". Vua nghe lời trút hoa trời xuống đất, liền thấy hoa biến thành dao kiếm, vua kinh hoàng bạch Phật: "Thế tôn, các loại dao kiếm này từ đâu đến?", Phật nói: "Nhà vua còn nhớ trước đây không lâu, vua do tâm sân hận nên nói ra lời bạo ác là ra lịnh tả hữu giết chết hai Long vương nên các long binh nổi giận giáng mưa đá và dao kiếm xuống, nhờ Mục liên nhập định từ biến mưa đá và dao kiếm này thành mưa hoa trời rơi xuống", vua nói: "Thế tôn, con chưa hề gặp hai Long vương thì làm sao ra lịnh chém đầu cho được?", Phật nói: "Nhà vua không nhớ khi đến chỗ ta gặp hai trưởng giả đang nghe pháp, thấy nhà vua đến không đứng dậy chào hỏi nên vua sân giận, sau đó ra lịnh cho tả hữu chém đầu hai trưởng giả, hai trưởng giả đó chính là hai Long vương biến hình đến chỗ ta nghe pháp", vua nghe rồi liền nói: "Do con mắt thịt không biết thần long nên phạm lỗi, nay con nên làm thế nào?", Phật nói nên sám ma, vua nói: "Hai Long vương ở trên núi Diệu cao làm sao con sám tạ được", Phật nói: "Mỗi tháng vào những ngày mồng tám và ngày trưởng tịnh, hai Long vương đó đều đến chỗ ta nghe pháp, vua cũng nên đến, ta sẽ chỉ hai Long vương cho nhà vua sám tạ", vua hỏi: "Khi con sám tạ Long vương có cần đảnh lễ hay không?", Phật nói: "Vua chỉ cần duỗi tay hữu ra trước rồng nói rằng: Tôi đã nói lời thô ác xin hai Long vương dung thứ cho tôi, lúc đó hai Long vương sẽ dung thứ cho nhà vua". Sau đó đến ngày trưởng tịnh, hai Long vương biến hình người đến chỗ Phật, vua cũng đến, Phật liền hiện tướng cho vua biết, vua liền như lời Phật dạy đến trước hai rồng nói lời sám ma, lúc đó hai rồng nói: "Lành thay đại vương, chúng ta cùng dung thứ cho nhau".

2. Bảy ngày: Lúc đó vua Thắng quang muốn báo ân thánh giả Đại Mục-kiền-liên nên thỉnh Phật và Tăng cúng dường trong bảy ngày, Thế tôn im lặng nhận lời, nhà vua biết Phật đã nhận lời nên bảo các đại thần: "Ta duyên nơi thánh giả Đại Mục-kiền-liên nên thỉnh Phật và Tăng đến trong cung cúng dường trong bảy ngày. Các khanh nên dọn dẹp đường sá và trang nghiêm thành quách và lo liệu các bửa ăn thượng diệu để cúng dường". Sau

khi lo liệu mọi việc xong, nhà vua sai sứ đến thỉnh Phật và tăng, sáng sớm Phật đắp y mang bát cùng đại chúng đến cung vua ngồi vào chỗ thiết thực, nhà vua tự tay dâng cúng thức ăn, sau khi ăn xong Phật nói kệ phước thí và nói pháp cho vua nghe, cứ như thế cho đến bảy ngày.

Thời gian sau do trong cung phát hỏa nên một con voi lớn chết cháy, vua Thắng quang liền ra thông cáo cho quốc dân biết: "Từ nay về sau, ban đêm không được tự tiện đốt lửa, nếu ai trái phạm sẽ bị phạt sáu mươi kim tiền, không nộp tiền thì phải ngồi tù". Lúc đó các Bí-sô có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, hai Long vương Nan-đà và Ô-ba-nan-đà đã tạo nghiệp gì phải đọa trong loài bàng sanh; lại do tạo nghiệp gì mà cung điện đều do bốn báu tạo thành, thọ dụng thức ăn uống đồng như chư thiên, quyến thuộc có đến tám vạn bốn ngàn rồng, dù là vua của loài chim Kim súy điểu cũng không hại được?", Phật bảo các Bí-sô: "Hai Long vương này, những nghiệp đã tạo trở lại thọ lấy quả báo không ai thay thế được". Phật nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp, Nghiệp đã tạo không mất, Khi nhân duyên hội họp, Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy lắng nghe:

Trong Hiền kiếp xa xưa, lúc con người sống thọ hai vạn tuổi, Phật Ca-diếp-ba xuất hiện ở đời có đủ mười hiệu, lúc đó vua trị nước ở thành Ba-la-nê-tư tên là Ngật lật chỉ khiến đất nước giàu đẹp, dân chúng an vui. Hai đại thần dùng pháp và phi pháp giúp vua trị nước tên là Nan-đà và Ô-ba-nan-đà có người cháu ngoại tên là Vô ưu xuất gia trong giáo pháp của Phật Ca-diếp-ba, siêng năng tu tập không bao lâu sau đoạn tất cả hoặc chứng quả A-la-hán. Lúc đó Vô ưu thường đến chỗ hai cậu nói pháp khuyên ngăn không nên dùng phi pháp giúp vua trị nước, đời sau sẽ thọ quả báo ác, nhưng hai cậu không chịu nghe, nói rằng: "Thánh giả, pháp trị nước không thể chỉ dùng thuần là pháp mà cảm hóa người được", Vô ưu nói: "Nếu vậy hai cậu nên tu tập tư lương dành cho đời sau", hai cậu liền hỏi là làm việc gì, Vô ưu nói: "Nên tạo lập trú xứ cho Tăng", hai cậu nghe lời liền cho xây cất một ngôi chùa lớn cúng dường tăng bốn phương, cúng dường tứ sự đầy đủ, Bí-sô trong nước xem đồng như vương tử, Bí-sô ni xem đồng như cung phi. Nhưng vì hai đại thần này dùng pháp và phi pháp giúp vua trị nước nên có nghiệp ác phải đọa trong loài bàng sanh; nhờ có tạo lập chùa cho Tăng nên cung điện do bốn báu tạo thành; nhờ cúng dường tứ sự cho Tăng nên thọ dụng thức ăn uống đồng như chư thiên; do xem trong các Bí-sô, Bí-sô ni nên quyến thuộc có đến tám vạn bốn ngàn rồng, dù là vua của loài Kim súy điểu cũng không làm hại được.

Này các Bí-sô, nếu tạo nghiệp ác thì chịu quả báo ác; nếu tạo nhơn lành thì được quả báo lành, các thầy nên học như thế".

3. Thiện dữ: Trong thành Thất-la-phiệt có một trưởng giả tên là Thiện dữ giàu có, thọ dụng dư dã, tài sản sỡ hữu ngang bằng với Tỳ sa môn thiên vương. Trưởng giả này thánh không bỏn xẻn thương ra ân cứu giúp người nghèo khó nên được tên là Thiện dữ, lúc đó ông đến chỗ Phật đảnh lễ, nghe pháp rồi bạch Phật: "Thế tôn, xin Phật thương xót cúng chúng Tăng sáng mai đến nhà con thọ thực", Phật im lặng nhận lời, trưởng giả biết Phật nhận lời rồi liền đảnh lề ra về, ngay trong đêm đó lo liêu chu tất các món ăn thượng diệu, sáng ngày sai sứ đến bạch Phật đã đến giờ. Sáng sớm Thế tôn đắp y mang bát cùng đại chúng đến nhà trưởng giả, trưởng giả tự tay dâng cúng thức ăn, ăn xong Phật quán căn tánh sai biệt của hai vợ chồng trưởng giả nói pháp khiến ngay nơi chỗ ngồi đều được Kiến đế. Chứng quả dự lưu… Ngay ngày hai vợ chồng đắc quả, đêm đó bà vợ biết mình mang thai, từ đó hai vợ chồng hằng ngày thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực cho đến chín tháng trôi qua, Phật lại nói pháp khiến cho hai vợ chồng đều đắc quả Bất hoàn, đến ngày sanh, bà vợ hạ sanh con trai dung mạo đoan nghiêm ai nấy đều yêu mến… Cho đến câu tông thân nhất trí đặt tên cho hài nhi là thần thông vì ngày bé nhập thai là ngày cha mẹ đắc quả dự lưu, ngày bé chào đời là ngày cha mẹ đắc quả Bất hoàn. Trưởng giả giao hài nhi cho tám bà vú chăm sóc… Đồng tử Thần thông khôn lớn dung mạo càng đoan nghiêm đĩnh đạc. một hôm đồng tử đi ngang qua Vương thành, một cung nhơn trên lầu cao từ xa nhìn thấy sanh tâm ái nhiễm liền ném tràng hoa xuống chỗ đồng tử, thị vệ trông thấy liền tâu vua biết, vua nghe rồi nổi giận không kịp tra xét liền ra lịnh pháp quan bắt đồng tử xử tội chết.

Dân chúng trong thành biết đồng tử phi pháp chết uổng nên lớn tiếng kêu oan cho đồng tử, vua nghe được những lời kêu oan này liền suy nghĩ: "Do ta hấp tấp không tìm hiểu thật hư, các khanh và dân chúng hãy thứ lỗi cho ta". Lúc đó trưởng giả thấy con đã chết, niềm hy vọng nơi con cũng tiêu tán nên đem tất cả gia sản bố thí hết, chỉ để lại một kim tiền mua các phẩm vật bán ra được bốn tiền, hằng ngày lấy một tiền mua bột hương thoa chà nơi điện Phật, một tiền cúng thức ăn thường nhật cho tăng, một tiền dùng chi tiêu về y thực, còn một tiền làm vốn. Không bao lâu sau trưởng giả khánh tận, nếu có người đến xin thì chỉ cho thức ăn thô dở nên còn được gọi là Thiện dữ thô dở. Lúc đó trưởng giả đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật hỏi: "Lúc này ông vẫn còn thường bố thí hay sao?", trưởng giả bạch Phật: "Con vẫn thường bố thí nhưng vì lúc này nghèo khó nếu có cho chỉ cho đồ thô xấu", Phật nói: "Này trưởng giả, vật bố thí tốt hay xấu

đều được quả dị thục. Nếu người bố thí không có tín tâm, không sanh cung kính, không tự tay cho, không cho đúng lúc, không thanh tịnh thì dù vật thí tốt hay xấu vẫn không thể như trưởng giả được quả báo tùy ý thọ dụng. Người ấy đối với nhà cửa… Sắc thanh hương vị xúc mà tâm keo kiệt thì không thể thọ dụng, vì do không có lòng tin… Mà bố thí nên được quả báo như thế. Lại nữa vật bố thí tốt hay xấu nếu tâm tin tưởng, cung kính, tự tay cho, cho đúng lúc, đem vật thanh tịnh bố thí cho người đến xin thì được quả báo như trưởng giả tùy ý thọ dụng. Người ấy đối với nhà cửa… Sắc thanh hương vị xúc, tâm rộng rãi thì thọ dụng nhiều. Trưởng giả hãy lắng nghe: Thuở xưa có một đại Bà-la-môn là quý tộc bậc nhất tên Bệ la ma, thường ở chỗ Bà-la-môn ở dùng tám mươi bốn ngàn thớt voi lớn với yên vàng, lục lạc vàng… để bố thí; lại dùng tám mươi bốn ngàn con ngựa với yên cương bằng vàng…; tám mươi bốn ngàn cỗ xe do bốn báu làm thành, có vẽ hình sư tử hổ báo…; tám mươi bốn ngàn lâu đài đẹp đẽ cũng do bốn báu làm thành; tám mươi bốn ngàn giường ghế cũng do bốn báu làm thành với chăn mền nệm trải đều là thượng hạng; lại dùng tám mươi bốn ngàn cái bát vàng đựng đầy lúa bạc; dùng tám mươi bốn ngàn cái bát bạc đựng đầy lúa vàng; lại dùng tám mươi bốn ngàn cặp bạch điệp thượng diệu; lại dùng tám mươi bốn ngàn con bò cái và con nghé; lại dùng tám mươi bốn ngàn đồng tử với các chuỗi anh lạc bằng bốn báu… để bố thí cho các Bà-la-môn huống chi là y phục và thức ăn thượng diệu. Trưởng giả nên biết, Bà-la-môn đại phú quý bậc nhất bố thí như vậy mà phước đức có được không bằng người chỉ đem thức ăn cúng dường cho một trăm tiên nhơn ngũ thông, ngoại đạo lìa dục vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn. Bà-la-môn đại phú quý kia dùng các phẩm vật như đã kể trên cúng cho các Bà-la-môn và một trăm ngoại đạo ẩn sĩ cũng không bằng người chỉ dùng thức ăn cúng dường cho một bồ tát dị sanh chưa lìa dục nhiễm ngồi dưới cội cây Thiệm bộ, vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn. Lại nữa Bà-la-môn đại phú quý kia dùng các phẩm vật như đã kể trên cúng dường cho các Bà-la-môn, một trăm ngoại đạo ẩn sĩ và bố tát dị sanh cũng không bằng người chỉ dùng thức ăn cúng dường cho một vị chứng Dự lưu hướng, vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn… cứ như vậy nhân lên cho đến không bằng có người chỉ dùng thức ăn cúng dường cho một vị chứng quả A-la-hán, vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn. Lại nữa, như Bà-la-môn đại phú quý kia dùng các loại nhạc cụ thắng diệu huệ thí cho các Bà-la-môn, một trăm ẩn sĩ, bồ tát dị sanh… A-la-hán cũng không bằng người đem khu vườn cúng cho Tăng bốn phương, vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn. Lại nữa, như Bà-la-môn đại phú quý kia… cho đến đem khu vườn cúng dường

cho Tăng bốn phương cũng không bằng người xây cất chùa cúng cho Tăng, vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn. Lại nữa như Bà-la-môn đại phú quý kia… cho đến xây chùa cúng Tăng cũng không bằng người ở trong chùa ấy đem giường ghế ngọa cụ chăn mền cúng thí cho Tăng, vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn. Lại nữa, như Bà-la-môn đại phú quý kia… cho đến đem giường ghế… mền gối cúng thí Tăng cũng không bằng người ở trong chùa ấy hằng ngày cúng thức ăn cho Tăng, vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn. Lại nữa, như Bà-la-môn đại phú quý kia… cho đến ở trong chùa đó cúng thức ăn hằng ngày cho Tăng cũng không bằng người trọn đời quy y Tam bảo, thọ trì giới hạnh, vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn. Lại nữa, như Bà-la-môn đại phú quý kia… cho đến quy y Tam bảo, thọ trì học xứ cũng không bằng người đối với tất cả hữu tình tu tập quán Từ chỉ trong một thời gian ngắn, vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn. Lại nữa, như Bà-la-môn đại phú quý kia … cho đến tu quán Từ trong một thời gian ngắn cũng không bằng người thông hiểu các hành là vô thường, hoại diệt, đáng nhàm chán, tu tưởng xuất ly, vì phước đức này có quả báo thù thắng hơn. Do nhân duyên này trưởng giả nên biết, thường tu quán các hành vô thường… mong cầu xuất ly là pháp môn chính yếu mau được giải thoát. Nên học như thế, nên tu như thế, chớ có buông lung". Lúc đó trưởng giả Thiện dữ và đại chúng nghe Phật thuyết giảng xong liền đảnh lễ Phật, hoan hỉ phụng hành rồi lui ra. Trưởng giả về nhà ngay trong đếm đó thắp đèn đọc lời Phật dạy, quan tuần tra đi tuần bắt gặp ánh đèn trong nhà trưởng giả liền hỏi: "Há ông không biết nhà vua đã ra thông báo không được đốt đèn ban đêm, nếu ai trái nghịch thì phạt sáu mươi kim tiền, nếu không nộp tiền thì phải ngồi tù hay sao?", trưởng giả nói có biết, quan tuần tra hỏi: "Nếu đã biết tại sao còn thắp đèn?", trưởng giả nói: "Vì tôi muốn đọc lời Phật dạy", quan tuần tra bắt trưởng giả nộp tiền phạt, trưởng giả không có tiền nộp phạt nên chịu ngồi tù. Nhà vua cho xây ngục tù có phân biệt ba bậc, người có phẩm hàm cao quý thì nhốt ở tầng trên, người bậc trung nhốt ở tầng giữa, thứ dân ti tiện thì nhốt ở tầng dưới; trưởng giả được xem là người thuộc dòng tộc thù thắng nên bị nhốt ở tầng trên. Lúc đó Tứ thiên vương biết trưởng giả là bậc gần với quả vị vô học nên vào đầu đêm đến thăm trưởng giả ở trong ngục, trưởng giả nói: "Đại tiên, đây không phải là điều tôi muốn", Tứ thiên vương hỏi phạm tội gì, trưởng giả kể rõ nguyên nhân phạm tội, Tứ thiên vương nói: "Chúng tôi sẽ mang vàng ngọc đến tùy ý trưởng giả thọ dụng", trưởng giả nói: "Đại tiên chớ lo lắng, nếu đại tiên có rảnh thì nên nghe diệu pháp". Tứ thiên vương liền ở lại nghe pháp, do thân quang của Tứ thiên vương chiếu sáng nên từ xa nhà vua trông thấy

cho là trong ngục đốt đèn. Đến nửa đêm thì trời Đế thích đến thăm hỏi, cuối đêm Phạm thiên đến thân quang chiếu sáng gấp bội chư thiên trước, tất cả đều ở lại nghe pháp xong mới trở về thiên cung. Tất cả ánh sáng kỳ lạ này nhà vua đều trông thấy nên trời vừa sáng liền hỏi người giữ ngục: "Đêm qua ai đã đốt đèn trong ngục?", người giữ ngục đáp là không có, nhà vua liền ra lịnh đại thần vào trong ngục tra xét rồi trở vào bạch vua là không có ai đốt đèn, nhà vua hỏi: "Ai bị nhốt ở tầng trên?", người giữ ngục đáp là trưởng giả Thiện dữ, nhà vua cho đòi trưởng giả đến để tra hỏi: "Trước kia đốt đèn nên chịu ngồi tù, tại sao nay lại đốt đèn nữa?", trưởng giả đáp là không có đốt, nhà vua nói: "Từ đầu đêm đến cuối đêm đều thấy có ánh sáng chiếu soi, sao lại nói là không có đốt đèn?", trưởng giả liền đem việc đêm qua kể lại rồi nói: "Đó chính là thân quang của chư thiên không phải là đốt đèn", vua nghe rồi sanh hoan hỉ cho là hi hữu liền nói: "Trưởng giả có đại lực, tùy ông muốn điều gì ta đều sẽ cung Cấp-đầy đủ", trưởng giả nói: "Tôi chỉ muốn xin nhà vua một điều", vua hỏi điều gì, trưởng giả nói: "Tôi muốn ban đêm đọc kinh Phật, xin đại vương đừng cấm ban đêm đốt đèn", nhà vua nói: "Từ nay trẫm cho phép ban đêm được đốt đèn không phạm tội". Lúc đó trưởng giả Thiện dữ và những người phạm tội trước đó đều được nhà vua tha tội đều rất vui mừng.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 45

Học Xứ Thứ Tám Mươi Hai: ***VÀO CỬA VƯƠNG CUNG*** *(Tiếp theo)*

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, trong thành này có ba trưởng giả: Một vị tên là Thiện dữ, một vị tên là Thiện hiệp, một vị tên là Giới thắng. Cả ba đều có đức riêng mà được tên, bố thí rộng rãi nên gọi là Thiện dữ; nói lời không hư dối nên gọi là Thiện hiệp; được mọi người tin phục nên gọi là Giới thắng; khéo nhẫn chịu khoan dung nên gọi là Thắng quang; lìa tâm tà dục là thái tử Ca-la. Lúc đó ở nước Kiều-tát-la cứ vào khoảng sau nửa tháng tám thì có bọn giặc mùa thu hoành hành cướp phá để có nhiều tài vật tùy ý thọ dụng trong một năm, một người trong bọn cướp nói: "Hiện nay trong thành này trưởng giả Thiện hiệp có nhiều của cải nhất, chúng ta nên đến chỗ trưởng giả nói rằng: Trước đây chúng tôi có gởi chỗ ông một ức kim tiền, nay cần nên đến lấy. Nếu trưởng giả nói không có thì chúng ta dẫn trưởng giả Giới thắng đến làm chứng", người khác trong bọn cướp nói: "Trưởng giả Giới thắng há chịu làm chứng cho chúng ta hay sao?", bọn cướp cùng bàn bạc: "Chúng ta sẽ uy hiếp bắt buộc ông ta phải làm chứng", có người hỏi: "Uy hiếp như thế nào?", một người nói: "Trưởng giả này khi đi đại tiện thường đi đến chỗ cách xa thôn ở trong rừng, chúng ta chờ lúc nào ông ta đi, chúng ta cầm dao bén núp ở trong bụi rậm, lúc đó chúng ta sẽ uy hiếp bắt buộc ông ta làm chứng cho chúng ta". Sau đó bọn cướp y theo kế hoạch mà làm, lúc trưởng giả Giới thắng đi đại tiện, bọn cướp liền uy hiếp nói rằng: "Nếu thuận theo lời chúng tôi thì sống, nếu không thuận theo thì chết", trưởng giả hỏi thuận theo như thế nào, bọn cướp nói: "Trước đây chúng tôi có gởi ở chỗ trưởng giả Thiện hiệp một ức kim tiền, nay muốn lấy lại nhưng sợ ông ta không chịu đưa nên muốn ông làm chứng cho chúng tôi", trưởng giả liền hỏi là gởi thật hay gởi hư, bọn giặc cướp nói là gởi hư, trưởng giả nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta thà chịu chết chứ không làm việc sái quấy này, há tránh cái khổ một đời mà chịu quả báo

ác trong vô lượng kiếp", nghĩ rồi liền nói kệ:

"Thà giữ theo pháp chọn cái chết, Không làm trái pháp để sống còn, Giữ theo pháp sẽ sanh cõi trời, Trái pháp sẽ đọa vào địa ngục".

Trưởng giả nói kệ rồi liền nói pháp yếu cho bọn cướp nghe: "Các ông nên biết, do đời trước tạo nghiệp ác làm những việc lừa dối nên nay tuy được thân người nhưng y thực thường thiếu thốn. Nếu nay tiếp tục làm ác nữa thì sau khi chết sẽ sanh vào cõi nào, trừ ba đường ác không còn nơi nào khác", bọn giặc cướp nghe rồi liền khởi lòng tin cùng đến đảnh lễ trưởng giả nói rằng: "Chúng tôi ngu si không rõ thiện ác, muốn phi pháp vu báng, nhờ ông hiểu dụ thâm tâm vui mừng, vậy nay chúng tôi nên làm gì?", trưởng giả nói nên quy y Tam bảo và thọ trì năm học xứ, bọn cướp liền xin thọ tam quy và năm học xứ rồi cáo từ.

Vua Thắng quang có một thái tử tên là Ca-la, dung mạo đoan nghiêm được mọi người yêu kính, vào ngày trưởng tịnh đến chỗ Phật thọ cấm giới, sau đó đến chỗ yên tĩnh nhiếp giữ thân tâm. Lúc đó có ma nữ đến khuyến dụ thái tử hưởng thọ dục lạc, thái tử nói: "Ngươi dùng tâm si mê hoặc chúng sanh, ta trì tịnh giới không theo đường tà", ma nữ biết thái tử ý chí kiên cô, không toại lòng mong cầu nên biến mất. Lúc đó trưởng giả Thiện dữ đến chỗ Phật nghe pháp, vua Thắng quang cũng đến chỗ Phật, vì tôn trọng pháp nên trưởng giả không đứng dậy kính lễ vua giống như trường hợp của hai rồng ở trong giới trên, cho đến câu vua bảo tả hữu khi nào thấy trưởng giả đi ra thì truyền lịnh vua đuổi ông ta ra khỏi nước. Chư thiên vốn kính trọng trưởng giả, nghe nhà vua do sân giận mà nói lời này nên tức giận phóng ong độc vây chích nhà vua, vua chạy vào cung ong vẫn bay theo chích, sau đó vua chạy đến chỗ Phật, bạch hỏi Phật nguyên do, Phật nói rõ nguyên do và khuyên nhà vua nên sám tạ trưởng giả Thiện dữ, vua nghe lời Phật khuyên đến trước trưởng giả nói lời sám tạ vừa xong thì bầy ong bay tứ tán hết, mọi người trông thấy đều cho là hi hữu. Sau đó vua Thắng quang bạch Phật: "Thế tôn, con ở ngôi vị quốc vương mà lại sám tạ một thứ dân, há chẳng phải là hi hữu hay sao?", Phật nói: "Quả thật là hi hữu"; Thiện dữ cũng bạch Phật: "Con nghèo không có của, có chi cho nấy, há chẳng phải là hi hữu hay sao?", Phật nói: "Đây cũng là điều hi hữu"; lúc đó trưởng giả Giới thắng và thái tử Ca-la cũng có mặt, Giới thắng liền đem việc bị giặc mùa thu uy hiếp kể lại và bạch Phật: "Con bị uy hiếp mà vẫn không chịu làm việc sái quấy, há không phải là hi hữu hay sao?", Phật nói: "Tuy gặp mạng nạn mà vẫn giữ tâm ngay thẳng, đây cũng là điều hi hữu"; Thái tử Ca-la bạch Phật: "Ma nữ đến dụ hoặc mà con vẫn giữ giới hạnh, há không

phải là điều hi hữu hay sao?", Phật nói: "Người ở trong cảnh giàu sang mà có thể thọ trì cấm giới, xa lìa tà dục thì đối với thế gian đây là hi hữu", Phật do nhân duyên này nói kệ:

"Nếu người địa vị cao,
Sám tạ kẻ thấp hèn,
Hoặc là ít tiền của,
Có chi đều cho nấy,
Dù gặp phải nạn chết,
Không sanh tâm khi dối,
Giàu có bỏ dục tà,
Cả bốn đều hy hữu".

Lúc đó Thiện dữ, Giới thắng và Thái tử Ca-la cùng đến trước Phật hỏi nghĩa sâu xa, Phật tùy việc như lý trả lời; vua Thắng quang không lãnh hội được nên đảnh lễ Phật rồi ra về. Về đến trong cung ngồi chống cằm với vẻ lo buồn, phu nhơn Thắng man thấy vậy liền hỏi nguyên do, vua đem việc trên kể lại, phu nhơn nói: "Đó là do vua ít nghe nên không hiểu, khi nào rảnh rỗi việc nước nhà vua nên đọc kinh Phật", vua nói: "Nay ta tuổi già không thể đọc tụng, việc nước lại nhiều không rảnh nghiên cứu kinh Phật; nêu phu nhơn Thắng man và phu nhơn Hành vũ đọc kinh Phật ban đêm thì ta sẽ nghe và thọ văn nghĩa". Phu nhơn Thắng man nhân dịp đó liền tâu: "Thiếp sanh ở nước Kiều-tát-la, thánh giả Ô-đà-di cũng sanh ở nước ấy, thiếp sẽ đến chỗ Thánh giả để thọ kinh"; phu nhơn Hành vũ cũng tâu: "Thiếp sanh ở nước Ma-kiệt-đà, thánh giả Xá-lợi-tử cũng sanh ở nước ấy, thiếp sẽ đến chỗ thánh giả để đọc tụng", vua nói: "Cứ theo ý muốn của hai người". Sau đó vua Thắng quang đến chỗ tôn giả Xá-lợi-tử đảnh lễ rồi bạch rằng: "Phu nhơn Hành vũ muốn thọ kinh pháp nơi tôn giả, xin tôn giả từ bi giáo thọ", Xá-lợi-tử nói: "Để tôi đến bạch Phật", tôn giả liền đến bạch Phật, Phật nói nên làm, tôn giả trở lại nói cho vua biết là Phật đã cho phép. Kế đó nhà vua đến chỗ cụ thọ Ô-đà-di cũng bạch như trên… giống như đoạn văn trên cho đến câu Phật đã cho phép. Vua được hai tôn giả nhận lời rồi liền trở về báo cho hai phu nhơn biết, từ đó hai tôn giả hằng ngày vào trong cung giáo thọ hai phu nhơn.

Thời gian sau biên cương nước của vua Thắng quang phản nghịch, vua sai tướng soái cầm binh đánh dẹp nhưng đều bị bại trở về như thế đến bảy lần, vua liền suy nghĩ: "Ta phải thân chinh đánh dẹp", nghĩ rồi vua liền nghiêm chỉnh bốn binh, ngay trong đêm đó xuất binh. Tôn giả Xá-lợi-tử khéo biết thời nghi còn Ô-đà-di thì không, ban đêm nghe tiếng binh mã liền

giật mình thức giấc, tưởng là trời sáng liền vào trong cung, cung nữ vào báo phu nhơn, phu nhơn vội mặc áo sa mỏng ra nghinh đón, Ô-đà-di thấy phu nhơn y phục hở hang nên nhìn chăm chăm, phu nhơn cảm thấy xấu hổ nên vội trở vào trong mặc lại y phục khác rồi mới trở ra thọ học. Cung nhơn thấy vậy liền cùng bàn tán: "Tuy vua tín kính nhưng tình không có gián cách, Bí-sô không biết thời nghi, trời chưa sáng đã đến; nhà vua chưa cất vật báu va các loại báu khác liền vào trong cung", Ô-đà-di giáo thọ xong thì trời sáng, sau đó phu nhơn sớt thức ăn đầy bát cho Ô-đà-di, Ô-đà-di nhận bát thức ăn chú nguyện cho thí chủ rồi ra về. Ra đến cửa cung gặp tôn giả Xá-lợi-tử vừa vào đến liền nói: "Trời vừa tờ mờ sáng tôi đã đến trong cung giáo thọ xong và nhận thức ăn mang về, tôn giả bây giờ mới đến không phải là quá trễ hay sao", tôn giả nói: "Cụ thọ hãy ra về, Phật sẽ duyên việc này mà chế học xứ". Sau đó các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này bảo các Bí-sô: "Người vào trong cung vua có mười lỗi:

Một là khi vua cùng phu nhơn đang ở một chỗ, nếu Bí-sô đến phu nhơn liền cười thì vua sẽ nghi ngờ phu nhơn và Bí-sô đã làm việc xấu. Hai là khi Bí-sô vào trong cung mà gặp lúc phu nhơn mang thai,

vua ắt sẽ nghi ngờ Bí-sô cùng phu nhơn đã làm việc xấu nên mới có thai.

Ba là khi Bí-sô vào trong cung gặp lúc vua mất vật báu, vua sẽ nghi ngờ Bí-sô đã trộm lấy.

Bốn là khi Bí-sô vào trong cung gặp lúc việc cơ mật của vua bị tiết lộ ra ngoài, vua sẽ nghi ngờ là do Bí-sô tiết lộ.

Năm là khi Bí-sô vào trong cung gặp lúc vua đang giận thái tử mà thay đổi chức vị, thái tử sẽ nghi ngờ là do Bí-sô sàm tấu.

Sáu là khi Bí-sô vào trong cung gặp lúc thái tử bất nghĩa với vua cha, mọi người sẽ nghi ngờ là do Bí-sô hiểu dụ thái tử.

Bảy là khi Bí-sô vào trong cung gặp lúc đại thần mà vua quý trọng bị biếm truất, đại thần này sẽ nghi ngờ là do Bí-sô sám tấu.

Tám là khi Bí-sô vào trong cung gặp lúc các quan ở phẩm trật thấp được vua cất nhắc lên thì mọi người sẽ nghi ngờ là do Bí-sô tiến cử.

Chín là khi Bí-sô vào trong cung gặp lúc vua thường đi chinh phạt, mọi người sẽ nghi ngờ là do Bí-sô luận thuyết.

Mười là khi Bí-sô vào trong cung gặp lúc vua thắng trận trở về mà quên không ban thưởng cho binh sĩ, mọi người sẽ nghi ngờ là do Bí-sô thuyết phục vua.

Do nhân duyên này nên các Bí-sô không được vội vào trong cung hoặc làm cho bốn binh không an là điều Bí-sô không nên làm".

Nhiếp Tụng:

Phu nhơn cười, thai, báu,
Tiết lộ, giận thái tử,
Tổn, vua truất, tiến cử,
Thường chinh phạt, đoạt tài.

Lúc đó Phật chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô mặt trời chưa mọc, vua dòng Sát-đế-lợi quán đảnh chưa cất vật báu và các loại báu mà vào trong cửa cung vua, trừ duyên khác, phạm Ba-dật-để-ca.

Lúc đó Phật ở trong Trúc lâm thành Vương xá bảo các Bí-sô: Trong châu Thiệm bộ có hai đại thành lẫn nhau có thạnh suy là Hoa-tử và Thắng-âm, khi thành Hoa-tử thạnh thì thành Thắng-âm suy, ngược lại khi thành Hoa-tử suy thì thành Thắng-âm thạnh. Lúc thành Thắng-âm đang thạnh, có vị vua tên là Tiên-đạo dùng chánh pháp trị nước khiến nước được giàu đẹp, dân chúng an vui…, phu nhơn của vua tên là Nguyệt-quang dung mạo đoan chánh được mọi người yêu kính, thái tử tên là Đảnh-kế hai đại thần của vua tên là Lợi-ích và Trừ-hoạn. Lúc đó ở thành Vương xá nước Ma-kiệt-đà có vua tên là Ảnh-thắng cũng dùng chánh pháp trị nước an dân, phu nhân tên Thắng thân là tuyệt sắc giai nhân, thái tử tên là Vị-sanh-oán, đại thần tên là Hành vũ thuộc quý tộc của chủng tộc đại Bà-la-môn. Lúc đó vua Tiên-đạo ở thành Thắng-âm triệu tập thần dân hỏi rằng: "Có nước nào khác hưng thạnh an lạc như nước của ta chăng?", trong chúng hội có một người buôn bán ở nước Ma-kiệt-đà nói rằng: "Đại vương, ở phương Đông có thành Vương xá thuộc nước Ma-kiệt-đà, vua tên là Ảnh-thắng, nước này cũng hưng thạnh và an lạc như nước của đại vương". Vua nghe rồi sanh tâm ái niệm đối với vua Ảnh-thắng liền hỏi đại thần: "Trong nước kia không có thứ gì?", đáp là không có vật báu, vua liền cho gọi chuyên gia vật báu đến chọn lấy vật báu quý nhất, đựng trong hòm vàng cùng sắc thư rồi sai sứ mang đến nước Ma-kiệt-đà đưa cho vua Ảnh-thắng và nói rằng: "Từ nay nhà vua hãy cùng vua Tiên-đạo kết giao thân hữu, nếu nhà vua cần gì vua Tiên-đạo sẽ giúp đỡ". Sứ giả tuân lịnh vua đến trong thành Vương xá gặp vua Ảnh-thắng dâng sắc thư và bạch lại lời của vua Tiên-đạo, vua Ảnh-thắng xem sắc thư xong liền hỏi các đại thần: "Trong nước kia không có thứ gì?", đáp là không có điệp tốt, vua liền bảo đại thần chọn thứ điệp thượng hảo đựng trong rương vàng rồi sai sứ mang đến trong thành Thắng-âm đưa cho vua Tiên-đạo cùng với sắc thư, trong đó nói rằng: "Đã xem thư

của đại vương và nhận được trân bảo của quý quốc, rất tiếc là chưa được gặp mặt để bày tỏ chân tình, nếu nước của đại vương cần gì tôi sẽ giúp đỡ". Lúc đó vua Tiên-đạo xem thư xong rất hoan hỉ hỏi sứ giả về hình dáng và tánh hạnh của vua Ảnh-thắng, sứ giả tâu: "Vua Ảnh-thắng tướng mạo cao lớn như đại vương, dõng mãnh thích đích thân cầm quân chinh chiến", vua Tiên-đạo bảo thợ giỏi nhất dự theo kích cỡ của vua Ảnh-thắng may một áo giáp có năm đức: Một là khi trời nóng bức mặc vào thấy mát lạnh, hai là dao đâm không thủng, ba là tên bắn không xuyên qua được, bốn là khéo tránh các độc, năm là có thể phát sáng. Sau đó gởi áo giáp này cùng sắc thư cho vua Ảnh-thắng, trong thư nói: "Nay tôi tăng vua áo giáp có năm đức, nếu nhớ nghĩ đến tôi thì đại vương hãy mặc chớ có cho ai", vua Ảnh-thắng xem thư xong rồi ngắm áo giáp, tâm sanh hy hữu liền gọi chuyên gia vật báu định giá trị của áo giáp, người này xem xét xong tâu rằng: "Áo giáp này quả là vô giá, nếu tính giá trị thì có thể là mười ức kim tiền", vua nghe rồi liền suy nghĩ: "Người bạn phương xa tăng cho ta áo giáp vô giá, trong nước ta lại không có thứ gì sánh ngang bằng thì làm sao đáp trả". Lúc đó đại thần Hành vũ thấy nhà vua ngồi chống cằm lo nghĩ liền hỏi nguyên do, vua nói rõ nỗi lo nghĩ của mình, đại thần nghe rồi liền nói: "Xin vua chớ lo nghĩ, trong nước ta có một tặng vật rất tốt, đó chính là Phật Thế tôn được tất cả hữu tình tôn kính, mười thế giới đều không ai sánh bằng", vua nói: "Tặng như thế nào", đại thần nói: "Hãy vẽ tượng Phật trên một loại điệp thượng hạng rồi sai sứ mang đến tặng", vua nói: "Để ta bạch Phật, Phật dạy như thế nào ta phụng hành theo như thế ấy". vua Ảnh-thắng liền đến chỗ Phật đem sự việc trên bạch Phật, Phật nói: "Lành thay diệu ý, đại vương nên vẽ, cách vẽ như sau: Nên vẽ chơn dung, dưới chơn dung viết Tam quy đầy đủ là từ nay đến trọn đời quy y Phật đà, lưỡng túc trung tôn; quy y Đạt-ma, ly dục trung tôn; quy y Tăng già, chư chúng trung tôn. Kế viết năm học xứ đầy đủ là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống các loại rượu. Kế viết mười hai duyên sanh lưu chuyển và hoàn diệt đầy đủ là do pháp này có nên pháp kia có, do pháp này sanh nên pháp kia sanh, từ vô minh duyên hành cho đến sanh lão tử; do pháp này không nên pháp kia không, do pháp này diệt nên pháp kia diệt, từ vô minh diệt cho đến sanh lão tử diệt. Hai bên chơn dung viết hai kệ tụng:

Người nên cầu xuất ly,
Siêng tu lời Phật dạy,
Hàng phục quân sanh tử,
Như voi xô nhà cỏ,
Ở trong pháp luật này,

Nên tu không phóng dật,
Khô được biển phiền não,
Dứt hết bờ mé khổ.

Vẽ xong trao cho sứ giả và dặn rằng: Khi ông đem tượng vẽ này đến nước đó, hãy ở chỗ rỗng rãi treo cờ phướn và hương thơm rồi mới mở tượng ra, nếu vua có hỏi thì nên đáp đây là hình tượng của Thế tôn, người đã bỏ ngôi vị Chuyển luân vương mà thành bậc Chánh giác. Nếu lại hỏi hàng chữ dưới có nghĩ gì thì nên đáp Quy y Tam bảo là nhơn xuất ly; nếu lại hỏi hàng chữ kế có nghĩa gì thì nên đáp đây là lời dạy thọ trì năm giới để được sanh thiên; nếu lại hỏi hàng chữ kế nghĩa gì thì nên đáp đây là mười hai duyên sanh nói rõ đạo lý nhơn quả luân chuyển và hoàn diệt của năm Đường trong ba cõi; nếu lại hỏi hai bài kệ có nghĩa gì thì nên đáp đây là kệ khuyên các hữu tình nên nương theo lời dạy tu hành có thể hướng đến bồ đề".

Vua Ảnh-thắng đảnh lễ Phật rồi ra về, y theo lời Phật dạy cho vẽ chơn dung và ghi đầy đủ những lời Phật dạy, dùng hương thơm ướp tôn tượng, cuốn lại để trong hòm vàng, đem hòm vàng để trong hòm bạc, kế đem hòm bạc để trong hòm đồng rồi dùng hương điệp thượng diệu gói kín hòm đồng chở trên hương tượng đưa đến thành Thắng-âm cùng với sắc thư, trong thư nói rằng: "Vua tặng cho tôi bảo giáp hiếm có trên đời, nay tôi họa tượng Thế tôn là bậc tối tôn trong ba cõi sai sứ mang đến, kính mong đại vương đích thân cúng dường. Cách Vương thành hai trạm rưỡi, vua nên cho sửa sang đường sá trang nghiệm, đích thân thống lãnh bốn binh với cờ phướn và lọng báu nghinh đón tôn tượng". Vua Tiên-đạo xem thư xong liền nổi giận bảo các đại thần: "Vua nước Ma-kiệt-đà khinh thường ta, ta phải nghiêm chỉnh bốn binh đến chinh phạt nước Ma-kiệt-đà", đại thần tâu vua: "Vua nước ấy không thể dùng quốc tín tùy tiện khinh thường xúc phạm đại vương, đại vương hãy làm theo như lời trong thư đến quan sát, nếu xứng ý đại vương thì tốt, nếu không xứng ý thì khởi binh cũng chưa muộn". Vua nghe rồi liến bảo các đại thần làm theo như trong thư đã nói, khi đến nơi nghinh đón tôn tượng, mở ra xem thì đoàn thương nhơn của nước trung phường đều chắp tay đồng xướng lên câu nam mô Phật đà. Vua nhìn thấy tôn nghi lại nghe xưng hiệu Phật đà, lông trên thân đều dựng đứng liền hỏi: "Danh hiệu Phật đà phát xuất từ đâu?", thương chủ nói: "Đại vương, ở nước trung phương có thành tên là Kiếp-tỳ-la bạc tốt đổ, vua tên là Tịnh phạn sanh một thái tử có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Thầy tướng xem tướng thái tử nói thái tử nếu ở tại gia sẽ làm Chuyển luân thánh vương, bảy báu đầy đủ, có một ngàn người con, hàng phục bốn châu dùng pháp cai trị; nếu xuất gia sẽ chứng quả Vô thượng Ứng chánh đẳng giác, người trời

gọi là Phật đà. Đây là chơn dung của Phật", nhà vua lại hỏi hàng chữ phía dưới có nghĩa gì… lại hỏi câu kế nghĩa là gì… giống như đoạn văn trên, cho đến câu vua Tiên-đạo nghe thương chủ nói về đạo lý sanh diệt của mười hai duyên sanh, vua nhớ kỹ rồi trở về cung, đầu đêm y theo văn nghĩa suy nghĩ, cuối đêm xả hết các duyên, đến trời sáng ngồi kiết già đoan thân chánh niệm, hệ ý hiện tiền quán đạo lý sanh diệt của mười hai duyên sanh: Do pháp này có nên pháp kia có, do pháp này sanh nên pháp kia sanh… cho đến sanh duyên lão tử, ưu bi khổ não, như thế thuần đại khổ uẩn tích tập sanh khởi. Do pháp này không nên pháp kia không, do pháp này diệt nên pháp kia diệt… cho đến sanh diệt thì lão tử, ưu bi khổ não đều diệt, như thế thuần đại khổ uẩn tích tập đều diệt. Lúc đó vua Tiên-đạo thấu rõ đạo lý duyên sanh rồi ngay nơi chỗ ngồi được Kiến đế chứng quả dự lưu, vua vui mừng liền nói kệ tụng:

"Kính lễ Đại y vương,
Khéo trị lành tâm bịnh,
Thế tôn tuy ở xa,
Vẫn khiến mắt huệ sáng".

Vua liền viết thư cho vua Ảnh-thắng, trong thư nói: "Tôi nhờ ân đại vương biết có Tam bảo, ngộ được lý duyên sanh, đã được Kiến đế, biển khổ chìm đắm có thể hy vọng ra khỏi, tôi vui mừng biết bao. Tôi rất muốn được gặp Bí-sô, xin vua làm cách nào cho họ đến nước tôi", vua Ảnh-thắng xem thư xong liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đem nội dung bức thư trên bạch Phật rồi nói: "Cúi xin Thế tôn từ bi phái Bí-sô đến nước đó". Lúc đó Thế tôn suy nghĩ: "Ai có nhân duyên với dân chúng thành kia, đến đó giáo hóa được nhiều", liền quán biết thánh giả Ca-đa-diễn-na có nhân duyên giáo hóa nên bảo thánh giả đi đến thành Thắng-âm giáo hóa vua Tiên-đạo cùng quyến thuộc và dân chúng nơi ấy. Thánh giả vâng lời Phật dạy sáng hôm sau sau khi thọ thực xong liền dẫn năm trăm Bí-sô đi đến thành Thắng-âm. Vua Ảnh-thắng liền viết thư báo cho vua Tiên-đạo biết, trong thư nói rằng: "Do đại vương muốn gặp Bí-sô nên Phật đã sai Thánh giả Ca-đa-diễn-na cùng năm trăm Bí-sô đến, đại vương nên ân cần nghinh đón tưởng đồng như Đại sư; ở trong thành nơi chỗ yên tĩnh nên xây cất một ngôi chùa có năm trăm phòng, ngọa cụ đầy đủ, thức ăn và những thứ cần dùng nhà vua nên lo liệu trước …", vua Tiên-đạo xem thư rồi liền làm theo như trong thư đã nói ra nghinh đón các Bí-sô vào thành, thiết lập đạo tràng thỉnh Bí-sô an tọa, lúc đó có vô lượng trăm ngàn đại chúng vân tập, thánh giả Ca-đa-diễn-na tùy cơ duyên của quần chúng mà nói pháp yếu khiến đại chúng đều được lợi hỉ hoặc chứng quả dự lưu… cho đến phát tâm thú hướng đại thừa. Trong

thành Thắng-âm có hai trưởng giả Để-sái và Bổ-sái đến chỗ thánh giả bạch rằng: "Thánh giả, nay con muốn xuất gia trong pháp luật khéo thuyết giảng, ở chỗ thánh giả tu phạm hạnh", thánh giả quán biết tâm của họ đã thuần thục bèn cho xuất gia và thọ viên cụ, rồi quán căn khí của họ mà nói pháp yếu, cả hai nghe pháp rồi ngày đêm tư duy quán chiếu không biết mỏi mệt, đoạn trừ tất cả hoặc chứng quả A-la-hán. Lúc đó cả hai liền bay lên hư không hiện các thần biến như thân tuôn ra nước lửa… rồi nhập Vô dư Niết-bàn, thân tộc của họ hỏa thiêu rồi thu lấy xá lợi xây tháp cúng dường. Lúc đó vua Tiên-đạo hằng ngày đến chỗ Thánh giả nghe pháp yếu rồi trở về cung bảo các cung nhơn nên đi nghe pháp, các cung nhơn nói: "nội nhơn chúng tôi không thể ra ngoài, nếu Thánh giả Ca-đa-diễn-na được vào trong cung nói pháp thì chúng tôi sẽ nghe", vua nghe rồi liền đến chỗ Thánh giả đảnh lễ bạch rằng: "Các cung nhơn muốn được nghe pháp, cúi xin thánh giả từ bi tạm vào trong cung nói pháp để họ được toại nguyện", thánh giả nói: "Đại vương, Thế tôn chế giới không cho Bí-sô vào trong cung nói pháp cho người nữ nghe", vua liền hỏi ai có thể vào trong cung nói pháp cho người nữ, thánh giả nói là Bí-sô ni, vua Tiên-đạo nghe rồi liền viết thư cho vua Ảnh-thắng, trong thư nói: "Các cung nhơn muốn được nghe pháp, vua hãy làm cách nào thỉnh các Bí-sô ni đến nước tôi", vua Ảnh-thắng xem thư xong liền đến bạch Phật, Phật nghe rồi liền suy nghĩ: "Bí-sô ni nào có nhân duyên với các cung nhơn trong thành kia, có thể giáo hóa họ được giải thoát", liền quán biết Bí-sô ni Thế-la có nhân duyên nên bảo Bí-sô ni Thế-la đi đến thành Thắng-âm. Bí-sô ni Thế-la vâng lời Phật dạy sáng hôm sau cùng năm trăm Bí-sô ni đi đến thành Thắng-âm, vua Ảnh-thắng cũng như trước viết thư báo cho vua Tiên-đạo biết ra nghinh đón và xây cất chùa ni có năm trăm phòng, thiết lập đạo tràng cho ni thuyết pháp khiến người nghe được ngộ giải, phát tâm bồ đề, từ đó Bí-sô ni hằng ngày vào trong cung thuyết pháp cho các phi hậu nghe.

Vua Tiên-đạo giỏi về đàn tranh, phu nhơn Nguyệt-quang giỏi múa hát, vua từng tự tay đàn cho phu nhơn múa, một hôm lúc phu nhơn đang múa vua thấy phu nhơn có tướng vô thường, đến ngày thứ bảy ắt sẽ mạng chung, vua thấy rồi liền sanh ưu não khiến cây đàn rơi xuống đất, Nguyệt-quang liền hỏi nguyên do, vua nói: "Ta thấy nàng có tướng chết xuất hiện nội trong bảy ngày sẽ chết nên ưu sầu", Nguyệt-quang bạch vua: "Nếu như vậy thì xin đại vương phóng xả cho thiếp xuất gia", vua nói: "Chúng ta cùng lập lời ước hẹn, ta sẽ để nàng được toại ý. Nếu sau khi xuất gia đoạn được phiền não chứng quả A-la-hán thì ta không còn trông mong gì; nhưng nếu nàng vẫn còn kiết hoặc mà mạng chung, nàng sanh vào cõi nào cũng

phải về báo cho ta biết", Nguyệt-quang đồng ý, vua Tiên-đạo liền dẫn phu nhơn đến chỗ Bí-sô ni Thế-la bạch rằng: "Thánh giả, phu nhơn Nguyệt-quang muốn xuất gia trong pháp luật khéo thuyết giảng, xin Thanh giả thương xót thu nhận", Thế-la nói: "Lành thay đại vương", nói rồi liền cho Nguyệt-quang xuất gia và thọ viên cụ. Thế-la biết Nguyệt-quang sắp mạng chung nên dạy Nguyệt-quang tu pháp quán vô thường, Nguyệt-quang vâng theo lời dạy hành trì, đến ngày thứ bảy mạng chung sanh lên cõi trời Tứ đại vương chúng. Thường pháp của chư thiện là khi mới sanh lên cõi trời thường quán ba điều: Từ cõi nào chết, hiện sanh vào cõi nào và đã từng làm nghiệp gì. Lúc đó Nguyệt-quang quán biết mình từ cõi người chết, hiện sanh lên cõi trời Tứ đại vương chúng và đã ở trong Phật giáo tịnh tu phạm hạnh. Quán biết rồi Thiên nữ liền lấy chuỗi anh lạc trang nghiêm thân và hoa trời thượng diệu đi đến chỗ Thế tôn kính lễ và cúng dường. Đêm đó Thiên nữ đến chỗ Phật, ánh sáng chiếu khắp Trúc lâm rải hoa cúng dường, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết pháp, Phật quán căn cơ của Thiên nữ nói pháp khiến chứng quả Dự lưu, Nguyệt-quang liền nói kệ:

"Thế giới nhơn thiên đều cúng dường,
Hay trừ nghiệp hoặc, sanh lão tử,
Trong trăm ngàn đời khó được gặp,
Nay con được gặp thật hy hữu,
Con nương Đại sư trừ kiết hoặc,
Con nay đã được nhãn thanh tịnh,
Vượt qua biển khổ lên bờ kia,
Vào được thành cứu cánh Niết-bàn".

Sau đó Thiên nữ đến chỗ vua Tiên-đạo ở thành Thắng-âm, vua đang ngủ trên lầu cao, Thiên nữ khảy móng tay đánh thức vua dậy, vua thấy Thiên nữ thân quang chiếu sáng nên sợ hãi hỏi là ai, Thiên nữ nói: "tôi là Nguyệt-quang", vua bảo Thiên nữ đến cùng nằm chung, Thiên nữ nói: "Đại vương, nay tôi được sanh lên cõi trời Tứ đại vương chúng, cõi trời và cõi người khác nhau không thể ngủ chung. Nếu vua muốn cùng ở chung thì nên xuất gia, nếu vua đoạn trừ hết kiết hoặc thì tôi không còn hy vọng, nhưng nếu vua còn kiết hoặc sau khi mạng chúng sẽ sanh lên cõi trời Tứ vương thiên, chúng ta sẽ gặp nhau". Thiên nữ nói rồi liền trở về thiên cung, vua nghe rồi buồn vui xen lẫn nên suốt đêm không ngủ, nghĩ đến lời Thiên nữ nói liền muốn xuất gia. Vua suy nghĩ: "Ta hãy lập thái tử Đảnh-kế lên ngôi, giao phó việc nước rồi xuất gia", nghĩ rồi liền triệu hai đại thần đến nói rằng: "Hai khanh nên biết, ta đối với Đảnh-kế tình thâm, đối với hai khanh nghĩa nặng, nay ta muốn xuất gia nhường ngôi cho Đảnh kế, hai

khanh nên khuyên làm điều thiện, ngăn làm điều ác". Hai đại thần nghe rồi đều rơi lệ, vua bảo Đảnh kế: Trước nay con đều nghe theo lời ta dạy, nay con nên nghe theo lời khuyên nhắc của hai đại thần dùng pháp trị nước, ta muốn bỏ tục xuất gia", thái tử nghe rồi liền khóc, vua Tiên-đạo dặn dò xong mọi việc liền phổ cáo khắp trong dân chúng biết, dân chúng nghe phổ cáo rồi nghĩ đến ân đức của vua đều buồn khóc. Sau khi lập thái tử lên ngôi, vua thiết hội vô già thí cho sa môn, Bà-la-môn và những người nghèo khổ rồi cùng một thị giả đi bộ đến thành Vương xá. Sau khi đến thành Vương xá trụ trong một khu vườn tạm nghỉ rồi bảo thị giả đến chỗ vua Ảnh-thắng báo cho vua biết, vua Ảnh-thắng nghe rồi liền suy nghĩ: "Vua Tiên-đạo là vua dòng Sát-đế-lợi quán đảnh, ta không nên để vua một mình vào thành, nên nghinh đón nhà vua đúng theo nghi thức", nghĩ rồi vua cho sửa sang đường sá đích thân dẫn bốn binh đến nghinh đón vua Tiên-đạo, hai vua cùng ngồi trên một thớt voi vào thành Vương xá. Sau khi vua Tiên-đạo tắm rửa và ăn uống xong, vua Ảnh-thắng liền hỏi nguyên do, vua Tiên-đạo nói: "Tôi muốn đến chỗ Phật cầu xuất gia và thọ viên cụ, tịnh tu phạm hạnh, chí cầu giải thoát", vua Ảnh-thắng nghe rồi liền nghiêng mình chắp tay nói: "Lành thay Phật đà, lành thay Đạt-ma, lành thay Tăng già! có đại oai lực và đại từ bi đã khiến cho vua dòng Sát-đế-lợi quán đảnh từ bỏ ngôi vị thù thắng đến chỗ Phật cầu xuất gia, thọ viên cụ tu hạnh Bí-sô". Lúc đó vua Ảnh-thắng dẫn vua Tiên-đạo đến chỗ Phật, Phật đang nói pháp cho vô lượng trăm ngàn tứ chúng, vua Ảnh-thắng cùng vua Tiên-đạo đến đảnh lễ Phật rồi đứng một bên, vua Ảnh-thắng bạch Phật: "Thế tôn, đây là vua Tiên-đạo ở thành Thắng-âm đi bộ đến đây, muốn xuất gia trong pháp luật khéo thuyết giảng của Như lai và thọ viên cụ tu hạnh Bí-sô. Cúi xin Thế tôn từ bi thu nhận", Phật liền nói: "Thiện lại Bí-sô, hãy tu phạm hạnh", nói vừa dứt lời trên thân nhà vua râu tóc tự rụng, pháp phục che thân với bát trên tay, oai nghi tấn chỉ như Bí-sô một trăm tuổi, từ đây Bí-sô Tiên-đạo nương ở trong chúng tu phạm hạnh. Một sáng nọ, Bí-sô Tiên-đạo vào thành khất thực, các sĩ nữ nghe biết đều đến chiêm ngưỡng, sau khi được thức ăn rồi trở về bổn xứ thọ thực, lúc đó các quan tả hữu của vua Ảnh-thắng cùng đến chỗ Bí-sô Tiên-đạo kính lễ và nói kệ:

"Đại vương thành Thắng-âm,
Bỏ trăm ngàn thành ấp,
Nay xin thức ăn thừa,
Há không khổ nhọc ư?
Trước dùng mâm vàng ròng,
Trang nghiêm bằng các báu,

Nay chỉ mang bát sứ,
Há không khổ nhọc ư?
Trước ăn gạo trắng thơm,
Món ngon tùy sở thích,
Nay ăn thức ăn thô,
Há không khổ nhọc ư?
Trước mặc vải Ca thi,
Diệu điệp và lụa là,
Nay mặc y phấn tảo,
Há không khổ nhọc ư?
Trước ở cung điện đẹp,
Có rất nhiều thị vệ,
Nay một mình dưới cây,
Há không khổ nhọc ư?
Trước nằm giường nệm sang,
Mềm mại tùy tình muốn,
Nay nằm phu cụ cỏ,
Há không khổ nhọc ư?
Trước cùng Hậu trong cung,
Hoan lạc tùy tâm muốn,
Nay ngủ nghỉ một mình,
Há không khổ nhọc ư?
Trước cỡi voi vô giá,
Ngựa báu và xe vàng,
Nay chân không đi bộ,
Há không khổ nhọc ư?
Xưa kho tàng đầy ắp,
Thọ dụng tùy ý muốn,
Nay không có gì cả,
Há không khổ nhọc ư?".

Bí-sô Tiên-đạo nghe rồi nói kệ:

"Những việc khó điều phục,
Tôi đều đã điều phục,
Khất thực để nuôi thân,
Như bò mang ách xe".

Vua Ảnh-thắng nói kệ:

"Nay ngài có ý gì,

Nói lời ưu sầu này,
Trong tâm ngài muốn gì,
Tôi thảy đều cung cấp".

Bí-sô Tiên-đạo nói:

"Những người ưa thích pháp,
Tâm không có lưu luyến,
người không biết pháp,
tối vào nơi tối.
Đại vương nên nghe kỹ,
Nay tôi nói chánh pháp,
Do hiểu được chánh pháp,
Sanh thiên, được Niết-bàn.
Thân này không đáng yêu,
Có một đức nên biết,
Trụ cảnh khéo điều phục,
Tùy tâm liền được an.
Cho dù sống trăm năm,
Mạng sống rồi cũng hết,
Tại sao vì vợ con,
Mãi tham ăn đắm của.
Vợ con như oan gia,
Của báu thường sợ mất,
Nay tôi đều xả bỏ,
Giải thoát các ưu não,
Mạng người khi sắp hết,
Chú dược không cứu được,
Các Thánh và thần tiên,
Không ai chống cự được.
Tuy trời có oai lực,
Cõi đẹp, tuổi thọ cao,
Khi tướng suy hiện tiền,
Phải chết không cứu được.
Các vua được tự tại,
Có oai lực vô địch,
Tiếng tăm, vật báu nhiều,
Cuối cùng cũng phải chết.
Dù có tu khổ hạnh,
Dũng mãnh hơn mọi người,

Dù nhiều binh chúng mạnh,
Há thoát khỏi khổ chết?
Chẳng phải trong biển, hư không,
Cũng chẳng phải giữa núi đá,
Hoặc ở bất cứ chỗ nào,
Lại không bị thần chết hại.
Chẳng phải trong biển, hư không,
Cũng chẳng phải giữa núi đá,
Hoặc ở bất cứ chỗ nào,
Lại không bị nghiệp lực hại.
Chết rồi thân sình trướng,
Da thịt rã dần dần,
Chỉ còn bộ xương trắng,
Có gì là đáng yêu,
Bộ xương dần tiêu tán,
Còn lại đầu lâu rỗng,
Hình sắc rất đáng sợ,
Còn gì yêu thích nữa.
Xứ nóng ở cung mát,
Nếu lạnh ở nhà ấm,
Thường giữ gìn thân mạng,
Vẫn không tránh được chết.
Nếu ai làm điều thiện,
Sẽ thọ quả báo thiện,
Vua quan không xâm hại,
Cho nên siêng tu phước.
Làm mười ác chết rồi,
Vợ con đều không khóc,
Việc tống táng tùy nghi,
Gọi đó là ác chết.
Làm mười thiện chết rồi,
Vợ con đều nhớ nghĩ,
Tống táng đều như pháp,
Gọi đó là thiện chết.
Khi sanh một mình đến,
Khi chết một mình đi,
Tự mình chịu khổ vui,
Không ai cùng chia sớt.

Khi thần chết tới bắt,
Cha con không cứu được,
Thân thuộc và châu báu,
Không thể chuộc mạng được.
Sanh già và bịnh chết,
Ngày đêm thường truy đuổi,
Không thể trốn tránh được,
Cuối cùng vua chết kéo.
Người trí thấy điều này,
Buông xả cầu xuất gia,
Xa lìa biển phiền não,
Không còn thọ bào thai.
Tôi bỏ các oán khổ,
Được thành tánh Bí-sô,
Ra khỏi ngục sanh tử,
Thú hướng thành Niết-bàn".

Vua Ảnh-thắng nghe Bí-sô Tiên-đạo nói diệu pháp rồi cung kính bạch rằng: "Thánh giả, đường dài sanh tử khó thoát ly, tôi ở vương vị cùng nếp sống tịch tĩnh trái nhau, chỉ có tùy hỉ, chưa thể thoát khỏi ràng buộc", nói rồi kính lễ cáo từ ra về.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 46

Học Xứ Thứ Tám Mươi Hai: ***VÀO CỬA CUNG VUA*** *(Tiếp theo)*

Lúc đó ở thành Thắng-âm, vua Đảnh-kế sau khi được vua cha truyền ngôi noi theo cha dùng chánh pháp trị nước, nhưng không bao lâu sau lại dùng phi pháp, hai đại thần Lợi-ích và Trừ-hoạn liền khuyên can vua: "Đại vương nên dùng chánh pháp trị nước đừng nên dùng phi pháp. Quốc dân ví như cây có hoa trái, phải đúng thời tưới bón không làm cho nó bị suy tổn thì hoa trái sẽ tươi tốt. Bá tánh cũng vậy, phải giáo dưỡng bằng chánh pháp thì việc thu thuế sẽ không có sai sót". Tuy khuyên can nhiều lần như vậy, nhà vua vẫn không nghe theo còn sân hận nói với đại thần rằng: "Người trái nghịch lời của vua quán đảnh thì sẽ trị tội gì?", nịnh thần liền nói: "Nên xử tội chết", liền nói kệ:

"Nếu quan chống trái vua,
Như hàm răng chạm nhau,
Nên cho uống thuốc độc,
Trừ rồi mới an vui.
Đại thần có nhiều trí,
Thông hiểu các pháp luật,
Giàu mạnh có binh chủng,
Không trừ sẽ tự hại".

Vua nghe rồi liền bảo nịnh thần: "Hai đại thần đó là do vua cha dặn dò, ta không thể gia hình, chỉ khiến họ từ nay về sau đừng đến gặp ta nữa", vua liền truất phế và lập hai nịnh thần lên làm phụ tướng, nịnh thần được vua ân sủng, thường nói kệ xúi giục nhà vua:

"Rau diếp không chưng nấu,
Cho đến không xay giã,
Không cần gia công ép,
Thì làm sao được dầu?.

Quốc dân cũng vậy, phải nghiêm khắc trị phạt mới có thể trị an", vua

nghe rồi liền nói: "Từ nay việc quốc chính giao cho hai khanh lo liệu", nịnh thần nghe rồi liền dùng phi pháp bức bách bá tánh. Lúc đó có thương nhơn từ thành Thắng-âm đến thành Vương xá buôn bán ghé thăm Bí-sô Tiên-đạo, Tiên-đạo liền hỏi:

"Vua Đảnh-kế Thắng-âm,
Đại thần và binh chủng,
Không bịnh, không khủng bố,
Dùng pháp cai trị chăng?",

Thương nhơn đáp:

"Vua và các đại thần
Binh chủng đều an ổn,
Tuy không có khủng bố,
Nhưng phi pháp trị dân".

Tiên-đạo nghe rồi liền hỏi: "Ai là đệ nhất đại thần, vua nghe lời ai bức bách bá tánh?", thương nhơn đem sự việc trong thành Thắng-âm kể lại, Tiên-đạo nghe rồi liền bảo thương nhơn: "Ngươi trở về nói với quốc dân chớ nên ưu não, đợi ba tháng an cư xong, ta sẽ trở về khuyên can nhà vua". Thương nhơn đảnh lễ rồi trở về thành Thắng-âm nói cho mọi người biết tin vui này, nịnh thần nghe được liền tâu vua Đảnh kế: "Đại vương biết chăng, lão vương sẽ trở về đây, chắc là muốn lấy lại quốc vị", vua nói: "Vua cha đã xuất gia đâu còn cần vương vị", nịnh thần tâu: "Có thể lão vương đã hối hận", vua nói: "Vậy phải làm thế nào?", nịnh thần nói nên giết, vua nói: "Ta làm sao có thể hại vua cha", nịnh thần liền nói kệ:

"Dù cha mẹ anh em,
Hoặc con trai hay gái,
Niệm ác thành oan gia,
Cần phải chém đầu ngay,
Cho dù một ngàn người con,
Cùng đi chung một thuyền,
Một đứa là oan gia,
Tất cả phải chết chìm,
Giữ nhà giết một mạng,
Giữ thôn trừ một nhà,
Giữ thành trừ một thôn,
Giữ mình bỏ một nước".

Do vua nghe theo lời khuyến dụ này nên nịnh thần ra lịnh cho sát thủ đi giết lão vương, các sát thủ này tuy bị sai phái nhưng không muốn đi giết,

nịnh thần ba lần ra lịnh, ba lần hứa thưởng trọng hậu họ đều không chịu đi giết, nịnh thần nổi giận ra lịnh bắt giam tất cả quyến thuộc của họ, buộc lòng họ phải tuân lịnh đi giết lão vương. Lúc đó Bí-sô Tiên-đạo hạ an cư xong đến chỗ Phật đảnh lễ bạch rằng: "Thế tôn, nay con muốn trở về thành Thắng-âm", Phật nói: "Tùy ý nhưng cần phải quán chiếu nghiệp lực khó trái", Bí-sô Tiên-đạo đảnh lễ Phật rồi trở về phòng thu xếp lên đường. Giữa đường gặp sát thủ liền hỏi: "Các ngươi từ thành Thắng-âm đến phải không?", đáp phải, Tiên-đạo liền hỏi những câu như đã hỏi thương nhơn trước kia, cho đến câu sát thủ nói: "Đại vương không muốn gặp lão vương", Tiên-đạo nghe rồi liền nói: "Vậy thì ta trở lại thành Vương xá", sát thủ liền nói kệ:

"Đại vương dõng mãnh định về đâu,
Đảnh-kế không muốn vua cha sống,
Ra lịnh chúng tôi tìm đến giết,
Mạng vua nay hết không đường thoát".

Tiên-đạo nghe rồi liền hỏi: "Đảnh-kế cố tâm sai các ngươi đến giết ta sao?", đáp phải, Tiên-đạo nghe rồi liền suy nghĩ: "Thế tôn có dạy nên phải quán chiếu nghiệp lực khó trái là chỉ cho việc này", nghĩ rồi liền bảo sát thủ: "Các ngươi hãy tạm chờ một chút, ta đã là người xuất gia nhưng việc của người xuất gia ta vẫn chưa làm xong, các ngươi chờ ta giải quyết cho xong", sát thủ chấp thuận, Tiên-đạo liền ngồi kiết già dưới gốc cây quán chiếu. Như lời Phật dạy người đa văn có năm Lợi-ích: Một là Uẩn thiện xảo, hai là Xứ thiện xảo, ba là Giới thiện xảo, bốn là Duyên khởi thiện xảo, năm là đối với điều cần giáo giới hay giáo thọ đều không nhờ đến người khác. Bí-sô Tiên-đạo có đủ năm Lợi-ích này, biết năm đường luân hồi không có tướng định, tất cả các hành đều là vô thường, như lý quán sát tư duy liền đoạn hết các phiền não chứng quả A-la-hán, xem vàng không khác đất như dao cắt mùi thơm không có hai tướng; tâm không vướng mắc như tay nắm hư không, được ba minh sáu thông và bốn vô ngại biện; trong ba cõi không còn chấp trước, lợi dưỡng và cung kinh thảy đều xả bỏ, được giải thoát lạc liền nói kệ:

"Đã đoạn các kiết phược,
Khéo nhổ các tên độc,
Bí-sô Tiên-đạo tôi,
Vẫn không khỏi vương pháp".

Nói kệ rồi liền bảo sát thủ:

"Điều ta cần làm nay đã làm xong, điều các ngươi muốn làm hãy tùy

ý làm", sát thủ nói: "Khi chúng tôi về nước nếu vua Đảnh-kế hỏi trước khi Lão vương chết có nói lại điều gì không thì chúng tôi nên đáp như thế nào?", Tiên-đạo nói: "Các ngươi nên đáp là ta nói rằng:

"Ngươi tạo nhiều nghiệp ác,
Tham quốc vị giết cha,
Ta được thắng Niết-bàn,
Ngươi đọc ngục vô gián".

Các ngươi nên nói thêm rằng: Ngươi tạo hai nghiệp vô gián, một là giết cha, hai là giết A-la-hán đã đoạn hết các lậu hoặc. Ngươi sẽ bị đọa vào ngục Vô gián chịu khổ cùng tột, hãy chí thành ân cần sám hối mới hy vọng nhẹ bớt". Lúc đó Tiên-đạo muốn dùng thần lực nương hư không mà đi để con mình không vì việc này mà chịu tai ương, nhưng đối với cảnh sở cầu tâm sanh mê loạn, ngay cả hai chữ thần thông cũng không nhớ được huống chi là dùng thần lực, Tiên-đạo liền suy nghĩ: "Thế tôn bảo ta nên quán chiếu nghiệp lực không thể tránh khỏi", liền nói kệ:

"Dầu cho trải trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội đủ,
Tự thọ lấy quả báo".

Lúc đó sát thủ chém đầu vua, đầu vua vừa rơi xuống đất, chư thiên trên hư không nói kệ:

"Nghiệp lực không nghĩ bàn,
Xa mấy cũng kéo nhau,
Quả báo khi chín muồi,
Muốn tránh cũng khó thoát".

Lúc đó Thế tôn ở trong Trúc lâm bỗng mỉm cười, trong miệng phóng ra ánh sáng hoặc chiếu lên hoặc chiếu xuống… giống như duyên khởi trong giới thứ bốn Ba-la-thị-ca, đoạn nói về tiền thân của cá Ma kiệt… cho đến câu nếu thọ ký đạo quả vô thượng bồ đề thì ánh sáng vào từ đảnh. Lúc đó ánh sáng xoay quanh Phật ba vòng rồi vào từ dưới chân, cụ thọ A-nan-đà liền bạch Phật: "Thế tôn, Như lai Ứng chánh đẳng giác vui vẻ mỉm cười không phải là không có nhân duyên", liền nói kệ thỉnh Phật:

"Miệng phóng ra các ánh sáng diệu,
Chiếu khắp Đại thiên không phải một,
Cho đến các cõi trong mười phương,
Phật là thắng nhân của chúng sanh,
Hay trừ kiêu mạn và lo buồn,

Không nhân duyên Phật không mở lời,
Miệng mỉm cười ắt nói việc lạ,
Đấng mâu ni an tường xét nét,
Chúng con muốn nghe, xin Phật nói,
Như Sư tử vương cất tiếng diệu,
Xin hãy giải nghi cho chúng con,
Nếu không nhân duyên Phật bất động,
Phật từ bi miệng hiện mỉm cười,
Chúng con mong Phật nói nhân duyên".

Phật bảo A-nan-đà: "Đúng vậy, không phải không nhân duyên mà Như lai Ứng chánh đẳng giác liền mỉm cười", liền nói kệ:

"Đã đoạn các kiết phược,
Khéo nhổ các tên độc,
Bí-sô Tiên-đạo kia,
Vẫn không khỏi vương pháp".

"Các thầy hãy lắng nghe: vua Đảnh-kế ở thành Thắng-âm do ác tri thức xúi giục nên đối với cha là Bí-sô Tiên-đạo đã chứng quả A-la-hán, không có lỗi lầm mà lại nghịch hại, quyết định sẽ đọa ngục Vô gián", A-nan-đà hỏi Phật: "Thế tôn, Bí-sô Tiên-đạo đã đắc quả A-la-hán nay bị giết rồi ư?", Phật nói đúng vậy, A-nan-đà nghe rồi thương cảm liền rơi nước mắt.

Lúc đó sát thủ mang đầu và y bát của Tiên-đạo trở về thành Thắng-âm đến chỗ nịnh thần trình báo, hai nịnh thần thấy rồi vui mừng đến chỗ vua Đảnh-kế tâu rằng: "Đại vương hãy vui mừng vì không còn oan gia nữa", vua hỏi: "Ai là oan gia của ta?", nịnh thần nói: "Chính là lão vương", vú nghe rồi liền hỏi: "Tiên vương đã bị giết rồi sao?", đáp là đã bị giết, vua hỏi: "Làm sao biết được?", nịnh thần liền chỉ sát thủ nói: "Chính các sát thủ này đã giết chết lão vương", vua liền hỏi sát thủ: "Tiên vương dẫn bao nhiêu quân binh đến đây?", sát thủ đáp: "Lão vương đã xuất gia làm Bí-sô, một mình đi bộ trở về đây", nói rồi liên dâng đầu và y bát của Bí-sô lên cho vua Đảnh kế, vua vừa nhìn thấy liền ngất xỉu, tả hữu rưới nước hồi lâu mới tỉnh lại. Lúc đó nhà vua khóc lớn hỏi sát thủ: "Trước khi tiên vương chết có dặn lại lời gì không?", sát thủ đáp: Tiên vương trước khi chết có nói kệ bảo tôi về tâu lại Đại vương, kệ nói rằng: "Ngươi tạo nhiều nghiệp ác… giống như đoạn văn trên cho đến câu: Ngươi hãy chí thành sám hối mới mong nhẹ bớt tội". Vua Đảnh-kế nghe rồi như tên bắn vào tim, dung sắc tiều tụy như cỏ lau bị chặt khô héo, liền sai sứ vời hai đại thần trước kia đến nói rằng: "Vì

sao hai khanh thấy ta tạo nghiệp ác cực trọng mà không cản ngăn?", hai đại thần nói: "Chúng tôi không thể gặp được nhà vua thì làm sao cản ngăn cho được", vua Đảnh-kế liền truất chức hai nịnh thần và phục chức cho hai cựu đại thần, từ đó hai đại thần khuyên vua dùng chánh pháp trị nước. Hai nịnh thần bị thất sủng liền lập bày mưu kế muốn làm cho vua hồi tâm nên đến bên tháp của hai A-la-hán Đề-sái và Bố-sái đào một cái hang nhỏ rồi bỏ hai con mèo con vào trong hang, hằng ngày đem thịt đến cho chúng ăn. Mỗi lần đem thịt đến đều kêu tên hai vị A-la-hán Đề-sái và Bố-sái, hai con mèo nghe tiếng kêu liền chạy ra, hai nịnh thần lại nói: "Nếu hai ông tà siểm dối gạt thế gian, thọ y thực của người tín tâm cúng dường nên bị đọa làm thân mèo thì hãy ngậm lấy thịt đi quanh tháp của mình rồi trở vào hang", hai con mèo ngậm lấy thịt đi quanh tháp rồi trở vào hang. Hằng ngày hai nịnh thần đều huấn luyện hai con mèo như thế cho đến khi thuần thục rồi đến chỗ mẹ của vua Đảnh-kế nói: "Thái phi, nay đại vương gầy ốm, Thái phi đâu thể bỏ mặc không hỏi tới?", Thái phi nói: "Chính là do hai ngươi xúi giục nhà vua tạo nghiệp ác cực trọng như vậy, bây giờ ta phải làm gì đây", hai nịnh thần nói: "Thái phi nên tìm cách khai giải nỗi lo buồn giết cha của Đại vương, chúng tôi sẽ giải trừ tâm hối hận giết A-la-hán của đại vương", thái phi hỏi: "Hai ngươi giải trừ như thế nào?", hai nịnh thần nói: "Đề-sái và Bố-sái nói chứng A-la-hán mọi người đều biết, đó là khi dối mọi người; họ nói không thọ thân sau nhưng sau khi chết lại sanh trong loài mèo, do đây chứng biết không có A-la-hán". Thái phi nói: "Nếu thật như thế thì hãy để nhà vua tự nghiệm có thể trừ được nỗi sầu lo", Thái phi liền đến chỗ vua Đảnh-kế thăm hỏi, Đảnh-kế nói: "Con làm sao không đau khổ, do con nghe lời xúi giục của hai nịnh thần nên tạo hai nghiệp vô gián. Tiên vương vô tội mà bị giết hại oan uổng", Thái phi nói: "Con khỏi phải ưu sầu vì tiên vương vốn không phải là cha thân sanh của con nên không thành tội nghịch", vua nói: "Cho dù không phải là cha thân sanh không thành tội nghịch, nhưng tội giết A-la-hán há không thành tội nghịch hay sao?", Thái phi nói: "Việc này con nên hỏi người trí để biết rõ thực hư". Sau khi trở về cung bà bảo hai nịnh thần: "Tội giết cha ta đã giải trừ, còn tội giết A-la-hán hai ngươi nên lo liệu". Lúc đó vua Đảnh-kế nhóm họp bá quan và các vị tri thức, hai nịnh thần cũng có mặt, vua hỏi: "Trẫm nghe giết A-la-hán thành tội đại nghịch, việc ấy như thế nào", có người nói: "A-la-hán thần thông tự tại, đạo nhãn thông sáng nếu biết có người hại mình sao không tránh?", hai nịnh thần nói: "trên thế gian này không có A-la-hán, nay giết há thành tội nghịch hay sao?", vua nói: "Ta và mọi người đều chứng kiến Đề-sái và Bố-sái chứng A-la-hán hiện các thần biến trong hư không rồi nhập vô dư Niết-

bàn, sao khanh nói là không có?", hai nịnh thần nói: "Xin đại vương nghiệm xét để dứt nỗi sầu lo", vua hỏi nghiệm xét như thế nào, hai nịnh thần nói: "Đó đều là hư ngụy dối gạt thế gian, họ nói không thọ thân sau sao lại thọ sanh trong loài mèo?", vua hỏi: "Làm sao biết được?". Lúc đó hai nịnh thần hướng dẫn nhà vua và đại chúng đến tháp của hai A-la-hán, tay cầm thịt đến chỗ hang gọi hai con mèo và nói với hai con mèo những lời đã huấn luyện chúng hằng ngày, hai con mèo nghe gọi chạy ra khỏi hang ngậm lấy thịt đi quanh tháp rồi trở vào hang. Nhà vua sau khi thấy việc này rồi liền khởi tâm tà không tin có A-la-hán nên không cúng dường tứ sự cho các Bí-sô và Bí-sô ni nữa, các Bí-sô và Bí-sô ni đều tứ tán chỉ còn lại mỗi một Bí-sô Ca-đa-diễn-na và Bí-sô ni Thế-la ở lại thành này. Lúc đó Ca-đa-diễn-na đắp y mang bát vào thành khất thực gặp vua Đảnh-kế ra ngoài săn bắn, tôn giả sợ vua thấy Bí-sô sẽ không vui nên tránh đi đường khác, vua hỏi nịnh thần tại sao Bí-sô tránh đi đường khác, nịnh thần tâu: "Bí-sô nghĩ rằng: Đừng để bụi của kẻ giết cha phạm tội nghịch dính vào mình nên tránh đi đường khác", vua nghe rồi liền nổi giận ra linh các binh sĩ ném đất vào mình Bí-sô, tôn giả liền hóa ra một ngôi nhà nhỏ ngồi trong đó, các binh sĩ ném đất tụ lại thành đống lớn. Sau đó hai đại thần Lợi-ích và Trừ-hoạn đến dẹp bỏ đống đất rồi hỏi tôn giả: "Người trong thành này làm việc không lợi ích sẽ thọ quả báo gì?", tôn giả đáp: "Trong bảy ngày nữa, thành quách này sẽ bị mưa bụi đất lấp đầy". Trước đó con trai của đại thần Lợi-ích tên là Cám-nhan làm thị giả cho tôn giả Ca-đa-diễn-na, con gái của đại thần Trừ-hoạn tên là Cám-dung làm thị giả cho Bí-sô ni Thế-la. Trong sáu ngày đầu mưa xuống châu báu, hai đại thần này lượm lấy châu báu chở đầy hai thuyền, nửa đêm trốn ra khỏi thành đến một thắng địa khác xây thành để ở, một thành tên là Lợi-ích, một thành tên là Trừ-hoạn. Đến ngày thứ bảy, Bí-sô ni Thế-la dùng thần lực cùng thị nữ đến thành Kiều-thiểm-tỳ, giao thị nữ cho trưởng giả Cù-sư-la nuôi dưỡng. Tôn giả Ca-đa-diễn-na thấy mưa bụi đất biết nghiệp lực không thể cứu được liền cùng Thiên nữ cựu trụ ở thành Thắng-âm và thị giả nương hư không đến một thôn xóm khác, dừng nghỉ trong một sân phơi lúa, do phước lực của Thiên nữ nên lúa trong sân đầy dẫy, người chủ nhà thấy rồi liền biết là do sức oai thần của Thiên nữ nên đem chìa khóa cửa giao cho Thiên nữ nói rằng: "Xin đừng bỏ đi cho đến khi nào tôi trở về". Gia chủ này liền đến trong thôn tập họp mọi người trong thôn lại nói rằng: "Có Thiên nữ đến trong sân lúa nhà tôi, do phước lực của Thiên nữ nên lúa đầy sân. Nếu các vị lập con tôi lên làm thôn trưởng, tôi sẽ lưu giữ Thiên nữ để ủng hộ trong thôn thường an lạc", mọi người nghe rồi đều chấp thuận lập con ông lên làm thôn trưởng, gia chủ này liền đến một

chỗ vắng vẻ tự sát. Lúc đó tôn giả khất thực về đến trong sân lúa chia thức ăn cho Thiên nữ rồi nói: "Tôi phải đi trước, cô đã hứa với gia chủ thì phải ở lại đây", Thiên nữ hỏi: "Tôi đã hứa gì?", tôn giả nói: "Cô đã nhận chìa khóa của gia chủ, không được bỏ đi cho đến khi nào gia chủ trở về". Lúc đó mọi người trong thôn mang hương hoa đến cúng dường Thiên nữ bạch rằng: "Xin Thiên nữ lưu thần ở lại đây, chúng tôi sẽ cung Cấp-đầy đủ", Thiên nữ nói: "Nếu các vị muốn tôi ở lại thì hãy xây cất một ngôi chùa cho tôn giả và một ngôi miếu cho tôi, tứ sự cúng dường không để thiếu thốn". Mọi người bằng lòng liền xây cất một ngôi chùa và một thần miếu tứ sự cúng dường đầy đủ, nửa đêm Thiên nữ đến chỗ tôn giả nghe diệu pháp, người trong thôn biết được liền chê trách cho là cùng Bí-sô làm việc phi pháp. Thiên nữ nghe rồi nổi sân chú nguyện cho người trong thôn đều bị bịnh, mọi người phải đến xin sám tạ mới hết bịnh. Tôn giả thấy việc này rồi liền cùng thị giả Cám-nhan nương hư không đi, để lại cho Thiên nữ cái chén đồng làm kỷ niệm. Thiên nữ bảo người trong thôn xây tháp để chén đồng trong đó gọi là tháp Chén đồng. Lúc đó Cám-nhan nắm chéo y của thầy nương hư không đi ngang qua một quốc độ, người ở dưới nhìn thấy đều gọi là lam-ba-đế, quốc độ đó sau cũng được gọi là Lam-ba-đế. Tôn giả mang Cám-nhan đến một nước nhỏ, vua nước đó mạng chung, người trong nước thấy tôn giả thần đức cao siêu nên đồng tôn Cám-nhan lên làm vua, tôn giả ở lại dạy cho Cám-nhan biết rõ việc nước rồi đi đến nước Ca-noa, nơi thân mẫu của tôn giả đang ở, tôn giả nói pháp cho mẹ khiến mẹ được Kiến đế. Khi ra đi tôn giả để lại cho mẹ cây tích trượng làm kỷ niệm, bà mẹ xây tháp thờ cây tích trượng này nên được gọi là tháp Tích trượng. Tôn giả đi đến nước Trung phương ngang qua Tuyết lãnh, chư thiên phương Bắc thỉnh tôn giả ở lại một thời gian. Khi ra đi tôn giả để lại đôi dép đan bằng dây gai làm kỷ niệm, chư thiên xây tháp thờ nên tháp được gọi là tháp Bố-la. Sau đó tôn giả qua sông Phược-xoa đến thành Bố-sái đã để lại tóc và móng tay cho người ở đây xây tháp thờ. Khi tôn giả trở về lại thành Thất-la-phiệt, các Bí-sô thăm hỏi có an lạc không, tôn giả nói là khổ vui đều có, các Bí-sô liền hỏi nguyên do, tôn giả đem sự việc trên kể lại cho các Bí-sô nghe rồi sau đó đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Thế tôn tuy biết rõ sự việc mà vẫn hỏi tôn giả có an lạc không, tôn giả liền đem sự việc trên kể lại, Thế tôn nghe rồi ngồi im lặng. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Bí-sô Tiên-đạo kia do nhân duyên gì bản thân làm quốc chủ thọ mọi khoái lạc lại từ bỏ tất cả nương theo Phật xuất gia, đoạn được các phiền não chứng quả A-la-hán mà vẫn không tránh khỏi bị giết bằng đao?", Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô Tiên-đạo tạo nghiệp, khi

nhân duyên thuần thục tự phải thọ lấy quả báo…", Phật nói kệ:

"Dầu trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã làm không mất,
Khi nhân duyên hội ngộ,
Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa lúc Phật không có ở đời, chỉ có một vị Độc giác ở thế gian, vì thương xót người nghèo khó nên thọ nhận vừa đủ, không tham cầu nhiều, là phước điền duy nhất ở thế gian. một hôm Độc giác đến ở trong một khu rừng, trong khu rừng này có một thợ săn thường đặt bẫy bắt nhiều hươu nai, nhưng từ khi có Độc giác đến ở thì không còn bắt được nữa. Thợ săn này noi theo dấu thân tìm đến chỗ vị độc giác bắn một mũi tên độc vào chỗ hiểm của vị độc giác, nhơn đó mạng chung. Thợ săn này sau khi biết được là bậc phước điền duy nhất ở thế gian liền dùng hương hoa cúng dường, hỏa thiêu xong xây tháp phụng thờ cầu xin sám hối, nguyện cầu được thoát khỏi quả báo trong ba đường, lại nguyện đời sau được gặp bậc Đại sư thù thắng thừa sự cúng dường. Người thợ săn này chính là Bí-sô Tiên-đạo. Do xưa kia bắn chết vị Độc giác nên trong nhiều đời thọ khổ nơi địa ngục, sau được làm người trong năm trăm đời thường bị giết bằng đao tiễn, cũng do lời phát nguyện xưa kia nên nay gặp ta xuất gia, đoạn hoặc và chứng quả nhưng vẫn không thoát khỏi bị giết bằng đao kiếm mà nhập Niết-bàn.

Các Bí-sô còn có nghi thỉnh hỏi: "Thế tôn, do nhân duyên gì vua Đảnh-kế và tất cả người trong thành Thắng-âm cùng tôn giả Ca-đa-diễn-na đều bị bụi đất lấp đè, còn hai đại thần kia lại mang được vật báu ra khỏi thành?", Phật bảo các Bí-sô: "… Các thầy lắng nghe: Thuở xưa, trong một thôn xóm nọ có một trưởng giả cưới vợ không bao lâu thì sanh được một trai, sau đó sanh thêm một gái. Đến khi lớn khôn, người con trai có vợ, còn người con gái lại không có ai đến cưới hỏi. Lúc đó có một vị Độc giác du hành trong nhân gian đến thôn xóm này, khi vào trong thôn khất thực, người con gái này quăng y phấn tảo lên người của vị Độc giác thì ngay trong ngày hôm đó có người đến hỏi cưới, mọi người đều lấy làm lạ hỏi nguyên do, người con gái này đem việc trên kể lại, người anh nghe rồi liền cười, không bao lâu sau việc này loan truyền khắp trong thôn, những người nữ khó lấy chồng bèn tranh nhau quăng y phấn tảo lên người của vị Độc giác, Độc giác sợ mọi người gây tội nên bỏ đi nơi khác. Thời gian sau có một tiên nhơn đắc ngũ thông đến thôn, các người nữ liền quăng y phấn tảo, tiên nhơn cũng bỏ đi nên họ quay sang quăng lên người cha mẹ. Trong thôn có hai trưởng

giả thấy thế liền nói với mọi người trong thôn: "Việc làm này là phi pháp sẽ chiêu lấy khổ báo". Mọi người trong thôn tuy biết trưởng giả nói phải nhưng do tà kiến chuyển tăng nên không bỏ được.

Này các Bí-sô, người con gái của ông trưởng giả đó chính là vua Đảnh kế, mọi người sanh tà kiến trong thôn đó chính là dân chúng trong thành Thắng-âm. Hai trưởng giả can ngăn ngày xưa chính là hai đại thần Lợi-ích và Trừ-hoạn, do xưa can ngăn nên nay tránh khỏi nạn bị bụi đất đè. Người anh của người con gái xưa kia chính là tôn giả Ca-đa-diễn-na, do xưa kia cười nên nay cũng bị bụi đất đè, nếu Ca-đa-diễn-na không chứng quả vô học ắt là bị bụi đất đè chết. Cho nên các Bí-sô, nếu tạo nghiệp thuần đen thì được quả dị thục thuần đen… cho đến câu nên học như thế".

Lúc đó trong thành Kiều-thiểm-tỳ có trưởng giả tên là Thiện tài giàu có đến hàng ức kim tiền, vào buổi sáng lớn tiếng ra lịnh cho các gia nhân làm việc, do nhà trưởng giả gần cung vua nên người trong cung đều nghe tiếng, vua nghe giọng nói đoán biết trưởng giả này giàu có đến hàng ức kim tiền, liền cho gọi đến hỏi: "Trong nhà khanh có bao nhiêu tiền của châu báu", liền đáp là có hàng ức kim tiền, do nhà vua nghe giọng nói mà biết được người giàu có nên được gọi là Diệu-âm. Trưởng giả vốn là người không nói dối nên vua khen ngợi lập làm tướng quốc, giúp vua trị nước bằng chánh pháp nên đức ngời sáng che át các đại thần khác khiến họ sanh đố kỵ, dèm pha. Vua nghe rồi đem nửa ức kim tiền cho bá tánh vay, xuất thu đều do tướng quốc, khi vua tra xét thấy không sơ suất một đồng nào nên sanh hy hữu tăng thêm chức vị cho ông. Do Diệu-âm hiểu rõ tài thực đều là vô thường nên tạo một nghĩa đường cấp thí và bảo người giữ Nghĩa đường nếu thấy có ai khác lạ thì báo cho ông biết. Lúc đó có năm trăm ẩn sĩ ăn mặc cũ rách, sống thiểu dục, từ phương Nam xa xôi đến nước Kiều-thiểm-tỳ, giữa đường không tìm được nước uống liền đến một gốc cây to bảo thần cây cho nước uống, từ nơi cây ló ra một cánh tay có đeo vòng xuyến cầm bình rót nước cho họ uống, uống xong liền hỏi là thần gì, thần cây đáp: "Tiền thân tôi ở gần nhà trưởng giả Cấp-cô-độc làm thọ may, những người nghèo khổ nào không biết nhà trưởng giả ở đâu thì tôi chỉ cho họ. Lại do tôi thọ trì tám chi giới nên sanh lên cõi trời Tứ đại vương chúng nương ở cây này". Năm trăm người này nghe rồi liền muốn đến nhà trưởng giả Cấp-cô-độc, trên đường đi ghé qua Nghĩa đường của trưởng giả Diệu-âm, người giữ Nghĩa đường liền báo cho trưởng giả biết, trưởng giả liền cho người kêu đến hỏi, họ nói: "Chúng tôi từ phương Nam đến muốn đến nhà trưởng giả Cấp-cô-độc ở thành Thất-la-phiệt để thọ tám chi giới", trưởng giả nói: "Các vị hãy ở lại đây, đợi ba tháng hạ xong tôi sẽ cùng đi".

Sau ba tháng hạ, trưởng giả cùng năm trăm người này cùng đến nhà trưởng giả Cấp-cô-độc trình bày sự việc, trưởng giả liền dẫn mọi người đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật quán căn cơ của họ tùy cơ thuyết pháp. Năm trăm người đều xin xuất gia sau đó đoạn trừ các lậu hoặc chứng quả A-la-hán, trưởng giả Diệu-âm được quả Dự lưu rồi liền đảnh lễ bạch Phật: "Xin Phật thương xót đến nước Kiều-thiểm-tỳ, con sẽ cất một Tỳ-ha-la cúng cho Phật và thánh chúng", Phật im lặng nhận lời rồi bảo cụ thọ Đại Chuẩn-đà cùng trưởng giả Diệu-âm trở về Kiều-thiểm-tỳ coi xây cất Tỳ-ha-la. Đại Chuẩn-đà vâng lời Phật dạy cùng Diệu-âm đến thành Kiều-thiểm-tỳ coi xây cất Tỳ-ha-la, xây cất xong sai người đến bạch Phật. Lúc đó Phật cùng đại chúng đắp y mang bát đến nhà của Diệu-âm ở thành Kiều-thiểm-tỳ, sau đó trưởng giả thỉnh Phật và tăng thọ nhận Tỳ-ha-la rồi thiết thực cúng dường, ăn xong cụ thọ Đại Chuẩn-đà và trưởng giả Diệu-âm cùng các quyến thuộc của ông đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Đại Chuẩn-đà bạch Phật: "Thế tôn, chúng con nên làm phước nghiệp gì để được quả lợi lớn, ngời sáng vô cùng, phước thường tăng trưởng, nối tiếp không dứt?", Phật nói: "Có bảy loại phước nghiệp hữu sự và phước nghiệp vô sự, nếu các thiện nam thiện nữ tịnh tín thành tựu được thì trong tất cả thời, đi đứng nằm ngồi hay ngủ thức đều được quả lợi lớn,… nối tiếp không dứt. Các người hãy lắng nghe bảy phước nghiệp hữu sự là:

Một là nếu thiện nam thiện nữ tịnh tín đem vườn cúng cho Tăng bốn phương thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

Hai là nếu ở trong vườn ấy xây chùa cúng cho Tăng bốn phương thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

Ba là nếu ở trong chùa đó sắm sửa giường ghế … các vật cần dùng của sa môn thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

Bốn là nếu ở trong chùa đó cúng dường thức ăn uống thuận theo thời đầy đủ cho Tăng thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

Năm là nếu thiện nam thiện nữ tịnh tín đối với Bí-sô khách mới đến và Bí-sô sắp đi cung cấp cúng dường thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

Sáu là nếu thiện nam thiện nữ tịnh tín đối với Bí-sô bịnh và người nuôi bịnh cung cấp cúng dường thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

Bảy là nếu thiện nam thiện nữ tịnh tín có thể tùy thời lạnh nóng, gió mưa… mà cúng dường cho Tăng khỏi phải khổ sở, an thân tiến tu thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

Nếu thiện nam thiện nữ tịnh tín kỳ hạn kết nguyện hành bảy phước nghiệp hữu sự này không gián đoạn thì được phước vô lượng. Được phước như vậy, được quả lợi như vậy, chiêu cảm được thân thắng diệu như vậy cũng chỉ có thể gọi là Đại phước tụ. Như năm con sông lớn hòa hợp một chỗ đồng chảy ra biển cả, đó là sông Kinh già, sông Diễm mẫu, sông tát la dụ, sông A-thị-la-phạt-đế, sông Mạc-hy. Lượng nước của năm con sông này không thể lường biết được, chỉ có thể gọi là Đại thủy tụ".

Lúc đó cụ thọ Đại Chuẩn-đà xin Phật nói rõ bảy phước nghiệp vô sự, Phật nói: "Có bảy phước nghiệp vô sự nếu thiện nam thiện nữ tịnh tín nào thành tựu được thì trong tất cả thời, đi đứng nằm ngồi hay thức ngủ đều được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt. Bảy phước nghiệp vô sự là:

1. nếu thiện nam thiện nữ tịnh tín nghe có Như lai hay đệ tử của Như lai nương ở nơi thôn xóm nào liền khởi tâm hoan hỉ muốn xuất ly thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

2. nếu thiện nam thiện nữ tịnh tín nghe Như lai hay đệ tử của Như lai muốn đến nơi này liến sanh tâm hoan ly cấu xuất ly thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

3. Nếu có thiện nam thiện nữ tịnh tín nghe Như lai hay đệ tử của như lai đi bộ đến liền khởi tâm hoan hỉ muốn cầu xuất ly thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

4. Nếu có thiện nam thiện nữ tịnh tín nghe Như lai hay đệ tử của Như lai sắp đến thôn xóm thành ấp nào đó liền sanh tâm hoan hỉ cầu xuất ly thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

5. Nếu có thiện nam thiện nữ tịnh tín đến chỗ như lai hay đệ tử của như lai kính lễ, gặp mặt rồi sanh tâm hoan hỉ cấu xuất ly thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

6. Nếu có thiện nam thiện nữ tịnh tín đến chỗ như lai hay đệ tử của như lai nhất tâm lắng nghe diệu pháp, nghe pháp rồi sanh tâm hoan hỉ cầu xuất ly thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

7. Nếu thiện nam thiện nữ tịnh tín sau khi nghe pháp rồi có thể thọ trì Tam quy và năm học xứ thì sẽ được quả lợi lớn… nối tiếp không dứt.

Bảy loại phước nghiệp vô sự này nếu thiện nam thiện nữ tịnh tín kỳ hạn kết nguyện hành trì không gián đoạn thì được phước vô lượng… chỉ có thể gọi là Đại phước tụ. Như năm con sông họp lại một chỗ… chỉ có thể gọi là Đại thủy tụ".

Thế tôn nói pháp rồi liền nói kệ:

"Năm sông trong sạch tẩy sạch vật, Như bến chứa báu dẫn các dòng, Khiến người và thú được nương nhờ, Các sông tranh chảy không ngừng dứt. Nếu ai hay tu phước hữu sự,

Và phước vô sự sanh hoan hỉ,

Thắng phước thường chảy về người này, Như nước các sông chảy ra biển."

Cụ thọ Đại Chuẩn-đà và trưởng giả Diệu-âm cùng đại chúng trời người nghe Phật nói pháp rồi đảnh lễ hoan hỉ phụng hành. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi hỏi Phật: "Thế tôn, trưởng giả Diệu-âm này từng tạo nghiệp gì mà vua chỉ nghe giọng nói liền biết là người có ức kim tiền, nhơn đó được gọi là Diệu-âm?", Phật bảo các Bí-sô: "Thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư suốt mười hai năm không mưa, có một trưởng giả tên là Thiện hiệp sai người thủ kho xuất kho bố thí phẩm vật và cúng dường thức ăn uống cho một ngàn vị Độc giác. Người lo việc báo giờ thọ thực thường dẫn theo một con chó đến chỗ các vị Độc giác báo giờ, một hôm bận nhiều việc nên quên, gần tới giờ ngọ, con chó chạy đến báo giờ, các vị Độc giác nghe tiếng chó sủa biết là đến giờ thọ thực nên cùng đi đến chỗ thỉnh thực. Lúc đó con chó lại chạy đến chỗ người lo việc cúng dường thức ăn sủa mấy tiếng, người kia nghe tiếng chó sủa liền biết các Thánh giả đã đến, vội đem thức ăn uống ra dâng cúng.

Này các Bí-sô, trưởng giả Thiện hiệp là tiền thân của ta, người thủ kho là trưởng giả Cấp-cô-độc, người lo việc báo giờ thọ thực là vua Ô-đà-diễn na, con chó báo giờ chính là trưởng giả Diệu-âm, do xưa kia sủa báo giờ cho các Độc giác nên nay được giọng nói tốt. Tất cả đều do nhân duyên đời trước nay thọ quả báo". Các Bí-sô nghe rồi đều hoan hỉ tín thọ.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 47

Học Xứ Thứ Tám Mươi Hai: ***VÀO CỬA CUNG VUA*** *(Tiếp Theo)*

Phật ở trong Trúc lâm thành Vương xá, lúc đó có một tráng sĩ sức địch cả ngàn người từ phương Nam đến gặp vua Ảnh-thắng, tự xưng mình là dũng kiện vô song; vua nghe rồi hoan hỉ phong chức vị đại tướng và ban nhiều bổng lộc. Lúc đó ở giữa hai nước Ma-kiệt-đà và nước Kiều-tát-la ở chỗ đồng hoang rộng lớn có bọn cướp năm trăm người thường giết hại thương khách nên ít ai dám đi ngang qua nơi đây. Vua Ảnh-thắng liền ra lịnh đại tướng dẫn binh đến đó dẹp giặc cướp, đại tướng vâng lịnh vua dẫn binh đến đó, vừa thấy bọn cướp liền một mình bắn tên giết chết một trăm tên cướp rồi bảo những tên cướp còn lại: "Các ngươi hãy buông vũ khí xuống và hãy nhìn xem những kẻ vừa bị tên bắn có ai còn sống không", bọn cướp nghe rồi đến xem thì thấy những người bị tên bắn đều đã chết, biết vị đại tướng này giỏi về xạ pháp nên không dám đánh nữa, cùng xin đầu hàng để được sống. Đại tướng thương xót cho xây một thành mới nơi ranh giới giữa hai nước cho những tên cướp này ở, không làm kẻ cướp nữa, được gọi là thành Khoáng dã. Vì thế họ nhớ ơn và cùng lập quy chế: Nếu có tiệc cưới hỏi thì phải mời đại tướng ăn trước, họ ăn sau. Lúc đó có một người nhà nghèo cưới vợ nhưng không có đủ tiền làm tiệc chiêu đãi, người ấy suy nghĩ: "Ta nghèo không đủ tiền làm tiệc, không thể mời đại tướng ăn trước, ta nên đem vợ mới cưới này dâng cho đại tướng trước rồi về với ta sau", nghĩ rồi liền bảo người vợ mới cưới đến nhà đại tướng trước rồi mới về nhà mình, từ đó về sau người trong thành đều làm theo như thế. Sau đó có một người nữ sắp lấy chồng liền suy nghĩ: "Người trong thành này từ lâu nay đã làm việc phi pháp, tự đem vợ đẹp của mình hiến dâng cho người hưởng trước, ta nên làm cách gì để chấm dứt việc làm phi pháp này", nghĩ rồi người con gái này vào giữa ban ngày ở chỗ đông người cởi quần tiểu tiện, mọi người thấy rồi đều chê trách là không biết xấu hổ, người con gái

này nói: "Đối với trượng phu có thể có xấu hổ, chứ đối với phụ nữ có gì là xấu hổ, vì nếu là trượng phu thì đâu có chuyện đem vợ mới cưới của mình đưa cho người hưởng trước", mọi người nghe rồi cảm thấy xấu hổ liền cùng nhau bàn tính tìm cách giết đại tướng kia. Sau đó chờ khi đại tướng này vào trong ao tắm, họ đồng loạt cầm dao đâm chém giết chết đại tướng, đại tướng này lúc sắp chết liền suy nghĩ: "Do các ngươi tự ý làm quy chế, không phải là bổn ý của ta, ta vô tội mà bị chết oan", nghĩ rồi liền phát tà nguyện: "Ta nguyện bỏ thân này thọ sanh làm Dược xoa bạo ác để ăn thịt hết nam nữ trong thành này", nguyện xong thì chết, sau đó thọ sanh trong loài Dược xoa nương ở trong rừng Khoáng dã, do oán cừu đời trước nên gây não hại khiến cho nhiều người trong thành này bịnh chết. Người trong thành sau khi biết được nguyên do liền đến trong rừng sám tạ Dược xoa và giao ước hằng ngày luân phiên nạp một người cho dược xoa ăn thịt, hễ nhà ai đến phiên nạp mạng thì ngay trước cửa nhà có treo bảng báo, nhà đó tùy ý chọn một người hoặc chủ nhà hoặc cho con đến nạp mạng. Lúc đó đến phiên nhà của một trưởng giả nạp mạng, trưởng giả này nhờ khẩn cầu trăm thần miếu mới sanh được một trai nên khi nhìn thấy tấm bảng báo, người vợ liền thương khóc, trưởng giả nói: "Nghiệp thuộc như vậy biết phải làm sao, nàng không nên ưu sầu và sanh ái luyến, nên đem hài nhi nạp cho Dược xoa", nói rồi liền bồng hài nhi đến để trong rừng nạp cho dược xoa rồi trở về nhà lên lầu cao khấn vái nói kệ:

"Linh kỳ đầy khắp trong thế gian,
Tự điều phục căn cứu chúng sanh,
Con vì hài nhi ai cầu khẩn,
Xin đức từ bi cứu hộ con".

Lúc đó Phật dùng Phật nhãn quán chiếu biết rõ mọi việc, thương xót tất cả nam nữ trong thành Khoáng dã và cũng biết họ đến lúc được hóa độ nên du hành đến thành Khoáng dã nói diệu pháp cho Dược xoa khiến nó sanh tịnh tín, thọ Tam quy và năm học xứ. Sau đó Dược xoa nói kệ thỉnh hỏi Phật:

"Sao gọi là tối thắng tài của trượng phu,
Tu hành thế nào làm lợi lạc chúng sanh,
Bậc nhất trong các mùi vị là vị gì,
Tối thắng trong các mạng sống là mạng gì?"

Phật đáp:

"Tín là tối thắng tài của trượng phu,
Pháp thiện thường tu, lợi lạc chúng sanh,

Trong các mùi vị, thật ngữ bậc nhất,
Trong các mạng sống, huệ là tối thắng".

Dược xoa hỏi:

"Thế nào đủ của báu,
Thế nào có danh xưng,
Thế nào được người kính,
Thế nào thêm bạn lành?".

Phật đáp:

"Ưa thí đủ của báu,
Trì giới có danh xưng,
Thật ngữ được người kính,
Không xẻn thêm bạn lành".

Dược xoa hỏi:

"Do đâu thế gian sanh,
Do đâu được danh xưng,
Do đâu được thành lập,
Do đâu bị suy tổn?".

Phật đáp:

"Thế gian do sáu loài sanh,
Cũng do sáu được danh xưng,
Cũng do sáu được thành lập,
Cũng do sáu bị suy tổn."

Dược xoa hỏi:

"Làm sao lìa ngu si,
Ngày đêm không trói buộc,
Đối duyên gì không trụ,
Không sợ nơi hầm sâu?".

Phật đáp:

"Định huệ lìa ngu si,
Xả chấp không trói buộc,
Đối cảnh duyên không trụ,
Trì giới khỏi hầm sâu".

Dược xoa hỏi:

"Ai qua được bộc lưu,
Ai vượt qua biển cả,
Ai lìa được các khổ,

Ai được tâm thanh tịnh?".

Phật đáp:

"Tín qua được bộc lưu,
Cẩn thận qua biển cả,
Tinh cần lìa các khổ,
Có huệ, tâm thanh tịnh.

Ngươi nay cần nên hỏi:

Sa môn, Bà-la-môn
Lìa thật ngữ, bố thí,
Còn có thắng pháp chăng?".

Dược xoa đáp:

"Nay con cần gì hỏi,
Sa môn, Bà-la-môn
Thế tôn đại trí huệ,
Hay nói chơn diệu pháp,
Con từ nay về sau,
Đi khắp trong thế gian,
Thường kính lễ Thế tôn,
Và kính trọng chánh pháp,
Thế tôn đại từ bi,
Giáng lâm trú xưa con,
Nay con chắc chắn biết,
Sẽ dứt đường sanh tử".

Lúc đó Dược xoa mang hài nhi dâng lên Thế tôn, Thế tôn nhận rồi trao lại cho cha mẹ của nó, ***nói kệ rằng:***

"Tay Mật tích trao cho tôi,
Tay tôi trao lại cha mẹ,
Do tay truyền trao cho nhau,
Nên gọi tên Khoáng-dã-thủ".

Do việc này nên hài nhi mang tên là Khoáng-dã-thủ, dần dần lớn khôn; lúc đó ở thành khoáng dã chưa có vua, mọi người cho là đồng tử Khoáng-dã-thủ có đại phước đức, được Thế tôn hộ niệm nên đồng lòng tôn lên làm vua. Về phía Bí-sô ni Thế-la từ thành Thắng-âm dẫn con gái của đại thần Trừ-hoạn tên là Cám-dung giao cho trưởng giả Diệu-âm nuôi nấng, đến tuổi trưởng thành, dung mạo đoan nghiêm được mọi người yêu mến. Lúc đó vua Ảnh-thắng nước Ma-kiệt-đà, vua Thắng quang nước Kiều-tát-la, vua Minh-thắng nước Kiều-thiểm-tỳ, các vị Lật-cô-tỳ ở thành Quảng-

nghiêm cùng các quý tộc khác đều sai sứ mang tín vật đến nhà trưởng giả Diệu-âm hỏi cưới Cám-dung. Trưởng giả thấy việc này rồi liền suy nghĩ: "Người đến hỏi cưới Cám-dung phần nhiều là quốc vương, nếu ta không chấp thuận sẽ sanh oán hận gây não hại cho ta", nghĩ rồi liền bảo Cám-dung: "Tùy ý con lựa chọn". Lúc đó sứ giả của các quốc vương quý tộc đều tụ tập trong vườn hoa của trưởng giả Diệu-âm, trưởng giả liền đem y phục thượng diệu và châu ngọc vô giá trang sức cho Cám-dung, cho ngồi trên đại tượng, tay cầm vòng hoa đến trong vườn hoa, dặn Cám-dung rằng: "Nếu con muốn lấy ai làm chồng thì quăng vòng hoa này vào người họ". Cám-dung đến chỗ mọi người đang tụ tập hỏi rằng: "Sứ của vua Khoáng-dã-thủ hiện ở đâu?", mọi người chỉ rồi, Cám-dung liền quăng vòng hoa tới phía đó và nói rằng: "Đồng tử được Phật nhận từ tay của dược xoa sẽ là chồng tôi", mọi người nghe rồi đều giải tán. Sau đó trưởng giả đem y phục thượng diệu trang sức cho Cám-dung rồi dùng voi ngựa khỏe đẹp chở châu báu, anh lạc với nhiều người hầu tiễn đưa Cám-dung đến thành Khoáng dã, đến nơi thì trời tối cửa thành đã đóng nên xe ngựa của Cám-dung phải ở ngoài cửa thành ngủ qua đêm. Do Thế tôn quán biết Khoáng-dã-thủ có thể được hóa độ, nếu để cho Khoáng-dã-thủ gặp được Cám-dung thì bị ái nhiễm ràng buộc ở trong sanh tử không thể xuất ly, không được Thánh quả; cho nên Thế tôn liền từ thành Vương xá đi đến thành Khoáng dã, gần đến cửa thành thì mặt trời lặn, Thế tôn liền ở trong một trại nuôi bò bỏ hoang ngủ qua đêm. Lúc đó Khoáng-dã-thủ nghe tin Thế tôn đã đến ở ngoài thành ngủ qua đêm trong một trại nuôi bò bỏ hoang nên trời vừa sáng liền ra thành đến kính lễ Thế tôn, ra tới cửa thành liền thấy đoàn xe ngựa của Cám-dung liền hỏi rõ nguyên do, Khoáng-dã-thủ nghe xong liền bảo tùy tùng rước vào cung rồi đi đến chỗ Phật thăm hỏi có an không, Phật nói: "Này Khoáng-dã-thủ, trong thế gian này người ngủ được an ổn nhất chính là Như lai", liền nói kệ:

"Hay trừ được tội ác,
Không bị dục trói buộc,
Lìa nhiễm về viên tịch,
Nên ngủ được an ổn.
Trừ được bịnh nhiệt não,
Đoạn tất cả mong cầu,
Tâm thường được tịch tĩnh,
Người đó ngủ an ổn".

Lúc đó Thế tôn liền nói pháp yếu khiến cho Khoáng-dã-thủ ngay nơi chỗ ngồi chứng được quả Bất hoàn. Sau đó Khoáng-dã-thủ đảnh lễ Phật rồi

trở về trong cung nói với Cám-dung: "Tôi đã lìa dục, không còn ham muốn, nàng đã đến đây tùy ý đi hay ở, không ai ngăn cản", Cám-dung nói: "Tôi muốn ở lại làm người cấp thí cho Phật tử". Khoáng-dã-thủ sau đó cho xây cất một trú xứ ở ngoài thành cúng cho Phật và tăng, tứ sự cúng dường đầy đủ…, thời gian sau Khoáng-dã-thủ lâm bịnh qua đời, sanh lên cõi trời Vô nhiệt, khởi ba tâm biết rõ rồi đến chỗ Phật đảnh lễ, Phật hỏi: "Này Khoáng-dã-thủ, do nhơn gì được sanh lên cõi trời Vô nhiệt?", thiên tử Khoáng-dã-thủ nói kệ đáp:

"Do con gặp Thế tôn,
Nghe Phật nói diệu pháp,
Và cúng dường tăng chúng,
Tâm không sanh nhàm đủ,
Thọ hành pháp thượng nhơn,
Xa lìa các tham ái,
Thường tu tập ba việc,
Nên sanh trời Vô nhiệt".

Nói kệ xong đảnh lễ Phật rồi biến mất. Do các Bí-sô trong đêm thấy ánh sáng chiếu khắp rừng nên trời vừa sáng liến đến chỗ Phật thỉnh hỏi: "Thế tôn, Khoáng-dã-thủ từng tạo nghiệp gì vừa gặp mặt Cám-dung liền bỏ đi và chứng được quả Bất hoàn?", Phật nói: "Này các Bí-sô hãy lắng nghe: Thuở xưa có hai người con của vị đại thần, người anh tên là Thủ-túc-võng-man, người em tên là Vô-võng-man; người anh đã tu đắc năm thông còn người em đang thọ học. Vị thầy dạy có một con gái tên là Diệu dung, dung mạo đoan trang đến tuổi trưởng thành muốn lấy Vô-võng-man làm chồng nên đến nói với Vô-võng-man: "Cha mẹ bảo tôi đến làm vợ anh". Vô-võng-man không chấp thuận, Diệu dung nổi giận, Vô-võng-man bỏ trốn, Diệu dung đuổi theo yêu cầu làm chồng cô, Vô-võng-man vẫn không chấp thuận nên Diệu dung cầm dao muốn giết. Vô-võng-man biết không tránh khỏi nạn này nên chắp tay niệm: "Nam mô Đại tiên Thủ-túc-võng-man", vừa niệm xong, đại tiên liền hiện nắm tay Vô-võng-man đưa đến trong rừng ở trong một trại bò bỏ hoang, cho Vô-võng-man xuất gia, dạy tu thắng pháp chứng được năm thông. Này các Bí-sô, người anh tu đắc năm thông chính là ta, Vô-võng-man chính là Khoáng-dã-thủ, Diệu dung chính là Cám-dung. Xưa kia ta thấy người em sắp bị hại liền đến cứu, cho xuất gia dạy tu thắng pháp chứng được năm thông, xa lìa oán đối của người nữ ; nay lại khiến cho Khoáng-dã-thủ thoát khỏi bị Cám-dung ràng buộc mà được xuất ly. Cho nên các thầy ở trong pháp hữu lậu phải mau xa lìa."

Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, do nhân duyên gì Khoáng-dã-thủ khi vừa mới sanh liền bị đem nạp cho Dược xoa ăn, lại được Thế tôn đến cứu thoát?", Phật nói: "Các thầy lắng nghe: Thuở xưa trong một thành nọ có nhà vua thích ăn thịt, lúc đó có một người muốn cầu thân với vua nên đem con gà phụng hiến, vua liền sai người đưa xuống nhà bếp làm món ăn ngon cho vua, người hiến gà suy nghĩ: "Ta không nên để cho con gà vì ta mà bị giết", nghĩ rồi liền đem số tiền gấp đôi giá tiền một con gà đến trong nhà bếp chuộc lại gà rồi đem phóng sanh và nguyện rằng: "Do ta đem phụng hiến nên con gà suýt bị giết chết, nguyện xin đời sau khỏi bị quả báo. Nay ta chuộc lại rồi đem phóng sanh, nguyện xin đời sau nếu khi gặp ách nạn sẽ được bậc Đại sư thù thắng đến cứu. Các thầy biết chăng, người hiến gà xưa kia chính là Khoáng-dã-thủ, do sức phát nguyện nên nay được ta đến cứu. Nên học như thế".

Sau khi Khoáng-dã-thủ qua đời, Cám-dung trở về nhà của trưởng giả Diệu-âm, vua nước Kiều-thiểm-tỳ là Ô-đà-diên nghe Cám-dung chưa bị nam tử xúc chạm đã trở về nhà cũ, liền đến hỏi cưới làm vợ. Cưới xong cho Cám-dung ở cung Diệu hoa có ngàn thị nữ hầu hạ, hằng ngày vua chi ra một ngàn kim tiền để đáp ứng mọi thứ cần dùng. Trong số các thị nữ có một thị nữ tên là Khúc tích (do xương sống cong mà thành tên) hằng ngày cầm một ngàn kim tiền mua hương, nhưng chỉ mua hương có năm trăm kim tiền còn lại năm trăm lấy dùng riêng, lại lén tư thông với người chủ hiệu bán hương. Thời gian sau cả hai đồng tâm thiết cúng Phật và Tăng… Phật và Tăng ăn xong liền ngồi một bên nghe nói pháp, sau khi nghe pháp liền được sơ quả. Sau khi được Kiến đế, Khúc tích không xén bớt năm trăm kim tiền nữa mà mua đủ một ngàn kim tiền hương đem về, Cám-dung thấy hương nhiều hơn trước liền hỏi nguyên do, Khúc tích trình bày sự thật, Cám-dung nghe rồi cho là điều hy hữu nên bảo Khúc tích: "ta không tiện ra ngoài, ngươi hãy hằng ngày đến chỗ Thế tôn nghe pháp rồi về nói lại cho ta nghe". Khúc tích vâng lời đến chỗ Thế tôn nghe pháp rồi trở về cung, lúc đó Cám-dung ở trên tòa cao bảo Khúc tích nói lại, Khúc tích nói: "Lễ nghi nghe pháp không phải như vậy", Cám-dung liền cho trải thắng tòa mời khúc tích lên tòa nói lại pháp, Cám-dung ngồi ở tòa thấp nghe, nghe pháp xong liền chứng quả Bất hoàn.

Lúc đó có một Bà-la-môn người nước Sa-ma tên là Vô-ưu, vợ tên là Xá-lợi, có một người con gái dung sắc tuyệt trần, được mọi người yêu mến nên gọi là Vô tỷ, đến tuổi trưởng thành Vô tỷ suy nghĩ: "Nếu ai dung nghi đẹp như ta, ta mới chịu làm vợ". Lúc đó Thế tôn vào thành Kiều-thiểm-tỳ theo thứ lớp khất thực rồi trở về bổn xứ, thọ thực xong vào trong rừng vắng

tĩnh tọa. Bà-la-môn Vô ưu thấy dung nghi của Phật rồi liền suy nghĩ: "Trượng phu này thật xứng đôi với con gái ta", nghĩ rồi liền trở về nhà nói với vợ: "Ta đã tìm được một người rất xứng đôi với con gái của ta, bà hãy trang sức cho con gái bằng các anh lạc để chuẩn bị làm lễ cưới", bà vợ hỏi người đó là ai, Bà-la-môn nói là sa môn Kiều-đáp-ma, bà vợ nghe rồi liền nói kệ:

"Tôi từng ở trong nước,
Thấy Đại tiên khất thực,
Đi chỗ đất không bằng,
Theo chân Ngài cao thấp,
Bậc đại nhân như vậy,
Đâu nghĩ chuyện vợ con".

Bà-la-môn Vô ưu nói:

"Xá lợi chẳng khéo nói,
Việc tốt nói thành xấu,
Dù tâm kia tinh tấn,
Có sức đại oai thần,
Nếu thấy gái Vô tỷ,
Liền sanh tâm ưa thích".

Nói rồi Vô ưu liền dùng y phục thượng diệu và các anh lạc trang sức cho con gái thật đẹp, sau đó cùng đoàn tùy tùng đưa con gái đến chỗ Phật. Trên đường đi thấy dấu chân của Phật in trên đất có tướng thiên bức luân, Vô ưu chỉ cho vợ thấy và nói: "Đây là dấu chân của người chồng tương lai của Vô tỷ", bà vợ thấy rồi liền nói kệ:

"Người nhiễm dục, dấu chân không thẳng,
Người sân nhiều, chỗ đạp đất cứng,
Người ngu si, dấu chân không rõ,
Dấu chân này của người lìa dục".

Vô ưu nói:

"Xá lợi không khéo nói,
Việc tốt nói thành xấu,
Dù tướng kia thiên bức,
Có sức đại oai thần,
Nếu thấy gái Vô tỷ,
Liền sanh tâm ưa thích".

Đi một đoạn nữa liền thấy phu cụ cỏ của Phật nằm, Vô ưu liền nói với vợ: "Đây là phu cụ cỏ của người chồng tương lai của Vô tỷ", bà vợ thấy

phu cụ cỏ không rối loạn liền nói kệ:

"Người nhiễm dục nằm nhiều lỗ hủn,
Chỗ người sân nằm, cỏ trải cứng,
Chỗ người si nằm, cỏ dọc ngang,
Chỗ nằm này của người lìa dục".

Vô ưu nói:

"Xá lợi không khéo nói,
Việc tốt nói thành xấu,
Dù cỏ kia không rối,
Có sức đại oai thần,
Nếu thấy gái Vô tỷ,
Liền sanh tâm ưa thích".

Khi đến chỗ Phật, Vô ưu nói kệ:

"Người hãy xem nàng này,
Sắc đẹp không ai sánh,
Cần vợ tôi trao cho,
Nghi dung đẹp tương tợ,
Cũng như trăng đêm rằm,
Trăng sao cùng chiếu sáng".

Phật nghe kệ rồi liền suy nghĩ: "Nếu ta nói lời dịu dàng, người con gái này sẽ tình sanh quyến luyến, sau khi rời khỏi nơi đây sẽ nhơn đây mạng chung. Nay ta nên thị hiện sự chê hiềm mà nói với người cha", nghĩ rồi Phật liền nói kệ:

"Ma vương hiến ba nàng,
Tuyệt sắc nhất thế gian,
Trang sức đầy anh lạc,
Ta còn không khởi dục,
Huống chi thân ti tiện,
Đầy chất bất tịnh này,
Muốn đến gần chân ta,
Cũng không có việc ấy".

Vô tỷ nghe rồi tâm sanh buồn giận, nhìn cha rồi cúi đầu, Vô ưu nhìn con gái rồi nói kệ:

"Con tôi đẹp như hoa,
Tuyệt sắc không ai bằng,
Người nay tại sao lại,
Không có tâm yêu thương?".

Phật nói:

"Người ngu si thế gian,
Đối cảnh sanh ái chấp,
Nếu thấy người đẹp này,
Tâm liền sanh điên đảo.
Ta là Phật thứ bảy,
Chứng được quả Vô thượng,
Như sen lên khỏi nước,
Không bị dục trần nhơ".

Vô ưu nghe Phật nói rồi liền cùng vợ và Vô tỷ bỏ ra về, lúc đó có một Bí-sô già vốn là ngoại đạo xuất gia đứng cách Phật không xa nhìn thấy Vô tỷ liền sanh ái nhiễm liền nói kệ cầu xin Phật:

"Phật nhãn chiếu sáng khắp, Xin nhận nàng Vô tỷ,

Cho con làm thê thất, Tùy tình được thọ dụng".

Phật nghe rồi im lặng không nói, Bí-sô già do tâm nhiễm bức bách liền bạch Phật:

"Y bát này của Phật,
Tích trượng và quân trì,
Cùng giới đều trả lại,
Con nay theo nàng ấy".

Nói rồi xả y bát và học xứ đi đến chỗ Bà-la-môn Vô ưu nói rằng: "Cho tôi được cưới Vô tỷ làm vợ", Vô ưu mắng rồi không thèm nói đến, Bí-sô già không toại được sở nguyện liền hộc máu mà chết. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, do nhân duyên gì Vô ưu đem Vô tỷ phụng dâng, Thế tôn không nạp thọ?", Phật bảo các Bí-sô: "Không phải là không có nhân duyên, các thầy lắng nghe: Thuở xưa có một người thợ rèn sanh được một con gái, con gái tuy tuổi đã lớn nhưng ông ỷ nơi nghề khéo của mình mà không chịu gả cho ai, nghề khéo của ông là để một cây kim trên mặt nước không chìm. Lúc đó có một đồng tử Bà-la-môn lại cao tay nghề hơn có thể dùng bảy cây kim xỏ vào một lỗ kim rồi để trên mặt nước không chìm. Đồng tử này muốn điều phục người thợ rèn kia nên đến trước cửa ngỏ nhà ông rao bán kim, người con gái nghe rao liền ra cửa chê cười nói:

"Ông là người ngu si,
Hoặc không có tâm thức,
Đến trước nhà thợ rèn,
Lớn tiếng rao bán kim"

Đồng tử liền nói kệ:

"Hiền thủ, tôi không ngu,
Không phải không tâm thức,
Muốn phá lòng kiêu mạn,
Nên đến rao bán kim,
Cha cô nếu biết tôi,
Tay nghề cao hơn nhiều,
Ắt đem cô gả cho,
Và cho cả gia sản".

Người cha nghe rồi liền hỏi đồng tử: "Ngươi nói tay nghề cao hơn nhiều là thật hay hư?", đồng tử liền dùng bảy cây kim xỏ qua một lỗ kim rồi để nổi trên mặt nước không chìm, người cha thấy rồi liền muốn đem con gái gả cho đồng tử làm vợ, đồng tử nói: "Ta thuộc tộc tánh Bà-la-môn cao quý há lại sánh đôi với con gái dòng họ thợ rèn sao?", nói rồi liền bỏ đi.

Này các Bí-sô, đồng tử Bà-la-môn xưa kia là tiền thân của ta, người thợ rèn chính là Vô ưu, cô con gái chính là Vô tỷ. Xưa kia ta còn đầy đủ phiền não vẫn từ bỏ người nữa kia huống chi nay đã ly dục, là bậc Vô thương sư mà sanh tham nhiễm hay sao? các thầy nên học như thế."

Các Bí-sô lại thỉnh hỏi Phật: "Vì nhân duyên gì Bí-sô già kia lại vì Vô tỷ mà chết?", Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô già ấy không phải chỉ đời này vì Vô tỷ mà chết, từ thuở xa xưa cũng đã vì Vô tỷ mà phải chết, các thầy lắng nghe: Thuở xưa trong một thành tên là Sư tử kiếp, vua tên là Sư tử đảnh là bậc đại pháp vương, trong nước dân chúng sống no ấm an vui, không có oán địch chiến tranh, không có người ác dua nịnh hại nhau, cũng không có tai họa và các bịnh khổ… Trong thành có một thương chủ tên là Sư tử giàu có thọ dụng đầy đủ… giống như duyên khởi trong giới thứ tám Tăng-già-phạt-thi-sa nói về Thật-lực-tử, chỉ khác người con trai của thương chủ trong giới này tên là Sư-tử-dận… cho đến câu thương chủ Sư tử hằng ngày trông coi gia nghiệp quên ăn bỏ ngủ, Sư-tử-dận thấy cha vất vả khó nhọc như vậy liền thưa với cha: "Vấn đề miệng bụng, mỗi người phải tự giải quyết, con ngồi không ăn của cha là điều không nên. Nay con muốn vào trong biển tìm cầu châu báu". Người cha nói: "Con không cần khổ nhọc tìm cầu, trong kho của nhà ta có nhiều vàng bạc châu báu tùy ý con thọ dụng", Sư-tử-dận nói: "Con rất muốn ra biển tìm đến Bảo châu", người cha thấy con đã quyết ý nên nói: "Cha thuận theo ý nguyện của con, nếu gặp cảnh khổ gì thì con phải nhẫn chịu". Sau đó người cha cho đánh trống thông

báo cho các thương chủ xa gần trong thành ấp biết: "Các thương chủ nên biết, ai có thể cùng đi với thương chủ Sư-tử-dận ra biển tìm châu báu thì nên chuẩn bị lo liệu hàng hóa và hành lý, khi qua các trạm quan thuế sẽ khỏi đóng thuế". Lúc đó có năm trăm thương nhơn nghe thông báo rồi liền đến chỗ thương chủ Sư-tử-dận cùng ước hẹn ngày khởi hành xong, mỗi người đều trở về từ tạ cha mẹ thân quyến rồi chuyên chở hàng hóa đến để cùng thương chủ Sư-tử-dận lên đường. Trải qua các thành ấp cuối cùng đến bến cảng, thương chủ lấy năm trăm kim tiền thuê thuyền ra biển và tìm thuê năm người: Một người có thể nhìn xa hiểu rộng, một người có thể lái thuyền, một người có thể sửa chữa thuyền, một người có thể lặn sâu, một người là thuyền trưởng lèo lái con thuyền ra biển tìm Bảo châu. Khi thuyền sắp nhổ neo, thuyền trưởng nói với mọi người: "Trong biển cả nguy an không phải một: Hoặc gặp gió bão bất ngờ đưa thuyền tấp vào vách núi, hoặc bị răng cưa của cá Kình đâm lủng thuyền phải chìm. Khi gặp nạn gấp mọi người phải có phương tiện cứu hộ như phao nổi để phòng thân'", các thương nhơn nghe rồi cùng nói với nhau: "Trong biển cả an nguy khó biết trước, chúng ta nên theo lời thuyền trưởng chuẩn bị phao nổi để phòng thân". Khi thuyền vào biển cả gặp phải cá Ma kiệt lớn phá vỡ thuyền, mọi người đều nương phao nổi trôi theo làn sóng, do mạng số chưa hết nên gặp cơn gió Bấc thổi trôi giạt vào bờ phía nam ở châu Xích-đồng. Trên châu này có nhiều La-sát nữ ở, chúng có thể biến hình theo ý muốn, nếu thấy các thương nhơn bị vỡ tàu trôi giạt đến, chúng sẽ dùng lời dịu ngọt cám dỗ. Trên thành trì của La-sát nữ có dựng hai cây phướn: Một tên là Khánh hỉ, hai tên là Khủng úy, khi hai cây phướn này lay động là báo điềm tốt hoặc xấu. Khi các thương nhơn trôi giạt đến nơi này thì cây phướn khánh hỉ lay động, các La-sát nữ nói với nhau: "Chúng ta hãy ra bờ biển, chắc là có người từ châu Thiệm bộ trôi giạt đến đây". Chúng hóa làm mỹ nữ đoan trang cùng nhau ra bờ biển nhìn quanh bốn phía, thấy có nhiều người nương phao nổi đang trôi giạt vào bờ liền hóa nhiều anh lạc trang sức trên người với nhiều vật thực mang đến, nói với các thương nhơn rằng: "Thiện lai các hiền thủ, các vị đã trôi giạt theo sóng biển rất là khổ sở, hãy về nhà chúng tôi nghỉ ngơi". Trong thành này đã có nhiều thương nhơn trôi giạt tới trước đều bị nhốt trong thành sắt để các La-sát nữ ăn thịt dần dần. Lúc đó các La-sát nữ đưa các thương nhơn mới trôi giạt tới này về nhà chúng rồi nói với mọi người: "Nhà cửa, y phục, thức ăn và các vật dụng ở đây các vị cứ tùy ý thọ dụng. Chúng tôi không có chồng, nếu các vị không chê bai thì chúng tôi nguyện cùng kết đôi", sau đó chúng dẫn mọi người tham quan các vườn hoa đẹp và chỉ các kho tàng châu báu và nói với mọi người: "Tất cả vật báu

trong đây như vàng bạc, lưu ly, chơn châu, ma ni, xa cừ, mã não… các vị cứ tùy ý thọ dụng, và hãy cùng chúng tôi chung sống chớ có nghi ngờ gì. Trên châu này chỉ có thành phía nam là các vị không nên đến"

Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Ta không thấy có một thứ gì làm mê say khiến thế gian bị tham nhiễm ràng buộc hơn là nữ sắc. Các thầy nên biết, người nữ có thể làm cho tất cả người nam chìm đắm, người nam khi thấy người nữ liền mê muội hoang dâm mất chí hướng, phẩm thiện thắng diệu sẽ không còn giữ nơi tâm. Cho nên các thầy phải cầu giải thoát, siêng năng tu tập hạnh ly dục, đối với các cảnh nhiễm khởi pháp quán bất tịnh, nên học như thế".

"Lúc đó các thương nhơn cùng các La-sát nữ chung sống, trải qua nhiều năm họ đều có con, một hôm Sư-tử-dận bỗng suy nghĩ: "Tại sao các người nữ này không cho chúng ta đi đến thành phía Nam?", Sư-tử-dận liền chờ cho vợ ngủ say, nửa đêm len lén đi đến thành phía Nam tìm hiểu nguyên do, đến nơi bỗng nghe có tiếng của nhiều người kêu khóc bi thương: "Khổ thay, đau đớn thay! cha mẹ anh em ở châu Thiệm bộ…". Sư-tử-dận nghe rồi kinh sợ, lông trên thân đều dựng đứng, tiếp tục đi về phía trước thấy một thành sắt lớn cao ngất kiên cố nhưng chung quanh không có cửa, cũng không thấy dấu vết của người và súc vật. Ở phía Bắc của thành này có một cây Thi-lợi-sa cao hơn bờ thành, Sư-tử-dận leo lên cây nhìn vào trong thành thấy có người liền hỏi vọng tới: "Các người là ai tại sao kêu khóc ở trong đây và nói là nhớ cha mẹ anh em ở châu Thiệm bộ?", họ nghe rồi liền đáp vọng lên: "Chúng tôi là người ở châu Thiệm bộ, vào trong biển cả tìm châu báu không may gặp cá Ma kiệt lớn phá vỡ thuyền… giống như đoạn văn trên cho đến câu chúng tôi cùng các người nữ trên châu này chung sống với nhau trải qua nhiều năm đều đã có con. Khi các người nữ này thấy cây phướn khánh hỷ lay động biết có người từ châu Thiệm bộ bị đắm tàu trôi giạt đến, liền đem chúng tôi nhốt vào trong thành này để ăn thịt dần dần. Khi sắp ăn thịt, chúng hiện trở lại thân La-sát, dung mạo đáng sợ với móng vuốt dài, răng nanh nhọn, chúng xé người ra ăn hết không để sót một chút gì, cho đến máu rơi trên đất, chúng cũng quẹt lên liếm hết. Mỗi ngày chúng ăn một người trong thành này, chúng không phải là người mà chính là quỷ La-sát. Các ông phải khéo tự phòng vệ, không bao lâu nữa các ông cũng sẽ như chúng tôi". Sư-tử-dận nghe rồi khiếp vía liền hỏi người kia: "Có cách nào khiến các vị và chúng tôi thoát được khổ ách này để được bình an trở về châu Thiệm bộ không?", người kia nói: "Không có cách nào cả, chúng tôi ở trong đây đã cùng nhau đào một cái hầm xuyên qua lòng đất ở bên dưới thành sắt này thì thành sắt này lại nới rộng thêm gấp mấy

lần nên không thể nào thoát ra được; chúng tôi muốn leo lên bờ thành để ra ngoài thì thành lại cao thêm, cho nên chúng tôi biết không thể nào thoát ra được, chỉ còn đợi chết mà thôi, nhưng các ông thì có thể", Sư-tử-dận liền hỏi là cách gì, người kia nói: "Cứ vào ngày mười lăm lễ Bao-sái-đà, trong hư không có chư thiên nói: Hỡi người châu Thiệm bộ, các ngươi không có trí huệ, cố chấp ngu si, vào ngày mười lăm lễ Bao-sái-đà không biết đi về phương Bắc để tìm đường thoát ly. Vào ngày đó có thiên mã vương tên là Bà-la-ha từ biển hiện lên, lên bờ du ngoạn và ăn lúa tự nhiên hương, có uy lực lớn. Ăn xong thiên mã cất đầu lên ngó bốn hướng nói ba lần như sau: ai muốn đến bờ bên kia trở về châu Thiệm bộ. Các ông đợi thiên mã nói xong mới được lên tiếng nói rằng: Chúng tôi muốn đến bờ kia trở về châu Thiệm bộ, xin cứu giúp chúng tôi. Lúc đó thiên mã nói thế nào các ông làm theo như thế ấy, thì có thể trở về châu Thiệm bộ". Sư-tử-dận nghe nói rồi hết lòng ghi nhớ, khen ngợi là việc chưa từng có rồi leo xuống theo đường cũ trở về và nằm ngủ như cũ. Trời vừa sáng Sư-tử-dận liền đến bảo năm trăm thương nhơn: "Các vị hãy đến trong vườn tập họp để bàn việc, vợ và con không nên có mặt", các thương nhơn nghe rồi liền cùng đến tập họp, Sư-tử-dận liền đem sự việc trên kể lại rồi nói với mọi người rằng: "Những người nữ ở nơi đây đều là quỷ La-sát, các vị hãy cẩn thận tự phòng hộ".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 48

Học Xứ Thứ Tám Mươi Hai: ***VÀO CỬA CUNG VUA*** *(Tiếp Theo)*

Lúc đó các thương nhơn nghe rồi đều khiếp vía, nhất trí cùng nhau vào ngày mười lăm lễ Bao-sái-đà đến phía Bắc để gặp thiên mã liền thấy thiên mã từ biển hiện ra lên bờ ăn lúa tự nhiên. một thương nhơn vô trí không nhớ lời dặn của Sư-tử-dận liền nói với mọi người: "Đó chính là thiên mã vương Bà-la-ha, chúng ta nên đến chỗ thiên mã nói rằng chúng ta muốn đến bờ kia trở về châu Thiệm bộ", Sư-tử-dận liền nói: "Không phải như vậy, phải đợi mã vương ăn no rồi cất đầu ngó bốn phương nói ba lần: ai muốn đến bờ kia trở về châu Thiệm bộ, lúc đó chúng ta mới lên tiếng". Lúc đó mã vương đã ăn no liền cất đầu ngó bốn phương… cho đến câu mã vương bảo mọi người: "Các vị muốn trở về châu Thiệm bộ được an toàn thì phải nghe theo lời tôi dặn bảo: khi sắp qua đến bờ kia các La-sát nữ sẽ biến hóa xinh đẹp bội phần, dẫn theo con cái đến khuyến dụ các vị rằng: … nếu các người không ở lại thì hãy dẫn con trai, con gái của các người đi luôn. Nếu các vị nghe những lời khuyến dụ này mà sanh tâm luyến ái nghĩ đến vợ con, tham tiếc châu báu thì dù ở trên lưng tôi cũng sẽ rớt xuống biển, như trái cây chín muồi không thể dính trên cành. Lúc đó các La-sát nữ sẽ hiện lại nguyên hình ăn thịt các vị. Nếu các vị không khởi tâm tham ái trên thì dù chỉ nắm được một sợi lông trên người tôi, cũng có thể đến bờ bên kia trở về châu Thiệm bộ an toàn", nói rồi mã vương cúi mình xuống cho các thương nhơn leo lên hoặc nắm lấy bất cứ nơi nào trên người thiên mã, sau đó vọt mình lên hư không bay về hương châu Thiệm bộ. Lúc đó cây phướn khủng úy lay động, các La-sát nữ thấy rồi liền suy nghĩ: "Không lẽ người châu Thiệm bộ bỏ chúng ta trốn đi", nghĩ rồi liền đến xem các phòng ốc thì không thấy còn một người nào. Các La-sát nữ liền biến thành mỹ nữ dẫn theo con cái ra bờ biển kiếm các thương nhơn, từ xa trông thấy các thương nhơn trên mình thiên mã liền bay theo sau khóc kể: "… Tại sao

các người lại bỏ chúng tôi và các con, nếu các người nhàm chán chúng tôi thì hãy dẫn các con theo". Lúc đó các thương nhơn nghe rồi đều sanh tâm luyến ái… ngay lúc đó liền từ trên mình thiên mã rơi xuống biển, các La-sát nữ hiện lại nguyên hình ăn thịt giống như lời Mã vương đã nói. Lúc đó chỉ còn mỗi một mình Sư-tử-dận ở trên lưng thiên mã được trở về châu Thiệm bộ an toàn."

Phật bảo các Bí-sô: "Nếu đối với tự thân không khởi nghĩ: Nhãn tức là ngã, ngã có nơi nhãn cho đến nhĩ tỷ thiệt thân ý; sắc tức là ngã, ngã có nơi sắc cho đến thanh hương vị xúc pháp; địa giới là ngã, ngã có nơi địa giới cho đến thủy hỏa phong không và thức giới; sắc uẩn là ngã, ngã có nơi sắc uẩn cho đến thọ tưởng hành thức uẩn cũng như vậy. Này các Bí-sô, nếu có thể không khởi tưởng ngã và ngã sở, không chấp trước mình người, thọ hành chánh giáo, trái bỏ tà đạo thì không bị đọa lạc trong biển sanh tử, được an lạc thẳng đến thành Niết-bàn. Như thương chủ có trí nghe theo lời dặn bảo của thiên mã từ bỏ La-sát nữ mới có thể an toàn trở về châu Thiệm bộ", Phật liền nói kệ:

"Những người không có trí, Không tin lời Phật dạy,

Sẽ chịu khổ luân hồi, Như ái La-sát nữ.

Nếu người có trí huệ, Tin theo lời Phật dạy, Ra khỏi biển sanh tử, Như nghe lời thiên mã".

Phật bảo các Bí-sô: "Lúc đó La-sát nữ vợ của Sư-tử-dận không tìm được chồng, các La-sát nữ nói: "Chắc chồng của chị đã chạy thoát rồi, có thể đã trở về châu Thiệm bộ, chị nên đi tìm, tìm được thì tốt, nếu không tìm được chúng tôi sẽ ăn thịt chị", vợ của Sư-tử-dận nói: "Tôi sẽ đến châu Thiệm bộ bắt chồng mang về", nói rồi liền bay lên hư không trong khoảnh khắc đến châu Thiệm bộ, hóa làm Dược xoa hình dạng đáng sợ chận đường Sư-tử-dận, Sư-tử-dận liền rút kiếm chém, Dược xoa liền bỏ chạy, cứ như thế Dược xoa bám theo Sư-tử-dận không rời. Đến giữa đường Sư-tử-dận gặp lại bạn cũ, La-sát nữ hóa làm mỹ nữ dắt tay con đến trước người bạn cũ của Sư-tử-dận nói rằng: "Tôi là con gái của quốc vương ở châu Xích-đồng, cha mẹ gả tôi cho thương chủ Sư-tử-dận, Sư-tử-dận dẫn mẹ con tôi trở về châu Thiệm bộ, giữa biển gặp phải cá ma kiệt phá vỡ thuyền, tất cả châu báu đều mất hết, cho mẹ con tôi là vật bất thường nên từ bỏ. Xin làm ơn dẫn mẹ con tôi đến chỗ Sư-tử-dận tạ tội", người bạn này liền dẫn đến chỗ Sư-tử-dận nói rằng: "Này bạn, vợ của bạn dung mạo khả ái, lại là vương nữ, trên đời này khó kiếm được người xứng đôi như thế. Nếu vợ của bạn không có lỗi gì lớn thì không nên từ bỏ, hãy thu nhận lại nàng", Sư-tử-dận

nói: "Này bạn, nó chẳng phải là vương nữ mà chính là nữ vương La-sát bạo ác ở châu Xích-đồng chuyên ăn thịt người, không phải là vợ tôi", nói rồi liền đem sự việc trên kể lại, người bạn nghe rồi không nói gì, chỉ đưa ít lương thực đi đường và tạp vật cho La-sát nữ rồi đi. Sau đó Sư-tử-dận về đến nhà, La-sát nữ dẫn con theo sau đứng ở ngoài cửa, mọi người nhìn thấy đứa con đều cho là giống Sư-tử-dận, La-sát nữ liền nói: "Do cháu phước đức quá mỏng nên bị cha cháu từ bỏ", mọi người liền hỏi: "Chị từ đâu đến, là vợ của ai?", La-sát nữ nói: "Tôi là con gái của quốc vương ở châu Xích-đồng… xin các vị dẫn mẹ con tôi đến chỗ cha mẹ của Sư-tử-dận để tôi sám tạ". Mọi người nghe nói rồi liền dẫn đến chỗ cha mẹ của Sư-tử-dận và kể lại mọi việc như lời La-sát nữ kể, cha mẹ của Sư-tử-dận bảo con: "Nàng ấy là vương nữ thuộc dòng tộc cao quý, theo con từ phương xa tới đây lại dẫn thêm cháu nhỏ, thất đáng thương xót, con nên thương tưởng, không nên từ bỏ, làm điều trái với lương tâm", Sư-tử-dận bái cha mẹ ba bái rồi nói: "Nó không phải là vương nữ mà là nữ chúa trong các La-sát nữ ở châu Xích-đồng, tất cả thương nhơn trôi giạt đến đó đều bị chúng ăn thịt, con nhờ phước dư mới được trở về đây gặp mặt song thân", cha mẹ Sư-tử-dận nói: "Ta thấy người nữ này không có vẻ gì ác, con hãy cho nó vào nhà", Sư-tử-dận nói: "Con biết nó chẳng phải là người nên không thể cùng sống chung, nếu cha mẹ thương thì tùy ý dung nạp, con đến ở chỗ khác", cha mẹ Sư-tử-dận nói: "Cha mẹ vì con nên nói như thế, nếu con cho là khổ nạn thì tùy ý con bảo mẹ con nó tùy duyên". Mẹ con La-sát bị đuổi bèn đến cửa cung vua, các quan vào tâu vua, nhà vua triệu vào để hỏi nguyên do. La-sát nữ vào trong cung, nhà vua vừa thấy liền sanh tâm nhiễm, hỏi La-sát nữ: "Thiện lai mỹ nữ, nàng từ đâu đến, đến đây có việc gì?", La-sát nữ tâu: "Đại vương, tôi là con gái của quốc vương ở châu Xích-đồng… giống như đoạn văn trên cho đến câu mẹ con tôi đến nhà của Sư-tử-dận, đã không thu nhận lại còn đuổi ra, nay tôi không nơi nương tựa nên đến đây bạch vua, xin thương xót kêu Sư-tử-dận đến cho tôi tạ tội". Nhà vua nghe rồi liền sai sứ kêu Sư-tử-dận đến rồi hỏi: "Vương nữ này là vợ của ngươi đã có con, theo ngươi về đến đây, vì sao ngươi lại phi lý xua đuổi, dù cho có tội cũng nên dung thứ", Sư-tử-dận tâu: "Đại vương, nó không phải là vương nữ mà là La-sát nữ bạo ác giết hại sanh linh", nói rồi liền kể lại mọi việc cho đến câu: "Tôi nhờ phước dư nên được sống sót trở về đây, nó chưa chịu buông tha nên biến hình mỹ nữ theo đến đây", vua nghe rồi liền nói: "Nếu ngươi không thương tưởng nữa thì hãy cho ta", Sư-tử-dận tâu: "Tôi từng nghe hiếu với nhà trung với nước, nàng ta là đại họa, nếu đại vương đã ái niệm thì tôi không dám tán thành cũng không dám cản ngăn, sau này nếu có đại

họa gì thì không phải là lỗi của tôi". Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Người nữ đối với người nam là sợi dây trói buộc, là chỗ chìm đắm. Người tham nhiễm dung sắc sẽ không tin lời trung, không nghĩ đến tai họa. Các thầy nên biết: vua Sư tử đảnh sanh tâm ái nhiễm cho La-sát nữ vào hậu cung, Sư-tử-dận biết không ngăn cản được liền đến trước điện nói với quan phụ tướng: "Các quan nên biết, nhà vua ái nhiễm La-sát nữ cho vào hậu cung sẽ là đại họa, việc ấy không phải là lỗi của tôi", nói rồi lau nước mắt ra về. Thời gian sau, nhà vua càng lúc càng say mê La-sát nữ, không nghĩ gì đến việc nước nên La-sát nữ nắm hết quyền hành trong vương cung khiến vua không tự tại. Đến một hôm vào nửa đêm, La-sát nữ bay lên hư không trở về châu Xích-đồng nói với các La-sát nữ: "Từ ngày từ biệt các chị em, tôi đến châu Thiệm bộ vào trong cung vua ở thành Sư tử kiếp, Đảnh vương nạp tôi làm hậu, nay tôi đã nắm hết quyền hành trong cung, các chị em hãy đến đó tha hồ ăn thịt". Các La-sát nữ nghe rồi liền cùng nhau bay đến trong thành Sư tử kiếp ăn hết người trong cung, sáng hôm sau cửa thành không mở, trên vương cung thấy đầy diều hâu bay lượn trên không. Lúc đó các đại thần tập họp ở ngoài cửa thành kêu mãi, cửa thành vẫn không mở, tiếng kêu la vang khắp trong thành, mọi người trong thành nghe rồi đều kinh hoàng không biết tính sao. Sư-tử-dận nghe rồi liền rút kiếm chạy đến cửa thành bảo mọi người: "Trước đây tôi đã nói, vua nạp La-sát nữ là đại họa, nay cửa thành không mở, diều hâu bay đầy trên không, nhất định đại họa đã đến rồi", các đại thần hỏi: "Phải tính thế nào?", Sư-tử-dận bảo bắc thang cao để leo lên bờ thành xem thử, khi leo lên bờ thành nhìn vào trong cung, Sư-tử-dận thấy thây chết ngổn ngang liền nhảy xuống tụng thần chú dùng kiếm giết chết năm trăm La-sát nữ khiến chúng bỏ chạy tứ tán, bay vút lên không đi mất, mọi người ở ngoài thành đều trông thấy. Sau đó Sư-tử-dận mở cửa thành cho mọi người vào, thấy cảnh tượng như vậy ai nấy đều thương khóc. Hôm sau các đại thần tập họp cùng bàn tính, một đại thần nói: "Nhà vua nạp La-sát nữ tự chiêu lấy đại họa, do không nghe lời trung nên bị diệt vong", đại thần khác nói: "Nhà vua đã chết, vương cung hoang tàn đổ nát, nước không thể không có vua, chúng ta nên suy tôn ai?", một đại thần khác nói:" Phải tìm người có trí và dũng mới tôn làm vua", đại thần khác nói: "Sư-tử-dận cùng năm trăm thương nhơn ra biển tìm châu báu, tất cả đều bị La-sát nữ ăn thịt, chỉ riêng Sư-tử-dận được sống sót trở về. La-sát nữ theo đến nhà vẫn không bị nó mê hoặc, nhà vua tuy nghe can ngăn vẫn không tin, lại còn thu nạp bị nó mê hoặc bỏ cả việc nước đến nỗi diệt vong, Sư-tử-dận một mình cầm kiếm leo vào thành giết các La-sát nữ, đây chính là người đại trí đại dũng, chúng ta nên suy tôn lên làm vua". Các đại thần bàn xong cùng

nhau đến chỗ Sư-tử-dận nói rằng: "Nhà vua đã chết, nước không thể không vua, chúng tôi nhất trí tôn người lên ngôi vua, xin người thương xót chấp nhận", Sư-tử-dận nói: "Tôi chỉ là thương nhơn, đâu thể nhận ngôi vị quan trọng này, xin các vị hãy tìm người khác", các đại thần và các quốc dân cứ thỉnh cầu mãi, Sư-tử-dận biết không từ chối được liền nói với mọi người: "Tôi thật không có tài, không có tâm đảm đương ngôi vị này, nay thuận theo ý mọi người thì xin cùng nhau lập lời thề: Sau khi tôi lên ngôi, mọi giáo lịnh đã ban hành không được trái phạm thì tôi mới nhận", các đại thần cùng thề rồi liền cho tả hữu sửa sang lại cung điện cho trang nghiêm rồi dùng nước thơm làm lễ quán đảnh tôn Sư-tử-dận lên ngôi. Sau khi lên ngôi chỉ trong một ngày nhà vua đã giải quyết xong hàng vạn công việc, sau đó suy nghĩ: "Các thương nhơn đồng hành với ta trước kia đều bị La-sát nữ ăn thịt hết, lúc đó ta không đủ sức trừ diệt chúng, nay đã đến lúc ta phải tảo trừ chúng", nghĩ rồi liền triệu tập các vị sư chú thuật cao sai sử được quỷ thần, kế tuyển chọn quân binh rèn luyện cung tên rồi ra lịnh chuẩn bị thuyền bè đi tảo trừ các La-sát nữ. Lúc đó ở châu Xích-đồng cây phướn Khủng úy lay động, các La-sát nữ thấy rồi nói với nhau: "Nhất định người ở châu Thiệm bộ tìm đến báo thù, chúng ta nên ra bờ biển xem thử", nói rồi cùng nhau ra bờ biển thì thấy chiến thuyền lớp lớp tiến đến, vua Sư-tử-dận ra lịnh hạ neo, bốn binh đổ bộ lên bờ chiến đấu với La-sát nữ, các chú sư trì minh chú làm cho các La-sát nữ không thể chạy trốn, hơn phân nữa bị giết chết, số còn lại đều cầu xin tha chết, nhà vua bảo: "Hãy lập lời thề là từ nay phải di chuyển đến chỗ khác không được trở lại đây nữa, cũng không giết hại sanh linh nữa. Nếu thuận theo thì được sống". Các La-sát nữ cùng thề xong bái từ nhà vua đi đến nơi khác, sau đó nhà vua cho phá ngục thành sắt, xây dựng lại thành mới rồi chiêu mộ dân đến đó lập nghiệp, châu Xích-đồng từ đó được gọi là châu Sư tử".

Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Vua Sư-tử-dận thuở xưa chính là thân ta, vua Sư tử đảnh chính là Bí-sô già, La-sát nữ chính là Vô tỷ. Xưa kia vua Sư tử đảnh ái nhiễm La-sát nữ nên bỏ mạng, nay vì tham đắm Vô tỷ nên phải chết. Này các Bí-sô, xưa kia ta đã từng lìa bỏ La-sát nữ, ngày nay há lại toại tâm mong cầu của nó. Các thầy phải kheo tư duy: Người nữ là cảnh giới chìm đắm, nên khởi tưởng bất tịnh, thân sanh nhàm lìa, các thầy nên phụng trì lời ta dạy". Các Bí-sô và đại chúng nghe Phật nói rồi hoan hỉ phụng hành, lễ Phật rồi lui ra.

Lúc đó Bà-la-môn Vô ưu dẫn Vô tỷ đến thành Kiều-thiểm-tỳ gả cho vua Ô-đà-diên, vua sắp xếp cho nàng ở trên lầu Diệu hoa có năm trăm thị nữ hầu hạ…. Sau đó vua phong cho Vô ưu làm phụ quốc đại thần, cùng

ngày đó có hai người đến xin được phụng sự nhà vua: Một người chuyên kể chuyện vui, một người chuyên kể chuyện buồn. một hôm vua cùng hai phu nhân: Cám-dung và Vô tỷ ở chung một chỗ, Cám-dung nói: "Nam mô Phật đà, chúc nhà vua sông lâu không bịnh", Vô tỷ chúc: "Nam mô Đại thiên, chúc nhà vua thọ mạng đầy đủ, không bịnh". Sau đó vì ganh ghét nên Vô tỷ dèm pha Cám-dung trước mặt vua, vua nghe nhưng không nói gì; do vua luân phiên đến chỗ hai phu nhân dùng cơm, hôm đó tới phiên đến chỗ Cám-dung, Vô tỷ liền lập kế sai người bắt chim đem tới dâng vua, vua liền bảo đem con chim này đến đưa cho Cám-dung làm món ăn, lúc đó Cám-dung thấy chim còn sống nên không nhận lấy làm món ăn, sứ giả đem chim trở về tâu vua, vua nghe rồi tự hỏi: "Vì sao lại không giết chim làm món ăn, chắc phu nhân nghĩ đến điều thiện nên không giết", Vô tỷ liền tâu: "Nếu vì Phật và Tăng thì Cám-dung sẽ giết chim làm món ăn cúng dường", vua nghe rồi liền nói: "Vậy hãy bảo Cám-dung làm món ăn cúng dường Phật và tăng", Vô tỷ liền bảo sứ giả giết chết chim rồi mang đến cho Cám-dung, lúc đó Cám-dung thấy chim đã chết nên nhận lấy làm thức ăn, sứ giả trở về báo lại, vua nghe rồi liền nổi giận, cầm cung tên đến để bắn Cám-dung, Cám-dung từ xa trông thấy liền nhập định Từ, mũi tên bay đến nửa chừng thì rớt xuống đất, vua muốn bắn lại lần thứ hai, Cám-dung nói: "Vua chớ tự hại mình", vua hỏi: "Nói Thế-là ý gì?", Cám-dung nói: "Tôi đã chứng quả Bất hoàn lại không có tội, nếu nhà vua khởi ý ác chắc chắn sẽ chiêu lấy tội nặng". Sau đó vua hỏi ra mới biết rõ sự thật liến đến sám tạ và hậu trọng Cám-dung hơn trước và khởi tưởng chị em, hằng ngày thường đến vấn an.

Lúc đó nơi biên cảnh có phản nghịch, vua muốn thân chinh thảo phạt nên ra lịnh cho đại thần Vô ưu ở lại giữ thành, hai phu nhơn coi ngó nội cung, trước đi ra đi vua khuyên nhắc hai phu nhơn chớ có đố kị nhau, nhưng sau khi vua ra đi rồi Vô tỷ thường xúi giục cha tìm cách hại Cám-dung. Cám-dung ban đêm đọc kinh Phật và sao chép nên bảo đem những vật dụng cần cho việc sao chép như bối diệp, bút mực, đèn, vỏ cây nhen lửa… Đại thần liền bảo người hầu mang vào, ở trong vỏ cây nhen lửa lén để lửa than vào, đến nửa đêm gió thổi lửa than phát cháy, cháy lan lên trên lầu, mọi người trong thành thấy lửa cháy đều mang nước đến chữa cháy, nhưng đại thần Vô ưu ngăn không cho vào. Lúc đó Cám-dung cùng năm trăm thị nữ leo lên lầu, biết không thoát được nên nói với các thị nữ: "Ta cùng các ngươi, nghiệp của mình phải tự thọ lấy quả báo", liền nói kệ:

"Tôi ở lỗ hổng thành,
xa thấy Thế tôn,
Theo lời dạy tu hành,

Nên đã được Kiến đế".

Nói rồi cùng các thị nữ gieo mình vào đống lửa đồng thời mạng chung, chỉ có một mình thị nữ Khúc tích chui qua lỗ tháo nước trốn được ra ngoài thoát chết. Sáng hôm sau đại thần Vô ưu cho thu lượm xác chết của các người nữ này bỏ vào rừng thây chết. một Bí-sô vào thành khất thực thấy việc này rồi trở về bạch Phật, Phật nói rõ nhân duyên này trong kinh Tăng ngũ rồi dẫn các Bí-sô đến rừng thây chết thấy hài cốt còn lại của năm trăm người nữ này rồi nói kệ:

"Thế gian bị si buộc,
Việc ác cho là thiện,
Tham ái trói người ngu,
Thường ở nơi ngục tối.
Bất thiện cho là thiện,
Quán sát đều rỗng không,
Phải khởi tâm nhàm lìa,
sanh tâm nhiễm đắm".

Lúc đó các đại thần khác thấy Cám-dung chết rồi không biết làm sao, bèn triệu người chuyên kể chuyện buồn đến nói: "Ngươi đã từng thọ bỗng lộc của nhà vua, nay chính là lúc ngươi đến tâu cho vua biết phu nhơn Cám-dung đã chết", người ấy nói với các đại thần: "Nên vẻ hình phu nhơn Cám dung với hình dạng của người nhảy vào trong lửa, sau đó lo liệu đầy đủ năm trăm con voi, năm trăm con ngựa, năm trăm đồng nam, năm trăm đồng nữ và nghiêm chỉnh bốn binh, lo liệu xong tôi sẽ đi", các quan y theo lời lo liệu đầy đủ. Người kể chuyện buồn này mang bức họa dẫn bốn binh cùng voi ngựa… đến chỗ nhà vua đóng binh, cách doanh trại của vua không xa thì dừng lại, bảo sứ giả mang thư đến dâng lên vua, trong thư viết: "Tôi là đại vương của nước , chỉ có một đứa con nhưng lại bị thần chết dẫn đi mất, nay tôi đến nước này muốn dùng voi ngựa, châu báu để chuộc lại mạng sống cho con tôi, nếu vua đồng ý thì tốt, nếu không đồng ý thì tôi sẽ chiến đấu". Nhà vua đọc thư xong liền cười, bảo sứ giả mời vua nước đó đến, đến rồi vua Ô-đà-diên liền thăm hỏi: "Người xưa nay có từng thấy ai bị thần chết dẫn đi mà có thể cầu xin được hay không?", vua nước đó đáp: "Nếu người đã bị thần chết dẫn đi rồi không thể cầu xin được thì đại vương hãy mở bức vẻ này xem cho kỹ", vua Ô-đà-diên mở ra xem rồi hỏi: "Cám-dung đã bị lửa đốt chết rồi sao?", vua nước đó liền nói: "Phu nhơn đã chết, xin nhà vua tha thứ tội này, hạ thần sợ nhà vua ưu não nên lập bày kế này", liền nói kệ:

"Tôi không phải vua, con chẳng chết,
Tôi là thần ăn lộc của vua,
Muốn tâu vua biết việc không may,
Cúi xin vua tha thứ tội này".

Vua Ô-đà-diên nghe rồi liền dẫn binh trở về, đến nơi liền ra lịnh cho pháp quan bắt Vô ưu, trét bột đá màu tía vào mình rồi bỏ trong lò sành đốt chết; kế ra lịnh bắt Vô tỷ cột tóc vào chân ngựa cho ngựa dẫm chết, nhưng pháp quan lại không nở giết Vô tỷ mà chỉ hạ ngục. Trải qua bảy ngày, vua nhớ Vô tỷ nên sầu não, đại thần thấy vậy bèn dẫn Vô tỷ đến chỗ vua, vua hỏi rõ sự việc khởi tâm nghi đến hỏi Thế tôn: "Thế tôn, do nhơn duyên gì Cám-dung đã được quả Bất hoàn lại cùng năm trăm thị nữ cùng chết cháy, chỉ có thị nữ Khúc tích được thoát chết?", Phật nói: "Thuở xưa ở nước Bà-la-nê-tư có vua tên là Phạm-ma-đạt-đa, phu nhơn của vua rất được yêu quý và có thế lực. một hôm phu nhơn cùng năm trăm thị nữ đi dạo hoa viên, vào ao Phương trì tắm, tắm xong cảm thấy lạnh nên cần lửa sưởi ấm. Cách đó không xa có một thảo am của một vị Độc giác nương ở, phu nhơn liền sai thị nữ đến đốt am tranh để sưởi ấm, thị nữ đến thấy có một Thánh giả ở trong nên không nở đốt, phu nhơn liền tự mình đến đốt, các thị nữ khác thấy lửa cháy đều reo cười. Thánh giả ở trong am khởi tâm thương xót nên vọt lên hư không hiện thần biến, các người nữ này thấy rồi ai cầu sám tội, sau đó thiết thực cúng dường và phát nguyện…, phu nhơn xưa kia chính là Cám-dung, các thị nữ xưa kia chính là năm trăm thị nữ ngày nay, do dư báo của nghiệp lực nên ngày nay tuy chứng Thánh đạo nhưng vẫn cùng các thị nữ bị lửa đốt chết; thị nữ không nở đốt am chính là Khúc tích, nay được quả báo thoát nạn chết cháy. Thiện ác báo ứng đại vương nên biết". Nhà vua lại hỏi: "Thế tôn, do nhơn duyên gì Khúc tích vừa nghe kinh liền tỏ ngộ, nhưng lại sống với thân phận thấp hèn?", Phật nói: "Thuở xưa ở thành Ba-la-nê-tư có một trưởng giả tên là Thiện tục thường thỉnh năm mươi Thánh giả về nhà thọ thực, trong Thánh chúng có một vị mắc bịnh phong khi ăn do tay run nên bát trên tay muốn rớt. Lúc đó người con gái nhỏ của trưởng giả lấy vòng xuyến trên tay mình dùng để cột cái bát vào trong tay của Thánh giả cho khỏi bị rớt rồi phát nguyện: "Nguyện đời sau khi được nghe diệu pháp tâm con không lay động, lãnh hội không quên". Trong Thánh chúng cũng có một vị bị cong cột sống, một hôm thỉnh thọ thực không thấy vị ấy đến, người con gái nhỏ này hỏi cha vì sao vị ấy không đến, trưởng giả hỏi là vị nào, người con gái nhỏ này liền nhái lại bộ dạng của vị Thánh giả bị cong cột sống; người con gái này lại thường kêu người trong nhà là đứa ở. Do xưa kia phát nguyện nên ngày nay được quả báo

Văn trì, vừa nghe kinh liền tỏ ngộ; do nhái theo điệu bộ của thánh nhơn nên ngày nay bị quả báo cong cột sống; do xưa kia coi thường người khác kêu là đứa ở nên ngày nay bị quả báo thường sanh trong hàng hạ tiện". Nhà vua lại hỏi: "Do nhân duyên gì Vô tỷ bị hạ ngục bảy ngày mà dung mạo vẫn không thay đổi?", Phật nói: "Thuở xưa có một Bà-la-môn nữ cùng một Sát-đế-lợi nữ kết bạn thân, Sát-đế-lợi nữ có tâm tín kính thường cúng dường cho các Bí-sô. một hôm Bà-la-môn nữ mời bạn đến nhà dùng cơm, lúc đó có một vị độc giác đến nhà khất thực, Sát-đế-lợi nữ bảo bạn cúng thức ăn, Bà-la-môn nữ không chịu cúng, Sát-đế-lợi nữ nói: "Nếu bạn không dâng cúng thì tôi trở về nhà", Bà-la-môn nữ thấy vậy bèn dâng cúng thức ăn, người bạn lại bảo nên phát nguyện, liền nguyện: "Nguyện đời sau không mong thọ thắng báo, chỉ mong nếu gặp ách nạn đừng bị đói khát". Do nguyện lực này nên ở trong ngục bảy ngày dung mạo vẫn không thay đổi.

Thời gian sau trưởng giả Diệu-âm cúng dường Phật và Tăng thường sai một người nữ lo liệu việc này. Sau đó người nữ này lâm bịnh, khi sắp mạng chung có phát nguyện: "Nguyện phước đức lo liệu việc cúng dường cho Phật và Tăng này, sau khi mạng chung thác thai vào phu nhân lớn nhất của trưởng giả Diệu-âm, dung mạo tươi đẹp như Diệu dung, được vua Ô-đà-diên nạp làm hậu", phát nguyện rồi liền mạng chung, thần thức thác sanh vào thai của đại phu nhơn. Trải qua chín tháng phu nhơn hạ sanh, lúc đó trong nhà rực sáng nên được gọi tên là Kiết tường huệ, đến khi lớn khôn do tín tâm sẵn có nên nhớ được việc đời trước. một hôm cụ thọ A-nan-đà đến nhà khất thực, Kiết tường huệ đảnh lễ rồi bạch: "Thánh giả, xin cho con gởi lời kính chúc Thế tôn và các Thánh chúng được ít bịnh, ít não khinh an", sau khi trở về trú xứ A-nan-đà đem việc này bạch Phật, Phật hỏi A-nan-đà: "Thầy có biết Kiết tường huệ là ai không?", đáp là không biết, Phật nói: "Chính là người nữ lo việc cúng dường cho Phật và Tăng trong vườn của trưởng giả Diệu-âm, do sức phát nguyện trước khi chết nên nay thác sanh vào nhà của trưởng giả". Lúc đó Kiết tường huệ ở trên lầu cao thấy vua Ô-đà-diên, vua Ô-đà-diên vừa nhìn thấy liền gọi là Vô tỷ, sau đó gọi trưởng giả đến hỏi người con gái ấy là ai, trưởng giả nói là con gái, nhà vua nghe rồi liền sắm đủ nghi lễ đón về hậu cung và cấp cho năm trăm thị nữ hầu hạ. Lúc đó Kiết tường huệ muốn đến yết kiến Phật và Tăng nên bạch vua, vua tùy thuận ý của Kiết tường huệ liền sửa soạn phẩm vật cúng dường, nhà vua đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch rằng: "Thế tôn, Kiết tường huệ kính thỉnh Phật và tăng vào trong cung thọ thực bảy ngày", Phật im lặng nhận lời, nhà vua kính lễ rồi ra về, đến trong cung nói cho phu nhơn biết để chuẩn bị các món ăn thượng diệu. Tới giờ thọ thực Thế tôn không đi, Xá-lợi-tử cùng

chúng tăng đến trong cung thọ thực, chúng tăng tới cửa cung không dám bước vào, nhà vua thỉnh vào trong, Xá-lợi-tử suy nghĩ: "Thế tôn chế giới không cho vào cửa cung, nay vua mời nếu không vào thì trái phép, do nhân duyên này Phật sẽ tùy khai", nghĩ rồi liền cùng chúng Tăng bước vào trong cung đến chỗ ngồi thọ thực, Kiết tường huệ và nhà vua tự tay dâng cúng thức ăn, thọ thực xong cụ thọ Xá-lợi-tử vì nói pháp, phu nhơn ngay nơi tòa ngồi được quả Dự lưu. Trải qua bảy ngày như thế xong chúng tăng ra về, đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đem việc trên bạch Phật, Phật bảo Xá-lợi-tử: "Lành thay, Như lai chưa khai mà thầy đã biết đúng lúc để tạo phương tiện", nói rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, nay học xứ này nên nói lại như sau: "Nếu có Bí-sô, mặt trời chưa mọc vua Sát đế lị quán đảnh chưa cất của báu và các loại vật báu khác mà bước qua ngạch cửa cung vua, phạm Ba-dật-để-ca, trừ các duyên khác."

Nếu có Bí-sô là chỉ cho Ô-đà-di, cửa cung có ba: Thành môn, cung môn và vương môn. Trừ duyên khác là trừ được thắng pháp như cụ thọ Xá-lợi-tử.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Trời chưa sáng, Bí-sô tưởng là chưa sáng và nghi mà bước qua khỏi cửa thành, phạm Ác-tác; chưa sáng tưởng là sáng và nghi cũng Ác-tác, cửa vua cũng vậy. Nếu bước qua cửa cung, tưởng và nghi đều phạm bổn tội; hai câu kế phạm Ác-tác; hai câu sau không phạm; nếu vương phi, thái tử, đại thần mời vào cũng không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 49

Học Xứ Thứ Tám Mươi Ba: ***DỐI NÓI KHÔNG BIẾT***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật bảo các Bí-sô mỗi nửa tháng nên nói giới Ba-la-đề-mộc-xoa, các Bí-sô vâng lời Phật dạy nhưng khi Lục chúng nghe nói giới liền nói rằng: "Nay tôi mới biết được pháp này được nói ra từ trong Giới kinh", các Bí-sô nói: "Mỗi nửa tháng khi nói Giới kinh, cụ thọ há không nghe hay sao?", Lục chúng nói: "Tôi đâu phải chỉ nghe nói giới này mà không nghĩ đến việc khác, đối với các cảnh dục cũng phải suy nghĩ", các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu có Bí-sô khi nghe thuyết giới mỗi nửa tháng nói rằng: Này các cụ thọ, nay tôi mới biết pháp này nói ra từ trong Giới kinh. Các Bí-sô biết Bí-sô này đã hai, ba lần cùng làm trưởng tịnh hoặc nhiều hơn thì nên nói với Bí-sô kia rằng: Này cụ thọ, đây là pháp hy kỳ, khó thể gặp được, khi thuyết giới thầy không cung kính phải chăng, trụ tâm không ân trọng phải không, khởi tưởng ý bất nhất phải không, không nhiếp tâm lắng nghe giới phải không, thì phạm Ba-dật-để-ca". Nếu có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Khi nói giới kinh là nói từ bốn Tha thắng cho đến bảy Diệt tránh, theo thứ lớp nói rõ yếu nghĩa của giới. Nói nay tôi mới biết… là Lục chúng cùng các Bí-sô khác nghe giới mà cố ý nói là nay mới biết, ý muốn làm cho người khác sanh tâm ưu hối, làm não loạn chúng, nên có lỗi này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Bí-sô nghe nói bốn Tha thắng cho đến bảy Diệt tránh mà nói như thế thì mỗi mỗi lời đều phạm bổn tội. Nếu thật sự không hiểu biết như người ngu si thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Tám Mươi Bốn: ***LÀM ỐNG ĐỰNG KIM***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một người thợ tiện tên là Đạt-ma tiện đồ bằng xương, sừng rất khéo tay. Người này trước kia kính tín ngoại đạo không y, một hôm nhơn nghe Bí-sô nói pháp yếu bèn sanh tâm kính tín Phật giáo. Sau nhơn nghe Bí-sô này nói về bảy phước nghiệp hữu sự liền suy nghĩ: "Trước đây ta không biết nên quy y ngoại đạo lộ hình, họ lấy tu khổ hạnh làm sự nghiệp, là tà biên không phải trung đạo. Nay ta nên tu phước nghiệp hữu sự để đời này đời sau được cứu giúp, nhưng ta vốn nghèo khó, chỉ có thể dùng sức mình tu phước", nghĩ rồi liền đến bạch các Bí-sô: "Con khéo tiện đồ bằng ngà, sừng, xương; nếu vị nào cần làm ống đựng kim, con sẽ tiện cúng dường". Lúc đó có Bí-sô bảo làm ống đựng kim bằng ngà, người thợ tiện liền làm cúng dường, thấy món đồ tinh xảo dễ thương các Bí-sô đều khen ngợi và lần lượt bảo làm, khiến cho ngà, sừng xương đều hết nên người thợ tiện phải lâm cảnh nghèo khốn, áo không đủ che thân, cơm không đủ no bụng. Ngoại đạo lộ hình thấy vậy liền nói: "Trước kia quy y theo chúng tôi, gia cảnh còn đầy đủ, nay quy y theo những người cạo tóc nên mới lâm cánh nghèo khốn, do đây nghiệm biết ai là bạn tốt". Các Bí-sô thiểu dục nghe rồi liền chê trách: "Tại sao Bí-sô bảo thợ tiện làm mà không biết lượng xét đến nỗi làm cho người ta lâm cảnh nghèo khốn lại còn bị ngoại đạo chê bai", đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu có Bí-sô làm ống đựng kim bằng ngà, sừng, xương, phạm Ba-dật-để-ca, nếu đã làm rồi thì nên đập bỏ."

Nếu có Bí-sô là chỉ cho người trong pháp này. Ống đựng kim có hai: Loại đựng một cây và loại đựng nhiều cây, nếu làm bằng ngà, sừng, xương thì không cho; tự làm hay bảo người khác làm đều không được, nếu đã làm rồi thì nên đập bỏ rồi sám tội, người đối sám nên hỏi Bí-sô phạm đã đập bỏ rồi chưa, nếu không hỏi thì người đối sám phạm Ác-tác. Hỏi rồi mới cho sám tội. Bí-sô nên dùng ống tre, ống trúc hay miếng vải để đựng kim hay gói kim, thỉnh thoảng nên mở ra xem đừng để kim bị rỉ sét thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Tám Mươi Lăm: ***LÀM GIƯỜNG QUÁ LƯỢNG***

Phật trong rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một Bí-sô du hành trong nhân gian đến trong rừng Thệ-đa, gặp trời tối cửa đóng, thấy dưới mái hiên có một cái giường chân ngắn thấp liền rửa chân lên giường

ngồi kiết già nhập định. Ở dưới chân giường có một con rắn thích mát lạnh nên bò lên cắn ngay trán của Bí-sô nên Bí-sô chết, thần thức thác sanh lên cõi trời ba mươi ba ngồi chắp tay. Trời Đế thích sai năm trăm Thiên nữ hầu hạ, âm thanh của chuỗi anh lạc trên người Thiên nữ vang ra tiếng vi diệu, vị thiên tử này tuy nghe tiếng nhưng không nhìn Thiên nữ chỉ hỏi: "Tại sao các vị đến làm phiền tôi?", các Thiên nữ thấy việc này rồi đều khen là kỳ lạ, đến bạch trời Đế thích, thiên chủ bảo đem tấm gương để trước thiên tử đó, thiên tử lúc đó mới thấy trên người mình cũng đầy chuỗi anh lạc, sanh tâm nhàm lìa nên nói kệ:

"Ở trong thế gian này, Thân người rất khó được, Chánh tín lời Như lai, Xuất gia lại càng khó, Việc khó gặp như thế, Tôi đều đã gặp được.

Sao để mất pháp nhãn, Vào trong lao ngục này?

Tôi không được chánh kiến, Quyết không thọ dục lạc, Do đây chướng giải thoát, Đắm chìm trong đường ác. Tôi ở giữa Thiên nữ,

Như bị quỷ thần vây, Vào rừng ngu si này, Làm sao sẽ xuất ly."

Pháp thường của chư thiên là khi mới sanh lên trời liền khởi ba niệm: Ta từ cõi nào chết, nay sanh vào cõi nào và do nghiệp lực gì. Thiên tử này liền quán biết mình từ loài người chết, hiện sanh lên cõi trời ba mươi ba và do nghiệp lực khéo trì tịnh giới chiêu cảm. Lúc đó các Thiên nữ bảo thiên tử: "Đại tiên, hãy đến kính lễ thiên chủ Đế thích", thiên tử hỏi: "Thiên chủ Đế thích đã có thể xa lìa dục nhiễm sân si chưa?", các Thiên nữ đáp là chưa, thiên tử nói: "Trước đây tôi đã quy y nơi Thế tôn đại sư là người đã xa lìa dục nhiễm sân si nên lễ kính, nay tôi làm sao có thể kính lễ người còn đủ ba độc. Các vị hãy chỉ giúp tôi có nhân duyên gì có thể khiến thiên chủ trở lại kính lễ tôi hay không?", các Thiên nữ nói: "Có vườn Thắng uyển tên Diệu địa là trú xứ của thiên tiên, nếu ở trong đó xuất gia thiên chủ Đế thích sẽ đến kính lễ". Thiên tử nghe rồi liền đến trong Diệu địa, trú xứ của thiên tiên cầu xuất gia, thiên chủ Đế thích nghe biết việc này rồi liền đến trong vườn Uyển kính lễ, khen ngợi rồi cáo lui. Lúc đó thiên tử suy nghĩ: "Nếu ta không đến kính lễ Thế tôn mà liền thọ thiên lạc là điều không nên, nay ta nên đến đảnh lễ Thế tôn", nghĩ rồi, thiên tử lấy hoa trời đựng đầy trong cái y kích (giỏ hoa, gùi hoa), thân trang nghiêm bằng các chuỗi anh lạc rồi như tráng sĩ co duỗi cánh tay biến mất ở thiên cung hiện ra ở rừng Thệ-đa. Do sức oai thần nên thân quang của thiên tử chiếu sáng khắp rừng Thệ-đa, thiên tử đến chỗ Phật đảnh lễ rồi rãi hoa cúng dường, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ngồi một bên, nói kệ thỉnh hỏi Phật:

"Con ở giữa Thiên nữ, Như bị quỷ thần vây, Vào rừng rậm u tối, Làm

sao tu xuất ly?",

Phật nói kệ đáp:

"Có diệu đạo bằng thẳng,
Đi không sợ sệt gì,
Pháp nhẫn là bò lớn,
Tiếng xe kéo không loạn.
Hổ thẹn làm niệm phủ,
Chuyên niệm là thị tùng,
Trí huệ là người lái,
Chánh kiến dẫn đường đi.
Nếu có thiện nam tử,
Ngồi xe an ổn này,
Một lòng không nghĩ khác,
Đến được chỗ tối thắng".

Lúc đó Thế tôn quán căn tánh ý nhạo tùy miên của thiên tử mà thuyết pháp khiến thiên tử được khai ngộ, ngay nơi tòa ngồi chứng được quả Dự lưu. Đã Kiến đế rồi, thiên tử bạch Phật: "Thế tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến con ở trong các nạn mà được giải thoát, điều này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt con ra khỏi ba cõi, đặt để con vào cõi trời người, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay con xin quy y Tam bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết con là Ô-ba-sách-ca", liền nói kệ:

"Con nhờ thần lực Phật,
Đóng hẳn ba đường ác,
Mở được cửa thiên diệu,
Thẳng lên đường Niết-bàn.
Con nương đức Thế tôn ,
Nay được nhãn thanh tịnh,
Chứng Thánh đạo, kiến đế,
Vượt qua bờ sanh tử,
Phật siêu việt người trời,
Lìa hẳn sanh lão tử,
Trong biển Hữu khó gặp,
Con nay gặp, đắc quả,

Con dùng thân trang nghiêm,
Hoan hỉ đảnh lễ phật,
Hữu nhiễu trừ oán kết,
Xin trở về thiên cung".

Thiên tử đảnh lễ Phật rồi bỗng nhiên biến mất trở về lại thiên cung.

Đến sáng hôm sau Bí-sô Thọ sự ở rừng Thệ-đa ra mở cửa chùa thấy vị Bí-sô ngồi kiết già trên chiếc giường nhỏ đã mạng chung, lại thấy có con rắn độc ở dưới chân giường, liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo lo việc hỏa táng rồi nói: "Không nên nằm ngủ trên giường nhỏ và thấp, cũng không nên rửa chân trước giường, nếu làm trái phạm tội Việt pháp". Lúc đó Lục chúng nghe Phật chế rồi liền làm giường chân cao đến bảy khuỷu tay rồi dùng thang leo lên leo xuống, các Bà-la-môn cư sĩ trông thấy đều chê trách, các Bí-sô bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: …chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu có Bí-sô làm giường lớn, giường nhỏ, chân giường nên cao bằng tám ngón tay của Như lai, nếu cao quá lượng phải cắt bỏ, phạm Ba-dật-đề-ca".

Sau đó cụ thọ Ô-đà-di do thân hình cao lớn khi ngồi trên loại giường này thì cằm đụng đầu gối, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: "Nếu có Bí-sô làm giường lớn, giường nhỏ, chân giường nên cao bằng tám ngón tay của Như lai, trừ khúc gỗ tra vào lỗ mộng ở chân giường, nếu cao quá lượng này phải cắt bỏ, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Làm giường lớn, giường nhỏ là tự làm hay bảo người làm. Chân giường cao tám ngón tay của Như lai: tám ngón tay của Như lai bằng một khuỷu tay của người trung bình. Trừ khúc gỗ tra vào lỗ mộng ở chân giường là không tính chiều cao này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô làm giường cho Tăng hay cho riêng mình, cao quá tám ngón tay của Như lai đều phải cắt bỏ rồi sám tội Đọa, người đối sám nên hỏi là đã cắt bỏ rồi chưa, nếu không hỏi thì người đối sám phạm Ác-tác, nếu nói chưa cắt bỏ thì không cho thuyết hối. Nếu làm đúng lượng thì không phạm; Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Tám Mươi Sáu: ***DÙNG CỎ, BÔNG GÒN DỒN LÀM NỆM GIƯỜNG***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc

đó Ô-ba-nan-đà được cái giường lớn liền lấy bông gòn dồn làm nệm để nằm. Sau đó có một Bí-sô già từ nơi khác đến cần cấp cho ngọa cụ nên Bí-sô Thọ sự sắp xếp đến ở trong phòng của Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà lúc đi mang theo cả nệm bông. Bí-sô già không để ý bông gòn rơi rớt trên giường nên lên giường nằm ngủ, sáng dậy ra khỏi phòng thì trên người dính đầy bông gòn, các Bí-sô thấy rồi liền hỏi nguyên do, Bí-sô già kể lại việc trên, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu có Bí-sô dùng bông gòn… dồn làm nệm trải trên giường của Tăng thì phải quăng bỏ, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Vật dồn có năm thứ: Bông gòn, bông cỏ, cỏ bồ, kíp bối, lông dê; nếu Bí-sô dùng năm thứ này tự dồn hay bảo người khác dồn làm nệm nằm đều phạm Đọa, tội nên thuyết hối.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô ở trên ghế giường của Tăng dùng bông gòn… dồn làm nệm trải ngồi nằm đều phạm Đọa, phải quăng bỏ bông gòn này rồi sám tội, người đối sám nên hỏi là đã quăng bỏ bông gòn đó chưa, nếu không hỏi thì người đối sám phạm Ác-tác; nếu nói chưa quăng bỏ thì không cho thuyết hối.

Học Xứ Thứ Tám Mươi Bảy: ***MAY NI SƯ ĐẢN NA QUÁ LƯỢNG***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, như Phật đã dạy các Bí-sô nếu dùng ngọa cụ của Tăng hay của người khác cho đến các vật của riêng mình đều nên dùng vật lót ở dưới bảo vệ. Lúc đó các Bí-sô không biết may với kích lượng như thế nào nên may quá lớn vất bỏ cái nhỏ, hoặc chê dài ngắn… may lại cái khác sanh nhiều việc phiền phức thường phải tìm cầu, khiến trở ngại việc tu phẩm thiện. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô làm Ni-sư-đản-na nên làm đúng lượng, đúng lượng là bề dài hai trương tay, bề rộng một trương tay rưỡi của Phật, nếu làm quá lượng này thì phạm Ba-dật-đề-ca, nếu làm thành rồi phải cắt bỏ".

Sau đó cụ thọ Ô-đà-di do thân hình to lớn, mỗi khi ngồi phải lấy lá cây lót ở hai bên chân để hộ ngọa cụ, Thế tôn đi xem xét các phòng thấy lá bỏ bừa bãi, hỏi rõ nguyên do rồi bảo các Bí-sô: Trước kia là sáng chế, bây giờ là tùy khai, học xứ này nên nói lại như sau: "Nếu lại có Bí-sô làm Ni-sư-đản-na nên làm đúng lượng, đúng lượng là bề dài hai trương tay, bề rộng

một trương tay rưỡi của Phật, bề dài thêm một trương tay, nếu làm quá lượng này phạm Ba-dật-đề-ca, nếu làm thành rồi phải cắt bỏ".

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho người trong pháp luật này. Ni-sư-đản-na tức là phu cụ, tự làm hay bảo người làm đều phạm tội như nhau. Đúng lượng: Một trương tay của Phật bằng ba trương tay của người thường, tổng cộng Phật chế trước sau có chín trương tay tức là bốn khuỷu tay rưỡi; bề rộng một trương tay rưỡi của Phật bằng bốn trương tay và sáu ngón tay của người thường. Nếu Bí-sô không y theo kích thước này mà làm quá lượng thì phải cắt bỏ, tội phải thuyết hối. (Theo ý chế trong đây thì Ni-sư-đản-na là vật để lót ngọa cụ khỏi bị hư tổn, không dùng cho việc gì khác. Phật do thấy thân hình của người khác to lớn nên chế kích thước thêm một trương tay)

Học Xứ Thứ Tám Mươi Tám: ***MAY Y CHE GHẺ***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, như Thế tôn đã dạy, nên may y che ghẻ, các Bí-sô không biết may với kích lượng như thế nào nên may quá lớn hoặc quá nhỏ, đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu lại có Bí-sô làm y che ghẻ nên làm đúng lượng, đúng lượng là bề dài bốn trương tay, bề rộng hai trương tay của Phật, nếu may quá lượng này nên cắt bỏ, phạm Ba-dật-đề-ca".

Nếu lại có Bí-sô… giống như giới trên.

Học Xứ Thứ Tám Mươi Chín: ***MAY Y TẮM MƯA***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, trong ba tháng hạ an cư Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật vì nói pháp chỉ dạy được lợi hỉ rồi im lặng, Tỳ-xá-khư bạch Phật: "Thế tôn, con xin thỉnh Phật và Tăng sáng mai đến nhà con thọ thực", Phật im lặng nhận lời, Tỳ-xá-khư biết Phật nhận lời rồi liền đảnh lễ Phật ra về, về đến nhà ngay trong đêm ấy lo liệu đầy đủ các món ăn thượng diệu. Hôm sau trời gần sáng, Phật thấy ở phương Đông có nhiều đám mây đen bao phủ liền đoán trời sẽ mưa lớn nên bảo cụ thọ A-nan-đà: "Thầy nên đến bảo các Bí-sô trời chắc sẽ mưa lớn, nước mưa thấm nhuần có oai lực lớn, nếu tắm mưa này sẽ trừ được nhiều bịnh", A-nan-đà vâng lời Phật dạy đi thông báo nên khi trời mưa xuống các Bí-sô đều ra đứng ở giữa sân tắm mưa. Lúc đó Tỳ-xá-khư-lộc-tử-mẫu sửa soạn thức ăn xong, trải chỗ ngồi rồi sai thị nữ đến trong rừng Thệ-đa bạch đã đến giờ thọ thỉnh thực, thị nữ này đến nơi thấy cửa đóng, bèn nhìn qua lỗ hỗng cửa thấy các Bí-sô lộ hình tắm mưa ở giữa sân liền cho là ngoại

đạo lộ hình, liền trở về bạch lại, Tỳ-xá-khư nghe rồi liền suy nghĩ: "Sáng nay trời mưa nên các Thánh chúng lộ hình tắm trong mưa chứ chẳng phải ngoại đạo lộ hình", nghĩ rồi liền sai người khác đến gõ cửa bạch đã đến giờ thọ thỉnh thực. Phật cùng đại chúng đến nhà Tỳ-xá-khư ngồi vào chỗ thọ thực… Tỳ-xá-khư bạch Phật: "Cúi xin Thế tôn thương xót chấp nhận tám điều nguyện của con:

Một là con nguyện cúng áo tắm mưa cho các Bí-sô. Hai là con nguyện cúng áo tắm cho các Bí-sô ni.

Ba là con nguyện cúng thức ăn cho khách Bí-sô mới đến. Bốn là con nguyện cúng thức ăn cho Bí-sô sắp đi.

Năm là con nguyện cúng thức ăn uống cho Bí-sô bịnh. Sáu là con nguyện cúng thức ăn cho Bí-sô nuôi bịnh. Bảy là con nguyện cúng thuốc cho Bí-sô bịnh.

Tám là con nguyện thường cúng cháo cho Tăng"

Phật hỏi: "Do nhân duyên gì cô nguyện cúng áo tắm mưa cho các Bí-sô?", Tỳ-xá-khư đáp: "Vì hôm nay đến giờ thọ thực con sai thị nữ đến bạch, khi đến cửa chùa nhìn thấy các Bí-sô lộ hình tắm trong mưa liền cho là ngoại đạo lộ hình, cho nên con nguyện cúng áo tắm mưa cho các thánh chúng che thân khi tắm", Phật hỏi: "Do nhân duyên gì cô nguyện cúng áo tắm cho Bí-sô ni?", đáp: "Con nhớ trước đây thấy có Bí-sô ni lộ hình tắm trong sông bị người tục chê trách, cho nên con cúng áo tắm cho chư ni che thân khi tắm", Phật hỏi: "Do nhân duyên gì cô nguyện cúng thức ăn cho khách Bí-sô mới đến?", đáp: "Vì khách Bí-sô mới đến chưa biết rõ khất thực theo thứ lớp, lại còn mệt nhọc nên cần ăn thức ăn ngon, cho nên con cúng", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô nguyện cúng thức ăn uống cho bi sô sắp đi?", đáp: "Bí-sô sắp đi với bạn đồng hành, nếu phải khất thực thì sẽ theo không kịp bạn, cho nên con cúng", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô nguyện cúng thức ăn cho Bí-sô bịnh?", đáp: "Vì Bí-sô bịnh nếu không được thức ăn, bịnh sẽ nặng thêm, cho nên con cúng". Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô nguyện cúng thức ăn cho Bí-sô nuôi bịnh?", đáp: "Vì người nuôi bịnh nếu phải khất thực thì chăm sóc bịnh nhân sẽ không chu toàn, cho uống thuốc trái thời, cho nên con cúng". Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô nguyện cúng thuốc cho Bí-sô bịnh?", đáp: "Vì nếu không có thuốc thang thì bịnh sẽ khó lành, bịnh hoạn kéo dài sẽ phế bỏ tu phẩm thiện, cho nên con cúng", Phật lại hỏi: "Do nhân duyên gì cô nguyện thường cúng cháo cho tăng?", đáp: "Vì các Bí-sô nếu không ăn cháo sáng thì sẽ bị đói bức bách, cho nên con cúng". Tỳ-xá-khư lại bạch Phật: "Con nghe ở chỗ

có Bí-sô qua đời, Phật thọ ký vị ấy chứng quả Dự lưu hoặc chứng quả Nhất lai, Bất lai, A-la-hán. Bạch Thế tôn, các vị đó đã từng đến thành Thất-la-phiệt thọ con cúng dường hay chưa?", Phật nói: "Đã từng thọ", Tỳ-xá-khư nói: "Nếu các vị ấy đã từng thọ con cúng dường thì với phước mà con đã thí, nhờ nhân duyên này con sẽ được phước trí viên mãn", Phật nói: "Lành thay, phước mà cô đã thí công đức viên mãn".

Sau đó Phật bảo các Bí-sô: "Ta cho phép các Bí-sô cất chưa áo tắm mưa để tùy chỗ tắm rửa", các Bí-sô không biết may với kích lượng như thế nào nên may hoặc quá rộng hoặc quá chật, đem việc này bạch Phật, Phật nói không nên may như vậy, nên may đúng lượng, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu có Bí-sô may áo tắm mưa nên may đúng lượng, đúng lượng là bề dài sáu trương tay, bề rộng hai trương tay rưỡi của Phật, nếu may quá lượng này phải cắt bỏ, phạm Ba-dật-đề-ca". Áo tắm mưa là dùng để tắm mưa, tự làm hay bảo người làm đều phải làm đúng lượng.

Học Xứ Thứ Chín Mươi: ***MAY Y ĐỒNG VỚI KÍCH THƯỚC Y CỦA PHẬT***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, lúc đó Ô-ba-nan-đà may y kích thước bằng y của Phật, chỉ khoác một bên, còn lại bao nhiêu đều dồn ở trên vai, các Bí-sô thấy tưởng là khách mới đến muốn cho mát nên mới đắp y như thế, Ô-ba-nan-đà liền giải thích là do may y bằng kích thước y của Phật, các Bí-sô che trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu có Bí-sô may y bằng kích thước y của Phật hoặc hơn thì phạm Ba-dật-đề-ca. Kích thước y của Phật là bề dài mười trương tay, bề rộng sáu trương tay của Phật".

Nếu có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Mười trương tay của Phật bằng ba mươi trương tay của người thường tức là mười lăm khuỷu tay; bề rộng sáu trương tay của Phật bằng mười tám trương tay của người thường tức là chín khuỷu tay.

VI. BỐN PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI

Nhiếp Tụng:

Thọ của ni chẳng thân thích,
Trong nhà xử phân thức ăn,
Không thỉnh mà đến Học gia,
Thọ thức ăn bên ngoài chùa.

Học Xứ Thứ Nhất: ***THỌ THỨC ĂN TỪ NI KHÔNG THÂN THÍCH***

Phật ở trong Trúc lâm thành Vương xá, lúc đó ở thành Đắc-xoa-thi-ca có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu sanh được một con gái, thân có ba đức như hoa Ốt-bát-la xanh: Một là thân có sắc màu vàng ròng như tua của hoa sen, hai là mắt màu xanh biếc như màu lá sen, ba là thân có mùi thơm như hương hoa sen. Sau hai mươi mốt ngày trưởng giả mở tiệc ăn mừng đặt tên cho con, thân tộc bàn với nhau: "Hài nhi này có ba đức của hoa sen xanh nên đặt tên là Thanh-liên-hoa". Đến khi trưởng thành Thanh-liên-hoa được gả cho con trai của một trưởng giả trong thành, về nhà chồng chưa bao lâu thì cha của Thanh-liên-hoa lâm bịnh qua đời. Thời gian sau, mẹ của Thanh-liên-hoa không thủ chí thờ chồng nên cùng con rễ tư thông, lúc đó Thanh-liên-hoa đã sanh được một gái, một hôm tình cờ bắt gặp mẹ và chồng cùng làm việc phi pháp nên tức giận bồng con gái nói với chồng: "Ngươi là đồ vô loại, sao không cùng đứa bé này làm điều phi pháp luôn đi", nói rồi quăng đứa bé gái lên cành cây làm đứa bé bị thương nơi đầu. Thanh-liên-hoa lúc đó giận không ngó lại, lấy khăn trùm đầu rồi bỏ nhà đi, gặp một đoàn thương buôn đi về hướng thành Vị độ bèn tháp tùng theo. Vị thương chủ thấy Thanh-liên-hoa nghi dung đoan trang nên hỏi: "Cô đã thuộc về ai chưa?", đáp: "Ai có thể lo cho tôi cơm áo thì tôi thuộc về người đó", thương chủ nghe rồi bèn cung cấp y thực cưới làm vợ, sau đó dẫn về nhà cùng ở trải qua thời gian khá lâu. Thời gian sau nhân dịp chở hàng hóa đến thành Đắc-xoa-thi-ca, một người bạn thân nói với thương chủ: "Có của cải mà không thọ lạc, còn đợi đến khi nào. Bạn nên tìm thêm một người con gái đẹp nữa cưới làm vợ", thương chủ nói: "Nếu có người nào dung nghi tương tợ như Thanh-liên-hoa thì tôi mới cưới", người bạn nói: "Tại nhà có một người con gái đẹp hơn Thanh-liên-hoa nhiều", thương chủ nghe rồi liền cùng đến đó xem thử, thấy vừa ý liền hỏi cưới làm vợ rồi dẫn trở về thành Vị độ, cách nhà không xa liền để người vợ mới cưới và phân nửa hàng hóa ở đó rồi về nhà, Thanh-liên-hoa thấy liền hỏi: "Sao ít hàng hóa thế?", thương chủ nói là bị cướp, Thanh-liên-hoa hỏi sao không truy tầm, thương chủ nói: "Tôi vì số hàng hóa bị cướp đó nên muốn trở lại truy tầm", nói rồi liền ra đi. Sau đó người bạn kia đến nhà thăm, Thanh-liên-hoa nói là đi truy tầm giặc cướp, người bạn kia liền nói: "Không phải là đi truy tầm giặc cướp mà là đến ở với vợ nhỏ", nói rồi liền kể lại việc trước đó cho Thanh-liên-hoa nghe. Sau đó thương chủ lại trở về nhà, Thanh-liên-hoa liền hỏi: "Ông đã cưới vợ khác sao không dẫn về đây?", thương chủ nói: "Tôi

sợ có tranh chấp nên không dám dẫn về", Thanh-liên-hoa nói: "Nếu nàng ấy tương tợ với tôi thì tôi coi như chị em, nếu nhỏ hơn tôi nhiều thì tôi coi như con gái, sẽ không có tranh chấp". Thương chủ nghe rồi liền dẫn vợ nhỏ về nhà, Thanh-liên-hoa nghe nói là đồng hương nên đặc biệt lưu tâm từ niệm, một hôm ngồi chải tóc cho người vợ nhỏ thấy trên đầu có vết sẹo liền hỏi nguyên do, người vợ nhỏ này nói: "Người trong nhà nói khi em còn bé, mẹ em giận ba em vì một việc gì đó nên quăng em lên cây làm em bị thương trên đầu, do đó có vết sẹo này", Thanh-liên-hoa hỏi thêm về nhà cửa, chỗ ở, sau khi nghe nói rồi liền biết người vợ nhỏ này chính là con gái trước kia của mình, trong lòng thương cảm suy nghĩ: "Xưa cùng mẹ đồng chồng, nay cùng con đồng chồng, thật là đau lòng, đáng tởm biết bao". Nghĩ rồi liền lấy khăn trùm đầu bỏ nhà đi, tháp tùng theo các thương nhơn đi đến thành Quảng nghiêm, tại đây Thanh-liên-hoa không làm dâm nữ mà chỉ tư thông với các người nam trong thành. Các dâm nữ trong thành liền đến nói với Thanh-liên-hoa rằng: "Cô trộm pháp của chúng tôi để kiếm sống mà không nói một lời tình nghĩa gì cả, cô có thuật gì dụ hoặc được họ?", Thanh-liên-hoa nói: "Tôi không có thuật gì khác, nhưng không có một người nam nào gặp mà lại không theo tôi", các dâm nữ nói: "Nếu như lời cô nói thì trong thành này có một nam tử bán hương đã thành tựu pháp quán bất tịnh, đối với người nữ sanh tâm nhàm lìa, nếu cô phá hoại được phạm hạnh của người nam đó thì chúng tôi sẽ tôn cô là bậc nhất trong giới dâm nữ, nếu cô không làm được thì chúng tôi sẽ phạt cô sáu mươi kim tiền", Thanh-liên-hoa liền nhận lời. Sau đó Thanh-liên-hoa dọn tới ở gần nhà người nam bán hương, dối lập bày phương tiện rất yêu chồng bằng cách sai thị nữ đến cửa hàng của người nam này mua hương thoa và các loại thuốc nói rằng: "Phu chủ của cô chủ tôi bị bịnh cần dùng các thứ này", người chủ bán hương này nghe rồi liền nghĩ cô chủ này trinh thuận nên mới đối với chồng tận tâm như thế, dần dần sanh ái luyến. Thời gian sau, Thanh-liên-hoa nói dối là chồng chết, khi đi ngang qua cửa hàng bán hương hiện dáng vẻ thương tiếc sầu khổ, người chủ bán hương thấy vậy càng thêm ái luyến… cuối cùng bị Thanh-liên-hoa phá hoại phạm hạnh, không bao lâu sau mang thai, các dâm nữ vô cùng thán phục, suy tôn là bậc nhất trong giới dâm nữ. Lúc đó ở thành Quảng nghiêm, cửa Đông và cửa tây đều có nam tử giữ cửa, hai người này có ước hẹn với nhau là nếu bên này sanh trai, bên kia sanh gái thì cung nhau kết thông gia. Thời gian sau Thanh-liên-hoa sanh được một trai, sợ nuôi con sẽ mất đẹp và các nam tử không tìm đến nữa nên Thanh-liên-hoa giao hài nhi cho thị nữ và một cây đèn nói rằng: "Ngươi hãy đem đứa bé này để ở giữa đường nơi vắng vẻ cùng với cây đèn này, rồi rình xem ai đến

mang nó đi", thị nữ vâng lời làm như lời chủ bảo, thấy người giữ cửa Đông đến bồng đứa bé đi liền trở về báo lại. Lúc đó người giữ cửa Đông bồng hài nhi về giao cho vợ bảo nuôi nấng dạy dỗ như con ruột của mình, sau đó mở tiệc ăn mừng, người giữ cửa Tây liền mang lễ vật đến chúc mừng. Thời gian lâu sau Thanh-liên-hoa lại mang thai và sanh một gái, cũng như lần trước bảo thị nữ đem bỏ giữa đường, lần này người giữ cửa tây đến bồng về nuôi nấng, người giữ cửa Đông lại đem lễ vật đến chúc mừng. Trải qua thời gian lâu sau hai trẻ đều trưởng thành, con trai của người giữ cửa Đông được các bạn rũ đi chơi trong ngày tiết hội, chúng hùn với nhau được sáu mươi kim tiền để được cùng Thanh-liên-hoa hoan lạc. Đứa con trai này sau khi cùng Thanh-liên-hoa giao hoan sanh tâm yêu quý nên dẫn về nhà cùng ở chung. Sau đó không lâu người giữ cửa Đông đến hỏi người giữ cửa Tây có còn nhớ lời ước hẹn trước kia không, người giữ cửa Tây liền nói: "Con trai của bạn đã dẫn dâm nữ về nhà ở chung, sao còn nhắc lại lời ước hẹn trước", người giữ cửa Đông nói: "Nhắc lại để hỏi cưới thì có lỗi gì?". Cả hai cùng thực hiện lời ước hẹn trước kia nên con gái của người giữ cửa Tây về làm dâu nhà người giữ cửa Đông. Lúc đó tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến khất thực nhà ấy liền nói với người con gái: "Con có biết chăng, người vợ trước của chồng con chính là mẹ ruột của con, chồng con lại là anh ruột của con. Cho nên con chớ nên đố kỵ lẫn nhau khiến tạo thêm nghiệp ác", nói rồi liền bỏ đi. Thời gian sau Thanh-liên-hoa lại sanh được một trai, người con gái này bồng đứa bé ra ngoài dạo chơi gặp một thầy tướng Bà-la-môn dùng kệ hỏi:

"Nàng đẹp như diệu hoa, Thâm tín nơi tam bảo, Hài nhi đang bồng chơi, Bà con chi với nàng?"

Người con gái nói kệ đáp:

"Bà-la-môn nghe kỹ,
Đây là em của tôi,
Cũng là con anh tôi,
Cũng là con của tôi,
Cũng là em của chồng,
Cha nó là cha tôi,
Vừa là cha là chồng,
Thánh giả từ bi nói".

Bà-la-môn nghe rồi cười bỏ đi. Lúc đó Thanh-liên-hoa ở trong nhà nghe được lấy làm lạ hỏi thị nữ: "Cả hai vừa nói việc gì?", thị nữ thuật lại đầy đủ, Thanh-liên-hoa nghe rồi liền suy nghĩ: "Ta do tạo nghiệp gì, trước

kia cùng mẹ đồng chồng, sau cùng con gái đồng rễ, nay lại cùng con gái đồng chồng vừa là con vừa là rễ", nghĩ rồi gieo mình xuống đất, cảm thấy xấu hổ biết bao, nghĩ rồi liền bỏ nhà ra đi, tháp tùng theo các thương nhơn đi đến thành Vương xá. Lúc đó có năm trăm người nam trong thành này thường tụ tập vui chơi, nghe tiếng tăm của Thanh-liên-hoa nên đưa năm trăm kim tiền cùng Thanh-liên-hoa đến trong vườn cỏ thơm hoan lạ. Lúc đó tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết Thanh-liên-hoa đã đến lúc được giáo hóa nên đến trong vườn đó kinh hành dưới một gốc cây, một trong những người nam này trông thấy liền nói với Thanh-liên-hoa: "Cô có thấy tôn giả kia không, tôn giả đó có đại oai thần, giới hạnh thanh khiết, bùn lầy tham dục không thể làm nhiễm ô, cô có thể khiến cho tôn giả sanh tâm nhiễm hay không?", Thanh-liên-hoa nói: "Trước kia tôi đã làm cho nam tử bán hương tu quán bất tịnh thành tựu phải sanh tâm nhiễm đắm huống chi là người này". Nói rồi liền đến chỗ tôn giả hiện vẻ yêu kiều, dùng thân xúc chạm tôn giả, tôn giả liền vọt lên hư không nói kệ:

"Ngươi đem thân do xương nối kết đáng nhàm,
Tất cả gân mạch ràng buộc lại với nhau,
Thân này vốn do tinh huyết được thành tựu,
Nương người khác kiếm sống bảo đến khinh ta,
Đãy da bao bọc đầy ắp chất bất tịnh,
Ngày đêm ăn vào thải ra không ngừng dứt,
Chín lỗ thường chảy, ghẻ không lành,
Dọc ngang khí uế chứa đầy thân,
Nếu mọi người ngộ biết việc này,
Như ta biết thân ngươi bất tịnh,
Ví như nhà xí không thể gần,
Bỏ đó lìa xa, tâm không đắm,
Do họ mù mờ, không mắt huệ,
Thường bị ngu si che khuất lấp,
Do tâm mê này yêu thích ngươi,
Giống như voi già lún bùn sâu".

Thanh-liên-hoa mắt thấy tôn giả thần lực hi hữu, nghe kệ xét thấy thân mình là bất tịnh, từ xa kính lễ tôn giả rồi nói kệ:

"Con biết thân do xương nối kết đáng nhàm,
Tất cả gân mạch ràng buộc lại với nhau,
Thân này vốn do tinh huyết được thành tựu,
Nương người khác kiếm sống bảo liền khinh nhau,

Đãy da bao bọc đầy ắp chất bất tịnh,
Ngày đêm ăn vào thảy ra không ngừng dứt,
Chín lỗ thường chảy bất tịnh, ghẻ không lành,
Dọc ngang khí uế chứa đầy thân,
Nếu mọi người ngộ biết việc này,
Như đại Thánh giả biết bất tịnh,
Ví như nhà xí không thể gần,
Bỏ đó lìa xa, tâm không đắm,
Do họ mù mờ không mắt huệ,
Thường bị ngu si che khuất lấp,
Do tâm mê này yêu thích con,
Giống như voi già lún bùn sâu.
Cúi xin Đại thánh hiện thân xuống,
Vì con giảng nói pháp vi diệu,
Xuất gia trong Thánh giáo tối thắng,
Phát nguyện thường tu hạnh ly dục".

Lúc đó tôn giả vì thương xót nên hiện thân trở xuống, quán xét căn cơ nói pháp khiến cho Thanh-liên-hoa được Kiến đế. Đã Kiến đế rồi liền đảnh lễ tôn giả cầu xin xuất gia, sau đó trở lại chỗ năm trăm người nam trả lại tiền cho họ, xấu hổ tạ tội, mọi người tùy hỉ đồng đến đảnh lễ tôn giả rồi đi. Đại Mục-kiền-liên sau đó dẫn Thanh-liên-hoa đến chỗ Thế tôn đảnh lễ Phật rồi đem việc trên bạch Phật, Thế tôn viết thư cho Đại thế chủ bảo Thanh-liên-hoa mang đến thành Thất-la-phiệt, vua Ảnh-thắng sai người đưa Thanh-liên-hoa đến đó để xuất gia. Sau khi được xuất gia, cô nỗ lực siêng tu không ngơi nghỉ, không bao lâu sau đắc quả A-la-hán, được Phật khen là thần lực bậc nhất trong các Bí-sô ni. Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên quán sát trong biển sanh tử luân hồi bất định, ai không phải là cha mẹ, ai không phải là con trai con gái và bao nhiêu thân thức khác như Thanh-liên-hoa, ngay trong thân tộc còn làm việc phi pháp huống chi là cách đời, nếu không chứng Thánh quả thì trầm luân mãi không thôi. Các thầy ở trong ba cõi nên cầu xuất ly như lửa cháy đầu, cảnh dục thế gian không có hạn kỳ nhàm đủ nên mau xa lìa, tu tưởng vô thường, khởi tưởng thây hôi thối, ngày đêm hệ niệm quán chiếu, nên học như thế". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Vì nhân duyên gì thân của Thanh-liên-hoa có đủ ba đức như Thế-lại đối với thân tộc làm điều tạp loạn. Sau khi xuất gia liền chứng được quả A-la-hán, được Phật khen ngợi là thần lực bậc nhất trong các Bí-sô ni?", Phật bảo các Bí-sô: "Thuở xưa có một thương chủ mang hàng hóa đến phương khác kinh doanh để vợ ở lại nhà, thời gian sau do

phiền não bức bách, bị lửa dục đốt lòng, người vợ thấy nhà của dâm nữ cách đó không xa thường có nam tử lui tới nên tình sanh ưa thích. Người vợ này liền hỏi một bà già: "Làm phước nghiệp gì để những mong cầu của mình được xứng ý?", bà già nói: "Hãy cúng dường thức ăn và các món cần dùng cho vị thắng phước điền thì mọi sở nguyện đều được thành tựu". Sau đó bà già chỉ người vợ của thương chủ đến cúng dường cho một vị Độc giác, người vợ này cúng dường thức ăn và hoa sen xanh rồi phát nguyện: "Nguyện công đức cúng dường này ở đời vị lai được thân đoan nghiêm như sắc hoa sen xanh, mùi thơm viên mãn thuận theo ý mong cầu của người nam không để thiếu thốn, cho đến được đại thần lực, gặp bậc đại sư đích thân thừa sự'."

Phật bảo các Bí-sô: "Tiền thân của Thanh-liên-hoa thường làm mai mối cho nhiều người ở trong thân tộc cùng làm việc phi pháp. Xưa do phát nguyện nên nay được thân thắng diệu có ba đức của hoa sen, do xưa làm mai mối cho trong thân tộc nên nay ở trong thân tộc của mình tự chiêu lấy quả báo. Lại do nguyện lực nên gặp Mục liên dẫn đến gặp ta, được xuất gia chứng quả A-la-hán".

Phật ở trong thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô ni Thanh-liên-hoa dã chứng quả rồi do kính trọng Tam bảo nên phát nguyện: "Khất thực được thức ăn lần đầu sẽ dâng cúng cho Tăng, khất thực được lần sau mới tự thọ dụng". Một hôm, sau khi khất thực được thức ăn dâng cúng cho Tăng rồi, khất thực lần sau định thọ dụng thì gặp một Bí-sô mang bát không trở về, cô liền đưa phần ăn của mình cúng cho vị ấy, tự mình phải nhịn đói. Qua hôm sau, thức ăn khất thực được lần đầu đem cúng cho Tăng rồi, thức ăn khất thực được lần sau định ăn thì gặp Ô-ba-nan-đà, Ô-ba-nan-đà muốn thử tâm cô nên đến hỏi xin thức ăn, cô liền đem phần thức ăn của mình cúng cho Ô-ba-nan-đà, tự mình phải nhịn đói như vậy là trọn hai ngày. Qua sáng hôm sau trong lúc theo thứ lớp khất thực, do bị đói hai ngày và do khí trời nóng bức nên cô ngã xỉu giữa đường, ngoại đạo thấy rồi cùng nhau bàn tán: "Nghe nói Thanh-liên-hoa lìa dục đắc quả, tại sao nay gặp Thích ca tử lại khởi tâm dục nhiễm ngã xỉu như thế", các Bí-sô nghe biết liền đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu có Bí-sô trên đường đi trong thôn xóm, từ chỗ Bí-sô ni không phải bà con tự tay thọ thức ăn để ăn thì Bí-sô này sau khi trở về trú xứ nên đến chỗ các Bí-sô ở ngoài thôn nói riêng từng vị: Đại đức, tôi phạm ác pháp đối thuyết, là việc không nên làm, nay đối trước đại đức thuyết hối. Đây gọi là pháp đối thuyết".

Nếu có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Thức ăn là chỉ cho hai loại của năm món ăn. Bí-sô này là chỉ cho người phạm tội.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô đối với ni không phải bà con, khởi tưởng không phải bà con và nghi ở trên đường đi trong thôn tự tay nhận thức ăn thuộc trong hai loại của năm món ăn, khi ăn phạm tội Đối thuyết. Nếu ni là bà con, khởi tưởng không phải là bà con và nghi thì phạm Ác-tác. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Hai: ***THỌ THỨC ĂN DO BÍ SÔ NI CHỈ TRAO***

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó trong thế gian mất mùa đói kém khất thực khó được, Lục chúng đến chỗ chúng mười hai ni được mời dùng tiểu thực, Lục chúng không thọ nói rằng: "Nếu khi thí chủ thỉnh Tăng thọ thực, các cô nên chỉ vẽ thí chủ dâng cúng thức ăn ngon cho chúng tôi thì chúng tôi mới ăn", chúng mười hai ni nhận lời. Sau đó có thí chủ thỉnh Phật và tăng đến nhà thọ thực, Phật không đến chỉ có chúng tăng đến, khi chúng tăng ăn, ni Thổ la-nan-đà bảo thí chủ: "Thánh giả Nan-đà… sáu vị này là thuộc dòng họ Thích xuất gia thông suốt ba tạng, là bậc đại pháp sư, cô hãy dâng thức ăn ngon tới cho các thánh giả đó", thí chủ nghe rồi liền dâng thức ăn ngon đến cho sáu vị nhiều hơn các Bí-sô khác, khiến các Bí-sô kia ăn không đủ no. Thí chủ thấy vậy biết mình đã làm việc phi pháp, cúng dường không có tâm bình đẳng bèn chê trách cô ni, vị thị giả mang thức ăn về cho Phật đem việc này bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu có nhiều Bí-sô thọ thực ở nhà bạch y, có Bí-sô ni chỉ vẽ thí chủ nên dâng cúng thức ăn ngon cho Bí-sô này… thì các Bí-sô nên bảo cô ni kia rằng: Cô đừng nên làm như vậy, hãy đợi các Bí-sô ăn xong. Nếu không có một vị nào nói lời như thế thì các Bí-sô sau khi trở về trú xứ nên nên chỗ các Bí-sô ở ngoài thôn nói riêng từng vị: Đại đức, tôi phạm ác pháp đối thuyết, là việc không nên làm, nay đối trước đại đức thuyết hối. Đó gọi là pháp đối thuyết".

Nếu có nhiều Bí-sô là chỉ cho hai, ba người trở lên. Bí-sô ni là chỉ cho ni Thổ la-nan-đà. Các Bí-sô là chỉ cho người nói lời khiển trách. Nếu không có một vị nào là nói số lượng tối thiểu. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ăn ăn ở gác trên và ở gác giữa, lúc đó ở gác trên có ni chỉ vẽ thì trong các Bí-sô nay nên có một vị nói lời khiển trách cô ni, nếu không có ai khiển trách cô ni thì các Bí-sô đều phạm pháp đối thuyết. Bí-sô ăn ở

gác giữa nên hỏi Bí-sô ở gác trên đả có ai khiển trách cô ni đó chưa, nếu không hỏi mà ăn thì đều phạm Ác-tác. Nếu Bí-sô ăn ở tầng trệt và ở phòng trong cũng chuẩn theo trên nên biết. Nếu Bí-sô từ trong nhà đi ra, có Bí-sô khác từ ngoài đến, vào trong nhà nếu nghe có tiếng cô ni chỉ vẽ thì nên hòi Bí-sô vừa mới đi ra là có vị nào khiển trách cô ni chưa, nếu không hỏi mà ăn thì phạm Ác-tác. Nếu thí chủ dọn ăn ở nhiều chỗ, chỗ nào có cô ni chỉ vẽ thì chỗ đó phạm bổn tội, các chỗ khác phạm khinh. Nếu thí chủ duyên nơi cô ni này mà dâng cúng thức ăn cho Tăng thì tùy cô có chỉ vẽ gì, Bí-sô đều không phạm. Hoặc tuy có chỉ vẽ nhưng với tâm không phân biệt, hoặc thấy có vị không được thức ăn nên bảo thí chủ mang đến đều không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT
NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA

QUYỂN 50

Học Xứ Thứ Ba: ***THỌ THỨC ĂN TỪ HỌC GIA***

Đức Bạc-già-phạm ở thành Quảng nghiêm, lúc đó ở trong thành có một trưởng giả tên là Sư tử trước kia theo ngoại đạo, sau nghe Phật thuyết pháp chứng được Sơ quả, thấy nghề nông tạo nhiều lỗi nên bỏ nghề. Trưởng giả tín kính Tam bảo, ưa thích thuần thiện, thường hành bố thí, do dâng cúng Tam bảo nên đi đến chỗ nghèo khó. Lúc đó cụ thọ Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên từ phương khác đến trú xứ này gặp trưởng giả mời đến nhà thọ thực, các Bà-la-môn cư sĩ nghe rồi liền chê trách: "Trưởng giả Sư tử khi theo ngoại đạo, gia sản phong phú; từ khi tin Bí-sô trở nên nghèo khó, áo không đủ che thân, cơm không đủ no miệng. Đủ biết Thích tử không phải là chỗ quy y". Hai tôn giả nghe rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Nên bạch nhị yết ma Học gia cho trưởng giả sư tử. Nếu có ai giống như thế cũng nên tác pháp cho như sau: Nhóm tăng như thường lệ, sai một vị tác bạch yết ma như sau:

Đại đức tăng lắng nghe, trưởng giả Sư tử này tín tâm ân trọng, ý ưa thuần thiện, những gì đã có đều đem huệ thí, đối với Tam không có tâm xẻn, đối với những người đến xin thảy đều cấp cho, vì thế gia sản khánh tận. Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng chấp thuận, Tăng nay tác yết ma Học gia cho trưởng giả Sư tử. Bạch như vậy.

Văn yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm. Nếu Bí-sô biết Tăng đã tác yết ma học gia rồi thì không nên đến nhà đó thọ ẩm thực… và nói pháp cho họ. "Lúc đó hai tôn giả tuy đã thọ thỉnh nhưng biết Tăng đã tác pháp nên không đến phó thực, Phật bảo nếu đã thọ thỉnh thì nên đến không phạm". Hai tôn giả vâng lời Phật dạy đến phó thỉnh, Lục chúng thấy vậy liền nói với nhau: "Trưởng giả lúc mới Kiến đế cũng thường thỉnh chúng ta, chúng ta cũng nên đến thọ thực", nói rồi đến thọ thực, thức ăn không đủ, trẻ con trong nhà thiếu ăn kêu khóc, thế tục liền chê trách, Bí-sô thiểu dục quở trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô…

cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu có Bí-sô biết đó là Học gia, Tăng đã tác yết ma Học gia, Bí-sô không có thọ thỉnh trước mà đến nhà đó thọ thực, tự tay thọ hai loại thuộc trong năm món ăn Kha-đãn-ni và Bồ-thiện-ni để ăn thì sau khi trở về trú xứ, Bí-sô này nên đến chỗ các Bí-sô ở ngoài thôn xóm nói riêng từng vị: Đại đức tôi phạm ác pháp đối thuyết, là việc không nên làm, nay đối trước đại đức thuyết hối".

Sau khi Thế tôn chế học xứ này rồi, vợ trưởng giả nói với chồng: "Sau lâu nay không thấy có Thánh giả nào đến?", trưởng giả nói: "Tăng biết nhà mình trở nên nghèo khó nên tác yết ma Học gia không cho Bí-sô đến", người vợ nói: "Nếu vậy thì giống như yết ma úp bát, chúng ta do đâu sanh phước nghiệp?", trưởng giả đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Từ nay các Bí-sô nên đến nhà trưởng giả nói pháp không phạm". Lúc đó các Bí-sô vâng lời Phật dạy đến nhà trưởng giả nói pháp, mang bát không vào lại mang bát không ra khiến cho vợ chồng trưởng giả cảm thấy áy náy, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói không nên mang bát không vào. Các Bí-sô khất thực xong mới tới nhà trưởng giả, ăn xong, các trẻ con muốn ăn thức ăn dư, Bí-sô không cho chúng liền khóc, Bí-sô bạch Phật, Phật nói nên cho, Bí-sô đem hết bánh trái cho chúng, chúng mang ra ngoài, ngoại đạo thấy hỏi thử đâu có, chúng đáp là thánh giả cho, ngoại đạo nói: "Sư tử nhận phần đem cho lại dã can, lấy bình này rót qua bình nọ cung cấp cho nhau", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói chỉ nên cho phần ít. Có người đem lá cho Bí-sô lót dưới bát, Bí-sô không nhận, Phật nói nên nhận. Lúc đó ở thành Quảng nghiêm, các Lật-cô-tỳ thấy nhà của trưởng giả tài sản khánh tận bèn sai người làm công đến phụ giúp cày bừa khai khẩn ruộng đất bỏ hoang của trưởng giả, sở phi không bao nhiêu nhưng lại thu hoạch được gấp bội. Không bao lâu sau gia cảnh sung túc hơn trước, trưởng giả liền đến chỗ Phật xin giải yết ma, Phật bảo trưởng giả: "Nên vào trong tăng bạch với thượng tọa, sau khi Tăng nhóm nên lễ Tăng rồi đối trước Thượng tọa chắp tay bạch rằng: Đại đức tăng lắng nghe, con là Sư tử đối với Tam bảo có lòng tin sâu, ý ưa thích thuần thiện, thường ưa huệ thí. Do cúng dường Tam bảo nên tài sản khánh tận, Tăng vì thương xót nên tác pháp yết ma Học gia để các Thánh chúng không đến nhà con. Nay tài thực sung túc trở lại nên con đến trước Tăng xin giải yết ma Học gia, cúi xin Tăng thương xót giải yết ma Học gia, (3 lần). Bạch rồi lễ Tăng lui ra. Lúc đó Tăng sẻ sai một vị tác yết ma giải, sau khi tăng tác pháp giải yết ma Học gia rồi, các Bí-sô sẽ đến nhà trưởng giả thọ cúng dường không phạm".

Nếu có Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Học gia là chỉ cho người tín kính Tam bảo đã được Kiến đế.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Đối với Học gia mà tài sản đã khánh tận, nếu Bí-sô đến nhà thọ hai loại của năm món ăn Kha-đãn-ni và Bồ-thiện-ni đều phạm và phải thuyết hối như trong giới trên, nếu Tăng đã tác pháp giải yết ma rồi thì thọ không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

Học Xứ Thứ Tư: ***THỌ THỰC NGOÀI TRÚ XỨ A-LAN-NHÃ***

Phật hạ an cư ở trong vườn Đa-căn thọ thành Kiếp-tỷ-la-phạt-tốt-đổ, các Thích tử biết các Bí-sô đã tiền an cư xong, vào ngày mười bốn tháng tám cùng đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, sáng mai Thánh chúng an cư xong, chúng con sẽ đưa thức ăn đến trú xứ cúng dường, cúi xin Phật và Tăng thương xót thọ nhận", Phật im lặng nhận lời, các Thích tử biết Phật nhận lời rồi liền đảnh lễ rối ra về. Sáng hôm sau cho xe chở đầy thức ăn ngon và bảo các thị nữ đi theo để dâng cúng thức ăn, không ngờ đi đến giữa đường gặp giặc cướp. Tuy tướng soái giặc ra lịnh không được cướp đoạt của Thích ca nữ nhưng bọn cướp không nghe theo nên các Thích ca nữ bị cướp đoạt hết y phục, lộ hình xấu hổ phải ẩn mình trong bụi cỏ. Lúc đó lục chúng Bí-sô không biết vì sao thức ăn đưa đến trễ nên nói với nhau: "Chúng ta nên đi khất thực, không nên chờ đợi nữa", đi đến nửa đường thì gặp xe chở thức ăn nhưng không thấy người bèn kêu hỏi có ai không, các thị nữ từ trong bụi cỏ nói vọng ra: "Chúng tôi bị giặc cướp đoạt hết y phục nên không thể ra được, thức ăn trong xe cứ tùy ý lấy ăn". Lục chúng nghe rồi liền nói: "Chúng ta như thân tộc của các người có gì phải xấu hổ, hãy bước ra đây trao thức ăn cho chúng ta", các thị nữ đành phải lộ hình bước ra trao thức ăn, Lục chúng ăn no rồi đi. Sau đó các Thích tử đến thấy các thị nữ bị cướp bèn bao vây bốn phía bắt bọn cướp định trừng trị, các thị nữ nói: "Tướng soái giặc không có tâm cướp đoạt chúng tôi", tướng soái giặc được tha bèn xin các Thích tử tha tội cho bọn cướp vô ý thức, các Thích tử tha tội chết cho bọn cướp rồi liền đưa thức ăn đến cho các Bí-sô. Lúc đó các thị nữ không đưa thức ăn cho Lục chúng, các Thích tử hỏi tại sao, các thị nữ đáp là đã ăn trước rồi, liền đam việc trên kể lại, các Thích tử nghe rồi đều chê trách, sau đó nói với các Bí-sô: "Tại sao nơi đường hiểm có giặc cướp, các Thánh giả không báo cho biết trước để chúng tôi tránh bị cướp?", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Ở nơi đường hiểm nên sai Bí-sô thành tựu năm pháp: không thương, không giận, không sợ, không si và biết rõ đường đi để làm người coi giữ. Trước hết nên hỏi, nếu đáp là có thể thì nên bạch nhị yết ma sai. Bí-sô coi giữ này có hành

pháp như sau: Bí-sô này phải quan sát bốn hướng chung quanh chùa trong phạm vi nửa Du thiện na, nếu thấy có nguy hiểm thì nên un khói hoặc treo phướn, hoặc rải lá cây ngang giữa đường hoặc viết bảng để báo cho biết. Nếu không hành theo đây thì phạm tội Ác-tác. Nếu vị coi giữ này cần thì nên ăn tiểu thực trước, giữa trưa cần thì nên sai một Bí-sô khác đưa cơm đến". Lúc đó các Bí-sô biết Lục chúng ở ngoài chùa nơi chỗ nguy hiểm mà bảo các thị nữ lộ hình ra trao thức ăn cho mình ăn, liền chê trách rồi bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô… cho đến câu: … Chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: "Nếu Bí-sô ở trú xứ có khủng bố nơi A-lan-nhã, trước không có người quan sát việc hiểm nạn mà ở ngoài trú xứ thọ thức ăn để ăn thì sau khi trở về trú xứ nên đến chỗ các Bí-sô nói riêng từng vị rằng: đại đức, tôi đã phạm ác pháp đối thuyết, là việc không nên làm, nay tôi đối trước đại đức thuyết hối. Đây là pháp đối thuyết".

Nếu Bí-sô là chỉ cho Lục chúng. Tướng phạm trong học xứ này là: Bí-sô ở chỗ nguy hiểm, không có người coi giữ khởi tưởng không có người coi giữ và nghi đều phạm bổn tội, nếu có người coi giữ thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

VII. CHÚNG HỌC PHÁP

Phật ở trong rừng Thi lộc thành Bà-la-nê-tư chỗ Tiên nhơn đọa xứ, lúc đó năm Bí-sô tuy đã xuất gia nhưng vẫn còn mặc y phục của thế tục nên oai nghi hiển bày không có đoan nghiêm. Phật thấy rồi liền suy nghĩ: "Quá khứ chư Phật đã dạy các Thinh văn mặc y phục như thế nào", vừa khởi nghĩ như vậy, chư thiên liền hiện ra trước Phật bạch rằng: "Mặc y phục giống như trời Tịnh cư", Phật liền dùng thiên nhãn quán thấy đúng như lời chư thiên nói nên bảo năm Bí-sô: "Từ nay nên giống như trời Tịnh cư mặc Nê-bà-san nghiêm chỉnh".

Sau đó Lục chúng Bí-sô mặc y quá cao không có tề chỉnh, các Bà-la-môn cư sĩ đều chê cười nói: "Các Bí-sô mặc y không tề chỉnh giống như người không biết xấu hổ", các Bí-sô nghe rồi liền bạch Phật, Phật nói: "Không nên mặc y quá cao, cần nên học". Lục chúng sau đó lại mặc y quá thấp, cũng bị chê trách nên Phật dạy: "Không được mặc y quá thấp như nàng dâu mới, cần nên học". Hoặc có Bí-sô mặc y để phía trước rũ dài xuống như vòi voi, lại bị chê trách nên Phật dạy: "Không nên để phía trước rũ dài xuống"; hoặc có Bí-sô mặc y xếp nhỏ lại cũng bị người tục chê trách nên Phật dạy: "Không nên mặc y xếp nhỏ như lá cây Đa la"; hoặc có Bí-sô khi mặc y tụ lại một góc rồi lật qua eo lưng giống như đầu rắn, bị người tục

chê trách nên Phật dạy: "Không nên lật ngược y giống như đầu rắn"; hoặc có Bí-sô nắm chéo y vo tròn lại giống như trái tròn, bị người tục chê trách nên Phật dạy: "Không nên mặc y vo tròn lại như trái tròn". Cho nên Phật chế học xứ:

- Mặc quần áo tề chỉnh, cần nên học.
- Không mặc y cao quá, cần nên học.
- Không mặc y thấp quá, cần nên học.
- Không mặc y như vòi voi, cần nên học.
- Không mặc y như đầu rắn, cần nên học.
- Không mặc y như lá cây Đa la, cần nên học.
- Không mặc y vo tròn như trái tròn, cần nên học.
- Mặc ba y ngay ngắn, cần nên học.

Phật ở rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng che đầu vào nhà bạch y, bị người tục chê trách nên Phật dạy: "Không nên che đầu vào nhà bạch y"; sau đó lục chúng lại lật ngược một bên y vào nhà thế tục, bị chê trách nên Phật dạy: "Không nên lật ngược y vào nhà bạch y"; lục chúng lại lật ngược hai bên y vào nhà bạch y, bị chê trách nên Phật dạy: "Không nên lật ngược hai bên y"; lục chúng sau đó chống nạnh vào nhà bạch y, bị chê trách, Phật dạy: "Không nên chống nạnh vào nhà bạch y"; Lục chúng đi choàng vai vào nhà bạch y, bị chê trách nên Phật dạy: "Không được đi choàng vai vào nhà bạch y". Cho nên Phật chế học xứ:

- Không nên che đầu vào nhà bạch y, cần nên học.
- Không nên lật ngược một bên y vào nhà bạch y, cần nên học.
- Không nên lật ngược hai bên y vào nhà bạch y, cần nên học.
- Không nên chống nạnh vào nhà bạch y, cần nên học.
- Không nên choàng vai đi vào nhà bạch y, cần nên học.

Phật ở rừng Thệ-đa, lúc đó Lục chúng đi nhảy xổm vào nhà bạch y, bị người tục chê trách nên Phật dạy: "Không nên đi nhảy xổm vào nhà bạch y"; hoặc có Bí-sô vừa đi vừa nhảy vào nhà bạch y, bị chê trách, Phật dạy: "Không được vừa đi vừa nhảy"; hoặc có Bí-sô đi chân nghiêng ngửa vào nhà bạch y, bị chê trách, Phật dạy: "Không nên đi chân nghiêng ngửa vào nhà bạch y"; hoặc có Bí-sô đi khom người vào nhà bạch y, bị chê trách, Phật dạy:

- Không được đi khom người vào nhà bạch y. Cho nên Phật chế học xứ:

- Không được đi nhảy xổm vào nhà bạch y, cần nên học.

- Không được vừa đi vừa nhảy vào nhà bạch y, cần nên học.

- Không được đi chân ngửa nghiêng vào nhà bạch y, cần nên học.

- Không được đi khom người vào nhà bạch y, cần nên học.

Phật ở rừng Thệ-đa, lúc đó Lục chúng đi lắc mình vào nhà bạch y, bị chê trách, Phật dạy: "Không được đi lắc mình vào nhà bạch y"; hoặc có Bí-sô đi đánh đưa cánh tay vào nhà bạch y, bị chê trách, Phật dạy: "không được đi đánh đưa cánh tay vào nhà bạch y"; hoặc có Bí-sô lúc lắc đầu đi vào nhà bạch y, bị chê trách, Phật dạy: "Không được lúc lắc đầu đi vào nhà bạch y"; hoặc có các Bí-sô kề sát vai nhau đi vào nha bạch y, bị chê trách, Phật dạy: "Không được đi kề sát vai nhau vào nhà bạch y"; hoặc có các Bí-sô nắm tay nhau đi vào nhà bạch y, bị chê trách, Phật dạy: "Không được đi nắm tay vào nhà bạch y". Cho nên Phật chế học xứ:

- Không được đi lắc mình vào nhà bạch y, cần nên học.

- Không được đi đánh đưa cánh tay vào nhà bạch y, cần nên học.

- Không được lúc lắc đầu đi vào nhà bạch y, cần nên học.

- Không được đi kề sát vai nhau vào nhà bạch y, cần nên học.

- Không được nắm tay nhau đi vào nhà bạch y, cần nên học.

Phật ở rừng Thệ-đa, lúc đó Lục chúng vào nhà bạch y, chủ nhà chưa mời ngồi liền tự ý ngồi, bị người tục chê trách, Phật chế học xứ:

- Ở trong nhà bạch y chưa được mời ngồi, không nên vội ngồi, cần nên học.

Phật ở rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng vào nhà bạch y không khéo quán sát vội ngồi, bị chê trách, Phật liền chế học xứ:

- Ở trong nhà bạch y không khéo quán sát, không nên vội ngồi, cần nên học.

Lúc đó Thế tôn qua mười hai năm sau mới đến thành Kiếp-tỷ-la-phạt-tốt-đổ, ngày thứ nhất thọ thực ở vương cung, ngày thứ hai thọ cúng dường trong cung của Phật trước kia. Khi Phật và chúng tăng thọ thực, phu nhơn Cù-ty tự tay dâng cúng thức ăn, thấy cụ thọ Ô-đà-di không khéo nhiếp thân, phu nhơn không vừa ý; thời gian sau Ô-đà-di một mình đến trong cung, phu nhơn mời ngồi nơi ghế hư mục, Ô-đà-di vừa buông mình ngồi xuống, chiếc ghế liền gãy nên té ngã xuống đất, nhơn đó bị chê trách, Phật chế học xứ:

- Nếu Bí-sô ở nhà thế tục khi ngồi phải xem xét trước, không nên vội buông thân ngồi xuống, cần nên học.

Hoặc có Bí-sô ở trong nhà thế tục ngồi tréo chân hay ngồi chồng gót

chân cả trong lẫn ngoài, hoặc ngồi co chân lại, hoặc ngồi duỗi chân ra, hoặc lộ thân ngồi khiến thế tục chê trách, Phật nói không được như vậy và chế học xứ:

- Ở trong nhà bạch y không được ngồi tréo chân, cần nên học.

- Ở trong nhà bạch y không được ngồi chồng gót chân, cần nên học.

- Ở trong nhà bạch y không được ngồi co chân lại, cần nên học.

- Ở trong nhà bạch y không được ngồi duỗi chân ra, cần nên học.

- Ở trong nhà bạch y không được ngồi lộ thân, cần nên học.

Phật ở núi Giang trư, lúc đó có một thí chủ thỉnh Phật và tăng về nhà thọ thực, người dọn đưa thức ăn không khéo dụng tâm lỡ tay làm rớt một vật tròn, Bí-sô không cung kính hộ bát nên bị bể nên Phật chế học xứ:

- Phải cung kính thọ thực, cần nên học.

Phật ở núi Giang trư, lúc đó Lục chúng vào nhà của trưởng giả Bồ đề khất thực, trưởng giả sớt thức ăn đầy bát, Lục chúng thọ cơm đầy rồi lại thọ canh, bát đầy tràn chảy ra ngoài dơ đất nên bị chê trách, nhân đây Phật chế học xứ:

- Không được thọ cơm đầy bát lại thọ thêm canh rau khiến bát đầy tràn chảy ra ngoài. Nên thọ thức ăn cách dưới miệng bát khoảng một ngón tay, dụng ý thọ thực, cần nên học.

Hoặc có Bí-sô thức ăn chưa đưa đến liền đưa bát ra trước đợi, như người đói cầu xin nên bị chê trách. Phật nhân đây chế học xứ:

- Người dọn đưa thức ăn chưa đưa đến chớ đưa bát ra trước đợi, cần nên học.

Hoặc có Bí-sô khi ăn hiện tướng kiêu mạn, hoặc khi ăn vắt miếng cơm quá lớn hay quá nhỏ bị chê trách nên Phật chế học xứ:

- Nên cung kính khi ăn, cần nên học.

- Không nên ăn với vắt cơm quá lớn hay quá nhỏ, nghiêm chỉnh khi ăn, cần nên học.

Phật ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có thí chủ thỉnh Phật và Tăng về nhà thọ thực, Bí-sô Ô-ba-nan-đà và Bí-sô Ma-ha-la ngồi gần nhau, Ô-ba-nan-đà thấy Ma-ha-la há miệng to mà lại ngước nhìn lên nên lấy viên đất ném vào trong miệng và nói ăn cái này. Nhân việc này Phật chế học xứ:

- Nếu thức ăn chưa đưa đến miệng thì không nên há miệng trước, cần nên học.

Phật ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có thí chủ thỉnh Phật và Tăng về nhà thọ thực, Lục chúng ngậm thức ăn nói chuyện bị người tục chê trách;

lại có trường hợp ở nhà thí chủ thọ canh rau rồi sợ ăn không đủ nên lấy cơm phủ canh mong được thêm nữa nên bị người tục chê trách. Phật nhân việc này chế học xứ:

- Không được ngậm cơm nói chuyện, cần nên học.

- Không được lấy cơm phủ lên canh rau để mong được thêm nữa, cần nên học.

Lúc đó có thí chủ thỉnh Bí-sô thọ thực, thức ăn quá ngọt thì Lục chúng chắc lưỡi nói là quá chua; hoặc thức ăn quá chua lại xuýt xoa nói là quá ngọt; hoặc thức ăn quá nóng lại hà hơi nói là quá lạnh; hoặc thức ăn quá nguội lại thổi phù phù nói là quá nóng… nói đảo ngược như vậy là cố ý làm phiền lòng thí chủ nên Phật chế học xứ:

- Không được chắc lưỡi khi ăn, cần nên học.

- Không được xuýt xoa khi ăn, cần nên học.

- Không được hà hơi khi ăn, cần nên học.

- Không được thổi phù phù khi ăn, cần nên học.

Lúc đó Lục chúng thọ thỉnh thực, dùng tay bươi cơm và thức ăn ra; hoặc chê thức ăn dở; hoặc dồn thức ăn ở hai bên má rồi nhai từ từ; hoặc ăn phân nửa chừa lại phân nửa; hoặc le lưỡi liếm môi miệng khi ăn… đều bị người tục chê trách nên Phật chế học xứ:

- Không được dùng tay bươi thức ăn, cần nên học.

- Không được chê bai thức ăn, cần nên học.

- Không được dồn thức ăn ở hai bên má, cần nên học.

- Không được ăn phân nửa chừa lại phân nửa, cần nên học.

- Không được le lưỡi liếm môi miệng khi ăn, cần nên học.

Phật ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có thí chủ trước kia quy y với ngoại đạo lộ hình, sau sanh tâm tín kính Tam bảo nên thỉnh Phật và Tăng về nhà thọ thực, thí chủ dọn đưa các món ăn như bánh bột, rau cải…, Lục chúng chê thức ăn nên lấy bánh bột nặn thành tượng Tốt đổ ba rồi lấy rau cải phủ lên, nói với nhau: "Đây là tháp của ngoại đạo lộ hình Bổ-thích-noa", nói rồi lấy tượng tháp này ăn khiến rau cải phủ ở trên rớt xuống, liền nói với nhau: "Tháp của ngoại đạo lộ hình sụp đổ", thí chủ thấy hành động này rồi không còn quy kính Tam bảo nữa nên Phật chế học xứ:

- Khi ăn không được nặn hình Tốt-đổ-ba để ăn, cần nên học.

Lúc đó Lục chúng thọ người khác thỉnh thực, thức ăn ngon dính nơi tay liền le lưỡi liếm; hoặc rảy tay dơ; hoặc rảy bát dơ khiến nước thức ăn trong bát văng dính dơ y phục của người khác, những trường hợp như vậy

Phật đều dạy không nên làm, cần nên học. Sau đó có thí chủ thỉnh thực khi dọn đưa thức ăn nói rằng: "Còn nhiều thức ăn ngon, không nên thọ nhiều bánh bột", Lục chúng không tin nên thọ nhiều bánh bột, sau thấy thức ăn ngon đưa đến muốn bỏ bánh bột đã thọ, thấy một Bí-sô Ma-ha-la ngồi gần đang nhìn quanh bốn phía bèn bỏ bánh bột vào đầy bát của Ma-ha-la, khiến vị này không thể thọ được thức ăn ngon đưa đến. Phật nhân việc này chế học xứ:

- Thường xem nơi bát khi ăn, cần nên học.

Lúc đó Lục chúng Bí-sô nhìn sang bát của Bí-sô ngồi gần thấy thức ăn đầy bát liền khởi tâm khinh mạn phê bình là ăn nhiều. Phật nhân việc này chế học xứ:

- Không nên khởi tâm khinh mạn nhìn vào bát của người ngồi gần, cần nên học.

Lúc đó lục chúng dùng tay không sạch cầm bình nước sạch khiến ruồi tranh nhau bu đến, bị thí chủ chê trách nên Phật chế:

- Không được dùng tay dơ cầm bình sạch, cần nên học. Lúc đó Lục chúng thọ thực trong nhà của trưởng giả Bồ đề ở núi Giang trư, ăn xong đem nước rửa bát đổ trên đất sạch, bị thí chủ chê trách nên Phật chế học xứ:

- Không được đổ nước rửa bát ở trong nhà bạch y, trừ trường hợp đã hỏi người chủ, cần nên học.

Phật ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hài nhi của một Bà-la-môn bị bịnh, người bạn thân là một Ô-ba-sách-ca bảo Bà-la-môn đến trong rừng Thệ-đa xin nước rửa bát của Bí-sô về tắm cho bé sẽ được khỏi bịnh. Bà-la-môn này nghe theo lời đến trong rừng Thệ-đa gặp Ô-ba-nan-đà liền xin nước rửa bát, Ô-ba-nan-đà lấy nước cơm thức ăn dư trong bát đưa, Bà-la-môn thấy nước dơ khởi tâm nhờm gớm nói rằng: "Con ta thà chết chứ không dùng nước do bẩn này cho nó tắm". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật dạy: "Không nên đem nước rửa bát dơ đưa cho người, nếu có người đến xin thì nên rửa bát sạch rồi đổ nước thanh tịnh vào, tụng ba biến kệ chú A-lợi-sa rồi trao cho họ. Nước này uống hay rửa đều có thể trừ vạn bịnh". (A-lợi-sa là kệ tụng do Phật nói ra trong Thánh giáo, khi đọc tụng có oai lực lớn, các kinh luật khác gọi là Già-tha. Khi ở trong sông ao, khi tắm rửa, uống nước… cho đến lau quét tháp miếu nếu thường tụng kệ chú Già-tha thì được phước. Vì gần đây pháp chúng ít thực hành nên ở đây chú thích là trong Thánh giáo có Già-tha, như có bài tụng như sau:

"Ngũ dục lạc thế gian, Hoặc là chư thiên lạc, So với Ai tận lạc,

Ngàn phần không bằng một . Do Tập hay sanh Khổ,

Nhơn Khổ lại sanh Tập, Tám Thánh đạo vượt qua, Đến cõi diệu Niết-bàn.

Người đã làm bố thí, Ắt sẽ được nghĩa lợi, Nếu vì vui nên thí, Sau sẽ được an lạc".

Phật chế học xứ:

- Không được dùng thức ăn dư để vào nước trong bát, cần nên học.

Lúc đó Bí-sô để bát trên đất, không có lót ở dưới, bị chê trách là làm cho bát mau bể; lại có Bí-sô đứng rửa bát lở tay làm rớt bể; lại có Bí-sô để bát trên sườn dốc nguy hiểm, Phật bảo không nên; lại có Bí-sô ngược dòng nước sông chảy mạnh hứng nước làm bát bị bể nên Phật chế học xứ:

- Không được để bát ở trên đất mà không có vật lót ở dưới, cần nên học.

- Không được đứng rửa bát, cần nên học.

- Không được để bát ở nơi sườn dốc nguy hiểm, cần nên học.

- Không được ngược dòng nước chảy mạnh hứng nước, cần nên học.

Lúc đó Lục chúng đứng nói pháp cho người ngồi nghe, các Bà-la-môn cu sĩ tịnh tín chê trách: "Thế tôn trong vô lượng kiếp siêng tu khổ hạnh, bố thí đầu mắt… để cầu pháp này, tại sao các vị lại vì người tâm kiêu mạn ngồi mà nói đứng nói pháp", Phật bảo không nên; lại có người bịnh không thể đứng lâu nghe pháp, Phật nói: "nếu là người bịnh thì trong các trường hợp như nằm, ngồi, chỗ cao, chỗ thấp, ở dường chánh, đường phụ cho đến đi xe, mang giày dép, trùm đầu, đội mão, đeo anh lạc, cầm dù, cầm đao, trượng, mặc giáp trụ… vì họ nói pháp đều không phạm", Phật chế học xứ như sau:

- Người ngồi mình đứng không nên vì nói pháp, trừ bịnh, cần nên học.

- Người nằm mình ngồi không được vì nói pháp, trừ bịnh, cần nên học.

- Người ngồi chỗ cao mình ngồi chỗ thấp không nên vì nói pháp, trừ bịnh, cần nên học.

- Người đi trước mình đi sau, không nên vì nói pháp, trừ bịnh, cần nên học.

- Người đi đường chánh mình đi đường phụ, không nên vì nói pháp, trừ bịnh, cần nên học.

- Không được nói pháp cho người trùm đầu, người lật ngược y một

bên, người lật ngược y hai bên, người chống nạnh, người choàng vai, trừ bịnh, cần nên học.

- Không được nói pháp cho người cỡi voi, người cỡi ngựa, người đi kiệu, người đi xe, trừ bịnh, cần nên học.

- Không được nói pháp cho người mang guốc, mang giày dép, mang ủng, trừ bịnh, cần nên học.

- Không được nói pháp cho người đội mão, người trùm khăn, người búi tóc, người quấn đầu, người đeo tràng hoa, trừ bịnh, cần nên học.

- Không được nói pháp cho người cầm dù, trừ bịnh, cần nên học.

Phật ở thành Kiếp-tỷ-la-phạt-tốt-đổ lúc đó Ô-ba-nan-đà đứng tiểu tiện bị người tục chê trách, Phật nói không nên và chế:

- Không được đứng tiểu tiện, trừ bịnh, cần nên học.

Sau đó Ô-ba-nan-đà thấy cỏ xanh tươi nên đến xin nhưng người chủ không cho, Ô-ba-nan-đà bèn uống thuốc xổ, xổ đầy trong bô rồi ban đêm lén đem rải trên cỏ xanh đó, sáng hôm sau đến nhà người đó thấy họ ưu sầu bèn hỏi nguyên do, người chủ kể lại, Ô-ba-nan-đà liền nói: "Đó là tôi trị ông đã không cho tôi cỏ", người chủ nghe rồi liền trách mắng, Phật nói không nên và chế học xứ:

- Không được đổ đồ đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi, trừ bịnh, cần nên học.

Sau đó Ô-ba-nan-đà đem y cũ của mình nhờ người giặt nhưng bị người kia từ chối, bèn nổi giận phóng bất tịnh vào trong nước giặt y. Người kia không biết nhúng tay vào nước dơ tay nên trách mắng, Phật nói không nên và chế học xứ:

- Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trong nước, trừ bịnh, cần nên học.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó có thí chủ thỉnh Phật và tăng về nhà thọ thực, người giữ chùa ở lại trong chùa coi giữ, Ô-ba-nan-đà thọ thỉnh thực xong cố tình không mang thức ăn về chùa ngay cho người coi giữ chùa ăn nên đi từng bước một , người giữ chùa lấy làm lạ về sự chậm trễ này sợ giờ ngọ trôi qua nên leo lên cây cao ngóng nhìn, bị người tục chê trách, Phật nói không nên; lại có Bí-sô bị dây nhiễm ràng buộc hoặc gặp nạn hổ lang… đều không dám leo lên cây tránh nên bị hại. Phật chế học xứ:

- Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ gặp nạn duyên, cần nên học.

VIII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH

Nhiếp Tụng:

Hiện tiền và ức niệm,
Bất si và cầu tội,
Đa nhơn ngữ, tự ngôn,
Cỏ phủ trừ các tránh.

Phật bảo các Bí-sô: "Có bảy pháp diệt tránh cần nên học:

- Đáng cho Hiện tiền Tỳ-nại-da thì nên cho Hiện tiền Tỳ-nại-da.
- Đáng cho Ức niệm Tỳ-nại-da thì nên cho ức niệm Tỳ-nại-da.
- Đáng cho Bất si Tỳ-nại-da thì nên cho bất si Tỳ-nại-da.
- Đáng cho Cầu tội tự tánh Tỳ-nại-da thì nên cho Cầu tội tự tánh Tỳ-nại-da.
- Đáng cho Đa nhơn ngữ Tỳ-nại-da thì nên cho Đa nhơn ngữ Tỳ-nại-da.
- Đáng cho Tự ngôn Tỳ-nại-da thì nên cho Tự ngôn Tỳ-nại-da.
- Đáng cho cỏ phủ Tỳ-nại-da thì nên cho Cỏ phủ Tỳ-nại-da.

Nếu có việc tranh cải khởi lên nên dùng bảy pháp này thuận theo lời Phật dạy như pháp như luật dứt diệt".

"Trong cần, nhẫn là trên,
Hay được quả Niết-bàn,
Xuất gia xúc não người,
Không gọi là Sa môn"

Đây là Giới kinh do đức Như lai Chánh đẳng giác Tỳ-bà-thi nói ra.

"Mắt sáng tránh đường hiểm,
Đến được chỗ an ổn,
Người trí trong Sanh giới,
Xa lìa được các ác".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Thi-khí nói ra.

"Không báng cũng không hại,
Khéo hộ trì giới kinh,
Ăn uống biết vừa đủ,
Thọ dụng ngọa cụ xấu,
Siêng tu Định tăng thượng,
Là lời chư Phật dạy".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Tỳ-xá-phù nói ra.

"Ví như ong hút mật,
Không hoại sắc và hương,
Chỉ hút lấy hương vị,
Như Bí-sô vào thôn".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Câu-lưu-tôn nói ra.

"Không chống trái việc người,
Không xem làm, không làm,
Chỉ xem lại hạnh mình,
Là chánh hay không chánh".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Yết-nặc-ca nói ra.

"Chớ đắm nơi tâm định,
Siêng tu chỗ vắng lặng,
Người nên cứu không lo,
Thường khiến niệm không mất.
Nếu người hay huệ thí,
Phước thêm, oán tự dứt,
Hành thiện trừ các ác,
Dứt hoặc đến Niết-bàn".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Ca-diếp-ba nói ra.

"Tất cả ác chớ làm,
Tất cả thiện nên tu,
Điều phục khắp tự tâm,
Là lời chư Phật dạy.
Lành thay, hộ thân nghiệp,
Lành thay, hộ ngữ nghiệp,
Lành thay, hộ ý nghiệp,
Hộ ba nghiệp tối thiện,
Bí-sô hộ tất cả,
Giải thoát mọi khổ đau.
Khéo hộ nơi miệng nói,
Cũng khéo hộ nơi ý,
Thân không làm các ác,
Ba nghiệp thường thanh tịnh,
Đây là tùy thuận theo,
Đạo Đại tiên đã hành".

Đây là Giới kinh do đức Như lai Đẳng chánh giác Thích-ca nói ra.

"Tỳ bà thi, Thức khí,
Tỳ xá, Câu lưu tôn,
Yết nặc ca mâu ni,
Ca diếp, Thích ca tôn,
Đều là Trời trong trời,
Vô thượng điều ngự sư,
Bảy Phật đều hùng mãnh,
Hay cứu hộ thế gian,
Đầy đủ đại danh xưng,
Đều nói Giới kinh này.
Chư Phật và đệ tử,
Đều cùng tôn kính giới,
Do cung kính Giới kinh,
Chứng được quả vô thượng.
Người nên cầu xuất ly,
Siêng tu lời Phật dạy,
Hàng phục quân sanh tử,
Như voi xô nhà cỏ,
Ở trong pháp luật này,
Nên tu không phóng dật,
Khô được biển phiền não,
Dứt hết bờ mé khổ.
Như Giới kinh này nói,
Hòa hợp làm Trưởng tịnh,
Phải cùng tôn kính giới,
Như trâu mao tiếc đuôi.
Tôi nói Giới kinh rồi,
Chúng tăng trưởng tịnh xong,
Phước lợi các hữu tình,
Đều cùng thành Phật đạo".

-oOo-